Digitized by Google

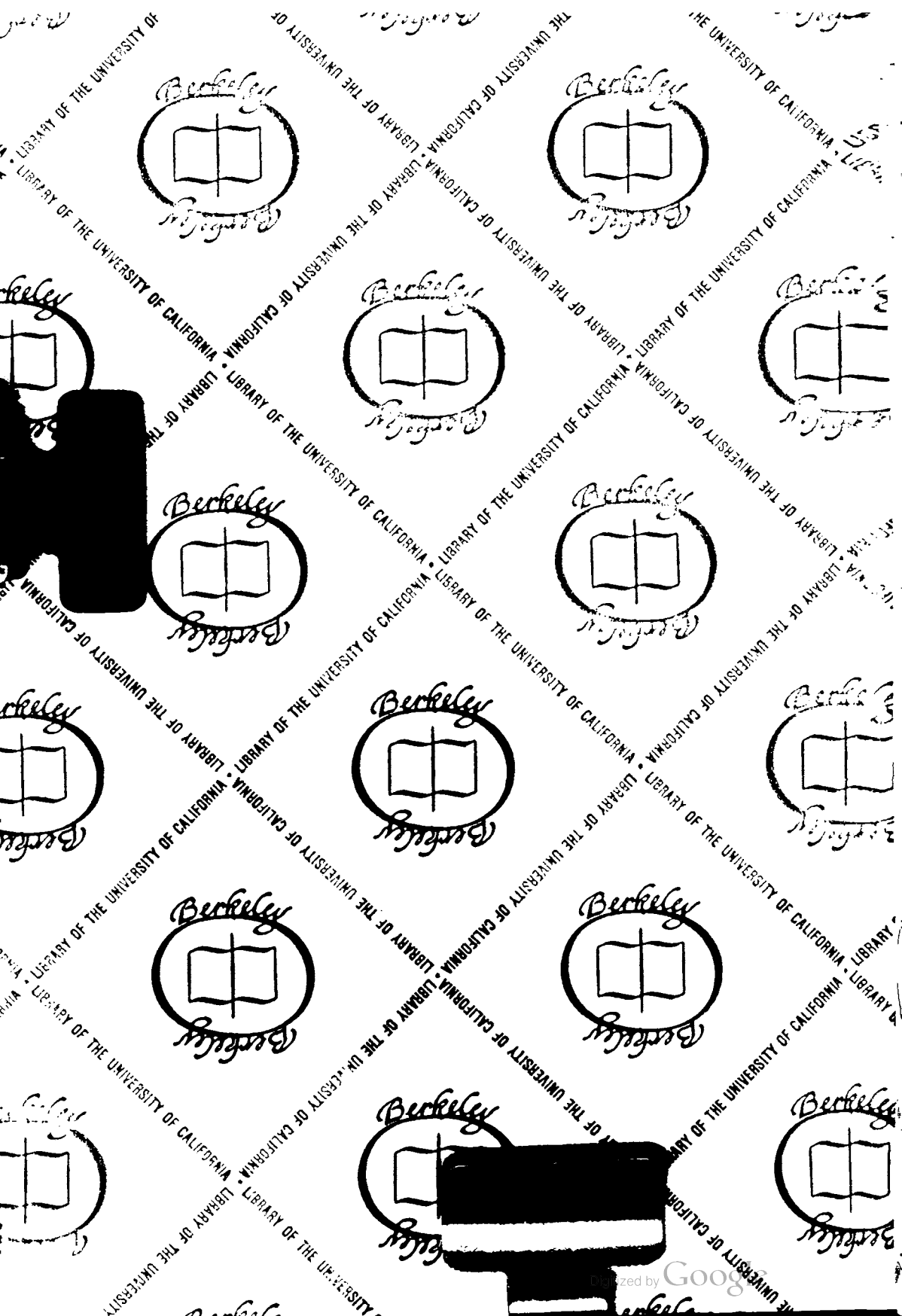

Digitized by Google

Berkeley
LIBRARY OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA
Digitized by Google

Digitized by Google

1984 1-6

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

LIBRARY
JUL 2 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

1

1.1984

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

LÀM CHỦ TẬP THỂ — MỘT ĐỘNG LỰC TO LỚN ĐỂ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Ba năm qua, phấn đấu theo phương hướng mà Đại hội V của Đảng đã đề ra, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế nước ta từ tình trạng sút kém nghiêm trọng trong những năm 1979 — 1980 đang chuyển biến theo hướng đi lên, ổn định dần từng mặt, tạo tiền đề cho những bước phát triển mới. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và thu nhập quốc dân mỗi năm một tăng. Nông nghiệp có bước tiến đáng phấn khởi. Ba năm qua sản lượng lương thực bình quân hằng năm tăng 1 triệu tấn, nhờ vậy, đến nay nước ta không còn phải nhập khẩu lương thực. Công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã cố gắng khắc phục những khó khăn về năng lượng và vật tư, khai thác những khả năng sẵn có, đưa giá trị sản lượng năm 1983 tăng đáng kể so với năm 1980. Riêng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã vượt năm cao nhất trước đây. Giao thông vận tải cũng có những tiến bộ. Xây dựng cơ bản đã tập trung hơn cho các công trình trọng điểm phục vụ các mục tiêu chủ yếu của công nghiệp và nông nghiệp. Một số công trình then chốt về điện, cơ khí, xi măng, giấy, sợi, giao thông, thủy lợi,... đã và sẽ hoàn thành, tạo ra năng lực sản xuất mới có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ gần đây được đẩy mạnh. Quản lý thị trường bước đầu được chấn chỉnh. Công tác thu mua lương thực có tiến bộ rõ rệt. Xuất khẩu bắt đầu có chuyển biến; kim ngạch xuất khẩu mỗi năm đều có tăng.

Đạt được những thành tựu trên đây trước hết là do đường lối đúng đắn của Đảng được nhận thức ngày càng sâu hơn và vận dụng ngày càng sát hơn vào điều kiện cụ thể của từng ngành, từng địa phương và cơ sở; do những đổi mới trong chính sách kinh tế, trong công tác quản lý kinh tế bước đầu khắc phục lối quản lý quan liêu bao cấp, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, quan tâm đến sản phẩm làm ra, tạo điều kiện tốt cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, làm cho các cấp quản lý tăng cường trách nhiệm và quyền chủ động sáng tạo; do sự phấn đấu với ý thức làm chủ tập thể và tinh thần tự

Digitized by Google

lực tự cường của cả nước, của các địa phương và cơ sở cùng với các ngành ở trung ương, các tổ chức kinh tế cũng như khoa học kỹ thuật, để khắc phục khó khăn, khai thác thế mạnh và khả năng tiềm tàng của nền kinh tế. Đạt được những thành tựu trên đây còn do quan hệ hợp tác và sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Trong hoàn cảnh khó khăn về nhiều mặt, lại bị bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ bao vây và phá hoại, mà nhân dân ta đạt được những thành tựu như vậy, thì đó là thắng lợi to lớn hết sức có ý nghĩa.

Tuy vậy những tiến bộ của chúng ta trong sản xuất chưa đều, chưa mạnh và chưa vững chắc. Sản lượng có tăng, song năng suất, chất lượng và hiệu quả còn kém. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường và củng cố; cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành chậm, trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa có mặt bị suy yếu, đặc biệt là khu vực quốc doanh phát triển chậm, không xứng với vai trò chủ đạo của nó trong toàn bộ nền kinh tế. Phân phối còn nhiều rối ren. Nền kinh tế còn đứng trước những khó khăn và mất cân đối lớn. Đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang còn nhiều khó khăn. Dân số tiếp tục tăng quá nhanh.

Những khó khăn trên đây có nguyên nhân khách quan trong nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu, năng lượng, vật tư thiếu thốn nghiêm trọng, kẻ địch phá hoại ta trên nhiều mặt, đặc biệt là trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Mặt khác còn có nguyên nhân chủ quan là không nắm vững đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, là những khuyết điểm về công tác tư tưởng và tổ chức, những khuyết điểm trong việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, trong sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Sửa chữa những khuyết điểm chủ quan, ra sức khắc phục những khó khăn khách quan, nhất định chúng ta sẽ đưa nền kinh tế nước ta tiến lên bước phát triển mới

★

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong ba năm qua, nhân dân ta bước vào năm mới lòng tràn đầy phấn khởi và quyết tâm thực hiện bằng được nhiệm vụ kế hoạch kinh tế – xã hội năm 1984 mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã đề ra.

Năm 1984 cũng như năm tiếp theo (năm 1985) có vị trí hết sức quan trọng. Trong hai năm này nhân dân ta phải hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của thời kỳ 1981 – 1985, bảo đảm « cơ bản ổn định tình hình kinh tế và xã hội », đồng thời chuẩn bị thật tốt cho kế hoạch 1986 – 1990.

Kế hoạch năm 1984 và năm 1985 gắn liền với việc thực hiện phương hướng phát triển kinh tế – xã hội đến năm 1990 đã được nêu lên trong văn kiện của Đại hội lần thứ V của Đảng. Theo phương hướng này, chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, coi đó là mặt trận hàng đầu, khai thác đến mức cao nhất tiềm năng lao động và đất đai nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển thật mạnh cây công nghiệp, tạo thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn xuất khẩu. Ra sức phát triển công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp

Digitized by Google

sản xuất hàng tiêu dùng. Phát huy những cơ sở đã có và xây dựng mới những cơ sở cần thiết về công nghiệp nặng: năng lượng, cơ khí, gang thép, điện lực, hóa chất, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải,... nhằm phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, từng bước hình thành cơ cấu công nông nghiệp hợp lý. Tranh thủ mọi điều kiện để sớm khởi công xây dựng một số công trình công nghiệp nặng có ý nghĩa then chốt của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Phát triển mạnh khoa học và kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế,... phục vụ tốt công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế — xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Thực hiện cho được mục tiêu ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Nhằm thực hiện một bước phương hướng phát triển kinh tế xã hội đến năm 1990 đã nêu trên đây, kế hoạch năm 1984 và năm 1985 phải giải quyết cho được các vấn đề then chốt và cấp bách sau đây:

- *Ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.*
- *Chuyển mạnh về phát triển công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải.*
- *Tạo ra bước chuyển biến cơ bản trên lĩnh vực phân phối, lưu thông.*
- *Tăng nhanh xuất khẩu.*
- *Đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật.*
- *Phát triển giáo dục, văn hóa, thông tin, y tế.*
- *Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa.*
- *Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước.*

Biện pháp quan trọng để tăng nhanh sản phẩm xã hội là sử dụng tốt lao động và đất đai bằng mở rộng ngành nghề, phân công lao động lại chỗ, phân bố lại lao động giữa các vùng, phấn đấu đến mức cao nhất bảo đảm việc làm cho lao động xã hội, trước hết cho thanh niên, thực hiện cho được chỉ tiêu về phân bố lao động mà Đại hội V đã đề ra. Phải lấy huyện làm địa bàn cơ bản để bố trí và sử dụng tốt lao động, đất đai, mở mang ngành nghề.

Ưu tiên bảo đảm các điều kiện để tăng sản xuất năng lượng (điện, than). Tiết kiệm tiêu dùng và sử dụng hợp lý năng lượng. Đẩy mạnh sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, phát triển sản xuất cơ khí phục vụ nông nghiệp cũng như cơ khí tiêu dùng. Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng. Ra sức tiết kiệm, giảm chi phí vật chất cho một đơn vị sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Tập trung xây dựng những công trình trọng điểm, tăng nhanh tiến độ, rút ngắn thời gian hoàn thành công trình, sớm đưa vào sử dụng.

Nhà nước phải nắm được hàng và tiền, làm chủ thị trường và giá cả, thống nhất quản lý phân phối và lưu thông các sản phẩm hàng hóa chủ yếu. Kế hoạch hóa việc phân phối quỹ hàng hóa, tổ chức sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp một cách có kế hoạch, chủ yếu thông qua hợp đồng hai chiều, phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho sản xuất và đời sống. Tăng nhanh mọi nguồn thu. Từng bước lập lại trật tự mới trên lĩnh vực giá cả. Bảo đảm mức thu nhập thực tế của những người ăn lương. Triển khai mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, phấn đấu giảm mức tăng dân số xuống 1,7% vào năm 1985.

Digitized by Google

Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các chủ trương chính sách chế độ nhằm khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất. Đổi mới công tác kế hoạch hóa cả về nội dung và phương pháp bảo đảm để các cấp thật sự làm chủ về kế hoạch, sử dụng tốt bốn nguồn khả năng để xây dựng kế hoạch từ cơ sở, gắn kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy quản lý và cán bộ, trước hết ở những ngành, địa phương và cơ sở then chốt; cắt bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, giảm nhẹ biên chế hành chính ở tất cả các cấp, các ngành; thay đổi những cán bộ không chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, không gương mẫu, không đủ khả năng đảm đương trách nhiệm được giao.

★

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1984 cần phải phát huy sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Nhân dân lao động là người chủ thật sự của chế độ ta, là người trực tiếp làm chủ các quá trình kinh tế xã hội. Có thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, có khơi dậy được tính năng động và sức sáng tạo của hàng chục triệu người lao động thì mới có thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế xã hội mà Đảng đã đề ra. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Làm chủ tập thể là mục đích của chủ nghĩa xã hội đồng thời là một động lực rất to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, trong xây dựng, cải tạo và quản lý kinh tế, văn hóa, kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, phải quán triệt quan điểm làm chủ tập thể ». Đồng chí Tổng bí thư còn nói chìa khóa để thực hiện chiến lược kinh tế mà Đảng đã vạch ra là làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp — sức mạnh của cả nước, sức mạnh của tất cả các ngành, các cấp, sức mạnh của ba cấp cùng nhau làm chủ: trung ương, địa phương và cơ sở. Cả nước ta là một tổng thể; mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị là một bộ phận của tổng thể đó. Nền kinh tế quốc dân là một thể thống nhất, kinh tế địa phương là một bộ phận hữu cơ của thể thống nhất đó. Quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa phải theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đó là một tất yếu khách quan. Nhà nước trung ương đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân cả nước, quản lý toàn bộ đời sống kinh tế xã hội của cả nước.

Ngày trước đất nước Việt-nam ta bị giặc nước ngoài chiếm đóng, người Việt-nam ta là dân mất nước, phải làm nô lệ cho bọn giặc nước ngoài. Ngày nay bọn giặc nước ngoài đã bị quét sạch khỏi nước ta, dân ta đã giành được quyền làm chủ đất nước của mình. Người Việt-nam là người chủ tập thể đất nước Việt-nam. Mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi ngành, đều làm chủ trong cả nước, đều có trách nhiệm đối với cả nước. Phải đứng trên tầm nhìn của cả nước để thấy rõ những vấn đề đang đặt ra trước mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị và mỗi người, để động viên mọi người, mọi đơn vị, mọi địa phương, mọi ngành cùng nhau góp sức giải quyết. Mỗi thành tích, thắng lợi của mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi ngành góp phần tạo nên thành tích, thắng lợi chung của cả nước. Ngược lại, mỗi sai lầm, thất bại của mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi ngành góp phần gây tác động tiêu cực đến cả nước. « Vì cả nước, cùng cả nước », mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi địa phương, mỗi ngành

Digitized by Google

ra sức phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta chủ trương xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Làm chủ tập thể được thực hiện ở ba cấp cơ bản: làm chủ cả nước, làm chủ trong từng địa phương, làm chủ ở từng cơ sở. Nói làm chủ ở ba cấp cơ bản không có nghĩa là cấp nào làm chủ cấp ấy, trái lại cả ba cấp cùng làm chủ trên cả nước và từng địa bàn, từng địa phương và cơ sở. Nhân dân ta có quyền và có nghĩa vụ làm chủ ở cả ba cấp, trong đó làm chủ cả nước là quan trọng hơn cả. Làm chủ ở cơ sở, ở địa phương không có nghĩa là chỉ lo cho đơn vị, địa phương mình mà còn phải lo cho cả nước, để làm chủ cả nước được tốt hơn. Làm chủ cả nước có tốt thì làm chủ ở địa phương và cơ sở mới tốt được.

Muốn làm chủ tốt trong cả nước, trong từng địa phương, từng cơ sở cần phải phê phán nghiêm khắc và kiên quyết khắc phục tệ tập trung quan liêu, bảo thủ, trì trệ, xa thực tế, xa quần chúng, không tin ở năng lực sáng tạo của quần chúng, chậm tiếp thu cái mới, không kịp thời phục vụ sản xuất và đời sống ở cơ sở. Mặt khác cần phê phán nghiêm khắc và kiên quyết khắc phục bệnh phân tán, tản mạn, tự do tùy tiện, tình trạng mất cảnh giác trước các âm mưu và hành động phá hoại của địch, buông lỏng lãnh đạo và quản lý.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch kinh tế xã hội mà Đảng đã đề ra, cần phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công, động viên sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước và quần chúng, của trung ương, địa phương và cơ sở, phát động phong trào sôi nổi của quần chúng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí, tinh thần làm chủ tập thể, nhân dân ta nhất định thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1984, tạo đà vững chắc bước vào năm 1985, hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế xã hội mà Hội nghị thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã đề ra.

Digitized by Google

LÀM CHỦ TẬP THỂ, SỬ DỤNG SỨC MẠNH TỔNG HỢP, TẠO CHUYỂN BIẾN SÂU SẮC VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI*

LÊ-DUẨN

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương chúng ta lần này thảo luận hai vấn đề: một là xem xét và thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch kinh tế — xã hội năm 1984 và mục tiêu phấn đấu năm 1985; hai là xem xét và quyết định một số vấn đề về chấn chỉnh phân phối, lưu thông.

Qua mấy ngày thảo luận, các đồng chí đã nêu lên nhiều ý kiến phong phú. Trước khi hội nghị thông qua dự thảo nghị quyết, tôi nói thêm về một số vấn đề sau đây:

Về đánh giá tình hình.

Các đồng chí Trung ương đều nhất trí đánh giá những thành tựu và khó khăn như đã nêu trong dự thảo nghị quyết. Điều cần thiết là phải phân tích thật sâu sắc nguyên nhân những điều làm được cũng như những điều chưa làm được.

Những chuyển biến tiến bộ đạt được là do đường lối đúng đắn đề ra từ Đại hội lần thứ 4, được cụ thể hóa thêm tại Đại hội lần thứ 5 của Đảng, ngày càng được nhận thức rõ hơn và được vận dụng phù hợp với tình hình thực tế.

Đó còn là do — và đây là điều rất quan trọng — công tác quản lý kinh tế, trong đó có kế hoạch hóa và các chính sách đòn bẩy, có những đổi mới, tuy là bước đầu, nhưng đã có tác dụng khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, thúc đẩy tất cả các cấp, các ngành, nhất là các địa phương và cơ sở, phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo trong việc khai thác các tiềm năng kinh tế. Không có sự đổi mới này thì không thể có tiến bộ trong các lĩnh vực.

Những thành tựu đạt được là kết quả sự cố gắng và sức mạnh tổng hợp của cả nước; của một phong trào lao động sáng tạo rộng lớn của quần chúng nhân dân. Các địa phương và cơ sở đã nỗ lực vượt bậc. Các ngành ở trung ương từ nông nghiệp

(*) Bài nói tại Hội nghị thứ năm Ban chấp hành trung ương Đảng ngày 7-12-1983.

Digitized by Google

đến công nghiệp, từ sản xuất đến phân phối, lưu thông, vận tải đều có cố gắng lớn. Cán bộ kinh tế và cán bộ khoa học, kỹ thuật đều góp phần tích cực. Mỗi sản phẩm làm ra, dù là một cân thóc hay một kí lô oát/giờ điện, đều là kết quả của sự cố gắng chung đó. Trong mỗi sản phẩm làm ra, dù là của công nghiệp hay của nông nghiệp, không chỉ có mồ hôi của người trực tiếp sản xuất, có chất xám của nhà khoa học, kỹ thuật, nhà văn hóa nghệ thuật mà còn có cả máu của chiến sĩ. Ngay bản thân sự lớn lên của từng địa phương, từng cơ sở cũng là kết quả của sức mạnh tổng hợp đó.

Thành tựu của chúng ta còn là kết quả sự hợp tác và giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Bài học cơ bản đối với chúng ta về những thành tựu đạt được vừa qua chính là bài học *làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp.*

Chúng ta đã đưa nền kinh tế vượt qua tình trạng sa sút sau những đảo lộn nghiêm trọng trong những năm 1979, 1980, chuyển dần theo hướng đi lên, ổn định dần từng mặt, mở ra những bước phát triển mới mạnh mẽ. Tuy nhiên, khó khăn trước mắt còn lớn, cả trong sản xuất, trong phân phối, lưu thông và trong đời sống.

Tình hình đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mà các Hội nghị lần thứ 3 và lần thứ 4 của Trung ương Đảng đã phân tích.

Chúng ta cần thấy cho hết những khó khăn do nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, do hậu quả nhiều năm chiến tranh trước đây và do sự phá hoại nhiều mặt hiện nay của địch, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đi lên từ sản xuất nhỏ mà phải cùng một lúc làm cả hai nhiệm vụ chiến lược, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ Tổ quốc; trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lại phải vừa bảo đảm những nhu cầu về đời sống của nhân dân, vừa tích lũy để công nghiệp hóa đất nước, đó là nguồn gốc sâu xa của mọi khó khăn. Chừng nào chưa có sản xuất lớn, chưa có đại công nghiệp thì khó khăn vẫn còn và còn lớn. Năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế ngay một lúc không thể nâng cao nhanh được, đời sống người lao động không thể ngay tức khắc được cải thiện rõ rệt, chung quy cũng là do nguyên nhân này. Nói như thế để thấy rõ vai trò mấu chốt của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và phải có quyết tâm thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa thì mới tiến mạnh lên được.

Song chúng ta cũng cần thấy cho hết những khuyết điểm chủ quan.

Đó là những khuyết điểm do chưa quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, chưa nhận rõ tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giữa ta và địch, giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Đó là những thiếu sót trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa. Quản lý kinh tế — xã hội đương nhiên không phải là việc đơn giản. Các nước anh em đã trải qua nhiều năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, vẫn còn phải tìm tòi những phương pháp quản lý có hiệu quả hơn, vẫn phải nói đến việc không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý, trước hết là cơ chế kế hoạch hóa. Điều cần nói là chúng ta đã để xảy ra những cái sai không đáng có, để lặp đi lặp lại những khuyết điểm đã được phê phán và chỉ ra phương hướng sửa chữa. Chúng ta chậm sửa đổi những tổ chức và chính sách đã lỗi thời, để kéo quá dài tệ tập trung quan liêu và hành chính bao cấp, đồng thời cũng không kịp thời khắc phục các biểu hiện phân tán, cục bộ, địa phương, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Digitized by Google

Trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành phải hết sức nghiêm khắc với những sai lầm, khuyết điểm của mình. Nhưng lại phải thấy rằng, trong tình thế hết sức khó khăn thậm chí hiểm nghèo của đất nước, mà nền kinh tế chúng ta vẫn đứng vững và đi lên được, đó là thành tựu rất đáng tự hào. Phải khẳng định mạnh mẽ điều đó và trên đà phát triển này mà vững bước tiến lên.

Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta đề ra là: «Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ...».

Chuyên chính vô sản, nếu xét về mặt chế độ, tức là ai làm chủ xã hội, thì về bản chất là đồng nhất với làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể là mục đích của chủ nghĩa xã hội đồng thời là một động lực rất to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, trong xây dựng, cải tạo và quản lý kinh tế, văn hóa, kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, phải quán triệt quan điểm làm chủ tập thể. Tức là phải thể hiện cho được quyền làm chủ của nhân dân lao động, người chủ thật sự của chế độ ta; phải khơi dậy cho được tính năng động và sức sáng tạo của hàng triệu, hàng triệu quần chúng nhân dân, người trực tiếp làm chủ các quá trình kinh tế — xã hội.

Chiến lược kinh tế trong 5 năm 1981 — 1985 và những năm 80 cũng là nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt, như Đại hội lần thứ 5 của Đảng chỉ rõ, là: «Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý».

Đâu là chìa khóa để thực hiện chiến lược ấy?

Chính là làm chủ tập thể và sử dụng sức mạnh tổng hợp — sức mạnh của cả nước, sức mạnh của tất cả các ngành, các cấp, sức mạnh của ba cấp cùng nhau làm chủ: trung ương, địa phương và cơ sở.

Bằng sức mạnh ấy, ngay từ đầu phải làm chủ và huy động được các nguồn vốn quý là lao động và đất đai. Sử dụng cho hết 27 triệu lao động, khai thác tốt nhất 7 triệu héc ta đất nông nghiệp đang canh tác, gần 12 triệu héc ta đất lâm nghiệp và gần 13 triệu héc ta đồng, bãi, đồi, nương chưa sử dụng. Phải phát triển nông nghiệp toàn diện, đặt lên hàng đầu sản xuất lương thực, phấn đấu hết sức quyết liệt để giải quyết thật vững chắc vấn đề lương thực, đồng thời phát triển thật mạnh cây công nghiệp (cả ngắn ngày và dài ngày) và chăn nuôi. Cùng với phát triển nông nghiệp, phát triển tương xứng công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp để tiêu dùng và xuất khẩu. Như vậy, trong chặng đường đầu tiên này, dù chưa có đại công nghiệp, nếu biết làm chủ và sử dụng tốt lao động, đất đai và ngành nghề thì vẫn có thể đưa nền kinh tế nước ta một bước lên sản xuất lớn được, có thể đáp ứng những nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở, học

Digitized by Google

hành, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, từng bước tạo thêm tích lũy để công nghiệp hóa, đồng thời bảo đảm những nhu cầu cơ bản về củng cố quốc phòng và an ninh.

Phải thực hiện làm chủ ở cả ba cấp cơ bản: làm chủ cả nước, làm chủ trong từng địa phương (từng tỉnh, thành, từng quận, huyện), làm chủ ở từng cơ sở (xã và hợp tác xã, xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp...).

Ba cấp làm chủ đó hoạt động theo cơ chế chung: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Các cấp làm chủ trên cơ sở cả nước là một tổng thể, mỗi địa phương, mỗi đơn vị là một bộ phận của tổng thể đó; kinh tế quốc dân là một thể thống nhất, kinh tế địa phương là bộ phận hữu cơ của thể thống nhất đó.

Nhà nước trung ương đại diện cho quyền làm chủ của cả nước, quản lý toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội của cả nước, thông qua các ngành kinh tế — kỹ thuật và kinh tế của các địa phương, các vùng lãnh thổ khác nhau. Tập trung thống nhất trong quản lý kinh tế, xã hội là một tất yếu. Đó là ưu thế của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta cần nắm lấy để động viên sức mạnh của cả nước, xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật của cả nước, giải quyết những vấn đề kinh tế — xã hội của toàn dân. Chúng ta nói lấy kế hoạch làm trung tâm để quản lý kinh tế, quản lý xã hội, điều đó cũng có nghĩa là sử dụng ưu thế tập trung thống nhất để điều hành các quá trình kinh tế — xã hội trong cả nước.

Chính quyền địa phương đại diện cho nhân dân địa phương, đồng thời thay mặt Nhà nước trung ương trực tiếp làm chủ kinh tế, văn hóa và đời sống ở địa phương, chăm lo giải quyết những vấn đề thuộc lợi ích của nhân dân địa phương, đồng thời góp phần vào việc xây dựng đất nước, làm chủ cả nước.

Mối quan hệ giữa trung ương, địa phương và cơ sở thì ở nước xã hội chủ nghĩa nào cũng có. Song trong hoàn cảnh nước ta, Đảng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của kinh tế địa phương, nhấn mạnh việc phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của cấp quản lý địa phương và cơ sở. Đó là vì từ sản xuất nhỏ đi lên, chỉ có phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ sở và địa phương, nhất là *huyện*, thì mới sử dụng tốt lao động, đất đai, ngành nghề là những nguồn vốn gắn chặt với từng địa phương, từng cơ sở không chỉ về phương diện lãnh thổ mà cả về các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, xã hội, tự nhiên. Từ sản xuất nhỏ đi lên, sự phân công lao động đang trong quá trình thực hiện, các ngành nghề từng bước ra đời và phát triển, đòi hỏi phải có những cân đối nhất định có tính chất cục bộ, mà chỉ có đặt ra trên từng địa bàn cụ thể, từng địa phương, từng cơ sở thì mới có điều kiện giải quyết thuận lợi. Hơn nữa, muốn tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động cũng phải tổ chức tại chỗ, lấy địa phương làm địa bàn thực hiện.

Như thế, làm chủ ở ba cấp cơ bản là một tất yếu. Phân công, phân cấp cũng là tất yếu.

Điều cần nắm vững là: nói làm chủ ở ba cấp cơ bản không có nghĩa là cấp nào làm chủ cấp ấy, trái lại cả ba cấp cùng làm chủ trên từng địa bàn, từng địa phương và cơ sở. Vai trò của trung ương đối với tỉnh, thành rất quan trọng. Vai trò của tỉnh, thành đối với quận, huyện, và quận, huyện đối với phường, xã cũng rất quan trọng. Nhân dân lao động có quyền và có nghĩa vụ làm chủ ở cả ba cấp, trong đó làm chủ cả nước là quan trọng hơn cả. Có làm chủ ở cơ sở, ở địa phương thì nhân dân lao động mới trực tiếp phát huy được năng lực làm chủ của mình, mới thực hiện được cụ thể quyền làm

Digitized by Google

chủ trong sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng. Nhưng làm chủ ở cơ sở, ở địa phương không có nghĩa là chỉ lo cho đơn vị, địa phương mình mà còn phải lo cho cả nước, là để làm chủ cả nước tốt hơn, làm chủ trên quy mô lớn hơn, bao trùm hơn, quyết định hơn. Và làm chủ cả nước càng tốt thì làm chủ ở địa phương và cơ sở càng đầy đủ hơn.

Để thúc đẩy nông nghiệp phát triển với nhịp độ cao hơn nữa, cần đẩy mạnh xây dựng các ngành công nghiệp then chốt như điện, than, dầu khí, cơ khí, luyện kim, giao thông vận tải, hóa chất, vật liệu xây dựng. Sự nghiệp này đòi hỏi phải có những nguồn vốn lớn. Ngoài việc buôn bán và hợp tác với nước ngoài, chúng ta cần động viên cho được sự đóng góp của cả nước.

Phân cấp mạnh cho các địa phương, cơ sở chính là để các địa phương, cơ sở khai thác tốt hơn nữa các tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề tại chỗ, thúc đẩy nhanh quá trình tích tụ từ cơ sở. Song *tích tụ phải đi liền với tập trung* và phải biết tập trung cho đúng, cho tốt thì mới có tích lũy cho chủ nghĩa xã hội.

Trách nhiệm của các địa phương là phải sản xuất, kinh doanh ngày càng tốt hơn. Nơi chưa đủ ăn phải phấn đấu làm đủ ăn và tiến tới có tích lũy. Nơi đã bước đầu có tích lũy phải tiến tới có tích lũy nhiều hơn, phải đóng góp tương xứng với phần đã nhận được, tập trung tích lũy ngày càng nhiều cho trung ương để góp phần công nghiệp hóa đất nước. Chủ nghĩa tư bản lớn lên bằng bóc lột. Chủ nghĩa xã hội lớn lên bằng cần, kiệm. Chúng ta phải tiêu dùng trong phạm vi làm ra chứ không vay vè để ăn. Và ngay cái làm ra được, dù còn ít, cũng phải biết dè xẻn, biết tích lũy ngày càng nhiều, và phải chăm lo xây dựng dự trữ Nhà nước ở trung ương và dự trữ ở các cấp. Không có tích lũy thì không thể xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không thể tái sản xuất mở rộng. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa *tích lũy* và *tiêu dùng* trong phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương, từng cơ sở, từng gia đình là điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Chúng ta hiểu ba cấp làm chủ, hiểu phân công, phân cấp là trên quan điểm đó, tuyệt đối không phải là chia của cải, chia quyền lợi và quyền hành, chia cắt nền kinh tế quốc dân ra từng mảnh. Cần phân biệt rõ sự khác nhau giữa việc chống tập trung quan liêu trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội với việc bảo đảm tính tập trung thống nhất của nền kinh tế quốc dân vốn là một vấn đề thuộc về bản chất, về quy luật của chủ nghĩa xã hội.

Kế hoạch hóa kinh tế.

Khác với chế độ tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển một cách tự phát, thông qua cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ, nền kinh tế cũng như toàn bộ chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời một cách có kế hoạch, thông qua những cuộc cải biến kinh tế — xã hội được kế hoạch hóa ngay từ đầu.

Từ khi nước ta bước vào thời kỳ quá độ, Đảng ta đã khẳng định rằng công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế nhất thiết phải lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu, phải dựa vào kế hoạch mà lãnh đạo và chỉ đạo các quá trình kinh tế — xã hội.

Phù hợp với quan điểm làm chủ tập thể nói trên, việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân phải làm ở ba cấp cơ bản: trung ương, địa phương và cơ sở. Yêu cầu đổi mới kế hoạch hóa là làm cho mỗi cấp, dựa trên những phương hướng và mục tiêu cơ bản thống nhất cả nước, chủ động khai thác tốt nhất tiềm năng và thế mạnh của mình. Cấp trung ương phải tạo những điều kiện thuận lợi nhất

Digitized by Google

cho các cấp địa phương và cơ sở làm được điều đó.

Kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở lên. Trong công nghiệp phải coi trọng kế hoạch của các xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp. Trong nông nghiệp, coi trọng kế hoạch cấp huyện, vì huyện là đơn vị cơ bản của nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Các cấp quản lý, từ trung ương đến địa phương, phải hướng dẫn và cùng với các cơ sở xây dựng kế hoạch. Trên cơ sở đó, tổng hợp thành kế hoạch của địa phương, của ngành và cả nước.

Trung ương đã chỉ ra cho địa phương và cơ sở bốn nguồn khả năng để cân đối kế hoạch. Đó chính là tạo điều kiện cho địa phương và cơ sở phát huy quyền làm chủ của mình trong công tác kế hoạch hóa, xây dựng các kế hoạch kinh tế – xã hội một cách tích cực và hiện thực. Tiềm năng của địa phương và cơ sở còn rất lớn. Tiềm năng đó là ở chỗ sử dụng hết lao động, đất đai, sử dụng hết công suất máy móc, thiết bị. Tiềm năng đó còn ở chỗ triệt để tiết kiệm từng giờ lao động, từng cân thóc, từng giọt xăng dầu, từng kilôgam vật tư, nguyên liệu.

Trong khi nhấn mạnh kế hoạch của cơ sở và địa phương, đừng bao giờ quên rằng kế hoạch cấp trung ương giữ vai trò quyết định. Kế hoạch cấp trung ương chi phối những quan hệ kinh tế và cân đối chủ yếu, quyết định những sản phẩm quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm điều hành được quá trình kinh tế – xã hội trong phạm vi cả nước, bảo đảm quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội phát huy tác dụng. Dựa trên kế hoạch cấp trung ương, các địa phương và cơ sở phải thật sự chủ động khai thác các nguồn tự có, thực hiện tốt phương châm "Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm", lấy đó bổ sung cho các cân đối kế hoạch, đồng thời phải sử dụng thật đúng mục đích và có hiệu quả những vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu do trung ương cung ứng.

Sự chậm trễ trong *cải tạo xã hội chủ nghĩa* những năm gần đây có ảnh hưởng không tốt đến nhịp độ xây dựng và phát triển kinh tế. Cần nhận thức dứt khoát rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa phải thống trị tuyệt đối trong cả công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.

Phải phấn đấu đến năm 1985 căn bản làm xong việc đưa nông dân các tỉnh miền Nam vào sản xuất tập thể thông qua các hình thức: tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp.

Xóa bỏ ngay tư sản thương nghiệp. Cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh dưới các hình thức thích hợp. Tổ chức lại tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Sắp xếp lại tiểu thương đi đôi với sắp xếp các ngành hàng trong thương nghiệp.

Cải tạo phải đi đôi với xây dựng, và xây dựng là chủ yếu.

Nói năm thành phần kinh tế ở miền Nam là nói năm thành phần để sản xuất, làm ra hàng hóa chứ không phải cả năm thành phần chia nhau nắm hàng, nắm tiền. Hàng và tiền phải do Nhà nước thống nhất quản lý.

Về lâu dài, kinh tế xã hội chủ nghĩa chỉ còn hai thành phần cơ bản là quốc doanh và tập thể, ngoài ra còn có kinh tế gia đình và một bộ phận kinh tế cá thể.

Chúng ta phải ra sức *củng cố kinh tế quốc doanh*, nhất là công nghiệp quốc doanh, để nó ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Chúng ta không hài lòng về tình trạng kinh tế quốc doanh, nhất là công nghiệp quốc doanh trung ương, chậm phát triển, cả về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Năng lực

Digitized by Google

sản xuất của công nghiệp quốc doanh chỉ mới dùng khoảng một nửa, mà chủ yếu là do thiếu năng lượng và nguyên liệu, trong đó, không ít xí nghiệp thiếu những nguyên liệu sản xuất từ trong nước, bởi Nhà nước không nắm được từ khâu sản xuất và cả trong lưu thông.

Chăm lo đến kinh tế quốc doanh trung ương là trách nhiệm không chỉ của các ngành trung ương mà còn của các địa phương, các cơ sở trong cả nước. Không có lý do gì lại để những thiếu sót trong việc phân công, phân cấp dẫn đến tình trạng địa phương này hay địa phương khác để vật tư, nguyên liệu chạy quanh trong khi xí nghiệp quốc doanh trung ương do thiếu chính những nguyên liệu đó mà không hoạt động được.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế phát triển có kế hoạch, nhằm sản xuất ra nhiều của cải vật chất, văn hóa để thỏa mãn những nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trên cơ sở kỹ thuật ngày càng cao. Cho nên kế hoạch kinh tế — xã hội của ta đặt lên hàng đầu giá trị sử dụng và các cân đối hiện vật, đồng thời cũng rất coi trọng giá trị và các cân đối về giá trị. Chính vì vậy mà kế hoạch phải gắn với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở kế hoạch là chính, đồng thời vận dụng một cách chủ động các quan hệ hàng hóa — tiền tệ để giải quyết thỏa đáng ba loại lợi ích cơ bản, lợi ích toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, kích thích vật chất đi đôi với giáo dục chính trị, tư tưởng, thúc đẩy sản xuất đạt hiệu quả cao. Không biết vận dụng những quy luật hàng hóa — tiền tệ này thì nhất định rơi vào tình trạng quan liêu, bao cấp và không tránh khỏi kìm hãm sản xuất, nhưng đề cao nó quá mức, thậm chí để nó điều tiết sản xuất thì lại rơi vào cơ chế thị trường, làm yếu kế hoạch hóa.

Nhà nước phải nắm sản xuất đi đôi với nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường và vật giá, theo đúng quy luật kinh tế, chứ không phải đơn thuần bằng mệnh lệnh hành chính. Phải thông qua các biện pháp kinh tế là chủ yếu, đồng thời tăng cường giáo dục và sử dụng biện pháp hành chính trong trường hợp cần thiết. Mặt khác, trên thực tế, không phải mọi khả năng ngay từ đầu đã có thể bao hàm hết trong kế hoạch, mà qua các hoạt động kinh doanh, sẽ phát hiện, khơi dậy những nhân tố mới, biến nhiều khả năng tiềm tàng thành hiện thực. Kinh doanh, hạch toán kinh tế kích thích và tạo điều kiện phát huy tính năng động, sáng tạo của người sản xuất và người quản lý, nâng cao ý thức trách nhiệm của họ đối với nhiệm vụ kế hoạch. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa, do vậy, trở thành một động lực, một nhân tố để thực hiện kế hoạch. Đó là lý do vì sao kế hoạch phải kết hợp với kinh doanh xã hội chủ nghĩa, kế hoạch hóa phải bao gồm một cách tất yếu các hoạt động kinh doanh. Đó cũng là lý do giải thích vì sao các chính sách giá cả, tiền lương, tiền thưởng, các quy định về thị trường, về trao đổi hàng hóa, vật tư... đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Kinh doanh tư bản chủ nghĩa lấy lợi nhuận làm mục đích, lấy cạnh tranh và chính phủ làm phương pháp. Kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của người sản xuất, người quản lý trong việc khai thác mọi thế mạnh, mọi khả năng để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước, trên cơ sở đó, bảo đảm lợi ích thỏa đáng cho cả xã hội cũng như cho từng tập thể và cá nhân người lao động. Thoát ly mục đích cơ bản đó, thì không tránh khỏi

Digitized by Google

khuyết điểm, sai lầm. Kinh doanh không phải là xoay xở cho lợi ích cục bộ, riêng tư, làm tổn hại lợi ích chung của xã hội. Chủ động kinh doanh là chủ động vận dụng các chính sách cơ bản của Đảng, các quy định của Nhà nước về sản xuất và phân phối lưu thông để làm ra sản phẩm nhiều hơn cho xã hội, tuyệt nhiên không có nghĩa là tự mình đặt ra những chính sách, quy định riêng trái với chủ trương chung.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải đi liền với hạch toán nhằm xác định phương án tối ưu: làm ra sản phẩm nhiều nhất với chi phí ít nhất... Làm kinh tế nói chung, xây dựng kế hoạch, tiến hành kinh doanh nói riêng mà không hạch toán thì không tính toán được các hoạt động cụ thể của nền kinh tế, không biết lời lỗ, không tính được hiệu quả. Không hạch toán thì cũng không xác định được mức độ tiêu dùng và tích lũy, không vạch ra được nghĩa vụ và quyền lợi cụ thể của từng cấp quản lý, không đánh giá được chất lượng, không biết rõ ai làm tốt, ai làm không tốt v.v.. Nói cách khác, có hạch toán mới thật sự làm chủ đầy đủ các quá trình kinh tế. Từng xí nghiệp, công trường, nông trường, từng hợp tác xã, cửa hàng phải thực hiện hạch toán. Các huyện, các tỉnh cho đến các ngành phải hạch toán. Toàn bộ nền kinh tế phải tổng hạch toán. Không chỉ hạch toán chung cả đơn vị, mà phải hạch toán đối với từng sản phẩm, đối với mỗi một hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và lưu thông. Từng người lao động cũng phải hạch toán. Xem thường hạch toán kinh tế, bất chấp lời lỗ và hiệu quả, đó là khuyết điểm lớn của những năm qua trong công tác quản lý.

Phân phối, lưu thông.

Làm chủ bằng kế hoạch và kinh doanh xã hội chủ nghĩa là làm chủ từ khâu sản xuất đến các khâu phân phối, lưu thông và tiêu dùng.

Với việc bước đầu cải tiến cơ chế quản lý, chúng ta đã khắc phục một bước bệnh hành chính quan liêu, bao cấp và tạo dần ra cơ chế kế hoạch hóa gắn với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhưng trong khi bệnh hành chính quan liêu, bao cấp, chưa khắc phục hết thì lại nảy sinh một khuynh hướng không lành mạnh chạy theo cơ chế thị trường « tự do », làm suy yếu cơ sở của kế hoạch, để cho những phần tử tư sản, bọn gian thương rộng tay hoạt động, để cho kinh tế tư nhân và thị trường « tự do » phát triển và xâm lấn trận địa xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta có thể lập lại được trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối, lưu thông hay không?

Trước hết, cần khẳng định rằng tình trạng không bình thường hiện nay không phải là do chủ nghĩa xã hội yếu hơn chủ nghĩa tư bản như có người nói. Nhà nước xã hội chủ nghĩa (cả trung ương và địa phương) đang nắm trong tay các lực lượng kinh tế chủ yếu nhất, nắm tất cả đất đai, lao động. Kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung và kinh tế quốc doanh nói riêng là lực lượng tạo ra tuyệt đại bộ phận tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng của xã hội đồng thời cũng nắm tất cả các nguồn vật tư và hàng hóa nhập khẩu. Lực lượng đó, không một thế lực nào địch nổi.

Những khó khăn trên lĩnh vực phân phối, lưu thông có phần do sản xuất chậm phát triển, năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất còn thấp, nhưng chủ yếu là do sai lầm và khuyết điểm chủ quan của ta, mà nổi bật là nắm sản xuất nhưng không nắm chắc phân phối lưu thông, buông lỏng chuyên chính vô sản, thiếu cảnh giác trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch, không nắm vững cuộc đấu

Digitized by Google

tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Như trên đã nói, chúng ta có thể làm chủ sản xuất, từ việc nắm lao động và đất đai, ngành nghề, sắp xếp và phát triển sản xuất có kế hoạch. Và chính từ trong sản xuất, gắn liền với làm chủ sản xuất, phải *làm chủ ngay phân phối, lưu thông, tiêu dùng* trong từng đơn vị cơ sở, từng xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành và trong phạm vi cả nước.

Mỗi đơn vị phải tính toán sản xuất cái gì, bao nhiêu, hao phí bao nhiêu lao động và vật tư, cần bán gì, mua gì, trao đổi theo quan hệ giá cả nào, từ đó, tính được thu nhập, tiêu dùng và tích lũy cho tái sản xuất mở rộng.

Trung ương, địa phương và cơ sở nắm sản xuất trên từng địa bàn, từng đơn vị thì trung ương, địa phương và cơ sở cũng phải nắm sản phẩm, làm chủ thị trường từ cơ sở lên, trong từng địa bàn, từng đơn vị. Cho rằng vì sản xuất còn thấp, sản phẩm chưa nhiều thì không thể và không nên nắm chặt hàng và tiền là không đúng. Phải tiến hành cuộc *đấu tranh kiên quyết để Nhà nước nắm được hàng, nắm được tiền*. Đây là vấn đề cốt lõi của cuộc đấu tranh ai thắng ai trên mặt trận phân phối, lưu thông hiện nay.

Nhà nước (trung ương và địa phương) phải *làm chủ thị trường* bằng cách thông qua phân công và phân cấp hợp lý, thống nhất quản lý, kinh doanh những mặt hàng chủ yếu. Nhà nước phải nắm độc quyền về lương thực, nắm tuyệt đại bộ phận nông sản hàng hóa quan trọng (dù là từ sản xuất tập thể hay cá thể), nắm hết các vật tư, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng quan trọng (sản xuất từ kinh tế quốc doanh trong nước cũng như do các nguồn nhập khẩu). Nhà nước kế hoạch hóa việc phân phối các quỹ hàng hóa, tổ chức sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp một cách có kế hoạch, thông qua hệ thống cung ứng tư liệu sản xuất và hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa theo giá chỉ đạo của Nhà nước. Phải nhanh chóng cải tạo và quản lý thị trường, xóa bỏ tư sản thương nghiệp, loại trừ bọn đầu cơ buôn lậu, bọn biến chất nằm trong bộ máy Nhà nước và kinh tế quốc doanh, câu kết và làm tay sai cho bọn gian thương. Chỉ cho phép tồn tại thị trường « tự do » với ý nghĩa là nơi trao đổi những hàng hóa thứ yếu mà Nhà nước không thống nhất quản lý, giữa những người sản xuất và tiêu dùng, không qua trung gian đầu cơ các loại. Nhưng thị trường « tự do » ấy cũng phải được quản lý bằng những biện pháp thích hợp.

Để làm chủ được thị trường nói riêng và mặt trận phân phối, lưu thông nói chung, cần triển khai xuống tận cơ sở sáu hệ thống: thu mua, thương nghiệp, cung ứng vật tư, vận tải, công nghiệp chế biến, tín dụng. Điều quyết định trước mắt để nắm hàng là phải nhanh chóng mở rộng và củng cố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (bao gồm thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán), mở rộng và chấn chỉnh hệ thống cung ứng vật tư; làm trong sạch đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thương nghiệp và cung ứng vật tư, cải tiến phương thức kinh doanh mua bán.

Giá cả là quan hệ xã hội, đặc biệt quan trọng là quan hệ công — nông, quan hệ tích lũy — tiêu dùng. Làm chủ từ sản xuất, ta hoàn toàn có thể tính toán một cách có kế hoạch lượng hao phí lao động xã hội cần thiết và các quan hệ về giá trị trao đổi, do đó, đặt tỷ giá hợp lý, trước hết là giữa sản phẩm công nghiệp và nông, lâm, hải sản.

Trên cơ sở phát huy những tiền đề về làm chủ sản xuất và phân phối như trên, ta hoàn toàn có thể và cần phải phấn đấu thống nhất quản lý và

Digitized by Google

ổn định giá cả. Trong tình hình hiện nay, phải giữ giá những mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân. Phấn đấu kéo xuống những giá bị đẩy lên một cách giả tạo do địch phá hoại, do chạy theo thị trường, tranh mua, tranh bán, do đầu cơ, tham ô, lãng phí, móc ngoặc, hối lộ.

Phải chống cách nghĩ và làm sai cho rằng vì giá thị trường «tự do» đã tăng lên gấp mấy lần giá chỉ đạo của Nhà nước, cho nên để «mua được, bán được» thì phải nâng giá Nhà nước lên ngang hoặc gần giá thị trường «tự do», cốt để nắm được hàng và từ đó mà phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và làm chủ lại thị trường.

Phải đặt lại vấn đề:

— Hoặc để cho bọn phá hoại, cho tư sản, cho thị trường «tự do» và tư thương hoành hành, tranh mua, tranh bán với Nhà nước, móc ngoặc với những phần tử xấu trong cơ quan, xí nghiệp, cửa hàng để rút hàng từ trong kho Nhà nước, tự do buôn lậu, lũng đoạn giá cả, rồi ta chạy theo «cạnh tranh» với chúng bằng cách nâng giá để mua, để bán, gọi đó là «cơ chế giá linh hoạt»

— Hoặc chặn tay chúng lại, không cho phép tự do mua bán lương thực, nông sản, hàng công nghiệp chủ yếu, chuyên chính với bọn phá hoại, bọn đầu cơ buôn lậu, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường, bảo đảm quyền của Nhà nước thống nhất kinh doanh những mặt hàng quan trọng. Từ tiền đề đó, Nhà nước tính toán với nông dân, thợ thủ công tổ chức việc quy hoạch sản xuất, đầu tư, tổ chức hợp đồng cung ứng tư liệu sản xuất, phân phối đến tay người lao động những hàng tiêu dùng thiết yếu theo giá ổn định, mở rộng tín dụng, tổ chức thu mua tận gốc theo hợp đồng (hoặc đưa hàng trước lấy nông sản sau, hoặc ngược lại, mua chịu, lấy nông sản trước cung ứng hàng sau). Làm như vậy thì giữ được giá chỉ đạo và quan hệ tỷ giá hợp lý, được nhân dân đồng tình, chống được tình trạng nâng giá tùy tiện, mua cao, bán cao.

Đó là hai cách làm, hai quan điểm. Cách làm thứ nhất là nguy hiểm, biến kinh tế quốc doanh thành cái đuôi của thị trường «tự do», và do đó để giá trôi nổi và rối loạn, chỉ có lợi cho bọn phá hoại, bọn đầu cơ và tư thương.

Cách làm thứ hai là thật sự làm chủ. Tuy vậy vẫn còn có vấn đề mua theo giá khuyến khích. Nhưng giá khuyến khích cũng không phải lấy giá thị trường tự do làm chuẩn, mà phải xuất phát từ cơ sở giá thành thực tế hợp lý, có lãi thỏa đáng để khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, và có tính đến quan hệ cung cầu sau khi loại bỏ yếu tố phá hoại, đầu cơ. Điều quan trọng là các ngành, các cấp phải ra sức phấn đấu nắm lấy và sử dụng tốt quỹ hàng đối lưu, hạn chế đến mức thấp nhất phần mua theo giá khuyến khích.

Phải thống nhất quản lý giá. Đối với các loại giá thống nhất cho cả nước, tập trung việc duyệt, công bố giá vào các cơ quan Nhà nước như Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban vật giá Nhà nước. Đối với các loại giá có tính chất địa phương, sự xét duyệt được thực hiện trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý, có sự chỉ đạo linh hoạt trong phạm vi được quy định. Không được tùy tiện thay đổi giá, nhất là thay đổi lớn, mà không tính đến các biện pháp toàn diện và đồng bộ về kinh tế, tài chính, hành chính, giáo dục, để xảy ra những hậu quả tiêu cực.

Nền tài chính quốc gia và tiền tệ của ta đang khó khăn cũng do nguyên nhân sâu xa là năng suất, chất lượng và hiệu quả kém của sản xuất xã hội, cộng thêm sự giảm sút về nguồn thu từ bên ngoài. Nhưng, cũng như các

Digitized by Google

vấn đề nói trên, điều cơ bản là phải phấn đấu lành mạnh hóa và ổn định nền tài chính quốc gia trên cơ sở khai thác các khả năng trong tầm tay để phát triển sản xuất, tăng năng suất, quản lý chặt các định mức tiêu hao vật chất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, máy móc, chống lãng phí, tham ô, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bằng cách đó, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho công nhân, viên chức, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và dần dần có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, có dự trữ, và trả được nợ nước ngoài.

Tài chính không phải là thu chi đơn thuần mà trước hết và căn bản là phải nắm được các khả năng sản xuất từ lao động, tư liệu sản xuất đến phương tiện kinh doanh, huy động đến mức cao nhất các khả năng đó vào sản xuất đạt tới năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Phải triệt để *tiết kiệm*, cả trong sản xuất và tiêu dùng, cả về hành chính và quốc phòng. Phải quy định thành chính sách, biện pháp, tiêu chuẩn, định mức, chỉ tiêu kế hoạch. Phải làm cho tiết kiệm trở thành hành động, thành lối sống cách mạng của hàng triệu quần chúng.

Phấn đấu cân đối ngân sách một cách tích cực, theo nguyên tắc tăng thu, tiết kiệm chi, bảo đảm sử dụng có hiệu quả, nhưng không làm máy móc, hạn chế đầu tư xây dựng cơ bản và những chỉ tiêu cần thiết cho sản xuất.

Phải có những chính sách và biện pháp kiên quyết và khẩn trương nắm vốn, nắm tiền trong tay Nhà nước, tổ chức kiểm kê, kiểm soát nghiêm ngặt tài chính và tiền mặt. Thi hành chính sách thống nhất quản lý tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương. Tuyệt đối cấm những quỹ đen, quỹ ngoài ngân sách, những nguồn thu bất hợp lý.

Thực hiện tự chủ tài chính của xí nghiệp, tạo điều kiện cho xí nghiệp phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương theo hướng vừa bảo đảm nguồn thu của trung ương, vừa tăng nguồn thu của địa phương, tạo quyền làm chủ ngân sách cho địa phương.

Vấn đề *đời sống, tiền lương* của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang về cơ bản chỉ có thể giải quyết tốt trên cơ sở phát triển sản xuất, tổ chức hợp lý lao động, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Trước mắt, phải có những biện pháp cấp bách nhằm sớm ổn định đời sống của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu phương án toàn diện giá — lương — tài chính — tiền tệ — thương nghiệp để giải quyết vấn đề một cách hợp lý và vững chắc hơn.

Khoa học kỹ thuật và văn hóa, xã hội.

Khoa học và kỹ thuật là một yếu tố rất quan trọng đóng vai trò then chốt trong sự nghiệp xây dựng và cải tạo kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trong thời gian qua, những tiến bộ về khoa học và kỹ thuật đã đóng góp một phần đáng kể vào các thành tựu kinh tế.

Khoa học và kỹ thuật của ta có tiềm năng lớn, có nhân tài nhưng chưa được khai thác và sử dụng tốt. Các ngành, các cấp chưa coi khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất trực tiếp, là bộ phận thiết yếu trong việc phát triển ngành mình, địa phương mình, chưa có chương trình phấn đấu đưa nhanh thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Nhà nước chưa có chính sách khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh áp dụng các tiến bộ về khoa học, kỹ thuật. Mặt

Digitized by Google

khác, cũng chưa có chính sách đãi ngộ thích đáng những người làm công tác khoa học, kỹ thuật, những công nhân lành nghề, những cán bộ quản lý giỏi.

Hướng phấn đấu của công tác khoa học và kỹ thuật sắp tới là phục vụ đắc lực việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Để làm được như vậy, phải kịp thời chấn chỉnh, bổ sung các chính sách đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề, chăm lo từ đời sống đến phương tiện làm việc. Phải thu hút các nhà khoa học, kỹ thuật vào mặt trận sản xuất. Gắn liền các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Gắn liền hoạt động khoa học, kỹ thuật với kinh tế và đời sống. Khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đem chất xám phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng. Đưa khoa học, kỹ thuật vào phong trào quần chúng, biến nó thành một động lực thúc đẩy sản xuất.

Văn hóa, xã hội là một mặt trận trọng yếu. Nhưng mấy năm qua, ta tập trung lo cho sản xuất mà chưa chú trọng đúng mức các công tác văn hóa, xã hội, để mặt trận này bị buông lỏng, đời sống văn hóa và tinh thần có phần sút kém.

Sau Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương, đã có cố gắng khắc phục thiếu sót đó. Trong kế hoạch kinh tế — xã hội những năm sắp tới, cần chú ý đầu tư thích đáng cho công tác văn hóa, giáo dục, định rõ chỉ tiêu đáp ứng những nhu cầu văn hóa tối thiểu của nhân dân. Nâng cao chất lượng giáo dục. Chú ý phát triển phong trào học văn hóa ở những vùng còn người thất học.

Hơn ở đâu hết, trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ sức của nhân dân, thực hiện khẩu hiệu «Nhà nước và nhân dân cùng làm», phát động cho được phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng văn hóa mới, con người mới, chống lại các hoạt động phá hoại của địch và khắc phục những biểu hiện tiêu cực.

Quan hệ kinh tế đối ngoại.

Trong kế hoạch kinh tế quốc dân những năm trước mắt cũng như của cả chặng đường đầu tiên này, *phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.*

Tăng nhanh xuất khẩu và mở mang các hoạt động dịch vụ để thu ngoại tệ là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, một khâu trọng yếu góp phần bảo đảm các cân đối của kế hoạch. Tăng nhanh xuất khẩu để nhập khẩu ngày càng nhiều kỹ thuật và vật tư, nguyên liệu nhằm trang bị lại nền kinh tế quốc dân, đồng thời tạo điều kiện xuất khẩu trở lại với khối lượng lớn hơn, chất lượng cao hơn, dần dần bảo đảm cân đối xuất nhập. Làm như vậy chính là để đẩy nhanh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Khả năng xuất khẩu của ta còn nhiều, nhưng trong thời gian qua, ta làm còn kém, hiệu quả chưa cao. Phải tìm mọi cách chấn chỉnh công tác kinh tế đối ngoại, chấn chỉnh các hoạt động ngoại thương từ chính sách đến tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu và bộ máy kinh doanh.

Trong hoàn cảnh của ta, việc động viên, khuyến khích mọi ngành nghề, mọi địa phương, cơ sở làm hàng xuất khẩu ra sức tiết kiệm tiêu dùng để tăng nguồn xuất khẩu là rất quan trọng. Song không thể làm ăn theo lối cò con, chỉ dựa vào sự góp nhặt, mà phải tổ chức làm hàng xuất khẩu theo lối sản xuất lớn, tạo ra những vùng chuyên canh tập trung, nhằm vào những mặt hàng chủ lực, có giá trị kinh tế cao. Trước mắt chú ý khai thác thế mạnh về nông sản, hải sản,

Digitized by Google

đặc biệt các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, coi trọng cả việc chăn nuôi để xuất khẩu. Các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp cũng phải tìm mọi cách tăng nguồn xuất khẩu. Phải đầu tư thích đáng cho xuất khẩu, chọn đúng những khâu sớm khai thác được thế mạnh của ta, đem lại hiệu quả nhanh và bền vững.

Phải theo phương hướng này mà sắp xếp lại tổ chức kinh doanh ngoại thương từ trung ương đến tỉnh, thành. Trung ương và địa phương cùng nhau làm xuất khẩu. Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Bộ ngoại thương phải làm việc tốt hơn nữa với các ngành, các địa phương để tạo cho được những nguồn hàng xuất khẩu lớn. Bảo đảm Nhà nước độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và ngoại hối, đồng thời phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong việc mở mang xuất khẩu.

Phải mở rộng thị trường xuất khẩu. Đặt lên hàng đầu sự hợp tác với Hội đồng tương trợ kinh tế, trước hết với Liên-xô, coi hợp tác toàn diện với Liên-xô là cơ bản và lâu dài. Mở rộng hợp tác với Lào và Cam-pu-chia. Đồng thời, mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác và các tổ chức quốc tế, làm phá sản chính sách bao vây kinh tế của bọn đế quốc và bọn bành trướng.

Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ về giá cả giữa trong nước và nước ngoài. Xác định một tỷ giá hợp lý trên cơ sở phấn đấu hạ giá thành và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, chống việc tranh mua tranh bán, đẩy giá hàng xuất khẩu lên, làm giảm giá trị đồng tiền của ta.

Kinh tế và quốc phòng.

Mọi chương trình kinh tế — xã hội hàng năm và dài hạn đều phải quán triệt bốn mục tiêu do Đại hội lần thứ 5 của Đảng đề ra. Phải bảo đảm các nhu cầu về *an ninh và quốc phòng*, quán triệt nhiệm vụ đấu tranh *chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt* của địch.

Phải đánh giá cho đúng, thấy cho hết âm mưu và những hành động phá hoại của địch, nhất là trên mặt trận kinh tế. Phải áp dụng những biện pháp có hiệu lực để ngăn ngừa và chống lại sự phá hoại đó. Phải có kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ máy móc, bảo vệ kho tàng, bảo vệ vật tư, nguyên liệu.

Đây là nhiệm vụ trực tiếp, thiết thân của các ngành và các cơ sở kinh tế. Phải phát động đông đảo công nhân, viên chức trong từng cơ sở sản xuất, kinh doanh đấu tranh bảo vệ kinh tế. Các lực lượng vũ trang, an ninh phải tăng cường hoạt động chống địch phá hoại.

Quân đội ta có một lực lượng đáng kể về lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật. Phải sử dụng có hiệu quả lực lượng đó để góp phần thực hiện những nhiệm vụ kinh tế — xã hội chung của đất nước.

Bộ đội đóng ở địa phương nào phải hợp đồng với địa phương đó để triển khai mạnh việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế, nhất là ở các tỉnh biên giới phía bắc. Đã xuất hiện ở một số nơi những điển hình tốt về việc bộ đội tự sản xuất lương thực, thực phẩm, tham gia xây dựng cơ bản, làm giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng vốn rừng... Cần tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm đó.

Thực hiện tốt sự hợp tác giữa quân đội với các ngành kinh tế để khai thác năng lực của công nghiệp quốc phòng vào việc sản xuất các mặt hàng kinh tế; đồng thời cũng khai thác khả năng của công nghiệp dân dụng vào việc sản xuất những mặt hàng phục vụ quốc phòng.

Digitized by Google

Các cấp ủy Đảng và chính quyền phải quan tâm chăm lo đời sống của các lực lượng vũ trang; các ngành, các cấp phải cùng với Bộ quốc phòng giải quyết tốt những vấn đề về hậu cần và hậu phương quân đội.

Đối với *các tỉnh miền núi*, việc quân đội tham gia xây dựng kinh tế phải gắn liền với phương hướng phát triển kinh tế chủ yếu của miền núi. Trung ương phải cố gắng tăng thêm vốn đầu tư, có chính sách thích hợp để mở mang kinh tế, văn hóa ở các tỉnh miền núi, tạo điều kiện cho các tỉnh này đẩy mạnh thâm canh đối với diện tích cây lương thực đã có (cả lúa, ngô, khoai, sắn), thực hiện nông — lâm kết hợp, tập trung sức khai thác thế mạnh về rừng, về cây công nghiệp và chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc, dựa vào các nguồn này trao đổi với các địa phương khác và xuất khẩu để có thêm lương thực và hàng tiêu dùng.

Thưa các đồng chí,

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, cũng như công cuộc xây dựng và cải tạo kinh tế, văn hóa nói riêng, đặt ra trước chúng ta hàng loạt vấn đề có quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đến sự sống còn của dân tộc.

Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ đại hội, Ban chấp hành trung ương chúng ta có nhiệm vụ tìm ra giải pháp đúng đắn cho những vấn đề đó; và tại mỗi kỳ họp hội nghị Trung ương, một số vấn đề đã được đưa ra để tập thể xem xét và quyết định. Nhưng không phải dễ dàng tìm ra đáp số cho mọi bài toán đặt ra, và có thể có những vấn đề mà ý kiến còn khác nhau. Điều đó không có gì lạ. Bởi vì quản lý kinh tế, quản lý xã hội không phải là việc giản đơn, đối với chúng ta công việc lại càng mới mẻ, cho nên có vấn đề còn mò mẫm, là điều không tránh khỏi. Vì vậy, thái độ đúng đắn là phải thảo luận một cách nghiêm túc, chân thành lắng nghe ý kiến của nhau; điều gì bàn chưa chín, chưa đủ cơ sở chắc chắn để giải quyết, thì phải làm thử, rồi qua thực tiễn mà kiểm nghiệm, từ đó đi đến nhất trí trong chủ trương và hành động. *Đoàn kết nhất trí, thống nhất tư tưởng và hành động* luôn luôn là nguồn gốc sức mạnh của Đảng ta. Ban chấp hành trung ương cũng như các cấp ủy Đảng phải không ngừng phấn đấu tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Làm chủ tập thể là sức mạnh lớn nhất để đẩy mạnh cải tạo, xây dựng, sản xuất, tiết kiệm, để lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông, để tiến hành cách mạng khoa học — kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Các tổ chức Đảng phải tăng cường công tác vận động quần chúng, động viên cho được sức mạnh làm chủ tập thể của nhân dân. Các *đoàn thể* Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân phải là người trực tiếp tổ chức cho quần chúng đứng lên làm chủ, phát huy năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng, tiêu biểu thật sự cho quyền làm chủ của nhân dân trong các phong trào hành động cách mạng.

Cán bộ quyết định tất cả. Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương đã chỉ rõ phải xây dựng một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, thấu suốt đường lối của Đảng, có năng lực tổ chức thực tiễn, có ý thức kỷ luật, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng.

Vấn đề quan trọng là làm sao phát hiện được những người thật sự có năng lực về quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật và biết sử dụng tài năng của họ để làm giàu cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội. Trong đội ngũ cán bộ của chúng ta, không phải không

Digitized by Google

có những người như thế. Nhưng vấn đề này vẫn còn có chỗ chưa thật sáng tỏ trong nhận thức, đồng thời, còn có cách nhìn người, nhìn việc chưa đúng nữa.

Phải lấy hiệu quả công tác, hiệu quả kinh tế — xã hội làm thước đo để đánh giá cán bộ. Phải nhằm vào mục đích cải thiện tình hình kinh tế — xã hội mà đặt vấn đề lựa chọn và bố trí cán bộ. Với quan điểm như vậy, chúng ta sẽ tìm thấy những cán bộ thật sự có tài năng và phải mạnh dạn đặt đúng những cán bộ đó vào những cương vị điều hành bộ máy sản xuất, kinh doanh, vào những khâu then chốt quyết định năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mặt khác, phải chấp hành nghiêm túc nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Trung ương Đảng về việc thay đổi những cán bộ phạm khuyết điểm nặng, những cán bộ tỏ ra không đủ trình độ và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ.

Những ngày làm việc nghiêm túc vừa qua của Trung ương cho phép chúng ta đi đến một nghị quyết tốt, giải quyết đúng những vấn đề đã được đặt ra.

Nghị quyết đó nhất định sẽ được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vui mừng đón nhận và biến thành hiện thực trong cuộc sống. Chúng ta phải làm thật tốt công tác chính trị, tư tưởng, động viên quần chúng nêu cao ý chí tự lực tự cường, dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi, mạnh mẽ thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 1984, tạo đà vững chắc bước vào năm 1985, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa không ngừng tiến lên.

Digitized by Google

CÔNG TRÁI XÂY DỰNG TỔ QUỐC

NHÀ nước ta đã phát hành công trái với tên gọi: *« Công trái xây dựng Tổ quốc »*. Đó là một nguồn thu của ngân sách Nhà nước, dành để đầu tư xây dựng những công trình then chốt, tạo nên cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Phát hành công trái lúc này là rất cần thiết, hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của đất nước ta. Sau những năm chiến tranh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã khẩn trương bắt tay vào công cuộc xây dựng lại đất nước, đưa Tổ quốc ta từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhằm bảo đảm độc lập vững bền cho dân tộc và cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Với sự nỗ lực phi thường, trên mặt trận kinh tế nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể: những cơ sở vật chất – kỹ thuật bị đánh phá trong thời kỳ chiến tranh, đến nay về căn bản đã được khôi phục; năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được tăng cường một bước; nhiều công trình xây dựng cơ bản sắp được hoàn thành và sẽ đưa vào sản xuất trong những năm cuối của kế hoạch năm năm 1981 – 1985.

Để tiếp tục tạo ra những bước chuyển biến mới về kinh tế và xã hội, Đảng và Nhà nước ta chủ trương tập trung đẩy mạnh tiến độ xây dựng các công trình đang xây dựng; đầu tư, xây dựng thêm một loạt những công trình mới và chuẩn bị điều kiện ngay từ bây giờ để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn sau năm 1990. Thực hiện được chủ trương đó chắc chắn chúng ta sẽ có thêm nhiều lương thực, năng lượng, phân bón, vật tư kỹ thuật, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... Và, như vậy đời sống của nhân dân ta sẽ được nâng cao. Muốn xây dựng những cơ sở vật chất – kỹ thuật nói trên chúng ta phải đầu tư hàng chục tỷ đồng trong khi nguồn vốn tích lũy của ta lại có hạn. Tình hình đó đặt ra một yêu cầu bức thiết là các ngành, các cấp, các địa phương, các đơn vị phải ra sức tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất, quản lý tốt mọi nguồn vốn đã có, triệt để thực hành tiết kiệm; đồng thời phải huy động một cách có hiệu quả các nguồn vốn của nhân dân để tăng tích lũy, tạo tiền đề đẩy mạnh xây dựng các cơ sở vật chất – kỹ thuật nói trên.

★

Công trái là một hình thức Nhà nước vay vốn của dân, có thời hạn và có hoàn trả. Công trái khác với hình thức quyên góp. Quyên góp là ủng hộ không hoàn lại, còn công trái là một khoản vay có hoàn trả. Công trái cũng khác với thuế. Thuế là khoản đóng góp bắt buộc, còn mua công trái là tự nguyện.

Công trái được phát hành rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Ở Liên-

Digitized by Google

xô từ năm 1922 đến nay liên tục phát hành công trái. Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cũng đã phát hành nhiều đợt công trái. Các nước tư bản chủ nghĩa như Anh, Pháp, Mỹ... cũng phát hành công trái. Song về bản chất, công trái của các nước xã hội chủ nghĩa khác nắn với công trái của các nước tư bản chủ nghĩa. Bản chất của công trái gắn liền với bản chất của Nhà nước. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Do đó, ở các nước xã hội chủ nghĩa công trái là khoản vốn mà Nhà nước vay của dân để phục vụ lợi ích nhân dân; là khoản vốn mà nhân dân tiết kiệm, hoãn chi dùng, cho Nhà nước vay để xây dựng đất nước. Công trái ở các nước xã hội chủ nghĩa thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa Nhà nước và nhân dân, là một biểu hiện cụ thể tính thần làm chủ của nhân dân. Nhà nước và nhân dân cùng lo, cùng làm, cùng bảo đảm lợi ích chung của dân tộc, trong đó có lợi ích của gia đình, của bản thân mỗi người. Còn ở các nước tư bản chủ nghĩa, Nhà nước là bộ máy thống trị của giai cấp tư sản; do đó, công trái là một khoản thu mà Nhà nước tư sản dùng để mua vũ khí, chế tạo vũ khí, chạy đua vũ trang; hoặc cho các nhà tư bản vay làm vốn kinh doanh nhằm bóc lột nhân dân trong nước và các nước khác. Thực chất công trái ở các nước tư bản chủ nghĩa là một khoản thuế thu trước, sau đó Nhà nước lại đánh thuế nặng hơn vào nhân dân lao động để có tiền trả nợ công trái. Công trái ở các nước tư bản chủ nghĩa mang lại lợi ích cho giai cấp tư sản thống trị, còn nhân dân lao động chẳng những không có lợi ích gì, mà còn trở thành nạn nhân của chính đồng vốn mình bỏ ra cho Nhà nước tư sản vay

Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc là một chủ trương lớn, một chính sách lớn của Nhà nước ta, nhằm động viên rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân ở trong nước và kiều bào ta, cán bộ, học sinh, công nhân ta đang công tác, học tập, lao động ở nước ngoài, phát huy lòng yêu nước, tự nguyện dành tiền, dành thóc cho Nhà nước vay, để cùng với số vốn tích lũy tập trung, Nhà nước có thêm vốn, thêm điều kiện xây dựng được sớm hơn, nhanh hơn các công trình then chốt tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể mua công trái, Nhà nước phát hành nhiều loại phiếu, và nhiều hạng phiếu: có loại thu và ghi bằng tiền, có loại thu và ghi bằng thóc, có loại thu và ghi bằng ngoại tệ. Bà con nông dân ta làm ra được thóc lúa, có thể mua công trái bằng thóc. Bà con ở thành thị và bà con nông dân ở các vùng trồng rau màu, trồng cây ăn quả, hay các vùng cây công nghiệp, vùng núi có nhiều lâm sản, ngư dân vùng đánh cá v.v. không sẵn thóc thì mua bằng tiền. Kiều bào ta ở nước ngoài, hay những cán bộ, học sinh, công nhân đang công tác, học tập, lao động ở nước ngoài, mua công trái bằng ngoại tệ.

Loại phiếu công trái thu và ghi bằng thóc có 5 hạng: 50 kilôgam, 100 kilôgam, 500 kilôgam, 1000 kilôgam và 3000 kilôgam. Loại phiếu công trái thu và ghi bằng tiền có 6 hạng: 100 đồng, 500 đồng, 1000 đồng, 5000 đồng, 10 000 đồng và 50 000 đồng. Loại phiếu công trái thu và ghi bằng ngoại tệ không chia hạng mà ghi theo số tiền của mỗi người mua. Nếu người mua cư trú ở nước ngoài thì phiếu công trái được bảo quản tại Ngân hàng ngoại thương Việt-nam.

Chia phiếu công trái ra nhiều hạng như vậy là để phù hợp với khả năng thu nhập của từng người: người có thu nhập cao thì mua hạng cao; người có thu nhập ít hơn, thì mua hạng thấp hơn. Tùy theo mức thu nhập của mình, mọi người đều có thể tham gia mua công trái rộng rãi

Digitized by Google

Số tiền, số thóc của người mua công trái vừa được Nhà nước sử dụng có lợi cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc, vừa được Nhà nước bảo đảm nguyên giá trị. Pháp lệnh về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc đã ghi rõ: Hội đồng bộ trưởng quy định danh mục và giá cả một số mặt hàng công nghiệp thông dụng để làm căn cứ tính sức mua của đồng tiền ở thời điểm mua cũng như ở thời điểm thanh toán công trái.

Phiếu công trái thu bằng thóc, khi thanh toán sẽ tính thành tiền theo thời giá lúc thanh toán.

Phiếu công trái thu bằng tiền cũng như phiếu công trái thu bằng thóc, khi thanh toán sẽ được trả bằng tiền hoặc bằng hàng công nghiệp tùy theo yêu cầu của người sở hữu phiếu công trái.

Phiếu công trái thu bằng ngoại tệ chuyển đổi, khi thanh toán sẽ được trả bằng ngoại tệ cùng loại ghi ở phiếu. Nếu người sở hữu phiếu công trái muốn được trả bằng tiền Việt-nam hoặc bằng hàng công nghiệp thì quy đổi ngoại tệ sang tiền Việt-nam theo tỷ giá kiều hối ở thời điểm thanh toán và tính giá hàng bằng tiền Việt-nam.

Trong trường hợp mua phiếu công trái bằng ngoại tệ không chuyển đổi thì quy đổi ngoại tệ ấy sang tiền Việt-nam theo tỷ giá phi mậu dịch ở thời điểm mua phiếu công trái, và xem như mua phiếu công trái bằng tiền Việt-nam. Khi thanh toán sẽ thanh toán như phiếu công trái thu bằng tiền Việt-nam.

Phiếu công trái được ghi tên và địa chỉ người mua. Nhà nước công nhận quyền sở hữu về phiếu công trái của người mua như đối với tài sản riêng của mọi công dân. Phiếu công trái được phép chuyển nhượng khi cần thiết. Khi chuyển nhượng cũng như khi mất phiếu công trái, người sở hữu công trái phải làm một số thủ tục nhất định. Làm như vậy chính là nhằm bảo vệ quyền sở hữu về công trái của người mua công trái.

Ngoài việc được Nhà nước bảo đảm sức mua của tiền mua công trái và công nhận quyền sở hữu của người có phiếu, người mua công trái còn được hưởng lãi hằng năm là 2% tính trên số tiền, số thóc, số ngoại tệ ghi trên phiếu. Số lãi về công trái không trả hằng năm và cũng không gộp thành vốn để hưởng lãi theo kiểu lãi trước đẻ lãi sau.

Sau 10 năm, kể từ ngày mua, Nhà nước hoàn trả cả vốn và lãi sòng phẳng. Vốn và lãi được thanh toán một lần. Mọi phiếu công trái đến hạn thanh toán đều được hoàn trả tại Ngân hàng cơ sở hoặc quỹ tiết kiệm của phường, xã, nơi người sở hữu phiếu công trái cư trú, không phân biệt phiếu đó được mua ở đâu. Khi thanh toán, người sở hữu phiếu công trái có thể nhận vốn và lãi bằng tiền, hoặc nhận phiếu mua hàng. Phiếu mua hàng đó có giá trị mua ở cửa hàng quốc doanh nào gần nhất tùy theo yêu cầu của người sở hữu phiếu công trái.

★

Để cuộc vận động mua công trái trong cả nước đạt được kết quả tốt, cần *tổ chức giải thích thật sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân*. Làm cho mọi người hiểu rõ bản chất công trái của Nhà nước ta, hiểu rõ ý nghĩa to lớn của việc mua công trái, từ đó mà tăng thêm lòng tin tưởng ở tiền đồ xán lạn của Tổ quốc, hăng hái thi đua lao động sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng, dành tiền, dành thóc, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Các cấp Đảng và chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các ngành và mọi tổ chức xã hội khác *đều có trách nhiệm trong việc vận động nhân dân*

Digitized by Google

mua công trái. Nghị quyết của Bộ chính trị về việc phát hành công trái đã chỉ rõ: «Ban bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng cùng các cấp bộ Đảng và chính quyền trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động này.

Mặt trận Tổ quốc Việt-nam, Tổng công đoàn, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các đoàn thể quần chúng khác cần lấy việc vận động đồng bào mua công trái làm một nội dung quan trọng trong công tác vận động quần chúng của mình.

Ở mỗi cấp, từ trung ương đến xã, phường, cần thành lập Ủy ban vận động mua công trái, lấy *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc* làm nòng cốt và gồm những đồng chí có uy tín, những nhân sĩ tiêu biểu và đại diện của các ngành, các giới (Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan thông tin, tuyên truyền, báo chí, v.v.). Ủy ban vận động mua công trái có nhiệm vụ phối hợp hoạt động của các ngành trong công tác tuyên truyền, cổ động về công trái và vận động quần chúng mua công trái».

Ngoài ra, để cuộc vận động mua công trái đạt được kết quả tốt, cần có chế độ khen thưởng và xử phạt kịp thời. Những người có đóng góp xuất sắc về công trái, những địa phương, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động phát hành công trái được Nhà nước biểu dương, khen thưởng. Ngược lại, kẻ nào làm giả phiếu công trái, tuyên truyền, xuyên tạc chính sách công trái, hoặc có hành vi khác phá hoại việc phát hành công trái, nhất thiết phải bị xử lý nghiêm khắc theo pháp luật.

★

Nhân dân ta vốn có truyền thống yêu nước. Truyền thống đó từ khi có Đảng ta lãnh đạo đã được nâng lên theo cấp số nhân, và ngày nay được phát triển đầy đủ thành tình yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, thành ý chí sắt đá và quyết tâm sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Với truyền thống đó, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua được mọi khó khăn thử thách, liên tiếp giành được thắng lợi trong tất cả các thời kỳ cách mạng, làm cho Tổ quốc ta, dân tộc ta ngày càng có uy tín trên trường quốc tế. Đảng và Nhà nước đánh giá rất cao truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta và tin tưởng vững chắc rằng mọi tầng lớp nhân dân Việt-nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước nhất định nhiệt tình hưởng ứng việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc.

Digitized by Google

TÍCH LŨY VÀ TIÊU DÙNG
TRONG CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT Ở NƯỚC TA

CHU - TAM - THỨC

CON ĐƯỜNG CƠ BẢN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÍCH LŨY VÀ TIÊU DÙNG TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Hiện nay, nước ta đang ở giai đoạn tích lũy ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Từ nay đến hết những năm 80, phải phấn đấu tích lũy để bảo đảm cho nhiệm vụ công nghiệp hóa mà nội dung cụ thể là tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp quan trọng, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công nông nghiệp hợp lý.

Trong kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 – 1980), riêng phần tích lũy bỏ vào xây dựng cơ bản, tuy còn thấp hơn so với kế hoạch đề ra, nhưng cũng đã tương đương với tổng mức đầu tư cho miền Bắc 20 năm trước đó (1955 – 1975). Như vậy, nếu chỉ với mức độ tích lũy như trên, thì nhu cầu về vốn cho đến hết những năm 80 cũng đã rất to lớn, điều đó nói lên tính chất *bức thiết, khó khăn và rất gay gắt* của việc tích lũy trong chặng đường trước mắt. Bức thiết, khó khăn và gay gắt vì vừa phải giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống, vừa phải bảo đảm nhu cầu to lớn và khẩn trương của hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, chúng ta đang ở trình độ sản xuất nhỏ, kinh tế còn thấp kém, mất cân đối nhiều mặt, thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội, xuất khẩu chưa đủ nhập khẩu, thu chưa đủ chi. Nói cách khác, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy nội bộ, nhưng lại yêu cầu có tích lũy lớn.

Trước yêu cầu tích lũy và tiêu dùng đang đặt ra, con đường cơ bản để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong chặng đường trước mắt ở nước ta là *phát*

Digitized by Google

huy ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh thần tự lực, tự cường, sống bằng kết quả lao động của chính mình, thực hiện triệt để tiết kiệm, tiêu dùng theo mức của cải làm ra, phấn đấu để tạo nên và không ngừng tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, nhất là trong khu vực kinh tế quốc doanh.

Sắp xếp lại sản xuất, phát triển kinh tế, kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, phân bố lại lao động và tạo thêm việc làm để sử dụng hết lao động xã hội, không ngừng tăng năng suất lao động và ra sức tiết kiệm để vừa đáp ứng yêu cầu tiêu dùng hợp lý, vừa có tích lũy.

Trên quan điểm tự lực tự cường, phấn đấu để nhanh chóng *tự sản xuất đủ cho tiêu dùng và khống chế mức tiêu dùng trong phạm vi của cải trong nước làm ra, không được vượt quá giới hạn sản xuất cho phép*, ít ra trước mắt cũng dành được toàn bộ số vốn tranh thủ được từ nước ngoài vào tích lũy. Cần thấy trước rằng trong điều kiện kinh tế làm chưa đủ ăn mà nhu cầu xây dựng và quốc phòng lại lớn và bức thiết, thì *dù có cố gắng cao độ, mức tiêu dùng cũng còn rất hạn chế*. Nhà nước hết sức chăm lo đời sống, nhưng đồng thời phải làm cho mọi người *biết chịu đựng thiếu thốn, khó khăn, chặt chẽ và tiết kiệm trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng cá nhân và tiêu dùng xã hội*. Cho nên, mục tiêu cấp bách về tiêu dùng là *ổn định đời sống*, trước hết là giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu tối thiểu về mặc, học hành, chữa bệnh, ở, đi lại... Nhằm mục tiêu đó, sắp xếp lại tiêu dùng để với khả năng thực tế hiện nay, ta vẫn có thể giảm bớt khó khăn, tổ chức đời sống cho nhân dân ổn định hơn, công bằng, hợp lý hơn, tương xứng với kết quả lao động và cống hiến của từng người hơn. *Điều tiết lại thu nhập*, tránh sự chênh lệch bất hợp lý hiện nay giữa các tầng lớp nhân dân, giữa những người lao động trong các ngành nghề, các cơ sở khác nhau; kiên quyết loại trừ mức sinh hoạt phè phỡn, quá đáng của những kẻ dựa vào các nguồn thu nhập không chính đáng, bất hợp pháp đang tồn tại không ít trong xã hội ta.

Khi nền kinh tế đã chuyển biến tốt, có sản phẩm thặng dư, việc cải thiện đời sống được giải quyết từng bước, nhưng với tinh thần *dành ưu tiên cho tích lũy*, bảo đảm trong thời kỳ quá độ *tốc độ tăng tiêu dùng phải thấp hơn tốc độ tăng tích lũy*, ít nhất cũng không làm giảm mức tích lũy cho công nghiệp hóa, năm sau so với năm trước.

Tích lũy ban đầu của ta hiện nay còn dựa vào thu nhập quốc dân nước ngoài. Sớm tiến đến chỗ tích lũy phải do sản xuất trong nước bảo đảm, đạt tỷ trọng ngày càng cao so với số vốn viện trợ và vay trong tổng mức tích lũy hằng năm. Trong quá trình phát triển theo chiến lược kinh tế – xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã vạch ra, mỗi cơ sở sản xuất, mỗi địa phương, mỗi ngành, khu vực quốc doanh cũng như khu vực tập thể, vừa phải chăm lo giải quyết vấn đề đời sống tại chỗ, vừa phải đề cao trách nhiệm, quan tâm đầy đủ đến việc tích lũy cho bản thân và cho cả nước.

Nhằm phát huy ý thức làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường của nhân dân, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương và biện pháp cải tiến quản lý, tháo gỡ những vướng mắc, mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của các ngành, địa phương và cơ sở. Với quyết định 25/CP của Hội đồng Chính phủ và những sửa đổi, bổ sung tiếp theo, với chỉ thị 100 của Ban bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, nhiều nơi đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong phong trào

Digitized by Google

sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm hơn, nâng cao thu nhập của người lao động, đồng thời tăng tích lũy cho Nhà nước.

Để tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn bộ nền kinh tế, phải tiếp tục *khắc phục tư tưởng ỷ lại, ngăn chặn và nhanh chóng gạt bỏ tư tưởng tản mạn, cục bộ, bản vị và những biểu hiện tiêu cực khác* đã và đang tác động xấu đến đời sống kinh tế, xã hội, làm phân tán khả năng và tiềm lực của Nhà nước, gây khó khăn cho việc giải quyết các nhiệm vụ cấp bách về tích lũy và tiêu dùng.

Việc tăng cường phân cấp quản lý, tạo thế chủ động sản xuất, kinh doanh và tự chủ về tài chính là nhằm phát huy sức lực và trí sáng tạo của các ngành, địa phương và cơ sở trong việc khai thác tốt mọi tiềm năng, đẩy mạnh sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn chung. Cho nên, sự chủ động và tự chủ trong kinh tế chỉ có ý nghĩa tích cực khi nó bảo đảm được sự phát triển hài hòa, thống nhất của nền kinh tế quốc dân và sự quản lý tập trung của Nhà nước. Không kết hợp đúng đắn « ba lợi ích », tách rời lợi ích bộ phận với lợi ích toàn cục, thậm chí để lợi ích bộ phận lấn át lợi ích chung như đang xảy ra ở khá nhiều nơi, là hoàn toàn trái với nguyên tắc quản lý trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng cục bộ, bản vị, lo vun vén cho lợi ích cá nhân và bộ phận, cũng như tư tưởng trông chờ ỷ lại, đều là biểu hiện sự thấp kém về ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm, nó làm suy yếu khả năng tập trung của Nhà nước trong việc giải quyết các yêu cầu trọng yếu và cấp bách nhất về đời sống, về xây dựng và quốc phòng của cả nước, cản trở bước tiến của chúng ta trên con đường tự lực tự cường. Vấn đề đặt ra cho tất cả các ngành, các cấp, cho mọi người là phải kiên quyết khắc phục các khuynh hướng lệch lạc, tiêu cực trên đây, *hướng vào mục tiêu công nghiệp hóa, góp phần nhiều nhất cho nhiệm vụ tích lũy xã hội chủ nghĩa.* Không ngừng nâng cao *ý thức về nghĩa vụ* của nhân dân đóng góp cho Nhà nước, thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm »; tăng cường trách nhiệm của các địa phương, ngành và cơ sở đối với trung ương trong việc giao nộp sản phẩm, đóng góp vào quỹ tài chính tập trung; tranh thủ sự viện trợ của nước ngoài nhưng không ỷ lại, mà với ý thức tự lực tự cường, biết xem trọng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt nguồn vốn từ bên ngoài, xem đó là một sự tiếp sức cho ta nhanh chóng nâng cao khả năng sản xuất, tự mình đáp ứng tốt nhu cầu xây dựng và đời sống của nhân dân.

Quan điểm *tiết kiệm và hiệu quả* gắn liền với tinh thần tự lực tự cường cần được quán triệt sâu sắc trong tích lũy và tiêu dùng. Tiết kiệm là một quốc sách lớn đề ra cho mọi lĩnh vực sản xuất và không sản xuất vật chất, cho mọi mặt tiền vốn, vật tư và lao động, cho mọi tổ chức và mọi người. Hiệu quả là nguyên tắc, là thước đo của hoạt động kinh tế. Hiện nay, sản xuất kinh doanh còn kém hiệu quả, nhiều nơi còn thua lỗ, vật tư, tiền vốn bị sử dụng tùy tiện, lãng phí và để mất mát, hư hỏng khá nghiêm trọng. Khả năng tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thực hành tiết kiệm của ta rất lớn, nhất là trong xây dựng cơ bản. Nếu chúng ta khắc phục lãng phí, giảm chi phí, tăng hiệu quả sử dụng vốn lên một ít trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, thì cũng đã có thể tạo ra nguồn vốn khá lớn để giải quyết nhiều khó khăn về đời sống và tích lũy trong điều kiện hiện nay.

Đi đôi với những vấn đề đặt ra về mặt phát triển kinh tế, không thể không đặc biệt quan tâm đến tác động của *dân số* khi nói đến tích lũy và tiêu dùng. Một trong các nguyên nhân đẻ ra khó khăn là tốc độ tăng dân số

Digitized by Google

quá cao (2,4% hằng năm, trong lúc tổng sản phẩm xã hội bình quân hằng năm từ 1976 đến 1980 chỉ tăng 0,28%). Việc phát triển dân số một cách có kế hoạch, với tốc độ thấp hơn nhiều so với tốc độ mở rộng tái sản xuất và tăng năng suất lao động, tăng thu nhập quốc dân, có ý nghĩa quyết định đối với khả năng tăng tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân.

GIẢI QUYẾT ĐÚNG ĐẮN QUAN HỆ GIỮA TÍCH LŨY VÀ TIÊU DÙNG THÔNG QUA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đại bộ phận thu nhập quốc dân được phân phối qua hệ thống tài chính Nhà nước mà khâu trung tâm là ngân sách Nhà nước.

Tài chính, với chức năng phân phối và kiểm tra các hoạt động kinh tế xã hội, có nhiệm vụ thực hiện việc tích lũy xã hội chủ nghĩa và tiêu dùng qua ngân sách, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống của nhân dân. Thông qua chức năng và nhiệm vụ đó, tài chính trở thành công cụ sắc bén của Nhà nước về tổ chức, kiểm kê và kiểm soát quá trình sản xuất kinh doanh và phân phối tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân. Do đó, *việc tích lũy và tiêu dùng qua hệ thống tài chính Nhà nước có vị trí quan trọng nhất và có ý nghĩa quyết định nhất.*

Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, nguồn vốn được tập trung vào ngân sách Nhà nước khá lớn, nhiều gấp 5 lần thời kỳ 1961 — 1965, vượt tổng thu ngân sách của cả 10 năm 1966 — 1975. Với số vốn ấy, Nhà nước đã sử dụng vào quỹ có tính chất tích lũy 39,2%, vào quỹ có tính chất tiêu dùng thường xuyên 26,4%, — nếu kể cả bù giá, bù lỗ (phần lớn cho tiêu dùng) thì tới 33,3%, xấp xỉ tổng số vốn bỏ vào xây dựng kinh tế, văn hóa và bằng 86,2% toàn bộ số chi có tính chất tích lũy.

Kết quả phân phối đó đã đáp ứng một phần rất quan trọng các nhu cầu cấp bách về xây dựng, quốc phòng và đời sống trong những năm qua.

Tuy nhiên, việc tổ chức phân phối tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, việc hình thành và sử dụng quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng thông qua hệ thống tài chính Nhà nước còn nhiều khuyết điểm.

Về nguồn vốn, chúng ta thu chưa đủ trang trải các nhu cầu chi tiêu, chưa xây dựng được dự trữ tài chính Nhà nước cần thiết. Thu nhập quốc dân trong nước động viên vào ngân sách trong thời gian kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 — 1980) chiếm tỷ trọng bình quân 61,4% tổng số thu ngân sách và chỉ mới bảo đảm được 94% các khoản chi có tính chất tiêu dùng qua ngân sách và chi trả nợ của Nhà nước. Toàn bộ chi có tính chất tích lũy và 6% quỹ tiêu dùng qua ngân sách phải dựa vào nguồn thu từ ngoài nước. Mặc dù số viện trợ và vay này khá lớn (38,6% tổng số thu), ngân sách vẫn không thăng bằng, bội chi tăng qua các năm, đến năm 1982 mới bắt đầu giảm bội chi được một ít so với năm trước. Tình hình đó có nguyên nhân khách quan là nền kinh tế của ta còn thấp kém, mất cân đối nhiều mặt, chịu hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, một số năm gần đây lại bị thiên tai lớn cộng với sự phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ. Nhưng mặt

Digitized by Google

quan trọng là do có những khuyết điểm, sai lầm về cụ thể hóa đường lối và tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế do Đảng đề ra, trong đó thiếu sót, khuyết điểm về mặt tài chính trực tiếp làm cho tình hình tích lũy và tiêu dùng khó khăn, phức tạp thêm. Trước khả năng hạn chế của nền kinh tế, việc bồi dưỡng, khai thác các nguồn thu phải được tổ chức tốt hơn, nhưng trên thực tế ta chưa làm triệt để, đúng mức: bỏ sót hoặc xem nhẹ một số nguồn thu, động viên chưa đầy đủ, kịp thời từ khu vực kinh tế quốc doanh, động viên còn quá thấp đối với khu vực tập thể, cá thể và tư nhân. Tỷ lệ động viên thời kỳ 1961 — 1964 đạt từ 28% đến 30%, còn trong kế hoạch 5 năm 1976 — 1980 chỉ vào khoảng 21% thu nhập quốc dân sản xuất, năm 1982 chỉ còn 19%. Đây là *một tỷ lệ quá thấp so với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*. Ngoài ra, lại còn những khoản thu nằm ngoài vòng quản lý, không được tập trung vào tay Nhà nước để đưa vào cân đối thu chi ngân sách.

Về mặt phân phối, sử dụng vốn, phần dành cho tích lũy còn thấp. Trong lúc sản xuất trong nước chưa tạo ra sản phẩm thặng dư, thì tối thiểu cũng phải cố gắng dành toàn bộ nguồn vốn thu hút được từ ngoài nước vào tái sản xuất mở rộng, nhưng chúng ta không làm được như vậy, đã san sẻ nguồn vốn ấy cho tiêu dùng.

Vốn tích lũy đã ít, *việc bố trí sử dụng lại thiếu chặt chẽ, kém hiệu quả*, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. Những năm qua, chúng ta đã đầu tư vốn một cách phân tán, dàn đều, thiếu trọng điểm và không đồng bộ, thiếu điều tra, cân nhắc kỹ lưỡng, thiếu chuẩn bị chu đáo, quản lý thi công chưa tốt, do đó chi phí đầu tư tăng, giá thành xây dựng cao, thường vượt dự toán từ 15% đến 30%, thời gian xây dựng kéo dài, bình quân lên tới 1,9 lần thời gian thi công kế hoạch, khối lượng công trình dở dang rất lớn, bằng 85%, thậm chí có năm bằng 194% khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện. Do thiếu sót trong việc bố trí cơ cấu đầu tư, cho nên năng lực sản xuất mới tạo ra không được sử dụng đầy đủ và liên tục. Tính chung lại, hệ số huy động tài sản cố định và năng lực sản xuất mới vào hoạt động bình quân trong 5 năm 1976 — 1980 là 51,1% tổng mức đầu tư, thấp hơn nhiều so với thời kỳ 1960—1965 (70,4%). Hiệu quả đầu tư ít: một đồng tài sản cố định trong khu vực quốc doanh năm 1976 làm ra thu nhập quốc dân được 0,245 đồng, năm 1980—0,197 đồng, trong lúc ở một số nước con số đó là khoảng 1 đồng, và ngay ở nước ta vào thời kỳ 1961—1965 cũng là từ 0,6 đến 0,7 đồng: một đồng vốn sản xuất (tài sản cố định và tài sản lưu động) chỉ đưa lại thu nhập thuần túy tập trung 0,111 đồng năm 1976, tăng lên 0,13 đồng các năm 1977, 1978, sụt dần xuống 0,108 đồng năm 1979, 0,095 năm 1980 và chỉ còn khoảng 0,09 đồng những năm 1981 — 1982.

Trong lúc phần dành cho tích lũy ít và giảm dần, thì phần chi cho tiêu dùng khá lớn và ngày càng tăng: năm 1980 hơn năm 1976 37,9%, trong đó chi cho tiêu dùng cá nhân tăng nhanh hơn, nhưng đời sống lại khó khăn hơn. Quỹ tiêu dùng tăng, đời sống giảm sút là do tác động của nhiều nhân tố nằm trong bản thân sản xuất, trong phân phối lưu thông như tiền lương, tiền tệ, giá cả và thị trường v v Về mặt tài chính, tiền tệ, đáng chú ý trước hết là việc bội chi ngân sách, bội chi tiền mặt tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế—xã hội nói chung, ảnh hưởng trực tiếp đến tiêu dùng, nhất là đến đời sống của những người lao động làm công ăn lương. Mặt khác, chế độ hành chính quan

Digitized by Google

tiêu bao cấp trong quản lý tài chính Nhà nước cộng với biên chế hành chính cồng kềnh đã đẻ ra nhiều khoản chi tiêu lớn, bất hợp lý, dẫn đến nhiều hiện tượng ỷ lại, thiếu trách nhiệm, sử dụng vốn tùy tiện, lãng phí, do đó chẳng những đã hạn chế khả năng tích lũy mà còn làm giảm tác dụng của quỹ tiêu dùng vốn đã quá lớn trong cơ cấu ngân sách hiện nay. Nếu xóa bỏ hành chính bao cấp, tinh giản bộ máy và giảm nhẹ biên chế, thì với quỹ tiêu dùng như hiện nay, Nhà nước có thể giải quyết được nhiều khó khăn về đời sống, trước hết là đời sống của công nhân, viên chức Nhà nước, lại còn có thể tác động tích cực đến sản xuất, thúc đẩy tăng năng suất, tăng hiệu quả, ảnh hưởng tốt đến tình hình tài chính Nhà nước, đến tình hình tích lũy qua ngân sách nói riêng.

Để vượt qua khó khăn và khả năng hạn chế của nền kinh tế quốc dân hiện nay, bảo đảm điều kiện thắng lợi cho việc thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, *cần nắm vững tài chính, tăng cường vai trò và tác dụng của tài chính, thực hiện tốt nhiệm vụ tích lũy và tiêu dùng qua ngân sách*, khâu quan trọng và quyết định của vấn đề tích lũy và tiêu dùng.

Trên cơ sở kinh tế được đẩy mạnh, cần «*động viên cao độ mọi nguồn vốn vào tay Nhà nước*» (Nghị quyết Đại hội V), xem việc động viên tài chính cho Nhà nước *là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở*. Tăng cường tổ chức và quản lý, tập trung đầy đủ, kịp thời thu nhập thuần túy tạo ra trong khu vực kinh tế Nhà nước, động viên mạnh mẽ hơn, đúng với khả năng dồi dào của kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân, chú ý điều tiết triệt để các nguồn thu nhập bất hợp lý, không chính đáng của cá thể và tư nhân. Đồng thời, quan tâm bồi dưỡng nguồn thu, phát triển các hình thức động viên, không bỏ sót các nguồn thu dù là nhỏ, nhằm khai thác mọi khả năng có thể khai thác để tăng thu cho tài chính, bao gồm cả việc động viên thông qua tín dụng các nguồn tiền nhàn rỗi và để dành của các tổ chức và nhân dân. Làm như vậy là để nâng cao đáng kể tỷ lệ động viên tài chính lên theo đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu chi tiêu bức thiết của Nhà nước.

Tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế, trước hết với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, hết sức khai thác và sử dụng tốt các nguồn vốn từ nước ngoài để bổ sung cho nguồn vốn trong nước.

Đi đôi với việc tăng cường động viên, nâng cao nguồn thu trong nước kết hợp với tranh thủ vốn viện trợ và vay của nước ngoài, cần *quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả mọi nguồn vốn tập trung được, với tinh thần sắp xếp, khống chế mức tích lũy và tiêu dùng trong phạm vi khả năng thu của ngân sách*. Trong công tác thu, phải lấy biện pháp tăng thu làm chính, coi trọng đến từng món nhỏ, thì trong công tác chi, phải tính toán, cân nhắc từng khoản, tiết kiệm từng đồng. Kiên quyết ngăn chặn mọi thái độ tùy tiện, vô tổ chức trong việc sử dụng vốn Nhà nước; khắc phục mọi biểu hiện hình thức, phô trương, lãng phí; chấm dứt việc chi tiêu vô nguyên tắc cho tiệc tùng, liên hoan, quà biếu, tặng phẩm; nghiêm trị các tội tham ô, lợi dụng, xâm phạm tài sản quốc gia. Mọi ngành, mọi cấp phấn đấu để cân đối ngân sách một cách tích cực, sớm chấm dứt bội chi, không phát hành để chi tiêu cho ngân sách, đồng thời phấn đấu giảm và tiến tới chấm dứt

Digitized by Google

bội chi tiền mặt, tạo điều kiện ổn định tiền tệ, giá cả để phục vụ tốt sản xuất, phân phối lưu thông, bảo đảm giá trị thực tế cho quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng.

Trong việc bố trí sử dụng vốn, ngay trước mắt hạn chế quỹ tiêu dùng qua ngân sách trong phạm vi số thu trong nước, chấm dứt tình trạng sống dựa một phần vào thu nhập quốc dân nước ngoài. Tiền viện trợ và vay nợ từ bên ngoài phải được dùng vào sản xuất, vào xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội để tiếp sức cho ta trên con đường tự lực tự cường, nhanh chóng tạo ra tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

Với quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng đã được bố trí, sử dụng một cách có nguyên tắc, theo đúng các quy định chung của Nhà nước, không được tự tiện đặt ra các chế độ, tiêu chuẩn trái với kỷ luật tài chính Nhà nước. Phân phối vốn vào đâu, vào việc gì cũng cần tính toán, cân nhắc, nhằm những mục tiêu thiết yếu và cấp bách, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cao nhất. Việc đầu tư xây dựng cơ bản cần tập trung vào các công trình trọng điểm, các ngành then chốt, các sản phẩm quan trọng nhất, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn đều, không đồng bộ; không nên xây dựng mới nếu năng lực sản xuất hiện có chưa được sử dụng hết, chú trọng đầu tư theo chiều sâu, động viên nhân dân góp sức cùng làm với Nhà nước. *Việc cấp phát vốn và sử dụng vốn trong sản xuất phải mang lại doanh lợi.* Trong việc sử dụng vốn tài chính, thực hiện khẩu hiệu « Với nguồn vốn bằng hoặc ít hơn trước, làm ra của cải nhiều hơn và tốt hơn », *dành ưu tiên cho sản xuất, hạn chế chi tiêu hành chính và quản lý.* Đòi hỏi cấp bách lúc này là cắt giảm đáng kể chi tiêu hành chính, hết sức tiết kiệm chi tiêu quốc phòng và an ninh, giảm đến mức thấp nhất các khoản bù lỗ, nhất là bù lỗ cho tiêu dùng, vì hiện nay các khoản chi tiêu này, hậu quả của chế độ bao cấp và sự buông lỏng biên chế của bộ máy Nhà nước, đã lên tới mức mà ngân sách không còn gánh chịu được nữa.

Những yêu cầu trên đây về động viên và sử dụng vốn, thực hiện tích lũy và tiêu dùng qua ngân sách đặt ra những vấn đề phải giải quyết về mặt chính sách, chế độ cũng như phương thức, biện pháp quản lý tài chính.

Trước hết, nghiêm chỉnh thi hành pháp lệnh thuế nông nghiệp và thuế công thương nghiệp nhằm *khuyến khích sản xuất, đẩy mạnh và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường mức động viên vốn vào ngân sách*, làm cho mọi người, mọi tổ chức *thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp đối với tài chính Nhà nước.*

Kịp thời rà soát và cải tiến các chính sách, chế độ và biện pháp cấp phát và chi tiêu, thay đổi những quy định, những tiêu chuẩn, định mức đã lỗi thời, vừa cản trở, trói buộc sản xuất, vừa tạo chỗ dựa cho việc sử dụng tài chính một cách tùy tiện, vô nguyên tắc. Kiên quyết sửa hoặc bỏ những quy định chứa đựng nội dung bao cấp đã và đang nuôi dưỡng tư tưởng ỷ lại, thiếu trách nhiệm đối với tài chính Nhà nước. Các chính sách, chế độ và biện pháp quản lý tài chính cần được cải tiến, sửa đổi sao cho việc sử dụng vốn tài chính trong khu vực sản xuất phải tuân theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, trong khu vực hành chính sự nghiệp, trong tiêu dùng phải thật sự tiết kiệm, tuân theo những hạn mức, những định mức tiêu chuẩn chặt chẽ, hợp lý, *loại trừ được tận gốc bệnh hành chính, quan liêu, bao cấp* đang tồn tại và ngày càng tác động tiêu cực đến toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội.

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TRƯỜNG - SƠN

BÁO cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội thứ V của Đảng đã khẳng định nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay là: « Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý ».

Thực hiện đường lối đó, thời gian qua sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực đã có những tiến bộ rõ rệt, đời sống của nông dân lao động nói chung được ổn định và có mặt được cải thiện. Trong công nghiệp, việc mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, việc áp dụng các hình thức tiền lương theo sản phẩm, tiền lương khoán cùng các chính sách kích thích sản xuất khác đã tạo ra những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp tăng chậm và chưa ổn định, mức sản xuất của công nghiệp quốc doanh và công nghiệp trung ương năm 1983 chưa bằng năm 1978.

Những khó khăn, trì trệ trong kinh tế hiện nay là do nhiều nguyên nhân, trong đó có phần do chúng ta chưa quán triệt đầy đủ đường lối công nghiệp hóa của Đảng. Chính vì vậy, nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) một lần nữa khẳng định: « Không xem nông nghiệp hiện nay là mặt trận hàng đầu là sai lầm; nhưng xem nhẹ *nhiệm vụ trung tâm của suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với nội dung kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý cũng là sai lầm ».

Vậy tinh thần cơ bản của nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta là gì? Đó là vấn đề trước tiên cần được làm sáng tỏ:

1 — *Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp.* Đường lối kinh tế của

Digitized by Google

Đảng đã chỉ rõ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta là lấy nông nghiệp làm cơ sở. Lấy nông nghiệp làm cơ sở vì nông nghiệp là nơi tạo ra các tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa. Có một nền nông nghiệp phát triển mới bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm cho xã hội, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp, tạo ra hàng hóa nông sản xuất khẩu để tích lũy ngoại tệ. Phát triển nông nghiệp sản xuất lớn mới tạo được thị trường rộng lớn cho công nghiệp và tạo nên một sự phân công lao động xã hội mới.

Để phát huy vai trò cơ sở của nông nghiệp, cần phải tập trung sức phát triển nông nghiệp. Tập trung sức phát triển nông nghiệp là tập trung vốn đầu tư, tập trung tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng, tập trung khoa học kỹ thuật, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm động viên cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp phục vụ nông nghiệp. Tập trung vào nông nghiệp là vừa đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp, vừa đầu tư cho các ngành khác, nhất là các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Nhưng tập trung cho nông nghiệp không nhất thiết phải đầu tư vốn nhiều nhất cho nông nghiệp, vì trong nông nghiệp có thể thực hiện triệt để phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm», và nếu có cơ chế quản lý và chính sách kinh tế thích hợp thì có thể phát huy và tận dụng ưu thế của lao động sống để khắc phục những hạn chế của lao động vật hóa. Thực tế của việc khoán mới trong nông nghiệp vừa qua đã chứng minh điều đó.

Một nền nông nghiệp có thể làm cơ sở cho sự phát triển công nghiệp và đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân phải là một nền nông nghiệp lớn. Do đó, nông nghiệp không thể phát triển theo bất cứ hướng nào khác ngoài hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trước hết là nền nông nghiệp phát triển toàn diện với sáu ngành nghề chính: sản xuất lương thực; trồng cây công nghiệp; chăn nuôi; trồng cây gây rừng; nuôi cá; làm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Tiêu chuẩn của một nền nông nghiệp toàn diện được thể hiện ở diện tích trồng cây công nghiệp phải chiếm khoảng 20 – 30% diện tích đất nông nghiệp, sản lượng chăn nuôi chiếm khoảng 40 – 50% sản lượng nông nghiệp và hầu hết hợp tác xã nông nghiệp là hợp tác xã nông – công nghiệp có hai ngành nông nghiệp và thủ công nghiệp đồng thời phát triển. Nội dung đầy đủ của một nền nông nghiệp toàn diện bao gồm 10 nhóm cây (lương thực, đậu đỗ, rau quả, cây có đường, cây có dầu, cây có sợi, cây làm thuốc, cây thức ăn gia súc, cây lấy gỗ củi, cây đặc sản), 6 nhóm con (trâu bò, lợn, gia cầm, thủy sản, ong, đặc sản) và 6 ngành nghề thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp (chế biến nông – lâm – thủy sản, sửa chữa và sản xuất công cụ, sản xuất vật liệu và xây dựng cơ bản, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu và vận tải). Nền nông nghiệp sản xuất lớn còn là một nền nông nghiệp chuyên canh và thâm canh có năng suất cao, tỷ suất hàng hóa lớn. Và, dương nhiên nền nông nghiệp sản xuất lớn còn là một nền nông nghiệp được thủy lợi hóa, hóa học hóa, cơ giới hóa và điện khí hóa phổ biến.

2 – *Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng.* Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nhằm đáp ứng những nhu cầu vật chất và văn hóa của xã hội, tạo thêm nhiều hàng để mở rộng thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu, thúc đẩy nông nghiệp phát triển và tạo cơ sở để phát triển công nghiệp nặng. Đối với nước ta, phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng không những là cần thiết mà còn có nhiều khả năng, vì chúng ta có nền

Digitized by Google

nông nghiệp nhiệt đới phong phú, có sức lao động dồi dào và đã có cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định.

Cần phát triển sản xuất hàng tiêu dùng theo hướng *phổ cập*, từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, từ quy mô lớn đến quy mô vừa và nhỏ, từ kỹ thuật hiện đại đến kỹ thuật thô sơ. Thực hiện rộng rãi phương châm Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương, gia đình và xã hội, quốc doanh, tập thể và cá thể cùng sản xuất hàng tiêu dùng. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng còn phát triển theo hướng *hoàn chỉnh*, gồm đủ các ngành nghề như chế biến lương thực, hoa màu, chế biến thủy sản, chế biến các chất đạm, béo, sản xuất đường, bánh kẹo, sản xuất rượu, bia và các loại nước giải khát, sản xuất chè, cà phê, thuốc lá, đồ hộp và các mặt hàng thực phẩm xuất khẩu, dệt, da, may mặc, chế biến giấy, gỗ, diêm, sản xuất sành, sứ, thủy tinh, kim khí tiêu dùng, phát triển công nghiệp in, văn hóa phẩm, dược liệu, dược phẩm, công nghiệp bao bì... Trước hết, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phải cố gắng giải quyết những nhu cầu thông thường của nhân dân mà điều kiện trong nước hoàn toàn có thể đáp ứng được như muối, chiếu cói, sành, sứ, thủy tinh, đồ gỗ, hàng đan lát..., đồng thời tạo điều kiện để phát triển một số mặt hàng chủ lực phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu như vải, giấy, đường, thuốc chữa bệnh, xe đạp, rượu, chè, thuốc lá, cà phê, cao su...

Việc nâng cao chất lượng hàng tiêu dùng cũng có ý nghĩa như tăng thêm số lượng mặt hàng. Cho nên trong sản xuất phải chú trọng cả số lượng và chất lượng; khả năng thực tế cho phép đạt đến đâu thì phấn đấu đạt số lượng và chất lượng đến đó; không được làm bừa, làm ẩu, gây lãng phí nguyên liệu và tạo thói xấu về lâu dài trong sản xuất và quản lý.

Việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng hiện nay chủ yếu là sắp xếp lại sản xuất và đầu tư chiều sâu để tận dụng các cơ sở sẵn có. Việc xây dựng thêm cơ sở mới đòi hỏi tính toán kỹ nguồn nguyên liệu và chỉ tiến hành sau khi đã khai thác hết năng lực của các cơ sở hiện có, kể cả quốc doanh và tập thể.

Nguyên liệu là vấn đề sống còn của sản xuất. Để giải quyết vấn đề này, mặt cơ bản là có những chính sách và biện pháp cụ thể nhằm từng bước tạo nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, khoáng sản, công nghiệp và nhập khẩu. Mặt khác, tận thu và sử dụng hết sức tiết kiệm, hợp lý các loại nguyên liệu sẵn có như tận thu gỗ cành, ngọn, gỗ cỡ nhỏ, gỗ trong khai hoang, gỗ tỉa thưa rừng trồng... để sản xuất đồ gỗ. Tận thu các loại da trâu, bò, lợn để chế biến đồ da. Tận thu, tận dụng mọi loại phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng để chế biến lại thành các hàng hóa cần thiết.

3 – Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trước hết có nghĩa là các ngành công nghiệp nặng cần được phát triển với tốc độ cao nhưng phải gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, và phải lấy phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ làm nhiệm vụ hàng đầu, nhằm làm cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ phát triển mạnh mẽ, vững chắc, đáp ứng nhu cầu của đời sống và xuất khẩu, đồng thời tạo ra những tiền đề cần thiết cho việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý còn có nghĩa là từng bước phát triển và tiến lên xây dựng một cơ cấu công nghiệp nặng tương đối hoàn chỉnh phù hợp với khả năng tài nguyên và yêu cầu của nền kinh tế nước ta. Cơ cấu đó bao gồm ba nhóm chủ yếu là công cụ,

Digitized by Google

năng lượng, nguyên liệu và sáu ngành cơ bản là cơ khí, luyện kim, vật liệu xây dựng, hóa chất, điện lực, nhiên liệu. Một nội dung rất cơ bản của ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý là không phát triển tất cả các ngành công nghiệp nặng theo kiểu « dàn hàng ngang » mà tùy theo điều kiện cụ thể của từng thời kỳ, các ngành công nghiệp nặng sẽ được phát triển trước sau, nhanh chậm với các mức độ khác nhau.

Trong điều kiện của nước ta hiện nay, trước mắt cần ưu tiên phát triển năng lượng bao gồm điện, than, dầu khí và các dạng năng lượng khác. Đặc biệt coi trọng phát triển thủy điện với các loại quy mô lớn, vừa và nhỏ, bảo đảm cân đối lưới điện với nguồn điện. Phát huy năng lực của các nhà máy điện hiện có, sử dụng hợp lý nguồn điện chạy bằng dầu. Giảm mạnh lượng điện tự dùng, lượng điện tiêu hao và mất mát. Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng và bảo đảm vận hành tốt Nhà máy điện Phả-lại. Bảo đảm tiến độ thi công Nhà máy thủy điện Hòa-bình. Tích cực chuẩn bị xây dựng Nhà máy thủy điện Trị-an.

Đẩy mạnh khai thác than kể cả các mỏ than nhỏ, than bùn ở các địa phương, tận dụng các loại than nhiệt lượng thấp. Kiên quyết đầu tư đồng bộ để sớm cân đối dây chuyền sản xuất của ngành than, nhất là khâu vận tải nhằm khắc phục tình trạng ứ đọng than. Ra sức cung cấp đủ lương thực, thực phẩm và cải thiện điều kiện làm việc nhằm nâng cao nhiệt tình và năng suất lao động của công nhân mỏ.

Quy hoạch và sắp xếp lại ngành cơ khí theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa. Đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực hiện có, kết hợp với xây dựng thêm một số cơ sở mới thật cần thiết. Ngành cơ khí phải coi trọng cả hai nhiệm vụ chế tạo và sửa chữa, vươn lên sản xuất phụ tùng và bảo đảm sửa chữa máy móc, thiết bị cho các ngành. Nhanh chóng cung cấp đủ công cụ thường và cải tiến với chất lượng tốt và quy cách thích hợp cho lao động xã hội.

Các ngành sản xuất nguyên liệu, vật liệu cần được phát triển với tốc độ cao, huy động tốt năng lực luyện cán thép hiện có để tăng sản lượng thép. Tích cực chuẩn bị xây dựng nhà máy luyện thép mới. Mở rộng sản xuất thiếc, chì, kẽm bằng các phương pháp cơ giới, nửa cơ giới và thủ công. Đẩy mạnh sản xuất phân lân, phân đạm và các loại nông dược để phục vụ nông nghiệp. Khai thác và sử dụng các loại nguyên liệu trong nước, tổ chức sản xuất theo quy mô vừa và nhỏ các loại hóa chất cần thiết để thay thế hóa chất nhập khẩu. Phát triển rộng rãi vật liệu xây dựng từ công nghiệp trung ương đến công nghiệp địa phương, từ vật liệu thông thường đến vật liệu cao cấp. Phát huy tốt năng lực sản xuất của các nhà máy xi măng lớn đã có. Mở rộng mạng lưới sản xuất vôi, gạch, ngói để phục vụ nông nghiệp và xây dựng, tạo điều kiện đưa ngành sản xuất đá lên quy mô lớn và cơ giới hóa.

Để phát triển công nghiệp nặng, cần sắp xếp lại sản xuất của các cơ sở hiện có, tiếp tục xây dựng có trọng điểm một số cơ sở mới cần thiết, đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho bước phát triển mạnh mẽ và sâu rộng hơn của các ngành công nghiệp nặng trong các kế hoạch sau.

★

Để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đạt được kết quả tốt, ngoài việc thấu suốt nội dung công nghiệp hóa, chúng ta còn phải thực hiện cho được mấy biện pháp cơ bản sau đây:

Digitized by Google

1 — Xây dựng cơ cấu hạ tầng cho sản xuất. Cơ cấu hạ tầng là cơ sở của sản xuất, là điều kiện quan trọng của tái sản xuất mở rộng. Theo kinh nghiệm ở nhiều nước, nơi nào quan tâm đầy đủ và đầu tư thích đáng cho việc xây dựng cơ cấu hạ tầng thì nơi đó sản xuất phát triển thuận lợi. Với điều kiện cụ thể của nước ta, trong vòng 10 — 15 năm tới, việc xây dựng cơ cấu hạ tầng nên tập trung vào những việc chính như sau:

Đầu tư thích đáng cho việc phát triển giao thông vận tải và thông tin liên lạc nhằm bảo đảm cân đối với sản xuất, đời sống và quốc phòng;

Ưu tiên phát triển năng lượng, nhất là thủy điện làm cho năng lượng thật sự đi trước một bước. Bảo đảm phát triển cân đối giữa lưới điện và nguồn điện;

Tích cực bảo vệ rừng và đẩy mạnh phong trào trồng cây, gây rừng nhằm nhanh chóng phủ xanh đồi trọc, trải rộng thảm thực vật rừng trên mọi miền đất nước, bảo đảm cho rừng thực hiện được hai chức năng phòng hộ và cung ứng;

Từng bước cải tạo và xây dựng đồng ruộng, thực hiện rộng rãi phương châm nông — lâm kết hợp, có chế độ khai thác và sử dụng đất hợp lý theo hướng thâm canh nhằm ổn định và tiến tới nâng cao độ màu mỡ của đất;

Tiến hành cải cách giáo dục nhằm đào tạo và bồi dưỡng với quy mô thích hợp đội ngũ lao động mới, đội ngũ công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học kỹ thuật có phẩm chất và năng lực phù hợp với yêu cầu phân công lao động trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa;

Có kế hoạch tìm kiếm, thăm dò và khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn nước, bảo đảm nước cho sản xuất và đời sống. Tổ chức tốt việc cấp nước và thoát nước ở các thành phố, thị xã, thị trấn, các khu công nghiệp, các vùng kinh tế mới;

Tiếp tục phát triển công tác y tế theo hướng kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh, đông y với tây y nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

2 — Mở rộng kinh tế đối ngoại. Kinh tế đối ngoại là một tiềm lực thật sự, là một chỗ dựa cực kỳ quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc và phương hướng của công tác kinh tế đối ngoại là:

Ưu tiên mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên-xô và phát triển hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế theo hướng liên kết kinh tế.

Mở rộng và tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau với Lào, Cam-pu-chia nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục khó khăn của mỗi nước, giúp nhau giải quyết những nhu cầu cấp bách về sản xuất, đời sống và cùng nhau đi lên chủ nghĩa xã hội.

Mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là các nước không liên kết.

Trong công tác kinh tế đối ngoại, phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, quan hệ hai bên cùng có lợi.

Quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta bao gồm nhiều hình thức đa dạng như trao đổi ngoại thương, hợp tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phối hợp kế hoạch kinh tế, hợp tác sản xuất kinh doanh, vay vốn tín dụng quốc tế, giúp đỡ chuyên gia, hợp tác lao động, v.v. Trong đó, vấn đề có ý nghĩa chiến lược của toàn Đảng, toàn dân ta là ra sức *tăng xuất khẩu để nhập khẩu.*

Sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta hiện nay đang đặt ra những vấn đề rất lớn và cấp bách đòi hỏi phải phát huy mọi khả năng để đẩy mạnh xuất khẩu. Muốn

Digitized by Google

vậy phải tạo mọi điều kiện và sử dụng nhiều hình thức, phương thức xuất khẩu như sản xuất hàng xuất khẩu hoặc nhập nguyên liệu để làm hàng xuất khẩu, xuất khẩu tại chỗ (du lịch, dịch vụ...), mở rộng vận tải ngoại thương để thu ngoại tệ...

Để đẩy mạnh xuất khẩu cần phải tạo nguồn nguyên liệu cho hàng xuất khẩu, đầu tư đồng bộ để trang bị kỹ thuật và đổi mới kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, đổi mới chính sách giá cả, tổ chức các công ty chuyên doanh phụ trách từ đầu đến cuối các mặt hàng xuất khẩu chủ lực...

Cần nhanh chóng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại và kinh doanh đối ngoại, vừa có đạo đức phẩm chất, vừa thông thạo nghiệp vụ kinh doanh.

3 – Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Thích ứng với nền kinh tế hiện nay, cần có một cơ chế quản lý năng động, có khả năng xóa bỏ tập trung quan liêu, bảo thủ, trì trệ, và bao cấp tràn lan, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý ấy là mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, địa phương và ngành, nhằm phát huy được mọi tiềm năng của đất nước đồng thời bảo đảm cho trung ương nắm chắc những việc, những khâu cần quản lý tập trung thống nhất để điều khiển nền kinh tế quốc dân theo đúng quỹ đạo xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý mới lấy kế hoạch làm trung tâm, kết hợp kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý mới khuyến khích mạnh sáng kiến và tài năng của người lao động, đòi hỏi ở họ kỷ luật và trách nhiệm, khắc phục các hiện tượng tiêu cực.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đòi hỏi vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, các chính sách kinh tế, thực hiện nguyên tắc khuyến khích bằng lợi ích vật chất đồng thời giáo dục tư tưởng đúng mức, gắn nhu cầu với lợi ích, kết hợp hài hòa ba lợi ích kinh tế.

Mọi hoạt động kinh tế, từ nhỏ đến lớn, phải lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn để tính toán, quyết định và kiểm tra, đánh giá kết quả. Hiệu quả kinh tế được xét trên nhiều mặt nhưng đều xoay quanh hai yêu cầu chính là : *đáp ứng nhu cầu của xã hội* và *có lãi*. Muốn thực hiện các yêu cầu đó, phải coi trọng cả giá trị sử dụng và giá trị, phải đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của xã hội, đồng thời phải đạt được mức thu nhập không những đủ bù đắp mọi chi phí sản xuất kinh doanh mà còn có phần tích lũy cho đơn vị mình và cho xã hội.

Vấn đề cốt lõi trong đổi mới quản lý kinh tế là *mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh tế*. Mở rộng quyền chủ động và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế chính là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể về kinh tế. Cơ chế quản lý mới do đó phải tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh được linh hoạt, nhanh nhạy nhằm xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước với mức cao nhất, có hiệu quả nhất.

Để mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của cơ sở, cần phải củng cố các cơ sở gắn với việc tổ chức lại sản xuất ; đồng thời phải đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý và chấn chỉnh tổ chức bộ máy quản lý nhằm tháo gỡ ràng buộc và phục vụ tốt cho cơ sở.

Digitized by Google

GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CHO THẾ HỆ TRẺ

VŨ - MÃO

LÀ một hình thái đặc sắc của các mối quan hệ xã hội, *truyền thống* tác động đến mọi quá trình phát triển xã hội, đến việc kế thừa giữa các thế hệ, đến sự hình thành tính cách và bản lĩnh của lớp người vừa mới lớn lên.

Lịch sử dân tộc ta hơn nửa thế kỷ vừa qua là lịch sử một dân tộc đứng lên làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà nét đặc trưng là các thế hệ nối tiếp nhau chiến đấu quên mình cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Trong suốt cuộc hành trình cách mạng đầy gian nan ấy, tinh thần bất khuất, ngoan cường, những phẩm chất đạo đức tuyệt vời của lớp người đi trước đã để lại tấm gương sáng chói, cổ vũ mạnh mẽ lớp người đi sau. Lớp người đi sau vừa tiếp nhận những truyền thống đó, vừa sáng tạo ra những truyền thống mới của thế hệ mình để tiếp tục cổ vũ mạnh mẽ lớp người đi sau nữa.

Tuy vậy, sự tác động của truyền thống không thể diễn ra một cách tự phát mà phải thông qua hoạt động nhận thức, cho nên việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ thái độ đúng đối với truyền thống tốt đẹp của quá khứ, kế tục một cách xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ cha anh, luôn luôn là một nhiệm vụ cao cả của đảng cộng sản. Nhiệm vụ đó càng trở nên cấp bách khi cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra quyết liệt trên phạm vi toàn thế giới; khi bọn đế quốc, bọn phản động và các thế lực thù địch tìm đủ mọi thủ đoạn tráng trợn và bỉ ổi, xảo trá và tinh vi, hòng làm mờ nhạt và bóp méo hình ảnh đẹp đẽ của các thế hệ cách mạng lớp trước trong lòng thế hệ thanh niên hôm nay; hòng ngăn cách thế hệ thanh niên hôm nay với các thế hệ cha anh bằng bức tường vô hình do chúng dựng lên để nhằm đưa họ đi trệch con đường cách mạng.

Đảng ta luôn luôn coi việc giáo dục truyền thống cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc giáo dục cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã nêu rõ cần phải "hết sức coi trọng giáo dục truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng, chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản cho thanh niên". Chỉ

Digitized by Google

thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ cũng khẳng định: «Sự nghiệp anh hùng của Đảng và của dân tộc đã trở thành truyền thống quý báu của người Việt-nam, phải được giữ vững và phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác, biến thành sức mạnh vật chất ngày càng to lớn hơn trong giai đoạn mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những lớp người trẻ tuổi là lực lượng xung kích của cách mạng cần được chuẩn bị và giáo dục tốt về mọi mặt. Giáo dục truyền thống là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp giáo dục chính trị, tư tưởng cho thanh niên».

★

Nói giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ là nói tới việc trang bị cho họ một nhận thức rõ ràng và sâu sắc về những giá trị tinh thần, đạo đức và nếp sống cao đẹp mà Đảng ta, quân đội ta, Đoàn thanh niên và nhân dân ta đã hun đúc nên trong mấy chục năm qua. Những giá trị ấy là sản phẩm trực tiếp của hàng chục triệu người Việt-nam hoạt động, đấu tranh dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng và Bác Hồ trong thời đại mới. Đồng thời nó cũng kế thừa, phát huy những truyền thống cao quý mà dân tộc ta đã hun đúc nên trong lịch sử dựng nước và giữ nước của mình.

Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng đã xác định rất rõ nội dung những truyền thống cách mạng cần phải giáo dục rộng rãi cho thế hệ trẻ. Việc nắm vững những nội dung đó để xác định mục tiêu cần đạt tới là điều rất quan trọng.

Trước hết, chúng ta phải làm cho lớp người trẻ tuổi hiểu rõ *chỉ khi anh hùng, dũng cảm, bất khuất, sẵn sàng hy sinh tất cả vì độc lập tự do của Tổ quốc, không cam tâm chịu mất nước và làm nô lệ*, là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Truyền thống ấy được hình thành và phát triển trong suốt lịch sử lâu dài chống bọn phong kiến phương Bắc xâm lược, và được phát huy đến cao độ trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo.

Nếu thế hệ trẻ nước ta, bắt đầu từ tuổi nhi đồng đã hiểu được những chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm, những gương sáng chói về đức hy sinh cho nghĩa lớn của các vị anh hùng dân tộc và của Đảng ta, thế hệ trẻ đó nhất định sẽ có niềm tự hào mạnh mẽ về Tổ quốc mình, nhân dân mình, và sẽ xác định được rõ hơn trách nhiệm của mình đối với hiện tại và tương lai. Và, nếu chúng ta làm cho họ hiểu rằng những trang sử hào hùng ấy đang được chính những người trẻ tuổi hôm nay kế tục và phát huy trong điều kiện mới như thế nào thì nhận thức của họ về truyền thống yêu nước và giữ nước càng được củng cố và dẫn tới những hành động cách mạng tích cực.

Cho nên, giáo dục truyền thống yêu nước, bồi dưỡng cho thanh niên chí khí anh hùng, dũng cảm, bất khuất, chuẩn bị cho họ tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng đương đầu và vượt qua mọi thử thách, là một nội dung quan trọng bậc nhất của việc giáo dục truyền thống cách mạng. Chúng ta hoàn toàn có khả năng thực hiện tốt điều đó, bởi lẽ, lịch sử dân tộc ta, như nhiều nhà sử học nước ngoài đã từng nhận xét, có bề dày và bề sâu rất quý. Truyền thống chiến đấu giữ nước như sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc ta là một thực tế khách quan, có sức sống vô cùng mãnh liệt. Truyền thống ấy tự nó có sức thuyết phục hàng chục triệu thanh niên, thiếu niên, có khả năng thức tỉnh ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của lớp người mới

Digitized by Google

bước vào đời; và do vậy, nó có khả năng tập hợp thế hệ trẻ nước ta hành động theo phương hướng lãnh đạo của Đảng.

Vững vàng trước mọi thử thách, khó khăn gian khổ; luôn luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng cũng là một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta. Chúng ta có trách nhiệm làm cho thế hệ trẻ hiểu sâu sắc và tự hào về truyền thống đó.

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, nhân dân ta luôn luôn phải đương đầu với mọi thử thách và khó khăn gian khổ: vừa phải vật lộn với thiên tai vừa phải liên tiếp chiến đấu chống giặc ngoại xâm.

Có thể nói, trong lịch sử dân tộc ta nhiều khó khăn, thử thách nối tiếp nhau diễn ra. Chẳng cần ngược lại lịch sử xa xưa, chỉ điểm lại khoảng thời gian hơn nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng thấy rất rõ điều đó. Cách mạng Tháng Tám vừa mới thành công đã phải đương đầu với thù trong, giặc ngoài, với nạn đói khủng khiếp. Và, liên tiếp sau đó là các cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và chống chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung-quốc. Ngày nay, chúng ta vừa phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh đó, vừa phải đối phó với một cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt mà kẻ địch đang tiến hành. Khó khăn chồng chất khó khăn; thử thách này tiếp theo thử thách khác. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn vững vàng, cách mạng vẫn tiếp tục tiến lên.

Dương nhiên, trong quá trình đi lên của cách mạng không khỏi có những kẻ vấp ngã, tụt lại phía sau, không khỏi có những người dao động, ngả nghiêng. Song, tuyệt đại đa số chúng ta đều vững vàng, biết suy nghĩ đúng và hành động đúng, chấp nhận khó khăn, cố gắng vươn lên cho xứng đáng với đất nước và dân tộc.

Làm cho thế hệ trẻ ngày nay hiểu đúng, hiểu sâu sắc truyền thống tốt đẹp đó tức là chúng ta đã trang bị được cho họ cái vốn tinh thần rất phong phú. Với cái vốn đó, chắc chắn tuổi trẻ sẽ vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, lập được những chiến công kỳ diệu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Cần cù, bền bỉ và sáng tạo trong lao động là nét đặc trưng của dân tộc ta. Nét đặc trưng đó cũng đã trở thành một truyền thống tốt đẹp. Chúng ta có trách nhiệm làm cho thế hệ trẻ ngày nay hiểu rõ truyền thống đó, tự giác kế thừa và phát huy truyền thống đó để chuẩn bị cho họ một tinh thần, một khí phách tiến công trên các lĩnh vực sản xuất, công tác, tổ chức đời sống...

Khác với các thế hệ thanh niên trước đây, thế hệ thanh niên ngày nay có trình độ học vấn cao hơn, có khả năng tiếp thu nhanh chóng các thành tựu khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Thanh niên lại có mặt ở hầu khắp các ngành hoạt động của xã hội. Nếu chúng ta làm cho mỗi thanh niên đang hoạt động trên từng lĩnh vực đó hiểu rõ tổ tiên ta xưa kia và các thế hệ cha anh mấy chục năm qua đã lao động cần cù, bền bỉ và sáng tạo như thế nào để bảo đảm «ăn no đánh thắng», để xây dựng đất nước được như ngày nay; và các tập thể thanh niên hôm nay đang lao động dũng cảm và sáng tạo như thế nào, ở những nơi chồng chất khó khăn, chắc họ sẽ ý thức đầy đủ hơn về trách nhiệm của mình trong việc góp sức thực hiện thắng lợi các chương trình kinh tế — xã hội do Đảng đề ra; chắc chắn họ sẽ có thêm sức mạnh tinh thần để hoàn thành xuất sắc vai trò xung kích cách mạng của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ còn phải làm cho họ

Digitized by Google

biết kế thừa *nếp sống giản dị, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau*. Đối với dân tộc ta, đây cũng là một truyền thống đặc sắc. Từ ngàn xưa, nhân dân lao động nước ta đã rất quý trọng những thành quả lao động của mình, luôn luôn sống trong sạch, giản dị, cần kiệm, «đói cho sạch, rách cho thơm». Họ rất ghét thói xa hoa, phù phiếm, kệch cỡm, đua đòi, sống quay quắt, thủ đoạn, luồn lọt. Nét nổi bật là mối quan hệ truyền thống tốt đẹp giữa người và người. Đó là quan hệ bình đẳng, dân chủ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, «tối lửa, tắt đèn» có nhau. Ngày nay, trong chế độ mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, truyền thống đó được phát triển thành đạo lý: «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người».

Chúng ta có trách nhiệm làm cho thế hệ trẻ ngày nay hiểu rõ được truyền thống đó để họ tự giác xử sự cho thích hợp trong lối sống; để họ nhận thức được một cách đúng đắn rằng: ngay trong tình hình đang có khó khăn về nhiều mặt như hiện nay, nếu có nhân sinh quan cách mạng đúng đắn, chúng ta vẫn có thể phấn đấu đạt được một lối sống đẹp, một lối sống văn minh đúng với ý nghĩa sâu xa của nó. Dương nhiên, Đảng ta, Nhà nước ta đang nỗ lực phấn đấu để nước ta có mức sống vật chất khá hơn và một đời sống tinh thần phong phú thông qua việc thực hiện các chương trình kinh tế — xã hội.

Cuối cùng, cần giáo dục thanh niên tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung. Đây là một phẩm chất cao quý được Đảng ta dày công hun đúc nên trong hơn nửa thế kỷ chiến đấu vừa qua và đã trở thành một bộ phận của truyền thống cách mạng. Việc giáo dục truyền thống này nhằm giúp thế hệ trẻ khắc phục tư tưởng tự ti cũng như tư tưởng dân tộc hẹp hòi; giúp họ nâng cao tinh thần đoàn kết quốc tế; đoàn kết và hợp tác chặt chẽ với Liên-xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với khối liên minh đặc biệt Việt-nam — Lào — Cam-pu-chia, và khi cần thì sẵn sàng làm nghĩa vụ quốc tế theo yêu cầu của Đảng.

★

Muốn cho những truyền thống cách mạng trên đây thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của thế hệ trẻ, biến thành sức mạnh vật chất to lớn, cần tiến hành công tác giáo dục một cách có tổ chức, có nghệ thuật, thiết thực và thường xuyên. Từ trước đến nay chúng ta đã làm công tác này và đã thu được những kết quả tốt. Song, nhìn chung cách làm còn đơn giản, chưa tạo thành nền nếp. Hầu hết các cơ sở mới chỉ áp dụng một vài hình thức quen thuộc như «nói chuyện truyền thống», «đốt đuốc truyền thống» mà chưa có những hình thức tổng hợp, đa dạng, phong phú.

Giống như nhiều mặt giáo dục khác, công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ đòi hỏi phải sử dụng một cách có nghệ thuật các phương tiện nghe nhìn, như: nghe nói chuyện, nghe đọc truyện, nghe các bài hát truyền thống, hội thảo các chuyên đề truyền thống, xem kịch, xem phim, xem tượng đài, thăm nhà bảo tàng, thăm các di tích lịch sử v.v. Những điều tai nghe mắt thấy bao giờ cũng có sức truyền cảm, thuyết phục mạnh mẽ, nó «đánh» thẳng vào trực giác, để lại trong tuổi trẻ những ấn tượng sâu sắc. Khác với mấy chục năm trước đây, các phương tiện nghe, nhìn ngày nay đã được sử dụng rộng rãi và có nghệ thuật trong công tác thông tin đại chúng. Nếu chúng ta không khai thác khả năng của các phương tiện này, không «nghệ thuật hóa» công tác giáo dục truyền thống cho phù hợp với tâm lý thanh niên, thiếu niên, mà chỉ tiến hành giản đơn bằng sự «thuyết lý, giảng giải một chiều»,

Digitized by Google

thì hiệu quả giáo dục sẽ bị hạn chế rất nhiều.

Muốn đổi mới công tác giáo dục truyền thống và đưa nó vào nền nếp, thì nhất thiết phải có sự phối hợp toàn xã hội. Bắt đầu từ gia đình và các trường lớp mẫu giáo, thông qua các bài ca, chuyện kể của các bà mẹ và người dạy trẻ, chúng ta cần tạo nên trong các em những ý thức tốt đẹp đầu tiên về quê hương mình, về trường lớp mình; giáo dục cho các em biết trân trọng những sản phẩm vật chất và tinh thần mà các lớp người lớn tuổi đã tạo ra trong xã hội, đã mang đến cho các em. Lên cấp học phổ thông, những kiến thức về truyền thống dân tộc và cách mạng được mở rộng và nâng cao thông qua môn học lịch sử và các hoạt động xã hội «sinh hoạt truyền thống» do nhà trường hoặc Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên tổ chức. Vì vậy, việc giảng dạy bộ môn lịch sử và việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho học sinh cần được đẩy mạnh hơn nữa, đổi mới và nâng cao chất lượng hơn nữa, không chỉ trong các trường phổ thông mà cả trong các trường đại học.

Trợ lực cho nhà trường, việc giáo dục truyền thống ngoài nhà trường bằng hoạt động của các cơ quan văn học nghệ thuật và các cơ quan thông tin đại chúng là vô cùng quan trọng. Chỉ thị 14 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ đã ghi rõ: «Các cơ quan tuyên truyền thông tin báo chí, văn hóa giáo dục và các ngành hữu quan phải có chương trình giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên». Hiện nay thanh niên rất ước ao được đọc những cuốn truyện hay viết về thời thanh niên của Bác Hồ, về Đảng, về các chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi đã cống hiến cuộc sống đẹp đẽ, trong sáng, cao thượng, đã hy sinh cuộc đời mình cho nước, cho dân. Thanh niên rất khát khao những bài hát mới viết về truyền thống có nghệ thuật cao; rất khát khao được xem những cuốn phim, vở kịch có tầm khái quát lớn về lịch sử, có tính tư tưởng sâu sắc, có sự đổi mới về cấu trúc, dàn dựng. Thanh niên cũng rất muốn xem những tác phẩm điêu khắc, hội họa về đề tài truyền thống, rất muốn xem những bức tranh, bức tượng đẹp thể hiện cuộc sống của những người anh hùng thuộc các thế hệ thanh niên trước đây, hoặc của thế hệ thanh niên ngày nay. Quả thật, truyền thống không phải là một cái gì đã cũ đối với tuổi trẻ như một số người quan niệm; trái lại, nó đang được thanh niên, thiếu niên chờ đón, tiếp nhận một cách đầy hứng thú qua các loại hình nghệ thuật. Nếu các cơ quan văn học nghệ thuật và cơ quan thông tin đại chúng coi đề tài này là một nội dung quan trọng trong chương trình công tác của mình, thì chắc chắn sẽ được tuổi trẻ cả nước hoan nghênh.

Việc xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục truyền thống cách mạng như hệ thống các nhà bảo tàng, các khu di tích lịch sử, các nghĩa trang liệt sĩ, tượng đài kỷ niệm... từ trung ương đến các địa phương và cơ sở cũng đóng một vai trò rất quan trọng. Tùy điều kiện cho phép, các xã, phường, quận, huyện, nhà máy, nông trường,... nên có kế hoạch xây dựng các nhà lưu niệm hoặc tượng đài kỷ niệm, trước hết nên chú ý viết cuốn sử của đơn vị mình.

Chúng ta đang gặp những khó khăn về kinh tế, tài chính, vật tư, nhưng với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm, địa phương và cơ sở cùng làm, chúng ta vẫn có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của cả xã hội để sửa sang lại những cơ sở vật chất đã có, xây dựng những cơ sở mới cần thiết, đáp ứng yêu cầu

Digitized by Google

của việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

★

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, được các cơ quan Nhà nước tạo điều kiện, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh ở các cấp đã tiến hành nhiều biện pháp thích hợp, có hiệu quả, nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ.

Để công tác này phát triển lên một bước mới theo tinh thần chỉ thị 14 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, Ban bí thư Trung ương Đoàn đã quyết định tổ chức cuộc *hành quân theo bước chân những người anh hùng* bắt đầu từ tháng 5-1983 và kết thúc vào năm 1985 là năm tập trung nhiều ngày kỷ niệm lớn. Đây là một phương thức giáo dục truyền thống cách mạng thông qua các hoạt động cụ thể, phong phú, hấp dẫn, thiết thực nhằm làm cho tuổi trẻ cả nước nhận thức sâu sắc về lịch sử chiến đấu quang vinh của Đảng và nhân dân anh hùng, bồi dưỡng lòng tự hào và biết ơn của tuổi trẻ đối với các thế hệ cách mạng đi trước, giúp tuổi trẻ nhận rõ sứ mệnh lịch sử thiêng liêng của mình trong giai đoạn cách mạng mới, kế tục truyền thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cũng thông qua các hoạt động cụ thể của cuộc hành quân mà đông viên đoàn viên thanh niên phấn đấu thực hiện các chương trình công tác của Đoàn, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng; đổi mới một bước phương pháp công tác thanh niên, xây dựng tổ chức Đoàn và Hội liên hiệp thanh niên vững mạnh...

Qua 5 tháng triển khai, cuộc hành quân theo bước chân những người anh hùng đã đạt được những kết quả khá tốt. Ít có cuộc vận động nào được thanh niên hưởng ứng nhanh như cuộc vận động này. Bắt đầu từ Hà-nội, cuộc hành quân đã nhanh chóng lan tỏa ra các tỉnh miền Trung, vào thành phố Hồ-Chí-Minh và tận các tỉnh cực nam của Tổ quốc như Kiên-giang, Minh-hải.

Cuộc hành quân theo bước chân những người anh hùng do Đoàn phát động đã được các cấp bộ Đảng nhiệt liệt hoan nghênh. Một số tỉnh ủy và thành ủy đã ra chỉ thị tăng cường lãnh đạo cuộc vận động này và có kế hoạch hướng dẫn đảng viên tham gia. Nhiều bậc cách mạng lão thành, đảng viên lâu năm, chiến sĩ, sĩ quan quân đội đã phục viên hoặc về nghỉ hưu ở các miền trong nước đã bày tỏ niềm vui trước cuộc vận động này. Nhiều đồng chí đã tham gia những hoạt động truyền thống với tuổi trẻ một cách say sưa. Có thể nói cuộc hành quân theo bước chân những người anh hùng đang đi vào lòng người, bởi vì các thế hệ có thể tìm thấy trong đó những năm tháng quang vinh của mình. Nó gắn chặt với các hoạt động xã hội cho nên mang tính thiết thực sâu sắc, khắc phục được bệnh hình thức vẫn khá phổ biến trong công tác giáo dục. Và do áp dụng được nhiều biện pháp như tham quan, du lịch, cắm trại, mở hội truyền thống một cách linh hoạt, không chờ đợi có đủ điều kiện và phương tiện vật chất... cho nên nhiều nơi đã lôi cuốn thanh niên, thiếu niên tham gia đông đảo, và đông viên được sáng kiến của họ trong việc khai thác, sử dụng những cơ sở vật chất sẵn có ở địa phương nhằm phục vụ tốt và đưa đầu công tác giáo dục truyền thống vào nền nếp.

Tuy vậy, ở một số nơi, nhất là các vùng trọng điểm, cuộc vận động

Digitized by Google

này vẫn chưa được triển khai. Không ít cơ sở của Đoàn còn lúng túng trong chỉ đạo thực hiện. Ban bí thư Trung ương Đoàn đã có kế hoạch khắc phục những nhược điểm này bằng cách: tăng cường sự chỉ đạo tích cực, đồng bộ trong các cơ quan của Đoàn; tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của chính quyền và các cơ quan văn hóa, giáo dục, tuyên truyền, báo chí... Qua cuộc vận động này, tuổi trẻ cả nước chắc chắn sẽ hiểu sâu sắc hơn những giá trị truyền thống cách mạng của các thế hệ đi trước; và trong điều kiện mới, chắc chắn tuổi trẻ sẽ phát huy và viết nên những trang sử mới xứng đáng của thế hệ mình.

Tích lũy và tiêu dùng...

(Tiếp theo trang 31)

Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ của tài chính Nhà nước. Một mặt, khắc phục cách quản lý quan liêu, gò bó, thực hiện phân cấp quản lý đồng bộ, tháo gỡ ràng buộc, *mở rộng quyền tự chủ về tài chính* để các cơ sở, các ngành và địa phương phát huy tính thần chủ động, sáng tạo, khai thác tốt mọi tiềm năng của mình, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, làm ra nhiều sản phẩm, tăng tích lũy cho bản thân và cho Nhà nước. Mặt khác, *thực hiện tập trung, thống nhất cao*: tập trung mọi nguồn thu vào ngân sách Nhà nước theo đúng chế độ, tuyệt đối không để phát sinh các khoản thu chi ngoài ngân sách, các loại quỹ bất hợp pháp, tập trung đại bộ phận số thu, nhất là các nguồn thu lớn và chủ yếu vào ngân sách trung ương. Trong tình hình đất nước còn nghèo, khả năng tài chính ít, việc tập trung mạnh vốn vào ngân sách trung ương là rất cần thiết để Nhà nước có thể bảo đảm cấp phát cho những nhu cầu xây dựng, quốc phòng và đời sống trọng yếu và cấp bách nhất, có ý nghĩa toàn quốc và toàn dân. Về thu cũng như chi, *thực hiện thống nhất* các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn do trung ương quy định chung cho cả nước, giữ vững kỷ luật tài chính và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sự tham gia tích cực, chủ động của tài chính Nhà nước vào việc xây dựng kế hoạch kinh tế quốc dân, phục vụ và kiểm tra, thúc đẩy quá trình thực hiện kế hoạch, bảo đảm sự nhất trí giữa kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị, cũng như sự phối hợp chặt chẽ, ăn khớp giữa các mặt hoạt động tài chính, giá cả, lao động tiền lương, thương nghiệp, quản lý thị trường đều có quan hệ rất lớn đến việc thực hiện chính sách tích lũy và tiêu dùng trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Digitized by Google

CÁCH ĐÁNH CỦA QUANG-TRUNG

HOÀNG-MINH-THẢO

HAI mươi vạn quân chiến đấu và hàng chục vạn quân vận chuyển, phục dịch của nhà Thanh do tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn-Sĩ-Nghị chỉ huy sắp sang xâm lược nước ta. Một vấn đề chiến lược trọng yếu nhất đặt ra cho Nguyễn-Huệ là phải làm sao tiêu diệt nhanh chóng, gọn gàng, triệt để được quân thù.

Trước sự đe dọa của nạn ngoại xâm, tình hình trong nước lúc ấy ra sao? Ở đàng trong cái họa Nguyễn-Ánh là mối lo canh cánh đối với Nguyễn-Huệ. Thấy rõ sự yếu đuối, nhu nhược của Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ, nhìn về xa, Nguyễn-Huệ xem «họa Nguyễn-Ánh» là căn bệnh tiềm tàng, nếu không xóa được tận gốc sẽ có lúc bột phát đe dọa đến tính mạng. Tình hình đàng ngoài cũng vô cùng phức tạp. Nếu chiến tranh dây dưa, giặc Thanh có thể nhận được thêm viện binh thì chiến tranh càng kéo dài thêm. Nấp dưới giáo giặc Thanh, bọn Lê-Chiêu-Thống có thể xây dựng dần dần lực lượng ngụy quân đáng kể để giúp sức cho Tôn-Sĩ-Nghị. Trên thực tế, khi quân Thanh chiếm được Thăng-long, quân «cần vương» của Lê-Chiêu-Thống đã lên khoảng 2 vạn người.

Khi đó, tại Phú-xuân, quân đội Tây-sơn dưới quyền chỉ huy của Quang-Trung chỉ có khoảng 6 vạn người. Quang-Trung đã trù tính, dọc đường tiến ra Bắc-hà, sẽ tuyển thêm quân, nhưng có thể thấy trước được rằng khi tiến đánh Thăng-long, số quân trong tay cũng chỉ khoảng 10 vạn, chưa bằng nửa số quân của kẻ thù.

Triều Thanh dưới thời Càn-Long lại đang ở vào giai đoạn cường thịnh. Tôn-Sĩ-Nghị sau khi chiếm được Thăng-long đã được hoàng đế nhà Thanh khen là «đại thần toàn tài», là người «một mình gánh vác, điều khiển có phương pháp, cho nên không đầy một tháng mà đã thành công, thật xứng đáng với sự ủy nhiệm của trẫm» (*Đại Thanh lịch triều thực lục* 1318, tr.21 và 241). Càn-Long tặng cho Tôn-Sĩ-Nghị tước mưu dũng công hạng nhất. Như vậy, quân giặc đông, tướng giặc tài, chúng còn có thêm bọn tay sai việt gian thông thạo địa hình và tình hình trong nước ta.

Lực của ta đã không bằng chúng, cho nên muốn đánh thắng chúng tất phải tạo ra được thế «nhằm tăng gấp bội thực lực của ta, làm suy yếu, giảm xuống nhiều lần thực lực của địch». Thế đó trước hết là thế bất

Digitized by Google

ngờ. Đây là điều mà Quang-Trung đã trù hoạch ngay tại Phú-xuân và điều đó đã trở thành yếu tố then chốt trong kế hoạch đại phá quân Thanh của người « anh hùng áo vải ».

Là một thiên tài quân sự, hiểu ta, hiểu địch, Quang-Trung thấy trước được và nắm chắc được những điều kiện để tạo ra yếu tố bất ngờ cần thiết đó. Quang-Trung tỏ ra rất tâm đắc với ý kiến của La-Sơn phu tử Nguyễn-Thiếp : « Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã, quân Thanh ở xa tới đây không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh hay giữ ra sao. Chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan ». Chính vì thế, khi vừa ra đến Tam-điệp, Quang-Trung đã tuyên bố với các tướng lĩnh ở Bắc-hà : « Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng quá mười ngày, có thể đuổi được người Thanh ».

★

Phương lược của Quang-Trung tiến đánh quân Thanh được đặt trên cơ sở yếu tố hàng đầu : **bất ngờ**.

Bất ngờ không thể tự đến, mà phải tạo ra. Ở đây, trước hết phải đánh công đầu cho Ngô-Văn-Sở và Ngô-Thì-Nhậm. Các tướng Tây-sơn là những dũng tướng, đi theo Nguyễn-Huệ từ ngày đầu khởi nghĩa, trăm trận trăm thắng, chỉ biết tiến không lùi. Tuy chỉ có 7—8 nghìn quân dưới quyền chỉ huy, nhưng Ngô-Văn-Sở và Phan-Văn-Lân có thừa dũng cảm và mưu lược để quyết chiến với 20 vạn quân Thanh, vì theo như lời Ngô-Văn-Sở « giặc đến thì phải sống, chết với giặc, còn, mất với thành », nhất là đây lại là thành Thăng-long. Thế mà, nghe theo lời bàn của Ngô-Thì-Nhậm, Ngô-Văn-Sở đã ra lệnh lui quân về giữ Tam-điệp. Như lời Quang-Trung nhận xét tại Tam-điệp, « các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng » (*Hoàng Lê nhất thống chí*). Tinh thần quân địch ra sao ? Ngạo mạn, kiêu căng vốn là căn bệnh cố hữu của nhiều tướng « thiên triều ». Đường đường là tổng đốc Lưỡng Quảng, kéo quân hai tỉnh sang « khu xử » công việc của một « quận Giao chỉ » thuộc tộc « man di », thì có gì là khó ! Tôn-Sĩ-Nghị vốn kiêu căng càng thêm kiêu căng, đi đến chủ quan, coi thường đối phương, nhất là khi chiếm được Thăng-long một cách dễ dàng, không gặp phải sự kháng cự nào đáng kể. « Thắng lợi » của Tôn-Sĩ-Nghị lại diễn ra đúng vào dịp gần Tết nguyên đán. Quân Tây-sơn lại rút lui từng bước từ Lạng-sơn đến Thăng-long. Tất cả những nhân tố trên đây đã đẩy Tôn-Sĩ-Nghị đến quyết định, cho quân lính nghỉ ngơi ăn Tết và chuẩn bị thêm lực lượng để sau Tết, khoảng ngày mồng 6 sẽ tiếp tục tiến quân. Trên thực tế quân Thanh và bọn tay sai gạt hết mọi công việc, chỉ lo ăn Tết. Theo tập quán, Tết bắt đầu từ ngày tiễn táo quân tức là ngày 23 tháng chạp đến ngày hạ nêu tức là ngày mồng 7 tháng giêng, bọn bù nhìn Lê-Chiêu-Thống đã làm lễ phong ấn (cất ấn nghỉ việc) từ ngày 25 tháng chạp, « cho phép các quan và quân lính nghỉ mười ngày để cùng vui đón tiết xuân » (*Hoàng Lê nhất thống chí*).

Kế cho giặc Thanh « ngủ trọ một đêm » tại Thăng-long của Ngô-Thì-Nhậm đã góp phần tạo nên thế trận chiến lược thúc đẩy và kích thích Tôn-Sĩ-Nghị dừng quân tại Thăng-long. Chủ quan khinh địch, Tôn-Sĩ-Nghị và cả đạo quân Thanh xâm lược vùi đầu vào cuộc say sưa hưởng lạc dịp Tết. Đây là màn khói che khuất cuộc tiến quân của Quang-Trung từ Phú-xuân ra Tam-điệp, là liều thuốc làm tê liệt cả thế trận lẫn tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến

Digitized by Google

đầu của quân Thanh đóng ở khu vực Thăng-long.

Trong khi Tôn-Sĩ-Nghị và bọn tướng Thanh dương dương tự đắc xem quân Tây-sơn như « cá chậu chim lồng, còn chút hơi thừa thoi thóp » (*Hoàng Lê nhất thống chí*), thì Quang-Trung, khi tiến quân ra đến Nghệ-an, Thanh-hóa, lại sai người « đưa thư đến Sĩ-Nghị để xin đầu hàng, lời lẽ trong thư rất là nhũn nhặn khiêm tốn » (*Việt sử thông giám cương mục*), Tôn-Sĩ-Nghị càng hống hách, khinh thường, ra lệnh cho « Quang-Trung hãy rút quân về Thuận-hóa để chờ phân xử » (*Lê-Quý kỷ sự*).

Khi đại quân Tây-sơn đã tập kết tại Tam-điệp, thì Tôn-Sĩ-Nghị và đại quân Thanh vẫn mải mê trong cuộc truy hoan. Trong bối cảnh tình hình Bắc-hà thời đó, thời gian một tháng « ngủ trọ » của quân Thanh tại Thăng-long là thời gian chúng hoành hành và phơi bày bản chất xâm lược tàn bạo của chúng, đồng thời cũng là thời gian nuôi dưỡng và phát triển đến cực độ tính chủ quan, khinh địch của Tôn-Sĩ-Nghị và bè lũ. Đây cũng là tháng phơi trần bản chất việt gian bán nước cực kỳ đê tiện của bè lũ Lê-Chiêu-Thống, đồng thời làm nổi bật chính nghĩa đánh giặc cứu nước của nghĩa quân Tây-sơn trước nhân dân Bắc-hà. Những nhân tố đó đã đưa nhân dân Bắc-hà và cả nước về với người « anh hùng áo vải », với nghĩa quân Tây-sơn. Bối cảnh chính trị và tư tưởng mới tại Bắc-hà, « trong nước trống không — lòng người tan rã », đối với Tôn-Sĩ-Nghị và bè lũ tay sai Lê-Chiêu-Thống, có nghĩa là trong nước tràn đầy căm thù bọn giặc xâm lược và bọn việt gian bán nước, lòng người đồng tâm nhất trí đánh giặc, cứu nước, thu giang sơn về một mối. Quang-Trung « đã đặt bọn Tôn-Sĩ-Nghị, Lê-Chiêu-Thống vào tình trạng có mắt không thấy, có tai không nghe ». Quân bộ Tây-sơn án ngữ Tam-điệp. Thủy quân Tây-sơn án ngữ các đường thủy ra Bắc vào Nam. Nhân dân Bắc-hà vừa ngăn chặn không cho gián điệp giặc lọt qua phòng tuyến của ta, vừa thu nhận các tin tức tình báo từ hậu phương địch chuyển về bộ chỉ huy nghĩa quân Tây-sơn; bí mật của phía ta được bảo vệ chặt chẽ, động tĩnh của phía địch bị ta nắm chắc hằng ngày. Tôn-Sĩ-Nghị không hiểu biết được gì về ý đồ chiến lược của Quang-Trung, và hoàn toàn rơi vào thế bất ngờ, bị động trước cách đánh tài tình của Quang-Trung. Đúng như Nguyễn-Trãi đã nói: « Được thời có thể, thì mất biến thành còn, nhỏ hóa ra lớn; mất thời không thế, thì mạnh hóa ra yếu, yên lại thành nguy, sự thay đổi ấy chỉ trong khoảng trở bàn tay » (*Quân trung từ mệnh tập*).

★

Muốn không lỡ, phải hành động nhanh chóng cho kịp với thời. Vấn đề *thần tốc* được đặt ra với Quang-Trung, thần tốc hành quân đến địa điểm tập kết, thần tốc chuẩn bị và tiến công quân địch. Đây là sở trường của Quang-Trung và nghĩa quân Tây-sơn. Tinh thần cao, tổ chức gọn nhẹ, nghĩa quân Tây-sơn dưới quyền chỉ huy của Quang-Trung — theo lời của một cung nhân nói với mẹ Lê-Chiêu-Thống — « ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường trước được » (*Hoàng Lê nhất thống chí*). Đây cũng là điều bè lũ Tôn-Sĩ-Nghị không thể nào lường trước được.

Ngày 21 tháng 12 năm 1788, tại Phú-xuân, Nguyễn-Huệ nhận được tin báo khẩn cấp của Ngô-Văn-Sở. Ngay ngày hôm sau, Nguyễn-Huệ làm lễ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu Quang-Trung, rồi lập tức thống lĩnh đại quân tiến ra Bắc. Chỉ động thái đó cũng đủ chứng minh sự sẵn sàng chiến đấu rất cao của các đơn vị nghĩa quân Tây-sơn, tính quyết đoán

Digitized by Google

và khẩn trương hành động của người «anh hùng áo vải» và đặc biệt là nhãn quan và sự tính toán chiến lược sâu rộng của Quang-Trung trong việc làm chủ thời gian nhằm thực hiện bất ngờ.

Tranh thủ từng khắc, từng giờ trong hành quân, dừng ở Nghệ-an hơn 10 ngày, thời gian vừa đủ để nghỉ ngơi, bổ sung lực lượng và tổ chức duyệt binh nhằm cổ vũ, nâng cao sĩ khí. Sau khi lấy thêm quân ở Thanh-hóa, Quang-Trung và đại quân Tây-sơn đến Tam-điệp ngày 15-1-1789. Như vậy là chỉ trong vòng 24 ngày kể từ khi xuất quân tại Phú-xuân, Quang-Trung và đội quân Tây-sơn đã hoàn tất hàng loạt hành động chuẩn bị lực lượng và chuẩn bị tinh thần cho quân sĩ. Hầu như không một khắc, một giờ nào bị bỏ phí. Trừ thời gian dừng chân ở Nghệ-an và Thanh-hóa, thời gian hành quân của đại quân Tây-sơn đông trên 6 vạn khi đi từ Phú-xuân, lên đến 10 vạn khi đi từ Thanh-hóa, chỉ có khoảng 11 hoặc 12 ngày. Thật là điều vượt quá xa khả năng tính toán chiến lược của tướng giặc Tôn-Sĩ-Nghị.

Đã có sẵn «phương lược tiến đánh» từ khi ra quân tại Phú-xuân, Quang-Trung phải giải quyết hàng loạt vấn đề cụ thể như tìm hiểu đầy đủ sự bố trí lực lượng của địch trên suốt dọc đường từ Tam-điệp đến Thăng-long, đặc biệt là tại chính khu vực Thăng-long, chọn hướng tiến công chủ yếu và những mục tiêu then chốt để tập trung lực lượng đánh vào, huấn luyện nghĩa quân cách đánh cụ thể vào những điểm cụ thể, chuẩn bị các phương tiện vật chất phục vụ cho các trận đánh và động viên quyết tâm của ba quân không tiếc máu xương quét sạch giặc ngoại xâm. Quang-Trung không những đã thần tốc trong hành quân, còn thần tốc cả trong các công việc chuẩn bị tác chiến ngay trong những ngày giáp Tết. Chỉ trong vòng 10 ngày từ 15 đến 25 tháng 1 năm 1789 (tức 30 Tết) đại quân Tây-sơn đã hoàn thành mọi động tác chuẩn bị và sẵn sàng bước vào trận quyết chiến lịch sử. Trước khi xuất phát, Quang-Trung mở tiệc khao quân và tuyên bố: «Nay hãy làm lễ ăn Tết nguyên đán trước, đợi sang xuân ngày 7 vào thành Thăng-long sẽ mở tiệc lớn — các ngươi hãy nghe nhớ lấy lời ta xem có đúng thế không?».

Lời tuyên bố đanh thép đó là hiệu lệnh tiến công thần tốc, bước quyết định trong bộ ba: thần tốc hành quân, thần tốc chuẩn bị, thần tốc tiến công, bước hoàn tất mối quan hệ giữa bất ngờ và thần tốc, giữa bất ngờ và thời cơ trong bối cảnh «thời; thời; thực không nên lỡ» (*Quân trung từ mệnh tập*). Những ngày mồng 3 và mồng 4 Tết là những ngày quân giặc ở trong tình trạng mệt mỏi cả về thể lực lẫn tinh thần sau hàng chục ngày đêm chuẩn bị cho Tết và ăn Tết. Đây chính là thời gian thuận lợi cho việc bất ngờ thọc sâu và giáng đòn quyết định vào tận hang ổ của đại quân Thanh kể cả sở chỉ huy của Tôn-Sĩ-Nghị tại cung Tây-long.

Từ cơ sở tiến công thần tốc đó phải xây dựng cách đánh nhằm đạt mục tiêu chiến lược: tiêu diệt nhanh gọn toàn bộ quân địch đề trong vòng vài ngày kết thúc chiến tranh. Với lực lượng ta ít, tiến đánh những lực lượng địch đông gấp hơn hai lần, Quang-Trung đã chọn cách đánh sở trường của nghĩa quân Tây-sơn: bí mật, bất ngờ, nhanh chóng tiến quân từ nhiều hướng, bằng nhiều cách nhằm kẹp quân Thanh vào giữa vòng vây của quân ta, tập trung lực lượng ở cánh chủ yếu, đồng thời cũng triển khai lực lượng ở một số hướng khác, tạo thành ưu thế áp đảo tiến công mãnh liệt một số vị trí then chốt trong hệ thống phòng ngự của quân Thanh tại khu vực Thăng-long.

Digitized by Google

phá vỡ thế trận của giặc, đẩy quân Thanh vào tình trạng hỗn loạn, hoang mang, không ứng phó kịp để đi đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Quang-Trung bố trí quân Tây-sơn thành 5 đạo cùng tiến đánh khu vực Thăng-long: đạo quân chủ yếu do Quang-Trung trực tiếp chỉ huy đánh thẳng vào hệ thống phòng ngự chủ yếu của địch ở phía Nam Thăng-long; đạo quân thứ hai do đô đốc Bảo chỉ huy tiến ra Đại-áng (Thường-tín — Hà-sơn-bình) làm nhiệm vụ yểm hộ và phối hợp với đạo quân chủ lực; đạo quân thứ ba do đô đốc Đặng-Tiến-Đông chỉ huy, bất ngờ tiến công tiêu diệt quân Thanh đóng ở Khương-thượng, rồi thọc sâu vào Thăng-long. Đây là mũi bao vây chiến dịch, đánh vào sườn phải trận tuyến của địch, nơi ít phòng bị, nhưng lại có tính chất hiểm yếu; đạo quân thứ tư do đô đốc Tuyết chỉ huy vượt biển đánh vào Hải-dương; đạo quân thứ năm do đô đốc Lộc chỉ huy là mũi bao vây chiến lược vượt biển tiến lên hướng Bắc-giang nhằm chặn đường rút lui của quân Thanh từ Thăng-long về Quảng-tây, và sẵn sàng ngăn chặn quân tiếp viện từ Quảng-tây sang.

Thế trận tiến công của Quang-Trung đặt đại quân Thanh vào thế « cá chậu chim lồng », không đường chạy thoát. Từ thế trận đó Quang-Trung đã chọn những tử huyệt trong hệ thống phòng ngự của Tôn-Sĩ-Nghị đấy là các điểm Hà-hồi, Ngọc-hồi và Khương-thượng. Tập trung lực lượng đánh vào các điểm đó, phía Tây-sơn, tuy với tổng số quân chưa bằng nửa tổng số quân địch, nhưng đã có được số lượng quân áp đảo quân địch tại các điểm quyết chiến đã chọn. Quân Tây-sơn còn được sự giúp đỡ, phối hợp chiến đấu của nhân dân các địa phương nơi diễn ra chiến sự.

Khi cuộc tiến công mở màn, theo kế hoạch tác chiến của Quang-Trung, đã hình thành rõ rệt thế trận bao vây rộng lớn toàn khu vực Thăng-long. Các đường lớn rút lui của quân giặc đều bị ngăn chặn. Tại chính diện, đạo quân chủ lực do Quang-Trung đích thân chỉ huy đánh vỗ mặt, trong khi cánh quân vu hồi do Đặng-Tiến-Đông chỉ huy từ thượng đạo (đường núi) ập xuống như mũi dao cắm phập vào sườn quân giặc từ tây nam Thăng-long thọc sâu tận quả tim của chúng là cung Tây-long bên bờ sông Hồng. Sự phối hợp giữa các cánh quân tiến theo cả hai đường thủy, bộ đã diễn ra nhịp nhàng. Cách đánh bao vây trên toàn bộ thế trận đó tác động sâu sắc đến tinh thần của bộ chỉ huy quân Thanh và toàn bộ tướng sĩ, binh lính Thanh khi hệ thống phòng ngự của chúng bị đập gãy và chọc thủng một số điểm xung yếu. Với tinh thần dễ bị hoang mang dao động của một đạo quân xâm lược khi gặp khó khăn, đặc biệt là khi đứng trước nguy cơ bị bao vây, phản ứng tâm lý tất yếu đầu tiên của chúng là lo chạy thoát thân. Chính thế trận bao vây trong toàn cuộc hội chiến đó đã khiến cho Tôn-Sĩ-Nghị « người không kịp mặc giáp, ngựa không kịp đặt yên », hốt hoảng bỏ cung Tây-long cùng với một số tên tùy tùng vượt cầu phao chạy sang bờ bên kia sông Hồng, rồi ra lệnh cắt cầu phao làm cho hàng vạn quân Thanh chết đuối. Cũng thế trận bao vây toàn cục đó đã dẫn đến kết quả: trong tổng số 20 vạn quân chiến đấu và hàng chục vạn dân phu, chỉ có khoảng 5 000 tên cùng Tôn-Sĩ-Nghị chạy thoát về Trung-quốc.

Trong thế trận bao vây để tiêu diệt toàn bộ đại quân Thanh đó Quang-Trung đã thực hiện cách đánh bao vây tiêu diệt từng vị trí « then chốt » của giặc.

Giữa đêm 30 Tết đạo quân chủ lực của Quang-Trung vượt sông Giản bất ngờ tiêu diệt các vị trí tiền tiêu của giặc ở bờ bắc sông Nguyệt-quyết và

Digitized by Google

Nhật-tảo, truy kích các toán quân Thanh và bắt gọn chúng tại Phú-xuyên « không để một tên nào trốn thoát » *(Hoàng Lê nhất thống chí)*. Nhờ đấy nửa đêm mồng 3 Tết Kỷ Dậu (28-1-1789) quân Tây-sơn bao vây kín đồn Hà-hồi (Thường-tín, Hà-sơn-bình) cách Thăng-long chỉ khoảng 20 km mà quân giặc trong đồn không hề hay biết.

Chiến thắng Hà-hồi là tiền đề và điều kiện để tiến công đồn Ngọc-hồi, trận đánh then chốt quyết định số phận của đạo quân Tôn-Sĩ-Nghị.

Khi được biết quân Tây-sơn đã tiến đến Ngọc-hồi, Tôn-Sĩ-Nghị và tất cả các tướng lĩnh và binh sĩ Thanh trong khu vực Thăng-long đều kinh hoàng, khiếp hãi. Chúng bảo nhau « thật là tướng ở trên trời xuống, quân ở dưới đất chui lên » *(Hoàng Lê nhất thống chí)*. Bản thân Tôn-Sĩ-Nghị khi được tin cấp báo cũng phải « rút kiếm chém xuống đất nói rằng: sao mà thần tốc thế *(Minh đô sử)*. Tinh thần quân Thanh lâm vào tình trạng xao xuyến cực độ, đúng lúc đạo quân chủ lực Tây-sơn do Quang-Trung chỉ huy xuất hiện ngay trước đồn Ngọc-hồi, cứ điểm then chốt trong hệ thống phòng ngự của quân Thanh ở mặt trận phía nam Thăng-long. Đây là chiếc lá chắn chủ yếu che chở cho đại quân Thanh ở Thăng-long; chặt đứt mắt xích này tức là sẽ làm đứt tung cả sợi xích.

Ở đây Quang-Trung đã quyết định sử dụng đạo quân chủ lực do mình trực tiếp chỉ huy cộng với đạo quân tiếp ứng do đô đốc Bảo chỉ huy gồm tổng cộng khoảng 6 đến 7 vạn người để tiến công quân Thanh gồm khoảng 3 vạn đóng ở Ngọc-hồi.

Phía Tây-sơn chiếm được ưu thế về quân số, ngoài ra còn có 100 voi chiến trong lực lượng xung kích cùng cung nỏ, giáo, lao; tượng binh Tây sơn còn được trang bị nhiều thứ hỏa khí như súng tay, hỏa hổ và đặc biệt là cả đại bác trên mình voi.

Quang-Trung đã quyết định dùng đại bộ phận binh lực, trong đó có toàn bộ tượng binh, tiến công mãnh liệt vào phía nam đồn Ngọc-hồi, trong khi một bộ phận đạo quân chủ lực được bố trí sẵn ở phía đông bắc Ngọc-hồi chặn cả hai hướng đường thiên lý và đê sông Nhị nhằm buộc quân địch phải chạy dạt về phía tây theo hướng đầm Mực. Đạo quân của đô đốc Bảo từ Đại-áng được sử dụng như lực lượng chi viện cho đạo quân chủ lực trong việc công phá đồn Ngọc-hồi, nhưng nhiệm vụ chủ yếu là bao vây và tiêu diệt quân giặc khi chúng đến đầm Mực.

Tiến công mãnh liệt ở chính diện đồng thời mở sẵn cho quân giặc một con đường thoát để dẫn chúng đến một cái bẫy tử địa đã chuẩn bị từ trước là đầm Mực. Cách đánh tài tình này của Quang-Trung đã dẫn đến kết quả tiêu diệt hoàn toàn cánh quân của đô đốc Thanh Hứa-Thế-Hanh ngay trong đồn Ngọc-hồi và tại đầm Mực. Về cách tiến công mãnh liệt của quân Tây-sơn, chính kẻ thù cũng phải thừa nhận: « Quân tiên phong của giặc — tức quân Tây-sơn — xông thẳng vào đại doanh của ta » *(An-nam quân doanh kỷ yếu)*, « giặc dùng những bó rơm to lớn để che đỡ mà lăn xả vào... kẻ trước ngã, người sau nối, hết thảy đều trỗ sức liều chết mà chiến đấu » *(Việt sử thông giám cương mục)*.

Cũng vào khoảng canh tư đêm mồng 4 tháng giêng Kỷ Dậu khi đạo quân chủ lực tiến đánh đồn Ngọc-hồi thì trên hướng phối hợp, đạo quân của đô đốc Đặng-Tiến-Đông làm mũi bao vây chiến dịch, bất ngờ tiến công mãnh liệt đồn Khương-thượng (Đống-đa). Quân giặc không xoay trở kịp, vì chúng không ngờ quân Tây-sơn lại từ hướng núi thình lình ập xuống. Chỉ sau vài giờ chiến đấu, đồn Khương-thượng bị tiêu diệt. Quân Tây-sơn thừa thắng tiêu diệt luôn các đồn Yên-quyết, Nam-đồng, rồi tràn vào

Digitized by Google

cửa ô tây nam thành Thăng-long như một mũi lao từ xa phóng thẳng vào cung Tây-long, nơi Tôn-Sĩ-Nghị đặt sở chỉ huy của hắn. Đang dồn tâm trí vào Ngọc-hồi, thì lại thấy quân Tây-sơn từ mặt tây nam ập đến, Tôn-Sĩ-Nghị và các tướng sĩ Thanh hoảng hốt cực độ, không còn cách nào khác là cuống cuồng chạy thoát thân.

Trong các trận Ngọc-hồi, và Khương-thượng (Đống-đa), các yếu tố bất ngờ, thần tốc, bao vây và tiến công mãnh liệt đã được kết hợp chặt chẽ, nhân sức mạnh của quân Tây-sơn lên gấp bội, do đó đã nhanh chóng đè bẹp được quân Thanh, mặc dù về số lượng chúng đông hơn ta nhiều lần. Quân Tây-sơn đã nắm chắc thời cơ, thực hiện bất ngờ, hành động thần tốc để giành chủ động, tận dụng thời cơ: dựa vào bất ngờ để tạo nên thế trận bao vây, trong khi chính thế trận bao vây đó lại nâng cao hiệu lực, tác động của bất ngờ, sử dụng các yếu tố bất ngờ, bao vây và thần tốc đó làm tiền đề và điều kiện thuận lợi cho hành động tiến công mãnh liệt nhằm tiêu diệt một số cứ điểm then chốt thuộc hệ thống phòng ngự của địch.

Đây thật chẳng khác nào dùng những ngón tay thép điểm đúng vào những tử huyệt của giặc, đập vỡ thế trận của giặc, đẩy chúng vào tình trạng tan rã và bị tiêu diệt trong vòng vây của quân ta. Đây là cách đánh kỳ diệu của Quang-Trung. Bất ngờ và thần tốc tạo ra thời cơ bao vây tiến công mãnh liệt tiêu diệt các đồn Hà-hồi, Ngọc-hồi và Khương-thượng. Thời cơ này được sử dụng đúng đắn chính xác lại tạo ra thời cơ mới. Đô đốc Đặng-Tiến-Đông đã không bỏ lỡ khi « một mình một ngựa tiến lên trước, dẹp yên nơi cung cấm » thọc sâu vào cung Tây-long — sở chỉ huy của Tôn-Sĩ-Nghị.

Mờ sáng ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu, đạo quân của đô đốc Đặng-Tiến-Đông tiến vào Thăng-long; đến trưa, đạo quân chủ lực của Quang-Trung cùng với đạo quân của đô đốc Bảo tiến vào kinh thành.

Nét tiêu biểu đặc sắc của tư tưởng quân sự Quang-Trung là tư tưởng tiến công: giành lấy và nắm chắc quyền chủ động từ chiến lược, chiến dịch đến chiến đấu, dùng mưu kế để giành lấy bất ngờ, dùng hành động thần tốc và dùng cách đánh bao vây chia cắt kết hợp với đột phá để tiến công tiêu diệt địch, tiêu diệt gọn gàng và triệt để đội quân địch với số lượng đông hơn. Quân Thanh rất chủ quan sau hàng loạt thắng lợi dẫn đến việc chiếm đóng kinh thành Thăng-long. Tôn-Sĩ-Nghị tưởng chừng đang nắm trong tay quyền chủ động. Thế nhưng, ngay tại Phú-xuân, với tư tưởng tiến công, với tinh quyết đoán nhanh chóng dựa trên cơ sở những tính toán toàn diện, chính xác, người « anh hùng áo vải » đã giành lại quyền chủ động chiến lược về tay mình khi quyết định « lập tức xuất quân ».

Ở vào thế phải « lấy ít đánh nhiều », vấn đề đặt ra là phải tạo thế, tạo thời cơ để chuyển hóa so sánh lực lượng giữa hai bên, dùng thế và thời để tăng sức mạnh của ta lên gấp bội, giảm sức mạnh của địch xuống nhiều lần. Trong thực tế diễn biến chiến sự, Tôn-Sĩ-Nghị đã bị bất ngờ về ý định chiến lược của Quang-Trung, bất ngờ về nghệ thuật chiến dịch, và bất ngờ cả trong các trận chiến-đấu từ các trận Hà-hồi, Ngọc-hồi, Khương-thượng đến mũi bao vây thọc sâu vào cung Tây-long.

Cách đánh của Quang-Trung đã phát huy được sức mạnh kỳ diệu vì nó được xây dựng trên một nền tảng vững chắc. Trước hết, Quang-Trung đã giương cao ngọn cờ chính nghĩa đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, đã giải quyết thỏa đáng một số hiềm khích trong nội bộ phong trào Tây-sơn, đã thu phục được

Digitized by Google

lòng dân cả nước và đặc biệt là lòng dân Bắc-hà trong vùng tạm bị giặc chiếm đóng về một mối.

Để bảo vệ đất đai thiêng liêng của Tổ quốc, Quang-Trung đã tận dụng thế đất hiểm trở của Tổ quốc, từ dãy núi Tam-điệp, dầm Mực đến con đường thượng đạo ập xuống Khương-thượng. Dưới quyền chỉ huy của Quang-Trung là những tướng sĩ nghĩa quân Tây-sơn tài trí, dũng cảm có kỷ luật nghiêm minh, sẵn sàng hy sinh vì nước. Quang-Trung còn kết hợp tài tình các yếu tố bất ngờ, bao vây với công tác địch vận. Tóm lại, Quang-Trung đã dùng được «sức mạnh của cả nước» để đại phá quân Thanh. Cách đánh của Quang-Trung được tạo thành từ nhiều yếu tố trong đó có các yếu tố nổi bật là bất ngờ, thần tốc, bao vây và tiến công mãnh liệt. Trận đánh Thăng-long của Quang-Trung là một chiến dịch ở quy mô chiến lược, là một trận quyết chiến chiến lược, quyết định thắng lợi của chiến tranh. Tư tưởng và nghệ thuật quân sự trong trận này thể hiện bước phát triển mới trong nghệ thuật quân sự Việt-nam thời trung cổ.

Phương pháp tác chiến «công thành» ở các thời kỳ trước Quang-Trung phát triển chưa cao. Đến Quang-Trung thì phương pháp tác chiến này đã phát triển tới trình độ cao hơn về tổ chức và thực hành chiến dịch. Trận đánh Thăng-long là một chiến dịch lớn ở quy mô chiến lược. Thế trận chiến dịch là một thế trận liên hoàn rất chặt chẽ, đồng thời tiến công trên nhiều hướng, nhiều mũi của 5 đạo quân, đánh vào toàn bộ cơ cấu đội hình phòng ngự của địch.

Việc chỉ huy, điều hành chiến dịch rất là tài tình. Trên một phạm vi rộng lớn của mấy tỉnh Bắc-hà, 5 đạo quân cùng triển khai hành động và hiệp đồng nhịp nhàng trên các hướng cách xa nhau, điều đó chứng tỏ một trình độ cao về tổ chức và điều hành, chỉ huy một chiến dịch lớn. Chiến dịch Thăng-long làm cho ta liên tưởng đến dáng dấp một chiến dịch trong thời đại ngày nay. Về mặt này — mặt chỉ huy chiến dịch — trận đánh Thăng-long cũng là một bước phát triển mới, một bước phát triển cao hơn và là sự hoàn thiện thêm về nghệ thuật quân sự Việt-nam thời trung cổ.

Quang-Trung cùng các tướng sĩ nghĩa quân Tây-sơn đã có những đóng góp vô cùng quý giá vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt-nam.

Trận đánh Thăng-long đại phá quân Thanh là sự kế tục xuất sắc các trận Chi-lăng, Bạch-đằng, Như-nguyệt. Và chiến thắng Điện-biên-phủ 1954, đại thắng mùa xuân 1975 trong chiến dịch Hồ-Chí-Minh và chiến thắng quân xâm lược Trung-quốc tháng 2-1979 là sự kế tục tuyệt vời các trận thắng xưa kia.

Digitized by Google

Nhân kỷ niệm lần thứ 5 đánh thắng chiến tranh xâm lược của bọn diệt chủng Pôn Pốt và bọn bành trướng Bắc-kinh ở biên giới phía tây nam (1-1979—1-1984)

BỀ RỘNG VÀ CHIỀU SÂU CỦA MỘT THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC

THÀNH-TÍN

CÁCH đây vừa đúng 5 năm, quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của bọn diệt chủng Pôn Pốt ở suốt dải biên giới phía tây nam. Cuộc chiến tranh tội ác này bắt đầu từ hồi 1975, trở nên ác liệt từ giữa năm 1977 cho đến đầu năm 1979, gây nên những tổn thất to lớn về người và của ở các tỉnh Kiên-giang, An-giang, Long-an, Tây-ninh, Sông-bé, Buôn-ma-thuột và Gia-lai — Kông-tum. Đồng thời, được sự giúp đỡ của bộ đội ta, quân và dân Khơ-me đã vùng dậy dưới lá cờ đại nghĩa của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quật đổ ách thống trị của bọn Pôn Pốt — Ieng Xa-ri—Khiêu Xam-phon, tay sai của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, cứu đất nước khỏi tai họa diệt chủng, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do thật sự và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm năm qua, nhìn lại sự chuyển biến lịch sử đầu năm 1979, chúng ta càng thấy nổi lên tầm cao của chiến thắng vĩ đại nói trên, và càng thấy rõ bề rộng và chiều sâu thất bại chiến lược của bọn trùm diệt chủng và quan thầy của chúng.

NĂM NĂM TRƯỚC, ĐÒN SẾT ĐÁNH ẤY

Đối với bọn trùm bành trướng ở Trung-nam-hải, sự sụp đổ của bọn Pôn Pốt thật quá bất ngờ. Bọn chúng những tưởng rằng tàn sát hơn 3 triệu người dân Cam-pu-chia, lùng giết hết mọi lực lượng yêu nước, chúng có thể kìm kẹp chặt chẽ những người dân Khơ-me còn sống sót, thủ tiêu mọi sự chống đối ở trong nước. Chúng cũng chủ quan nghĩ rằng quân và dân Việt-nam bị chúng uy hiếp ở dải biên giới phía bắc, gặp những khó khăn về kinh tế và đời sống sau mấy chục năm chiến tranh, lại phải giải quyết hàng loạt vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội ở các tỉnh phía nam, không còn có đủ sức để làm nhiệm vụ quốc tế cùng những người yêu nước Cam-pu-chia quật đổ bọn diệt chủng Pôn Pốt, bọn tay sai được chúng dày công nuôi dưỡng và tiếp sức về mọi mặt. Ngược với ý chúng, cuộc tiến công của bộ

Digitized by Google

đội cách mạng trên chiến trường Cam-pu-chia đã diễn ra nhanh chóng, theo thế chẻ tre, chỉ trong vòng hơn hai tuần đã giành được thắng lợi trọn vẹn trong phạm vi cả nước.

Bao giờ cũng vậy, bọn phát xít và diệt chủng thường hùng hổ tàn bạo, nhưng không mảy may có cơ sở xã hội trong nhân dân, cho nên thật sự suy yếu và rất dễ đổ kềnh trước cuộc tiến công dũng mãnh của bộ đội cách mạng và sự nổi dậy của nhân dân. Bọn trùm bành trướng đinh ninh rằng chúng đã đưa vào Cam-pu-chia hàng nghìn «cố vấn» quân sự, vài nghìn binh lính làm cầu đường, đã đổ vào hàng vạn tấn vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự: máy bay, tàu chiến, pháo tầm xa 130 mi li mét, xe tăng, súng phòng không.., trực tiếp vạch kế hoạch và đôn đốc hơn 20 sư đoàn quân Pôn Pốt chiến đấu thì thế của chúng là vô cùng vững chắc và chúng nhất định giành được thắng lợi.

Bọn chúng càng chủ quan, huênh hoang khoác lác khi rêu rao sẽ đánh chiếm tỉnh lỵ và toàn tỉnh Tây-ninh, rồi tiến về Sài-gòn, đánh sâu xuống An-giang, Kiên-giang, Trà-vinh... thì thất bại của chúng càng nặng nề và cay đắng. Chúng đột nhiên đứng trước một sự thật phũ phàng. Hơn 20 sư đoàn của chúng chỉ trong hai tuần đã bị đánh tơi bời và tan rã toàn bộ. Hàng nghìn quân quan Trung-quốc chỉ kịp chạy thoát thân sang Thái-lan bỏ mặc cho bọn tay sai sụp đổ tan hoang.

Đòn chiến lược mãnh liệt, táo bạo, bất ngờ của bộ đội cách mạng cuối năm 1978 và đầu năm 1979 mãi mãi đi vào lịch sử như một cuộc tiến công thần tốc phản ánh khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự tài giỏi, sáng tạo đến mức điêu luyện của bộ đội cách mạng hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia. Đây đúng là đòn sét đánh giáng xuống đầu bọn trùm diệt chủng và quan thầy của chúng đang ngự trị ở Trung-nam-hải. Bọn chúng chủ quan kiêu ngạo và mù quáng đâu có tính đến chữ ngờ!

VÌ SAO CHÚNG NÓ CAY CÚ ĐẾN THẾ

Sau thất bại ê chề và nhục nhã ở Cam-pu-chia, suốt 5 năm nay, bọn trùm bành trướng Trung-quốc vẫn chưa hết cay đắng. Chúng vẫn rào riết giở mọi thủ đoạn để hà hơi tiếp sức cho bọn tàn quân diệt chủng. Mặc dù chẳng có lấy một mét biên giới cùng với Cam-pu-chia, lại ở cách Cam-pu-chia hàng nghìn ki lô mét, chúng vẫn coi vấn đề Cam-pu-chia là một vấn đề quan trọng đặc biệt đối với chúng, coi đó là vấn đề ưu tiên hàng đầu, là điều kiện trước hết để cải thiện quan hệ với các nước khác. Vì sao chúng nó lại cay cú một cách không bình thường và gay gắt đến thế?

Trước hết, về mặt chính trị, chủ nghĩa Mao được Bắc-kinh bán rao khắp thế giới rõ ràng đã không ăn được khách. Chủ trương bành trướng trước hết bằng ý thức hệ, bằng tư tưởng, bằng đường lối chính trị của chúng rõ ràng đã thất bại. Giữa lúc ấy bọn Pôn Pốt là một nhúm kẻ công khai tâng bốc và ca tụng chủ nghĩa Mao, «coi chủ nghĩa Mao là sự giúp đỡ vô giá đối với bọn chúng!». Càng hiếm nên càng quý. Càng quý bao nhiêu thì khi chúng sụp đổ tan tành, Bắc-kinh ắt cảm thấy đau hơn hoạn.

Hai là, kiểu «chủ nghĩa xã hội» được bọn Pôn Pốt xây dựng ở Cam-pu-chia rất hợp khẩu vị của Bắc-kinh. Đó là một kiểu «chủ nghĩa xã hội» kỳ quặc, một quái thai khủng khiếp, thủ tiêu hết mọi quyền tự do, xóa bỏ triệt để mọi quyền tư hữu, xóa bỏ tiền nong, chợ búa, cổ xúy sự tàn ác và ngu muội, đi xa hơn cả cái «công xã nhân dân» của Bắc-kinh từng được Mao-Trạch-Đông khen ngợi là «sáng tạo», là «độc đáo», là đi nhanh, là triệt để... Cái mô hình Bắc-kinh này bị xóa bỏ ngay giữa lúc

Digitized by Google

chúng mơ tưởng có thể xuất cảng sang các nước thế giới thứ ba thì làm sao mà bọn trùm bành trướng ở Bắc-kinh không cay đắng đến phát điên lên được!

Ba là, trong mưu đồ bành trướng xuống Đông Nam châu Á, Trung-quốc tập trung sức lực hòng phá vỡ con đê cách mạng vững chắc là Việt-nam để mở đường thôn tính các nước khác trong vùng. Giờ thủ đoạn, đồ tiêu của để điều khiển và nắm chắc bọn Pôn Pốt, bọn bành trướng Bắc-kinh vừa có một công cụ lợi hại đặc biệt, một con dao găm bén nhọn chọc vào sườn của Việt-nam khi cơ thể của Việt-nam còn đầy những thương tích của chiến tranh, vừa có một tên biệt kích lợi hại nằm vùng để nhằm phá hoại và thôn tính cả khu vực Đông Nam châu Á rộng lớn giàu tài nguyên và có vị trí chiến lược hết sức trọng yếu. Con dao găm bén nhọn bị bẻ gãy; tên biệt kích lợi hại nằm vùng bị loại bỏ, làm sao Bắc-kinh không phát điên lên được!

Bị thất bại bất ngờ và cay đắng, bọn bành trướng đã lồng lộn lên, đem 60 vạn quân xâm lược các tỉnh biên giới phía bắc Việt-nam, tàn phá và tàn sát bừa bãi các vùng chúng đến, tự phơi trần bộ mặt phản động dê hèn và bất lực của chúng trước nhân dân thế giới. Chúng những tưởng cuộc xâm lược của chúng sẽ đỡ đòn, nâng đỡ tinh thần cho bọn tàn quân Pôn Pốt đang tan rã về tổ chức và suy sụp về tinh thần, thế nhưng thất bại nhục nhã của chúng càng làm cho bọn này lụn bại hoàn toàn. Bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh lại càng thêm bội phần cay cú; chúng ráo riết hà hơi tiếp sức cho bọn tàn quân Pôn Pốt, giở mọi thủ đoạn dê hèn nói xấu, bôi nhọ nghĩa cử cao quý của bộ đội Việt-nam ở Cam-pu-chia, câu kết với bọn đế quốc đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Chúng đã thất bại cay đắng và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn trong mưu đồ bành trướng mù quáng và nham hiểm của chúng xuống phía nam.

CỤC DIỆN MỚI TỐT ĐẸP CHƯA TỪNG CÓ

Thắng lợi lịch sử của cách mạng hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia đánh bại hoàn toàn quân Pôn Pốt xâm lược ở dải biên giới phía tây nam Việt-nam và quật đổ ách thống trị của chúng trên toàn bộ lãnh thổ Cam-pu-chia cùng với thắng lợi vĩ đại của cách mạng Lào đã tạo nên một cục diện hoàn toàn mới trong cả khu vực chiến lược trọng yếu này.

Đó là vì từ đầu năm 1979 khối liên minh chiến đấu giữa ba nước anh em Việt-nam – Lào – Cam-pu-chia, giữa ba quốc gia độc lập, thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, được củng cố vững chắc hơn bất kỳ thời gian nào trước đây. Qua các hiệp ước hòa bình hữu nghị và hợp tác cùng một loạt hiệp định về kinh tế, tài chính, ngoại thương, văn hóa, nghệ thuật tay đôi và ba bên giữa ba nước anh em, sức mạnh chính trị, quân sự, kinh tế, tư tưởng của mỗi nước đều được nâng lên rõ rệt. Mặt khác, sự hợp tác và liên minh toàn diện của ba nước anh em với Liên-xô, thành trì của cách mạng và của hòa bình thế giới và với các nước xã hội chủ nghĩa khác làm cho thế và lực của cách mạng ở Đông Nam châu Á mạnh hơn lực lượng phản cách mạng, làm cho chủ nghĩa xã hội ở khu vực này trở nên vững chắc.

Riêng ở Cam-pu-chia, mặc dù hậu quả của nạn diệt chủng khủng khiếp còn nặng nề và kéo dài trên tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội, mặc dù bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và bọn phản động trong chính quyền Thái-lan rắp tâm phá hoại, cuộc hồi sinh vẫn diễn ra tốt đẹp hơn, nhanh chóng hơn mọi dự kiến lạc quan nhất. Nông nghiệp

Digitized by Google

được hồi phục sớm và bắt đầu có đà phát triển. Các cơ sở công nghiệp được khôi phục dần, sự nghiệp giáo dục và y tế dưới chính quyền nhân dân đạt được những thành tích to lớn, chưa từng có. Nền văn hóa và nghệ thuật dân tộc được khôi phục và bắt đầu phát triển với nhiều triển vọng mới. Trật tự an ninh trong phạm vi cả nước ngày càng được bảo đảm và củng cố.

Điều rất quan trọng là trong 5 năm qua, những yếu tố cơ bản làm nên sức mạnh của cách mạng, của Nhà nước đã được tạo nên hoặc củng cố rõ rệt. Hiến pháp mới được soạn thảo và thông qua. Quốc hội được cả nước bầu ra qua phổ thông bầu cử. Chính quyền từ cơ sở đến trung ương được củng cố. Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, xác định đường lối và biện pháp cách mạng rất đúng đắn và sáng tạo, có hoạt động quốc tế ngày càng rộng và có hiệu quả, được nhân dân cả nước tin yêu. Mặt trận đoàn kết, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Cam-pu-chia được củng cố và mở rộng, có cơ sở trong cả nước, góp phần to lớn tạo nên khối đoàn kết dân tộc vững mạnh, đồng tâm nhất trí trong mọi công việc cách mạng. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn... đều phát triển rất mạnh hàng ngũ của mình, sinh hoạt có chất lượng, tổ chức được các đại hội toàn quốc, ngày càng góp phần quan trọng vào cuộc hồi sinh và phát triển của đất nước. Quân đội cách mạng Cam-pu-chia đã có những bước tiến vượt bậc về tổ chức, chỉ huy, huấn luyện và trang bị; các đơn vị chủ lực mạnh, cùng với bộ đội địa phương ngày càng phát triển, và các lực lượng du kích rộng khắp là niềm tự hào to lớn của nhân dân Cam-pu-chia, là sức mạnh của cách mạng Cam-pu-chia trong kỷ nguyên mới.

Tuy khó khăn còn nhiều trên tất cả các mặt của đời sống do hậu quả của nạn diệt chủng man rợ gây ra, 5 năm qua, dân tộc Cam-pu-chia đã tỏ rõ sức sống kỳ diệu trong công cuộc hồi sinh và phục hưng của đất nước, tạo nên một cục diện tốt đẹp chưa từng có trên đất nước Cam-pu-chia. Quả vậy, chưa bao giờ Cam-pu-chia có một Đảng lãnh đạo theo đúng đường lối Mác — Lê-nin khoa học và sáng tạo như hiện nay; chưa bao giờ toàn dân tộc cố kết thành một khối và nhận rõ một cách sâu sắc ai là thù, ai là bạn như hiện nay; chưa bao giờ triển vọng của đất nước đi lên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nghèo khổ, bất công và bóc lột, xây dựng một xã hội hoàn toàn mới mẻ và ưu việt, phát huy hết sức mạnh tiềm tàng về vật chất và tinh thần lại sáng sủa như hiện nay. Cũng chưa bao giờ đất nước Cam-pu-chia có một lực lượng vũ trang nhân dân thật sự chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do và hạnh phúc của nhân dân, trung thành vô hạn với đất nước và nhân dân như hiện nay. Cũng chưa bao giờ như bây giờ, cách mạng và đất nước Cam-pu-chia lại gắn bó keo sơn với thời đại mới, với hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực, với ba dòng thác cách mạng hùng vĩ của thời đại.

Cục diện của đất nước Cam-pu-chia là thật sự tốt đẹp, mang nhiều triển vọng lạc quan. Cục diện của ba nước Đông-dương đoàn kết và hợp tác ngày càng chặt chẽ và toàn diện, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng thật sự tốt đẹp hơn bao giờ hết, góp phần quan trọng giữ vững và thúc đẩy cách mạng ở Đông Nam Á, châu Á và trên toàn thế giới trong thời đại sục sôi cách mạng hiện nay.

NHỮNG THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC ĐÃ SÂU RỘNG VẪN CÒN THÊM SÂU RỘNG

Ở Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc đã vấp

Digitized by Google

phải thất bại nặng nề nhất, có ý nghĩa chiến lược. Tất cả những mưu đồ tàn bạo, xảo quyệt nhất đã được chúng đem ra thi thố ở khu vực hiểm yếu này và đều thất bại hết sức thảm hại.

Chủ quan mù quáng là căn bệnh cố hữu của tất cả bọn phản động. Mặc dù đã thua đau với cuộc rút chạy tả tơi của đế quốc Mỹ năm 1975 và thất bại ô nhục của 60 vạn tên lính xâm lược Trung-quốc đầu năm 1979, bọn chúng vẫn rắp tâm câu kết với nhau để phá hoại và xâm lược Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia.

Thế nhưng dù thực hiện nhiều mưu kế thâm độc mới, bọn chúng không có cách gì xoay chuyển được tình hình.

Đó là vì cách mạng ba nước Đông-dương đã ở vào thời kỳ mới. Tình đoàn kết và sự liên minh hợp tác toàn diện giữa ba nước cũng như sự đoàn kết của ba nước với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác làm tăng sức mạnh xây dựng và bảo vệ đất nước của mỗi nước lên gấp bội. Nhân dân ba nước anh em hiểu sâu sắc tâm địa của quân thù, luôn cảnh giác cao, có đầy đủ khả năng và sức mạnh làm thất bại mọi hành động phiêu lưu cũng như mọi thủ đoạn thâm hiểm của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với bọn đế quốc.

Đó là vì cách mạng ba nước Đông-dương đang đi thuận chiều với xu thế của lịch sử, xu thế phát triển của thế giới trong thời đại hiện nay mà nội dung cơ bản là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Bọn phản động và đế quốc đang lồng lộn điên cuồng, nhưng cái thế của chúng là thế yếu, thất bại cuối cùng là điều tất yếu không sao tránh khỏi đối với chúng.

Đó còn là vì bọn bành trướng bá quyền luôn tỏ rõ mưu đồ xâm lược trắng trợn Đông Nam châu Á; chúng vấp phải ý chí độc lập tự do của nhân dân trong toàn khu vực này. Ngay giai cấp tư sản cầm quyền trong các nước ASEAN cũng không thể không nhận rõ nguy cơ uy hiếp, đe dọa và xâm lược các nước ấy là từ Bắc-kinh mà đến. Xu thế đối thoại giữa các nước Đông-dương và các nước ASEAN để đi đến ổn định, hợp tác có lợi cho các bên, là một xu thế khách quan.

Đó cũng còn là vì tình hình nội bộ của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và chủ nghĩa đế quốc luôn không ổn định. Những cuộc đấu đá, thanh trừng, sát phạt nhau quyết liệt đang diễn ra khắp Trung-quốc, dẫn đến những rối loạn mới theo một kiểu nội chiến đỏ máu triền miên. Ở Mỹ, chính quyền Ri-gân phơi bày đầy đủ bản chất xâm lược và quân phiệt, đang bị cả thế giới lên án và chuốc lấy sự phản nộ của đông đảo nhân dân và nhiều thế lực chính trị ngay trên đất Mỹ. Các đồng minh của Mỹ đã tỏ rõ thái độ giữ khoảng cách, không đồng tình, hoặc phản đối cuộc xâm lược tội ác của chính quyền Ri-gân đối với Grê-na-đa. Ri-gân đang bước vào năm cuối cùng của nhiệm kỳ tổng thống với những khó khăn chồng chất về chính trị, kinh tế và ngoại giao.

Riêng trong việc phá hoại đất nước Cam-pu-chia, chúng nó còn vấp thêm một điều bế tắc. Đó là bọn Pôn Pốt, lực lượng mà bọn bành trướng Trung-quốc coi là lực lượng chính để gây rối ren thì lại hết sức suy yếu về chính trị, bị cả thế giới lên án. Chúng cứ buộc phải o bế một thế lực ma quỷ để tự chuốc lấy sự căm phẫn của cả thế giới.

Chính vì vậy mà mọi mưu đồ tội ác của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với chủ nghĩa đế quốc nhằm xâm lược, phá hoại Cam-pu-chia và ba nước Đông-dương nói chung chỉ là sự tự húc đầu vào đá, tự làm cho thất bại chiến lược của chúng ở vùng này thêm sâu, thêm rộng; chúng đang phải trả giá ngày càng đắt cho những hành động tội ác của chúng.

Digitized by Google

Báo chí và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa

HỒNG-CHƯƠNG

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Chúng tôi hoàn toàn tán thành sự đánh giá tình hình công tác báo chí chúng ta được trình bày trong báo cáo của Ban chấp hành. Dưới đây tôi xin phát biểu một số ý kiến về công tác nghiên cứu lịch sử báo chí và công tác lý luận báo chí.

Nước ta bắt đầu có báo chí cách đây 118 năm. Nhưng trong 60 năm đầu báo chí nước ta là báo chí của bọn thực dân và tay sai của chúng. Chỉ từ khi Bác Hồ cho ra đời tờ báo *Thanh niên* ngày 21-6-1925, dân tộc Việt-nam ta mới thật sự có báo chí của mình. Bác Hồ là người sáng lập nền báo chí cách mạng của chúng ta, nền báo chí gắn với dân tộc, gắn với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt-nam, nền báo chí thấm nhuần tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lê-nin, nền báo chí giương cao ngọn cờ yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Vẻ vang thay nền báo chí của chúng ta, nền báo chí mà người sáng lập là Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại.

Trải qua 58 năm chiến đấu vô cùng anh dũng báo chí cách mạng của chúng ta đã trưởng thành mau chóng và lập được những thành tích xuất sắc. Nhìn lại các chặng đường lịch sử mà báo chí chúng ta đã trải qua, chúng ta vô cùng tự hào vì báo chí chúng ta xứng đáng là báo chí của dân tộc Việt-nam anh hùng, của Đảng cộng sản Việt-nam vĩ đại. Trước Cách mạng Tháng Tám, suốt 20 năm đấu tranh gian khổ dưới ách thống trị đẫm máu của thực dân Pháp, báo chí chúng ta đã góp phần to lớn vào việc tuyên truyền, tổ chức quần chúng, chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền trong cả nước. Từ năm 1945 đến năm 1975, trong 30 năm đấu tranh vũ trang vô cùng oanh liệt, báo chí chúng ta đã góp phần tích cực bảo vệ chính quyền cách mạng, đánh thắng đế quốc Pháp rồi đế quốc Mỹ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Tám năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, báo chí chúng ta đã làm tốt

(*) Tham luận của đại biểu chi hội Tạp chí Cộng sản tại Đại hội thứ tư Hội nhà báo Việt-nam ngày 8 tháng 12 năm 1983.

Digitized by Google

nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp phần đánh bại hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và tay sai của chúng, phục vụ tốt sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Với niềm tự hào chính đáng, báo chí chúng ta sánh vai cùng đội ngũ báo chí tiên tiến trên thế giới hiện nay.

Cách mạng Việt-nam, trong quá trình vận động lâu dài, đã sản sinh ra hàng loạt nhà báo có tài năng. Hồ Chủ tịch là một thiên tài báo chí. Các đồng chí Trần-Phú, Nguyễn-Văn-Cừ, Lê-Hồng-Phong, Nguyễn-thị-Minh-Khai, v.v. là những người sáng lập các cơ quan ngôn luận của Đảng, đồng thời là những cây bút sắc sảo. Các đồng chí Lê-Duẩn, Trường-Chinh, Phạm-Văn-Đồng,... là những nhà báo xuất sắc; ngày nay tuy bận công việc lãnh đạo của Đảng và Nhà nước vẫn quan tâm đến công tác báo chí và không ngừng viết bài cho các báo. Có thể nói báo chí cách mạng nước ta là một trường đào tạo, rèn luyện các nhà lãnh đạo chủ yếu của Đảng và Nhà nước ta. Các nhà báo chúng ta rất lấy làm vinh dự có được những bậc tiền bối vẻ vang như vậy. Chúng ta nguyện noi gương các bậc tiền bối trong làng báo chúng ta, cố gắng hết sức mình làm tròn nhiệm vụ trên mặt trận báo chí cách mạng.

Báo chí Việt-nam là báo chí một nước thuộc địa, nửa phong kiến, sản xuất nhỏ là chủ yếu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Báo chí Việt-nam có những nét đặc biệt, không giống báo chí các nước khác trên thế giới.

Nghiên cứu lịch sử báo chí Việt-nam, tìm ra quy luật phát sinh và phát triển của báo chí Việt-nam, sẽ giúp ích cho việc xây dựng nền báo chí Việt-nam xã hội chủ nghĩa ngày nay. Báo chí Việt-nam, nhất là báo chí cách mạng, có nhiều kinh nghiệm phong phú. Nghiên cứu lịch sử báo chí của ta, tổng kết những kinh nghiệm phong phú của báo chí ta, kinh nghiệm thành công cũng như kinh nghiệm thất bại, kinh nghiệm về vận dụng đề tài, thể tài cũng như kinh nghiệm về văn phong và trình bày mặt báo, nhất định sẽ có tác dụng tích cực góp phần đào tạo các nhà báo và nâng cao chất lượng báo chí chúng ta.

Hiện nay chúng ta chưa có cuốn lịch sử báo chí Việt-nam. Chúng ta phải tiến tới có được cuốn sách đó. Tôi tưởng đó là một trong những công việc mà Hội nhà báo chúng ta phải làm. Phải có sự góp sức của nhiều người mới có thể viết được cuốn lịch sử báo chí Việt-nam. Đây phải là một công trình tập thể của tất cả chúng ta, từ các nhà báo, các nhà nghiên cứu lịch sử báo chí, đến các nhà giáo giảng dạy lịch sử báo chí tại các khoa báo chí của các trường đại học. Mỗi bộ biên tập báo, đài phải viết lịch sử của báo mình, đài mình. Mỗi địa phương, mỗi ngành phải viết lịch sử báo chí của địa phương mình, ngành mình. Đương nhiên Ban chấp hành Hội nhà báo Việt-nam phải có bộ phận chăm lo biên tập lịch sử báo chí. Tôi tưởng, trong tương lai chúng ta phải có Viện nghiên cứu lịch sử báo chí.

Không có lý luận báo chí cách mạng thì không có báo chí cách mạng. Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã đề ra lý luận báo chí vô sản. Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã vận dụng lý luận báo chí vô sản của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đề ra đường lối đúng đắn để xây dựng nền báo chí cách mạng nước ta. Các chỉ thị của Hồ Chủ tịch, các nghị quyết của Đảng, các bài nói của các đồng chí lãnh đạo của Đảng về báo chí là những viên đá đầu tiên đặt nền móng cho lý luận báo chí cách mạng Việt-nam. Nắm vững tinh thần các chỉ thị, nghị quyết và bài nói đó,

Digitized by Google

chúng ta đi sâu nghiên cứu lịch sử báo chí ta, tổng kết những thành tựu mà báo chí ta đã đạt được, rút ra những kết luận có tính lý luận để chỉ đạo thực tiễn báo chí ta, trên cơ sở đó xây dựng nên lý luận báo chí xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Công tác nghiên cứu lịch sử báo chí và công tác lý luận báo chí có liên quan mật thiết với nhau. Có kết hợp chặt chẽ công tác nghiên cứu lịch sử báo chí với công tác lý luận báo chí chúng ta mới có thể đẩy mạnh được sự nghiệp báo chí của chúng ta.

Lý luận báo chí của ta không phải là lý luận suông rút từ trong sách vở mà là lý luận đúc kết thực tiễn báo chí nước ta dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Không có lý luận báo chí soi đường thì báo chí sẽ mù quáng và giẫm chân tại chỗ trong chủ nghĩa kinh nghiệm mà không tiến lên được. Muốn cho báo chí ta phát triển nhanh chóng và được nâng cao ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới chúng ta cần đẩy mạnh công tác lý luận báo chí.

Chúng ta thường nhắc đi nhắc lại câu nói nổi tiếng của Lê-nin: báo chí là người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể, người tổ chức tập thể. Câu nói nổi tiếng đó của Lê-nin đã có tác dụng lớn đối với các nhà báo Việt-nam chúng ta. Tuy vậy, chúng ta cần biết Lê-nin nói câu đó trong hoàn cảnh nào? Lê-nin nói câu đó khi cách mạng chưa thành công, khi giai cấp công nhân chưa giành được chính quyền, thậm chí khi chưa có đảng kiểu mới của giai cấp vô sản (1). Các chiến sĩ cách mạng tiên tiến sử dụng báo chí làm công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức quần chúng, tổ chức đội tiền phong của giai cấp vô sản, chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền Nhà nước. Sau khi cách mạng đã thắng lợi, chính quyền Nhà nước đã về tay giai cấp vô sản và nhân dân lao động, câu nói đó tuy vẫn còn đúng nhưng không đủ. Sau Cách mạng Tháng Mười Lê-nin đã nói: «Báo chí phải được dùng làm công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội» Sau khi giành được chính quyền chức năng của báo chí không giống như khi còn hoạt động cách mạng bí mật, khi chưa giành được chính quyền Nhà nước. Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phát triển sản xuất là nhiệm vụ trung tâm, chức năng của báo chí khác hẳn khi còn đấu tranh vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Hiện nay Đảng ta nêu lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. *Báo chí của ta ngày nay phải là công cụ lãnh đạo của Đảng, công cụ làm chủ của quần chúng nhân dân, công cụ quản lý của Nhà nước chuyên chính vô sản.* Đây là điểm mới của báo chí chúng ta ngày nay, khi Đảng ta đã trở thành đảng lãnh đạo chính quyền. Điểm này làm cho báo chí chúng ta ngày nay khác với báo chí chúng ta ngày trước, khi chưa giành được chính quyền. Tôi cho rằng, đây là điểm then chốt của *lý luận báo chí Đảng cầm quyền* của chúng ta. Nắm vững điểm này, báo chí chúng ta có thể góp phần đắc lực vào việc thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng ta, góp phần đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đến toàn thắng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền Nhà nước, báo chí ta phải thông tin hai chiều. Báo chí ta không những phải tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước từ trên xuống, mà còn phải phản ánh ý kiến, nguyện vọng và

(1) Lê-nin nói câu này năm 1901 trong bài «Bắt đầu từ đâu?». Đến năm 1903 Đảng Bôn-sê-vích Nga mới ra đời.

Digitized by Google

sáng kiến của quần chúng từ dưới lên. Nếu chỉ nhấn mạnh một chiều chức năng tuyên truyền, cổ động, tổ chức tập thể của báo chí, tức là chỉ biết có mặt báo chí là công cụ lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, thì chúng ta sẽ coi nhẹ mặt báo chí là tiếng nói của quần chúng, báo chí là công cụ làm chủ tập thể của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta xây dựng, nhân dân ta sử dụng báo chí làm công cụ để thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình, để tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Muốn trở thành công cụ đắc lực của quần chúng trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình, báo chí chúng ta phải đi sâu đi sát quần chúng, phải đề cập những vấn đề nóng hổi trong đời sống của quần chúng. Chỉ có kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu mệnh lệnh trong báo chí, các nhà báo chúng ta mới có thể góp phần tích cực vào việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Một trong những nét nổi bật của báo chí trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền là mở rộng phê bình trên báo chí. Quy luật phát triển của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta là phê bình và tự phê bình. Phê bình và tự phê bình công khai có tính quần chúng rộng rãi trên báo chí là một hình thức sinh hoạt dân chủ rất cần thiết đối với sự tiến bộ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Việc đó có tác dụng cổ vũ và giáo dục mạnh mẽ đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm thực hiện tốt nhất mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. Mở rộng phê bình trên báo chí có thể tạo ra được dư luận xã hội mạnh mẽ biểu dương người tốt việc tốt, đồng thời ngăn chặn, sửa chữa những hành động sai lầm, chống những tư tưởng, tác phong và thói xấu cũ, xây dựng tư tưởng, đạo đức, tác phong xã hội chủ nghĩa. Để thúc đẩy các mặt công tác của Đảng và Nhà nước cần mở rộng việc phê bình trên báo chí.

Đảng ta đặc biệt coi trọng việc phê bình trên báo chí. Nghị quyết số 60/NQ ngày 8-12-1958 và chỉ thị số 197/CT—TƯ ngày 13-3-1972 của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ mở rộng việc phê bình trên báo chí. Chỉ thị ngày 13-3-1972 của Bộ chính trị vạch rõ tất cả các báo ở trung ương và địa phương đều phải «thường xuyên phê bình và tự phê bình có tính quần chúng đối với những hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngành chuyên môn, cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị — coi đó là biểu hiện quan trọng về tính chiến đấu của mỗi tờ báo». Chỉ thị của Bộ chính trị nói rõ mọi cán bộ, đảng viên, mọi công dân đều có quyền viết bài phê bình trên báo, nhưng việc công bố các bài đó là trách nhiệm của cơ quan phụ trách tờ báo. Tập thể và cá nhân được báo chí phê bình phải trả lời trên báo. Chỉ thị ngày 13-3-1972 của Bộ chính trị «Về việc mở rộng phê bình trên báo chí» đã khẳng định: «Mở rộng phê bình và tự phê bình một cách đúng đắn là bảo đảm vững chắc sức mạnh vô địch của Đảng và Nhà nước ta. Ủng hộ và tham gia phê bình và tự phê bình là nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên và của mỗi công dân. Ngăn cản phê bình và tự phê bình là vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước».

Báo chí là cơ quan của Đảng, đồng thời là tiếng nói của nhân dân. Thư bạn đọc gửi cho báo, thư bạn nghe đài gửi cho đài phát thanh, là hình thức để công dân thực hiện quyền làm chủ tập thể trong việc tham gia quản lý và giám sát kiểm tra các hoạt động của cơ quan và cán bộ, nhân

Digitized by Google

viên Nhà nước. Ngày 8-6-1979, Hội đồng Chính phủ đã ra nghị định số 217, CP quy định (điều 23) các cơ quan Nhà nước phải tôn trọng, xem xét, giải quyết và trả lời nghiêm túc các ý kiến của nhân dân gửi qua các cơ quan báo chí hoặc đài phát thanh. Ngày 13-11-1979 Thủ tướng Chính phủ lại ra chỉ thị về việc giải quyết các thư bạn đọc hoặc thư bạn nghe đài gửi cho các báo và đài phát thanh. Chỉ thị nói rõ các báo chí và đài phát thanh khi nhận được thư bạn đọc phê bình, khiếu nại có quyền điều tra, chất vấn, yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm làm sáng tỏ hoặc giải quyết các vấn đề bạn đọc và bạn nghe đài nêu lên. Mọi cơ quan hoặc cá nhân bị phê bình, chất vấn trên báo, đài đều có trách nhiệm tiếp thu phê bình, sửa chữa khuyết điểm; và có quyền thanh minh những điều bị dư luận hiểu lầm, cải chính những điều không đúng sự thật.

Nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị của Đảng và Nhà nước về phê bình trên báo chí, các báo và đài chúng ta đã cố gắng bám sát các nhiệm vụ chính trị của Đảng, tuyên truyền và giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, biểu dương người tốt, việc tốt, đồng thời phê phán những hiện tượng làm sai đường lối chính sách của Đảng, quan liêu, lười biếng, lãng phí, tham ô, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Các văn kiện của Đảng và Nhà nước đã quy định rõ việc phê bình và tự phê bình trên báo chí. Song nhiều nơi còn có tình trạng không tiếp thu phê bình hoặc tiếp thu chiếu lệ, thậm chí có tình trạng trù dập người phê bình và gây khó khăn cho các báo đăng bài phê bình. Những người ngăn cản, trù dập phê bình trên báo chí không biết rằng làm như thế là vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

Hiện nay báo chí chúng ta đang ra sức phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Để làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược đó, báo chí chúng ta cần chú ý vấn đề gì? Theo chúng tôi, báo chí chúng ta cần nêu lên hàng đầu việc tuyên truyền kinh tế, tuyên truyền lao động. Đây là công việc khó khăn đối với báo chí chúng ta. Vì về mặt này các nhà báo chúng ta chưa có kinh nghiệm. Báo chí chúng ta có kinh nghiệm về hoạt động bí mật dưới ách thống trị của đế quốc, phong kiến. Báo chí chúng ta cũng có kinh nghiệm về tuyên truyền đấu tranh vũ trang, tuyên truyền kháng chiến. Nhưng về tuyên truyền sản xuất, phục vụ xây dựng kinh tế, rõ ràng báo chí chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Trong hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội Đảng đã đề ra, báo chí chúng ta tương đối có kinh nghiệm về tuyên truyền chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Dương nhiên, trong điều kiện mới, cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có những điểm không giống cuộc chiến tranh giải phóng mà quân và dân ta đã tiến hành trong 30 năm trước đây, do đó báo chí chúng ta cần phải đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền thì mới có thể phục vụ tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Dù sao, về mặt này, báo chí chúng ta cũng đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm qua 30 năm tuyên truyền phục vụ kháng chiến. Trái lại, về tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, có thể nói báo chí chúng ta chưa có kinh nghiệm.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải nói đến lao động. Trong tác phẩm «*Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô viết*»,

Digitized by Google

Lê-nin đã dạy: « Báo chí phải nêu lên hàng đầu vấn đề lao động ». Lê-nin lại nói phải cải tạo báo chí từ chỗ là một cơ quan chủ yếu phổ biến những tin tức chính trị hàng ngày thành một cơ quan ngôn luận vững vàng để giáo dục kinh tế cho nhân dân. Lê-nin đã nói: « Chúng ta phải biến, và nhất định sẽ biến báo chí từ chỗ là cơ quan chuyên đưa những tin tức giật gân, một cơ quan thông tin chính trị đơn giản, một cơ quan ngôn luận đấu tranh chống sự xuyên tạc của giai cấp tư sản, thành một công cụ giáo dục quần chúng về mặt kinh tế, thành một công cụ để giới thiệu cho quần chúng cách tổ chức lao động theo phương thức mới ».

Báo chí chúng ta là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi nhân dân lao động được giải phóng và bắt tay xây dựng cuộc đời mới, sức mạnh của việc nêu gương có điều kiện để tác động mạnh mẽ đến đông đảo quần chúng. Những điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất và tổ chức đời sống có vai trò to lớn trong việc giáo dục, hướng dẫn và thúc đẩy toàn bộ xã hội tiến lên. Bằng cách giới thiệu các điển hình tiên tiến, giới thiệu tỉ mỉ những thành công của họ, nghiên cứu phân tích những nguyên nhân thành công, những phương pháp làm việc và quản lý của họ, báo chí chúng ta sẽ phát huy tác dụng của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài *« Bàn về tính chất báo chí của chúng ta »*, Lê-nin đã từng vạch rõ rằng nhiệm vụ chính của báo chí trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là dùng những tấm gương cụ thể, sinh động, lấy trong mọi lĩnh vực của đời sống, để giáo dục quần chúng. Lê-nin cũng dặn các nhà báo: hãy bớt những nghị luận kiểu trí thức đi. Hãy gần gũi đời sống hơn nữa. Hãy chú ý nhiều hơn nữa xem trong công việc thường ngày của họ, quần chúng công nông đã *thực tế* sáng tạo *cái mới* như thế nào. Hãy kiểm nghiệm kỹ hơn xem cái mới đó đã có *tính chất cộng sản* đến mức độ nào.

Cùng với việc nêu lên các điển hình tiên tiến, các đơn vị gương mẫu, cần phải phê phán các đơn vị kém nát. Lê-nin đã từng đòi hỏi báo chí phải đưa lên « bảng đen » những nơi nào vẫn cứ khư khư ôm giữ những « truyền thống của chủ nghĩa tư bản » nghĩa là những truyền thống vô chính phủ, lười biếng, vô trật tự, dầu cơ. Lê-nin cho đó là một mặt của cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ nhằm bảo vệ lợi ích của *giai cấp* công nhân chống lại những nhóm, những bộ phận, những tầng lớp công nhân cứ khăng khăng giữ mãi những truyền thống, những thói quen của chủ nghĩa tư bản và tiếp tục có thái độ đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa như đối với Nhà-nước cũ: cung cấp cho « nó » lao động với số lượng càng ít càng tốt, với chất lượng xấu nhất, và lấy của « nó » càng nhiều càng tốt.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội báo chí cần giành phần lớn số trang tuyên truyền kinh tế. Theo Lê-nin thì các tờ báo chỉ đạo cần phải giảm bớt phần dành cho chính trị và tăng thêm nhiều phần dành cho tuyên truyền sản xuất: các tờ báo chuyên về sản xuất chỉ dành một phần nhỏ, không quá một phần tư, cho chính trị, còn phần lớn dành cho kế hoạch kinh tế thống nhất, cho mặt trận lao động, cho việc tuyên truyền kinh tế, cho việc đào tạo công nhân và nông dân tham gia quản lý kinh tế — xã hội.

Báo chí là phương tiện tốt nhất để nâng cao ý thức kỷ luật tự giác của những người lao động. Báo chí ta biểu dương những tấm gương lao động có năng suất cao, có chất lượng và hiệu quả. Báo chí ta cũng vạch rõ những mặt tiêu cực trong đời sống kinh tế, phê phán thẳng thắn những khuyết điểm, công khai vạch ra cho mọi người thấy những ung nhọt trong

Digitized by Google

đời sống kinh tế và bằng cách đó dựa vào dư luận của quần chúng lao động để sửa chữa những ung nhọt đó. Có như thế báo chí ta mới có thể phát huy tác dụng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Hồ Chủ tịch, người sáng lập nền báo chí cách mạng của chúng ta đã nói: báo chí của ta cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ đòi hỏi những người làm báo phải có lập trường chính trị vững chắc. Bác Hồ cũng đòi hỏi các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng.

Bác Hồ nói: « Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân, để tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có tính chất quần chúng và tính thần chiến đấu ».

Đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cũng nói: « Báo chí — một bộ phận quan trọng của công tác tuyên truyền — là một vũ khí cách mạng, một công việc đòi hỏi khoa học và nghệ thuật ».

Đồng chí Lê-Duẩn đã vạch rõ nhiệm vụ của báo chí ta trong giai đoạn hiện nay là tiếp tục giáo dục truyền thống chiến đấu vẻ vang của dân tộc, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên các lĩnh vực, lấy đó làm động lực thúc đẩy thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng, bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đối với các nhà báo, đồng chí Lê-Duẩn căn dặn: « Muốn làm báo tốt, phải rất cách mạng, rất khoa học và phải có nghệ thuật ».

Trong thư gửi Đại hội thứ tư Hội nhà báo Việt-nam, đồng chí Trường-Chinh căn dặn các nhà báo: « Các đồng chí làm báo nước ta luôn luôn ghi nhớ và thực hiện nghiêm túc những lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chi-Minh, noi theo gương sáng của Người, ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng, hòa mình vào cuộc sống của nhân dân, gắn bó với phong trào cách mạng của quần chúng, tổng kết kinh nghiệm làm báo của mình và tham khảo kinh nghiệm báo chí của Liên-xô và các nước anh em khác. Các đồng chí hãy phấn đấu nâng cao tinh tư tưởng, tính chiến đấu và tính quần chúng của báo chí cách mạng, không ngừng cải tiến công tác, trau dồi nghề nghiệp, làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình ».

Nắm vững quan điểm của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta về báo chí, chúng ta ra sức phấn đấu vươn lên không ngừng, nhất định sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao cho giới báo chí chúng ta.

Xin cám ơn sự chú ý của các đồng chí.

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

THỰC HIỆN VÀ CỦNG CỐ QUYỀN LÃNH ĐẠO CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN MÀ HẠT NHÂN LÀ ĐẢNG MÁC XÍT – LÊ NIN NÍT ĐỐI VỚI QUẦN CHÚNG LAO ĐỘNG

QUYẾT-TIẾN

TRONG quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mác xít – lê nin nít đối với quần chúng lao động là một quy luật có ý nghĩa hàng đầu.

Chúng ta biết rằng, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình đấu tranh cách mạng rất gay go, quyết liệt nhằm lật đổ ách thống trị của bọn tư bản, thiết lập chính quyền cách mạng của giai cấp công nhân, tiếp đó triển khai cuộc đấu tranh giai cấp trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm cải tạo triệt để xã hội cũ, và xây dựng một xã hội mới, không có người bóc lột người. Một quá trình cách mạng như vậy, muốn giành được thắng lợi, đương nhiên đòi hỏi phải có sự lãnh đạo kiên quyết, sáng suốt của một giai cấp tiên phong – giai cấp mà lịch sử đã giao phó cho sứ mệnh lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động đấu tranh để thực hiện sự nghiệp cao cả đó. Trong tất cả các giai cấp của xã hội tư sản, giai cấp duy nhất có sứ mệnh lịch sử toàn thế giới đó, chính là giai cấp công nhân.

Phát hiện ra vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân là công lao to lớn của Mác và Ăng-ghen. Và điều đó, như Lê-nin đã nói, chính là điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác.

Digitized by Google

Do vị trí kinh tế – xã hội của mình trong xã hội tư sản, giai cấp công nhân có những đặc tính khiến cho nó có thể đóng được vai trò lịch sử đó.

Trước hết giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất. Là con đẻ của nền công nghiệp lớn, giai cấp công nhân tiêu biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa. Xã hội tư sản càng tiến lên, thì lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa ấy ngày càng phát triển và mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, dựa trên cơ sở chế độ sở hữu tư nhân của bọn tư bản. Và mâu thuẫn kinh tế cơ bản này của xã hội tư sản thể hiện về mặt chính trị thành mâu thuẫn không thể điều hòa giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân dẫn đến việc thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, xóa bỏ sự tồn tại của mọi giai cấp trong xã hội. Như vậy, giai cấp công nhân chẳng những tiêu biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa; nó còn tiêu biểu cho xu thế phát triển khách quan của xã hội loài người lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giai cấp công nhân là một giai cấp có tiền đồ rất vẻ vang, vì nó lớn lên và trưởng thành cùng với sự phát triển của công nghiệp lớn và cuộc đấu tranh giai cấp chống bọn tư bản, trong khi các giai cấp trung gian như: tiểu chủ, tiểu thương... ngày càng phân hóa, và một bộ phận lớn trong họ bị phá sản và rơi xuống hàng ngũ của giai cấp công nhân. Do gắn bó với nền công nghiệp lớn, giai cấp công nhân một khi nắm được chính quyền Nhà nước thì đồng thời cũng nắm trong tay mình những yếu tố vật chất và kỹ thuật hùng mạnh để cải tạo thế giới, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, thúc đẩy xã hội tiến lên không ngừng. Nó còn đại biểu cho tương lai tươi sáng của toàn thể loài người.

Giai cấp công nhân là giai cấp triệt để cách mạng. Mác và Ăng-ghen đã từng nói: trong tất cả các giai cấp trong xã hội tư sản, chỉ có giai cấp công nhân là thật sự cách mạng. Đó là vì giai cấp công nhân không có quyền sở hữu đối với tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động để sống, bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột nặng nề. Họ có lợi ích hoàn toàn đối lập với lợi ích của giai cấp tư sản. Họ chẳng những là lực lượng chính trị đối lập với giai cấp tư sản mà còn là kẻ thù kiên quyết nhất của mọi sự áp bức, bóc lột, bất công. Thái độ triệt để cách mạng ấy chẳng những thể hiện trong cuộc đấu tranh nhằm lật đổ ách thống trị của bọn tư bản, mà còn thể hiện nổi bật trong quá trình xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, không có người bóc lột người. Đúng như các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã nói, giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất làm cách mạng đến cùng, đến thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Sở dĩ như vậy, ngoài những nguyên nhân nói trên ra, còn là vì giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có khả năng đoạn tuyệt hoàn toàn với mọi hệ tư tưởng của xã hội cũ.

Giai cấp công nhân là giai cấp có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đặc tính này được tạo nên ngay trong môi trường sản xuất của nền công nghiệp lớn, và càng được rèn đúc, củng cố và tăng cường trong quá trình đấu tranh giai cấp ác liệt chống giai cấp tư sản và các bọn bóc lột khác. Trải qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu

Digitized by Google

đài, giai cấp công nhân ngày càng ý thức rõ rằng: đoàn kết, có tổ chức và kỷ luật, đấy là vũ khí lợi hại giúp họ có thể tập hợp quanh mình những bạn đồng minh đông đảo để cùng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.

Giai cấp công nhân là giai cấp có tính quốc tế. Trên cơ sở nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã xã hội hóa rất cao, không những trong phạm vi từng nước mà trên cả thế giới, giai cấp tư sản các nước từ lâu chẳng những có mối liên hệ kinh tế với nhau, mà còn có sự liên minh với nhau về mặt chính trị để duy trì ách thống trị của chúng. Đương đầu với sự liên minh của giai cấp tư sản quốc tế, giai cấp công nhân tất nhiên phải đoàn kết chặt chẽ với nhau trên phạm vi quốc tế để chống lại kẻ thù. Đó là cơ sở khách quan của khẩu hiệu vĩ đại « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! » mà Mác và Ăng-ghen đã nêu lên trong tác phẩm nổi tiếng của mình: « Tuyên ngôn Đảng cộng sản ». Khi chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc, chúng áp bức, bóc lột không chỉ giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước chúng mà cả các dân tộc bị áp bức thì Lê-nin nêu lên khẩu hiệu: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ». Dương nhiên, giai cấp công nhân đấu tranh cách mạng trong từng nước riêng biệt, song phong trào công nhân mỗi nước bao giờ cũng là một bộ phận của phong trào công nhân quốc tế. Và trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, chỉ có sự đoàn kết giữa phong trào công nhân các nước tư bản với phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức mới có thể chiến thắng được kẻ thù chung là bọn đế quốc quốc tế.

Giai cấp công nhân, do bản chất của nó, là giai cấp tiếp thu dễ dàng nhất hệ tư tưởng tiên tiến nhất của loài người là chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là lý luận đấu tranh cách mạng, là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Tính khoa học của chủ nghĩa Mác—Lê-nin là sự phản ánh trung thực xu thế phát triển khách quan của xã hội loài người mà giai cấp công nhân là người đại diện. Tính cách mạng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin là biểu hiện tập trung tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Con đường đi tới của loài người mà chủ nghĩa Mác — Lê-nin vạch ra chính là mục đích đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân — người giải phóng loài người cần lao ra khỏi mọi áp bức, bóc lột. Chủ nghĩa Mác—Lê-nin là cơ sở lý luận cho việc vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ rằng đảng tiên phong của giai cấp công nhân ở hầu khắp các nước đều lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm ngọn cờ chỉ đạo cho mọi hoạt động cách mạng của mình. Và ngọn cờ ấy, do tính chính xác, khoa học và ý nghĩa cao cả của nó, có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với hàng nghìn triệu người trên trái đất ngày nay.

Do tất cả những đặc tính nói trên, giai cấp công nhân có đầy đủ khả năng đóng vai trò người lãnh đạo tất cả quần chúng lao động bị áp bức, bóc lột đấu tranh để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, đưa quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi cuối cùng.

Dương nhiên giai cấp công nhân không trực tiếp lãnh đạo cách mạng, mà phải thông qua đảng tiên

Digitized by Google

phong của mình – tức đảng cộng sản, mới có thể lãnh đạo được cách mạng.

Chúng ta biết rằng chỉ đến một giai đoạn phát triển nhất định của phong trào công nhân, Đảng cộng sản mới ra đời để lãnh đạo cách mạng. Sự ra đời của đảng cộng sản đánh dấu một bước phát triển mới về chất của phong trào công nhân, đồng thời cũng đánh dấu một bước trưởng thành rõ rệt của giai cấp công nhân. Kể từ đó, phong trào công nhân mới trở thành một phong trào độc lập, có mục tiêu phấn đấu rõ ràng. Cũng kể từ đó, giai cấp công nhân mới thật sự nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình. Từ giai cấp « tự nó », nó trở thành giai cấp « vì mình ». Từ giai cấp hoạt động một cách tự phát, nó trở thành một giai cấp tự giác, có ý thức rõ rệt về vai trò lịch sử của mình.

Đảng cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân. Đảng là bộ phận tiên tiến nhất, cách mạng nhất, có tổ chức nhất của giai cấp công nhân. Đảng còn là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, có nhiệm vụ lãnh đạo và phối hợp hoạt động của tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, hướng vào một mục tiêu chung. Không có đảng cộng sản thì giai cấp công nhân không thể nhận thức và thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

Đảng có lợi ích hoàn toàn nhất trí với lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Song Đảng khác về căn bản với những bộ phận còn lại của giai cấp công nhân chủ yếu ở chỗ: Đảng là đội tiên phong, là lãnh tụ chính trị và là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân.

Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, được vũ trang bằng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Đảng nhận thức một cách sáng suốt những điều kiện, bước tiến và kết quả chung của phong trào vô sản. Và các đảng viên của đảng luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Là lãnh tụ chính trị của giai cấp công nhân, Đảng đem lại cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động một cương lĩnh đấu tranh cách mạng đúng đắn trên cơ sở nhận thức và vận dụng được những quy luật phát triển khách quan của xã hội.

Là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân, Đảng vạch ra và chỉ đạo chiến lược và sách lược trong từng giai đoạn cách mạng, nhằm thực hiện cương lĩnh đấu tranh cách mạng đã đề ra, từng bước đưa cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đến thắng lợi cuối cùng.

Tất cả những điều trên nói lên rằng: đảng mác xít – lê nin nít – hạt nhân của giai cấp công nhân, là nhân tố cơ bản có tác dụng quyết định nhất đối với thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng của giai cấp công nhân thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của mình đối với quần chúng lao động bằng cách: đề ra đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn (cũng tức là: cương lĩnh cách mạng và chiến lược, sách lược cách mạng đúng đắn); giáo dục, tổ chức và động viên đông đảo quần chúng lao động thực hiện đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đã đề ra; thường xuyên củng cố mối liên hệ chặt chẽ với quần

Digitized by Google

chúng bằng những công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức có hiệu quả và bằng cả hành động gương mẫu của cán bộ đảng viên của Đảng. Và tất cả những điều đó đều được thực hiện trong quá trình đấu tranh chống kẻ thù giai cấp, chống lại hoạt động và ảnh hưởng của các đảng phái cải lương và phản động đối với quần chúng nhân dân, chống lại cả những khuynh hướng sai lầm trong nội bộ Đảng và hàng ngũ cách mạng. Chỉ có như vậy, Đảng của giai cấp công nhân mới có thể thực hiện và củng cố vững chắc quyền lãnh đạo của mình đối với đông đảo quần chúng lao động.

Thực tiễn của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã chứng minh điều đó. Thực tiễn cách mạng của nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản cũng chứng minh điều đó.

Ở nước ta, giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong của mình đã sớm nắm được quyền lãnh đạo cách mạng ngay từ năm 1930. Sở dĩ như vậy, vì giai cấp công nhân Việt-nam, ngoài những đặc tính chung của giai cấp công nhân quốc tế như đã trình bày ở trên, còn có những đặc điểm riêng của mình.

Giai cấp công nhân Việt-nam sinh ra và lớn lên trong một nước thuộc địa và nửa phong kiến, bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp tư sản trong nước, cho nên nó có tinh thần cách mạng rất kiên quyết và triệt để. Giai cấp công nhân Việt-nam vừa mới lớn lên đã có đảng mác xít — lê nin nít của mình lãnh đạo; đảng đã lập ra các công đoàn để tổ chức, giáo dục và vận động công nhân đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, cho nên nó không bị chia rẽ về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Giai cấp công nhân Việt-nam bước lên vũ đài chính trị sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ hai đã bị phá sản, Quốc tế cộng sản đã ra đời và lãnh đạo cách mạng thế giới, giai cấp tư sản ở nhiều nước đã phản bội lại lợi ích của dân tộc, và các đảng vô sản ở nhiều nước đã nắm được ngọn cờ dân tộc và dân chủ, cho nên nó tiếp thu nhanh chóng chủ nghĩa Mác — Lê-nin và không bị ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội. Giai cấp công nhân Việt-nam xuất thân chủ yếu từ nông dân lao động, có mối liên hệ tự nhiên rất khăng khít với nông dân lao động, cho nên ngay từ khi có Đảng, nó đã sớm xây dựng được sự liên minh bền chặt với nông dân lao động.

Tất cả những đặc điểm ấy đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân nước ta thông qua đảng tiên phong của mình, nắm được độc quyền lãnh đạo cách mạng Việt-nam từ hơn nửa thế kỷ trước đây cho đến ngày nay.

Do hoàn cảnh đặc thù của nước ta trước đây, nơi mà tinh thần yêu nước đã sớm thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân lao động, đảng tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác — Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta. Điều đó tạo thuận lợi rất lớn cho Đảng xây dựng và củng cố quyền lãnh đạo đối với đông đảo quần chúng lao động phi vô sản.

Cũng do hoàn cảnh đặc thù của nước ta trước đây, cuộc cách mạng Việt-nam do Đảng ta lãnh đạo tất yếu

Digitized by Google

phải trải qua hai giai đoạn cách mạng là: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và thực tiễn hơn nửa thế kỷ qua chứng tỏ rằng: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất đối với thắng lợi của cách mạng trong cả hai giai đoạn ấy.

Cũng như tất cả các đảng mác xít — lê nin nít khác, Đảng cộng sản Việt-nam thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của mình đối với quần chúng lao động bằng cách đề ra đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giáo dục, tổ chức và động viên quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối và phương pháp cách mạng đã đề ra, thường xuyên củng cố mối liên hệ với quần chúng lao động bằng công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức có hiệu quả và bằng cả hành động gương mẫu của cán bộ và đảng viên.

Dưới ánh sáng của tư tưởng vĩ đại của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc: «muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản», «Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ», dựa vào những luận điểm của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc nêu trong Chính cương và sách lược vắn tắt của Đảng, Đảng ta trong cương lĩnh cách mạng đầu tiên của mình, đã vạch ra đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đúng đắn mà tinh thần cơ bản là: cách mạng phản đế và phản phong kiến, giành độc lập và ruộng đất, do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; công nông là động lực chính của cách mạng. Đảng ta cũng đã giải quyết thành công những vấn đề về chiến lược và sách lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta. Nhờ đó mà Cách mạng Tháng Tám đã thành công, cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi, và nhất là cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và có tính chất thời đại.

Về chiến lược cách mạng, Đảng ta đã nhận rõ kẻ thù, động lực cách mạng, các bạn đồng minh của giai cấp công nhân trong giai đoạn chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, hoặc trong mỗi thời kỳ có tính chất chiến lược của giai đoạn ấy, nhằm tập hợp mọi lực lượng cách mạng, tranh thủ các bạn đồng minh, cô lập kẻ thù để đánh đổ chúng. Đặc biệt, Đảng ta luôn luôn nhận đúng kẻ thù cụ thể trước mắt, chứ không phải kẻ thù nói chung, phân biệt được kẻ thù chủ yếu và kẻ thù thứ yếu; cô lập kẻ thù cụ thể trước mắt để đánh đổ, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, phân hóa chúng cao độ, tập trung ngọn lửa đấu tranh cách mạng vào kẻ thù chủ yếu trước mắt.

Về sách lược cách mạng, Đảng ta luôn luôn chọn được những hình thức đấu tranh và tổ chức, những khẩu hiệu tuyên truyền và cổ động thích hợp với tình hình lên xuống của phong trào cách mạng, nhằm tập hợp được đông đảo quần chúng, giáo dục quần chúng, đưa quần chúng lên mặt trận cách mạng một cách có hiệu quả nhất.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trước đây, sự lãnh

Digitized by Google

đạo của Đảng đã mang lại hiệu quả to lớn. Sự lớn mạnh nhanh chóng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Đảng, đã góp phần quyết định nhất vào thắng lợi của toàn bộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Từ khi cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta, qua các Đại hội IV và V, đã đề ra và cụ thể hóa đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà nội dung cơ bản là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt. Đảng ta còn đề ra hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó với nhau là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta hơn 8 năm qua, cũng như thực tiễn của cuộc chiến đấu thắng lợi chống hai cuộc chiến tranh xâm lược mà bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ, gây ra đối với nước ta trong những năm qua đã chứng minh rằng đường lối và chủ trương chiến lược mà Đảng ta đề ra là đúng đắn.

Đương nhiên, Đảng ta cũng có một số thiếu sót, nhất là trong việc chỉ đạo cụ thể việc thực hiện đường lối cũng như trong việc lãnh đạo chính quyền tiến hành công tác quản lý kinh tế và xã hội. Song điều đó tuyệt đối không thể bác bỏ vai trò quyết định của Đảng ta trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quy luật thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mác xít — lê nin nít đối với quần chúng lao động, vẫn tỏ ra là một quy luật phổ biến hàng đầu. Có thể khẳng định rằng, tất cả các nước, kể cả các nước rất lạc hậu về kinh tế, đều phải tuân theo quy luật đó trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia:

NĂM NĂM THẮNG LỢI TRONG CÔNG CUỘC HỒI SINH DÂN TỘC VÀ XÃ HỘI

NĂM năm qua, kể từ ngày chế độ diệt chủng Pôn Pốt tàn bạo nhất trong lịch sử bị đánh đổ, tình hình đất nước Cam-pu-chia đã không ngừng biến chuyển tốt đẹp. Sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia với những thành tựu to lớn đạt được đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt đất nước, đưa dân tộc thẳng tiến trên con đường phát triển mới. Một cuộc hồi sinh kỳ diệu đã diễn ra khiến cả thế giới hết sức ngạc nhiên và khâm phục.

Thời gian và thực tế đủ giúp cho các giới quan sát quốc tế có thể so sánh một cách vô tư và khách quan những chuỗi ngày đọa đày, tủi nhục của nhân dân Cam-pu-chia dưới ách thống trị đẫm máu của bè lũ diệt chủng Pôn Pốt với cuộc sống tự do, tươi sáng dưới chính thể Cộng hòa nhân dân trong năm năm qua.

Thắng lợi lịch sử vĩ đại ngày 7-1-1979 mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước Cam-pu-chia đau thương và anh dũng, kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1980, cùng với thắng lợi của hoạt động quân sự phá các sào huyệt ẩn náu của địch, đẩy tàn quân địch ra khỏi biên giới phía tây, nhân dân Cam-pu-chia bắt đầu từ hai bàn tay trắng đã nỗ lực phấn đấu giành được một vụ mùa thắng lợi lớn, ngăn chặn có hiệu quả nạn đói khủng khiếp đe dọa nghiêm trọng cả nước. Tiếp đó, năm 1981 đánh dấu những mốc thắng lợi rất to lớn về chính trị của nhân dân Cam-pu-chia. Đó là thành công tốt đẹp của Đại hội thứ tư Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia với sự khẳng định một cách đúng đắn đường lối, nhiệm vụ cách mạng và các chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước; đó là kết quả rực rỡ của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội cùng với việc thông qua và ban hành một hiến pháp dân chủ, cử ra một chính phủ hợp pháp, đại diện chân chính duy nhất của nhân dân Cam-pu-chia. Cuộc bầu cử chính quyền cấp xã cũng đã được tiến hành. Các tổ chức quần chúng cách mạng được thành lập và phát triển ở cơ sở. Và như vậy, chỉ trong vòng ba năm ngắn ngủi, hệ thống chính quyền cách mạng từ trung ương đến cơ sở đã được xây dựng và củng cố. Tình hình đó tạo nên một cục diện chính trị ổn định trên khắp cả nước.

Từ năm 1982 đến nay, nhân dân Cam-pu-chia ra sức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đã liên tiếp đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt.

Các lực lượng vũ trang cách mạng đã từng bước trưởng thành, vừa đánh địch giỏi vừa vận động quần chúng tốt. Đại hội thi đua toàn quân lần thứ nhất chứng tỏ sự phát triển nhanh chóng lực lượng của ba thứ quân,

Digitized by Google

đồng thời nêu bật sức mạnh đoàn kết gắn bó keo sơn của quân và dân Cam-pu-chia trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chiến đấu vũ trang với thực hiện biện pháp an ninh, quân và dân Cam-pu-chia đã thường xuyên chủ động tiến công địch rất có hiệu quả. Hầu hết các kế hoạch khiêu khích, quấy rối, phá hoại, lấn chiếm của địch đều bị phát hiện và bị đánh tan khi chúng chưa kịp hành động. Địch chỉ có thể tồn tại ở một số hang ổ của chúng trên đất Thái-lan, dọc biên giới phía tây Cam-pu-chia. Sự lớn mạnh nhanh chóng của các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia cả về số lượng và chất lượng, về trang bị vũ khí cũng như về trình độ kỹ thuật, chiến thuật, khả năng chiến đấu... là yếu tố quan trọng cho phép quyết định rút bớt quân tình nguyện Việt-nam ở Cam-pu-chia về nước trong thời gian qua và sắp tới. Sự kiện đó càng chứng minh thế ổn định và vững chắc của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

Sau năm năm chung lòng dốc sức xây dựng lại đất nước yêu quý bắt đầu từ con số không, nhân dân Cam-pu-chia đã có một cuộc sống vật chất và tinh thần ngày càng ổn định và từng bước cải thiện. Mọi tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia đều được bảo đảm các quyền sống chính đáng của con người : được sinh sống trong gia đình và làng xóm quê hương, được lao động làm ăn, được chăm sóc sức khỏe, được học hành, vui chơi giải trí, được tự do tín ngưỡng, tự do đi lại... Tình hình đó khác hẳn với cảnh sống thê lương, ảm đạm dưới ách thống trị cực kỳ tàn bạo của bọn diệt chủng Pôn Pốt ; không một giọng lưỡi tuyên truyền phản động nào có thể xuyên tạc được thực tế sinh động ấy.

Phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân Cam-pu-chia đã và đang tiếp tục phát triển sâu rộng khắp cả nước. Các tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia tỏ rõ sự tin tưởng, gắn bó với chế độ mới bằng hành động hăng hái, sôi nổi trên các mặt trận sản xuất, đánh địch và xây dựng lực lượng cách mạng. Nhiều người tích cực trong công nhân, nông dân, trí thức yêu nước và các tầng lớp lao động khác, đặc biệt là phụ nữ, đã được lựa chọn để bổ sung đội ngũ cán bộ của Nhà nước. Đội ngũ ấy đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế trong công tác, lại được học tập bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ, cho nên đã tiến bộ, trưởng thành mau chóng.

Những thành tựu to lớn, toàn diện đạt được trên lĩnh vực đối nội trong năm năm qua làm nổi bật uy tín của Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia do Chủ tịch Hêng Xom-rin đứng đầu — « Chính phủ tốt nhất trong tâm trí mọi người » như dư luận báo chí nước ngoài đã từng nhận xét (1).

Trên lĩnh vực đối ngoại, Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trước sau như một vẫn kiên trì theo đuổi chính sách hòa bình và hữu nghị với các nước, tích cực ủng hộ xu thế độc lập và tiến bộ xã hội. Chính sách đối ngoại đúng đắn ấy đã biến Cam-pu-chia từ chỗ là một bàn đạp gây chiến tranh của Bắc-kinh chống các nước láng giềng trở thành một nhân tố tích cực đối với hòa bình, ổn định ở Đông-dương và Đông Nam Á. Vì vậy mà vị trí và uy tín của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Dư luận nhiều nước thừa nhận Chính phủ hiện nay ở Phnôm Pênh đang kiểm soát và quản lý toàn bộ công việc của đất nước. Trái lại, mưu đồ nham hiểm của bọn bành trướng Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác nuôi dưỡng bọn diệt

(1) Tuần báo Mỹ *The Militant* (Người chiến sĩ) số ra ngày 11-3-1983.

Digitized by Google

chủng Pôn Pốt trá hình dưới nhãn hiệu « chính phủ liên hiệp ba phái » hòng chống phá cách mạng Cam-pu-chia đã bị dư luận tiến bộ trên khắp thế giới không ngừng vạch trần và cực lực lên án.

Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia tiếp tục phát triển với thế và lực vững mạnh hơn bao giờ hết. Thời gian và lòng người đã thuộc hẳn về Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Sức mạnh của nhân dân Cam-pu-chia càng được nhân lên gấp bội bởi sức mạnh gắn bó không gì lay chuyển nổi của nhân dân ba nước Đông-dương anh em trong tình hữu nghị vĩ đại lâu đời, tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác về mọi mặt; bởi mối quan hệ hợp tác tốt đẹp không ngừng được mở rộng giữa Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác cũng như với các nước bè bạn trên thế giới.

Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia giành được những thắng lợi to lớn trong thời gian qua, như đồng chí Hêng Xom-rin, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đã từng chỉ rõ, « trước hết là nhờ có khối đại đoàn kết của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nông dân, trí thức, sư sãi, thanh niên và đồng bào các dân tộc đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn, đóng góp tích cực vào phong trào thi đua bảo vệ và xây dựng đất nước; nhờ có vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia được tổ chức lại sau ngày 7-1-1979, tiếp tục truyền thống tốt đẹp của Đảng cộng sản Đông-dương và tuân theo đường lối chính trị đúng đắn của chủ nghĩa Mác – Lê-nin chân chính. Cán bộ, đảng viên và nhân dân ta còn hiểu rõ rằng những thắng lợi của Đảng và nhân dân ta không thể tách rời sự giúp đỡ vô tư và vô cùng quý báu của Đảng cộng sản Việt-nam, của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, của quân đội và nhân dân Việt-nam anh em » (2).

Năm năm nỗ lực phấn đấu cho công cuộc hồi sinh dân tộc và xã hội, nhân dân Cam-pu-chia có quyền tự hào về những thành tựu to lớn, toàn diện đã đạt được dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ của mình.

---

(2) Trích diễn văn đọc tại cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 32 Ngày thành lập Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia (28-6-1951 — 28-6-1983) tại Phnôm Pênh

Digitized by Google

Thành tựu rực rỡ, cống hiến xuất sắc của cách mạng Cu-ba

PHẠM-XUÂN-NAM

DÙNG 1 phần 4 thế kỷ đã trôi qua kể từ khi cuộc Cách mạng giải phóng Cu-ba thành công (1-1-1959). So với chiều dài lịch sử, khoảng thời gian ấy thật ngắn ngủi, song đã có biết bao sự kiện lớn lao, biết bao biến đổi sâu sắc đã diễn ra làm thay đổi tận gốc đời sống xã hội của Cu-ba. « hòn đảo tự do đầu tiên của châu Mỹ » ! Những thắng lợi đó đồng thời cũng là những cống hiến xuất sắc của Cu-ba vào trào lưu tiến hóa chung của loài người trong thời đại ngày nay — thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại.

★

Thành tựu rực rỡ nhất, đồng thời cũng là cống hiến quan trọng nhất là Cách mạng Cu-ba đã góp phần làm nổi bật một trong những đặc trưng cơ bản của thời đại chúng ta : *kết hợp thành công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với cuộc đấu tranh giải phóng xã hội trong các giai đoạn phát triển của mình, khiến cho độc lập dân tộc tất yếu đi tới và gắn bó hữu cơ với chủ nghĩa xã hội.*

Cu-ba vốn là nước nhỏ, nghèo và lạc hậu ở Tây bán cầu, là nước cuối cùng ở châu Mỹ la tinh thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ Tây-ban-nha kéo dài 4 thế kỷ. Nhưng, liền sau đây, Cu-ba lại rơi vào vòng không chế, kìm hãm, nô dịch của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ trong 60 năm. Mọi mặt đời sống xã hội Cu-ba đã bị tha hóa đến mức không thể tưởng tượng nổi ;

Toàn bộ bộ máy Nhà nước, những nguồn tài nguyên phong phú nhất, những ngành sản xuất vật chất then chốt và hệ thống các cơ quan tác động tinh thần... đều do các công ty tư sản độc quyền Mỹ và một nhóm nhỏ đại địa chủ, đại tư bản Cu-ba — đồng minh và tay sai của Mỹ — kiểm soát. Đông đảo nhân dân lao động bị tước đoạt hết phương tiện sinh sống, ngày càng chìm sâu vào tình trạng thất nghiệp khủng khiếp, đói rách

Digitized by Google

triền miên, dịch bệnh tràn lan, nạn mù chữ phổ biến, cùng với hàng loạt tệ nạn khác.

Thảm cảnh xã hội ấy đã được Phi-đen Ca-xtơ-rô — người tổ chức và chỉ huy cuộc tiến công pháo đài Môn-ca-đa ngày 26-7-1953 — đưa ra ánh sáng của công lý, khi ông đọc bản tự bào chữa của mình trước tòa án của bọn tay sai Ba-ti-xta.

Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc ách áp bức dân tộc kết hợp với ách áp bức giai cấp của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, Phi-đen Ca-xtơ-rô thay mặt Phong trào cách mạng 26 tháng 7, đã nêu lên bản *Cương lĩnh Môn-ca-đa* nổi tiếng. Bản cương lĩnh đó chủ trương đoàn kết và tổ chức tất cả các tầng lớp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc đứng lên đấu tranh đánh đổ chế độ độc tài Ba-ti-xta, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập chính quyền cách mạng đại diện cho ý chí và nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân. Chính quyền này sẽ thi hành ngay những biện pháp nhằm khôi phục nền độc lập thật sự cho đất nước, quyền tự do chính trị rộng rãi cho nhân dân, gắn liền với việc giải quyết sáu vấn đề có liên quan đến quyền lợi thiết thân của nhân dân. Đó là *vấn đề ruộng đất, vấn đề công nghiệp hóa, vấn đề nhà ở, vấn đề thất nghiệp, vấn đề giáo dục và vấn đề y tế.*

Như vậy, về thực chất, cương lĩnh Môn-ca-đa chính là *Cương lĩnh cách mạng dân tộc — dân chủ nhân dân triệt để*, nó phản ánh yêu cầu phát triển khách quan của xã hội Cu-ba lúc đó, đáp ứng nguyện vọng sâu xa của đông đảo nhân dân trên đảo, đồng thời phù hợp với nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Bản Cương lĩnh Môn-ca-đa với tất cả những ưu điểm đó, đã trở thành ngọn đèn pha soi đường, ngọn cờ cổ vũ đông đảo các tầng lớp nhân dân Cu-ba yêu nước và tiến bộ, lôi cuốn họ tham gia cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài tay sai của đế quốc Mỹ, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội Cu-ba.

Cuộc đấu tranh đó kéo dài đúng 5 năm, 5 tháng, 5 ngày, kể từ cuộc tiến công pháo đài Môn-ca-đa, cuộc đổ bộ của con tàu Gran-ma lịch sử, cho đến cuộc hành quân thần tốc của các đơn vị Nghĩa quân từ chiến khu Xi-e-ra Ma-e-xtơ-ra tiến về giải phóng thủ đô La Ha-ba-na, kết hợp với cuộc tổng bãi công chính trị được tiến hành trong cả nước, cuối cùng đã đưa tới thắng lợi vẻ vang của cuộc cách mạng giải phóng Cu-ba ngày 1-1-1959.

Chế độ độc tài Ba-ti-xta — công cụ đắc lực của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ — đã bị đập tan, chính quyền cách mạng đã được thành lập trong cả nước. Một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử 500 năm của gần 6 triệu dân trên hòn đảo Cu-ba giàu đẹp bắt đầu.

Tuy nhiên, những nhiệm vụ cơ bản của sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội ở Cu-ba vẫn chưa hoàn thành. Những ngành then chốt trong nền kinh tế quốc dân Cu-ba vẫn do các công ty độc quyền của Mỹ khống chế. Các cơ sở kinh tế của giai cấp đại địa chủ, đại tư sản Cu-ba — chỗ dựa xã hội của chủ nghĩa thực dân của đế quốc Mỹ — chưa bị xóa bỏ. Đời sống mọi mặt của các tầng lớp nhân dân lao động, động lực chủ yếu của cuộc cách mạng tháng giêng, chưa được cải thiện đáng kể.

Giữa lúc này, một số phần tử cánh hữu đại diện cho tư tưởng và lợi ích của các tầng lớp giàu có, trước đây ít nhiều có tham gia cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài và do đó được giữ một số ghế trong chính phủ cách mạng lâm thời, đã khăng khăng cho rằng: với việc lật đổ chính quyền Ba-

Digitized by Google

ti-xta, sự nghiệp cách mạng Cu-ba «đã hoàn thành». Do đó, họ tìm cách ngăn cản những cuộc cải tạo cách mạng thật sự, bòng tiến tới thỏa hiệp với đế quốc Mỹ để kìm giữ Cu-ba trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Các lực lượng cách mạng cánh tả, bao gồm những chiến sĩ trung kiên của *Phong trào cách mạng 26 tháng 7, Đảng xã hội nhân dân và Ban chỉ đạo cách mạng 13 tháng 3* của sinh viên đã thấy rõ không thể thỏa mãn và dừng lại nửa đường mà phải tiếp tục đưa cuộc cách mạng tiến lên theo xu thế chung của thời đại mới là: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*. Đúng như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã sáng suốt nhận định: «Công cuộc giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của chúng ta gắn bó chặt chẽ với nhau: tiến lên là một tất yếu lịch sử, dừng lại là hèn nhát và phản bội, và như vậy sẽ biến Cu-ba một lần nữa thành thuộc địa của Mỹ và thành nô lệ cho bọn bóc lột.» (1).

Dưới ánh sáng của đường lối cách mạng đúng đắn ấy, *cuộc cải cách ruộng đất* triệt để nhất ở Tây bán cầu đã được thực hiện, tịch thu 4,5 triệu héc ta ruộng đất của bọn chủ đồn điền lớn là bọn thực dân Mỹ và giai cấp đại địa chủ Cu-ba; 70% diện tích thu được dùng để thành lập các nông trường nhân dân quy mô lớn, số còn lại được đem chia cho 10 vạn gia đình tiểu nông, mỗi gia đình 5 người được chia 27 ha đất canh tác.

Cuộc cải cách thành thị rộng lớn cũng được thực hiện: tiền thuê nhà giảm 50%, các khu nhà ổ chuột được xóa bỏ, hàng chục vạn gia đình nghèo khổ được vào ở những căn hộ đủ tiện nghi vốn là tài sản của bè lũ Ba-ti-xta và của bọn phản bội Tổ quốc đã chạy ra nước ngoài.

Chiến dịch xóa nạn mù chữ và xây dựng mạng lưới giáo dục rộng khắp trong cả nước cũng thu được kết quả to lớn trong một thời gian kỷ lục.

Việc quốc hữu hóa tất cả 583 cơ sở công nghiệp, thương nghiệp, tài chính lớn, trị giá mấy tỷ đô la của các công ty độc quyền Mỹ và của giai cấp đại tư sản Cu-ba đã được xúc tiến, biến gần nửa triệu công nhân công nghiệp từ địa vị làm thuê bước lên địa vị làm chủ...

Tất cả những cuộc cải tạo kinh tế—xã hội trên đây đều đã diễn ra trong cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, giữa một bên là nhân dân lao động Cu-ba vừa mới giành được chính quyền, được các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả loài người tiến bộ đồng tình, ủng hộ, với một bên là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động, đồng minh và tay sai của chúng. Cuộc đấu tranh đó đã phát triển tới đỉnh cao là cuộc phản công tiêu diệt toàn bộ binh đoàn lính đánh thuê Mỹ ở bãi biển Hi-rôn tháng 4-1961. Đúng vào lúc đó, Phi-đen Ca-xtơ-rô tuyên bố trước toàn thế giới: «*Cuộc cách mạng của chúng tá là cuộc cách mạng dân chủ và xã hội chủ nghĩa của những người nghèo khổ, do những người nghèo khổ và vì những người nghèo khổ*»!

Sự kiện vẻ vang ấy nói lên rằng công cuộc giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của nhân dân Cu-ba, đến thời điểm đó, đã giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định mà từ đó, đế quốc Mỹ và các thế lực phản động tay sai của chúng không có cách gì đảo ngược được.

Từ thành tựu có ý nghĩa cơ bản và có tính chất bao trùm trên đây — độc lập dân tộc đã đi tới và gắn liền với chủ nghĩa xã hội — ,cách mạng Cu-ba đã thật sự *đưa lại một cuộc đổi đời cho hàng triệu quần chúng nhân dân lao động, biến họ từ thân phận kẻ nô lệ thành người làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của chính mình*, thông

(1) Phi-đen Ca-xtơ-rô: *Cu-ba trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1978, tr. 38.

Digitized by Google

qua hệ thống tổ chức chặt chẽ, ngày càng hoàn chỉnh của nền chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Trong hệ thống đó, *Trung tâm những người lao động Cu-ba* với 2,5 triệu đoàn viên, chiếm 97% tổng số công nhân, viên chức, đóng vai trò to lớn trong việc giáo dục và tổ chức giai cấp công nhân và những người lao động khác tham gia nhiệt tình và có hiệu quả cao vào các phong trào hành động cách mạng như xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, tiến hành quốc hữu hóa các cơ sở kinh doanh tư bản chủ nghĩa, huy động lực lượng cho các vụ thu hoạch mía, giữ vững và phát triển sản xuất trong điều kiện đất nước bị chủ nghĩa đế quốc bao vây,... Cùng với *trung tâm những người lao động Cu-ba, Hội toàn quốc những người nông dân Cu-ba* cũng là tổ chức góp phần quan trọng vào việc giáo dục ý thức xã hội chủ nghĩa cho 20 vạn hội viên, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế ở nông thôn. *Đoàn thanh niên cộng sản Cu-ba, Hội liên hiệp phụ nữ Cu-ba* — những đoàn thể quần chúng lớn mạnh — cũng có những hoạt động đầy nhiệt tình và sáng tạo, lôi cuốn hàng triệu đoàn viên, hội viên của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Giữ vai trò đặc biệt trong hệ thống chuyên chính vô sản, *Ủy ban bảo vệ cách mạng* đã thu hút tới 5,5 triệu đoàn viên, bằng 80% số dân từ 14 tuổi trở lên trong cả nước. Trong suốt 20 năm tồn tại, Ủy ban đã tỏ rõ là lực lượng có khả năng tiến hành những hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quân sự hết sức đa dạng và đang thật sự là chỗ dựa vững mạnh của chính quyền cách mạng trong việc phát hiện và làm tê liệt mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của kẻ thù, bảo đảm khả năng bất khả xâm phạm của Tổ quốc Cu-ba xã hội chủ nghĩa.

Quá trình thể chế hóa bộ máy Nhà nước cũng được xúc tiến. Ngày 24-2-1976, Hiến pháp của nước Cộng hòa Cu-ba xã hội chủ nghĩa được chính thức ban hành, đánh dấu sự kết thúc giai đoạn lâm thời của chính phủ cách mạng ra đời từ năm 1959, định hướng cho việc xây dựng và củng cố bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm đúng *tính chất, của dân, do dân, và vì dân* của toàn bộ hệ thống chính quyền nhân dân.

Tổ chức lãnh đạo cao nhất của toàn bộ hệ thống tổ chức quần chúng và bộ máy Nhà nước kể trên là *Đảng cộng sản Cu-ba* quang vinh. Kế thừa truyền thống ưu tú của Đảng cách mạng Cu-ba do Hô-xê Mác-ti sáng lập để lãnh đạo cuộc Chiến tranh giành độc lập vào cuối thế kỷ trước và trên cơ sở tập hợp tất cả những phần tử trung kiên nhất của Phong trào cách mạng 26 tháng 7, Đảng xã hội nhân dân và Ban chỉ đạo cách mạng 13 tháng 3, Đảng cộng sản Cu-ba đã tự khẳng định là đội tiên phong của giai cấp công nhân, tự nguyện lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm ngọn cờ tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Như vậy, với việc thành lập Đảng cộng sản Cu-ba (16-4-1961), như Cương lĩnh chính trị của Đảng cộng sản Cu-ba chỉ rõ: Cách mạng Cu-ba đã tạo ra được một công cụ chính trị lý tưởng bảo đảm cho tính liên tục của quá trình phát triển và cho việc thực hiện mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thành tựu lớn thứ ba, đồng thời là cống hiến khác của cách mạng Cu-ba là đã góp phần chứng minh trước toàn thế giới *tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong việc không ngừng nâng cao*

Digitized by Google

đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trên cơ sở hoàn thành thắng lợi các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Trước cách mạng, nền kinh tế Cu-ba độc canh, què quặt, lạc hậu và phụ thuộc chủ nghĩa đế quốc. Lúc đó, Cu-ba chỉ có gần 6 triệu dân mà có đến 60 vạn người thất nghiệp hoàn toàn, 50 vạn công nhân nông nghiệp một năm chỉ có việc làm 4 tháng, 40 vạn công nhân công nghiệp sống không có tương lai vì bị tước đoạt mọi thành quả lao động, 10 vạn gia đình tiểu nông ngắc ngoải trên những mảnh đất không thuộc về họ, 3,5 triệu người sống trong những căn nhà ổ chuột, 75% trẻ em ở nông thôn thất học, 10 vạn người bị bệnh lao, tuổi thọ trung bình rất thấp (2).

Nhưng chỉ sau 25 năm cải tạo và xây dựng, đến nay nền kinh tế Cu-ba đã phát triển liên tục, mạnh mẽ cả về nhịp độ lẫn quy mô, cải thiện sâu sắc đời sống của nhân dân.

Đường lối chiến lược kinh tế được đề ra là: tổ chức lại và phát triển nền kinh tế quốc dân, xóa bỏ sự mất cân đối trong cơ cấu của nó, phát triển nền công nghiệp dân tộc, cải tạo và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng các mặt hàng và khối lượng sản phẩm xuất khẩu, thay thế các mặt hàng nhập khẩu và nâng cao mức sống nhân dân. Sau giai đoạn đầu tiên mà các hoạt động được tập trung cho khu vực nông nghiệp... thì nhiệm vụ chủ yếu của các kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân, bắt đầu từ kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, là công nghiệp hóa đất nước.

Thực hiện chiến lược kinh tế đó, các ngành kinh tế ở Cu-ba đều có sự phát triển vượt bậc.

Về nông nghiệp: mía vẫn là cây chủ yếu nhất, diện tích trồng trọt chiếm 1,7 triệu héc-ta. Mức độ cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa trong ngành mía tăng nhiều so với trước cách mạng. Năng suất mía tăng từ 42,8 tấn/ha năm 1975 lên 51,8 tấn/ha năm 1980. Trong kế hoạch 5 năm 1976 – 1980, Cu-ba sản xuất mỗi năm 7 triệu tấn đường mía, đạt mức sản lượng trung bình cao nhất trong toàn bộ lịch sử ngành đường mía ở nước này. Dự kiến đến năm 1985, Cu-ba sẽ đạt 10 – 10,5 triệu tấn đường, bảo đảm tăng đáng kể nguồn thu ngoại tệ, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2000.

Ngoài mía, Cu-ba đẩy mạnh trồng lúa, mở rộng nhanh vùng chuyên canh rau, quả, thuốc lá, cà phê, ca cao,... khắc phục về cơ bản nền nông nghiệp độc canh và không ngừng tăng khối lượng sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu theo chương trình phân công hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Về công nghiệp: Sau 25 năm cải tạo, xây dựng và phát triển, hệ thống công nghiệp gồm các ngành: đường, khai mỏ, luyện kim, cơ khí, điện, hóa chất, dầu khí, xây dựng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp đánh cá và chế biến,... đã được hình thành, cơ cấu ngày càng hợp lý, quy mô ngày càng mở rộng, trình độ trang bị kỹ thuật và sản lượng ngày càng cao.

So với trước cách mạng, sản lượng của ngành công nghiệp đường tăng gấp rưỡi; của ngành mỏ (chủ yếu là kền) tăng gấp đôi; của ngành điện tăng gấp 6; của ngành cơ khí – luyện kim tăng gấp 10; của ngành hóa chất tăng 6 lần trong sản xuất phân bón, và 20 lần trong sản xuất thuốc trừ cỏ. Các ngành xây dựng, giao thông vận tải, dệt, giấy, thủy tinh, đồ gỗ, khai thác và chế biến hải sản,... cũng đều có bước tiến lớn.

Nguyên nhân quan trọng đưa tới sự gia tăng liên tục trong nhịp độ và quy mô phát triển kinh tế ở Cu-ba là

(2) Xem *Phi-đen Ca-xtơ-rô tố cáo*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 15.

Digitized by Google

việc thực hiện chương trình cải tiến quản lý kinh tế do Đảng cộng sản Cu-ba đề ra từ những năm 70 nhằm khắc phục hậu quả tai hại của chế độ cấp phát theo dự toán (tức chế độ bao cấp) được áp dụng rộng rãi trong thời kỳ đầu sau khi cách mạng thành công, và chuyển mạnh sang thực hiện chế độ hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chế độ quản lý mới coi trọng việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế, khuyến khích tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Nó chú ý kết hợp đúng đắn những nhân tố kích thích về vật chất với những nhân tố động viên tinh thần, vừa đề cao tính tập trung thống nhất và tính pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, vừa mở rộng quyền chủ động sáng tạo của các đơn vị cơ sở.

Để thực hiện tốt chế độ quản lý mới này, những biểu hiện của «chủ nghĩa duy tâm», «không tưởng», coi thường quy luật kinh tế khách quan, cũng như thái độ lơ là trong học tập tri thức và kinh nghiệm quản lý kinh tế tiên tiến của các nước xã hội chủ nghĩa anh em được phê phán nghiêm khắc. Đảng yêu cầu tất cả các cán bộ các cấp, các ngành phải đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật, thái độ ham học, cầu tiến, tác phong sâu sắc, tỉ mỉ trong việc thực hiện chế độ quản lý mới, xem đó là nghĩa vụ và danh dự của mỗi người.

Chế độ quản lý mới được thực hiện, tiềm năng kinh tế tăng, việc liên kết kinh tế với các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh là những nhân tố hết sức quan trọng để Cu-ba hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm 1981 – 1985. Theo kế hoạch này, đến năm 1985, sản lượng đường sẽ tăng thêm 20 – 25%, ken tăng hơn 2 lần, điện tăng 50%, hơi đốt công nghiệp tăng 10%, phân hóa học tăng 50%, sản phẩm dệt tăng 50% – 60%, xi măng tăng từ 2,7 triệu tấn/ năm lên 4,5 triệu tấn / năm, khai thác hải sản tăng 50%, cam chanh tăng 2,5 lần, sữa tăng 30%.., so với cuối kế hoạch trước.

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi các kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, Đảng và Chính phủ Cu-ba không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Nạn thất nghiệp khủng khiếp do chế độ cũ để lại bị xóa bỏ. Trình độ văn hóa và nghiệp vụ của người lao động được bồi dưỡng và nâng cao. Luật bảo hộ và vệ sinh lao động được ban hành. Viện bảo hộ và chăm sóc sức khỏe của người lao động được thành lập. Lương trung bình hằng tháng của người lao động tăng, hiện đạt khoảng 140 – 150 pê xô (1 pê xô = 1 đô la Mỹ).

Nhờ thu nhập tăng (trong khi giá những nhu yếu phẩm được giữ nguyên, sức mua của nhân dân lao động tăng nhiều so với trước cách mạng. Những thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao bán tự do ngày càng nhiều. Vải mặc trung bình một đầu người là 15 mét/năm. Tình trạng thiếu nhà trầm trọng đã từng bước được giải quyết. Hiện nay 75% khu dân cư trong cả nước đã có điện dùng. Tính đến năm 1980, tại những khu vực đã được điện khí hóa, 100% số hộ đã có máy thu thanh, 74% có máy thu hình, 38% có tủ lạnh, 34% có máy giặt...

Nạn mù chữ được xóa bỏ; công tác bổ túc văn hóa, phát triển giáo dục phổ thông và đại học đạt những thành tựu mà không một nước châu Mỹ la tinh nào có thể sánh được. (Hiện nay trung bình cứ 2,83 người dân có một người đi học). Các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ngày càng phát triển rộng khắp.

Ngân sách Nhà nước dành cho phòng bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân không ngừng

Digitized by Google

tăng; năm 1980 nhiều gấp 22 lần so với trước cách mạng. Nhân dân được khám bệnh và chữa bệnh không mất tiền. Hàng loạt dịch bệnh hiểm nghèo đã được thanh toán. Nhà nước coi trọng việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, việc nuôi dạy trẻ dưới 5 tuổi được đặc biệt chú ý. Nhờ mức sống được nâng cao, tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 53 tuổi (trước cách mạng) lên 73 tuổi. Cuộc đổi đời tưởng như trong mơ đã thật sự diễn ra trên đất Cu-ba, hòn đảo tự do và xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở châu Mỹ.

★

Những thành tựu rực rỡ, đồng thời cũng là những cống hiến xuất sắc của cách mạng Cu-ba trong 1 phần 4 thế kỷ qua *là những thắng lợi có tính quy luật*, bắt nguồn từ sức mạnh của dân tộc và của thời đại, từ truyền thống đấu tranh yêu nước và anh hùng của dân tộc Cu-ba, kết hợp với tinh thần cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tinh hoa và đỉnh cao của trí tuệ loài người trong thời đại ngày nay.

Như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô nêu rõ, *truyền thống của lịch sử, những tư tưởng của Hô-xê Mác-ti và những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin chính là cội nguồn của tất cả những thành tựu rực rỡ mà cách mạng Cu-ba đã đạt được trong mấy chục năm qua.*

Trên con đường tiến lên, nhân dân Cu-ba có thể còn phải đương đầu với nhiều khó khăn do đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch khác gây ra. Song với những thành tựu đã đạt được, với những kinh nghiệm đã rút ra, với sự hỗ trợ to lớn của ba dòng thác cách mạng của thời đại, cách mạng Cu-ba nhất định sẽ tiếp tục vững bước tiến đến mục đích cuối cùng là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, góp phần xứng đáng vào việc cổ vũ, thúc đẩy phong trào cách mạng ở châu Mỹ la tinh và trên thế giới.

Với những tình cảm sâu sắc nhất, nhân dân Việt-nam — như lời của Chủ tịch Phạm-Văn-Đồng đã nói — «*Gửi lời chào đoàn kết và thắng lợi tới nhân dân Cu-ba anh em, một dân tộc mà cuộc chiến đấu kiên cường và lao động sáng tạo đã trở thành một trong những bản anh hùng ca đẹp nhất của thời đại chúng ta*» (6).

(3) Diễn văn của Chủ tịch Phạm-Văn-Đồng tại Hội nghị cấp cao Phong trào các nước không liên kết tại La Ha-ba-na tháng 9-1979.

Digitized by Google

Cục diện thế giới

SANG NĂM MỚI, NHÌN LẠI NĂM CŨ

TÌNH hình thế giới năm 1983 nói chung rất căng thẳng, chủ yếu thể hiện ở mấy mặt sau đây.

Trước sự lớn mạnh của các lực lượng hòa bình và cách mạng, bọn đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đã đẩy mạnh chạy đua vũ trang với quy mô chưa từng có. Chúng ra sức phản kích nhằm giành lại các vị trí đã mất, gây nên tình hình căng thẳng nghiêm trọng trong quan hệ Đông – Tây và ở hầu hết các khu vực trên thế giới. Sự phản kích của bọn đế quốc và phản động đã gây ra một số khó khăn nhất định cho các lực lượng cách mạng ở một số địa bàn, mặc dù nhìn chung trên toàn thế giới phong trào cách mạng tiếp tục ở thế tiến công và không ngừng phát triển.

Bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc ra sức tăng cường câu kết với đế quốc Mỹ, quân phiệt Nhật-bản cùng các thế lực phản động trên khắp thế giới, cố hết sức ve vãn, lừa bịp «thế giới thứ ba», nhằm tập hợp lực lượng phục vụ cho lợi ích nước lớn của Trung-quốc. Trong khi đó, Trung-quốc tiếp tục gán ép những điều kiện vô lý cho phía Liên-xô để từ chối cải thiện quan hệ Trung-quốc – Liên-xô, tiếp tục thù địch với Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương. Tình hình đó cùng với chính sách chạy đua vũ trang của Mỹ hòng giành ưu thế quân sự, đã thúc đẩy xu thế đấu tranh cho hòa bình, hòa hoãn về quân sự giữa Đông và Tây; đồng thời, đã tác động sâu sắc đến tất cả các nước, làm cho quan hệ quốc tế trở nên phức tạp hơn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ và các nước tư bản phát triển ngày càng trầm trọng. Chiến tranh thương mại và tiền tệ giữa các nước nói trên diễn ra gay gắt. Trong khi đó, các nước «thế giới thứ ba» phải è lưng gánh mọi hậu quả của khủng hoảng kinh tế từ các nước tư bản phát triển, khiến các nước đang phát triển càng gặp nhiều khó khăn về kinh tế – xã hội, nợ nước ngoài chồng chất với quy mô chưa từng có, đến mức có nước gần như ở bên miệng hố của tình trạng tuyệt vọng. Khoảng cách giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển ngày một tăng, trong khi đó, việc giải quyết các vấn đề nghiêm trọng trong quan hệ kinh tế thế giới vẫn bế tắc do sự chống đối ngoan cố của chủ nghĩa đế quốc, trước hết là Mỹ.

Cả ba mặt trên đây của cục diện thế giới năm 1983 có quan hệ chặt chẽ với nhau và đang tác động qua lại với nhau, tạo nên một tình hình rất nghiêm trọng, rất nhạy cảm và rất dễ bùng nổ. Nếu không có sự chống trả kiên quyết của các lực lượng hòa bình và cách mạng mà trụ cột là Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ

Digitized by Google

nghĩa, thì những hành động vô trách nhiệm của Mỹ đã đưa thế giới đến một cuộc khủng hoảng toàn cầu mà hậu quả không thể lường hết được.

★

Sau bốn năm tiếp tục thi hành chính sách chạy đua vũ trang và gây tình hình căng thẳng, bước sang 1983, các thế lực đế quốc và phản động đứng đầu là đế quốc Mỹ đã đẩy mạnh thêm một bước cuộc phản kích toàn diện của chúng chống các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chính quyền Mỹ đã ráo riết xúc tiến việc tăng cường tiềm lực quân sự Mỹ trên một quy mô chưa từng thấy với những chương trình to lớn sản xuất tất cả các loại vũ khí hạt nhân, hóa học và thông thường. Chính quyền Ri-gân đã thúc ép quốc hội Mỹ thông qua một ngân sách quốc phòng lớn nhất từ trước đến nay, trong đó riêng chi phí sản xuất vũ khí và phát triển quân sự lên đến 188,5 tỷ đô la cho tài khóa 1981. Quốc hội Mỹ cũng đã thông qua các chi phí cho việc sản xuất đợt tên lửa MX đầu tiên. Mỹ cũng đã bắt đầu thực hiện các chương trình thử nghiệm sản xuất và triển khai các vũ khí hạt nhân chiến lược thế hệ mới đặt trên đất liền, trên biển và trên không, vạch ra các chương trình sản xuất vũ khí diệt vệ tinh đặt trong vũ trụ... Diễn biến mới nhất là Mỹ bắt đầu cho đặt các tên lửa tầm trung ở một số nước Tây Âu, bất chấp nguyện vọng hòa bình của nhân dân châu Âu và nhân dân toàn thế giới, bất chấp thiện chí và sự cảnh cáo đanh thép của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Việc Mỹ triển khai tên lửa ở Tây Âu là nguyên nhân đưa đến sự tan vỡ cuộc đàm phán với Liên-xô về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến trường và chiến lược.

Lợi dụng các chính quyền bảo thủ ở Anh, Tây Đức, Nhật-bản, Mỹ tiếp tục thúc đẩy các nước NATO và Nhật-bản tăng chi phí quốc phòng. Mỹ đã biến cuộc hội nghị cấp cao 7 nước tư bản phát triển ở Uy-li-am-xbua thành hội nghị phối hợp chiến lược của phương Tây chống Liên-xô (ngoài các hội nghị thường xuyên giữa bộ trưởng ngoại giao và bộ trưởng quốc phòng khối NATO), khuyến khích xu hướng tái vũ trang và phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản và ráo riết xúc tiến việc thành lập liên minh Mỹ – Nhật-bản – Nam Triều-tiên, đẩy mạnh câu kết giữa Mỹ – Trung-quốc – Nhật-bản để chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á.

Đồng thời, chính quyền Ri-gân câu kết với các thế lực phản động khác đã liên tiếp mở các chiến dịch chống Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ép các nước đồng minh và các chư hầu tiếp tục bao vây, cấm vận kinh tế chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, nhất là Ba-lan. Đặc biệt chính quyền Ri-gân đã lợi dụng sự kiện máy bay Nam Triều-tiên xâm phạm không phận Liên-xô và bị Liên-xô bắn rơi để đẩy lên một chiến dịch chống Liên-xô trên toàn thế giới.

Trong lúc gây căng thẳng trong quan hệ Đông – Tây, chính quyền Ri-gân đã trực tiếp hoặc thông qua đồng minh và tay sai tăng cường các cuộc khiêu khích vũ trang, can thiệp quân sự và thậm chí xâm lược trực tiếp, chống các nước ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh.

Chính sách chạy đua vũ trang và hành động xâm lược và hiếu chiến của các thế lực đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, là nguyên nhân duy nhất gây căng thẳng trên thế giới trong năm 1983, đe dọa nghiêm trọng tình hình hòa hoãn về quân sự giữa Đông và Tây, đe dọa độc lập, chủ quyền và an ninh của các dân tộc. Thực tế của tình hình thế giới năm 1983 đã bóc trần luận điệu của Trung-quốc nói rằng cuộc chạy đua của « hai siêu

Digitized by Google

cường » (chỉ Mỹ và Liên-xô) là nguồn gốc đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế.

Tuy nhiên, tính chất và mức độ căng thẳng của tình hình thế giới năm 1983 khác với những năm 1979 — 1980. Những năm 1979 — 1980, Mỹ và Trung-quốc bắt đầu công khai câu kết với nhau về mọi mặt. Với sự đồng tình của Mỹ và phương Tây, Trung-quốc gây chiến tranh lớn xâm lược Việt-nam. Mỹ và Trung-quốc câu kết với nhau lợi dụng cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia và Áp-ga-ni-xtan, tập hợp một mặt trận đế quốc và phản động quốc tế mưu toan phục hồi chiến tranh lạnh, chống Liên-xô, Việt-nam, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Khi đó, cuộc khủng hoảng ở Ba-lan cũng đang phát triển. Trung-quốc cắt đàm phán với Liên-xô, trong lúc Mỹ hủy bỏ hiệp ước SALT-2 và từ chối nối lại đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược với Liên-xô. Hội nghị Ma-đrit về an ninh và hợp tác châu Âu bế tắc. Tình hình các khu vực từ Trung Mỹ, Trung Đông đến Đông Nam châu Á đều căng thẳng. Năm 1983, tình hình tuy rất căng thẳng nhưng chủ yếu tập trung ở một số khu vực với tính chất và mức độ khác nhau. Sự căng thẳng ở châu Âu chủ yếu là do việc Mỹ và một số nước NATO quyết định triển khai tên lửa tầm trung ở Tây Âu gây ra. Trong lúc đó tình hình Ba-lan đi vào ổn định. Hội nghị về an ninh và hợp tác châu Âu đã kết thúc với kết quả tương đối tích cực. Quan hệ kinh tế Đông Tây kể cả giữa Liên-xô và Mỹ nói chung vẫn phát triển tuy còn nhiều hạn chế. Chính sách bao vây, trừng phạt kinh tế của Mỹ đối với Liên-xô về cơ bản bị thất bại. Dưới sức ép của đồng minh và dư luận trong nước Mỹ, phải nối lại các cuộc đàm phán với Liên-xô. Mưu đồ của Ri-gân là vừa đàm phán vừa triển khai tên lửa ở Tây Âu, tức là vừa nắm ngọn cờ hòa bình (đàm phán) vừa tìm kiếm ưu thế quân sự, lấy đó làm chủ bài trước khi bước vào năm bầu cử 1984. Liên-xô ngừng đàm phán vì Mỹ đã phá vỡ đàm phán trước tiên bằng cách cứ triển khai tên lửa ở Tây Âu. Việc làm của Liên-xô đáp ứng nguyện vọng của hàng triệu quần chúng đang đấu tranh cho hòa bình và chống chiến tranh trên thế giới. Việc đó cũng tước của Ri-gân một con chủ bài trước năm bầu cử. Quan hệ giữa Liên-xô và Trung-quốc mặc dù chưa có gì thay đổi song không căng thẳng như trước. Ngoài châu Âu, hai khu vực khác là Trung Đông và Trung Mỹ và ở một mức độ thấp hơn là Đông Bắc Á, tình hình có căng thẳng hơn do hành động phiêu lưu của Mỹ. Nhưng ở những nơi này, chính sách của Mỹ không được các đồng minh của Mỹ hoàn toàn đồng tình. Còn tình hình ở Đông Nam châu Á là nơi sự câu kết Mỹ và Trung-quốc còn chặt chẽ thì cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia do Trung-quốc và Mỹ tạo ra đang lắng xuống và đang được giải quyết từng bước, trái với mưu đồ thâm độc của Trung-quốc và tay sai.

Tình hình thế giới năm 1983 cho thấy rõ chính sách của chính quyền Ri-gân rất phiêu lưu và nguy hiểm, bất chấp dư luận, *nhưng không phải không có giới hạn*. Việc tiếp tục chạy đua vũ trang của Mỹ là nhằm giải quyết khủng hoảng kinh tế và khống chế đồng minh trong quỹ đạo của Mỹ. Nhưng Ri-gân ngày càng vấp phải sự chống đối trong quốc hội và nhân dân Mỹ đòi giảm chi tiêu quân sự. Quốc hội Mỹ đã bác bỏ yêu cầu của bộ quốc phòng Mỹ sản xuất lại vũ khí hóa học làm tê liệt thần kinh. Đối với Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, âm mưu của Mỹ chủ yếu là dùng chạy đua vũ trang để răn đe và làm suy yếu nền kinh tế. Mỹ đã thú nhận là không có khả năng giành ưu thế chiến lược với Liên-xô như trong những năm 60. Việc Mỹ triển khai tên lửa tầm trung ở châu Âu là một hành

Digitized by Google

động phiêu lưu, cực kỳ nguy hiểm. Việc này có nguy cơ đưa đến bùng nổ chiến tranh. Song trước sức mạnh của các lực lượng hòa bình và cách mạng toàn thế giới và những biện pháp kiên quyết của Liên-xô, việc này cũng có giới hạn, không dễ dàng làm đảo lộn cán cân lực lượng ở các khu vực và trên thế giới.

Sự phản kích của Mỹ và bọn đế quốc trong năm qua chủ yếu tập trung ở những nơi mà lực lượng cách mạng bị chia rẽ, mất cảnh giác, những nơi mà Mỹ cho là có thể thắng nhanh và gọn. Việc Mỹ xâm lược Grê-na-đa và can thiệp vào Li-băng đã chứng minh điều đó. Còn ở những nơi lực lượng cách mạng đoàn kết, cảnh giác, khiến Mỹ thấy nếu liều lĩnh can thiệp thì có nguy cơ bị sa lầy như kiểu chiến tranh Việt-nam, thì Mỹ phải cân nhắc. Theo dư luận Mỹ, điều đó giải thích tại sao quốc hội và chính giới Mỹ bật đèn xanh cho Ri-gân xâm lược Grê-na-đa nhưng lại không dám để cho Nhà trắng đem quân trực tiếp can thiệp, xâm lược Xan-va-đo hoặc Ni-ca-ra-goa, Cu-ba. Đa số công chúng Mỹ cũng không tán thành vai trò của Mỹ hiện nay ở Li-băng. Mặt khác việc Mỹ xâm lược Grê-na-đa cũng đã gặp phải sự chống đối ngày càng tăng của các tầng lớp nhân dân nhất là sinh viên Mỹ.

Do đó, có thể thấy sự căng thẳng năm 1983 do đế quốc Mỹ gây ra, tuy có khả năng đưa loài người đến miệng hố chiến tranh, song không nói lên sức mạnh của Mỹ và bọn phản động, không làm thay đổi so sánh lực lượng trên thế giới. Lực lượng hòa bình và cách mạng tiếp tục phát triển.

★

Ba dòng thác cách mạng do Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa làm nòng cốt tiếp tục phát huy thế tiến công chiến lược và không ngừng lớn mạnh. Phong trào hòa bình chống chiến tranh hạt nhân phát triển với quy mô chưa từng thấy.

Mục tiêu hàng đầu của cuộc phản kích của các thế lực đế quốc và phản động là Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng chính qua cuộc đấu tranh này, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa càng nổi rõ là thành trì của hòa bình và chỗ dựa vững chắc của cách mạng thế giới.

Năm 1983 đánh dấu *một giai đoạn mới trong sự phát triển của Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa*. Với quyết tâm cao, ban lãnh đạo của Liên-xô do đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp đứng đầu đã cho áp dụng một số biện pháp làm sống động nền kinh tế và ổn định đời sống xã hội, tạo ra được những chuyển biến rất tốt đẹp trong sản xuất và cả trong đời sống tinh thần. Do đó, mặc dù còn khó khăn, nền kinh tế Liên-xô năm 1983 đã đạt được những tiến bộ rất đáng khích lệ. Điều đó đánh tan ảo tưởng của Mỹ và bọn phản động thúc đẩy chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng hòng làm cho nền kinh tế Liên-xô sụp đổ. Trái lại, chính cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng của Mỹ và phương Tây đã khiến phương Tây, kể cả Mỹ, buộc phải nối lại quan hệ kinh tế với Liên-xô. Tình hình ở Ba-lan đang từng bước đi vào ổn định. Tình hình Ba-lan trong năm qua nói lên những cố gắng phi thường của nhân dân và ban lãnh đạo Ba-lan và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, sự ổn định từng bước tình hình ở Ba-lan cho thấy mỗi nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày nay đã mạnh và có khả năng đập tan âm mưu lật đổ của chủ nghĩa đế quốc chống nước mình mà không cần trực tiếp sử dụng lực lượng quân sự của một nước anh em khác như những năm 50 và 60.

Trên cơ sở sức mạnh của bản thân, kết hợp với sức mạnh của thời đại, Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa

Digitized by Google

khác đã kiên quyết chống trả những hành động phiêu lưu của bọn đế quốc đe dọa hòa bình, an ninh, độc lập và chủ quyền của các dân tộc. Đặc biệt là đã kiên quyết chống lại việc Mỹ đặt tên lửa ở Tây Âu, phá thế cân bằng quân sự ở châu Âu, bằng cách đưa tên lửa SS – 20 của Liên-xô đến gần biên giới của Tây Âu và bằng các biện pháp khác. Tuyên bố của đồng chí Iu.V. An-drô-pốp thể hiện lập trường có nguyên tắc của Liên-xô là không để cho Mỹ và NATO giành ưu thế quân sự, làm đảo lộn thế cân bằng quân sự chiến lược ở châu Âu và trên thế giới. Bởi vì việc giữ gìn sự cân bằng ấy là tiền đề của hòa bình. Do đó, biện pháp kiên quyết của Liên-xô và khối Vác-sa-va là hoàn toàn cần thiết và bắt buộc phải áp dụng. Những biện pháp đó chỉ nhằm bảo vệ an ninh của Liên-xô, của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và các nước khác, bảo vệ nền văn minh của loài người và quyền sống của con người trên trái đất. Chính vì vậy mà trên toàn thế giới đang dấy lên một cao trào hưởng ứng và ủng hộ bản tuyên bố nói trên của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp. Chưa bao giờ nhân dân thế giới, kể cả nhân dân các nước Tây Âu và Bắc Mỹ, nhạy bén về chính trị và sôi động tham gia đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống đế quốc Mỹ, rộng lớn và mạnh mẽ như trong năm qua. Tình hình đó đã bác bỏ luận điệu vu cáo bỉ ổi của nhà cầm quyền Trung-quốc nói rằng cả Mỹ và Liên-xô là nguồn gốc gây tình hình căng thẳng, và muốn lái cuộc đấu tranh cho hòa bình của nhân dân Tây Âu theo hướng chống cả Mỹ và Liên-xô, mà thực chất là chĩa mũi nhọn vào phía Liên-xô. Quá trình đấu tranh trong năm qua giữa hai lực lượng đối lập càng làm rõ Liên-xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa là đồng minh đáng tin cậy của các dân tộc.

Sự phản kích của bọn đế quốc và phản động đã gây ra những khó khăn cho phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc, nhất là ở vùng Trung Mỹ – Ca-ri-bê và Trung Đông. Nhưng mặt khác, điều đó lại làm cho cuộc đấu tranh của các dân tộc để bảo vệ độc lập, chủ quyền của mình càng phát triển mạnh mẽ. Chưa bao giờ cuộc đấu tranh này lại gắn liền với cuộc đấu tranh cho hòa bình và cho phát triển kinh tế, và trở thành một xu thế có tính chất toàn cầu như trong năm qua. Sức mạnh của cuộc đấu tranh đó bắt nguồn từ chỗ các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh là những nước bị trực tiếp đe dọa và chịu hậu quả nặng nề nhất của chính sách hiếu chiến, chạy đua vũ trang của Mỹ và của cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng kéo dài của chủ nghĩa tư bản quốc tế.

Tuy còn nhiều bất đồng do sự khác nhau về chế độ chính trị, nhưng đứng trước cuộc phản kích của bọn đế quốc, các nước không liên kết đều thấy vấn đề đoàn kết có tầm quan trọng hàng đầu đối với việc củng cố và phát triển phong trào thành một lực lượng tổng hợp có tiếng nói quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề trên thế giới liên quan đến lợi ích của mỗi nước. Các nước không liên kết ngày càng nhận rõ phải đoàn kết giúp đỡ nhau và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ thì mới giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc nhằm đạt các mục tiêu của phong trào. Âm mưu của Mỹ, Trung-quốc và những kẻ theo đuôi định lái phong trào không liên kết nói riêng và cuộc đấu tranh của các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh nói chung đi trệch khỏi con đường chống đế quốc và đi vào con đường « chống hai siêu cường », « chống cả hai khối » đã bị thất bại một bước quan trọng. Chính sách hiếu chiến của Mỹ và các thế lực đế quốc và phản động khác chống các nước không liên kết đã bị lên án mạnh mẽ. Chưa bao giờ Mỹ bị cô lập

Digitized by Google

như sau vụ xâm lược Grê-na-đa vừa qua. Nếu như sau vụ Man-vi-nát (1982), mâu thuẫn giữa Mỹ với các nước Mỹ la tinh phát triển sâu sắc, thì sau vụ Mỹ xâm lược Grê-na-đa cùng với các hành động xâm lược của Mỹ ở Li-băng và các khu vực khác, trong các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh đã dấy lên một cao trào chống Mỹ mạnh chưa từng thấy kể từ sau chiến tranh Việt-nam.

Ở Trung Mỹ — Ca-ri-bê, chính sách xâm lược và can thiệp của đế quốc Mỹ đã làm cho tình hình rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, trước bộ mặt hung hăng hiếu chiến của chính quyền Ri-gân, các nước Cu-ba, Ni-ca-ra-goa và các lực lượng tiến bộ khác càng cảnh giác đoàn kết hơn và quyết tâm bảo vệ chủ quyền độc lập của mình. Lực lượng cách mạng Xan-va-đo tiếp tục tiến công địch mạnh mẽ. Các nước châu Mỹ la tinh càng có quan hệ chặt chẽ hơn với Cu-ba và Ni-ca-ra-goa. Mỹ bị cô lập ngay cả trong khu vực Mỹ la tinh.

Tình hình Trung Đông năm 1983 vẫn rất phức tạp, do việc Mỹ tăng cường ủng hộ I-xra-en xâm lược Li-băng và Mỹ trực tiếp đem quân can thiệp vào Li-băng gây ra. Việc đó đã làm cho phong trào kháng chiến của nhân dân Li-băng, nhân dân Pa-le-xtin và các nước A-rập khác chuyển sang một giai đoạn mới. Mâu thuẫn giữa nhân dân Pa-le-xtin và các nước A-rập khác với Mỹ trở nên rất sâu sắc. Đồng thời, mâu thuẫn giữa nhân dân A-rập với các thế lực cầm quyền phản động của một số nước A-rập cũng phát triển mạnh. Điều này không những làm cho hiệp định riêng rẽ I-xra-en — Ai-cập bị vĩnh viễn chôn vùi mà còn làm thất bại mưu toan của Mỹ dùng hoà bình riêng rẽ để chia rẽ các nước A-rập, cô lập Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) và các nước A-rập tích cực. Hiệp định I-xra-en — Li-băng vừa mới ký đã bị phá sản. Âm mưu của Mỹ nhằm gạt Liên-xô ra khỏi một giải pháp về Trung Đông cũng đang thất bại. Quan hệ giữa Liên-xô với các nước A-rập, trước hết là với Xy-ri được tăng cường mạnh mẽ. Mặt khác, trước sự chiến đấu ngoan cường của các lực lượng kháng chiến Li-băng và Pa-le-xtin, quân đội Mỹ trong lực lượng nhiều nước đóng ở Li-băng đang có nguy cơ bị sa lầy nghiêm trọng. Tình hình Trung Đông năm 1983 chứng tỏ cách mạng Pa-le-xtin và cách mạng của các dân tộc A-rập tuy bị kẻ thù đánh phá và bị rạn nứt do những bất đồng nội bộ, song vẫn tiếp tục phát triển.

Nét nổi bật trong *tình hình ở châu Phi* trong năm qua là xu thế đoàn kết chống đế quốc vẫn là xu thế áp đảo. Sự thành công của hội nghị Tổ chức thống nhất châu Phi (6-1983) ở A-đi A-đê-ba (Ê-ti-ô-pi-a) sau một năm khủng hoảng, đã làm thất bại mưu toan của Mỹ và các thế lực đế quốc khác gây chia rẽ và làm tan rã tổ chức này.

Các lực lượng phản động được Nam Phi dỡ đầu đã tăng cường hoạt động chống phá cách mạng Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Na-mi-bi-a, gây ra những khó khăn cho các nước tiền tuyến và phong trào kháng chiến ở Na-mi-bi-a và Nam Phi. Song bọn đế quốc và phản động đã thất bại trong việc chia rẽ các nước tiền tuyến nhằm ngăn chặn các nước này tiếp tục ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân Na-mi-bi-a và nhân dân Nam Phi. Các nước miền Nam châu Phi đã đánh giá cao vai trò của Cu-ba cũng như sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bọn phản động Nam Phi.

Nét nổi lên trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa trong năm 1983 là sự *gắn liền phong trào đấu tranh cho dân sinh dân chủ và tiến bộ xã hội với phong trào đấu tranh chống chạy đua*

Digitized by Google

vũ trang, chống chiến tranh hạt nhân của Mỹ. Đặc biệt phong trào nhân dân các nước Tây Âu chống việc Mỹ triển khai tên lửa tầm trung bình ở các nước này lên rất mạnh với những hình thức và biện pháp đấu tranh rất phong phú và linh hoạt. Mặc dù Mỹ đã ép được một số nước Tây Âu đặt tên lửa, song phong trào này vẫn tiếp tục phát triển và đã góp phần cùng với cuộc đấu tranh của các nước xã hội chủ nghĩa và các nước không liên kết đẩy lùi được nguy cơ chiến tranh và làm cho chính quyền các nước phương Tây không dám phục tùng Mỹ vô điều kiện trong việc triển khai các tên lửa ở Tây Âu. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản phát triển đòi tăng lương, giảm thuế và nâng cao phúc lợi, đã làm cho chính quyền tư sản ở các nước này luôn luôn ở vào thế bị động, dưa đến cuộc khủng hoảng nội các ở nhiều nước. Uy tín của tập đoàn cầm quyền một số nước không ngừng bị giảm sút. Lực lượng của phái tả, bao gồm các đảng cộng sản, đang phát triển ở nhiều nước.

★

Năm 1983 cũng đánh dấu *sự lớn mạnh của Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia*.

Trước tình hình phát triển tốt đẹp của ba nước trên bán đảo Đông-dương, trước sự suy yếu và chia rẽ sâu sắc của bọn phản động Cam-pu-chia, một số nước ASEAN ngày càng tỏ ra không thể chấp nhận chính sách ngoan cố chống Việt-nam, ủng hộ Pôn Pốt đến cùng của Trung-quốc. Mâu thuẫn giữa Trung-quốc với các nước ASEAN ngày càng bộc lộ.

Sau khi giành được đa số phiếu áp đảo và giữ được chiếc ghế của bọn Pôn Pốt tại Liên hợp quốc trong 4 năm liền, đầu năm nay, Trung-quốc, Mỹ và các nước ASEAN đã tập trung cố gắng cao nhất để hòng giành thắng lợi cho cái gọi là «chính phủ liên hiệp Cam-pu-chia dân chủ» tại Hội nghị cấp cao các nước không liên kết ở Niu Đê-li. Nhưng Trung-quốc và bọn phản động đã thất bại thảm hại.

Tuy nhiên, cho đến nay, âm mưu của Trung-quốc đối với Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia vẫn không hề thay đổi, thậm chí còn quyết liệt hơn. Trong năm 1983, đi đôi với việc đẩy mạnh cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đã giở một thủ đoạn xảo quyệt mới là giương cao ngọn cờ hòa bình và thương lượng giả hiệu, đặc biệt đã lợi dụng việc Trung-quốc buộc phải thương lượng về quan hệ với Liên-xô, và với các nước xã hội chủ nghĩa khác để hòng chia rẽ và cô lập Việt-nam, phá hoại tình đoàn kết Việt-nam và Liên-xô, phá hoại quan hệ đặc biệt giữa ba nước trên bán đảo Đông-dương. Mặt khác Trung-quốc tiếp tục câu kết với Mỹ và các nước ASEAN ra sức chống Việt-nam trên mọi diễn đàn quốc tế.

Với việc Mỹ và Trung-quốc chủ trương thúc đẩy việc phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản, lập liên minh quân sự Mỹ – Nhật-bản – Nam Triều-tiên, đẩy mạnh hợp tác chiến lược Mỹ – Nhật-bản – Trung-quốc và từng bước tăng cường sự có mặt của Mỹ ở châu Á, khu vực Đông Á – Thái-bình-dương ngày càng có tầm quan trọng chiến lược, trong đó Đông Nam châu Á là khâu hết sức quan trọng. Trong bối cảnh đó, quan hệ hợp tác, đoàn kết giữa Liên-xô và Việt-nam, cũng như quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa Liên-xô và ba nước trên bán đảo Đông-dương, được củng cố và tăng cường, là nhân tố quan trọng làm thất bại mọi mưu đồ của Mỹ, Trung-quốc hòng đảo ngược xu thế ở khu vực, là điều kiện cơ bản để bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông Á – Thái-bình-dương, trước hết là ở Đông Nam châu Á.

Digitized by Google

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 1 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Коллективное хозяйствование – большая движущая сила строительства социализма. ЛЕ ЗУАН – Быть коллективным хозяином, использовать обьединенную мощь, создать глубокую перемену в социально-экономической жизни страны. ★★★ – Облигация строительства родины. ТЮ ТАМ ТХЫК – Накопление и потребление в текущий период в нашей стране. ТХАНЬ ТИН – Широта и глубина одного стратегического срыва. ХОНГ ТЬЫОНГ – Печать и режим коллективного хозяйствования. ★ ★ ★ – Народная Республика Кампучия: победы, одержанные за пять лет национального и сциального возрождения. ФАМ СУАН НАМ – Блестящие достижения, выдающиеся заслуги кубинской революции.

REVIEW OF COMMUNISM N° 1-1984

Editorial – Collective mastery – a great motive force for socialist construction. *LÊ-DUÂN* – Making use of collective mastery and the aggregate strength of the nation to bring about deep economic and social changes. ★★★ – National construction bonds. *CHU-TAM-THÚC* – Accumulation and consumption at the present stage of the revolution in our country *THÀNH-TÍN* – Wide and deep impact of a strategic defeat. *HÖNG-CHƯƠNG* – Our press and socialist collective mastery. ★★★ – The people's Republic of Kampuchea: five years of victory of the national and social rebirth. *PHẠM-XUÂN-NAM* – Great achievements and outstanding contributions of the Cuban revolution

REVUE DU COMMUNISME N° 1-1984

Editorial – La maîtrise de la collectivité en tant qu' un puissant moteur dans l'édification du socialisme. *LÊ-DUÂN* – Réaliser la maîtrise de la collectivité, se servir de la force globale pour obtenir de grands changements économiques et sociaux. ★★★ – Bons d'emprunts pour l'édification du pays. *CHU-TAM-THÚC* – L'accumulation et la consommation à l'étape actuelle. *THÀNH-TÍN* – L'étendue et la profondeur d'un échec stratégique. *HÖNG-CHƯƠNG* – La presse et la maîtrise de la collectivité socialiste. ★ ★ ★ – République populaire du Kampuchéa: cinq années fructueuses vers la résurrection nationale et sociale. *PHẠM-XUÂN-NAM* – Succès éclatants et contributions remarquables de la révolution cubaine.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 1-1984

Editorial – El dueño colectivo, un potente motor en la édificación del socialismo. *LÊ-DUÂN* – Realizar el derecho de dueño colectivo, valerse de la fuerza global para obtener grandes cambios económicos y sociales. ★★★ – Bonos de préstamo para la edificación del país. *CHU-TAM-THÚC* – La acumulación y el consumo en la actual etapa. *THÀNH-TÍN* – La extensión y la profundidad de un fracaso estratégico. *HÖNG-CHƯƠNG* – La prensa y el dueño colectivo socialista. ★ ★ ★ – La República Popular de Kampuchea: cinco años exitosos de la resurrección nacional y social. *PHẠM-XUÂN-NAM* – Exitos brillantes y contribuciones saltantes de la Revolución Cubana.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 1

1984

NĂM THỨ XXX (337)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22010

MỤC LỤC

Xã luận — Làm chủ tập thể — một động lực to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội 1

LÊ-DUẨN — Làm chủ tập thể, sử dụng sức mạnh tổng hợp, tạo chuyển biến sâu sắc về kinh tế, xã hội 6

★ ★ ★ — Công trái xây dựng Tổ quốc 21

CHU-TAM-THỨC — Tích lũy và tiêu dùng trong chặng đường trước mắt ở nước ta 25

TRƯỜNG-SƠN — Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 32

VŨ-MÃO — Giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ 38

HOÀNG-MINH-THẢO — Cách đánh của Quang-Trung 45

THÀNH-TÍN — Bề rộng và chiều sâu của một thất bại chiến lược 53

HỒNG-CHƯƠNG — Báo chí và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa 58

Nghiên cứu ★ *QUYẾT-TIẾN* — Thực hiện và củng cố quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân là đảng mác xít—lê nin nít đối với quần chúng lao động 65

★ ★ ★ — Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia: năm năm thắng lợi trong công cuộc hồi sinh dân tộc và xã hội 72

PHẠM-XUÂN-NAM — Thành tựu rực rỡ, cống hiến xuất sắc của cách mạng Cu-ba 75

★ ★ ★ — Cục diện thế giới—Sang năm mới nhìn lại năm cũ 82

Digitized by Google

RF

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 5 CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA THẮNG LỢI

Tìm đọc :

— Hội nghị cấp cao Lào — Cam-pu-chia — Việt-nam (22-2-1983)

TRƯỜNG - CHINH

— Về vấn đề Cam-pu-chia

— Kiên quyết đánh bại chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc

HOÀNG - VĂN - THÁI

— Liên minh đoàn kết chiến đấu Việt - nam — Lào — Cam - pu - chia

HỒNG - CẢNH

— Cuộc sống mới trên đất nước Ăng-co

★★★

— Tội ác diệt chủng của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 2đ5

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

LIBRARY
JUL 2 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

2

2.1984

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG CÁC ĐẢNG BỘ HUYỆN VỮNG MẠNH

Giải quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng ta đã nhấn mạnh tầm quan trọng có tính chiến lược của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đối với việc thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế nước ta trong chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện cũng là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế — xã hội trong những năm trước mắt. Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) đã chỉ rõ: « Đẩy mạnh việc **xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện** *là một nhiệm vụ rất quan trọng, tạo cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế — xã hội đã đề ra trong kế hoạch năm 1983 và ba năm 1983 — 1985 ».*

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, những năm qua, nhất là từ sau Đại hội toàn quốc thứ V, do sự cố gắng của các ngành, các cấp và sự phấn đấu tích cực của bản thân các huyện, nhiều huyện đã bước đầu tạo ra được những chuyển biến mới trong nhiệm vụ phát triển kinh tế — xã hội ở địa phương. Trình độ lãnh đạo và quản lý của nhiều huyện, xã, hợp tác xã và đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh khác đã được nâng lên một bước. Ở nhiều huyện, cơ quan lãnh đạo huyện và cơ sở đã bước đầu có những suy nghĩ, tính toán mới; ra sức khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương mình, đơn vị mình với tinh thần tích cực, chủ động, tự lực tự cường, nhanh chóng tạo ra được thế đi lên mới. Ở một số huyện đã hiện lên những nét ban đầu của sự kết hợp nông nghiệp và công nghiệp, sản xuất và phân phối lưu thông, kinh tế và đời sống theo phương hướng đã nêu trong các nghị quyết của Đảng.

Qua phong trào xây dựng huyện và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng, nhiều đảng bộ huyện và cơ sở đã được củng cố và trưởng thành một bước; có những đảng bộ vươn lên nhanh chóng. Đến nay đã có 69 đảng bộ huyện thuộc 37 tỉnh, thành được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh » và hàng trăm đảng bộ cơ sở được các tỉnh ủy, thành ủy biểu dương và tặng cờ « Đảng bộ cơ sở vững mạnh, trong sạch ».

Digitized by Google

Sự chuyển biến đó và những điển hình tiên tiến (huyện, xã, trạm, trại, v.v.) xuất hiện ngày càng nhiều đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện của Đảng ta. Tuy nhiên sự chuyển biến đó chưa mạnh, chưa đồng đều. Đến nay vẫn còn nhiều huyện và cơ sở yếu kém, trì trệ.

Đề đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, tạo cơ sở để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế – xã hội, một vấn đề quan trọng đặt ra là cần **tích cực phấn đấu xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh** *trong cả nước. Tất cả các ngành, các cấp, các đảng bộ huyện, kể cả các đảng bộ đã được biểu dương là đảng bộ huyện vững mạnh, cần phấn đấu vươn lên hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ này.*

Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng và nghị quyết số 50 của Hội đồng bộ trưởng, trên cơ sở xem xét những nhân tố tích cực, những xu hướng phát triển đúng đắn cũng như những trở ngại, trì trệ trong việc xây dựng huyện, đã quyết định nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của cấp huyện, tạo ra những yếu tố mới, những điều kiện cần thiết để các huyện vươn lên nhanh hơn.

Với những kinh nghiệm, những chuyển biến đã đạt được và những thuận lợi mới nói trên, chúng ta có đủ điều kiện **đẩy mạnh việc xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh** *(bao gồm cả việc* **xây dựng các đảng bộ cơ sở vững mạnh và trong sạch***) thật sự là hạt nhân lãnh đạo vững chắc và là động lực thúc đẩy việc xây dựng thành công các huyện từng bước tiến lên có cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp phát triển, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, và thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh đã chỉ ra mục tiêu phấn đấu là: «tất cả các đảng bộ huyện đều phải nỗ lực phấn đấu trở thành «đảng bộ huyện vững mạnh», đến năm 1985 một số lớn huyện, nhất là các huyện trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, phải đạt yêu cầu «đảng bộ huyện vững mạnh»; các huyện khác đều có những tiến bộ mới, rõ rệt; cố gắng phấn đấu để không còn huyện yếu kém».*

★

Việc xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh phải quán triệt **hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng** *và* **bảo đảm năm yêu cầu sau đây:**

1 – Lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng với tinh thần tích cực, chủ động vươn lên.

2 – Lãnh đạo bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động mạnh mẽ các phong trào cách mạng của quần chúng.

3 – Coi trọng xây dựng cơ sở Đảng, đội ngũ đảng viên và đơn vị cơ sở. Các tổ chức của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và tổ chức kinh tế ở cơ sở được tăng cường và củng cố.

Digitized by Google

4 — Huyện ủy được kiện toàn, đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối, nguyên tắc của Đảng và làm tốt chức năng lãnh đạo. Chính quyền, các đoàn thể và bộ máy quản lý cấp huyện phát huy hiệu lực hoạt động của mình.

5 — Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ, làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ về mọi mặt.

Năm yêu cầu nói trên vừa là mục tiêu phấn đấu và phương hướng xây dựng, vừa là tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá sự tiến bộ của các đảng bộ huyện.

Tiêu chuẩn hàng đầu và mục tiêu có tính tổng hợp đối với một đảng bộ huyện vững mạnh là lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế — xã hội, quốc phòng, an ninh theo đúng đường lối, chính sách của Đảng với những kết quả tốt và vững chắc.

Trong lãnh đạo kinh tế, vấn đề then chốt là tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết bằng được vấn đề lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản cho xuất khẩu, đồng thời đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu tại cơ sở và trên địa bàn huyện, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp (hoặc nông — lâm — công nghiệp, nông — ngư — công nghiệp...) theo quy hoạch vùng và đặc điểm của địa phương. Kết hợp chặt chẽ sản xuất với phân phối lưu thông, tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm hàng hóa; làm tròn nghĩa vụ giao nộp lương thực, thực phẩm, nông sản cho Nhà nước; tổ chức tốt các việc thu mua, nắm nguồn hàng, quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả chống bọn gian thương, làm ăn phi pháp.

Cùng với việc lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, cần coi trọng việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện chế độ khoán sản phẩm ở các hợp tác xã nông nghiệp, khẩn trương tiến hành tốt việc cải tạo nông nghiệp, công thương nghiệp tư doanh ở những nơi chưa hoàn thành cải tạo. Chăm lo tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Một đảng bộ huyện vững mạnh còn phải biết kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, xây dựng huyện thành pháo đài bảo vệ vững chắc Tổ quốc, đấu tranh có hiệu quả chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, lãnh đạo tốt các mặt công tác quân sự ở địa phương, thực hiện đúng chính sách hậu phương quân đội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nhấn mạnh yêu cầu lãnh đạo kinh tế — xã hội, quốc phòng, an ninh không có nghĩa là các đảng bộ huyện có thể coi nhẹ các yêu cầu khác. Hơn nữa, có thực hiện tốt và đầy đủ các yêu cầu về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động mạnh mẽ các phong trào cách mạng của quần chúng, củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và tổ chức kinh tế, xây dựng đội ngũ cán bộ huyện và cơ sở mới có điều kiện để vươn tới những đỉnh cao trong việc thực hiện yêu cầu lãnh đạo kinh tế và quốc phòng.

Là hạt nhân lãnh đạo của đảng bộ huyện, các huyện ủy có vai trò quan trọng đặc biệt trong việc phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh. Huyện ủy, trước hết là ban thường vụ huyện ủy cần nắm vững đường lối, quan điểm

Digitized by Google

của Đảng, có sự đoàn kết nhất trí cả về tư tưởng và hành động, có sức chiến đấu cao, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của mình. Tăng cường công tác Đảng, công tác kiểm tra, công tác cán bộ là những khâu then chốt bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng và thực hiện đúng quy chế làm việc của cấp ủy, bảo đảm thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng. Chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa các tổ chức nhằm mục tiêu xây dựng huyện về mọi mặt.

Đại hội đảng bộ các huyện vừa qua đã đổi mới trên 40% số huyện ủy viên; trên 50% số huyện ủy viên mới đã được học các lớp lý luận chính trị trung cấp và cao cấp; 34% số huyện ủy viên có trình độ đại học và trung học kinh tế, kỹ thuật.

Tuy vậy, các huyện ủy hãy còn những mặt yếu: năng lực lãnh đạo toàn diện còn yếu so với nhiệm vụ cấp huyện; một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt huyện còn hạn chế về năng lực, nhiều đồng chí chưa được học về quản lý kinh tế. Bởi vậy, việc kiện toàn các huyện ủy, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo cho các đồng chí trong huyện ủy là vấn đề cần tiếp tục coi trọng.

★

Để làm tốt việc xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh, **cần nắm vững mấy quan điểm cơ bản** *sau đây:*

– Một là, xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh phải gắn chặt với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Xây dựng huyện là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa bao trùm của các huyện hiện nay. Xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh nhằm bảo đảm xây dựng huyện thắng lợi. Do đó, phải lấy các yêu cầu, nội dung xây dựng huyện làm mục tiêu, phương hướng kiện toàn các tổ chức, tăng cường đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của đảng bộ huyện.

Các huyện ủy phải nắm vững và vận dụng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, xác định nhiệm vụ chính trị đúng thể hiện ở các quy hoạch, kế hoạch, phương án kinh tế, phương án quốc phòng... Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện, phát động phong trào quần chúng, sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ, đảng viên bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ ấy. Hoạt động của các tổ chức Đảng cấp huyện và cơ sở phải bám sát và tạo điều kiện thuận lợi bảo đảm cho các nội dung xây dựng huyện được tiến hành thuận lợi. Mọi biểu hiện tách rời việc xây dựng đảng bộ huyện khỏi việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đều là sai lầm và không thể đưa đảng bộ huyện trở thành đảng bộ vững mạnh được.

– Hai là, xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh phải gắn liền với xây dựng, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng.

Đảng bộ huyện muốn trở thành đảng bộ vững mạnh thì tuyệt đại đa số đảng bộ cơ sở trong huyện phải thuộc loại vững mạnh và khá, không còn đảng

Digitized by Google

bộ kém nát. Vì vậy, các cấp ủy cần chăm lo kiện toàn, xây dựng các đảng bộ cơ sở vững mạnh, trong sạch gắn với việc xây dựng các đơn vị cơ sở vững mạnh. Điều hết sức quan trọng là tích cực phấn đấu xóa bỏ tình trạng tổ chức cơ sở yếu kém, trì trệ, đưa tất cả các cơ sở tiến lên đồng đều. Việc xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện chính là nhằm phát huy tác dụng của cấp huyện đối với cơ sở, vừa chỉ đạo cơ sở vừa phục vụ tốt cơ sở.

– Ba là, kiện toàn đồng bộ các tổ chức cấp huyện và cơ sở bao gồm hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và tổ chức kinh tế.

Để xây dựng huyện và xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, cùng với việc kiện toàn huyện ủy, cần kiện toàn đồng thời ủy ban nhân dân huyện, các ban ngành ở huyện và kiện toàn các tổ chức ở cơ sở, bảo đảm sự vững mạnh đồng đều về tổ chức từ huyện đến cơ sở, phát huy đầy đủ hiệu lực của các tổ chức ấy.

Chúng ta cố gắng phấn đấu để trong mấy năm tới, các huyện ủy thật sự là những tập thể lãnh đạo mạnh có đủ năng lực chỉ đạo có hiệu quả các hoạt động kinh tế và các mặt hoạt động khác; các ủy ban nhân dân huyện thật sự có năng lực tổ chức, điều hành các nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý hành chính – xã hội trên địa bàn huyện; các đoàn thể quần chúng có sự cải tiến về nội dung và phương pháp hoạt động thích hợp; các cơ quan tham mưu giỏi về chuyên môn kỹ thuật, về nghiệp vụ quản lý vừa làm tốt chức năng tham mưu cho huyện ủy, ủy ban nhân dân huyện, vừa là chỗ dựa để xây dựng các ngành kinh tế kỹ thuật trưởng thành mạnh mẽ. Đồng thời nỗ lực phấn đấu để các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và tổ chức kinh tế ở cơ sở có những tiến bộ tương ứng rõ rệt.

– Bốn là, xây dựng đồng bộ và cân đối đội ngũ cán bộ huyện và cán bộ cơ sở.

Đây là khâu then chốt trong công tác tổ chức. Trước mắt, các tỉnh ủy, thành ủy rà xét lại để bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt huyện; điều động, bổ sung cán bộ cho huyện, trước hết là các huyện trọng điểm về kinh tế, quốc phòng, các huyện đang còn thiếu cán bộ, nhất là ở miền Nam, miền núi. Mỗi huyện cần có những cán bộ lãnh đạo và cán bộ phụ trách các ngành mạnh và có những cán bộ cần thiết về kinh tế, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ khá. Coi trọng việc bố trí, bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ cơ sở.

Các cấp ủy cần có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ huyện và cán bộ cơ sở gắn với yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế huyện và quy hoạch xây dựng huyện. Chú ý đào tạo cán bộ là người địa phương, nhất là đối với những huyện miền núi, Tây-nguyên, Nam-bộ cũ.

★

Xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh là **một công tác lớn của toàn Đảng, là trách nhiệm của các ngành, các cấp.** *Kinh nghiệm đã cho thấy, chỉ bằng sự nỗ lực riêng của mình, các đảng bộ huyện không thể vươn lên mạnh mẽ được.*

Digitized by Google

Các bộ, các ngành ở trung ương cần khẩn trương thực hiện những việc thuộc trách nhiệm của mình đã được nêu trong nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng và nghị quyết số 50 của Hội đồng bộ trưởng, nhất là sớm xác định quy hoạch kinh tế, khắc phục những vướng mắc về cơ chế quản lý, về chính sách, thúc đẩy nhanh việc phân cấp quản lý kinh tế và các mặt khác cho huyện một cách đồng bộ. Nhiều vấn đề về xây dựng cấp huyện và phân cấp quản lý cho huyện đề ra trong nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng chậm được các cơ quan Nhà nước cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành. Tình hình đó cần sớm được khắc phục.

Các tỉnh ủy, thành ủy cần tăng cường chỉ đạo và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chủ trương về phân cấp quản lý cho huyện và những nội dung công tác khác về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Cải tiến sự chỉ đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với các huyện. Trên cơ sở phân loại, đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của từng huyện mà có biện pháp tích cực củng cố, tăng cường từng huyện và định rõ mục tiêu, thời hạn phấn đấu cho mỗi huyện. Vận dụng những kinh nghiệm đã thu nhận được ở các hội nghị trao đổi kinh nghiệm xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh vừa qua để đưa nhanh các huyện yếu kém tiến lên kịp các huyện khác.

Phát động phong trào xây dựng huyện, xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, và xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch. Tất cả các huyện, các cơ sở cần tích cực tham gia phong trào này. Tùy hoàn cảnh và đặc điểm riêng, mỗi huyện nên tập trung vào những vấn đề then chốt, những mặt còn yếu của huyện mình để phấn đấu khắc phục, tìm ra và phát huy những nhân tố tích cực. Đối với những huyện trọng điểm về kinh tế và quốc phòng, tỉnh tập trung chỉ đạo và có những biện pháp tích cực giúp đỡ huyện nhanh chóng đạt yêu cầu đảng bộ huyện vững mạnh. Các huyện đã được công nhận là đảng bộ huyện vững mạnh cần phấn đấu đạt chất lượng ngày càng cao hơn, toàn diện hơn. Các tổ chức cơ sở Đảng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng nơi mà bổ sung vào 5 yêu cầu phấn đấu của đảng bộ mình gắn với 5 yêu cầu về xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, góp phần tích cực thực hiện chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Chúng ta nỗ lực phấn đấu thực hiện thật tốt chủ trương xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội mà Đại hội toàn quốc thứ V và các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra, tích cực góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Lời Bộ biên tập – *Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng đã nhấn mạnh* **tầm quan trọng có tính chiến lược của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.** *Nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương Đảng (khóa V) và nghị quyết số 50 của Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định nhiều chủ trương, biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác này. Vừa qua Ban bí thư Trung ương Đảng lại ra chỉ thị về xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.*

Để góp phần tích cực vào việc thực hiện chủ trương quan trọng này của Đảng, bắt đầu từ số này, Tạp chí Cộng sản mở mục **Trao đổi ý kiến về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện;** *mong các đồng chí chú ý theo dõi và viết bài tham gia cuộc trao đổi ý kiến này.*

VẤN ĐỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

VŨ OANH

Trưởng ban nông nghiệp trung ương

I — Vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện.

Ba năm qua (1981 – 1983) dưới ánh sáng của đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, căn cứ vào nghị quyết Hội nghị thứ 6 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), một số chính sách mới về quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước được ban hành đã tạo nên nguồn sinh lực mới trong lao động, sản xuất, đưa đến *những chuyển biến mới rất có ý nghĩa trong nền kinh tế quốc dân. Sản xuất nông nghiệp đã thu được kết quả đáng phấn khởi.*

– *Về sản xuất*: sản lượng lương thực năm 1981 đạt trên 15 triệu tấn, tăng 63 vạn tấn so với năm 1980; năm

Digitized by Google

1982, đạt 16,26 triệu tấn, tăng gần 1,2 triệu tấn so với năm 1981 ; năm 1983 đạt xấp xỉ 17 triệu tấn, tăng hơn 70 vạn tấn so với năm 1982. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 267 kg năm 1980 tăng lên 273 kg năm 1981, 285,8 kg năm 1982 và 300 kg năm 1983. Về sản xuất cây công nghiệp, về xuất khẩu nông sản và nông sản chế biến cũng như về chăn nuôi đều có những tiến bộ rõ rệt.

— *Về tổ chức quản lý nông nghiệp* cũng có một số tiến bộ bước đầu. Cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp tạo điều kiện cho việc sử dụng tốt hơn tiềm năng lao động, đất đai, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, và chuyển sang hạch toán — kinh doanh. Nhiều huyện đã có nhiều cố gắng, những chuyển biến mở ra những điều kiện mới cho nông nghiệp phát triển.

Nhờ những kết quả nói trên, đời sống của nông dân được ổn định, có nơi được cải thiện rõ rệt ; quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp được củng cố một bước, hợp tác xã đi vào làm ăn có hiệu quả hơn, năng suất, sản lượng tăng, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước tăng, thu nhập của xã viên tăng, một bộ phận hợp tác xã bước đầu có tích lũy ; nền kinh tế quốc dân bớt được một số khó khăn, trước hết là về lương thực — thực phẩm, về nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản cho xuất khẩu.

Những kết quả nói trên chứng minh đường lối của Đảng ta là đúng đắn, những chủ trương, chính sách mới về kinh tế của Đảng và Nhà nước đã và đang tạo nên sự chuyển biến mới trong lao động sản xuất.

Tuy đạt được những thành tựu nói trên, tình hình kinh tế — xã hội nói chung, nông nghiệp nói riêng đang có những khó khăn lớn, đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết.

Trước hết và quan trọng hơn cả là mức tăng của sản xuất còn chậm, nhất là so với mức tăng dân số, có mặt còn trì trệ kéo dài. Trong khi tốc độ tăng sản xuất còn chậm thì các tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề, khoa học kỹ thuật và cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có chưa được khai thác với mức cao để thật sự làm chuyển biến tình hình nông nghiệp.

Để đáp ứng những yêu cầu bức bách của đời sống và nền kinh tế quốc dân, nhiệm vụ của nông nghiệp trong 3 năm 1983 — 1985 là :

— Giải quyết cho được vấn đề lương thực — thực phẩm theo yêu cầu đã nêu trong các nghị quyết của Đảng.

— Cung cấp đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến hiện có chạy hết công suất và đáp ứng nhu cầu mở rộng chế biến thủ công và tiểu công nghiệp ở các địa phương, nhất là trên địa bàn huyện để giải quyết tốt hơn một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.

— Đẩy mạnh xuất khẩu, tự đáp ứng được yêu cầu nhập khẩu về vật tư, thiết bị, máy móc cho nông nghiệp, tiến đến có tích lũy cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

— Hoàn thành cải tạo nông nghiệp ở Nam-bộ và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong cả nước.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ nói trên, nền nông nghiệp nước ta cần sớm hoàn thiện một *chiến lược* phát triển theo hướng :

1 — Sử dụng hết lao động, đất đai, phát triển ngành nghề để mọi diện tích có thể sản xuất (cả rừng, đồi, mặt nước...) đều cho sản phẩm ; mọi lao động đều có việc làm. Vận dụng những kiến thức khoa học kỹ thuật mới, xác định phương hướng sản xuất cây, con, mùa vụ thích hợp, tìm mọi hình thức tổ chức sản xuất, cơ chế quản lý thích hợp để kết hợp được lao động với đất đai, ngành

Digitized by Google

nghề. Phát huy thế mạnh của từng địa phương theo quy hoạch của cả nước và kinh doanh tổng hợp đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất trên từng héc ta; phát triển sự liên kết kinh tế giữa các cơ sở, các huyện, tỉnh, tạo nên sức mạnh mới, hiệu quả mới của mỗi cơ sở, mỗi địa phương và của cả nước.

2 — Thâm canh cao độ tất cả các cây, con, đồng thời mở rộng diện tích bằng cả tăng vụ, khai hoang, và phủ xanh đồi trọc, bãi cát. Có nhiều biện pháp để phân bố lại lao động.

3 — Phát huy hết tiềm năng của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình bằng một cơ chế phân công và liên kết sản xuất hợp lý.

4 — Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đẩy mạnh xuất khẩu theo tinh thần « trung ương và địa phương cùng làm » để tạo ra những cân đối mới về vật tư; đầu tư có trọng điểm tạo ra hiệu quả nhanh nhất, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; gắn trực tiếp hệ thống trạm trại, viện kỹ thuật và đội ngũ cán bộ kỹ thuật với sản xuất, nhằm nhanh chóng tạo ra một lực lượng sản xuất mới trong nông nghiệp.

5 — Có cơ chế quản lý thích hợp bao gồm từ chế độ kế hoạch hóa đến hệ thống chính sách đòn bẩy nhằm khuyến khích hơn nữa người lao động, cơ sở, địa phương phát triển nông nghiệp.

6 — Gắn chặt nông nghiệp với công nghiệp, sản xuất với phân phối lưu thông và vận chuyển.

Huyện chính là địa bàn để thực hiện những chủ trương lớn có tính chất chiến lược nói trên. Xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện là một nhiệm vụ chiến lược để làm chuyển biến tình hình nông nghiệp hiện nay và đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

II — Xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp huyện.

Một trong những nội dung quan trọng nhất, cấp bách nhất và cũng là vấn đề đòi hỏi nhiều sáng tạo nhất trong xây dựng huyện là xây dựng cho được một cơ cấu kinh tế mới theo hướng nông — công nghiệp (hoặc các dạng kết hợp khác như nông — lâm — ngư — công nghiệp).

Ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em, khi nói đến kết hợp nông — công nghiệp tức là thực hiện « công nghiệp hóa nông nghiệp » mà nội dung chủ yếu là công nghiệp hóa bộ phận sản xuất ra tư liệu sản xuất cho nông nghiệp (công cụ, phân bón, hóa chất...), công nghiệp hóa quá trình sản xuất nông nghiệp (cơ giới hóa, tự động hóa sản xuất) và công nghiệp hóa quá trình chế biến, bảo quản, dự trữ và vận chuyển sản phẩm nông nghiệp.

Ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, khi quy định nội dung kết hợp nông nghiệp với công nghiệp và tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp trên địa bàn huyện phải xuất phát từ yêu cầu phát triển nông nghiệp, từ mở rộng sản xuất và phân công lao động trong nông nghiệp để thực hiện sự phân công lao động ban đầu giữa nông nghiệp và công nghiệp. Cụ thể là:

Một là, từ tiềm năng lao động, đất đai (cả rừng, đồi, mặt nước...) và kheo kết hợp lao động với đất đai để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp bảo đảm giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm và sản xuất nhiều nguyên liệu chế biến cho công nghiệp và nguyên liệu tại chỗ để mở mang các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Hai là, đưa nông nghiệp đi vào thâm canh, chuyên canh; công nghiệp trên địa bàn huyện phải đáp ứng tốt yêu cầu của nông nghiệp về tưới và tiêu nước, làm đất bằng máy, vật liệu xây dựng, vôi bón ruộng, công cụ.

Digitized by Google

giao thông vận tải, chế biến sản phẩm... theo quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, kết hợp công cụ thường, công cụ cải tiến với cơ khí từng phần.

Ba là, thông qua trao đổi sản phẩm với thị trường ngoài huyện hoặc xuất khẩu mà tự tạo thêm nguyên liệu, vật tư... để phát triển ngành, nghề và trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp.

Như vậy, công nghiệp trên địa bàn huyện về thực chất là tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp, mở rộng phân công lao động trong nông nghiệp. Vì vậy, hình thức kết hợp nông–công nghiệp trước hết và chủ yếu hiện nay là kết hợp trong từng hợp tác xã nông nghiệp, làm cho mỗi hợp tác xã đều có một cơ cấu sản xuất vừa chuyên môn hóa vừa kinh doanh tổng hợp, vừa sản xuất nông nghiệp vừa kinh doanh ngành nghề; đồng thời trên địa bàn huyện cần xây dựng một số tổ chức sản xuất và dịch vụ kỹ thuật mang tính chất công nghiệp như xưởng sản xuất và sửa chữa công cụ, xí nghiệp vận tải, các trạm trại, đặc biệt phải chú trọng công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, v.v.

Để xây dựng cơ cấu kinh tế nông–công nghiệp huyện theo nội dung trên, những biện pháp chủ yếu cần áp dụng là:

Một là, tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động; hai mặt này liên quan và thúc đẩy lẫn nhau, là cơ sở để hình thành cơ cấu kinh tế huyện.

Trước hết, các huyện cần điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất cho phù hợp với điều kiện tự nhiên–kinh tế – xã hội và tình hình mới hiện nay. Nên tiến hành tổng kết một bước quá trình tìm tòi hướng đi, cách làm của từng loại hình–nhất là những huyện có chuyển biến thật sự về kinh tế – để có nội dung điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Theo hướng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nói trên, các huyện cần tổ chức lại việc sử dụng đất đai, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ sản xuất, tổ chức lại các yếu tố kỹ thuật, các ngành nghề nhằm thực hiện có hiệu quả phương hướng sản xuất chuyên môn hóa kết hợp với toàn diện và tổng hợp của mình.

Từ bố trí và tổ chức lại sản xuất, huyện cần tiến hành phân công lại lao động theo hướng kết hợp nông – công nghiệp, bảo đảm mọi người lao động đều có việc làm. Thông qua hình thức liên kết kinh tế trong huyện hoặc với các huyện khác mà sử dụng hết sức lao động, sử dụng tốt quỹ lao động nghĩa vụ và ngày công của dân đóng góp theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật và thúc đẩy biến đổi cơ cấu kinh tế huyện.

Hai là, phấn đấu giải quyết tốt vấn đề lương thực (cho cả người và gia súc), tiến đến có lương thực dự trữ. Thực tế cho thấy, có giải quyết được lương thực mới có điều kiện đi sâu vào chuyên môn hóa, mở rộng phân công lao động ngành nghề. Những huyện sản xuất lương thực là chính, muốn phá thế độc canh phải làm tốt việc thâm canh cây lương thực, qua tăng vụ và dành một ít ruộng đất trồng cây công nghiệp ngắn ngày mà biến đổi cơ cấu theo hướng kết hợp nông – công nghiệp. Những huyện sản xuất lương thực có khó khăn phải liên kết kinh tế bằng trao đổi sản phẩm mà bổ sung thêm lương thực.

Ba là, làm tốt công tác phân phối lưu thông, xây dựng thị trường huyện phục vụ tốt sản xuất và đời sống.

Thị trường này trước hết phải được tổ chức nhằm thực hiện tốt sự trao đổi và phân phối sản phẩm giữa Nhà nước và các hợp tác xã, mở rộng sự trao đổi sản phẩm giữa các hợp tác xã với nhau, giữa các huyện với

Digitized by Google

nhau, giữa huyện với nước ngoài thông qua xuất khẩu, nhập khẩu mà từng bước mở rộng quỹ vật tư, hàng hóa của huyện, thúc đẩy cơ cấu kinh tế mới hình thành.

Bốn là, liên kết kinh tế trong các lĩnh vực sản xuất, gia công, trao đổi sản phẩm giữa các huyện với nhau, bổ sung thêm quỹ vật tư, hàng hóa của huyện, nhằm bảo đảm sản xuất của huyện theo quy hoạch, kế hoạch.

Năm là, chuyển nhanh các cơ sở sản xuất thuộc huyện quản lý (cả hợp tác xã nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, các trạm trại, cửa hàng, công ty...) sang kinh doanh hạch toán bảo đảm hiệu quả kinh tế cao, vừa tích tụ được vốn ở cơ sở, vừa tăng ngân sách cho huyện, kết hợp với huy động vốn của dân để mở rộng dần sản xuất theo hướng cơ cấu kinh tế đã xác định.

Trong vấn đề xây dựng cơ cấu kinh tế huyện, còn phải rất chú ý kết hợp kinh tế với quốc phòng, đồng thời kết hợp phát triển sản xuất với xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

III — Củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Phương hướng củng cố các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hiện nay là nâng cao một bước trình độ tổ chức sản xuất, hình thành cơ chế quản lý mới, hoàn thiện chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, làm cho hợp tác xã thật sự trở thành một tổ chức kinh tế sản xuất — kinh doanh — hạch toán, sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất mới được củng cố, kinh tế tập thể được tăng cường, đời sống xã viên được cải thiện.

Theo phương hướng nói trên, cần chú ý những nội dung chính sau đây:

Cải tiến các mặt tổ chức, xây dựng cơ chế quản lý mới trong hợp tác xã.

— Trước hết, ổn định quy mô và tổ chức hợp tác xã. Đối với những hợp tác xã ở miền núi, ở trung du mà nội dung kinh tế tập thể chưa rõ thì trên cơ sở chủ trương của Nhà nước về giao đất, giao rừng và kết hợp nông — lâm nghiệp mà xác định lại quy mô và tổ chức sản xuất cho thích hợp.

— Trên cơ sở ổn định quy mô và tổ chức mà bổ sung, điều chỉnh phương hướng sản xuất, kết hợp nông — lâm — ngư nghiệp, nông nghiệp, với ngành nghề, sản xuất với chế biến và lưu thông nhằm sử dụng hết lao động, đất đai, phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, liên kết kinh tế tập thể với kinh tế gia đình, với kinh tế huyện và các hợp tác xã khác, làm cho mỗi hợp tác xã vừa sản xuất chuyên môn hóa vừa kinh doanh tổng hợp, qua đó mà mở rộng dần quy mô sản xuất, nâng cao kinh tế hợp tác xã.

— Sắp xếp lại những cơ sở vật chất kỹ thuật để sử dụng có hiệu quả. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật mới theo hướng tạo điều kiện cho hợp tác xã đảm nhiệm được «5 khâu» để hoàn thiện cơ chế khoán mới và không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

— Coi trọng đội sản xuất cơ bản, coi đây là hình thức tổ chức lao động chủ yếu trong hợp tác xã. Tổ chức các đội chuyên khâu phù hợp với trình độ trang bị kỹ thuật và yêu cầu đưa tiến bộ kỹ thuật vào hợp tác xã.

— Về xây dựng cơ chế quản lý mới, trước hết cần làm tốt công tác kế hoạch hóa. Kế hoạch của hợp tác xã phải là kế hoạch sản xuất, tài chính — phân phối, tổng hợp cả kế hoạch kinh tế gia đình, và cuối cùng phải được thể hiện ở phương án khoán sản phẩm của tất cả các ngành.

Xây dựng và bổ sung hệ thống định mức, xếp bậc công việc làm cơ sở cho công tác kế hoạch, giao khoán và hạch toán.

Digitized by Google

Tăng cường công tác hạch toán kinh tế, trước hết phải hạch toán được giá thành hợp lý của từng loại sản phẩm, tiến hành hạch toán kinh doanh của từng ngành và hoạt động kinh doanh của toàn hợp tác xã, thông qua hạch toán mà chỉ đạo, điều hành sản xuất nhằm bảo đảm cho được kế hoạch giá thành và kế hoạch lợi nhuận, qua đó mà thực hiện kế hoạch tích lũy của hợp tác xã cũng như kế hoạch giá trị ngày công của xã viên.

Xây dựng hệ thống giá trong hợp tác xã: ngoài giá chỉ đạo quan hệ hợp đồng kinh tế hai chiều với Nhà nước, cần xây dựng giá thỏa thuận để trao đổi, tiêu thụ các sản phẩm ngoài kế hoạch Nhà nước; xây dựng giá nội bộ có một tỷ lệ lãi nhất định để tiêu thụ và phân phối những sản phẩm của hợp tác xã cho xã viên.

Gắn trách nhiệm và quyền lợi trong phân phối của đội ngũ cán bộ quản lý (từ cấp đội trở lên) với sản phẩm cuối cùng của xã viên nhận khoán, với mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất — kinh doanh của hợp tác xã.

Về hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm.

Làm tốt những nội dung tổ chức sản xuất và xây dựng cơ chế quản lý nói trên là đã tạo ra những cơ sở cần thiết để góp phần hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm.

Tuy vậy, bản thân cơ chế khoán sản phẩm cũng cần được hoàn thiện một bước.

Trước hết, cần mở nhanh cơ chế khoán sản phẩm ra tất cả các sản phẩm mà hợp tác xã kinh doanh (bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề) và cả khâu quản lý các tư liệu sản xuất (nuôi trâu bò cày kéo của hợp tác xã, quản lý các công cụ...), khắc phục về căn bản hiện tượng «dong công, phóng điểm» làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế và giá trị ngày công kế hoạch.

Trong *khoán sản phẩm cây lúa* cần chú ý ba vấn đề lớn:

— Xác định đúng mức khoán tương ứng với chi phí sản xuất, với những tiến bộ kỹ thuật mới đưa vào sản xuất và bảo đảm cho hợp tác xã có lãi. Hiện nay, mức khoán của nhiều hợp tác xã còn thấp, thậm chí có hợp tác xã khoán quá thấp.

— Xác định đúng đối tượng nhận khoán là lao động trồng trọt. Tùy tình hình cụ thể của từng hợp tác xã mà có thể kết hợp giao khoán cho các lao động khác (ngành nghề, cán bộ quản lý...).

— Việc hiệp tác giữa «5 khâu» và «3 khâu» trong hợp tác xã: cố gắng nâng cao trình độ tổ chức sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện cho kỳ được một cách phổ biến trong những năm tới, trước mắt cần vận dụng một cách thích hợp, bảo đảm hợp tác xã điều hành được cả 8 khâu.

Cùng với những hoạt động nói trên của các hợp tác xã, Nhà nước sớm nghiên cứu bổ sung những chính sách cần thiết, nhất là chế độ kế hoạch hóa đối với hợp tác xã, chính sách thu mua, giá cả. Trước mắt, thực hiện đúng hợp đồng kinh tế hai chiều với hợp tác xã, gắn trách nhiệm và quyền lợi của hệ thống trạm trại cửa hàng phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện với kết quả sản xuất của hợp tác xã.

IV — Xây dựng cơ chế quản lý kinh tế và điều hành sản xuất ở huyện.

Để huyện trở thành một đơn vị kinh tế, đương nhiên phải xây dựng cho huyện một cơ chế quản lý kinh tế tương ứng bảo đảm cho huyện vừa hoàn thành những nhiệm vụ cấp trên giao, vừa phát huy quyền chủ động, sáng tạo của mình, quyền làm chủ tập thể của nhân dân, giải quyết tốt những vấn đề phát triển sản xuất và

Digitized by Google

nâng cao đời sống nhân dân trong huyện.

Vấn đề này, tuy Nhà nước và các ngành ở trung ương đã làm được một bước, song còn phải tiếp tục cụ thể hóa và bổ sung. Trước hết cần chú ý mấy vấn đề sau đây:

1 – Về chế độ kế hoạch hóa: quan điểm chung là phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và mối quan hệ giữa ngành với lãnh thổ.

Về nguyên tắc tập trung dân chủ, cần làm rõ cấp trên giao cho huyện những chỉ tiêu pháp lệnh gì và tương ứng với nghĩa vụ pháp lệnh đó cần có vật tư, hàng hóa, ngân sách để bảo đảm thực hiện. Chỉ nên giao một số chỉ tiêu pháp lệnh cần thiết phản ánh phương hướng sản xuất chính của huyện.

Cấp huyện phải từ tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề và cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện mình mà chỉ đạo các cơ sở lập kế hoạch sản xuất dựa trên 4 nguồn cân đối mà nghị quyết Hội nghị thứ ba của Trung ương đã nêu lên (tại chỗ, liên kết, xuất khẩu, cấp trên đưa về). Kế hoạch của huyện là tổng hợp và cân đối kế hoạch từ cơ sở lên.

Về quan hệ giữa ngành và lãnh thổ, cần làm rõ sự phối hợp kế hoạch hóa giữa các ngành kinh tế – kỹ thuật của tỉnh với huyện. Những đơn vị sản xuất, kinh doanh của trung ương, của tỉnh đóng trên địa bàn huyện phải có sự phối hợp kế hoạch hóa với huyện.

2 – Về vật tư, ngân sách, quỹ hàng hóa, phân phối lưu thông... cần phân cấp rõ cho huyện để huyện chủ động bố trí kế hoạch và điều hành sản xuất.

Vật tư, ngân sách, quỹ hàng hóa cấp trên giao cho huyện để thực hiện những chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh phải được quản lý, sử dụng đúng và có hiệu quả. Ngoài ra, khuyến khích huyện mở rộng quỹ vật tư, ngân sách, hàng hóa tự có của mình và bảo đảm cho huyện quyền chủ động sử dụng những nguồn vật chất ấy vào phát triển kinh tế huyện. Mặt khác, cho huyện có quyền trao đổi hàng hóa ngoài diện kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm đối với cấp trên.

3 – Phân giao cho huyện một số đơn vị kinh tế như trạm trại, cửa hàng, công ty của các ngành ở tỉnh, bởi vì những đơn vị này tham gia vào cơ cấu kinh tế huyện.

Trước khi phân giao, các ngành có trách nhiệm chấn chỉnh một bước về phương hướng kinh doanh và phục vụ, tổ chức sản xuất, trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật, cải tiến quản lý, sắp xếp lại cán bộ, để các cơ sở này chuyển sang được hạch toán kinh tế, hoạt động tốt, tránh tình trạng gây khó khăn cho huyện. Sớm hình thành cụm kinh tế – kỹ thuật ở các vùng sản xuất trên địa bàn huyện, ở đó có các chân rết của các trạm, trại, đội máy kéo, trạm bơm, trạm cung cấp vật tư, v.v. Gắn các tổ chức kinh tế – kỹ thuật này của huyện với hợp tác xã, về trách nhiệm cũng như quyền lợi của họ với sản phẩm cuối cùng của hợp tác xã.

Đi đôi với việc xây dựng cơ chế quản lý mới cho cấp huyện, cần cải tiến cách điều hành sản xuất ở huyện. Phương thức điều hành sản xuất của huyện không chỉ là kiểm tra, đôn đốc, hô hào, động viên, mà là phải biết nắm kế hoạch hóa, nắm các công cụ kinh tế (tiền – hàng – vật tư), nắm các đơn vị kinh tế, để điều hành sản xuất, tổ chức tốt sự phối hợp và liên kết giữa các yếu tố đó lại để chỉ đạo và thúc đẩy sản xuất. Điều hành sản xuất của huyện là biết giải quyết kịp thời những khó khăn – vướng mắc của cơ sở đang đặt ra trong quá trình sản xuất. Phải biết tập trung sức mạnh của cả huyện để giải quyết dứt điểm từng chủ trương, từng vấn đề đặt ra.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHO HUYỆN ở Hải-phòng

NGUYỄN - DẦN

Chủ tịch UBND thành phố Hải-phòng

PHÂN cấp quản lý cho huyện để huyện trở thành một cấp quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch và có ngân sách là một nội dung quan trọng của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Nhận thức như vậy, cho nên ngay từ đầu năm 1978, thi hành chỉ thị số 33/CT – TƯ của Bộ chính trị Trung ương Đảng và nghị quyết số 33/CP của Hội đồng Chính phủ, chúng tôi đã làm thử việc phân cấp quản lý cho huyện An-thụy (nay là hai huyện Kiến-an và Đồ-sơn), và đến năm 1979 mở rộng ra tất cả các huyện còn lại.

Hiện nay, Hải-phòng đã phân cấp cho huyện quản lý toàn diện từ các khâu quản lý quy hoạch, kế hoạch, tài chính ngân sách, cán bộ, lao động tiền lương đến các mặt sản xuất, phân phối lưu thông, văn hóa và đời sống.

Về quy hoạch: các huyện căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện và quy hoạch chung của thành phố để xây dựng quy hoạch của huyện và tổ chức thực hiện quy hoạch đó sau khi đã được thành phố xét duyệt. Quy hoạch tổng thể và quy hoạch một số ngành của các huyện đã được xây dựng và xét duyệt từ năm 1978 – 1979. Qua một số năm thực hiện, đến nay thành phố đang chỉ đạo các huyện soát xét lại để bổ sung cho hoàn chỉnh, phù hợp với phương hướng, mục tiêu kinh tế – xã hội của thành phố từ nay đến năm 1990, phù hợp với tiềm lực kinh tế và thế mạnh của mỗi huyện.

Về kế hoạch: huyện được quản lý kế hoạch toàn diện, bao gồm các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội: từ sản xuất, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải đến phân phối lưu thông, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa trên địa bàn huyện. Hằng năm, các huyện lập kế hoạch toàn diện. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt, Ủy ban nhân dân huyện giao kế hoạch cho các đơn vị cơ sở, chỉ đạo thực hiện và xét công nhận hoàn thành kế hoạch cho các đơn vị đó.

Về quản lý sản xuất: huyện được giao quản lý toàn bộ các mặt sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, muối, công nghiệp, tiểu công nghiệp –

Digitized by Google

thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng. Hiện nay, các huyện đã quản lý trực tiếp toàn diện tất cả các hợp tác xã nông nghiệp, nghề cá, nghề muối, tiểu công nghiệp — thủ công nghiệp, các hợp tác xã vận tải, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, toàn bộ các cơ sở sản xuất quốc doanh nằm gọn trên địa bàn huyện và chủ yếu phục vụ cho huyện.

Về quản lý phân phối lưu thông: huyện được giao quản lý toàn bộ các mặt: cung ứng vật tư, thu mua, bán lẻ trên địa bàn huyện gồm tất cả các ngành nội thương, ngoại thương, lương thực. Hiện nay, các huyện đã quản lý trực tiếp và toàn diện các đơn vị quốc doanh làm nhiệm vụ phân phối lưu thông trên địa bàn huyện như: các công ty đại lý cung ứng vật tư, công ty thương nghiệp tổng hợp (cả mua và bán), công ty và trạm thu mua thủy sản và toàn bộ hệ thống hợp tác xã mua bán huyện, xã. Riêng huyện Kiến-an có công ty ăn uống và dịch vụ, huyện Cát-hải có chi nhánh du lịch. Các công ty lương thực huyện đã được thành lập và hoạt động, trước mắt vẫn tạm thời trực thuộc Sở lương thực thành phố nhưng các huyện tham gia quản lý điều hành.

Về quản lý đời sống vật chất và văn hóa: song song với việc quản lý sản xuất, quản lý phân phối lưu thông để bảo đảm đời sống vật chất, các huyện được giao quản lý toàn bộ các cơ sở sự nghiệp thuộc các ngành y tế, giáo dục và văn hóa kể cả trường phổ thông trung học để bảo đảm đời sống tinh thần, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trong huyện. Các huyện cũng được giao quản lý trực tiếp và toàn diện các đơn vị kinh tế quốc doanh của các ngành văn hóa và y tế như các quốc doanh chiếu bóng, các hiệu sách nhân dân và các hiệu thuốc.

Về quản lý cán bộ và lao động tiền lương: huyện được quản lý và thực hiện mọi chế độ, chính sách đối với cán bộ, công nhân viên chức của huyện theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và sự hướng dẫn của thành phố, kể cả việc bố trí, sử dụng, điều động, tuyển dụng, đề bạt, nâng lương. Huyện được cân đối lực lượng lao động cho các nhu cầu của huyện, phân bổ lực lượng lao động trong phạm vi huyện. Thành phố chỉ quản lý và quyết định các chế độ, chính sách đối với Ban thường vụ huyện ủy, thường trực Ủy ban nhân dân huyện và các cán bộ có mức lương từ 105đ trở lên; quản lý các chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh, tuyển lao động ra ngoài huyện; phân phối cán bộ và điều động lao động ở nơi khác về huyện, quản lý biên chế hành chính sự nghiệp. Về tiền lương, huyện được quản lý và sử dụng quỹ tiền lương của cả hai khu vực sản xuất vật chất và không sản xuất vật chất sau khi đã được thành phố xét duyệt kế hoạch. Thành phố chỉ quản lý các định mức lao động tiền lương trên đơn vị sản phẩm và khối lượng hàng hóa kinh doanh.

Về quản lý tài chính: các huyện được lập dự án ngân sách của huyện theo chế độ của Nhà nước và quản lý ngân sách đó sau khi được thành phố xét duyệt. Nguồn thu và các khoản chi của ngân sách huyện đã được xác định. Hằng năm, các huyện lập ngân sách đưa ra Hội đồng nhân dân huyện quyết định, sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt. Ủy ban nhân dân huyện quản lý thực hiện và quyết toán ngân sách. Các huyện trực tiếp chỉ đạo quản lý tài chính của các đơn vị cơ sở của huyện, bảo đảm chi cho các đơn vị hành chính sự nghiệp, bảo đảm hạch toán kinh tế trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, toàn bộ các đơn vị sản xuất, kinh doanh của huyện đều được xác định là những

Digitized by Google

đơn vị hạch toán kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

★

Qua 5 năm thực hiện phân cấp quản lý cho huyện, Hải-phòng đã bước đầu thu được những kết quả tốt trên nhiều mặt.

Trước hết, *việc phân cấp quản lý đã tạo điều kiện cho các huyện chủ động điều hành sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp có kết quả.* Trước đây, các huyện cũng quản lý sản xuất nông nghiệp nhưng chưa được phân cấp cho nên không thể chủ động lập kế hoạch sản xuất toàn diện; thường chỉ nhận chỉ tiêu của thành phố giao rồi phân chia lại cho các cơ sở một cách không có căn cứ, không có biện pháp bảo đảm thực hiện kế hoạch. Huyện không thể trực tiếp chỉ đạo các đơn vị vật tư, máy kéo, thủy nông và các đơn vị khác phục vụ sản xuất kịp thời vụ vì các đơn vị này vẫn do thành phố quản lý. Đến nay, do được phân cấp quản lý toàn diện cho nên các huyện đã hoàn toàn chủ động trong việc lập kế hoạch và điều hành sản xuất. Kế hoạch của huyện đã được xây dựng một cách có căn cứ trên cơ sở khai thác cao độ mọi tiềm năng về đất đai, lao động, cơ sở vật chất của địa phương để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Những chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu về cung ứng vật tư, cày bừa máy, tưới, tiêu nước.. đã được cân đối vào kế hoạch. Những vấn đề gì huyện không lo được thì công bố trước để các hợp tác xã chủ động giải quyết. Trong quá trình chỉ đạo sản xuất, huyện đã chủ động giải quyết được các yêu cầu về vật tư, tiền vốn, lao động cho các cơ sở, trực tiếp chỉ đạo các đơn vị vật tư, máy kéo, thủy nông... phối hợp phục vụ nông nghiệp kịp thời vụ, đặc biệt khi phát hiện mất cân đối ở khâu nào huyện điều hòa giải quyết ngay, nhất là những lúc gặp thiên tai, sâu bệnh.

Nhận rõ trách nhiệm sau khi được phân cấp, các huyện đã xóa bỏ dần tư tưởng ỷ lại, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo trong việc điều hành sản xuất, chủ động giải quyết được nhiều vấn đề về kinh tế, kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển, liên tiếp đạt thắng lợi trong 6 vụ sản xuất nông nghiệp, năm sau hơn năm trước, vụ sau hơn vụ trước. Năm 1982 nông nghiệp Hải-phòng đạt thắng lợi lớn, vượt kế hoạch diện tích 5%, năng suất lúa cả năm đạt 61,81 tạ/ha, vượt kế hoạch 11%, tăng 20% so với năm 1981, sản lượng thóc vượt kế hoạch 21%, tăng 26% so với năm 1981, cả 6 huyện nông nghiệp đều vượt "cửa ải" 5 tấn/ha, có 4 huyện đạt trên 6 tấn/ha. Đặc biệt vụ chiêm – xuân năm 1983 đạt thắng lợi to lớn chưa từng có, vượt kế hoạch cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Riêng năng suất lúa đạt bình quân 33,07 tạ/ha, đạt 106% kế hoạch, tăng 14,7% so với vụ chiêm – xuân năm 1982, toàn thành phố đã có 45 trong số 159 hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất lúa 40 tạ trở lên trên 1 héc ta.

Việc phân cấp quản lý đã giúp các huyện *đi sâu vào quản lý phân phối lưu thông, góp phần tích cực phục vụ sản xuất và đời sống.* Toàn bộ mạng lưới phân phối lưu thông ở các huyện trước đây đều do thành phố quản lý, lại chịu ảnh hưởng của cơ chế quản lý bao cấp cho nên các tổ chức này thường chỉ tiếp nhận hàng hóa của trên phân phối, có đến đâu bán ra đến đó, việc thực hiện chính sách và phương thức thu mua chưa khuyến khích sản xuất, các huyện hầu như không có trách nhiệm. Sau khi phân cấp, mạng lưới phân

Digitized by Google

phối lưu thông ở huyện được tổ chức lại, các huyện đã đi vào trực tiếp quản lý các tổ chức này hoạt động phục vụ sản xuất và đời sống. Ngoài việc tiếp nhận hàng hóa của trên phân phối, các công ty của huyện đã vươn lên khai thác thêm nhiều nguồn hàng, làm cho quỹ hàng hóa của huyện thêm phong phú. Các công ty đại lý cung ứng vật tư đã tổ chức lại hợp lý việc giao nhận vật tư, nhất là vật tư nông nghiệp, thường là huyện nhận về giao thẳng cho hợp tác xã theo kế hoạch không qua kho bãi để kịp thời phục vụ sản xuất, tránh mất mát, hư hao. Các công ty thương nghiệp, hợp tác xã mua bán huyện hằng năm khai thác đến trên dưới 50% hàng hóa ngoài diện, ngoài mức trong tổng số hàng hóa bán ra.

Hiệu quả lớn nhất của hoạt động phân phối lưu thông của các huyện là đã góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo thêm nhiều hàng hóa, làm cho các huyện thực hiện tốt nhiệm vụ thu mua, kể cả thu mua hàng xuất khẩu, giao nộp sản phẩm cho Nhà nước ngày một tăng. Chỉ tính riêng về lương thực, năm 1980 toàn thành phố huy động được 23 nghìn tấn, năm 1981: 52 nghìn tấn, năm 1982: 85 nghìn tấn, riêng vụ chiêm — xuân năm 1983: 60 nghìn tấn, đạt 60% kế hoạch cả năm.

Do phân cấp quản lý, các huyện đã từng bước quản lý tốt ngân sách của mình. Trong 4 năm qua, các huyện đã thực hiện ngân sách như sau: năm 1979 thu 16 triệu, chi 18,9 triệu; năm 1980 thu 19,9 triệu, chi 22,2 triệu; năm 1981 thu 45,8 triệu, chi 54,3 triệu; năm 1982 thu 113,5 triệu, chi 127,3 triệu. Các huyện đã có nhiều cố gắng tăng thu, giảm những khoản chi không hợp lý, tập trung chi cho sản xuất, kinh doanh.

Thu của ngân sách huyện qua các năm đều tăng, năm 1982 gấp gần 9 lần năm 1979. Thu từ kinh tế quốc doanh năm 1979 mới chiếm 11% tổng số thu của ngân sách huyện, năm 1982 tăng lên 18%, — điều đó nói lên thành phần kinh tế quốc doanh của huyện ngày càng lớn mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh ngày càng có hiệu quả. Các khoản thu khác năm nào cũng đạt và vượt kế hoạch. Chi ngân sách hằng năm đều tăng, năm 1982 chi gần gấp 7 lần so với năm 1979. Chi của ngân sách huyện hiện nay phần lớn vẫn dành cho khu vực hành chính sự nghiệp, nhưng phần dành cho phát triển sản xuất kinh doanh ngày một tăng. Chi cho xây dựng cơ bản năm 1979 chỉ có 170 nghìn đồng, đến năm 1982 tăng lên 17,9 triệu đồng. Các công trình xây dựng của huyện đều được nhanh chóng đưa vào sử dụng có hiệu quả. Năm 1979, ngân sách huyện chi cấp bổ sung vốn lưu động cho các cơ sở 188 nghìn đồng, đến năm 1982 nâng lên 23 triệu, tạo điều kiện cho các cơ sở có đủ vốn hoạt động mở rộng sản xuất, kinh doanh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Một vấn đề đáng chú ý là các huyện đã coi trọng việc chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện hạch toán kinh tế có kết quả, kinh doanh có lãi, tình trạng bù lỗ hầu như không còn và hiện tượng tiêu cực được ngăn chặn nhiều.

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện nói chung, phân cấp quản lý cho huyện nói riêng, là vấn đề còn rất mới mẻ. Vì vậy, trong quá trình thực hiện rất khó tránh khỏi những sai lầm, thiếu sót. Tuy nhiên, do sự nỗ lực, mạnh dạn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, bước đầu chúng tôi đã thu được những kết quả tốt. Kết quả rõ nhất là đã làm cho cấp huyện chuyển biến căn bản từ một cấp quản lý hành chính trở thành một cấp quản lý toàn diện và có ngân sách.

★

Qua thực tiễn chỉ đạo việc phân cấp quản lý cho huyện, Hải-phòng

Digitized by Google

đã bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm tốt sau đây:

Một là, quán triệt sâu sắc chủ trương phân cấp quản lý là một chủ trương hết sức quan trọng nhưng phải có quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện mới thu được kết quả. Chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, trong đó có vấn đề phân cấp quản lý đã được Đảng và Nhà nước chỉ rõ trên nhiều chỉ thị, nghị quyết và quyết định cụ thể. Nhưng đây là vấn đề mới và rất phức tạp, dụng tới hầu hết các cơ sở kinh tế, dụng tới tất cả các ngành, các cấp, từ tổ chức sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật đến phương thức quản lý, bộ máy quản lý và cán bộ. Vì vậy, phải làm cho các ngành, các cấp quán triệt thật sâu sắc chủ trương của Đảng, coi đây là một nhiệm vụ có tính chất chiến lược, một trọng tâm công tác phải cố gắng làm thật tốt nhằm tạo điều kiện cho cấp huyện vươn lên phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Đây là điểm mấu chốt để thu hút tất cả các ngành các cấp vào công tác phân cấp quản lý cho huyện. Nhưng vì đây là vấn đề mới và khó, có những điểm đã rõ nhưng có những điểm còn chưa rõ, nhiều mối quan hệ phức tạp chưa thể giải quyết cùng một lúc với việc phân cấp, cho nên khi tổ chức thực hiện phải có quyết tâm rất cao mới có thể thu được kết quả thật sự.

Thực tế những năm qua cho thấy ngành nào thật sự thông suốt và có quyết tâm cao thì ngành đó thực hiện phân cấp quản lý có kết quả. Ngược lại, có một số ngành chưa thông suốt, chưa có quyết tâm cao thì thường vin vào nhiều lý do để trì hoãn việc phân cấp, thực hiện chậm, không đồng bộ hoặc sau phân cấp không chú trọng hướng dẫn huyện hoạt động. Cá biệt có ngành thấy lúc đầu huyện quản lý còn yếu, đã tỏ ra không tin tưởng, có ý không muốn phân cấp cho huyện, rút về thành phố quản lý như cũ.

Hai là, phân cấp phải đồng bộ nhưng khi thực hiện phải tiến hành dần từng bước phù hợp với trình độ quản lý của huyện. Để xây dựng huyện thành một cấp quản lý kinh tế phải phân cấp đồng bộ cho huyện quản lý các mặt. Có như vậy huyện mới chủ động cân đối được kế hoạch toàn diện, chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh. Khi đã phân cấp cho huyện quản lý sản xuất, phải đồng thời phân cấp cho huyện quản lý vật tư, tiền vốn, lao động để huyện chủ động lập kế hoạch sản xuất và điều hành sản xuất. Phân cấp cho huyện quản lý các ngành sản xuất, đồng thời phải phân cấp cho huyện quản lý ngành phân phối lưu thông để huyện chủ động cung ứng vật tư, thu mua, bán lẻ, mở rộng giao lưu hàng hóa. Yêu cầu phân cấp quản lý là phải đồng bộ nhưng vì công việc quá lớn lại khó và trình độ quản lý của huyện còn hạn chế, cho nên không thể làm tất cả mọi việc trong cùng một lúc, vì làm như thế huyện sẽ gặp nhiều khó khăn không thể quản lý được. Phải cân nhắc, xem xét những việc nào cần phân cấp trước, việc nào phân cấp sau. Vấn đề nào huyện chưa đủ điều kiện quản lý, phải tạo điều kiện rồi mới phân cấp. Tất nhiên, không cầu toàn, vẫn có thể vừa phân cấp vừa tiếp tục tạo điều kiện cho huyện quản lý.

Thực tế, Hải-phòng đã phân cấp cho các huyện quản lý sản xuất nông nghiệp trước, rồi mới đến các ngành sản xuất khác, và sau khi phân cấp quản lý sản xuất, thì tiến hành luôn việc phân cấp quản lý phân phối lưu thông. Huyện đảo Cát-hải lúc đầu cơ sở vật chất và bộ máy giúp việc của huyện chưa đủ mạnh cho nên chưa thể phân cấp ngay. Thành phố tập trung xây dựng cơ sở vật chất và tăng cường cán bộ cho huyện, sau đó phân cấp dần từng mặt.

Thực tế cho thấy quá trình tiến hành phân cấp nói trên là phù hợp với Hải-

Digitized by Google

phòng. Thực tế cũng cho thấy nếu phân cấp không đồng bộ sẽ rất khó phát huy tác dụng. Lúc đầu thành phố phân cấp cho huyện quản lý sản xuất cá, muối, nhưng chưa phân cấp quản lý vật tư, tiền vốn, thu mua, cho nên huyện rất khó điều hành sản xuất và quản lý sản phẩm; sau đó đã kịp thời điều chỉnh và huyện đã phát huy tác dụng rõ rệt.

Ba là, phải tăng cường chức năng quản lý Nhà nước của các ngành mới bảo đảm tập trung thống nhất toàn thành phố. Sau khi phân cấp cho huyện, thành phố không trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch và chỉ đạo sản xuất, kinh doanh đối với các đơn vị kinh tế nằm trong cơ cấu nông — công nghiệp huyện. Nhưng kinh tế huyện không phải là riêng biệt, xây dựng kinh tế huyện phải phù hợp với quy hoạch của thành phố. Phân cấp quản lý phải bảo đảm tập trung thống nhất toàn thành phố. Vì vậy, các ngành phải tăng cường chức năng quản lý Nhà nước, bảo đảm tập trung thống nhất toàn thành phố về các mặt quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chế độ, pháp luật và tổ chức cán bộ. Buông lỏng vấn đề này sẽ dẫn đến chia cắt giữa thành phố và các huyện, mỗi huyện làm một khác dẫn đến làm trái với quy hoạch của thành phố và không đúng chính sách, chế độ.

Thực tế cho thấy sau khi phân cấp cho huyện, ngành nào tăng cường được vai trò quản lý ngành, kết hợp chặt chẽ với các huyện thì công tác của ngành đó ở huyện được thực hiện tốt; ngược lại, ngành nào buông lỏng, thậm chí chỉ cần buông lỏng ở một khâu nào đó thì kết quả thực hiện phân cấp của ngành đó bị hạn chế rõ rệt.

Bốn là, phải đặc biệt coi trọng việc tăng cường cán bộ cho huyện. Nói chung, trên mọi lĩnh vực công tác, cán bộ đều giữ vai trò quyết định, nhưng trong khi thực hiện phân cấp quản lý cho huyện, việc tăng cường cán bộ, nhất là cán bộ kinh tế kỹ thuật cho huyện là một yêu cầu khách quan và bức thiết vì đội ngũ cán bộ của huyện trước đây chỉ quen quản lý hành chính và động viên phong trào, chưa am hiểu quản lý kinh tế. Trong mấy năm qua, Hải-phòng đã lần lượt tăng cường cho các huyện trên 500 cán bộ các loại, trong đó có trên 300 cán bộ đại học, trung học, nhiều cán bộ đã về giữ các chức vụ chủ chốt của huyện. Vấn đề quan trọng không phải là tính số lượng mà là đưa cán bộ tăng cường cho huyện phải phù hợp với yêu cầu công tác. Huyện đang thiếu loại cán bộ nào thì tăng cường cho huyện số cán bộ đó. Ngoài ra, phải quan tâm đến việc giáo dục tư tưởng, làm cho cán bộ mới về và cán bộ cũ ở huyện đều thông suốt, tự giác, cùng nhau đoàn kết, bổ sung mặt mạnh, khắc phục mặt yếu cho nhau, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Nếu không làm tốt vấn đề này thì sẽ hạn chế tác dụng, thậm chí còn gây ra nhiều mắc mứu, khó khăn, cản trở công việc.

Thi hành nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng và nghị quyết số 50 của Hội đồng bộ trưởng, thành ủy Hải-phòng chủ trương: tiếp tục phân cấp mạnh và hoàn chỉnh việc phân cấp cho huyện để huyện thật sự là một cấp kế hoạch có ngân sách, một cấp quản lý kinh tế — xã hội, điều hành sản xuất, phân phối lưu thông nhằm tận dụng được đất đai, lao động, mở rộng ngành nghề, gắn nông nghiệp với công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm xã hội, đồng thời là một pháo đài vững mạnh chống xâm lược. Chúng tôi cố gắng phấn đấu đến năm 1985 các huyện trong thành phố vươn tới cân đối cơ bản được kế hoạch phát triển sản xuất và đời sống trên địa bàn huyện, định rõ được phần sản phẩm hàng hóa để cho huyện và phần cung ứng cho thành phố.

Digitized by Google

QUY HOẠCH TỔNG THỂ VÀ QUY HOẠCH NGÀNH trên địa bàn huyện

LÊ-HUY-THIẾT
Bí thư huyện ủy Thọ-xuân

ĐƯỢC sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung ương và của tỉnh Thanh-hóa, từ năm 1976, huyện Thọ-xuân chúng tôi đã tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế — xã hội và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện. Từ đó đến nay, qua thực tế của tình hình, quy hoạch đó ngày càng được bổ sung và đã phát huy tác dụng tốt trong việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, việc xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện vẫn là vấn đề mới, đòi hỏi các huyện bổ sung kinh nghiệm cho nhau. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày một số việc làm và kinh nghiệm của huyện Thọ-xuân trong việc xây dựng quy hoạch.

A — Nhận thức đúng và chuẩn bị tốt.

Được sự hướng dẫn của Trung ương Đảng và của tỉnh ủy, chúng tôi từng bước nhận thức được rằng muốn tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, đi lên sản xuất lớn thì việc sản xuất phải đi vào quy hoạch, kế hoạch. Việc xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng ngành ở huyện trở thành một đòi hỏi cấp bách, một việc làm hàng đầu để nhanh chóng thoát khỏi lề lối sản xuất lạn mạn, manh mún, tùy tiện, ít hiệu quả.

Quy hoạch tổng thể bao gồm việc xác định cơ cấu sản xuất, phương hướng sản xuất của huyện, phân rõ các vùng, xác định phương hướng sản xuất của các vùng, xác định các mục tiêu kinh tế — xã hội của huyện và của các vùng, xác định các biện pháp cần thiết, các cơ sở vật chất — kỹ thuật cần thiết để bảo đảm các mục tiêu đó. Quy hoạch tổng thể là chỗ dựa để xây dựng quy hoạch ngành và ngược lại, quy hoạch ngành là sự cụ thể hóa quy hoạch tổng thể.

Có xây dựng được quy hoạch mới chủ động được việc tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, mới có cơ sở để tiến hành việc phân bố lại lực lượng sản xuất, sắp xếp lại ngành nghề, bố trí lại cây trồng, con nuôi, xây dựng các cơ sở vật chất — kỹ thuật. Quy hoạch tổng thể cũng là chỗ dựa để xây dựng tốt kế hoạch hằng năm, xác định đúng cơ cấu cây

Digitized by Google

trồng từng mùa, từng vụ trên từng vùng, xây dựng quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật thích hợp cho từng vùng và từng loại cây trồng, con nuôi. Việc xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng ngành ở huyện *không thể tiến hành một cách tùy tiện, chủ quan.* Ngược lại, đó phải là một việc làm có sự chuẩn bị công phu, có điều tra nghiên cứu kỹ càng, có sự tính toán đúng đắn, và phải là kết quả của việc phát huy cao độ trí tuệ của tập thể đảng bộ và nhân dân toàn huyện. Trong quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch, thực tế đã cho chúng tôi thấy phải khắc phục kịp thời và đồng thời các biểu hiện tư tưởng bảo thủ và tư tưởng chủ quan, nóng vội. *Tư tưởng bảo thủ* ngại những sự thay đổi, cứ muốn duy trì những phương thức, những thói quen sản xuất cũ, không muốn đi vào kế hoạch. *Tư tưởng chủ quan, nóng vội* muốn đề ra những mục tiêu, những biện pháp xa thực tế, không phù hợp với hoàn cảnh hoặc không có điều kiện thực hiện ở địa phương.

Nhận thức được như vậy, trước khi xây dựng quy hoạch, huyện chúng tôi đã tiến hành điều tra một cách kỹ lưỡng và khoa học các đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội của huyện, cụ thể là điều tra về thổ nhưỡng, nông hóa, độ phì, khí hậu, thời tiết, khả năng tưới tiêu, nguồn điện, mạng lưới giao thông, sự phân bố lao động và dân cư, khả năng ngành nghề, cây trồng, con nuôi v.v. Công việc điều tra được tiến hành một cách nghiêm túc, với sự giúp đỡ tích cực của các cán bộ chuyên môn ở trung ương và ở tỉnh. Các kết quả điều tra được tổng hợp đầy đủ qua các báo cáo, các sơ đồ, biểu đồ v.v. thành những tài liệu, tư liệu cơ bản giúp cho các đồng chí lãnh đạo ở huyện thấy rõ thêm tình hình mọi mặt ở địa phương.

Một trong những yêu cầu hàng đầu của việc điều tra là xác định cho được tiềm năng và khả năng về các mặt của huyện và của từng vùng trong huyện. Chẳng hạn, qua điều tra, chúng tôi cố gắng xác định cho được tiềm năng về đất đai của huyện và của từng vùng trong việc trồng trọt các loại cây, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, trong việc trồng và tu bổ rừng, và cả trong sản xuất công nghiệp v.v., đồng thời phân tích rõ khả năng hiện nay chỉ cho phép sử dụng tiềm năng đó đến mức nào, trong tương lai sẽ sử dụng đến mức nào, và để sử dụng ở mức cao nhất tiềm năng đó thì cần có những tiền đề cần thiết như thế nào v.v.

B — Xây dựng quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch.

Từ những kết quả điều tra cơ bản, từ tình hình thực tế của huyện, và dưới ánh sáng các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và của tỉnh ủy Thanh-hóa về việc xây dựng huyện, huyện chúng tôi đã từng bước xác định phương hướng sản xuất chuyên môn hóa kết hợp với kinh doanh tổng hợp, xác định cơ cấu kinh tế của huyện là huyện nông — công — lâm nghiệp, từ đó xây dựng nên quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế — xã hội.

Về đại thể, nội dung của quy hoạch gồm các phần:

— Phương hướng sản xuất, kinh doanh của huyện.

— Các bước đi, các mục tiêu kinh tế — xã hội của từng thời kỳ.

— Sự phân vùng trong huyện. Phương hướng sản xuất và các mục tiêu kinh tế — xã hội của từng vùng.

— Phương hướng giải quyết các vấn đề cụ thể nhằm bảo đảm các mục tiêu kinh tế — xã hội của huyện và của từng vùng.

Quy hoạch cũng nêu rõ các biện pháp cần thiết về thủy lợi, về giao

Digitized by Google

thông vận tải, về điện, về cải tạo đồng ruộng, về xây dựng các cơ sở vật chất — kỹ thuật khác, về vốn đầu tư.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, từng ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, phân phối lưu thông, văn hóa, xã hội v.v. có quy hoạch riêng của ngành mình phù hợp với sự phát triển chung của toàn huyện..

Để quy hoạch tổng thể của huyện trở thành hiện thực, trở thành mục tiêu phấn đấu và nhiệm vụ chính trị của toàn huyện, chúng tôi cũng đã giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng quy hoạch.

Dựa vào phương án phân vùng quy hoạch của huyện, chúng tôi giúp các hợp tác xã xác định đúng phương hướng sản xuất, xây dựng cơ cấu cây trồng, con nuôi cho từng hợp tác xã, xây dựng cơ cấu sản xuất ngày càng hợp lý để làm căn cứ cho việc giao khoán, khắc phục từng bước những thiếu sót lệch lạc trong khoán sản phẩm. Các hợp tác xã đã quy hoạch lại đồng ruộng, định hạng ruộng đất, bố trí cây trồng thành từng vùng chuyên canh để chủ động sản xuất, xác định cây luân canh, cây trồng xen, chọn cây trồng có hiệu quả kinh tế cao nhất đối với từng loại đất. Thực tế đã chứng minh rằng chỉ trên cơ sở xác định cơ cấu sản xuất hợp lý, hợp tác xã mới có thể xác định đúng đắn kế hoạch thực hiện một cách đồng bộ, ăn khớp giữa các loại sản phẩm, các khâu công việc, các mùa, vụ trong quy trình sản xuất, tránh được sự tùy tiện, từ đó thực hiện tốt các hợp đồng kinh tế hai chiều đối với Nhà nước. Chúng tôi cũng đã giúp các hợp tác xã xây dựng tốt các định mức kinh tế — kỹ thuật, thực hiện tốt công tác khoán, chủ yếu đi vào hoàn chỉnh 3 loại định mức: định mức sản lượng, định mức lao động, định mức chi phí vật tư, trong đó định mức sản lượng là trọng tâm, lập hạch toán kinh tế để biết lỗ lãi trong sản xuất kinh doanh của từng đơn vị. Hầu hết các hợp tác xã đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và điều hành theo kế hoạch.

Huyện chúng tôi cũng đã giúp các hợp tác xã cân đối đồng bộ các biện pháp kỹ thuật chủ yếu, tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho hợp tác xã. Một nhược điểm chủ yếu của các kế hoạch của hợp tác xã nông nghiệp trước đây là việc cân đối các biện pháp kỹ thuật thường sơ sài, không bảo đảm việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng. Được sự giúp đỡ của huyện, bằng vốn tự có, bằng sự đóng góp công sức và tiền vốn của xã viên, các hợp tác xã đã xây dựng, mua sắm các cơ sở vật chất cần thiết nhằm phục vụ sản xuất. Chúng tôi cũng đã giúp các hợp tác xã tổ chức và phân công hợp lý lực lượng lao động trong hợp tác xã và đội sản xuất nhằm khai thác tốt hơn nữa khả năng lao động trong hợp tác xã cho việc phát triển đồng bộ cả ba ngành trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề. Các đội trồng trọt, đội chăn nuôi, các đội chuyên môn (đội giải phóng đất, đội thủy nông, đội bảo vệ thực vật), các đội ngành nghề (đội thủy lợi 202, đội vận tải, đội sản xuất vật liệu xây dựng v.v.) đã được tổ chức lại.

Qua gần 7 năm chỉ đạo thực hiện quy hoạch tổng thể kinh tế — xã hội, huyện chúng tôi đã thực hiện được một số mặt công tác sau đây:

1 — Bố trí lại đất đai và lao động để mở rộng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. Sau khi điều tra cơ bản, xác định lại ranh giới quy mô của huyện và của các xã, đã điều chỉnh 850 héc ta đất xen canh giữa các hợp tác xã, xóa bỏ tình trạng xen canh, xen cư, đồng thời đưa trên 3000 nhân khẩu (trong đó có khoảng 800 lao động) từ các xã vùng đông dân và

Digitized by Google

các xã vùng ven sông Chu lên các vùng gò đồi, lập thành các làng mới, bố trí lại các điểm dân cư trong huyện từ 176 điểm rút xuống còn 115 điểm, làm dôi ra 121 héc ta đất đưa vào sản xuất. Nhờ đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, diện tích đất nông nghiệp trong huyện đã tăng từ 14 125 héc ta lên 16 271 héc ta. Để chuẩn bị lực lượng lao động cho vùng mía, huyện đã xây dựng các khu dân cư mới ở các vùng đó (khu Xuân-phú, Phúc-hưng, Tiânh-sơn, v.v.

Trên cơ sở xác định lại ranh giới, quy mô và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp, huyện chúng tôi đã từng bước xóa bỏ tình trạng manh mún trong đồng ruộng, làm cho đồng ruộng liền vùng, liền khoảnh, tiện cho việc cày cấy, từ đó bố trí được cây trồng chính theo hướng thâm canh, chuyên canh, tập trung thành từng vùng lớn phù hợp với điều kiện đất đai, thủy lợi và thời vụ, đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi để trang bị các cơ sở vật chất—kỹ thuật và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Với phương hướng trồng mía ở vùng đồi, ngô ở vùng bãi, khoai lang ở các chân ruộng 1 lúa, 1 màu, và mở rộng vụ đông đại trà trên chân ruộng 2 vụ lúa bằng cách trồng xen, gối vụ, luân canh, tăng vụ v.v. Thọ-xuân đã tăng nhanh diện tích gieo trồng từ 21 800 héc ta năm 1975 lên 25 045 héc ta năm 1976, 30 399 héc ta năm 1980, 30 789 héc ta năm 1981, và lên 31 070 héc ta năm 1982. Hệ số gieo trồng từ 1,75 (năm 1976) đã tăng thành 2,35 (năm 1982). Vụ thu đông đã trở thành vụ sản xuất chính, từ khoảng 1000 héc ta năm 1975 đã tăng lên gần 6 000 héc ta năm 1981. Cơ cấu mùa, vụ thay đổi có tính cách mạng từ 2 vụ/năm lên 4 vụ/năm đã mở ra cho Thọ-xuân con đường giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và tăng nông sản xuất khẩu. Tổng sản lượng lương thực từ 39 975 tấn (năm 1975), 45 763 tấn (năm 1976) đã lên 69 260 tấn (năm 1981); và đến năm 1982 đã lên 74 595 tấn, đạt mức cao chưa từng có. Trong đó sản lượng lúa từ 39 613 tấn (năm 1976) tăng lên 58 685 tấn (năm 1982).

Về chăn nuôi, đã chú trọng phát triển cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên để từng bước thực hiện sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Trong chăn nuôi lợn đã giải quyết tốt hai khâu có tính quyết định là giống và thức ăn. Trại lợn quốc doanh của huyện và hai trại của hợp tác xã (được huyện đầu tư một phần) đã cung cấp con giống cho các hợp tác xã và các hộ xã viên trong huyện. Các hợp tác xã được phép trích từ 10% đến 15% diện tích đất canh tác, hoặc từ 12% đến 13% sản lượng giao cho trại chăn nuôi lợn tập thể của hợp tác xã và khuyến khích các gia đình xã viên chăn nuôi. Thức ăn của lợn được chế biến ở năm cụm nghiền, gắn với 5 cụm kinh tế—kỹ thuật, hoặc được chế biến ở các trại của hợp tác xã.

Do những biện pháp trên, cơ cấu đàn lợn đã thay đổi. Đàn lợn từ 45 000 con (năm 1976) tăng lên 55 763 con (năm 1982). Số lợn lai kinh tế từ 3 447 con (năm 1975) lên 17 477 con (năm 1980) và 32 575 con (năm 1981). Năm 1982, tổng đàn lợn đạt 55 700 con, trong đó lợn lai chiếm 74,5%. Khối lượng thịt hơi sản xuất được tăng bình quân hằng năm 12,5%, và nếu so với bình quân năm năm 1976—1980 thì tăng 26%.

Về đàn trâu bò, ngoài việc đẩy mạnh chăn nuôi ở khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, huyện chúng tôi còn chủ trương phát triển nuôi trâu bò ở từng hộ gia đình xã viên, nhất là ở những vùng có điều kiện thuận lợi về đồng cỏ. Hiện nay, toàn huyện có gần 30 000 con trâu bò, như vậy, về căn bản đã giải quyết được sức cày kéo.

Digitized by Google

Về bố trí lại lao động, huyện chúng tôi đã sắp xếp, bố trí lại lao động theo hình thức chuyên môn hóa phù hợp với cơ cấu cây trồng và con nuôi chính. Cách bố trí theo hướng thâm canh và chuyên canh, phân làm ba ngành: trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề. Các đội chuyên (chuyên giống, chuyên cày bừa, chuyên làm đất, thủy nông, bảo vệ thực vật v.v.) được thành lập. Do các phương hướng trên, tình trạng lao động phân tán, tản mạn trước đây dần dần được chuyển sang lao động tập thể có phân công, hiệp tác, hiệp đồng phù hợp với đặc điểm và trình độ của từng hợp tác xã. Lao động trồng trọt giảm dần, lao động chăn nuôi, lao động ngành, nghề và xây dựng cơ bản tăng lên. Hằng năm huyện có điều kiện cung cấp cho Nhà nước từ 3 200 đến 5 400 lao động trẻ, khỏe.

2 — *Xây dựng và hình thành từng bước các vùng chuyên canh.*

Căn cứ vào đặc điểm địa lý tự nhiên và khả năng của nhân dân trong huyện, chúng tôi đã xây dựng và từng bước hình thành các vùng chuyên canh. Các hợp tác xã có điều kiện tự nhiên và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất giống nhau đã liên kết thành từng vùng lớn. Đến nay, ở Thọ-xuân đã hình thành ba vùng sản xuất:

Vùng 1: gồm 16 xã vùng đồng bằng với diện tích tự nhiên 7 420 héc ta, diện tích canh tác 4 830 héc ta, được tưới tiêu tự chảy bằng công trình đại thủy nông Bái-thượng. Đây là vùng trọng điểm thâm canh lúa của huyện, chiếm gần 50% tổng sản lượng lương thực, thực phẩm.

Vùng 2: gồm 9 xã thuộc vùng đồng bằng tả ngạn sông Chu, có diện tích tự nhiên 4 891 héc ta, diện tích canh tác 3 359 héc ta, được tưới bằng hệ thống các trạm bơm điện, bơm dầu. Nhiệm vụ chủ yếu của vùng này là thâm canh lúa, màu lương thực hoặc cây công nghiệp.

Vùng 3: gồm các xã còn lại, chuyên trồng mía, cây lương thực, chăn nuôi trâu bò sinh sản và cày kéo v.v

Sự phân vùng nói trên đã giúp cho từng vùng thấy rõ và phát triển được thế mạnh của mình. Ví dụ: vùng 1 đã phấn đấu có sản lượng hàng hóa lớn, mỗi năm đóng góp cho Nhà nước 4 900 tấn lương thực, nhiều gấp 2 lần số lương thực đóng góp của vùng 2 và vùng 3 cộng lại. Ngược lại, số trâu bò của vùng 3 nhiều gấp 1,6 lần số trâu bò của vùng 1 và vùng 2 cộng lại. Giữa các vùng lại có sự hỗ trợ nhau. Chẳng hạn, vùng 3 cung cấp trâu bò cho vùng 1, vùng 1 cung cấp giống lợn cho vùng 2 và vùng 3, cứ thế các vùng tạo điều kiện cho nhau phát triển.

Sự phân vùng nói trên cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các ngành kinh tế — kỹ thuật. Ví dụ, sự phát triển của vùng mía là tiền đề vật chất cần thiết để xây dựng nhà máy đường Lam-sơn, từ đó tạo ra mối liên kết giữa nông nghiệp và công nghiệp trên địa bàn huyện.

Xuất phát từ những điều kiện sản xuất và phương hướng sản xuất gần giống nhau, có liên hệ và liên kết với nhau bằng những cơ sở vật chất chung (trạm bơm, hệ thống tưới tiêu, mạng lưới điện, mạng lưới giao thông v.v. và cũng xuất phát từ những đặc điểm địa lý và xã hội, huyện chúng tôi đã hình thành 5 cụm kinh tế, kỹ thuật, đời sống. Ở mỗi cụm có những yếu tố vật chất như đội máy kéo, cơ sở sản xuất giống lúa, giống lợn, trạm chế biến thức ăn gia súc, các cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất (trạm vật tư, trạm thu mua nông sản v.v.), các cơ sở phục vụ đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân (phòng khám bệnh đa khoa, trạm bưu điện, cửa hàng thương nghiệp, trường phổ thông trung học v.v. nhằm tác động nhanh nhất, kịp thời nhất đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Digitized by Google

3 – Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Cách làm của huyện chúng tôi là công trình nào có điều kiện thì làm trước, chưa đủ điều kiện thì làm sau, có đến đâu làm đến đó, không chờ đợi, không cầu toàn, nhưng phải bảo đảm nguyên tắc dứt điểm, đưa nhanh vào sử dụng. Trước hết, tập trung cho công trình thủy lợi, tiêu úng, chống hạn, chủ động nước tưới để thâm canh lúa, cho các công trình chọn giống, phòng trừ sâu bệnh như trạm giống, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y; cho các trạm máy kéo, các hợp tác xã sản xuất nông cụ, các điểm cơ khí nhỏ, cho mạng lưới điện phục vụ thủy lợi v.v.

Do ý thức tự lực của nhân dân trong huyện, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tuy số vốn do Nhà nước đầu tư chỉ đạt 30% so với dự án quy hoạch, đến nay, trên địa bàn huyện đã hình thành một hệ thống điện gần khép kín, (trong đó 20/38 xã có đường dây điện) với 57 ki lô mét đường điện cao thế và 23 ki lô mét đường điện hạ thế, 18 trạm bơm điện, 75 ki lô mét kênh, mương, một số hồ đập có công suất tưới tiêu 42 400m^3/giờ, đưa tổng diện tích được tưới từ 5 000 héc ta (năm 1976) lên 8 000 héc ta (năm 1982). Chỉ tính trong 3 năm (1979 – 1982) toàn huyện đã huy động được hơn 40 triệu đồng vốn bỏ vào xây dựng cơ bản (gấp 2 lần tổng số vốn xây dựng cơ bản của 5 năm, từ 1976 đến 1980), và nhờ vậy đã hoàn chỉnh, mở rộng và làm mới 8 trạm bơm điện và bơm dầu, 12 ki lô mét đường điện cao thế. Cùng với việc xây dựng các công trình thủy lợi, một hệ thống đường giao thông gồm trên 80 ki lô mét đường trục trên 10 tuyến và 1035 kilômét đường nông thôn với 8 cầu có sức chịu đựng trên 10 tấn v.v. đã được hình thành, góp phần phục vụ sản xuất và sự đi lại của nhân dân.

4 – Kết hợp tổ chức lại sản xuất nông nghiệp với phát triển công nghiệp.

Với nhận thức sự kết hợp hữu cơ này là sự cấu thành tất yếu của kinh tế nông – công nghiệp huyện, và trong sự kết hợp này, trước hết phải tạo ra công cụ cho sản xuất nông nghiệp, cho chế biến nông sản và phát triển ngành nghề, huyện chúng tôi đã chú trọng phát triển cơ khí thủ công, cơ khí sửa chữa, sản xuất công cụ, vật liệu xây dựng, chế biến nông – lâm sản v.v. Ngành nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được phát triển theo ba hình thức chuyên nghiệp, nửa chuyên nghiệp và cá thể, trong đó hình thức chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp là chủ yếu. Huyện đã xây dựng nhiều hợp tác xã thủ công cơ khí chuyên, 36 lò rèn mỗi năm sản xuất khoảng 5 000 – 7 000 cày bừa, 45 000 – 50 000 công cụ cầm tay, 1 xưởng đường, rượu mỗi năm sản xuất 500 tấn đường, 1 triệu lít rượu; 1 cơ sở quốc doanh sản xuất gạch ngói và hàng trăm lò vôi, lò gạch, ngói thủ công mỗi năm cho ra lò hơn 30 triệu viên gạch, ngói.

Việc đưa thêm phương tiện cơ giới vào đồng ruộng và sự phân công theo hướng chuyên môn hóa trong sản xuất nông nghiệp đã tạo điều kiện cho ngành nghề phát triển. Đặc biệt sau khi thực hiện chế độ khoán mới theo chỉ thị số 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng, lao động ngành nghề càng có điều kiện mở rộng. Thủ công nghiệp, nhất là nghề dan lát phát triển ở nhiều nơi trong huyện.

Kết quả là, ở huyện chúng tôi, tổng giá trị sản phẩm công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp không ngừng tăng: từ 12 triệu đồng (năm 1975) lên 15,2 triệu (năm 1981) và 16,5 triệu (năm 1982). Vượt lên những khó khăn, thiếu thốn, các xí nghiệp quốc doanh, các cơ sở sản xuất của tập thể vẫn được duy trì; một số ngành sản xuất mới được mở thêm như: công cụ sản xuất, hàng dân dụng bằng gang phế phẩm (ở Thọ-điền) đồ gốm (ở Xuân-thiên) v.v.

Digitized by Google

Tam-điệp phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh

VŨ-VĂN-LIÊM
Bí thư huyện ủy Tam-điệp

TAM-ĐIỆP là huyện ở phía tây nam tỉnh Hà-nam-ninh, có diện tích tự nhiên 20 000ha, trong đó diện tích canh tác là 12000ha. Ở Tam-điệp hình thành hai vùng kinh tế rõ rệt: vùng màu mỡ và vùng đồng chiêm trũng xen đồi núi. Nhìn chung, đất đai bạc màu, độ chua cao, nghèo dinh dưỡng.

Dân số của huyện có trên 12 vạn người, với trên 5 vạn lao động, trong đó lao động nông nghiệp khoảng 46 nghìn, lao động công nghiệp, thủ công nghiệp khoảng 40.0.

Đảng bộ huyện Tam-điệp có 86 tổ chức cơ sở Đảng với 5700 đảng viên. Đại bộ phận đảng viên được rèn luyện, trưởng thành, có lập trường, quan điểm vững vàng, có phẩm chất cách mạng tốt, luôn luôn phấn đấu vươn lên, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Song, trước khi bước vào cuộc vận động xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh còn tới 40% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém. Có những tổ chức cơ sở yếu kém 7 — 8 năm liền, nhất là số cơ sở thuộc vùng đồng chiêm trũng, và còn 28% số đảng viên chưa đủ tư cách đảng viên.

Tình hình trên đặt ra cho huyện ủy Tam-điệp nhiều vấn đề phải giải quyết nhằm khắc phục tình trạng yếu kém của mình, từng bước vươn lên trở thành đảng bộ huyện vững mạnh.

Sau khi thảo luận, phân tích, đánh giá tình hình, phân loại các tổ chức cơ sở, huyện ủy chúng tôi chủ trương:

— Là một đảng bộ mới hợp nhất, Tam-điệp cần nêu cao hơn nữa tinh thần đoàn kết thống nhất, tự lực tự cường, tập trung sự chỉ đạo của huyện vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là tập trung phát triển nông nghiệp, nhằm giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm, bảo đảm cân đối được lương thực trên địa bàn huyện và có tích lũy, có đóng góp ngày càng tăng cho Nhà nước.

— Đẩy mạnh việc kiện toàn, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, các ban ngành của huyện, các tổ chức quần chúng, đưa các tổ chức này vào hoạt động có nền nếp, có chất lượng, đặc biệt phải tăng cường

Digitized by Google

giúp đỡ các cơ sở yếu kém vươn lên, nhằm bảo đảm sự phát triển đồng đều của các tổ chức Đảng trong toàn huyện.

Thực hiện chủ trương trên, chúng tôi đã tiến hành một số việc sau:

1 — Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị:

Để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện, huyện ủy chúng tôi căn cứ vào đặc điểm về đất đai, lao động, thời tiết để bố trí lại phương hướng sản xuất, và quy mô hợp tác xã cho phù hợp, đồng thời bố trí lại cơ cấu giống cây trồng, đưa thêm vào một số loại cây có năng suất cao, có giá trị kinh tế cao.

Từ 25 hợp tác xã quy mô xã, chúng tôi tách ra thành 42 hợp tác xã và từ khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư về việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, chúng tôi khẩn trương chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện chế độ khoán sản phẩm theo chỉ thị 100.

Đối với hai vùng sản xuất của huyện, huyện ủy chúng tôi mạnh dạn suy nghĩ và chỉ đạo theo hai hướng với những công thức luân canh và một số cây trồng mới có giá trị.

Ở vùng màu mỡ, chúng tôi đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích phát triển cây công nghiệp. Hằng năm chúng tôi từng bước mở rộng diện tích trồng lạc xuân và trồng thêm đỗ tương là loại cây có thể trồng được 4 vụ, lại có năng suất cao có giá trị trao đổi hàng hóa và có tác dụng làm tăng độ phì nhiêu của đất. Sau khi làm thử thành công, chúng tôi áp dụng một công thức luân canh mới, đến nay qua 5 vụ thực hiện thấy kết quả tốt. Công thức đó là:

— Trên đất chuyên làm mạ thì công thức luân canh là: mạ chiêm xuân + đậu tương xuân + mạ mùa

— Trên đất một vụ lúa, một vụ màu: đỗ tương hè + lúa mùa chính vụ + đỗ tương xuân.

— Trên đất hai vụ lúa: lúa xuân + đỗ tương hè + lúa mùa chính vụ.

Áp dụng công thức trên, hằng năm chúng tôi có thêm trên 500 tấn đỗ tương, tăng thêm nguồn thực phẩm cải thiện đời sống và phát triển chăn nuôi.

Đối với *vùng chiêm trũng*, trước kia vụ mùa thường bấp bênh, lúa sắp thu hoạch thì bị lụt. Để giải quyết vấn đề lương thực ở vùng này, góp phần cân đối lương thực trên địa bàn huyện và làm cơ sở để giải quyết những mặt yếu kém, huyện ủy chúng tôi thay thế một phần diện tích lúa mùa bằng lúa hè thu, và lấy vụ sản xuất chiêm xuân làm chính, tạo mọi điều kiện để vụ chiêm xuân đạt thắng lợi lớn. Đến nay hai vụ hè thu làm ở một số xã đã có kết quả. Đó là tiền đề cho các vụ sau đạt kết quả cao hơn.

Trong công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, để khai thác tiềm lực sẵn có của mình, sản xuất những mặt hàng mới phục vụ đời sống của nhân dân, chúng tôi quyết định xây dựng 3 xí nghiệp: một xí nghiệp sản xuất giấy, một xí nghiệp sản xuất đồ gốm và một xí nghiệp sản xuất nước chấm.

Ba cơ sở này đều dùng nguyên liệu địa phương và lao động dôi thừa trong nông nghiệp, trong các hợp tác xã thủ công nghiệp. Một số sản phẩm mới như chum, vò, vại, phục vụ kịp thời yêu cầu của nhân dân, được nhân dân rất hoan nghênh.

Nhìn chung về phát triển nông nghiệp và công nghiệp, thủ công nghiệp trong mấy năm qua, tuy so với yêu cầu thì chưa đạt, nhưng rõ ràng những kết quả đã đạt được là đáng phấn khởi. Trong 3 năm 1980 — 1982, tổng sản lượng lương thực tăng bình quân hằng năm

Digitized by Google

trên 10%. Năm 1980, tổng sản lượng lương thực đạt 27 000 tấn; năm 1981, đạt 47 000 tấn; năm 1982 đạt 52 000 tấn. Năng suất lúa tăng từ 27,5 tạ/ha năm 1980 lên 41 tạ/ha năm 1981 và 50,4 tạ/ha năm 1982. Năng suất lúa vụ chiêm xuân năm 1983 đạt 29,4 tạ/ha, tăng hơn vụ chiêm xuân năm 1982 mỗi héc ta 3 tạ.

Chăn nuôi phát triển khá, đàn lợn năm 1981 là 31 000 con, năm 1982 là 36 000 con. Trọng lượng xuất chuồng tăng bình quân 16 kg một con so với năm 1980. Thịt lợn năm 1981 giao nộp Nhà nước được 460 tấn, năm 1982: 612 tấn.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp năm 1982 tăng gấp hơn hai lần năm 1980.

Năm 1980 Tam-điệp làm nghĩa vụ đối với Nhà nước được 3000 tấn thóc; năm 1981: 8000 tấn; năm 1982: 9200 tấn. Lạc đóng góp cho Nhà nước năm 1980 đạt 493 tấn, năm 1981: 565 tấn, năm 1982: 607 tấn, năm 1983: 850 tấn.

Hàng xuất khẩu từ 9,5 triệu đồng năm 1980 tăng lên 11,5 triệu đồng năm 1982, đạt gần 100đ một người trong một năm.

Nhờ những kết quả về phát triển sản xuất, đời sống của nhân dân nhiều mặt được nâng lên. Công tác trật tự, an ninh được giữ vững. Công tác tuyển quân luôn luôn đạt và vượt kế hoạch.

2 — Chăm lo củng cố cơ sở, làm tốt công tác xây dựng đội ngũ cán bộ.

Quá trình phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh là quá trình gắn với xây dựng, củng cố cơ sở. Huyện ủy chúng tôi xác định rằng, muốn cho đảng bộ huyện trở thành đảng bộ vững mạnh thì phải có nhiều tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh. Không thể có một đảng bộ huyện vững mạnh mà trong đó lại có nhiều tổ chức cơ sở yếu kém. Vì vậy, trong quá trình phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, chúng tôi rất coi trọng việc kiện toàn, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, đặc biệt là các cơ sở yếu kém.

Chúng tôi cho rằng vấn đề mấu chốt nhất để kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, khắc phục tình trạng yếu kém, trước hết là vấn đề cán bộ. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, ở đâu có đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực, ở đó có phong trào tốt. Ngược lại, ở đâu đội ngũ cán bộ kém, thì ở đó phong trào kém. Do vậy, trong mấy năm vừa qua, huyện ủy chúng tôi đã tập trung chỉ đạo và bằng nhiều biện pháp, nâng dần trình độ của cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt.

Đối với những cơ sở sản xuất nông nghiệp, chúng tôi kiện toàn ba chức danh chủ chốt: bí thư đảng ủy xã, chủ tịch ủy ban nhân dân xã và chủ nhiệm hợp tác xã. Ở cơ quan, xí nghiệp, kiện toàn dồng bộ hai chức danh chính: bí thư và thủ trưởng đơn vị. Những cán bộ chủ chốt mà năng lực hạn chế, phẩm chất kém, sức khỏe yếu thì chúng tôi kiên quyết thay thế. Trong quá trình thực hiện chỉ thị của Ban bí thư về công tác phát thẻ đảng viên và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, trong 3 năm 1980 — 1983, Tam-điệp đã thay đổi, sắp xếp lại 31% cấp ủy viên, trong đó có 56% số bí thư đảng ủy, 60% số chủ tịch ủy ban nhân dân, 51% số chủ nhiệm hợp tác xã, một số cơ sở đã mạnh dạn thay đổi cả 3 chức danh chủ chốt cùng một lúc.

Đảng bộ xã Yên-phong là một đảng bộ lớn nhưng yếu kém do đội ngũ cán bộ chủ chốt kém cả về phẩm chất và năng lực, nội bộ luôn luôn mất đoàn kết. Sau khi tìm đúng nguyên nhân, huyện ủy đã chỉ đạo cho kiểm điểm và cùng một lúc thay đổi cả bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm. Việc trên

Digitized by Google

được tiến hành song song với việc tổ chức lại từ một hợp tác xã thành 3 hợp tác xã. Từ đó, Yên-phong đã có những chuyển biến tốt, năm 1981 – 1982 trở thành đảng bộ vững mạnh.

Đối với những cơ sở mà đội ngũ cán bộ vừa yếu vừa thiếu, chúng tôi tăng cường cán bộ của huyện về giúp đỡ. Trong 3 năm 1980 – 1982, huyện ủy đã cử 80 đồng chí là huyện ủy viên, trưởng, phó các ban, ngành huyện và một số cán bộ có phẩm chất, có năng lực lãnh đạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, xuống trực tiếp tham gia vào các chức danh chủ chốt của xã, của hợp tác xã, của xí nghiệp.

Bên cạnh đội ngũ cán bộ đương chức, chúng tôi coi trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận. Mỗi chức danh chủ chốt đều có 2 – 3 cán bộ kế cận, kể cả huyện ủy và các ban, ngành. Quy hoạch cán bộ này được dân chủ bàn bạc và xây dựng từ cơ sở. Mỗi khi bố trí sắp xếp hoặc cử đi học, chúng tôi đều duyệt theo quy hoạch. Những trường hợp ngoài quy hoạch phải được tập thể cấp ủy cơ sở giải thích rõ lý do, huyện ủy mới chấp thuận.

Cùng với việc kiện toàn đội ngũ cán bộ, chúng tôi chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ. Ngoài việc học tập, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, chúng tôi thường xuyên tổ chức những cuộc trao đổi kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến trong và ngoài tỉnh, trao đổi kinh nghiệm sau mỗi đợt thực hiện nghị quyết của huyện ủy. Chúng tôi kiên quyết chọn cử các cán bộ chủ chốt thay phiên nhau đi học, tập trung theo quy hoạch. Đối với những cán bộ kế cận, bằng kinh phí địa phương và căn cứ theo yêu cầu của cơ sở, chúng tôi gửi đi học văn hóa để thi vào các trường đại học nông nghiệp, đại học quản lý kinh tế, sau này về phục vụ cho hợp tác xã. Để nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho cán bộ, đảng viên, huyện ủy giao cho trường Đảng huyện cùng với cơ sở mở các lớp tại chức theo chương trình sơ cấp. Đến nay, đã có 21% cán bộ, đảng viên học xong chương trình sơ cấp lý luận chính trị, và đã có nhiều đơn vị đạt tiêu chuẩn phổ cập về mặt này.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, huyện ủy chúng tôi kiên quyết và khẩn trương đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chỉ tính riêng đợt thực hiện chỉ thị về công tác phát thẻ đảng viên, chúng tôi đã xử lý 607 trường hợp, bằng 9,5% tổng số đảng viên, trong đó khai trừ, xóa tên, cho rút ra khỏi Đảng 371 người, bằng 5,9% số đảng viên. Có những đơn vị đã xử lý tới 12% số đảng viên. Bên cạnh việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, chúng tôi hết sức coi trọng công tác phát triển Đảng. Trong ba năm 1980 – 1982, chúng tôi đã kết nạp 509 người vào Đảng, bằng 8,2% tổng số đảng viên.

Bằng những việc làm trên chúng tôi đã kiện toàn, củng cố được các tổ chức cơ sở Đảng, nhiều cơ sở yếu kém đã trở nên khá, vững mạnh.

3 – Từng bước nâng cao chất lượng chỉ đạo của cấp huyện :

Từ đặc điểm của huyện, huyện ủy Tam-điệp đặc biệt coi trọng chăm lo xây dựng và củng cố khối đoàn kết thống nhất nội bộ cả về ý chí và hành động.

Một mặt huyện ủy căn cứ vào sự hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh ủy tiến hành xây dựng và thường xuyên bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành và các đoàn thể. Quy chế làm việc hợp lý, chặt chẽ đã tạo nên sự nhất trí, tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, các ban, ngành và

Digitized by Google

cơ sở. Do vậy đã khắc phục được tình trạng chông chéo, thụ động, ỷ lại, hoặc làm lấn sang chức năng nhiệm vụ của tổ chức khác, người khác.

Mặt khác, chúng tôi cố gắng nâng cao chất lượng các quyết định đề ra, bảo đảm các chủ trương, biện pháp vừa thể hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng vừa phù hợp với thực tiễn của địa phương và mang lại hiệu quả thiết thực. Trước hết, huyện ủy coi trọng việc tổ chức nghiên cứu quán triệt sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thảo luận kỹ, có sự nhất trí cao trong việc đánh giá tình hình của địa phương. Huyện ủy thường xuyên tổ chức cho các cấp ủy từ huyện đến cơ sở đi tham quan, hoặc thông qua đài, báo để học tập kinh nghiệm của các huyện bạn trong và ngoài tỉnh, như đến xã Đạo-lý nghiên cứu việc trồng khoai tây trên đất ướt, đến xã Châu-giang, huyện Duy-tiên nghiên cứu kinh nghiệm trồng day, đến huyện Tân-yên (Hà-bắc) nghiên cứu việc trồng đậu tương và cải tạo đất, đến xã Bạch-cừ (Hoa-lư) nghiên cứu việc trồng dâu nuôi tằm, đến xã Hoàng-long nghiên cứu việc trồng thuốc lá... Mỗi khi đề ra một chủ trương cụ thể, huyện ủy đều yêu cầu các cấp ủy viên nắm vững tình hình thực tế, thu thập kinh nghiệm, lấy ý kiến các tổ chức Đảng và quần chúng ở cơ sở và giao cho các ngành có liên quan trực tiếp chuẩn bị. Làm như vậy vừa đề cao được trách nhiệm vừa phát huy được trí tuệ tập thể, vừa tạo được sự nhất trí từ cấp ủy đến các ngành và cơ sở. Khi đã có chủ trương đúng, các ban, ngành của huyện, các tổ chức cơ sở Đảng làm công tác tuyên truyền, giáo dục và huyện ủy tập trung chỉ đạo nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu đã đề ra. Ngay sau khi có quyết định của huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. Huyện ủy đi sâu kiểm tra các đảng bộ cơ sở về việc chấp hành các quyết định của huyện, nhất là ở những nơi có khó khăn, cho nên đã phát hiện và uốn nắn kịp thời những thiếu sót trong việc tổ chức thực hiện.

Cách chỉ đạo tập trung, dứt điểm và sâu sát cơ sở nói trên đã có tác dụng giúp cho huyện ủy có được quyết định sát đúng, bảo đảm cho các quyết định được thực hiện thắng lợi, đưa phong trào của huyện từng bước đi lên.

Huyện Tam điệp được Trung ương Đảng tặng danh hiệu « Đảng bộ huyện vững mạnh » năm 1980—1981 và được Hội đồng Nhà nước thưởng Huân chương lao động hạng ba. Đó không chỉ là phần thưởng của Đảng và Nhà nước đối với đảng bộ và nhân dân huyện Tam-điệp mà còn là sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban, ngành của tỉnh và sự giúp đỡ của các huyện bạn trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho đảng bộ và nhân dân Tam-điệp từng bước vượt qua khó khăn, đưa phong trào tiến lên.

Tuy vậy, trong quá trình phấn đấu xây dựng đảng bộ vững mạnh, huyện Tam-điệp chúng tôi cũng còn những mặt yếu cần khắc phục:

1 — Về sản xuất nông nghiệp, năng suất các loại cây trồng chưa cao, nhất là năng suất lúa. Năm cao nhất mới đạt trên 5 tấn/ha. Năng suất giữa hai vùng sản xuất còn chênh lệch nhau quá xa, nơi đạt trên 6 tấn, nơi mới đạt 2 tấn/ha. Cây màu lương thực gần đây bị giảm cho nên tổng sản lượng lương thực tăng chậm. Công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp phát triển chưa cân đối, giá trị công nghiệp so với nông nghiệp mới đạt 15%.

2 — Trong công tác xây dựng Đảng, bước đi lên của một vài tổ chức cơ sở yếu kém mới được củng cố trong

(Xem tiếp trang 36)

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA CÔNG TÁC DÂN TỘC

HOÀNG-TRƯỜNG-MINH

VIỆT-NAM là một quốc gia — dân tộc thống nhất bao gồm nhiều thành phần, hình thành sớm trong lịch sử. Đó là một cộng đồng người đã cố kết với nhau trong quá trình đấu tranh chinh phục thiên nhiên và chống quân thù xâm lược. Dựng nước đi liền với giữ nước là quy luật hình thành và phát triển của dân tộc Việt-nam. Đoàn kết dân tộc luôn luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử của dân tộc Việt-nam ta, nó quyết định việc tạo nên những giá trị tinh thần của mỗi con người Việt-nam, và đã trở thành một truyền thống cực kỳ quý báu, một sức mạnh vô địch của cộng đồng dân tộc Việt-nam. Vì vậy, từ ngày thành lập tới nay, Đảng ta đã định ra các đường lối, chủ trương, chính sách để giải quyết vấn đề dân tộc ở nước ta một cách đúng đắn. Đảng ta, do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sáng lập, ngay từ khi mới ra đời đã khẳng định rằng một nước Việt-nam thống nhất, một dân tộc Việt-nam thống nhất bao gồm nhiều thành phần là một thực tế khách quan trong đó bao hàm hai mặt của cùng một mối quan hệ dân tộc. Một mặt là sự phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, một quá trình tương trợ, hòa hợp, cố kết liên tục, trong sự phát triển tiến lên của đất nước và của từng thành phần dân tộc. Mặt khác, trong sự thống nhất ấy vẫn có sự phát triển chênh lệch, không đồng đều về kinh tế và văn hóa, là những khác biệt ở mức độ khác nhau về văn hóa, phong tục tập quán, tiếng nói... Từ đặc điểm cơ bản trên, công tác dân tộc cần có quan điểm toàn diện, lịch sử, cụ thể. Nếu chỉ thấy mặt thống nhất, hòa hợp, không thấy sự phong phú, đa dạng, khác biệt trong cộng đồng dân tộc, cũng như chỉ thấy mặt khó khăn, phức tạp, không thấy « nước ta có nhiều dân tộc, đây là điểm tốt » (như Bác Hồ đã dạy), đều là những cách nhìn, cách nghĩ sai lầm, phiến diện, dẫn tới những chủ trương, biện pháp, hành động chủ quan, nóng vội... gây tác hại tới việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhờ có quan điểm, đường lối, chính sách đúng mà trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ rồi đến chống

Digitized by Google

quân bành trướng Trung-quốc, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc đã được phát huy đến đỉnh cao rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc, đưa dân tộc Việt-nam ta từ một dân tộc bị nô lệ, không có tên trên bản đồ thế giới, trở thành một dân tộc trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Sau khi thống nhất nước nhà, Đảng ta đã chỉ rõ: « Giải quyết đúng đắn vấn đề *dân tộc* là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt-nam... » (1). Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nghị quyết Đại hội V của Đảng đã chỉ rõ những nguyên tắc cơ bản bảo đảm thực hiện tốt công tác dân tộc: « Đảng phải lãnh đạo thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội IV về *chính sách dân tộc* đồng thời tiếp tục nghiên cứu để giải quyết kịp thời những vấn đề mới về công tác dân tộc của Đảng. Phải tăng cường hơn nữa khối đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc *bình đẳng, tương trợ và cùng làm chủ tập thể*; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, làm cho đồng bào các dân tộc, cũng như đồng bào cả nước, hiểu sâu tình hình nhiệm vụ mới và chính sách dân tộc của Đảng, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc, của bọn đế quốc và bọn phản động khác, xóa bỏ những thành kiến dân tộc còn sót lại, cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » (2).

Ngày nay trên đất nước ta, dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một, phát huy sức mạnh đoàn kết của các dân tộc và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một.

Đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay mang một nội dung mới. Công tác dân tộc nhằm tăng cường hơn nữa khối đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động các dân tộc để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng thành công chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời củng cố ý thức quốc gia — dân tộc, đề cao cảnh giác đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch.

Đoàn kết dân tộc phải dựa trên cơ sở bình đẳng dân tộc. « Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người » (3). Vì vậy, trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có những nghị quyết, chính sách cụ thể đầu tư cho các vùng dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế, văn hóa, ngày càng đáp ứng kịp thời các yêu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng biên giới nhằm « *khắc phục một bước sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại* » (4). Chúng ta phải làm cho những nghị quyết nói trên của Đảng trở thành chính sách của Nhà nước, nghị quyết cụ thể của các cấp, các ngành và những nghị quyết đó phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật... của Nhà nước.

Xóa bỏ sự chênh lệch chính là để tiến tới thực hiện từng bước bình đẳng dân tộc. *Trước hết là từng bước xóa bỏ chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.* Do lịch sử để lại, hiện nay ở một số vùng dân tộc thiểu số còn có thói quen sống du canh, du cư, đốt nương làm rẫy, phá rừng; thói quen đó làm cho cuộc sống của đồng

(1) *Nghị quyết Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 74.

(2) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 133.

(3) *Nghị quyết Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 75.

(4) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 133.

Digitized by Google

bảo không ổn định và cản trở việc phát triển mọi mặt ở các vùng dân tộc thiểu số. Do đặc điểm địa lý — xã hội, số đông các dân tộc thiểu số ở nước ta đều sống ở miền núi xa xôi hẻo lánh, đường giao thông khó khăn, dân cư thưa thớt, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp chưa phát triển. Tình hình đó đã gây ra sự phát triển không đồng đều giữa các vùng dân tộc. Cần khắc phục từng bước tình hình đó theo một quy hoạch và kế hoạch chung trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của cả nước. Đồng thời, cần có chính sách, biện pháp cụ thể đầu tư thích đáng vào các vùng dân tộc thiểu số, nhất là ở biên giới phía bắc và Tây-nguyên. Ở đây có vấn đề phải được nghiên cứu toàn diện, tính toán kỹ lưỡng các mối quan hệ kinh tế — xã hội và chính trị, kinh tế và quốc phòng. Đầu tư vào các tỉnh miền núi, nơi phần lớn đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú, có thể có trường hợp chưa đem lại hiệu quả kinh tế ngay, nhưng xét về ý nghĩa chính trị, quốc phòng và hiệu quả tương lai của nó thì lại rất cần được quan tâm.

Sự chênh lệch về trình độ văn hóa là sự phản ánh tất nhiên của sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế. Trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số còn rất nhiều phong tục tập quán lạc hậu nặng nề. Nhiều thành phần dân tộc chưa có chữ viết hoặc chỉ có ở mức độ phát triển thấp không đủ để làm chức năng tiếp nhận và diễn đạt những thông tin khoa học — kỹ thuật hiện đại. Kho tàng văn hóa của các dân tộc thiểu số rất phong phú, song phần lớn còn ở mức độ truyền miệng. Do đó không ít những di sản văn hóa quý báu đã được sáng tạo trong quá trình phát triển đã mất đi. Sự xâm lăng và phá hoại của kẻ thù từ nhiều phía, trong nhiều thế kỷ, trong tất cả các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, khoa học, văn học, nghệ thuật... với những chính sách nham hiểm và độc ác (đồng hóa, chia để trị, ngu dân...) đã kìm hãm sự phát triển của toàn dân tộc ta, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số là người phải chịu những hậu quả nặng nề nhất. Tình trạng đó đã làm cho sự chênh lệch giữa các dân tộc, các vùng dân cư trong nước tăng lên.

Do sự phát triển chênh lệch nói trên cho nên muốn thực hiện bình đẳng dân tộc phải thực hiện nguyên tắc tương trợ. Thực hiện tương trợ là ra sức phát huy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường của các dân tộc và có sự đầu tư thích đáng, đúng đắn của Nhà nước trong kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Các dân tộc tương trợ nhau vừa là vấn đề khách quan, do lịch sử để lại, vừa là vấn đề hợp quy luật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tương trợ dân tộc đối lập hoàn toàn với tư tưởng ích kỷ dân tộc và tư tưởng cục bộ, bản vị, dân tộc hẹp hòi. Tương trợ dân tộc sẽ làm cho khối đoàn kết dân tộc, sự hòa hợp dân tộc ngày càng được tăng cường và củng cố vững chắc.

Cùng làm chủ tập thể là nguyên tắc bảo đảm cho đoàn kết dân tộc đạt tới trình độ cao. Nó quy định vai trò chủ thể của nhân dân lao động các dân tộc sống trên đất nước ta — không phân biệt đa số hay thiểu số — đối với toàn bộ lãnh thổ Việt-nam, đối với mọi mặt của đời sống xã hội; nó phát huy đến cao độ tính tự giác, chủ động, sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đồng nhất với phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Đó là một thể thống nhất trong công tác Đảng, công tác chính quyền và công tác của các

Digitized by Google

đoàn thể quần chúng nhằm phát động cao trào cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt-nam trong giai đoạn hiện nay.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy: chính sách dân tộc «có hai điều quan trọng nhất, là: *đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào*» (5). Đoàn kết dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và cùng làm chủ tập thể là thể hiện tư tưởng nói trên của Bác, đồng thời bao hàm những nội dung phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Những nguyên tắc của chính sách đoàn kết dân tộc do Đại hội V của Đảng đề ra bảo đảm phát huy đến cao độ sức mạnh của cộng đồng dân tộc Việt-nam trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa: nó có vai trò chỉ đạo việc đề ra các chính sách cụ thể của Nhà nước ta nhằm phát triển kinh tế, văn hóa và ngược lại, thành tựu của việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa lại là cơ sở hiện thực bảo đảm cho khối đoàn kết dân tộc được củng cố, tăng cường. Chúng ta «Cần đặc biệt quan tâm tới các dân tộc thiểu số ở vùng cao. Các dân tộc có trình độ phát triển khá hơn phải coi việc giúp đỡ các dân tộc khác là một trách nhiệm vẻ vang của mình, khắc phục các hiện tượng thiếu tôn trọng, thiếu tin cậy lẫn nhau hoặc tự ti dân tộc» (6). Làm được như vậy chính là tạo được cơ sở vững chắc đưa phong trào quần chúng ở vùng các dân tộc tiến lên, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố vững mạnh.

★

Hiện nay, kẻ thù của chúng ta vẫn không ngừng chống phá ta về mọi mặt. Bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc mặc dù đã bị thất bại nhục nhã, nhưng vẫn câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác thường xuyên ráo riết đẩy mạnh cuộc chiến tranh tâm lý, thổi phồng những thành kiến dân tộc còn sót lại, xuyên tạc lịch sử, gây hoang mang chia rẽ, gây kỳ thị dân tộc nhằm phá vỡ khối đoàn kết dân tộc của ta, phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Vì vậy, đi đôi với sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế văn hóa của cả nước, những vấn đề cấp thiết của công tác dân tộc hiện nay là:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục đường lối chung và chính sách dân tộc của Đảng trong nhân dân (kể cả dân tộc đa số). Nhất thiết phải giáo dục kỹ chính sách dân tộc cho tất cả các lực lượng được đến làm nhiệm vụ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú. Trong chương trình giảng dạy của các trường của Đảng, của Nhà nước, của quân đội và của các cấp, các ngành, cần phải có nội dung giáo dục chính sách dân tộc. Ngành giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh cần có kế hoạch giáo dục chính sách dân tộc cho thanh niên học sinh (chú ý học sinh sắp tốt nghiệp, thanh niên sắp đến tuổi làm nghĩa vụ quân sự).

Kịp thời đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh, của đế quốc và các bọn tay sai của chúng. Đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan luận điệu xuyên tạc nguồn gốc lịch sử các dân tộc, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, nói xấu lãnh tụ, cán bộ và bộ đội ta, chia rẽ dân tộc, chia rẽ quân đội nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc của ta. Hơn bất cứ lúc nào hết, ý thức quốc gia — dân

(5) Hồ-Chí-Minh: *Các dân tộc đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 33.

(6) Bài nói của đồng chí Trường-Chinh tại Đại hội thứ VII (vòng hai) Đảng bộ tỉnh Sơn-la, báo *Nhân dân* số ra ngày 8-2-1983.

Digitized by Google

tộc trong giai đoạn hiện nay cần được bồi đắp, củng cố; lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa cần được quán triệt sâu sắc trong đồng bào. Tất cả mọi người Việt-nam, không phân biệt thành phần dân tộc, cần nhận thức rõ rằng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa là con đường sống duy nhất dẫn tới ấm no, hạnh phúc và văn minh của mọi người, của tất cả các thành phần dân tộc Việt-nam.

Thông qua các chính sách và những việc làm cụ thể về phát triển kinh tế — văn hóa và bằng vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên mà nâng cao trình độ giác ngộ chính trị và củng cố niềm tin cho đồng bào các dân tộc, xóa bỏ những mặc cảm, thành kiến, nghi kỵ dân tộc còn sót lại, ngăn ngừa và chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi.

Đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số. Kinh nghiệm thực tiễn đã khẳng định một vấn đề có tính quy luật là muốn thực hiện chính sách dân tộc của Đảng thì phải có cán bộ người dân tộc, người địa phương. Việc tăng cường cán bộ người kinh, cán bộ vùng xuôi lên công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi là rất cần thiết, không những cần thiết trong những giai đoạn cách mạng trước đây mà vẫn rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay cũng như trong suốt cả quá trình tiến lên của cách mạng nước ta. Sự có mặt của đội ngũ cán bộ các loại, ở tất cả các vùng xa xôi hẻo lánh, những vùng kinh tế, văn hóa chậm phát triển, ở miền Bắc hay miền Nam, ở biên giới, miền núi hay hải đảo để cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một đòi hỏi khách quan biểu hiện tinh thần làm chủ cả nước của cán bộ, bộ đội và nhân dân ta. Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của quần chúng; trong phong trào cách mạng của quần chúng nảy nở những nhu cầu và khả năng mới, và tất nhiên xuất hiện một đội ngũ cán bộ để tổ chức hướng dẫn phong trào. Từ trong phong trào quần chúng tất nhiên sẽ xuất hiện những nhân tố tiên tiến, được quần chúng tín nhiệm bồi dưỡng và chính những người đó mới có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể do phong trào đòi hỏi. Vì vậy, một trong những vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa có tính thường xuyên và lâu dài là phải có chính sách, biện pháp tích cực để đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ người địa phương để đáp ứng kịp thời các yêu cầu của phong trào (bao gồm cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ...) từ cơ sở đến huyện, tỉnh và các ngành trung ương. Thực tế đã chứng tỏ rằng những nơi phong trào vững vàng, kinh tế, văn hóa phát triển khá, đoàn kết dân tộc được củng cố, tăng cường đều là những nơi có đội ngũ cán bộ dân tộc, cán bộ người địa phương đông đảo về số lượng và có chất lượng tốt. Cho nên «mỗi cấp, mỗi ngành phải thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong phạm vi trách nhiệm và khả năng của mình, chú trọng làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật người dân tộc, trước hết cho huyện và cơ sở» (7). Bởi vì chất lượng cán bộ là điều kiện quyết định thắng lợi của công tác lãnh đạo.

Đẩy mạnh phong trào văn hóa mới, xóa bỏ dần những phong tục, tập quán lạc hậu, chống mê tín dị đoan, khắc phục những thói quen xấu ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống như hội hè nhiều ngày, ma chay, cưới xin theo lối cũ, kiêng cữ phiền phức, cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, tiêu xài lãng phí không có kế hoạch... Tổ chức

(7) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 133 — 134.

Digitized by Google

những ngày hội có nội dung mới như hội xuống đồng, hội rừng, hội trồng cây, hội toàn dân chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng... như ở nhiều nơi đã làm để tạo ra những nếp sống văn hóa mới (dần dần trở thành truyền thống) vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa giáo dục thiết thực, vừa tạo ra được không khí vui tươi lành mạnh. Những ngày hội như thế sẽ làm cho quần chúng tự giác vứt bỏ những thói quen, những tập quán lạc hậu; đẩy mạnh phong trào giáo dục thế hệ trẻ, giáo dục phổ thông, đặc biệt chú trọng công tác thanh toán nạn không biết chữ và chú ý thường xuyên nâng cao chất lượng công tác bổ túc văn hóa cho nhân dân các dân tộc, nhất là ở vùng cao, biên giới, những nơi xa xôi hẻo lánh. Những loại trường phổ thông có ký túc xá, trường thiếu nhi vùng cao, trường vừa học, vừa làm... đã góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ dân tộc có chất lượng và số lượng khá, cần tổng kết công tác và cần được mở rộng. Ngành giáo dục và các địa phương cần rút kinh nghiệm và nghiên cứu đề xuất những chính sách mới, những biện pháp tổ chức mới cho phù hợp với đặc điểm của từng vùng dân tộc nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển văn hóa, giáo dục, tạo tiền đề đáp ứng yêu cầu về cán bộ dân tộc của Đảng và Nhà nước cũng như nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số góp phần xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc trong nước.

★

Từ trước tới nay nhân dân các dân tộc nước ta, miền xuôi cùng với miền ngược, miền Bắc cùng với miền Nam, đồng bằng cùng với biên giới, hải đảo,... tất cả đã kết thành một khối vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, anh dũng vượt qua mọi hy sinh, gian khổ, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, giành độc lập, tự do và đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đoàn kết, tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn kính mến, nhân dân các dân tộc nước ta nhất định sẽ phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực tự cường khắc phục mọi khó khăn, dập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ địch, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Tam-điệp phấn đấu...

(Tiếp theo trang 30)

quá trình thực hiện chỉ thị về công tác phát thẻ đảng viên chưa vững chắc, nhất là một số đảng bộ thuộc vùng đồng chiêm trũng.

3 – Việc xây dựng quy hoạch cán bộ từ cơ sở đến huyện và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch chưa đáp ứng yêu cầu. Một vài nơi chưa đào tạo kịp cán bộ kế cận cho nên chưa có người thay thế những cán bộ chủ chốt cần được nghỉ.

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ cố gắng phát huy những thắng lợi đã đạt được, kiên quyết khắc phục những mặt còn yếu kém, phấn đấu giữ vững và nâng cao hơn nữa chất lượng của một đảng bộ huyện vững mạnh.

Digitized by Google

Điều tra

MẤY SUY NGHĨ VỀ HOÀN CHỈNH CƠ CHẾ KHOÁN SẢN PHẨM TRONG HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

XUÂN-KIỀU

VIỆC khoán sản phẩm trong nông nghiệp những năm qua đã đem lại kết quả đáng kể về phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nông dân. Qua tìm hiểu tình hình thực tế ở một số huyện và hợp tác xã thuộc tỉnh Hà-nam-ninh, chúng tôi mạnh dạn nêu lên một số suy nghĩ về hoàn thiện cách khoán mới trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp mà chúng tôi đã có dịp nghiên cứu.

Thực chất của khoán mới là bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa ba lợi ích (lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động), gắn lợi ích của người lao động với sản phẩm cuối cùng, khiến cho nông dân phấn khởi sản xuất. Nhờ thực hiện khoán mới mà các tiềm lực kinh tế, lao động và đất đai trong hợp tác xã được khai thác, sử dụng triệt để và có hiệu quả. Nhiều hộ nông dân đã huy động cả gia đình thức khuya dậy sớm chăm sóc mảnh ruộng nhận khoán của hợp tác xã như ruộng của chính mình. Họ tận dụng mọi khả năng về vật tư và phân bón của gia đình bỏ vào mảnh ruộng nhận khoán.

Những người trước đây vốn chây lười, bỏ công việc hợp tác xã đi buôn bán, nay cũng trở lại nhận khoán với tinh thần tích cực. Cách khoán mới đã đưa lại cho gia đình xã viên những việc làm thích hợp, do đó đã tận dụng được mọi khả năng lao động, phát huy tinh thần lao động cần cù, tạo nên sự gắn bó chặt chẽ giữa người nông dân xã viên với đồng ruộng của hợp tác xã.

Cách khoán mới đã kích thích người nông dân hăng hái sản xuất và sử dụng mọi loại đất đai để mở rộng sản xuất, các hợp tác xã mà chúng tôi nghiên cứu đã tiến hành đo đạc lại ruộng đất, có kế hoạch quản lý và sử dụng ruộng đất có kết quả hơn. Nông dân đã thật sự quý trọng và sử dụng tiết kiệm đất đai, họ tận dụng những thùng đào, thùng đấu, làn sông, làn ao v.v. để sản xuất. Cách khoán mới đã kích thích người nông dân

Digitized by Google

phát huy tới mức cao kinh nghiệm trồng lúa cổ truyền, đồng thời quan tâm đến việc áp dụng những kỹ thuật tiến bộ để tăng năng suất, tăng sản lượng.

Cách khoán này đã huy động có kết quả tiềm năng về lao động và đất đai, về vốn của gia đình xã viên vào việc tăng năng suất và tăng sản lượng lương thực trên diện tích nhận khoán. Ở nhiều hợp tác xã, năng suất và sản lượng lúa năm 1981 — 1982 tăng lên gần gấp rưỡi hoặc gấp đôi so với 1980. Nhiều hộ xã viên phấn đấu vượt mức từ 1,5 đến 2 lần sản lượng nhận khoán.

TÊN ĐƠN VỊ	1980		1981		1982	
	NS lúa (tấn/ha)	S. lượng (tấn)	NS lúa (tấn/ha)	S. lượng (tấn)	NS lúa (tấn/ha)	S. lượng (tấn)
HTX Mỹ-thành	3,6	530		1 100		1 151
HTX An-thái	3,3	438	4,3	524	4,9	607
HTX Nam-ninh	4,3	900	5,7	1 130	8,3	1 392
HTX Hải-thanh	6,5	1 950	7,4	2 220	10,1	2 557
HTX Hải-đông	5	1 011	6,3	1 342	8,2	1 892

Số liệu trên đây cho thấy từ các hợp tác xã yếu kém như hợp tác xã An-thái, hợp tác xã trung bình như hợp tác xã Mỹ-thành huyện Bình-lục, hợp tác xã Nam-ninh huyện Nam-ninh đến các hợp tác xã khá và giỏi như hợp tác xã Hải-thanh, hợp tác xã Hải-đông huyện Hải-hậu đều có tốc độ tăng năng suất và sản lượng lúa khá cao. Nhất là vụ chiêm xuân 1982—1983 nhiều hợp tác xã vượt gấp rưỡi hoặc gấp đôi năng suất khoán: hợp tác xã An-thái: năng suất khoán là 18,85 tạ/ha, năng suất đạt được là 38,1 tạ/ha; hợp tác xã Mỹ-thành: năng suất khoán là 20,5 tạ/ha, năng suất đạt được là 31,5 tạ/ha; hợp tác xã Hải-thanh: năng suất khoán là 80,4 tạ/ha, năng suất đạt được là 100,1 tạ/ha; huyện Bình-lục: năng suất khoán là 20,7 tạ/ha, năng suất đạt được là 30 tạ/ha.

Nhờ vượt khoán, thu nhập của xã viên ngày một tăng lên. Năm 1980 mức ăn bình quân ở hợp tác xã thấp nhất là 6 ki lô gam thóc/người/tháng, ở hợp tác xã cao nhất là 11 ki lô gam người/tháng. Năm 1982 mức ăn bình quân ở hợp tác xã thấp nhất là 21 ki lô gam/người/tháng và ở hợp tác xã cao nhất là 34 ki lô gam/người/tháng (chưa kể số thóc xã viên thu được trên đất 5% và các loại đất tận dụng để cấy lúa). Huyện Bình-lục thuộc vùng chiêm trũng của tỉnh Hà-nam-ninh, vốn là huyện gặp nhiều khó khăn về lương thực, vậy mà trong hai năm 1981 — 1982 và vụ chiêm xuân 1983 thực hiện cách khoán mới, đến nay đã có mức thu nhập bình quân 460 ki lô gam lương thực/người/năm. Ở các huyện Hải-hậu, Xuân-thủy, Nam-ninh có nhiều hộ xã viên thừa thóc, họ mong Nhà nước có vật liệu xây dựng, vải tốt và các loại hàng hóa cần thiết khác để trao đổi.

Sản xuất lương thực tăng và ổn định tạo điều kiện cho chăn nuôi của gia đình xã viên phát triển. Đàn lợn gia đình, về đầu con tuy vẫn giữ nguyên hoặc có tăng lên chút ít, nhưng do trọng lượng xuất chuồng tăng cho nên sản lượng thịt tăng và từ đó thu nhập cho mỗi hộ cũng tăng lên.

Sản xuất lương thực phát triển, nông dân không chỉ đủ ăn mà còn có

Digitized by Google

nhiều thóc bán cho Nhà nước. Hợp tác xã An-thái trước đây thuộc diện yếu kém của huyện Bình-lục, từ năm 1980 về trước chưa năm nào hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, thế mà chỉ trong hai năm nhận khoán, xã viên đã bán cho Nhà nước trên 20 tấn thóc. Huyện Nam-ninh hoàn thành mức nghĩa vụ ổn định là 13200 tấn thóc, còn huy động nhân dân bán ngoài nghĩa vụ cho Nhà nước 5248 tấn năm 1981 và 9 300 tấn vụ chiêm xuân 1983.

Qua những con số trên đây, có thể thấy được ở nhiều huyện, nhiều hợp tác xã (trừ một số hợp tác xã bị thiên tai nặng được Nhà nước miễn giảm nghĩa vụ) còn thừa nhiều thóc; nếu Nhà nước có nhiều hàng hóa để trao đổi với nông dân thì số thóc Nhà nước huy động được sẽ lớn hơn nhiều.

Kết quả về phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nông dân là biểu hiện tập trung nhất, rõ nét nhất ưu thế và hiệu quả của cách khoán mới. Tất nhiên những yếu tố tích cực của cách khoán này còn thể hiện trên nhiều mặt và tùy theo trình độ tổ chức quản lý của mỗi loại hợp tác xã mà mức độ có khác nhau. Ở những hợp tác xã vốn là khá và giỏi trước đây thì việc vận dụng cách khoán mới có sáng tạo và thực hiện được tốt, còn ở các hợp tác xã yếu kém, nhìn chung việc thực hiện có nhiều lệch lạc và thường là khoán trắng. Thái độ đúng đắn nhất hiện nay là phải thấy hết và đánh giá đúng mặt tích cực, đồng thời phải thấy được những thiếu sót, lệch lạc, — song không phải để đứng ngoài phê phán mà là để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện cách khoán này.

Từ cách đặt vấn đề như trên, qua nghiên cứu một số hợp tác xã, chúng tôi thấy nổi lên những mâu thuẫn cần phải giải quyết nhằm hoàn thiện cơ chế khoán.

Nền nông nghiệp nước ta trước đây vốn là sản xuất độc canh lúa. Từ khi tiến hành hợp tác hóa đến nay, chúng ta đã từng bước phá thế độc canh, ngoài diện tích trồng lúa, diện tích trồng màu và cây công nghiệp ngày càng được mở rộng, chăn nuôi và ngành nghề phát triển mạnh làm cho cơ cấu cây trồng, cơ cấu kinh tế và thu nhập của hợp tác xã có sự thay đổi căn bản, từ độc canh lúa đến sản xuất nông nghiệp toàn diện. Bước đi như vậy là phù hợp với quy luật phân công lao động trong nông nghiệp ở nước ta và đã đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Do vận dụng sai lệch chỉ thị số 100 của Ban bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, sản xuất hoa màu, chăn nuôi, nhất là chăn nuôi tập thể và ngành nghề ở một số hợp tác xã đang có chiều hướng bị thu hẹp lại.

Về sản xuất hoa màu và cây công nghiệp, nhìn chung những nơi có bình quân ruộng đất tương đối cao, có nhiều diện tích trồng màu thì mức độ giảm ở đó là đáng kể. Chẳng hạn như huyện Bình-lục năm 1980 có 3200 héc ta đất trồng màu và 200 héc ta đất trồng đay, đến năm 1982 giảm xuống chỉ còn 800 héc ta màu và 79 héc ta đay. Huyện Nam-ninh năm 1979 có 3960 héc ta màu vụ đông, đến nay giảm xuống còn 2000 héc ta, sản lượng màu từ 10 580 tấn năm 1981, năm 1982 chỉ còn 8114 tấn. Diện tích trồng màu giảm một mặt còn do hiệu quả sản xuất màu và cây công nghiệp thấp (chính sách giá cả, chính sách đầu tư cho nó chưa thỏa đáng), mặt khác, khả năng đầu tư của gia đình xã viên có hạn do đó họ tập trung mọi điều kiện cho cây lúa.

Ở các huyện Bình-lục, Nam-ninh, Xuân-thủy Hải-hậu, chăn nuôi lợn, nhất là chăn nuôi lợn tập thể đều giảm. Tổng số lợn của huyện Nam-ninh năm 1980 là 85 000 con, năm 1981 còn 82 000 con, năm 1982 còn 80 000 con; trong

Digitized by Google

đó lợn tập thể năm 1980 có 18 000 con, năm 1981 còn 9 200 con, năm 1982 còn 4 100 con, đến 1-7-1983 lợn tập thể chỉ còn 2 000 con. Hợp tác xã Xuân-tiến huyện Xuân-thủy năm 1980 chăn nuôi tập thể có 800 con lợn, năm 1981—1982 còn dưới 200 con, trong khi đó đàn lợn gia đình (các năm 1980, 1981, 1982) vẫn giữ mức 2 300 con. Hợp tác xã Mỹ-thành huyện Bình-lục năm 1980 có 1 250 con lợn, trong đó có 200 con lợn tập thể, năm 1981 giải tán trại chăn nuôi tập thể và đàn lợn gia đình có tăng nhưng không đáng kể.

Thực tế trên đây phản ánh ba mặt: khả năng tăng đầu lợn của gia đình xã viên cũng có hạn — xã viên chú trọng tăng trọng lượng bình quân hơn là tăng số đầu con. Điều quan trọng hơn là mức gia công của hợp tác xã cho gia đình xã viên (cứ 5 — 6 kí lô gam thóc lấy một kí lô gam thịt hơi) thấp hơn giá cả thị trường, do đó xã viên không hào hứng nhận khoán.

Sự phát triển ngành nghề ở một số nơi đang có xu hướng dừng lại và giảm xuống. Huyện Bình-lục trước đây có 49 lò gạch nay chỉ còn 27 lò hoạt động; cả huyện có 4000 thợ thêu giỏi nay bỏ thêu trở lại làm ruộng. Hợp tác xã Hải-thanh huyện Hải-hậu năm 1980 thu nhập ngành nghề chiếm 30% trong tổng giá trị sản lượng nay giảm xuống còn khoảng 15—16%. Sở dĩ có tình hình trên là do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, lao động ngành nghề thường là lao động khỏe mạnh có kỹ thuật, ở những nơi bình quân ruộng đất cao, mỗi lao động nhận khoán thường là 8 — 9 sào đến một mẫu ruộng; gia đình nào có nhiều lao động thì khả năng sản xuất và khả năng đầu tư có thuận lợi, còn gia đình ít lao động, lao động yếu thì gặp khó khăn, do đó lao động ngành nghề đã quay về cùng gia đình lấm ruộng khoán. Thứ hai là những ngành nghề phụ thuộc vào nguyên liệu của Nhà nước, nay Nhà nước không có đủ nguyên liệu cung cấp như trước nữa, xã viên thiếu việc làm. Thứ ba là hiệu quả kinh doanh của một số ngành nghề rất thấp, trong khi đó làm lúa có lợi hơn, xã viên quay lại trồng lúa.

Mâu thuẫn trên đây thể hiện trước hết trong nội bộ ngành trồng trọt, giữa sản xuất lúa với mở rộng diện tích trồng màu và trồng cây công nghiệp; giữa đẩy mạnh trồng trọt với phát triển chăn nuôi và mở rộng ngành nghề. Mâu thuẫn đó chỉ có thể giải quyết bằng hệ thống các chính sách hợp lý, bằng việc điều tiết thu nhập giữa những người sản xuất lúa với sản xuất hoa màu và cây công nghiệp, giữa trồng trọt với chăn nuôi và phát triển ngành nghề. Trước mắt, muốn khôi phục lại diện tích trồng màu và cây công nghiệp, khôi phục lại ngành nghề có truyền thống trong hợp tác xã, phải có sự giúp đỡ của Nhà nước về mặt cung cấp nguyên liệu, vật liệu, cung cấp lương thực cho những người trồng cây công nghiệp, bảo đảm giá cả thu mua hợp lý nhằm khuyến khích nông dân phấn khởi sản xuất. Đồng thời, mỗi hợp tác xã cần nhận thức rõ vị trí quan trọng của việc phát triển hoa màu và cây công nghiệp, phát triển ngành nghề nhằm mở rộng phân công lao động trong hợp tác xã và tăng thu nhập cho xã viên; từ đó, có kế hoạch đầu tư, lao động và vật tư (công điểm và chi phí) một cách thích đáng, gắn việc giao khoán lúa với khoán hoa màu và cây công nghiệp, có chế độ thưởng phạt rõ ràng đối với những người trồng màu và cây công nghiệp, bảo đảm cho họ có thu nhập tương đương với những người trồng lúa. Cùng với việc khôi phục lại diện tích trồng màu và cây công nghiệp, phát triển ngành nghề, cần nhanh chóng khôi phục lại chăn nuôi lợn tập thể với quy mô thích hợp. Trước đây nhiều người cho rằng chăn nuôi lợn tập thể không có lãi vì có

Digitized by Google

nơi phải mất 7 kí lô gam thóc mới được 1 kí lô gam thịt lợn hơi, trong khi đó gia công cho gia đình xã viên chỉ mất 4 kí lô gam thóc cho 1 kí lô gam thịt lợn hơi. Ngày nay giá cả thị trường tăng lên, nhiều hợp tác xã đã phải gia công cho xã viên 8—10 hoặc 12 kí lô gam thóc để lấy một kí lô gam thịt hơi. Như vậy chăn nuôi tập thể (dù có mất 8 kí lô gam thóc lấy 1 kí lô gam thịt) vẫn có lợi, hơn nữa hợp tác xã chủ động được thịt để cung cấp cho nhu cầu thường xuyên của Nhà nước; và có phát triển chăn nuôi lợn tập thể, hợp tác xã mới chủ động được về nguồn phân, để điều hòa cho các gia đình neo đơn, có khó khăn về phân bón. Những huyện và hợp tác xã nói trên đã thấy rõ vấn đề này; huyện Hải-hậu đã có quyết định khôi phục và củng cố lại trại chăn nuôi tập thể với quy mô đàn lợn thích hợp.

Như trên đã nói, ưu điểm nổi bật của cách khoán mới là tạo ra năng suất và sản lượng cao hơn cách khoán cũ, song cũng chính từ đó đang nảy sinh những mâu thuẫn về phân phối sản phẩm trong hợp tác xã.

Để thực hiện cách khoán mới, hầu hết các hợp tác xã đã tiến hành giao ruộng và ổn định sản lượng khoán cho hộ xã viên. Đây là việc làm cần thiết, vì có như vậy xã viên mới an tâm, phấn khởi đem mọi khả năng về lao động và vốn liếng đầu tư cho mảnh đất mà họ nhận khoán. Do ổn định năng suất và sản lượng khoán (từ 3 đến 5 năm), cho nên mặc dù tổng sản lượng thóc thực thu hằng năm tăng lên rất nhanh, nhưng sản lượng thóc trên phương án ăn chia của hợp tác xã gần như không thay đổi hoặc chỉ tăng lên chút ít (do tăng diện tích).

Đơn vị	1981					1982				
	Tổng sản lượng lương thực (sản lượng khoán + vượt) (tấn)	Trong phương án ăn chia				Tổng sản lượng lương thực (sản lượng khoán + vượt) (tấn)	Trong phương án ăn chia			
		Sản lượng (tấn)	Phần Nhà nước (tấn)	Phần HTX (tấn)	Phần xã viên (tấn)		Sản lượng (tấn)	Phần Nhà nước (tấn)	Phần HTX (tấn)	Phần xã viên (tấn)
HTX An-phú	524	445	107	104	234	607	456	119	90	247
HTX Hải-đông	1342	1126	246	230	650	1892	1175	240	228	707
HTX Xuân-tiến	2411	1460	250	303	907	3047	1460	225	253	982
HTX Hải-tân		846				1703	896	322	170	404
Huyện Nam-ninh	76769	58988	16305			92570	60001			
Huyện Hải-hậu	96345	58845	16669			97586	60100			

Về phân phối sản phẩm trong hợp tác xã thì phân phối sản lượng lương thực giữ vai trò quyết định, bảo đảm thực hiện các lợi ích kinh tế. Theo

Digitized by Google

cách phân phối của hợp tác xã như hiện nay, phần đóng góp cho Nhà nước bao gồm thuế và nghĩa vụ lương thực được ổn định cùng với việc ổn định mức khoán. Tuy nhiên do sản phẩm xã hội tăng lên, hai năm 1981 và 1982 cũng như vụ chiêm xuân vừa qua số thóc Nhà nước thu mua được (bằng hàng đổi lưu) có khá hơn so với trước. Số thóc dành cho quỹ tập thể nói chung là không tăng, ở những nơi không xảy ra thiên tai, xã viên hoàn thành mức khoán hoặc vượt khoán thì quỹ dành cho tập thể được bảo đảm, còn nơi nào mùa màng bị thất bát, xã viên hụt khoán thì quỹ dành cho tập thể thường là giảm xuống. Chẳng hạn như ở hợp tác xã Nam-thành huyện Nam-ninh, vụ chiêm xuân vừa qua, trong khi xã viên vượt khoán 184 tấn thóc, hợp tác xã đã phải bỏ từ quỹ ra 21 tấn thóc để bù vào số thóc thất thu trên 98 mẫu lúa bị hạn không trỏ bông. Hợp tác xã Hải-phúc huyện Hải-hậu, vụ chiêm xuân vừa qua 40% diện tích cấy lúa bị mất trắng cho nên không còn thóc để quỹ tập thể nữa.

Phần để quỹ tập thể ở nhiều hợp tác xã không đáp ứng được yêu cầu tăng tích lũy để mở rộng sản xuất. Nếu tính mức độ tăng năng suất và sản lượng lúa thực thu (gồm cả sản lượng khoán và sản lượng vượt khoán) thì phần thu nhập thực tế của xã viên tăng lên rất nhanh, phần để quỹ tập thể không tăng, thậm chí có nơi còn giảm sút, phần bán thóc ngoài nghĩa vụ cho Nhà nước có tăng hơn so với những năm trước.

Đáng chú ý là ở nhiều hợp tác xã sản lượng thực thu gấp rưỡi hoặc gần gấp hai lần sản lượng giao khoán. Chẳng hạn vụ chiêm xuân 1983 hợp tác xã An-phú huyện Bình-lục định sản lượng khoán cho xã viên là 230 tấn thóc, nhưng sản lượng thực tế thu được là 428 tấn thóc (xã viên vượt khoán 198 tấn thóc); cũng vụ chiêm xuân 1983 ở hợp tác xã Nam-ninh huyện Nam-ninh sản lượng khoán cho xã viên là 582 tấn, sản lượng thực thu là 971 tấn (sản lượng vượt khoán 389 tấn); ở hợp tác xã Hải-thanh huyện Hải-hậu vụ chiêm xuân 1983 sản lượng khoán là 963 tấn, sản lượng thực thu là 1728 tấn (sản lượng vượt khoán là 765 tấn) v.v. Do vượt khoán mà mức ăn bình quân nhân khẩu/tháng ngoài phương án ăn chia (chỉ tính số thóc vượt khoán) có nơi bằng và cao hơn cả mức ăn bình quân trên phương án ăn chia của hợp tác xã. Chẳng hạn ở hợp tác xã Nam-ninh vụ chiêm xuân 1983 mức ăn bình quân/người/tháng trong phương án ăn chia là 13 ki lô gam thóc, còn mức ăn ngoài phương án ăn chia (do vượt khoán) là 15 ki lô gam thóc; cũng vụ chiêm xuân 1983 hợp tác xã Đồng-tiến xã Hải-thanh huyện Hải-hậu có mức ăn bình quân trong phương án ăn chia là 13,2 ki lô gam thóc, còn mức ăn ngoài phương án ăn chia (do vượt khoán) là 19 ki lô gam thóc/người/tháng. Ở nhiều hợp tác xã tổng số thóc chia cho xã viên theo phương án ăn chia) bằng hoặc thấp hơn tổng số thóc xã viên vượt khoán. Ở hợp tác xã Hải-tân năm 1982 số thóc xã viên được chia là 412 tấn, nhưng số thóc vượt khoán là 807 tấn; ở hợp tác xã Hải-thanh năm 1982 sản lượng thóc xã viên được chia là 884 tấn, sản lượng thóc vượt khoán là 662 tấn; ở hợp tác xã Đồng-tiến năm 1982 sản lượng thóc chia cho xã viên là 706 tấn, sản lượng thóc vượt khoán là 727 tấn; ở hợp tác xã Nam-ninh số thóc chia cho xã viên năm 1982 là 324 tấn, số thóc xã viên vượt khoán là 389 tấn. Nếu tính cả thóc xã viên thu được trên đất 5% và số thóc thu được do tận dụng diện tích (như làn sông, thùng đào, thùng đấu, vườn tược v.v.) thì mức thu nhập còn lớn hơn nhiều.

Thực tế trên đây cho thấy thu nhập thực tế của gia đình xã viên

Digitized by Google

ngày một tăng, song phần thu nhập do kinh tế tập thể trực tiếp mang lại chiếm tỷ lệ không lớn. Điều đó đặt ra vấn đề: chúng ta phải suy nghĩ về việc tăng cường kinh tế tập thể và làm thế nào cho phần thu nhập từ kinh tế tập thể tăng lên và chiếm ưu thế trong toàn bộ thu nhập của gia đình xã viên. Đây là yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa xã viên với hợp tác xã, bảo đảm củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Để khắc phục tình trạng không hợp lý trên đây, một số hợp tác xã có ý định điều chỉnh lại mức khoán nhằm điều tiết thu nhập giữa xã viên, hợp tác xã và Nhà nước. Đây là việc làm cần thiết song phải rất thận trọng vì nếu tăng sản lượng khoán mà không tăng chi phí sản xuất (bao gồm lao động, vật tư, phân bón...) với mức độ tương ứng, sẽ không thúc đẩy sản xuất phát triển, không kích thích xã viên hào hứng phấn khởi sản xuất. Do đó, trong vài ba năm trước mắt, nếu điều kiện vật chất kỹ thuật chưa có gì thay đổi thì nên giữ nguyên mức khoán như hiện nay. Tuy vậy mỗi hợp tác xã phải tăng cường hơn nữa việc giáo dục ý thức làm chủ tập thể cho xã viên, động viên họ đóng góp xây dựng tập thể và hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Một vấn đề nóng hổi, được nhiều người lưu ý tới là, thực hiện cách khoán này có làm cho những cơ sở vật chất kỹ thuật đã được xây dựng trong nhiều năm nay mai một đi không?

Để làm rõ vấn đề này, cần phải trở lại những vấn đề cơ bản của khoán. Khoán là một tất yếu khách quan của tổ chức lao động hiệp tác, song hình thức khoán cụ thể như khoán sản phẩm trong nông nghiệp hiện nay là một trong những biện pháp kinh tế quá độ. Tuy nhiên, việc áp dụng một hình thức kinh tế quá độ nào cũng phải căn cứ vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và mức độ hoàn thiện của quan hệ sản xuất, và đến lượt nó — một hình thức khoán mới ra đời đòi hỏi phải có những điều kiện vật chất kỹ thuật phù hợp với nó. Tình trạng lãng phí nghiêm trọng về tài sản như nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi v.v. ở hợp tác xã hiện nay là có thật. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất đối với hợp tác xã trong khi thực hiện cách khoán mới. Khi còn nuôi lợn tập trung, thì đòi hỏi phải có chuồng trại chăn nuôi tập thể, nhưng khi khoán chăn nuôi lợn cho gia đình xã viên thì một bộ phận chuồng trại tập thể trở nên thừa. Về thu hoạch lúa cũng vậy, nếu thu hoạch tập trung thì phải có nhà kho, sân phơi, máy tuốt lúa, nhưng khi khoán cho lao động thì họ có thể đập và phơi ngay ở sân nhà. Một số tài sản của hợp tác xã như đã nói trên, tuy không đưa vào sử dụng nhưng hằng năm hợp tác xã vẫn phải gánh chịu một tỷ lệ khấu hao lớn. Đây là nguyên nhân cơ bản làm cho chi phí sản xuất ở một số hợp tác xã tăng lên và giá trị ngày công có xu hướng giảm xuống.

Tình hình trên đây phản ánh khuyết điểm chủ quan của hợp tác xã trong việc tận dụng những cơ sở vật chất kỹ thuật đã có hoặc xây dựng mới, đồng thời, với cách khoán như hiện nay, tất yếu sẽ có một bộ phận tài sản tập thể như nhà kho, sân phơi, chuồng trại chăn nuôi không thích hợp và trở thành không cần thiết.

Vấn đề quan trọng hiện nay đối với hợp tác xã là việc đánh giá và xem xét lại toàn bộ những cơ sở vật chất hiện có, trên cơ sở đó mà xác định phương án sản xuất nhằm tận dụng những cơ sở vật chất sẵn có hoặc đầu tư cải tạo cái cũ và xây dựng mới cho phù hợp với thực tế sản xuất hiện

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

Điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp ở Tây-ninh

PHAN-VĂN

(Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây-ninh)

TÂY-NINH là một tỉnh thuộc miền đông Nam-bộ, có hơn 70 vạn dân, hơn 200 000 héc ta ruộng đất canh tác, bình quân ruộng đất có 2400m²/ người. Song ruộng đất phân bố không đều. Các huyện Dương-minh-châu, Tân-biên có mức bình quân trên 5000m²/ người. Còn huyện Hòa-thành và thị xã Tây-ninh chỉ có 1300m²/ người. Trước kia ruộng đất tập trung vào một số đồn điền của Pháp và địa chủ lớn. Trong kháng chiến chống Pháp, chính quyền cách mạng đã tịch thu một số ruộng đất của bọn bóc lột chia cho nông dân. Trong thời kỳ Mỹ — ngụy chiếm đóng, chúng thực hiện chính sách cải cách điền địa, dồn dân lập ấp chiến lược, làm cho ruộng đất tiếp tục xáo trộn và phức tạp thêm.

Sau ngày quê hương được hoàn toàn giải phóng, trong thời gian 1976 — 1978 thực hiện chỉ thị 235 của Ban bí thư Trung ương Đảng và quyết định 188 của Phủ thủ tướng, Tây-ninh đã tiến hành tịch thu ruộng đất của bọn việt gian, địa chủ, tư sản mại bản chạy ra nước ngoài. Số ruộng đất tịch thu cộng với số ruộng đất công — 2000 ha — đã được đem chia cấp cho hơn 3000 hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất. Tiếp đến 2 năm 1978 và 1979 thực hiện chỉ thị 57 của Bộ Chính trị và chỉ thị 43 của Ban bí thư Trung ương Đảng, tỉnh ủy Tây-ninh chủ trương tiếp tục vận động nông dân điều chỉnh ruộng đất. Song tình hình chiếm hữu ruộng đất và mức chênh lệch ruộng đất ở nông thôn giữa các tầng lớp nông dân vẫn còn khá lớn. Phú nông và tư sản nông thôn vẫn liên kết với tư sản thành thị còn nguyên vẹn là lực lượng chi phối quá trình sản xuất chủ yếu ở nông thôn, lũng đoạn thị trường, bóc lột các tầng lớp nông dân. Số trung nông khá giả có nhiều ruộng đất thuê mướn người làm còn nhiều trong nông thôn. Qua điều tra ruộng đất ở nông thôn, thành phần bóc lột chiếm 2,86% số hộ, nhưng lại chiếm 10,4% số ruộng đất và có mức bình quân ruộng đất 6716m²/ người. Trung nông khá giả có 14,5% số hộ, nhưng chiếm 29% diện tích canh tác và có mức bình quân ruộng

Digitized by Google

đất 3490m²/người. Không kể trung nông lớp dưới, số nông dân nghèo không có ruộng và thiếu ruộng đất còn chiếm những 22,58% số hộ, nhưng chỉ có 6,3% ruộng đất với 579m²/người.

Trong thời gian từ năm 1976 đến năm 1980, Tây-ninh cũng đã vận động nông dân tổ chức được 2000 tổ vần đổi công, 330 tập đoàn sản xuất, 3 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và 17 tập đoàn máy nông nghiệp. Những người tham gia tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp lúc bấy giờ phần lớn là những nông dân nghèo, vốn liếng ít, tư liệu sản xuất thiếu thốn, vào làm ăn tập thể gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều người, nhất là những người góp nhiều ruộng đất vào tập thể, trong đó có cả gia đình cán bộ, đảng viên cũng đòi lấy ruộng ra để làm riêng. Vì vậy đến cuối năm 1980 đã có 50% số tổ vần đổi công, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong tỉnh tan rã. Huyện Hòa-thành có 5 trong 6 tập đoàn sản xuất tan vỡ. Xã Phước-chỉ có 35 trong số 37 tập đoàn sản xuất vỡ. Cả tỉnh có 15 trong số 17 tập đoàn máy nông nghiệp giải tán để làm ăn riêng lẻ...

Như vậy là sau 5 năm được hoàn toàn giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, nông thôn Tây-ninh vẫn còn tình hình bóc lột bằng ruộng đất như xưa, phong trào đổi công, tập đoàn sản xuất vừa xây dựng nên không bao lâu lại bị tan vỡ và sa sút nghiêm trọng!

★

Vì sao việc điều tra, điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp ở Tây-ninh lại chậm chạp và kém cỏi như vậy? Ban thường vụ tỉnh ủy Tây-ninh đã nghiêm khắc kiểm điểm và chỉ ra những nguyên nhân sa sút của phong trào.

Do chưa nhận thức đầy đủ tính chất đấu tranh gay go, phức tạp và quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, các cấp ủy Đảng và chính quyền từ tỉnh đến huyện, xã chưa tập trung lãnh đạo công tác điều tra, điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp, chưa coi đó là công tác thường xuyên phải làm ở nông thôn. Các ngành và đoàn thể quần chúng trong tỉnh cũng chưa xác định rõ nhiệm vụ và có kế hoạch hướng dẫn cho cấp dưới tham gia và phục vụ công tác điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp. Chưa giáo dục làm rõ lao động và bóc lột để xác định lập trường cách mạng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên. Công tác xây dựng đảng ở nông thôn chưa gắn chặt với công tác điều tra, điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp. Trong chỉ đạo điều tra, điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp chưa coi trọng chỉ đạo điểm, những điển hình tốt không được tổng kết đến nơi đến chốn cho nên chậm được nhân ra diện rộng.

Những nơi có làm điều tra, điều chỉnh ruộng đất thường không làm tốt việc học tập trong quần chúng nông dân để mọi người đều nắm vững mục đích, nguyên tắc và chính sách điều chỉnh ruộng đất. Cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, điều chỉnh ruộng đất còn chần chừ, do dự, sợ đấu tranh sẽ va chạm, dẫn đến điều chỉnh cào bằng, dưới mức bình quân của địa phương cũng điều chỉnh. Không coi trọng phát động quần chúng nông dân tham gia đấu tranh và tự giác «nhường áo, sẻ cơm» trong tiến hành điều tra, điều chỉnh ruộng đất. Phương án điều tra, điều chỉnh ruộng đất quá đơn sơ, bỏ sót ruộng đất (nhất là ruộng đất xâm canh). Có người không thuộc diện cũng được chia cấp ruộng đất. Nhiều nơi để lại ruộng đất dành cho các cơ quan huyện và xã sản xuất tự túc, không chia cấp hết cho nông dân

Digitized by Google

không có và thiếu ruộng đất. Lệnh cấm bán chạy ruộng đất trái phép của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không được phổ biến rộng rãi trong nông thôn, nhiều người trong đó có cả gia đình cán bộ, đảng viên cũng phân tán ruộng đất một cách trái phép. Nhiều đối tượng thuộc diện phải điều chỉnh ruộng đất, trong đó có không ít cán bộ, đảng viên không chịu thực hiện nghiêm chỉnh chính sách ruộng đất, vẫn chiếm nhiều ruộng đất và thuê mướn người lao động.

Việc thực hiện không triệt để công tác điều chỉnh ruộng đất và đấu tranh xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất như trên dẫn đến hậu quả không tránh khỏi là cản trở công cuộc hợp tác hóa ở nông thôn. Phong trào làm ăn tập thể ở nông thôn thiếu vững chắc và ngày càng sa sút còn do chưa kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng là chính, và tổ chức lại sản xuất, tăng cường lực lượng sản xuất. Việc cải tạo nông nghiệp lại tiến hành một cách đơn độc, không gắn với cải tạo công thương nghiệp, cho nên tư sản thành thị còn lũng đoạn được thị trường thông qua thương lái, làm cho nông dân do dự chưa muốn đi vào làm ăn tập thể. Phương hướng sản xuất của phần lớn các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp còn mang tính chất vụn vặt, phân tán của lối làm ăn cá thể, chưa đi vào sản xuất tập trung, chuyên canh và thâm canh; chưa coi trọng tổ chức ngành nghề để sử dụng hợp lý lao động và tăng thu nhập. Kế hoạch sản xuất của nhiều tập đoàn sản xuất và hợp tác xã còn nặng về dựa vào sự giúp đỡ của Nhà nước, chưa phát huy tinh thần tự lực, tự cường xây dựng kinh tế tập thể của các tập đoàn viên và xã viên. Phần lớn các tập đoàn sản xuất chỉ mới tập thể hóa phần ruộng (cây lúa), cho nên những người có nhiều đất trồng màu và cây công nghiệp, nhiều trâu bò và máy móc vẫn kinh doanh riêng có thu nhập cao. Điều đó làm nảy sinh mâu thuẫn gay gắt giữa những người này và những tập đoàn viên chỉ có sức lao động. Nhiều tập đoàn sản xuất thực hiện « khoán sản phẩm » nhưng thiếu chỉ đạo chặt chẽ, dẫn đến ruộng nhà ai nhà ấy làm và thu hoạch, ban quản lý tập đoàn không quản lý được sản phẩm, không tiến hành ăn chia phân phối được...

Phong trào tổ đoàn kết sản xuất và tập đoàn sản xuất ở nhiều nơi, do đó chỉ hoạt động một cách hình thức và tan vỡ dần. Bọn phản động và các phần tử xấu vin vào đó để xuyên tạc đường lối hợp tác hóa của Đảng, làm cho quần chúng phân vân, nghi ngờ.

★

Từ tình hình thực tế và nguyên nhân cụ thể trên, Ban thường vụ Tỉnh ủy Tây-ninh xác định công tác cải tạo nông nghiệp (bao gồm điều tra và điều chỉnh ruộng đất, tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể) là công tác trọng tâm và thường xuyên của đảng bộ ở nông thôn.

Rút kinh nghiệm từ mô hình xã An-hóa (về điều tra, điều chỉnh ruộng đất và xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất) và hợp tác xã Trâm vàng (về tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể từ thấp đến cao), Tỉnh ủy Tây-ninh đã đi đến nhất trí cao về nội dung, hình thức và kế hoạch tiến hành dứt điểm về điều chỉnh ruộng đất trong năm 1983 và tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể, bảo đảm đến năm 1985 hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp dưới hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp là công tác phức tạp, đụng chạm đến nhiều người, cho nên

Digitized by Google

tỉnh ủy và các huyện ủy đều tập trung và trực tiếp lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, phát hiện và uốn nắn kịp thời những lệch lạc, nghiêm khắc xử lý những hành động tùy tiện, bảo đảm làm đúng chính sách; chính quyền các cấp chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức thực hiện và phối hợp đồng bộ với các ban, ngành, đoàn thể, bảo đảm làm tốt các khâu từ giáo dục đến phát động quần chúng, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của phong trào. Việc giáo dục nhằm làm cho mọi người hiểu rõ để thi hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trước hết, làm cho cán bộ, đảng viên nhận rõ được tính chất gay go, phức tạp và quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, từ đó tự nguyện, tự giác và phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác điều tra và điều chỉnh ruộng đất, cải tạo nông nghiệp. Cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang là lực lượng rất quan trọng trong việc giáo dục gia đình và giúp sức đắc lực cho cơ sở tiến hành điều tra và điều chỉnh ruộng đất, cải tạo nông nghiệp.

Tỉnh đặt rõ trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt phải gương mẫu tự báo ruộng đất, trâu bò, máy móc, công cụ và lao động, gương mẫu điều chỉnh ruộng đất theo chính sách, vận động gia đình vào làm ăn tập thể. Kiểm tra và xử lý nghiêm túc những cán bộ, đảng viên còn chiếm hữu nhiều ruộng đất, thuê mướn người làm để bóc lột sức lao động của họ, không chấp hành chính sách điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp. Đối với những thành phần bóc lột, bản tự báo phải đưa ra tổ nông dân góp ý kiến bổ sung và thông qua, nhất là những người có nhiều ruộng đất xâm canh ở nơi khác. Tự báo xong, cho họ tự nguyện hiến ruộng; nếu không chịu hiến thì chính quyền cấp huyện ra quyết định trưng thu và công bố trước nhân dân. Khi trưng thu có để lại cho họ phần ruộng bằng mức bình quân của địa phương để họ tự lao động sản xuất. Trong nội bộ nông dân thì vận động và thuyết phục với tinh thần "nhường áo sẻ cơm" trong việc điều chỉnh ruộng đất, khuyến khích họ đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Trong quá trình tiến hành điều tra và điều chỉnh ruộng đất, Tây-ninh chuẩn bị ngay các điều kiện về đào tạo cán bộ, về thực hiện hợp tác hóa, về tổ chức quản lý kinh tế tập thể để tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể từ thấp đến cao, không dừng ở làm ăn cá thể sau khi đã hoàn thành điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn. Khi tổ chức tập đoàn sản xuất hay hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, thực hiện ngay cơ chế «khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động» nhằm tận dụng mọi nguồn lao động, vốn liếng, vật tư của tập đoàn viên, xã viên và gia đình họ để thâm canh tăng năng suất cây trồng và phát triển kinh tế tập thể. Tổ chức tốt sản xuất để bảo đảm vụ đầu thắng lợi nhằm tạo nên tinh thần phấn khởi lao động tập thể của tập đoàn viên và xã viên, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất trong các vụ sau. Tích cực tạo điều kiện đưa các tổ đổi công và tập đoàn sản xuất đi lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Đối với những nơi nông dân mới được chia cấp ruộng đất mà chưa chuẩn bị kịp điều kiện để tổ chức làm ăn tập thể, thì vận động nông dân giúp đỡ nhau là chính, đồng thời Nhà nước cũng có chính sách giúp đỡ một phần, bảo đảm cho họ có lương ăn, giống và phân bón để sản xuất vụ đầu có hiệu quả.

Gắn công tác cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp, trước hết là cải tạo các ngành chế biến nông

Digitized by Google

sản và phân phối lưu thông để bổ trợ cho phong trào làm ăn tập thể của nông dân.

Qua hai năm (1982 – 1983) tích cực tiến hành các biện pháp đấu tranh điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp, Tây-ninh đã hoàn thành về cơ bản việc điều chỉnh ruộng đất ở những nơi phải điều chỉnh (những xã có mức bình quân ruộng đất dưới 1500 m^2/người thì không tiến hành điều chỉnh, chỉ vận động tổ chức nông dân vào làm ăn tập thể gắn với xóa bỏ bóc lột bằng ruộng đất). Sau điều chỉnh ruộng đất, những tổ đổi công, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp xây dựng trước đây còn hoạt động đều được củng cố vững chắc hơn. Phong trào xây dựng tổ đổi công, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất phát triển khắp nông thôn, mở ra triển vọng thực tế đến cuối năm 1983 và đầu năm 1984 có khoảng 70% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể (20% vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, 50% vào tổ đổi công). Năm 1984 công trình thủy lợi lớn Dầu-tiếng hoàn thành lại tạo thêm điều kiện thủy lợi hóa, càng thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của tỉnh phát triển thuận lợi, bảo đảm đến hết năm 1985 Tây-ninh sẽ hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp dưới hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Mấy suy nghĩ về...

(Tiếp theo trang 43)

nay. Không nên vội vàng thu hẹp quy mô sản xuất mà không có sự tính toán cân nhắc thận trọng. Việc nhiều hợp tác xã giải tán hàng loạt trại chăn nuôi lợn tập thể, nay đang đòi hỏi phải khôi phục lại với quy mô đàn lợn thích hợp, đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Một vấn đề nữa đang đặt ra cho nhiều hợp tác xã là thực hiện « 5 khâu » và « 3 khâu » như thế nào để bảo đảm cho quá trình sản xuất được tiến hành thuận lợi. Thực tế ở một số hợp tác xã cho thấy 8 khâu sản xuất (từ làm đất đến thu hoạch) có mối quan hệ khăng khít và tác động qua lại lẫn nhau. Để làm tốt các khâu, thì ở bất cứ khâu nào cũng đòi hỏi phải có sự đầu tư lao động, vật tư và vốn của Nhà nước, của tập thể và của gia đình xã viên (với ý nghĩa lao động của mỗi gia đình là một bộ phận của lao động tập thể).

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN-ÁI-QUỐC với phong trào cộng sản quốc tế và cách mạng Đông-dương thời kỳ 1930 – 1940

THẾ-TẬP

TRƯỚC đây và nhiều năm trong thời kỳ 1930 – 1940, với cương vị là Ủy viên thường trực Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản, trực tiếp phụ trách Cục phương Nam và Ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế nông dân, phụ trách phong trào nông dân ở nhiều nước châu Á, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã có những cống hiến quan trọng đối với phong trào cộng sản quốc tế và cách mạng Đông-dương

★

Năm 1930 là một cái mốc lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng rất sôi nổi và phong phú của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, đồng thời là một trang chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt-nam. Đầu năm 1930, trải qua quá trình đấu tranh rất gian khổ, vượt qua nhiều thử thách gay go để chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã sáng lập Đảng ta và một số đảng anh em khác theo học thuyết về đảng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và kinh nghiệm xây dựng đảng của Đảng cộng sản (b) Liên-xô. Là một trong những nhà hoạt động quốc tế đầu tiên gieo hạt giống cách mạng trên đất châu Á, Người đã áp dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối của Quốc tế cộng sản vào điều kiện cụ thể của khu vực này nói chung và của mỗi nước nói riêng. Những tư tưởng, quan điểm của Người về cách mạng giải phóng dân tộc đã được thực tiễn chứng minh là đúng đắn.

Theo chủ trương của Quốc tế cộng sản, cùng với việc đào tạo và bồi dưỡng lớp cán bộ đầu tiên của cách mạng Đông-dương, Người còn tham gia đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho một số nước thuộc Đông – Nam châu Á. Người xây dựng và củng cố hệ thống giao thông liên lạc quốc tế phục vụ đắc lực nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng ở khu vực này trong những năm Người tham gia Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản.

Chúng ta đều nhớ, từ năm 1921, khi còn đang hoạt động ở Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã nhận thấy sự cần thiết và trách nhiệm của mình

Digitized by Google

phải truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào Đông-dương nói riêng và châu Á nói chung. Trên cơ sở nghiên cứu những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và lịch sử của khu vực này, lúc ấy Người đã nêu lên vấn đề "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông-dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay. Trả lời câu hỏi đó, chúng ta có thể khẳng định rằng: có» (1). Người còn chỉ rõ vai trò, lực lượng của nhân dân châu Á và mối quan hệ khăng khít giữa phong trào đấu tranh của nhân dân lao động châu Á với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động phương Tây. Năm 1924, trước khi tham dự Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản, Người đã đề nghị với Ban phương Đông về việc thành lập *Nhóm châu Á* tại Trường đại học phương Đông. Cuối năm 1924, với nhiệm vụ được giao, sau khi trở về châu Á, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã làm nhiều việc để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Đồng thời, để tập hợp và đoàn kết các lực lượng cách mạng ở châu Á, Người đã tham gia sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á đông*, một hình thức mặt trận thống nhất chống đế quốc, bao gồm những người yêu nước Việt-nam, Trung-quốc, Ấn-độ, Triều-tiên, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái-lan... Lúc ấy, Quốc tế cộng sản đã nhận định về phong trào cách mạng ở châu Á và ở Đông-dương như sau: « Phong trào giành độc lập dân tộc trong các nước châu Á đã bước sang một giai đoạn mới. Ở Đông-dương cũng vậy, quần chúng đã thức tỉnh và đang đấu tranh không thỏa hiệp để lật đổ chủ nghĩa đế quốc...

Liên đoàn chống đế quốc và đấu tranh cho nền độc lập dân tộc kêu gọi các lực lượng và các tổ chức chống đế quốc ở Đông-dương hãy tập hợp lại và đấu tranh cùng với phong trào ở In-đô-nê-xi-a, Trung-quốc, Ấn-độ, Phi-líp-pin chống bọn đế quốc »... » (2).

Quốc tế cộng sản còn đánh giá cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Đông-dương: « Giai cấp công nhân ở thuộc địa đó ngày càng tích cực tham gia đấu tranh chống bọn bóc lột đế quốc, tư sản, phong kiến và lãnh đạo tất cả những cuộc đấu tranh » (3). « Những cuộc bãi công, những cuộc biểu tình và nổi dậy đó của những người lao động, của nông dân và thanh niên đã đạt tới mức cao, lại thêm tinh thần cách mạng của binh lính Đông-dương được phát động...

Ở Đông-dương, sự phát triển nhanh chóng phi thường của phong trào cách mạng có một tầm quan trọng lớn » (4).

★

Với tinh thần trách nhiệm cao và tình cảm cách mạng nồng nhiệt, kết hợp một cách nhuần nhuyễn tinh thần yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta và nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em; vừa theo dõi và lãnh đạo cao trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh (5), vừa động viên kịp thời tinh thần đấu tranh anh dũng

(1) Nguyễn-Ái-Quốc: *Đông-dương* (hai bài báo với nhan đề giống nhau đăng trên *Tạp chí cộng sản* số 14 tháng 4 và số 15 tháng 5 năm 1921).

(2), (4) Trích bài *Đấu tranh cho nền độc lập của Đông-dương* đăng trên Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 18, năm 1924.

(3) Trích bài *Hãy cứu lấy những người cách mạng Đông dương!* đăng trên tạp chí *Thư tín quốc tế* số 44 năm 1930.

(5) Xem bài *Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với cao trào cách mạng 1930 — 1931 và Xô viết Nghệ-tĩnh* đăng trên *Tạp chí Cộng sản* số 6.1983.

Digitized by Google

của nhân dân Ấn-độ và nhân dân Ma-lai-xi-a nhân lễ kỷ niệm ngày Lê-nin từ trần (21-1), và nêu rõ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong cuộc đấu tranh này (6).

Khi cách mạng Đông-dương bị đế quốc Pháp khủng bố rất tàn bạo, trong báo cáo của Người đề là « *Đông-dương dưới lưỡi gươm của đế quốc Pháp* », đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã phẫn nộ lên án chúng: « Đế quốc Pháp đã dùng những phát minh khoa học tối tân nhất để làm « trách nhiệm » đối với nhân dân Đông-dương. Súng máy, máy bay là những vũ khí được chúng dùng cùng một lúc với gươm kiếm và lưỡi lê để chém giết » (7). Trong nhiều báo cáo có kèm theo bảng thống kê, so sánh bằng những số liệu cụ thể, Người đã vạch trần những âm mưu, thủ đoạn và phương pháp đàn áp của đế quốc Pháp dìm cách mạng Đông-dương trong biển máu; đồng thời Người đề cao gương đấu tranh anh dũng bất khuất của cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động Đông-dương: « Tinh thần cách mạng vẫn bền vững. Mặc dầu bị đàn áp dã man như vậy, nhưng cuộc đấu tranh cách mạng vẫn tiếp diễn » (8). « Khủng bố trắng không thể làm giảm sút được tinh thần cách mạng của các chiến sĩ » (9). « Tinh thần đó sẽ đưa cách mạng đến thành công. Không có lưỡi lê nào, bom đạn nào và súng máy nào có thể dập tắt được tinh thần đó » (10). Để chứng minh tinh thần cách mạng và lòng tin của cán bộ, đảng viên vào thắng lợi của cách mạng, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã ghi lại và báo cáo với Quốc tế cộng sản về những lời nói sáng ngời khí tiết của một số chiến sĩ cộng sản khi bị đưa ra xử án tại tòa án của đế quốc:

— « Tôi vào Đảng để đấu tranh cho hạnh phúc của nhân loại ».

— « Tôi là công nhân, tôi theo Đảng để bênh vực quyền lợi của giai cấp vô sản ».

— « Tôi vào Đảng cộng sản vì chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa đúng đắn... Đánh đổ đế quốc, phong kiến, tư bản là điều chúng tôi cần làm. Đó là lời khai của tôi, các ông muốn làm gì tôi thì làm ».

— « Tôi có gan theo Đảng cộng sản thì tôi cũng có gan chịu lấy trách nhiệm... » (11).

Trước sự khủng bố tàn bạo của đế quốc Pháp, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã khẳng định niềm tin sắt đá của những người cộng sản Đông-dương lúc ấy đối với sự nghiệp cách mạng: « Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng, với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng » (12).

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã cùng Trung ương Đảng đề ra những chủ trương và biện pháp công tác nhằm xây dựng lại cơ sở, khôi phục phong trào ở những địa phương bị địch đàn áp dữ dội... Người chú trọng xây dựng và củng cố cơ sở ở những nơi tập trung công-nhân, vùng giáp giới Trung-quốc có ý nghĩa chiến lược... Người đã góp nhiều ý kiến với Trung ương Đảng về công tác giữ gìn bí mật, bảo vệ cơ quan và cán bộ. Người quan tâm chỉ đạo công tác vận động binh lính địch, căn dặn cán bộ phải biết cách khêu gợi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương rồi chuyển sang khêu gợi lòng yêu nước, thương nòi. Người còn thường xuyên giáo dục cán bộ

---

(6) Xem báo cáo của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc gửi Ban phương Đông ngày 28-1-1931 (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(7), (8), (10) Nguyễn-Ái-Quốc: *Đông-dương dưới lưỡi gươm của đế quốc Pháp*. Báo cáo gửi Quốc tế cộng sản tháng 2-1931 (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(9), (11) Nguyễn-Ái-Quốc: *Khủng bố trắng ở Đông-dương* (12-9-1931) (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

(12) Hồ-Chí-Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1983, tập 3, tr. 24.

Digitized by Google

của Đảng đang công tác ở nước ngoài phải kết hợp chặt chẽ tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Tuy hoạt động ở nước ngoài, lại hoạt động trên một địa bàn rất rộng và với trách nhiệm được giao rất lớn, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc vẫn ngày đêm lo lắng cho phong trào cách mạng trong nước. Những năm tháng Người bị đế quốc Anh bắt giam một cách trái phép tại Hương-cảng (từ tháng 6 năm 1931 đến đầu năm 1933), bị nhốt trong một xà lim riêng, sống rất khổ, nhưng không giờ phút nào Người không lo toan cho phong trào cách mạng Đông-dương và những bước đường hoạt động của Đảng...

Được sự lãnh đạo đúng đắn của Quốc tế cộng sản, được sự chỉ đạo sát và cụ thể của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và của Ban lãnh đạo của Đảng ở ngoài nước do đồng chí Lê-Hồng-Phong đứng đầu, lại có đội ngũ cán bộ, đảng viên được thử thách, tôi luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng, và hòa mình trong quần chúng nhân dân, cho nên « mặc dầu bị khủng bố, Đảng ta vẫn tồn tại và vẫn đấu tranh. Một làn sóng cách mạng mới đang dâng lên và lôi cuốn cả quần chúng lạc hậu nhất, lôi cuốn cả các dân tộc thiểu số xưa nay chưa hề tham gia đấu tranh cách mạng...

Đảng cộng sản Đông-dương chúng ta là đội tiên phong sắt thép của giai cấp vô sản Đông-dương, không có gì làm lay chuyển được. Chỉ có một đảng như thế mới có thể tổ chức lại lực lượng cán bộ, giữ được mối liên hệ với quần chúng, ra truyền đơn, sách báo bí mật, lãnh đạo các cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân. Chỉ có Đảng chúng ta là lực lượng tổ chức và tiến công của cách mạng Đông-dương » (13).

★

Sau khi thoát khỏi nhà tù của đế quốc, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc trở lại đất nước Xô viết. Người lao ngay vào việc học tập và tiếp tục theo dõi phong trào cách mạng ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Người rất quan tâm bồi dưỡng chủ nghĩa Mác—Lê-nin và kinh nghiệm công tác cho cán bộ, đảng viên của Đảng ta và một số đảng anh em ở các nước thuộc địa.

Tháng 7 năm 1935, tham dự Đại hội thứ bảy của Quốc tế cộng sản với tư cách là đại biểu Ban phương Đông, đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã đóng góp nhiều ý kiến cho Đại hội; đồng thời Người cũng hết sức giúp đỡ đoàn đại biểu của Đảng ta do đồng chí Lê-Hồng-Phong dẫn đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Đại hội.

Tháng 7 năm 1936, vận dụng đúng đắn nghị quyết của Đại hội Quốc tế cộng sản vào hoàn cảnh cụ thể của Đông-dương, Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Lê-Hồng-Phong, ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, chủ trì, đã quyết định thành lập *Mặt trận nhân dân phản đế Đông-dương* (sau đổi là *Mặt trận dân chủ Đông-dương*) nhằm tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ, đấu tranh chống kẻ thù cụ thể trước mắt là phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa Pháp, ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp, đòi tự do dân chủ và cải thiện đời sống cho nhân dân, chống phát xít xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới.

Thời gian này đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đang nghiên cứu tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ở Liên-xô. Người chăm chú theo dõi cao trào vận động dân chủ ở Đông-dương và nóng lòng muốn trở về nước để cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo phong trào. Cuối năm 1938, được Quốc tế cộng sản giao nhiệm vụ, Người đến Trung-quốc hoạt động. Trong khi chờ tìm đường về

(13) Nguyễn: *Kỷ niệm lần thứ tư ngày thành lập Đảng cộng sản Đông-dương* (tài liệu lưu tại Vụ lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

Digitized by Google

nước, từ tháng 2 đến tháng 7 năm 1939, bằng cách viết *Thư từ Trung-quốc*, với bút danh là P.C. Line. Người đã gửi nhiều bài đăng trên báo *Notre voix (Tiếng nói của chúng ta)*, tuần báo công khai của Đảng xuất bản tại Hà-nội. Nội dung những bài báo này tố cáo những tội ác man rợ của phát xít Nhật, giới thiệu với bạn đọc cuộc đấu tranh của nhân dân Trung-quốc chống Nhật. Một số bài báo của Người còn vạch mặt chỉ tên bọn tờ rốt kít Trung-quốc là chó săn của phát xít Nhật và phát xít quốc tế. « Bọn tờ rốt kít không chỉ là kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản, mà còn là kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ. Đó là bọn phản bội và mật thám tồi tệ nhất » (14). Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc đã gửi thư cho Trung ương Đảng ta, đề ra những ý kiến lãnh đạo đúng đắn về đường lối chiến lược và sách lược trong thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông-dương. Những ý kiến ấy, Người đã tóm tắt trong bản báo cáo gửi Ban chấp hành Quốc tế cộng sản tháng 7 năm 1939:

Về khẩu hiệu đấu tranh: trong thời kỳ chính phủ Mặt trận nhân dân đang cầm quyền ở Pháp, « Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện...) chỉ nên đòi các quyền dân chủ tự do, tổ chức... đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp » (15)

Về vấn đề mặt trận: « Muốn đạt được mục đích trên phải ra sức tổ chức một Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi. Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông-dương mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông-dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc.

Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo. Phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần. Tránh hết sức để họ ở ngoài mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng » (16).

Về vai trò lãnh đạo của Đảng: « Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thật nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác — Lê-nin để nâng cao trình độ văn hóa và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng cộng sản Pháp » (17).

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc còn nhắc Trung ương Đảng phải hết sức cảnh giác trước âm mưu xâm lược của phát xít Nhật...; phải lột mặt nạ bọn tờ rốt kít làm tay sai cho phát xít, « phải tiêu diệt chúng về chính trị » (18); Đảng phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị...

Những ý kiến trên đây thể hiện sự vận dụng sáng tạo nghị quyết Đại hội thứ bảy của Quốc tế cộng sản vào điều kiện cụ thể của Đông-dương trong thời kỳ vận động dân chủ.

Dưới ánh sáng của nghị quyết đó, được sự lãnh đạo đúng đắn của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc và của Đảng,

(Xem tiếp trang 60)

(14) Hồ-Chí-Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập 3, tr. 99.

(15),(16) Hồ-Chí-Minh: sách đã dẫn, tr 114.

(17), (18) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn. tr. 115.

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TIẾN HÀNH CÁCH MẠNG VÔ SẢN DƯỚI HÌNH THỨC NÀY HOẶC HÌNH THỨC KHÁC

QUYẾT - TIẾN

Đây cũng là một quy luật phổ biến của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội mà những người cách mạng chân chính ở tất cả các nước đều phải tuân theo, nếu muốn trung thành phục vụ cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Thật vậy, việc tiến hành cách mạng vô sản hay cách mạng xã hội chủ nghĩa, dù dưới bất cứ hình thức nào, từ lâu đã trở thành một việc tất yếu, do sự phát triển khách quan của xã hội tư bản chủ nghĩa quy định.

Dựa vào việc phân tích những mâu thuẫn trong xã hội tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghen đã rút ra kết luận là: phải tiến hành cách mạng vô sản, đưa giai cấp công nhân lên nắm chính quyền Nhà nước, thiết lập chuyên chính vô sản. Trong hoàn cảnh chủ nghĩa tư bản còn ở giai đoạn tự do cạnh tranh, Mác và Ăng-ghen cho rằng cuộc cách mạng vô sản phải được tiến hành đồng thời trong nhiều nước, ít nhất là trong các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu, thì mới thắng lợi được. Và cuộc cách mạng ấy tất yếu phải tiến hành bằng bạo lực (trừ trường hợp nước Anh và nước Mỹ lúc bấy giờ là những nước mà chủ nghĩa quân phiệt chưa phát triển), phải đập tan bộ máy Nhà nước cũ và lập ra một bộ máy Nhà nước mới của giai cấp vô sản. Mác và Ăng-ghen cũng đã đề xuất tư tưởng về sự liên minh giữa phong trào vô sản và phong trào nông dân.

Kế tục những tư tưởng ấy của Mác và Ăng-ghen, trong thời đại mới của lịch sử thế giới, khi mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin đưa ra một học thuyết hoàn chỉnh về cách mạng vô sản.

Digitized by Google

Lê-nin cho rằng: trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, cách mạng vô sản đã trở thành vấn đề trực tiếp, do sự chín muồi của những mâu thuẫn trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, và do những tiền đề vật chất của chủ nghĩa xã hội đã được chuẩn bị đầy đủ.

Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát và rầy chết; là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là «đêm trước của cách mạng vô sản». Trong thời đại này, nhất là từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, phong trào vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa có thể và phải liên minh với phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức thành một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế.

Căn cứ vào quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, quy luật này dẫn đến sự chín muồi không đều của cách mạng vô sản trong các nước khác nhau, Lê-nin cho rằng cách mạng vô sản có thể nổ ra và giành thắng lợi ở một số nước, thậm chí trong một nước riêng biệt – nước này không nhất thiết là nước phát triển nhất về kinh tế, trái lại đó có thể là nước có nền kinh tế phát triển thấp hơn nhưng lại là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Luận điểm cực kỳ quan trọng và sáng tạo đó của Lê-nin, về sau đã được thực tiễn lịch sử hoàn toàn chứng thực.

Cùng với luận điểm cơ bản nói trên, Lê-nin còn đề xuất và chứng giải nhiều luận điểm mới về nguyên tắc của lý luận và thực tiễn cách mạng vô sản. Đó là những luận điểm về tình thế cách mạng, về những động lực và những giai đoạn phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa, về các quy luật phát triển của quá trình cách mạng thế giới, về chuyên chính vô sản, về các đồng minh của giai cấp vô sản, về vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản trong việc cải tạo xã hội bằng cách mạng v.v.

Chúng ta biết rằng cách mạng vô sản là một cuộc cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất trong lịch sử loài người. Đó cũng là một cuộc cách mạng toàn diện, lâu dài, phức tạp và đầy khó khăn. Tính sâu sắc, triệt để, toàn diện và lâu dài ấy là do mục đích, nội dung, đặc điểm của cuộc cách mạng ấy quyết định.

Mục đích của cách mạng vô sản không phải là thay thế chế độ bóc lột này bằng chế độ bóc lột khác, sự thống trị của giai cấp bóc lột này bằng sự thống trị của giai cấp bóc lột khác mà là thủ tiêu mọi hình thức bóc lột, mọi sự thống trị giai cấp, đưa nhân dân lao động lên địa vị người làm chủ xã hội, xây dựng một xã hội không còn giai cấp và chế độ người bóc lột người, xây dựng một xã hội văn minh và hạnh phúc cho tất cả mọi người lao động.

Với mục đích như thế, cuộc cách mạng vô sản đương nhiên phải mang tính chất toàn diện nghĩa là nó phải tiến hành trên tất cả mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và tư tưởng, song lĩnh vực kinh tế là lĩnh vực cơ bản nhất của đời sống xã hội, cho nên cuộc cách mạng vô sản chủ yếu là một cuộc cách mạng kinh tế – xã hội, đúng như Mác đã nói: việc giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là một mục đích vĩ đại mà bất cứ phong trào chính trị nào của giai cấp vô sản cũng phải phục tùng. Một sự giải phóng về kinh tế như thế tất yếu bao gồm sự thủ tiêu chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, giải phóng lực lượng sản xuất của toàn xã hội, phát triển lực lượng sản xuất mạnh mẽ, trên cơ sở đó xóa bỏ chế độ người bóc lột người, tiến tới xóa bỏ các giai cấp nói chung. Đó chính là nội dung kinh tế – xã hội cơ bản của cách mạng vô sản.

Digitized by Google

Dương nhiên muốn đạt được sự giải phóng kinh tế, giai cấp vô sản trước hết phải thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng chính trị, lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền về tay mình và toàn thể nhân dân lao động. Đó là tiền đề không thể thiếu được để thực hiện sự giải phóng về mặt kinh tế.

Song nội dung của cách mạng vô sản không chỉ bao gồm các mặt kinh tế — xã hội và chính trị. Cuộc cách mạng vô sản còn có nội dung về tư tưởng và văn hóa nữa. Nghĩa là nó phải giải phóng nhân dân lao động ra khỏi mọi xiềng xích nô lệ về tinh thần, thiết lập thế giới quan khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, xây dựng một nền văn hóa mới và những con người mới xã hội chủ nghĩa có ý thức làm chủ tập thể, có trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật ngày càng cao, có thái độ lao động mới, có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Như vậy, nội dung toàn diện của cách mạng vô sản là tiến hành cách mạng về chính trị, kinh tế, văn hóa và tư tưởng nhằm cải tạo triệt để xã hội cũ và xây dựng xã hội mới về mọi mặt. Mà như vậy tất yếu nó phải bao gồm cả hai mặt: cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, hai mặt này liên quan khăng khít với nhau, trong đó xây dựng là chủ yếu. Dương nhiên hai mặt đó của cách mạng vô sản được tiến hành thông qua cuộc đấu tranh gay gắt chống lại kẻ thù giai cấp trong và ngoài nước và vượt qua những tư tưởng và hành động tiêu cực trong nội bộ nhân dân lao động, kể cả giai cấp tiên phong và đảng của nó.

Khác với các cuộc cách mạng trước kia trong lịch sử loài người, cách mạng vô sản có những đặc điểm là: nó thiết lập sự thống trị chính trị của đa số nhân dân lao động thay cho sự thống trị của thiểu số bọn bóc lột; với việc giành được chính quyền Nhà nước, thiết lập chuyên chính vô sản, cách mạng vô sản mới chỉ coi như bắt đầu chứ chưa phải là kết thúc, bởi vì quan hệ sản xuất và những hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa không thể ra đời trong lòng xã hội cũ mà phải xây dựng từ đầu, dựa vào tiền đề thắng lợi của cách mạng chính trị; cách mạng vô sản không chỉ đưa trình độ văn hóa của nhân dân lên rất cao, mà còn phải làm cho nhân dân lao động hoàn toàn đoạn tuyệt với hệ tư tưởng của giai cấp bóc lột và mọi tập tục xấu xa của xã hội cũ, đó là điều mà không một cuộc cách mạng nào trước đây tự đặt cho mình nhiệm vụ phải làm, và làm nổi.

Với những nội dung và đặc điểm như thế, cách mạng vô sản không chỉ là một cuộc cách mạng toàn diện, mà còn là một cuộc cách mạng hết sức sâu sắc và triệt để. Do đó, mà nó cũng rất khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua những cuộc đấu tranh rất quyết liệt chống lại mọi kẻ thù giai cấp và phải vượt qua sự phản ứng và ngăn trở của các thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa cùng những tập tục xấu xa của xã hội cũ.

Và điều đó đòi hỏi phải có sự lãnh đạo sáng suốt và kiên cường của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân — giai cấp tiên tiến nhất trong lịch sử loài người; cũng như phải có những lực lượng cách mạng hùng mạnh mới mong giành được thắng lợi cho cách mạng vô sản.

Đảng tiên phong phải tiêu biểu cho tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân, tiêu biểu cho lòng dũng cảm, đức tính hy sinh, sự trung thành phục vụ lợi ích của toàn thể nhân dân lao động. Nó phải có kỷ luật rất nghiêm ngặt, có quan hệ gắn bó với quần chúng lao động. Đặc biệt nó phải có sự sáng suốt của một đảng

Digitized by Google

Mác – Lê-nin, có năng lực định ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn và động viên, tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối, chiến lược và sách lược đã vạch ra, biết kết hợp mục tiêu trước mắt với mục tiêu lâu dài, kết hợp nguyên tắc cứng rắn với sách lược mềm dẻo, kết hợp sức mạnh trong nước với sức mạnh của sự ủng hộ quốc tế. Một đảng như thế, đương nhiên là phải có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Trong những lực lượng của cách mạng vô sản, nổi bật lên là sự liên minh giữa công nhân và nông dân lao động. Đó là hai giai cấp cơ bản, hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Đương nhiên ngoài hai giai cấp đó, lực lượng của cách mạng vô sản còn có thể bao gồm những tầng lớp lao động khác, và trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, nó tất yếu còn gồm cả tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa.

Tất cả những vấn đề nói trên, từ sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân đến việc bố trí các lực lượng cách mạng, từ lâu đã được chủ nghĩa Mác – Lê-nin giải quyết như những vấn đề quan trọng của chiến lược cách mạng vô sản. Và điều đó tạo nên tính nhân dân sâu sắc, và tính quốc tế cao cả của cách mạng vô sản.

Một trong những vấn đề rất quan trọng của lý luận và thực tiễn cách mạng vô sản là vấn đề phương thức giành chính quyền hay hình thức đấu tranh giành thắng lợi cho cách mạng vô sản.

Chủ nghĩa Mác – Lê-nin nhận định rằng vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Chỉ có dùng bạo lực cách mạng của quần chúng đập tan bạo lực phản cách mạng của các giai cấp bóc lột thống trị thì mới giành được chính quyền về tay nhân dân lao động và xây dựng xã hội mới. Vì các giai cấp bóc lột không bao giờ lại tự nguyện rút lui khỏi vũ đài chính trị, từ bỏ chính quyền của nó, từ bỏ việc áp bức, bóc lột nhân dân lao động.

Theo Mác và Ăng-ghen thì bạo lực là bà đỡ cho mọi xã hội cũ đang thai nghén một xã hội mới. Và Lê-nin cho rằng tư tưởng cách mạng bạo lực ấy là nền móng của toàn bộ học thuyết của Mác và Ăng-ghen. Người khẳng định rằng: theo quy luật chung thì Nhà nước tư sản chỉ có thể nhường chỗ cho Nhà nước vô sản bằng một cuộc cách mạng bạo lực mà thôi. Kết luận đó đến nay vẫn giữ nguyên giá trị của nó.

Cần nhấn mạnh rằng việc có dùng bạo lực cách mạng của quần chúng để đập tan bộ máy Nhà nước của các giai cấp bóc lột và thiết lập Nhà nước chuyên chính vô sản hay không, đó là một tiêu chuẩn cơ bản để phân biệt những người mác xít – lê nin nít với bọn cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc.

Đương nhiên có nhiều hình thức của bạo lực cách mạng: khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh cách mạng, nổi dậy của quần chúng kết hợp với cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang cách mạng hoặc nổi dậy của quần chúng với sự hậu thuẫn hay yểm hộ của các lực lượng vũ trang cách mạng v.v. Đứng trên góc độ khác mà xét thì bạo lực cách mạng có thể diễn ra một cách hòa bình hay không hòa bình, và điều này chủ yếu là do đặc điểm cụ thể của từng nước, do so sánh lực lượng cụ thể giữa các giai cấp đối địch, do mức độ và hình thức phản kháng của các giai cấp bóc lột quyết định. Những người cộng sản bao giờ cũng mong muốn giành thắng lợi với sự tổn thất và hy sinh ít nhất. Song cần thấy rằng trong điều kiện tồn tại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa quân phiệt thì khả năng quá độ hòa bình lên chủ nghĩa xã hội là rất quý và rất hiếm. Bởi vậy trong khi lãnh đạo cách mạng,

Digitized by Google

những người cộng sản bao giờ cũng phải chuẩn bị cả hai khả năng: quá độ không hòa bình và quá độ hòa bình, nhưng chủ yếu là phải chuẩn bị khả năng không hòa bình. Nếu ảo tưởng quá độ hòa bình một cách dễ dãi thì sẽ rất nguy hiểm.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin không phủ nhận đấu tranh nghị viện, là một hình thức phát triển hòa bình của cách mạng. Cuộc đấu tranh nghị viện, nếu tiến hành đúng đắn, theo tinh thần cách mạng, nhằm vạch mặt kẻ thù và khơi dậy tinh thần tự giác cách mạng của quần chúng lao động là một việc làm có ích cho cách mạng. Song tác dụng cao nhất của nó chỉ là hỗ trợ cho cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng ngoài nghị viện, dưới sự lãnh đạo của đảng mác xít — lê nin nít chân chính. Nếu coi đấu tranh nghị viện là hình thức đấu tranh duy nhất hay chủ yếu của cách mạng thì là sai lầm và nguy hiểm. Những đảng sùng bái con đường nghị viện đều đã phải trả giá đắt cho hành động sai lầm của mình.

Một vấn đề quan trọng về lý luận (và cả về thực tiễn nữa) có liên quan khăng khít đến cách mạng vô sản (hay nói đúng hơn, vấn đề này nằm ngay trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội) là lý luận về cách mạng không ngừng, về sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Những tư tưởng về cách mạng không ngừng đã được Mác và Ăng-ghen nêu lên đầu tiên, xuất phát từ yêu cầu giải quyết những nhiệm vụ cách mạng trước mắt để từng bước tiến tới mục đích cuối cùng của giai cấp vô sản. Mác và Ăng-ghen chỉ ra những lợi ích và nhiệm vụ của những người cộng sản là làm cho cách mạng trở thành không ngừng cho tới khi giai cấp vô sản giành được chính quyền Nhà nước, thủ tiêu chế độ tư hữu và xây dựng xã hội mới. Trong khi chưa có điều kiện trực tiếp làm cách mạng vô sản thì giai cấp vô sản, với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập, cần tham gia cuộc cách mạng dân chủ tư sản chống chế độ chuyên chế phong kiến, và sau khi thắng lợi thì tùy theo lực lượng và tổ chức của mình mà chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lê-nin cho rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, vấn đề đặt ra cho giai cấp vô sản không phải chỉ là ủng hộ giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản, không phải chỉ là tham gia cuộc cách mạng ấy mà là đấu tranh giành quyền lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, biến cuộc cách mạng ấy thành cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. Cuộc cách mạng này phải được tiến hành trên cơ sở liên minh giữa giai cấp vô sản với nông dân, nhằm thiết lập chuyên chính dân chủ cách mạng của công nông. Lê-nin chỉ ra rằng cách mạng dân chủ tư sản càng triệt để thì càng tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh sau này của giai cấp vô sản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và muốn chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì giai cấp vô sản phải giữ vững và tăng cường quyền lãnh đạo của mình đối với cách mạng, phải thực hiện và củng cố sự liên minh với nông dân lao động và phải chuẩn bị cơ sở cho việc thiết lập chuyên chính vô sản.

Cũng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin cho rằng sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới phải được thực hiện thông qua sự liên minh chặt chẽ giữa phong trào vô sản ở các nước đế quốc tư bản với phong trào giải phóng dân tộc, dưới khẩu hiệu « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại! ».

Thực tiễn cách mạng các nước trong hơn nửa thế kỷ qua đã chứng

Digitized by Google

minh rằng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về cách mạng vô sản là hoàn toàn đúng. Việc hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa đã ra đời ở khắp các lục địa, việc hình thành và lớn mạnh nhanh chóng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chứng tỏ rằng tính tất yếu của cách mạng vô sản, từ lĩnh vực lý luận đã trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống của nhiều dân tộc. Đấy là chưa kể, một số dân tộc khác đã chọn cho mình khuynh hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước.

Thực tiễn cũng chứng tỏ rằng việc dùng bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản cách mạng của kẻ thù là quy luật phổ biến của cách mạng vô sản trong thời đại ngày nay. Phải dùng sức mạnh vô địch của quần chúng có tổ chức và ít nhiều có vũ khí đập tan bộ máy Nhà nước của các giai cấp bóc lột, thiết lập chuyên chính vô sản, tiến hành cải tạo xã hội bằng cách mạng, xây dựng nên một xã hội hoàn toàn mới, đó là điều mà tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đều đã làm để bảo đảm cho quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi. Khái niệm bạo lực bao giờ cũng phải bao hàm sức mạnh của vũ khí ở mức độ nhất định. Đúng là ở một vài nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa được tiến hành bằng phương pháp hòa bình. Đó là do ở các nước ấy, giai cấp vô sản đã nắm được quyền lãnh đạo cách mạng dân chủ hoặc có lực lượng và vai trò lớn trong cách mạng ấy khiến cho về sau nó có điều kiện thuận lợi để loại trừ bọn tư sản phản động, nắm được quyền lãnh đạo quần chúng tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các đảng vô sản ở các nước này đều có lực lượng vũ trang quần chúng trong tay. Còn cần phải kể thêm đến điều kiện quốc tế thuận lợi của các nước ấy do có sự giúp đỡ mạnh mẽ của Liên-xô. Tất cả những tình hình ấy làm cho bọn phản động không dám dùng vũ khí chống lại quá trình chuyển biến từ cách mạng dân chủ lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song ngay cả trong những trường hợp như vậy, chúng ta cũng không được quên rằng nhân dân cách mạng ở các nước ấy đã phải trải qua cuộc chiến tranh ác liệt chống chủ nghĩa phát xít quốc tế và bè lũ tay sai của chúng ở trong nước — trong cuộc chiến tranh này, họ đã phải cầm súng chống lại kẻ thù của giai cấp và dân tộc, đã phải hy sinh biết bao xương máu để cuối cùng, với sự giúp đỡ có tính chất quyết định của quân đội Liên-xô họ đã chiến thắng kẻ thù, đưa cách mạng dân chủ nhân dân đến thắng lợi, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra sau này.

Riêng ở Việt-nam, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về cách mạng vô sản vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Đảng ta ngay từ đầu đã xác định đi con đường cách mạng vô sản để cứu nước và giải phóng dân tộc, theo đúng tư tưởng của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc, người Việt-nam đầu tiên đã tìm thấy chân lý ở chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Trong điều kiện một nước thuộc địa, nửa phong kiến, Đảng ta chủ trương đi con đường đó bằng cách thực hiện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam. Cuộc cách mạng này ngay từ đầu đã đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, với một mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi, dựa trên cơ sở liên minh công nông vững chắc — đội quân chủ lực của cách mạng Việt-nam.

Và trong tiến trình cách mạng, Đảng ta đã tùy theo tình hình cụ thể từng lúc, từng giai đoạn cách mạng mà vận dụng chiến lược và sách lược

Digitized by Google

cách mạng thích hợp như ta đã thấy trong suốt quá trình lịch sử của Đảng.

Đặc biệt là Đảng ta đã có sáng tạo lớn trong việc vận dụng hình thức của bạo lực cách mạng trong điều kiện cụ thể của nước ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt-nam, Đảng ta đã thực hiện đúng đắn những lời dạy sau đây của Hồ Chủ tịch

« Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền » (1).

« Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng » (2).

Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt-nam trong hơn nửa thế kỷ qua đã chứng minh rằng những lời dạy nói trên của Hồ Chủ tịch là hoàn toàn đúng.

Quả vậy, trong suốt quá trình cách mạng Việt-nam, kể từ cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã kiên trì thực hiện đường lối bạo lực cách mạng mà hình thức cơ bản là sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị. Nhờ vậy mà đã đưa cách mạng Việt-nam đến thắng lợi rực rỡ như ngày nay

Như vậy, thực tiễn cách mạng Việt-nam đã góp phần mình vào việc làm sáng tỏ một trong những quy luật phổ biến của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội: đó là quy luật phải tiến hành cách mạng vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác. Không tiến hành cách mạng vô sản bằng hình thức thích hợp, không sử dụng bạo lực cách mạng thì không bao giờ có thể đưa quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi được. Đó thật là một chân lý hiển nhiên.

---

(1), (2) Hồ-Chí-Minh: *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc.*

Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc...

(Tiếp theo trang 53)

phong trào đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, đòi cải thiện đời sống của nhân dân ta đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia và qua đó đã giáo dục ý thức chính trị cho hàng triệu người. Theo đà phát triển của phong trào cách mạng của quần chúng, uy tín của Đảng và của đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc càng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân

Digitized by Google

CHỨC VỤ VÀ UY TÍN

THÔNG thường, bất cứ người lãnh đạo nào cũng phải có một uy tín nhất định; chức vụ càng cao thì uy tín càng lớn. Bởi vì không có uy tín thì không thể lãnh đạo, thuyết phục và tập hợp người khác được. Uy tín là điều kiện bảo đảm hiệu quả công tác của người lãnh đạo. Người lãnh đạo không có uy tín thì nói chẳng ai nghe, làm chẳng nên trò trống gì. Vả chăng, khi tập thể và cấp trên giao cho người nào đó một chức vụ nào đó tức là đã căn cứ vào phẩm chất, năng lực và uy tín của anh ta rồi. Không có uy tín, làm sao anh ta có thể được cất nhắc, đề bạt?

Nhưng dĩ nhiên sự đời không đơn giản như vậy. Không phải hễ cứ có chức vụ là đã có uy tín, càng không phải đã có uy tín đầy đủ. Uy tín, theo đúng nghĩa chân chính của nó là *sự tín nhiệm mà người đó có được bằng chính phẩm chất và tài năng của mình*. Chức vụ không đẻ ra uy tín, không quyết định uy tín. Uy tín không phải bao giờ cũng tỉ lệ thuận với chức vụ. Thực tế đã chẳng có những người ở cương vị khá cao, thậm chí rất cao nhưng lại không có uy tín hoặc uy tín quá thấp đó sao? Ở nơi này nơi nọ, đã chẳng có những «thủ trưởng» nói mà quần chúng và cấp dưới không muốn nghe, thậm chí còn bị quần chúng chê trách, muốn «tẩy chay» đó sao?

Rõ ràng, giữa chức vụ và uy tín tuy có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng không phải là một. Theo ý nghĩa nào đó, có thể hiểu mối quan hệ giữa chức vụ và uy tín như là mối quan hệ giữa hình thức và nội dung. Chức vụ là hình thức, còn uy tín là nội dung. Chức vụ là điều kiện khách quan để củng cố và nâng cao uy tín, trong khi uy tín là cái quyết định sự tồn tại của chức vụ. Nếu uy tín mất đi thì theo quy luật thông thường, chức vụ trước sau cũng sẽ mất theo.

Trong thực tế cũng có những trường hợp một người nào đó ở tập thể này thì có uy tín, nhưng khi chuyển sang tập thể khác lại không có uy tín, hoặc ngược lại. Ngay trong một đơn vị, người lãnh đạo có thể có uy tín cao với một số người này nhưng lại không có uy tín như thế với số người khác. Điều đó chứng tỏ cách xem xét, đánh giá của những người chung quanh, cũng như môi trường công tác và đặc điểm của mỗi tập thể cũng có ảnh hưởng đến việc xây dựng uy tín của một người.

Digitized by Google

Ví dụ như, một người lãnh đạo vốn có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn giỏi, lại phụ trách một tập thể tốt, đoàn kết nhất trí thì dễ phát huy tác dụng và do đó dễ có uy tín hơn là phải phụ trách một đơn vị mà nội bộ có nhiều vấn đề phức tạp. Nhưng dù sao môi trường công tác cũng chỉ là hoàn cảnh khách quan góp phần thử thách và kiểm nghiệm uy tín của một người, chứ không phải là cái quyết định uy tín.

Vậy cái gì quyết định uy tín? Uy tín hình thành và phát triển theo con đường nào?

Thực tế đã cho biết, uy tín là sự phản ánh phẩm chất và năng lực của một người, do đó tất yếu nó phải do phẩm chất và năng lực quyết định. Nó phải là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố thuộc về sự nỗ lực chủ quan của một người trên cả hai mặt phẩm chất và năng lực, trong đó cần bật nhất, quan trọng nhất là những yếu tố sau đây:

— Sự gương mẫu, gương mẫu đến mức thước về các mặt, đặc biệt là về mặt chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có lối sống trong sạch, tận tụy hy sinh vì tập thể.

— Có tầm hiểu biết rộng lớn, bao gồm cả nhãn quan chính trị, trình độ nhận thức và vốn sống.

— Có tinh thần trách nhiệm, có năng lực tổ chức, thể hiện ở chỗ hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

— Liên hệ chặt chẽ và có quan hệ đúng đắn với quần chúng, trước hết là với những người cùng cộng tác hoặc có quan hệ trực tiếp với mình.

Không có những yếu tố đó, người lãnh đạo không thể có uy tín được. Uy tín không phải tự nhiên mà có. Nó phải là kết quả của sự phấn đấu và rèn luyện gian khổ, bền bỉ của bản thân mỗi người. Một người lãnh đạo, bằng hành động thực tế của mình, chứng tỏ được rằng mình thật sự có phẩm chất và tài năng thì «hữu xạ tự nhiên hương», tự nhiên họ sẽ được quần chúng tin yêu, kính trọng và tín nhiệm. Trái lại, một người nào đó nếu không gương mẫu, chỉ nói không làm, lời nói không đi đôi với việc làm, không nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, không đảm đương nổi nhiệm vụ được giao, thậm chí còn lợi dụng chức quyền làm điều sai trái, thì dù họ có nắm giữ chức vụ gì, dù họ có tự đề cao bao nhiêu, có được người này người khác tán tụng như thế nào, họ cũng vẫn không thể có uy tín. Lê-nin đã dạy: Người lãnh đạo cần phải giành lấy uy tín tuyệt đối trong quần chúng bằng chính nghị lực của mình, bằng ảnh hưởng tư tưởng và hành động thực tế của mình, chứ không phải bằng danh hiệu và chức vụ (1). Hồ Chủ tịch cũng căn dặn: «Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ «cộng sản» mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước»(2).

Như thế, xây dựng cho được một uy tín cần thiết không phải là việc dễ dàng. Phấn đấu để giữ vững và không ngừng nâng cao uy tín càng khó khăn hơn. Nó đòi hỏi phải có ý chí, có nghị lực. Người ở cương vị càng cao càng phải hết sức chăm lo giữ gìn uy tín, vì uy tín của họ không phải đơn thuần chỉ là uy tín cá nhân mà còn liên quan đến uy tín chung của tập thể, của Đảng. Chỉ cần họ một phút thiếu cảnh giác với mình, buông thả

(1) Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập* (bản tiếng Nga), tập 45, tr. 363

(2) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tr. 58.

Digitized by Google

mình là có thể phạm sai lầm lớn, làm mất uy tín của mình, làm hại thanh danh của Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà ông cha ta đã đúc kết: «Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng»!

Không nhận thức đầy đủ những điều nói trên, hiện nay trong chúng ta có một số người lầm tưởng rằng dường như họ cứ có chức vụ là đã có uy tín, mọi lời nói và việc làm của họ đều được quần chúng đồng tình. Từ đó, họ chủ quan trong công tác, không chịu học tập, rèn luyện, không khiêm tốn, không dân chủ khi bàn bạc công việc, thậm chí cả nhân, độc đoán, thích «lên lớp» dạy bảo người khác, thích người khác phải trọng vọng, quy lụy mình. Họ không biết rằng do kém gương mẫu, kém năng lực, làm nhiều việc sai trái, họ không được quần chúng tin nhiệm nữa, uy tín của họ đã mất rồi.

Cũng có người muốn xây dựng cho mình một uy tín nào đó, nhưng không phải bằng nghị lực và sự gương mẫu của mình, mà lại bằng những thủ thuật riêng, đại loại như: tranh thủ, lôi kéo người này, công kích nói xấu người khác, hạ uy tín người khác để đề cao mình; xun xoe nịnh bợ, lấy lòng cấp trên, làm ra vẻ mình là người gần gũi, tin cậy của cấp trên; cố giữ một khoảng cách nào đó với quần chúng và cấp dưới, vuốt ve, đe nạt cấp dưới, cố tỏ ra ta đây là «nhân vật quan trọng»; chỉ nhận làm và muốn làm những việc nào «ngon ăn», dễ «nổi tiếng»; báo cáo láo, tô vẽ thành tích để được «nổi tiếng», v. v. Những người như thế thường rất chú ý giữ mình, giữ mình đến tròn như hòn bi, không dám nói thẳng, nói thật. Làm việc gì cũng chỉ sợ sai, sợ bị phê bình, sợ bị mất «uy tín». Họ không biết rằng, với những thủ đoạn ấy, họ chẳng bao giờ xây dựng cho mình được uy tín, mà nếu có chăng thì «uy tín» của họ cũng chỉ là uy tín giả, uy tín bề ngoài, không hơn không kém.

Tệ hơn nữa là có một số người bất chấp cả việc giữ gìn thanh danh, uy tín, lợi dụng chức quyền để ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu, ức hiếp quần chúng. Trên thực tế, họ đã thoái hóa biến chất, sa sút nghiêm trọng về phẩm chất đạo đức, không còn một chút uy tín nào trước nhân dân. Điều đáng chú ý là trong bộ phận ấy có cả một số cán bộ đã từng lăn lộn nhiều năm trong thời kỳ đấu tranh chống địch, đã từng có uy tín khá lớn trong quần chúng.

Nói rộng ra một chút, ngoài phạm vi một cá nhân, đôi khi ta còn gặp cả một nhóm người vì lẽ này lẽ nọ, họ tán tụng, đề cao «uy tín» của nhau. Khi phạm khuyết điểm, sai lầm, họ vào hùa với nhau để tìm cách lấp liếm, bênh che, giữ gìn «uy tín» cho nhau. Có khi nhờ «phù phép» mà trước cấp trên và quần chúng, tội của họ biến thành công, làm ăn chẳng ra gì nhưng lại rùm beng là có thành tích lớn; họ được nhận đủ thứ danh hiệu và tước vị, giấy khen và tiền thưởng; một vài cá nhân nào đó «uy tín» lên như diều!

Những hiện tượng không lành mạnh nói trên là hoàn toàn xa lạ với chúng ta, những người cộng sản, những người cách mạng chân chính. Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần phê phán rất gay gắt những hiện tượng đó. Trong nhiều nghị quyết, Đảng ta đã khẳng định mạnh mẽ rằng cần phải kiên quyết thi hành kỷ luật những cán bộ, đảng viên làm bậy, phải thay đổi những cán bộ, đảng viên không có đủ những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đảm đương trách nhiệm được giao, không còn uy tín trước quần chúng. Nhưng đang

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

VỀ THỊ HIẾU THẨM MỸ CỦA THANH NIÊN Ở CÁC TỈNH, THÀNH MIỀN NAM

TRẦN-TRỌNG-ĐĂNG-ĐÀN

SINH hoạt văn hóa, văn nghệ tại các tỉnh, thành miền Nam ngày càng thu hút đông đảo công chúng. Tại khu vực 32 cũ, trong năm 1982, có ngót 100 triệu lượt người xem phim. Có những bộ phim mới chỉ phát hành một đợt đầu đã có ngót một triệu lượt người xem. Ở thành phố Hồ-Chí-Minh mỗi năm có từ 25 đến 27 triệu lượt người xem văn nghệ quần chúng, 8 đến 9 triệu lượt người xem sân khấu chuyên nghiệp, 1 triệu rưỡi lượt người xem các nhà bảo tàng. Trên địa bàn thành phố này có những tháng, hàng đêm có tới 50 nghìn người đi xem biểu diễn ca nhạc. Nghĩa là hàng tháng công chúng sẵn sàng chi ra ít nhất 15 triệu đồng để được thưởng thức riêng bộ môn ca nhạc.

Lực lượng công chúng đọc sách báo, xem triển lãm, tham gia sinh hoạt các nhà văn hóa, câu lạc bộ ở đây cũng hết sức lớn. Cho đến giữa năm 1983, thành phố đã có 232 nhà văn hóa, câu lạc bộ thuộc các cấp, các ngành, thu hút hằng năm trên 20 triệu lượt người tham gia. Ở đây, có những cơ sở như Câu lạc bộ lao động, Nhà văn hóa thanh niên thành phố thuộc hạng lớn nhất nước. Chỉ riêng trong một Nhà văn hóa thanh niên thành phố đã có trên 30 đội, nhóm, câu lạc bộ nhỏ, có trên 100 lớp học, ngót 60 loại hình hoạt động khác nhau. Tám năm qua, Nhà văn hóa thanh niên thành phố đã thu hút hơn 8 triệu lượt người đến sinh hoạt và riêng trong năm 1983, số lượt người đến sinh hoạt tại đây dự tính lên tới một triệu sáu mươi vạn.

Tham gia sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tại các tỉnh, thành miền Nam hiện nay, thanh niên chiếm một tỷ lệ rất lớn.

Theo sự thăm dò gần đây nhất, chúng tôi được biết trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ hiện nay chỉ có 6,03% số người thuộc lứa tuổi từ 46 trở lên, 21,73% số người từ 31 đến 45 tuổi, trong khi đó có tới 72,24% số người thuộc lứa tuổi từ 15 đến 30 — tức là thanh niên.

Chúng ta dễ dàng nhất trí với nhau rằng: một sinh hoạt văn hóa không ai chịu tham gia, một tác phẩm văn nghệ không ai muốn thưởng thức thì đó là sinh hoạt văn hóa dở, là tác phẩm văn nghệ dở. Nhưng, một sinh

Digitized by Google

hoạt văn hóa, một tác phẩm văn nghệ được thật nhiều người tham gia, thật nhiều người hưởng ứng ở đây phải chăng đã là sinh hoạt văn hóa tốt, phải chăng đã là tác phẩm văn nghệ hay?

Câu hỏi giản đơn, nhưng trả lời cho thật đúng, hoàn toàn không đơn giản. Bởi vì nó kéo theo nhiều câu hỏi khác, phức tạp hơn. Công chúng, trong đó gần 3/4 là thanh niên đó, tại thành phố Hồ-Chí-Minh và tại miền Nam nói chung, là ai? Thị hiếu thẩm mỹ nơi họ được hình thành trên cơ sở nào? Loại thị hiếu thẩm mỹ nào nơi họ phải chiều theo? Loại thị hiếu thẩm mỹ nào phải kiên quyết gạt bỏ, v.v. Trả lời đúng cho mỗi câu hỏi đó thật không dễ. Mà mỗi sai lầm trong việc trả lời cho một trong những câu hỏi ấy lại dễ kéo theo những sai lầm mới. Sai lầm không chỉ trong điển xuất của diễn viên, của đạo diễn, của những người tổ chức in ấn, phát hành, xuất bản sách báo, của những người tổ chức cụ thể các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, v.v. mà có thể sai lầm ngay từ trong suy nghĩ của những người sáng tác văn nghệ lúc họ cầm bút ngồi trước trang giấy trắng. Và cùng với những sai lầm ấy có thể kéo theo cả những sai lầm trong tư duy lý luận của một số người đề xuất chủ trương văn hóa, văn nghệ, hoặc công tác trên mặt trận đấu tranh tư tưởng và trước hết là trong lực lượng thanh niên của chúng ta.

Tình hình về thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên và của công chúng văn hóa, văn nghệ tại các tỉnh, thành miền Nam nói chung là rất phức tạp.

Sau mấy năm theo dõi công chúng sân khấu chẳng hạn, đặc biệt là sân khấu kịch nói, ở thành phố Hồ-Chí-Minh, cho đến khoảng đầu năm 1980, chúng ta dễ đi đến một sự đúc kết có tính chất lý luận rằng: Sự hấp dẫn đối với công chúng sân khấu tại thành phố này dựa trên ít nhất là ba yếu tố: *thứ nhất* là phải hấp dẫn bằng «thần tượng diễn viên»; *thứ hai* là phải hấp dẫn bằng các vai hề hài chuyên trách thật sôi nổi để thỏa mãn nhu cầu giải trí đơn thuần, và *thứ ba* là người xem phải «được thấy mình trên sân khấu», nghĩa là hiện thực được thể hiện trên sân khấu phải dính liu tới người xem càng trực tiếp càng dễ hấp dẫn.

Thế nhưng một sự đúc kết như vậy đã hóa ra mất hết ý nghĩa lúc tại thành phố xuất hiện với hết sức đông đảo người xem, đặc biệt là thanh niên, vở *Vùng sáng* hay *Hà My của tôi* — một vở kịch mà trong đó vắng bóng hoàn toàn cả ba yếu tố ấy. Từ sự việc này, câu hỏi: «Thị hiếu thẩm mỹ của công chúng sân khấu thành phố Hồ-Chí-Minh được xây dựng trên cơ sở nào?» — câu hỏi mà tựa hồ như đã được giải đáp ở một ai đó — bỗng nhiên lại bị đánh rối thêm và càng hóa ra khó nhận được câu trả lời chính xác

Chịu khó quan sát phản ứng của người xem kịch ở thành phố, chúng ta còn có thể bắt gặp nhiều hiện tượng rất kỳ lạ về mặt thị hiếu thẩm mỹ. Chẳng hạn, ở ba đối tượng khác nhau: *một là* Hội đồng nghệ thuật sân khấu (trước đây là Hội đồng phúc khảo); *hai là* cán bộ, công nhân tại một xí nghiệp, một cơ quan; và *ba là* những người mua vé vào xem bình thường tại một rạp hát nọ trong vùng phố, chợ buôn bán sầm uất, thì cùng một đoàn hát, cùng một vở diễn có thể đem lại những kết quả khác nhau, thậm chí đôi khi còn trái ngược nhau: một chi tiết được nhiệt liệt vỗ tay trước một đối tượng này có thể hoàn toàn bị bỏ qua trước một đối tượng khác; và ngược lại, một chi tiết bị phê phán nghiêm khắc ở một đối tượng nọ lại có thể là động cơ thúc đẩy một đối

Digitized by Google

tượng kia chỉ ra một số tiền gấp hàng chục lần giá vé chính thức để mua vé chợ đen! Đó cũng là một trong những lý do làm cho sau một thời gian công diễn, một số vở kịch không còn giữ được những dáng vẻ ban đầu. Lúc nó được trình diễn trước Hội đồng phúc thảo, Hội đồng nghệ thuật sân khấu.

Chung quanh vấn đề đọc sách báo cũng có vô số những hiện tượng lạ. Ở đây, cuốn sách, tờ báo được nhiều người mua chưa hẳn đã là cuốn sách, tờ báo được những nhà chuyên môn, những người làm công tác văn hóa, tư tưởng, những Hội đồng duyệt, Hội đồng xuất bản... đánh giá cao, mà có khi chỉ do cái nhan đề gợi lên một chút gì đó về sự « bí mật », thậm chí vì cuốn sách, tờ báo đó được đặt giá rẻ quá so với các loại giấy gói hàng.

Về mặt điện ảnh càng có thể gặp nhiều sự bất ngờ. Trong số 13 bộ phim được nhiều người xem nhất tại khu vực B2 cũ, trong năm 1982, nhiều phim không được các cơ quan, các tổ chức có trách nhiệm, các nhà chuyên môn đánh giá cao. Ngược lại, có bộ phim được xếp loại cao nhất thì số người xem ở khu vực này lại ít nhất! Ở đây, không khó tìm những khán giả thích cuốn phim này, cuốn phim nọ chỉ vì lý do đơn giản là trong đó có diễn viên nọ, diễn viên kia đóng. Mặc dù sự thật, trong phim này, diễn viên ấy chỉ xuất hiện với vai diễn rất dở! Lại có cả trường hợp, có người xem thích một bộ phim nào đó, một vở kịch nào đó chỉ vì muốn được nghe lại, thấy lại một bài hát cũ, một cảnh quán nhậu, một pha rượt đuổi, một cảnh « buồng the» mà những người dựng kịch, làm phim đưa ra chỉ với mục đích phê phán!

Thăm dò có tính chất trắc nghiệm một số khán giả, độc giả, thính giả trẻ tuổi mà, theo chúng tôi hiện nay đang chiếm số đông trước các sạp bán sách, báo, trước các quầy bán vé xem văn nghệ ở các tỉnh, thành miền Nam và suy nghĩ, chúng ta sẽ thấy nhiều điều thật thú vị. Chẳng hạn như hỏi lý do những vở kịch, bộ phim, cuốn sách, chương trình ca nhạc... không « ăn khách », chúng ta nhận được nhiều câu trả lời mộc mạc, nhưng nếu đem phân tích về mặt lý luận thì thật là hoàn toàn không đơn giản. Chẳng hạn:

Hỏi: Vì sao bạn không thích cuốn sách này?

Trả lời: Vì trong đó viết những gì đâu đâu, chẳng hiểu nổi! Thế là lý do thuộc trình độ *nhận thức*.

Hỏi: Vì sao bạn không vào xem ca nhạc ở nhà hàng nọ?

Trả lời: Vé đắt lắm, mua sao nổi! Thế là lý do thuộc lĩnh vực *kinh tế*.

Hỏi: Vì sao bạn không thích bộ phim kia?.

Trả lời: Phim gì mà nói toàn chuyện đấu tranh, chuyện đánh giặc Chẳng vui! Vậy là lý do thuộc phạm vi *tâm lý*.

Hỏi: Vì sao bạn không đi xem vở kịch này?

Trả lời: Nghe nói trong vở kịch ấy diễn viên ăn mặc toàn nâu, đen. Đầu năm mà đi xem thứ ấy là suốt năm toàn gặp chuyện « xui »! Vậy là lý do đã thuộc phạm vi *mê tín*! Vân vân...

Tình hình công chúng văn hóa, văn nghệ, trong đó thanh niên chiếm ngót 3/4, ở các tỉnh, thành miền Nam hiện nay phức tạp như vậy đó. Thế nhưng đã làm văn hóa, văn nghệ thì phải phục vụ công chúng, nâng cao công chúng lên. Mà muốn phục vụ, muốn nâng cao công chúng thì một việc làm, tuy khó khăn nhưng hết sức cần thiết và cấp bách là làm thế nào để xác định cho được các loại thị hiếu thẩm mỹ của họ. Không làm tốt điều này chúng ta sẽ không sao tạo được một lớp công chúng mẫu mực

Digitized by Google

có thể làm trọng tài công minh để xét đoán giá trị của các sinh hoạt văn hóa, các sáng tác văn nghệ. Không làm tốt điều này chúng ta sẽ khó lòng rút ngắn được khoảng cách giữa ý kiến của các Hội đồng nghệ thuật, của những người làm công tác văn hóa — tư tưởng với ý thức của công chúng, mà điều này cũng có nghĩa là không sao tạo ra được sự cân đối cần thiết giữa *phổ cập* và *nâng cao* trong sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. Không làm tốt và kịp thời việc xác định thị hiếu thẩm mỹ của công chúng, chúng ta sẽ không sao giữ được những tiêu chuẩn nghệ thuật, những quy chế biểu diễn, những phương hướng phát triển trong đời sống văn hóa, văn nghệ của chúng ta.

★

Sự phức tạp trong thị hiếu thẩm mỹ của công chúng ở đây có những nguồn gốc sâu xa của nó. Hơn hai mươi năm trong chế độ Mỹ — ngụy, nếp sinh hoạt « văn hóa », « văn nghệ » dưới bàn tay điều khiển của bộ máy chiến tranh tâm lý của đế quốc Mỹ làm cho một bộ phận công chúng có những thị hiếu thẩm mỹ thấp kém.

Ở đây, trong suốt hai mươi năm ấy, cùng với sự hoàn thành của « văn hóa », « văn nghệ » phản động về chính trị, « văn hóa », « văn nghệ » nhằm đồi trụy hóa con người, là sự thâm nhập lan tràn thứ « văn hóa », « văn nghệ » nhằm thỏa mãn nhu cầu *giải trí đơn thuần* của xã hội tiêu thụ. Có thể nói thứ « văn hóa », « văn nghệ » giải trí đơn thuần này có sức lan tràn rộng rãi nhất và gây tác hại dai dẳng nhất đối với công chúng mà đa số là thanh niên ở đây. Trong hơn ba mươi tư vạn đầu sách và ngót một nghìn loại báo chí lưu hành tại miền Nam thời ấy, nhan nhản những quan điểm hết sức sai trái, độc hại về mặt triết học, mỹ học, lý luận văn học, nghệ thuật... làm cơ sở cho sự sản sinh và tiếp nhận thứ « văn hóa », « văn nghệ » ấy. Ở đây, mọi chức năng cơ bản của văn hóa, văn nghệ bị xuyên tạc hoặc bị loại bỏ; chủ nghĩa duy mỹ được bộc lộ dưới nhiều biến dạng khác nhau. Người ta cố ấn vào nhận thức của công chúng quan niệm: tiêu chuẩn cao nhất và duy nhất của văn hóa, văn nghệ là thỏa mãn nhu cầu giải trí, phục vụ nhu cầu du hý tự do, tách rời mọi mục đích thực tiễn. Thật ra đó chỉ là một luận điệu bịp bợm. Bởi vì, bản thân việc chủ trương tách văn hóa, văn nghệ ra khỏi những mục đích thực tiễn của họ, cũng chính là nhằm một mục đích thực tiễn rất cụ thể. Mục đích đó là: *phi chính trị hóa công chúng lúc mà chính trị phản động không thể len vào văn hóa, văn nghệ để thống lĩnh tư tưởng của quần chúng nhân dân; ngăn cản công chúng tiếp thụ chính trị yêu nước tiến bộ.*

Trong thứ « văn hóa », « văn nghệ » được tạo ra để thỏa mãn nhu cầu của xã hội tiêu thụ đó, người ta chấp nhận tính chất tạp nham, hầu lờn vẽ phong cách cũng như về nội dung, chấp nhận, thậm chí khuyến khích mọi tư tưởng và hành động phi luân, phi lý, phi khoa học, phi hiện thực. Yêu cầu trước hết của thứ « văn hóa », « văn nghệ » ấy là phải tạo cho được sự kích thích liên tục, dồn dập để làm cho người thưởng thức bị cuốn hút, hấp dẫn một cách mê muội.

Ngay từ sau khi miền Nam mới được giải phóng, chúng ta đã nhìn thấy được vấn đề và đã đặt ra nhiệm vụ xóa bỏ những thứ thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, những cách thưởng thức văn hóa, văn nghệ sai trái ấy. Tám năm qua, công việc đã được tiến hành tích cực và đã đem lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng: cho đến nay chúng ta vẫn chưa xóa bỏ triệt để được các thứ quan niệm sai trái trong việc tiếp nhận văn hóa, văn nghệ đã từng được

Digitized by Google

truyền bá tràn lan, trở thành nếp sinh hoạt phổ biến trong đời sống « văn hóa », « văn nghệ » tại các vùng Mỹ — ngụy kiểm soát trước đây, sau ngày giải phóng vẫn còn ăn sâu trong một số công chúng, tạo ra « những yêu cầu và thị yếu tầm thường, lạc lõng, thậm chí sai trái » (1) cuốn hút một số người làm văn hóa, văn nghệ không có chỗ đứng vững vàng chạy theo những « đề tài » « ăn khách », « đề tài vô thưởng, vô phạt » (2)... Tất cả những thứ đó như là những độc tố tiềm tàng, chồng chất lại và chờ dịp quản lý bị buông lơi là bộc lộ ra và phản kích lại văn hóa, văn nghệ cách mạng : các sự kiện xảy ra trong phong trào ca khúc tuổi trẻ hồi cuối năm 1980 — đầu năm 1981 và hiện tượng kinh doanh ca nhạc rộ lên cuối năm 1982 vừa qua là những biểu hiện cụ thể.

Do lịch sử của đất nước, của miền Nam mấy chục năm qua mà trong công chúng của ta, trong thanh niên ta hiện nay các thứ thị hiếu thẩm mỹ sai trái vẫn đang tồn tại một cách sâu sắc và đang lái đi chệch hướng một số hoạt động văn hóa, văn nghệ không được chỉ đạo sát sao. Đó là một sự thật, một sự thật tồn tại ngoài ý muốn của chúng ta.

Cải tạo những thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, xóa bỏ những nhu cầu thưởng thức nghệ thuật sai trái nhưng đã thành nếp ấy, suy cho cùng là một vấn đề về nhận thức. Nó đòi hỏi một quá trình. Nó gắn liền với sự thay đổi của toàn bộ đời sống kinh tế, xã hội. Đặc biệt, nó liên quan mật thiết với khả năng của chúng ta trong việc sản sinh ra những tác phẩm nghệ thuật mới, có chất lượng cao về cả nội dung lẫn hình thức.

Cùng với việc nhìn nhận một sự thật là trong công chúng văn hóa, văn nghệ tại thành phố Hồ-Chí-Minh và các vùng mới giải phóng ở miền Nam tồn tại những mặt yếu kém do chế độ xã hội cũ nói chung và « văn hóa » « văn nghệ » thực dân mới nói riêng để lại, chúng ta cũng không thể bỏ qua một sự thật khác nữa là : dù phải sống dưới chế độ Mỹ — ngụy suốt mấy chục năm, phần lớn nhân dân ta đặc biệt là thanh niên vẫn hướng về dân tộc, hướng về cách mạng. Do đó mà những ảnh hưởng của truyền thống văn hóa dân tộc, của văn nghệ dân gian, văn nghệ cách mạng vẫn tiềm tàng trong quần chúng nhân dân, đó là cơ sở làm nảy sinh những nhu cầu thưởng thức nghệ thuật, tiếp thu văn hóa đúng đắn, tạo ra những thị hiếu thẩm mỹ trong sáng, lành mạnh. Chẳng hạn như nhu cầu được xem phim thật rõ nét, rõ hình, thật nhiều hành động ; thích những người ca hát rõ tiếng, rõ lời, biết thể hiện nội dung bài hát không chỉ qua chất giọng mà còn qua bộ điệu, phong cách biểu diễn ; thích các lớp kịch mang thật đậm tính hài có thể gây được những trận cười thật thoải mái, thích được khóc theo diễn viên trong những thân bi, được nhập thân vào những tình huống sôi nổi, hứng thú trong những cảnh, những màn hùng tráng, thích thấy thật rõ cảnh sống thật, tâm trạng thật của chính mình được phản ánh lên sân khấu, lên màn ảnh, lên trang sách, lên pho tượng, bức tranh. Ngay cả việc thích tán dương, ngưỡng mộ thật hết mình đối với những ca sĩ, kịch sĩ, diễn viên điện ảnh... có thực tài, có thanh sắc cũng là một nhu cầu hết sức chính đáng.

★

Trên đây chúng ta chỉ mới bàn tới thị hiếu thẩm mỹ của bộ phận công chúng mà trước ngày giải phóng ở trong các vùng kiểm soát của Mỹ — ngụy. Trên thực tế, từ sau ngày giải phóng đến nay, ở các vùng này còn

(1), (2) Nguyễn Văn-Linh : *Người chiến sĩ trên mặt trận nghệ thuật cần có trái tim và khối óc của người cách mạng*. Báo Sài-gòn giải phóng, 26-11-1982.

Digitized by Google

có thêm một bộ phận công chúng khác, không thể không nhắc đến. Đó là những người từ miền Bắc vào, từ các khu giải phóng miền Nam tới. Trong số này không phải chỉ có bộ đội, cán bộ mà còn bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân khác. Một bộ phận không nhỏ trong số công chúng này đã quen với cách thưởng thức và tiếp nhận văn hóa, văn nghệ ở miền Bắc, ở các vùng giải phóng miền Nam. Nhưng nay, qua tiếp xúc với các thứ « văn hóa », « văn nghệ » thực dân mới trên đường cải tạo, qua tiếp xúc với những lực lượng sáng tác và biểu diễn văn học, nghệ thuật vốn trước đây ở chiến khu, ở miền Bắc nhưng nay đang có những chuyển biến mới do sự giao lưu với số công chúng văn hóa, văn nghệ ở các vùng bị chiếm trước đây, họ không khỏi có những xáo trộn về nhiều nhu cầu tiếp nhận văn hóa, văn nghệ, về thị hiếu thẩm mỹ. Thêm vào đó, phải kể tới những biến chuyển về tâm lý của họ từ đời sống chiến tranh sang đời sống hòa bình, rồi từ đời sống hòa bình sang đời sống vừa xây dựng hòa bình vừa sẵn sàng đánh trả quân xâm lược đang rập rình ở các vùng biên giới. Mặt khác, còn phải kể đến một số ít trong bộ phận công chúng này, ngay từ lúc còn ở miền Bắc hoặc ở các khu giải phóng tại miền Nam từ trước 30-4-1975, vẫn chưa phải hoàn toàn là công chúng thật đáng tin cậy của văn hóa, văn nghệ cách mạng... Vì vậy, xác định các xu hướng mới về nhu cầu tiếp nhận văn hóa, thưởng thức nghệ thuật, xác định thị hiếu thẩm mỹ của bộ phận công chúng này là một vấn đề không đơn giản.

Theo kết quả điều tra và quan sát mấy năm gần đây, chúng tôi thấy một tỷ số khá lớn công chúng từ miền Bắc và chiến khu về có nhu cầu thưởng thức và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh; một số khác trong họ đang hướng về những yêu cầu thật cao, có thể nói là thật khắt khe, và ngược lại, không phải không có một bộ phận, tuy ít, trong số công chúng này lại cũng có những nhu cầu thưởng thức thấp kém, những thứ « thị hiếu buông thả ». Do đó, họ có thể góp tiếng vỗ tay, góp lời tán thưởng vào với các lớp hề hài « vô tội vạ », với những pha « chưởng », đánh dao găm, đọ súng ngắn, rượt đuổi xe gắn máy và xe ô tô... một cách phi lô gích; họ có thể bị hấp dẫn bởi những cảnh buồng the, cảnh quán nhậu bê tha, cảnh tắm biển, bơi hồ... đặt không đúng trên màn ảnh và trên sân khấu; họ có thể tán dương loại bài hát lê thê vàng úa, cồ vũ những phong cách biểu diễn dậm dạt, quay cuồng « vô cớ » trên sân khấu ca nhạc... Và chính các thứ thị hiếu thẩm mỹ này, các nhu cầu thưởng thức này cũng đã và đang góp phần nuôi sống bọn gian thương trên thị trường « đen » về kinh doanh sách báo và văn hóa phẩm nói chung. Điều này thật ra không có gì khó hiểu. Không phải chỉ ở các vùng chiến khu tại miền Nam mà ngay như ở miền Bắc trước đây chúng ta cũng chưa có chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh mà chỉ mới thực hiện những bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ trong điều kiện chiến tranh hết sức ác liệt. Trên chặng đường ấy, ở hoàn cảnh ấy mà trong công chúng văn hóa, văn nghệ tồn tại những loại thị hiếu thẩm mỹ, những cung cách thưởng thức nghệ thuật lạc hậu, yếu kém cũng là một lẽ tất yếu mà thôi.

Như vậy là xét về số đông, trong mỗi cá nhân, trong mỗi tầng lớp công chúng văn hóa, văn nghệ tại thành phố Hồ-Chí-Minh và tại các tỉnh, thành miền Nam nói chung, không phải chỉ tồn tại phần thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, hợp với xu hướng phát triển của văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa, mà còn có cả phần thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, cần phải xóa bỏ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần lưu ý: chúng ta phải xóa bỏ những thứ thị hiếu thẩm mỹ thấp

Digitized by Google

kém do quá khứ để lại trong lúc kẻ thù tư tưởng của chúng ta hiện nay, trên phạm vi thế giới, thông qua cả một hệ thống truyền thông đại chúng rất hiện đại và khổng lồ, vẫn hằng ngày, hằng giờ tiếp tục tác động vào công chúng. Chỉ tính tới cuối năm 1980 đã có đến 119 loại báo chí bằng tiếng Việt xuất bản tại các nước tư bản để chống lại chúng ta. Và gần một nửa số báo chí đó đã có mặt trong số các văn hóa phẩm truy quét được tại thành phố Hồ-Chí-Minh vào năm 1981.

Như vậy là *hiện nay* kẻ thù của chúng ta vẫn cố nuôi dưỡng và làm trỗi dậy những thứ thị hiếu thẩm mỹ thấp kém cũ, đồng thời bằng những thủ pháp tinh vi, xảo quyệt chúng cố loạn truyền thêm những thứ « văn hóa », « văn nghệ » nhằm gây ra những thứ thị hiếu thẩm mỹ sai trái mới, độc hại hơn.

Về phía chúng ta, chúng ta hiểu: « Nhân dân là bể, văn nghệ là thuyền » (Tố-Hữu). Trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ mới, một trong những nguyên tắc cơ bản mà chúng ta phải kiên trì là lấy việc phục vụ quần chúng nhân dân làm gốc, « chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng ». (*Đề cương về văn hóa Việt-nam* của Đảng, năm 1943); chúng ta cũng *kiên trì phương pháp kết hợp chặt chẽ giữa phổ cập với nâng cao*. Trong công việc cải tạo thị hiếu thẩm mỹ của công chúng hiện nay, chúng ta không loại bỏ một tầng lớp công chúng nào, mà cái chính là cần làm thế nào để trong mỗi tầng lớp công chúng, trong từng cá nhân mỗi độc giả, khán giả, thính giả... cái *phần thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh tiến bộ được gợi trỗi dậy và ngày càng thêm phong phú; còn cái phần thị hiếu thẩm mỹ thấp kém, lạc hậu thì phải bị đẩy lùi và bị triệt tiêu dần.*

Muốn làm được điều này, chúng ta phải kiên trì tiến hành nhiều khâu căn bản khác để tạo ra những sự đồng bộ, cân đối cần thiết. Sự *đồng bộ, cân đối* này không chỉ ở trong phạm vi văn hóa, văn nghệ như: đồng bộ, cân đối giữa việc xóa bỏ tác phẩm xấu với việc sáng tạo tác phẩm tốt; giữa việc nâng cao công chúng với việc nâng cao văn nghệ sĩ; giữa công việc lãnh đạo, quản lý với công việc chuyên môn nghiệp vụ về văn hóa, văn nghệ v.v. mà cần có sự tiến lên đồng bộ, cân đối trên những phạm vi rộng lớn hơn: giữa đời sống văn hóa với đời sống chính trị, giữa đời sống văn hóa với đời sống kinh tế, xã hội. Nói một cách khái quát là phải đẩy lên đồng thời cả ba cuộc cách mạng

---

Chức vụ và uy tín

(Tiếp theo trang 63)

tiếc là cho đến nay, tư tưởng đó của Đảng và cũng là nguyện vọng của đông đảo đảng viên và quần chúng, vẫn chưa được quán triệt một cách sâu sắc và triệt để: trong thực tế vẫn còn không ít những người không xứng đáng nắm giữ những chức vụ khá quan trọng trong các tổ chức đảng, các cơ quan quản lý kinh tế và các tổ chức xã hội khác. Vì sao như vậy? Đó chẳng phải vì cái gì khác ngoài sự nể nang và sự bao che, sự thiếu phê bình và tự phê bình. Chính sự nể nang, sự bao che, sự thiếu phê bình và tự phê bình đang là một trở ngại lớn trên con đường củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ của chúng ta.

TRỌNG NGHĨA

Digitized by Google

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 2 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Укрепить уездные партийные комитеты. ОБМЕН МНЕНИЯМИ – По вопросам строительства уездов и укрепления уездных инстанций ★ ВУ ОАНЬ, НГУЕН ЗАН, ЛЕ ГЮИ ТХИЕТ, ВУ ВАН ЛИЕМ. ХОАНГ ЧЫОНГ МИНЬ – Актуальные вопросы работы с нацменьшинствами. ИССЛЕДОВАНИЕ ★ СУАН КИЕУ – Некоторые размышления о совершенствовании сдельной системы работы в сельскохозяйственных кооперативах. ФАН ВАН – Регулирование земель и преобразование сельского хозяйства в Тэйнине. ТХЕ ТАП – Товарищ Нгуен Ай Куок и международное коммунистическое движение и индокитайская революция периода 1930 – 1940 гг. ИССЛЕДОВАНИЕ ★ КУЕТ ТИЕН – Вести пролетарскую революцию под той или иной формой.

REVIEW OF COMMUNISM N° 2-1984

Editorial – Striving for strong district party committees. **Exchanging views on the building and strengthening of districts** ★ *VŨ-OANH, NGUYỄN-DĂN, LÊ-HUY-THIẾT, VŨ-VĂN-LIỄM, HOÀNG-TRƯỜNG-MINH* – Some urgent matters concerning the work on nationalities. **Investigation** ★ *XUÂN-KIỀU* – Some reflections on how to bring to perfection the product-based contract system in agricultural cooperatives. *PHAN-VĂN* – Adjustment of land ownership and transfomation of agriculture in Tay-ninh. *THẾ-TẬP* – Comrade Nguyen Ai Quoc and the world communist movement and the Indochinese revolution during the 1930 – 1940 period. **Studies** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Carrying out proletarian revolution in one form or another.

REVUE DU COMMUNISME N° 2-1984

Editorial – Pour une édification solide des oganisations de Parti à l'échelon du district. **Echange de vues sur l'édification et le renforcement du district** ★ *VŨ-OANH, NGUYỄN-DĂN, LÊ-HUY-THIẾT, VŨ-VĂN-LIỄM, HOÀNG-TRƯỜNG-MINH* – Certains problèmes d'urgence du travail de nationalités. **Enquête** ★ *XUÂN-KIỀU* – Quelques réflexions sur la perfection du mécanisme du travail sur contrat forfaitaire dans les coopératives de production agricole. *PHAN-VĂN* – Réajustation des terres et transformation agricole à Tây-ninh. *THẾ-TẬP* – Nguyen Ai Quoc et le mouvement communiste international et la révolution indochinoise en 1930 – 1940. **Etude** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Entreprendre la révolution prolétarienne sous une forme ou une autre.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 2-1984

Editorial – Esforzarse por fortalecer los Comités distritales del Partido. **Intercambiar opiniones sobre la construcción y fortalecimiento del nivel distrital** ★ *VŨ-OANH, NGUYỄN-DĂN, LÊ-HUY-THIẾT, VŨ-VĂN-LIỄM, HOÀNG-TRƯỜNG-MINH* – Algunos problemas apremiantes en el trabajo de las nacionalidades. **Investigación** ★ *XUÂN-KIỀU* – Algunas ideas acerca del perfeccionamiento del mecanismo de trabajo a destajo en la cooperativa agrícola. *PHAN-VĂN* – Reparto agrario y transformación agrícola en Tay-ninh. *THẾ-TẬP* – El camarada Nguyen Ai Quoc con el movimiento comunista internacional y la revolución indochina en el período 1930–1940. **Estudios** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Llevar a cabo la revolución proletaria bajo una u otra forma.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 2

1984

NĂM THỨ XXX (338)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Phấn đấu xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh 1

Trao đổi ý kiến *về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* ★ *VŨ-OANH* — Vấn đề sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện ★ *NGUYỄN-DẦN* — Vấn đề phân cấp quản lý cho huyện ở Hải-phòng ★ *LÊ-HUY-THIẾT* — Quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện ★ *VŨ-VĂN-LIÊM* — Tam-điệp phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh 7

HOÀNG-TRƯỜNG-MINH — Một số vấn đề cấp thiết của công tác dân tộc 31

Điều tra ★ *XUÂN-KIỀU* — Mấy suy nghĩ về hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp 37

PHAN-VĂN — Điều chỉnh ruộng đất và cải tạo nông nghiệp ở Tây-ninh 44

THẾ-TẬP — Đồng chí Nguyễn-Ái-Quốc với phong trào cộng sản quốc tế và cách mạng Đông-dương thời kỳ 1930 — 1940 49

Nghiên cứu ★ *QUYẾT-TIẾN* — Tiến hành cách mạng vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác 54

Sinh hoạt tư tưởng ★ *TRỌNG-NGHĨA* — Chức vụ và uy tín 61

TRẦN-TRỌNG-DẶNG-DẦN — Về thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ở các tỉnh, thành miền Nam. 64

Digitized by Google

RIOL.
Main

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 54 NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG (3-2-1930 — 3-2-1984)

Các bạn hãy tìm đọc:

— Các văn kiện cơ bản của Hội nghị thành lập Đảng

— Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng

LÊ-DUẨN

— Thấu suốt hơn nữa đường lối của Đảng trong chặng đầu của thời kỳ quá độ

— Tiến bước theo phương hướng chiến lược đã được vạch ra

PHẠM-HÙNG

— Kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch

TỐ-HỮU

— Một số vấn đề cần nắm vững khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành trung ương

HOÀNG-TÙNG

— Mấy vấn đề về công tác chính trị và tư tưởng trong chặng đường hiện nay của cách mạng xã hội chủ nghĩa

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

— Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam — Sơ thảo — tập I (tái bản)

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 2đ5

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

LIBRARY
JUL 2 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

3

3.1984

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

Kỷ niệm lần thứ năm ngày chiến thắng cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc.

NÊU CAO CẢNH GIÁC, BẢO VỆ TỔ QUỐC

CÁCH đây năm năm quân và dân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu dũng cảm, đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc ở biên giới phía Bắc nước ta. Thắng lợi oanh liệt đó được ghi vào lịch sử như một cái mốc quan trọng của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của dân tộc Việt-nam ta.

Sau ba mươi năm kháng chiến chống đế quốc Pháp rồi đế quốc Mỹ để giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, nhân dân ta không có nguyện vọng nào khác là được sống trong hòa bình, xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá, để mọi người có cơm ăn, áo mặc, được học hành, được hưởng hạnh phúc. Nguyện vọng chính đáng và tha thiết ấy của nhân dân ta đã bị bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh trắng trợn chà đạp. Ngày 17-2-1979, sau khi bị thất bại trong kế hoạch sử dụng bọn Pôn Pốt, tay sai của chúng, xâm chiếm miền Nam nước ta, những người cầm đầu chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đã ngang nhiên mở cuộc tiến công xâm lược trên toàn tuyến biên giới miền Bắc nước ta. Cuộc chiến tranh xâm lược đó là hành động cực kỳ xấu xa của tập đoàn phản động theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn trong giới cầm quyền Trung-quốc.

Đã từ lâu, những người cầm quyền Trung-quốc, đứng đầu là Mao-Trạch-Đông, ấp ủ giấc mộng bành trướng và bá quyền đối với Việt-nam, không khác gì các hoàng đế Trung-quốc thuở trước. Chẳng phải chính Mao-Trạch-Đông đã từng tuyên bố Việt-nam là «lãnh thổ của Trung-quốc» bị chủ nghĩa đế quốc chiếm đoạt là gì? Thôn tính Việt-nam và Đông-dương nằm trong chiến lược toàn cầu của bọn phản động Bắc-kinh nhằm thiết lập quyền bá chủ của chúng ở Đông Nam châu Á, ở Á phi Mỹ la tinh và trên toàn thế giới. Chúng coi nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa có chính sách đối nội đối ngoại độc lập tự chủ là trở ngại lớn đối với mưu đồ bành trướng và bá quyền của chúng.

Digitized by Google

Phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, các nhà cầm quyền Trung-quốc tự phơi bày bộ mặt thật của chúng là phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống độc lập dân tộc, chống hòa bình. Đem bom đạn tàn sát nhân dân Việt-nam mà cuộc chiến đấu giành giải phóng dân tộc mấy chục năm qua gắn bó chặt chẽ với cuộc chiến đấu của nhân dân Trung-quốc và đã góp phần tích cực bảo vệ miền Nam Trung-quốc, bọn cầm quyền ở Bắc-kinh đã phản bội lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc, phản bội tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-quốc.

Sự phản trắc bỉ ổi và cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đặt đất nước ta trong một hoàn cảnh hiểm nghèo. Nhưng nhân dân ta không hề nao núng. Đoàn kết triệu người như một, quân và dân ta đứng dậy cầm vũ khí đánh trả quân thù. Kế thừa và phát huy truyền thống chống ngoại xâm anh dũng của dân tộc, quân và dân ta không ngại gian khổ hy sinh, chiến đấu kiên cường, đã đánh bại đội quân xâm lược 60 vạn tên của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc.

Chúng ta đã đánh thắng bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc vì chúng ta có đường lối đúng đắn, chiến tranh của ta là chính nghĩa, quân và dân ta đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu chống ngoại xâm, dân tộc ta có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất để giành và bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa tốt đẹp là nguồn sức mạnh vô tận của chúng ta để đánh thắng kẻ thù. Sự đoàn kết keo sơn của nhân dân ba nước Đông-dương là một sức mạnh vĩ đại, dựng đến sức mạnh đó bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc nhất định thất bại. Thắng lợi của chúng ta còn là thắng lợi của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, là thắng lợi của sức mạnh đoàn kết giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ; là thắng lợi của nhân dân thế giới đã đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta chống Trung-quốc xâm lược.

★

Bị thất bại nhục nhã trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam hồi đầu năm 1979, bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc vẫn không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta, biến nước ta cùng hai nước Lào và Campuchia anh em thành quận huyện của Trung-quốc. Suốt năm năm qua chúng tiến hành **một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt** *đối với nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia. Với kiểu chiến tranh này, chúng hy vọng làm cho ta suy sụp mà không phải dùng đến chiến tranh lớn. Đồng thời chúng vẫn chuẩn bị một cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn để chiếm nước ta.*

Về **quân sự**, *chúng cho quân áp sát biên giới ta, thường xuyên uy hiếp, khiêu khích, gây xung đột vũ trang, gây cơ sở phản cách mạng, gây bạo loạn và lật đổ từ bên trong. Về* **kinh tế**, *chúng ra sức phá hoại, đốt phá kho tàng, làm hư hỏng máy móc, thiết bị, phá hoại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta. Mặt khác, chúng đẩy mạnh* **chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý** *chống nước ta ; đưa người thâm nhập nước ta hoạt động phá hoại, thu thập tình báo, phao đồn tin nhảm, ngấm ngầm nhen nhóm các tổ chức và hoạt động chống đối, phá rối trật tự, an ninh, phá hoại ta cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức.*

Digitized by Google

Cùng với âm mưu và hành động chống Việt-nam, chúng còn ra sức lập hợp bọn tay sai, ráo riết hoạt động phá hoại ở Lào và ở Cam-pu-chia.

Trước sau bọn phản động Bắc-kinh vẫn theo đuổi âm mưu thôn tính Việt-nam và hai nước bạn của Việt-nam trên bán đảo Đông-dương, song thủ đoạn và biện pháp của chúng có sự thay đổi. Tiến hành « kiểu chiến tranh biển người », xua 60 vạn quân tiến công ào ạt trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta hồi đầu năm 1979 bị thất bại nặng nề, bọn phản động Trung-quốc phải chuyển sang tiến hành « kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt » nhằm « làm cho Việt-nam chảy máu » đến kiệt sức như chúng đã nhiều lần tuyên bố một cách trắng trợn và độc ác. Kiểu chiến tranh chống Việt-nam của bọn phản động Trung-quốc có sự thay đổi, nhưng mục tiêu chiến lược của chúng không có gì thay đổi. Đó là xâm chiếm Việt-nam, biến Việt-nam thành quận huyện của Trung-quốc.

Thực tế trong năm năm qua chứng tỏ rằng bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc chống lại một cách điên cuồng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Việt-nam, của các nước Đông-dương. Đã hơn 10 năm nay bọn phản động Trung-quốc chiếm đóng quần đảo Hoàng-sa của Việt-nam. Trong khi thực hiện âm mưu của chúng chống phá Việt-nam, chống phá các nước Đông-dương, bọn phản động Trung-quốc đã câu kết ngày càng chặt chẽ với đế quốc Mỹ là kẻ lợi dụng sự phản bội của Trung-quốc hòng trở lại Đông-dương, trở lại Việt-nam.

Bất chấp sự chống phá quyết liệt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ, cách mạng Việt-nam vẫn tiến bước không ngừng. Đúng là Việt-nam còn phải « chảy máu » trong một chừng mực nào đó do những hành động tội ác của bọn phản động Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ gây ra, nhưng Việt-nam vẫn đứng vững, Việt-nam không « kiệt sức », Việt-nam không « sụp đổ » như bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, đế quốc Mỹ và các bọn phản động khác hằng mong ước.

Năm năm qua nhân dân ta đã lập được những thành tích to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, v.v. chứng tỏ âm mưu và hành động của Trung-quốc câu kết với Mỹ bao vây và phá hoại kinh tế của ta không đem lại kết quả như chúng mong muốn. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của ta được giữ vững ; sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân ta được củng cố và tăng cường ; đó là bằng chứng hiển nhiên về sự phá sản của chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch chống nước ta. Lực lượng phòng thủ đất nước của ta hiện nay vững mạnh hơn bao giờ hết. Các cuộc tiến công khiêu khích, lấn chiếm đất đai, xâm nhập lãnh thổ do quân đội Trung-quốc tiến hành dọc biên giới phía Bắc nước ta đã bị giáng trả đích đáng. Thực tế lịch sử trong năm năm qua chứng tỏ « kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt » chống Việt-nam của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đã và đang phá sản, và nhất định sẽ phá sản hoàn toàn.

Không những ở Việt-nam, mà cả ở Lào và Cam-pu-chia, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cũng nếm mùi thất bại. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không ngừng lớn mạnh và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội đánh dấu sự phá sản của âm mưu phá hoại và lật đổ của bọn phản động Trung-quốc ở Lào. Sự hồi sinh kỳ diệu của đất nước Ang-kor sau khi thoát khỏi nạn diệt

Digitized by Google

chủng của bọn Pôn Pốt, tay sai của Trung-quốc, sự lớn mạnh nhanh chóng của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia chứng tỏ âm mưu đen tối của bọn phản động Trung-quốc ở Cam-pu-chia đã và đang thất bại.

Ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia cùng giành thắng lợi, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, tạo nên một cục diện mới vững chắc chưa từng có ở khu vực này của thế giới. Hội nghị cấp cao ba nước Đông-dương họp tại Viêng-chăn tháng 2 năm 1983 là một cột mốc quan trọng trong lịch sử phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa ba dân tộc anh em. Hội nghị đánh dấu một bước phát triển mới của sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân ba nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Vị trí quốc tế của Việt-nam, cũng như của Lào và Cam-pu-chia ngày càng được nâng cao. Liên minh toàn diện giữa nước ta và Liên-xô đã phát huy tác dụng tích cực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa nước ta và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ngày càng tăng cường. Quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng của nước ta chứng tỏ sự phá sản của âm mưu bao vây và cô lập nước ta của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và đế quốc Mỹ.

Đã vượt qua một cách thắng lợi những thử thách nghiêm trọng trong năm năm qua, chúng ta có cơ sở để khẳng định một cách dứt khoát rằng, dù cho bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh câu kết với đế quốc Mỹ thực hiện những âm mưu thâm độc như thế nào chống nước ta, nhân dân ta vẫn hoàn toàn có đủ sức mạnh làm thất bại những âm mưu đó, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

★

Hơn năm năm về trước, sau khi nhân dân ta đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, có người còn lo ngại không biết nước ta có đủ sức đương đầu với cuộc xâm lược của chủ nghĩa bành trướng đại Hán tộc hay không? Họ nói rằng ta có thể đánh thắng Pháp và Mỹ vì Pháp và Mỹ ở xa, phải vượt biển mới đến được nước ta; ta đánh giặc trên đất của mình, cho nên ta có thể đánh thắng được Pháp và Mỹ. Trung-quốc ở sát nước ta, liền núi liền sông với ta, có đường biên giới chung với ta hàng nghìn kì lô mét; tuy Trung-quốc không hiện đại bằng Pháp và Mỹ, nhưng Trung-quốc lại có dân đông, quân nhiều: nếu Trung-quốc lấy người mà dầy, dùng « chiến tranh biển người » mở cuộc tiến công xâm lược ào ạt thì liệu chúng ta có đủ sức chống lại không?

Điều lo ngại đó cũng có một phần căn cứ nhưng là không đúng vì không nhìn thấy chỗ yếu cơ bản của chủ nghĩa bành trướng bá quyền đại Hán tộc, cũng như không nhìn thấy chỗ mạnh cơ bản của dân tộc Việt-nam ta. Chỗ yếu cơ bản của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh là **tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.** *Do tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh của chúng cho nên chúng bị nhân dân trong nước chúng phản đối: quân đội của chúng cũng không chịu đi làm bia đỡ đạn cho chúng; nhân dân thế giới cũng kiên quyết phản đối chúng. Nội bộ chúng chia rẽ; chúng gầm ghè thanh toán lẫn nhau. Vì vậy, chúng đông mà không mạnh. Còn cái gọi là « kiểu chiến tranh biển người » mà bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh thường đưa ra*

Digitized by Google

đe hù dọa thiên hạ, thì cách đây gần 80 năm Lê-nin đã vạch rõ chỗ yếu cơ bản của kiểu chiến tranh đó: « Trong thời đại sử dụng vũ khí bắn nhanh cỡ nhỏ, trọng pháo cơ giới, thuyền hạm trang bị kỹ thuật phức tạp, trong thời đại dùng đội hình tản khai trong các cuộc chiến đấu ở trên bộ, — trong thời đại như thế thì chẳng có sự dẻo dai nào, chẳng có thể lực nào, chẳng có hình thức chiến đấu ổ ạt tập trung đông người nào có thể đem lại ưu thế được.» (1). Ngày nay vũ khí và kỹ thuật chiến tranh phát triển gấp bội thời Lê-nin, cho nên câu nói đó của Lê-nin lại càng đúng. Chiến thắng của quân và dân Việt-nam hồi đầu năm 1979 đối với « kiểu chiến tranh biển người » của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc là bằng chứng về sự đúng đắn của luận điểm đó của Lê-nin.

Về phía ta, ta có chỗ mạnh cơ bản là **tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.** *Do tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh của ta mà ta có sức mạnh của quân và dân một ý chí. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết nhất trí, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta có sức mạnh tổng hợp của một nước hoàn toàn độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo. Chúng ta có sức mạnh của nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có sức mạnh đoàn kết của ba dân tộc anh em trên bán đảo Đông-dương. Chúng ta có sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Chúng ta có sức mạnh của khối đoàn kết giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có sức mạnh của sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Trung-quốc. Với sức mạnh tổng hợp đó nhân dân ta nhất định đánh thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Điều này đã được chứng minh bởi thực tế sinh động trong năm năm qua. Chúng ta không những đã đánh thắng kiểu chiến tranh biển người của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc mà còn đã và đang làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chúng. Thực tế năm năm qua chứng tỏ rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta hoàn toàn có đủ sức mạnh đánh thắng bất cứ kiểu chiến tranh xâm lược nào của bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh để bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.*

Tập đoàn phản động theo chủ nghĩa Mao trong giới cầm quyền Trung-quốc là **kẻ thù nguy hiểm trực tiếp** *hiện nay của nhân dân ta. Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ là* **kẻ thù cơ bản và lâu dài** *của cách mạng nước ta và cách mạng thế giới. Nhân dân ta nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu của mình và làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em. Bằng cuộc chiến đấu của mình, nhân dân ta góp phần tích cực bảo vệ độc lập dân tộc, hòa bình và ổn định ở Đông Nam châu Á, góp phần vào sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Trung-quốc.*

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, chúng ta ra sức làm tròn hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Ra sức phát

(1) V.I. Lê-nin: « Hải cảng Lữ-thuận thất thủ ». *Toàn tập*. Nxb Tiến-bộ. Mát-xcơ-va, 1979, tập 9, tr 191 — 192.

Digitized by Google

triển sản xuất, làm cho đất nước ta mạnh lên trong mọi hoàn cảnh, chúng ta làm thất bại âm mưu của địch hòng khiến cho nước ta suy yếu và sụp đổ; đồng thời tạo nên sức mạnh vật chất để đánh thắng chiến tranh xâm lược quy mô lớn của địch nếu chúng liều lĩnh gây ra. Có phát triển sản xuất, chúng ta mới có điều kiện nâng cao đời sống của nhân dân ta, phát huy tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, khiến cho nhân dân ta gắn bó thiết tha với chế độ xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu hy sinh bảo vệ vững chắc chế độ tốt đẹp của chúng ta.

Đi đôi với phát triển sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, chủ động ứng phó với mọi tình huống.

Kỷ niệm lần thứ năm đánh thắng quân Trung-quốc xâm lược, chúng ta hãy đánh giá đúng cục diện cách mạng nước ta năm năm qua, thấy rõ những thắng lợi to lớn của ta và những thất bại nặng nề của địch, thấy rõ âm mưu đen tối của địch và nhiệm vụ vẻ vang của ta, tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

Hồ Chủ tịch đã nói: « Không có gì quý hơn độc lập tự do ». Tuân theo lời dạy đó của Hồ chủ tịch, chúng ta hãy nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, đánh bại mọi âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do mà dân tộc ta đã tốn biết bao xương máu mới giành được.

Tất cả vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân.

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ IU. V. AN-ĐRÔ-PỐP TỪ TRẦN

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM, QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC VÀ HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

BAN chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam vô cùng đau đớn báo tin cho toàn Đảng và toàn dân Việt-nam:

Đồng chí Iu-ri Vla-đi-mi-rô-vích An-drô-pốp, Tổng Bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Chủ tịch đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, đã từ trần hồi 16 giờ 50 phút ngày 9 tháng 2 năm 1984 tại Mát-xcơ-va.

Tên tuổi và những hoạt động không mệt mỏi của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp gắn liền với những thắng lợi to lớn của đất nước xô viết trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân và nâng cao phúc lợi của nhân dân, tăng cường khả năng quốc phòng của Liên-xô và sự nghiệp bảo vệ hòa bình trên trái đất. Đồng chí Iu. V. An-drô-pốp đã đặc biệt chăm lo việc củng cố sự thống nhất và tình đoàn kết của cộng đồng xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế

Đồng chí Iu. V. An-drô-pốp mất đi là một tổn thất to lớn đối với Đảng cộng sản Liên-xô và nhân dân xô viết, đối với toàn Đảng, toàn dân ta và cả loài người tiến bộ.

Digitized by Google

LỜI ĐIẾU

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC, HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VÀ ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT-NAM

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

IU-RI VLA-DI-MI-RÔ-VÍCH AN-DRÔ-PỐP, người đồng chí kính mến của chúng ta không còn nữa!

Đó là tổn thất to lớn đối với Đảng cộng sản và nhân dân xô viết cũng như đối với Đảng cộng sản và nhân dân Việt-nam, đối với những người cộng sản và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và cả loài người tiến bộ.

Đồng chí Iu. V. An-drô-pốp qua đời, Đảng cộng sản Liên-xô, Nhà nước xô viết và nhân dân Liên-xô anh em mất một nhà lãnh đạo kiệt xuất, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân thế giới mất một nhà hoạt động lỗi lạc, một chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho những lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản và hòa bình trên toàn thế giới, Đảng ta và nhân dân ta mất một người đồng chí, một người bạn lớn mà tất cả chúng ta biết bao kính trọng và quý mến.

Cuộc đời hoạt động lâu dài và phong phú, đầy nghị lực và tài năng của đồng chí Iu. V. An-drô-pốp gắn liền với những thắng lợi và sự lớn mạnh của Liên-xô, với công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng xã hội chủ nghĩa phát triển, bước quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Trên cương vị là Tổng bí thư Ủy ban Trung ương Đảng và Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, đồng chí Iu. V. An-drô-pốp cùng bộ tham mưu chiến đấu: Ủy ban Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng cộng sản Liên-xô, đã đem hết tinh thần và nghị lực tiếp tục thực hiện nghị quyết của Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô, thực hiện những chính sách và biện pháp có tầm quan trọng to lớn, giải quyết nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển nhằm không ngừng củng cố sự hùng cường về kinh tế và quốc phòng của đất nước Xô viết, nâng cao phúc lợi của nhân dân Liên-xô.

Digitized by Google

Đồng chí Iu. V. AN - ĐRÔ - PỐP
(1914 – 1984)

Digitized by Google

Trung thành với chính sách đối ngoại hòa bình do V.I. Lê-nin vĩ đại vạch ra, vận dụng một cách sáng tạo những tư tưởng của Cương lĩnh hòa bình cho những năm 80 của Đảng cộng sản Liên-xô, đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp đã đưa ra nhiều sáng kiến mới hết sức quan trọng, động viên mạnh mẽ nhân dân thế giới đấu tranh chống chính sách hiếu chiến của đế quốc Mỹ, vì hòa bình và an ninh của các dân tộc, vì cuộc sống yên vui của mọi người trên hành tinh chúng ta. Cùng với Đảng cộng sản và Nhà nước xô viết, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào việc củng cố sự thống nhất và tình đoàn kết của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cũng như trong việc ủng hộ sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc vì độc lập, tự do.

Thưa các đồng chí,

Là người bạn lớn của nhân dân Việt-nam, đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp đã có những cống hiến to lớn vào việc củng cố và phát triển tình hữu nghị vĩ đại, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Liên-xô — Việt-nam. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ những lời tuyên bố của đồng chí trong buổi tiếp đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn ngày 29 tháng 7 năm 1983 khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên-xô trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Tuân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, toàn Đảng, toàn dân ta nguyện đem hết sức mình vun đắp cho tình hữu nghị và tình đoàn kết cách mạng Việt — Xô đời đời bền vững, coi đó là nghĩa vụ, là tình cảm, là sự nghiệp cao cả của mình.

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng: Đáp lời kêu gọi của Trung ương Đảng cộng sản, Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao và Hội đồng Bộ trưởng Liên-xô, những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên-xô đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, đứng đầu là đồng chí Côn-xtan-tin U-xti-nô-vích Trê-nen-cô, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước xô-viết, kế tục xứng đáng sự nghiệp vẻ vang của đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp, thực hiện thắng lợi nghị quyết lịch sử của Đại hội lần thứ 26 Đảng cộng sản Liên-xô, hoàn thành thắng lợi các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, vì sự hùng mạnh của đất nước Xô viết, vì sự nghiệp hòa bình và sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Thưa các đồng chí và đồng bào thân mến,

Toàn Đảng, toàn dân ta vô cùng đau đớn và thương tiếc kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Iu. V. An-đrô-pốp.

Tên tuổi và sự nghiệp vẻ vang của đồng chí sống mãi trong lòng những người cộng sản và nhân dân Liên-xô, sống mãi trong lòng những người cộng sản và nhân dân Việt-nam; sống mãi trong lòng những người cộng sản và nhân dân tiến bộ toàn thế giới.

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH LÀM CHỦ TẬP THỂ, THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH KINH TẾ — XÃ HỘI NĂM 1984

BA năm 1981 — 1983, quán triệt nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng, nhân dân ta đã giành được thắng lợi to lớn trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế từ thế sút kém trong những năm 1979 — 1980 đang chuyển biến theo hướng đi lên, ổn định từng mặt, tạo tiền đề cho những bước phát triển mới.

Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thu nhập quốc dân mỗi năm một tăng đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình ổn định tình hình kinh tế — xã hội, tăng cường nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiến bộ nổi bật là trong sản xuất lương thực. Nếu như trong các năm 1976 — 1980, mỗi năm sản lượng lương thực chỉ tăng khoảng 20 vạn tấn, thì ba năm qua, mỗi năm tăng bình quân gần 1 triệu tấn. Nhiều địa phương đã có tiến bộ rõ về thâm canh, tăng năng suất lúa. Phong trào thi đua đạt năng suất 8 — 10 tấn trên địa bàn huyện đang phát triển. Tiến bộ này đã chỉ rõ khả năng thâm canh tăng năng suất lúa còn rất lớn của nông nghiệp nước ta.

Nhờ sản xuất phát triển và do tác động của những chính sách mới ban hành, khối lượng lương thực do Nhà nước thu mua được cũng tăng đáng kể. Những năm trước, bình quân mỗi năm chỉ được khoảng 2 triệu tấn; trong ba năm qua, bình quân mỗi năm đã thu mua được 3,1 triệu tấn. Nhờ vậy, từ năm 1983, chúng ta đã không phải nhập khẩu lương thực và cơ bản tự trang trải được nhu cầu tối thiểu về lương thực trong phạm vi cả nước. Thắng lợi về mặt này chỉ ra triển vọng không những chúng ta có thể sản xuất đủ ăn, mà còn có thể có dự trữ.

Cùng với sản xuất lương thực, việc trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá đã có đà phát triển tốt.

Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn về năng lượng, nguyên liệu và phụ tùng, nhưng nhiều xí nghiệp đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, khai thác các tiềm năng, thực hiện hợp tác, liên kết kinh tế, khắc phục được một phần khó khăn, duy trì và phát triển được sản xuất, bảo đảm một phần đời sống cho công nhân. Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp năm 1983 đã tăng khá so với năm 1980.

Digitized by Google

Giao thông vận tải có chuyển biến tốt trong tổ chức quản lý, có tiến bộ về vận tải hàng hóa và hành khách.

Công tác xuất khẩu có bước tiến rõ trong việc tăng kim ngạch hàng xuất khẩu.

Thị trường nội địa bước đầu được chấn chỉnh, nhất là thị trường lương thực; nhiều loại nông sản khác thu mua được cũng khá.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ có những chuyển biến mới. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh đang được chấn chỉnh.

Các hoạt động khoa học, kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật được chú ý đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào sinh hoạt văn hóa và tinh thần của nhân dân. Đã có một số điển hình tốt về phát huy quyền làm chủ tập thể, xây dựng đời sống văn minh, lành mạnh, về chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, trẻ em mồ côi, người tàn tật.

Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn về nhiều mặt, thiên tai xảy ra liên tiếp, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt rất hiểm độc, mà chúng ta đạt được những thành tựu như trên là *thắng lợi to lớn*. Thắng lợi ấy trước hết bắt nguồn từ đường lối đúng đắn của Đảng; từ những đổi mới trong chính sách kinh tế, trong công tác quản lý kinh tế, làm cho người lao động hăng hái sản xuất, gắn bó với sản phẩm làm ra; từ sự phấn đấu với ý thức làm chủ tập thể và tinh thần tự lực, tự cường của cả nước, của các ngành, các địa phương và cơ sở. Thắng lợi ấy cũng là kết quả của quan hệ hợp tác và sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Tuy nhiên, thành tựu đạt được mới chỉ là bước đầu, sự tiến bộ chưa đều và chưa vững chắc; nền kinh tế nước ta vẫn còn trong tình trạng rất khó khăn, có mặt rất gay gắt. Lương thực mới bảo đảm nhu cầu tối thiểu về ăn cho người và một phần nhỏ cho chăn nuôi, chưa đủ đáp ứng nhu cầu to lớn về phát triển cây công nghiệp trên quy mô lớn, cho việc mở mang các vùng kinh tế mới. Sản lượng màu tiếp tục giảm sút cũng làm cho lương thực giảm đi mấy chục vạn tấn. Nhận thức và chỉ đạo không đầy đủ đối với cây công nghiệp là một thiếu sót ảnh hưởng đến nguồn hàng xuất khẩu. Chúng ta cũng còn có khuyết điểm trong việc khai thác các khả năng về thủy sản, nhất là tôm, cá nước ngọt, cá nước lợ và về làm sản. Đáng chú ý là nhiều sản phẩm quan trọng, thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân tăng chậm hoặc giảm chân tại chỗ, nhất là điện, than, thuốc trừ sâu, phân bón, vải mặc, thuốc chữa bệnh, v.v.

Trong quản lý sản xuất, các chỉ tiêu chất lượng bị xem nhẹ, dẫn đến năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, xây dựng, vận tải và kinh doanh nói chung còn thấp; lãng phí vật tư, hàng hóa khá phổ biến, có những vụ nghiêm trọng. Cần thấy đây là một khuyết điểm lớn, nhất là trong khi nền kinh tế nước ta còn yếu kém, sản phẩm chưa dồi dào. Phân phối, lưu thông vẫn là lĩnh vực đang có nhiều khó khăn hơn cả. Nhà nước chưa nắm được phần lớn hàng, tiền, chưa làm chủ được thị trường, giá cả. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thoát ra khỏi lối làm ăn hành chính, bao cấp, chưa vươn ra được để phát huy vai trò chủ đạo trên thị trường. Khuyết điểm trong phân phối, lưu thông đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

Tình hình trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về mặt chủ quan, cần thấy rõ

Digitized by Google

những khuyết điểm trong cơ chế quản lý và kế hoạch hóa. Cơ chế này chậm được đổi mới theo những phương hướng mà Đảng ta đã xác định, không bảo đảm cho các cấp cùng nhau thật sự làm chủ để động viên tốt hơn nữa sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và của nhân dân, của cả trung ương và địa phương; do vậy, nhiều khả năng trong tầm tay vẫn chưa được khai thác.

★

Tình hình và nhiệm vụ cách mạng của cả nước ta hiện nay đòi hỏi sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện hơn nữa của công cuộc phát triển kinh tế—xã hội, quán triệt và thực hiện tốt những nhiệm vụ mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Nhiệm vụ của hai năm 1984 — 1985 rất quan trọng và nặng nề: vừa phải hoàn thành các mục tiêu của thời kỳ 1981 — 1985, bảo đảm cơ bản ổn định tình hình kinh tế và xã hội, vừa phải tích cực chuẩn bị cho kế hoạch 1986 — 1990.

Việc thực hiện kế hoạch năm 1984 và năm 1985 phải gắn liền với việc thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế — xã hội đến năm 1990, tiếp tục quán triệt đường lối chung, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng được cụ thể hóa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với nhiệm vụ hàng đầu là đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý, nhằm thực hiện bốn mục tiêu về kinh tế — xã hội tổng quát, chuẩn bị điều kiện để đẩy mạnh công nghiệp hóa trên quy mô lớn trong những năm tiếp theo.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, phải phát huy cao độ ý chí tự lực tự cường, tinh thần cách mạng tiến công, sức mạnh làm chủ tập thể, thực hiện tốt ba cuộc cách mạng; động viên đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương, thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của các cấp quản lý, chế độ trách nhiệm và kỷ luật, chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, phát động phong trào cách mạng của quần chúng, đồng thời sử dụng có hiệu quả nhất sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Điều quan trọng bậc nhất là trong hai năm 1984 — 1985, phải có tiến bộ rõ trong việc khai thác khả năng lao động và đất đai, ngành, nghề và các năng lực sản xuất hiện có. Phải đặc biệt coi trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả, lấy đó làm tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá mọi hoạt động kinh tế.

Chúng ta tiếp tục *thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện*, coi đó là mặt trận hàng đầu, khai thác đến mức cao nhất tiềm năng lao động và đất đai nhằm giải quyết vững chắc vấn đề *lương thực*, thực phẩm, chăn nuôi, phát triển thật mạnh *cây công nghiệp*, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh hàng xuất khẩu. Thực tiễn đã chỉ rõ, với đất đai và lao động, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, chúng ta có nhiều điều kiện để phát triển mạnh cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, coi cây công nghiệp là một nguồn tạo ra phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu... phục vụ cho ngay bản thân nông nghiệp. Trong năm 1984 và năm 1985, cần chú trọng những cây: lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, đay... và những cây dài ngày như cao su, cà phê, chè, dừa... vừa xây dựng các vùng chuyên canh, vừa trồng xen, trồng gối khắp nơi, với phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm; quốc doanh, tập

Digitized by Google

thể và gia đình cùng làm », đồng thời chuẩn bị cho bước phát triển trên quy mô lớn trong những năm sau.

Chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong *việc phát triển công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*. Ưu tiên bảo đảm các điều kiện để tăng nhanh sản lượng điện, than, đặc biệt là tiết kiệm tiêu dùng, có chính sách phân phối hợp lý để tận dụng nguồn năng lượng hiện nay đang rất hạn chế. Đẩy mạnh sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, phát triển cơ khí trước hết nhằm phục vụ thâm canh và mở rộng diện tích cây lương thực và các cây công nghiệp. Phát triển một số ngành cơ khí tiêu dùng phục vụ đời sống nhân dân như : xe đạp, máy may, quạt điện, đồng hồ... Hết sức chú trọng công nghiệp chế biến nông sản, gắn cơ sở chế biến với các vùng sản xuất, nhất là trên địa bàn huyện với quy mô vừa và nhỏ. Chú trọng sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là các hàng thiết yếu như vải, giầy, đường, sữa, thuốc chữa bệnh và hàng xuất khẩu như chè, thuốc lá, rượu. Việc phát triển công nghiệp đòi hỏi sắp xếp lại sản xuất, sử dụng tốt năng lực sản xuất hiện có, nhất là của công nghiệp quốc doanh, chú ý đầu tư chiều sâu, tích cực tạo nguồn vật tư, nguyên liệu từ nông sản, lâm sản, thủy sản trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế để có điều kiện nhập thêm nguyên liệu, vật tư cần thiết.

Ra sức phát huy công suất của các cơ sở sản xuất hiện có, đồng thời xây dựng mới những cơ sở cần thiết về công nghiệp nặng, như năng lượng, cơ khí, gang thép, điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng .. nhằm từng bước hình thành cơ cấu công — nông nghiệp hợp lý. Tranh thủ mọi điều kiện để sớm khởi công xây dựng một số công trình công nghiệp nặng có ý nghĩa then chốt của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Những yêu cầu to lớn của việc phát triển nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải... cũng như của việc phát triển văn hóa, xã hội đòi hỏi tăng thêm quỹ tích lũy và tăng mức *đầu tư xây dựng cơ bản* với nguồn vốn của cả trung ương và địa phương, vốn tự có của các xí nghiệp và sự đóng góp của nhân dân. Triệt để chống lãng phí, mất mát vật liệu xây dựng, bảo đảm chất lượng công trình, hạ giá thành xây dựng.

Phân phối lưu thông đang là mặt trận nóng bỏng. Bằng các biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục tư tưởng, Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường và giá cả, thực hiện thống nhất quản lý phân phối và lưu thông các sản phẩm hàng hóa chủ yếu. Nhà nước độc quyền kinh doanh lương thực. Nhà nước kế hoạch hóa việc phân phối quỹ hàng hóa, tổ chức sự trao đổi giữa công nghiệp và nông nghiệp một cách có kế hoạch, chủ yếu là thông qua hợp đồng hai chiều. Tăng nhanh mọi nguồn thu, nhất là nguồn thu từ kinh tế quốc doanh để bảo đảm các khoản chi cần thiết. Sắp xếp lại các khoản chi cho phù hợp với khả năng tài chính của ta. Từng bước lập lại trật tự trên lĩnh vực giá cả. Bằng các biện pháp đồng bộ, bảo đảm thu nhập thực tế của cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, giải quyết một bước những nhu cầu bức thiết về đời sống nhân dân.

Công tác *xuất khẩu* cần được đẩy mạnh, nhất là xuất khẩu nông sản, lâm sản, hải sản, đi đôi với mở mang các hoạt động kinh doanh dịch vụ, du lịch, kiều hối... để thu hút ngoại tệ, coi đây là một khâu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để bảo đảm các cân đối của kế hoạch.

Digitized by Google

Sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng đòi hỏi tăng cường hơn nữa *giao thông vận tải* theo hướng tiếp tục sắp xếp lại lực lượng vận tải, phát triển vận tải đường thủy, củng cố đường sắt, mở rộng đường biển, tăng cường quản lý nhằm khai thác tốt khả năng hiện có, loại trừ các hiện tượng tiêu cực.

Đẩy mạnh *cải tạo xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm đến hết năm 1985 hoàn thành cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ. Xóa bỏ ngay tư sản thương nghiệp. Tổ chức sắp xếp lại tiểu thương, chuyển một phần sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ.

Các hoạt động *văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế*,... cần được phát triển thích ứng với những đòi hỏi to lớn của công cuộc xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng con người mới, xây dựng lối sống mới, văn minh, lành mạnh, tiết kiệm; đấu tranh để loại trừ văn hóa nô dịch, phản động, đồi trụy, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

★

Những nhiệm vụ to lớn và cấp bách về kinh tế — xã hội hai năm 1981 — 1985 chỉ có thể được thực hiện thắng lợi bằng việc quán triệt hơn nữa đường lối của Đảng, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa. Quan trọng bậc nhất là *phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, khơi dậy tính năng động và sức sáng tạo của hàng triệu quần chúng nhân dân, dấy lên phong trào cách mạng thật sự sôi nổi, rộng khắp của quần chúng. Làm chủ tập thể là sức mạnh lớn nhất để đẩy mạnh cải tạo, xây dựng, sản xuất, tiết kiệm, để lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong phân phối lưu thông, để tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Cơ chế quản lý kinh tế và kế hoạch hóa cần được tiếp tục đổi mới, nhằm khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, gắn trách nhiệm, quyền lợi của họ với kết quả lao động cuối cùng; các cấp quản lý cùng nhau làm chủ trong sản xuất, kinh doanh và tổ chức đời sống nhân dân, bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, chế độ trách nhiệm cụ thể và nghiêm ngặt, không ngừng mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực. Việc phân cấp quản lý cần được nhanh chóng hoàn thành, để các cấp tỉnh (thành phố), huyện (quận) thật sự làm chủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, trước hết là trong kế hoạch trong việc quản lý các cơ sở kinh tế, vật tư, tài chính, lương thực, xuất khẩu... trên cơ sở bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của trung ương. Cần nhấn mạnh rằng chống hành chính quan liêu, bao cấp không phải là buông lỏng sự tập trung thống nhất của trung ương trong quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục soát xét lại, bổ sung và cải tiến các chính sách kinh tế (như giá cả, đầu tư, tài chính, tín dụng, xuất nhập khẩu, thu mua...), để các chính sách phát huy mạnh mẽ hơn nữa tác dụng khuyến khích sản xuất phát triển theo hướng kế hoạch Nhà nước. Tiếp tục hoàn chỉnh chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh theo hướng mở rộng quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính của xí nghiệp. Cải tiến và hoàn thiện chế độ quản lý hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp. Chú trọng hoàn chỉnh chế độ khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp.

Công tác kế hoạch hóa kinh tế quốc dân được tiến hành ở ba cấp cơ bản:

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ

HOÀNG-VĂN-THÁI

TRẢI qua 7 năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, quân và dân ta đã liên tiếp làm thất bại các kế hoạch chiến lược của địch, từ kế hoạch đánh nhanh giải quyết nhanh (1945 — 1947), kế hoạch bao vây biên giới, mở rộng phạm vi chiếm đóng ở trung du và đồng bằng Bắc-bộ (1948 — 1950) đến kế hoạch giành lại quyền chủ động chiến lược (1951 — 1952).

Bước sang năm thứ 8, cục diện chiến tranh đã phát triển ngày càng có lợi cho ta. Ba thứ quân của ta đã lớn mạnh và luôn giữ thế chủ động. Những triển vọng vô cùng tốt đẹp về thắng lợi đã mở ra trước mắt nhân dân ta.

Vào cuối năm 1952, mặc dù thực dân Pháp được Mỹ viện trợ hai phần ba chi phí chiến tranh, mặc dù quân số của chúng ở Đông-dương đã lên tới 38 vạn tên, thực dân Pháp vẫn ngày càng làm vào thế bị động phòng ngự, nhất là trên chiến trường chính là Bắc-bộ. Trước sự lớn mạnh của quân đội chủ lực ta, địch phải dùng hình thức phòng ngự mới, co cụm lại thành tập đoàn cứ điểm.

Để cứu vãn tình thế, mùa hè năm 1953, Pa-ri cử tướng Na-va sang Đông-dương hòng « tìm một lối thoát danh dự ».

Được sự đồng tình của giới cầm quyền Pháp — Mỹ, Na-va đề ra một kế hoạch chiến lược quy mô lớn nhằm giành lại thế chủ động chiến lược, giành một thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định trong một thời gian tương đối ngắn.

Kế hoạch chiến lược của Na-va gồm hai bước. Trước hết là giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc

Digitized by Google

trong *Đông – Xuân 1953 – 1954*, thực hành tiến công chiến lược ở miền Nam, đồng thời ra sức phát triển thêm quân ngụy, xây dựng một đội quân cơ động lớn mạnh. Với khối quân cơ động đã được xây dựng và tập trung, *mùa khô 1954 – 1955* sẽ chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường Bắc-bộ, giành lấy thắng lợi quân sự to lớn, buộc đối phương phải điều đình trong những điều kiện có lợi cho Pháp – Mỹ.

Giới cầm quyền Pháp – Mỹ đặt nhiều hy vọng vào kế hoạch Na-va. Càng triển khai kế hoạch đó, họ càng thêm lạc quan và tin tưởng. Pa-ri chấp thuận đưa thêm quân tăng viện sang Đông-dương. Oa-sinh-tơn viện trợ cấp tốc cho Pháp gần 400 triệu đô la, nhiều trang bị quân sự và cử các phái đoàn tướng lĩnh sang đôn đốc thực hiện kế hoạch. Với kết quả tăng nhanh viện trợ cho Pháp, đến năm 1954, Mỹ đã đảm nhận trên 78% chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông-dương.

Kế hoạch Na-va là một kế hoạch chiến lược lớn, được thực hiện với tinh thần kiên quyết hơn chính sách « lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt » đã từng được áp dụng những năm trước.

Trước hết Na-va ra sức xây dựng khối quân cơ động chiến lược mạnh làm công cụ chủ yếu để giành lại thế chủ động. Bước vào Thu Đông 1953, Na-va đã nâng tổng số binh lực lên 45 vạn, đã xây dựng được trên 80 tiểu đoàn cơ động chiến lược. Vừa xây dựng lực lượng cơ động, Na-va vừa mở nhiều cuộc hành quân càn quét hòng « bình định » vùng địch kiểm soát để vét người vét của. Hắn còn mở cuộc tiến công lớn ra vùng giáp giới Ninh-bình – Thanh-hóa hòng phá kế hoạch tiến công của ta mà chúng phán đoán là nhằm hướng đồng bằng Bắc-bộ.

Trước âm mưu chiến lược mới của địch, vấn đề đặt ra đối với quân và dân ta là phải kiên quyết đập tan kế hoạch Na-va, làm sụp đổ ý chí xâm lược của thực dân Pháp, đánh mạnh vào âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Nhìn lại cả quá trình triển khai kế hoạch chiến lược của địch và quá trình thực hiện chủ trương chiến lược của ta trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953–1954, ta thấy nổi lên tình hình thực tế sau đây:

Một là trong khi Na-va ra sức tập trung lực lượng, xây dựng khối quân cơ động chiến lược mạnh thì ta liên tiếp mở một loạt chiến dịch tiến công trên nhiều hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối sơ hở, tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch, đồng thời buộc chúng phải phân tán binh lực, làm phá sản ý đồ tập trung quân của địch, làm thất bại một bước quan trọng kế hoạch Na-va.

Hai là, Điện-biên-phủ không nằm trong dự kiến hành quân ban đầu của địch, nhưng do hoạt động của quân ta cho nên Điện-biên-phủ dần dần trở thành trung tâm tác chiến của kế hoạch Na-va. Còn đối với ta, Điện-biên-phủ do ý đồ chỉ đạo chiến lược của ta đã trở thành nơi xảy ra trận quyết chiến chiến lược làm thất bại cố gắng quân sự cao nhất của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ.

Nét đặc sắc về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của ta trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953–1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện-biên-phủ là Đảng ta đã *xác định đúng phương hướng chiến lược, chỉ đạo vận dụng nghệ thuật chiến dịch và các phương pháp chiến thuật* phù hợp với lực lượng so sánh giữa ta và địch, phù hợp với trình độ tác chiến của bộ đội ta lúc đó, tạo được thế và lực mạnh để giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định

Digitized by Google

I — Về chỉ đạo chiến lược.

Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Đảng ta mùa khô 1953 — 1954 thể hiện trong việc xác định chiến trường rừng núi là phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong Thu Đông 1953, trong việc chọn điểm quyết chiến chiến lược sau khi địch chiếm đóng Điện-biên-phủ và việc động viên sức mạnh của toàn dân để biến các chủ trương chiến lược trên đây thành hiện thực thắng lợi.

Ngay từ đầu năm 1953, tại hội nghị thứ 4, trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc và khoa học hình thái chiến tranh chung, Trung ương Đảng đã sớm *xác định phương hướng chiến lược* trong Thu Đông.

Một đặc điểm của cục diện chiến tranh bước sang năm 1953 là tình hình phát triển không đều của lực lượng vũ trang ta trên ba chiến trường Bắc, Trung, Nam. Ở Bắc-bộ, ba thứ quân phát triển mạnh, nhất là bộ đội chủ lực (1). Trong khi đó, ở Trung-bộ và Nam-bộ, lực lượng phát triển không đều, chủ lực phát triển chậm. Điều đó giải thích vì sao đại bộ phận quân chủ lực của địch đã dần dần tập trung ra Bắc-bộ, còn trên các chiến trường khác, chúng có nhiều sơ hở.

Tại Bắc-bộ, địch đã tập trung 47% tổng số binh lực (130/281 tiểu đoàn) trong đó có 44 tiểu đoàn cơ động chiến lược, tức 52% tổng số lực lượng cơ động trên toàn chiến trường Đông-dương (44/84 tiểu đoàn). Phần lớn số quân này được tập trung ở đồng bằng, còn trên chiến trường rừng núi, lực lượng của chúng tương đối yếu hơn.

Trên chiến trường Bắc-bộ, nơi đối đầu chủ yếu giữa hai khối quân chủ lực của ta và của địch, bộ đội chủ lực của ta chỉ bằng 69% so với địch (90/130 tiểu đoàn), trong đó tỷ lệ lực lượng cơ động chiến lược là địch 1, ta 1,2 (11/54 tiểu đoàn). So sánh lực lượng trên đây cho thấy ta chưa giành được ưu thế quân sự trên chiến trường chính.

Từ thực tế đó, vấn đề đặt ra là trong Thu Đông 1953, hướng tiến công chiến lược của bộ đội chủ lực nên chọn ở đâu, chiến trường rừng núi hay đồng bằng? Mặc dù yêu cầu khách quan của cuộc kháng chiến lúc này phải tiến tới đánh lớn ở đồng bằng, nhưng rõ ràng là trước mắt, so sánh lực lượng chưa cho phép ta thực hiện được ưu thế binh lực, hỏa lực trong một chiến dịch tiến công ở đồng bằng, nơi địch tập trung quân và là «chỗ rắn» của chúng.

Kinh nghiệm các chiến dịch trung du và đồng bằng năm 1951 đã chứng tỏ: với một mức độ tập trung binh lực nhất định, ta chỉ thực hiện được ưu thế tuyệt đối trong một thời gian ngắn. Đến khi địch tăng viện, nhanh chóng đưa thêm lực lượng cơ động đến đối phó thì ta lại gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp tục phát triển cuộc tiến công. Trong khi đó, trên chiến trường rừng núi, thế bố trí của địch tương đối phân tán, khả năng sử dụng pháo binh, không quân cũng như khả năng tiếp tế tăng viện bằng cầu hàng không rất bị hạn chế. Chiến trường rừng núi lại là địa bàn ta có nhiều khả năng thực hiện và giữ vững ưu thế binh lực trong suốt chiến dịch tiến công, có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

Xuất phát từ tình hình trên đây và để phá tan âm mưu tập trung quân của địch, tại hội nghị Trung ương tháng 1-1953, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra phương hướng chiến lược trong Thu Đông là: «tạm thời tránh chỗ mạnh,

(1) Tại chiến trường chính Bắc-bộ ta đã có 90 tiểu đoàn trong tổng số 110 tiểu đoàn chủ lực trong đó có 54 tiểu đoàn cơ động thuộc 6 đại đoàn dự bị chiến lược.

Digitized by Google

đánh chỗ yếu » để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do » (2) Hội nghị Trung ương khẳng định : « Do phương hướng chiến lược này, quân đội ta phải đánh địch ở những nơi địch sơ hở, đồng thời phải hoạt động mạnh trong vùng sau lưng địch. Bất kỳ miền núi hay đồng bằng, quân ta *phải chuẩn bị* đánh những lực lượng, những cứ điểm ngày càng mạnh của địch » (3).

Dựa vào phương hướng chiến lược đã được Trung ương xác định, Tổng quân ủy đề ra phương án tác chiến Thu Đông mà nội dung chủ yếu là :

— Chọn chiến trường Tây-bắc làm hướng tiến công chiến lược chính, nhằm giải phóng Lai-châu và phát triển sang hướng Thượng Lào ;

— Đẩy mạnh hoạt động phối hợp trên chiến trường Lào, Tây-nguyên để tiêu diệt lực lượng địch, mở rộng vùng giải phóng và buộc địch phải phân tán khối chủ lực của chúng ;

— Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị, binh vận và chiến tranh du kích trong vùng sau lưng địch. Một bộ phận chủ lực dùng hình thức hoạt động phân tán để tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, giúp cho vùng địch hậu hoạt động đều khắp ;

— Sẵn sàng lực lượng và kế hoạch tiêu diệt địch nếu chúng đánh ra vùng tự do.

Thực hiện phương án tác chiến trên đây trong đợt I của chiến cuộc Đông—Xuân, bằng một loạt chiến dịch tiến công trên những hướng chiến lược quan trọng địch tương đối yếu, ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng lực lượng địch (trên hai vạn tên, trong đó có nhiều đơn vị tinh nhuệ), giải phóng nhiều vùng đất đai có ý nghĩa chiến lược ở Tây-bắc, Bắc Tây-nguyên và trên chiến trường Lào, đồng thời đã buộc địch phải phân tán khối quân cơ động chiến lược của chúng trên nhiều hướng (4). Riêng khối quân cơ động của địch tập trung ở đồng bằng Bắc-bộ (chỉ còn lại chừng 20 tiểu đoàn) đang bị giằng xé để đối phó với chiến tranh du kích. *Lực lượng cơ động của địch bị phân tán đến mức độ không còn giữ được vai trò cơ động nữa.*

Hoạt động của ta trong đợt I chiến cuộc Đông—Xuân đã làm cho kế hoạch tập trung khối quân cơ động chiến lược của Na-va bước đầu bị phá sản, đã vô hiệu hóa công cụ chiến lược chủ yếu là khối quân cơ động chiến lược ngay trong quá trình nó đang hình thành và dồn địch vào thế hoàn toàn bị động.

Một thành công quan trọng khác của Đảng trong chỉ đạo chiến lược là *chọn điểm quyết chiến chiến lược*, xác định mục tiêu chiến lược chủ yếu sau khi địch chiếm đóng Điện-biên-phủ.

Phát hiện một đơn vị chủ lực của ta tiến quân lên Tây-bắc, Na-va vội vã ném quân xuống cánh đồng Mường-thanh hòng chặn đường tiến quân của ta sang Thượng Lào. Sau đó, hắn hạ quyết tâm tăng cường lực lượng, xây dựng Điện-biên-phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh, một « siêu Nà-sản » hòng tiêu diệt chủ lực ta trên một chiến trường chúng đã lựa chọn và chuẩn bị sẵn. Từ chỗ chủ trương tránh giao chiến lớn với chủ lực ta trên chiến trường Bắc-bộ trong mùa khô 1953, đến chỗ bị động đưa quân lên Điện-biên-phủ để chấp nhận giao chiến ; từ chỗ Điện-biên-phủ không có trong kế hoạch ban đầu đến chỗ chiến trường này trở thành điểm trung tâm của kế hoạch chiến lược, như vậy rõ ràng Na-va bị động một bước nghiêm trọng về chiến lược.

(2) và (3) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của BCHTƯ ĐLĐVN (25—30-1-1953), *Văn kiện quân sự của Đảng* Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1977, tập 3, tr. 380.

(4) Đồng bằng Bắc-bộ, Điện-biên-phủ, Xê-nô, Pắc-xế, Plây-cu và nam Tây-nguyên, Luông Pra-băng và Mường-sài.

Digitized by Google

Ngay sau khi địch chiếm đóng Điện-biên-phủ, một vấn đề có tầm chiến lược quan trọng được đặt ra là tập trung đại bộ phận chủ lực mở cuộc tiến công vào Điện-biên-phủ, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của địch hay tiếp tục bao vây giam chân quân địch ở đây, tạo điều kiện cho quân ta tiếp tục tiêu diệt địch trên các chiến trường khác.

Phân tích tình hình lúc bấy giờ, Bộ chính Trị trung ương Đảng ta nhận thấy quân đội ta *cần phải* tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ thì mới mở ra con đường phát triển của bộ đội, thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên, mới làm thất bại kế hoạch Na-va, đập tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của đế quốc Pháp — Mỹ.

Chúng ta đã dựa trên nguyên tắc *tiêu diệt sinh lực địch* và nguyên tắc *đánh chắc thắng;* đã tính đến điều kiện cụ thể về địch và về ta trên các mặt: binh lực hỏa lực, địa hình chiến trường, bảo đảm hậu cần kỹ thuật, khả năng chiến trường chính và chiến trường phối hợp; đã đánh giá ý đồ chiến lược của địch và những biện pháp chiến thuật, kỹ thuật mà chúng có thể vận dụng để thực hiện ý đồ đó, v.v. Tất cả các yếu tố trên đây tạo thành *căn cứ tổng hợp* để hạ quyết tâm chọn Điện-biên-phủ làm điểm quyết chiến chiến lược.

Căn cứ so sánh lực lượng cụ thể giữa ta và địch lúc bấy giờ, căn cứ khả năng mới của hai bên, chúng ta khẳng định: quân đội ta *có thể* tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ, vì:

1 — Quân địch ở đây tuy mạnh (mạnh hơn nhiều so với tập đoàn cứ điểm Nà-sản), nhưng chúng bị cô lập trên chiến trường rừng núi, rất xa các căn cứ ở đồng bằng. Chỗ yếu nhất của địch là chỉ dựa vào đường hàng không (có thể bị ta hạn chế và cắt đứt) để giải quyết việc tăng viện và bảo đảm hậu cần tiếp tế.

2 — Trong điều kiện địch mạnh hơn ta về trang bị kỹ thuật, thì tác chiến ở địa hình rừng núi đối với ta có lợi hơn so với địa hình đồng bằng.

3 — Bộ đội chủ lực của ta đã có kinh nghiệm và những tiến bộ mới về chiến thuật, kỹ thuật đánh công sự vững chắc, đã được rèn luyện một bước về đánh tập đoàn cứ điểm; trang bị hỏa lực của ta đã bước đầu được tăng cường.

4 — Tuy Điện-biên-phủ rất xa hậu phương, nhưng các tuyến đường vận tải chiến lược đã được chuẩn bị một phần; vấn đề hậu cần tiếp tế tuy khó khăn, đường sá có thể bị địch đánh phá, nhưng nhân dân và quân đội ta có khả năng khắc phục được để chi viện cho tiền tuyến.

5 — Với thắng lợi của đợt I chiến cuộc Đông—Xuân, ta đã tạo được thế chiến lược ngày càng có lợi, lực lượng cơ động chiến lược của địch đã bị phân tán nghiêm trọng. Sắp tới, hoạt động của các chiến trường phối hợp được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa, buộc địch càng phải căng mỏng thêm lực lượng ra để đối phó, ta sẽ hạn chế đến mức thấp nhất khả năng của chúng tăng viện cho Điện-biên-phủ.

Bởi vậy, đến cuối tháng 1-1954, khi tập đoàn cứ điểm của địch đã được xây dựng và củng cố ngày càng vững chắc, lực lượng của chúng đã được tăng cường, Đảng ta vẫn giữ quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện-biên-phủ.

Đó là một quyết tâm chiến lược quan trọng, thể hiện sự quán triệt sâu sắc phương châm *tích cực — chủ động — cơ động — linh hoạt* mà Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đề ra trong hội nghị tháng 9-1953.

Digitized by Google

Chúng ta đã từ chỗ tạm thời tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, chọn những hướng chiến lược mà địch tương đối sơ hở để mở các chiến dịch tiến công trong đợt I của chiến cuộc Đông—Xuân đến chỗ chọn Điện-biên-phủ, tập đoàn cứ điểm mạnh nhất, làm điểm quyết chiến chiến lược để tập trung lực lượng tiêu diệt.

Thực tế đã chứng minh việc chọn chiến trường rừng núi làm phương hướng tiến công chiến lược chủ yếu và sau đó, chọn Điện-biên-phủ làm điểm quyết chiến chiến lược là những chủ trương hoàn toàn đúng đắn và sáng suốt.

Trong chiến cuộc Đông—Xuân 1953—1954, nhất là trong chiến dịch Điện-biên-phủ, Đảng ta đã dựa vào sức mạnh của toàn dân, huy động sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn của cả nước, đồng thời tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới, *tạo thành sức mạnh tổng hợp* để biến quyết tâm chiến lược đúng đắn thành hiện thực thắng lợi trên chiến trường.

Chủ trương phát động quần chúng, thực hiện chính sách ruộng đất đã tạo nên một khí thế cách mạng mới ở hậu phương, tác động trực tiếp đến bộ đội mà đa số là thanh niên nông dân đang hằng ngày đối mặt với quân thù ở tiền tuyến. Hậu phương giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn càng có thêm sức mạnh tinh thần và vật chất chi viện tiền tuyến.

Hàng vạn tân binh bổ sung cho chiến trường; hơn 26 vạn dân công, từ miền xuôi đến miền ngược, từ vùng tự do đến vùng tạm bị chiếm (với trên 18 triệu ngày công phục vụ chiến dịch); hơn 25 nghìn tấn gạo được đưa ra mặt trận, v.v. là những chứng minh hùng hồn về sức mạnh hậu phương chi viện cho tiền tuyến.

Tướng Na-va cũng như nhiều tướng lĩnh, nhà báo Pháp và phương Tây sau này đã phải thừa nhận rằng hồi đó họ không lường nổi sức mạnh của cả một dân tộc đã giải quyết một cách xuất sắc vấn đề hậu cần tiếp tế cho bộ đội ở phía trước.

Sức mạnh tổng hợp phát huy trong chiến cuộc Đông—Xuân và chiến dịch Điện-biên-phủ còn thể hiện ở sự hoạt động nhịp nhàng giữa chiến trường chính và các chiến trường phối hợp, giữa chiến trường của ta và chiến trường bạn, giữa các đòn tiến công của chủ lực ở phía trước với hoạt động rộng khắp của ba thứ quân trong vùng sau lưng địch, giữa tiến công tiêu diệt địch, giải phóng đất đai với phong trào nổi dậy diệt tề trừ gian, vận động binh lính địch, mở rộng các khu du kích và căn cứ du kích trong vùng địch.

Hoạt động phối hợp của các chiến trường địch hậu, nhất là ở đồng bằng Bắc-bộ, đã đánh thẳng vào khối quân cơ động chiến lược của Na-va, khoét sâu chỗ yếu chí mạng của địch là việc tiếp tế cho tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ. Lực lượng địch không ngừng bị tiêu hao và phân tán, phương tiện vận tải chiến lược các loại không ngừng bị phá hủy, nhất là trên đường 5. Điển hình là hai trận tập kích vào các sân bay Cát-bi và Gia-lâm, phá hủy gần 80 máy bay địch, trận tập kích vào căn cứ Nha-trang, đốt cháy 3,7 triệu lít xăng, trận tập kích sân bay Tân-sơn-nhất làm nổ hàng trăm tấn bom. Các chiến trường phối hợp, nhất là đồng bằng Bắc-bộ đã góp phần hạn chế đi đến triệt hẳn nguồn tiếp tế và tăng viện của địch cho chiến trường trọng điểm Điện-biên-phủ. Như sau này địch thú nhận, cái cuống nhau nuôi sống tập đoàn cứ điểm bị bóp nghẹt ở cả hai đầu, đồng bằng sông Hồng và trên bầu trời Mường-thanh.

Digitized by Google

Sức mạnh tổng hợp của ta còn thể hiện sự kết hợp ở trình độ cao cuộc đấu tranh trên các mặt trận quân sự chính trị với ngoại giao, nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân các nước anh em, và nhân dân Pháp đối với sự nghiệp kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta.

Chính kẻ địch cũng phải thừa nhận rằng lời tuyên bố tháng 11-1953 của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh với phóng viên báo *Expressen* (Thụy-điển) và nghị quyết của các ngoại trưởng ở Béc-lin về việc mở cuộc đàm phán ở Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông-dương là những đòn đánh mạnh vào tinh thần quân viễn chinh Pháp.

Chiến dịch Điện-biên-phủ kết thúc thắng lợi một ngày trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương khai mạc là một sự phối hợp tuyệt đẹp giữa chiến trường và bàn hội nghị, là một hậu thuẫn kịp thời, to lớn và có hiệu quả đối với phái đoàn đàm phán của ta.

Rõ ràng là, chính nhờ chủ trương chiến lược đúng đắn, xác định phương hướng chiến lược và chọn điểm quyết chiến chiến lược chính xác, lại biết tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, biết động viên mọi nhân tố thắng lợi trong quá trình vận dụng chủ trương chiến lược đó mà Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta từng bước dồn kẻ địch đi từ bị động chiến lược này đến bị động chiến lược khác, từ bất ngờ chiến lược này đến bất ngờ chiến lược khác.

Địch bất ngờ và bị động đến mức giữa lúc chúng đang tin tưởng và đặt nhiều hy vọng vào công cụ chiến lược chủ yếu là khối quân cơ động, thì ngay trong quá trình xây dựng và tập trung, « quả đấm chiến lược » đã bị ta phân tán ra nhiều hướng. Địch bất ngờ và bị động đến mức giữa lúc chúng cho rằng hoạt động của ta trên các hướng chiến lược khác « đã lên đến đỉnh cao », rằng ta đã « hụt hơi » và do dự không dám tiến công tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ và chúng có thể rảnh tay tiếp tục chiến dịch *Ai-lăng* (tiến công vào vùng tự do Liên khu 5) thì quân ta mở màn chiến dịch Điện-biên-phủ. Địch bất ngờ đến mức trong lúc chúng đang tin tưởng vào tính « bất khả xâm phạm của tập đoàn cứ điểm siêu Nà-sản », rằng Điện-biên-phủ sẽ là « cái máy nghiền, nghiền nát chủ lực Việt minh nếu họ dám liều lĩnh tiến công », thì quân ta đã từng bước tiêu diệt từng cứ điểm địch và cuối cùng tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm

II — Về vận dụng nghệ thuật chiến dịch và các phương pháp chiến thuật.

Xác định phương hướng chiến lược đúng đắn là nhân tố rất quan trọng để giành thắng lợi trong chiến tranh hay trong mặt trận quyết chiến chiến lược. Nhưng phương hướng chiến lược chính xác đến đâu cũng chỉ mới là điều kiện, là khả năng. Để biến khả năng đó thành hiện thực thắng lợi, một vấn đề quan trọng khác được đặt ra và phải được giải quyết đúng đắn là nghệ thuật chiến dịch và phương pháp chiến thuật.

Vấn đề nổi lên trong chiến dịch Điện-biên-phủ là chúng ta đã xác định đúng đắn phương châm chiến dịch.

Căn cứ vào tình hình thực tế trong thời gian đầu, khi địch mới nhảy dù xuống, lực lượng chưa được tăng cường, bố trí còn tương đối sơ hở, trận địa phòng ngự chưa được củng cố, ta chủ trương « đánh nhanh, giải quyết nhanh »: tập trung toàn bộ lực lượng, tổ chức hợp đồng giữa các binh chủng, mở cuộc tiến công từ nhiều hướng, đánh thẳng vào chỗ sơ

Digitized by Google

hở nhất trong lòng địch, chia cắt tập đoàn cứ điểm ra từng bộ phận, tiêu diệt bộ phận quan trọng nhất của chúng; tiếp đó, giải quyết những bộ phận còn lại, hoàn thành tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm trong thời gian chừng ba đêm, hai ngày. Đảng ủy mặt trận đã phân tích những điều lợi và không có lợi nếu « đánh nhanh giải quyết nhanh ». Những điều lợi đó là: quân ta đang sung sức; cuộc chiến đấu không kéo dài, ít tiêu hao mệt mỏi; vấn đề tiếp tế lương thực đạn dược không gặp trở ngại lớn. Điều không có lợi là, mặc dù đã được chuẩn bị về tư tưởng và chiến thuật, đã được bổ sung trang bị tốt hơn trước nhưng quân ta chưa có kinh nghiệm thực tế đánh tập đoàn cứ điểm.

Quá trình chuẩn bị cũng là quá trình tiếp tục bám sát tình hình địch, tiếp tục cân nhắc về cách đánh. Đến ngày 25-1-1954, khi bộ đội ta đã ở tư thế sẵn sàng đợi lệnh nổ súng thì Đảng ủy mặt trận nhận thấy « đánh nhanh giải quyết nhanh » *không còn phù hợp, không bảo đảm chắc thắng*, vì:

Một là tình hình địch đã thay đổi. Hai vị trí ở phân khu Bắc đã được tăng cường lực lượng và được củng cố thành những cứ điểm mạnh. Phân khu Nam đã phát triển thành một cụm cứ điểm. Phía Tây sân bay Mường-thanh xuất hiện một số cứ điểm mới. Các điểm cao phía Đông đã được tăng cường và vẫn là chỗ mạnh mà địch có thể dựa vào để kéo dài chiến đấu phòng ngự.

Hai là công tác chuẩn bị của ta, nhất là việc kéo pháo vào trận địa, đã có những đòi hỏi vượt xa dự kiến ban đầu. Nếu nổ súng theo thời gian quy định (chiều 25-1) thì việc chuẩn bị chiến đấu của pháo binh gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, chính qua việc kéo pháo ta mới thấy được một thực tế mà trước đó không lường tới, là trong chiến đấu, khi cần phải cơ động thì làm thế nào có thể dùng sức người nhanh chóng di chuyển được trận địa pháo. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề về chiến thuật và chỉ huy cũng chưa được giải quyết triệt để để bảo đảm chắc thắng, nhất là chiến đấu trọng trung tâm.

Đảng ủy mặt trận nhận thấy cách đánh nhanh thắng nhanh trong tình hình như vậy không bảo đảm thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Bộ chính trị là *đánh chắc thắng* cho nên đã quyết định thay đổi phương châm thành *đánh chắc, tiến chắc*.

Đảng ủy mặt trận cũng nhận thấy « đánh chắc, tiến chắc », thì chiến dịch kéo dài, sẽ thêm nhiều khó khăn trở ngại mới: địch có thể tăng cường công sự, tăng thêm viện binh; bộ đội hoạt động dài ngày có thể bị tiêu hao mệt mỏi; vấn đề cung cấp tiếp tế vốn đã khó khăn, càng trở nên khó khăn hơn.

Nhưng Đảng ủy mặt trận khẳng định: trong một trận đánh, nhất là một trận quyết chiến chiến lược có tầm quan trọng lớn lao như chiến dịch Điện-biên-phủ, *nguyên tắc cao nhất vẫn là bảo đảm chắc thắng*. Phải xoay quanh nguyên tắc đó mà vượt qua mọi trở ngại. Không thể vì bất kỳ khó khăn nào mà hạ thấp yêu cầu đánh chắc thắng.

Việc thay đổi phương châm đó là hoàn toàn chính xác và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của chiến dịch.

Nhưng để giành thắng lợi, thì không thể chỉ dừng lại ở phương châm chiến dịch. Từ chỗ trình độ phổ biến của bộ đội là mới có khả năng tiêu diệt một tiểu đoàn địch trong công sự vững chắc trong một đêm, phải chỉ đạo *cách đánh* thế nào cho phù hợp, để bộ đội có thể vượt hẳn lên, đánh liên tục nhiều ngày, đủ sức tiêu diệt hàng chục tiểu đoàn tinh nhuệ của địch bố trí liên kết trong tập đoàn cứ điểm, trong điều kiện trang bị của ta

Digitized by Google

chưa có sự cải tiến đáng kể. Vì thế, một loạt *phương pháp chiến thuật có ý nghĩa chiến dịch*, nhằm hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu của địch, làm cho chúng quân đông mà hóa ít, trang bị mạnh mà hóa yếu đã được vận dụng.

1 — Trước hết là phương pháp bao vây chiến dịch, rồi lần lượt tiêu diệt từng tiểu đoàn hoặc một số tiểu đoàn địch trong tập đoàn cứ điểm.

Binh lực địch ở Điện-biên-phủ gồm trên dưới 20 tiểu đoàn các loại. Ưu thế binh lực của ta so với địch trong toàn bộ chiến dịch mới đạt 1,8/1.

Ngay từ đầu, quân ta đã hình thành thế bao vây chiến dịch trên các hướng, đã phân công mỗi đại đoàn trên mỗi hướng, tổ chức hợp đồng binh chủng trong từng trận đánh, lần lượt tiêu diệt từng bộ phận địch trong mỗi trung tâm đề kháng; tiến công đánh chiếm từng cứ điểm đi đôi với tổ chức đánh địch phản kích, giữ vững vị trí đã chiếm được, làm bàn đạp phát triển tiến công đánh chiếm cứ điểm khác.

Cách đánh này phù hợp với trình độ quân đội ta lúc bấy giờ. Nó bảo đảm cho quân ta chắc thắng trong từng trận, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch trong tập đoàn cứ điểm. Đây là cách đánh sáng tạo, vừa thể hiện sự quán triệt sâu sắc phương châm « đánh chắc tiến chắc », vừa đáp ứng yêu cầu tiến vọt, tiêu diệt một binh lực lớn của địch trong một chiến dịch tiến công trận địa lớn chưa từng thấy trong lịch sử 10 năm của quân đội ta.

Từ hai trận đầu « bóc vỏ » ở phân khu Bắc, tiếp đến tiêu diệt một số cứ điểm ở phía Đông, rồi dùng phương pháp « đánh lấn » từng bước, diệt từng ụ súng, từng lô cốt, từng vị trí địch, quân ta đã hạn chế chỗ mạnh của địch là quân số đông, trang bị mạnh buộc chúng phải đối phó trong từng cứ điểm và cụm cứ điểm, hạn chế khả năng yểm hộ lẫn nhau bằng binh lực và hạn chế khả năng phản kích của địch hòng chiếm lại các vị trí đã mất.

2 — Phương pháp xây dựng trận địa tiến công và bao vây, ngày càng xiết chặt quân địch bằng một hệ thống chiến hào nhiều tầng, nhiều lớp.

Trước đây, để tiêu diệt một tiểu đoàn độc lập của địch trong công sự vững chắc, bộ đội mới có kinh nghiệm làm trận địa xuất phát tiến công cho từng phân đội rồi lợi dụng đêm tối kết thúc trận đánh trong một đêm. Trước yêu cầu chiến đấu dài ngày, tiêu diệt lực lượng lớn của địch trên địa hình bằng phẳng của cánh đồng Mường-thanh, dưới hỏa lực pháo binh, cơ giới và không quân địch, vấn đề đặt ra là làm thế nào bộ đội có thể tiếp cận địch và chiến đấu liên tục cả ngày lẫn đêm.

Bằng phương pháp *xây dựng hệ thống trận địa tiến công và bao vây* ngày càng thắt chặt chung quanh từng cứ điểm địch, quân ta đã hạn chế đến mức thấp nhất hỏa lực của địch, tạo điều kiện bám trụ chiến đấu liên tục, tiêu diệt từng vị trí, tiến lên tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm trong chiến dịch kéo dài 55 ngày đêm.

Chính dựa vào hệ thống chiến hào ngày càng phát triển sâu về phía địch mà bộ đội có thể vận dụng nhiều hình thức hoạt động phong phú như *đánh lấn, bắn tỉa*..., gây nên cho địch một tình trạng căng thẳng khủng khiếp thường xuyên, đánh mạnh vào chỗ yếu cơ bản của chúng là tinh thần chiến đấu bạc nhược.

Như sau này địch thú nhận, mặc dù chúng dùng mọi thủ đoạn ngăn chặn, nhưng vẫn không ngăn nổi bước phát triển của các chiến hào, tập đoàn cứ điểm của chúng bị một « tập đoàn cứ điểm » khác vây hãm và ngày càng siết chặt thòng lọng nhiều tầng vào cổ chúng, như một con nhện

Digitized by Google

chăng tơ dày đặc để bắt một con côn trùng. Mọi kế hoạch tháo chạy do các cơ quan tham mưu Pháp ở Hà-nội và Sài-gòn vạch ra đều không thực hiện được.

3 — Dùng mọi biện pháp triệt đường tiếp tế và tăng viện của địch, khoét sâu chỗ yếu của chúng là tập đoàn cứ điểm bị cô lập, hoàn toàn dựa vào cầu hàng không để tiếp tế và tăng viện.

Dựa vào trận địa tiến công và bao vây ngày càng thắt chặt, bộ đội đã dùng các loại hỏa lực để khống chế sân bay và cuối cùng, dùng phương pháp đánh lấn để *cắt đứt và chiếm hẳn sân bay*. Cầu hàng không ngày càng bị uy hiếp và cuối cùng bị hoàn toàn tê liệt. Cái mà lúc đầu địch chủ quan cho là chỗ mạnh và ưu thế của chúng so với ta về khả năng bảo đảm hậu cần tiếp tế đã trở thành chỗ yếu chí mạng của chúng.

Mất sân bay, địch buộc phải thả dù để nuôi sống tập đoàn cứ điểm. Nhưng vùng đất và vùng trời của địch không ngừng bị thu hẹp, phạm vi hoạt động của máy bay bị hạn chế, buộc chúng phải thả dù ban đêm ở độ cao lớn để tránh hỏa lực cao xạ. Nhiều dù tiếp tế rơi ra ngoài khu vực của địch. Quân ta phát động phong trào *đoạt dù* để giải quyết một phần yêu cầu chiến đấu của ta, nhất là về đạn pháo, nhưng chủ yếu là để triệt hẳn nguồn tiếp tế đã rất mong manh của địch.

Như sau này chúng thú nhận, việc thắt chặt thòng lọng bằng chiến hào cùng với việc cắt đứt cầu hàng không đã làm cho các vị trí còn lại của chúng bị phong tỏa, cô lập và bị bóp nghẹt vì thiếu đạn dược, thực phẩm và nhất là thiếu nước. Tinh thần binh lính địch suy sụp nhanh chóng trong cảnh nguy khốn nghiêm trọng mà chúng gọi là "cuộc sống trong địa ngục". Cuối cùng, một vạn tên địch sống sót không còn chịu nổi và buộc phải đầu hàng khi quân ta mở cuộc tổng công kích.

Về mặt tăng viện, do không phận và bãi thả dù bị thu hẹp, do chiến hào của ta ngày càng áp sát, việc thả dù bổ sung quân số không bảo đảm, vì phải thả ban đêm và từ độ cao lớn. Mặc dù còn vét được lính dù gọi là «tình nguyện» và yêu cầu bổ sung quân số ngày càng lớn, nhưng càng về cuối trận đánh, khả năng thả dù tăng viện càng bị hạn chế, cuối cùng bị đình chỉ hẳn.

★

Tất cả thực tế trên đây chỉ rõ: nghệ thuật quân sự mà Đảng ta vận dụng trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953 — 1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ mang nội dung hoàn chỉnh: chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và phương pháp chiến thuật. Ba mặt đó quan hệ hữu cơ với nhau. Trên cơ sở giữ quyền chủ động và xác định hướng tiến công chiến lược chính xác, ta đã vận dụng đúng đắn nghệ thuật chiếndịch, xác định đúng phương châm chiến dịch và vận dụng các phương pháp chiến thuật phù hợp với so sánh lực lượng giữa ta và địch, phù hợp với trình độ tác chiến và khả năng tổ chức chỉ huy của ta. Phương hướng chiến lược đúng đã tạo điều kiện để phát huy nghệ thuật chiến dịch và các phương pháp chiến thuật có ý nghĩa chiến dịch. Ngược lại, sự đúng đắn về phương châm chiến dịch và bước nhảy vọt về các phương pháp chiến thuật đã bảo đảm cho chủ trương chiến lược chính xác trở thành hiện thực thắng lợi.

Tư tưởng tác chiến xuyên suốt trong cả quá trình vận dụng nghệ thuật quân sự trong chiến cuộc Đông-Xuân và chiến dịch Điện-biên-phủ là

Digitized by Google

tư tưởng chủ động tiến công, từ tiến công liên tục trên các hướng chiến lược địch tương đối yếu và sơ hở đến chủ động chọn nơi địch mạnh nhất làm điểm quyết chiến chiến lược, với tinh thần kiên quyết tiêu diệt bằng được kẻ địch có quân số đông, hỏa lực mạnh, công sự vững chắc, kiên quyết làm phá sản biện pháp phòng ngự cao nhất của địch là co cụm lại thành tập đoàn cứ điểm.

Chính nhờ quán triệt *tư tưởng chủ động tiến công*, nắm vững nguyên tắc *tiêu diệt địch* và nguyên tắc *đánh chắc thắng* mà Đảng ta đã chỉ đạo sáng tạo cách đánh đúng đắn cả về chiến dịch và phương pháp chiến thuật. Điều đó tạo điều kiện để quân ta phát huy cao độ quyền làm chủ của con người đối với binh khí kỹ thuật.

Tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội được phát huy cao độ trên cơ sở một quyết tâm chiến lược chính xác, một sự lựa chọn đúng đắn về cách đánh và những khả năng hiện thực về tổ chức chỉ huy. Tinh thần đó cho phép quân đội ta đạt tới bước nhảy vọt về trình độ tác chiến, về khả năng tiêu diệt địch quy mô lớn nhất và có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhất trong cả cuộc kháng chiến chống Pháp.

PHÁT HUY SỨC MẠNH...

(Tiếp theo trang 15)

trung ương, địa phương (tỉnh, thành phố, huyện, quận) và cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã...). Yêu cầu đổi mới kế hoạch hóa là làm cho mỗi cấp, dựa trên những phương hướng và mục tiêu cơ bản thống nhất trong cả nước, chủ động khai thác tốt nhất tiềm năng và thế mạnh của mình, sử dụng bốn nguồn khả năng để xây dựng kế hoạch từ cơ sở, gắn kế hoạch với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Chấn chỉnh công tác điều hành thực hiện kế hoạch. Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hợp đồng kinh tế.

Huyện là đơn vị cơ bản của nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phấn đấu đến hết năm 1985, thực hiện một sự chuyển biến rõ rệt ở tất cả các huyện, trước hết là các huyện trọng điểm về lương thực, cây công nghiệp, về an ninh, quốc phòng.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào năm 1984 với những thành tựu mới, kinh nghiệm mới và sức mạnh mới của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Mỗi tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên hãy thấu suốt nghị quyết Hội nghị thứ năm của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V), nêu cao tinh tiên phong, gương mẫu, tổ chức động viên nhân dân lao động hăng hái thi đua xã hội chủ nghĩa, giành thắng lợi mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Một số vấn đề VỀ PHÂN PHỐI LƯU THÔNG

TRẦN-HỖ

Từ khi có nghị quyết 26 của Bộ chính trị Trung ương Đảng (khóa IV), nhất là sau Đại hội thứ V của Đảng, công tác phân phối lưu thông đã từng bước được cải tiến. Một số chính sách cụ thể về phân phối lưu thông lần lượt được ban hành đã có tác dụng tốt đối với việc cải tiến cơ chế quản lý, thu mua nắm nguồn hàng của Nhà nước, nhất là thu mua lương thực và nông sản khác, thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển.

Năm 1983, nhiều tổ chức kinh doanh đã phát huy tinh thần tự lực tự cường, khai thác được nhiều hàng; lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nhiều tỉnh và thành phố đã được tăng cường về một số mặt; việc thu mua hàng hóa của Nhà nước cũng có tiến bộ hơn so với năm 1982.

Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm trên, một khuyết điểm nổi bật là chúng ta chưa nắm vững quan điểm đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ. Điều đó biểu hiện ở sự buông lỏng chuyên chính vô sản trên nhiều lĩnh vực, nhất là ở mặt trận phân phối lưu thông; công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh thiếu liên tục; công tác quản lý thị trường bị buông lỏng, để cho giai cấp tư sản phục hồi và phát triển cả ở miền Nam và miền Bắc, để cho thương nghiệp tư nhân phát triển kinh doanh vô tổ chức. Trong mấy năm qua, thương nghiệp tư nhân phát triển rất nhanh, nhất là ở các thành phố, thị xã và thị trấn.

Hiện nay, giá cả thị trường đang biến động mạnh, công tác quản lý giá cả của Nhà nước ít hiệu lực. Nếu hệ thống giá chỉ đạo thu mua của Nhà nước, trên thực tế chỉ còn được áp dụng trong phạm vi nghĩa vụ, thì trong hệ thống giá bán lẻ hàng tiêu dùng, chỉ có giá cung cấp những mặt hàng theo định lượng và một số mặt hàng không định lượng là còn giữ được ổn định nhờ có chính sách bù lỗ của Nhà nước. Chỉ số giá bán lẻ hàng hóa của thị trường xã hội năm 1983 tăng gấp nhiều lần so với những năm trước.

Tình hình trên đây dẫn đến nạn đầu cơ buôn lậu ngày càng tăng; ngân sách bội chi, tiền lương thực tế

Digitized by Google

giảm sút, mặc dù trong thời gian qua, Nhà nước đã cố gắng sử dụng nhiều biện pháp để duy trì và ổn định đời sống của công nhân viên chức. Những hiện tượng tiêu cực, rối loạn trong phân phối lưu thông đã và đang tác động không tốt đến sản xuất và các mặt đời sống của xã hội.

Hiện nay, chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế còn nhiều thành phần, đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế quốc doanh tuy đã giữ được vị trí chủ đạo nhưng chưa mạnh. Giai cấp tư sản còn hoạt động kinh doanh dưới nhiều hình thức. Họ còn cơ sở vật chất và phương tiện kinh doanh: tiền, hàng hóa, nhất là của «chim» như vàng, kim cương, ngoại tệ... Chẳng những hệ thống các ổ kinh doanh hàng hóa và tiền tệ trái phép của giai cấp tư sản chưa bị xóa bỏ mà còn được phát triển dưới nhiều hình thức và còn có nhiều quan hệ với thị trường thế giới

Từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thị trường thống nhất trong cả nước đã được hình thành, mối quan hệ kinh tế, lưu thông hàng hóa, tiền tệ, thị trường... giữa miền Nam và miền Bắc phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế của đất nước sau chiến tranh lâu dài và ác liệt. Tuy nhiên, trong điều kiện đó, hoạt động của tư sản mới mọc ra ở miền Bắc cũng gắn chặt với hoạt động của giai cấp tư sản ở miền Nam và phát triển rộng trên thị trường cả nước. Nhiều tư sản không kinh doanh công nghiệp mà đua nhau kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ dưới nhiều hình thức. Họ buôn chuyến theo đường dài, buôn cả theo đường ngắn, bán buôn và bán lẻ đối với mọi loại hàng hóa, kể cả những hàng hóa mà Nhà nước đã thống nhất quản lý; họ móc nối với hệ thống đông đảo tiểu thương để làm chân rết nối liền với những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và những người tiêu dùng, trong việc mua và tiêu thụ hàng hóa; họ còn mua được nhiều vật tư hàng hóa của Nhà nước qua một số phần tử thoái hóa, biến chất trong cán bộ và nhân viên các đơn vị sản xuất và kinh doanh; họ còn duy trì và phát triển những đường dây buôn lậu với nước ngoài, thông qua đó, họ được bọn tư sản mại bản người Hoa ở các nước Đông Nam Á, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc và đế quốc Mỹ tiếp sức.

Giai cấp tư sản luôn luôn hoạt động đầu cơ, buôn lậu, không chấp hành đúng luật pháp về đăng ký kinh doanh, trốn thuế, đồng thời tìm mọi cách nâng giá hàng lên cao vọt trên thị trường. Bằng nhiều biện pháp, họ đấu tranh chống các tổ chức kinh tế quốc doanh và các cơ quan quản lý để duy trì và phát triển cách làm ăn theo lối tư bản chủ nghĩa. Do đó, mặt trận phân phối lưu thông là nơi biểu hiện tập trung cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, và hiện nay cuộc đấu tranh đó đang diễn ra trên đất nước ta rất gay gắt, quyết liệt, nhất là ở thị trường miền Nam.

Thời gian qua, trong chúng ta nhiều người chưa nhận rõ cuộc đấu tranh giai cấp phức tạp này và trong lúc địch đang tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đối với nước ta thì cuộc đấu tranh ấy cũng gắn chặt với cuộc đấu tranh giữa ta và địch.

★

Để khắc phục tình hình rối loạn hiện nay trong phân phối lưu thông, chúng ta cần thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

Digitized by Google

Phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Để làm tròn nhiệm vụ lưu thông hàng hóa, đáp ứng được nhu cầu về đời sống của nhân dân và đấu tranh thắng lợi với thương nghiệp tư nhân, làm chủ được thị trường, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần được phát triển mạnh mẽ về tổ chức với những chính sách và phương hướng kinh doanh đúng theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Vừa qua, trong lĩnh vực này, bên cạnh một số thành tựu đã đạt được, có một số nhận thức và việc làm không đúng

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bao gồm cả thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã phát triển rất chậm. Điều đó thể hiện ở chỗ trước đây trên một số mặt, thương nghiệp đã chiếm ưu thế trong kinh doanh, nhưng gần đây lại để thương nghiệp tư nhân lấn chiếm dần như trong kinh doanh ăn uống công cộng, thực phẩm, dịch vụ... Trong thời kỳ quá độ, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải vươn lên từng bước chiếm lĩnh thị trường để rồi tiến lên chiếm toàn bộ thị trường xã hội. Nhưng thời gian qua, tỷ trọng của thị trường có tổ chức giảm ở cả miền Bắc và miền Nam trong khi tỷ trọng của thị trường tự do ngày càng tăng: từ 20% năm 1980 lên 30% năm 1981, lên 40% năm 1982 và năm 1983 còn tăng cao hơn nữa.

Mặt khác, đã có khuynh hướng coi thương nghiệp xã hội chủ nghĩa như là một tổ chức kinh doanh đơn thuần kiếm lợi nhuận và do đó đã hướng nó vào hoạt động theo cơ chế thị trường. Đó là một khuynh hướng sai lầm cần phải được uốn nắn. Trong khi phát triển hệ thống tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, có một hiện tượng đáng chú ý là việc phân công chuyên môn hóa trong lưu thông đã thoát ly thực tế trình độ phân công lao động trong sản xuất đang còn rất thấp. Tuy lưu thông có tác động lớn đối với sản xuất, nhất là trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên, và trong từng thời gian nhất định, từng địa bàn và từng mặt hàng cụ thể nào đó, lưu thông có ảnh hưởng quyết định đối với sự phát triển sản xuất chăng nữa, thì về lý luận cũng như về thực tiễn, nói chung, sản xuất vẫn quyết định lưu thông, trình độ phân công chuyên môn hóa trong lưu thông do trình độ phát triển của sản xuất quyết định. Chúng ta coi trọng khâu lưu thông, nhất là trong hoàn cảnh từ sản xuất nhỏ đi lên, là đúng, nhưng không được phép thúc bách nó chạy như «con ngựa phi nước đại» vượt quá xa trình độ phát triển của sản xuất.

Do nhận thức không đúng, có ngành đã tổ chức quá nhiều công ty trung ương, thoát ly thực tế phân công lao động trong sản xuất; một số công ty được tổ chức ra nhưng không kinh doanh đúng mặt hàng đã định. Giữa các công ty đó, có sự tranh giành với nhau về mặt hàng kinh doanh, thậm chí có một số công ty quốc doanh đi hoạt động trái với quan điểm và phương hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hậu quả của tình hình trên đã góp phần làm tăng thêm sự rối loạn về lưu thông hàng hóa và giá cả trên thị trường. Thật ra khi, về yêu cầu khách quan, chưa cần thiết để ra một tổ chức kinh doanh nào đó, mà cứ gò ép cho nó ra đời; thì nó không thể «thọ» được bao lâu vì hiệu quả và chất lượng kinh doanh sẽ không đạt như ý muốn của những người làm kinh tế quá chủ quan. Tuy nhiên, lập nó ra không khó lắm, nhưng sửa đổi hay phủ định nó thì không phải đơn giản, mặc dù ai cũng đều thấy bất hợp lý, do đó mà những tổ chức ấy vẫn cứ tồn tại, và sự lãng phí về mặt này không phải là nhỏ.

Đi đôi với phát triển mạnh thương nghiệp quốc doanh, cần phát triển

Digitized by Google

hợp tác xã mua bán một cách rộng rãi làm trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh trong lưu thông hàng hóa và quản lý thị trường, nhất là thị trường ở nông thôn. Đồng thời, để khắc phục những hiện tượng cho vay nặng lãi và khuyến khích đầu tư cho phát triển sản xuất, cần phát triển mạnh mẽ hợp tác xã tín dụng ở cả nông thôn và thành thị. Hiện nay, không ít người giàu có, nắm nhiều tiền trong tay, đang thực hiện việc cho vay với lãi suất khá cao.

Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường.

Cần thực hiện tốt cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tiếp tục cải tạo đối với những tư sản mới mọc ra và tiểu thương đang phát triển ở miền Bắc, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Phải quản lý nghiêm ngặt, cấm mọi hoạt động đầu cơ, tích trữ, cho vay nặng lãi, làm hàng giả, lũng đoạn thị trường của giai cấp tư sản. Đi đôi với không ngừng củng cố và phát triển lực lượng của thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, phải triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp.

Đối với số người sản xuất nhỏ đang kinh doanh vô tổ chức, cần có biện pháp ngăn chặn một cách có hiệu lực khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của họ. Vừa qua, các cơ quan quản lý kinh tế chưa chú ý đúng mức đến mặt này. Người sản xuất nhỏ có mặt lao động cho nên họ dễ tiếp thu con đường xã hội chủ nghĩa và cùng đi với giai cấp công nhân lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, do sản xuất của họ dựa trên sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, cho nên họ mang tính tự phát tư bản chủ nghĩa, như Lê-nin đã nói: « Nền tiểu sản xuất thì từng ngày, từng giờ, luôn luôn *đẻ ra* chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản một cách tự phát và trên quy mô rộng lớn » (1). Chính giai cấp tư sản, trong thời gian qua, đã lôi kéo những người sản xuất nhỏ, nhất là tiểu thương để làm chân rết cho mạng lưới kinh doanh, nhằm đạt mục đích của họ.

Rõ ràng, ở một nước tiểu nông như nước ta, tầng lớp tiểu sản xuất rất đông đảo, thế lực tự phát của tiểu sản xuất rất phổ biến. Tuy về bản chất và mức độ kinh doanh có khác với giai cấp tư sản, nhưng họ cũng mang tính chất sản xuất vô chính phủ, phá hoại việc chấp hành những luật pháp của Nhà nước về quản lý kinh tế.

Thời gian qua, tư tưởng của tầng lớp tiểu tư sản đã xâm nhập không ít vào một số cán bộ nhân viên trong bộ máy Nhà nước. Một số cơ quan và xí nghiệp của Nhà nước, tuy không có chức năng kinh doanh thương nghiệp, cũng tổ chức việc buôn bán để kiếm lãi bằng giá chênh lệch. Những vật tư hàng hóa nhập khẩu của các công ty xuất nhập khẩu địa phương trong năm 1982 không được ưu tiên phân phối cho các cơ sở sản xuất quốc doanh, mà phần lớn lại được đem bán với giá cao cho các « tổ hợp » sản xuất hay thương nhân. Nếu tính thêm cả hàng chục tỷ đồng hàng hóa nhập từ nước ngoài bằng nhiều con đường hợp pháp và không hợp pháp, thì số hàng công nghiệp lọt vào tay tư sản cũ và mới không phải là ít. Những hiện tượng tiêu cực trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhất là trong các ngành của thương nghiệp còn khá nhiều. Thêm vào đó, một số cán bộ, nhân viên thoái hóa biến chất trong bộ máy Nhà nước bị giai cấp tư sản mua chuộc đã đồng lõa và tiếp tay cho chúng trong việc đục khoét tài sản và hàng hóa của Nhà nước. Tình hình đó đã làm cho phân phối lưu thông càng thêm rối loạn

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến-bộ. Mát-xcơ-va, tập 41, tr. 7.

Digitized by Google

và việc quản lý thị trường càng thêm phức tạp. Hiện nay, có thể nói « rằng hàng triệu vòi của con quái vật tiểu tư sản đang thâm nhập đây đó vào trong một số tầng lớp của giai cấp công nhân; rằng không phải độc quyền Nhà nước mà là nạn đầu cơ đang chui vào mọi chân lông của đời sống xã hội—kinh tế nước ta » (2).

Đã là thương nghiệp tư nhân thì luôn luôn gắn liền với đầu cơ và nâng giá hàng để thu nhiều lãi, dù là người buôn bán nhỏ cũng mang đặc điểm đó, tuy bản chất và mức độ có khác với tư sản thương nghiệp. Cho nên phương hướng về lâu dài của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là không ngừng vươn lên chiếm lĩnh toàn bộ thị trường xã hội.

Hiện nay, đối với những người buôn bán nhỏ, cần sắp xếp, cải tạo họ bằng nhiều hình thức thích hợp, sử dụng một số làm ủy thác thu mua và làm đại lý bán lẻ, lựa chọn sử dụng một số trong mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; chuyển dần đại bộ phận tiểu thương không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất.

Tăng cường nắm hàng hóa.

Đây là nhiệm vụ số một của các ngành thương nghiệp, vì không nắm được hàng trong tay thì không có cơ sở vật chất để bán ra ổn định thị trường, ổn định giá cả. Mấu chốt của vấn đề bình ổn vật giá hiện nay là chúng ta cần có lực lượng hàng hóa dồi dào để tổ chức bán ra một cách mạnh mẽ, khắc phục những hiện tượng khan hiếm không đáng có.

Muốn làm được việc đó thì hàng hóa phải được tập trung vào tay Nhà nước. Những sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh (bao gồm các xí nghiệp trung ương, các xí nghiệp địa phương trong mọi lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp mà Nhà nước bảo đảm giao toàn bộ vật tư hay xí nghiệp phải tự lo một phần...) đều thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước nắm và phân phối. Đương nhiên, tùy từng mặt hàng, có sự phân cấp giữa trung ương và địa phương trong việc phân phối hàng hóa theo kế hoạch.

Việc gia công phải theo đúng quy chế quản lý chặt chẽ, không được tùy tiện đặt ra những định mức tiêu hao vật tư, tự đặt giá cả, làm vỡ hệ thống giá chỉ đạo bán buôn của Nhà nước. Nhiều xí nghiệp đã sử dụng thiết bị, máy móc, năng lượng và nguyên liệu chính của Nhà nước, chỉ tự mua thêm một phần vật tư, nguyên liệu ở bên ngoài, nhưng khi bán sản phẩm lại đòi theo giá cao, xấp xỉ với giá thị trường. Điều đó không hợp lý.

Đối với sản phẩm của tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thuộc khu vực kinh tế tập thể và tư nhân thì kế hoạch gia công sản xuất đều do chính quyền địa phương thống nhất quản lý trên địa bàn lãnh thổ. Các định mức về hao phí vật tư, giá cả đều phải dựa vào tiêu chuẩn định mức chung của trung ương theo quy chế phân cấp quản lý. Những sản phẩm gia công đều tập trung vào tay Nhà nước (trung ương và địa phương) bằng cách thống nhất giao nộp cho thương nghiệp quốc doanh. Phần sản phẩm do hợp tác xã hay người lao động thủ công tự lo nguyên liệu để sản xuất cũng phải được chính quyền địa phương kiểm soát và dành ưu tiên bán cho các tổ chức kinh tế quốc doanh theo hợp đồng kinh tế.

Nhà nước có nắm được công nghệ phẩm thì mới có đủ điều kiện và phương tiện để nắm được hàng hóa nông sản, bởi vì chúng ta thu mua nông sản chủ yếu bằng hợp đồng kinh tế hai chiều, và nông dân cũng muốn bán sản phẩm của mình để mua công nghệ phẩm với giá cả hợp lý. Nếu Nhà nước không có đủ công nghệ

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 32, tr. 430.

Digitized by Google

phẩm để bán theo hợp đồng thì nông dân cũng thiếu hàng hải trong việc bán nông sản cho Nhà nước. Cho nên Nhà nước càng có nhiều vải, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng, phân hóa học v.v... thì nông dân càng bán nhiều nông sản cho Nhà nước để được mua những thứ hàng đó.

Trong thời gian qua, tuy có mua được nhiều nông sản, thực phẩm, thủy sản, lâm sản hơn trước, nhưng tính chung các loại, Nhà nước cũng chỉ mới nắm được khoảng trên 50% sản lượng hàng hóa. Phần lớn những hàng hóa mua được không phải bằng hợp đồng hai chiều mà thương nghiệp quốc doanh đã dùng một số hàng để trao đổi trực tiếp, hoặc mua theo giá xáp xỉ với giá hình thành trên thị trường. Cho nên vấn đề quyết định để nắm được nhiều nông sản theo giá chỉ đạo bằng hợp đồng hai chiều là Nhà nước phải có hàng công nghiệp, bao gồm hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng và tư liệu sản xuất, để tác động tốt đến đời sống nông dân, đến việc phát triển nông nghiệp.

Hiện nay, Nhà nước chỉ mới nắm được khoảng 85% hàng công nghiệp tiêu dùng của các xí nghiệp quốc doanh trung ương, 65% sản phẩm của công nghiệp quốc doanh địa phương và 16,6% sản phẩm của khu vực tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Do đó, việc thực hiện thu mua nông sản theo hợp đồng hai chiều vẫn còn chưa được trôi chảy.

Thực hiện thống nhất trong cả nước chính sách bán lương thực cho Nhà nước theo nghĩa vụ ổn định bằng hợp đồng hai chiều, gắn mua với bán và theo giá chỉ đạo. Xóa bỏ cái gọi là phạm trù «giá thỏa thuận» mà thực chất là sự theo đuôi giá thị trường tự do. Đối với phần lương thực mua ngoài nghĩa vụ và ngoài hợp đồng, Nhà nước áp dụng giá khuyến khích trên cơ sở giá thành hợp lý và mức lãi thỏa đáng, không chạy theo giá thị trường đang chịu nhiều tác động tiêu cực của tư thương.

Đình chỉ ngay việc bán vật tư hàng hóa theo giá cao để thu mua thóc theo giá cao. Trong những năm qua, thực tế đã chứng minh rằng đi theo cơ chế này thì giá cả lên cao vọt, Nhà nước và nông dân đều bị thiệt, chỉ có bọn đầu cơ thu nhiều lợi nhuận.

Nắm tiền, động viên và tập trung các nguồn vốn tài chính vào tay Nhà nước, tiến tới thăng bằng ngân sách, chấm dứt bội chi.

Chấn chỉnh chế độ thu quốc doanh, tăng nguồn thu của ngân sách từ khu vực kinh tế quốc doanh trên cơ sở sắp xếp sản xuất, sử dụng tiết kiệm lao động, tiền vốn, vật tư. Động viên đúng mức sự đóng góp của kinh tế tập thể và cá thể, nhất là nông dân ở vùng có nhiều nông sản hàng hóa.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh chấn chỉnh và củng cố chế độ kế toán, lập kế hoạch sản xuất và tài chính, nghiêm chỉnh thực hiện chế độ tài chính xí nghiệp, thực hiện nghĩa vụ giao nộp cho Nhà nước. Đối với các xí nghiệp làm ăn thua lỗ, cần xử lý kịp thời và chấm dứt những trường hợp thua lỗ kéo dài do không sắp xếp lại sản xuất và quản lý kém.

Cải tiến chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương để bảo đảm các cấp chính quyền chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách của địa phương nhằm phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính Nhà nước. Chống khuynh hướng phân tán các nguồn vốn của Nhà nước, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cục bộ, địa phương làm thiệt hại đến ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước tăng cường công tác tín dụng trên cả hai mặt huy động vốn và sử dụng vốn, đáp ứng yêu cầu về vốn để phát triển sản xuất

Digitized by Google

kinh doanh trước hết trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mở rộng phạm vi kiểm soát và điều hòa lưu thông tiền tệ; chấn chỉnh kỷ luật về tiền mặt trong hoạt động kinh tế của khu vực kinh tế quốc doanh và các cơ quan của Nhà nước. Không cho phép các đơn vị kinh doanh tự tiện giữ tồn quỹ tiền mặt và «tọa chi» vượt mức cho phép. Cải tiến nghiệp vụ thu chi, thanh toán, tín dụng để đáp ứng kịp thời các nhu cầu chính đáng của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Phải quản lý tốt giá cả.

Hiện nay, giai cấp tư sản đang tìm mọi cách để nâng giá hàng hóa, họ lợi dụng những sơ hở về quản lý giá cả của Nhà nước để tăng cường bóc lột người tiêu dùng.

Thời gian qua, chủ trương điều chỉnh giá cả của Nhà nước là hoàn toàn đúng và cần thiết, nhưng chúng ta cũng có những khuyết điểm về công tác giá cả: thiếu thận trọng, vội vàng quy định giá cả không thích hợp cho một số mặt hàng, chấp hành giá cả không nghiêm chỉnh, thậm chí có những thiếu sót và sơ hở trong chính sách giá cả. Từ chỗ suốt trong một thời gian dài, cứ cố định giá cả, cho rằng giá cả của ta căn bản là «ổn định», mặc dù những điều kiện về chi phí sản xuất, năng suất lao động và sức mua của đồng tiền đã thay đổi; đến khi khuyết điểm này bị phê phán, thì khuyết điểm khác lại phát sinh như trên đã nói. Điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến cuộc đấu tranh với tư thương trong quản lý thị trường, tác động không tốt đến quá trình tái sản xuất xã hội và đời sống nhân dân lao động, nhất là những người sống bằng tiền lương.

Trong điều chỉnh giá cả, trước hết chúng ta nên bắt đầu từ giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp là hợp lý nhất, vì đó là cơ sở để tiến hành hạch toán kinh tế ở các xí nghiệp quốc doanh và đó cũng là cái gốc để xác định giá cả trong thương nghiệp, giá bán lẻ hàng tiêu dùng. Chừng nào ta chưa quy định được giá bán buôn xí nghiệp một cách đúng đắn thì về thực tế ta chưa thực hiện được hạch toán kinh tế theo đúng nghĩa của nó.

Về chức năng và nhiệm vụ của giá cả, không nên cường điệu và gán ghép cho nó những cái mà bản thân nó không thể làm được như: giá cả hoàn toàn cân đối được ngân sách, thực hiện «chính sách một giá» có thể chống được tình trạng tiêu cực trong nền kinh tế hiện nay.

Giá cả hợp lý có tác động tốt đến việc cân đối tài chính, đến việc chống tiêu cực, nhưng cái gốc của việc cân đối tài chính là ở sự tăng lên của tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân; cái gốc của những hiện tượng tiêu cực là những hoạt động kinh doanh theo con đường tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản và một số người trong tầng lớp tiểu sản xuất đang tự phát ngoi lên, chứ không phải là giá cả. Vừa qua, thực tế đã chứng minh là không thể đơn thuần dùng giá cả để giải quyết những khó khăn về kinh tế; đương nhiên việc quản lý giá cả đúng đắn có góp phần vào việc hạn chế tiêu cực trong xã hội.

★

Phân phối lưu thông là lĩnh vực đang tồn tại nhiều vấn đề có quan hệ đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Chúng ta phải nắm vững quan điểm của Đảng thể hiện trong các nghị quyết Hội nghị thứ ba, thứ tư và thứ năm của Ban chấp hành trung ương, tiến hành tốt các mặt công tác nêu trên, rất coi trọng việc phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường vì đó vừa là khâu trung tâm của phân phối lưu thông, vừa là mũi nhọn của cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề «ai thắng ai» trên mặt trận kinh tế hiện nay.

Digitized by Google

Nhân kỷ niệm lần thứ 5 Chiến thắng cuộc xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc (1979 — 1984)

MỘT ĐỈNH CAO CHIẾN THẮNG VĨ ĐẠI

THÀNH-TÍN

PHÁT động chiến tranh xâm lược nước ta, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đã chuốc lấy thất bại nặng nề và nhục nhã về tất cả các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao... Đánh thắng bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc là một đỉnh cao chiến thắng của dân tộc ta, của nhân dân ta. Kể từ khi bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc phát động chiến tranh xâm lược nước ta đến nay là vừa đúng năm năm. Năm năm là thời gian vừa đủ để chúng ta có thể nhận rõ thêm thất bại của kẻ thù, đồng thời nhận rõ thêm tầm cao chiến thắng lịch sử của nhân dân và quân đội ta trong thời kỳ mới của cách mạng.

Nước biển Đông không rửa sạch vết nhơ này.

Thúc ép 60 vạn quân hùng hổ kéo vào xâm lược các tỉnh biên giới miền Bắc nước ta, bọn trùm bành trướng bá quyền Trung-quốc đã đi một nước cờ liều lĩnh. Với tính hung hăng tự cao tự đại của chủ nghĩa dân tộc lớn, chúng chủ quan những tưởng một khi chúng đã ra tay thì nhân dân ta ắt phải sớm quỳ gối khuất phục chúng. Chúng cũng hý hửng rằng với "chiến thắng nổi bật" (!) của đại quân Trung-quốc, bọn tàn quân Pôn Pốt ở Cam-pu-chia nhất định xoay chuyển lại được thế cờ, khôi phục lại ách thống trị dẫm máu của bọn diệt chủng, từ đó chúng nắm giữ trở lại đất nước Cam-pu-chia trong vòng kiềm tỏa của chúng. Nhưng diễn biến ở chiến trường đã hoàn toàn ngược với những tính toán của chúng. Quân đội chúng đã bị tiêu diệt và tan rã từng mảng lớn. Bộ đội địa phương và nhân dân các dân tộc vùng biên giới nước ta đã bắt gọn, gọi hàng một số khá lớn binh sĩ Trung-quốc thuộc đủ các binh chủng: bộ binh, pháo binh, xe tăng, thông tin, công binh... Bọn thoát chết đã phải bỏ chạy nhục nhã, để lại nhiều vũ khí và trang bị. Những tội ác tày trời của quân xâm lược Trung-quốc đốt phá bản làng, cướp bóc của cải, giết hại nhân dân, phần lớn là người già, phụ nữ và trẻ em, tàn phá các cơ sở kinh tế (nhà máy, cầu đường, nông trường, trạm trại, hầm mỏ...) và các cơ sở khác (bệnh viện, trường học,

Digitized by Google

nhà trẻ, phố xá, nhà cửa, ruộng vườn,...) là một vết nhơ cực lớn. Vết nhơ này hằn sâu mãi mãi trên bộ mặt tàn ác, đê hèn của bọn trùm bành trướng Trung-quốc. Tự chúng, chúng đã trưng ra trước thế giới cái bản chất phản động, xấu xa của chúng. Chúng đã phản bội chủ nghĩa xã hội và phá hủy những thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Trung-quốc đã giành được. Chúng tự xưng là « xã hội chủ nghĩa » nhưng không bao giờ có thể có một nước xã hội chủ nghĩa lại kéo quân xâm lược một nước xã hội chủ nghĩa khác, nhất là nước bị xâm lược ấy lại là nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa đã từng liên tiếp bị bọn đế quốc xâm lược, và đã đấu tranh anh dũng chống chủ nghĩa đế quốc, là dân tộc Việt-nam anh hùng, tiêu biểu cho ý chí kiên cường bất khuất, nêu cao chân lý thời đại: không có gì quý hơn độc lập tự do, được cả loài người tiến bộ ca ngợi và quý mến. Phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đã bôi nhọ danh dự và lòng tự trọng của nhân dân Trung-quốc vốn quý trọng tình hữu nghị Trung-quốc – Việt-nam và vốn yêu chuộng lẽ phải. Bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc giở đủ trò vu khống và xuyên tạc, hệ thống thông tin đại chúng của chúng mở hết tốc lực để lừa bịp nhân dân, chúng còn dùng cả thơ ca, sân khấu và màn ảnh để biện bạch cho cuộc xâm lược của chúng, thế nhưng nhân dân Trung-quốc không thể chấp nhận cuộc chiến tranh bẩn thỉu này. Đây là một vết nhơ lớn trong lịch sử hiện đại của Trung-quốc do bọn bành trướng bá quyền Bắc-kinh tạo nên. Nó bôi nhọ cả quá trình đấu tranh cách mạng kiên cường của nhân dân Trung-quốc.

Lịch sử quân giải phóng Trung-quốc là lịch sử lâu dài và oanh liệt của một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu chống các thế lực phản động và đế quốc để giải phóng đất nước Trung-hoa. Lịch sử ấy đầu năm 1979 đã bị bọn trùm bành trướng bá quyền ở Trung-nam-hải bôi nhọ. Theo lệnh của chúng, 60 vạn quân Trung-quốc lao vào những tội ác man rợ kiểu đế quốc và phát xít, tự chà đạp lên lá cờ « bất nhất », chà đạp lên danh dự của một đội quân vốn có truyền thống đấu tranh cho chính nghĩa dân tộc. Đây cũng là một vết nhơ lớn không sao rửa sạch, gây nên phẫn nộ chính đáng trong đông đảo cán bộ và chiến sĩ quân đội Trung-quốc cũng như trong đông đảo nhân dân Trung-quốc vốn yêu chuộng công lý và lẽ phải.

Bài học thuộc về ai?

Năm năm về trước, những người cầm quyền ở Trung-nam-hải lu loa không ngớt « cho Việt-nam một bài học » khi kéo quân sang giày xéo đất nước ta. Quả thật, chúng ta càng hiểu sâu sắc thêm một bài học vốn có sẵn của mình. Đó là phải cảnh giác cao, cảnh giác sớm, phải tỉnh táo kịp thời nhận ra một cách sâu sắc tâm địa phản động và phản trắc của những kẻ mồm xoen xoét tự nhận là cách mạng, là chủ nghĩa xã hội, là có tinh thần quốc tế vô sản cao quý, nhưng thật sự là những kẻ ôm ấp những tham vọng bành trướng điên cuồng nhất, chống chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào giải phóng dân tộc một cách tệ hại nhất.

Còn về phía họ, phải chăng những người cầm quyền ở Trung-nam-hải chưa biết rút ra những bài học nóng hổi và cay đắng nhất hay sao?

Đó là bài học cần nhớ đời. Bài học đó là: đụng đến Việt-nam, vu khống Việt-nam, dùng sức mạnh thô bạo xâm lược Việt-nam là chỉ chuốc lấy thất bại nhục nhã. Sự thật từ nghìn năm là như vậy, sự thật ngày nay

Digitized by Google

cũng là như vậy. Vì dân tộc Việt-nam, nhân dân Việt-nam luôn sống ngay thẳng và trong sáng, luôn giương cao lá cờ yêu nước và hữu nghị với các dân tộc, luôn sống và chiến đấu theo mục tiêu cao quý: không có gì quý hơn độc lập tự do. Trong thời đại ngày nay có Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo, dân tộc đó, nhân dân đó luôn trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, với chủ nghĩa xã hội khoa học, với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đụng đến Việt-nam, chống Việt-nam là đụng đến những giá trị tinh thần cao quý nhất của lịch sử và thời đại, đụng đến ý chí và sức mạnh bất khuất đã từng được thử thách lâu dài và nghiêm ngặt, bọn xâm lược chỉ chuốc lấy thất bại thảm hại.

Đó còn là bài học: phạm tội ác chống dân tộc Việt-nam, một dân tộc đã trải qua biết bao hy sinh gian khổ, kiên cường chiến đấu để giải phóng đất nước, hơn ai hết thiết tha với độc lập và hòa bình, — chống một dân tộc như vậy thì lập tức bị tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới nguyền rủa, lên án. Từ sau cuộc xâm lược Việt-nam, uy tín quốc tế mà các nhà cầm quyền Trung-quốc cố tạo nên trong mấy chục năm qua, đã bị sụp đổ nhanh chóng. Họ đã mất đi đông đảo bạn cũ để có ngay một loạt cánh hầu mới là bọn đế quốc và phản động. Khi ngang nhiên tiến công Việt-nam, họ đã công khai và thật sự đứng hẳn về phía tận tuyến những lực lượng phản động đen tối của thời đại ngày nay, phơi bày bản chất xâm lược xấu xa không có cách gì che giấu và biện bạch được. Đây là tổn thất về chính trị và ngoại giao rất to lớn và lâu dài không có gì bù đắp được. Đó cũng còn là bài học về sự rạn nứt, chia rẽ nghiêm trọng trong hàng ngũ của họ và đặc biệt là sự chỉ trích, phê phán, lên án và chống lại của đa số nhân dân Trung-quốc đối với chính sách phản động, xâm lược, chống Việt-nam của họ. Họ dùng bộ máy chiến tranh, tâm lý vu khống Việt-nam, họ bắt ép nhân dân Trung-quốc mít tinh, biểu tình chống Việt-nam, họ cho những tên đã từng gây nhiều tội ác đối với nhân dân Việt-nam trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam đi báo cáo ở một số nơi. Thế nhưng họ không sao gây nên sự chống đối Việt-nam thật sự trong đông đảo nhân dân Trung-quốc. Tất cả những trò lừa bịp ấy rơi vào sự lạnh nhạt nếu không phải là sự khinh bỉ của nhân dân nước họ.

Năm năm đã qua, nếu cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc đã thật sự đem lại những bài học đích đáng, thì đó chính là những bài học sâu sắc và bổ ích, cay đắng và nhục nhã cho bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh mà chúng cần nghiền ngẫm để mà nhớ đời!

Vải thưa không che được mắt thiên-hạ.

Những bài học trên đây, mặc dù những người cầm quyền ở Trung-nam-hải không dám công khai thừa nhận, nhưng trong thâm tâm họ cũng đã thấy được một phần. Do đó họ đã có những sự thay đổi, những sự điều chỉnh trong các chính sách và biện pháp của họ.

Họ đang cố tô son trát phấn cho mình, trưng ra những nụ cười ngoại giao ở khắp nơi. Họ leo lẻo suốt ngày về thiện chí của họ, về tình hữu nghị truyền thống Trung-quốc—Việt-nam. Họ tổ chức mít tinh chống bọn phản động I-xra-en, ra vẻ bênh vực sự nghiệp giải phóng của các dân tộc A-rập. Đối với một số nước xã hội chủ nghĩa mà trước đây họ không công nhận là xã hội chủ nghĩa, họ đã thực hiện chính sách «làm lành» trong khi vẫn điên cuồng chống Liên-xô, thành trì của cách mạng và của

Digitized by Google

hòa bình thế giới. Họ cố lôi kéo, tranh thủ một số đảng cộng sản mà trước đây họ gọi là «đảng theo chủ nghĩa xét lại». Họ tự nhận là trước đây họ có những sai lầm, lệch lạc, nay họ sửa sai!

Thế nhưng, vải thưa không che được mắt thiên hạ, khi thiên hạ đó là phong trào cộng sản quốc tế rộng lớn từng trải qua nhiều thử thách, là phong trào giải phóng dân tộc đã từng được rèn luyện trong cuộc đấu tranh lâu dài chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, là nhân dân tiến bộ trên thế giới đã trưởng thành. Làm sao họ che giấu nổi dã tâm phá hoại Việt-nam, «làm chảy máu Việt-nam», khuất phục Việt-nam bằng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt rất thâm độc và xảo quyệt đang diễn ra hằng ngày. Họ làm sao biện bạch được về thái độ ngoan cố của họ không chịu ngồi vào bàn đàm phán để giải quyết các vấn đề với Việt-nam, để tiến tới bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, như phía Việt-nam kiên trì đề nghị trên tinh thần quý trọng thật sự tình hữu nghị với nhân dân Trung-quốc. Làm sao họ có thể che giấu sự câu kết của họ với đế quốc Mỹ, một sự câu kết rất nguy hiểm về chính trị, quân sự, kinh tế và ngoại giao để chống lại các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên hành tinh này. Nụ cười của những người đại diện giới cầm quyền Bắc-kinh ở Oa-sinh-tơn và Tô-ki-ô không phải là nụ cười xã giao, mà là nụ cười đồng lõa, thông đồng với nhau, vào hùa ăn cánh với nhau, tiếp tay cho nhau trong những mưu đồ tội ác chống hòa bình, chống mọi xu thế cách mạng và tiến bộ của thời đại.

Việt-nam ngời sáng.

Năm năm trước đây, vào thời điểm này, cả dân tộc ta, cả nước ta bừng dậy một khí thế sôi sục chiến đấu chống quân Trung-quốc xâm lược.

Thật là những giây phút kỳ diệu! Gian khổ, hy sinh sau mấy chục năm chiến đấu chống đế quốc, bị chiến tranh lâu dài tàn phá đất nước, đứng trước những khó khăn to lớn về đời sống, vậy mà nhân dân cả nước ta lại nhất tề đứng dậy, trên tư thế hiên ngang, không mảy may e sợ bọn xâm lược nước lớn, không mảy may ngại ngùng hy sinh xương máu, cũng không băn khoăn lo lắng trước chiến thuật biển người của chúng.

Một cao trào nhập ngũ cầm súng chiến đấu diễn ra trong cả nước. Thanh niên tất cả các tỉnh thành, cả chị em phụ nữ và thiếu niên nô nức xin lên tuyến đầu để đánh đuổi quân Trung-quốc xâm lược. Ý chí bất khuất, khí phách anh hùng của toàn dân tộc trước bọn xâm lăng lập tức thể hiện trong công việc, đời sống hằng ngày.

Trong lịch sử chống ngoại xâm vẻ vang của dân tộc, nhân dân ta, quân đội ta viết tiếp những trang chói lọi: sau khi đánh bại hoàn toàn phát xít Nhật, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, chúng ta lại đánh bại hoàn toàn đội quân xâm lược đông đảo của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc. Tất cả đều là những đội quân của những tên đế quốc và phản động to lớn, hung hãn của thời đại ngày nay. Bộ đội tình nguyện Việt-nam còn tiếp tục thực hiện xuất sắc nghĩa vụ quốc tế cao quý ở Cam-pu-chia, góp công sức của mình vào sự hồi sinh và phát triển của đất nước anh em trong trật tự và an ninh vững chắc, sau khi đã cùng với lực lượng cách mạng Cam-pu-chia quật đổ bọn diệt chủng Pôn Pốt, những tên tay sai tàn ác mất hết tính người do bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc dựng lên, chỉ huy và tiếp sức.

Năm nay, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng vẻ vang Điện-biên-phủ chấn động địa cầu, đúng vào

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN *

Ý NGHĨA CỦA VIỆC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

NGUYỄN-LỄ

(Ban xây dựng huyện Trung ương)

Từ hơn 10 năm nay, việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện được Đảng ta coi như một nhiệm vụ chiến lược.

Ngay từ năm 1970, Nghị quyết Hội nghị thứ 19 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa III) đã đề ra nhiệm vụ tăng cường cấp huyện thành một cấp tổ chức và chỉ đạo giỏi về sản xuất nông nghiệp; đồng thời xác định huyện là cấp kế hoạch nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Tháng 8-1972, Ban bí thư Trung ương Đảng ra thông báo số 6, quyết định xây dựng bốn huyện điểm. Đó là các huyện: Đông-hưng (Thái-bình), Từ-liêm (Hà-nội), Ba-vì (Hà-tây cũ), Tân-lạc (Hòa-bình cũ).

Đến giữa năm 1973, Trung ương lại làm thử một đợt nữa ở năm huyện: Đông-hưng (Thái-bình), Nam-ninh (Hà-nam-ninh), Tân-lạc (Vĩnh-phú), Thọ-xuân (Thanh-hóa) và Quỳnh-lưu (Nghệ-tĩnh).

Tháng 9-1974, Ban bí thư ra chỉ thị số 208 về tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, từ cơ sở và kiện toàn cấp huyện.

Đầu năm 1976, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 61/CP để triển khai các công tác nói trên.

Cuối năm 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc thứ IV của Đảng đã quyết định «xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân. Xây dựng chính quyền cấp

(*) Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2-1984.

Digitized by Google

huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông và đời sống ở huyện » (1).

Hội nghị thứ hai Ban chấp hành trung ương (khóa IV) đã cụ thể hóa nội dung này. Và, tháng 1-1978 Bộ chính trị có chỉ thị 33, tháng 2-1978, Hội đồng Chính phủ có nghị quyết 33/CP về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Tiếp sau đó là các chỉ thị, nghị quyết về từng mặt cụ thể như: về quy hoạch, về công tác kế hoạch hóa ở huyện, về trách nhiệm tài chính của huyện, v.v.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng, nội dung công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện lại được xác định rõ thêm: « cơ cấu kinh tế huyện là một cơ cấu trong đó các đơn vị cơ sở là các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các xí nghiệp công nghiệp nhỏ, và có thể gồm các nông trường, lâm trường của huyện và các loại đơn vị sản xuất khác... » (2). « Tích cực xây dựng huyện theo hướng kết hợp nông — công nghiệp (hoặc là lâm — nông — công nghiệp, hoặc là ngư — nông — công nghiệp tùy theo tình hình cụ thể của các loại huyện khác nhau » (3). « Cơ cấu kinh tế huyện hình thành từ điều kiện kinh tế trong huyện, từ phương hướng sản xuất chuyên môn hóa và kinh doanh tổng hợp của mỗi huyện, từ yêu cầu và khả năng của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, đồng thời phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và của cả nước » (4).

Mới đây, hội nghị thứ ba Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) lại quyết định tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Vì sao công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện lại được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm như vậy?

Trước hết, bởi vì huyện là địa bàn thích hợp nhất để tổ chức lại sản xuất xã hội, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp.

Chúng ta đều biết, trên địa bàn huyện đã và đang diễn ra sự phân công lao động mới; sự kết hợp giữa nông nghiệp với công nghiệp, giữa kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể, giữa nhiều ngành, nhiều mặt hoạt động của quá trình tái sản xuất; và đang hình thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp. Xây dựng huyện có cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp cũng như yêu cầu xây dựng và phát triển công nghiệp, chứ không phải chỉ là yêu cầu của bản thân nông nghiệp.

Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp kể cả ở miền Bắc và miền Nam nước ta đã có sự thay đổi về chất dựa trên cơ sở sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và làm ăn tập thể. Sự thay đổi về chất đó đòi hỏi phải tổ chức lại sản xuất từ hợp tác xã, gắn nông nghiệp với công nghiệp, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn thích hợp để đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, làm cho nông nghiệp thật sự là cơ sở của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cung cấp ngày càng nhiều lương thực, thực phẩm, lao động, nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, tạo ra thị trường và nguồn vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Trong quá trình cải tạo và phát triển nông nghiệp, Nhà nước đã giúp đỡ đắc lực về cơ sở vật chất kỹ thuật: vốn, thiết bị máy

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 63.
(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 58.
(3), (4) Sách đã dẫn, tr. 58 và 59.

Digitized by Google

móc, phân hóa học, thuốc trừ sâu v.v. Các ngành kinh tế khác như công nghiệp, giao thông vận tải v.v. cũng đã phục vụ về nhiều mặt. Nhiều lĩnh vực sản xuất đã vượt ra khỏi khuôn khổ một đơn vị cơ sở và một ngành sản xuất, đòi hỏi phải có sự kết hợp của nhiều ngành, nhiều cấp.

Huyện là địa bàn thích hợp nhất để tổ chức sự kết hợp và thống nhất giữa nông nghiệp với công nghiệp, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Sự kết hợp đó thực tế đã diễn ra trên địa bàn huyện. Có những mặt còn kết hợp ngay trong từng hợp tác xã như chế biến nông sản, làm hàng xuất khẩu v.v. Các huyện Điện-bàn (Quảng-nam — Đà-nẵng), Hưng-hà (Thái-bình), Hải-hậu (Hà-nam-ninh), Văn-chấn (Hoàng-liên-sơn), Long-phú (Hậu-giang) v.v. là những mô hình về sự kết hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp; giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương; giữa quốc doanh, tập thể và gia đình; giữa các hợp tác xã với nhau khá rõ nét và phong phú.

Có thể nói đó là bước đi cần thiết của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và là cách làm thích hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Huyện còn là địa bàn thích hợp nhất để tiến hành *tổ chức và phân công lại lao động*.

Tổ chức lại sản xuất, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trên địa bàn huyện phải gắn với tổ chức và phân công lại lao động nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh của ta là lao động dồi dào, còn nhiều đất đai và tài nguyên chưa được khai thác, sản xuất được quanh năm. Thế mạnh đó phải được khai thác ngay trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, mà địa bàn thích hợp nhất để kết hợp tốt sức lao động dồi dào với đất đai, với công cụ lao động thông thường và công cụ cải tiến, với thiết bị máy móc hiện có nhằm làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội lại chính là huyện.

Việc tổ chức và phân công lại lao động trên địa bàn huyện phải tiến hành theo đúng quy hoạch và phương hướng đã định, phải phát triển nhiều ngành nghề thích hợp với điều kiện từng huyện, từng hợp tác xã, tạo ra nguồn nguyên liệu tại chỗ là chính. Tuy vậy, việc nhận gia công, đặt hàng ở những nơi có ngành nghề truyền thống và chung quanh các thành phố cần được đặt ra đúng mức.

Việc điều hành lao động trên địa bàn huyện phải theo kế hoạch thống nhất, biết tập trung vào những việc lớn như xây dựng công trình thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, xây dựng trường học, bệnh viện... nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển trong từng hợp tác xã, từng bước xây dựng nông thôn mới, đồng thời đáp ứng yêu cầu chung của huyện.

Việc tổ chức, phân công lại và điều hành lao động xã hội trên địa bàn huyện phải xuất phát từ 3 yêu cầu: Yêu cầu của các hợp tác xã; yêu cầu của huyện; yêu cầu của tỉnh và cả nước.

Cần chú ý rằng: trong quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành có cả quy hoạch lao động, dân số và khu dân cư. Trong việc điều chỉnh những chòm xóm, thôn, làng, phải cân nhắc, tính toán kỹ các mối quan hệ, kể cả mối quan hệ trong cộng đồng dân tộc, biết trân trọng tính kế thừa và kinh nghiệm của những nơi đã làm trước. Khi mở mang vùng kinh tế mới phải biết kết hợp chặt chẽ với việc định canh, định cư ở các huyện miền núi và vùng Tây-nguyên. Phải

Digitized by Google

xuất phát từ chỗ «có an cư mới lạc nghiệp» mà kết hợp quy hoạch dân cư với quy vùng sản xuất để người nông dân gắn bó với đồng ruộng, mảnh vườn.

Nói đến tổ chức lại sản xuất có nghĩa là xem lại việc sử dụng đất đai, bố trí lại giống cây trồng, giống vật nuôi, phát triển ngành nghề sao cho thật hợp lý, trên cơ sở đó mà tổ chức và phân công lại lao động trong từng đơn vị cơ sở và trên địa bàn huyện. Tổ chức lại sản xuất phải gắn chặt với tổ chức và phân công lại lao động.

Huyện không chỉ là địa bàn thích hợp để tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động; mà còn là địa bàn thuận lợi để *kết hợp sản xuất với lưu thông, tổ chức phân phối lưu thông, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện*

Trên cơ sở tổ chức, sử dụng tốt lao động, sức lao động, công cụ lao động, đất đai và tài nguyên, huyện phải đi từ vận động sản xuất, tổ chức sản xuất, tổ chức mở rộng và quản lý thị trường mà thu mua nông sản, lâm sản, hải sản cùng các loại hàng hóa khác trong huyện, tổ chức việc phân phối các vật tư, hàng hóa hợp lý do trên cung cấp và do huyện tự tạo ra, bảo đảm nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân trong huyện và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Việc nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện phụ thuộc vào trình độ phát triển sản xuất và nâng cao năng suất lao động chung của toàn xã hội. Song, thực tế những năm qua đã chứng minh vai trò quan trọng của cấp huyện trong vấn đề này. Huyện đang thật sự trở thành một cấp trực tiếp chỉ đạo các đơn vị sản xuất ra lương thực, thực phẩm và một số hàng tiêu dùng, xuất khẩu; trực tiếp quản lý các đơn vị làm công tác phân phối lưu thông; chỉ đạo trực tiếp các cơ sở giáo dục, văn hóa, y tế phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện. Rõ ràng cấp huyện có điều kiện chăm lo tốt đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện, giải quyết ngày càng tốt vấn đề ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, sức khỏe của nhân dân và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Huyện cũng là địa bàn thích hợp để *kết hợp kinh tế với quốc phòng.*

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn huyện được tiến hành ngay từ lúc làm quy hoạch các vùng sản xuất, các cụm kinh tế – kỹ thuật, các khu dân cư cho đến các việc xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống kênh mương dẫn nước, trồng cây gây rừng, tổ chức đội sản xuất, đội thủy lợi, tổ đánh cá v.v. Kết hợp tổ chức lực lượng lao động, đồng thời là lực lượng quốc phòng, lực lượng chiến đấu tại chỗ, lực lượng hậu cần tại chỗ. Về mặt quốc phòng, việc kết hợp đó bao hàm ý nghĩa cải tạo và xây dựng địa hình, bố trí lực lượng và thế chiến tranh nhân dân. Trước mắt nó nhằm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đối phó với chiến tranh xâm lược do chúng gây ra.

Việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, kết hợp sản xuất với phân phối lưu thông, tổ chức đời sống của nhân dân, đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, v.v.; tất cả những nội dung đó của ba cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa) đều đồng thời diễn ra hằng ngày, hằng giờ trên địa

Digitized by Google

bàn huyện. Huyện trực tiếp xây dựng và củng cố các cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội... của nền chuyên chính vô sản, củng cố vững chắc khối liên minh công—nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Huyện trực tiếp phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, thúc đẩy việc phát triển nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Với những ý nghĩa nói trên, nói một cách tổng quát, *huyện là địa bàn thuận lợi để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn.*

★

Thực tế những năm qua đã chứng minh rất rõ ý nghĩa và vai trò quan trọng của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Công tác đó hiện đang được triển khai mạnh mẽ và đã bước đầu thu được những kết quả tốt đẹp. Theo kinh nghiệm của các huyện, trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện tốt một số việc cụ thể sau đây:

1—*Soát xét, bổ sung quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng ngành ở huyện.* Quy hoạch đó phải mang tính chất một quy hoạch kinh tế — xã hội toàn diện phù hợp với yêu cầu phân vùng quy hoạch của tỉnh, của trung ương, đồng thời thể hiện đúng đắn sự phân bố sản xuất chuyên môn hóa của từng ngành trên lãnh thổ, là cơ sở cho việc bố trí cơ cấu sản xuất, phân công lại lao động trên mọi lĩnh vực.

Một trong những nội dung có tầm quan trọng quyết định của công tác soát xét, bổ sung quy hoạch huyện là xác định đúng phương hướng cơ bản và bố trí sản xuất tương đối ổn định để tập trung toàn lực phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp trong những năm 80, giành thắng lợi to lớn trong giai đoạn trước mắt và làm cơ sở để phát triển toàn diện ở giai đoạn tiếp theo. Nó phải được nghiên cứu toàn diện theo vị trí, địa bàn, các đặc điểm tự nhiên, đặc điểm kinh tế — xã hội riêng của từng huyện.

2 — *Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch huyện và cơ sở.* Tiếp sau quy hoạch (kể cả quy hoạch cơ sở), phải làm tốt việc đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, để chuyển ngay những yêu cầu của quy hoạch thành những chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch 1984 — 1985 theo tinh thần dân chủ hóa kế hoạch, phát huy đầy đủ quyền tự chịu trách nhiệm và tính chủ động của huyện, của cơ sở. Kế hoạch của mỗi huyện phải được xây dựng và tổng hợp từ cơ sở lên và phải cân đối theo bốn nguồn khả năng như đã nói trong nghị quyết số 50 của Hội đồng bộ trưởng.

3 — *Tiếp tục phân cấp quản lý cho huyện* theo nghị quyết số 56 của Hội đồng bộ trưởng, làm cơ sở cho công tác kế hoạch hóa của huyện và tăng cường trách nhiệm, quyền hạn, điều kiện, phương tiện... cho huyện.

4 — *Tập trung thực hiện tốt một số chính sách* như lập quỹ lương thực huyện, xác định quỹ hàng hóa cho huyện và tính toán các tỷ lệ chiết khấu và thặng số thương nghiệp cho cấp huyện; xây dựng và quản lý ngân sách huyện, kiện toàn, bổ sung, tăng cường bộ máy và cán bộ cho huyện, đặc biệt là bộ máy quản lý kinh tế ở các xí nghiệp, công ty, trạm trại v.v.

5 — Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật trên địa bàn huyện, tiếp tục cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tổ chức, sắp xếp lại lực lượng sản xuất theo

Digitized by Google

hướng gắn nông nghiệp với công nghiệp, gắn sản xuất với phân phối lưu thông và thực hiện các mối liên kết kinh doanh, sản xuất. Tất cả những điều đó phải nhằm mục đích phát triển sản xuất cả về số lượng, chất lượng, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập quốc dân, nâng cao chất lượng quản lý kinh doanh, phục vụ tốt hơn cả sản xuất và đời sống, loại trừ các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội.

Trong việc xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật phục vụ cho sản xuất và đời sống, cần vận dụng phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Song việc thực hiện phương châm này phải dựa trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và trên cơ sở pháp luật của Nhà nước, tránh làm một cách tùy tiện, vô tổ chức.

★

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là vấn đề lớn, rất phức tạp, nhiều việc không phải chỉ làm ở cấp huyện mà cùng một lúc phải làm ở cấp tỉnh và các ngành trung ương. Vì vậy, như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, các ngành trung ương, các tỉnh, thành phố đều phải coi *việc xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện* là một công tác trọng tâm, trước mắt của mình. Phải làm sáng tỏ nội dung và phương pháp công tác của ngành mình, cấp mình *trên địa bàn huyện*, thông qua việc phục vụ, giúp đỡ, chỉ đạo, kiểm tra các huyện và các cơ sở mà xây dựng cơ cấu hợp lý và cách thức quản lý tốt nhất của ngành mình, cấp mình. Phải thấy rằng, xây dựng được các đơn vị kinh tế nông – công nghiệp huyện là tạo lập được nền tảng ở cơ sở cho cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và cả nước, xây dựng được chế độ mới ở từng huyện là tạo lập được nền tảng của chế độ mới ở nông thôn trong cả nước » (5).

(5) Bài phát biểu của đồng chí Lê-Duẩn tại Hội nghị thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), tháng 8-1979.

THÁI-BÌNH XÂY DỰNG CÁC ĐẢNG BỘ HUYỆN VÀ CỦNG CỐ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

TRƯƠNG - ĐĂNG - HỎA

Trưởng ban Tổ chức tỉnh ủy Thái-bình

THÁI-BÌNH là một tỉnh đồng bằng ven biển, đất hẹp người đông, diện tích tự nhiên 1495km^2, được bao quanh bởi sông biển khép kín, với 52km bờ biển và hàng trăm ki lô mét sông lớn. Số dân là 1,5 triệu người, nhưng chỉ có 10 vạn héc ta đất canh tác; riêng diện tích cấy lúa chỉ có gần 8 vạn héc ta. Thái-bình có 7 huyện và 1 thị xã. Mỗi huyện bình quân có

Digitized by Google

14 nghìn héc ta đất canh tác và trên dưới 20 vạn dân.

Trong điều kiện đó, để bảo đảm làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước và ổn định đời sống của nhân dân trong tỉnh, đồng thời từng bước đưa Thái-bình thành tỉnh có cơ cấu nông—công nghiệp phát triển, đảng bộ chúng tôi đã xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Mục tiêu chiến lược của tỉnh chúng tôi là tập trung sức đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, nông sản cho xuất khẩu. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Phương châm hành động của tỉnh chúng tôi là: «Từ đất và sức lao động đi ra, từ lúa, lợn và cây công nghiệp đi lên».

Mấy năm qua, trong công tác xây dựng Đảng, chúng tôi đã hướng các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên bám sát và phục vụ tốt mục tiêu đó. Chúng tôi lấy việc xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh và củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng làm nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng. Trong quá trình thực hiện, chúng tôi tập trung vào mấy vấn đề cơ bản dưới đây:

1 — *Chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh hướng về huyện, tập trung giúp đỡ huyện xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch và các kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội trên địa bàn huyện.*

Trước hết, chúng tôi nhanh chóng tiến hành phân cấp cho huyện quản lý những cơ sở kinh tế, kỹ thuật và văn hóa trên địa bàn huyện. Chúng tôi cho rằng, trong điều kiện nền sản xuất của ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, công nghiệp chưa phát triển, để giải quyết những vấn đề do yêu cầu của sản xuất và đời sống đặt ra, đưa sản xuất nông nghiệp từng bước đi lên, vấn đề quan trọng là phải phát huy cao độ ý thức làm chủ tập thể của từng cơ sở, từng huyện. Mỗi cơ sở, mỗi huyện phải làm chủ trên diện tích đất đai và lao động của mình. Cấp tỉnh không thể thay thế huyện và cơ sở giải quyết các vấn đề. Cấp huyện phải tự lực vươn lên, nâng cao năng lực lãnh đạo của mình để nhanh chóng đáp ứng được yêu cầu mới. Việc phân cấp cho huyện quản lý những cơ sở kinh tế, kỹ thuật và văn hóa trên địa bàn huyện một cách hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cấp huyện phát huy quyền làm chủ tập thể của mình, từng bước vươn lên giải quyết tốt các vấn đề về sản xuất và đời sống của huyện. Đó là một yêu cầu khách quan, cần được tiến hành tích cực.

Ngay từ năm 1978, thực hiện chỉ thị 33 của Bộ chính trị và nghị quyết 33 của Hội đồng bộ trưởng, chúng tôi đã căn bản hoàn thành việc phân cấp cho huyện quản lý các đơn vị kinh tế, kỹ thuật và văn hóa trên địa bàn huyện. Việc phân cấp đó đã tăng cường một bước đáng kể cơ sở vật chất kỹ thuật cho huyện, tạo điều kiện cho huyện giải quyết khó khăn, điều hành sản xuất.

Trong quá trình chỉ đạo việc phân cấp, tỉnh ủy chúng tôi đã chú ý uốn nắn những khuynh hướng lệch lạc của một số ngành như sợ bị giảm bớt quyền hành, sợ huyện không quản lý nổi, trù trừ không muốn bàn giao cho huyện, hoặc khi bàn giao lại điều bớt cán bộ, rút bớt trang bị, thiết bị, tiền vốn, gây khó khăn cho huyện. Đồng thời tỉnh ủy nhắc nhở các huyện đề phòng tư tưởng cục bộ, bản vị, coi việc phân cấp là chia cắt, cát cứ, biến huyện thành «vương quốc» riêng.

Tỉnh ủy yêu cầu các ngành ở tỉnh tăng cường cho huyện một số cán bộ kinh tế, kỹ thuật, giúp huyện sắp

Digitized by Google

xếp, điều chỉnh cán bộ, củng cố, kiện toàn tổ chức các công ty, xí nghiệp, trạm, trại..., xây dựng chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc, mối quan hệ công tác giữa các cơ sở kinh tế, kỹ thuật với Ủy ban nhân dân huyện, giữa các ngành ở tỉnh với xã và hợp tác xã nông nghiệp, đưa các đơn vị đó vào hoạt động phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế và bảo đảm đời sống của nhân dân.

Song song với việc phân cấp quản lý cho huyện, chúng tôi tập trung giúp các huyện điều chỉnh, bổ sung, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội, coi việc xây dựng quy hoạch huyện không chỉ là trách nhiệm của huyện mà còn là trách nhiệm chung của các ngành ở tỉnh. Các ngành có trách nhiệm cùng huyện xây dựng phương hướng và kế hoạch phát triển của ngành mình trên địa bàn huyện. Tỉnh ủy nhắc nhở phải chống tư tưởng chủ quan, nôn nóng, đề ra những chỉ tiêu quá cao, không có cơ sở thực hiện; đồng thời chống tư tưởng bảo thủ, thái độ ỷ lại, trông chờ vào sự đầu tư giúp đỡ của cấp trên. Tỉnh không gò ép, áp đặt, mà yêu cầu huyện phải từ thực tế của địa phương, kiểm tra, khảo sát, đánh giá đúng tiềm năng và thế mạnh của mình, đề ra mục tiêu, phương hướng và bước đi sát đúng.

Đến nay, tất cả các huyện ở Thái-bình đều đã xây dựng được quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế — xã hội. Tuy còn phải tiếp tục xem xét, bổ sung, điều chỉnh, song nhìn chung, các quy hoạch và kế hoạch của các huyện đã thể hiện được yêu cầu phát triển toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đời sống nhân dân trên địa bàn huyện. Các huyện đã tập trung cho việc phát triển nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, bước đầu thể hiện được ý thức tự lực, tự cường, tinh thần tự chịu trách nhiệm, tự cân đối các mặt của huyện.

Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch, các huyện đã đi vào khai thác tiềm năng về lao động và đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để đẩy mạnh sản xuất. Rõ nhất là trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Mấy năm gần đây, tuy phân bón và vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp ít hơn trước, nhưng nhờ các huyện biết phát huy tính tích cực của cơ chế khoán mới, phát huy kinh nghiệm thâm canh, thực hiện phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm» trong công tác thủy lợi, tích cực áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là những tiến bộ về giống lúa mới có năng suất cao, cho nên, sản xuất nông nghiệp ở tỉnh chúng tôi vẫn có bước phát triển khá. Trong 3 năm 1981 — 1983 về tổng diện tích gieo trồng bình quân mỗi năm đạt 158 000 ha, so với năm 1980 tăng 7,2%. Năng suất lúa đạt 68 tạ/ha, bình quân mỗi ha tăng 9 tạ (bằng 14%) so với 5 năm trước đó. Năm 1982, các huyện Đông-hưng, Hưng-hà Kiến-xương đạt từ 72 đến 76 tạ/ha, 11 hợp tác xã đạt từ 90 đến 105 tạ/ha. Một số hợp tác xã có tốc độ tăng năng suất khá cao (như hợp tác xã Nguyên-xá từ 80 tạ/ha năm 1979 tăng lên 105 tạ/ha năm 1982; hợp tác xã Minh-châu từ 70tạ/ha năm 1979 lên 96 tạ/ha năm 1982, hợp tác xã Duyên-hải từ 68 tạ/ha năm 1979 lên 93 tạ/ha năm 1982. Đáng chú ý là huyện Tiền-hải, nơi có nhiều khó khăn, trước kia thường đạt năng suất lúa thấp, năm 1982 cũng đạt 60tạ/ha. Tuy thời tiết không thuận lợi, nhưng năng suất lúa vụ đông xuân 1983 của toàn tỉnh cũng đạt 38,48 tạ/ha. Diện tích cây công nghiệp tăng 2%, từng bước hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp. Năng suất một số cây công nghiệp chủ yếu như đay, cói tăng khá.

Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cũng được đẩy mạnh. Là tỉnh độc canh lúa, có

Digitized by Google

nhiều khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nhưng nhờ các huyện biết cố gắng khai thác các nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp, nguyên liệu của địa phương, đưa sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vào các hợp tác xã nông nghiệp, cho nên mấy năm nay Thái-bình vẫn có tốc độ phát triển khá về sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Tính ra, giá trị sản phẩm công nghiệp địa phương đã tăng từ 124,4 triệu đồng năm 1981 lên 133 triệu đồng năm 1982, trong đó giá trị sản phẩm thủ công nghiệp tăng từ 95 triệu đồng năm 1981 lên 103,8 triệu đồng năm 1982. Hiện nay có 96% số hợp tác xã nông nghiệp có kiêm nghề thủ công, với 7 vạn lao động. Bình quân giá trị sản phẩm thủ công nghiệp của mỗi hợp tác xã là 170 nghìn đồng. Chính nhờ phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, ở Thái-bình đã từng bước hình thành sự kết hợp nông — công nghiệp từ cơ sở và trên địa bàn huyện. Mỗi huyện đã hình thành một số cụm sản xuất công nghiệp như: trạm cơ khí nông nghiệp, xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, một số cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến thức ăn gia súc, hợp tác xã vận tải v.v..

Do sản xuất được đẩy mạnh, giá trị hàng xuất khẩu của tỉnh chúng tôi cũng tăng khá nhanh. Từ 50,6 triệu đồng năm 1980 tăng lên 145 triệu đồng năm 1981 và 217 triệu đồng năm 1982. Một số huyện đã thực hiện được xuất khẩu địa phương. Qua xuất khẩu đã nhập được một số vật tư, hàng hóa cần thiết góp phần cân đối các nhu cầu sản xuất và đời sống trong huyện.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, các huyện đã từng bước đi vào tổ chức việc thu mua, khai thác nguồn hàng địa phương, thực hiện liên kết kinh tế với các huyện, bảo đảm giao nộp đủ hàng hóa cho tỉnh và trung ương và bảo đảm những nhu cầu thiết yếu trong huyện. Huyện Thái-thụy năm 1979 giá trị hàng hóa trao đổi với các địa phương khác là 1,2 triệu đồng, năm 1980 là 4 triệu đồng, năm 1981 là 7 triệu đồng và năm 1982 là 14 triệu đồng. Qua trao đổi đã đưa về huyện hàng trăm mét khối gỗ, hàng nghìn tấn than, hàng trăm nghìn cây tre các loại... là những sản phẩm mà địa phương không có. Một số huyện đã có kết dư ngân sách và quỹ dự trữ vật tư để chủ động giải quyết các khó khăn trong sản xuất.

Gần đây, chúng tôi còn hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, bao gồm kế hoạch sản xuất, kế hoạch giao nộp sản phẩm và kế hoạch chi tiêu của gia đình. Trên cơ sở đó giúp các gia đình chủ động tự cân đối các nhu cầu của mình; các hợp tác xã tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của toàn hợp tác xã và hướng dẫn kinh tế gia đình phát triển đúng hướng. Hiện nay, ở Thái-bình đã có 26% số hợp tác xã thực hiện việc xây dựng kế hoạch từ các hộ gia đình. Nhiều cơ sở đã chỉ đạo, hướng dẫn kinh tế gia đình phát triển khá tốt như Đông-hòa, Minh-tân (Đông-hưng), Quỳnh-bảo (Quỳnh-phụ), Đông-trung (Tiền-hải)...

Về văn hóa, xã hội, ở mỗi huyện đã có 4 — 5 đội chiếu bóng lưu động, 1 đội văn nghệ, 1 nhà văn hóa thường xuyên hoạt động phục vụ nhân dân. Mỗi huyện có 3 — 4 trường phổ thông trung học, 1 trường bổ túc văn hóa; mỗi xã có một trường phổ thông cơ sở; bình quân cứ 3 người dân có một người đi học. Mỗi huyện có từ 1 đến 2 bệnh viện đa khoa, mỗi bệnh viện có từ 120 đến 200 giường bệnh. Mỗi xã có 1 trạm y tế với 10 giường bệnh. Nhiều xã đã có nhà văn hóa, nhà truyền thống, sân vận động.

Các huyện cũng đã từng bước gắn việc xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh. Với phương

Digitized by Google

châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », từ năm 1979 đến năm 1982 các huyện đã xây dựng, củng cố hàng trăm ki lô mét đường liên huyện, liên xã, hàng chục cầu cống ; đã trồng hàng vạn khóm tre, mây trên các tuyến phòng thủ ven biển. Đó là những công trình phục vụ sản xuất và đời sống, đồng thời đáp ứng yêu cầu của quốc phòng. Nhiều xã đã tổ chức lực lượng trực chiến kết hợp với sản xuất, bảo vệ trị an trong các thôn xóm. Công tác tuyển quân, đăng ký lực lượng dự bị được tiến hành chặt chẽ. Các phương án chiến đấu đã được xây dựng, các cuộc diễn tập được tổ chức theo từng cụm, từng làng chiến đấu. Nhờ thế khả năng phòng thủ của các huyện ngày càng được tăng cường, mỗi huyện đang thực tế trở thành một pháo đài quân sự.

2 — *Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo của các huyện ủy.*

Từ cấp quản lý hành chính chuyển sang lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế, cấp huyện chẳng những phải đổi mới phương pháp lãnh đạo và lề lối làm việc, mà còn phải nhanh chóng nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, nâng cao trình độ hiểu biết của mình về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quản lý kinh tế, về khoa học kỹ thuật. Vì vậy, đi đôi với việc phân cấp, tỉnh ủy chúng tôi thường xuyên chú trọng củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo của các huyện ủy. Mục tiêu của tỉnh là xây dựng được các ban huyện ủy, mà trước hết là ban thường vụ huyện ủy, đoàn kết nhất trí, thật sự có năng lực lãnh đạo, điều hành các mặt công tác ở địa phương theo yêu cầu mới.

Chúng tôi cho rằng mấu chốt của vấn đề là phải tăng cường cho huyện những cán bộ chủ chốt có chất lượng, đồng thời bổ sung đồng bộ những cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật. Từ năm 1979 đến năm 1982 tỉnh đã điều động, tăng cường cho huyện hàng trăm cán bộ, trong đó phần lớn là cán bộ trẻ, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế. Tỉnh ủy đã phân công một số đồng chí tỉnh ủy viên về trực tiếp làm bí thư hoặc phó bí thư huyện ủy và điều động một số cán bộ của các ban, ngành ở tỉnh bổ sung cho các huyện ủy hoặc cho các ban, ngành ở huyện.

Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ huyện và cơ sở được đẩy mạnh. Bằng các hình thức học tại chức, học tập trung, mấy năm qua chúng tôi đã đào tạo, bồi dưỡng cho huyện và cơ sở hàng nghìn cán bộ các loại. Từ năm 1979 đến năm 1982, chúng tôi đã cử hàng trăm đồng chí huyện ủy viên và cán bộ các ban, ngành của huyện đi học chính trị tại các trường Đảng của trung ương và của tỉnh, 56 đồng chí ủy viên thường vụ huyện ủy học các lớp đại học kinh tế, kỹ thuật tại chức ở tỉnh. Trường trung cấp nông nghiệp, trường tài chính, trường bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã của tỉnh cũng mở nhiều lớp đào tạo cho huyện hàng nghìn cán bộ có trình độ trung cấp kỹ thuật nông nghiệp và quản lý kinh tế.

Đến nay, 68% số huyện ủy viên ở Thái-bình có trình độ trung cấp lý luận chính trị (100% số ủy viên ban thường vụ huyện ủy có trình độ trung cấp, 4,7% có trình độ cao cấp), 41,3% số huyện ủy viên có trình độ đại học kinh tế, kỹ thuật, 67% có trình độ văn hóa cấp III. Tuổi đời bình quân của các huyện ủy viên giảm từ 43 tuổi năm 1979 xuống 41,3 tuổi năm 1982. Với cơ cấu thành phần như hiện nay, các ban huyện ủy bước đầu đã bảo đảm được yêu cầu lãnh đạo toàn diện. Ở các ngành kinh tế, kỹ thuật quan trọng, ở các trọng điểm

Digitized by Google

về an ninh, quốc phòng, đều đã có huyện ủy viên phụ trách; 30% số huyện ủy viên trực tiếp công tác ở các cơ sở.

Hiện nay, chúng tôi đang hướng dẫn, giúp các huyện xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của huyện ủy và các cấp ủy cơ sở nhằm từng bước khắc phục lối lãnh đạo, chỉ đạo theo kiểu hành chính quan liêu; tăng cường lãnh đạo kinh tế và công tác xây dựng Đảng; giảm bớt hội họp và giấy tờ không cần thiết, tăng cường kiểm tra, sâu sát cơ sở. Chúng tôi coi đây là một trong những hướng quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo của huyện ủy. Nhiều huyện đã thực hiện chế độ phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cấp ủy viên, bước đầu cải tiến chế độ sinh hoạt của huyện ủy. Những vấn đề lớn và quan trọng về kinh tế, quốc phòng đều có phân công người phụ trách chuẩn bị chu đáo trước khi đưa ra huyện ủy bàn, và sau khi có nghị quyết, huyện ủy phân công người phụ trách tổ chức thực hiện.

3 — *Tăng cường củng cố các tổ chức cơ sở Đảng.*

Đi đôi với việc tăng cường các ban huyện ủy, chúng tôi chú trọng củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, mà trọng tâm là xóa bỏ tình trạng có các cơ sở yếu kém, đưa các cơ sở tiến lên đồng đều, coi đây là một yêu cầu quan trọng để xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh.

Trước hết, chúng tôi hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng nắm vững và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Thực hiện chỉ thị 55 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) chúng tôi đã cụ thể hóa 5 yêu cầu cho sát với từng loại hình cơ sở Đảng: nông thôn, xí nghiệp, bệnh viện, cửa hàng... Đặc biệt là đối với các đảng bộ nông thôn, ngay từ năm 1978, tỉnh ủy chúng tôi đã tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của đảng bộ xã Vũ-thắng và phát động trong toàn tỉnh phong trào thi đua đuổi kịp và vượt hợp tác xã Vũ-thắng. Chúng tôi cho rằng, muốn củng cố và kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, nhất thiết phải củng cố, kiện toàn các hợp tác xã, chú trọng tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật cho hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất và các mặt công tác khác. Trong mấy năm gần đây, trọng tâm của việc củng cố các hợp tác xã ở Thái-bình là khắc phục khuynh hướng khoán trắng và những biểu hiện tiêu cực khác trong quá trình thực hiện chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Sau mỗi vụ sản xuất, tỉnh ủy hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng sơ kết, rút kinh nghiệm, khắc phục những sai sót. Nhiều huyện tổ chức các hội nghị chuyên đề rút kinh nghiệm lãnh đạo từng khâu công tác như khâu làm đất, khâu làm giống, việc giao nộp sản phẩm v.v. Gần đây, tỉnh ủy chúng tôi có nghị quyết hướng dẫn các hợp tác xã phát huy ưu điểm, khắc phục những sai sót, hoàn thiện cơ chế khoán. Chúng tôi nhấn mạnh và yêu cầu các đảng bộ xã phải lãnh đạo hợp tác xã quản lý chặt chẽ khâu làm giống, gieo mạ, làm đất, đặc biệt là công tác kế toán tài vụ. Thực tế ở tỉnh chúng tôi cho thấy, nhiều đảng ủy cơ sở xem nhẹ công tác lãnh đạo quản lý kinh tế, nhất là công tác kế toán tài vụ trong các hợp tác xã nông nghiệp, cho nên đã tạo nhiều sơ hở dẫn đến tham ô, lợi dụng tài sản của tập thể, làm hư hỏng một số cán bộ, đảng viên. Các đảng bộ đã lãnh đạo hợp tác xã thực hiện nghiêm túc chế độ «3 công khai» (công khai về diện tích và hạng đất, công khai về định mức chi phí vật tư, công khai về năng suất và sản lượng khoán đối với từng hộ gia đình xã viên). Đồng thời, tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các ngành nông nghiệp, tài chính, ngân hàng phải thường xuyên phối hợp với các ban của

Digitized by Google

Đảng tiến hành kiểm tra các cơ sở để phát hiện và kịp thời uốn nắn những lệch lạc, xử lý kiên quyết và nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên tham ô, lợi dụng.

Trong công tác xây dựng, củng cố nội bộ Đảng, chúng tôi đặc biệt coi trọng việc kiện toàn các ban đảng ủy, chi ủy, bố trí đúng các cốt cán như bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm, bí thư chi bộ đội sản xuất. Sau mỗi vụ sản xuất, nhất là trong các đợt sinh hoạt chính trị, tiến hành đại hội chi bộ, đại hội đảng bộ cơ sở, chúng tôi hướng dẫn cho quần chúng nắm vững tiêu chuẩn cấp ủy viên, động viên quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên và giới thiệu người vào các chức vụ lãnh đạo ở cơ sở.

Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng trong những năm gần đây cũng được chỉ đạo chặt chẽ. Trong hơn 2 năm tiến hành công tác phát thẻ đảng viên, đảng bộ Thái-bình đã đưa ra khỏi Đảng trên 5 000 người không đủ tư cách đảng viên (bằng 8% số đảng viên toàn tỉnh). Một số cơ sở yếu kém đã đưa ra trên 10%.

Mặt khác, chúng tôi rất coi trọng công tác phát triển Đảng. Từ cuối năm 1979, tỉnh ủy hướng dẫn các cơ sở xây dựng quy hoạch phát triển Đảng, gắn liền với xây dựng quy hoạch cán bộ cơ sở, củng cố Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, hướng dẫn việc giới thiệu đoàn viên ưu tú để kết nạp vào Đảng. Trong 3 năm 1980 — 1982, các tổ chức Đảng đã lựa chọn kết nạp được trên 3 000 người vào Đảng, trong số gần 30 000 đoàn viên ưu tú do Đoàn thanh niên giới thiệu. Đồng thời các đảng bộ thường xuyên chăm lo công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên, đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp. Sau khi tổng kết công tác phát thẻ đảng viên, tỉnh ủy đã quy định và hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng thực hiện các chế độ công tác Đảng, như chế độ quản lý đảng viên, chế độ sinh hoạt Đảng v.v.

Bằng những việc làm đó, từng bước chúng tôi đưa các cơ sở tiến lên đồng đều. Đến nay, một số huyện như Đông-hưng, Hưng-hà, Kiến-xương đã căn bản xóa được tình trạng có những cơ sở kém nát. Số cơ sở khá và vững mạnh ngày càng nhiều. Năm 1982, toàn tỉnh có trên 70% số cơ sở Đảng đạt yêu cầu vững mạnh, trong sạch và khá, một số cơ sở được tỉnh ủy tặng cờ « Đảng bộ vững mạnh, trong sạch ». Đảng bộ huyện Đông-hưng được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh ».

Trên đây là một số việc làm của Đảng bộ Thái-bình trong quá trình xây dựng các đảng bộ huyện và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng nhằm đẩy mạnh việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Tuy nhiên, đó mới chỉ là kết quả bước đầu. Thời gian tới, chúng tôi còn phải cố gắng nhiều hơn nữa để sao cho đến năm 1985 đạt được mục tiêu có ít nhất 1/2 số đảng bộ huyện trong tỉnh đạt yêu cầu « Đảng bộ huyện vững mạnh ». Trọng tâm của chúng tôi vẫn là tập trung chỉ đạo giúp các huyện xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, đưa các cơ sở tiến lên đồng đều.

Digitized by Google

Một số biện pháp chủ yếu tạo bước phát triển kinh tế trên địa bàn huyện của Duy-tiên

NGUYỄN-VĂN-MY
Bí thư huyện ủy Duy-tiên

DUY-TIÊN là một huyện thuộc vùng đồng chiêm trũng của tỉnh Hà-nam cũ, nay là tỉnh Hà-nam-ninh. Đời sống nhân dân xưa kia gặp rất nhiều khó khăn. «Làm thế nào để thoát khỏi cảnh cực khổ trong sản xuất và đời sống của vùng đồng chiêm trũng, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân»? Câu hỏi ấy đã từng day dứt đảng bộ và nhân dân huyện chúng tôi trong nhiều năm, đòi hỏi huyện ủy phải ngày đêm suy nghĩ để tìm cách giải đáp.

Được sự giúp đỡ và chỉ đạo của các cơ quan cấp trên, trước hết là tỉnh ủy Hà-nam-ninh, sau nhiều năm nghiên cứu, huyện ủy chúng tôi đã dần dần tìm ra lối thoát. Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng tôi thấy đó là cả một quá trình tiến hành đồng bộ hàng loạt các biện pháp. Nhưng tập trung nhất là những biện pháp lớn sau đây:

Biện pháp đầu tiên được thực hiện trên mặt trận nông nghiệp là **biện pháp thủy lợi**. Thủy lợi luôn luôn là biện pháp hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Nó càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với những vùng đồng trũng như Duy-tiên chúng tôi. Được các nghị quyết của Đảng soi sáng, từ năm 1962, đảng bộ và nhân dân Duy-tiên đã từng bước làm công tác thủy lợi. Công sức của nhân dân Duy-tiên đầu tư cho thủy lợi rất lớn. Từ năm 1962 đến năm 1976 (năm 1976 là năm Duy-tiên được Bộ thủy lợi công nhận là huyện hoàn chỉnh thủy nông và được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng ba về công tác thủy lợi), nhân dân Duy-tiên đã bỏ ra 9 triệu ngày công làm thủy lợi (thật ra phải gấp 3 lần như vậy, vì những công sửa chữa tiếp theo và làm hệ thống bờ vùng bờ thửa là cũng địa phương tự làm lấy). Nhân dân Duy-tiên đã đào đắp 15 triệu mét khối đất; xây dựng 100km bờ vùng, bờ thửa; đào đắp 363 kênh tưới tiêu nước cấp 1, cấp 2, cấp 3; xây đúc 361 cống đập; xây dựng

Digitized by Google

20 trạm bơm điện với công suất 216000m³/giờ.

Với hệ thống thủy lợi liên hoàn như vậy, đến nay Duy-tiên đã khắc phục được rất nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, và nếu có điện cho các máy bơm hoạt động thì chúng tôi có khả năng chủ động tưới, tiêu nước được.

Kết hợp với thủy lợi, một vấn đề được đặt ra là phải xây dựng **hệ thống đường giao thông**. Cũng từ cái "khổ" cái "cực" của vùng đồng chiêm trũng năm xưa mà đảng bộ và nhân dân Duy-tiên luôn luôn nghĩ tới việc xây đắp những con đường đi lại thuận lợi giữa các thôn, các xã trong huyện. Có hệ thống đường giao thông thuận lợi thì cái mới trong sản xuất, trong đời sống mới đến được với từng người dân, với từng thôn xóm. Có đường sá thuận lợi thì máy kéo, xe cải tiến mới đến được đồng ruộng, mới nâng cao được năng suất lao động. Nhận thức như vậy, đảng bộ chúng tôi đã kết hợp chặt chẽ việc làm thủy lợi với việc xây dựng hệ thống đường giao thông. Những bờ kênh, bờ mương được đắp thành những con đường rộng, bằng phẳng, có rải đá, thuận lợi cho mọi phương tiện giao thông trong huyện. Xe bò, xe cải tiến với năng suất vận chuyển hơn hẳn quang gánh đã trở thành phương tiện vận chuyển chính của người nông dân. Gia đình nông dân nào ở Duy-tiên cũng sắm xe cải tiến. Và cũng chỉ có hệ thống đường sá và phương tiện vận chuyển ấy mới đáp ứng được yêu cầu khẩn trương của thời vụ.

Sau khi xây dựng hệ thống thủy lợi và có đường sá thuận lợi, từng bước chúng tôi **đưa cơ giới vào đồng ruộng**. Với nhận thức chỉ có cơ giới hóa mới nhanh chóng cải tạo đồng ruộng, mới đưa nông nghiệp từng bước đi lên sản xuất lớn, đảng bộ và nhân dân Duy-tiên đã thực hiện cơ giới hóa và cải tạo đồng ruộng một cách vững chắc, có kế hoạch. Từ năm 1971 đến nay, ở mỗi xã đều có vùng đất chuyên được cày bừa bằng máy. Duy-tiên đã tranh thủ mọi sự giúp đỡ của tỉnh và trung ương, cố gắng tận dụng công suất của 50 đầu máy kéo hiện có của trạm máy kéo huyện. Hiện nay, 70% diện tích ruộng đất của huyện được cày bừa bằng máy. Ở một số xã, số ruộng đất cày bừa bằng máy chiếm 80 – 90% diện tích. Việc mạnh dạn đưa cơ giới vào đồng ruộng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất cây trồng.

Cùng với những biện pháp trên, một vấn đề đặt ra là làm thế nào để có năng suất lúa cao? Để giải đáp vấn đề này, chúng tôi rất **coi trọng khâu giống**. Duy-tiên đã từng bước đưa các giống lúa thử nghiệm vào đồng ruộng để chọn giống lúa cho năng suất cao thích hợp với đặc điểm ruộng đất của mình. Từ năm 1962 trở về trước, Duy-tiên chỉ có một vụ chiêm xuân, không có vụ mùa, năng suất lúa cao nhất chỉ đạt 18–20 tạ/ha một năm. Năm 1970–1971, toàn huyện chưa vượt qua cửa ải 4 tấn/ha/năm; năm 1972 đạt 4 tấn. Năm 1974 và năm 1976, mỗi năm đạt năng suất 5,5 tấn. Nhưng những năm từ 1977 đến 1980, do thiên tai cho nên năng suất lúa lại giảm xuống 4 tấn/ha.

Năng suất lúa của Duy-tiên đạt thấp có phần quan trọng là do chưa tìm được giống lúa thích hợp. Từ năm 1970 về trước, giống lúa phổ biến của Duy-tiên là tép cấu. Trong những năm 1971–1976, chúng tôi đã đưa trên 80% giống lúa nông nghiệp 8 vào đồng ruộng của mình. Từ năm 1980 đến nay, toàn huyện đã gieo 100% giống mới và tập trung cải tạo đồng ruộng. Do đó, năng suất lúa nâng lên rõ rệt. Nhưng bên cạnh những hợp tác xã đạt năng suất lúa cao thì ở một số hợp tác xã vẫn đạt thấp. Ở những hợp

Digitized by Google

tác xã có năng suất lúa thấp một phần do đồng ruộng chưa được cải tạo, độ chua mặn cao, lại thiếu phân lân, phân chuồng. Mặt khác, giống lúa chưa được chọn lọc kỹ cũng làm giảm năng suất. Huyện đã tập trung đầu tư giúp các xã này cải tạo đồng ruộng, ưu tiên cung cấp nhiều phân lân và khuyến khích xã viên tăng nguồn phân chuồng. Mặt khác, huyện còn giúp thành lập ở mỗi hợp tác xã một đội chọn lọc giống. Các đội chọn lọc giống có trách nhiệm bảo đảm đủ giống tốt cho hợp tác xã. Đến nay, toàn huyện đã nâng được độ đồng đều về năng suất lúa giữa các vùng, khắc phục được tình trạng lúa trỏ hai tăng. Thực tế cho phép chúng tôi khẳng định rằng giống lúa nông nghiệp 8 và trân châu lùn là những giống lúa có năng suất cao, phù hợp với đồng ruộng của Duy-tiên.

Những biện pháp trên được gắn rất chặt với việc **huy động các ngành trong toàn huyện phục vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.** Chúng tôi nhận thức rằng, hiệu lực lãnh đạo của huyện thể hiện ở sự hoạt động của các ngành trong huyện. Các ngành ở huyện là những cơ quan có đủ quyền hạn và khả năng để giải quyết kịp thời các yêu cầu, vướng mắc trong sản xuất ở cơ sở. Huyện đã tập trung nâng cao năng lực hoạt động của các ngành trọng điểm phục vụ nông nghiệp như vật tư nông nghiệp, thủy lợi, máy kéo, ngân hàng, tài chính... Nhờ vậy, phân lân, phân đạm, thuốc trừ sâu, điện, máy kéo... đã phục vụ kịp thời yêu cầu của các hợp tác xã, nhất là đối với những hợp tác xã đang gặp nhiều khó khăn. Có thể nói, huyện chúng tôi đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả huyện và cơ sở để phát triển nông nghiệp. Và cũng chính vì vậy mà năng suất lúa mỗi năm một tăng. Từ 40 tạ/ha năm 1980 lên 51 tạ/ha năm 1981, và 60,49 tạ/ha năm 1982. Sản lượng lương thực năm 1982 tăng 10% so với năm 1981. Từ khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng và các chính sách tiếp theo về nông nghiệp, với cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có, với cách làm ăn đã tương đối đi vào nền nếp, với truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, lại có đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành, đảng bộ và nhân dân Duy-tiên đã từng bước đưa nông nghiệp đi lên một cách vững chắc. Thắng lợi của vụ sản xuất chiêm xuân năm 1983 với năng suất lúa 41,44 tạ/ha, tăng 787 kg/ha so với vụ chiêm xuân 1982; tổng sản lượng đạt 25 910 tấn, tăng 5000 tấn so với năm trước, đã đưa huyện Duy-tiên lên vị trí thứ hai trong toàn tỉnh về năng suất lúa. Bình quân lương thực đầu người năm 1981 là 410 kg; năm 1982 là 428 kg và riêng vụ chiêm xuân năm 1983 đạt 250 kg.

Năm 1982, Duy-tiên đã làm nghĩa vụ đối với Nhà nước 8000 tấn lương thực, trong đó có 4500 tấn nghĩa vụ ổn định, tăng từ 46 đến 59% so với những năm trước. Riêng vụ chiêm xuân 1983 đã giao nộp 7000 tấn. Về thực phẩm, đã bán cho Nhà nước 564,5 tấn thịt lợn.

Được mùa lúa, trong nhân dân đã có « của ăn của để », song huyện ủy chúng tôi suy nghĩ: chỉ nhiều thóc vẫn chưa giàu, muốn giàu phải làm hàng **xuất khẩu**. Muốn giàu phải phát huy hết tiềm năng sẵn có của địa phương như tận dụng đất màu để trồng cây công nghiệp, phát triển mạnh những ngành nghề truyền thống như làm hàng mây tre đan, dệt vải, dệt lụa, nuôi tằm, ươm kén..., giành chủ động về mặt hàng xuất khẩu. Chúng tôi quan tâm phát triển cây đay, cây mía. Đồng thời phát triển thêm cây lạc, đậu cô ve đen. Năm 1983, Duy-tiên đã bán cho Nhà nước 14 000 tấn mía cây, 300 tấn đay bẹ, 25 tấn kén tằm và 10 vạn mét thảm đay. Những

Digitized by Google

thành tích về xuất khẩu trong mấy năm qua càng khích lệ chúng tôi. Năm 1979 – 1980 toàn huyện chưa đạt một triệu đồng xuất khẩu (năm 1978 chỉ đạt 570 nghìn đồng, thì năm 1981 đạt 7 triệu đồng và năm 1982 đạt 11 triệu đồng. Đây cũng là năm Duy-tiên được chia lãi xuất khẩu nhiều nhất trong tỉnh. Kết quả ấy càng làm cho chúng tôi thêm tin tưởng vào cách làm ăn của mình. Chúng tôi quyết định ưu tiên trồng cây xuất khẩu có hiệu quả trong vụ đông. Dần dần từng bước, chúng tôi sẽ dành từ 300 đến 500 ha chuyên trồng cây xuất khẩu, tập trung trồng đay, lạc, đậu cô ve đen và tỏi. Thấy rõ giá trị xuất khẩu của tỏi, sau khi tham quan, học tập kinh nghiệm của xã Thăng-long (Kinh-môn, Hải-hưng), chúng tôi mạnh dạn đầu tư hơn 6 triệu đồng để mua tỏi giống trồng trên 100 ha trong vụ đông xuân 1983 – 1984. Mục tiêu xuất khẩu của huyện là 12 đến 15 triệu đồng. Năm 1984, với sản lượng đay, đậu cô ve đen, lạc, tỏi, chắc chắn chúng tôi sẽ đạt trên 20 triệu đồng xuất khẩu.

Nhờ sản xuất phát triển, các mặt công tác khác cũng được đẩy mạnh, đời sống nhân dân được nâng lên, mối quan hệ giữa huyện với cơ sở ngày càng được củng cố và hoàn thiện, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố.

Đạt được những kết quả nói trên là nhờ cả một quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt để tìm một hướng đi đúng đắn. Đạt được kết quả này còn là do cả quá trình gắn chặt huyện với cơ sở, dựa trên sự vững mạnh của từng cơ sở mà xây dựng huyện vững mạnh. Chúng tôi nhận thức rằng huyện chỉ mạnh khi cơ sở mạnh, cũng như từng tổ chức cơ sở chỉ mạnh khi tổ chức đó bao gồm những cán bộ và đảng viên tốt.

Để củng cố các cơ sở, tạo được sự vững mạnh đồng đều giữa các tổ chức cơ sở, việc đầu tiên chúng tôi làm là ổn định tổ chức, xác định quy mô hợp tác xã trong huyện. Từ năm 1976 đến nay, 20 hợp tác xã trong huyện Duy-tiên được tổ chức theo quy mô toàn xã. Quy mô hợp tác xã toàn xã có phù hợp với điều kiện cán bộ và sản xuất của Duy-tiên hay không? Vì sao phải đặt vấn đề này? Cuối năm 1980, do nhiều yếu tố tiêu cực tác động từ bên ngoài, một số nơi nội bộ thiếu đoàn kết nhất trí, cho nên đã xuất hiện tư tưởng muốn chia nhỏ hợp tác xã. Sau nhiều lần nghiên cứu, bàn bạc, đấu tranh, huyện ủy chúng tôi đã nhất trí giữ nguyên quy mô hợp tác xã toàn xã. Thực tế cho thấy, từ năm 1976 đến nay, các hợp tác xã này đã trải qua thử thách và rèn luyện, nhiều vụ đạt kết quả tốt và đang trưởng thành về nhiều mặt, như các hợp tác xã Châu-giang, Yên-bắc, Trác-văn, Mộc-nam, Tiên-hải, Tiên-nội, Tiên-tân... Hơn 40% số hợp tác xã có thu nhập tăng từ 13 đến 15%, thu nhập của xã viên và tích lũy cho hợp tác xã đều tăng không ngừng. Song, bên cạnh đó cũng có hợp tác xã sản xuất không phát triển, kinh doanh thua lỗ, nội bộ phát sinh tiêu cực. Thực tế cho phép huyện ủy chúng tôi khẳng định: yếu tố chính để phát triển sản xuất không phải ở quy mô hợp tác xã mà là ở chất lượng lãnh đạo của đảng bộ và đội ngũ cán bộ cốt cán từ xã đến đội sản xuất. Huyện ủy đã tập trung kiện toàn, bố trí lại đội ngũ cán bộ cốt cán từ đảng ủy, chi ủy đến ban quản trị, bí thư chi bộ và đội trưởng sản xuất.

Những cán bộ mới được lựa chọn từ trong hàng ngũ những cán bộ đã trải qua thử thách ở các cơ sở và số cán bộ có năng lực do huyện đưa về. Chúng tôi đã thay 13/20 bí thư đảng ủy, 8/20 chủ nhiệm, 7/20 chủ tịch xã.

Digitized by Google

Ở các hợp tác xã thì tổ chức lại đội sản xuất với quy mô mỗi đội từ 15 đến 20 héc ta ruộng đất và từ 40 đến 60 lao động. Quy mô đội sản xuất như vậy phù hợp với điều kiện sản xuất của Duy-tiên.

Sau khi ổn định tổ chức, huyện ủy chúng tôi tập trung **làm tốt công tác xây dựng Đảng** và đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Huyện ủy lưu ý các tổ chức cơ sở Đảng chú trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng chế độ, nền nếp sinh hoạt tổ đảng, chi bộ, đảng bộ, lấy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo chất lượng của đảng bộ, chi bộ.

Cùng với việc chú ý giúp đỡ những tổ chức cơ sở yếu kém vươn lên, chúng tôi kịp thời biểu dương và tổ chức cho các cơ sở học tập những điển hình tiên tiến như Châu-giang, Tiên-nội, tạo điều kiện để các xã phát huy tiềm năng, vươn lên tiên tiến.

Tạo ra được những chuyển biến mới ở Duy-tiên còn do huyện chúng tôi đã biết **phát động các phong trào cách mạng** sôi động của quần chúng để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ. Trong bất cứ việc làm nào, từ làm thủy lợi đến xây dựng đường giao thông nông thôn, từ việc dùng xe cải tiến thay quang gánh đến việc đưa giống lúa mới vào đồng ruộng, trồng cây xuất khẩu, v.v. chúng tôi đều dựa vào phong trào cách mạng của quần chúng. Những lúc sản xuất gặp khó khăn, những khi thời vụ khẩn trương càng đòi hỏi phải có phong trào quần chúng sôi nổi. Có thể nói, phát động phong trào cách mạng của quần chúng để thực hiện nhiệm vụ chính trị là biện pháp hết sức quan trọng để xây dựng Duy-tiên thành huyện giàu mạnh.

Những năm qua, cùng với sự phát triển của sản xuất, mọi mặt đời sống nhân dân trong huyện cũng được nâng lên rõ rệt. Về ăn: 60% gia đình có lương thực dự trữ; về ở: 70% số nhà ở là nhà gạch lợp ngói, có xã tỷ số đó là 80 — 90% như Bạch-thượng, Châu-giang, có đội sản xuất đạt 100% (cách đây 4 năm đội này chỉ có 2 nhà xây); về mặc, chỉ xin nêu một con số để thấy sức mua của dân khá cao: trong tổng số 50 triệu đồng hàng hóa do Công ty thương nghiệp bán ra, chỉ riêng mặt hàng vải đã chiếm tới 30 triệu đồng; về đi lại: xe đạp, xe cải tiến bình quân nhà nào cũng có, người dân đã hoàn toàn được giải phóng đôi vai. Các công trình phúc lợi tập thể được chú ý đúng mức, trường học, trạm y tế, bệnh viện được tu sửa và xây dựng thêm; 60% số xã có hệ thống loa truyền thanh, cứ 2,8 gia đình có 1 loa truyền thanh và máy thu thanh bán dẫn; cứ 3 người dân có 1 người đi học; cứ 300 người có một thầy thuốc; các cụ già không nơi nương tựa đều được hợp tác xã trợ cấp; các cháu ở nhà trẻ, mẫu giáo được cấp bữa ăn trưa...

Đến nay, mỗi người dân Duy-tiên đều thấy mình thật sự được đổi đời. Đời sống của mỗi gia đình được cải thiện về nhiều mặt. Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội giảm dần, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, nhân dân phấn khởi và yên tâm sản xuất. Do những thành tích đã đạt được, trong 3 năm 1980—1982, Duy-tiên đã được tặng thưởng: 1 Huân chương lao động hạng nhì, 2 Huân chương lao động hạng ba, 1 lẵng hoa của Chủ tịch nước. Đảng bộ huyện được Ban bí thư Trung ương Đảng biểu dương, tặng cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh » năm 1980 — 1981.

Tuy nhiên, huyện Duy-tiên chúng tôi cũng còn một số thiếu sót như: chưa khai thác hết tiềm năng lao động, đất đai, cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có của huyện; sản xuất nông nghiệp,

Digitized by Google

tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển chưa ổn định. Việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng, củng cố chính quyền và công tác vận động quần chúng chưa tương xứng với chỉ đạo kinh tế.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ V và các nghị quyết khác của Đảng, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của tỉnh ủy Hà-nam-ninh, sắp tới chúng tôi tập trung phấn đấu nhằm đạt các mục tiêu sau đây: sản lượng lúa từ 43 đến 45 nghìn tấn/năm; sản lượng mía từ 17 đến 21 nghìn tấn; sản lượng đay từ 800 đến 1000 tấn; đàn lợn đạt từ 37 đến 40 nghìn con; công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đạt từ 15 đến 20 triệu đồng sản phẩm, trong đó hàng xuất khẩu đạt từ 10 đến 13 triệu đồng. Tỷ suất hàng hóa chiếm 25%; bảo đảm làm nghĩa vụ đối với Nhà nước từ 7,5 nghìn tấn đến 8 nghìn tấn lương thực; từ 570 đến 600 tấn thịt lợn hơi; mức ăn bình quân đầu người từ 18 đến 20 kg/tháng.

Chúng tôi quyết tâm giữ vững và phát huy tốt hơn danh hiệu « Đảng bộ huyện vững mạnh ».

Một đỉnh cao...

(Tiếp theo trang 37)

dịp kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt-nam bách chiến bách thắng, chúng ta nhắc đến đỉnh cao chiến thắng vĩ đại năm năm về trước đối với bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc, lại càng thêm ý nghĩa. Giang sơn gấm vóc của chúng ta là bất khả xâm phạm. Có đủ tinh thần, sức lực, ý chí tự lực tự cường, lại được sự ủng hộ mạnh mẽ của Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của cả loài người tiến bộ, chúng ta nhất định thực hiện đầy đủ chân lý: *Không có gì quý hơn độc lập tự do*, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam yêu quý, thắt chặt mối liên minh đặc biệt Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, ngăn chặn bọn phản động Trung-quốc bành trướng xuống Đông Nam Á, góp phần xuất sắc vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Chính nghĩa Việt-nam luôn ngời sáng.

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *

THIẾT LẬP NỀN CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN DƯỚI HÌNH THỨC NÀY HOẶC HÌNH THỨC KHÁC

QUYẾT - TIẾN

Chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho rằng: vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền. Với tinh thần ấy, chúng ta cũng có thể nói rằng: vấn đề cơ bản của cách mạng vô sản hay cách mạng xã hội chủ nghĩa là vấn đề chuyên chính vô sản.

Thật vậy, nếu không thiết lập chuyên chính vô sản thì giai cấp vô sản không bao giờ có thể hoàn thành được sự nghiệp vĩ đại của mình là thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Mà như vậy thì nói tiến hành cách mạng vô sản cũng chỉ là nói suông mà thôi.

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác, vấn đề chuyên chính vô sản chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Vì lẽ đó mà Lê-nin cho rằng: người nào chỉ thừa nhận đấu tranh giai cấp mà không mở rộng việc đó đến chỗ thừa nhận chuyên chính vô sản thì người đó chưa phải là người mác xít.

Mác đã từng nói: đấu tranh giai cấp tất nhiên dưa đến chuyên chính vô sản. Người còn nói: giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng xã hội nọ thành xã hội kia; thích ứng với thời kỳ đó là một thời kỳ quá độ chính trị trong đó Nhà nước không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Lê-nin cũng nói: « Chỉ những người hiểu rằng chuyên chính của một giai cấp là tất yếu không những cho mỗi xã hội có giai cấp nói chung, không những cho giai cấp vô sản sau khi đã lật đổ giai cấp tư sản, mà còn cho suốt cả thời kỳ lịch sử từ chế độ tư bản chủ nghĩa sang « xã hội không giai cấp », sang chế độ cộng sản chủ nghĩa, chỉ những người đó

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2-1984

Digitized by Google

mới thấm nhuần được bản chất của học thuyết Mác về Nhà nước » (1).

Tính tất yếu của việc thiết lập chuyên chính vô sản chính là ở chỗ: nó là một công cụ rất sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, để trấn áp những sự phản kháng của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ, khắc phục xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của những người sản xuất nhỏ, tổ chức, giáo dục và lôi cuốn đông đảo nhân dân lao động vào con đường xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nói tóm lại, chuyên chính vô sản là cần thiết để cho giai cấp công nhân có thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình là đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi cuối cùng, cải tạo xã hội cũ một cách triệt để và xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, không còn tình trạng người bóc lột người.

Khái niệm chuyên chính vô sản có nội dung rất phong phú. Lê-nin coi chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân (thông qua đảng của nó) đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa; là hình thức liên minh đặc biệt giữa giai cấp công nhân với nông dân lao động và những người lao động khác để xây dựng chủ nghĩa xã hội; là chính quyền thật sự của nhân dân lao động, chính quyền này thực hành dân chủ với nhân dân lao động và chuyên chính với giai cấp tư sản, với kẻ thù của chủ nghĩa xã hội; là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp bằng những hình thức khác, sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã nắm giữ được chính quyền; trong cuộc đấu tranh này, chính quyền chuyên chính vô sản vừa thi hành chức năng trấn áp, vừa thi hành chức năng quản lý hay chức năng tổ chức — xây dựng mà chức năng tổ chức — xây dựng là chính; dựa vào tính tổ chức, kỷ luật của giai cấp công nhân và Đảng của nó, nền chuyên chính vô sản phải rất nghiêm khắc trong việc thực hiện các chức năng của mình, có như vậy nó mới đạt được mục đích là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin nói: chuyên chính vô sản là tác dụng tối cao của vai trò cách mạng của giai cấp vô sản trong lịch sử. Từ lời nói trên của Lê-nin, chúng ta có thể hiểu rằng *bản chất* của chuyên chính vô sản chính là bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

Bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản thể hiện ở những mặt sau đây: *Một là*, nó thể hiện ở mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng là mục đích của giai cấp công nhân, của nền chuyên chính vô sản. Đó là sự giải phóng hoàn toàn và triệt để nhân dân lao động ra khỏi mọi sự áp bức và bóc lột; là sự xóa bỏ các giai cấp bóc lột và mọi hiện tượng người bóc lột người; là sự cải tạo triệt để xã hội cũ dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và xây dựng xã hội mới dựa trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, với nền kinh tế phát triển rất cao — trong đó mọi người đều bình đẳng, ấm no và sung sướng. Đó là một xã hội có tổ chức rất cao, một xã hội tốt đẹp do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, một xã hội có nền văn hóa phát triển rực rỡ, trong đó người ta sống theo phương châm: « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » và « trong đó, sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 25, tr. 481.

Digitized by Google

sự phát triển tự do của tất cả mọi người» (2).

Hai là, nó thể hiện ở chỗ quyền lãnh đạo trong hệ thống chuyên chính vô sản, quyền lãnh đạo đối với toàn xã hội là thuộc về Đảng của giai cấp công nhân.

Thiếu sự lãnh đạo của Đảng thì chuyên chính vô sản không thể phát huy được sức mạnh tổng hợp của tất cả các tổ chức hợp thành, không thể phối hợp được hoạt động của các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng hướng vào một mục đích chung. Mà như vậy thì chuyên chính vô sản sẽ không thể làm tròn được các chức năng và nhiệm vụ của mình trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại.

Có người chỉ thấy vai trò lãnh đạo của Đảng mà không thấy vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Những người có nhận thức sai lầm đó đã tách một cách máy móc Đảng với giai cấp, nhất là họ không hiểu vai trò cách mạng của giai cấp công nhân trong lịch sử. Thật ra, người ta không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng với sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, bởi vì Đảng là bộ phận cách mạng nhất, tiên tiến nhất, có tổ chức nhất của giai cấp công nhân. Trên ý nghĩa ấy, sự lãnh đạo của Đảng cũng là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đương nhiên sự lãnh đạo của giai cấp công nhân chỉ có thể thực hiện thông qua Đảng chứ không phải được thực hiện trực tiếp bởi toàn thể giai cấp, vì một lẽ dễ hiểu là chỉ có Đảng — bộ phận ưu tú nhất của giai cấp công nhân, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, mới đủ sáng suốt để dìu dắt giai cấp và dân tộc đi tới thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, nó thể hiện ở chỗ: chính quyền chuyên chính vô sản là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Khi chúng ta nói bản chất của chuyên chính vô sản là bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, điều đó không có nghĩa là chỉ có giai cấp công nhân mới tham gia chính quyền Nhà nước; trái lại đông đảo nhân dân lao động đều có quyền cử đại biểu của mình tham gia vào chính quyền Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, thể hiện được quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Và điều đó là tất nhiên, bởi vì lợi ích của giai cấp công nhân hoàn toàn phù hợp với lợi ích căn bản và sâu xa của nhân dân lao động, mục đích của giai cấp công nhân là đem lại quyền làm chủ tập thể và đời sống hạnh phúc cho nhân dân lao động, trong đó có bản thân mình. Và điều này chẳng những không làm yếu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà còn làm tăng thêm sức mạnh cho sự lãnh đạo ấy, không làm lu mờ bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản mà còn làm cho bản chất ấy càng được tăng cường.

Lê-nin đã từng nói: «bản chất của Chính quyền xô viết là ở chỗ: trước kia Nhà nước là do bọn nhà giàu hay bọn tư bản cai quản bằng cách này hay cách khác, còn bây giờ thì lần đầu tiên Nhà nước lại do chính ngay những giai cấp đã bị chủ nghĩa tư bản áp bức, cai quản, hơn nữa họ lại cùng nhau cai quản với số lượng người tham gia đông đúc... Nó tạo điều kiện cho tất cả những ai đã bị áp bức, có thể vươn mình dậy, và tự mình nắm lấy ngày càng hoàn toàn tất cả công việc quản lý Nhà nước, tất cả công việc quản lý kinh tế, tất cả công việc quản lý sản xuất» (3).

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 71.

(3) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, bản tiếng Việt, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, tr. 555 — 556.

Digitized by Google

Bốn là, nó thể hiện ở tính tổ chức cao và kỷ luật nghiêm, tính tổ chức và kỷ luật bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân cách mạng và thể hiện tập trung nhất trong tổ chức Đảng.

Chuyên chính vô sản phải duy trì trong bản thân mình một tính tổ chức rất cao và kỷ luật rất nghiêm. Điều đó có nghĩa là tất cả các bộ phận trong hệ thống chuyên chính vô sản đều được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ và đều phải nghiêm ngặt tuân theo sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh các đường lối, chính sách của Đảng, đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh các luật pháp và chính sách của Nhà nước, các nghị quyết của các đoàn thể quần chúng cấu thành hệ thống chuyên chính vô sản.

Tính tổ chức và kỷ luật này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, bởi vì thiếu nó thì người ta không thể thực hiện tốt đường lối cách mạng của Đảng (nếu không nói là chỉ thực hiện nửa vời, không thực hiện hoặc làm trái hẳn với đường lối của Đảng); cũng không thể tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, do đó không thể nào đạt tới mục đích cách mạng đã đề ra.

Năm là, nó còn thể hiện ở tính quốc tế vô sản mà nền chuyên chính vô sản kiên trì thực hiện trong mọi hoạt động đối ngoại của mình.

Chúng ta biết rằng, giai cấp công nhân, do bản chất của nó là có tính quốc tế. Cơ sở của tính quốc tế đó là lợi ích chung của giai cấp công nhân tất cả các nước trong cuộc đấu tranh chống bọn tư bản quốc tế. Trong thời đại ngày nay, tính đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân các nước là nòng cột của tính đoàn kết của nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của tất cả các dân tộc là chủ nghĩa đế quốc quốc tế theo đúng khẩu hiệu mà Lê-nin đã đề ra: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại! ». Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ rằng, nền chuyên chính vô sản ở bất cứ nước nào cũng đều cần thiết và phải thực hiện trong thực tế chủ nghĩa quốc tế vô sản, coi đó là một nội dung quan trọng trong bản chất giai cấp của mình.

Chuyên chính vô sản có *hai chức năng cơ bản* sau đây: chức năng bạo lực và chức năng tổ chức — xây dựng.

Chức năng bạo lực là một chức năng rất quan trọng của chuyên chính vô sản. Lê-nin đã từng nói: « Tiêu chuẩn tất yếu, điều kiện bắt buộc phải có của chuyên chính chính là việc *dùng bạo lực* để trấn áp *giai cấp* bóc lột và, do đó, là *sự vi phạm* « chế độ dân chủ thuần túy » tức là vi phạm quyền bình đẳng và tự do, *đối với giai cấp* ấy » (4).

Không nắm vững chức năng bạo lực của chuyên chính vô sản thì giai cấp công nhân có nguy cơ để mất những thành quả cách mạng đã giành được, hơn nữa nó không thể nào tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giữa hai con đường, vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Đó là điều đã được kinh nghiệm lịch sử của chuyên chính vô sản hoàn toàn chứng thực.

Tuy nhiên chức năng bạo lực dù quan trọng đến đâu chăng nữa, tự nó không thể tạo ra thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Muốn có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chuyên chính vô sản phải phát huy chức năng tổ chức — xây dựng, mà chức năng này là *chủ yếu*, bởi vì, như Lê-nin đã nói: « phân tích đến cùng, thì nguồn nghị lực sâu sắc nhất để chiến thắng giai cấp tư sản và cái bảo đảm duy nhất cho sự vững mạnh và tính chất

(4) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1960, quyển II, phần II, tr. 53.

Digitized by Google

không lay chuyển nổi của những thắng lợi đó, chỉ có thể là một phương thức sản xuất xã hội mới, cao hơn, chỉ có thể là đem nền đại sản xuất xã hội chủ nghĩa thay thế cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và tiểu tư sản» (5). Lê-nin cho rằng, thực hiện chức năng tổ chức — xây dựng là rất khó khăn, mà «khó khăn chủ yếu là ở trong lĩnh vực kinh tế: thực hiện ở khắp mọi nơi sự kiểm kê và kiểm soát hết sức chặt chẽ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, tăng năng suất lao động, *xã hội hóa thật sự* ngành sản xuất» (6).

Hai chức năng bạo lực và tổ chức — xây dựng của chuyên chính vô sản có quan hệ chặt chẽ với nhau, và đều nhằm mục đích chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Không có mặt bạo lực thì bản thân chuyên chính vô sản không thể tồn tại và củng cố được, công cuộc tổ chức, xây dựng xã hội mới cũng không thể tiến hành thắng lợi được, mà dù có giành được thắng lợi đến mức nào đó thì những thắng lợi ấy cũng không thể duy trì và giữ vững được, do tác động phá hoại của kẻ thù trong và ngoài nước. Ngược lại, không có mặt tổ chức — xây dựng thì sẽ không có đủ lực lượng để tiến hành có kết quả sự trấn áp đối với kẻ thù giai cấp, không thể phát huy được chức năng bạo lực của chuyên chính vô sản, hơn nữa còn làm cho bạo lực trở thành vô nghĩa. Bởi vậy, trong thực tiễn cần phải kết hợp chặt chẽ hai chức năng ấy.

Dương nhiên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà chức năng này hay chức năng kia có thể nổi lên hàng đầu. Song nhìn chung, trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cần phải đặt chức năng tổ chức — xây dựng lên trên, có như vậy chuyên chính vô sản mới có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó là bảo đảm giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giành thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Với bản chất giai cấp và những chức năng nói trên, nền chuyên chính vô sản ở bất cứ nước nào cũng có *những nhiệm vụ phổ biến* như sau:

Một là, đập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp đã bị cách mạng lật đổ, và trấn áp những mưu mô và hành động của chúng định khôi phục chính quyền của tư sản.

Hai là, tập hợp các tầng lớp quần chúng đông đảo chung quanh giai cấp công nhân để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện cho việc xóa bỏ hoàn toàn các giai cấp.

Ba là, xây dựng, củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng để chống lại mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù bên ngoài.

Bốn là, ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức ở các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa; củng cố quan hệ hợp tác giúp nhau với các nước xã hội chủ nghĩa khác; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, tích cực bảo vệ hòa bình thế giới.

Chuyên chính vô sản *có nhiều hình thức khác nhau* tùy theo những điều kiện và đặc điểm cụ thể của từng nước.

Hình thức đầu tiên của chuyên chính vô sản trong lịch sử là *công xã* Pa-ri. Công xã bao gồm những đại biểu là công nhân hoặc những

(5) Sách đã dẫn, tr. 209.

(6) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, bản tiếng Việt, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, tr. 469.

Digitized by Google

người được giai cấp công nhân thừa nhận thông qua phổ thông đầu phiếu. Công xã không phải là một cơ quan «đại nghị» theo lối tư bản mà là một tập thể hành động vừa có chức năng lập pháp vừa có chức năng hành pháp. Công xã được xây dựng trên cơ sở những thiết chế thật sự dân chủ song nó chưa được xây dựng trên cơ sở khối liên minh công nông. Vì lẽ đó và vì nhiều nguyên nhân khác nữa trong đó nổi bật lên sự thiếu kiên quyết trong việc tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng, công xã Pa-ri chỉ tồn tại được trong một thời gian ngắn, sau đó đã bị thất bại.

Trong cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, giai cấp công nhân Nga đã tạo ra một hình thức mới của chuyên chính vô sản: đó là các *xô viết*. Các xô viết ra đời trên cơ sở liên minh công nông và trên cơ sở đập tan bộ máy Nhà nước tư sản bằng bạo lực. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các giai cấp bóc lột ở Liên-xô sau khi đã bị đánh đổ, bị tước quyền tuyển cử và không được phép tham gia đời sống chính trị của đất nước. Chuyên chính vô sản ở Nga được thực hiện theo chế độ một đảng, vì rằng các đảng phái tiểu tư sản đã từ chối hợp tác với Đảng cộng sản trên cơ sở cương lĩnh xã hội chủ nghĩa, họ chạy theo các thế lực phản động để chống lại đảng cộng sản.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chuyên chính vô sản ở một số nước xã hội chủ nghĩa còn mang hình thức *dân chủ nhân dân*. Hình thức Nhà nước này ra đời trong điều kiện lịch sử đặc biệt của cuộc chiến tranh chống phát xít thắng lợi, cho nên cơ sở xã hội của nó rộng hơn cơ sở xã hội của hình thức xô viết. Cơ sở xã hội đó là Mặt trận dân tộc dân chủ thống nhất mà nền tảng là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Ở các nước dân chủ nhân dân thường thực hiện chế độ nhiều đảng, vì các đảng phái dân chủ đã từng cùng đi với đảng cộng sản trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, phát xít và các thế lực phản động khác, thì sau khi cách mạng thắng lợi, lại tiếp tục liên minh với đảng cộng sản và chấp nhận sự lãnh đạo của đảng cộng sản trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Ở các nước này, những cá nhân thuộc các giai cấp bóc lột đã bị đánh đổ, có quyền tuyển cử nếu họ tôn trọng luật pháp của chế độ xã hội mới, và điều này sở dĩ có được là do nhân dân lao động đã nắm được ưu thế chính trị tuyệt đối.

Trong quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới, chắc rằng giai cấp vô sản sẽ còn sáng tạo ra nhiều hình thức nữa của chuyên chính vô sản thích hợp với điều kiện cụ thể của từng nước. Song dù dưới hình thức nào thì xét về bản chất, chính quyền đó vẫn chỉ là chính quyền chuyên chính vô sản.

Ở nước ta, cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo đã đưa đến việc thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa — Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Trong giai đoạn cách mạng thứ nhất, Nhà nước này thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng thứ hai nó thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Nền chuyên chính công nông này quá độ từng bước lên chuyên chính vô sản và là tiền đề của chuyên chính vô sản ở nước ta, nó tạo điều kiện cho chuyên chính vô sản ra đời. Tuy nhiên, cần thấy rằng, *trong lịch sử xã hội loài người, chuyên chính công nông nằm trong phạm trù của chuyên chính vô sản.*

Sau thắng lợi của kháng chiến chống Pháp, nền chuyên chính vô

Digitized by Google

sản ra đời ở miền Bắc nước ta. Và sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, từ năm 1975 nền chuyên chính vô sản đã được thiết lập trên cả nước ta.

Cũng như nền chuyên chính vô sản ở các nước khác, nền chuyên chính vô sản ở nước ta có bản chất giai cấp công nhân rõ rệt mà biểu hiện nổi bật nhất của bản chất ấy là *sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân và quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động*. Sự lãnh đạo của Đảng là linh hồn của chuyên chính vô sản, còn quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một trong những bản chất sâu xa nhất của nền chuyên chính ấy. Nền chuyên chính vô sản của ta cũng có những chức năng và nhiệm vụ phổ biến như nền chuyên chính vô sản ở các nước khác — Vai trò và tác dụng của nó trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường cũng như trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là vô cùng to lớn.

Chuyên chính vô sản ở nước ta đóng vai trò một công cụ vô cùng sắc bén để tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cả về mặt đối nội lẫn đối ngoại. Nó là công cụ để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng đã đề ra là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Nói một cách khác, nó là công cụ để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội cả trong cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng của xã hội, trấn áp những hành động phản kháng của kẻ thù giai cấp, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, chống lại những hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù bên ngoài, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Tác dụng của chuyên chính vô sản ở nước ta cũng rất to lớn. Trước đây, chuyên chính vô sản ở miền Bắc đã huy động được toàn bộ tiềm lực vật chất và tinh thần của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, huy động được cả sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn dốc vào việc đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, vừa bảo vệ vững chắc nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, vừa góp phần quyết định nhất vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nó cũng đã phát huy tác dụng to lớn trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc về mọi mặt.

Từ khi cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chuyên chính vô sản của ta đã góp phần to lớn vào việc đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, thực hiện đường lối chung và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do đảng đề ra; đồng thời nó đã huy động được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của sự ủng hộ quốc tế vào việc đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc gây ra đối với nước ta, ở cả biên giới Tây nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Đương nhiên những thắng lợi của ta có bị hạn chế một phần do chúng ta có lúc buông lỏng chuyên chính vô sản một phần nào, chưa coi trọng tăng cường nó, phát huy cao độ tác dụng của nó trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

Hình thức chuyên chính vô sản ở nước ta là hình thức dân chủ nhân dân. Mặc dù vậy, nó vẫn giữ đầy đủ bản chất của nền chuyên chính vô sản.

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

SỨC SỐNG CỦA MỘT CỘNG ĐỒNG BỐN NGHÌN NĂM VĂN HIẾN

— Giới thiệu *TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT-NAM*
(Nhà xuất bản Khoa học xã hội — Hà-nội)

LÊ - XUÂN - VŨ

ĐANG xuất hiện một công trình đồ sộ, kết tụ phong vị hương sắc Việt-nam từ xa xưa cho đến 2-9-1945. Đó là bộ *Tổng tập văn học Việt-nam* gồm ba bộ phận: văn học viết từ triều đại Lý — Trần, văn học dân gian người Kinh và văn học dân gian các dân tộc thiểu số anh em. Chỉ riêng phần văn học viết đã gồm 36 tập khổ lớn, (hơn 40 quyển, mỗi quyển từ 500 đến 1000 trang). Trong 36 tập này, văn học viết trước năm 1858 là năm đế quốc Pháp bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam chiếm 16 tập; văn học viết từ sau năm 1858 đến 2-9-1945 chiếm 20 tập, trong đó 10 tập là văn học hợp pháp kể cả văn học lãng mạn và văn học hiện thực phê phán; 4 tập là văn học bất hợp pháp trước khi có Đảng cộng sản Việt-nam và 6 tập là văn học bất hợp pháp của các nhà văn nhà thơ cộng sản — thường gọi là văn học cách mạng.

Hiện nay *Tổng tập văn học Việt-nam* đã ra mắt bạn đọc được 5 tập: *tập 1* giới thiệu văn học hơn hai trăm năm đầu của nước Đại Việt từ thế kỷ X đến hết đời Lý (1226); *tập 30* (2 quyển) về văn học hiện thực phê phán, *tập 31* giới thiệu văn thơ cách mạng của phong trào quần chúng thời kỳ 1925 — 1935; *tập 35* giới thiệu các tác phẩm của các tác gia văn học cách mạng (mới ra quyển 1) và *tập 36* dành riêng giới thiệu những tác phẩm của tác gia vĩ đại Nguyễn - Ái - Quốc — Hồ - Chí - Minh. Đông đảo bạn đọc mong đợi các tập khác sẽ tiếp tục ra mắt bạn đọc để đến hết năm 1985, chúng ta có được trọn bộ phần văn học viết của *Tổng tập văn học Việt-nam*. Nhưng ngay bây giờ, căn cứ vào những tập đã được xuất bản, vào *Nhật trình biên soạn* và những *Lời tựa*, *Lời bạt* của *Tổng tập văn học Việt-nam*, vào *Tổng luận về bộ Tổng tập văn học Việt-nam* và *Tổng luận về văn học cách mạng* (1925 — 1945) v.v., chúng ta đã có thể vui mừng nói rằng: một pho lịch sử văn học Việt-nam thông qua văn bản các tác phẩm đang xuất hiện như một cột mốc lớn trên con đường nghiên

Digitized by Google

cứu văn học nước nhà, như một tấm gương lớn phản chiếu bộ mặt tinh thần của dân tộc ta từ nghìn xưa cho tới ngày nay.

Giới thiệu tổng quát và có hệ thống kho tàng văn học dân tộc, *Tổng tập văn học Việt-nam làm được một cách tốt hơn, xứng đáng hơn công việc bảo vệ di sản văn hóa tinh thần của dân tộc.*

Ông cha ta từ xưa đã có ý thức đầy đủ và sáng tỏ về việc này. « Văn chương không có mệnh... » (Nguyễn-Du) hay có mệnh? Chỉ biết rằng bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc sau cả nghìn năm không đồng hóa được dân tộc ta lại liên tiếp xâm lược nước ta, kiên trì và ráo riết thi hành chính sách « cướp sạch, đốt sạch, giết sạch », một câu « ca lý dân gian, một mảnh, một chữ, cũng quyết không để sót ». (Sắc chỉ của vua Thành Tổ nhà Minh sai quân đi cướp nước ta, năm 1406). Dĩ nhiên là chúng không bao giờ được toại chí. Và những gì còn sót lại ở cửa miệng người dân Việt, ở chỗ « giấy rách, vách nát » cũng đều được ông cha ta suốt trong lịch sử Đại Việt sưu tầm, ghi chép lại, dẫu rằng « những gì thu thập được cũng chỉ là một, hai trong trăm, ngàn phần... » (Hoàng-Đức-Lương: Tựa *Trích diễm thi tập*). Việc sưu tầm, biên khảo văn học dân tộc vẫn tiếp tục trong ngót trăm năm thuộc Pháp. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở đi, công việc này đã trở thành một khoa học dưới sự lãnh đạo của Đảng và hàng loạt Tuyển tập, Hợp tuyển, Toàn tập đã ra đời.

Ngày nay trong hoàn cảnh nước nhà đã được hoàn toàn giải phóng, cả nước độc lập, thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối của Đảng, *Tổng tập văn học Việt-nam* có điều kiện tổng hợp thành tựu biên khảo của các bậc tiền bối. Qua *Tổng tập văn học Việt-nam*, người đọc — kể cả người Việt-nam và người nước ngoài — có thể tìm hiểu được một cách có hệ thống lịch sử văn học Việt-nam qua các tác gia và tác phẩm, cảm thụ được nét đôn hậu, lòng nhân ái, niềm lạc quan, tinh thần yêu nước nồng nàn, phong vị dân tộc độc đáo, ý chí quật cường bất khuất, chủ nghĩa anh hùng, sự cởi mở và sáng tạo v.v. rất đặc sắc trong tâm hồn Việt-nam thể hiện trong văn học Việt-nam, đặc biệt là trong văn học cách mạng Việt-nam 1925 — 1945. Có thể nói rằng *Tổng tập văn học Việt-nam* lần này tiếp tục vận chuyển đến chúng ta tốt hơn và đầy đủ hơn cốt cách của văn hóa Việt-nam, sức sống của cộng đồng Việt-nam bốn nghìn năm văn hiến đang được Đảng cộng sản Việt-nam kế thừa và phát huy rực rỡ. Càng thấy rõ nước ta « vốn xưng văn hiến đã lâu », nhưng « văn » cùng « hiến » (nhân tài) ấy đời đời gắn liền với dân tộc. Là tinh hoa của văn hóa dân tộc, văn học ta là sự ghi chép cho đời. Noi gương ông cha, chúng ta hết lòng chăm lo gìn giữ nó cho đời.

Giá trị của *Tổng tập văn học Việt-nam*, theo mục đích đã định, không chỉ tùy thuộc vào nguồn văn bản, tư liệu chính xác và phong phú, vào chất lượng của chú giải, dịch thuật, v.v. mà chủ yếu tùy thuộc vào việc *đánh giá, lựa chọn, sắp xếp, xác định đúng vị trí của từng tác gia và tác phẩm, phản ánh trung thực sự vận động vốn có của văn học Việt-nam qua các thời kỳ lịch sử.* Công trình khoa học này đòi hỏi sự làm việc tập thể dưới sự chỉ đạo của những nhà nghiên cứu lâu năm giàu kinh nghiệm và có uy tín.

Chẳng hạn, về tác gia thì riêng tác gia vĩ đại Nguyễn-Ái-Quốc — Hồ-Chí-Minh với sự nghiệp văn học của Người như là sự kết tinh sức sống và những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc, như là ngọn cờ tiên phong chói lọi của nền văn học cách mạng,

Digitized by Google

dĩ nhiên là đã có một vị trí đặc biệt. Nhưng còn 5 loại tác gia khác có tầm cỡ khác nhau do đóng góp khác nhau vào sự phát triển của lịch sử văn học nước nhà thì vấn đề không phải đều đơn giản. Ngay đến tiêu chuẩn « tác phẩm văn học » cũng phải được xác định sao cho phù hợp với tính chất của từng giai đoạn văn học có màu sắc lịch sử riêng mà vẫn là nhất quán trong toàn bộ Tổng tập. Việc giới thiệu tác gia và tác phẩm rốt cuộc lại phải vừa thể hiện được chân thật tình hình chung của văn học Việt-nam với nội dung rất phong phú, tinh tế và đa dạng của nó, vừa nêu bật lên được cốt cách của nội dung ấy trong sự vận động của nó: chủ nghĩa nhân đạo phát triển đến chủ nghĩa nhân đạo cộng sản, chủ nghĩa yêu nước phát triển đến chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa anh hùng phát triển đến chủ nghĩa anh hùng cách mạng của giai cấp công nhân.

Một vị trí đặc biệt (1 phần 6 *Tổng tập*) dành cho văn học cách mạng 1925 — 1945 là hoàn toàn đúng. Bởi vì tuy mới chỉ có 20 năm, nhưng văn học cách mạng là kế thừa và phát triển xứng đáng nhất những truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc trong quá khứ và chuẩn bị cho một thời kỳ Đại phục hưng mới — thời kỳ Đại phục hưng thứ ba của dân tộc Việt-nam và do đó của văn hóa Việt-nam.

Văn học cách mạng Việt-nam là một nền văn học đặc biệt. Không phải bất cứ ở đâu hễ có phong trào cách mạng vô sản là có dòng văn học cách mạng diễn đạt những tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại, phong phú và mạnh mẽ, ngay trong lòng chế độ cũ như ở Việt-nam. Văn học cách mạng Việt-nam có cả chiều rộng (phong trào quần chúng) lẫn tầm cao (đội ngũ tác gia), lại gồm đủ cả văn chính luận lẫn văn nghệ thuật, cả sáng tác lẫn lý luận văn học tiền phong dẫn đường. Các tác gia văn học cách mạng là một loại tác gia đặc biệt. Họ trước hết là những nhà chính trị viết văn làm thơ để tuyên truyền cách mạng, làm sáng tỏ con đường cách mạng cũng tức là con đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin được cụ thể hóa vào Việt-nam, nói lên ý chí và tình cảm cách mạng của mình. Họ không có ý định trở thành tác gia; sự nghiệp văn học chỉ là một bộ phận, thường là bộ phận nhỏ trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của họ, song cống hiến của họ cho nền văn học nước nhà lại to lớn hoặc đặc biệt to lớn khiến chúng ta nhớ đến câu « Kinh bang hoa quốc cổ vô tiền » (1). Tác dụng của văn học cách mạng Việt-nam hết sức rõ rệt: nó là ánh sáng, là niềm tin, là sự thức tỉnh, là lời tố cáo, là tiếng gọi dân, là hồi kèn xung trận. Văn học cách mạng Việt-nam đã mở rộng chủ lưu của văn học Việt-nam là dòng văn học yêu nước xuyên suốt toàn bộ lịch sử văn học Việt-nam. Bản thân nó là chủ lưu của văn học Việt-nam trước Cách mạng Tháng Tám dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến, dù bấy giờ nó chủ yếu vẫn còn là văn học bất hợp pháp và những gì sưu tầm được cho đến nay mới chỉ là một phần nhỏ. Bấy nhiêu điều vừa nói trên thể hiện khá rõ trong phần văn học cách mạng của bộ *Tổng tập văn học Việt-nam*, ở những tập đã xuất bản

Tổng tập văn học Việt-nam là một bộ sách quý đối với tất cả những ai muốn tìm hiểu văn học Việt-nam cũng như tìm hiểu Việt-nam nói chung — đất nước, sự nghiệp, con người — bởi vì văn học phản ánh hiện trạng của một thời đã làm nên nó. Cả 36 tập

(1) Lo toan việc nước, làm đẹp cho nước xưa chưa có ai được như thế (thơ Nguyễn-Mộng-Tuân đầu thế kỷ XV ca ngợi Nguyễn Trãi)

Digitized by Google

của bộ sách sẽ là một biểu tượng Việt-nam. Người nghiên cứu văn học từ đây có thể có trong tay một tập hợp tương đối hoàn chỉnh và đáng tin cậy, lấy đó làm một điểm xuất phát mới. Nhân dân ta, những người làm chủ tập thể xã hội mới, sẽ nắm lấy cả kho tàng văn học dân tộc lại một lần nữa được kiểm kê này. Tất cả đều nhằm một mục đích: *xây dựng con người mới, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ngày nay.* Chúng ta học tập di sản là để sáng tạo cái mới, để xây dắp hiện tại và tương lai. Đó chính là ý nghĩa và giá trị thực tiễn của bộ *Tổng tập văn học Việt-nam.*

Có thể là *Tổng tập văn học Việt-nam* chưa thỏa mãn được tất cả, người ta còn muốn tìm hiểu cả phần văn học mới từ năm 1945 cho đến năm 1975, thậm chí cho đến ngày nay. Cũng có thể là có tập đã ra mắt bạn đọc vẫn còn những sai sót nào đó. Điều này khó tránh. Nhưng đáng quý là các nhà biên khảo đã tích cực làm việc trong những điều kiện cho phép. Đáng quý hơn nữa là nhiều bạn đọc đã sốt sắng góp ý kiến để sửa đổi và bổ sung trong lần tái bản những tập vừa xuất bản xong. Đó là sự trân trọng và tinh thần làm chủ tập thể của chúng ta trong việc kế thừa và sử dụng di sản văn hóa dân tộc. Đó cũng là chỗ ưu việt của chế độ ta.

Tổng tập văn học Việt-nam là tài sản chung, niềm tự hào chung của tất cả chúng ta. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường-Chinh, trong buổi tiếp đại biểu Hội đồng biên tập bộ *Tổng tập văn học Việt-nam* và Nhà xuất bản Khoa học xã hội ngày 21-1-1984, đã có lời khen những thành quả đầu tiên của việc làm *Tổng tập văn học Việt-nam.* Chủ tịch ân cần nhắc nhở rằng công việc này đòi hỏi nhiệt tình cách mạng và quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, lòng tự hào đầy đủ và tinh thần trách nhiệm cao—tự hào về di sản văn học tốt đẹp, đặc biệt là văn học dân gian hết sức phong phú của ta, và vì chúng ta đang làm được một công việc xứng đáng; trách nhiệm đối với quá khứ, hiện tại và đối với cả những thế hệ mai sau, đối với nhân dân trong nước và đối với cả nhân dân thế giới, cho nên phải có thái độ khoa học, nghiêm túc và thận trọng ngay cả trong từng lời chú thích. Đó là những chỉ thị quý báu cho việc biên tập và xuất bản *Tổng tập văn học Việt-nam.* Để nhanh chóng hoàn thành việc biên tập và xuất bản bộ *Tổng tập văn học Việt-nam* hoàn chỉnh theo tinh thần những chỉ thị của đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, cần có sự đóng góp tích cực hơn nữa của tất cả chúng ta, trước hết là của những nhà biên khảo và của những cơ quan đã lĩnh nhận trách nhiệm.

Digitized by Google

Qua một số Phim truyện Việt-nam năm 1983

TRẦN-ĐẮC

THEO sát cuộc sống hôm nay, phát hiện, đặt ra và trả lời những vấn đề mà xã hội quan tâm vốn là mục tiêu sáng tác của các nghệ sĩ phim truyện từ nhiều năm nay.

Trong năm 1983, những bộ phim truyện của Xí nghiệp phim truyện Việt-nam đã có nhiều nét mới trong tìm tòi, sáng tạo, theo sát đường lối, chính sách của Đảng, góp phần phục vụ nhân dân ta đang hăng hái thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược.

Mật trẻ thơ (đạo diễn Quốc-Long) dựa trên bối cảnh xã hội thời đánh Mỹ, đi sâu vào tâm hồn một tập thể trẻ em bị mất cha mẹ, gia đình vì bom đạn kẻ thù, nhưng lại được chế độ ta hết lòng chăm sóc bằng tình yêu thương chân tình của các thầy, cô phụ trách. Phim đã thể hiện được, không phải bằng cốt truyện mà bằng sức truyền cảm, cái đẹp bên trong của con người xã hội chủ nghĩa, dìu dắt nhau vượt qua những năm tháng khốc liệt nhất của chiến tranh. Bằng những chi tiết giản dị trong cuộc sống thường ngày, thông qua diễn xuất chân thực (đặc biệt là của các diễn viên nhỏ tuổi), phim đã thật sự gây được xúc động đến rơi nước mắt, trong nhiều khán giả thuộc mọi lứa tuổi... Đương nhiên, sự hoàn thiện trong nghệ thuật vốn không dễ dàng. Phim còn có mặt chưa hoàn chỉnh, như tạo chi tiết chưa chính xác, thể hiện nhân vật còn thiếu quá trình phát triển, bố cục chưa chặt chẽ và chưa khai thác được triệt để chiều sâu của chủ đề. Tuy vậy, phim đã đóng góp những nét độc đáo trong việc khai thác đề tài chiến đấu vốn là đề tài quan trọng, vẫn cần có sự tìm tòi, sáng tạo phong phú hơn nữa, nhằm nâng cao thêm tinh thần lạc quan cách mạng và niềm tin của chúng ta trong cuộc sống hôm nay.

Để góp phần giải đáp những vấn đề nóng bỏng đang nổi lên trong cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, *Hồi chuông màu da cam* (đạo diễn Nguyễn-Ngọc-Trung) đi sâu vào tâm trạng một phi công nguỵ đã từng tự nguyện theo lệnh đế quốc Mỹ lái nhiều chuyến bay rải chất độc màu da cam xuống Tổ quốc mình, và rồi chính bản thân gã lại phải chịu hậu quả tàn khốc: mất vợ con, mất tương lai, mất cuộc sống... Gửi thân ở chốn tu hành để trốn

Digitized by Google

tránh, gã cũng không kìm nổi sự dằn vặt của chính lương tâm gã. Thời gian qua đi, đất nước đã giải phóng, chế độ mới và nhân dân đã đối xử chân tình với gã, nhưng thể xác và tâm thần gã vẫn khiến cho loài người phải suy nghĩ trước một thảm họa cần kịp thời ngăn chặn. Đây là bộ phim màu, có những bối cảnh mang tính so sánh rõ rệt: những chuyến bay bí mật, những cảnh chuyền lén lút chất độc màu da cam trên sân bay quân sự, được dựng song hành với những cảnh cô quạnh trong ngôi chùa hẻo lánh; những cảnh lộng lẫy bề ngoài trong cuộc sống vô lương tâm của bọn Mỹ — ngụy được đối chiếu với những tư liệu có thật, nêu bật hậu quả tàn khốc của chất độc màu da cam trên rừng núi, hoa màu, con người... *Bãi biển đời người* (đạo diễn Hải-Ninh) cũng là một phim màu, đặt ra những vấn đề của những con người khác nhau trước những khó khăn sau chiến tranh — những khó khăn đang bị các loại kẻ thù khoét sâu thêm bằng nhiều thủ đoạn trắng trợn và thâm độc — đậm nét nhất là cường bức di tản. Với ý đồ dàn dựng tỉ mỉ, theo quy mô lớn, với tạo hình và màu sắc đẹp, phong cảnh và bối cảnh của phim đã nổi lên rõ nét. Tuy nhiên, ở cả hai phim nói trên nhất là *Bãi biển đời người*, về chiều sâu của tâm lý nhân vật, về tính chân thực của các mẩu người, về ý nghĩa tập trung nhất của cốt truyện, về lô gích biện chứng của các tình huống và tính kịch..., còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu, bàn bạc. Mặc dù vậy, bằng những tìm tòi đúng hoặc chưa đúng, cả hai phim đã góp được nhiều kinh nghiệm trong sáng tác, đặc biệt trong thể hiện những đề tài chính trị.

Cũng thuộc đề tài hiện đại, đi sâu vào cuộc sống thường ngày, bằng những cốt truyện và phong cách khác nhau, một chùm phim khác đặt ra những vấn đề về lý tưởng sống, về đạo đức, về việc xây dựng con người mới, nâng cao tinh thần trách nhiệm thật sự vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân, vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. *Mảnh trời riêng* (đạo diễn Bạch-Diệp) phê phán những nhân vật sa sút về phẩm chất cách mạng khi từ môi trường chiến đấu giữa bom đạn chuyển sang môi trường xây dựng kinh tế. *Làm lỗi* (đạo diễn Xuân-Sơn) với cách thể hiện chân thật, gần gũi cuộc sống, đã phân tích quá trình tự đấu tranh để tự hoàn thiện của đôi vợ chồng mới bước vào đời, để lánh xa những con người và những mánh khóe kiếm tiền không phù hợp với cuộc sống lành mạnh, giản dị nhưng có lý tưởng cao đẹp mà họ hằng ôm ấp. *Sẽ đến một tình yêu* (đạo diễn Phạm-Văn-Khoa) dựa trên một hiện tượng địa chất còn cần tiếp tục điều tra khoa học (chiếc túi nước trên một công trường xây dựng) để đi sâu phân tích những đặc điểm đa dạng của con người hiện tại. Phim được tô đậm bởi bối cảnh công trường hiện đại với máy móc và những công trình xây dựng lớn, tạo thêm điều kiện cho các nhân vật bộc lộ rõ nét bản chất của mình. Phim không xây dựng những nhân vật sai, đúng một chiều mà đưa cả khán giả vào cuộc tranh luận để khẳng định một quan niệm đúng về đạo đức xã hội mới...

Nhìn chung, những bộ phim về cuộc sống hiện tại này đã góp phần vào việc giải quyết và nâng cao tầm nhìn trước những vấn đề cấp bách của xã hội ta đang chuyển động, đi lên. Trong một vài bộ phim, tính chân thật đã có sức lôi cuốn thông qua những tìm tòi, sáng tạo, tránh dường mòn, của những người làm phim. Đây là thành tựu quan trọng, vì những đoạn phim chân thật này đã thuyết phục được người xem, và càng làm rõ hơn sự thấp kém của các đoạn phim chạy theo thủ pháp « hấp dẫn » của điện ảnh tư sản phương Tây mà một vài phim

Digitized by Google

khác trong năm 1983 này cũng còn ít nhiều mắc phải.

Tuy nhiên, làm phim về đề tài hiện đại xã hội chủ nghĩa vẫn còn là điều mới mẻ đối với các nghệ sĩ điện ảnh. Các bộ phim kể trên đều mới phản ánh hiện thực ở dạng chưa chắt lọc nghiêm ngặt. Là phim truyện nhưng nhiều phim chưa có bao nhiêu cốt truyện. Do sức khái quát và điển hình hóa chưa cao, những mẫu người mới, những nhân vật tích cực trong phim chưa thật nổi bật, giàu sức cuốn hút. Phim chưa từ cuộc sống bình thường dẫn người xem tới lý tưởng cao đẹp, phơi phới của xã hội mới đang từng bước một trở thành hiện thực qua đấu tranh gay gắt với muôn vàn trở lực, gian nguy. Một số phim còn sơ lược, thiếu trau chuốt về nghệ thuật. Khán giả điện ảnh đang ngày càng đổi mới, chẳng những đang có yêu cầu nghệ thuật ngày càng cao đối với điện ảnh, mà còn đòi hỏi trong khi thưởng thức phim ảnh, được tham gia vào những vấn đề mà chính tác phẩm điện ảnh, thông qua hiệu quả nghệ thuật của nó, đặt ra với xã hội. Đó cũng chính là điều mà các nghệ sĩ phim truyện đang cố gắng thực hiện, coi đó như là hạnh phúc của mình trong sáng tạo.

Cũng trong năm 1983, những phim truyện đáng chú ý nhất của Xí nghiệp phim tổng hợp thành phố Hồ-Chí-Minh lại được khai thác từ tác phẩm văn học. Dựa vào tiểu thuyết *Hòn đất* (giải thưởng Nguyễn-Đình-Chiểu) của nhà văn Anh-Đức, đạo diễn Hồng-Sến đã dựng thành bộ phim màu hai tập. Với trình độ dàn dựng có quy mô tương đối lớn, nghiêm túc, đạo diễn đã tạo được sức sống sôi động trong các bối cảnh đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận... với hàng nghìn quần chúng tham gia. Phim đưa các nhân vật của tiểu thuyết *Hòn đất* vào hoạt động, dẫn dắt người xem nhớ lại những năm tháng chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước, vô cùng khốc liệt, gian khổ, nhưng cũng tràn đầy lạc quan cách mạng. Đây là một pho sử thi điện ảnh lớn. Nếu như các tác giả phim chịu đi sâu, khai thác tốt hơn nữa tâm lý các nhân vật như chị Sứ, Sãm, bà Cả Sợi, My... vốn đã được người đọc ghi nhớ từ hàng chục năm nay, thì phim còn có sức thuyết phục hơn nhiều. *Xa và gần* (đạo diễn Huy-Thành) cũng được khai thác từ tiểu thuyết *Khoảng cách còn lại* của nhà văn Nguyễn-Mạnh-Tuấn, và cũng là bộ phim màu hai tập, có quy mô khá và dàn dựng công phu, tỉ mỉ. Cốt truyện và các tuyến nhân vật được tập trung trong một gia đình vừa có những người trong hàng ngũ cách mạng vừa có những người, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, bóc lột công nhân trong thời Mỹ—ngụy, và cho tới thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp vẫn chưa hoàn toàn tự giác đi theo chủ nghĩa xã hội. Bối cảnh chính của phim là thành phố Hồ-Chí-Minh khoảng sáu năm về trước. Tâm lý của các tuyến nhân vật được khai thác tập trung trong những mối quan hệ gia đình, rất tình cảm, nhưng cũng rất đau đớn. Trên cơ sở đó, niềm tin và hướng đi lên được vạch ra và có sức thuyết phục khán giả. Tuy nhiên, nhìn vào hình ảnh của phim, người ta vẫn thấy đạo diễn tập trung nhiều sức lực nhất vào vấn đề thể hiện bối cảnh và cuộc sống xa hoa, đàng hoàng của giai cấp tư sản cũ, còn chưa đi sâu thể hiện cuộc đấu tranh tâm lý sinh động, dữ dội của hai quan điểm sống, thông qua các nhân vật chính. Qua cả hai bộ phim nói trên, nổi lên vấn đề hết sức quan trọng đối với điện ảnh: *khai thác tác phẩm văn học để dựng thành phim, trước hết, phải khai thác nhân vật.*

Quân cờ di động (đạo diễn Lê-Hoàng-Hoa) tuy không khai thác từ tiểu thuyết, nhưng là tập thứ hai của

Digitized by Google

bộ phim tình báo nhiều tập *Ván bài lật ngửa* do nhà văn Nguyễn-Trường-Thiên-Lý đang tiếp tục viết, và sẽ tiếp tục được dựng thành phim. *Quân cờ di động* nói lên những mưu đồ khác nhau, những thủ đoạn giăng bẫy để lừa nhau, hại nhau của các thế lực đế quốc, phản động trong những năm Diệm cầm quyền. Người tình báo cách mạng đã bình tĩnh, sáng suốt hoạt động trong bối cảnh phức tạp và đầy nguy hiểm ấy. Qua cốt truyện, qua diễn biến của tình huống kịch, qua đối thoại các nhân vật, Nguyễn-Trường-Thiên-Lý đã nêu bật được bản chất xã hội và những mưu đồ chính yếu của kẻ địch. Đáng tiếc, công tác đạo diễn lại không tập trung vào đó, mà lại sa đà vào những hồi cảnh sinh hoạt, ăn chơi nhiều hơn là dẫn dắt cho người xem thấy sự đấu trí trong ván bài chính trị mà các quân cờ đang di động.

Nhìn chung lại, phim truyện Việt-nam 1983 đã đi vào những đề tài rất đa dạng, có những tìm tòi, sáng tạo khá phong phú về cách thể hiện, từ đó, đóng góp được vào kho tàng điện ảnh nhiều sắc thái mới. Tuy nhiên, để có thể nâng cao hơn nữa chất lượng văn học của phim truyện, để có thể bám sát hơn nữa những nhiệm vụ chính trị chính yếu của Đảng, các nghệ sĩ điện ảnh cần kịp thời rút ra những bài học thành công và chưa thành công của phim truyện 1983, để tiến mau hơn nữa trong những năm tới.

THIẾT LẬP NỀN...

(Tiếp theo trang 62)

Để phát huy hơn nữa tác dụng của chuyên chính vô sản trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cũng tức là trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại ở nước ta, chúng ta cần tăng cường hơn nữa nền chuyên chính vô sản ở nước ta theo phương hướng mà các Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đã đề ra. Nghĩa là vừa phải tăng cường các bộ phận hợp thành nền chuyên chính vô sản (Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức văn hóa xã hội...), vừa phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Làm như vậy, cũng tức là chúng ta đã coi trọng vận dụng một trong những quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa là thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản.

Digitized by Google

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 3 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Повышать бдительность, защищая родину. Извещение ЦК КПВ... о кончине тов. Ю. В. Андропова. Некролог ЦК КПВ... ★★★ – Развивая роль коллективного хозяина, выполним социально-экономический план 1984 г. ХОАНГ ВАН ТХАЙ – О некоторых вопросах военного искусства в зимне – весенней кампании 1953 – 1954 гг. и операции под Дьенбьенфу. ТХАНЬ ТИН – Вершина великой победы. ОБМЕН МНЕНИЯМИ – О строительстве уезда и усилении уездной инстанции. ★ НГУЕН ЛЕ, ЧЫОНГ ДАНГ ХОА, НГУЕН ВАН МИ. ИССЛЕДОВАНИЯ ★ КУЕТ ТЬЕН – Установление пролетарской диктатуры в той или иной форме.

REVIEW OF COMMUNISM N° 3-1984

Editorial – Upholding vigilance for the defence of the Homeland. Circular of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam on the death of Comrade Iu. V. Andropov. Funeral oration by the Central Committee of the Communist Party of Vietnam. ★ ★ ★ – Bringing into full play the strength of collective mastery in order to fulfil the 1984 socio – economic plan. *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Some problems of military art in the 1953 – 1954 Winter – Spring operation and Dien Bien Phu campaign. *THÀNH-TÍN* – A peak of the great victory. **Exchanging views on the building and strengthening of Districts.** ★ *NGUYÊN-LÊ, TRƯƠNG-ĐĂNG-HÒA, NGUYÊN-VĂN-MY.* **Studies** ★ *QUYÉT-TIÉN* – Establishment of the dictatorship of the proletariat in various forms.

REVUE DU COMMUNISME N° 3-1984

Editorial – Rehausser de la vigilance, défendre la Patrie. Communication du Comité central du Parti communiste du Vietnam... sur le décès du camarade Iu.V. Andropov. Oraison funèbre du Comité central du Parti communiste du Vietnam. ★ ★ ★ – Promouvoir la force de l'esprit de maitre collectif dans la réalisation du plan économique et social pour 1984. *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Quelques problèmes de l'art militaire dans la campagne de l'hiver 1953 et du printemps 1954 et dans la campagne de Dien Bien Phu. *THÀNH-TÍN* – Le point culminant des grandes victoires. **Echange de vues sur l'édification et le renforcement du district** ★ *NGUYÊN-LÊ, TRƯƠNG-ĐĂNG-HÒA, NGUYÊN-VĂN-MY.* **Etude** ★ *QUYÉT-TIÉN* – Instituer la dictature du prolétariat sous une forme ou une autre.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 3-1984

Editorial – Mantener en alto la vigilancia por la defensa nacional. Cómunicado del Comité Central del Partido Comunista de Viet Nam... sobre el fallecimiento del camarada Iu. V. Andropov. La oración fúnebre del CC del Partido Comunista de Viet Nam... ★ ★ ★ – Promover la fuerza del dominio colectivo y cumplir el plan económico – social del año 1984 *HOÀNG-VĂN-THÁI* – Unas cuestiones del arte militar en la Operación Invierno – Primaveral de 1953 – 1954 y la campaña de Dien Bien Phu. *THÀNH-TÍN* – La cúspide de una grandiosa victoria. **Intercambios de puntos de vista acerca de la construcción y el fortalecimiento del nivel distrital** ★ *NGUYÊN-LÊ, TRƯƠNG-ĐĂNG-HÒA, NGUYÊN-VĂN-MY.* **Estudios** ★ *QUYÉT-TIÉN* – La dictadura del proletariado instituida bajo esta o aquella forma.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 3

1984

NĂM THỨ XXX (339)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T.P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22010

MỤC LỤC

Xã luận — Nêu cao cảnh giác, bảo vệ Tổ quốc 1

Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam... về việc đồng chí lu. V. An-đrô-pốp từ trần 7

Lời điếu của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam... 8

★ ★ ★ — Phát huy sức mạnh làm chủ tập thể, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế—xã hội năm 1984 11

HOÀNG-VĂN-THÁI — Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự trong chiến cuộc Đông—Xuân 1953—1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ 16

TRẦN-HỔ — Một số vấn đề về phân phối lưu thông 27

THÀNH-TÍN — Một đỉnh cao chiến thắng vĩ đại 31

Trao đổi ý kiến *về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* ★ *NGUYỄN-LỄ* — Ý nghĩa của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ★ *TRƯƠNG-ĐĂNG-HÒA* — Thái-bình xây dựng các đảng bộ huyện và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ★ *NGUYỄN-VĂN-MY* — Một số biện pháp chủ yếu tạo bước phát triển kinh tế trên địa bàn huyện của Duy-tiên 38

Nghiên cứu ★ *QUYẾT-TIẾN* — Thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hoặc hình thức khác 56

LÊ-XUÂN-VŨ — Sức sống của một cộng đồng bốn nghìn năm văn hiến 63

TRẦN-ĐẮC — Qua một số phim truyện Việt-nam năm 1983 67

Digitized by Google

Digitized by Google

...IU PUB. SER...

KỶ NIỆM LẦN THỨ 5 NGÀY CH... CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC
CỦA BỌN BÀNH TRƯỚNG VÀ BÀ QU... (5-3-1979 — 5-3-1984)

Các bạn tìm đọc:

TRƯỜNG - CHINH

Kiên quyết đánh bại chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền Trung-quốc

PHẠM - HÙNG

Kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch

★★★

- Thắng lợi oanh liệt và hào hùng của dân tộc ta chống bọn Trung-quốc xâm lược
- Thất bại thảm hại của quân Trung-quốc xâm lược
- Tội ác chiến tranh của bọn bành trướng Trung-quốc đối với Việt-nam
- Thực chất phản động của chủ nghĩa Mao
- Sự thật về quan hệ Việt-nam — Trung-quốc trong 30 năm qua

TRẦN - XUÂN - TRƯỜNG

Chủ nghĩa Mao, lô gích và lịch sử của nó

NHUẬN - VŨ

Chính sách bành trướng bá quyền Trung-quốc ở Đông Nam Á

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số : 12651 Giá : 2đ50

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

LIBRARY
JUL 22 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

4

4.1984

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

Phát huy nhân tố mới, đưa nông nghiệp tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

ĐƯỜNG lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công — nông nghiệp. Quán triệt đường lối đó, vấn đề mấu chốt là phải thấy hết vai trò quan trọng của công nghiệp nặng. Trước mắt, cần chú ý xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng, tạo điều kiện kinh tế kỹ thuật cho việc đẩy mạnh nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đồng thời tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; có như vậy mới bảo đảm được đời sống nhân dân và tạo được cơ sở ban đầu cho công nghiệp nặng phát triển.

Thực hiện đường lối phát triển kinh tế của Đảng, trong ba năm qua (1981 — 1983), mặc dù phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và gặp không ít khó khăn về thiên tai, chúng ta vẫn giành được những kết quả đáng phấn khởi trong việc phát triển nông nghiệp. Hội nghị thứ năm của Trung ương Đảng đã khẳng định: « Thành tựu nổi bật trong sản xuất nông nghiệp ba năm qua là sản lượng lương thực bình quân hàng năm tăng gần 1 triệu tấn; nhờ vậy không còn phải nhập khẩu lương thực. Thắng lợi này mở ra khả năng sản xuất lương thực không những đủ ăn, mà còn có thêm dự trữ ».

Trên cơ sở tăng nhanh sản lượng lương thực, sản xuất cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, cây xuất khẩu có bước phát triển mới tạo khả năng mở rộng diện tích trên quy mô lớn, chăn nuôi và các ngành nghề cũng được chú ý tăng cường và phát triển.

Cùng với những thắng lợi về phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được củng cố và tăng cường một bước quan trọng. Các tỉnh ven biển miền Trung và Tây-nguyên về căn bản đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp; công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ đã có những tiến bộ đáng kể. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong cả nước đã trải qua nhiều khó khăn thử thách, nhưng nhìn chung vẫn đứng

Digitized by Google

vững và phát triển. Đây là một tiền đề quan trọng để đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cơ chế quản lý trong nông nghiệp đang từng bước thay đổi, việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đã đi vào nền nếp và có nhiều kinh nghiệm quý.

Thắng lợi to lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp trong ba năm qua (1981 — 1983) là kết quả tổng hợp của việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong nông nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt, nền nông nghiệp nước ta còn những vấn đề đáng chú ý. Năng suất, sản lượng cây trồng và con gia súc tuy có tăng nhưng chưa đều và chưa vững chắc. Sản lượng lương thực tăng nhưng mức bình quân lương thực đầu người còn rất thấp (trên dưới 300 ki lô gam/người), trong khi đó tỷ lệ tăng dân số còn cao, nhiều nhu cầu của nền kinh tế về lương thực còn chưa được đáp ứng. Sản xuất lúa tăng nhưng sản xuất màu giảm sút (cả về diện tích, năng suất và sản lượng) làm ảnh hưởng đến mức tăng sản lượng lương thực. Sản xuất cây công nghiệp tăng chậm và chưa đều, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày và cây xuất khẩu.

Những hạn chế về kết quả sản xuất nông nghiệp trong mấy năm qua có nhiều nguyên nhân. Trước hết, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp nói chung còn yếu và thiếu. Một số công trình thủy lợi đã được xây dựng, nhưng ứng và hạn hán ở một số vùng vẫn chưa được giải quyết một cách cơ bản; phân bón cung cấp không đầy đủ và kịp thời, không đáp ứng yêu cầu thâm canh, tăng vụ; các vật tư kỹ thuật khác như điện, xăng dầu, thuốc trừ sâu v.v. phục vụ nông nghiệp còn ở mức rất thấp so với yêu cầu, hệ thống kỹ thuật về giống, bảo vệ thực vật, thú y... chưa được kiện toàn đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tăng năng suất, sản lượng cây trồng và con gia súc.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa được coi trọng thường xuyên, quyền làm chủ tập thể của quần chúng còn bị vi phạm, tài sản của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất chưa được sử dụng hợp lý, còn lãng phí nhiều; việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam-bộ tuy có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của cách mạng, và trong quá trình thực hiện còn có một số nhược điểm.

Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp trong những năm qua tuy có bước tiến mới, song nhìn chung còn chậm và triển khai chưa đồng bộ. Hình thức khoán mới ra đời nhưng hệ thống các chính sách và biện pháp cụ thể nhằm hướng dẫn các địa phương thực hiện ban hành chậm, do đó, việc tổ chức thực hiện ở một số nơi còn có những thiếu sót, lệch lạc. Việc mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề, cải tiến quản lý, thực hiện hạch toán, chấn chỉnh công tác phân phối... ở nhiều hợp tác xã và tập đoàn sản xuất chưa được coi trọng đúng mức. Đội ngũ cán bộ quản lý nông nghiệp, nhất là ở huyện và cơ sở, chưa được chú ý bồi dưỡng và tăng cường đúng mức, do đó năng lực tổ chức điều hành còn rất yếu.

Phấn khởi trước những thành tựu đã đạt được, kiên quyết khắc phục những mặt tồn tại, nền nông nghiệp nước ta nhất định sẽ đạt được những thành tựu mới to lớn hơn.

★

Nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp năm 1984 và năm 1985 có vị trí cực kỳ quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch năm năm (1981 — 1985) về

Digitized by Google

phát triển kinh tế và xã hội. Trong hai năm tới, như nghị quyết Hội nghị thứ năm của Ban chấp hành trung ương (khóa V) đã chỉ rõ: « Phải tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, coi đó là mặt trận hàng đầu, khai thác tới mức cao nhất tiềm năng lao động và đất đai nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển thật mạnh cây công nghiệp, tạo thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn xuất khẩu ».

Nhằm thực hiện phương hướng nói trên, chúng ta phải đạt 18 triệu tấn lương thực vào năm 1984 và 19 – 20 triệu tấn vào năm 1985. Riêng năm 1984 phấn đấu trồng 74 vạn héc ta cây công nghiệp ngắn ngày và 19 vạn héc ta cây công nghiệp lâu năm; nuôi 4,8 triệu con trâu bò, 12 triệu con lợn, 89 triệu con gia cầm, đạt 1,65 tỷ quả trứng.

Biện pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu nói trên là khai thác triệt để khả năng về lao động và đất đai, mở rộng ngành, nghề, thực hiện phân công lao động tại chỗ, mở rộng phân công lao động nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất lúa, nâng độ đồng đều trên toàn bộ diện tích gieo cấy, trước hết là ở các vùng trọng điểm thuộc đồng bằng sông Cửu-long và đồng bằng sông Hồng, vì đây là nguồn chủ yếu để bảo đảm nhu cầu lương thực và thực phẩm cho cả nước. Chú trọng thâm canh tăng năng suất trên diện tích hiện có gắn liền với tăng vụ và mở thêm diện tích nhằm tạo ra thế phát triển mạnh mẽ và toàn diện của nông nghiệp trên con đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hình thành các vùng sản xuất màu tập trung ở đồng bằng Nam-bộ và Tây-nguyên, đưa cây ngô lên vị trí thứ hai sau cây lúa; phát triển mạnh trên quy mô lớn các loại cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày. Trước mắt, cần tập trung một số điều kiện để phát triển lạc, đậu tương, thuốc lá; đẩy mạnh trồng cà phê, chè, mía, dâu tằm, bông trên khắp các vùng, trong cả khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu lớn cung cấp cho công nghiệp và xuất khẩu.

Đi đôi với phát triển trồng trọt, cần đẩy mạnh phát triển chăn nuôi để giải quyết nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng. Chúng ta đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng gia súc, gia cầm để tăng sản lượng thịt trên đơn vị diện tích. Trước mắt, tăng nhanh đàn lợn cả về đầu con và trọng lượng, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đàn lợn giống, chấn chỉnh chăn nuôi lợn trong khu vực tập thể và quốc doanh; tăng nhanh đàn trâu bò để bảo đảm nhu cầu về sức kéo, thịt, sữa... thực hiện chương trình phát triển gà công nghiệp ở các thành phố và khu công nghiệp, nhất là ở thành phố Hà-nội.

Để đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất cây trồng và con gia súc, cần tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nông nghiệp. Thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », mỗi địa phương và cơ sở cần phát huy hơn nữa tính thần chủ động sáng tạo trong việc khai thác tiềm năng tại chỗ và sử dụng một cách có hiệu quả những cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đồng thời xây dựng mới những cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết. Trên cơ sở quy hoạch sản xuất, xác định các vùng sản xuất tập trung chuyên canh lúa, màu, cây công nghiệp và chăn nuôi để đầu tư tập trung vào các công trình trọng điểm. Trước mắt, phải tiến hành quy hoạch vùng cà phê, vùng lạc, vùng đậu tương, vùng ngô, vùng thâm canh lúa..., cung cấp tư liệu vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, điện, nước... cho các vùng này để có thể nhanh chóng tạo ra

Digitized by Google

mũi nhọn về cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, trước hết là hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động nhằm phát huy những kết quả và uốn nắn những lệch lạc trong khi thực hiện. Trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất, thực hiện phân công, phân cấp quản lý nông nghiệp mà hoàn chỉnh chế độ quản lý, đẩy mạnh hạch toán kinh tế, thực hiện chế độ lương khoán, lương sản phẩm trong các nông trường và trạm trại quốc doanh. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và kinh tế gia đình, thực hiện liên kết kinh tế giữa nông trường quốc doanh, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của Nhà nước, của tập thể và của gia đình trên địa bàn huyện. Soát xét, bổ sung và nghiên cứu xây dựng hệ thống các chính sách như: chính sách đầu tư, chính sách giá cả, chính sách thu mua v.v. nhằm khuyến khích mọi người hăng hái lao động sản xuất.

Tăng cường cấp huyện, gấp rút hoàn thành quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành của huyện, hoàn chỉnh việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên và kế hoạch huyện, thực hiện việc phân cấp và tăng cường cán bộ cho huyện để huyện có đủ điều kiện tổ chức quản lý, trước hết là tổ chức quản lý tốt nông nghiệp trên địa bàn huyện.

★

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và công tác xây dựng Đảng, nhất là việc củng cố các cấp ủy Đảng ở cơ sở. Trước hết, cần nhận thức rõ đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và yêu cầu cấp bách về phát triển sản xuất nông nghiệp, thấy rõ khả năng thực tế và sự xuất hiện các nhân tố mới trong nông nghiệp, có biện pháp tích cực khắc phục những mặt tồn tại, tạo ra bước chuyển biến mới trong nông nghiệp nước ta. Từ công tác thực tế và phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng mà rèn luyện cán bộ đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống tệ tham ô, lợi dụng, xâm phạm của công, tệ lấn chiếm ruộng đất và tài sản của tập thể và của Nhà nước, tệ độc đoán chuyên quyền, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng; đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hóa, biến chất và kết nạp vào Đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào quần chúng. Cần xây dựng chi bộ Đảng và chi đoàn thanh niên vững mạnh, kiện toàn các huyện ủy và đảng ủy cơ sở, làm cho huyện ủy và đảng ủy trở thành những tập thể vững mạnh đủ sức lãnh đạo và chỉ đạo nông nghiệp trên địa bàn huyện. Hết sức coi trọng việc giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, làm cho đội ngũ cán bộ đó vừa trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, vừa có đủ trình độ và năng lực tổ chức quản lý.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng toàn dân; các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và cơ sở cần tập trung sức chỉ đạo và phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp. Mỗi ngành tùy theo chức năng của mình, giải quyết tốt những vấn đề theo yêu cầu của nông nghiệp, đồng thời cải tiến công tác tổ chức, quản lý của ngành mình ngay trên địa bàn huyện. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và cơ sở, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa nông nghiệp tiến lên.

Digitized by Google

LÃNH ĐẠO TỐT CUỘC BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, XÃ VÀ CÁC CẤP TƯƠNG ĐƯƠNG

TRONG cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, các cơ quan dân cử giữ vai trò rất quan trọng. Các cơ quan đó vừa thể hiện chức năng làm chủ xã hội của nhân dân lao động, vừa trực tiếp quản lý xã hội. Quyền làm chủ ấy được ghi trong Hiến pháp nước ta. Hiến pháp nêu rõ người chủ tập thể là nhân dân lao động, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Trong hệ thống các cơ quan dân cử đó, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và chính quyền cấp trên.

Trong những năm qua, nhiều Hội đồng nhân dân các cấp đã thực hiện được chức năng của mình, có những đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhiều đại biểu đã hăng hái làm tròn trách nhiệm của mình, giữ mối liên hệ mật thiết với cử tri, phản ánh kịp thời nguyện vọng của quần chúng cho Ủy ban nhân dân, tích cực tham gia ý kiến vào sự điều hành công việc của Ủy ban nhân dân v v. Song những kết quả thu được còn bị hạn chế. Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã nhận định: « Cho đến nay, các đại biểu cơ quan dân cử ít được bồi dưỡng về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của mình; một số cơ quan dân cử còn hoạt động một cách hình thức, chưa làm đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như Hiến pháp đã quy định ». Do việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp có nơi, có lúc còn làm một cách chiếu lệ, hình thức, và do có những đại biểu, trước hết là ở cấp xã và cấp huyện, chưa thấy được vai trò, vị trí, nhiệm vụ của mình, lại thiếu năng lực, thiếu nhiệt tình cho nên từ khi được bầu làm đại biểu cho đến khi hết nhiệm kỳ, họ ít có những đóng góp thiết thực, bổ ích cho Hội đồng nhân dân. Trong hệ thống các cấp chính quyền của chúng ta, huyện và xã có vị trí quan trọng. Huyện là địa bàn trọng yếu tổ chức lại sản xuất, thực hiện sự phân công lao động mới, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng. Xã, phường là cấp cơ sở, nơi biến mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực. Những mặt yếu trong hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện và xã đã ảnh hưởng không nhỏ đến chủ trương xây dựng

Digitized by Google

huyện, tăng cường cấp huyện gắn với xây dựng và củng cố xã. Đó là một chỗ yếu trong sự hoạt động của bộ máy Nhà nước, cũng là một khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng.

★

Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương tiến hành từ tháng 3 đến tháng 5 năm nay là cuộc bầu cử đầu tiên được tổ chức theo các luật mới mà Quốc hội đã thông qua và Hội đồng Nhà nước vừa công bố như *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*, *Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*. Các luật đó là cơ sở pháp lý nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thông qua Nhà nước. Riêng Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đã quy định một chế độ bầu cử bảo đảm đầy đủ các nguyên tắc dân chủ.

Cũng như mọi mặt, mọi khâu công tác khác trong hoạt động của chính quyền và của Mặt trận Tổ quốc, việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp *cần được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng*. Lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương có nghĩa là làm cho các cuộc bầu cử đó theo đúng luật định, tạo điều kiện để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, lựa chọn được những đại biểu xứng đáng của mình, và qua bầu cử, nâng cao được trình độ chính trị, tăng thêm lòng tin tưởng đối với chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chúng ta.

Muốn vậy, các cấp ủy Đảng cần *tuyên truyền sâu rộng tinh thần của luật mới về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*, làm cho mọi người thấy rõ làm tốt việc bầu cử Hội đồng nhân dân là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân, là thể hiện quyền làm chủ tập thể của mình ở địa phương và cơ sở. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, làm cho mọi cử tri *nắm vững tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân* và vận dụng tiêu chuẩn đó cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Theo quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thì đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm khá nặng và có phạm vi hoạt động rất rộng. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, tuyên truyền, động viên nhân dân chấp hành pháp luật, chính sách và tham gia quản lý công việc của Nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải làm tốt trách nhiệm của mình trong các kỳ họp, trong các ban của Hội đồng nhân dân, trong việc tiếp xúc với cử tri. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Ủy ban nhân dân, các thành viên của Ủy ban nhân dân, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và Tòa án nhân dân cùng cấp; có quyền yêu cầu các cơ quan Nhà nước, các đơn vị vũ trang nhân dân, các tổ chức xã hội hoặc nhân viên của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó v.v. kịp thời chấm dứt những việc làm trái với pháp luật của Nhà nước. Từ nhiệm vụ và phạm vi hoạt động đó, đại biểu Hội đồng nhân dân phải là người *trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, có thành tích sản xuất, công tác hoặc chiến đấu, có nhiệt tình phục vụ nhân dân, tích cực chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, gương mẫu trong sinh hoạt, có trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu và được nhân dân tín nhiệm.*

Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ việc *lập danh sách người được giới thiệu ra ứng cử*, không

Digitized by Google

khoán trắng cho các cấp của Mặt trận Tổ quốc. Việc giới thiệu người ra ứng cử phải căn cứ vào ý kiến của tập thể nhân dân lao động ở cơ sở, của các đoàn thể và các tổ chức xã hội khác ở địa phương, tuyệt đối không làm theo cách: cấp ủy lựa chọn trước rồi đưa ra cho Mặt trận Tổ quốc tổ chức hiệp thương một cách hình thức. Mọi sự gò ép, mọi lối làm việc hình thức, chiếu lệ đều trái với bản chất dân chủ của việc bầu cử Hội đồng nhân dân, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Khi lựa chọn đại biểu, phải chú ý thích đáng đến những công nhân ưu tú trong các xí nghiệp, công trường, nông trường, những người lao động ưu tú, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, những cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi. Cần có một tỷ lệ thích đáng những đại biểu là người ngoài Đảng, là nữ, là người trong độ tuổi thanh niên. Ở những nơi có nhiều dân tộc cư trú, phải chú ý đến người thuộc các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên khi cân nhắc, lựa chọn người để giới thiệu ra ứng cử vào Hội đồng nhân dân các cấp, không nên chỉ dựa độc nhất vào cơ cấu, thành phần Hội đồng nhân dân. Điều chủ yếu là chọn được những người có năng lực, có uy tín, gắn bó với nhân dân, có đủ điều kiện cần thiết để làm nhiệm vụ đại biểu.

Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với việc bầu cử Hội đồng nhân dân còn được thể hiện ở việc *kiểm tra chặt chẽ các thủ tục cụ thể khác của quá trình bầu cử*. Chẳng hạn, số người được giới thiệu ra ứng cử ở mỗi đơn vị bầu cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị đó; việc bầu cử phải được tiến hành đúng theo trình tự quy định; trong tổ chức bầu cử phải tạo những điều kiện thuận lợi để mọi người có thể thực hiện tốt nhất, đúng nhất quyền cử tri v.v.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân, cần lãnh đạo tốt việc tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu, quán triệt tinh thần và nội dung của Luật mới về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để từ đó làm tốt cuộc *bầu cử Ủy ban nhân dân*.

Thành viên Ủy ban nhân dân khóa mới phải là những người có năng lực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế – xã hội; chấp hành tốt nghị quyết của Hội đồng nhân dân và pháp luật, chính sách của Nhà nước, biết phát huy tính chủ động của địa phương, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương. Cần tăng cường thành phần công nhân, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, thành phần nữ vào Ủy ban nhân dân.

Để tăng cường hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân sau bầu cử, các cấp ủy Đảng cần đề cao trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo chính quyền thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Cấp ủy Đảng không bao biện công việc của chính quyền, không quyết định những việc cụ thể đáng lý phải đưa ra bàn trong Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, vì sự bao biện của Đảng sẽ biến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành những tổ chức hình thức, có tính chất tượng trưng, một bộ máy chỉ để hợp thức hóa một cách thụ động các nghị quyết của Đảng.

Cần tôn trọng và lắng nghe ý kiến của Hội đồng nhân dân, tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân có điều kiện tham gia tích cực vào việc quyết định

(Xem tiếp trang 12)

Digitized by Google

DIỄN VĂN CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG-CHINH đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam*

Các đồng chí thân mến,

Hôm nay, Ủy ban khoa học xã hội tổ chức kỷ niệm lần thứ 40 ngày ra đời của bản *Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam của Đảng ta.*

Đây là một dịp tốt để chúng ta nhìn lại chặng đường vận động cách mạng văn hóa Việt-nam vừa qua, nhận rõ những thành tựu to lớn đã đạt được trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời cũng thấy những thiếu sót cần phải ra sức khắc phục để vững bước tiến lên.

Văn hóa là một vấn đề rất rộng lớn. Kinh nghiệm cách mạng văn hóa của Đảng ta trong 40 năm qua lại vô cùng phong phú. Hôm nay tôi chỉ xin đề cập hai vấn đề như sau:

I — Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam.

II — Cách mạng tư tưởng và văn hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

I — ĐỀ CƯƠNG VỀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA VIỆT-NAM (1)

1 — Hoàn cảnh ra đời và ý nghĩa lịch sử của đề cương văn hóa Việt-nam.

Nước ta vốn là một nước thuộc địa của thực dân Pháp. Năm 1940, Pháp thua trận. Quân đội Hít-le chiếm đóng một phần quan trọng của nước Pháp. Phát xít Nhật nhảy vào Đông-dương. Đại diện cho chính phủ Pê-tanh, toàn quyền Đờ-cu đâu hàng Nhật và «hợp tác» với Nhật. Tình hình đó đặt nhân dân ta trong cảnh «một cổ hai tròng», dưới sự áp bức dã man và bóc lột nặng nề của phát xít Nhật, Pháp.

(*) Lễ kỷ niệm này do Ủy ban khoa học xã hội Việt-nam tổ chức ngày 27-12-1983 tại Hà-nội

(1) Từ đây trở xuống, xin gọi tắt là Đề cương văn hóa Việt-nam.

Digitized by Google

Trước họa diệt vong, nhân dân ta chỉ có một con đường là vùng dậy đấu tranh, đuổi giặc, cứu nước. Giải phóng dân tộc trở thành nhiệm vụ bức thiết của mọi tầng lớp và mọi người Việt-Nam. Đó là một vấn đề sống còn của cả dân tộc.

Lịch sử Việt-nam đi vào một giai đoạn rất gian nan, nhưng cũng đầy triển vọng. Chính lúc hiểm họa đè nặng lên nhân dân ta thì thời cơ thuận lợi để giải phóng dân tộc cũng xuất hiện. Khi hai bọn đế quốc cùng chiếm cứ một nước thì đến một lúc nào đó chúng có thể cắn xé nhau, loại trừ nhau. Hai con chó không ăn chung một miếng mồi béo bở. Điều kiện khởi nghĩa, giành chính quyền của nhân dân ta sẽ sớm chín muồi.

Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Đông-dương họp tại Pác-bó, dưới sự chủ tọa của Bác Hồ, đã dự kiến rằng thế nào Nhật, Pháp cũng cắn xé nhau chí tử và lúc đó thời cơ có một không hai để giành độc lập sẽ đến.

Nhiệm vụ cấp bách nhất được đặt ra lúc đó là làm thế nào huy động được mọi lực lượng để cứu nước, giải phóng dân tộc. Muốn thế phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết tất cả những người ta có thể đoàn kết, tranh thủ tất cả những người ta có thể tranh thủ. *Mặt trận Việt-minh* đã ra đời trong hoàn cảnh đó để thực hiện *chính sách đại đoàn kết của Đảng*. Từ công nhân, nông dân, trí thức, tiểu tư sản đến tư sản dân tộc và một số tiểu địa chủ, tất cả đều đứng dưới ngọn cờ cứu nước của Đảng và của Mặt trận Việt-minh để đánh đổ Nhật, Pháp.

Trí thức Việt-nam không chịu nhục mất nước. Họ khao khát tự do. Với *Đề cương văn hóa Việt-nam*, Đảng chỉ cho họ thấy đâu là lối thoát. Muốn giải phóng trí thức, phải giải phóng toàn thể dân tộc khỏi ách phát xít Nhật—Pháp, giành lại độc lập, tự do. Và giải phóng dân tộc là giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển một cách tự chủ, theo hướng tiến bộ. Với *Đề cương văn hóa*, Đảng vạch rõ nhiệm vụ của giới trí thức nước nhà là tham gia cách mạng dân tộc dân chủ, đặc biệt là tham gia cách mạng văn hóa, một bộ phận cấu thành của cách mạng dân tộc dân chủ (cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế, cách mạng văn hóa), xây dựng nên văn hóa mới của nước ta.

Do đó, Đảng đã động viên được anh chị em trí thức nước nhà đoàn kết với toàn dân trên cơ sở liên minh công nông và dưới sự lãnh đạo của Đảng; gắn trí-thức với công nhân, nông dân, làm cho Mặt trận Việt-minh thêm vững mạnh và rộng rãi, nhất là ở các thành thị, nơi tập trung công nhân và trí thức.

Đề cương văn hóa đã góp phần cô lập kẻ thù, kiếm thêm nhiều bạn cho cách mạng, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật, Pháp, động viên thêm lực lượng yêu nước và tiến bộ để cứu nước, cứu nòi. *Đề cương văn hóa* đã vạch ra con đường cách mạng để giải phóng trí tuệ và văn hóa trong sự nghiệp giải phóng chung của dân tộc.

Đề cương văn hóa còn kiên quyết chống lại chính sách văn hóa của bọn phát xít Nhật—Pháp. Lúc đó cả hai bọn phát xít này đều có kế hoạch lôi kéo trí thức, văn nghệ sĩ nước ta. Chúng sử dụng mọi phương tiện văn hóa phục vụ cho chế độ thống trị của chúng.

Đặt chân lên đất Đông-dương, đế quốc Nhật lợi dụng văn hóa để tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á. Chúng làm cho một số trí thức không thấy bản chất tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và tin rằng người Nhật là bạn « da vàng » sẽ giúp đỡ các dân tộc « da vàng » thoát khỏi ách thuộc địa của các nước phương

Digitized by Google

Tây; riêng đối với Việt-nam, người Nhật hứa sẽ đưa Cường-Để về dựng nước và hợp tác chặt chẽ với Nhật.

Với chương trình hợp tác văn hóa Nhật – Việt, phát xít Nhật tuyển thanh niên đi học ở Nhật, tổ chức những đoàn tham quan và những hoạt động nghệ thuật để tuyên truyền cho cái gọi là « tính ưu việt » của văn hóa Phù Tang!

Viện văn hóa Nhật được thành lập. Nhiều hình thức phong phú được áp dụng để thực hiện những mưu đồ nói trên: triển lãm, diễn thuyết; xuất bản báo chí để tuyên truyền; biểu diễn ca nhạc, kịch, chiếu bóng; tổ chức du lịch v.v.

Bị mê hoặc, một số văn nghệ sĩ Việt-nam đã ca tụng phong tục, tập quán và tinh thần « võ sĩ đạo » của Nhật. Họ làm như văn hóa Nhật-bản đang chiếu rọi ánh sáng văn minh, tiến bộ vào các nước châu Á. Nhiều người đã bắt chước Nhật một cách khá ô: cạo trọc đầu, đi ủng, nói tiếng Nhật đã trở thành « mốt » lúc bấy giờ. Chính sách văn hóa của Nhật đã gây ảo tưởng ở một số trí thức. Một số người trong bọn họ đã làm tay sai cho Nhật, đi sâu vào con đường phản cách mạng, chống lại đồng bào.

Chính sách văn hóa của phát xít Pháp lúc đó cũng cực kỳ nguy hại và thâm độc. Chúng dùng bất cứ hình thức nào, phương tiện nào, miễn là đánh lạc hướng được người dân Việt-nam khỏi con đường cứu nước của Đảng và của mặt trận Việt-minh. Chúng vừa phục hồi những quan điểm đạo đức cổ hủ và giả dối của giai cấp địa chủ phong kiến, lại vừa tuyên truyền lối sống dâm ô, đồi trụy của giai cấp tư sản. Chúng vừa khuyến khích mê tín, dị đoan, hủ tục, lại vừa du nhập các trào lưu văn hóa phản động mệnh danh là « mới ». Chúng tung tiền ra để sử dụng bè lũ tay sai, tổ chức các cơ quan và đoàn thể văn hóa nhằm nhồi sọ, ru ngủ và lừa bịp đồng bào ta.

Nha thông tin, tuyên truyền, do tên mật thám Cút-xô cầm đầu, làm nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa đầu hàng của Pê-tanh. Nhiều ngòi bút vô liêm sĩ đã ca tụng một cách trơ tráo khẩu hiệu « Pháp – Việt phục hưng » và « Cách mạng quốc gia » của phát xít Pháp.

Chính quyền Đờ-cu tích cực lùng bắt những người cách mạng và cả những người chúng ngờ là có cảm tình với cách mạng. Nó cho bọn tờ rốt kít thành lập Nhà xuất bản Hàn-Thuyên, in ra loại sách *Tân văn hóa* và tập chí « *Văn mới nghị luận* » để công khai xuyên tạc chủ nghĩa Mác.

Điều nguy hại là nó dùng chủ nghĩa Mác giả hiệu của bọn tờ rốt kít để tiến công vào chủ nghĩa Mác chân chính của Đảng cộng sản Đông-dương. Bọn tờ rốt kít đã vận dụng một thứ chủ nghĩa duy vật máy móc và thô thiển kết hợp với những cặn bã của nhiều loại triết học tư sản châu Âu để chống lại phong trào cách mạng. Lừa bịp bằng những dẫn chứng rút ra từ các sách Đông, Tây, chúng đã bóp méo sự thật lịch sử, thậm chí đi đến chỗ bào chữa cho bọn xâm lược, coi những hành động xâm lược là hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người. Trong lúc toàn thể nhân dân ta đang ra sức chuẩn bị khởi nghĩa, đạp đổ ách thống trị của bọn cướp nước, thì chúng tuyên truyền rằng kẻ xâm lược, khi chinh phục các dân tộc khác, đã tạo điều kiện cho các dân tộc đó tiếp thụ một nền văn minh cao hơn. Theo chúng, cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng thất bại là do nước Việt-nam ở thời đại của chế độ mẫu hệ, không thể thắng được nước Trung-hoa đã tiến đến chế độ phong kiến. (xem cuốn *Hai Bà Trưng khởi nghĩa* của Nguyễn-Tế-Mỹ, một tên tờ rốt kít khét tiếng!).

Chúng phủ nhận những di sản của quá khứ trong lúc cách mạng đang

Digitized by Google

căn phát huy truyền thống anh hùng và yêu nước của dân tộc Việt-nam. Chúng ta không Đảng ta là dân tộc chủ nghĩa tư sản, là cải lương, khi Đảng ta nêu cao khẩu hiệu *giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu nhà.*

Để giúp cho các tầng lớp thanh niên và trí thức thoát khỏi ảnh hưởng nguy hại của bè lũ phát xít và tay sai, hướng họ vào con đường cứu nước, Đảng cần phải vạch trần những thủ đoạn lừa bịp và quan điểm phản động đó.

Mâu thuẫn giữa phát xít Nhật, Pháp với toàn thể nhân dân ta ngày càng trở nên sâu sắc và dần dần tạo ra sự phân hóa rõ rệt trong các tầng lớp trí thức Việt-nam. Một số trí thức đã đi theo tiếng gọi của Đảng, tham gia hoạt động cách mạng. Một số ít đứng hẳn về phía bọn xâm lược, làm tay sai cho chúng. Đứng giữa hai loại trên đây là đông đảo tầng lớp trí thức không cam tâm hợp tác với Nhật, Pháp, nhưng do sự hạn chế của thế giới quan, đã lâm vào tình trạng hoang mang, do dự, bi quan, hoài nghi. Những người này lẩn trốn sự thật tàn nhẫn và đau thương đang diễn ra trước mắt họ. Có người quay trở về quá khứ để tìm niềm an ủi trong các học thuyết của phương Đông, từ Khổng, Mạnh đến Lão, Trang, và những triết học phương Tây, từ Platông, A-ri-xtốt đến Đề-các, Bec-sôn, Phrót... Có người đi tìm các tôn giáo, sáng tác thơ văn về Thích-ca, Giê-su, Ma-hô-mét, hoặc mơ mộng viển vông, than mây khóc gió theo kiểu chủ nghĩa lãng mạn Pháp. Có những nhà văn đi vào chủ nghĩa siêu thực tìm những cái bí hiểm, cao siêu. Có người sống trụy lạc và « sáng tác » điên loạn cho qua ngày. Có những nhà khoa học âm thầm « nghiên cứu », coi như mình không dính dáng với chính trị và thời cuộc. Tất cả họ đều không nhận ra tiền đồ của đất nước và trách nhiệm của bản thân.

Đảng tìm mọi cách thức tỉnh những tầng lớp đông đảo ấy và hướng họ vào con đường vẻ vang của cách mạng.

Trước tình hình trên đây, ngày 25-2-1943, Hội nghị Thường vụ của Trung ương Đảng ta nhận định:

« Đảng cần phải có cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, dặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hoa như Hà-nội, Sài-gòn, Huế v.v., phải gây ra các tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng các hình thức công khai hay bán công khai dặng đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức... ».

Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam (1943) ra đời trước những yêu cầu cấp thiết đó.

Tóm lại, Đảng ta bao giờ cũng coi văn hóa là một mặt trận đấu tranh cách mạng cực kỳ quan trọng, ở đó người cộng sản cần phải giương cao ngọn cờ của mình. Trước nguy cơ văn hóa nước nhà bị trói buộc, mê hoặc và trấn áp, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì vận mệnh của văn hóa nước nhà, Đảng thấy rõ cần phải thức tỉnh và động viên giới trí thức, văn hóa; phát động một cuộc đấu tranh rộng rãi trên mặt trận văn hóa để chống lại những âm mưu văn hóa ngu dân và nô dịch của phát xít, thực dân, đánh bại những khuynh hướng văn hóa sai lầm, tai hại, để giành lại độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng một nền văn hóa mới Việt-nam. *Đề cương văn hóa* là một vũ khí tư tưởng sắc bén của các chiến sĩ Việt-nam trên mặt trận văn hóa.

2 — Nội dung cơ bản của Đề cương văn hóa Việt-nam

Các đồng chí thân mến,

Đề cương văn hóa Việt-nam không dài, có nhiều hạn chế, vì trong hoàn

Digitized by Google

cảnh hoạt động bí mật, Trung ương chưa đủ điều kiện nghiên cứu sâu các vấn đề liên quan đến cách mạng văn hóa Việt-nam. Ví dụ: cách mạng tư tưởng đề ra còn quá sơ sài, vấn đề xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam chưa được đề cập tới... Nhưng *Đề cương văn hóa* đã thu tóm được những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt-nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, trong điều kiện lúc đó của cách mạng Việt-nam.

Trước hết, Đề cương đi thẳng vào vấn đề văn hóa. Đó là lĩnh vực phản ánh toàn bộ đời sống xã hội vào ý thức của con người, thể hiện phong phú trên các mặt: *tư tưởng, học thuật và nghệ thuật*. Văn hóa luôn luôn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Nhận rõ tầm quan trọng đặc biệt ấy, Đảng chủ trương đoàn kết đội ngũ những người hoạt động văn hóa và giúp đỡ họ tiến bộ, trở thành những chiến sĩ tự giác trên trận địa cách mạng.

Về mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và chính trị, Đề cương chỉ rõ: «Nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội».

Văn hóa là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, luôn gắn liền với cơ sở hạ tầng và phục vụ đắc lực cho cơ sở đó. Trong xã hội xây dựng trên nền tảng của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì giai cấp thống trị, từ chỗ nắm được tư liệu sản xuất chủ yếu, đã tiến hành *bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị và nô dịch về văn hóa*. Do đó, cuộc đấu tranh giữa nhân dân lao động với giai cấp bóc lột thống trị bao giờ cũng diễn ra rất gay gắt trên cả ba lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa.

Hoạt động trên mặt trận văn hóa, những người cộng sản đoàn kết với đông đảo trí thức Việt-nam, cùng huy động mọi sức mạnh của văn hóa phục vụ cho những mục tiêu kinh tế, chính trị và văn hóa, mục tiêu «độc lập, tự do, hạnh phúc».

Nước ta vốn là một nước nông nghiệp, thuộc địa và nửa phong kiến. Xuất phát từ cơ sở chính trị — xã hội như trên, nhân dân ta phải làm hai cuộc cách mạng liên tiếp nhau: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (lúc đó gọi là cách mạng dân chủ mới), rồi tiến thẳng lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi cuộc cách mạng ấy đều phải tiến hành cách mạng về cả ba mặt: chính trị, kinh tế và văn hóa.

Đề cương đã nêu lên quan điểm cơ bản về cách mạng văn hóa, chỉ ra mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng chính trị, cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa. Cách mạng chính trị phải thắng trước rồi cách mạng kinh tế và cách mạng văn hóa mới có điều kiện thắng sau. Những người mác xít đặt lên hàng đầu mục tiêu: lật đổ giai cấp thống trị và giành chính quyền về tay nhân dân. Chỉ với điều kiện chính trị đó, nhân dân mới xây dựng được chế độ kinh tế mới và chế độ văn hóa mới. Đương nhiên, về hành động cách mạng, việc phát hành những tư liệu về cách mạng văn hóa, việc quần chúng nổi dậy tịch thu những cơ sở kinh tế và văn hóa, xã hội của giai cấp bóc lột thống trị thường diễn ra trước hoặc đồng thời với cách mạng chính trị.

Trong hoàn cảnh nước ta hồi đó, nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ phát xít Nhật, Pháp, thiết lập Nhà nước dân chủ nhân dân, rồi mới thực hiện thắng lợi được những chính sách kinh tế và văn hóa theo cương lĩnh của Đảng.

Với tinh thần ấy, Đề cương chỉ rõ: «Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau».

Digitized by Google

Mặt khác, «cách mạng dân tộc giải phóng Việt-nam chỉ có thể – trong trường hợp may mắn nhất – đưa văn hóa Việt-nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc, hoàn toàn độc lập, dựng lên một nền văn hóa mới». Nền văn hóa mới này chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa. Văn hóa xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này.

Nhiệm vụ của cách mạng văn hóa trong hai cuộc cách mạng nói trên có chỗ giống nhau và có chỗ khác nhau. Giống nhau vì hai cuộc cách mạng đó đều xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự do. Khác nhau vì trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì xây dựng một nền văn hóa dân chủ nhân dân (hay là dân chủ mới), trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa thì xây dựng một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mà Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) nói rõ đó là một nền văn hóa với nội dung xã hội chủ nghĩa, có tính chất dân tộc, tính đảng và tính nhân dân sâu sắc.

Như vậy, về mặt văn hóa, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cốt đạt mục tiêu: dân tộc độc lập, dân chủ nhân dân, *văn hóa dân chủ mới* (chưa phải văn hóa xã hội chủ nghĩa). Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa cốt đạt mục tiêu: dân tộc độc lập, dân chủ xã hội chủ nghĩa, *văn hóa xã hội chủ nghĩa*. Văn hóa dân chủ mới là bước quá độ lên văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Với những nhận định cơ bản trên đây, *Đề cương văn hóa* nêu lên những nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt-nam, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ đánh đổ bọn đế quốc, giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động. Nền văn hóa phục vụ cho cuộc cách mạng đó phải là nền văn hóa có *tính dân tộc*, *tính khoa học* và *tính đại chúng*.

Cuộc vận động văn hóa của ta vì thế phải được tiến hành theo ba nguyên tắc: *dân tộc hóa*, *khoa học hóa*, *đại chúng hóa*. Ba nguyên tắc đó là những yêu cầu khách quan của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta.

1 – *Dân tộc hóa* là «chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt-nam phát triển độc lập» (2).

Gần 100 năm thống trị Việt-nam, bọn thực dân Pháp đã du nhập vào nước ta những nhân tố tiêu cực của văn hóa tư sản và đế quốc Pháp. Chúng đề cao sự giàu mạnh của nước Pháp, ca tụng chính sách thuộc địa của giai cấp tư sản Pháp, gieo rắc vào đầu óc người trí thức Việt-nam tinh thần phục Pháp. Vì sùng bái văn hóa Pháp, nhiều trí thức đã vào làng Tây, nói tiếng Tây, bắt chước một cách lố lăng từ cách ăn diện đến cuộc sống hưởng lạc và đồi trụy của Pháp. Tư tưởng sùng ngoại này dẫn tới đầu óc tự ti dân tộc và miệt thị văn hóa dân tộc. Một số người đã không còn biết đến truyền thống yêu nước, khí phách anh hùng, tinh lao động cần cù, sáng tạo, phẩm chất cao quý của dân tộc ta suốt mấy nghìn năm lịch sử.

Dân tộc hóa là làm cho văn hóa trực tiếp phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc, làm cho trí thức có đầy lòng tự hào, dũng cảm đứng lên nhận trách nhiệm của mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới Việt-nam.

2 – *Khoa học hóa* là «chống lại những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ» (3).

(2), (3) Xem Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam

Digitized by Google

Việt-nam là một nước nông nghiệp, đã bị trì trệ lâu ngày dưới chế độ phong kiến, chịu ảnh hưởng sâu nặng của hệ tư tưởng phong kiến. Những quan điểm duy tâm, thần bí, siêu hình của văn hóa phong kiến, thực dân tồn tại dai dẳng, tiếp tục chi phối suy nghĩ và hành động của nhiều tầng lớp nhân dân. Tính chất lạc hậu, bảo thủ của nó còn biểu hiện nặng nề trong phong tục, tập quán của xã hội và nếp sống hằng ngày của mỗi người. Thực dân Pháp chẳng những không xóa bỏ văn hóa phong kiến mà còn duy trì, khôi phục và phát triển, biến nó thành phương tiện thực hiện chính sách ngu dân của chúng.

Khoa học hóa là tạo điều kiện cho nền văn hóa dân chủ mới nhanh chóng thoát khỏi sự kìm hãm ấy, nhằm phát triển về mọi mặt trên cơ sở khoa học. Nó lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động. Nó gạt ra khỏi đầu óc mọi người các loại thành kiến, hủ bại, mê tín dị đoan.

3 — *Đại chúng hóa* là «chống mọi chủ trương, hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng» (1).

Ở một nước thuộc địa còn nhiều tàn tích phong kiến như nước ta hồi đó, đông đảo nhân dân, nhất là công nhân, nông dân, bị mù chữ, không có điều kiện tiếp thụ tinh hoa văn hóa của dân tộc và của loài người. Văn học, âm nhạc, hội họa v.v. và các thể loại văn hóa khác không phục vụ nhân dân mà chỉ cốt phục vụ cho giai cấp thống trị. Nói chung, quần chúng lao động bị gạt ra ngoài đời sống văn hóa.

Văn hóa mới phải là văn hóa của nhân dân, phục vụ cho nhân dân, làm cho mọi người biết đọc, biết viết, có học, biết thưởng thức và tham gia sáng tạo nghệ thuật và dần dần chiếm lĩnh các giá trị tinh thần mà dân tộc và loài người tạo ra.

Ba nguyên tắc trên đây là ba khâu có quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động lẫn nhau. Mỗi khâu trong đó nhằm chống lại một trong «ba nhược điểm, ba căn bệnh lớn của văn hóa Việt-nam đương thời: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng» (như đã nhấn mạnh trong bài «Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt-nam mới lúc này»). Có khắc phục được những nhược điểm, những căn bệnh ấy thì mới phát triển được một nền văn hóa mới, chân chính của Việt-nam.

Thực chất của vấn đề ở đây là: một nền văn hóa dân tộc mà không có tính khoa học và tính nhân dân thì rất có thể vi quyền lợi ích kỷ và hẹp hòi của dân tộc mình mà đi ngược lại bước đường tiến hóa của lịch sử, cố níu lấy những cái cổ truyền đã lỗi thời của dân tộc mình mà không đặc biệt chú ý đến những nguyện vọng thiết tha của công, nông là số đông người, cần cù và yêu nước nhất trong dân tộc.

Văn hóa có tính khoa học mà không mang tính dân tộc và tính nhân dân thì rất có thể phục vụ khoa học của kẻ địch: đem tài năng của mình phục vụ lợi ích của bọn thống trị, phản lại quyền lợi của nhân dân, phản lại độc lập dân tộc và hòa bình thế giới.

Văn hóa có tính nhân dân mà không có tính dân tộc và tính khoa học thì sẽ trở nên hẹp hòi, chỉ nhìn thấy lợi ích của công, nông mà không chú ý đến lợi ích của dân tộc để kháng chiến thắng lợi; hoặc theo đuôi quần chúng, không làm cho họ ngày càng giác ngộ thêm về chính trị, hiểu biết thêm về khoa học, kỹ

(4) Xem Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam.

Digitized by Google

thuật để vận dụng vào sản xuất, chiến đấu và đời sống hàng ngày (5).

Một vấn đề nữa có tính nguyên tắc mà Đề cương đã nhiều lần nhấn mạnh là *vai trò lãnh đạo của Đảng*. Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin làm tư tưởng, chỉ có Đảng mới hướng cuộc vận động cách mạng văn hóa Việt-nam vào con đường đúng đắn và đạt tới đích cuối cùng. Đảng cộng sản Đông-dương và giai cấp công nhân Việt-nam không chia quyền lãnh đạo của mình với bất cứ đảng phái nào và giai cấp nào hết! Đó là một vấn đề nguyên tắc.

Về tổ chức các đoàn thể văn hóa cách mạng, Đảng đề ra: cần thành lập và phát triển *Hội văn hóa cứu quốc Việt-nam*, kết nạp những người làm công tác văn hóa, giáo dục, khoa học, kể cả văn nghệ sĩ... Hội văn hóa cứu quốc có thể tùy hoàn cảnh mà thành lập các chi hội (thậm chí các tổ) của riêng từng giới văn hóa, như giáo viên, văn sĩ, nghệ sĩ, nhạc sĩ v.v. Học sinh thì tổ chức riêng thành *Hội học sinh cứu quốc*. Nhưng trong thực tế, từ năm 1943 đến Cách mạng tháng Tám, ta mới chú trọng tổ chức Hội văn hóa cứu quốc, còn các chi hội, các tổ của riêng từng ngành văn hóa thì chưa làm được bao nhiêu.

Căn cứ vào tinh thần và nội dung khái quát trên đây, ta thấy *Đề cương văn hóa* thể hiện tinh thần cách mạng triệt để của Đảng cộng sản Đông-dương và của giai cấp công nhân Việt-nam. Đề cương phục vụ đắc lực cho chính sách mặt trận dân tộc thống nhất, chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập trung lực lượng yêu nước và tiến bộ, cô lập kẻ thù để đánh đổ chúng, nhằm đạt mục đích của cách mạng.

Điều quan trọng của *Đề cương văn hóa* là đã nêu khá sớm phương hướng chung của cách mạng văn hóa Việt-nam, vị trí của cách mạng văn hóa trong cách mạng Việt-nam nói chung. Đề cương còn đề ra cho giới trí thức, văn nghệ sĩ Việt-nam ngoài nhiệm vụ chung với toàn dân là giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do, còn có sứ mệnh thiêng liêng là giải phóng văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam. Từ đó, đã nâng cao tinh thần trách nhiệm của giới trí thức nước nhà là chiến đấu trên mặt trận văn hóa để xây dựng một nền văn hóa mới, tích cực góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thực hiện một nước Việt-nam mới. Đó là một nước Việt-nam trước đây là dân chủ nhân dân, ngày nay là xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, góp phần xây dựng con người Việt-nam mới yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có tinh thần và năng lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình và sự sống trên hành tinh chúng ta.

Căn cứ vào nội dung của Đề cương thì phải gọi nó là *Đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt-nam* mới thật chính xác.

3 — Tác dụng và ảnh hưởng của Đề cương văn hóa Việt-nam trong 40 năm qua.

Các đồng chí thân mến,

Bốn mươi năm đã qua, từ ngày bản *Đề cương văn hóa Việt-nam* ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn khó khăn và đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin để giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề phức tạp do quá trình cách mạng đặt ra, nhất là ở mỗi bước ngoặt lịch sử.

Cần nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của Hồ Chủ tịch đối với

(5) Xem *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1974, tr. 73 — 74.

Digitized by Google

văn hóa, văn nghệ nước ta. Người là nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, người thầy và lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt-nam, đồng thời là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, mà cuộc đời gắn chặt với sự nghiệp cách mạng Việt-nam và cách mạng thế giới nói chung, và gắn chặt với cách mạng văn hóa Việt-nam nói riêng. Những tác phẩm của Người là kho tàng tư tưởng và văn hóa vô cùng quý báu mà các nhà cách mạng Việt-nam và hoạt động văn hóa Việt-nam cần nghiên cứu kỹ để vận dụng trong lao động sáng tạo của mình.

Tôi mong rằng, trong công tác nghiên cứu lý luận và tư tưởng, chúng ta sớm thành lập một bộ phận nghiên cứu đầy đủ về Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, bao gồm mọi mặt hoạt động của Người, kể cả cống hiến của Người về cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Trước Cách mạng Tháng Tám (1945), *Đề cương văn hóa* đã có tác dụng thức tỉnh và thu hút nhiều người làm công tác văn hóa, văn nghệ vào con đường cách mạng. Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền về tay nhân dân. Đó là điều kiện thuận lợi cơ bản để chúng ta xây dựng lại nước ta về mọi mặt, kể cả mặt văn hóa.

Tuy nhiên, trong khi đó, tình hình chính trị diễn biến rất phức tạp. Các lực lượng phản động đã hoạt động ráo riết để chống phá cách mạng. Bọn Nhất-Linh, Khái-Hưng ôm chân giặc Tưởng, bọn tờ rốt kít Trương-Tửu, Nguyễn-Đức-Quỳnh (trong nhóm Hàn-Thuyên) đã công khai bài xích đường lối văn hóa của Đảng. Một số trí thức tư sản thấy mình không đóng được vai trò chủ chốt về chính trị và cả về văn hóa, đã tỏ ra bất mãn và không tán thành Đề cương. Nhiều nhà văn vốn có cảm tình với cách mạng, nhưng do hạn chế về nhận thức, chưa thể hiểu sâu sắc *Đề cương văn hóa*, cho nên đã tỏ ra dao động, bấp bênh.

Lúc đó, Đảng ta bận giải quyết nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp về nội trị và ngoại giao, về quân sự và kinh tế, nhưng ngay từ đầu, Đảng đã đặc biệt chú trọng mở rộng đoàn kết giới trí thức, văn nghệ sĩ Việt-nam và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa. Một tuần lễ sau ngày tuyên bố độc lập, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ*. Chỉ trong vòng hơn một năm, hai triệu người vốn bị mù chữ đã biết đọc, biết viết.

Hội văn hóa cứu quốc ra sức hoạt động. Các cán bộ của Đảng liên tục viết báo phê phán những quan điểm phản động về văn hóa và nghệ thuật. Sách báo chính trị phát triển với một nhịp độ chưa từng thấy. Công tác tuyên truyền, giáo dục của Đảng rất mạnh và có hiệu quả cao. Đông đảo trí thức tin tưởng vào Hồ Chủ tịch và Đảng cộng sản Đông-dương. Chúng ta nhớ mãi những lời nói chân tình của Bác với giới văn hóa tại buổi khai mạc triển lãm văn hóa ngày 7 tháng 10 năm 1945. Bác nói: «Ngày nay, trước khi đi đến việc kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ tranh đấu cực kỳ khổ sở, khó khăn nữa. Giới văn hóa cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng các anh chị em văn hóa đã cố gắng, xin cố gắng lên mãi, để cùng đồng bào đi đến chỗ hoàn toàn vẻ vang của nước nhà» (6).

Tháng 11 năm 1946, *Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất* đã được triệu tập ở Hà-nội. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh thay mặt chính phủ, đọc diễn văn khai mạc. Người nêu bật nhiệm vụ của nền văn hóa mới là phải lấy hạnh phúc của đồng bào, lấy sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời phải biết tiếp thụ những kinh nghiệm quý báu

(6) Hồ-Chí-Minh: *«Văn hóa, nghệ thuật cũng là một mặt trận»*, Nxb Văn hóa, 1981, tr. 344 — 345.

Digitized by Google

của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam với ba tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng. Người chỉ rõ : văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, lòng mong mỏi của Hồ Chủ tịch được thực hiện. Hầu hết anh chị em trí thức đã theo Đảng, theo Mặt trận Việt-minh ra vùng tự do tham gia kháng chiến, vẫn kiên trì phấn đấu, gạt phăng những thủ đoạn của địch dụ dỗ họ trở về thành. Khó khăn lớn nhất đối với anh chị em chưa phải là cuộc sống vật chất trong kháng chiến, mà chính là những quan điểm mơ hồ, những tư tưởng lạc hậu, những thành kiến sai lầm vẫn tiếp tục theo đuổi và ràng buộc anh chị em. Nếu không giúp đỡ văn nghệ sĩ tự giải phóng khỏi mọi ảnh hưởng của văn hóa cũ, tư tưởng cũ, thì không thể thực hiện tốt những nhiệm vụ văn hóa kháng chiến.

Thán. 7 năm 1948, *Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai* được triệu tập. Hồ Chủ tịch viết thư gửi Hội nghị, nhắc nhở các nhà hoạt động văn hóa cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng để gánh một phần quan trọng của sự nghiệp kháng chiến cứu nước vĩ đại.

Trong dịp này, tôi có trình bày trước Hội nghị bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt-nam* để nói sâu hơn và cụ thể hơn những quan điểm cơ bản của Đảng trong *Đề cương văn hóa*. Báo cáo đã nêu lên chỗ mạnh, chỗ yếu của văn hóa Việt-nam, nhắc anh chị em có thái độ khoa học trong việc xóa bỏ những cái lạc hậu, lỗi thời, tiếp thu những cái hay, cái tiến bộ của văn hóa thời xưa để lại và từ bên ngoài đưa vào. Báo cáo còn làm rõ thêm những vấn đề chung quanh tính chất và nhiệm vụ của văn hóa dân chủ mới ; đồng thời, góp ý giải quyết một số vấn đề cụ thể như : quan hệ giữa nghệ thuật và tuyên truyền, đặc điểm của nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, sự cần thiết của phê bình văn học v.v.

Sau Hội nghị văn hóa lần thứ hai, *Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ I* đã họp. *Hội văn nghệ Việt nam* được thành lập. Nghiên cứu kỹ đường lối văn hóa của Đảng, anh chị em trí thức thấy rõ sự cần thiết phải *cách mạng hóa tư tưởng và quần chúng hóa sinh hoạt*.

Từ đó, các đoàn văn nghệ tới tấp lên đường theo bộ đội ra mặt trận, vào vùng địch kiểm soát. Hoạt động văn nghệ được tiến hành mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực : biểu diễn ca nhạc, kịch, triển lãm tranh ảnh, xuất bản sách báo, nhất là báo tường... Trong nhân dân dấy lên một phong trào văn hóa sôi nổi. Phong trào bình dân học vụ phát triển khắp nơi. Hầu hết đồng bào ở vùng tự do được thoát nạn mù chữ. Các chiến sĩ trong quân đội ta đều biết đọc, biết viết, cho nên trưởng thành nhanh chóng về các mặt chính trị, quân sự, dân vận. Phong trào *đời sống mới* được đẩy mạnh. Cuốn *Sửa đổi lối làm việc* và cuốn *Đời sống mới* của Hồ Chủ tịch có tác dụng rất lớn, đã đi sâu vào thực tế, sửa chữa tư tưởng và tác phong của cán bộ, xóa bỏ những hủ tục trong nhân dân, nhất là ở nông thôn.

Tháng 2 năm 1951, *Đại hội toàn quốc lần thứ II* của Đảng họp giữa lúc tình hình quốc tế và tình hình trong nước có nhiều biến chuyển quan trọng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng thu được nhiều thắng lợi. *Báo cáo chính trị* của Hồ Chủ tịch đã tổng kết toàn bộ quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, khẳng định đường lối của Đảng và vạch ra nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt-nam lúc bấy giờ.

Trong báo cáo *Bàn về cách mạng Việt-nam*, tôi đã trình bày trước Đại

Digitized by Google

hội toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam. Trong phần nói về văn hóa dân chủ nhân dân, bản báo cáo khẳng định lại một lần nữa tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng, đồng thời nêu lên nội dung cụ thể của chính sách văn hóa, giáo dục của Đảng ta trong cuộc cách mạng này là: tổ chức, động viên mọi lực lượng văn hóa, phát triển văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật. Lần đầu tiên, bản báo cáo đã nêu lên những điểm chủ yếu của đạo đức dân chủ mới: hiểu nghĩa vụ và quyền lợi làm dân; phục vụ nhân dân và phụ trách trước nhân dân; biết yêu và ghét cho đúng; yêu nước, thương dân, căm thù đế quốc và bọn phản nước; yêu lao động và khoa học, ghét ăn bám và bóc lột, có tinh thần quốc tế vô sản v.v.

Cùng với thắng lợi quân sự ngày càng lớn, giới văn hóa đã góp phần không nhỏ vào chiến thắng oanh liệt Điện-biên-phủ và giải phóng một nửa đất nước.

Sau Hội nghị Giơ-ne-vơ, chúng ta bước vào giai đoạn mới của cách mạng: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh để giải phóng miền Nam. Miền Bắc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong khi miền Nam vẫn tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhằm giải phóng đồng bào miền Nam khỏi ách thực dân mới của đế quốc Mỹ, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Cuộc vận động *cải cách ruộng đất* ở miền Bắc đã hoàn thành, xóa bỏ vĩnh viễn chế độ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng". Việc cải tạo và xây dựng kinh tế được tiến hành cùng với việc cải tạo và xây dựng văn hóa. Các trường học được mở rộng, từ phổ thông đến đại học. Sự nghiệp giáo dục hướng vào bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ đất nước, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, có văn hóa và khoa học, kỹ thuật, có sức khỏe.

Công tác khoa học, kỹ thuật được xúc tiến mạnh mẽ, gắn liền với sản xuất và quốc phòng. Các cơ sở nghiên cứu khoa học được dần dần xây dựng trong *Ủy ban khoa học Nhà nước* và trong các trường đại học. Báo chí, thông tin, tuyên truyền và xuất bản trở thành vũ khí sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Y tế, thể dục, thể thao được phát triển rộng rãi.

Văn nghệ càng giữ vị trí quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ba cuộc Đại hội văn nghệ toàn quốc đã tiến hành trong những năm 1957, 1962, 1968, được Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm.

Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II họp tháng 2 năm 1957 giữa lúc bọn *Nhân văn — Giai phẩm* đang hoạt động xuyên tạc và tiến công vào đường lối của Đảng, không những trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, mà cả trong lĩnh vực kinh tế và chính trị. Chúng ta không lấy làm lạ rằng ở mỗi bước chuyển biến của tình hình và nhiệm vụ, kẻ thù thường lợi dụng thời cơ để tiến công Đảng ta.

Đại hội đã nghiên cứu thư của Trung ương Đảng nêu lên những thiếu sót của cơ quan chỉ đạo văn nghệ và phương hướng của nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Hồ Chủ tịch đến nói chuyện với Đại hội, nhắc nhở anh chị em trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng, đi sát thực tế.

Trong Đại hội này, thay mặt Trung ương Đảng, tôi đọc bản báo cáo *Phấn đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội*. Nhiều vấn đề đã đề cập từ *Đề cương*

Digitized by Google

văn hóa được đặt ra dưới ánh sáng của tình hình mới. Ngoài những vấn đề cần nói sâu thêm, như chính trị và văn nghệ, phê bình văn nghệ, tự do sáng tác phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc v.v., báo cáo đã giúp anh chị em thấy rõ tính chất nguy hại của bọn Nhân văn — Giai phẩm, chúng tách văn nghệ với chính trị, chống lại sự lãnh đạo của Đảng, bôi đen chế độ... Ở đây, chúng ta phân biệt bọn phản động với những anh em do hoang mang trước một số vấn đề của xã hội, chưa xác định được hướng đi và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, nên đã phát ngôn vô trách nhiệm về nghệ thuật và tự do.

Tháng 9 năm 1960, Đảng ta triệu tập *Đại hội toàn quốc lần thứ III*, đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhằm đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Về cách mạng văn hóa, Đảng nhấn mạnh việc giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và trong Đại hội lần này, Đảng đề ra yêu cầu «phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc» (7)

Tiếp thụ tinh thần nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng, tháng 11 năm 1962, *Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III* đã họp. Trung ương Đảng gửi thư cho Đại hội và Hồ Chủ tịch đã đến dự và gặp gỡ anh chị em văn nghệ sĩ. Trung ương nhấn mạnh: «Với tất cả những thành tựu đã đạt được, văn nghệ miền Bắc nước ta hiện nay là một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, tuy còn trẻ tuổi, nhưng nó đã tỏ ra có sức sống dồi dào và đầy hứa hẹn» (8) Hồ Chủ tịch đề ra nhiệm vụ của giới văn nghệ là phải có «những tác phẩm xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta». Trong bài phát biểu tại Đại hội, tôi đã nhấn mạnh vấn đề: *Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa* (Ý đó đã được nêu thành đầu đề của toàn bài)

Tại *Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV* họp tháng 1 năm 1968, thư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đánh giá cao những thành tựu sáng tác của văn nghệ trong những năm qua ở cả hai miền Nam — Bắc; đồng thời, cũng nhận xét nhược điểm lớn nhất của văn nghệ sĩ lúc đó là «tư tưởng và tình cảm của nhiều anh em văn nghệ sĩ chưa được ngang tầm với tư tưởng của Đảng và tình cảm của quần chúng».

Phát biểu tại Đại hội lần này, tôi đã điểm qua đường lối văn nghệ của Đảng, nêu lên những quan điểm cơ bản về tính chiến đấu, tính nhân dân, tính dân tộc của văn nghệ; về mục đích *xây dựng con người mới* của văn nghệ; về việc tiếp thụ có phê phán những tinh hoa văn hóa của dân tộc và của thế giới; về phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa; về triển vọng cao đẹp của nền văn hóa, văn nghệ nước ta v.v.

Các hoạt động văn hóa của Đảng đã dẫn đến thành tựu to lớn về các mặt văn học, nghệ thuật, giáo dục, khoa học, y tế, thể dục, thể thao, hình thành nếp sống mới và đào tạo được một đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: *xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.*

Sau *Hội nghị Giơ-ne-vơ* năm 1954, miền Nam nước ta đã biến thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ. Đồng bào miền Nam phải sống dưới ách thống trị vô

(7) Xem Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng.

(8) *Văn kiện của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 82.

Digitized by Google

cùng tàn bạo của bè lũ Mỹ – ngụy. Kẻ địch đã huy động mọi ngành tư tưởng và văn hóa như: triết học, văn học, nghệ thuật, giáo dục, tôn giáo và mọi phương tiện như báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình v.v. làm *công cụ tâm lý chiến* để lừa bịp nhân dân, chống chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chống sự nghiệp giải phóng miền Nam và thống nhất nước Việt-nam.

Hoạt động văn hóa của Mỹ – ngụy ở miền Nam diễn biến đại thể qua ba thời kỳ như sau:

a) Mới đầu, đế quốc Mỹ sử dụng mọi hình thức văn hóa để tô vẽ cho bộ mặt quốc gia giả hiệu của chúng. Một số phần tử cặn bã của thần học và chủ nghĩa nhân vị đã tạo nên một thứ triết lý vừa lỗ bịch, vừa phản động, gọi là *chủ nghĩa duy linh nhân vị*. Thiên chúa giáo được đặc biệt ưu đãi. Các tôn giáo khác cũng được khuyến khích phát triển. Đủ loại mê tín, dị đoan được phục hồi và mở rộng để làm phương tiện ru ngủ và nô dịch nhân dân. Mỹ – ngụy đề cao các trào lưu tư tưởng của phương Đông, từ Khổng, Mạnh đến Lão, Trang, thiền học. Những cái bảo thủ nhất trong đạo đức phong kiến, tư sản được ca ngợi. Báo chí, văn nghệ, đài phát thanh gây thành chiến dịch rộng lớn để chống Liên-xô, xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, bôi nhọ kháng chiến và nói xấu chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

b) Sự sụp đổ của anh em Ngô-Đình-Diệm năm 1963 đã giáng một đòn nặng vào ảo tưởng về chủ nghĩa quốc gia, tạo ra một không khí hoang mang, tuyệt vọng trong các tầng lớp mơ hồ theo Mỹ – ngụy. Đông đảo thanh niên và trí thức từ chỗ mất tin tưởng đã tiến đến chỗ hoặc hướng về miền Bắc và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, hoặc bế tắc, bi quan và tuyệt vọng.

Chủ nghĩa hư vô của Phật giáo, tư tưởng chán chường, tiêu cực của triết học hiện sinh trấn vào văn hóa, văn nghệ, trở thành thuốc an thần cho những người yếu đuối, ủy mị. Kẻ địch ra sức khuyến khích thứ văn hóa đó, vì nó có tác dụng phá hoại niềm tin trong thanh niên và trí thức, hòng dập tắt tình cảm yêu nước, thương nòi, làm nhụt mọi chí căm thù và quyết tâm của nhân dân chống quân xâm lược.

c) Đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân vào tiến hành một cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nước ta. Lúc này, chính sách văn hóa của địch là ra sức phá hoại tâm hồn, tình cảm của thanh niên Việt-nam bằng cách du nhập lối sống Mỹ, một lối sống tàn nhẫn, hưởng lạc và sa đọa. Hàng hóa và đồ la Mỹ được tung vào miền Nam. Các tiệm nhảy, tiệm hút, tiệm ăn, các « hộp đêm », nhà chứa mọc lên như nấm. Tất cả nhằm hướng thanh niên vào con đường sống không đạo đức, không lý tưởng, không có Tổ quốc, có thể vì cuộc sống hưởng lạc mà sẵn sàng cầm súng bắn lại đồng bào!

Hoạt động văn hóa của địch đã để lại những hậu quả rất nặng nề về đời sống văn hóa, tinh thần của đông đảo thanh niên và nhân dân ta. Một vài con số sau đây đủ chứng minh những thủ đoạn thâm độc và tác hại sâu sắc của văn hóa địch.

Năm 1973, miền Nam có 45 vạn máy thu hình. Riêng Sài-gòn đã tới 45 tờ báo hàng ngày, 30 tạp chí, 150 nhà xuất bản. Trong vòng 20 năm, miền Nam nhập 7500 bộ phim truyện từ Mỹ, Hồng-công và các nước Tây Âu, phần lớn mang nội dung chống cộng và trụy lạc. Để khuyến khích các tôn giáo, cơ quan *Văn hóa châu Á* của Mỹ có kế hoạch đào tạo tại Mỹ 20 000 đại đức và ni cô.

Sự duy trì thường xuyên 1 000 000 lính ngụy, 120 000 cảnh sát, 300 000 công chức cùng với thân nhân của họ, tạo thành một khối từ 6 000 000

Digitized by Google

đến 7 000 000 người sống nhờ vào tiền lương do Mỹ cung ứng

Chế độ thực dân mới đã để lại sau ngày miền Nam giải phóng 3 000 000 người thất nghiệp, trên 1 000 000 người tàn phế, 800 000 trẻ mồ côi, 600 000 gái điếm, hơn 1 000 000 thanh niên, thiếu niên nghiện xì ke, ma túy (9).

Trước nguy cơ của chính sách văn hóa của địch, nhân dân ta trong vùng địch kiểm soát đã tiến hành những cuộc đấu tranh chống văn hóa thực dân mới, bảo vệ văn hóa dân tộc và nhân phẩm con người. Cùng với việc phát triển ảnh hưởng của văn hóa cách mạng vào vùng bị tạm chiếm, Đảng ta rất quan tâm đến phong trào đấu tranh và các tổ chức hợp pháp của quần chúng trên mặt trận văn hóa, như « Hội đồng bảo vệ tinh thần thanh, thiếu niên », « Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc », « Hội bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ », các phong trào đòi « giảng dạy bằng tiếng Việt ở bậc đại học », đòi quyền « tự trị của đại học » v.v

Đặc biệt, phải nói tới công tác của *Hội văn nghệ giải phóng* và các hoạt động văn hóa khác tiến hành dưới sự lãnh đạo và theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Ở vùng giải phóng miền Nam, văn nghệ đã góp phần to lớn trong việc động viên, giáo dục đông đảo cán bộ, bộ đội và nhân dân ra sức kháng chiến chống Mỹ — ngụy, đồng thời gây ảnh hưởng tích cực trong các đô thị bị tạm chiếm.

Cuộc đấu tranh anh hùng của quân và dân hai miền Nam — Bắc đã dẫn tới thắng lợi vĩ đại của *cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975*, hoàn toàn giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà và đưa cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các đồng chí thân mến,

Bốn mươi năm qua, bản *Đề cương văn hóa* đã đi vào cuộc sống, góp phần tạo ra những biến chuyển cách mạng sâu sắc trên đất nước ta. Một nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, với sức sống mãnh liệt, đang củng cố những đổi mới trong tư tưởng, tình cảm, trí tuệ và đạo đức của nhân dân ta ngày nay.

Trong giai đoạn mới, chúng ta càng nhận thức đầy đủ tầm quan trọng đặc biệt của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

II — CÁCH MẠNG TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1 — Cách mạng tư tưởng và văn hóa, một bộ phận hữu cơ của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Các đồng chí thân mến,

Sau khi giành thắng lợi vĩ đại mùa xuân năm 1975, nước nhà độc lập và thống nhất. Cả nước ta cùng ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng ta nhận định rằng sự kết thúc của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là lúc bắt đầu *thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*,

(9) Xem : « Ba mươi lăm năm xây dựng và chiến đấu », Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tr. 338

Digitized by Google

thời kỳ đấu tranh giai cấp gay go quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Trong thực tế, tình hình phát triển của cách mạng nước ta phức tạp hơn. Ở nước ta, miền Bắc được giải phóng năm 1954, cho nên đã bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hơn 20 năm trước miền Nam. Năm 1975, khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng thì miền Bắc vẫn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là lúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mới bắt đầu ở miền Nam nước ta. Đó cũng là lúc hai miền chẳng những thống nhất về đất đai mà thống nhất cả về nhiệm vụ cách mạng: cùng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa như ở nước ta là một quá trình chuyển biến cách mạng sâu sắc và triệt để trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở đây, chúng ta càng thấm thía câu nói của Lê-nin. «Một nước càng lạc hậu mà lại phải bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa do những bước ngoắt ngoéo của lịch sử, thì nước đó càng gặp nhiều khó khăn trong việc chuyển từ quan hệ cũ, tư bản chủ nghĩa, sang quan hệ xã hội chủ nghĩa» (10).

Xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử như trên, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn: từ quan hệ sản xuất đến lực lượng sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng. Đường lối chung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra và được Đại hội lần thứ V bổ sung và phát triển, đã thấm nhuần sâu sắc quan điểm đó.

Những mục tiêu được vạch ra trong đường lối chung là: xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là những yếu tố hợp thành của một xã hội mới. Thiếu một yếu tố nào trong số đó đều không thể có chủ nghĩa xã hội.

Những mục tiêu ấy phải đạt được bằng con đường: *nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt*

Ba cuộc cách mạng đó gắn bó chặt chẽ với nhau và tác động qua lại lẫn nhau. Làm cách mạng về quan hệ sản xuất là để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đẩy mạnh cách mạng khoa học—kỹ thuật, tiến hành có hiệu quả cách mạng tư tưởng và văn hóa. Làm cách mạng khoa học — kỹ thuật không chỉ tạo ra cơ sở vật chất—kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, mà còn để củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa phục vụ đắc lực cho cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học và kỹ thuật; đồng thời, những thành quả của hai cuộc cách mạng kia lại góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, toàn bộ chủ nghĩa xã hội cũng như từng bộ phận của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể ra đời bằng kết quả

(10) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, tr. 104.

Digitized by Google

tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng nói trên.

Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đề ra đường lối cách mạng Việt-nam nói chung và đường lối cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt-nam nói riêng. Chúng ta xem *cách mạng tư tưởng và văn hóa* là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta không chờ sau khi có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa vững mạnh, có cơ sở vật chất — kỹ thuật phát triển cao, rồi mới tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, mà phải tiến hành đồng thời, thậm chí, dưới chính quyền chuyên chính vô sản, có thể đi trước một bước xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa trong một phạm vi nhất định.

Tư tưởng và văn hóa trong bất cứ cuộc cách mạng nào cũng đều có tính năng động của nó. Nó càng năng động hơn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong điều kiện kinh tế lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa không chỉ là kết quả mà còn là động lực thúc đẩy sự ra đời của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, của việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu.

2 — Những thuận lợi và khó khăn của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta.

Ngày nay, chúng ta tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong những điều kiện *vô cùng thuận lợi*. Nước nhà độc lập và thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối chung và đường lối cách mạng tư tưởng và văn hóa của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo. Trung ương Đảng thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác tư tưởng và văn hóa. Chúng ta có một đội ngũ làm công tác lý luận, công tác tư tưởng, công tác văn hóa vững vàng, một lòng một dạ đi theo Đảng suốt mấy chục năm nay. Chúng ta có những truyền thống văn hóa dân tộc tốt đẹp và lâu đời. Chúng ta tiếp thụ có chọn lọc những thành tựu của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa tiên tiến của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Do đó, mấy năm qua, trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, chúng ta đã thu được những thành tựu rất đáng phấn khởi.

Về *giáo dục*, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống giáo dục quốc gia từ thấp đến cao, rộng khắp trong cả nước, góp phần đào tạo đội ngũ những người lao động mới, có chất lượng. Ngành giáo dục đã cung cấp cho kinh tế và quốc phòng nước ta những cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý, nghiệp vụ, những thanh niên có tri thức văn hóa, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự nghiệp giáo dục đang bắt đầu chuyển biến theo hướng cải cách giáo dục do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra. Ngày nay, số trẻ em được gửi ở nhà trẻ và đến lớp mẫu giáo lên tới 3 000 000, số học sinh phổ thông lên tới gần 14 000 000, số học sinh đại học gần 200 000.

Ở miền Nam, ta đã nhanh chóng cải tạo nền giáo dục Mỹ — ngụy, đưa nó vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội; đã xây dựng cơ sở của nền giáo dục cách mạng, thống nhất chương trình giảng dạy trong cả nước, mở rộng trường cho con em nhân dân lao động, phát triển giáo dục mầm non, phổ thông và đại học, đẩy mạnh bổ túc văn hóa.

Đáng chú ý là ta đã và đang tích cực, chủ động cải tạo có hiệu quả

Digitized by Google

bọn lưu manh, gái điếm, bọn hụi đời v.v. thành những người lao động

Thành tích về giáo dục là niềm tự hào chính đáng của chế độ ta. Nó đã cố gắng vươn lên thấu suốt mục tiêu đào tạo những con người mới, xã hội chủ nghĩa, những con người lao động làm chủ tập thể, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội.

Về *văn hóa, nghệ thuật* chúng ta đã có nhiều hoạt động sôi nổi, liên tục, có tác dụng tốt trong việc nâng cao đời sống, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Trong sáng tác văn hóa, nghệ thuật mấy năm qua, đã xuất hiện một số tác phẩm có giá trị, phát huy tác dụng về mặt xây dựng tư tưởng, tình cảm mới. Một số tác phẩm đã được giải thưởng quốc tế. Rõ ràng, sự nghiệp xây dựng và cải tạo nền văn hóa theo phương hướng xã hội chủ nghĩa đã có tiến bộ.

Các hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và phong trào văn nghệ quần chúng, công tác thông tin, cổ động, triển lãm, xuất bản sách báo... đã góp phần đáng kể vào việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đấu tranh có hiệu quả chống phong tục, tập quán lạc hậu, chống văn hóa đồi trụy, nô dịch, phản động. Văn hóa, nghệ thuật đã tích cực đóng góp vào việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Khoa học, kỹ thuật đã có nhiều chuyển biến quan trọng, nhất là từ khi có Nghị quyết số 37 của Bộ chính trị về chính sách khoa học, kỹ thuật. Chúng ta đã áp dụng có kết quả những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng, bước đầu đem lại những hiệu quả đáng kể, như thành tích về giống lúa mới, xây dựng hệ thống giống lúa bốn cấp. Đối với công nghiệp, khoa học kỹ thuật đã có tiến bộ trong việc tạo ra những nguyên, vật liệu mới và phụ tùng thay thế, hoàn thiện quy trình sản xuất, cải tiến kỹ thuật.

Cùng với các ngành khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội đã hướng vào những vấn đề cấp bách của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, chứng minh cơ sở khoa học của đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao trình độ hiểu biết của quần chúng nhân dân.

Đến nay, đã hình thành được một hệ thống các cơ quan nghiên cứu và quản lý khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội, bao gồm trên 100 viện nghiên cứu, hàng nghìn tổ chức nghiên cứu khác của các trường đại học, các ngành và các địa phương. Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật từng bước trưởng thành. Ta đã đào tạo được hơn 3 000 cán bộ có trình độ trên đại học, hơn 180 000 cán bộ có trình độ đại học, gần 70 000 cán bộ có trình độ cao đẳng, hơn 470 000 cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp, hơn nửa triệu công nhân kỹ thuật.

Rõ ràng khoa học, kỹ thuật đã góp phần quan trọng trong *sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta*; nó đã thâm nhập vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội và có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Về *y tế*, chúng ta đã xây dựng được một mạng lưới phòng bệnh và chữa bệnh từ trung ương đến tận thôn, xóm, dần dần đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân. Thành tích nổi bật của nền y tế nước ta là đã giải quyết tốt vấn đề phòng ngừa và dập tắt các dịch bệnh, các bệnh xã hội; đã đạt đến trình độ cao trong việc chữa trị một số bệnh, được thế giới công nhận. Chúng ta đã mau chóng thống nhất tổ chức y tế, tạo được phong trào quần chúng thực hiện vệ sinh phòng

Digitized by Google

bệnh theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm ». Mặt khác, chúng ta đã kiên trì phương hướng kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền của dân tộc trong việc bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân.

Riêng ở miền Nam, thành tích nổi bật là chúng ta đã giải quyết có hiệu quả một số bệnh và tệ nạn xã hội như bệnh giang mai, bệnh phong, nạn mãi dâm, xì ke, ma túy là những sản phẩm tai hại của chế độ Mỹ — ngụy, đem lại cuộc sống mới cho hàng chục vạn người.

Về *thể dục thể thao* chúng ta đã tạo thành một phong trào thống nhất toàn quốc và phát triển rộng rãi trong các trường học, cơ quan, xí nghiệp, ở thành thị và nông thôn, kể cả những vùng xa xôi, hẻo lánh. Do đó, đã góp phần tích cực tăng cường sức khỏe của nhân dân, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành tích nói trên đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để chúng ta tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta trong thời kỳ quá độ.

Nhưng cuộc cách mạng đó cũng có *những khó khăn nhất định:*

a) Hiện nay, trong nền kinh tế nước ta sản xuất nhỏ là phổ biến. Nó để lại hậu quả khá nặng nề trong đời sống văn hóa và tinh thần của xã hội ta. Những mặt tiêu cực và hạn chế của nó đã in rất đậm, rất sâu trong nếp nghĩ, trong tư tưởng người sản xuất nhỏ, biến thành thói quen, lối sống cố hữu tiểu tư sản. Nhiều quan điểm về đạo đức bị ràng buộc bởi những khuôn khổ hết sức khắc nghiệt của lễ giáo phong kiến, như tư tưởng đẳng cấp, tư tưởng xem thường lao động, tư tưởng trọng nam khinh nữ v.v

Thoát ra từ một xã hội thuộc địa và nửa phong kiến, người sản xuất nhỏ bộc lộ nhiều nhược điểm và còn bị nhiều hạn chế trong phương pháp tư duy, trong tổ chức sản xuất và trong quản lý kinh tế — xã hội. Nếp nghĩ, tầm nhìn của họ thường chủ quan, một chiều, giản đơn và thiển cận. Tính chất phân tán, tản mạn, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật biểu hiện khá rõ nét. Tính chất cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa khá nặng nề, cản trở không ít việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ngày nay, khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đang triển khai trên quy mô rộng lớn, những mặt tiêu cực đó của người sản xuất nhỏ bộc lộ rất rõ.

b) Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, chúng ta buộc phải tiếp thụ một di sản của tệ nạn xã hội và tàn dư văn hóa thực dân mới mà đế quốc Mỹ đã để lại ở miền Nam. Đó là chưa nói đến âm mưu mới của đế quốc Mỹ câu kết với bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc hòng chống phá cách mạng Việt-nam, đặc biệt là trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.

Chúng dùng loa phóng thanh cực mạnh và nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác để phản tuyên truyền và chống phá ta rất quyết liệt. Chúng đã tìm mọi cách du nhập những sản phẩm văn hóa thực dân mới vào nước ta, hòng đầu độc đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân ta và làm sống lại những tàn dư văn hóa thực dân mới đang tiếp tục bị xóa bỏ. Chỉ tính sáu tháng đầu năm 1981, đã có tới hơn 500 000 kiện hàng, bưu phẩm gửi từ các nước tư bản tới Việt-nam, trong đó có chứa sách báo, phim ảnh, băng nhạc, thư từ có nội dung phản động, đồi trụy. Riêng tại thành phố Hồ-Chí-Minh trong năm 1981, ta đã phát hiện và thu giữ hơn 10 330 000

Digitized by Google

tài liệu văn hóa phẩm đồi trụy từ Mỹ, Pháp, Ca-na-đa, Úc... gửi đến.

Rõ ràng kẻ địch đang hằng ngày hằng giờ chống phá ta về tư tưởng và văn hóa. Thực tế đã đặt ra cho cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nước ta nhiệm vụ phải liên tục quét những tàn dư và ảnh hưởng của văn hóa phản động, đồi trụy của chủ nghĩa thực dân mới đang tác động vào nước ta.

c) Đất nước ta sau 30 năm chiến tranh, kinh tế bị tàn phá rất nặng nề, đời sống nhân dân hiện đang gặp rất nhiều khó khăn. Đó cũng là một trong những cơ sở nảy sinh ra những hiện tượng tiêu cực trong đời sống văn hóa và tinh thần của xã hội ta. Tính chất sản xuất nhỏ của nền kinh tế là miếng đất rất thuận lợi cho các tàn dư văn hóa của xã hội cũ, trong đó có văn hóa thực dân mới, bám rễ và hy vọng phục hồi.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương đã nhận định: «Một bộ phận trong xã hội, trong đó có cả nhân dân lao động, công nhân, thanh niên, cán bộ, đảng viên, có những biểu hiện hư hỏng nghiêm trọng về đạo đức và lối sống: lười lao động, làm dối, làm ẩu, ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp, chạy theo đồng tiền, sống xa hoa, trụy lạc». Văn hóa phản động, đồi trụy của chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới *chẳng những chưa bị quét sạch ở miền Nam mà còn ảnh hưởng ra miền Bắc* với những biểu hiện rất nghiêm trọng. Những hủ tục của xã hội cũ sống lại ở nhiều nơi. Nhìn chung, lối sống xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng thành một tập quán phổ biến trong xã hội ta.

Trong hoạt động văn hóa, văn nghệ có khuynh hướng «thương mại» chạy theo thị hiếu thấp kém để thu lợi kiếm tiền, rơi vào vũng bùn của nghệ thuật tư sản. Sự buông lỏng lãnh đạo và quản lý trên mặt trận văn hóa đang gây nên những ảnh hưởng xấu trong nếp nghĩ, cách sống và tâm lý của xã hội.

Các Mác đã nói: «Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với mọi chế độ sở hữu cổ truyền, không có gì là lạ nếu trong tiến trình lịch sử của nó, *nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với* những tư tưởng cổ truyền» (11). Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nước ta trong giai đoạn mới có nhiệm vụ phải thanh toán cả một «đống tồn kho» những di hại về văn hóa và tư tưởng do xã hội cũ để lại!.

Cho nên, việc đoạn tuyệt với những tư tưởng cổ truyền, việc xóa bỏ mọi ảnh hưởng và tàn dư văn hóa của xã hội cũ là một nhiệm vụ không phải vì bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà có thể xem nhẹ.

Trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa đang diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch. Cuộc đấu tranh ấy càng quyết liệt do bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác gây chiến tranh phá hoại nhiều mặt, để chống phá ta một cách điên cuồng. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa đòi hỏi phải giành thắng lợi cho đường lối của Đảng trên mặt trận này cũng như trên các mặt trận chính trị và kinh tế.

Cần nắm vững phương châm kết hợp cải tạo với xây dựng trong cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta. Kinh nghiệm cho thấy, hễ ở đâu và lúc nào có sự tách rời giữa cải tạo và xây dựng thì ở đó sẽ có những sơ hở, xấp xáp, và đẻ ra nhiều tiêu cực trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.

(11) Các Mác — Ph. Ăng-ghen: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 1, tr 47.

Digitized by Google

Quá trình kết hợp giữa cải tạo và xây dựng là quá trình cải tạo để đẩy mạnh xây dựng, xây dựng để thúc đẩy cải tạo, trong cải tạo phải xây dựng, trong xây dựng không buông lỏng cải tạo, và xây dựng là chính.

Trong cách mạng tư tưởng và văn hóa, cần nắm vững mối quan hệ giữa *xây* và *chống* trên tất cả các mặt: tư tưởng, văn hóa và con người. Trước đây, *Đề cương văn hóa* đã nêu văn hóa bao gồm cả *tư tưởng*. Nói cách mạng văn hóa là đã bao gồm cách mạng tư tưởng trong đó rồi. Ngày nay, Đảng ta nói cách mạng tư tưởng và văn hóa là muốn nhấn mạnh vị trí đặc biệt quan trọng của tư tưởng trong toàn bộ cách mạng văn hóa.

Trước đây, *Đề cương văn hóa* chưa nói đến vấn đề xây dựng con người mới. Song nói đến văn hóa là nói đến con người. Ngày nay, Đảng ta nói đầy đủ hơn là xây dựng văn hóa mới, xây dựng con người mới, coi việc xây dựng con người mới là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn đã nói: «Cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng và văn hóa phải nhằm tạo ra cho mọi người một cuộc sống tinh thần, văn hóa phong phú, phù hợp với mục đích cao nhất của chủ nghĩa xã hội là thỏa mãn không chỉ những nhu cầu về vật chất mà cả những nhu cầu văn hóa ngày càng cao của xã hội. Chúng ta phải biến mọi giá trị văn hóa thành tài sản của nhân dân và làm cho nhân dân trở thành người sáng tạo trực tiếp mọi giá trị văn hóa. Mục đích của chúng ta là xây dựng *một xã hội văn hóa cao*» (12).

Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nước ta hiện nay phải tiến hành đồng thời trên cả ba mặt: *xây dựng tư tưởng mới, xây dựng văn hóa mới, xây dựng con người mới.*

3 — Những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta.

a) Xây dựng tư tưởng mới.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin là tư tưởng tiên tiến nhất, khoa học nhất của thời đại hiện nay. Đảng ta đã luôn luôn vận dụng chủ nghĩa Mác — Lê-nin một cách sáng tạo để xây dựng đường lối, chính sách của cách mạng Việt-nam. Đó là thành tựu tư tưởng cơ bản và xuất sắc nhất của Đảng ta, mở đường cho mọi thắng lợi trong các lĩnh vực khác.

Vì vậy, trong vấn đề xây dựng tư tưởng mới, trước hết, cần *tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng*, làm cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tinh thần của nhân dân ta; làm cho đường lối, chính sách của Đảng thấu suốt trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Những lệch lạc trong tư tưởng, những sai lầm trong công tác của cán bộ, đảng viên ta từ trước đến nay thường là do không học tập đầy đủ chủ nghĩa Mác — Lê-nin và không thấm nhuần sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng.

Cần chú trọng giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về thời kỳ quá độ, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, làm cho họ thấm nhuần tư tưởng triệt để cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa: nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ. Phải phát động phong trào quần chúng để hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời

(12) Lê-Duẩn: *Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*, Nxb Văn hóa, Hà-nội, 1977, tr. 150.

Digitized by Google

kỳ quá độ, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, phải xây dựng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tư tưởng và ý thức làm chủ tập thể, tinh thần và kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa...

Đồng thời, phải kiên quyết chống mọi thủ đoạn phá hoại về tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa đế quốc và của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc, chống lại những ảnh hưởng xấu của tư tưởng và văn hóa thực dân mới; chống tư tưởng tư sản, tư tưởng tiểu tư sản; xóa bỏ những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và những tập tục hủ bại của xã hội cũ; chống tư tưởng tự do chủ nghĩa, tản mạn và lạc hậu của người sản xuất nhỏ, chống bóc lột, đầu cơ, ăn bám, chống tham ô, ăn cắp và những biểu hiện tiêu cực khác trong xã hội.

Công tác tư tưởng phải làm cho mọi người thấu suốt nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Cần phê phán và khắc phục những quan điểm, tư tưởng sai lầm xem nhẹ công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, xem nhẹ việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Công tác tư tưởng cần tập trung mũi nhọn vào mặt trận phân phối, lưu thông là mặt trận hiện nay có nhiều vấn đề cấp bách nhất, nóng hổi nhất. Đây cũng là nơi có nhiều khó khăn, tiêu cực nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Phải chống khuynh hướng tư tưởng chạy theo cơ chế thị trường, đấu tranh khắc phục tình trạng để thị trường và giá cả biến động tự phát ngoài sự kiểm soát của Nhà nước. Phải tăng cường quản lý thị trường, từng bước bình ổn giá cả, ổn định đời sống nhân dân.

Cần gắn công tác tư tưởng với công tác kinh tế. Bản thân công tác tư tưởng sẽ không có nội dung nếu tự nó tách khỏi kinh tế và đời sống. Một cơ chế kinh tế đúng, một chính sách kinh tế đúng sẽ là cơ sở vững vàng để làm tốt công tác tư tưởng. Sai lầm trong công tác kinh tế sẽ làm mất chỗ dựa để làm tốt công tác tư tưởng, đồng thời còn phá hỏng những tư tưởng đúng, gây lộn xộn và tiêu cực về tư tưởng. Do hiểu và làm sai về « ba lợi ích », về « kế hoạch ba phần », cho nên vừa qua đã để lại hậu quả xấu trong kinh tế và gây ra nhiều rối ren trong lĩnh vực tư tưởng.

Vấn đề cấp bách hiện nay trong công tác tư tưởng là phải thật sự tạo ra *sức mạnh thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, sức mạnh thống nhất quản lý của Nhà nước; đồng thời, phát huy tính chủ động và năng lực sáng tạo của các cơ sở, các địa phương, các ngành, của mọi người lao động.* Phải tiếp tục chống tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp, bảo thủ, trì trệ, đồng thời, chống tự do chủ nghĩa, phân tán, tản mạn, cục bộ, làm hại đến lợi ích toàn cục.

Trên mặt trận tư tưởng, cần làm cho mọi người nhận rõ bản chất phản động và âm mưu thâm độc của bọn bành trướng và bá quyền Trung-quốc đối với Việt-nam, đối với ba nước Đông-dương. Cần khắc phục sự mơ hồ về bản chất thù địch của bọn phản động Bắc-kinh, của đế quốc Mỹ và các loại phản động khác, khắc phục tình trạng mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của chúng.

Ngày nay, trên thế giới, nhiều trào lưu tư tưởng phản động mới xuất hiện. Ví dụ, hiện tượng luận, chủ nghĩa nhân vị, chủ nghĩa hiện sinh, thuyết hội tụ, thuyết xã hội tiêu thụ, chủ nghĩa Tô-ma mới, chủ nghĩa thực chứng mới, chủ nghĩa hậu thực chứng v.v.

Digitized by Google

Trong phong trào cộng sản quốc tế xuất hiện chủ nghĩa xét lại, «chủ nghĩa cộng sản châu Âu», chủ nghĩa Mao v.v.

Khoa học xã hội Việt-nam cần nghiên cứu, phân tích, phê phán những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa đó; cần chủ động tiến công, lên án những trào lưu tư tưởng phản động nói trên không chỉ ở Việt-nam mà cả trên diễn đàn quốc tế, nhằm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Công tác tư tưởng vừa là sự nhận thức và cải tạo thế giới, vừa là tình cảm cách mạng của giai cấp vô sản. Chủ quan, nôn nóng, cường bức sẽ không thành công. Nhưng hời hợt, xuề xoa là biểu hiện của hữu khuynh, buông lỏng công tác và làm hỏng công việc. Mặt trận tư tưởng là lĩnh vực công tác vô cùng quan trọng của Đảng, đồng thời là trận địa mà kẻ thù giai cấp và các thế lực phản động nhằm vào để tiến công ta quyết liệt.

Bước sang giai đoạn mới, Đảng phải dành cho công tác tư tưởng một vị trí thích đáng hơn. Mong rằng các đồng chí hãy phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm tốt công tác của mình, xứng đáng là những chiến sĩ kiên cường trên mặt trận tư tưởng và văn hóa như Chủ tịch Hồ-Chí-Minh hằng mong muốn.

b) Xây dựng nền văn hóa mới.

Đề cương văn hóa chỉ mới vạch ra nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa dân chủ mới (tức dân chủ nhân dân), tiến lên xây dựng và phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

Thế nào là nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa?

Đại hội lần thứ V của Đảng đã chỉ rõ: nền văn hóa mới là nền văn hóa có «*nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản*» (13).

Rõ ràng, trong giai đoạn mới, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa bao hàm nhiều nội dung rất phong phú. Đó là nền văn hóa được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nó kết tinh và nâng cao những gì đẹp nhất của truyền thống dân tộc, của văn hóa Việt-nam. Nó tiếp thụ có chọn lọc những thành tựu văn hóa, khoa học hiện đại, những kết quả của văn minh loài người. Nền văn hóa đó là sự kết hợp hài hòa những tinh hoa và phong cách riêng của các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt-nam.

Nền văn hóa đó lấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối của Đảng làm kim chỉ nam cho hành động. Ngày nay, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ không những thấy sự lãnh đạo của Đảng là cần thiết mà còn gắn bó với Đảng từ trong tâm hồn mình. Ý thức ấy thấu suốt trong suy nghĩ, hành động và trong tác phẩm của họ. Do đó, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang tính đảng rất nghiêm ngặt.

Nhân dân ta, với tư cách là người làm chủ tập thể, không chỉ hưởng thụ giá trị tinh thần, *mà còn là người sáng tạo ra những giá trị ấy*. Nhân dân không chỉ là đối tượng của văn hóa mà còn là chủ thể của văn hóa. Vì lẽ đó, Đảng đòi hỏi văn hóa phải có tính nhân dân sâu sắc.

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và xây dựng nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa nói riêng, chúng ta phải ra sức phát triển *giáo dục* và thực hiện *cải cách giáo dục* trong cả nước, làm cho giáo dục quốc

(13) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội toàn quốc lần thứ V. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1982. t. 93 — 94.

Digitized by Google

dân thể hiện đường lối chính trị và văn hóa của Đảng, đem kiến thức về mọi mặt đến cho thanh niên và cho toàn dân để xây dựng thành công một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Giáo dục vừa có chiều rộng là toàn dân học tập, vừa có chiều cao là lựa chọn và bồi dưỡng nhân tài. Mục tiêu chung của cải cách giáo dục là đào tạo có chất lượng những người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, những người lao động có ý thức và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có trình độ văn hóa phổ thông, lao động có kỹ thuật, có năng suất cao, có sức khỏe và có óc thẩm mỹ.

Ngoài việc thực hiện mục tiêu của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, các ngành giáo dục, khoa học và kỹ thuật, y tế, thể dục, thể thao cần gắn hơn nữa với sản xuất và đời sống, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội và yêu cầu của quốc phòng; chú trọng đầy đủ các đòi hỏi về chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Phải làm cho hoạt động của các ngành nói trên có những biến đổi cách mạng sâu sắc hơn, toàn diện hơn, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và trở thành niềm tự hào chính đáng của nhân dân ta. Chủ nghĩa xã hội phải khơi dậy và làm sống lại những di sản quý báu của dân tộc ta, tạo điều kiện tiếp thụ được những thành tựu mới nhất của thời đại để xây dựng một nền giáo dục, khoa học — kỹ thuật, y tế, thể dục, thể thao hiện đại, mang bản sắc dân tộc của nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng tư tưởng và văn hóa phải tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của nền *văn nghệ mới*. Văn nghệ phải trở thành niềm vui, vẻ đẹp, không ngừng nâng cao tâm hồn, tư tưởng và tình cảm của nhân dân, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Về văn nghệ mới, tôi nhất trí với đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đã nói trong bức thư gửi Đại hội lần thứ III các nhà văn Việt-nam: «Hãy đi sâu vào cuộc sống xã hội chủ nghĩa, tìm hiểu, khám phá và sáng tạo, với tầm nhìn khoáng đạt, thấy rõ ánh sáng và bóng tối, quá khứ và tương lai, Việt-nam và thế giới...» (14).

Thể hiện những tư tưởng lớn, tình cảm lớn của dân tộc và của thời đại, văn nghệ mới của nước ta theo phương pháp của *chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa*. Nó không ngừng tìm kiếm những hình thức nghệ thuật phong phú có sức hấp dẫn và lôi cuốn lòng người, nhưng không rơi vào chủ nghĩa hình thức và nghệ thuật trừu tượng.

Đảng ta đánh giá cao hoạt động văn hóa. Song bên cạnh những cố gắng tìm tòi và sáng tạo cái mới, cái tiến bộ, đáng tiếc là có những lệch lạc, những khuynh hướng không lành mạnh nảy sinh. Có nơi đã buông lỏng cuộc đấu tranh giữa hai con đường trên mặt trận văn hóa. Những hủ tục mê tín, dị đoan có chiều hướng phát triển và ảnh hưởng xấu đến một số thanh niên nam nữ. Chúng ta cần thấy hết trách nhiệm của mình và tăng cường quản lý đời sống văn hóa.

Đưa văn hóa thâm nhập cuộc sống hằng ngày của nhân dân là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Phải tích cực xây dựng sớm đời sống văn hóa ở cơ sở là nơi hiện nay có nhiều thiếu thốn, khó khăn. Cần tổ chức tốt hơn đời sống văn hóa ở thành phố, thị xã vùng công nghiệp tập trung cũng như

(4) Phạm Văn-Đồng: Thư gửi Đại hội lần thứ III các nhà văn Việt-nam.

Digitized by Google

ở nông thôn, nhất là ở những vùng căn cứ địa cũ, vùng có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số. Chúng ta phải thực hiện phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm* trong việc tổ chức đời sống văn hóa của nhân dân ta hiện nay.

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa nước ta đòi hỏi phải xây dựng một *nếp sống mới, nếp sống xã hội chủ nghĩa*. Đó là nếp sống thấm nhuần nguyên tắc « mọi người vì một người, một người vì mọi người ». Nếp sống mới gắn liền quyền lợi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Nó đòi hỏi từng người phải hiểu rằng lợi ích riêng nằm trong lợi ích chung. Cần cù lao động, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng pháp luật, giữ gìn trật tự, an ninh... không chỉ là trách nhiệm mà còn là nghĩa vụ của mỗi người, được thực hiện với ý thức tự giác.

Trong nếp sống mới của xã hội ta, thái độ yêu thương, quý trọng lẫn nhau là biểu hiện đẹp đẽ của một nền văn hóa cao. Mỗi người được bảo đảm phát huy quyền làm chủ của mình, đồng thời có trách nhiệm tôn trọng đầy đủ quyền làm chủ của người khác. Đó là thực chất của sự tôn trọng phẩm giá con người trong xã hội ta.

Trong nhân dân lao động, mọi người đều đối xử với nhau bình đẳng và thân ái, tôn trọng lẫn nhau và giữ gìn trật tự xã hội. Chân thành mong mỏi những điều tốt đẹp đối với người bên cạnh, chăm nom, giúp đỡ lẫn nhau những lúc khó khăn, chia sẻ cùng nhau những khi hoạn nạn. Đó là tình cảm chân thật không thể thiếu được. Ở đây không có những thái độ, lời nói khinh miệt, thô bạo, phũ phàng. Ở đây người già được săn sóc, trẻ em được nâng đỡ, yêu thương, phụ nữ được tôn trọng và giúp đỡ. Đó là biểu hiện cụ thể của nếp sống văn minh.

Văn hóa mới còn biểu hiện cụ thể trong nếp sống công cộng. Những nơi sinh hoạt văn hóa phải thật sự là bộ mặt văn minh của xã hội. Những rạp hát, rạp chiếu bóng, nhà bảo tàng, câu lạc bộ, công viên, những di tích lịch sử và danh lam, thắng cảnh là tài sản chung của đất nước mà mỗi người đều có quyền sử dụng theo quy định chung và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn. Chúng ta đến những nơi công cộng này để trau dồi hiểu biết, nâng cao tư tưởng, thỏa mãn thị hiếu lành mạnh, tiếp xúc với những giá trị văn hóa cao đẹp của dân tộc và của loài người. Thái độ có văn hóa là thái độ biết trân trọng những di sản của cha ông, biết kính phục tài năng, yêu mến nghệ thuật.

Rất tiếc rằng có những người đến nơi công cộng với những thái độ, cử chỉ và lời nói thiếu văn hóa. Họ làm mất trật tự, bất chấp những quy định chung, nói những lời bình phẩm thô tục, kiêu căng và lố bịch. Những hành vi đó không xứng đáng chút nào với nếp sống mới của chúng ta ngày nay.

« *Học, học nữa, học mãi* », đó là một phẩm chất tốt đẹp trong nếp sống mới của xã hội ta. Đọc sách báo hằng ngày, đến thư viện, câu lạc bộ phải dần dần trở thành những nhu cầu và thói quen của mỗi người lao động. Chúng ta cảm thấy bứt rứt khi thiếu những món ăn tinh thần đó. Lãng phí thì giờ vào việc la cà ở các quán cà phê, tiệm giải khát là không thích hợp với nếp sống của chúng ta. Là những người sáng tạo ra xã hội mới, chúng ta cần phải không ngừng trau dồi tài năng, nâng cao kiến thức, rèn luyện thường xuyên về thân thể. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta cần phải kiên quyết đấu tranh nhằm xóa bỏ những hủ tục của xã hội cũ đang sống lại ở nhiều nơi,

Digitized by Google

những mê tín, dị đoan đang có chiều hướng phát triển. Đây là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, nhằm quét sạch những tập tục cổ hủ của chế độ phong kiến, những phong hóa đồi trụy của giai cấp tư sản. Quá trình xây dựng nếp sống mới phải là quá trình cải tạo phong tục, tập quán cũ, xây dựng phong tục, tập quán mới.

Để xây dựng phong tục, tập quán mới, cần phải làm tốt công tác truyền bá những kiến thức văn hóa, những hiểu biết khoa học về đời sống, về vệ sinh công cộng, vệ sinh cá nhân, những tri thức và năng lực thẩm mỹ cho đông đảo quần chúng.

Không thể làm cho nếp sống mới hoàn toàn chiến thắng nếp sống cũ nếu nền sản xuất nhỏ vẫn còn chiếm ưu thế trong đời sống xã hội. Phải đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tạo tiền đề vật chất và văn hóa cho nếp sống mới mau hình thành và ổn định.

c) *Xây dựng con người mới.*

« Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa ». Câu đó của Hồ Chủ tịch nói rõ tầm quan trọng của việc xây dựng con người mới hiện nay.

Con người mới Việt-nam có những đặc trưng chủ yếu gì?

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh:

— Phải xây dựng con người mới có tư tưởng đúng, có tình cảm đẹp, có tri thức cao, có thể lực tốt, để thực hiện thắng lợi sứ mệnh vẻ vang của mình là *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.*

— Con người mới phải ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hiểu biết khoa học, kỹ thuật để làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược đó.

— Con người mới là con người lao động với tinh thần tự giác cách mạng, có đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thật thà, tiết kiệm, quý trọng và bảo vệ của công; thi đua lao động, lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

— Con người mới có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn, kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

— Con người mới là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động, biết đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong lao động, chiến đấu và xây dựng cuộc sống mới.

— Con người mới là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú, trong sạch.

Tóm lại, những đặc trưng nổi bật nhất của con người mới Việt-nam, xã hội chủ nghĩa là: « Làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản » (15). Đó là con người mới phù hợp với xã hội mới mà chúng ta đang xây dựng. Những tiêu chuẩn ấy là yêu cầu về tư tưởng và tình cảm, trí tuệ và tài năng, phẩm chất và nghị lực mà con người Việt-nam phải phấn đấu vươn tới để đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội Việt-nam ngày nay và mai sau. Song « con người mới không thể hình thành một cách tự phát, mà phải trải qua quá trình xây dựng một cách tích cực và chủ động » (16). Đảng ta đặt vấn đề xây dựng sớm con người

(15) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 28.

(16) Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1977, tr. 64.

Digitized by Google

mới, không phải chờ đến sau khi có sự phát triển cao của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như trên đã nói.

Con người mới Việt-nam *đã và đang được hình thành* trên đất nước ta. Chúng ta tìm thấy mẫu mực về con người mới ở Bác Hồ muôn vàn kính yêu, người con vĩ đại của nhân dân ta. Người đã đưa nước ta bước vào một kỷ nguyên phát triển rực rỡ chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Người đã nâng cả dân tộc ta lên ngang tầm cao của thời đại. Tấm gương của Bác Hồ không phải tấm gương của một siêu nhân, mà thật sự là của một con người tiêu biểu nhất. Bác gần gũi với mọi tâm hồn Việt-nam. Bác đã quan tâm, chăm sóc, nâng đỡ mọi người lao động. Chính vì vậy mà lớp lớp những con người mới Việt-nam đã được vun trồng để làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta.

Phải qua đấu tranh cách mạng, hoạt động thực tiễn và lao động sáng tạo, con người mới dần dần trở thành mới và từng bước được trưởng thành. Phải đặt việc cải tạo con người cũ, xây dựng con người mới ngay trong quá trình cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên. Ở đây, quá trình xây dựng con người mới không thể tách rời quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng.

Trong ba cuộc cách mạng, cách mạng tư tưởng và văn hóa có *nhiệm vụ trực tiếp* xây dựng con người mới. Vì tư tưởng mới, văn hóa mới có tác dụng hướng dẫn hành động của con người. Nhưng cách mạng tư tưởng và văn hóa lại phải gắn bó chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học — kỹ thuật, vì hai cuộc cách mạng đó sẽ tạo tiền đề vật chất để xây dựng con người mới một cách thuận lợi.

Ở đây, cần nhấn mạnh *vai trò quyết định của chuyên chính vô sản đối với vấn đề xây dựng con người mới*. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, khi chuyên chính vô sản bị suy yếu, khi những bộ phận hợp thành của chuyên chính vô sản, như vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, liên minh công nông v.v bị vi phạm, thì không những chế độ xã hội chủ nghĩa có nguy cơ biến chất mà trong con người còn nảy sinh nhiều diễn biến phức tạp về tư tưởng và hành động.

Vì vậy, để góp phần tăng cường chuyên chính vô sản, phải *kiện toàn pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước*, đem phổ biến cho cán bộ và nhân dân nghiêm chỉnh thi hành.

Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta rất quan tâm đến việc củng cố và tăng cường chuyên chính vô sản, xây dựng đường lối, chính sách và pháp luật. Chúng ta nêu cao vai trò làm chủ tập thể, coi trình độ giác ngộ về quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là một vấn đề thuộc về thực chất của chuyên chính vô sản.

Trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, cần phải *quan tâm đúng mức đến lợi ích của con người*, không ngừng cải thiện điều kiện sống của họ. Nên nhớ rằng vật chất quá thiếu thốn có thể làm cho con người tha hóa được. Mặt khác, bằng công tác tư tưởng và biện pháp giáo dục con người một cách thích hợp, xã hội sẽ rèn luyện có kế hoạch con người mới về mặt đạo đức và tinh thần. Cả hai mặt đó phải được kết hợp hữu cơ, để cho việc xây dựng con người mới đạt kết quả tốt.

Cần giáo dục tư tưởng cho con người mới để họ có ý thức sâu sắc về các lợi ích xã hội của mình; làm cho họ hiểu rằng lợi ích cá nhân và hạnh phúc của con người trong chủ nghĩa xã hội không chỉ tùy thuộc vào kết quả lao động của cá nhân, mà còn tùy thuộc chủ yếu vào việc tăng năng suất lao động của toàn xã hội, vào sự phát

Digitized by Google

triển mạnh mẽ của nền kinh tế quốc dân.

Do đó, công tác tư tưởng có nhiệm vụ mở rộng tầm hiểu biết của con người, từ việc có ý thức về lợi ích của gia đình mình, của xí nghiệp, hợp tác xã, công trường, lâm trường, cơ quan mình... đến việc hiểu biết đúng đắn lợi ích của toàn xã hội, trong đó có lợi ích của bản thân; lợi ích cơ bản và lâu dài của gia đình mình không mâu thuẫn với lợi ích của toàn xã hội; song xét cho cùng, lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích xã hội.

Con người mới Việt-nam, toàn dân Việt-nam có nhiệm vụ đối với nước mình là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời là ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ngày nay, chính quyền Ri-gân càng phơi trần bản chất hiếu chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ, làm cho hòa bình, độc lập, tự do của các dân tộc bị uy hiếp nghiêm trọng. Nhân dân Việt-nam, con người mới Việt-nam cần làm tất cả những gì có thể làm được, để cùng với nhân dân Liên-xô, nhân dân các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới kiên quyết đập tan mọi kế hoạch gây chiến của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, giữ gìn và củng cố hòa bình trên hành tinh chúng ta, loại trừ nguy cơ chiến tranh thế giới mới, bảo vệ loài người khỏi thảm họa chiến tranh hạt nhân.

Chúng ta tin rằng phong trào cách mạng thế giới tiếp tục phát triển và hòa bình, thành quả đấu tranh của nhân dân thế giới trong hàng chục năm qua, sẽ được giữ vững!

Các đồng chí thân mến,

Kỷ niệm lần thứ 40 ngày ban *Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam* của Đảng ra đời, những người làm công tác trên mặt trận lý luận, tư tưởng và văn hóa cần phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, thâm nhập thực tế và tổng kết kinh nghiệm... Nghiên cứu lại *Đề cương văn hóa* và theo dõi tác động tích cực của nó trong 40 năm qua, ta càng thấy rõ *tính cách mạng, tính khoa học và tính nhất quán* của đường lối văn hóa của Đảng.

Cuộc sống không đứng ngừng một chỗ. Cần phát triển *Đề cương văn hóa* theo hướng đúng trong điều kiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đồng thời, cần tích cực đấu tranh bảo vệ đường lối văn hóa của Đảng, phê phán kịp thời những biểu hiện tiêu cực, hoang mang, xa rời chủ nghĩa Mác—Lê-nin, xa rời sự lãnh đạo của Đảng, xa rời quần chúng, những biểu hiện của tư tưởng tự do tư sản trong lý luận, phê bình và sáng tác.

Cuộc sống và cách mạng đang đòi hỏi chúng ta siết chặt hàng ngũ, phát huy những ưu điểm, khắc phục những lệch lạc, sai lầm trong nhận thức, phấn đấu trở thành người chiến sĩ kiên cường trên mặt trận tư tưởng và văn hóa.

Nhân dịp năm mới sắp đến, chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và thu được nhiều thành tích to lớn trong lao động sáng tạo.

Giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng!

Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Ngày 27 tháng 12 năm 1983.

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG THƯƠNG NGHIỆP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

VÂN-TÙNG

Thị trường đang là trận địa nóng bỏng của phân phối lưu thông. Thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trên thị trường là một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Từ giữa năm 1980 lại đây, dưới ánh sáng nghị quyết 26 và chỉ thị 109 của Bộ chính trị Trung ương Đảng (khóa IV), nhất là từ khi có nghị quyết 188 của Hội đồng bộ trưởng về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã có những chuyển biến tích cực theo hướng phục vụ và thúc đẩy sản xuất, tăng cường việc thu mua nắm nguồn hàng nông sản vào tay Nhà nước, mở rộng kinh doanh, phục vụ đời sống nhân dân. Những hiện tượng tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên cao giữa các đơn vị thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, giữa các ngành, các địa phương đang giảm bớt. Việc buông lỏng kiểm kê, kiểm soát đối với thương nhân và thị trường không tổ chức được khắc phục dần. Việc đăng ký kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ, thu thuế công thương nghiệp, chống đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, sắp xếp và quản lý thương nhân trong một số ngành hàng bước đầu thu được kết quả.

Song, những tiến bộ nói trên chưa đủ làm chuyển biến tình hình. Thị trường vẫn còn rối loạn, giá cả hàng hóa vẫn tăng nhanh và tự phát vượt ra ngoài sự kiểm soát của Nhà nước, những hiện tượng tiêu cực vẫn tiếp tục diễn ra, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống nhân dân, đến việc quản lý tài chính tiền tệ, trật tự an ninh xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là chúng ta chưa quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng thể hiện trong nghị quyết Đại hội V và các nghị quyết của Trung ương Đảng. Khuyết điểm của chúng ta trên mặt trận phân phối lưu thông là *không nhận thức đầy đủ và sâu sắc tính chất quyết liệt, phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp* nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; do đó đã buông lỏng chuyên chính vô sản. Việc chỉ đạo cải tạo xã hội

Digitized by Google

chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh không triệt để và thiếu liên tục. Việc quản lý thị trường bị buông lỏng. Ở miền Nam do không tiến hành triệt để công tác cải tạo tư sản trong thương nghiệp và không đấu tranh kiên quyết chống bọn gian thương, đầu cơ, cho nên Nhà nước không nắm chắc được hàng và tiền, để cho bọn bóc lột lũng đoạn thị trường. Một số đông những người buôn bán nhỏ và những người nông dân làm ăn riêng lẻ chạy theo khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Ở miền Bắc, do buông lỏng quản lý thị trường, nạn đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp phát triển. Tệ tham ô, móc ngoặc, ăn cắp của công cùng các hiện tượng tiêu cực khác chưa được ngăn chặn. Bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ tiến hành bao vây phá hoại kinh tế ta, đồng thời tiếp sức cho các phần tử tư sản không chịu cải tạo ở trong nước ta hoạt động chống phá ta trên các lĩnh vực hàng hóa, tiền tệ và giá cả. Những phần tử tư sản cũ và mới trốn tránh cải tạo đã và đang lợi dụng những sơ hở, yếu kém về mặt quản lý của ta để làm giàu. Theo tài liệu điều tra các hộ kinh doanh công thương nghiệp ở quận 1 thành phố Hồ-Chí-Minh thì số hộ kinh doanh loại A trong năm 1982 tăng gấp nhiều lần so với năm 1979. Theo tài liệu điều tra kinh doanh thương nghiệp đầu năm 1983 ở quận Hoàn-kiếm thành phố Hà-nội, thì nhiều người buôn bán trong mấy năm gần đây «phất» lên rất nhanh; với những thủ đoạn buôn bán trái phép, buôn hàng Nhà nước cấm (vàng, đô la, thuốc phiện...), buôn hàng giả (đồng hồ, kính, bút...), móc ngoặc để lấy hàng của Nhà nước... những người này có thu nhập rất cao, sống xa hoa phè phỡn.

Rõ ràng, chỉ hơn bốn năm, kể từ năm 1979 đến nay, do việc buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhất là kinh tế quốc doanh không những không được mở rộng mà có mặt bị thu hẹp; kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh phát triển, chèn lấn kinh tế xã hội chủ nghĩa, thị trường tự do trước đây đã bị thu hẹp một bước, nay đang lấn ra chiếm lĩnh một bộ phận quan trọng bán buôn và bán lẻ. Giai cấp tư sản phục hồi và phát triển. Các phần tử tư sản làm ăn phi pháp tìm mọi cách chui vào các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa, móc nối lại các quan hệ với nước ngoài, hoạt động và làm giàu rất nhanh. Một số tư sản mới ra đời. Theo khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa, một số thương nhân trở nên giàu có. Tình hình đó tác động cả đến khu vực kinh tế Nhà nước. Một số xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh chạy theo cơ chế thị trường, xa rời cơ chế kế hoạch hóa và nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Sản xuất nói chung tuy có phát triển nhưng Nhà nước chưa nắm được tuyệt đại bộ phận hàng hóa, chưa làm chủ được thị trường và giá cả. Nhà nước chưa bảo đảm vững chắc việc cung cấp hàng tiêu dùng thiết yếu theo định lượng cho công nhân viên chức. Nhà nước cũng không đủ hàng hóa để đổi lấy lương thực và nông sản khác của nông dân. Trong khi đó, Nhà nước không thực hiện đầy đủ chế độ kiểm kê, kiểm soát đối với thương nghiệp tư nhân; buông lỏng quản lý xuất nhập khẩu, buông lỏng quản lý vật tư hàng hóa Nhà nước; không tập trung sức truy quét và thẳng tay trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, bọn ăn cắp vật tư hàng hóa của Nhà nước. Giá cả chưa thật sự làm được chức năng tham gia tích cực vào việc phân phối

Digitized by Google

và phân phối lại thu nhập quốc dân. Nhiều địa phương chưa có những biện pháp tích cực nhằm tăng cường lực lượng hàng hóa của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để vươn lên chiếm lĩnh thị trường. Nhiều nơi còn chạy theo cơ chế thị trường « mua theo giá cao, bán theo giá cao », chứ không thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều để thu mua nắm nguồn hàng; nhiều nơi chưa kết hợp chặt chẽ việc thu thuế công thương nghiệp theo pháp lệnh mới với việc đăng ký kinh doanh, buộc tư nhân phải mở tài khoản ở ngân hàng, tổ chức sắp xếp và cải tạo tư thương. Lợi dụng sơ hở đó, bọn tư sản đầu cơ, buôn bán trái phép và các phần tử xấu đã tìm cách phân tán, cất giấu hàng hóa, tạo nên tình hình khan hiếm hàng hóa trên thị trường để nâng giá, dẹp bớt sạp, đóng cửa hiệu, giảm bớt hoặc tạm nghỉ kinh doanh, hạ thấp mức doanh thu, gây áp lực với Nhà nước, tung tin thất thiệt, kích động dư luận xã hội nhằm chống lại sự quản lý của Nhà nước.

Rõ ràng, trên lĩnh vực phân phối, lưu thông cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn ra gay gắt, quyết liệt. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường lại xen kẽ với những hoạt động phá hoại của kẻ thù, do đó nó còn mang tính chất cuộc đấu tranh địch — ta. Vì vậy, chúng ta không thể mơ hồ, mất cảnh giác. Chúng ta không bao giờ quên lời dạy sau đây của V.I. Lê-nin: « Cuộc đấu tranh giai cấp chưa chấm dứt dưới thời chuyên chính vô sản, nó chỉ diễn biến ra dưới những hình thức khác mà thôi »...; « Giai cấp của bọn bóc lột, tức là giai cấp của bọn địa chủ và tư bản, đã không biến mất và không thể nào biến mất ngay lập tức dưới thời chuyên chính vô sản. Bọn bóc lột đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt. Chúng vẫn còn có một cơ sở quốc tế, tức là bọn tư bản quốc tế, mà chúng là một chi nhánh. Chúng vẫn còn có một phần tư liệu sản xuất, vẫn còn có tiền, vẫn còn có những mối liên hệ xã hội rất rộng rãi » (1).

★

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã chỉ rõ: « Phân phối lưu thông phải tham gia đắc lực vào cuộc đấu tranh giữa hai con đường, mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi trận địa tự phát tư bản chủ nghĩa, điều tiết bằng được thu nhập của các tầng lớp dân cư cho công bằng, hợp lý. Phải kết hợp chặt chẽ cả ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục, trong đó biện pháp kinh tế là gốc ».

Tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường — đây vừa là khâu *trung tâm* của lĩnh vực phân phối lưu thông, vừa là *mũi nhọn* trong cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề « ai thắng ai » trên mặt trận kinh tế.

Để tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý tốt thị trường, *cần đặt toàn bộ thị trường xã hội dưới sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, theo luật pháp thống nhất của Nhà nước.* Nhân tố quyết định nhất để quản lý thị trường là: một mặt, đẩy mạnh sản xuất phát triển theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước; mặt khác, *không ngừng mở rộng và củng cố trận địa của kinh tế quốc doanh*, bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc được hàng và tiền; kết hợp chặt chẽ cải tạo công thương nghiệp tư doanh với cải tạo nông nghiệp. Áp dụng đồng bộ các biện pháp kinh tế và hành chính, tư tưởng và tổ chức, trong đó nắm vững *biện pháp kinh tế là cơ bản*. Biện pháp kinh tế quan

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tập 39, tr. 318—319.

Digitized by Google

trọng nhất là thương nghiệp xã hội chủ nghĩa *nắm chắc nguồn hàng tận gốc, mở rộng kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chiếm lĩnh thị trường.* Đi đôi với biện pháp kinh tế, cần nắm vững biện pháp tư tưởng và tổ chức *nhằm động viên cho được lực lượng quần chúng và tổ chức tốt sự hiệp đồng giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý thị trường; đồng thời hết sức tăng cường* quản lý hành chính, kiên quyết trấn áp và nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu... làm cho luật pháp Nhà nước được thi hành nghiêm chỉnh.

Dựa trên những phương châm và nguyên tắc nói trên, cần có những chính sách và biện pháp cụ thể nhằm *sắp xếp lại trật tự trên thị trường có tổ chức, củng cố và tăng cường thị trường có tổ chức*

1 — *Điều chỉnh hợp lý sự phân công kinh doanh thương nghiệp giữa các ngành.* Để hợp lý hóa tổ chức thương nghiệp, tiết kiệm chi phí lưu thông và bảo đảm phân phối vật tư, hàng hóa một cách có kế hoạch, cần tập trung nhiệm vụ tổ chức và quản lý lưu thông hàng hóa vào các bộ có chức năng lưu thông, tập trung nhiệm vụ tổ chức và quản lý sản xuất vào các bộ có chức năng sản xuất, không áp dụng nguyên tắc « khép kín » từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông. Xuất phát từ hiệu quả kinh tế để phân phối mặt hàng và địa bàn kinh doanh, giảm đến mức thấp nhất số đầu mối giao dịch mua bán với cơ sở sản xuất, hết sức tránh tình trạng nhiều tổ chức của Nhà nước cùng mua bán một mặt hàng ở một cơ sở sản xuất; tận dụng khả năng sử dụng phương thức làm đại lý cho nhau trong việc mua bán.

2 — *Điều chỉnh hợp lý sự phân cấp quản lý thương nghiệp* theo hướng xóa bỏ tình trạng cắt khúc lưu thông hàng hóa theo cấp hành chính khiến cho sự vận động của hàng hóa phải qua nhiều khâu trung gian không cần thiết, làm cho hàng hóa đi thẳng từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Xóa bỏ tình trạng chia cắt thị trường ra từng mảnh, gây ách tắc lưu thông và làm hỗn loạn giá cả, bảo đảm tính thống nhất của thị trường cả nước. Hợp lý hóa hệ thống tổ chức kinh doanh thương nghiệp, không nhất thiết mỗi cấp quản lý hành chính đều phải có tổ chức kinh doanh thương nghiệp của riêng mình, dẫn đến bộ máy cồng kềnh, giẫm đạp lên nhau. Nội dung quan trọng nhất của sự phân cấp quản lý thương nghiệp là ở chỗ mỗi cấp quản lý hành chính đều có quyền chi phối quỹ hàng hóa mà kế hoạch Nhà nước dành cho địa phương mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở hệ thống tổ chức kinh doanh đã được cải tiến, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức các công ty trung ương, tăng cường xây dựng thương nghiệp cấp huyện và củng cố hợp tác xã mua bán xã.

3 — *Đẩy mạnh kinh doanh xã hội chủ nghĩa.* Nắm vững quan điểm cơ bản của Đảng là không ngừng tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đưa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tiến lên chiếm lĩnh trận địa bán buôn, nâng cao tỷ trọng bán lẻ của thị trường có tổ chức, bảo đảm chi phối được thị trường về các loại hàng thiết yếu đối với đời sống kinh tế xã hội và về các loại dịch vụ chủ yếu, trước tiên nhằm vào những *ngành hàng* và những địa bàn quan trọng, làm cho *cơ chế thị trường có tổ chức từng bước vững chắc, thay thế cơ chế thị trường tự do.* Không chạy theo khuynh hướng kinh doanh vì lợi nhuận đơn thuần, không chạy theo cơ chế thị trường tự do, buông trôi việc chỉ đạo giá, hạ thấp vai trò lãnh đạo của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đối với thị trường.

Digitized by Google

Theo quan điểm trên, *điều then chốt là nắm chắc các nguồn hàng, không ngừng tăng cường lực lượng vật chất cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.*

Nắm đại bộ phận nguồn hàng công nghiệp tiêu dùng là một yêu cầu bức thiết của Nhà nước ta hiện nay, vì có nắm được hàng công nghiệp, Nhà nước mới nắm chắc được nguồn hàng nông sản thực phẩm. Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) đã ghi rõ: « Nhà nước phải nắm được tuyệt đại bộ phận sản phẩm công nghiệp do các khu vực sản xuất tập thể và tư nhân làm ra. Nhà nước phải *từng bước nắm độc quyền về lương thực và những nông sản hàng hóa có giá trị cao* ». Vì vậy, cần thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết Hội nghị thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) về nắm hàng: « Các xí nghiệp quốc doanh phải giao toàn bộ sản phẩm thuộc kế hoạch Nhà nước cho thương nghiệp quốc doanh và hệ thống vật tư của Nhà nước, không được giữ lại sản phẩm để tự tiêu thụ hoặc để thưởng bằng hiện vật. Đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các cơ quan gia công phải thu hồi sản phẩm đầy đủ, đúng quy cách và phải thu mua cho được đại bộ phận sản phẩm do các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp làm ra. Xử lý nghiêm khắc các cơ sở làm ăn gian dối, làm hàng giả hoặc bớt xén nguyên liệu của Nhà nước ».

Ngành thương nghiệp cần đặc biệt coi trọng việc khai thác tiềm năng to lớn của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vì tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cung cấp một nguồn hàng quan trọng cho quỹ hàng hóa của thương nghiệp. Do đó, cần cải tiến chế độ gia công đặt hàng, áp dụng chế độ bán nguyên liệu mua thành phẩm. Để khắc phục những thiếu sót trong công tác thu mua nắm nguồn hàng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cần chuyển một số mặt hàng từ chế độ gia công đặt hàng sang chế độ kế hoạch hóa trực tiếp hoặc chế độ bán nguyên liệu, thu mua thành phẩm theo đúng quy định số 123/CP ngày 9-5-1983 của Hội đồng bộ trưởng.

Về nắm nguồn hàng nông nghiệp, nghị quyết nói trên có ghi rõ: « Thống nhất áp dụng trong cả nước chính sách huy động lương thực theo nghĩa vụ, bao gồm thuế nông nghiệp và thu mua theo nghĩa vụ bằng hợp đồng hai chiều...; kiên quyết loại trừ tư thương ra khỏi thị trường lương thực, nghiêm khắc trừng trị bọn đầu cơ lương thực tận gốc, tránh gây ra tình trạng « cấm chợ ngăn sông ». Việc thu mua lâm sản, hải sản và các nông sản khác cũng thông qua hình thức hợp đồng kinh tế theo giá chỉ đạo ổn định ».

Theo tinh thần nghị quyết nói trên, thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều là *biện pháp chủ yếu* của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để thu mua sản phẩm của người sản xuất tập thể và cá thể, là hình thức vận dụng có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế để phục vụ sản xuất, để Nhà nước nắm chắc nguồn hàng, có lợi cho người sản xuất, là biện pháp có hiệu lực để đấu tranh bình ổn thị trường và giá cả, loại trừ tư thương, củng cố liên minh công nông và thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư doanh. Vì vậy, *cần tăng quỹ hàng hóa để trao đổi với nông dân* thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều về mua bán theo giá chỉ đạo của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc: *ưu tiên dành hàng công nghiệp tiêu dùng cho nông dân, ưu tiên dành nông sản — thực phẩm cho thành phố và khu công nghiệp*; không nên áp dụng hình thức hàng đổi hàng hay

Digitized by Google

bán hàng công nghiệp cho nông dân theo giá cao rồi mua nông sản theo giá cao. Ngoài việc thu mua nông sản, thực phẩm theo hợp đồng hai chiều, Nhà nước còn vận dụng chính sách giá *khuyến khích* để mua thêm nông sản, thực phẩm.

Việc phân phối hàng hóa bán lẻ cần được tổ chức theo hướng: về những mặt hàng cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng, hết sức cố gắng cung cấp đủ, nhất là đối với thành phố và khu công nghiệp tập trung; bảo đảm cho cán bộ, công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và nhân dân lao động mua được những nhu yếu phẩm tối thiểu theo giá chỉ đạo bán lẻ của Nhà nước. Thương nghiệp quốc doanh cần làm tốt nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, xem đó là biện pháp thiết thực nhằm nhanh chóng ổn định đời sống của công nhân, viên chức Nhà nước và các lực lượng vũ trang. Mặt khác, cần phấn đấu để ngày càng có nhiều hàng hóa bán lẻ bình thường tại các cửa hàng, đồng thời mở rộng kinh doanh ăn uống công cộng và dịch vụ, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, khắc phục khuynh hướng chạy theo kinh doanh những mặt hàng giá cao.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, sản xuất nhỏ, phân tán đang còn phổ biến, sự tồn tại của thị trường tự do trên một số lĩnh vực nhất định là không tránh khỏi và cần thiết. Tuy nhiên, bản thân thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã không được tự cho phép mình biến thành một lực lượng của thị trường tự do, kinh doanh theo cơ chế thị trường tự do, mua thì không trực tiếp với người sản xuất, bán thì bán cho bất cứ ai và ở đâu miễn là thu được chênh lệch giá, chỉ muốn kinh doanh những mặt hàng giá cao, những mặt hàng có lãi nhiều, tranh chấp hàng hóa của nhau, mua đi bán lại nhiều lần một mặt hàng, làm cho giá bán lẻ đến người tiêu dùng tăng lên không hợp lý và doanh số bán lẻ cũng tăng lên một cách giả tạo.

Chúng ta xóa bỏ lối quản lý hành chính bao cấp, chuyển sang quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nhưng cần khẳng định bản chất của quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là *kinh doanh theo kế hoạch* chứ không phải kinh doanh theo cơ chế thị trường, mà kinh doanh nhằm mục đích phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Việc sử dụng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa như một công cụ đơn thuần kiếm lãi và do đó hướng nó hoạt động hoàn toàn theo cơ chế thị trường tự do, là một khuynh hướng sai lầm.

Để tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nó phát triển, bảo đảm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa làm được sứ mệnh lịch sử là *người lính xung kích* trên mặt trận phân phối lưu thông, giành lại ưu thế trên thị trường, đem lại thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, chúng ta đấu tranh kiên quyết chống mọi hành động tiêu cực, trì trệ và cách làm ăn không đúng quan điểm kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

★

Tiến hành sắp xếp lại trật tự trên thị trường có tổ chức và đấu tranh có hiệu quả chống tiêu cực trong các tổ chức kinh tế của Nhà nước và tập thể — đó là những điều kiện *cơ bản* để tiến hành *sắp xếp, quản lý và chỉ đạo thị trường tự do.*

Không ngừng tăng cường lực lượng về mọi mặt của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho thương nghiệp quốc doanh làm chủ được thị trường xã hội là nhân tố quyết định để quản lý thị trường tự do, thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Trên cơ sở nắm vững các nguồn hàng nông sản, thực phẩm và nắm trọn vẹn số hàng tiêu dùng do các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh sản xuất, thu hồi toàn bộ số sản phẩm gia công do tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp sản xuất... thương nghiệp quốc doanh vươn lên chiếm lĩnh trận địa bán buôn, nâng cao tỷ trọng của mình trong bán lẻ.

Đó là vấn đề có *ý nghĩa quyết định* bảo đảm cho thương nghiệp *Nhà nước nắm chắc hàng, tiền, làm chủ thị trường và giá cả*, bảo đảm thay thế và làm tốt hơn thương nghiệp tư nhân, đồng thời tạo ra thế mạnh để đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, cải tạo và quản lý thị trường tự do, nhất là cải tạo và sắp xếp lại tiểu thương.

Ở miền Nam, từ nay đến hết năm 1985, đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư doanh; trên cơ sở phát triển nhanh và mạnh lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, *xóa bỏ ngay tư sản thương nghiệp*. Tổ chức, sắp xếp, cải tạo tiểu thương dưới nhiều hình thức để đưa hoạt động lưu thông hàng hóa vào tổ chức và kế hoạch theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, trước hết trong các ngành kinh doanh các mặt hàng thiết yếu: lương thực, thịt, rau, cá, nước chấm, đường, chất đốt v.v.

Ở miền Bắc, củng cố và tăng cường lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực *tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tư sản, tiểu chủ, tiểu thương mới phát triển trong những năm gần đây*.

Trong những ngành hàng mà Nhà nước cần nắm hay nắm tuyệt đại bộ phận, đối với phát triển thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, phải loại trừ ngay tư sản thương nghiệp. Tiến hành *cải tạo tiểu thương dưới những hình thức thích hợp với từng ngành hàng*. Đối với tiểu thương trong các ngành hàng không quan trọng, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa sử dụng một số làm đại lý thu mua và bán lẻ, ngoài ra còn cho phép một số hoạt động dưới sự kiểm soát và quản lý của Nhà nước, lựa chọn số người tốt đưa vào làm trong mạng lưới kinh doanh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chuyển bộ phận không cần thiết trong lưu thông sang sản xuất và dịch vụ.

Đối với kinh doanh xuất nhập khẩu, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc *Nhà nước độc quyền ngoại thương*, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương, thống nhất ngoại tệ và thống nhất quản lý vận tải xuất nhập khẩu; tập trung những mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu vào Nhà nước trung ương; động viên mọi khả năng của địa phương, cơ sở và gia đình tham gia làm hàng xuất khẩu.

Kinh nghiệm thực tế đã chỉ rõ, muốn cải tạo và quản lý thị trường, bảo đảm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa làm chủ thị trường, cần tiến hành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, *kết hợp việc cải tạo này với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp*. Trong khi tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, *phải kết hợp được việc cải tạo giai cấp tư sản với việc cải tạo những người sản xuất nhỏ*. Muốn cải tạo tốt những người sản xuất nhỏ, không phải chỉ có tổ chức họ vào các hình thức kinh tế tập thể, mà còn phải kết hợp tốt các biện pháp *kinh tế, giáo dục và hành chính*, quản lý, giáo dục họ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghiêm chỉnh việc kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước chuyên chính vô sản đối với các hoạt động kinh doanh của họ, bắt buộc họ phải kinh doanh theo đúng pháp luật Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước cần có kế

Digitized by Google

hoạch toàn diện và có chủ trương thích hợp để cải tạo thương nghiệp tư nhân, triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp, thực hiện việc Nhà nước kiểm kê kiểm soát thường xuyên đối với những hoạt động kinh doanh trên thị trường theo nguyên tắc: kinh doanh phải được cấp đăng ký, phải mở tài khoản thanh toán qua ngân hàng và nộp thuế đầy đủ theo chính sách, chịu sự kiểm tra của Nhà nước về kế toán, nguồn hàng, doanh số, vốn, giá cả, phải đăng ký giá, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết. Tiến hành nhanh gọn việc đăng ký kinh doanh công thương nghiệp, đồng thời thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh thuế công thương nghiệp của Nhà nước. Đây là một biện pháp tích cực giúp cho Nhà nước thực hiện được việc kiểm kê, kiểm soát toàn bộ kinh doanh công thương nghiệp. Những sửa đổi trong chính sách thuế công thương nghiệp lần này là nhằm chủ yếu điều chỉnh sự đóng góp của các cơ sở kinh doanh công thương nghiệp cho công bằng hợp lý hơn và điều tiết một cách thích đáng thu nhập của những cơ sở kinh doanh có thu nhập không hợp lý và rất cao, thu về cho xã hội phần thu nhập phi pháp của những kẻ lợi dụng khó khăn chung của đất nước để làm giàu, sống xa hoa, phè phỡn.

Có tiến hành tốt công tác đăng ký kinh doanh công thương nghiệp, thi hành nghiêm chỉnh pháp lệnh thuế công thương nghiệp và pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, kết hợp việc thi hành pháp lệnh thuế công thương nghiệp với việc phát triển mạnh mẽ mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa nhằm vươn lên chiếm lĩnh thị trường, Nhà nước mới có điều kiện sắp xếp và cải tạo thương nhân theo hướng sử dụng, hạn chế và cải tạo họ một cách có kết quả.

Lãnh đạo tốt cuộc...

(Tiếp theo trang 7)

những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và sự hướng dẫn của chính quyền cấp trên, các cấp ủy Đảng cần thường xuyên kiểm điểm, rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo chính quyền, đề ra những quy định chặt chẽ, thích hợp trong mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

★

Các Luật mới về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, về bầu cử Hội đồng nhân dân đã thể chế hóa nghị quyết của Đại hội thứ V của Đảng về sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền địa phương và cơ sở, và cụ thể hóa Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Trong toàn bộ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với chính quyền thì khâu lãnh đạo tốt việc bầu cử Hội đồng nhân dân có ý nghĩa quan trọng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Với ý nghĩa đó, các cấp ủy Đảng cần làm tốt việc lãnh đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện hình thức, thiếu dân chủ trong bầu cử mà một số địa phương và cơ sở thường mắc phải, tạo ra sự chuyển biến thật sự có ý nghĩa trong việc tăng cường hiệu lực hoạt động của các cơ quan dân cử, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Digitized by Google

Để góp phần xây dựng chiến lược khoáng sản của nước ta

TẠ-HOÀNG-TINH – TRẦN-ĐỨC-GIANG

ĐẤT nước ta «rừng vàng, biển bạc». Đó là câu tổng kết và đánh giá khái quát nhất về tài nguyên thiên nhiên của nước ta. Câu nói thật đầy tính hiện thực và cũng là niềm mơ ước cao đẹp của nhân dân ta.

Trữ lượng khoáng sản đã được thăm dò đánh giá là một trong những nguồn tư liệu quan trọng nhất của lực lượng sản xuất xã hội. Những nguồn tư liệu này không phải là không bao giờ cạn và một khi đã cạn kiệt thì không thể tái tạo được. Đó là một đặc thù của tài nguyên khoáng sản.

Sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên khoáng sản đang là một mối đe dọa đối với nhiều quốc gia, đối với nhân loại.

Vì vậy, việc đánh giá định lượng cán cân tài nguyên phải được dựa trên hai cơ sở:

1. Đánh giá đúng tiềm năng tài nguyên của đất nước (trữ lượng tự nhiên, trữ lượng kỹ thuật, trữ lượng kinh tế – kỹ thuật).

2. Có được chiến lược đúng đắn về thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng, phát triển và bảo vệ các nguồn tiềm năng tài nguyên.

Mục tiêu cơ bản của hai vấn đề này đối với chúng ta là: quản lý và huy động một cách tiết kiệm, hợp lý và tổng hợp tài nguyên nhằm xây dựng và phát triển nền kinh tế – xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân, theo con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

★

Đảng và Nhà nước ta đã sớm quan tâm đến công tác điều tra cơ bản tài nguyên khoáng sản của đất nước. Từ sau ngày đánh thắng giặc Pháp (1954) cũng như từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1975) đến nay, công tác điều tra nghiên cứu thăm dò địa chất và khai thác mỏ đã được tiến hành có hệ thống, quy mô ngày càng lớn, công nghệ ngày càng tiến bộ, và trên một số lĩnh vực đã thu được những thành tựu đáng kể.

Tất cả những kết quả của công tác điều tra cơ bản địa chất đã đóng góp tích cực vào việc làm sáng tỏ cấu trúc địa chất, lịch sử phát triển địa

Digitized by Google

chất, quy luật sinh thành, phân bố và triển vọng khoáng sản của đất nước nói chung và trên từng vùng lãnh thổ nói riêng, làm căn cứ khoa học để huy động các nguồn khoáng sản phục vụ các mục tiêu kinh tế khác như nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thủy lợi, xây dựng, quốc phòng và vào các mục đích khác ngoài việc khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản, đồng thời định hướng cho việc tiếp tục tìm kiếm thăm dò và khai thác, sử dụng các khoáng sản.

Việt-nam có một vị trí rất độc đáo, là nơi kế tiếp giữa mũi đại dương và lục địa, là nơi giao nhau của hai vành đai kiến tạo sinh khoáng Thái-bình-dương và Địa-trung-hải. Dưới ảnh hưởng hoạt động kiến tạo của hai vành đai này, cơ chế hoạt động khối tảng đã diễn ra nhiều lần đồng thời các đá khác nhau như trầm tích, mác ma, biến chất và các mỏ khoáng sản có liên quan với chúng được hình thành. Việt-nam lại là một nước nhiệt đới gió mùa. Nhiều dạng vận động của vật chất trong những điều kiện tự nhiên ấy đã biến đổi và phát triển qua các niên đại địa chất — từ lúc khởi thủy của trái đất cho tới ngày nay đã tạo nên cho lãnh thổ này những kho báu hết sức phong phú, đa dạng và phức tạp.

Từ lâu, con người nghiên cứu địa chất lòng đất chỉ nhằm khai thác lòng đất theo một chiều hướng là để phục vụ cho lợi ích trước mắt của con người. Đó là một xu hướng không tiến tiến, chỉ làm cạn kiệt lòng đất và làm phung phí sự giàu có có giới hạn của lòng đất mà thôi. Ngày nay, những yêu cầu cơ bản của nghiên cứu địa chất lòng đất là phải xuất phát từ quan điểm sử dụng tiết kiệm, hợp lý, tổng hợp và bảo vệ lòng đất. Có nghĩa là phải nghiên cứu địa chất lòng đất một cách đầy đủ, bảo đảm những căn cứ khoa học để xác định đúng đắn phương hướng mục tiêu và phương pháp sử dụng tài nguyên khoáng sản và lòng đất một cách có hiệu quả kinh tế cao nhất. Mặt khác, phải ngăn ngừa các hiện tượng gây nhiễm bẩn lòng đất, phá hoại môi trường thiên nhiên và các khu vực bảo tồn có giá trị khoa học, văn hóa lịch sử đặc biệt; không gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của nhân dân hiện nay và mai sau.

Theo kết quả của các công tác điều tra cơ bản về địa chất, tuy chưa thật đầy đủ và chính xác, cho tới nay ở nước ta đã đăng ký được gần 2000 mỏ và điểm quặng của 90 loại khoáng sản, được đánh giá ở nhiều mức độ khác nhau. Trong số đó hơn 50 loại khoáng sản và gần 300 mỏ và vùng quặng được tìm kiếm, thăm dò. Hơn 30 loại khoáng sản và trên 100 mỏ đã được huy động vào khai thác hoặc thiết kế khai thác.

Việc nghiên cứu thăm dò và khai thác khoáng sản đã tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ phục vụ trực tiếp cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp nặng, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương... như: than, sắt, cao lanh, vật liệu xây dựng... Mặt khác cũng đã tạo thêm nguồn hàng xuất khẩu như: thiếc, a pa tit, crô mit v.v.

Việt-nam có gần đủ các loại khoáng sản. Các khoáng sản năng lượng như: than đá, than nâu, than bùn, dầu mỏ, khí thiên nhiên, quặng phóng xạ; các loại khoáng sản kim loại như: đất hiếm, thiếc, bô xit, sắt, crô mit; và các loại khoáng sản không kim loại như: a pa tit, cao lanh, đá vôi — đây là những loại khoáng sản có trữ lượng lớn. Các loại nguyên liệu khoáng dùng để sản xuất vật liệu xây dựng như: sứ, gốm, thủy tinh khá dồi dào. Nước dưới đất, nước khoáng và nước nóng có một trữ lượng đáng chú ý. Triển vọng về vàng, về các đá ngọc, đá quý và các đá ốp lát rất đáng quan tâm xem xét. Một số khoáng sản khác như:

Digitized by Google

than mỡ, thạch cao, muối mỏ... trữ lượng còn hạn chế.

Khoáng sản Việt-nam phong phú về chủng loại, đa dạng về loại hình, phức tạp về cấu trúc và sử dụng, nhưng còn có một số giới hạn về tiềm năng.

Bên cạnh các mỏ khoáng sản quy mô lớn, gần 90% các mỏ của ta có quy mô trung bình hoặc nhỏ; nhiều mỏ nằm trong các điều kiện địa chất không thuận lợi, chất lượng quặng thuộc loại trung bình thấp, khai thác phức tạp, giao thông chưa phát triển, chế biến sử dụng khó khăn, ngoài nguyên tố chính còn có những nguyên tố khác đi kèm và tạp chất có hại.

Đó là những mặt hạn chế của tài nguyên khoáng sản phải thấy trước. Có nhận thức đầy đủ như vậy, chúng ta mới có quan niệm đúng đắn về « rừng vàng, biển bạc » của đất nước.

★

Nhiều nhà nghiên cứu khoa học địa chất, khoa học tự nhiên cũng như kinh tế và xã hội thường mang trong lòng một nỗi lo âu, đúng hơn là một nỗi băn khoăn dằn vặt: các số liệu điều tra cơ bản của ta đã có đủ chưa, mức chính xác và độ tin cậy đến đâu, quan điểm đánh giá hiện trạng, các phương pháp dự báo và dự đoán như thế nào? Đó là những suy nghĩ băn khoăn đúng đắn.

Song nhìn chung những số liệu điều tra cơ bản của bất kỳ một lĩnh vực khoa học nào, nhất là khoa học địa chất đều đạt được mức chính xác và độ tin cậy trong những điều kiện lịch sử nhất định. Một mặt số liệu điều tra cơ bản tương ứng với giá trị đầu tư. Mặt khác, nó luôn luôn biến động theo những biến động của các phát kiến địa chất, của những tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng, của những nhu cầu mới phát sinh ngày càng cấp thiết và tăng cao của việc phát triển nền kinh tế quốc dân mà nó cần phải đáp ứng. Xu thế chính của vấn đề này là luôn luôn tạo nên một sự mất cân bằng. Để hiểu rõ được thế « cân bằng động » đó, cần phải xác định rằng việc đánh giá hiện trạng và dự báo chỉ bảo đảm được sự tuyệt đối có tính thời đoạn trong cái tương đối của cả quá trình. Mỗi hiện trạng địa chất trong bản thân nó vừa mang tính cụ thể vừa mang tính dự báo. Cái hiện trạng của ngày hôm nay là kết quả của dự báo ngày hôm qua và là tiền đề cho dự báo của ngày mai. Khi đánh giá đúng hiện trạng cũng mới chỉ là sự tiệm cận với thực tiễn đương thời và khi dự báo tốt cũng chỉ là sự tiệm cận với thực tiễn của tương lai. Nhưng chỉ có trên các điểm tựa đó mới có thể lập nên những quy hoạch tổng thể và kế hoạch hóa các ngành kinh tế quốc dân một cách có cơ sở khoa học.

Để nâng cao tính khoa học và tính hiện thực của vấn đề kế hoạch hóa các công tác điều tra thăm dò địa chất và khoáng sản, một vấn đề cần thiết phải giải quyết, đó là *phân loại khoáng sản*. Ở đây việc phân loại khoáng sản dựa vào những đặc điểm tình hình kinh tế — khoáng sản và chính sách sử dụng nhằm bảo đảm cho việc đầu tư của Nhà nước đạt hiệu quả cao. Vì vậy, cần thiết phải xem xét những vấn đề chủ yếu như sau:

— Các mỏ có thể xếp vào nhóm có *trữ lượng lớn và trung bình*, còn cần phân ra loại có chất lượng cao và loại có chất lượng thấp hoặc trung bình.

Các khoáng sản có trữ lượng lớn hoặc trung bình nhưng chất lượng khá tốt, có: than đá, thiếc, crô mit, ti tan, đá vôi, xi măng, cát thủy tinh... Đối với nhóm những mỏ này không cần đầu tư nhiều vào công tác tìm kiếm mở rộng. Nên đầu tư vào công tác thăm dò khai thác theo kế hoạch sử dụng nội địa và xuất khẩu có mức

Digitized by Google

độ. Các khoáng sản có trữ lượng lớn hoặc trung bình, nhưng chất lượng trung bình hoặc thấp như: a pa tít, bô xít, đất hiếm, đá vôi hóa chất... cần đầu tư nghiên cứu công nghệ học: tuyển chọn, chế biến, và các hướng sử dụng mới, nhằm sử dụng nội địa và nâng cao giá trị thương phẩm xuất khẩu. Than nâu ở đồng bằng sông Hồng tuy có trữ lượng lớn nhưng điều kiện khai thác khó khăn, điều kiện kinh tế nước ta hiện nay và hết thế kỷ này chưa cho phép sử dụng được.

– Nhóm mỏ có *trữ lượng không nhỏ* đã được đánh giá cần thăm dò thêm một mức độ hợp lý. Đối với nhóm này, cần đầu tư mạnh vào công tác nghiên cứu công nghệ học để giải quyết vấn đề kỹ thuật chế biến sử dụng. Khai thác sử dụng nội địa là chủ yếu, xuất khẩu hạn chế.

Thuộc nhóm mỏ khoáng sản này có: quặng sắt, u ran, thiếc gốc, cao lanh các loại, các khoáng sản làm nguyên liệu chịu lửa (quac dit thứ sinh, đô lô mit), nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng nung và không nung (sét, la tê rit, pu dơ lan, cát, cuội, sỏi), than bùn, nước dưới đất, nước khoáng và nước nóng.

– Nhóm mỏ có *trữ lượng hạn chế* không bảo đảm nhu cầu tiêu dùng lâu dài như: than mỡ, măng gan, py rit, chì, kẽm, thủy ngân, mỏ líp den, ăng ti moan, von phram, thạch cao v.v.

Một số khoáng sản trong nhóm mỏ này không những trữ lượng nhỏ mà chất lượng quặng thường đạt mức thấp hoặc trung bình thấp. Mặt khác một số khoáng sản thường ở dạng đa nguyên tố, thành phần tạp chất khá cao (đa kim, đồng, ăng ti moan, vàng). Do vậy cần phải tìm kiếm phát hiện một số mỏ có thể còn bị bỏ sót; đẩy mạnh nghiên cứu đánh giá những điểm khoáng đã được tìm kiếm, phát hiện, đẩy mạnh khâu nghiên cứu công nghệ học, kiểm tra chặt chẽ, bảo đảm sử dụng hợp lý, tổng hợp và tiết kiệm tài nguyên. Bên cạnh đó cần phải tính toán các nhu cầu nhập khẩu có tính chất ổn định, chặt chẽ và hạn chế.

– Nhóm các khoáng sản chưa được đánh giá đầy đủ nhưng có triển vọng và *có giá trị kinh tế cao*, gồm có: vàng (vàng sa khoáng và vàng gốc), các loại đá ngọc, đá quý (làm đồ trang sức). Đối với nhóm này việc đầu tư cho nghiên cứu, thăm dò, khai thác ít tốn kém nhưng hiệu quả đưa lại nhanh nhất.

– Nhóm các *khoáng sản nhiên liệu* như dầu hỏa, khí thiên nhiên đã có những chủ trương đặc biệt. Các nguồn địa nhiệt cần được quan tâm thử nghiệm để trong một tương lai không xa có thể có thêm nguồn năng lượng mới.

Trong các nhóm khoáng sản đã nêu trên chúng ta thấy được khá rõ nét những loại khoáng sản trọng tâm rất cần thiết cho những nhu cầu trước mắt và trong một khoảng thời gian tương đối gần cần có sự đầu tư thích đáng.

Tuy nhiên, ta thử đặt một vấn đề: trong hàng loạt khoáng sản đó, và trong cả số khoáng sản được xem như là khoáng sản trọng tâm thì những khoáng sản nào sẽ có thể là *khoáng sản mũi nhọn*, làm đòn bẩy kinh tế, khoáng sản có tầm chiến lược quốc gia và quốc tế không những trước mắt mà cả về lâu dài. Phải chăng đó là các loại khoáng sản sau đây mà chúng ta cần đặc biệt quan tâm điều tra, nghiên cứu khai thác và sử dụng:

1. Vàng là một loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao, tiềm năng lớn, không đòi hỏi đầu tư công nghệ và kỹ thuật quá phức tạp hoặc phải nhập từ nước ngoài, đặc biệt là vàng sa khoáng. Có đầu tư thì nhất định có hiệu quả và có hiệu quả tức thời. Yêu cầu cơ bản đối với vấn đề điều tra khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản vàng là vấn đề *tổ chức* và *quản lý*.

Digitized by Google

Nghề khai mỏ vàng là một nghề có truyền thống lâu đời của nhân dân ta, bị mai một trong vài chục năm qua. Trong vòng vài năm gần đây, việc đãi cát tìm vàng đã dấy lên như một cao trào tự phát không thể dập tắt được ở một số địa phương. Do đó, tài nguyên vàng bị tổn thất, bị biến nghèo. Nạn « chảy máu vàng » trầm trọng. Tệ nạn xã hội phát triển. Những hiện tượng tiêu cực đó cần phải được ngăn chặn bằng ngay việc tổ chức lại kịp thời nghề khai mỏ vàng và quản lý chặt chẽ, có bảo đảm hiệu quả.

2. Đá ốp lát, đá quý, đá xây dựng (bao gồm cả đá vôi) có tiềm năng rất lớn. Ngoài việc thỏa mãn lâu dài nhu cầu sử dụng trong nước, hoàn toàn có thể thỏa mãn những nhu cầu xuất khẩu. Đầu tư không cao, kỹ thuật không khó nhưng hiệu quả nhiều. Yêu cầu cơ bản đối với vấn đề này là tìm các nơi tiêu thụ và nghiên cứu công nghệ mỹ thuật theo thị hiếu của người tiêu dùng.

3. Đất hiếm là một tài nguyên khoáng sản có tiềm năng rất lớn, là nguyên liệu khoáng đáp ứng rộng rãi yêu cầu của nhiều ngành công nghiệp phát triển cao của thế giới và trong nước. Đó là kim loại của thế kỷ XXI, ta cần phải biết đón trước hướng phát triển khoa học và kỹ thuật của thời đại. Yêu cầu cơ bản đối với vấn đề điều tra khai thác sử dụng đất hiếm là việc nghiên cứu công nghệ học và mở rộng khoa học ứng dụng. Hướng là phải tạo ra những sản phẩm tinh và siêu sạch. Có đầu tư thì nhất định có hiệu quả, hiệu quả tuy không tức thời nhưng rất lớn và lâu dài. Ngay từ bây giờ cần phải có một quy hoạch tổng thể và những kế hoạch thực dụng để triển khai tốt công việc.

★

Toàn bộ các tài nguyên khoáng sản là tài sản quốc gia, thuộc sở hữu toàn dân. Nhà nước độc quyền thống nhất quản lý. Mặt khác sự nghiệp nghiên cứu điều tra, phát hiện, khai thác, chế biến, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và lòng đất là sự nghiệp của toàn dân, của từng tập thể, và của từng công dân.

Đây là một sự nghiệp lớn lao cần phải huy động mọi lực lượng « Nhà nước và nhân dân cùng làm »; « Quốc doanh và tập thể cùng làm », « Trung ương và địa phương cùng làm ». Việc phát triển, bảo vệ và hiện đại hóa nghề mỏ truyền thống của dân tộc trên mọi địa bàn có khoáng sản của đất nước cần trở thành một cao trào cách mạng kỹ thuật trong ngành địa chất, khai thác mỏ, và chế biến khoáng sản nhằm đưa nhanh hơn nữa những kết quả điều tra địa chất khoáng sản vào phục vụ kinh tế và xã hội, theo đúng hướng: « vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương là cách đi tốt nhất cho phép khai thác tốt mọi khả năng của đất nước để tăng nhanh sản xuất, đẩy mạnh phân công lao động, mở mang ngành nghề, tạo thêm của cải » (1).

Về bước đi của cuộc cách mạng kỹ thuật này, cần tiến hành như lời đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Phải vừa có nhảy vọt từ thủ công lên cơ khí ngay, lại vừa có tuần tự tiến từ thủ công lên nửa cơ khí rồi sau đó mới lên cơ khí » (2).

Trong khi chờ đợi xây dựng một bộ luật đầy đủ về sử dụng và bảo vệ tài nguyên thì vấn đề cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, sớm ban hành một « Pháp lệnh bảo vệ lòng đất », điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới một số chế độ, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế của xã hội sẽ có ý nghĩa thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình nghiên cứu và sản xuất.

(1), (2) Lê-Duẩn: *Về quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tr. 10 và tr. 22.

Digitized by Google

LÀM TỐT CÔNG TÁC ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ

CƯ - HÒA - VẦN

Ở nước ta có hơn hai triệu đồng bào du canh du cư thuộc các dân tộc thiểu số, trong đó hơn một nửa là đồng bào H' Mông, Dao, Gia-rai, Ê-đê, hầu hết ở vùng rừng núi Trường-sơn, Tây-nguyên và biên giới phía bắc, nơi kẻ địch hằng ngày chống phá ta về mọi mặt. Ở đấy, phương thức canh tác chủ yếu của đồng bào là du canh, phát, đốt nương rẫy, trồng trọt theo lối chọc, tỉa; chăn nuôi gia súc còn thả rông. Cuộc sống của đồng bào có tình trạng tự cấp tự túc, lạc hậu, bệnh tật, khổ cực.

Nhằm giảm dần số người du canh du cư, Đảng và Nhà nước ta đã phát động cuộc vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa nông nghiệp từ năm 1968, và mở rộng ra cả nước sau đại thắng mùa xuân năm 1975. Trong 15 năm qua, cuộc vận động đã tác động đến 1,6 triệu đồng bào ở 1300 trong số 1650 xã thuộc 160 huyện của 22 tỉnh miền núi và có miền núi, và đã thu được những thắng lợi quan trọng. Đồng bào các dân tộc ở những nơi định canh định cư đã được cải thiện một bước về đời sống vật chất và tinh thần, đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong 15 năm, đã khai hoang được 114000 ha ruộng đất, bao gồm ruộng bậc thang, ruộng nước, ruộng cạn, nương có bờ đá ở vùng núi đá ; xây dựng 2000 công trình thủy lợi nhỏ tưới cho 40000 ha ruộng và kết hợp xây dựng 20 trạm thủy điện nhỏ. Ở Gia-lai – Kon-tum đã có thêm hàng vạn héc ta ruộng nương, góp phần vào việc giải quyết vấn đề lương thực trong tỉnh ; những nơi bình quân đầu người có 1000m^2 đến 2000m^2 ruộng nương chẳng những đã tự túc được lương thực mà còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đã trồng được 50000 ha rừng tập trung và 13000 ha cây công nghiệp, xây dựng gần 100 cơ sở chăn nuôi trâu bò đàn. Đã di chuyển và làm nhà ở mới cho gần 7 vạn hộ gồm hơn 40 vạn nhân khẩu, xây 3000 giếng hoặc bể nước cho những nơi thiếu nước ăn và 2050 công trình phúc lợi tập thể, mở 9700km đường giao thông nông thôn trong đó có 3500km đường ô tô nối với đường trục trong mùa khô, và làm 380 cầu treo; thành lập được 3909 hợp tác xã và 1869 tập đoàn sản xuất nông lâm nghiệp v.v. Cho đến nay, ở các tỉnh Hà-tuyên, Hoàng-liên-sơn, Quảng-ninh, Hà-sơn-bình, Thanh-hóa, Bình-trị-thiên, Quảng-nam – Đà-nẵng, Nghĩa-bình, Gia-lai – Kon-tum đã có 120 xã bao gồm 100 000 đồng bào các dân tộc

Digitized by Google

thiểu số trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, nông lâm nghiệp đã được công nhận là hoàn thành định canh định cư. Đến nay, tỉnh nào, vùng nào và dân tộc nào cũng xây dựng được những mô hình toàn diện và từng mặt về định canh định cư.

Tuy nhiên, kết quả vận động định canh định cư 15 năm qua còn thấp so với yêu cầu và công của bỏ ra. Số người du canh du cư hoặc định cư du canh vẫn còn rất lớn. Còn 258 xã chưa triển khai cuộc vận động, nhất là ở những vùng xa xôi hẻo lánh chưa có đường sá, từ huyện xuống xã phải đi bộ mấy ngày. Phần lớn những xã đã triển khai cuộc vận động cũng còn dở dang, chưa có cơ sở vật chất vững chắc để ổn định đời sống lâu dài. Đối với nhiều huyện vùng núi đá Cao-bằng và Hà-tuyên, dân đông, đất canh tác thiếu, rừng bị tàn phá hầu hết; nguồn nước ăn cho người và gia súc đều thiếu, kẻ địch lại ở kề bên luôn luôn quấy phá, vấn đề lương thực và đời sống nói chung được đặt ra rất cấp bách. Ở Tây-nguyên còn chưa xác định được những hình thức và bước đi cụ thể trong cuộc vận động cho phù hợp với trình độ kinh tế — xã hội của nhân dân địa phương.

Vì thế, trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong 15 năm qua, nhất là từ những mô hình định canh định cư, chúng tôi xin nêu ra mấy kinh nghiệm nhằm làm tốt hơn nữa cuộc vận động định canh định cư theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng.

1 — Đem lại cho đồng bào một đời sống ổn định, trước hết là giải quyết tốt vấn đề lương thực.

Từ bao đời nay, đồng bào các dân tộc thiểu số phải sống du canh du cư vẫn tha thiết mong muốn có một đời sống ổn định. Cho nên, đồng bào sẵn sàng hưởng ứng cuộc vận động định canh định cư, vì nó đáp ứng nguyện vọng tha thiết lâu đời ấy. Và nguyện vọng đó của đồng bào cũng chính là mục tiêu quan trọng bậc nhất của cuộc vận động. Cuộc vận động định canh định cư nhất thiết phải từng bước thực hiện cho được mục tiêu ấy.

Du canh du cư ở nước ta là dựa vào rừng, phá rừng, đốt rừng để làm nương rẫy sản xuất lương thực, giải quyết cái ăn trước mắt, khác nào phá mất thế mạnh của miền núi. Rừng già, rừng non đều bị phá. Hậu quả là hết rừng, đất bị thoái hóa, cằn cỗi, cày trồng còi cọc, mất cả nghề rừng và nghề thủ công dựa vào rừng, nước ăn cũng cạn, thiên tai khủng khiếp, đồng bào đành phải bỏ nơi chôn rau cắt rốn đi nơi khác để tìm miếng ăn trước mắt. Đó là cái vòng luẩn quẩn khủng khiếp và nguy hiểm. Cho nên, để thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn ấy, điều quan trọng trước hết là làm cho đồng bào có đất trồng trọt ổn định với phương hướng sản xuất đúng. Tạo nên diện tích đất trồng lương thực ổn định cho đồng bào là cả một công trình mất khá nhiều công sức. Bằng cách kiên trì khai hoang, mở rộng diện tích, kiến thiết đồng ruộng, làm thủy lợi, tạo nên những ruộng lúa nước, ruộng bậc thang, ruộng cạn, nương có bờ dá, hốc đá có đất... Trên những diện tích đất trồng này, tiến hành những biện pháp thâm canh thích hợp để dần dần có được đất trồng lương thực ổn định. Và trong tình hình rừng bị phá nhiều, gắn liền với những biện pháp thâm canh, phải kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển vốn rừng, trả lại màu mỡ cho những đất đai bị cằn cỗi, giữ gìn những đất đai đang trồng trọt, bảo vệ môi trường, tạo thế cân bằng sinh thái từng khu vực và trong cả nước. Phương hướng sản xuất đúng ở những vùng định canh định cư còn đòi hỏi

Digitized by Google

có sự kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, vì nhiều vùng có vị trí xung yếu, cần được tạo thành một thế trận liên hoàn bảo vệ đất nước. Phương hướng đó cũng gắn với kế hoạch phân vùng kinh tế của cả nước và nhất là trên địa bàn huyện. Sản xuất ra lương thực ngày càng ổn định và dù ít hay nhiều cũng đều rất quý, có ý nghĩa về nhiều mặt. Vì ở những vùng núi đá, xa xôi hẻo lánh, dù có tiền cũng không để gì mua được lương thực, hoặc dù Nhà nước có tiếp tế cũng phải khó khăn lắm mới đưa tới được. Làm theo phương hướng đó, nhiều hợp tác xã, nhiều huyện đã phấn đấu tự túc được lương thực tại chỗ. Ví dụ huyện A-lưới (Bình-trị-thiên) năm 1975 mới khai phá được 46 ha ruộng nước, đến năm 1982 do mở rộng diện tích trồng trọt cho nên bình quân đầu người đã có 400 kg lương thực và huyện đã bán cho Nhà nước trên 600 tấn, 4 xã đã chấm dứt được nạn phá rừng làm rẫy.

Ngày nay với hàng triệu héc ta đất trống và đồi trọc đang hằng ngày bị xói mòn, thoái hóa, do nạn phá rừng gây ra, chúng ta lại càng thấy rõ việc khai hoang mở rộng diện tích nông nghiệp không thể tách rời việc bảo vệ và xây dựng vốn rừng. Đất và rừng gắn chặt với nhau và nương tựa nhau để tồn tại và phát triển. Vì vậy, xây dựng cơ cấu kinh tế nông – lâm nghiệp ngay từ đầu là điều kiện vật chất có ý nghĩa quyết định nhất để tạo nên những vùng định canh định cư ổn định lâu dài. Điều này cần được giáo dục sâu rộng trong nhân dân và thấm nhuần trong công tác tổ chức thực hiện cuộc vận động. Những năm qua, một số nơi đã làm tốt mặt này. Thanh-hóa trồng được hơn 18 000 héc ta rừng luồng. Riêng huyện Quan hóa trong cuộc vận động định canh định cư đã trồng được 15 000 héc ta rừng, hiện đã khai thác hàng triệu cây/năm và đến năm 1985 sẽ có 7 triệu cây/năm : trong khi đó vẫn khai hoang được 1481 héc ta đất nông nghiệp (671 héc ta ruộng nước), đưa sản lượng lương thực từ 9600 tấn năm 1965 lên 18 900 tấn năm 1981, đạt bình quân 16 kg/người/tháng. Đồng bào Dao ở Quang-ninh đã trồng hàng nghìn héc ta rừng quế của tập thể, năm 1981 – 1982 đã bán cho Nhà nước hơn 13 triệu đồng tiền quế « định canh định cư ». Đồng bào K' Ho ở Quảng-nam – Đà-nẵng, Nghĩa-bình chỉ có khoảng 16 000 người mà hằng năm xuất khẩu hơn 1 triệu đô la quế ra thị trường thế giới. Đồng bào H' Mông có truyền thống trồng cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới. Đi đôi với việc bảo vệ rừng và trồng rừng để giữ gìn và tăng độ màu mỡ cho đất nông nghiệp, chúng ta cần tổ chức tốt việc kinh doanh nghề rừng theo quy hoạch phân vùng sản xuất trên địa bàn huyện sau khi được cơ quan Nhà nước giao đất, giao rừng. Và từ vốn rừng ngày càng tăng đó, tổ chức tốt việc chăn nuôi gia súc lớn, các ngành nghề thủ công, chế biến... Các ngành, nghề đều phát triển thì càng có điều kiện đổi mới các công cụ sản xuất và nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, làm cho đồng bào các dân tộc ở những vùng đó dần dần làm chủ đời sống của mình.

Khi đã định canh được, nghĩa là khi đã sản xuất đủ lương thực tại chỗ, các ngành nghề dần dần phát triển, thì định cư được. Định cư tốt thì càng định canh tốt. Định canh thật ra mới giải quyết được cái ăn. Người ta thường nói « an cư mới lạc nghiệp », cho nên phải chú ý đúng mức việc xây dựng bản làng định cư bao gồm nhà ở, các công trình phúc lợi tập thể theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới và cuộc sống mới, đặc biệt chú trọng giải quyết vấn đề nước ăn cho người và gia súc ở những nơi thiếu nguồn nước sạch. Trong thời gian qua, những trường học, trạm y tế, hợp tác xã mua bán,

Digitized by Google

giếng xây, nhà vệ sinh, v.v. ở những bản làng định cư tuy chưa được xây dựng nhiều, nhưng những công trình kiên cố hoặc nửa kiên cố đó ở vùng núi cao đã tượng trưng cho ánh sáng văn hóa, văn minh của chủ nghĩa xã hội. Những nếp nhà ngói riêng cho từng hộ kèm theo vườn, thẳng hàng thẳng lối của đồng bào Ba-na vừa tách khỏi cái hộ lớn gồm tất cả họ hàng con cái sống chung trong một mái nhà dài ở làng Ha-ry huyện Vĩnh-thạch (Nghĩa-bình) nói lên một sự tiến bộ xã hội tính bằng thời đại. Mỗi một công trình, dù nhỏ hay lớn của sự nghiệp văn hóa giáo dục, bảo vệ sức khỏe được xây dựng ở những vùng đồng bào định canh định cư đều có ý nghĩa thật sự tốt đẹp.

Việc mở mang đường sá, tăng cường phương tiện giao thông vận tải để nối liền những bản làng định canh định cư với nhau và nhất là các bản làng đó với huyện, với tỉnh, với những trung tâm kinh tế, văn hóa đã làm cho đồng bào không còn phải sống cách biệt, mà trở nên gần gũi với cuộc sống có văn hóa của toàn xã hội. Chủ nghĩa xã hội sẽ đo những con đường này đến với đồng bào một cách cụ thể bằng vật tư kỹ thuật, bằng hàng hóa, bằng ánh sáng văn hóa, bằng khoa học kỹ thuật; chính những con đường này đưa đồng bào vào đời sống chung hằng ngày của đất nước.

2— Tự nguyện, « Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm ».

Định canh định cư là một cuộc cải biến cách mạng sâu rộng dựa trên sự tự nguyện của đồng bào. Đồng bào ở đây còn bị hạn chế về nhiều mặt, nhất là về trình độ hiểu biết. Cho nên, công tác tuyên truyền giáo dục đối với đồng bào cần dựa vào những điều thực tế dễ hiểu, những hình ảnh cụ thể trong cuộc sống và tiến hành bằng phương pháp thiết thực, đơn giản để đồng bào có thể dần dần hiểu được chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, những lợi ích do cuộc vận động đem lại, những khổ đau, tối tăm của cuộc sống du canh du cư. Thực tế cho thấy, việc xóa bỏ thói quen lâu đời du canh du cư là rất khó. Chỉ khi nào đồng bào tự mình thấy rõ cái hại của du canh du cư, thấy rõ định canh định cư là để có một cuộc sống ổn định và ngày càng tốt đẹp, thì khi đó đồng bào mới tự giác thực hiện và tiếp thu sự giúp đỡ của Nhà nước một cách có hiệu quả. khi đó mới thực hiện được phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm ». Sự giúp đỡ, đầu tư của Nhà nước đối với việc định canh định cư của đồng bào là hết sức cần thiết, vì nếu không, thì có nhiều khó khăn, đồng bào không đủ sức vượt qua được. Nhưng chỉ khi nào đồng bào tự nguyện, tự giác thì vốn, vật tư, lương thực mà Nhà nước bỏ ra để xây dựng các công trình sản xuất, phúc lợi tập thể, nhà cửa v.v., mới không bị lãng phí. Dương nhiên, sự giúp đỡ, đầu tư của Nhà nước là ở những khâu cần thiết, có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình cuộc vận động, đồng thời nhằm phát huy khả năng tự lực tự cường và tinh thần chủ động của đồng bào chứ không phải là đầu tư tràn lan, gây nên tâm lý ỷ lại, trông chờ, đòi hỏi. Thực tế cho thấy, nhiều nơi vốn ít mà vẫn làm được nhiều việc, phong trào có cơ sở quần chúng vững chắc thì dù việc giúp đỡ, đầu tư của Nhà nước không nhiều hoặc không đồng bộ, cuộc vận động vẫn tiến triển tốt. Song một số nơi, do thiếu sự quan tâm giúp đỡ, đầu tư đúng mức của Nhà nước, thực hiện không tốt phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm », cho nên cuộc vận động giậm chân tại chỗ.

Digitized by Google

Trong các hình thức định canh định cư thì ở nhiều vùng, định canh định cư tại chỗ vẫn là chủ yếu. Chỉ nên xây dựng những cụm dân cư mới của đồng bào định canh định cư đối với những nơi cư trú quá phân tán hoặc những nơi cư trú quá đông không đủ ruộng đất làm ăn sinh sống. Song trong những trường hợp này, cần cân nhắc kỹ, nhất là ở những nơi có yêu cầu bảo vệ biên giới. Đồng thời, chúng ta tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện rộng rãi việc thu hút đồng bào vào các cơ sở sản xuất quốc doanh: nông trường, lâm trường, cung bảo dưỡng đường giao thông... Đây là một hình thức thực hiện có ý nghĩa về nhiều mặt, làm cho đồng bào có thể đi những bước nhanh hơn lên chủ nghĩa xã hội. Trong công tác vận động định canh định cư, chúng ta phải chú ý thực hiện thật tốt chính sách dân tộc của Đảng.

Vận động định canh định cư thực chất cũng là vận động xây dựng từ đầu lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở những vùng còn du canh du cư, để các dân tộc thiểu số ở đây có điều kiện tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Điều quan trọng là định ra được những hình thức, bước đi, quy mô thích hợp với từng vùng và đào tạo được cán bộ người dân tộc để hướng dẫn, tổ chức đồng bào đi vào con đường sản xuất tập thể. Theo phương hướng chính là nông — lâm kết hợp, lúc đầu có thể chỉ tổ chức sản xuất tập thể theo quy mô nhỏ và vừa, lấy thôn bản làm đơn vị, làm ra một vài sản phẩm nào đó tùy theo điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, thành phần dân tộc, phong tục tập quán, trình độ lực lượng sản xuất, kinh nghiệm sản xuất của quần chúng, không nên rập khuôn, máy móc theo các vùng khác. Đồng thời phát triển mạnh kinh tế gia đình bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề thủ công, vận tải, thả cá, coi kinh tế gia đình như một bộ phận bổ trợ quan trọng của kinh tế tập thể.

3 — Xác định rõ và làm đúng trách nhiệm cụ thể của các cấp, các ngành đối với cuộc vận động định canh định cư.

Vận động định canh định cư là một công tác lớn, khó khăn, phức tạp, một công việc tổ chức thực hiện và hoạt động dồng bộ, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, kể cả những ngành nghiên cứu khoa học như dân tộc học, xã hội học, sử học, dân số học, địa lý nhân văn, địa lý kinh tế, v.v. Song điều có ý nghĩa quyết định trước hết là sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên, chặt chẽ, cụ thể của các cấp ủy Đảng. Trong thời gian qua, do nhận thức chưa đầy đủ, cho nên trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện có nhiều thiếu sót. Ở địa phương, một số cấp Đảng và chính quyền thường chỉ quan tâm chỉ đạo thời gian đầu, sau đó khoán trắng cho cơ quan chuyên trách. Có nơi lại còn lấy cả tiền của quỹ định canh định cư để làm việc khác, thiếu quan tâm kiện toàn cơ quan chuyên trách, không thường xuyên đôn đốc các ngành thiết thực tham gia cuộc vận động. Sự lãnh đạo đúng đắn của cấp ủy Đảng đối với cuộc vận động là chỉ ra được nội dung phương hướng, bước đi và những biện pháp cơ bản để tiến hành cuộc vận động ở địa phương mình, chỉ đạo việc tuyên truyền, giáo dục có kết quả đối với đồng bào, huy động được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành có liên quan đóng góp cụ thể vào cuộc vận động, giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện cuộc vận động. Vai trò chỉ đạo của chính quyền thể hiện trong việc định ra kế hoạch cụ thể của địa phương, biết sử dụng sức người, sức của của các

Digitized by Google

ngành và của nhân dân, kết hợp tốt với sự giúp đỡ của cấp trên để tiến hành cuộc vận động. Vận động định canh định cư là một công tác chính trị, kinh tế, xã hội phức tạp ở những vùng dân cư còn chậm tiến, cho nên nhất thiết các cấp Đảng và chính quyền phải có sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, có trách nhiệm tổ chức thực hiện đến nơi đến chốn. Chúng ta tin rằng trên cơ sở nhận thức mới, cùng với việc xác định quy hoạch các điểm định canh định cư, Nhà nước cải tiến việc đầu tư, bổ sung, sửa đổi các chính sách cũ và ban hành các chính sách mới về định canh định cư, v.v., các tổ chức Đảng và chính quyền các cấp sẽ cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của mình đối với công tác quan trọng này.

Cơ quan chuyên trách ở trung ương và ở các cấp cũng cần được chấn chỉnh và kiện toàn đúng với vị trí, tính chất và nhiệm vụ của nó để giúp các cấp Đảng và chính quyền từ trung ương đến tỉnh, huyện tổ chức thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Việc bố trí đủ lực lượng cán bộ cắm tại chỗ ở những điểm quan trọng và đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người địa phương là rất cần thiết.

Công tác quy hoạch sản xuất và xây dựng, nhất là quy hoạch sản xuất và xây dựng ở cấp huyện và xã ở những nơi có đồng bào du canh du cư, đòi hỏi sự tham gia của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải, công nghiệp, thủy sản, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ tài chính, Bộ vật tư, Bộ lương thực, Ngân hàng Nhà nước sẽ hướng dẫn nội dung và phương pháp cân đối kế hoạch dài hạn và từng năm về công tác định canh định cư, hướng dẫn các thủ tục quản lý và cấp phát tiền vốn, vật tư, lương thực phù hợp với tính chất đầu tư bồ trợ. Đẩy mạnh cách mạng văn hóa và tư tưởng ở vùng có đồng bào du canh du cư là một phần trách nhiệm của các bộ giáo dục, y tế, văn hóa và các đoàn thể quần chúng. Bộ quốc phòng và Bộ nội vụ cũng có trách nhiệm giúp vào việc bố trí mạng lưới các điểm dân cư và xây dựng những công trình cơ bản kết hợp định canh định cư với việc bố phòng biên giới, và hướng dẫn các đơn vị biên phòng tích cực tham gia cuộc vận động.

★

Với những kinh nghiệm tốt của 15 năm qua, hiểu rõ hơn yêu cầu và mục đích của cuộc vận động trong tình hình hiện nay, được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng và có sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, chúng ta nhất định hoàn thành thắng lợi cuộc vận động định canh định cư, góp phần phát triển kinh tế — văn hóa miền núi, tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, thực hiện dần từng bước quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, vùng cao tiến kịp vùng thấp, miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc cùng đoàn kết giúp nhau tiến bộ, cùng nhau làm chủ tập thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

Tổ chức sản xuất nông nghiệp — lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thanh-chương

NGUYỄN - PHƯƠNG - QUÊ

Bí thư Huyện ủy Thanh-chương

HUYỆN Thanh-chương thuộc vùng trung du tỉnh Nghệ-tĩnh, nằm dọc dãy Trường-sơn. Diện tích tự nhiên gồm 116 636 héc ta, trong đó diện tích canh tác chỉ chiếm 14,6% tức là khoảng hơn 17 nghìn héc ta. Đất rừng có gần 68 340 héc ta, đất nông nghiệp, đồi trọc và dông cỏ 25 010 héc ta. Số dân là 17 vạn người, trong đó có trên 6 vạn lao động. Thanh-chương có tiềm năng kinh tế phong phú; có thế mạnh về trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng; có nhân dân cần cù, dũng cảm, thông minh, giàu tinh thần cách mạng. Song bên cạnh những thuận lợi đó, Thanh-chương cũng có những khó khăn trong phát triển kinh tế. Trong huyện có nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, nhiều ruộng bậc thang độ dốc cao; diện tích được tưới nước chỉ chiếm 30% diện tích canh tác. Thiên tai thường xảy ra; từ năm 1976 đến năm 1982 đã có 4 lần thiên tai lớn, năm 1977 có hạn nặng, năm 1978 có lụt lớn, cả huyện hầu như bị ngập nước; năm 1980 bị hai trận mưa đá, và năm 1982 cơn bão số 7 làm cho 20 xã bị tàn phá nặng nề.

Được Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ IV và thứ V của Đảng soi sáng, thấy rõ vị trí, chức năng của cấp huyện, huyện ủy chúng tôi nhận thức rằng muốn xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện thì phải từ ruộng đất, rừng, đồi, lao động trong huyện xác định cho được cơ cấu tổ chức sản xuất của huyện. Từ cơ cấu đó, chúng tôi có cơ sở để xây dựng quy hoạch tổng thể kinh tế — xã hội, xác định phương hướng sản xuất một cách hợp lý, tìm ra những biện pháp tích cực nhằm khai thác tốt nhất ba thế mạnh của huyện là trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, giải quyết bằng được nhu cầu lương thực, thực phẩm, đồng thời phấn đấu có nhiều nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa nông sản xuất khẩu, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Dưới đây là một số công việc mà huyện chúng tôi đã làm:

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2-1984.

Digitized by Google

1 — TẬP TRUNG SỨC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1—Giải quyết vấn đề lương thực :

Mục tiêu tự bảo đảm nhu cầu lương thực trên địa bàn huyện là một thử thách lớn đối với đảng bộ huyện chúng tôi, bởi vì từ nhiều năm nay, Thanh-chương là một trong những huyện ở Nghệ-tĩnh có nhiều khó khăn, có khi rất nghiêm trọng về lương thực. Tính trong 5 năm, từ 1976 đến 1980, bình quân tổng sản lượng lương thực hằng năm chỉ đạt 31 700 tấn, năm cao nhất (1976) đạt 37 000 tấn, năm thấp nhất (1978) đạt 23 000 tấn ; bình quân lương thực quy ra thóc tính theo đầu người chỉ đạt 185 ki lô gam. Mỗi năm đóng góp cho Nhà nước khoảng 1 700 tấn, trong khi hằng năm Nhà nước phải cấp cho huyện trên 3000 tấn, năm cao nhất trên 5 000 tấn, trong đó số lương thực trợ cấp cho những hộ nông dân thiếu ăn chiếm tỉ lệ không ít.

Tình trạng thiếu lương thực kể trên có nhiều nguyên nhân, song, nghiêm khắc tự kiểm điểm, chúng tôi thấy nguyên nhân chủ yếu, trực tiếp là do sự lãnh đạo của huyện ủy còn nhiều thiếu sót, chưa biết khai thác đúng tiềm năng đất đai, xác định đúng phương hướng sản xuất, bố trí đúng cây trồng và con vật nuôi. Trong huyện ủy còn những biểu hiện của tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, ngại khó, thiếu mạnh dạn tiếp thu các tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

Được các nghị quyết của Đảng soi sáng, chúng tôi đã tập trung sức phát triển nông nghiệp nhằm trước hết giải quyết vấn đề lương thực, theo phương hướng thâm canh lúa, đồng thời phát triển mạnh các loại màu.

Trong sản xuất nông nghiệp, thủy lợi là biện pháp hàng đầu. Đối với huyện vùng trung du như huyện chúng tôi, vấn đề nước tưới cho cây trồng càng có tầm quan trọng đặc biệt. Nhận thức được như vậy, từ đầu năm 1976 đến nay, chúng tôi đã không ngừng phát động phong trào làm thủy lợi theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm ». Toàn huyện đã đào đắp trên 4 triệu mét khối đất, 10 000 mét khối đá, đổ trên 7 000 mét khối bê tông nhằm hoàn chỉnh các công trình đã có và làm mới hàng chục hồ chứa nước, xây dựng 7 trạm bơm điện cỡ lớn và cỡ nhỏ, v.v. Nhờ vậy, diện tích được tưới nước đã tăng từ 4 000 héc ta (năm 1976) lên 6 000 héc ta (năm 1982). Các vùng trọng điểm lúa như Đại-đồng, Võ-liệt v.v. đã căn bản giải quyết được việc tưới, tiêu cho diện tích lúa.

Trong thâm canh lúa, chúng tôi coi trọng việc bình tuyển, sử dụng các bộ giống lúa mới có năng suất cao, có khả năng chịu hạn, chống được sâu bệnh. Ở huyện, có cán bộ kỹ thuật chuyên trách chỉ đạo 2 cơ sở chuyên lọc giống và nhân giống mới ; mỗi hợp tác xã đều dành một số ruộng đất và lao động cần thiết để chuyên làm giống. Có giống lúa mới, có nước tưới, chúng tôi bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa, vụ cho thích hợp với từng loại chân ruộng, từng tiểu vùng khí hậu. Chúng tôi đã mở rộng diện tích lúa hè thu từ 1200 héc ta (năm 1976) lên 3000 héc ta (năm 1982), đồng thời đầu tư thêm phân bón, chỉ đạo chặt chẽ khâu làm mạ và bảo đảm thời vụ. Nhờ các biện pháp đồng bộ nói trên, năng suất lúa từ 28 tạ/héc ta (năm 1979) đã lên 41 tạ/héc ta (năm 1982). Riêng vụ đông xuân 1983, bình quân năng suất lúa trong toàn huyện đạt 26,3 tạ/héc ta, trong đó nhiều hợp tác xã như Thanh-văn, Minh-sơn,

Digitized by Google

Đồng-văn 1, Thanh-minh v.v. đạt 40 tạ/héc ta. Sản lượng lúa từ 21 067 tấn (năm 1979) đã lên 33 000 tấn (năm 1982).

Huyện chúng tôi ở vùng trung du, nhiều gò, đồi, cho nên diện tích trồng lúa bị hạn chế. Vì vậy, cùng với việc coi trọng cây lúa, chúng tôi rất coi trọng phát triển các loại *màu*, làm cho màu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng lương thực. Để phát động được phong trào nơi nơi trồng màu, nhà nhà trồng màu, chúng tôi sử dụng nhiều biện pháp đồng bộ. Để có thêm diện tích trồng màu, một trong những biện pháp mà chúng tôi đã áp dụng là bố trí lại các điểm dân cư. Từ năm 1976 đến nay, sau khi đã có quy hoạch tổng thể kinh tế – xã hội, chúng tôi đã chuyển những hộ ở vùng đông dân mà ít đất đến những vùng có nhiều đất, chuyển dân từ vùng thường bị ngập lụt lên các vùng đồi theo quy hoạch. Cách làm đó giúp chúng tôi vừa có thêm đất tốt để trồng màu, trồng cây công nghiệp, vừa có điều kiện thuận lợi nhanh chóng phủ xanh đồi trọc, biến đồi trọc thành những vườn cây xanh tốt. Kết quả là từ năm 1976 đến nay đã chuyển được 5 000 hộ với 25 000 nhân khẩu đến các vùng kinh tế mới, mở rộng thêm 2 000 héc ta đất canh tác, tạo ra một số vùng chuyên canh như vùng ngô, lạc ở Cát-ngạn, vùng lạc, ớt ở Xuân-lâm v.v. Chúng tôi cũng mở rộng diện tích màu vụ đông và vụ hè thu, đưa các vụ sản xuất đó thành vụ chính, chiếm 60% diện tích trồng màu cả năm. Nhờ vậy, diện tích trồng màu từ 6 300 héc ta (năm 1976) đã lên 10 000 héc ta (năm 1982).

Trước đây, một trong những nguyên nhân khiến cho nông dân huyện chúng tôi chưa chú ý đúng mức đến việc trồng màu là thiếu những chính sách, chế độ khuyến khích thỏa đáng. Chúng tôi đã khắc phục tình hình đó bằng cách mạnh dạn thực hiện một số chế độ cụ thể trong sản xuất màu. Chẳng hạn đối với đất hoang, hóa thì xã viên có thể mượn để trồng màu từ 3 đến 5 năm và được hưởng toàn bộ sản phẩm. Đối với những vùng chưa có tập quán tăng vụ, trồng xen thì hợp tác xã ở đó động viên xã viên tăng vụ, trồng xen bằng cách khoán đủ chi phí nhưng cho xã viên hưởng sản phẩm. Hằng vụ, hằng năm, huyện căn cứ vào tỷ trọng màu trong cơ cấu lương thực của các hợp tác xã mà giao chỉ tiêu huy động lương thực nghĩa vụ cho Nhà nước theo hướng hợp tác xã nào trồng nhiều màu thì được nộp màu thay cho thóc theo tỷ lệ cao. Những hộ nông dân thừa màu được dùng màu để trao đổi hàng hóa với Nhà nước.

Những cố gắng nói trên đã đưa sản lượng màu tăng nhanh từ 9 500 tấn (năm 1979) lên 14 500 tấn (năm 1982). Có thêm lúa, thêm màu, bình quân lương thực quy ra thóc tính theo đầu người từ 185 ki lô gam (1979) đã lên 270 ki lô gam (năm 1982). Từ một huyện thiếu lương thực, đến nay chúng tôi đã bước đầu tự giải quyết được nhu cầu lương thực trên địa bàn huyện. Đồng thời, mức đóng góp lương thực nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng tăng nhanh, từ 900 tấn (năm 1979) lên 3 500 tấn (năm 1980), 4 600 tấn (năm 1981), 6 500 tấn (năm 1982) và 8 000 tấn (năm 1983). Huyện chúng tôi là một trong những huyện của tỉnh Nghệ-tĩnh trong nhiều năm liền đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch huy động lương thực.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất lương thực, chúng tôi coi trọng phát triển *cây công nghiệp* và *cây xuất khẩu*. Chúng tôi tận dụng mọi khả năng đất đai, bố trí lại cơ cấu cây trồng hợp lý hơn theo hướng tập trung chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp, vừa xây dựng vùng cây công nghiệp tập trung như vùng *lạc*

Digitized by Google

ở Xuân-lâm, Cát-ngạn, vùng *ớt* ở Thanh-yên, Thanh-giang, vùng *chè* ở hữu ngạn sông Lam, vừa trồng rải rác ở mọi nơi trong huyện với điều kiện đưa lại hiệu quả kinh tế. Việc trồng cây công nghiệp và cây xuất khẩu được giao cho các hợp tác xã và cả cho các hộ gia đình xã viên. Kết quả là, về diện tích từ 1 800 héc ta (năm 1976) tăng lên 3 600 héc ta (năm 1983), trong đó lạc từ 430 héc ta lên 1 450 héc ta, ớt từ 50 héc ta lên 280 héc ta, mía từ 20 héc ta lên 400 héc ta, vừng từ 360 héc ta lên 550 héc ta, đậu tương từ 260 héc ta lên 430 héc ta. Năm 1982, huyện chúng tôi đã bán cho Nhà nước khoảng 800 tấn lạc, 140 tấn ớt khô, 2 tấn tơ, 200 tấn vừng và đậu.

2 — Tổ chức lại chăn nuôi trên địa bàn huyện.

Thanh-chương có diện tích rừng và đồng cỏ tự nhiên khá lớn, có nhiều loại màu và cây công nghiệp, cho nên có nguồn thức ăn phong phú cho gia súc. Trong những năm qua, chúng tôi đã từng bước bố trí lại cơ cấu con vật nuôi gồm lợn, trâu, bò, cá, dê, hươu, ong và các loại gia cầm ở cả ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên, với tinh thần *ở đâu có bếp ăn thì ở đó có chăn nuôi, có nước là phải có cá, có rừng là phải có trâu.* Trên địa bàn huyện có trại chăn nuôi lợn giống, có nông trường chăn nuôi bò giống. Ở từng hợp tác xã có trại nuôi lợn đực giống, lợn nái giống, cá giống để cung cấp cho các hộ xã viên, đồng thời tổ chức nuôi trâu bò đàn tập trung ở các đồng cỏ và giao khoán cho xã viên chăn nuôi trâu bò cày kéo kết hợp sinh sản theo định mức kinh tế, kỹ thuật. Để bảo đảm tốt kết quả chăn nuôi, chúng tôi coi trọng công tác thú y, tổ chức chu đáo mạng lưới thú y từ huyện đến cơ sở. Đồng thời có chính sách, chế độ thích đáng, chẳng hạn như đầu tư vốn cho chăn nuôi gia đình, cấp thức ăn cho các con giống, bán thưởng lương thực cho các hộ gia đình vượt mức về phân bón.

Nhờ các biện pháp tổng hợp nói trên, đàn gia súc ở huyện chúng tôi tăng nhanh. Lấy năm 1983 so với năm 1979, đàn lợn tăng từ 35 000 con lên 50 867 con, đàn trâu từ 19 500 con lên 22 500 con, đàn bò từ 9 500 con lên 13 700 con, cá từ 1 triệu con lên 3 triệu con. Chăn nuôi phát triển vừa tác động tốt đến trồng trọt, bảo đảm đủ sức kéo, tăng nguồn phân bón để thâm canh, vừa tăng thu nhập cho tập thể và các hộ gia đình xã viên. Hằng năm, huyện chúng tôi đã cung cấp cho Nhà nước 750 tấn thịt lợn và thịt trâu bò, từ 300 đến 500 con trâu bò cày kéo.

II — TỔ CHỨC KINH TẾ LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Thanh-chương có diện tích đất rừng, đất đồi khá lớn. Đó là một tiềm năng đáng kể bởi vì rừng, đồi không những cho chúng tôi gỗ, củi, mà còn cung cấp nhiều sản phẩm quý làm dược liệu, làm nguyên liệu cho công nghiệp, lương thực cho người, thức ăn cho gia súc v.v. Dựa vào thế mạnh nói trên, trong quy hoạch tổng thể kinh tế — xã hội, đảng bộ huyện chúng tôi đã xác định đưa lâm nghiệp thành một ngành sản xuất chính, thực hiện phương hướng nông — lâm kết hợp trong tất cả các vùng, các hợp tác xã và gia đình.

Thực hiện phương hướng đó, chúng tôi đã bước đầu xây dựng quy hoạch lâm nghiệp, xác định hướng kinh doanh cho từng loại đất trồng. Chúng tôi đã khoanh các vùng rừng gồm:

Digitized by Google

— Vùng rừng khai thác (khoảng 25 000 héc ta) với trữ lượng 2,5 triệu mét khối gỗ, mỗi năm có thể khai thác từ 15 000 mét khối đến 20 000 mét khối;

— Vùng rừng nuôi và bảo vệ thú (7 000 héc ta);

— Rừng đầu nguồn (3 000 héc ta);

— Rừng căn tu bổ và bảo vệ (3 100 héc ta);

— Đất rừng làm cây lương thực và cây công nghiệp (8 700 héc ta);

— Đất rừng dùng cho chăn nuôi (6 850 héc ta).

Trên cơ sở quy hoạch đó, chúng tôi bố trí cơ cấu cây trồng, con vật nuôi cho từng vùng. Chẳng hạn ở vùng hữu ngạn sông Lam, đối với những đồi có độ dốc dưới 25 độ thì trồng chè công nghiệp và trồng các loại cây ăn quả để làm tán che như mít, trám. Ở các bờ lô thì trồng dứa hoặc cây xanh, chân đồi thì trồng tre, mây v.v. Các đồi dốc thì trồng cây lấy gỗ, các đồi đá thì trồng thông. Ngoài ra, thực hiện phương châm «lấy ngắn nuôi dài», chúng tôi tận dụng khả năng của đất đồi ở vùng đó trồng khoai, sắn, đậu, lạc, cây làm thuốc v.v. và chăn nuôi trâu, bò, dê, hươu v.v. Ở vùng tả ngạn, đồi trọc xấu thì chúng tôi trồng chè thực phẩm, cây lấy gỗ, củi, trồng thông. Dọc triền sông, thì trồng các loại tre, mít, mây, song v.v.

Chúng tôi đã thực hiện giao đất, giao rừng cho xã, hợp tác xã, cho các cơ sở quốc doanh và gia đình xã viên. Đến nay đã giao 27 810 héc ta đất rừng cho 30 xã, trong đó phần giao cho các hộ xã viên là 2 938 héc ta vườn đồi, phần giao cho các cơ sở quốc doanh là 2 002 héc ta.

Để bảo đảm tốt khâu giống cây trồng, chúng tôi đã tổ chức 26 cơ sở ươm giống ở các hợp tác xã với tổng diện tích là 71 héc ta. Hằng năm, huyện có mở lớp ngắn ngày tập huấn cho cán bộ kỹ thuật các hợp tác xã về gieo ươm, về chống xói mòn cho các loại đồi, v.v.

Về tổ chức lao động, ở từng hợp tác xã đều có đội chuyên trồng rừng làm việc theo lối khoán sản phẩm. Tính chung toàn huyện có 2 200 người trong các đội chuyên kinh doanh đất rừng, đất đồi và 400 người chuyên khai thác rừng. Ngoài các đội chuyên, những lúc thời vụ đòi hỏi, các hợp tác xã còn huy động thêm nhiều lao động đi làm.

Đến nay, các xã và hợp tác xã đã khoanh nuôi, tu bổ được 1 645 héc ta rừng. Toàn huyện đã trồng được 1 200 héc ta rừng mới, 1 032 héc ta chè ở các vùng đất rừng. Các hợp tác xã cũng đã tận dụng đồng cỏ, đất rừng chăn nuôi thêm 2 500 con trâu, bò, trồng thêm 7 500 héc ta màu gồm khoai lang, sắn, khoai tư, khoai vạc, khoai sọ, mía, đậu, vừng và nhiều thứ cây làm thuốc.

Đến nay, các hộ gia đình xã viên đã xây dựng được trên 3 500 héc ta vườn đồi, trồng nhiều loại cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu v.v. Thu nhập hằng năm từ các loại vườn đồi chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng thu nhập của từng gia đình.

Tuy nhiên, chúng tôi nhận thức rằng những kết quả nói trên chỉ mới là bước đầu. Tiềm năng nghề rừng của Thanh-chương còn rất lớn. Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện chúng tôi vẫn còn những biểu hiện coi nhẹ nghề rừng. Tệ phá rừng, đốt rừng khai thác rừng một cách bừa bãi còn khá nặng. Vốn đầu tư cho nghề rừng còn quá ít. Các chính sách, chế độ về khai thác rừng còn nhiều điều chưa cụ thể, chưa hợp lý. Trong những năm tới, huyện chúng tôi sẽ kiên quyết khắc phục những thiếu-

Digitized by Google

sót, nhược điểm nói trên để làm cho nghề rừng phát triển một cách toàn diện theo hướng nông—lâm kết hợp, đưa lại hiệu quả kinh tế cao trong xây dựng huyện.

Cùng với việc phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp, huyện chúng tôi đã xây dựng các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, trước mắt nhằm phục vụ nông — lâm nghiệp, đồng thời tiến tới xây dựng cơ cấu kinh tế nông—lâm—công nghiệp trên địa bàn huyện. Theo phương hướng và mục tiêu đó, ở huyện chúng tôi đã có xí nghiệp chế biến nước chấm, xí nghiệp chế biến dược liệu, xí nghiệp sản xuất đường, mật, xí nghiệp chế biến chè, các cơ sở làm đồ gỗ, xí nghiệp cơ khí sản xuất và sửa chữa nông cụ v.v. Thực tế những năm qua đã chứng tỏ, nông nghiệp và lâm nghiệp càng phát triển càng tạo đà thuận lợi cho sự phát triển của các cơ sở công nghiệp, và ngược lại, sự phát triển của các cơ sở công nghiệp lại tác động tích cực đến bước đi lên của nông nghiệp và lâm nghiệp.

TIÊN-LÃNG XÂY DỰNG KINH TẾ KẾT HỢP VỚI CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

NGUYỄN-VĂN-LỰU

Bí thư Huyện ủy Tiên-lãng

XÂY dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, là một trong những nội dung quan trọng của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Nó xuất phát từ yêu cầu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta, cả trong giai đoạn trước mắt cũng như về lâu dài; nó phù hợp với đặc điểm và vị trí của cấp huyện.

Là một huyện đồng bằng ven biển thuộc ngoại thành Hải-phòng, có sông lớn và biển Đông bao bọc, có diện tích tự nhiên 16800 ha, trong đó có 9000 ha đất canh tác, có 108000 nhân khẩu, Tiên-lãng có vị trí quan trọng về kinh tế và quốc phòng. Đây chẳng những là vành đai cung cấp lương thực và thực phẩm cho thành phố công nghiệp có cảng lớn, mà còn là cửa ngõ bảo vệ phía tây nam của Hải-phòng, là một vị trí hiểm yếu để phòng thủ đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà xưa kia bọn phong kiến phương Bắc, rồi thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mỹ đều dùng con đường biển và đường sông thuộc địa phận huyện chúng tôi để đánh tập hậu vào Hải-phòng, xâm lược nước ta, và ngày nay bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc cũng đang làm le dòm ngó vị trí xung yếu của huyện chúng tôi.

Digitized by Google

Thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, được sự giúp đỡ của quân khu ủy Quân khu ba và của Thành ủy Hải-phòng, trong thời gian qua Huyện ủy Tiên-lãng chúng tôi đã có những cố gắng bước đầu trong việc cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương vào địa phương, lãnh đạo và tổ chức nhân dân trong huyện phấn đấu xây dựng huyện theo phương hướng vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, biến huyện thành một pháo đài vững chắc để bảo vệ Tổ quốc.

Thật ra, do vị trí xung yếu của mình, Tiên-lãng sớm có truyền thống sản xuất và chiến đấu. Ngay trong những năm kháng chiến chống Pháp, Tiên-lãng đã là một huyện có phong trào du kích mạnh, bám trụ kiên cường, đã đánh địch trên 3000 trận lớn nhỏ, trong đó tiêu biểu là trận phá cán tháng 8-1953 đánh tan 21 tiểu đoàn tinh nhuệ của địch, được Hồ Chủ tịch gửi thư khen, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Trong kháng chiến chống Mỹ, quân và dân Tiên-lãng nêu cao tinh thần cảnh giác, đã tóm gọn toán hải thuyền biệt kích của Mỹ — ngụy khi chúng xâm phạm vùng biển của Tiên-lãng, đã bắn rơi 5 máy bay, bắn cháy 2 tàu chiến, bắt sống giặc lái Mỹ. Huyện được tặng cờ « Đơn vị giỏi nhất quân khu » về tuyển quân, về bắn rơi nhiều máy bay. Lực lượng vũ trang xã Vinh-quang được tặng danh hiệu đơn vị anh hùng. Về mặt xây dựng kinh tế, Tiên-lãng cũng thu được những thành tựu đáng kể. Năm 1960 huyện chúng tôi đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp và dân dân đã xây dựng được cơ sở vật chất — kỹ thuật khá.

Nhưng sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, có một thời gian huyện chúng tôi không phát huy được truyền thống của mình, rơi vào tình trạng là một huyện yếu kém của Hải-phòng. Kinh tế phát triển chậm, năng suất và sản lượng lúa, màu thấp và bấp bênh. Từ năm 1976 đến năm 1980 năng suất lúa bình quân hằng năm chỉ đạt 40 tạ/ha. Sản lượng thóc bình quân đầu người chỉ có trên dưới 200 kg/năm. Nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành, đời sống nhân dân có nhiều khó khăn. Mức ăn của mỗi người chỉ có 9—10 kg thóc/tháng (thậm chí có xã chỉ 5 — 6 kg). Khi giáp hạt có tới 70% số hộ trong huyện thiếu ăn. Nhà nước phải bán lại cho huyện mỗi năm từ 1500 tấn đến 2000 tấn thóc (có năm tới 2400 tấn). Nhân dân thiếu phấn khởi, một số cán bộ và đảng viên dao động trước tình hình khó khăn kéo dài. Về công tác quân sự địa phương, tuy vẫn làm tốt công tác tuyển quân, song các mặt khác đều sút kém, trị trệ, làm ảnh hưởng đến việc tổ chức lực lượng tại chỗ, huấn luyện quân sự, xây dựng tuyến phòng thủ.

Được các nghị quyết của Đảng soi sáng, nhất là sau khi có chỉ thị số 33 của Bộ chính trị về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, huyện ủy chúng tôi thấy rõ vị trí quan trọng của cấp huyện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã nghiêm khắc kiểm điểm những thiếu sót, khuyết điểm của mình, quyết tâm khắc phục khó khăn, tìm cách tháo gỡ vướng mắc, từng bước đưa huyện nhà tiến lên theo phương hướng kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, xây dựng huyện thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Với khẩu hiệu « Làm giàu đánh thắng », Huyện ủy chúng tôi chủ trương phải trên cơ sở xây dựng huyện vững về chính trị, tập trung sức phát triển kinh tế, xây dựng Tiên-lãng thành huyện nông — công — ngư nghiệp phát triển, có nền quốc phòng mạnh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, bảo đảm trong bất cứ tình huống nào cũng bám trụ để vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng

Digitized by Google

cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đánh thắng địch từ xa. Phương hướng suy nghĩ của chúng tôi là khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế phải đồng thời tính đến yêu cầu của quốc phòng, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm khi không có chiến tranh thì tập trung sức phát triển kinh tế, nhưng khi có chiến tranh thì có thể nhanh chóng chuyển sang làm nhiệm vụ của thời chiến, mỗi làng xã là một cứ điểm, mỗi người dân là một chiến sĩ giết giặc giữ làng, bảo vệ quê hương.

Từ năm 1978 Tiên-lãng đã lập quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên phạm vi toàn huyện, nhưng chưa hoàn chỉnh, nhất là chưa chú ý đầy đủ đến yêu cầu kết hợp kinh tế với quốc phòng. Phải đến năm 1979 — 1980, sau khi có chỉ thị của Bộ chính trị và nghị quyết của Thành ủy Hải-phòng về xây dựng cấp huyện, chúng tôi mới nhận thức rõ hơn và đầy đủ hơn phương hướng xây dựng huyện, từ đó bổ sung, hoàn chỉnh một bước kế hoạch xây dựng huyện.

Về nông nghiệp, chúng tôi chủ trương phải lợi dụng thế mạnh của mình là có nhiều bãi bồi, đẩy mạnh thâm canh lúa trong đồng, đồng thời bằng cách quai đê lấn biển, mở rộng thêm diện tích canh tác ra ngoài bãi. Chúng tôi đã huy động hàng chục vạn nhân công (trong đó lực lượng dân quân tự vệ là nòng cốt) đào đắp 11 km đê biển, đưa thêm 2 050 héc ta bãi biển vào sản xuất. Hiện nay ở khu vực này đã lập làng mới gồm hơn 1 000 gia đình và đã trồng lúa trên diện tích hơn 600 héc ta. Chúng tôi dự định từ nay đến năm 1985 sẽ đưa ra khu này 6 000 dân lập thành 2 hợp tác xã sản xuất, đồng thời cũng là 2 xã chiến đấu. Dân sẽ ở dọc ven tuyến đê biển tạo thành vành đai bảo vệ bờ biển. Ở phía trong đồng, huyện ủy yêu cầu phải tổ chức lại lực lượng dân quân tự vệ lồng vào đội thủy lợi 202, phát động phong trào làm thủy lợi, đào đắp các bờ vùng, bờ thửa, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, bảo đảm có đủ nước tưới cho hai vụ lúa, đồng thời để khi cần thì biến thành những phòng tuyến chiến đấu. Năm 1981, Tiên-lãng đã xây dựng xong công trình thủy lợi cống Rỗ 3 cửa dài 21 mét cùng với hệ thống kênh mương dẫn, giải quyết được một phần quan trọng nhu cầu về nước ngọt cho sản xuất. Mặt khác, các xã đã tích cực vận động nhân dân thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, hăng hái áp dụng các biện pháp thâm canh. Trong 6 vụ liên tiếp Tiên-lãng được mùa lúa. Năm 1981 toàn huyện đạt 50 tạ/ha. Năm 1982 58 tạ/ha. Năm 1983 65 tạ/ha. Sản lượng thóc hằng năm đều tăng từ 7 000 — 8 000 tấn so với năm trước. Thu nhập bình quân đầu người từ 290 kg thóc năm 1980 tăng lên 435 kg năm 1983. Do đó mức đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước mỗi năm cũng đều tăng. Năm 1980: 3 000 tấn. Năm 1981: 5 200 tấn, năm 1982: 12 000 tấn, năm 1983: 15 500 tấn. Mức ăn của dân hiện nay là 18 — 20 kg thóc/tháng. 80% số dân có đủ thóc ăn, và còn có dự trữ. Vụ đông — xuân 1983 toàn huyện có gần 500 hộ bán thóc cho Nhà nước từ 1 tấn trở lên (cá biệt có hộ bán 11 tấn). Các hợp tác xã đều có quỹ lương thực dự trữ cho quốc phòng.

Về tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, huyện chúng tôi đã xây dựng được một mạng lưới cơ khí thích hợp, bảo đảm lúc bình thường thì chế tạo các công cụ sản xuất, sửa chữa máy, khi có chiến tranh thì chế tạo và sửa chữa vũ khí thô sơ (chông, mìn, lưu đạn...). Cụ thể là ở huyện có xí nghiệp cơ khí, ở mỗi cụm kinh tế có một trạm cơ khí, ở mỗi xã có một tổ cơ khí.

Về ngư nghiệp, hiện nay toàn huyện mới có một hợp tác xã đánh bắt cá. Sắp tới chúng tôi sẽ thành lập thêm

Digitized by Google

một số hợp tác xã nữa và sẽ tổ chức thành các đội đánh bắt cá bao gồm hàng trăm lao động, trong đó có dân quân tự vệ làm nòng cốt, hằng ngày vừa đánh cá, vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bờ biển.

Về giao thông vận tải, chúng tôi đã tính toán và xây dựng, củng cố một số tuyến đường vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa đáp ứng yêu cầu quốc phòng. Chúng tôi đã làm thêm 2 tuyến đường mới vươn ra phía bờ biển, đã hoàn chỉnh dần hệ thống kênh mương; đồng thời củng cố và trang bị mới các phương tiện vận tải. Đến nay, toàn huyện Tiên-lãng có 800 tấn thuyền gắn máy, gần 40 máy kéo, 20 ô tô tải và trên 200 xe súc vật kéo.

Về phân phối lưu thông và văn hóa xã hội, ở huyện chúng tôi đã hình thành một mạng lưới phục vụ sản xuất và chiến đấu bao gồm 5 cụm, mỗi cụm đều có các loại cửa hàng và kho tàng. Chúng tôi tách bệnh viện huyện ra làm 2 cơ sở, một đặt ở đầu huyện và một đặt ở ngay cụm giáp biển. Ở mỗi xã đều có một trạm y tế.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, chúng tôi chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi. Mặt khác, chúng tôi chú trọng xây dựng lực lượng chiến đấu tại chỗ, chuẩn bị các phương án tác chiến. Chúng tôi chia 20 xã trong huyện thành 5 cụm kinh tế — kỹ thuật, đồng thời cũng là 5 cụm chiến đấu liên hoàn khi có chiến tranh. Mỗi đồng chí thường vụ huyện ủy được phân công phụ trách một cụm, vừa chỉ đạo phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế, vừa làm chính trị viên tiểu đoàn cơ động của cụm. Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của cả huyện nói chung cũng như của mỗi cụm nói riêng đều được nghiên cứu, kết hợp đáp ứng yêu cầu của quốc phòng. Hiện nay huyện chúng tôi đã hình thành thế trận chiến đấu liên hoàn tại chỗ theo hướng mạnh tuyến trước, vững phía sau; giữa các cụm có thể chi viện cho nhau. Tuyến phòng thủ phía trước được xây dựng và không ngừng củng cố bằng hệ thống vật cản (mây, tre, sú vẹt dày đặc bờ biển), cùng với hệ thống hầm hào, công sự trực chiến, hệ thống đường sá giao thông, thông tin liên lạc.

Ở mỗi xã có một đại đội cơ động đồng thời là đội thủy lợi 202, một đại đội chiến đấu tại chỗ, 4 tổ chuyên môn (thông tin, quân báo, trinh sát, công binh). Ở mỗi đội sản xuất thành lập một trung đội dân quân tự vệ. Ở mỗi cụm thành lập một tiểu đoàn cơ động, (riêng cụm chiến đấu ven biển được trang bị thêm những vũ khí hiện đại) và một số trung đội chuyên môn. Tính chung trong toàn huyện có 5 tiểu đoàn cơ động, 21 đại đội cơ động, 21 đại đội tại chỗ và nhiều trung đội chuyên môn khác, bao gồm 13819 dân quân tự vệ, chiếm 14% số dân toàn huyện. Ở mỗi cụm, mỗi xã đều thành lập ban chỉ huy thống nhất. Lực lượng dân quân tự vệ thực sự là nòng cốt trong sản xuất, làm thủy lợi, tuần tra canh gác, bảo vệ trị an; đồng thời hằng vụ, hằng năm được huấn luyện về quân sự, tổ chức diễn tập hiệp đồng chiến đấu, bắn đạn thật theo phương án tác chiến. Hằng năm huyện Tiên-lãng chúng tôi đều hoàn thành vượt mức kế hoạch gọi thanh niên nhập ngũ, năm 1980 vượt 1,2%, năm 1981 vượt 4%, năm 1982 vượt 1,8%, năm 1983 vượt 6%.

Với phương châm xây dựng cụm phía trước mạnh, phía sau vững, trong 4 năm qua chúng tôi đã tập trung sức xây dựng cụm chiến đấu ven biển gồm 4 xã và một nông trường theo phương hướng giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng. Chúng tôi đã huy động toàn dân trong huyện góp 8 vạn mống tre, 2 vạn mống mây để trồng dọc 2 tuyến

Digitized by Google

đê biển và đê sông dài 19,2km. Phía ngoài bãi biển đã trồng 20 ha cây sú vẹt. Ở các xã trong cụm đều trồng tre bao quanh xã. Chúng tôi tính toán rằng trồng tre và sú vẹt vừa có tác dụng chắn gió bão phá hoại đê, chắn sóng mang cát vào đồng, vừa là vật cản bước tiến quân của địch. Dứng về mặt lợi ích kinh tế thì chỉ 3 năm sau mỗi mống tre sẽ cho 2 cây, mỗi cụm mây cho 2kg, hằng năm khai thác được 15 — 20 tấn hải đồng làm mũ, mang lại cho huyện hàng chục triệu đồng. Cùng với tuyến vật cản, chúng tôi còn xây dựng hệ thống công sự bằng bê tông cốt thép, hệ thống giao thông hào liên hoàn, và sắp tới sẽ xây dựng hệ thống kho tàng chứa lương thực, vũ khí, đạn dược.

Để bảo đảm làm tốt công tác thông tin, trực chiến, ở cụm này đã đặt một dài quan sát, đã xây dựng một hệ thống thông tin liên lạc giữa các xã trong cụm, giữa cụm với huyện và giữa cụm với cụm khác. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức thành 4 phân đội trực chiến; những phân đội này vừa làm nhiệm vụ thường xuyên canh gác trên các điểm trọng yếu, vừa sản xuất tự túc lương thực. Về hậu cần, ở đây đã tổ chức lại các cửa hàng, kho tàng, trạm trại, củng cố 5 trạm y tế xã và xây dựng thêm một bệnh viện của huyện để phục vụ yêu cầu chiến đấu.

Do có sự chỉ đạo chặt chẽ, trong mấy năm gần đây, ở cụm này sản xuất phát triển khá, các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội đều có tiến bộ. Năm 1983 cả 4 xã trong cụm đều đạt năng suất lúa bình quân trên 65 tạ/ha. Riêng xã Vinh-quang đạt 81 tạ/ha. Các xã đều hoàn thành vượt mức kế hoạch về giao nộp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, về tuyển quân. Ngành công an đã phát động quần chúng làm trong sạch địa bàn cho nên công tác an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm. Bốn đảng bộ xã ở đây đều được xếp vào loại vững mạnh.

Tóm lại, tuy còn có những thiếu sót, khuyết điểm, có những mặt chưa thật hợp lý cần tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh, nhưng huyện Tiên-lãng chúng tôi đã có những cố gắng đáng kể và kết quả bước đầu trong việc xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành pháo đài bảo vệ Tổ quốc. Nhờ đó đã đưa phong trào của huyện tiến lên một bước mới, đồng đều hơn, vững chắc hơn. Nếu như trước năm 1979 ở huyện chúng tôi còn có 10 đảng bộ xã yếu kém (bằng 52% tổng số xã trong huyện) thì đến nay toàn huyện có 13 đảng bộ xã vững mạnh, 7 đảng bộ xã khá và không còn đảng bộ yếu kém. Đảng bộ huyện Tiên-lãng được Ban bí thư Trung ương Đảng tặng cờ « Đảng bộ huyện vững mạnh ». Từ năm 1980 đến năm 1983 huyện chúng tôi đã được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương lao động hạng hai, 2 Huân chương lao động hạng ba, 1 Huân chương chiến công hạng nhất cho lực lượng vũ trang và được vinh dự đón đồng chí Tổng bí thư Lê-Duẩn về thăm.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, tiếp tục đưa phong trào tiến lên, giữ vững danh hiệu « Đảng bộ huyện vững mạnh », Huyện ủy chúng tôi đang lãnh đạo và tổ chức nhân dân trong huyện quyết tâm thực hiện thắng lợi chương trình kinh tế — xã hội từ nay đến năm 1985 với những mục tiêu chủ yếu mà Đại hội Đảng bộ huyện đã vạch ra. Đồng thời tiếp tục hoàn chỉnh các kế hoạch xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng, hoàn chỉnh các phương án tác chiến, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch đưa dân ra lập 2 xã mới ở khu lấn biển, củng cố tuyến phòng thủ ven biển, hoàn chỉnh hệ thống kho tàng hậu

Digitized by Google

căn ở vùng này; đồng thời tiến hành trồng tre, mây, rào làng chiến đấu ở các cụm phía sau, tổ chức lại các hợp tác xã đánh bắt cá, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ khai thác biển làm giàu cho huyện với nhiệm vụ tuần tra bảo vệ bờ biển.

Bài học kinh nghiệm của chúng tôi là phải xây dựng được khối đoàn kết nhất trí trong huyện ủy và toàn đảng bộ, phải nhận thức đầy đủ yêu cầu của hai nhiệm vụ chiến lược và mối quan hệ chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng, từ đó có quyết tâm cao, vận dụng sáng tạo chủ trương chung của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương; phát huy tính tích cực và sáng tạo của quần chúng, huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn huyện; chỉ đạo làm dứt điểm từng khâu, từng việc; đồng thời phải xây dựng được các cơ quan tham mưu giỏi.

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG XÂY DỰNG HUYỆN

LÊ - QUÝ - ĐỨC

(Trường tuyên huấn trung ương)

XÂY dựng và phát triển văn hóa huyện là một vấn đề có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nói chung và trong quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Cách đây hơn 60 năm (tháng 1 năm 1923), trong khi bàn về những nhiệm vụ xây dựng kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, Lê-nin đã nhấn mạnh vai trò to lớn của nhiệm vụ xây dựng văn hóa. Người nói: «Trước mắt chúng ta hiện nay, có hai nhiệm vụ chủ yếu, có ý nghĩa vạch thời đại. Nhiệm vụ thứ nhất là cải tạo cái bộ máy quản lý hoàn toàn vô giá trị mà thời đại cũ đã để lại toàn bộ cho chúng ta... Nhiệm vụ thứ hai của chúng ta là tiến hành công tác văn hóa trong nông dân. Thế mà công tác văn hóa đó trong nông dân lại nhằm mục tiêu kinh tế là thực hiện chế độ hợp tác. Nếu chúng ta tổ chức được toàn thể nông dân vào hợp tác xã thì tức là chúng ta đứng vững được hai chân trên miếng đất xã hội chủ nghĩa. Nhưng điều kiện đó bao hàm trình độ văn hóa nhất định của nông dân (tôi nói rõ là nông dân, vì nông dân là quảng đại quần chúng), cho nên nếu không có một cuộc cách mạng văn hóa thật sự, thì không thể nào thực hiện được việc tổ chức một cách phổ biến đó vào trong các hợp tác xã» (1).

Luận điểm ấy của Lê-nin soi sáng cho chúng ta nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn; đặc biệt, giúp chúng ta nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn

(1) V. I. Lê-nin: *Bàn về cách mạng tư tưởng và văn hóa*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 305.

Digitized by Google

về mối quan hệ biện chứng giữa nhiệm vụ xây dựng kinh tế và nhiệm vụ xây dựng văn hóa ở các huyện; cũng như tác dụng của việc xây dựng văn hóa huyện trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Xây dựng văn hóa huyện là một tất yếu khách quan. Nó được quy định bởi tính tất yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó cũng được quy định bởi quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là sự thực hiện mục tiêu cao quý của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thấm nhuần những nguyên lý khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, xuất phát từ đặc điểm cụ thể của nước ta, Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học — kỹ thuật là then chốt... Như vậy, cách mạng tư tưởng và văn hóa mà mục tiêu trực tiếp là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, là một bộ phận cấu thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cho nên, ở đâu diễn ra quá trình xây dựng nền kinh tế mới thì ở đó tất yếu cũng diễn ra quá trình xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước ta mấy năm qua đã khẳng định điều đó.

Lý luận và thực tiễn đều chỉ rõ xây dựng kinh tế và xây dựng văn hóa ở huyện là hai nhiệm vụ gắn bó với nhau, tác động lẫn nhau, thậm chí thâm nhập vào nhau.

Về mặt kinh tế, chúng ta xây dựng một cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện để tạo ra một nền sản xuất mới cũng đồng thời là để tạo ra một cơ sở vật chất mới của đời sống văn hóa ở đó. Một xí nghiệp mới, một trạm trại mới, một cửa hàng mới, một tập quán canh tác mới, một nghề thủ công mới v.v. không chỉ là cơ sở vật chất mà còn là những nét thể hiện của một đời sống văn hóa mới. Hơn nữa, muốn tạo ra một nền kinh tế mới ở các huyện, cần phải nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cho nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ đó đồng thời cũng làm cho cuộc cách mạng văn hóa ở nông thôn phát triển. Không những thế, cơ cấu kinh tế mới ở huyện ra đời, có tác dụng phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo nên một đời sống vật chất mới và tạo ra nguồn vốn tích lũy cần thiết cho việc xây dựng các công trình văn hóa, tạo điều kiện cho quần chúng có thể tham gia vào hoạt động văn hóa và thưởng thức, sáng tạo văn hóa. Như vậy, xây dựng một cơ cấu kinh tế mới ở các huyện không chỉ là nhiệm vụ xây dựng một nền kinh tế mới, mà còn tác động đến việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn.

Về mặt văn hóa, theo nghĩa rộng của «văn hóa» thì xây dựng nền văn hóa mới bao gồm cả xây dựng nền kinh tế mới song song với việc xây dựng đời sống văn hóa mới. Bởi vì, đời sống văn hóa của con người — hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm hai mặt: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Yếu tố cơ bản của văn hóa vật chất là phương thức sản xuất vật chất, tức là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cũng như các sản phẩm do phương thức ấy tạo ra. Cho nên, theo Lê-nin, sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là bắt tay vào xây dựng nền văn hóa mới. Lê-nin nói: «... Chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ

Digitized by Google

quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi trên căn bản. Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác vào đấu tranh chính trị, vào cách mạng, và việc giành lấy chính quyền, v.v. Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức « văn hóa ». Tôi dám quả quyết rằng trọng tâm của chúng ta đã chuyển sang hoạt động giáo dục... nếu gác tình hình quốc tế ra, mà chỉ nói đến quan hệ kinh tế trong nước của chúng ta, thì trọng tâm công tác của chúng ta hiện nay quả thật là xoáy vào hoạt động giáo dục » (2). Còn nếu hiểu xây dựng văn hóa chỉ thuần túy là xây dựng văn hóa tinh thần (theo nghĩa hẹp), thì nó cũng đòi hỏi phải xây dựng cả kinh tế. Muốn nâng cao trình độ văn hóa, muốn tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào hoạt động sáng tạo văn hóa, muốn xóa bỏ tình trạng chênh lệch về văn hóa giữa thành thị và nông thôn thì phải phát triển kinh tế song song với các biện pháp phát triển văn hóa. Đảng ta đã nhấn mạnh: « xây dựng nền văn hóa mới, con người mới là sự nghiệp mang nội dung toàn diện » (3).

Như vậy, có thể kết luận rằng: xây dựng kinh tế và xây dựng văn hóa là hai nhiệm vụ có quan hệ mật thiết với nhau trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ đó gắn bó với nhau, thâm nhập vào nhau trong phạm vi cả nước cũng như trong phạm vi mỗi địa phương, mỗi huyện cụ thể. Điều này đã thể hiện khá rõ ở một số huyện như Hải-hậu (Hà-nam-ninh), Đông-hưng, Hưng-hà (Thái-bình), Đồ-sơn (Hải-phòng) v.v.

Tuy vậy, cũng có những người chưa nhận rõ sự tác động biện chứng giữa hai nhiệm vụ đó. Một xu hướng khá phổ biến đang diễn ra hiện nay là tuyệt đối hóa nhiệm vụ xây dựng kinh tế, chỉ chú trọng phát triển kinh tế, tách rời việc phát triển kinh tế với việc phát triển văn hóa. Xu hướng không đúng đó không những không thúc đẩy toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa phát triển mà còn kìm hãm ngay chính sự phát triển kinh tế. Cho nên, chúng ta cần nghiên cứu tác dụng tích cực của việc xây dựng và phát triển văn hóa ở huyện đối với việc xây dựng và phát triển kinh tế, để có những biện pháp đồng bộ, tránh những sai lầm, vấp váp mới có thể mang lại hiệu quả về mọi mặt.

Nhiệm vụ quan trọng đầu tiên của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nông thôn nước ta là nâng cao trình độ văn hóa và trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho nông dân. Nâng cao trình độ văn hóa là tiền đề rất cơ bản để họ tiếp thu tri thức khoa học kỹ thuật và tri thức về quản lý kinh tế. Có những tri thức đó, người nông dân mới dễ dàng tiếp nhận những cách thức sản xuất mới. Ngày nay gieo trồng một giống lúa mới, nuôi một giống lợn mới, sử dụng một công cụ lao động mới, người nông dân cần phải có một trình độ hiểu biết nhất định về khoa học và kỹ thuật. Cũng như vậy, muốn tổ chức quản lý một cơ sở kinh tế như hợp tác xã, trạm trại, xí nghiệp... người cán bộ nông thôn cần phải có những hiểu biết tối thiểu về những ngành khoa học khác nhau như kinh tế học, quản lý kinh tế, tâm lý học, xã hội học v.v. Những tri thức đó phải do quá trình giáo dục, bồi dưỡng trong nhà trường, qua báo chí, sách vở và các phương tiện thông tin khác mang lại. Đối với nước ta, một nước nông nghiệp đang ở trình độ sản xuất nhỏ là chủ yếu, phần lớn dân số là nông dân chưa được phổ cập văn hóa đến một trình độ nhất định, thì việc nâng

(2) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 304 — 305.

(3) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật. Hà-nội, 1982 tập I, tr. 94.

Digitized by Google

cao trình độ văn hóa là một tiền đề rất quan trọng cho mọi cuộc cải biến cách mạng. « Không làm cho mọi người đều có trình độ học vấn phổ thông, không có một trình độ hiểu biết đầy đủ về công việc, không giáo dục đầy đủ cho dân cư biết dùng sách báo, không có cơ sở vật chất cho việc đó, không có những sự bảo đảm nào đó... không có tất cả những điều đó thì chúng ta sẽ không thể đạt được mục đích » (4), đó là điều khẳng định của Lê-nin.

Hơn nữa, muốn đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng huyện có cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp thì nhất thiết phải cải tạo nông nghiệp, phải tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Nếu không tuyên truyền, giáo dục quần chúng nông dân thì không thể đưa họ vào con đường làm ăn tập thể (nhất là ở các tỉnh Nam-bộ hiện nay). Chỉ khi nào họ từng bước được giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tin vào chủ nghĩa xã hội thì mới yên tâm đi theo con đường công nghiệp hóa đất nước mà Đảng đã vạch ra. Nhiệm vụ to lớn đó trước tiên thuộc về cách mạng tư tưởng và văn hóa. Vậy, rõ ràng là cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nông thôn nhằm phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và phát triển kinh tế ở các huyện và các địa phương.

Không những thế, cuộc cách mạng ấy còn nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản. Những con người đó chính là lực lượng sản xuất to lớn của xã hội và đó cũng là chủ thể tiến hành ba cuộc cách mạng ở nước ta. Muốn có những con người mới ấy, chúng ta phải tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Sự tác động của việc xây dựng văn hóa đối với việc xây dựng kinh tế còn biểu hiện ở chỗ nó có thể kìm hãm tốc độ phát triển của kinh tế, nếu như chỉ lao vào phát triển văn hóa không tính đến các điều kiện kinh tế cụ thể. Ở nông thôn hiện nay đã có không ít nơi phát triển văn hóa vượt qua nhu cầu và vượt quá khả năng kinh tế của mình, cho nên đã gây ra nhiều tác hại cho sự phát triển sản xuất. Đó là một số công trình văn hóa vượt quá nhu cầu cần thiết về quy mô, về số lượng đã thu hút quá lớn nguồn tích lũy vốn, nguồn vật tư, thiết bị và sức lao động của cơ sở.

Những điều nói trên cho thấy vai trò của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nông thôn có ý nghĩa rất thiết thực đối với quá trình phát triển kinh tế trên địa bàn huyện và các cơ sở. Vì vậy, cần chú ý thật đầy đủ đến nhiệm vụ phát triển văn hóa trong toàn bộ sự nghiệp của chúng ta, làm sao cho sự nghiệp phát triển văn hóa phát huy được tác dụng của nó không chỉ trên mặt trận xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, mà cả trên mặt trận xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới. Đó là phép biện chứng giữa văn hóa và kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, như Đảng ta đã chỉ ra: nền kinh tế mới có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành nền văn hóa mới, con người mới. Ngược lại những thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới là một động lực to lớn thúc đẩy tiến trình xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới của chúng ta.

Một vấn đề quan trọng nữa cũng cần bàn tới là *vai trò của nhiệm vụ phát triển văn hóa huyện đối với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới trong cả nước.*

Nội dung và hình thức của nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta được tạo nên bởi sự phong phú,

(4) V.I. Lê-nin: *Sách đã dẫn*, tr. 300.

Digitized by Google

đa dạng về nội dung, cũng như về hình thức của nền văn hóa các dân tộc anh em và sự sinh động về sắc thái của văn hóa các địa phương và các cơ sở. Cho nên, nó đòi hỏi chúng ta phải phát triển văn hóa ở mọi miền của đất nước và đặc biệt là ở các tỉnh, các huyện miền núi, nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống.

Như vậy, do nhu cầu phát triển toàn diện đời sống xã hội, do nhu cầu của bản thân sự phát triển nền văn hóa mới trong cả nước, chúng ta cần chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn, ở cơ sở « bảo đảm mỗi nhà máy, công trường, nông trường, lâm trường, mỗi đơn vị lực lượng vũ trang, công an nhân dân, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện, cửa hàng, mỗi xã, hợp tác xã, phường, ấp, đều có đời sống văn hóa » (5), như Đại hội thứ V của Đảng đã vạch ra. Việc phát triển văn hóa huyện có ý nghĩa hết sức to lớn. Văn hóa huyện là cái cầu nối liền văn hóa của cả nước, văn hóa trung ương với văn hóa các cơ sở. Do nền sản xuất vật chất của chúng ta còn thấp, giao thông chưa phát triển, phương tiện thông tin đại chúng chưa được sử dụng phổ biến trong cả nước, cho nên nhân dân ở nông thôn ít có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn hóa của cả nước, của trung ương và của ngay chính tỉnh mình. Vì vậy, chúng ta phải quan tâm xây dựng văn hóa huyện, trong đó bao gồm các cụm văn hóa xã để tổ chức sinh hoạt văn hóa tinh thần tại chỗ cho nhân dân. Thông qua đó mà truyền bá, phổ cập văn hóa, đưa những giá trị văn hóa chung của cả nước tới từng cơ sở, đáp ứng nhu cầu về văn hóa của nhiều đối tượng khác nhau trên địa bàn huyện. Đó là một đòi hỏi do tính chất đặc thù của đời sống văn hóa quy định. Bên cạnh đó, chúng ta cần đáp ứng nhu cầu thưởng thức các loại hình nghệ thuật mới như phim ảnh, âm nhạc, kịch nói... của thanh niên, thiếu niên, công nhân, bộ đội v.v. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ V của Đảng đã chỉ rõ : phải « Ra sức phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ thích hợp cho mọi người và những hoạt động phù hợp với từng lứa tuổi, từng địa phương, từng dân tộc, nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa to lớn và ngày càng tăng của nhân dân » (6).

Song song với nhiệm vụ nói trên, việc phát triển văn hóa huyện còn có ý nghĩa tổ chức chỉ đạo, xây dựng và nâng cao sinh hoạt văn hóa của các cơ sở xã, ấp, nhà máy, xí nghiệp, trạm trại v.v. trong địa bàn huyện. Hình thức nhà văn hóa huyện ở một số huyện như Đông-hưng (Thái-bình), Hải-hậu (Hà-nam-ninh), Hoằng-hóa (Thanh-hóa) v.v. đã có tác dụng nhất định trong việc vạch kế hoạch, chương trình hoạt động và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa của các cơ sở. Việc tập huấn cho các đội văn nghệ xã, và các hạt nhân văn nghệ, các diễn giả, tuyên truyền viên đã bắt đầu được đưa vào nội dung hoạt động của các nhà văn hóa huyện. Tại các cơ sở văn hóa của huyện còn có thể tổ chức những hoạt động câu lạc bộ, những hội nghị chuyên đề, những cuộc triển lãm, những cuộc trưng bày, những hội diễn văn nghệ v.v. Những hoạt động đó nhằm bồi dưỡng và nâng cao các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng ở cơ sở và tạo điều kiện để nhân dân tham gia đông đảo vào việc sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần mới.

Như vậy, việc xây dựng văn hóa huyện đối với sự nghiệp cách mạng tư tưởng và văn hóa để tạo ra nền

(*Xem tiếp trang 79*)

(5) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 101.

(6) *Sách đã dẫn*, tr. 100.

Digitized by Google

Tư liệu lịch sử

MỘT BÀI BÁO CỦA BÁC HỒ CÁCH ĐÂY 65 NĂM

Lời Bộ biên tập: *Cách đây 65 năm, ngày 2-8-1919 báo Luy-ma-ni-tê (Nhân đạo) xuất bản ở Pa-ri (Pháp) đã đăng bài* **La question indigène (vấn đề dân bản xứ)** *dưới có ký tên Nguyễn-Ái-Quốc. Đây là một trong những bài báo đầu tiên của Bác Hồ. Chúng tôi xin đăng bản dịch toàn văn bài báo đó để bạn đọc nghiên cứu.*

★

Ở Đông-dương

VẤN ĐỀ DÂN BẢN XỨ

Báo *Nhân đạo* ngày 18-6 mới đây đã đăng văn bản thỉnh cầu của những người Việt-nam gửi Hội nghị Hòa bình (1), đòi ân xá cho tất cả các tù chính trị người bản xứ, đòi cải cách pháp chế ở Đông-dương bằng ban hành những bảo đảm cho người bản xứ cũng như cho người Âu, đòi tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do dạy học, đòi thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật; và sau cùng, đòi có một đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được bầu vào Nghị viện Pháp. Chúng tôi chỉ có thể coi các yêu sách rất đúng đắn đó cũng là của chính mình, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết.

Nước Pháp đã từng bắt đầu đánh chiếm Đông-dương gần như cùng thời

(1) Hòa hội Vec-xây, kết thúc chiến tranh thế giới thứ nhất. — ND.

Digitized by Google

gian mà nước Nhật đi những bước đầu tiên trong cuộc cải cách nổi tiếng năm 1868. Nhưng trong khoảng một nửa thế kỷ, nước Nhật đã biết tạo lập được một chế độ đưa nó vào hạng những cường quốc đứng đầu thế giới: còn nước Pháp thì phải nói rằng vẫn đang mò mẫm trong chính sách Đông-dương của mình. Thậm chí có thể tự hỏi đã từng có một chính sách Đông-dương bao giờ chăng? — Vì lẽ từ khi bị Pháp chiếm, đất nước chúng tôi hầu như luôn luôn sống lay lắt ngày này qua ngày khác, không hề biết chính quyền muốn dẫn mình đi đến đâu, — chính quyền này khi thì nói về chính sách đồng hóa, khi thì nói về chính sách liên hiệp hoặc gì khác nữa, nhưng thật ra chẳng áp dụng một chính sách nào cả. Tình hình đích thực là như sau: nay cũng như trước kia, kẻ chinh phục và nhân dân bị chinh phục đều sống mặt đối mặt, trong một không khí nghi kỵ lẫn nhau. Bức tranh ảm đạm này đáng được quan tâm, được xét về một số mặt khác nhau.

Về tâm lý, ở phía kia là thái độ hiềm nghi và khinh miệt; còn ở phía này lại là tâm trạng bực dọc và tuyệt vọng. Các ấn phẩm sách báo thực dân đều đầy rẫy những đòn đả kích hung bạo đánh vào nhân dân bị chinh phục, đều tràn ngập những lời chửi rủa phun thẳng vào mặt họ với đủng khi càng hung hăng vì tác giả biết trước rằng họ không thể nào trả miếng lại được và họ chỉ dành phải nghiến răng mà nuốt lấy. Người ta đọc thấy trong loại ấn phẩm vừa nêu những phán quyết như thế này chẳng hạn: «Đối với cái giống nòi an-na-mít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó,—đó là ách thống trị bằng sức mạnh... Truyền học vấn cho bọn an-na-mít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...».

Về hành chính và pháp lý: cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mồm và bị buộc dây đắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca: vì nếu anh ta đám phản đối thì anh ta liền bị tuyên bố là kẻ phản nghịch hoặc là một tên cách mạng, và bị đối xử đúng với tội trạng ấy. Càng khốn khổ hơn cho người bản xứ nào xuất ngoại để thoát khỏi cái chế độ dịu hiền ấy: gia quyến anh ta bị hành hạ: bản thân anh ta, nếu bị bắt, thì bị tù khổ sai hoặc bị dẫy lên máy chém. Thậm chí để đi lại trong nước, từ địa phương này đến địa phương khác, theo luật, người bản xứ phải mang theo giấy phép. Còn công lý, đối với người bản xứ, nó tồn tại như thế này đây: người Âu nào đã giết chết, tàn sát hoặc cưỡng dâm người bản xứ, thì trong trường hợp vụ án không thể được ỉm hoàn toàn, anh ta chắc mẩm rằng mình được tòa án tha bổng, mình ra tòa chẳng qua là chuyện hình thức. Đó là việc áp dụng nguyên tắc nhằm bảo tồn bằng mọi cách uy tín của người da trắng trước bọn da vàng. Nghị viện Pháp có biết chút đỉnh về việc vừa nêu, qua một số điều tiết lộ của ông nghị sĩ Vi-ôn-lét trong một bản báo cáo về ngân sách Đông-dương.

Sự ngự trị của bạo chính.

Ở các tỉnh, người bản xứ bị trói tay trói chân, phải gánh chịu thói tùy hứng, chuyên quyền của các quan cai trị người Pháp và thói tham tàn của bọn lâm tôi tớ ngoan ngoãn cho chúng, bọn quan lại sản phẩm của chế độ mới! Ấy là công lý bị bán đứt cho kẻ nào mua đắt nhất, trả giá

Digitized by Google

hời nhất. Xưa kia, người bản xứ bao giờ cũng có thể kêu lên đến tận Triều đình nhà vua; nhưng nay thì anh chàng «an-na-mít» khốn khổ chẳng biết có thánh nhân nào để dựa, và còn lại cho anh ta, chỉ là công lý của Chúa trời. Riêng đối với những ai mà ngôn ngữ thực dân gọi là bọn quấy rối, thì những phiên họp âm u, dược tô điểm thành tòa đại hình, bí mật quyết định số phận của họ — những người bản xứ chính trực mà đồng bào của họ đều coi trọng và tin yêu.

Sự tương phản càng nổi bật không kém trong lĩnh vực kinh tế. Một bên là những người bản xứ bị dìm trong cảnh đốt nát và suy yếu bởi một hệ thống tinh khôn nhằm nhồi sọ, dần độn hóa, không lấp liếm hết được dưới một dạng giáo dục bịp bợm: họ phải đổ mồ hôi sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài: họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trắng trợn cảnh đốt nát và nghèo khốn của nhân dân.

Buộc phải bị kiềm chế bởi sức mạnh, nhân dân Việt nam, mà lịch sử chân chính đã khởi đầu từ hơn 1000 năm, từng lúc từng lúc như có những đợt cồn cào chống đối, biểu hiện bằng những mưu toan nổi dậy rộng khắp, hoặc bằng hành động của những con người tuyệt vọng, như những cuộc biểu tình ôn hòa năm 1908 (xem *Tập san* chính thức của Hội bảo vệ nhân quyền ngày 31-10-1912), và như những vụ nổ bom gần đây ở Nam-kỳ và ở Bắc-kỳ. Than ôi! Đó là những cuộc phản kháng vô hiệu đã mỗi lần đem lại những trận dàn áp đẫm máu, và thêm nữa đã tạo cớ cho chính quyền thể theo Na-pô-lê-ông trong vụ chiếc «máy ma quái» 2), mà trừ khử một cách lịch sự những người Việt không tỏ vẻ hoan hô thói độc đoán của nó. Người ta biết rằng trong chiến tranh (3) Đông-dương đã là nơi diễn ra những sự kiện đau lòng, dẫn đến việc ban bố thiết quân luật, và kèm theo là những vụ tuyên án và hành quyết hàng loạt. Giờ đây, các nhà tù khổ sai ở Guy-am, ở Tân Ca-lê-đô-ni, ở Côn-đảo, v.v. đều đầy ắp tù chính trị người bản xứ. Súng liên thanh và máy chém đều chóng vánh buộc những ai bướng bỉnh, những ai phản kháng phải im hơi lặng tiếng.

Sự cạnh tranh của Nhật-bản.

Tình hình mà chúng tôi vừa mới phác ra một số nét lớn, có lẽ sẽ có thể kéo dài vô tận, nếu cuộc chiến tranh — đã đảo lộn toàn bộ châu Âu — hiện nay không kéo theo một sự xì xào mới về vấn đề dân bản xứ. Quả vậy, do chiến tranh, nước Nhật đã tranh thủ được, từ phía nước Pháp, những quyền ưu tiên đặc biệt ở Đông-dương. Vậy phải thấy trước rằng người Nhật sẽ đến lập nghiệp ngày càng nhiều trên xứ này và sẽ làm đủ mọi nghề ở đây; kết quả là dân bản xứ sẽ sống càng khốn đốn hơn: bị hãm trong cảnh đốt nát bởi chính sách dần độn hóa, bị suy yếu vì phải chịu nhiều thiếu thốn, nhiều thủ đoạn dầu độc của Nhà nước — ngân khố và các công ty đặc nhượng ép họ tiêu thụ thuốc phiện, rượu —, họ sẽ tiếp tục luẩn quẩn trong một cái vòng thu hẹp quá đỗi.

Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ

(2) «Machine infernale»: «máy ma quái» nổ, gây tử vong, đã từng được bố trí nhằm ám sát Bô-na-pác-tơ. Nhưng ông ta may mắn thoát nạn. Ông ta biết đích danh thủ phạm. Tuy vậy, ông ta khéo thừa cơ hạ lệnh đày 138 người vô tội, nhưng đối địch với chính sách của ông ta (24-12-1800. — ND).

(3) Chiến tranh thế giới thứ nhất — ND

Digitized by Google

nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường. Mặt khác, là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc Việt-nam và dân tộc Nhật-bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập đối với nhau. Nhưng người Nhật, nhờ ở chính phủ khôn khéo của họ, có các phương tiện rất đầy đủ, được trang bị tốt để tiến hành đấu tranh kinh tế; trong khi đó thì người Việt – chúng tôi đã nói vì sao – lại hoàn toàn là con số không, xét về mặt tiến bộ hiện đại, so với các láng giềng của họ: người Hoa, người Nhật, người Xiêm và cả người Ấn nữa. Câu hỏi đặt ra từ đây, là đứng trước tình hình mới được tạo ra bởi những luồng du nhập của người nước ngoài, phải chăng chính phủ Pháp tin rằng đã đúng lúc, vì lợi ích chung, phải giải phóng dân bản xứ và giúp đỡ họ bằng tất cả các phương tiện mình có trong tay, để họ tự chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh gay go mà họ sẽ đảm đương đối với người Nhật và những người nước ngoài khác?

Nếu lời đáp có chiều khẳng định, thì chúng tôi khó hiểu vì sao các yêu sách của mình, mà báo *Nhân đạo* đã đăng trong số ra ngày 18-6 vừa qua, lại có thể gây chấn động trong giới thực dân. Chúng tôi biết đích xác rằng một sĩ quan (Pháp – ND) cao cấp chỉ huy các tập đoàn lao công thuộc địa (4) – có lẽ căn cứ vào những chỉ thị nhận được từ bên trên – đã hạ lệnh cho từng trưởng tập đoàn hãy tịch thu tất cả những bản yêu sách vừa nêu, tìm thấy ở những người lao công Việt-nam. Rất ôn hòa cả về nội dung lẫn về hình thức, các nguyện vọng của chúng tôi nhằm vào những cải cách chủ yếu cho việc giải phóng chúng tôi, và nhằm vào những quyền tự do mà nếu không có chúng thì con người ngày nay chỉ là một kẻ nô lệ khốn nạn. Không ai có thể phủ nhận rằng nếu không có các quyền tự do ấy, thiết yếu cho việc truyền bá những tư tưởng và kiến thức mà đời sống hiện đại đòi hỏi, thì không thể trông mong tiến hành bất cứ một công cuộc giáo hóa nghiêm chỉnh nào cả.

Nguyễn-Ái-Quốc

Báo *Nhân đạo*, số 5781, 2-8-1919

Người dịch và chú thích:
Giáo sư Hoàng-Xuân-Nhị

---

(4) Gồm những người lao động bản xứ, không có ruộng đất, bị đưa sang Pháp phục vụ chiến tranh, bị bóc lột thậm tệ, với tiền lương rẻ mạt; họ đều thuộc quyền chỉ huy của những sĩ quan Pháp. ND.

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *

THỰC HIỆN VÀ CỦNG CỐ KHỐI LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI QUẦN CHÚNG CƠ BẢN TRONG NÔNG DÂN VÀ CÁC TẦNG LỚP LAO ĐỘNG KHÁC

QUYẾT - TIẾN

ĐÂY là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng, bởi vì trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, kẻ nào lôi kéo được về phía mình và thực hiện được quyền lãnh đạo đối với nông dân và những người lao động khác, kẻ ấy sẽ thắng.

Trong những bạn đồng minh của giai cấp công nhân, nông dân là « bạn đồng minh tự nhiên » đông đảo nhất. Chính vì vậy, vấn đề nông dân và liên minh công nông có tầm quan trọng đặc biệt trong chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó cũng là vấn đề chiến lược có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản để giành chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa

Mác và Ăng-ghen đã nhiều lần chỉ ra rằng, muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân phải lôi kéo được nông dân về phía mình. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ trước, Mác đã đề ra tư tưởng về sự kết hợp cách mạng vô sản với phong trào cách mạng của nông dân, coi đó là một bộ phận quan trọng trong học thuyết của mình về cách mạng không ngừng. Người cho rằng, cuộc cách mạng tư sản ở Đức lúc bấy giờ, một khi nổ ra, rất có thể phát triển không ngừng và chuyển thành cách mạng vô sản, nếu nó được một « sự tái diễn nào đó của chiến tranh nông dân » ủng hộ. Đến những năm 90 của thế kỷ ấy, Ăng-ghen đã đề ra nhiệm vụ của các đảng là phải biết hướng sự hoạt động của mình về nông

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 1-1984.

Digitized by Google

thôn. Nhận thấy nông dân có khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội nếu được đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo và giáo dục, Người đã chỉ ra con đường đưa nông dân lên chủ nghĩa xã hội như sau: «Khi chúng ta đã nắm được chính quyền rồi, chúng ta sẽ không thể nghĩ đến việc dùng bạo lực để tước đoạt những người tiểu nông (dù cho có hoặc không bồi thường cũng vậy), như chúng ta buộc phải làm đối với bọn địa chủ. Nhiệm vụ của chúng ta đối với tiểu nông, trước hết là phải hướng dẫn nền sản xuất cá nhân và chiếm hữu cá nhân của họ vào con đường hợp tác, không phải bằng cách cưỡng ép mà là bằng cách nêu gương cho họ và bằng cách xã hội giúp đỡ họ thực hiện việc ấy» (1).

Trong điều kiện mới của lịch sử thế giới, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin đã kế thừa và phát triển những tư tưởng mác xít về vấn đề nông dân và liên minh công nông.

Lê-nin cho rằng, trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, cách mạng có thể nổ ra và giành thắng lợi ở một nước kém phát triển về kinh tế nếu ở đấy giai cấp công nhân thực hiện được quyền lãnh đạo đối với nông dân. Dựa vào khả năng cách mạng của nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, Lê-nin đã xác định nguyên lý về mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng dân chủ tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Cũng từ nhận thức về vai trò to lớn của nông dân, Lê-nin đánh giá cao phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa mà thành phần đông đảo là nông dân, coi đó là một bộ phận của cách mạng vô sản.

Sau khi giành chính quyền, Lê-nin rất coi trọng vai trò của nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và nêu bật ý nghĩa chiến lược của liên minh công nông: «Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền Nhà nước» (2).

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin chỉ ra rằng giai cấp công nhân phải giữ sự liên minh với hàng triệu tiểu nông và người lao động thủ công nghiệp. Phải nắm quyền lãnh đạo nông dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã vạch ra con đường đưa nông dân lên chủ nghĩa xã hội bằng chế độ hợp tác. Lê-nin nhấn mạnh rằng: chuyên chính vô sản là một hình thức liên minh đặc biệt giữa công nhân và nông dân, trong đó công nhân giữ vai trò lãnh đạo, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nông dân mới phát huy được khả năng cách mạng to lớn của mình và cũng chỉ có nắm vững quyền lãnh đạo đối với nông dân và những người lao động khác, giai cấp công nhân mới đưa được cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

Chúng ta biết rằng: công nhân và nông dân là hai giai cấp chiếm đa số trong dân cư, là lực lượng sáng tạo ra phần lớn của cải nuôi dưỡng xã hội. Nhưng trong các xã hội cũ, họ lại là những người nghèo khổ, bị áp bức bóc lột nặng nề. Cơ sở vững chắc của sự liên minh giữa hai giai cấp ấy chính là ở chỗ: họ có kẻ thù chung và đều có nguyện vọng được giải phóng khỏi sự áp bức bóc lột của kẻ thù ấy. Trong các nước tư bản chủ nghĩa, kẻ thù chung của họ là bọn tư bản. Còn trong các nước thuộc

(1) C. Mác — F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1970, tập II, tr. 530.

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb tiến bộ, Mát xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 57.

Digitized by Google

địa và phụ thuộc, kẻ thù chung của họ là chủ nghĩa đế quốc và giai cấp phong kiến (trong cách mạng dân tộc dân chủ), là giai cấp tư sản bản xứ (trong cách mạng vô sản). Muốn đánh đổ kẻ thù chung, giành giải phóng, công nhân và nông dân phải liên minh với nhau. Có như vậy họ mới giành được thắng lợi trong đấu tranh.

Liên minh công nông là yêu cầu bức thiết của cả hai giai cấp. Nông dân tuy là lực lượng cách mạng to lớn nhưng vì gắn với nền kinh tế tiểu nông, sống phân tán và rời rạc, cho nên không thể tự mình giải phóng mình được, nếu không có sự lãnh đạo của một giai cấp tiên phong trong xã hội. Trước đây, khi chủ nghĩa tư bản đang lên, nông dân đi theo giai cấp tư sản, chịu sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, để đánh đổ chế độ phong kiến. Ngày nay, chủ nghĩa tư bản đã đi xuống, giai cấp tư sản đã tỏ ra lỗi thời và ngày càng phản động, lợi ích của giai cấp nông dân ngày càng mâu thuẫn gay gắt với lợi ích của giai cấp tư sản. Muốn giải phóng mình, nông dân phải đi theo giai cấp công nhân là giai cấp đại diện cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, giai cấp có khả năng lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động đấu tranh để lật đổ các giai cấp bóc lột thống trị, thủ tiêu xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Ngược lại, muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân cũng phải tìm đến bạn đồng minh tự nhiên của mình là nông dân. Chỉ có liên minh với nông dân, giai cấp công nhân mới có thể tăng sức mạnh của mình lên gấp bội, lật đổ ách thống trị của bọn bóc lột, giành lấy chính quyền. Và cũng chỉ có liên minh với nông dân, giai cấp công nhân mới giữ vững được chính quyền để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên, thực hiện lý tưởng cao đẹp của mình là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ mọi áp bức bóc lột, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, làm cho mọi người đều được tự do, bình đẳng, ấm no và hạnh phúc.

Như vậy, liên minh công nông là một vấn đề chiến lược, một quy luật của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Song cần thấy rằng, liên minh công nông có mục đích, đối tượng và nội dung khác nhau trong các giai đoạn chiến lược khác nhau của quá trình cách mạng thống nhất do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Trong giai đoạn cách mạng dân chủ, mục đích của liên minh công nông là lật đổ chế độ chuyên chế của bọn phong kiến địa chủ, thực hiện quyền dân chủ nhân dân, chuẩn bị các điều kiện để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đối tượng mà giai cấp vô sản cần liên minh là toàn thể nông dân, gồm cả phú nông. Dương nhiên đối tượng liên minh chủ yếu là nông dân lao động, còn đối với phú nông thì chỉ là liên hiệp tạm thời, bởi vì phú nông tuy có mâu thuẫn với giai cấp địa chủ về chiếm hữu ruộng đất, về thuê mướn nhân công, nhưng khi cách mạng dân chủ càng tiến lên thì họ càng ngả nghiêng và xa rời cách mạng. Nội dung của sự liên minh lúc này, chủ yếu là liên minh chính trị (và cả quân sự, tùy theo tình hình cụ thể của từng nước). Sự liên minh kinh tế trong giai đoạn này được thực hiện thông qua việc đáp ứng yêu cầu ruộng đất của nông dân.

Còn trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, mục đích của liên minh công nông là để củng cố vững chắc quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, giữ vững và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, tiến hành thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của những người lao động. Đối tượng liên minh

Digitized by Google

trong giai đoạn này là nông dân lao động, trước hết là những nông dân nghèo, song cũng phải hết sức coi trọng liên minh với trung nông lúc này đã trở thành nhân vật trung tâm ở nông thôn. Nội dung của sự liên minh bao gồm các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, song nội dung chính là liên minh về kinh tế, được thực hiện thông qua các chính sách đúng đắn của Đảng đối với nông dân lao động, trong đó quan trọng nhất là những chủ trương chính sách về hợp tác hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và những chủ trương chính sách nhằm xây dựng tốt mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Về vấn đề liên minh công nông trong cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đã từng viết như sau: « *Giai cấp vô sản phải làm cách mạng dân chủ tới cùng, bằng cách kéo quần chúng nông dân theo mình, để đè bẹp bằng bạo lực sự phản kháng của chế độ chuyên chế và làm tê liệt tính không kiên định của giai cấp tư sản. Giai cấp vô sản phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng cách kéo những thành phần nửa vô sản trong nhân dân theo mình, để dùng bạo lực đập tan sự phản kháng của giai cấp tư sản và làm tê liệt tính không kiên định của nông dân và của giai cấp tiểu tư sản* » (3).

Kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế, trước hết là của Đảng cộng sản Liên-xô và Nhà nước Liên-xô, chỉ rõ rằng: việc thực hiện và tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác được tiến hành bằng nhiều biện pháp, trong đó điều quan trọng nhất là đảng của giai cấp công nhân phải có đường lối, chính sách đúng đắn đối với nông dân, đáp ứng những yêu cầu tha thiết của nông dân về các mặt chính trị, kinh tế và văn hóa xã hội; phải thường xuyên và kiên trì làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng và công tác tổ chức rộng lớn trong nông dân, nhằm tách nông dân ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản và hướng nông dân vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội; phải có những hình thức thích hợp để tập hợp nông dân, đưa nông dân vào con đường cách mạng chống áp bức thống trị của các giai cấp bóc lột, và sau khi đã giành được chính quyền thì dẫn dắt nông dân qua con đường hợp tác hóa mà tiến lên chủ nghĩa xã hội. Một điều quan trọng nữa là, Nhà nước chuyên chính vô sản do Đảng lãnh đạo phải có sự giúp đỡ vật chất và kỹ thuật cần thiết đối với các tổ chức hợp tác của nông dân lao động, phải tiến hành công tác văn hóa rộng lớn trong nông dân, và phải thu hút đông đảo nông dân lao động và những người lao động khác tham gia vào việc quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và xã hội.

Ở nước ta, vấn đề nông dân và liên minh công nông cũng đã được Đảng ta và Hồ Chủ tịch hết sức coi trọng. Hồ Chủ tịch là người Việt-nam đầu tiên đã chỉ rõ vai trò và lực lượng to lớn của nông dân Việt-nam trong cách mạng, coi nông dân là lực lượng « đồng minh chủ yếu và tin cậy nhất của giai cấp công nhân ».

Ngay từ những ngày chuẩn bị cho việc thành lập Đảng, Hồ Chủ tịch đã khẳng định vị trí cốt tử của khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo: « Công nông là người chủ cách mạng ». Khi tổng kết những nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng, Hồ Chủ tịch đã từng viết: « Thực hiện cho được *liên minh công nông* vì đó là sự bảo đảm chắc chắn nhất những thắng lợi của cách mạng. Chỉ có khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo mới có thể kiên quyết và triệt để đánh đổ các thế lực phản cách mạng, giành lấy và củng cố

(3) V.I Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1961, quyển I, phần 2, tr 100.

Digitized by Google

chính quyền của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội » (4).

Theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch, Đảng ta ngay từ đầu cũng đặt rất rõ vấn đề nông dân và liên minh công nông trong cách mạng Việt-nam. Bản Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng, khởi thảo và được Hội nghị trung ương tháng 10-1930 thông qua, đã vạch rõ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Bản luận cương chỉ ra một cách đúng đắn bọn đế quốc và phong kiến là kẻ thù của cách mạng Đông-dương và nhấn mạnh rằng: lực lượng chính của cách mạng là công nhân và nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong suốt quá trình của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác vận động nông dân nhằm thực hiện và tăng cường liên minh công nông. Một kinh nghiệm lớn của Đảng ta trong giai đoạn này là: muốn cho giai cấp nông dân gắn bó với giai cấp công nhân và hăng hái tham gia mặt trận dân tộc thống nhất, muốn động viên và tổ chức được lực lượng cách mạng hùng hậu của nông dân để chống đế quốc và bọn phong kiến tay sai, đảng của giai cấp công nhân phải sớm đề ra cương lĩnh ruộng đất một cách hoàn chỉnh, và kiên quyết lãnh đạo nông dân đấu tranh để thực hiện cương lĩnh đó. Có như vậy, mới củng cố được quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nông dân.

Thực hiện cương lĩnh ruộng đất chính là thực hiện nhiệm vụ phản phong kiến ở nước ta. Song do yêu cầu tập trung mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù chủ yếu nhất và mạnh nhất là bọn đế quốc cướp nước, do nhiệm vụ phản phong kiến phải luôn luôn phục tùng nhiệm vụ phản đế, cho nên Đảng ta đã chủ trương phải thực hiện cương lĩnh ruộng đất từng bước một, lúc đầu nhiệm vụ phản phong kiến được đề ra nhẹ một chút, sau nâng dần lên và cuối cùng là thực hiện triệt để nhiệm vụ ruộng đất, xóa bỏ hoàn toàn giai cấp địa chủ phong kiến. Chính nhờ cách giải quyết đúng đắn đó, cho nên trong suốt giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã thực hiện được sự liên minh công nông một cách đúng đắn, hướng toàn bộ sức mạnh của khối liên minh ấy vào việc đánh đổ ách thống trị của bọn đế quốc bên ngoài và bè lũ tay sai của chúng. Việc tiến hành cải cách ruộng đất chỉ được thực hiện vào thời kỳ cuối của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và được hoàn thành trong những năm đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ sự liên minh về chính trị và quân sự chiếm vai trò cực kỳ to lớn ở nước ta. Nhờ đó, chúng ta đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, mở đường đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề liên minh công nông càng được Đảng ta đặc biệt coi trọng, coi đó là một vấn đề chiến lược có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, sự liên minh về chính trị và quân sự tiếp tục được thực hiện. Theo quan niệm của Đảng ta, nền chuyên chính vô sản ở nước ta về thực chất là quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là công nông, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Các lực lượng vũ trang của nước ta gồm chủ yếu là công nhân và nông dân, do Đảng

(4) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1980. tập 2, tr. 466.

Digitized by Google

của giai cấp công nhân lãnh đạo, đang làm nhiệm vụ vĩ đại và vẻ vang của mình là sẵn sàng bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân Việt-nam.

Tuy nhiên xét trên góc độ của toàn bộ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa mà nói, thì nội dung chủ yếu của liên minh công nông ở nước ta hiện nay và sau này là liên minh về mặt kinh tế.

Có nhiều biện pháp để tăng cường và củng cố khối liên minh công nông về mặt kinh tế, song cần thấy rằng biện pháp cơ bản nhất, quan trọng nhất là tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, nhằm thu hút toàn thể nông dân lao động vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và để làm tốt cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, điều then chốt là phải thi hành thật đúng đắn chính sách cơ bản của Đảng về hợp tác hóa, như đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã chỉ ra:

«Chúng ta cần khẳng định rằng toàn thể nông dân lao động bao gồm cả trung nông — là những người có quyền làm chủ tập thể trong chế độ ta, làm chủ hợp tác xã, làm chủ cả tư liệu sản xuất và lực lượng lao động, làm chủ cả sản xuất và phân phối, làm chủ việc xây dựng nông thôn mới ở địa phương, và qua đó tham gia làm chủ trong cả nước. Cho nên, trong công cuộc hợp tác hóa, vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc là thực hiện đoàn kết chặt chẽ giữa bần nông với trung nông, bảo đảm lôi cuốn ngay từ đầu trung nông (thành phần đông hơn cả trong nông dân ở nhiều vùng nông thôn miền Nam) vào các hình thức làm ăn tập thể, vào phong trào hợp tác hóa. Tất cả các chính sách áp dụng trong hợp tác xã *phải vừa có lợi cho những nông dân không có ruộng và ít ruộng, vừa chiếu cố thích đáng lợi ích của những người nhiều ruộng và những người có máy móc nông nghiệp*» (5).

Với chính sách cơ bản đúng đắn ấy, lại thêm có công tác giáo dục tư tưởng sâu sắc và công tác tổ chức chặt chẽ do những người cộng sản tiến hành, chắc chắn rằng cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở nước ta sẽ tiến lên những bước mới, góp phần to lớn vào việc củng cố khối liên minh công nông.

Cùng với việc xúc tiến cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng tốt mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. Mối quan hệ này được coi như một nội dung rất quan trọng trong đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp càng được Đảng ta cụ thể hóa hơn nữa. Và điều này được thể hiện rõ rệt trong nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường hiện nay.

Chúng ta cần nắm vững những điều trên để góp phần củng cố khối liên minh công nông — lực lượng nòng cốt của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Một điều nữa cần nói thêm là trong điều kiện cụ thể của nước ta, vấn đề liên minh công nông có quan hệ khăng khít với vấn đề Mặt trận thống nhất.

Trong suốt quá trình dài của cách mạng Việt-nam, liên minh công nông luôn luôn là cơ sở của Mặt trận thống nhất rộng rãi của dân tộc Việt-nam. Mặt trận này thường xuyên được mở rộng và củng cố tùy theo sự phát triển thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Tồn tại suốt cả hai giai đoạn chiến lược của cách mạng, Mặt trận thống nhất ở nước ta đã từng mang những tên gọi sau đây: Mặt trận

(5) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập III, tr. 583 – 584.

Digitized by Google

nhân dân phản đế Đông-dương, Mặt trận thống nhất dân chủ Đông-dương, Mặt trận Việt minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam, và cuối cùng là Mặt trận Tổ quốc Việt-nam — Mặt trận thống nhất của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Là cơ sở của Mặt trận thống nhất — một nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm cho cách mạng Việt-nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đó là một trong những tác dụng rất to lớn của liên minh công nông ở nước ta.

Trao đổi ý kiến...

(Tiếp theo trang 68)

văn hóa mới, con người mới ở nông thôn và trong cả nước có vai trò hết sức to lớn. Chúng ta cần đi sâu nghiên cứu vấn đề này với những đề tài cụ thể. Bước đầu chúng tôi xin mạnh dạn nêu một số đề tài như sau

1 — Xây dựng văn hóa huyện trên phương diện tổng quan nghiên cứu quy hoạch các khu vực dân cư, khu văn hóa, khu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp kết hợp với các công trình giao thông, thủy lợi trong thị trấn huyện và địa bàn toàn huyện v.v. tạo ra một nông thôn mới vừa là những vùng kinh tế vừa là những khu vực văn hóa phong phú và đa dạng.

2 — Xây dựng văn hóa huyện về chính trị tư tưởng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, từng bước làm cho tư tưởng của quần chúng được nâng cao trên cơ sở thế giới quan của giai cấp công nhân.

3 — Xây dựng văn hóa huyện về phương diện giáo dục tri thức cơ bản: bao gồm việc xóa nạn mù chữ, phổ cập văn hóa phổ thông trên cơ sở xây dựng các trường lớp bổ túc văn hóa, trường phổ thông và trường vừa học vừa làm các cấp khác nhau.

4 — Xây dựng văn hóa huyện về phương diện tri thức sản xuất vật chất: trang bị tri thức khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, nâng cao tay nghề, năng lực áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống và sản xuất, đào tạo người lao động cho những ngành nghề sản xuất mới v.v

5 — Xây dựng văn hóa huyện trên lĩnh vực sinh hoạt tinh thần: tổ chức các đội văn nghệ, các hoạt động câu lạc bộ, thể dục thể thao v. v. mang lại những giá trị tinh thần mới cho quần chúng và giúp cho họ sáng tạo những giá trị tinh thần mới.

6 — Xây dựng văn hóa huyện về phương diện lối sống và phong tục tập quán: xóa bỏ những nếp sống, những phong tục cũ kỹ lạc hậu gây trở ngại cho sản xuất và đào tạo con người mới, tạo ra những tập quán mới, phong tục mới thông qua những ngày hội có tính chất quần chúng như hội thi cấy, hội trồng cây, hội thi nuôi trâu bò, hội thi các mặt hàng thủ công, v v.

7 — Xây dựng văn hóa huyện về phương diện vệ sinh và rèn luyện thân thể: xây dựng các bệnh viện, bệnh xá, các tổ chức vệ sinh phòng bệnh, các hoạt động vui chơi giải trí và phổ biến tri thức khoa học phòng chống bệnh, v.v.

Những đề tài nói trên có quan hệ mật thiết với nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu của nhiều người, nhiều chuyên khoa khác nhau và phải có sự chỉ đạo chặt chẽ thì mới đem lại kết quả mong muốn.

Digitized by Google

TRUNG-QUỐC «DỊ HÓA» HAY KHÔNG «DỊ HÓA»?

TRẦN-QUỐC-TÚ

TRONG thời gian gần đây ở Trung-quốc đã nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi về vấn đề «dị hóa» — còn gọi là «tha hóa» hay «ngoại hóa». Một số nhà trí thức, văn nghệ sĩ, trong đó có nhà lý luận văn nghệ nổi tiếng Chu Dương, đã viết bài đăng trên các báo bàn về «dị hóa». Họ đi đến kết luận rằng tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng của Trung-quốc ngày nay đều «dị hóa». Họ phát hiện ra «quy luật dị hóa» của «chủ nghĩa xã hội kiểu Trung-quốc».

Cuộc tranh luận đang rôm rả bỗng nhà cầm quyền Bắc-kinh bật đèn đỏ ra lệnh chấm dứt cuộc tranh luận. Những người khởi xướng thuyết «dị hóa xã hội chủ nghĩa» bị bắt buộc phải tự kiểm điểm. Nhà văn Chu-Dương phải viết bài đăng lên báo để thú nhận sai lầm của mình.

Tổng biên tập *Nhân dân nhật báo*, người đã cho đăng bài của Chu-Dương và của các người khác về thuyết «dị hóa» đã bị cách chức.

Vì sao cuộc thảo luận có tính chất triết học chung quanh vấn đề «dị hóa» lại làm cho các nhà cầm quyền Bắc-kinh lo ngại đến như vậy? Ngày 3-1-1984, trong một bài nói chuyện về «vấn đề dị hóa» tại trường đảng cao cấp ở Bắc-kinh, Hồ-Kiều-Mộc, người đã từng xuyên tạc lịch sử Đảng cộng sản Trung-quốc theo quan điểm chủ nghĩa Mao, hiện nay là ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc, đã tiết lộ lý do của việc ra lệnh đình chỉ cuộc thảo luận đó. Hồ-Kiều-Mộc nói thuyết dị hóa xã hội chủ nghĩa đã «đem mọi hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội quy tội cho chế độ và cho lực lượng lãnh đạo chế độ, tập trung mục tiêu chống đối vào sự lãnh đạo của Đảng và chính phủ». Hồ-Kiều-Mộc còn nói: «một số người xuất phát từ thuyết dị hóa, trực tiếp yêu cầu xóa bỏ mọi quyền lực xã hội, mọi tổ chức kinh tế xã hội». Ông ta khẳng định: «Nó (thuyết dị hóa) là một tai biến đủ để hủy diệt chế độ xã hội chủ nghĩa (kiểu Trung-quốc)».

Chu-Dương và những người khác đề xướng thuyết «dị hóa xã hội chủ nghĩa» đã nói lên được một khía cạnh sự thật ở nước Trung-hoa theo chủ nghĩa Mao. Đưa ra những bằng chứng hiển nhiên không thể chối cãi, họ

Digitized by Google

khẳng định ở Trung-quốc có sự « dị hóa »: « dị hóa tư tưởng »; « dị hóa chính trị » hay « dị hóa quyền lực »; « dị hóa kinh tế »;... Trong một bài đăng trên *Nhân dân nhật báo* tháng 3-1983, Chu-Dương nói rằng ở Trung-quốc có sự « dị hóa »; rằng sự « dị hóa » biểu hiện trong tệ sùng bái cá nhân các lãnh tụ, cũng như trong « những điều ngu xuẩn mà chúng ta đã làm trong lĩnh vực xây dựng lại nền kinh tế ». Vận dụng quan điểm của Phơ-bách về « dị hóa » khi bàn về tôn giáo — tôn giáo do con người tạo ra rồi trở lại chi phối, làm chủ con người; Thượng đế chẳng qua chỉ là sự dị hóa của bản chất con người — Chu-Dương cho rằng tệ sùng bái cá nhân (đối với Mao và những người kế tục ông ta) là một sự « dị hóa »: « lãnh tụ từ nhân dân mà ra để làm đầy tớ của nhân dân rồi trở thành người chủ của nhân dân ».

Những hiện tượng xấu xa trong xã hội Trung-quốc mà những người khởi xướng thuyết « dị hóa » dẫn ra, nhà cầm quyền Trung-quốc không phủ nhận. Chính Hồ-Kiều-Mộc trong bài phê phán Chu-Dương và những người khác theo thuyết « dị hóa » cũng phải thừa nhận thực tế ở Trung-quốc có tệ sùng bái cá nhân, cũng như có những cán bộ sa đọa dùng quyền hành để mưu lợi riêng, ức hiếp quần chúng, v.v

Từ cuộc tranh luận về « dị hóa » một vấn đề được đặt ra: nước Trung-hoa của chủ nghĩa Mao có « dị hóa » hay không « dị hóa »?

Từ một nước đi theo chủ nghĩa xã hội trở thành một nước chống chủ nghĩa xã hội; từ một nước chống chủ nghĩa đế quốc trở thành một nước cấu kết với chủ nghĩa đế quốc; ai bảo Trung-quốc không « dị hóa »?

Nhưng giai cấp công nhân Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc, những người cộng sản chân chính ở Trung-quốc thì không « dị hóa ». Họ vẫn chống chủ nghĩa đế quốc; họ vẫn chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; họ chống nhà cầm quyền Trung-quốc cấu kết với chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Mao-Trạch-Đông và những người kế thừa ông ta cũng không « dị hóa ». Trước sau họ vẫn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn. Từ lâu trước khi cướp được chính quyền ở Bắc-kinh họ đã biểu lộ chủ nghĩa bành trướng đại Hán tộc của họ. Chính Mao-Trạch-Đông đã viết trong cuốn *Cách mạng Trung-quốc và Đảng cộng sản Trung-quốc* (năm 1939) rằng Việt-nam, Triều-tiên, và nhiều nước khác là « lãnh thổ của Trung-quốc » bị chủ nghĩa đế quốc cướp đi. Ý của Mao là Trung-quốc cần phải đòi lại các « lãnh thổ » ấy! Điều đó biểu hiện tư tưởng gì, nếu không phải là chủ nghĩa sô vanh đại Hán tộc?

Sự thất bại của cách mạng Trung-quốc một lần nữa chứng tỏ sự đúng đắn của luận điểm sau đây của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin: giai cấp vô sản chiến đấu, còn giai cấp tư sản thì lén lút chui vào nắm chính quyền.

Nhà cầm quyền Bắc-kinh tự xưng là đại diện của các nước Á Phi Mỹ la tinh. Họ nói: Trung-quốc là trung tâm của cách mạng thế giới, chủ nghĩa Mao là đỉnh cao của trí tuệ loài người, Mao-Trạch-Đông là lãnh tụ của cách mạng thế giới. Để thực hiện giấc mộng bành trướng và bá quyền của họ, trong vòng 30 năm cầm quyền ở Bắc-kinh họ đã phát động ba cuộc chiến tranh xâm lược ba nước: Ấn-độ (năm 1962), Liên-xô (năm 1969), Việt-nam (năm 1979). Đó là những bước phát triển mới của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền của tập đoàn cầm quyền theo chủ nghĩa Mao ở Bắc-kinh. Bành trướng

Digitized by Google

bá quyền trước sau vẫn là bản chất của họ. Không phải ngày trước họ là cộng sản chân chính mà ngày nay họ chuyển hóa thành bành trướng bá quyền. Vì vậy không có vấn đề « dị hóa » của tập đoàn theo chủ nghĩa Mao cầm quyền ở Bắc-kinh. Như mọi người đều biết, từ hội nghị Tuân-nghĩa (đầu năm 1935) những phần tử dân tộc chủ nghĩa đứng đầu là Mao-Trạch-Đông đã cướp được quyền lãnh đạo Đảng cộng sản Trung-quốc. Từ đó họ giương chiêu bài chủ nghĩa Mác — Lê-nin để thực hiện âm mưu đen tối của họ: thiết lập nền thống trị của họ ở Trung-quốc rồi từng bước tiến lên thực hiện bá quyền của họ ở Đông Nam Á, ở Á Phi Mỹ la tinh và trên toàn thế giới.

Nói đến cuộc tranh luận về « dị hóa » ở Trung-quốc gần đây, chúng tôi không có ý định bênh vực Chu-Dương và các nhà trí thức khác ở Trung-quốc theo thuyết « dị hóa », cũng không có ý định tán thành quan điểm của họ về « quy luật dị hóa xã hội chủ nghĩa ». Chúng tôi chỉ muốn thông báo một cách khách quan một cuộc thảo luận về lý luận ở nước láng giềng phương Bắc.

Hồ-Kiêu-Mộc cũng như Chu-Dương và những người khác, khi bàn về « dị hóa », đều có nhắc đến Hê-gher, Phơ-bách và Các Mác. Hê-ghen, Phơ-bách, Các Mác đều có nói đến « dị hóa ». Tuy quan điểm của các ông hoàn toàn khác nhau và trái ngược nhau, song cả ba ông đều dùng khái niệm « dị hóa » — còn gọi là « tha hóa » — để chỉ hiện tượng một sự vật này chuyển hóa thành một sự vật khác, đối lập với nó. Trong một số tác phẩm của mình, nhất là các tác phẩm đầu tay, Các Mác đã dùng khái niệm « dị hóa lao động » để chỉ hiện tượng hàng hóa do người lao động tạo ra rồi trở lại chi phối người lao động. Các Mác đã sử dụng khái niệm « dị hóa » để vạch trần những mâu thuẫn trong xã hội tư bản chủ nghĩa, để phê phán chủ nghĩa tư bản và đi đến kết luận là chủ nghĩa tư bản tất yếu phải diệt vong và bị thay thế bởi chủ nghĩa cộng sản. Các Mác chỉ nói đến « dị hóa » trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Đương nhiên chủ nghĩa xã hội không thể « dị hóa » như thế.

Ngày nay Chu-Dương và các nhà trí thức khác ở Trung-quốc đã vạch ra sự « dị hóa » ở Trung-quốc, vương quốc của chủ nghĩa Mao. Rõ ràng « chủ nghĩa xã hội kiểu Trung-quốc » không phải là chủ nghĩa xã hội khoa học mà Mác, Ăng-ghen và Lê-nin đã quan niệm.

Có ý thức hay không có ý thức, trong khi vạch trần sự « dị hóa » ở nước Trung-hoa theo chủ nghĩa Mao, Chu-Dương và những người trí thức khởi xướng thuyết « dị hóa » đã bóc đi cái nhãn hiệu « chủ nghĩa xã hội » mà nhà cầm quyền Bắc-kinh dán lên trên bộ máy Nhà nước của họ khiến bản chất của nó bộc lộ rõ là Nhà nước của chủ nghĩa sô vanh đại Hán tộc. Chính điều này khiến cho ông Đặng-Tiểu-Bình giãy nảy lên như đỉa phải vôi, và ra lệnh cấm ngay tức khắc cuộc tranh luận về « dị hóa ».

Digitized by Google

BÓNG ĐEN CỦA CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT TẠI NHẬT-BẢN

NHUẬN-VŨ

MỘT trong những hiện tượng thu hút mối quan tâm theo dõi của những nhà quan sát thời cuộc quốc tế là sự trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản. Chính quyền Na-ca-xô-nê được các báo chí phương Tây xem là chính quyền Tô-ki-ô thân Mỹ nhất từ trước đến nay, đang cùng những thế lực quân phiệt hoạt động tích cực hòng khơi dậy chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản. Trên các hòn đảo Nhật-bản hiện nay, hai hiện tượng thân Mỹ và quân phiệt hóa quyện vào nhau, ảnh hưởng qua lại chặt chẽ với nhau, hiện tượng này là tiền đề, điều kiện cho hiện tượng kia phát triển. Đồng thời, đồng yên và bộ máy chiến tranh Nhật-bản ngày càng bị ràng buộc vào đồng đô la và cỗ xe chiến tranh Mỹ. Kết quả của những cuộc hôn phối này là sự trỗi dậy và phát triển của chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản dưới chiếc ô che của đường lối quân phiệt của chính quyền Ri-gân, dưới sự bảo trợ của chủ nghĩa quân phiệt Mỹ.

«Chia sẻ trách nhiệm» của tên lính gác thuê.

Về chuyến đi thăm Nhật-bản của Ri-gân từ 9 đến 11 tháng 11 năm 1983, giới quan sát thời cuộc quốc tế nhận xét rằng, đây là luồng gió mà Ri-gân mang từ Mỹ đến để nâng cao thêm tầng bay của con diều hâu quân phiệt Nhật-bản.

Dưới đầu đề «Ri-gân muốn tăng cường hợp tác chiến lược với Nhật-bản», báo Pháp *Thế giới* số ra ngày 12-11-1983 viết: «Cuộc họp cấp cao này (giữa Ri-gân và Na-ca-xô-nê) xác nhận một cách nổi bật điều mà đại sứ Mỹ tại Nhật-bản Mai-cơ Men-phin tuyên bố trước khi Ri-gân sang thăm Nhật-bản. «Nhật-bản là đồng minh quan trọng nhất đối với Mỹ, vì thế kỷ tới sẽ là thế kỷ của Thái-bình-dương». Lời cam kết này bị một bộ phận phe đối lập Nhật-bản tố cáo là một bước mới tiến tới việc quân sự hóa Nhật-bản»

Dưới đầu đề «Sự hợp tác tại Thái-bình-dương», tờ báo *Kinh tế Viễn*

Digitized by Google

Đông xuất bản ở Hương-cảng, số ra ngày 10-11-1983 viết: «Chính quyền Ri-gân cho rằng Nhật-bản phải đóng một vai trò chiến lược ở Tây Thái-bình-dương, cũng như Na-ca-xô-nê nghĩ rằng khả năng tự vệ là điều thiết yếu đối với lòng tự trọng của Nhật-bản»

Chuyến đi thăm «hữu nghị» của tổng thống Mỹ tại Nhật-bản trên thực tế chỉ là cơ hội để Ri-gân đưa ra hàng loạt yêu sách đối với chính quyền Na-ca-xô-nê. Tổng thống Mỹ đòi Nhật-bản phải nhân nhượng Mỹ trên nhiều vấn đề bất đồng kéo dài như tài chính, tiền tệ và mậu dịch, đòi Nhật-bản phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở cửa thị trường Nhật-bản, kể cả việc đưa vốn đầu tư vào nhằm giảm bớt tình trạng nhập siêu nghiêm trọng của Mỹ đối với Nhật-bản (con số nhập siêu này từ khoảng 20 tỷ đô la năm 1983 có thể vượt lên thành 30 tỷ đô la vào cuối năm 1984). Tổng thống Mỹ còn đòi hỏi và mách nước chính quyền Tô-ki-ô lấy chạy đua vũ trang làm phương sách giải quyết những khó khăn kinh tế mà Nhật-bản đang vấp phải.

Trong diễn văn đọc tại buổi kết thúc vòng hội đàm thứ hai với thủ tướng Nhật-bản, tổng thống Mỹ tuyên bố: «Nhật-bản là nước chủ nhà của 45000 quân Mỹ và các căn cứ Mỹ tại Nhật-bản. Đây là nhờ có hiệp ước hợp tác an ninh chung. Đối với những cố gắng quốc phòng của Nhật-bản, Mỹ vẫn cho rằng sự đóng góp quan trọng nhất của Nhật-bản có thể có đối với hòa bình và an ninh ở châu Á là Nhật-bản tự bảo đảm lấy sự phòng thủ của mình và chia sẻ ngày càng nhiều gánh nặng của những cố gắng phòng thủ chung của chúng ta».

Từ lĩnh vực quân sự chuyển sang lĩnh vực kinh tế, Ri-gân tuyên bố tiếp: «Chúng tôi hoan nghênh những hành động mới đây của chính phủ Ngài (Nhật-bản) nhằm giảm bớt hàng rào buôn bán và tôi nhấn mạnh tới tầm quan trọng của những biện pháp thêm nữa nhằm mở cửa thị trường Nhật-bản cho buôn bán và đầu tư» (UPI, Tô-ki-ô, 10-11-1983).

Thật là rõ ràng, đối với Na-ca-xô-nê, Ri-gân khép hẹp cửa về thương mại, kinh tế, đồng thời mở rộng cửa về chạy đua vũ trang, đề buộc Nhật-bản «chia sẻ trách nhiệm quân sự» với Mỹ. «Một viên đạn bắn xuyên hai con chim», mục tiêu của chính sách Mỹ đối với Nhật-bản là giảm bớt sức cạnh tranh của Nhật-bản trên thị trường, đồng thời tăng thêm sức mạnh quân sự của Nhật-bản, lấy đó làm lực lượng bổ trợ cho lực lượng quân sự Mỹ trên con đường của Ri-gân «giành ưu thế quân sự» về phía Mỹ. Đây là nội dung của sự «hợp tác chiến lược» giữa Mỹ và Nhật-bản mà Ri-gân và Na-ca-xô-nê dùng ly rượu Xa-kê chúc tụng nhau. Về thực chất, đây chính là nội dung của sự hợp tác chiến lược giữa các tổ hợp quân sự—công nghiệp Mỹ và Nhật-bản, giữa những thế lực quân phiệt Mỹ và những thế lực quân phiệt Nhật-bản.

«Hợp tác chiến lược» Mỹ – Nhật-bản dưới bóng cờ Hoa-kỳ.

Việc đẩy mạnh hợp tác chiến lược Nhật-bản – Mỹ trên đây đang được thể hiện qua nhiều biện pháp chiến lược cụ thể. Trước hết, chính quyền Na-ca-xô-nê theo gót các chính quyền Tô-ki-ô trước đây chủ trương tiếp tục tăng ngân sách quốc phòng hằng năm của Nhật-bản (hiện nay đã vượt quá tỷ lệ 1% tổng sản phẩm quốc dân; nếu tính cả tiền lương hưu và trợ cấp cho quân nhân và một số chi phí khác vào ngân sách quân sự của Nhật-bản như trong các ngân sách quốc phòng của các nước phương Tây thì tỷ lệ này lên đến khoảng 1,5%). Ngân sách quốc phòng Nhật-bản hiện nay đã ở mức trên 12 tỷ đô la và đứng vào hàng thứ 5 trên thế

Digitized by Google

giới. Ngoài chi tiêu quân sự trên đây, hằng năm chính quyền Tô-ki-ô còn phải đài thọ một phần tư số tiền chi tiêu của Mỹ cho những lực lượng quân sự Mỹ đóng trên đất Nhật-bản, tức là khoảng 750 triệu đô la.

Được móc từ túi những người dân đóng thuế Nhật, số tiền khoảng 13 tỷ đô la đó chạy vào két bạc của tổ hợp quân sự – công nghiệp Nhật-bản với sự tham gia đóng cổ phần của tổ hợp quân sự – công nghiệp Mỹ. Đây là dòng sữa nuôi dưỡng những thế lực quân phiệt Nhật-bản đang mặc bộ quân phục của cái gọi là "lực lượng phòng vệ quốc gia», tức là quân đội Nhật-bản, và đang len lỏi làm nòng cốt cho những đảng và nhóm cực đoan trên sân khấu chính trị Nhật-bản.

Với ngân sách quân sự tăng nhanh đó, chính quyền Tô-ki-ô đang đẩy mạnh việc trang bị những vũ khí hiện đại cho quân đội Nhật-bản, trước hết nhằm mở rộng tầm hoạt động của lực lượng quân sự Nhật-bản ra những vùng xa nước Nhật-bản. Bước sang năm 1981, phạm vi 1000 hải lý kể từ bờ biển các hòn đảo Nhật đã trở thành quá chật hẹp trước sự phát triển của các quân chủng và binh chủng thuộc quân đội Nhật-bản, đặc biệt là hải quân và không quân.

Theo các tài liệu phương Tây, hải quân Nhật-bản có 135 tàu chiến đấu, 90 tàu phụ trợ và trên 300 máy bay chiến đấu và máy bay lên thẳng. Hải quân Nhật-bản đang đặt đóng thêm nhiều tàu khu trục trang bị tên lửa và tàu ngầm có tầm hoạt động đại dương. Tất nhiên, các sĩ quan hải quân Nhật-bản sẽ không cam chịu để cho hạm đội Nhật-bản mãi mãi làm cái đuôi của con cá mập hạm đội 7 Tây Thái-bình-dương của Mỹ. Bước vào thập kỷ 80, các tàu chiến Nhật-bản đã rẽ sóng đến các vùng trung tâm Thái-bình-dương và đi về hướng các vùng biển Đông Nam Á, đến vùng biển phụ cận Phi-líp-pin. Khả năng mới đang được tăng cường này là liều thuốc kích thích sự hồi sinh của giấc mơ Đại Đông Á đang dở của giới Xu-mu-rai.

Không quân Nhật-bản được trang bị những máy bay chiến đấu hiện đại nhất chế tạo theo thiết kế Mỹ tại những nhà máy của Nhật-bản. Chính quyền Tô-ki-ô đang đặt mua của Mỹ nhiều máy bay chiến đấu F.15 và F.16 hiện đại nhất của không quân Mỹ mà Oa-sinh-tơn chỉ dành cho một số nước đồng minh thân thiết nhất. Nền công nghiệp Nhật-bản tỏ ra có đầy đủ khả năng sản xuất nhanh chóng hàng loạt tên lửa các loại.

Nhiệm vụ của lục quân Nhật-bản không còn đóng khung trong việc phòng thủ các hòn đảo Nhật-bản vì hiện nay hải phận Nhật-bản đã được trang bị nhiều tàu đổ bộ với khả năng của mỗi chiếc chuyên trở 1000 lính và 60 xe tăng.

Nối lại giấc mơ Đại Đông Á đang dở.

Chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản đã có manh vuốt, những tên Xu-mu-rai tân thời không tự hài lòng với việc kéo lê thanh kiếm của chúng trên hè phố Tô-ki-ô mà đang giương những đôi mắt «chinh phục» của chúng ra khắp bốn phương. Tuy nhiên, vì sức lực của chúng hiện nay vẫn còn có hạn, cho nên "khu rừng săn» vừa với tầm tay của chúng trước hết mới là khu vực Đông Bắc Á, bậc thang đầu tiên chuẩn bị cho bước tiến lên bậc thang thứ hai: khu vực Đông Nam Á.

Từ những tính toán chiến lược này cơ quan phòng vệ quốc gia Nhật-bản, tức là bộ quốc phòng Nhật-bản, không hề giấu giếm rằng phạm vi hoạt động hiện tại của các lực lượng vũ trang Nhật-bản không chỉ hạn chế trên lãnh thổ nước Nhật-bản, theo

Digitized by Google

như Hiến pháp của nước này quy định, mà đang được mở ra đến các eo biển chiến lược ở bắc, tây và nam các hòn đảo Nhật-bản và cả phần nam của bán đảo Triều-tiên. Các Xa-mu-rai tân thời còn «khiêm tốn» chưa nêu lên khu vực đảo và eo biển Đài-loan cũng vùng biển Phi-líp-pin mở đường vào biển Đông. Thực tế lịch sử từ thời Thiên hoàng Minh Trị cho đến ngày Nhật-bản mở đầu cuộc chiến tranh Thái-bình-dương trong chiến tranh thế giới thứ hai cho thấy rằng, những thế lực quân phiệt xâm lược tại Tô-ki-ô có đặc tính kiên nhẫn chờ thời cơ và hành động từng bước, bước sau cách bước trước có khi hàng chục năm.

Thế là, những thế lực quân phiệt Nhật-bản ngày nay đang mon men đi theo con đường cũ của những thế lực quân phiệt Nhật-bản ngày xưa, xem địa bàn Đông Bắc Á là khởi điểm của một quá trình chinh phục mới của chúng.

Tại đây, chúng như thuyền gặp gió.

Từ Xê-un, chế độ quân phiệt Nam Triều-tiên đang giơ tay cầu cứu cả Oa-sinh-tơn lẫn Tô-ki-ô để tồn tại. Trong khi đó, trong thời kỳ «sau Việt-nam», chính quyền Oa-sinh-tơn luôn luôn lớn tiếng đòi Nhật-bản phải «chia sẻ trách nhiệm» với Mỹ tại Đông Bắc Á để tạo điều kiện cho Mỹ «đưa các đơn vị hải quân, lính thủy đánh bộ và không quân đóng ở Nhật-bản và Ô-ki-na-oa đến vùng vịnh Ba-tư trong trường hợp cần thiết. Để thực hiện chiến lược này, chính quyền Ri-gan đang nắng nặc đòi Nhật-bản và Nam Triều-tiên tăng cường các trách nhiệm an ninh của họ đối với Đông Bắc Á. Chính quyền Ri-gan đặc biệt dự định biến mối quan hệ giữa Mỹ với Nhật-bản thành một mối quan hệ chia sẻ trách nhiệm quân sự tích cực» (Báo Mỹ *Thời báo Niu Oóc* số ra ngày 7-6-1982)

Về phía Mỹ, đòi Nhật-bản «chia sẻ trách nhiệm» với Mỹ tức là đòi Nhật-bản làm tên lính gác thuê không công bảo vệ những quyền lợi của Mỹ tại Đông Bắc Á để Mỹ rộng tay hoạt động hơn nữa tại Đông Nam Á và khu vực Ấn-độ-dương. Về phía Nhật-bản, nhận «chia sẻ trách nhiệm» với Mỹ tại Đông Bắc Á là nhằm trước hết xây dựng địa bàn đứng chân ở khu vực chiến lược quan trọng này để rồi từ đấy sẽ tỏa hoạt động bành trướng của mình lên lục địa Viễn Đông và xuống vùng biển Đông Nam Á. Hai phường «mạt cưa, mướp đắng» cùng lợi dụng nhau, «tương kế tựu kế».

Ngay trước chuyến đi của Ri-gân sang Tô-ki-ô và Xê-un trong tháng 11-1983, bản tin của cơ quan thông tấn Mỹ USIS ngày 26-10-1983 viết: «Các quan chức cao cấp trong chính quyền Ri-gân nói rằng trong chuyến đi châu Á vào tháng 11-1983, tổng thống Mỹ sẽ khuyến khích cả Nhật-bản lẫn Nam Triều-tiên tăng cường sự tham gia của họ vào các cố gắng quốc tế nhằm tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề quốc tế toàn cầu». Ngay trong ngày Ri-gân rời Tô-ki-ô đi Xê-un, báo Pháp *Thế giới* số ra ngày 12-11-1983 nhận xét: «Ri-gân ngầm xác nhận chính sách không chính thức của chính quyền Oa-sinh-tơn hiện nay là khuyến khích sự xích lại gần nhau về chính trị và quân sự giữa Tô-ki-ô và Xê-un trong khuôn khổ chiến lược toàn cầu của Mỹ».

Như vậy, cái «Liên minh quân sự Đông Bắc Á» chĩa mũi nhọn vào Liên-xô mà Ri-gân đang tìm cách dựng lên là chất keo gắn bó bộ ba quân phiệt Mỹ – Nhật-bản – Nam Triều-tiên và trước hết là liều thuốc kích thích đưa chủ nghĩa quân phiệt Nhật-bản lên những bước phát triển mới. Đây là mối nguy hiểm tiềm tàng mới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh không chỉ tại khu vực Đông Bắc Á mà cả tại khu vực Đông Nam

Digitized by Google

Á và toàn bộ châu Á. Làm sao người ta có thể sớm quên rằng, trong cuộc chiến tranh Thái-bình-dương chỉ cách đây hơn 40 năm, lục quân Nhật-bản đã đánh chiếm một số đảo trong quần đảo Xa-lô-mông gần nước Úc, đã tiến đến biên giới Miến-điện — Ấn-độ và tàu chiến Nhật-bản đã hoạt động đến cả vùng biển Xri Lan-ca.

Bắc-kinh « nhập cuộc ».

Chính trong bối cảnh sự tập hợp lực lượng quân phiệt Mỹ — Nhật-bản — Nam Triều-tiên dưới lá cờ của tổng thống Hoa-kỳ, Hồ-Diệu-Bang đã sang thăm Tô-ki-ô ngày 23-11-1983, tức là chỉ cách chuyến đi thăm của Ri-gân không đầy hai tuần lễ.

Trước ngày Hồ-Diệu-Bang đến Tô-ki-ô, bản tin của hãng thông tấn Nhật *Kyô-đô* ngày 20-11-1983 viết: « Nhật-bản đã từng xâm lược Trung-quốc trong chiến tranh thế giới thứ hai, nay là nước không cộng sản duy nhất được chính phủ Trung-quốc gọi là « nước bạn ». ... Các nhà quân sự nói, mặc dù có những bất đồng gay gắt, Nhật-bản và Trung quốc cùng chia sẻ mối quan tâm đối với an ninh ở bán đảo Triều-tiên... »

Sau chuyến đi thăm Nhật-bản kéo dài 8 ngày của Hồ-Diệu-Bang, giới báo chí phương Tây nhận xét rằng, vấn đề Triều-tiên nằm trong chương trình hội đàm giữa Hồ-Diệu-Bang và Na-ca-xô-nê. Cuộc thảo luận « hữu nghị » giữa hai bên chẳng qua chỉ là những cuộc mặc cả sít sao giữa những đồ đệ của « chủ nghĩa thực dụng ». Theo đuôi Ri-gân, Hồ-Diệu-Bang muốn tỏ ra « bỏ thêm lá phiếu của Bắc-kinh » cho Đảng dân chủ tự do Nhật-bản nhằm đẩy đảng này đưa nước Nhật-bản đâm sâu hơn nữa vào con đường chạy đua vũ trang và liên kết quân sự với Mỹ chống Liên-xô. Tất nhiên, Hồ-Diệu-Bang không quên đòi Na-ca-xô-nê phải trả giá hời cho dịch vụ của mình. Bàn về chuyến đi công cán Tô-ki-ô của Hồ-Diệu-Bang, báo Pháp *Thế giới* số ra ngày 21-11-1983 viết: « Về ấn độ Triều-tiên, người ta cho biết rằng trong chuyến đi thăm Trung-quốc của bộ trưởng quốc phòng Mỹ Oen-bơ-giơ vào cuối tháng 9-1983, Đặng-Tiểu-Bình đã gợi ý nên tiến hành những cuộc trao đổi ý kiến giữa Trung-quốc và Mỹ, thậm chí với cả Nhật-bản nữa. Lời lẽ ôn hòa trong những phản ứng của Bắc-kinh đối với chuyến đi thăm Xơ-un của tổng thống Ri-gân như để cho thấy cần phải như vậy... Sau bước thụt lùi năm 1982 trong thương mại giữa Nhật-bản và Trung-quốc (8,8 tỷ đô la), khối lượng trao đổi trong năm nay (1983) sẽ bằng mức của năm 1981 (10 tỷ đô la). Tô-ki-ô đã đồng ý về nguyên tắc kể từ năm 1981 sẽ cho Trung-quốc vay dài hạn một số tiền lớn, tiếp theo khoản cho vay 300 tỷ yên (1,5 tỷ đô la) đang còn phải chờ quyết định, có lẽ khoản vay mới này sẽ được quyết định trước mùa xuân 1984 ».

Thế là, với những đồ dệ của thuyết « mèo trắng, mèo đen », lóa mắt trước đồng đô la và đồng yên, không đếm xỉa đến bài học lịch sử đã từng là nạn nhân bi thảm của bọn phát xít Nhật-bản, những thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đang quét đường cho bọn Xu-mu-rai tân thời tiến về mục tiêu chân trời « Đại Đông Á » mới của chúng. Chúng đang cùng nhau mơ tưởng chắp nối một trục quân phiệt Oa-sinh-tơn — Tô-ki-ô — Xơ-un — Bắc-kinh nhằm chống Liên-xô, chống ba dòng thác cách mạng trên thế giới.

Bình minh sẽ quét tan bóng đêm.

Chủ nghĩa quân phiệt đang là nguy cơ thật sự đe dọa đời sống chính trị và xã hội của nước Nhật-bản. Cơ sở vật chất và công cụ của chúng đang ngày càng được tăng

Digitized by Google

cường. Bọn Xu-mu-rai tân thời đang phát triển lực lượng và ảnh hưởng của chúng trên sân khấu chính trị nước Nhật-bản, mơ ước khôi phục lại thời kỳ hoàng kim đã qua của chúng khi những tên quân phiệt quân nhân hay trá hình dưới bộ áo dân sự trực tiếp nắm trong tay bộ máy thống trị nước Nhật-bản. Câu kết với những bạn đồng minh Mỹ, Nam Triều-tiên, Trung-quốc, chúng đang là nguy cơ tiềm tàng đe dọa nền hòa bình và an ninh của Đông Bắc Á, Đông Nam Á và cả khu vực châu Á — Thái-bình-dương.

Tuy nhiên, trong bối cảnh so sánh lực lượng trên thế giới ngày nay, tâm cảnh của con diều hâu quân phiệt Nhật-bản không thể dễ dàng vươn rộng theo ý muốn của chúng và những kẻ dỡ dầu cho chúng. Chúng đang vấp phải sự đấu tranh mãnh liệt của những lực lượng cách mạng và tiến bộ Nhật-bản, tiêu biểu là Đảng cộng sản Nhật-bản, được sự ủng hộ của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới mà hạt nhân là Liên-xô và khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Vì thế, chính quyền Na-ca-xô-nê vừa được các cử tri Nhật-bản dạy cho một bài học đích đáng trong cuộc tuyển cử tại Nhật-bản ngày 18-12-1983: Đảng dân chủ tự do Nhật-bản đã mất 36 ghế nên không thể thu được một đa số 256 ghế trong số 511 ghế của Hạ nghị viện Nhật-bản. Ngày 26-12-1983, trong cuộc bầu cử thủ tướng tại Hạ nghị viện Nhật-bản, Na-ca-xô-nê chỉ thu được một đa số sít sao là 265 phiếu nhờ dựa thêm vào phiếu của một số nghị sĩ bảo thủ ra tranh cử với tư cách độc lập.

Địa vị của cả Đảng dân chủ tự do Nhật-bản lẫn của Na-ca-xô-nê trên sân khấu chính trị Nhật-bản đang tụt lùi. Nhận xét về thất bại của Đảng dân chủ tự do Nhật-bản trong cuộc tuyển cử ngày 18-12-1983, báo Mỹ *Bưu điện Oa-sinh-tơn* số ra ngày 20-12-1983 viết: "Thất bại bất ngờ của Na-ca-xô-nê làm nổi lên sự nghi ngờ (của Mỹ) đối với khả năng của Đảng dân chủ tự do cầm quyền tăng cường sức mạnh quân sự của Nhật-bản, một nhân tố then chốt trong sự hợp tác Mỹ — Nhật-bản mà tháng trước tổng thống Mỹ đã nói ở Tô-ki-ô".

Những thất bại chính trị vừa qua của Na-ca-xô-nê và Đảng dân chủ tự do Nhật-bản cũng là thất bại bước đầu của đường lối quân phiệt mà chính quyền Tô-ki-ô đang theo đuổi, của những thế lực quân phiệt cả Nhật-bản lẫn Mỹ và Trung-quốc.

Trong bối cảnh thế tiến công mãnh liệt của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, nhân dân Nhật-bản đang đấu tranh quyết liệt đòi chính quyền Tô-ki-ô phải rời bỏ đường lối quân phiệt, chạy đua vũ trang theo đuôi Mỹ, hủy bỏ hiệp ước an ninh Mỹ — Nhật-bản để xây dựng một nước Nhật-bản hòa bình, trung lập, không liên kết. Cuộc đấu tranh giữa những thế lực cách mạng và tiến bộ Nhật-bản với những thế lực phản động, quân phiệt đang diễn ra gay gắt và quyết liệt. Tuy nhiên, cuối cùng ánh sáng mặt trời thanh bình chắc chắn sẽ xua tan bóng đen của chủ nghĩa quân phiệt trên bầu trời các hòn đảo Nhật-bản.

Digitized by Google

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 4 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Используя новый фактор, продвигать сельское хозяйство по пути крупного социалистического производства. ★★★ – Успешно провести выборы в народные советы и административные комитеты уезда, общины и приравненных к ним инстанций. Речь товарища Чыонг Тиня по случаю 40-летия со дня опубликования тезисов культурной революции во Вьетнаме. Обмен мнениями о строительстве уезда и укреплении уездных инстанций. ★ НГУЕН ФЫОНГ КУЭ, НГУЕН ВАН ЛЫУ, ЛЕ КЮЙ ДЫК. ИССЛЕДОВАНИЯ – Кует Тиен. Упрочение союза рабочих, крестьян и других слоев трудящихся. ЧАН КУОК ТУ – Китай претерпевает «уродливое изменение» или нет? НЬЮАН ВУ – Черный тень милитаризма в Японии.

REVIEW OF COMMUNISM N° 4-1984

Editorial – Bringing into full play new factors to develop agriculture in the line of socialist large-scale production. ★★★ – Achieving good conduct of the elections of People's Councils and People's Committees at district, village and equivalent levels. Comrade Truong Chinh's speech delivered at the 40th anniversary of the birth of the Programme for Vietnamese cultural revolution. **Exchange of views on the district building and strengthening** ★ *NGUYÊN-PHƯƠNG-QUÊ, NGUYÊN-VĂN-LỤU, LÊ-QUÝ-ĐỨC.* **Studies** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Implementing and consolidating the alliance of the working class and the fundamental masses among the peasants and the other working people. *TRẦN-QUỐC-TÚ* – Has China alienated herself or not? *NHUẬN-VŨ* – Shadows of militarism over Japan.

REVUE DU COMMUNISME N° 4-1984

Editorial – Promouvoir les nouveaux facteurs, faire avancer l'agriculture vers la grande production socialiste. ★★★ – Bien organiser les élections des Conseils populaires et des Comités populaires de district, de commune et des échelons correspondants. Discours du camarade Truong Chinh à la cérémonie du 40e anniversaire de la rédaction des thèses de la révolution culturelle du Vietnam. **Echange de vue sur l'édification et le renforcement de l'échelon de district** ★ *NGUYÊN-PHƯƠNG-QUÊ, NGUYÊN-VĂN-LỤU, LÊ-QUÝ-ĐỨC* – **Etude** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Réaliser et consolider le bloc d'alliance entre la classe ouvrière et les masses fondamentales paysannes et les autres couches travailleuses. *TRẦN-QUỐC-TÚ* – La Chine: «aliénation» ou «non aliénation»? *NHUẬN-VŨ* – L'ombre du militarisme sur le Japon.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 4-1984

Editorial – Desplegar el nuevo factor surgido en la agricultura para orientarla hacia la gran producción socialista. ★★★ – Optimizar la elección de los Consejos Populares y Comités Populares distritales y comunales y de otros niveles equivalentes. Discurso de Truong-Chinh en el 40 aniversario de la publicación de la Tesis sobre la Revolución Cultural Vietnamita. **Intercambios de puntos de vista acerca de la construcción y el fortalecimiento del nivel distrital** ★ *NGUYÊN-PHƯƠNG-QUÊ, NGUYÊN-VĂN-LỤU, LÊ-QUÝ-ĐỨC.* **Estudios** ★ *QUYẾT-TIẾN* – Realizar y consolidar la alianza de la clase obrera con las masas básicas del campesinado y de otras capas trabajadoras. *TRẦN-QUỐC-TÚ* – ¿China: «Alienación» o «No alienación»? *NHUẬN-VŨ* – La sombra del militarismo en el Japón.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 4

1984

NĂM THỨ XXX (340)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận – Phát huy nhân tố mới, đưa nông nghiệp tiến lên theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa 1

★ ★ ★ – Lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, xã và các cấp tương đương 5

Diễn văn của đồng chí Trường-Chinh đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 10 ngày ra đời của Đề cương về cách mạng văn hóa Việt-nam 8

VĂN-TÙNG – Tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường 35

TA-HOÀNG-TỊNH – TRẦN-ĐỨC-GIANG – Đề góp phần xây dựng chiến lược khoáng sản của nước ta 43

CỬ-HÒA-VĂN – Làm tốt công tác định canh định cư 48

Trao đổi ý kiến *về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* ★ *NGUYỄN-PHƯƠNG-QUẾ* – Tổ chức sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp trên địa bàn huyện Thanh-chương ★ *NGUYỄN-VĂN-LỰU* – Tiến-lãng xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng trên địa bàn huyện ★ *LÊ-QUÝ-ĐỨC* – Vấn đề phát triển văn hóa trong xây dựng huyện 54

Tư liệu lịch sử ★ Một bài báo của Bác Hồ cách đây 65 năm: Vấn đề dân bản xứ. 69

Nghiên cứu ★ *QUYẾT-TIẾN* – Thực hiện và củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với quần chúng cơ bản trong nông dân và các tầng lớp lao động khác 73

TRẦN-QUỐC-TÚ – Trung-quốc « dị hóa » hay không « dị hóa » ? 80

NHƯ-ẤN-VŨ – Bóng đen của chủ nghĩa quan phiệt tại Nhật-bản 83

Digitized by Google

Digitized by Google

From:
交流圖書公司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

Tìm đọc:

V. I. LÊ-NIN

— Về tư cách người đảng viên cộng sản (tái bản)

PHẠM-VĂN-ĐỒNG

— Tạo bước chuyển biến mới để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế — xã hội trong những năm trước mắt

— Hòa bình, an ninh quốc tế, độc lập dân tộc, trật tự kinh tế quốc tế mới — những mục tiêu của phong trào không liên kết

HOÀNG-TÙNG

— Mấy vấn đề về công tác chính trị và tư tưởng trong chặng đường hiện nay của cách mạng xã hội chủ nghĩa

★★★

— Giới thiệu tác phẩm của V. I. Lê-nin « Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xki »

— Giới thiệu tác phẩm của V. I. Lê-nin « Bàn về thuế lương thực »

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 2đ50

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

LIBRARY
AUG 23 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

5

5.1984

Digitized by Google

Digitized by Google

Xã luận

KỶ NIỆM LẦN THỨ 30 CHIẾN THẮNG ĐIỆN-BIÊN-PHỦ

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐIỆN-BIÊN-PHỦ

Ba mươi năm đã trôi qua kể từ chiến thắng Điện-biên-phủ « chấn động địa cầu ».

Điện-biên-phủ là đỉnh cao thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953 — 1954, đồng thời là chiến thắng lớn nhất kết thúc cuộc kháng chiến của quân và dân ta chống đế quốc Pháp.

Chiến thắng Điện-biên-phủ đã chấm dứt ách thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp trên bán đảo Đông-dương gần một thế kỷ, bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám. Với chiến thắng Điện-biên-phủ « Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh » (1).

Với chiến thắng đó, chúng ta đã hoàn toàn giải phóng miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nói : « Đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, mà cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện-biên-phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong thời đại ngày nay : chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công » (2)

★

Chiến thắng Điện-biên-phủ do nhiều nhân tố tạo thành.

---

(1) Hồ-Chí-Minh *Tuyển tập*. Nxb sự thật, Hà-nội, 1960, tập II, tr. 157.

(2) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, tập II, tr. 311.

Digitized by Google

Trước hết, *đó là sức mạnh lòng hợp của cả nước đánh giặc với ý chí quyết chiến, quyết thắng. Sức mạnh lòng hợp ấy là sức mạnh tinh thần và vật chất của cả tiền tuyến và hậu phương, đặc biệt là sức mạnh chính trị, tinh thần của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đáp ứng lời kêu gọi cứu nước của Hồ Chủ tịch: «Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ» (3). Sức mạnh ấy được phát huy cao độ trên cơ sở đường lối chính trị, quân sự đúng đắn và sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng ta. Nó được kết hợp với sức mạnh ủng hộ của nhân dân thế giới, biến thành một lực lượng vật chất hùng hậu. Kẻ địch không ngờ và không sao hiểu được sức mạnh kỳ diệu ấy. Từng chiến sĩ ngoài mặt trận, từng người dân nơi hậu phương mang trong mình sức mạnh ấy, và nó đã trở thành nhân tố quyết định thắng lợi trên chiến trường.*

Hai là, *Đảng ta nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh và cách mạng, về lãnh đạo đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và các hình thức đấu tranh khác, về xây dựng lực lượng vũ trang trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đề ra đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn. Đảng ta đã có những chủ trương, biện pháp đúng đắn, sáng tạo rèn luyện, bồi dưỡng các lực lượng vũ trang trong quá trình chiến đấu, trong bước quyết định của chiến tranh, xây dựng, củng cố hậu phương vững mạnh, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến, biến hậu phương thật sự trở thành một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trong chiến tranh cách mạng. Đảng ta nắm vững các quy luật của chiến tranh nhân dân, phát huy truyền thống đánh giặc của ông cha ta, đã thực hiện việc chỉ đạo chiến lược, chiến dịch và chiến thuật rất chính xác, sáng suốt, có bản lĩnh vững vàng trong việc vận dụng khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định nhất đối với thắng lợi của chiến tranh.*

Ba là, *quân đội ta thật sự là một quân đội anh hùng, chiến đấu vô cùng dũng cảm và mưu trí. Quân đội ta kế thừa truyền thống anh dũng chống ngoại xâm của dân tộc, lại được Đảng và Hồ Chủ tịch dày công giáo dục, rèn luyện, mang đậm bản chất cách mạng, có giác ngộ giai cấp cao, có lòng yêu nước nồng nàn, thấm nhuần tinh thần vì nhân dân quên mình, một lòng một dạ phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Quân đội ta trưởng thành mau chóng về trình độ chiến đấu, luôn luôn thấu suốt quan điểm của Đảng coi con người có tinh thần quyết chiến quyết thắng, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp chính nghĩa, vì lý tưởng cao quý là yếu tố quyết định, đồng thời rất coi trọng các yếu tố về tổ chức, vũ khí, trang bị, chiến thuật, kỹ thuật.*

Bốn là, *sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân Pháp đối với cuộc chiến*

(3) Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, 1980, tập I, tr. 403.

Digitized by Google

đấu chính nghĩa của nhân dân ta, của quân đội ta. Đó là sự cổ vũ rất to lớn đối với các chiến sĩ của chúng ta trên mặt trận Điện-biên-phủ cũng như trên các chiến trường khắp Đông-dương.

★

Cuộc kháng chiến chống Pháp nói chung, chiến dịch Điện-biên-phủ nói riêng, là một thử thách nghiêm trọng đối với dân tộc Việt-nam vừa giành lại chủ quyền độc lập trong Cách mạng Tháng Tám.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là Điện-biên-phủ không những bảo vệ được thành quả của Cách mạng Tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc nước ta, mà còn tạo cơ sở cho quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đánh thắng lên sen đầm quốc tế, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến thắng Điện-biên-phủ có ý nghĩa lịch sử to lớn. Đối với người Việt-nam chúng ta, Điện biên-phủ không chỉ là cột mốc quan trọng trên con đường đấu tranh tự giải phóng mà còn là một kho của cải tinh thần vô cùng quý giá.

Đó là **tinh thần tự lực tự cường**, *dựa vào sức mình là chính, lấy sức mình giải phóng cho mình. Với gậy tầm vông dựng dậy đánh giặc, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, lấy súng giặc để đánh giặc, kiên trì chiến đấu, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, biến yếu thành mạnh, cuối cùng đánh thắng được quân xâm lược.*

Đó là **tinh thần quyết chiến quyết thắng**. *Toàn Đảng một ý chí, toàn quân một ý chí, toàn dân một ý chí. Bại không chán nản; thắng không kiêu căng. Đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu, đánh bại quân thù, thực hiện bằng được mục tiêu giải phóng đất nước.*

Đó là **tinh thần chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn**, *hy sinh tất cả cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Cơm ăn không đủ no, áo mặc không đủ ấm, súng đạn thiếu thốn, vẫn kiên trì anh dũng chiến đấu. Toàn dân ra sức đóng góp sức người sức của cho tiền tuyến, theo khẩu hiệu « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng ».*

Đó là **chủ nghĩa anh hùng cách mạng**, *sẵn sàng xả thân để cứu nước. Lấy thân làm giá súng, lấy mình lấp lỗ châu mai, v.v. biết bao hành động dũng cảm tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng của các chiến sĩ Điện-biên-phủ. Các chiến sĩ Điện-biên-phủ đã đem máu của mình tô thắm lá cờ của Tổ quốc. Điện-biên-phủ là một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.*

Digitized by Google

Đó là **lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.** *Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Nghiêm chỉnh thực hiện đường lối của Đảng là điều kiện tiên quyết bảo đảm giành thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng. Lòng tin vững chắc vào đường lối của Đảng, vào tiền đồ xán lạn của Tổ quốc là cơ sở của chủ nghĩa lạc quan cách mạng của người Việt-nam chúng ta. Với lòng tin vững chắc đó, với chủ nghĩa lạc quan cách mạng đó, người Việt-nam chúng ta chịu đựng mọi thiếu thốn, vượt qua mọi khó khăn, đánh bại mọi kẻ thù, giành thắng lợi cho cách mạng.*

Kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện-biên-phủ, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang Điện-biên-phủ, tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu, quyết làm lập nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

HỘI Ý HÀNG NGÀY

Bác Hồ lắng nghe đồng chí Phạm-Văn-Đồng báo cáo

Digitized by Google

VINH DỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

NGUYỄN-NAM-KHÁNH

MẤY chục năm qua, dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh và Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, các thế hệ Việt-nam đã kế tiếp nhau phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quyết tâm chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì nghĩa vụ quốc tế cao cả, đã giành được những thắng lợi hết sức vẻ vang.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài đầy hy sinh gian khổ của toàn dân tộc, lực lượng vũ trang được vinh dự đứng ở tuyến đầu cầm súng chiến đấu và có hạnh phúc được góp phần công hiến trí tuệ, tài năng, sức lực và xương máu, xứng đáng với lòng thương yêu, tin cậy của nhân dân, của Đảng, với lòng khâm phục của nhân dân thế giới.

Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, thấm nhuần chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do », lực lượng vũ trang đã cùng toàn dân nêu cao quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, đã chiến đấu cực kỳ gian khổ và vô cùng anh dũng, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đưa sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng. Lực lượng vũ trang ta một lòng « trung với nước, hiếu với dân », đã xác định « cuộc đời đẹp nhất là ở trên trận tuyến đánh quân thù », là « xẻ dọc Trường-sơn đi cứu nước », bất cứ nơi nào có giặc là đến, vào tận hang ổ của địch mà diệt, bám thắt lưng địch mà đánh, « nhằm thẳng quân thù mà bắn », chiến đấu hết sức mưu trí, dũng cảm, lập được nhiều chiến công oanh liệt, làm rạng rỡ truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc, truyền thống quyết chiến, quyết thắng của quân đội, và được Đại hội thứ IV của Đảng tuyên dương: « Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, suốt mấy chục năm ròng đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập được những chiến công oanh liệt, từ trận Điện-biên-phủ đến chiến dịch Hồ-Chí-Minh, làm rạng rỡ truyền thống vẻ vang của quân đội ta,

Digitized by Google

cùng với toàn dân viết nên bản anh hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt-nam ».

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng, giữa lúc nhân dân ta đang nô nức, phấn khởi tập trung trí tuệ, sức lực vào công cuộc hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối của Đảng, thì bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh với mưu đồ bành trướng, bá quyền nước lớn, công khai tiến hành chính sách thù địch chống Việt-nam. Trước hiểm họa của đất nước do kẻ thù mới gây ra, nghe theo lời kêu gọi của Đảng, vì nghĩa lớn đối với dân tộc, đặt việc nước trước việc nhà, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang sau bao năm chiến đấu hy sinh gian khổ, lại kề vai sát cánh cùng với lớp chiến sĩ trẻ trên mọi miền đất nước hăng hái lên đường chiến đấu với quyết tâm đánh thắng quân Trung-quốc xâm lược. Lực lượng vũ trang nhân dân ta tiếp tục phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp, chiến đấu rất dũng cảm, mưu trí, cùng toàn dân góp phần xứng đáng đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động Trung-quốc, làm thất bại bước đầu âm mưu bành trướng bá quyền của chúng, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đồng thời đoàn kết và phối hợp cùng với lực lượng vũ trang yêu nước và nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em, cứu dân tộc Cam-pu-chia khỏi họa diệt chủng.

Ngày nay, trước âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta của tập đoàn phản động Trung-quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các bọn phản động tay sai khắc bằng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhân dân ta ra sức củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng và đủ sức đập tan mọi hoạt động phá hoại và mọi hành động xâm lược của bất kỳ kẻ thù nào.

Vinh dự cao quý và trách nhiệm nặng nề bảo vệ Tổ quốc vẫn trước hết và trực tiếp đặt lên vai các chiến sĩ lực lượng vũ trang. Nhận thức rõ điều đó, các cán bộ, chiến sĩ yêu quý của chúng ta đã có mặt ở tất cả những nơi xung yếu từ tuyến đầu biên giới, nơi trực tiếp giáp mặt với kẻ thù, đến những hải đảo xa xôi, ngày đêm nắm chắc tay súng canh giữ biên cương, bầu trời của Tổ quốc.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã và đang tiến quân mạnh mẽ vào các lĩnh vực khoa học—kỹ thuật quân sự, thực hiện nghiêm chỉnh cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân » do Ban bí thư Trung ương Đảng phát động, dấy lên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ. Cán bộ và chiến sĩ ta đã kết hợp nhiệt tình cách mạng với tinh thần nỗ lực học tập để đáp ứng yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu trong tình hình mới. Lực lượng vũ trang nhân dân ngoài nhiệm vụ thường xuyên sẵn sàng chiến đấu rất cao, còn có trách nhiệm tích cực tham gia xây dựng kinh tế, góp phần trực tiếp vào công cuộc xây dựng đất nước. Tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên mặt trận lao động sản xuất, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang đã chấp nhận mọi gian khổ, thiếu thốn, lên rừng xuống biển, khai hoang, phục hóa, cũng như lao động sáng tạo trong các xí nghiệp quốc phòng và đã đưa lại hiệu quả thiết thực, làm ra lương thực, thực phẩm

Digitized by Google

và của cải vật chất khác, trực tiếp cải thiện đời sống bộ đội, phục vụ nhu cầu chiến đấu, xây dựng quân đội, xây dựng các địa bàn chiến lược, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, cùng nhân dân khắc phục khó khăn chung của đất nước và góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Được sự giáo dục của Đảng, cán bộ và chiến sĩ ta ngày càng nhận thức sâu sắc nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế là nhất trí với nhau, yêu mến nhân dân các nước anh em cũng như yêu mến nhân dân mình và đã chí nghĩa, chí tình, làm tròn nghĩa vụ quốc tế một cách vẻ vang.

Nhìn lại chặng đường đã qua, cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân, những người được Tổ quốc, nhân dân và Đảng giao cho trách nhiệm làm nòng cốt trong cuộc chiến đấu giành độc lập và đứng hàng đầu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, có thể tự hào là đã kế tục xứng đáng truyền thống vẻ vang của dân tộc, đã có những cống hiến lớn lao và giành những thắng lợi to lớn trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại và đang nắm chắc tay súng bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Được Đảng cộng sản quang vinh, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại và nhân dân anh hùng dày công giáo dục, rèn luyện, hết lòng thương yêu, đùm bọc, tin cậy, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã có điều kiện thuận lợi để cống hiến và trưởng thành nhanh chóng.

★

Vinh dự và trách nhiệm của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang ta ngày nay là *sự kế tục xứng đáng và phát huy cao độ truyền thống vẻ vang của dân tộc.*

Chúng ta tự hào về dân tộc ta, một dân tộc có truyền thống oanh liệt đã bao phen chôn vùi quân xâm lược để giữ gìn độc lập, tự do của Tổ quốc, đã nêu cao tinh thần lao động cần cù, dũng cảm và sáng tạo nhằm chinh phục thiên nhiên để tồn tại và phát triển, và hiểu rõ nghĩa lớn, « nước có yên thì nhà mới yên », « nước mất nhà tan »; khi đất nước bị quân thù giày xéo, dám sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc.

Nhân dân ta xác định rõ, con người ta có sống, có chết, khi sống phải lo làm tròn bổn phận, đến lúc chết thì để lại tiếng thơm, không chịu khuất phục trước kẻ thù, « thà chết trong còn hơn sống dục », đối với đồng bào thì chan hòa tình thương yêu. Trong tình bạn, nhân dân ta cũng thủy chung trong sáng, « coi bạn bè là nghĩa tương tri ». Đối với cái đẹp, nhân dân ta phân biệt rõ ràng « tốt gỗ hơn tốt nước sơn ». Trong gian khổ nhân dân ta bao giờ cũng giữ phong thái ung dung, lạc quan, tin tưởng và cho rằng: « Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân ». Có thể nói những truyền thống quý báu đó đã tạo nên tình cảm đẹp, sức mạnh lớn để dân tộc ta từ đời này qua đời khác mãi mãi phát triển bền vững, không kẻ thù nào có thể phá vỡ nổi.

Từ khi Đảng ta lãnh đạo cách mạng Việt-nam, những truyền thống vẻ vang của dân tộc đã được phát triển mạnh mẽ trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin, trên lập trường của giai cấp công nhân và được nâng lên với nội dung mới, chất lượng mới, sâu sắc và cao đẹp, mà người tiêu biểu nhất là Hồ Chủ tịch. Một trong những truyền thống đó là ý chí quyết chiến, quyết thắng, quyết tâm làm cách mạng đến cùng. « Ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong đời sau nối theo làm thì

Digitized by Google

phải xong » (1). Dù có phải chiến đấu đốt cháy cả giải Trường-sơn cũng kiên quyết dành cho được độc lập »(2). « Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi » (3).

Trải qua rèn luyện trong lò lửa đấu tranh cách mạng và trong sự nghiệp xây dựng đất nước, quân đội ta đã kế tục và phát huy truyền thống vẻ vang của ông cha ta mà Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại đã đúc kết : « Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng». Đó là tài sản cực kỳ quý báu, là giá trị tinh thần hết sức cao đẹp của quân đội ta trong sự nghiệp chiến đấu và xây dựng trước đây, hiện nay và mãi mãi sau này.

Vinh dự và trách nhiệm của những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc chúng ta được xây dựng trên cơ sở nhận thức và hành động : *chỉ có đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho hạnh phúc của nhân dân thì mỗi người mới thực hiện được lý tưởng cao đẹp, mới có cuộc sống hạnh phúc.*

Chúng ta đều biết, ngày nay non sông gấm vóc đã thu về một mối, nhân dân cả nước ta đang đi lên chủ nghĩa xã hội, từng bước đẩy lùi nghèo nàn và lạc hậu, đem lại những biến đổi sâu sắc về mọi mặt trong cuộc sống. Có được cuộc sống như ngày nay — mặc dù còn nhiều khó khăn và kẻ thù vẫn ngày đêm tìm mọi cách phá hoại và đe dọa xâm lược — nhân dân ta đã phải hy sinh biết bao xương máu, đã đổ biết bao mồ hôi trên đồng ruộng, trong các nhà máy, các trường học, bệnh viện, các cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Nhân dân ta đang ra sức phấn đấu để đất nước ngày một đổi thịt thay da, để nền độc lập, tự do của dân tộc không ngừng được củng cố, để mọi người ngày thêm ấm no hạnh phúc. Bảo vệ cuộc sống đó, sự nghiệp đó chính là vinh dự to lớn nhất của các chiến sĩ lực lượng vũ trang. Dù là người chiến sĩ cầm súng bảo vệ Tổ quốc, hay là người lao động cầm búa, cầm cày, hoặc là người trí thức xã hội chủ nghĩa, tất cả đều vui cái vui chung và đều lo cái lo chung của dân tộc.

Song không phải ai cũng thấy được trách nhiệm cao quý đó. Một số người đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích chung của đất nước, đã và đang tìm một cuộc sống an nhàn, ích kỷ, chạy theo lợi ích vật chất. Họ không coi mục tiêu « xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » là lẽ sống cao đẹp nhất, là hoài bão lớn lao của mình.

Một trong những truyền thống của nhân dân ta là khi sống phải lo làm tròn bổn phận, làm hết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, và đến lúc chết để lại tiếng thơm. Đó cũng là lẽ sống của các thế hệ người Việt-nam ta ngày nay, lẽ sống đó mang nội dung cụ thể là « Tất cả vì Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ». Mỗi cán bộ, chiến sĩ ngay từ khi mới vào quân đội là hành động theo hướng đó và theo yêu cầu của Đảng mà gắn bó cuộc đời mình với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đã có biết bao cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân ta trọn đời làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

---

(1) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1980, tập 1, tr. 242.

(2) *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb Văn học, Hà-nội, 1960, tr. 96.

(3) Hồ-Chí-Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1980, tập 2, tr. 515.

Digitized by Google

Ngày nay, so với các cán bộ, chiến sĩ lớp trước, các cán bộ, chiến sĩ thuộc thế hệ sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có nhiều điều kiện hơn để phát huy tài năng và trí tuệ. Rất nhiều đồng chí nhận thức được vị trí và trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đã nỗ lực vươn lên, không thỏa mãn với những vốn kiến thức đã có được ở nhà trường, hăng hái đi vào những nơi khó khăn gian khổ, góp phần giải quyết những nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của đất nước đang đặt ra. Suy nghĩ và hành động của họ là: kế tục cha anh, tiếp tục hy sinh và phấn đấu để cống hiến thật nhiều cho sự nghiệp vững mạnh và giàu đẹp của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Họ xa lạ với những suy nghĩ chỉ dựa vào thành quả của những người đi trước để hưởng thụ. Họ thấy rõ trách nhiệm của bản thân, phấn đấu vươn lên cống hiến ngày càng nhiều hơn cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đã là người chiến sĩ cách mạng, bao giờ cũng phải biết kết hợp hài hòa lợi ích của xã hội, của tập thể với lợi ích của cá nhân, biết đặt lợi ích của Tổ quốc, của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân.

Năm tháng sẽ qua đi và sẽ không để lại một dấu vết gì đối với những ai chỉ bo bo mưu tính lợi ích của cá nhân, để cho cuộc sống trôi đi một cách tẻ nhạt, không gắn bó gì với tập thể, với xã hội. Nhưng quang vinh sẽ đến và còn tồn tại lâu dài đối với những người biết đem hết trí lực cống hiến trọn vẹn cho đất nước, cho nhân dân. Trong lúc cuộc sống còn nhiều khó khăn và quanh mình còn có không ít cuộc đời thấp hèn, chúng ta thấm thía nhớ lại câu nói của một nhà văn Nga: "Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng tầm thường và hèn hạ của mình, để đến khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người".

★

Càng vinh dự tự hào bao nhiêu, chúng ta càng nhận rõ trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới của cách mạng, không ngừng nâng cao quyết tâm xây dựng và rèn luyện thành những chiến sĩ ưu tú đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng và của lực lượng vũ trang. Sự trưởng thành của lực lượng vũ trang đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ và tiến bộ không ngừng. Mỗi bước trưởng thành của cán bộ, chiến sĩ góp phần quan trọng vào sự nghiệp củng cố quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhiệm vụ mới của lực lượng vũ trang đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng đối với người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc. Yêu cầu đầu tiên là ra sức học tập rèn luyện, nâng cao trình độ giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân, giác ngộ sâu sắc nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, yêu mến và gắn bó với sự nghiệp xây dựng quân đội.

Mỗi cán bộ, chiến sĩ quán triệt sâu sắc và quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, bảo vệ Đảng, bảo vệ quân đội.

Gắn liền với yêu cầu nói trên là yêu cầu nâng cao trình độ chính trị, trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại, trình độ tổ chức, chỉ huy, quản lý, trình độ sử dụng và giữ gìn tốt mọi vũ khí, trang bị

Digitized by Google

hiện đại trong chiến đấu, học tập, nghiên cứu, trình độ hiểu biết cần thiết về quản lý kinh tế và năng lực tổ chức, kỹ năng lao động. Đồng thời đề cao ý thức quý trọng và bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, khắc phục những biểu hiện lười học tập, rèn luyện, lãng phí thời gian, của cải của Nhà nước và của quân đội.

Một yêu cầu quan trọng khác là rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật trong quân đội và tác phong khoa học, chính xác, khẩn trương, nghiêm túc phù hợp với yêu cầu xây dựng quân đội chính quy hiện đại, khắc phục mọi biểu hiện tự do tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm kỷ luật quân đội và luật pháp Nhà nước. Xây dựng nếp sống chính quy, lành mạnh, giản dị, có quan điểm đúng đắn về cái đẹp, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ quần dân theo tinh cá nước và nêu cao hình ảnh « anh bộ đội cụ Hồ », mối quan hệ đối với xã hội, gia đình, bè bạn thể hiện lẽ sống đẹp đẽ « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người », chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, tự tách mình ra khỏi tập thể.

Một yêu cầu cũng rất cần thiết nữa là thường xuyên rèn luyện thể lực, tích cực hoạt động thể dục, thể thao để có sức khỏe bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động gian khổ, khẩn trương, liên tục của quân đội và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước.

Phấn đấu rèn luyện theo những yêu cầu nói trên chính là thể hiện nhận thức đúng đắn về vinh dự, lòng tự hào và trách nhiệm của người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc trong bất cứ tình huống nào. Đó cũng là nội dung cơ bản của việc không ngừng nâng cao năng lực và phẩm chất của người quân nhân cách mạng, của lực lượng vũ trang ta, là điều kiện tốt nhất để khi hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, có thể trở thành những người tiên tiến trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

★

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất quý trọng và biết ơn sâu sắc những cống hiến vô giá của các chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời cũng thấy rất rõ trách nhiệm của mình đối với các chiến sĩ yêu quý của chúng ta. Bằng thái độ và tình cảm trân trọng, thương yêu, bằng việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã và đang quan tâm chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của các chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc. Nhiều nơi đã chú trọng cải tiến công tác hậu cần đối với quân đội, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với quân đội và hậu phương quân đội, khắc phục những thiếu sót về mặt này, đồng thời đề xuất những điều cần bổ sung về chính sách, chế độ, về công tác đời sống vật chất và tinh thần của lực lượng vũ trang.

Sự quan tâm chăm sóc chu đáo và mang nặng tình nghĩa quần dân của toàn Đảng, toàn dân, của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở từng cơ sở đối với các chiến sĩ và gia đình các chiến sĩ trong hoàn cảnh hiện nay thật sự là nguồn động viên mạnh mẽ các chiến sĩ chúng ta hăng hái làm tròn nghĩa vụ vẻ vang và thiêng liêng của mình. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của ông cha, được sự giáo dục, chăm sóc của Đảng và nhân dân, cán bộ, chiến sĩ ta quyết không ngừng nâng cao năng lực và phẩm chất của quân đội cách mạng, nhất định hoàn thành tốt trách nhiệm nặng nề và cao quý của mình.

Digitized by Google

VỀ MƯU KẾ VÀ THẾ TRẬN TRONG CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG–XUÂN 1953 – 1954 VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN-BIÊN-PHỦ

HOÀNG-MINH-THẢO

NGÀY nay, nhìn về chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ trong cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 — 1954, chúng ta càng thêm tự hào về Đảng ta, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt-nam. Đảng ta đã kế thừa và nâng cao một cách vẻ vang những tinh hoa, tài thao lược, ý chí quật cường của dân tộc hàng mấy nghìn năm chống ngoại xâm.

Nói đến cái hay, cái giỏi của Đảng ta trong việc chỉ đạo chiến tranh cách mạng đi tới chiến thắng Điện-biên-phủ, chúng ta không thể không kể đến nghệ thuật về *mưu kế và thế trận* mà Đảng ta đã thực hiện trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta. Mưu kế và thế trận là những nhân tố hợp thành rất quan trọng của nghệ thuật chỉ huy nói riêng và nghệ thuật quân sự nói chung.

★

Cuối năm 1953 — đầu năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang bước vào một giai đoạn mới. Tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch đã có những chuyển biến về chất. Để chống lại cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc Pháp gây ra, nhân dân ta đã phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của chúng ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa vì độc lập tự do của Tổ quốc. Chính trên nền tảng đó, thế trận chiến tranh nhân dân đã được Đảng ta phát huy cao độ, dựa vào sức mạnh tổng hợp của khối đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông. Khắp nơi đều xây dựng lực lượng kháng chiến, mỗi người dân là một chiến sĩ tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Toàn dân ta đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt-nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng

Digitized by Google

gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước » (1).

Các lực lượng vũ trang của chúng ta, từ những đơn vị nhỏ bé, trang bị rất thô sơ, sau 7 năm kháng chiến đã lớn mạnh. Những đại đoàn chủ lực đã ra đời. Sự phối hợp giữa ba thứ quân cùng với phong trào toàn dân đánh giặc ngày càng phát triển. Với những thắng lợi của ta trong các chiến dịch, từ chiến dịch Việt-bắc thu đông 1947, chiến dịch biên giới 1950, chiến dịch Hòa-bình, chiến dịch Tây-bắc — Thượng Lào 1951 — 1952, đến chiến dịch Hoàng-Hoa-Thám, Hà-nam-ninh, v.v với sự phát triển ngày càng vững chắc của thế trận chiến tranh nhân dân trên cả ba nước Đông-dương, thế chủ động trên chiến trường đã thuộc về ta.

Trong khi đó, sa lầy vào cuộc chiến tranh xâm lược hao người tốn của, quân viễn chinh Pháp và quân đội tay sai của chúng từ chỗ hung hăng, chủ quan, đã đi đến chỗ mệt mỏi, bị động, sa sút về tinh thần. Vùng đất chiếm đóng của chúng bị thu hẹp dần. Mâu thuẫn thuộc bản chất của một cuộc chiến tranh xâm lược, phi nghĩa ngày càng bộc lộ. Nước Pháp trước cuộc chiến tranh « bẩn thỉu » kéo dài đó ngày càng lâm vào tình thế khủng hoảng trầm trọng.

Hình thái chiến trường trong Đông — Xuân 1953 — 1954 đã thay đổi lớn. Vùng tự do và căn cứ du kích của ta đã trải rộng từ Cao — Bắc — Lạng, Thái — Tuyên — Hà, Tây-bắc (trừ Nà-sản), tới vùng Thanh — Nghệ — Tĩnh, từ nam phần Trung-bộ tới bắc Tây-nguyên; nhiều căn cứ địa cách mạng mọc lên xen kẽ với vùng địch từ cực Nam Trung-bộ tới miền Tây Nam-bộ, nhiều làng kháng chiến nổi lên như « bệnh sởi » (theo cách gọi của Bộ tổng tham mưu quân đội viễn chinh Pháp) ngay ở vùng đồng bằng Bắc-bộ. Tình hình quân sự khi đó, như Hồ Chủ tịch đã nhận định: « *Bên địch*:..lực lượng địch bị tiêu hao nhiều (tính đến tháng 11 năm 1953, độ 22 vạn). Quân số Âu Phi ngày càng thiếu. Trên chiến trường chính, địch càng bị động. Mới đây, địch cố thọc ra vùng tự do ở Liên khu 3 và một vài nơi bờ biển Liên khu 4, nhưng thế của địch căn bản vẫn là bị động.

Tuy vậy, hiện nay lực lượng địch vẫn còn mạnh. Ta không được khinh địch » (2).

« *Bên ta*:.. Từ thu đông năm 1950, ta đã thắng to trong 7 chiến dịch và đã nắm được chủ động trên chiến trường chính. Ta đã giải phóng phần lớn vùng Tây-bắc to rộng. Phong trào du kích lên mạnh khắp nơi.

Những đợt chỉnh quân về chính trị và kỹ thuật có kết quả tốt. Quân đội ta đã trưởng thành nhanh chóng về số lượng và chất lượng.

Nhiều bộ đội chủ lực, địa phương và du kích đã lập chiến công rất oanh liệt, vẻ vang » (3).

Trong lúc này, chính phủ Pháp câu kết với đế quốc Mỹ tìm cách giành thế chủ động trên chiến trường, mong chấm dứt chiến tranh trên thế mạnh. Thực chất âm mưu lâu dài của chúng là mở rộng chiến tranh bằng cách « dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ». Cử Na-va thay Xa-lăng làm tổng tư lệnh quân viễn chinh, chính phủ mới ở Pháp mong xoay chuyển lại tình thế của cuộc chiến tranh.

Kế hoạch Na-va chứa đầy tham vọng: tăng cường lực lượng tổng dự bị chiến lược để giữ đất và có thể bẻ gãy chủ lực của ta; tạo ra lực lượng

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 403.

(2), (3) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn, tr. 548 551.

Digitized by Google

dự bị cơ động mạnh để lấn chiếm vùng tự do và càn quét các căn cứ du kích của ta.

Na-va dự đoán có ba hướng chiến lược có thể bị quân ta uy hiếp: đồng bằng Bắc-bộ, Tây-bắc Việt-nam — Thượng Lào, miền Nam Đông-dương. Na-va nhận định: đồng bằng Bắc-bộ là một địa bàn xung yếu có thể là hướng hoạt động chính của chủ lực ta; Tây-bắc Việt-nam — Thượng Lào là vùng rừng núi tuy chúng có nhiều sơ hở, nhưng ta không thể mở những cuộc tiến công quy mô lớn và dài ngày, vì núi rừng hiểm trở ta không có khả năng giải quyết các vấn đề hậu cần, kỹ thuật; ở miền Nam Đông-dương, chủ lực của ta chưa có nhiều, nhưng lực lượng của chúng cũng yếu hơn (so với đồng bằng Bắc-bộ) và lại bố trí phân tán; chỉ có vùng Tây-nguyên là xung yếu, nếu chủ lực ta mở cuộc tiến công lớn ở vùng này thì có khả năng gây nên đảo lộn lớn về thế trận. Từ những nhận định đó, Na-va đã vạch ra phương hướng hành động chiến lược là: trong Đông — Xuân 1953 — 1954 cần tránh «tổng giao chiến» với các đơn vị chủ lực cơ động chiến lược của ta. Ở miền Bắc, chúng sẽ thực hiện tiến công chiến lược; còn ở miền Nam, sẽ thực hiện chiếm đóng tất cả các vùng tự do còn lại, nhất là Liên khu 5 và Hậu-giang Nam-bộ. Bằng mọi biện pháp, chúng cố xây dựng lực lượng dự bị cơ động, nhất là các đơn vị tổng dự bị chiến lược. Sang Đông — Xuân 1954 — 1955 khi lực lượng cơ động của chúng đã đủ mạnh và đã được huấn luyện tới mức cần thiết thì tập trung toàn bộ lực lượng quyết chiến với chủ lực ta trên chiến trường miền Bắc để giành thắng lợi quyết định.

Theo phương hướng đó, cuối mùa hè 1953 thực dân Pháp tăng viện ngay cho quân viễn chinh 12 tiểu đoàn lấy từ Pháp, Bắc Phi, Triều-tiên sang. Na-va quyết định rút quân khỏi Nà-sản (Tây-bắc) và cố sức tập trung được 84 tiểu đoàn cơ động. Riêng ở đồng bằng Bắc-bộ, chúng đã có 44 tiểu đoàn, chiếm hơn 50% lực lượng cơ động trên toàn chiến trường Đông-dương. Ngụy quyền bù nhìn Bảo-Đại ra «dụ» tổng động viên, bắt hàng chục vạn thanh niên vào lính để mở rộng quân ngụy.

Tháng 9-1953, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã họp bàn về chủ trương tác chiến Đông — Xuân 1953 — 1954. Hội nghị đã khẳng định sự đúng đắn của phương hướng chiến lược mà hội nghị lần thứ tư của Trung ương Đảng đã vạch ra. Bộ chính trị đã phê chuẩn phương án tác chiến với nội dung chủ yếu là: «Lúc này địch tập trung cao độ quân chủ lực để tác chiến với ta ở đồng bằng; chiến trường đồng bằng có nhiều thuận lợi cho địch, đánh lớn vào đồng bằng chỉ có thể thu được những thắng lợi có hạn, không thay đổi được cục diện chiến tranh mà chủ lực ta có thể bị tiêu hao. Tây-bắc Việt-nam và Lào là nơi địch yếu nhưng chúng không thể bỏ. Đưa bộ đội chủ lực lên hướng đó, mặc dù có khó khăn rất lớn về tiếp tế, nhưng ta buộc địch phải phân tán lực lượng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh hoạt động ở khắp các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện để tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc-bộ» (4).

★

Trên cơ sở thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, Đảng ta đề ra phương hướng chiến lược cho cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953 — 1954 như vậy là vô cùng sáng suốt. Đó cũng là cơ sở của mưu kế chiến lược: căng địch ra mà đánh,

(4) *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt-nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1974, tr. 530, 531.

Digitized by Google

trói địch lại mà diệt, giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận trước mặt và sau lưng địch, phối hợp trên phạm vi cả nước và phối hợp trên toàn chiến trường Đông-dương. *Mưu cao nhất là mưu lừa địch.* Ta phải làm cho địch hiểu sai, phán đoán nhầm ý định và hành động của ta. Trong khi các đại đoàn (sư đoàn) chủ lực cơ động chiến lược của ta như 308, 312, 304, v.v. mở cuộc tiến quân hoặc giấu kín nhằm đánh vào những nơi hiểm yếu của địch trên các hướng Tây-bắc, Trung Lào, thì Na-va nhận được tin tình báo cho biết ta có ý định đánh xuống đồng bằng Bắc-bộ. Thế là Na-va quyết định hành động trước. Y hô hét : « Năm nay, 1953, trước khi chiến dịch mở màn... tôi báo các ngươi phải ra tay trước, phải hành động hơn đối phương, phải điều khiển chiến trận. Khẩu hiệu là giành quyền chủ động... » (5). Chúng dã mở hàng chục trận càn quét dữ dội trong vùng chúng tạm chiếm ; mở cuộc tiến công lớn gọi là " chiến dịch Hải Âu », đánh ra vùng tự do của ta ở Ninh-bình, Thanh-hóa. Nhưng chúng không giành được một thắng lợi nào, lại còn bị các lực lượng địa phương, dân quân du kích và một bộ phận chủ lực của ta đánh cho tiêu hao một bộ phận không nhỏ.

Đến tháng 11-1953, khi nhận được tin tình báo mới cho biết một bộ phận chủ lực ta hành quân về hướng Lai-châu (Tây-bắc) ; quân tình nguyện Việt-nam và quân giải phóng nhân dân Lào chuẩn bị cuộc tiến công ở Trung Lào ; chủ lực của ta ở Liên khu 5 tích cực chuẩn bị tiến vào Tây-nguyên, Na-va đã phải bị động thay đổi kế hoạch.

Đảng ta đã lãnh đạo thực hiện đúng nguyên tắc của nghệ thuật quân sự là « mưu trí, linh hoạt, bí mật, bất ngờ », Chúng ta đã sử dụng thành công nghệ thuật nghi binh lừa địch bằng nhiều biện pháp như : di chuyển bộ đội để đánh lạc hướng địch ; chuẩn bị bề ngoài cho tác chiến và hành quân ; tung ra những tin tức giả, v.v. Song cũng cần thấy rõ sự thành công đó chỉ có được khi nó nằm trong thế trận chiến tranh nhân dân, chiến tranh chính nghĩa. Những mưu lừa địch đó là để thực hiện kế diệt địch.

Kế hay nhất là kế điều địch và quan trọng là điều lực lượng cơ động chiến lược của địch. Nó là nghệ thuật rất cao trong việc chỉ đạo thực hiện phương hướng chiến lược của ta : « tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do »(6). Nghệ thuật ấy là dùng mưu kế để lừa địch, điều địch, rồi lợi dụng thế hiểm bất ngờ đánh vào nơi sơ hở, hiểm yếu của địch để tiêu diệt địch hoặc bẻ gãy ý chí của địch ; căng địch ra mà đánh, « buộc địch phải phân tán lực lượng » (7), đánh vào chỗ địch tất phải cứu, « nơi địch yếu nhưng không thể bỏ » (8), với phương châm : « tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt » (9). Đó là điểm nổi bật về nghệ thuật *mưu kế* và *thế trận* trong tư tưởng chỉ đạo quân sự của Đảng và Hồ Chủ tịch. Nghệ thuật ấy dựa trên các nguyên tắc về chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến mà Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã vạch ra :

« Tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta ;

Đánh ăn chắc, đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt ;

Chọn nơi địch sơ hở mà đánh, chọn nơi địch tương đối yếu mà đánh ;

Giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán » (10).

---

(5) Na-va : *Đông dương hấp hối*. Nxb Pơ-lông. Pa-ri, 1957, Ban nghiên cứu lịch sử. Tổng cục chính trị, tr. 161

(6). (7). (8). (9). (10) *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt-nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1974, tr. 511. 532. 533.

Digitized by Google

Để đánh lạc hướng phán đoán của địch và điều động lực lượng cơ động của địch ra các chiến trường khác, phân tán khối chủ lực cơ động của địch, tạo điều kiện cho việc chuẩn bị tiến công và tập trung lực lượng của ta ở Điện-biên-phủ, vào cuối tháng 1-1954, quân ta cùng với quân giải phóng nhân dân Lào mở đợt tiến công ở Thượng Lào phá vỡ phòng tuyến sông Nậm-hu mà địch có ý định mở đường nối thông với Điện-biên-phủ. Quân cách mạng thừa thắng giải phóng Phong-xa-lỳ, nối liền căn cứ kháng chiến của Lào với Tây-bắc Việt-nam. Địch buộc phải điều ngay lực lượng cơ động tăng cường cho Lu-ăng Pra-băng, mong giữ cho thế trận ở Thượng Lào khỏi bị vỡ. Để giúp đỡ các chiến trường chính, ở đồng bằng Bắc-bộ, Nam Trung-bộ và Nam-bộ, các lực lượng vũ trang địa phương và chủ lực của các quân khu đã đẩy mạnh chiến tranh du kích, kiên quyết chống trả mãnh liệt các cuộc càn quét của địch, đánh vào sau lưng địch với phương châm đánh nhỏ ăn chắc, tiêu hao sinh lực của địch, mở rộng căn cứ du kích, phối hợp với toàn chiến trường. Đến tháng 2-1954, hình thái trên toàn chiến trường đã đổi mới so với Thu – Đông 1953. Vùng giải phóng của ta mở rộng hơn, vùng địch tạm chiếm bị thu hẹp nhiều trong thế cài xen kẽ, ta đứng chân ở những vị trí khá then chốt và thuận lợi cho việc tiến công. Tình hình đó chứng tỏ thế trận của ta phát triển khá vững chắc trên tất cả các địa bàn chiến lược. Kế hoạch Na-va căn bản đã bị phá sản. Mâu thuẫn giữa chiếm đất, giữ đất với cơ động, giữa phân tán với tập trung của cuộc chiến tranh xâm lược ngày càng bộc lộ. Sự rệu rã, mệt mỏi về tinh thần của đội quân viễn chinh và tay sai là mầm mống của sự thất bại không thể tránh khỏi. Với phương pháp suy nghĩ siêu hình, chủ quan, khinh địch, dựa vào binh khí kỹ thuật trên cơ sở học thuyết quân sự tư sản phản động, Na-va liên tiếp mắc sai lầm này đến sai lầm khác. Trong khi đang bị ta căng lực lượng dự bị cơ động chiến lược ra khắp Đông-dương, đang lâm vào thế phòng ngự chiến lược, Na-va lại mơ tưởng tới một cuộc tiến công chiến lược. Lúc này ở Trung Lào, liên quân Lào – Việt đã đánh mạnh, Na-va buộc phải phân tán một số đơn vị cơ động chiến lược lên đối phó, nhưng y vẫn cho là bảo vệ được đồng bằng Bắc-bộ và chờ ta đánh vào Điện-biên-phủ để tiêu diệt ta. Trong tình thế bị cô lập, bị uy hiếp, có nguy cơ bị tiêu diệt, đáng lẽ Na-va phải rút quân khỏi Điện-biên-phủ để giữ vững đồng bằng Bắc-bộ, thì ngược lại, Na-va quyết tâm tập trung quân cơ động ở năm điểm lớn theo kiểu « con nhím » là: Điện-biên-phủ, đồng bằng Bắc-bộ, Lu-ăng Pra-băng, Sê-nô và Tây-nguyên. Na-va định biến Điện-biên-phủ thành « con nhím không lồ » để bẫy, rồi nghiền nát chủ lực ta. Đó chính là cách suy diễn của kẻ lúng túng bị động, là mưu kế của kẻ đi xâm lược. Còn ta thì vận dụng những kinh nghiệm lịch sử đánh giặc của ông cha: « Điều cốt yếu để đánh được địch không phải chỉ dùng sức mạnh để chống, còn phải dùng thuật để lừa. Hoặc dùng cách lừa của ta mà lừa nó; hoặc nhân cách lừa của nó mà lừa nó;... lấy sự lừa của nó để làm cho nó bị lừa, nó lừa mà ta thì biết... » (1). Địch chọn Điện-biên-phủ làm nơi thu hút và đánh quỵ chủ lực ta, chờ thời cơ thuận lợi, chúng sẽ tiến lên tiêu diệt chủ lực ta, chọc sâu chiếm lại các vùng chiến lược của ta trên toàn chiến trường Đông-dương. Còn ta thì dù có khó khăn về vận chuyển tiếp tế trong vùng rừng núi này, nhưng căn bản là có lợi, phù hợp với khả năng và cách đánh của ta. Cách đối phó bị động của địch như vậy là trúng kế của ta: diều địch đến nơi ta có khả

(1) *Binh thư yếu lược*. Nxb Khoa học xã hội. Hà-nội, 1970. tr. 143.

Digitized by Google

năng đánh, hậu phương ta rộng lớn, kẻ địch cô lập.

Theo lô gích của hình thái thế trận trên toàn chiến trường, Điện-biên-phủ đã trở thành *điểm quyết chiến chiến lược* giữa ta và địch. Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch: « Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy toàn quân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được » (12), các lực lượng dự bị chiến lược của ta lại được lệnh bí mật điều lên khép chặt địch vào thung lũng Mường-thanh (Điện-biên-phủ). Khí thế tiêu diệt giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng đã cuồn cuộn dâng lên trong toàn quân, toàn dân. Từ sức mạnh tinh thần ấy, đặc biệt sau những đợt chỉnh quân và cải cách ruộng đất, nó đã thật sự trở thành sức mạnh vật chất. Nhân dân ta ở vùng tự do, vùng mới giải phóng, vùng sau lưng địch đã dồn sức người, sức của cho chiến dịch. Công tác chuẩn bị chiến trường, bảo đảm hậu cần của chúng ta đã được tiến hành với cố gắng cao nhất.

Đặc chí với những tính toán cho kế hoạch chiến lược lâu dài, Na-va ra sức dồn đốc củng cố Điện-biên-phủ thành một tập đoàn cứ điểm rất kiên cố. Các tướng lĩnh và quan chức cao cấp của hai chính phủ Pháp – Mỹ cùng với các giới quân sự tư sản lúc đó đánh giá rất cao tính « bất khả xâm phạm » của cái pháo đài có ý nghĩa chiến lược này. Na-va tự cho rằng đã rảnh tay, liền cho quân đổ bộ lên Tuy-hòa, mở đầu chiến dịch Át-lăng, một bộ phận chủ yếu trong kế hoạch của y. Mặc cho các tướng tá Pháp – Mỹ huênh hoang, quân ta vẫn bí mật bao vây Điện-biên-phủ và quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm này. Để phối hợp với chiến trường Điện-biên-phủ, quân ta đánh mạnh ở khắp các chiến trường khác Na-va tiếp tục bị động sau khi đã bị phân tán lực lượng lần thứ hai ở Trung Lào, chúng lại phải bị động phân tán lực lượng cơ động lần thứ ba ở Hạ Lào, lần thứ tư ở Tây-nguyên và lần thứ năm ở Thượng Lào. Ở đồng bằng Bắc-bộ, quân ta cũng đánh mạnh. Địch bị giam chân ở khắp nơi. Nhưng khi thấy quân ta dừng lại ở Mường-sài và Lu-ăng Pra-băng, Na-va cho là « sức tiến công của Việt minh đã đạt điểm cao nhất ». Y liền tiếp tục đợt hai chiến dịch Át-lăng, cho quân đổ bộ vào Quy-nhơn. Lại một cuộc đọ mưu, đọ sức rất quyết liệt với sự nỗ lực rất cao giữa ta và địch. Thế trận của ta lúc này phát triển rất thuận lợi. Ta có thế sâu là thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, nhờ đó mà thực hiện được mưu lừa địch và kế điều địch. Căng địch ra mà đánh, đánh đằng trước bằng những trận chính diện, đánh đằng sau bằng những mặt trận sau lưng địch, đánh ngay trên mảnh đất mà mình là người chủ. Ta có thế trận hiểm trên cơ sở thế sâu vững chắc. Chọn Điện-biên-phủ làm điểm quyết chiến chiến lược là rất hiểm, rất bất ngờ đối với một kẻ địch vốn chủ quan, khinh địch, ỷ thế binh khí kỹ thuật, địch dùng mưu lừa ta. Còn ta thì lại dùng mưu của nó để lừa nó. Cuộc đọ sức, đọ mưu ở Điện-biên-phủ giữa ta và địch hết sức quyết liệt. Trong khi địch bị trúng kế của ta, bị căng lực lượng cơ động ra khắp các chiến trường Đông-dương, bị trói chân lại ở đó và bị tiêu hao, không sao ứng cứu được cho nhau và không có khả năng ứng cứu cho Điện-biên-phủ, thì ngày 13-3 ta quyết định nổ súng tiến công Điện-biên-phủ. Đây là chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng có quy mô lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Nó đòi hỏi sử dụng những hình thức và phương

(12) *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt-nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà-nội 1974, tr. 557.

Digitized by Google

pháp tác chiến trận địa, phải giải quyết một loạt cứ điểm rắn chắc nhất trong tập đoàn cứ điểm vững chắc của địch. Với phương châm «đánh chắc tiến chắc», chúng ta đã tập trung cao độ sức mạnh hiệp đồng binh chủng đánh chiếm cứ điểm Him-lam, Độc-lập, Bản Kéo là những cứ điểm kiên cố vào bậc nhất của địch ở phía bắc và đông bắc. Bị mất ba trung tâm đề kháng che chở quan trọng cho tập đoàn cứ điểm, nỗi kinh hoàng lan từ Điện-biên-phủ đến các sở chỉ huy địch ở Hà-nội và Sài-gòn, báo cho địch thấy sự thất bại không thể tránh khỏi. Nhưng địch vẫn còn trên một vạn quân và hơn ba chục vị trí, phần lớn đều nằm tập trung ở giữa cánh đồng. Trên địa hình bằng phẳng, địch có thể phát huy ưu thế về pháo binh, xe tăng, máy bay. Được sự chỉ đạo sáng suốt, trực tiếp của Bộ chính trị, đứng đầu là Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến, với quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, quân ta nhanh chóng đưa lực lượng thọc sâu vào đột phá các cao điểm A_1, C_1..., vừa bao vây khống chế từng cụm cứ điểm, chia cắt đánh chiếm sân bay (cái dạ dày của địch), chia cắt phân khu Nam với phân khu trung tâm, siết chặt quân địch trong vòng vây lửa bằng những thòng lọng hàng trăm ki lô mét hầm hào. Với việc đưa pháo hạng nặng và cao xạ vượt qua địa hình hiểm trở để tiếp cận địch, phát huy hiệu quả đánh gần, pháo binh ta tuy số lượng ít hơn nhưng hoàn toàn áp đảo pháo binh, xe tăng địch, đó là điều mà kẻ địch hoàn toàn bị bất ngờ, không sao hiểu nổi. Sự xuất hiện của pháo binh ta như một binh chủng với lối đánh hết sức độc đáo, táo bạo, mưu trí, tức là tiến sát địch, ngắm bắn trực tiếp, đã phát huy hiệu quả cao đến mức ngay kẻ địch cũng phải thừa nhận rằng 75% vị trí quan trọng và lực lượng của chúng bị tiêu diệt là do hỏa lực của pháo binh ta. Những chiến thuật hết sức sáng tạo, tài tình của bộ binh ta như: đánh lấn, bắn tỉa, bao vây, cài xen áp sát địch, khiến cho kẻ địch càng thêm khốn quẫn, vì đã làm vô hiệu hóa hỏa lực và khả năng tiếp tế ứng cứu của không quân địch. Trước tình hình nguy ngập ấy, Na-va quyết định cho Đờ Ca-xtơ-ri mở một đường máu tháo chạy về phía tây. Nhưng đã muộn! Chớp lấy thời cơ, ta kịp thời tổ chức tiến công mãnh liệt bằng những quả đấm mạnh vào hệ thống phòng ngự cuối cùng của địch, đồng thời chọc sâu vào sở chỉ huy địch. Ngày 7 tháng 5 năm 1954 ngọn cờ «quyết chiến quyết thắng» của Hồ Chủ tịch đã tung bay trên sở chỉ huy địch. Tướng Đờ Ca-xtơ-ri và toàn bộ tham mưu, chỉ huy gồm 16 đại tá, 353 sĩ quan từ trung tá đến thiếu úy bị bắt sống. Gần một vạn quân địch nhảy ra khỏi hầm hố giơ tay xin hàng. Chúng ta kết thúc chiến dịch Điện-biên-phủ với thắng lợi hết sức vẻ vang.

★

Chiến thắng Đông—Xuân 1953—1954 với đỉnh cao là Điện-biên-phủ đã chứng minh hùng hồn rằng Đảng ta chẳng những có đường lối chủ trương đúng đắn, mà còn có trình độ rất cao trong việc sử dụng khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng, trong đó có nghệ thuật mưu kế và lập thế trận.

Với tài thao lược đó, dân tộc ta quật cường, bất khuất, nhất định mãi mãi là một dân tộc độc lập, tự do sống trên một đất nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh.

Digitized by Google

CHIẾN THẮNG ĐIỆN-BIÊN-PHỦ, THÀNH QUẢ SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CẢ NƯỚC

NGUYỄN-HỮU-ĐẠO — NGUYỄN-HỮU-HỢP

BIẾT tạo ra và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của cả nước là một trong những bí quyết đã đưa cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953 — 1954 và trận quyết chiến chiến lược Điện-biên-phủ đến thắng lợi. Sức mạnh tổng hợp của cả nước, của toàn dân ra trận đã đánh thắng một cách oanh liệt sức mạnh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức, đập tan nỗ lực chiến tranh cao nhất của địch, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi vẻ vang.

★

Từ giữa năm 1953 với kế hoạch quân sự Na-va được thảo ra và thông qua, thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức đã ôm ấp những tham vọng lớn, hết sức thâm độc. Điện-biên-phủ trong kế hoạch Na-va được coi là cái bẫy giam chân và tiêu diệt các đơn vị chủ lực lớn của ta, nhờ đó địch sẽ rảnh tay thực hiện kế hoạch đánh chiếm liên khu V, bộ phận chủ yếu của kế hoạch chiến lược của chúng trong Đông — Xuân 1953 — 1954. Nếu quân Pháp chiến thắng ở Điện-biên-phủ thì từ đó chúng lấn ra thu hồi lại các vùng đất vừa bị mất ở Tây-bắc. Cuối cùng, chúng sẽ mở cuộc đại tiến công, từ đồng bằng Bắc-bộ đánh lên và từ Tây-bắc đánh xuống, bao vây, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, giành thắng lợi quyết định.

Tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ đã trở thành một hình thức đối phó mới nhất, cao nhất và mạnh nhất trong kế hoạch chiến lược của địch. Trận Điện-biên-phủ trở thành một thử thách cực kỳ to lớn và quyết liệt đối với cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược.

Tháng 9 năm 1953, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã họp và quyết định chủ trương tác chiến Đông — Xuân 1953 — 1954. Chủ trương quân sự của Trung ương là:

a) Ra sức tăng cường chiến tranh du kích trên toàn bộ chiến trường địch hậu, không những ở Bắc-bộ mà ở cả Trung-bộ, Nam-bộ và các chiến trường Lào — Miên để phá âm mưu bình định địch hậu của địch, phá kế hoạch khuếch trương ngụy quân của chúng; để phân tán chủ lực của chúng, phá âm mưu của chúng tập trung lực lượng ra Bắc-bộ.

Digitized by Google

b) Bộ đội chủ lực thì nắm vững phương châm « tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt », tập trung binh lực, nhằm tiêu diệt sinh lực địch và tranh thủ giải phóng đất đai ở những vùng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu, đồng thời hết sức tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch trong vận động chiến ở những hướng địch đánh ra mà ta có điều kiện thuận lợi để tiêu diệt địch » (1).

Trung ương Đảng đã kịp thời ra chỉ thị cho các lực lượng vũ trang và nhân dân ở « những chiến trường xa (Bình-trị-thiên, Liên khu V và Nam-bộ) thì tùy điều kiện và khả năng mà ra sức hoạt động để chia sẻ lực lượng địch, không cho chúng tập trung để đánh vùng tự do Liên khu 3 và Liên khu 4 » (2).

Thực hiện chủ trương đó của Đảng, trên các chiến trường ở khắp Đông-dương, quân và dân ta đẩy mạnh hoạt động, liên tục tiến công địch, giành được những thắng lợi hết sức to lớn.

Do sức tiến công mạnh mẽ, liên tục của các lực lượng vũ trang phối hợp với các lực lượng chính trị của ta trên khắp các chiến trường và trên các địa bàn chiến lược, ở mặt trận chính diện cũng như vùng địch hậu, kế hoạch Na-va vừa được triển khai thực hiện đã bị phá vỡ một phần quan trọng. Chiến tranh chính quy ở chính diện đã kết hợp chặt chẽ với chiến tranh du kích ở địch hậu ; chiến trường Bắc-bộ, Trung-bộ, Nam-bộ và các chiến trường khác ở khắp Đông-dương đã phối hợp nhịp nhàng. Hình thức du kích chiến, vận động chiến và công kiên chiến đã biến hoá linh hoạt. Tiêu diệt sinh lực địch gắn chặt với giải phóng đất đai, giành quyền làm chủ. Sức mạnh của sự phối hợp ấy, đứng trước bước ngoặt của cuộc kháng chiến, đã tạo những điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh của Đảng ; cho nhiệm vụ chuẩn bị hậu phương và triển khai các mặt tác chiến để giành thắng lợi quyết định trong trận quyết chiến chiến lược của quân và dân ta tại Điện-biên-phủ.

Sức mạnh tổng hợp của cả nước, sức mạnh của cả dân tộc ra trận không những tạo lập được một thế trận hết sức có lợi về mặt chiến lược, phát huy hiệu lực tác chiến ngày càng cao, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ và chủ động giữa các chiến trường và các lực lượng, mà còn tạo điều kiện cơ bản có ý nghĩa quyết định để giải quyết những khó khăn rất lớn về mặt hậu phương và bảo đảm hậu cần cho chiến dịch Điện-biên-phủ.

Khi hạ quyết tâm chiến lược tiêu diệt địch ở Điện-biên-phủ, vấn đề cung cấp, tiếp tế lương thực và đạn dược, bảo đảm giao thông vận tải cho các đơn vị chủ lực lớn chiến đấu xa hậu phương trong một thời gian dài là một khó khăn rất lớn. Vượt qua được trở ngại trên là một bảo đảm quan trọng cho thắng lợi của chiến dịch. Địch không thể hiểu nổi làm sao quân và dân ta đã vượt qua được nhiều khó khăn tưởng không sao có thể vượt qua, hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, huy động sức mạnh hậu phương cho chiến dịch. Địch cho rằng, với một tiềm lực hậu phương nghèo nàn và những hạn chế về phương tiện, về khả năng cung cấp, quân ta không thể tác chiến thắng lợi tại một chiến trường xa hậu phương bằng những đơn vị chủ lực lớn, nhất là khi chiến dịch kéo dài. Nhưng ngày 13 tháng 3 năm 1954 cuộc tiến công vào tập đoàn cứ điểm của địch ở Điện-biên-phủ bắt

(1) Xem *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn*, Bộ Tổng tham mưu xuất bản, tập III, tr. 13 — 14.

(2) *Văn kiện Đảng 1945 — 1954*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản. Hà-nội, 1980, tập IV, quyển 2, tr. 205.

Digitized by Google

đầu đã gây một bất ngờ lớn đối với địch.

Từ Thu — Đông 1953, trong các cuộc tiến công lớn của quân ta tại các chiến trường, trên những hướng chiến lược quan trọng, sức người, sức của của nhân dân đã được huy động ở mức rất cao, bảo đảm đánh thắng địch trong một loạt các chiến dịch diễn ra đồng thời hoặc kế tiếp nhau. Tuy vậy, dựa vào sức người sức của của cả nước, ta vẫn còn dự trữ dồi dào, sẵn sàng cho những trận đánh mới. Đến chiến dịch Điện-biên-phủ, cả nước không ngừng dồn sức người, sức của cho chiến trường chính.

Từ tháng 11 năm 1953, hậu cần chiến dịch Điện-biên-phủ đã bắt đầu hoạt động. Lúc đầu, theo phương án tác chiến mùa xuân năm 1951 của Tổng quân ủy trình Bộ chính trị ngày 6 tháng 12 năm 1953 thì con số tham gia chiến dịch dự kiến là 42 570 người (trong đó có 35000 chiến sĩ thuộc các đơn vị), số dân công huy động từ nhiều địa phương trong nước và ở tại chỗ khoảng 14 500 người... Với binh lực dự kiến như vậy, với thời gian tác chiến của chiến dịch dự kiến khoảng 45 ngày thì nhiệm vụ bảo đảm cung cấp lương thực, đạn dược, phương tiện... cho chiến dịch đã rất to lớn, không phải ngay một lúc một nơi mà làm được. Vấn đề huy động đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân và của cả nước đã sớm được đặt ra. Phương án tác chiến mùa xuân 1951 đã vạch rõ « Hội đồng cung cấp tiền phương và các Khu phải tập trung lực lượng vào việc chuẩn bị, phải xúc tiến rào riết kế hoạch đường sá và kế hoạch động viên nhân, vật lực » (3). Càng về sau, số quân tham gia chiến dịch ngày càng lớn, cho nên việc dựa vào sức mạnh của cả nước, của toàn dân để bảo đảm hậu cần, huy động hậu phương càng đặt ra cấp bách và to lớn. Ngày 25 tháng 1 năm 1954, ta thay đổi phương châm « đánh nhanh thắng nhanh » thành phương châm « đánh chắc tiến chắc ». Điều đó làm cho vấn đề bảo đảm hậu cần và tác chiến có gặp những khó khăn.

— Cung cấp có thể thiếu thốn.

— Bộ đội có thể bị tiêu hao, mệt mỏi.

— Địch có thể tăng cường (4).

Những khó khăn trên đòi hỏi cả nước, cả dân tộc ta phải khai thác, huy động và biết nhân lên sức mạnh của mọi lực lượng, từ khắp nơi với mọi biện pháp và phương thức phong phú, với ý chí tự chủ, sáng tạo, bền bỉ theo đúng tinh thần tự lực tự cường của Đảng. Kẻ địch bị bất ngờ về sự chỉ đạo tác chiến và việc bảo đảm hậu cần, huy động hậu phương của ta, cho nên đã ở vào thế lúng túng, đối phó bị động, chịu thất bại lớn mà vẫn không sao hiểu nổi.

Qua đợt tiến công thứ nhất của quân ta vào tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ, không phải không xuất hiện những khó khăn mới trong việc huy động sức mạnh tổng hợp của cả nước vào trận, bảo đảm cung cấp cho chiến dịch. Lúc này « vấn đề động viên nhân, vật lực hậu phương cần phải làm thật rào riết, tung nhiều cán bộ đề đôn đốc kiểm tra khẩn trương luôn luôn, thì mới đạt được mục đích duy trì sự cấp dưỡng cho bộ đội theo một trình độ tối thiểu... Có như vậy, sức khỏe của bộ đội ta mới dẻo dai được và bảo đảm được chiến đấu liên tục » (5).

---

(3) *Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng quân ủy và bộ tổng tư lệnh*, Bộ tổng tham mưu xuất bản, 1963, tập VI tr. 41.

(4) Xem : *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn*, Bộ tổng tham mưu xuất bản, tập III, tr. 59 - 60.

(5) *Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng quân ủy và Bộ tổng tư lệnh*. Bộ tổng tham mưu xuất bản, 1963, tập 6, tr. 139—149.

Digitized by Google

Sau hai đợt tiến công vào Điện-biên-phủ, nhận rõ những thắng lợi và những khả năng cũng như thấy hết những khó khăn của ta về cung cấp và tác chiến, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta đã ra nghị quyết: « Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện chiến dịch Điện-biên-phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này » (6). Như vậy, trong quá trình chuẩn bị cũng như trong diễn biến chiến dịch Điện-biên-phủ, huy động đến cao độ sức mạnh tổng hợp của cả nước là một vấn đề chỉ đạo chiến lược trọng yếu, có ý nghĩa quyết định, để giành thắng lợi.

Việc huy động đến cao độ sức mạnh của cả nước vào trận quyết chiến chiến lược, trước hết đòi hỏi hậu phương không ngừng được củng cố, vững mạnh về mọi mặt.

Trước khi bước vào chiến dịch, ta đã có vùng tự do rộng lớn và hậu phương vững chắc cho chiến tranh nhân dân của cả nước. Việt-bắc gồm 6 tỉnh với hàng chục vạn dân, nơi làm việc của bộ máy lãnh đạo kháng chiến của cả nước từ sau chiến thắng biên giới (10-1950) đã trở thành căn cứ địa chủ yếu của kháng chiến. Lần nào quân ta mở chiến dịch lớn ở Bắc-bộ đồng bào vùng tự do liên khu Việt-bắc cũng ít nhiều đều có mặt tham gia phục vụ và chiến đấu. Riêng năm 1953 địch mở tới 1429 trận càn, nhưng vùng tự do liên khu Việt-bắc chẳng những vẫn được giữ vững, mà còn cung cấp cho các tỉnh trung du và duyên hải trên 10 nghìn con trâu, bò để sản xuất. Vùng tự do ở liên khu IV và liên khu V ngày càng được mở rộng. Đây là nguồn cung cấp và bổ sung nhiều của và người cho chiến dịch Điện-biên-phủ. Các khu du kích, các căn cứ du kích trong vùng tạm bị chiếm từ Bắc-bộ đến Nam-bộ vẫn được giữ vững và mở rộng. Vùng mới được giải phóng ở Tây-bắc, Tây-nguyên được nối liền với vùng tự do của Liên khu Việt-bắc, Liên khu III, IV, V và vào tới Liên khu IX (Nam-bộ), tạo chỗ đứng chân vững chắc cho lực lượng vũ trang và gây uy hiếp lớn đối với địch. Nhờ hậu phương rộng lớn và vững chắc, chúng ta có thể huy động sức mạnh từ nhiều nơi cho từng chiến trường: không chỉ ở vùng nông thôn rừng núi, mà cả ở vùng nông thôn đồng bằng, vùng địch hậu và ngay trong các thành thị, nơi sào huyệt cuối cùng của địch.

Vừa sản xuất giỏi ở hậu phương, vừa phục vụ chiến đấu tốt nơi tiền tuyến, giai cấp công nhân Việt-nam đã đưa hơn 70 500 thuyền và xe ra phục vụ chiến dịch; ngoài ra còn bắc hơn 1 000 cầu cống lớn nhỏ, làm thêm 2 000 ki lô mét đường ô tô.

Trên 261 153 dân công được huy động từ các vùng nông thôn đã anh dũng bám sát mặt đường, vận tải lương thực, đạn dược, thuốc men. Ngay tại tuyến lửa, đồng bào huyện Điện-biên-phủ cũng cung cấp 3 000 người với 646 700 ngày công phục vụ chiến dịch. Đáng chú ý là vùng tạm bị địch chiếm ở Bắc-bộ đã chuyển ra phục vụ chiến dịch Điện-biên-phủ 20 vạn tấn thóc, góp 7,5 triệu ngày công.

Trong nhiệm vụ bảo đảm hậu phương, phụ nữ Việt-nam có những đóng góp to lớn. « Hội mẹ chiến sĩ » với 5 000 000 bà mẹ đã hăng hái tiếp tế, nuôi dưỡng bộ đội. Tính chung cả chiến dịch, phụ nữ đã góp 2 381 000 công phục vụ chiến dịch (chiếm gần 50% tổng số ngày công phục vụ chiến dịch Điện-biên-phủ).

Các dân tộc thiểu số cũng góp phần không nhỏ. Riêng bốn huyện Tuần-giáo, Điện-biên, Quỳnh-nhai, Thuận-

(6) *Văn kiện Đảng* 1945—1954. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản. Hà-nội, 1980. tập IV, quyển 2, tr. 467.

Digitized by Google

châu đã góp 7 500 tấn gạo, gần 390 tấn thịt...

Từ hậu phương (hậu phương cả nước, hậu phương tại chỗ), sức người, sức chiến đấu của cả một dân tộc đã rầm rập ra trận. Số thanh niên xung phong tình nguyện gia nhập quân đội ngày càng cao. Trên 25 000 tân binh đã được điều lên mặt trận, tăng cường cho sức mạnh chiến đấu của ta, đưa tổng số lộ đội tham chiến ở Điện-biên-phủ lên tới 58 830 người.

Sức mạnh tổng hợp của cả nước còn được tăng cường bởi sự thành công của các đợt giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất. Đến cuối năm 1953, chính quyền cách mạng đã cấp 927 000 héc ta ruộng đất các loại cho những hộ nông dân thiếu ruộng. Phong trào đấu tranh của nông dân chống giai cấp địa chủ ở nông thôn đã hòa nhịp với cuộc chiến đấu của các chiến sĩ ở ngoài mặt trận, cổ vũ họ hăng hái đánh thắng giặc Pháp. Thắng lợi của cải cách ruộng đất đã tăng cường khối liên minh công nông, chính quyền cách mạng, mặt trận dân tộc thống nhất và quân đội nhân dân. Thực lực kháng chiến của cả nước nhanh chóng phát triển đến mức cao.

Nhờ có sức mạnh tổng hợp của cả nước, sức mạnh của toàn dân ra trận, cho nên trong khi chiến dịch Điện-biên-phủ diễn ra thì quân và dân ta vẫn đủ sức mở các cuộc tiến công trên khắp các chiến trường phối hợp.

Tại liên khu V, ta liên tục uy hiếp đường số 13. Ngày 21 tháng 3 quân ta tập kích thị xã Plây-cu, diệt hơn 500 tên địch. Ở Bình-trị-thiên, ta lật đổ hàng chục đoàn tàu quân sự của địch. Ở Nam bộ nhiều ca nô và xuồng máy địch trên các sông bị bắn chìm. Tại đồng bằng Bắc-bộ, trên các đường giao thông quan trọng hầu như liên tục diễn ra các trận chiến đấu. Nhiều tàu chở vũ khí của địch nhằm tiếp ứng cho Điện-biên-phủ bị ứ đọng ở cảng Hải-phòng.

Dựa vào chiến tranh nhân dân địa phương phát triển cao, được sự giúp đỡ và cổ vũ của những thắng lợi dồn dập ở Điện-biên-phủ, bộ đội chủ lực và dân quân du kích đã chủ động mở hàng loạt trận tiến công tiêu diệt một bộ phận sinh lực tương đối lớn của địch như các trận: Bặng-thông, Thầm-thượng, Dị-sử, Đông-biên (Bắc bộ); Tuy-bình, An-khê (Liên khu V); An-hòa (Bình-trị-thiên); An-biên (Nam bộ), v.v. khiến địch phải phân tán lực lượng và giảm bớt ứng cứu cho Điện-biên-phủ.

Bị tiễu công liên tục ở nhiều nơi, phần lớn lực lượng địch phải co về phòng thủ hòng bảo toàn lực lượng. Nhưng chiến tranh nhân dân của ta đã phát triển cao, tạo thành thế bao vây chặt chẽ các vị trí địch. Quân địch trong hàng nghìn đồn, bốt thiếu lương ăn, nước uống và mắc nhiều bệnh tật. Công tác ngụy vận của ta đã đạt được kết quả tốt, kêu gọi được 3 200 ngụy binh bỏ hàng ngũ giặc quay về với kháng chiến.

Được chiến tranh chính quy của bộ đội chủ lực và chiến tranh nhân dân ở địa phương giúp sức, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng vùng tạm bị chiếm được đẩy mạnh. Phong trào đấu tranh của công nhân học sinh, trí thức, dân nghèo, phụ nữ nhằm chống cúp lương, chống thuế, chống cướp bóc, chống bắt phu, bắt lính, đòi thả chồng con... khiến địch hoang mang, hoảng loạn. Chính phong trào đấu tranh chính trị lên cao tạo điều kiện cho chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Những cuộc tập kích táo bạo, linh hoạt của ta vào các sở chỉ huy địch, các sân bay, các kho bom đạn, v.v. đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Như vậy, bằng sức mạnh tổng hợp của cả nước, của toàn dân ra trận chúng ta đã tiêu diệt 21 tiểu đoàn tinh nhuệ của địch ở Điện-biên-phủ, đưa cuộc kháng chiến của nhân dân,

Digitized by Google

ta tới bước nhảy vọt có ý nghĩa quyết định, và đẩy quân viễn chinh Pháp vào tình trạng bị động và thất bại.

Vấp phải sức mạnh tổng hợp của cả nước ta, của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta, đế quốc Pháp đã thất bại nhục nhã ở nước ta.

★

Trong cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953 — 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện-biên-phủ, sức mạnh tổng hợp của cả nước ta do nhiều nhân tố tạo thành. Trước hết nó bắt nguồn từ sức mạnh của đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Đường lối ấy là nền tảng của mọi chiến lược và sách lược đúng đắn trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, chỉ cho nhân dân ta phương hướng xây dựng và sử dụng sức mạnh để đánh thắng quân thù. Sức mạnh tổng hợp của cả nước là sức mạnh của toàn dân ra trận, cả nước đánh giặc. Dựa trên sức mạnh ấy, nhân dân ta tiến hành một cuộc kháng chiến toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Sức mạnh tổng hợp ấy còn góp phần giải quyết thành công và xuất sắc một vấn đề mới rất quan trọng: làm thế nào một dân tộc nhỏ, ở trong tình trạng kinh tế lạc hậu, lại có thể đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của những nước đế quốc to, có số dân đông hơn, có trình độ kinh tế phát triển, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng hậu, có quân đội không những đông hơn ta về số lượng, mà còn được trang bị vũ khí và phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Sức mạnh tổng hợp của cả nước ta dựa vào tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến của ta và đường lối đúng đắn của Đảng ta. Đường lối đúng đắn của Đảng ta đã khơi dậy, nhân lên bản lĩnh của cả dân tộc và từng người Việt-nam, tổ chức và động viên đến cao độ mọi tiềm lực trong nước. Với đường lối đúng đắn của Đảng, sức mạnh của cả nước ta được huy động để đánh thắng quân thù.

Chiến thắng Điện-biên-phủ chứng tỏ rằng sức mạnh tổng hợp của nhân dân cả nước ta là vô địch ; huy động được sức mạnh tổng hợp đó, chúng ta nhất định đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược nước ta.

Digitized by Google

ĐIỆN-BIÊN-PHỦ — BÀI HỌC THẮNG LỢI

HỒNG-QUẢNG

CHIẾN thắng Điện-biên-phủ có ý nghĩa lịch sử to lớn và có tính thời đại sâu sắc. Ba mươi năm qua, chiến công vang dội đó đã khắc sâu trong tâm trí của mỗi người Việt-nam và sẽ « mãi mãi *là niềm tự hào chính đáng của dân tộc ta, đồng thời là một cổ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân toàn thế giới* » (1). Ba mươi năm qua, bạn bè ta ở khắp năm châu đã theo dõi, nghiên cứu và khâm phục, coi chiến công Điện-biên-phủ là một biểu tượng về sức mạnh của nhân loại cần lao, tiến bộ, vùng dậy chống ách nô dịch áp bức và bóc lột của chủ nghĩa đế quốc để giành độc lập, tự do.

Đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 — 1954 với đỉnh cao là chiến thắng Điện-biên-phủ, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh viết:

« Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt-nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới » (2).

Về phía địch, Điện-biên-phủ đã trở thành nỗi kinh hoàng và bài học cay đắng cho thực dân Pháp và cho cả đế quốc Mỹ. Thất bại ở Điện-biên-phủ không những đã làm cho nền móng của đế quốc Pháp bị sụp đổ, mà còn làm phá sản một ý đồ chiến lược của đế quốc Mỹ đối với ba nước Đông-dương, ý đồ biến đồng bằng miền Bắc thành phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Thất bại của Pháp và Mỹ ở Điện-biên-phủ là thất bại không sao tránh được. Trong canh bạc cuối cùng này, Pháp đã dốc cạn túi và Mỹ đã giúp Pháp đến mức cao nhất mà không cứu được Pháp khỏi thất bại. Gần một phần ba tổng binh lực Pháp bị tiêu diệt trong cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân và chiến dịch Điện-biên-phủ đã đặt quân đội Pháp trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Chủ-tịch Hồ-Chí-Minh

(1) Trường-Chinh : « Chiến thắng Điện-biên-phủ mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt-nam » *Tạp chí Cộng sản*, số 6—1979— tr. 20.

(2) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1970. tr. 213.

Digitized by Google

nói: chiến thắng «Điện-biên-phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, cũng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ» (3).

Gần một phần ba thế kỷ qua, biết bao nhiêu nhà chính trị, nhà quân sự, nhà nghiên cứu Pháp và thế giới đã miêu tả, bình luận và tìm hiểu vì sao mà quân đội Pháp đã thua trận ở Điện-biên-phủ. Nhiều tác phẩm, nhiều bài báo đã nói lên được thực tế diễn biến và đã thừa nhận một số sự thật. Nhưng các tác phẩm ấy hoặc do không hiểu hoặc đứng trên quan điểm giai cấp của tác giả, đã không nói lên được những sự thật có tính bản chất. Không tìm ra nguồn gốc của thất bại, tức là không rút ra được bài học đúng.

Khác hẳn với Pháp và Mỹ, nhân dân Việt-nam có đội tiên phong cách mạng dày dạn, sáng suốt dẫn đường, đã rút ra được những bài học thành công, những bài học mang tính quy luật của cuộc kháng chiến chống Pháp với đỉnh cao là Điện-biên-phủ. Trên cơ sở đó, nhân dân ta đã dám chấp nhận một cuộc chiến đấu mới và giành được thắng lợi oanh liệt chưa từng có trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Bài học quan trọng trước hết đối với nhân dân ta là bài học *kháng chiến toàn dân, toàn diện.*

Thực dân Pháp cũng có lúc đã thực hành một kiểu chiến tranh tổng lực. Nhưng tính chất của cuộc chiến tranh xâm lược, dù là tổng lực, cũng không cho phép họ động viên toàn dân tham gia chiến tranh.

Nguồn gốc sâu xa về thất bại của Pháp là ở chỗ cuộc chiến tranh tiến hành vì quyền lợi ích kỷ của một số nhỏ giai cấp tư sản độc quyền Pháp. Nước Pháp vốn đã kiệt quệ, điêu đứng vì cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Hít-le, lại phải chịu dựng cuộc chiến tranh mới, một cuộc chiến tranh phi nghĩa, làm cho kiệt quệ, điêu đứng thêm. Vì thế mà nhân dân Pháp đã gọi đó là cuộc «chiến tranh bẩn thỉu». Chính phủ Pháp lâm vào tình cảnh bị cô lập. Tuy có số dân đông, có nền công nghiệp hiện đại, là một cường quốc tư bản trên thế giới, nhưng Pháp không thể huy động toàn bộ dân chúng và toàn bộ của cải của nước Pháp vào cuộc chiến tranh. Đội quân viễn chinh Pháp ở Đông-dương là đội quân nhà nghề, nhưng lúc nào cũng thiếu quân số, lúc nào cũng thiếu phương tiện chiến tranh, tinh thần chiến đấu ngày càng giảm sút. Bế tắc về nguồn huy động lực lượng vũ trang, Pháp không thể thực hiện được chiến lược đánh mau thắng mau, buộc phải bị động kéo dài một cách đau khổ cuộc chiến tranh xâm lược không lối thoát. Chiến tranh xâm lược mà phải đánh kéo dài, đứng về mặt chiến lược mà nói, cuộc chiến tranh ấy đã bước đầu bị thất bại. Do thiếu quân số, Pháp phải bắt lính người bản xứ. Đó là nguyên nhân làm cho chất lượng chiến đấu của quân đội viễn chinh Pháp thấp kém. Thực dân Pháp gọi đấy là nạn «vàng hóa» trong quân đội, là nỗi lo lắng thường xuyên của các nhà chỉ huy quân đội Pháp và của chính phủ Pháp. Vì thiếu quân số, thiếu phương tiện tiến hành chiến tranh, Pháp buộc phải vừa đánh vừa đàm phán với ta (kỷ Hiệp định 6-3-1946) hòng tìm kẻ hoãn binh, chờ cơ hội thực hiện âm mưu xâm lược mới. Cũng vì thiếu quân số, thiếu phương tiện chiến tranh mà Pháp buộc phải ngửa tay xin viện trợ Mỹ. Pháp biết rằng việc làm này chẳng khác nào như «giải khát bằng thuốc độc», nhưng Pháp buộc phải uống. Pháp biết nếu cứ dựa vào Mỹ thì sớm muộn sẽ bị Mỹ hất cẳng, nhưng Pháp không còn con đường nào khác để giữ lấy danh dự của một «cường quốc» ngoài con đường đó.

(3) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà-nội. 1980. tập I—tr. 556.

Digitized by Google

Những chỗ yếu chí tử trên đây của Pháp đã đưa Pháp đến thất bại.

Những chỗ yếu của thực dân Pháp lại chính là những chỗ mạnh căn bản của nhân dân ta. Nguồn gốc chỗ mạnh của ta là ở đường lối kháng chiến chính xác. Kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện là đường lối cơ bản của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đường lối ấy đã được đặt tên cho chỉ thị đầu tiên của Đảng khi phát động cuộc kháng chiến toàn quốc: *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* ra ngày 22-12-1945.

Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện đồng thời là *quy luật cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp*. Khi toàn dân đã tham gia kháng chiến, cuộc kháng chiến tất sẽ diễn ra trên tất cả các mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, binh vận. Toàn dân đánh giặc bằng tất cả các loại vũ khí, trên tất cả các lĩnh vực, ở khắp các địa phương, trong tất cả các điều kiện và trong mọi môi trường.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, sáng suốt, tài tình, Đảng ta đã động viên được nhân dân cả nước đứng lên đánh giặc, cả nước cùng ra trận. Khẩu hiệu chiến đấu vang dội của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh «mỗi quốc dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài» đã nói lên quyết tâm sắt đá và làm bật dậy sức mạnh tiềm tàng của dân tộc ta trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp. Thực hiện khẩu hiệu ấy, người Việt-nam yêu nước nào cũng trở thành chiến sĩ, địa phương nào cũng hóa thành trận địa vùi xác quân thù. «Khắp mọi miền đất nước, ở đâu có giặc thì ở đó có người đánh giặc» (4).

Tại sao cả nước ta lại cùng ra trận? Đó là vì ta có chế độ mới do nhân dân nắm quyền làm chủ, vì Đảng có đường lối đúng, phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân, phù hợp với quy luật lịch sử, có đội ngũ cán bộ nắm được khoa học, nghệ thuật quân sự, biết cách tổ chức và lãnh đạo nhân dân đánh giặc, có phương thức tiến hành chiến tranh thích hợp. Cuộc kháng chiến chống Pháp do nhân dân ta tiến hành là cuộc chiến tranh giải phóng vì độc lập tự do của toàn thể dân tộc. Độc lập tự do là khát vọng, là lẽ sống của nhân dân ta từ ngàn đời nay. Chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Đảng ta và Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã phát huy cao độ truyền thống quý báu đó và đã đưa lên ngang tầm với thời đại mới. Vì thế khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc: «Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc» (5), lớp lớp gái, trai, già, trẻ cùng lên đường, cùng náo nức ra trận. «Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi

(4) Lê-Duẩn: Bài nói tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lâm-đồng. Báo *Nhân dân*, ngày 20-3-1984.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập I, tr. 403.

Digitized by Google

việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước » (6).

Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện cũng có nghĩa là đường lối tạo ra lực lượng tổng hợp mạnh hơn địch để thắng địch. Nó trở thành quy luật của toàn bộ cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Quy luật kháng chiến toàn dân, toàn diện dựa trên hai điều kiện căn bản: *Một là*, nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ đất nước do thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đưa lại. *Hai là*, cuộc kháng chiến có sự lãnh đạo của Đảng Mác – Lê-nin được tôi luyện kiên cường, có đường lối đúng, có hệ thống tổ chức mạnh, có đội ngũ cán bộ bám đất, bám dân, bám địch, biết cách tổ chức động viên và chỉ huy chiến đấu.

Bài học thứ hai của nhân dân ta là *vừa chiến đấu, vừa xây dựng*.

Thắng lợi Điện-biên-phủ là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của nhân dân cả nước. Nhưng sức mạnh tổng hợp làm nên Điện-biên-phủ lại biểu hiện tập trung ở sức mạnh quân sự. Thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là thắng lợi Điện-biên-phủ chứng minh rằng sức mạnh quân sự của nhân dân ta vừa biểu hiện *ở sức mạnh của bản thân lực lượng vũ trang*, vừa biểu hiện *ở sức mạnh mà lực lượng vũ trang dựa vào*. Đó là sức mạnh của *hậu phương*, một nhân tố quyết định thường xuyên thắng lợi của chiến tranh.

Từ những người cầm đầu Chính phủ Pháp đến những người chỉ huy các cấp trong quân đội viễn chinh Pháp, kể cả các cố vấn có tên tuổi Mỹ và Anh, đều cho rằng tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ là vô địch, là một pháo đài không thể phá được. Họ tin tưởng đến mức sợ ta không đến đánh nữa, sợ không có dịp tiêu diệt được ta, nên phải rải truyền đơn thách ta đến đánh. Vì sao các nhà lãnh đạo và chỉ huy Pháp lại có một lòng tin đến nỗi quá mù quáng như thế? Điều đó có một nguyên nhân quan trọng là họ đã đánh giá quá cao lực lượng và phương tiện của họ mà không thấy chỗ yếu về nguồn tiếp tế của hậu phương họ; họ lại đánh giá quá thấp lực lượng và nguồn nhân lực, vật lực dự trữ của ta: « không thể sử dụng quá hai đại đoàn và huy động quá hai vạn dân công ». Họ không hiểu nổi sức mạnh của hậu phương đang làm cải cách ruộng đất, một hậu phương có tổ chức, với ý chí quyết chiến quyết thắng không gì lay chuyển nổi.

Thực hiện chủ trương của Bộ chính trị Trung ương Đảng « đem toàn lực chi viện cho chiến dịch Điện-biên-phủ », và dưới sự chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo của các cấp ủy Đảng, cả một hậu phương hùng hậu từ vùng tự do Việt-bắc, Liên khu III, Liên khu IV, vùng mới giải phóng Tây-bắc, đến vùng căn cứ du kích và du kích đồng bằng Bắc-bộ, đã đồ người, đồ của, dốc sức cho mặt trận Điện-biên-phủ. Chính hậu phương đã bảo đảm không những cho hai đại đoàn mà cho sáu đại đoàn, không chỉ huy động hai vạn mà đã huy động hơn 26 vạn dân công, không chỉ phục vụ đánh hai tháng mà còn phục vụ đánh gần 8 tháng (từ 1-12-1953 đến 20-7-1954). Một hậu phương có sức mạnh hùng hậu như thế thì quân đội viễn chinh Pháp không thể nào có được.

Sức mạnh của hậu phương ta bắt nguồn từ việc Đảng ta nhận thức sâu sắc và phát huy cao độ vai trò của hậu phương, của chế độ mới trong chiến tranh. Nhận thức ấy được kết tinh lại trong đường lối *vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*. « Kháng chiến phải đi đôi với Kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công thì kháng chiến mới thắng

(6) Hồ-Chí-Minh: Sách đã dẫn, tr. 485.

Digitized by Google

lợi » (7). Vừa kháng chiến vừa kiến quốc cũng tức là vừa chiến đấu vừa xây dựng. Đây là quy luật phát triển của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thực tiễn kháng chiến chứng minh rằng xây dựng hậu phương là xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt, và thực chất là xây dựng chế độ mới. Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất ở vùng tự do. Điều đó đã làm cho nông dân thật sự thấy rõ chế độ mới là chế độ của những người lao động. Nó đã tăng cường rõ rệt sức mạnh của hậu phương và trở thành một động lực mạnh mẽ đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Kết quả việc thực hiện những chính sách về văn hóa, giáo dục, y tế của Đảng và Nhà nước ta cũng làm cho nhân dân ta càng thêm tha thiết với chế độ mới và quyết tâm chiến đấu bảo vệ nó đến cùng.

Vừa chiến đấu vừa xây dựng còn thể hiện ở chỗ nhân dân ta *vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng chiến đấu*, làm cho sức chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng tiến nhanh từ đánh nhỏ, đánh vừa lên đánh lớn, càng đánh càng mạnh. Đây là quy luật của xây dựng lực lượng vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Quy luật này nảy sinh trong điều kiện cuộc kháng chiến bắt đầu khi chưa có lực lượng vũ trang chính quy. Quá trình vừa chiến đấu vừa xây dựng chiến đấu diễn ra trong suốt cuộc kháng chiến từ khi bùng nổ đến khi kết thúc. Trước khi bước vào cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, bộ đội ta đã được củng cố về tổ chức, bổ sung quân số, vũ khí đạn dược, được học tập cách đánh tập đoàn cứ điểm, được nâng cao trình độ chính trị. Và ngay trong quá trình cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân và chiến dịch Điện-biên-phủ, bộ đội ta vẫn được tiếp tục củng cố và tăng cường. Những vấn đề thuộc về nghệ thuật quân sự luôn luôn được rút kinh nghiệm, bổ sung và phát triển cho phù hợp với tình hình trên chiến trường. Trước khi bước vào đợt tổng công kích tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện-biên-phủ, trong tháng 4, Bộ chính trị và Tổng quân ủy đã cho triển khai đợt sinh hoạt chính trị nhằm tăng cường hơn nữa ý chí quyết chiến quyết thắng, khắc phục những hiện tượng mệt mỏi, cầm chừng, hữu khuynh, tiêu cực. Nhờ vậy, toàn thể cán bộ chiến sĩ dân công đã

« Không quản gian khổ và đắng cay.
Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ » (8).

ở mặt trận Điện-biên-phủ và ở các chiến trường toàn quốc.

Quân đội ta đã tăng thêm cả *sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất*. Vì thế, tuy ít hơn địch về tổng số quân, kém hơn địch về vũ khí, phương tiện chiến tranh, quân đội ta lại có sức mạnh chiến đấu với hiệu quả cao hơn quân địch.

Bài học thành công thứ ba của nhân dân ta là *sử dụng các phương thức tiến hành chiến tranh một cách thích hợp, sáng tạo*.

Chiến dịch Điện-biên-phủ diễn ra trong điều kiện lực lượng của ta có những mặt không ưu thế bằng lực lượng địch. Với những cố gắng cao nhất, với số quân mới từ Pháp đưa sang, lại được sự cổ vũ, giúp đỡ cao nhất của Mỹ, Na-va đã xây dựng được lực lượng cơ động chiến lược và có tổng quân số đông hơn ta. Ở Điện-biên-phủ, Pháp xây dựng được tập đoàn cứ điểm kiên cố, mạnh gấp rất nhiều lần so với tập đoàn cứ điểm Nà-sản, mà Pháp gọi là « Nà-sản lũy thừa 10 ». Dựa vào ưu thế đó, Na-va cầm chắc sẽ giành

(7) Hồ-Chí-Minh : *Những lời kêu gọi*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1956, tập I, tr. 56.

(8) Hồ-Chí-Minh : « Quân ta toàn thắng ở Điện-biên-phủ », báo *Nhân dân*, ngày 12-5-1954.

Digitized by Google

lại quyền chủ động, từ đó tạo cho chính phủ Pháp tư thế của kẻ chiến thắng trên bàn đàm phán. Thế nhưng tại sao quân đội xâm lược đã không hề giành được quyền chủ động? Tại sao từ đầu đến cuối, Na-va không giành được « bàn thắng » nào trong kế hoạch của ông ta, không tạo ra được những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự, không « chứng minh cho Việt minh thấy rằng.... họ cũng không có hy vọng gì thắng ta bằng quân sự » ? (9).

Ngoài vấn đề do bản chất phi nghĩa của chiến tranh xâm lược, câu trả lời còn ở vấn đề họ không biết sử dụng những phương thức tiến hành chiến tranh thích hợp.

Trong cuốn sách *Đông-dương hấp hối*, Na-va luôn luôn đổ lỗi cho chính phủ Pháp không có đường lối chính trị rõ ràng, không cung cấp đầy đủ quân số, vũ khí và phương tiện chiến tranh cho quân đội viễn chinh. Nhưng Na-va cũng không dám phủ nhận một số chỗ yếu của quân đội dưới quyền ông ta là cách tiến hành chiến tranh cũ kỹ, nặng nề, cứng nhắc, bị động, nặng về phòng ngự. Ngài đại tướng tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp đã công khai thừa nhận : « Bao giờ Việt minh cũng từ chối chiến tranh cổ điển mà bắt Pháp phải theo hình thức chiến tranh của mình... Cách đánh của Việt minh thích hợp, cơ động, linh hoạt, chủ động, bí mật, hiệu suất chiến đấu cao của chiến tranh du kích » (10).

Về phía ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân và quân đội ta đã phát huy cao độ chỗ mạnh nhất của mình, dựa vào sức mạnh tổng hợp của cả nước ra trận. Trên cơ sở đó, ta đã tìm ra những cách đánh thích hợp. Luôn luôn coi trọng phương châm tích cực và chủ động tiến công, cơ động và linh hoạt trong mọi tình huống, chúng ta đã nắm chắc thời cơ và tạo ra thời cơ, tìm chỗ yếu nhất của địch mà đánh, tạo ra sức mạnh hơn hẳn để thắng địch trong từng trận ; phân tán lực lượng địch, làm cho chúng đông mà không mạnh, muốn chủ động mà phải bị động, muốn tiến công mà phải phòng ngự, muốn cơ động mà phải bị trói chân tay. Ta đánh nơi này buộc chúng phải rút bỏ nơi kia ; ta đánh chắc, tiến chắc, không chắc thắng thì không đánh.

Trong cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ, quân và dân ta đã tiến công địch trên mọi chiến trường. Chiến tranh chính quy của các binh đoàn chủ lực đã phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với chiến tranh du kích của bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân vùng sau lưng địch. Ba thứ quân cùng đánh mạnh, đánh đều trên các chiến trường Bắc-bộ, Trung-bộ và Nam-bộ. Nhân dân và quân đội ta phối hợp tác chiến nhịp nhàng với nhân dân và quân đội bạn trên các chiến trường Cam-pu-chia và Lào. Tiến công về quân sự kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị ở vùng sau lưng địch, nổi dậy phá tan chính quyền ngụy, chống bắt lính, đòi hòa bình, đòi chồng con, làm tan rã ngụy quân, ngụy quyền, bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta kết hợp chặt chẽ với phong trào nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh, đặc biệt là phong trào của nhân dân Pháp chống cuộc chiến tranh xâm lược Đông-dương của thực dân Pháp. Tiến công về quân sự kết hợp chặt chẽ với tiến công ngoại giao đánh bại ý chí xâm lược của địch.

★

(Xem tiếp trang 35)

(9), (10) Xem Sơ thảo Lịch sử Đảng cộng sản Việt-nam. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 672, 748.

Digitized by Google

ĐIỆN-BIÊN-PHỦ: ĐÒN MỞ ĐẦU CUỘC KHỦNG HOẢNG CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ MỸ

NHUẬN-VŨ

TRƯỚC Điện-biên-phủ, tiếng kèn đồng chiến lược quân sự Mỹ « trả đũa ồ ạt » vang lên giòn giã. Nhà trắng và Lầu năm góc cho rằng lực lượng không quân chiến lược Mỹ được trang bị bom nguyên tử là chiếc « dùi cui vạn năng » nắm trong tay « sen dăm quốc tế » Hoa-kỳ.

Thế rồi, đến tháng 3 và tháng 4 năm 1954, khi những đơn vị quân đội viễn chinh Pháp dưới quyền chỉ huy của Đờ Ca-xtơ-ri bị vây hãm tại thung lũng Điện-biên-phủ đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, các đô đốc, tướng lĩnh trong Bộ tham mưu liên quân Mỹ tranh cãi gay gắt hòng tìm ra phương án tác chiến thích đáng nhằm cứu vớt người bạn đồng minh Pháp.

Lầu năm góc đã đề ra phương án đưa lục quân Mỹ đổ bộ vào vùng châu thổ sông Hồng. Trong sách *Cuộc khủng hoảng hiện tại*, tướng Mỹ Giêm Ga-vin, Cục trưởng tác chiến trong Bộ tham mưu lục quân Mỹ vào năm 1954 viết: « Chúng tôi dự kiến quy mô lực lượng (đổ bộ vào vùng châu thổ sông Hồng) cần đến 8 sư đoàn chiến đấu, có 35 tiểu đoàn công binh chi viện và mọi bảo đảm về pháo binh và hậu cần cho một lực lượng khổng lồ nói trên ».

Phương án này bị gạt sang một bên vì vào đầu năm 1954, trong khuôn khổ chiến lược « trả đũa ồ ạt » mà ưu tiên dành cho không quân chiến lược Mỹ, lục quân Mỹ chưa được chuẩn bị sẵn sàng để tiến hành một cuộc viễn chinh quy mô lớn tại một khu vực cách xa nước Mỹ hàng vạn ki lô mét. Còn đưa cấp tốc một vài tiểu đoàn lính thủy đánh bộ « cứu hỏa » Mỹ đến Hải-phòng hay Hà-nội thì rõ ràng là chẳng có mảy may tác động gì đến chiến sự tại Điện-biên-phủ.

Một phương án khác được đưa ra xem xét là sử dụng máy bay chiến đấu trên tàu sân bay Mỹ đang đỗ sẵn ở vịnh Bắc-bộ đến ném vài quả bom nguyên tử chiến thuật xuống một số khu vực núi rừng chung quanh Điện-biên-phủ. Chưa tính đến những hậu quả chính trị vô cùng nghiêm trọng mà cả chính phủ Oa-sinh-tơn lẫn chính phủ Pa-ri sẽ phải gánh chịu về hành động cuồng chiến này, chỉ nói riêng về mặt quân sự, do cự ly tiếp cận sít sao và thế trận bố trí giữa lực lượng của hai bên đối địch, những

Digitized by Google

đơn vị quân đội thực dân Pháp nằm trong lòng thung lũng Điện-biên-phủ chắc chắn sẽ là nạn nhân trước tiên hứng chịu mọi tác hại của bom nguyên tử Mỹ.

Còn lại phương án cuối cùng có đôi chút sức hấp dẫn là sử dụng 60 chiếc B. 29 bay từng đợt từ sân bay Clác (Phi-líp-pin) đến ném vài nghìn tấn bom xuống những vùng chung quanh Điện-biên-phủ. Phương án này được chấp nhận và mang tên «kế hoạch diều hâu».

Tuy nhiên tướng Mỹ Rít-uê (Ridway) lúc đó là tham mưu trưởng lục quân Mỹ vốn có nhiều kinh nghiệm thực tế về khả năng của máy bay ném bom chiến lược Mỹ trong cuộc chiến tranh Triều-tiên, cho rằng dù «kế hoạch diều hâu» có được thực hiện chăng nữa thì những cuộc ném bom bừa bãi xuống những vùng núi rừng bao la đó vẫn không thể nào giải tỏa được cho quân lính của Đờ ca-xtơ-ri vốn đang trong cảnh «thú sa đã sập bẫy».

Thật là nan giải. Sau này, tờ báo Mỹ *Thời báo Mat trời Chi-ca-gô* số ra ngày 17-6-1971 mô tả lại cuộc tranh cãi gay gắt, rối rắm trong bộ tham mưu liên quân Mỹ về phương án cứu vãn số phận của quân đội viễn chinh Pháp tại Điện-biên-phủ và kết luận: «Tới phút cuối cùng, tổng thống Ai-xen-hao đã bãi bỏ lệnh tiến công, như người ta nói, sau khi nghe lời khuyên của tướng Rít-uê, tham mưu trưởng lục quân Mỹ. Tướng này báo trước rằng: phải dùng đến vài chục vạn quân Mỹ (sau các cuộc ném bom chiến lược của B. 29) mới có khả năng can thiệp thành công bằng quân sự được».

Thế là, Nhà trắng và Lầu năm góc đã giở đủ loại «bửu bối» ầm ĩ gào thét «răn đe» để rồi phải rụt tay lại và cuối cùng phải khoanh tay trước số phận bi đát của tướng Đờ Ca-xtơ-ri. Điều đó đánh dấu sự bất lực đầu tiên thảm hại và cũng là vết rạn nứt đầu tiên của chiến lược quân sự Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Tướng Mỹ Tay-lơ đã hình tượng hóa sự bất lực này bằng *Tiếng kèn đồng ngập ngừng* — tên một quyển sách do ông ta viết, xuất bản vào cuối thập kỷ 50, mang nội dung đòi thay đổi chiến lược «trả đũa ồ ạt» của Ai-xen-hao bằng chiến lược mới «phản ứng linh hoạt» do Tay-lơ đề xuất và sau này được các chính quyền Ken-nơ-đi, Giôn-xơn xem là chiến lược quân sự chính thức của Mỹ.

Có thể nói Điện-biên-phủ là tiếng chuông cảnh tỉnh đầu tiên đối với giới chiến lược Mỹ về sức mạnh kỳ diệu của phong trào giải phóng dân tộc, một đối tượng mà trước đó đế quốc Mỹ còn khinh thường, và về những hạn chế của «sức mạnh Hoa-kỳ». Đây cũng là tiếng chuông cảnh tỉnh đầu tiên đối với Nhà trắng và Lầu năm góc về sức mạnh của lực lượng tiên phong của phong trào giải phóng dân tộc thế giới đã đứng lên cầm vũ khí chống lại chủ nghĩa thực dân: đấy là quân và dân Việt-nam. Trước những thất bại đau đớn của lục quân Pháp trên chiến trường Đông-dương nói chung và tại Điện-biên-phủ nói riêng từ cuối năm 1945 đến những tháng đầu năm 1954, một số người trong giới chiến lược Mỹ đã bắt đầu cảm thấy rằng nếu dấn thân vào một cuộc phiêu lưu chiến tranh tại Việt-nam sẽ vấp phải một địch thủ đặc biệt mà chúng chưa lường hết được khả năng. Chính vì thế Ai-xen-hao đã do dự rồi đi đến quyết định chùn bước. Chỉ vài ngày sau đó, các đơn vị quân đội viễn chinh Pháp tại Điện-biên-phủ đầu hàng. Tổng thống Mỹ vốn là cựu tổng tư lệnh quân đội đồng minh tại mặt trận phía tây chống Đức quốc xã, có thể tự an ủi là ông ta đã có được một quyết định đúng đắn, tuy rằng những năm sau đó cả Ai-xen-hao lẫn ba tổng thống Mỹ kế tiếp ông ta: Ken-nơ-đi, Giôn-

Digitized by Google

xơn, Nich-xơn đều tỏ ra không hiểu biết gì về bài học Việt-nam cuối cùng đối với thực dân Pháp cũng là bài học Việt-nam đầu tiên đối với thực dân mới Mỹ.

Vào thời điểm chiến dịch Điện-biên-phủ, một số người tại Nhà trắng và Lầu năm góc đã thấy được rằng Mỹ không có đủ điều kiện cần thiết để can thiệp quân sự trực tiếp có hiệu quả vào Đông-dương, thế nhưng họ lại không hiểu được bối cảnh của thời đại, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới nói chung, của dòng thác giải phóng dân tộc nói riêng và đặc biệt là sức mạnh tổng hợp của quân và dân Việt-nam anh hùng. Họ cho rằng sự bất lực của sức mạnh quân sự Hoa-kỳ trước Điện-biên-phủ bắt nguồn từ tính cứng nhắc của chiến lược « trả đũa ồ ạt », và cơ cấu tổ chức lực lượng không thích hợp của quân đội Mỹ do lệch lạc trong việc xác định đối tượng tác chiến vốn hầu như nghiêng hẳn đối đầu với Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa mà chưa coi trọng đúng mức phong trào giải phóng dân tộc. Họ đổ trách nhiệm lên cái chiến lược quân sự « trả đũa ồ ạt » của chính quyền Ai-xen-hao và đưa ra chiến lược mới « phản ứng linh hoạt », xem đây là phép màu để giành lại quyền chủ động chiến lược trên phạm vi toàn cầu. Từ đấy về sau, từ Ken-nơ-đi đến Ri-gân, tuy tên của chiến lược quân sự Mỹ được thay đổi, nhưng nền tảng cơ bản của nó vẫn được duy trì liên tục. Đấy là mục tiêu sen đầm quốc tế của Hoa-kỳ nhằm « răn đe và ngăn chặn » ba dòng thác cách mạng, coi trọng đồng thời cả hai đối tượng tác chiến là Liên-xô cùng hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc, vừa tích cực chuẩn bị tiến hành chiến tranh hạt nhân vừa xem « chiến tranh chống nổi dậy » là « thực tế trước mắt »; trên cơ sở những dữ kiện đó, chú trọng tăng cường cả lực lượng hạt nhân chiến lược lẫn lực lượng trang bị vũ khí quy ước tức vũ khí thông thường.

Như vậy, Oa-sinh-tơn lùi một bước trước Điện-biên-phủ để chuẩn bị tiến trở lại vài bước. Sau đó, Việt-nam lại được đế quốc Mỹ xem như là trường thử nghiệm của các chiến lược quân sự mới của Mỹ, từ « phản ứng linh hoạt » dưới thời Ken-nơ-đi, Giôn-xơn đến « răn đe thực tế » dưới thời Nich-xơn, Pho. Lần này, một số phương án dự kiến vào thời điểm chiến dịch Điện-biên-phủ được đưa ra thực hiện với quy mô to lớn và phương tiện sử dụng hiện đại, dồi dào hơn nhiều. Không phải chỉ 8 sư đoàn lục quân và 35 tiểu đoàn công binh trợ lực như Giêm Ga-vin trù tính hồi năm 1954, mà là 525 000 quân chính quy Mỹ đã có mặt tại miền Nam Việt-nam vào năm 1968. Thế nhưng, lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, một đạo quân viễn chinh Mỹ đông đảo, hùng hậu bị đánh bại trên chiến trường tại miền Nam Việt-nam. Không phải chỉ 60 chiếc B. 29 tại riêng sân bay Clác (Phi-lip-pin) theo dự kiến trong « kế hoạch diều hâu », mà Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mỹ đã sử dụng đến khoảng 200 siêu pháo đài bay B. 52 cất cánh từ đảo O-ki-na-oa và cả từ sân bay U-ta-pao (Thái-lan) để tiến hành hàng loạt chiến dịch ném bom kéo dài xuống lãnh thổ Việt-nam, mà đỉnh cao là chiến dịch « Lai-nơ-bếch-cơ II » đánh vào khu vực Hà nội, Hải-phòng trong những ngày cuối năm 1972. Thế nhưng, từ nấc thang chiến tranh cao nhất này, Nich-xơn đã ngã đau nhất với một « Điện-biên-phủ trên không » tại miền Bắc Việt-nam.

Chỉ còn sót lại phương án ném bom hạt nhân xuống miền Bắc Việt-nam. Phương án này đã có lần được đặt trên mặt bàn làm việc của Nich-xơn. Tuy nhiên, tên tổng thống Mỹ bị nhân dân Mỹ gọi là « đao phủ », « Hít-le thời nay », « tội phạm chiến tranh »

Digitized by Google

này cũng đã phải chùn bước như tiền bối của hắn là Ai-xen-hao.

Mọi lá bài, mọi biện pháp, thủ đoạn cần thiết đã được thi thố hết. « 36 chước, chước chạy là hay nhất ». Đại sứ Mỹ Mác-tin và bọn cố vấn Mỹ đã chọn con đường di tản vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Đòn Điện-biên-phủ trên thực tế là đòn mở đầu quá trình dẫn đến Đại thắng mùa xuân 1975 của quân và dân Việt-nam kết thúc số phận chủ nghĩa thực dân mới Mỹ tại miền Nam Việt-nam. Đây cũng là một đòn nặng nề giáng xuống chủ nghĩa thực dân mới Mỹ trên toàn thế giới.

Từ hai cột mốc Điện-biên-phủ 1954 và Đại thắng mùa xuân 1975, những vết rạn nứt đầu tiên trong chiến lược Mỹ « trả đũa ồ ạt » cứ theo những thất bại của Mỹ tại Việt-nam và nhiều nơi khác trên thế giới toác rộng dần trong các chiến lược Mỹ sau đó như « phản ứng linh hoạt » trong thập kỷ 60, « răn đe thực tế » trong thập kỷ 70 và « đối đầu trực tiếp » trong những năm đầu thập kỷ 80 này.

Chính « mặc cảm Điện-biên-phủ », « mặc cảm Sài-gòn tháng 4-1975 », « hội chứng Việt-nam » nói chung đã là mối « ám ảnh triền miên » đối với các quan chức Nhà trắng và Lầu năm góc khi chúng mon men muốn đưa lực lượng quân sự Mỹ can thiệp vào I-ran, Ê-ti-ô-pi-a, Ăng-gô-la trước đây và Ni-ca-ra-goa, En Xan-va-đo ngày nay.

Khi những thế lực phản động tay sai Mỹ cầm quyền tại những nước nói trên đứng trước nguy cơ sụp đổ thì trong giới cầm quyền Oa-sinh-tơn lại diễn ra những cuộc tranh cãi gay gắt về phương án cứu vớt chúng. Các quan chức tại Nhà trắng và Lầu năm góc lại luẩn quẩn xoay quanh các phương án đã được đề xuất vào thời điểm chiến dịch Điện-biên-phủ và được đem ra thực hiện trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của Mỹ.

Rốt cuộc, vốn đang tiếp tục bị « hội chứng Việt-nam » dày vò hành hạ, những cái đầu nóng nhất tại Nhà trắng và Lầu năm góc vẫn phải chịu nguội lại chưa dám vượt quá giới hạn can thiệp gián tiếp.

Bước vào những tháng cuối năm 1983 và đầu năm 1984, tổng thống Mỹ Ri-gân hướng về mục tiêu đưa nước Mỹ bước sang thời kỳ « sau của « sau Việt-nam » », đã đưa quân đội Mỹ xâm lược hòn đảo nhỏ bé Grê-na-đa ở vùng biển Ca-ri-bê ngay sát bờ biển phía tây nước Mỹ và đưa 1500 lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ lên Li-băng. Giới chiến lược Mỹ có lúc hi hửng cho rằng đã tìm ra được tia sáng le lói ở cuối đường hầm bế tắc chiến lược Mỹ. Thế nhưng, tại Grê-na-đa, Mỹ đã bị « sa lầy chính trị » sau khi vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của quân đội nước này vốn chỉ có khoảng một tiểu đoàn. Tại Li-băng, vào những ngày cuối tháng 2-1984, Ri-gân đã phải ra lệnh cho rút 1500 lính thủy đánh bộ Mỹ trở về các tàu chiến của Hạm đội 6 Địa-trung-hải. Báo chí phương Tây gọi đây là một cuộc « tháo chạy » thảm hại. Thế là cái tia sáng le lói thật ra chỉ là ảo ảnh.

Từ tháng 5-1954 đến tháng 5-1984, 30 năm đã trôi qua. Thế nhưng « dấu ấn Điện-biên-phủ » vẫn hằn rõ nét trên chiến lược quân sự Mỹ, « tiếng kèn đồng xung trận » Mỹ vẫn ấp úng, ngập ngừng không bao giờ lấy lại được giọng điệu dõng dạc của những năm cuối thập kỷ 40 đầu thập kỷ 50. Với giới chiến lược quân sự Mỹ, « chấn thương Điện-biên-phủ », là « chấn thương gián tiếp », nhưng để lại di chứng kéo dài nhiều thập kỷ.

« Sự kiện Điện-biên-phủ » đã làm lộ rõ những nhược điểm cơ bản của sức mạnh quân sự Mỹ, chiến lược quân sự Mỹ, của chính chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang trong giai đoạn suy tàn. « Sự kiện Điện-biên-phủ » cũng

Digitized by Google

báo hiệu sự tiến công vũ bão của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, với chỗ dựa vững chắc là Liên-xô, trụ cột của hòa bình thế giới, và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sự phát triển mạnh mẽ và rộng khắp của phong trào giải phóng dân tộc, so sánh lực lượng mới trên thế giới đang ngày càng nghiêng về phía có lợi cho các lực lượng cách mạng, dân chủ và tiến bộ.

Giới cầm quyền Mỹ đã nhận thấy tác động và ảnh hưởng của « sự kiện Điện-biên-phủ » đối với chiến lược quân sự Mỹ, nhưng họ chỉ nhìn thấy hiện tượng, không hiểu được bản chất của sự kiện. Ngoan cố theo đuổi tham vọng « sen đầm quốc tế », bất chấp bối cảnh thời đại và so sánh lực lượng mới trên thế giới, các chính quyền Oa-sinh-tơn kế tiếp nhau trong 30 năm qua chỉ lao vào những cuộc chạy đua vũ trang lấy việc tăng cường và đổi mới các hệ thống vũ khí làm biện pháp chủ yếu nhằm giành lại « ưu thế quân sự » về phía Mỹ. Đây cũng là nền tảng trên đó họ xây dập chiến lược quân sự mới này đến chiến lược quân sự mới khác.

Mỉa mai thay những cái đầu nóng tại Nhà trắng và Lầu năm góc, « tiếng kèn đồng xung trận » Mỹ trong những tháng đầu năm 1984 này vẫn tiếp tục « ấp úng, ngập ngừng » tại Li-băng và cả tại En Xan-va-đo, những nước nhỏ mà bàn tay sắt của Oa-sinh-tơn tưởng chừng có thể bóp vụn trong giây lát. Trên mặt bàn làm việc của tổng thống Mỹ Ri-gân lại vẫn nằm trơ đó ba phương án hành động tương tự như ba phương án can thiệp vào thời điểm chiến dịch Điện-biên-phủ. Trước mắt chính quyền Oa-sinh-tơn vẫn là một đường hầm chiến lược đen kịt, chưa thấy le lói chút ánh sáng nào ở cuối đường hầm.

Bài học Điện-biên-phủ vẫn nóng hổi để cho Ri-gân suy ngẫm.

Điện - biên - phủ...

(Tiếp theo trang 30)

Những bài học thắng lợi ở Điện-biên-phủ đã được phát triển lên trình độ cao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, dẫn đến thắng lợi oanh liệt mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bài học Điện-biên-phủ và bài học mùa Xuân năm 1975 lại góp phần làm nên chiến công đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của bọn bành trướng, bá quyền Trung-quốc năm 1979. Tất cả những bài học thắng lợi của ba thời điểm rực rỡ 1954,1975 và 1979 là những nhân tố cấu thành khoa học và nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam hiện đại.

Digitized by Google

Lê-nin nói về Việt-nam và Đông-dương

Lời Bộ biên tập – *Trong một số tác phẩm của Người, V. I. Lê-nin có nói đến Việt-nam và Đông-dương. Để giúp bạn đọc nghiên cứu, chúng tôi xin trích đăng một số đoạn văn trong các tác phẩm của V. I. Lê-nin có nói đến Việt-nam và Đông-dương. Các đoạn văn này do phó tiến sĩ sử học Chương-Thâu sưu tầm và giới thiệu.*

★

Từ năm 1908, trong một bài báo nhan đề « Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới » đăng trên tờ báo *Người vô sản* số 33, ngày 23-7 (tức 5-8-1908), nhân bàn về phong trào cách mạng ở nhiều nước châu Âu và châu Á phát triển mạnh mẽ và sự phản ứng điên cuồng của bè lũ đế quốc thuộc địa phương Tây, khi đề cập đến tình hình ở Đông-dương, V.I. Lê-nin đã viết :

« Cứ *xem thái độ của bọn Pháp ở Đông-dương* thì cũng thấy rằng lần này một số tên tham gia cướp bóc thuộc địa đã cảm thấy không yên lòng : chúng *đã giúp đỡ* các « chính quyền lịch sử » ở Trung-quốc trấn áp những người cách mạng ! Chúng cũng run sợ cho sự toàn vẹn của những thuộc địa châu Á « của chúng » ở cạnh Trung-quốc ».

(V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, tập 17, trang 217.

★

Mùa xuân năm 1916, khi viết tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, V.I. Lê-nin đã dành nhiều trang để tranh luận với Cau-xky, (một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ xã hội Đức và của Quốc tế II, về sau đã trở thành kẻ phản bội chủ nghĩa Mác) trong đó có đoạn liên quan đến tình hình ở xứ thuộc địa Đông-dương, như sau :

Digitized by Google

« Quả vậy, chỉ cần đối chiếu cho thật rõ ràng những sự thật mà ai cũng biết và không thể chối cãi được, cũng đủ thấy rõ rằng những viễn cảnh mà Cau-xky cố sức làm cho công nhân Đức (và công nhân tất cả các nước) tin, là hư ảo đến chừng nào. *Ta hãy xét Ấn-độ, Đông-dương và Trung-quốc.* Người ta biết rằng ba xứ thuộc địa và nửa thuộc địa đó, mà tổng số dân cư có từ 6 đến 7 trăm triệu người, đều bị tư bản tài chính của vài cường quốc đế quốc chủ nghĩa : Anh, Pháp, Nhật, Mỹ, v v., bóc lột. Cứ cho là các nước đế quốc chủ nghĩa này thành lập những liên minh chống lại nhau để bảo vệ hoặc mở rộng những thuộc địa của mình, những lợi ích và « khu vực ảnh hưởng » của mình trong các nước châu Á kể trên. Đó sẽ là những liên minh « liên đế quốc chủ nghĩa » hay « đế quốc chủ nghĩa cực đoan ».

(V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 27, trang 528).

★

Tháng bảy năm 1916, trong bài báo nhan đề « Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết » mà sau đó in trong *Văn tập « Người dân chủ xã hội »* số 1, tháng mười 1916, ký tên : N. Lê-nin, ở đoạn bàn về phong trào đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, có nhấn mạnh :

« Đứng về phương diện phong trào của các dân tộc bị áp bức mà xét thì khủng hoảng làm lộ ra cái gì ? Ở các thuộc địa, làm lộ ra một số mưu đồ khởi nghĩa mà dĩ nhiên là các nước đi áp bức đã cố gắng — với sự hỗ trợ của cơ quan kiểm duyệt quân sự — tìm đủ mọi cách để bưng bít đi. Tuy nhiên, người ta vẫn biết rằng người Anh đã khủng bố một cách dã man một cuộc binh biến của quân đội người Ấn-độ của chúng ở Xanh-ga-po ; *rằng đã có những mưu đồ khởi nghĩa ở An-nam thuộc Pháp* (xem « Lời nói của chúng ta ») và ở Ca-mơ-run thuộc Đức (xem cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út) ; rằng ở châu Âu một mặt đã có cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len, mà người Anh « yêu chuộng tự do » không dám thi hành chế độ quân dịch chung đối với người Ai-rơ-len, đã dùng đến án tử hình để lập lại an ninh ở đó ; mặt khác, chính phủ Áo đã kết án tử hình những đại biểu Xây-mơ Tséc « vì tội phản bội » và cũng vì « tội » ấy đã xử bắn cả từng trung đoàn người Tséc ».

(V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến-bộ, Mát-xcơ-va, 1981, tập 30, trang 66 – 67)

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN Ở TỈNH QUẢNG-NAM — ĐÀ-NẴNG

PHẠM - ĐỨC - NAM

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng-nam — Đà-nẵng

NGHỊ quyết Đại hội thứ IV của Đảng, chỉ thị 33 của Bộ chính trị, Nghị quyết 33/CP của Hội đồng Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết tiếp theo của Hội đồng bộ trưởng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đã chỉ rõ vai trò, vị trí của cấp huyện « là địa bàn tổ chức lại sản xuất; tổ chức và phân công lại lao động một cách hợp lý; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp; sản xuất với phân phối lưu thông; cải tạo quan hệ sản xuất gắn liền với phát triển sản xuất; kết hợp kinh tế với quốc phòng; xây dựng huyện thành một cấp quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách, một cấp quản lý sản xuất, quản lý lưu thông, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân »... Từ nhận thức đó và xuất phát từ một nền kinh tế cá thể, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có gì, trong việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở Quảng-nam — Đà-nẵng, chúng tôi tiến hành cùng một lúc cả *xây dựng lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới* từ cơ sở và trên địa bàn huyện.

Chúng tôi đã sớm tiến hành công tác quy hoạch phân vùng kinh tế trên địa bàn từng huyện và toàn tỉnh. Để chỉ đạo công tác xây dựng huyện và quy hoạch, Tỉnh đã chọn huyện Duy-xuyên làm điểm, làm trước một bước. Sau đó một năm, chúng tôi tổng kết rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó, mở rộng ra các huyện khác và đến cuối năm 1979 đã hoàn thành quy hoạch tổng thể của 13 huyện, thị và quy hoạch tổng thể của tỉnh. Nhìn chung, quy hoạch tổng thể của các huyện và tỉnh cơ bản là đúng. Trên cơ sở quy hoạch, chúng tôi đã xây dựng kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa trên địa bàn

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 2-1984.

Digitized by Google

từng huyện và toàn tỉnh. Các huyện đã bám vào quy hoạch, dựa vào tiềm năng và thế mạnh của mình để tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tương đối toàn diện với tốc độ phát triển cao, nhất là sản xuất nông nghiệp, nhiều huyện đã hình thành trên địa bàn huyện cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp tương đối rõ.

Trong 7 năm qua, tỉnh chúng tôi đã dồn sức vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ trên địa bàn huyện với phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm, tỉnh và huyện cùng làm »...

Toàn tỉnh đã tập trung sức tranh thủ thời gian xây dựng công trình thủy lợi lớn Phú-ninh và phát triển hệ thống trung, tiểu thủy nông đều khắp ở các huyện, đưa công tác thủy lợi đi trước một bước, tạo điều kiện cho hợp tác hóa, từng bước cơ giới hóa và ứng dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn trong thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng. Đến nay các huyện đồng bằng đã căn bản làm xong thủy lợi (chỉ còn hoàn chỉnh thủy nông phục vụ tiêu nước chống úng ở một số vùng). Trong hơn 7 năm, toàn tỉnh đã xây dựng được 42 hồ chứa lớn, vừa và nhỏ, trong đó hồ chứa Phú-ninh có công suất tưới 23 000 héc ta, nay đã tưới được 17 000 héc ta, 23 trạm bơm điện với 195 máy loại 1000 m^3/giờ tưới 15000 héc ta, 122 đập dâng, dập ngăn mặn, cống tiêu, gần 2 400 máy bơm các loại, 20 bờ xe gió, 135 đập thời vụ tưới 16 000 héc ta canh tác. Tổng diện tích canh tác được tưới đến nay là gần 50 000 héc ta; nếu tính theo diện tích gieo trồng thì diện tích được tưới từ 56 000 héc ta năm 1976 đã tăng lên 120 000 héc ta năm 1982. Tổng số vốn đầu tư cho thủy lợi là 201,5 triệu đồng, trong đó vốn trung ương đầu tư cho Phú-ninh là 125 triệu, vốn địa phương là 59 triệu, còn dân bỏ ra 18 triệu đồng và 31 triệu ngày công. Kết hợp với xây dựng công trình thủy lợi, tỉnh đã xây dựng 3 trạm thủy điện nhỏ tại Vĩnh-trinh, Hòa-trung và Phú-ninh, trong đó trạm thủy điện Phú-ninh có công suất 2 000 kW. Đặc biệt hợp tác xã Duy-sơn 2 (Duy-xuyên) đã huy động vốn của hợp tác xã và xã viên được 6 triệu đồng xây dựng trạm thủy điện có công suất 540 kW và đã hoàn thành vào cuối tháng 12-1983. Hợp tác xã Đại-quang (Đại-lộc) huy động 11 triệu đồng để xây dựng trạm thủy điện của hợp tác xã. Huyện Tam-kỳ sắm 48 bộ lưới vây rút chì với số vốn 50 triệu đồng, chỉ vay của Nhà nước 7 triệu, số còn lại huy động xã viên và ngư dân đóng góp.

Đi đôi với thủy lợi hóa, tỉnh có chủ trương từng bước trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp, hình thành các trạm máy kéo trên từng huyện, phục vụ khai hoang vỡ hóa, làm đất, dần dần đưa máy kéo lớn về cho hợp tác xã quản lý; xây dựng 67 cơ sở cơ khí sửa chữa phục vụ nông nghiệp, hình thành hệ thống cơ khí trên địa bàn huyện; xây dựng các trạm trại như trại giống cây, con, trạm bảo vệ thực vật, trạm vật tư nông nghiệp, trạm quản lý thủy nông, cơ sở chế biến thức ăn gia súc..., hình thành trên địa bàn huyện các cụm kinh tế kỹ thuật phục vụ sản xuất.

Tỉnh đã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở đồng bằng và trung du vào tháng 10-1979; ở miền núi chưa tiến hành hợp tác hóa. Hiện nay toàn tỉnh có 254 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp với 106 036 héc ta đất canh tác (chiếm 92,2% diện tích canh tác), thu hút 181 082 hộ nông dân (chiếm 96,8% số hộ), 919 817 nhân khẩu nông nghiệp (chiếm 96,6% số người ở nông thôn).

Ngay từ đầu, để giúp cho các hợp tác xã có điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh, ngoài các khoản đầu tư khác cho nông nghiệp, tỉnh còn đầu tư không phải hoàn lại cho

Digitized by Google

các hợp tác xã nông nghiệp hàng chục triệu đồng bằng hình thức cấp hiện vật trực tiếp ($10m^3$ gỗ, 100 tấn vôi, xi măng, gạch, ngói...) để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu, đồng thời đề ra nhiều chính sách cụ thể như chính sách về trả hoa lợi ruộng đất, tập thể hóa trâu bò cày kéo, nông cụ, về giá mua phân bón, về khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, tạm thời cho xã viên mượn đất màu sản xuất theo quy hoạch hợp tác xã... Nhờ đó sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển, đời sống nông dân được cải thiện, sản phẩm đóng góp theo nghĩa vụ cho Nhà nước mỗi năm một tăng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, các công trình phúc lợi như trường học, bệnh xá, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, hệ thống truyền thanh v.v. được xây dựng ở từng xã, hợp tác xã; bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới. Từ sau khi có chỉ thị 100 của Ban bí thư, địa phương đã nghiên cứu, thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động có kết quả. Qua hai năm thực hiện cơ chế quản lý mới, phong trào hợp tác hóa được củng cố thêm một bước, số hợp tác xã yếu kém giảm dần, nhiều hợp tác xã vươn lên thực hiện yêu cầu gắn kế hoạch với tổ chức quản lý, tăng cường cơ sở vật chất của hợp tác xã, bảo đảm đời sống xã viên, phát huy tính tích cực của xã viên trong sản xuất.

Trên cơ sở thực hiện thủy lợi hóa và hợp tác hóa, tỉnh chúng tôi đã đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng. Toàn tỉnh đã thay đổi hệ thống giống lúa cũ bằng hệ thống giống lúa mới ngắn ngày có năng suất cao, từ đó mà bố trí lại cơ cấu mùa vụ, tăng thêm vụ lúa xuân hè trên diện tích rộng (từ 5 000 héc ta năm 1976 lên 20 000 héc ta năm 1983), biến vụ xuân — hè thành vụ sản xuất chính ổn định, có năng suất cao nhất so với 2 vụ đông—xuân và hè — thu, đưa diện tích cấy 3 vụ lúa tăng lên. Nhiều hợp tác xã thành lập đội chuyên sản xuất lúa giống cấp 2 để cung cấp giống tốt cho hợp tác xã và huyện. Đàn lợn bước đầu được cải tạo, tăng cả đầu con và trọng lượng xuất chuồng. Các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như bảo đảm thời vụ cày cấy, xử lý giống, chăm bón, phòng trừ sâu bệnh, tưới tiêu nước và các quy trình kỹ thuật khác được hướng dẫn và phổ cập rộng rãi trong các xã, hợp tác xã, đội sản xuất. Nhìn chung cách mạng khoa học kỹ thuật đã quyện chặt với cách mạng quan hệ sản xuất trong nông nghiệp làm cho năng suất và sản lượng lúa toàn tỉnh hằng năm tăng với tốc độ cao. Năm 1983, toàn tỉnh đã có 130 hợp tác xã đạt năng suất từ 8 đến 20 tấn, riêng hợp tác xã Đại-phước đạt năng suất lúa 3 vụ cả năm là 21,6 tấn là ngọn cờ đầu về thâm canh lúa của tỉnh. Huyện Điện-bàn đạt năng suất bình quân toàn huyện trong năm 1983 là 11,5 tấn/ha (năm 1982: 11 tấn). Huyện Đại-lộc hai năm liền dẫn đầu toàn tỉnh về năng suất lúa: 12 tấn/ha/năm. Huyện Duy-xuyên cũng là huyện đạt năng suất trên 10 tấn/ha/năm.

Từ kết quả của phong trào hợp tác hóa, các huyện đã từng bước tiến hành việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, phát triển ngành nghề, gắn nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu, từ cơ sở và trên địa bàn huyện.

Nhiều huyện đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh như: vùng lúa cao sản, vùng cây công nghiệp, cây xuất khẩu; tổ chức các cơ sở sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và làm thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp (đã có 236 hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh ngành nghề với giá trị sản lượng 40 triệu đồng). Ở hợp tác xã Duy-phước giá trị sản phẩm các ngành nghề năm 1981 đạt 1,92 triệu

Digitized by Google

đồng, chiếm 30% giá trị tổng sản lượng, năm 1982 đạt 3,3 triệu đồng. Giá trị sản phẩm của các ngành nghề trong hợp tác xã ở huyện Điện-bàn năm 1982 đã tăng 34%, ở huyện Hòa-vang tăng 23%, ở huyện Đại-lộc tăng 20% so với năm 1980. Trong cơ cấu giá trị sản lượng của nhiều hợp tác xã trong tỉnh, ngành trồng trọt từ chỗ chiếm tuyệt đại bộ phận trong giá trị tổng sản lượng lúc mới thành lập, nay đã giảm xuống còn trên 70%, có huyện chỉ còn 65% (Hòa-vang, Điện-bàn, Duy-xuyên); chăn nuôi và các ngành nghề khác tăng lên đáng kể, lao động ngành trồng trọt từ chỗ chiếm tuyệt đại bộ phận lao động trong hợp tác xã nay đã giảm xuống còn 76%. Ở các hợp tác xã tiên tiến, lao động trồng trọt chỉ chiếm 65%... Nhờ đó, nhiều huyện đã hình thành cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp (hoặc nông — lâm — công nghiệp) tương đối vững chắc. Năm 1982 đã có 6 huyện được tỉnh công nhận là huyện nông — công nghiệp phát triển nhanh, đặc biệt 2 huyện Điện-bàn, Hòa-vang được xem là mô hình huyện nông — công nghiệp của tỉnh.

Để tạo điều kiện cho huyện chủ động thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch kinh tế — xã hội của mình, tỉnh đã có chủ trương bước đầu tiến hành phân cấp quản lý cho huyện, trong đó ngành tài chính đã hoàn thành việc phân cấp quản lý ngân sách cho huyện tương đối sớm; việc này có tác dụng thiết thực đối với việc khai thác và đẩy mạnh thu ngân sách, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1982 có 4 huyện đã cân đối được thu chi trên địa bàn huyện. Công ty Liên hiệp xuất nhập khẩu tỉnh đã tiến hành phân cấp toàn diện cho các huyện, lập công ty xuất khẩu huyện do Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp quản lý, cấp vốn và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho huyện, hướng dẫn huyện tổ chức sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu, gửi hàng xuất để nhập vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất và đời sống, v.v

Muốn xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện vững mạnh, ngoài các yêu cầu nêu trên, vấn đề có tính quyết định là phải xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh, lấy xây dựng Đảng làm trung tâm, gắn xây dựng cơ sở với xây dựng huyện. Có xây dựng cơ sở mạnh mới có điều kiện xây dựng huyện vững mạnh và ngược lại, huyện có mạnh mới đủ sức chỉ đạo, giúp đỡ xây dựng cơ sở. Từ quan điểm đó, trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 1980 trở lại đây, tỉnh chúng tôi đã có nhiều chủ trương và kế hoạch tiến hành xây dựng, củng cố tổ chức Đảng ở cơ sở đi đôi với xây dựng đảng bộ huyện. Tỉnh đã lấy năm 1980 và năm 1981 làm 2 năm xây dựng Đảng (mà trọng tâm là xây dựng Đảng ở cơ sở) bằng nhiều biện pháp như đẩy mạnh công tác tư tưởng và tổ chức, tiến hành công tác phát thẻ đảng viên; phát triển Đảng, củng cố các cấp ủy Đảng từ cơ sở đến tỉnh, tiến hành quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, phát động phong trào đồng khởi thi đua xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước ở địa phương. Phấn đấu theo phương châm « tự lực tự cường », dựa vào sức mình là chính, có sự đầu tư giúp đỡ của tỉnh một cách đúng mức, có trọng điểm và kịp thời, đến nay, nhiều cơ sở được củng cố và tăng cường thêm một bước, số cơ sở yếu kém giảm đi rõ rệt. Từ 25% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém trong năm 1980, nay chỉ còn 8%; số tổ chức cơ sở vững mạnh năm 1980 là 17,6%, năm 1983 tăng lên 34,4%. Nhiều đảng bộ huyện được công nhận là đảng bộ huyện vững mạnh.

Trong những năm qua, tỉnh chúng tôi đã nhận thức rõ vai trò, vị trí của cấp huyện, đặt vấn đề xây dựng

Digitized by Google

huyện và tăng cường cấp huyện tương đối đúng mức, có nhiều chủ trương biện pháp và bước đi thích hợp, chỉ đạo tương đối chặt và đồng bộ. Cho đến nay, mặc dù giữa các huyện còn có sự chênh lệch ở mặt này mặt khác, còn có những mặt yếu kém nhất định, song nhìn chung tất cả các huyện trong tỉnh đều có sự vươn lên, cấp huyện đã từng bước được củng cố và tăng cường, đảm nhận được nhiệm vụ lãnh đạo quản lý kinh tế, quản lý xã hội, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, chăm lo công tác an ninh quốc phòng, tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ.

★

Bên cạnh những kết quả và tiến bộ bước đầu như đã nói trên, trong quá trình thực hiện xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, chúng tôi còn có nhiều thiếu sót đòi hỏi phải có nhiều cố gắng khắc phục mới bảo đảm cho huyện phát triển vững mạnh.

Tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề, các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có... chưa được khai thác và phát huy đúng mức. Tổ chức sản xuất và tổ chức chế biến chưa gắn với nhau. Quản lý đất đai còn lỏng lẻo. Xây dựng vùng đất cát và vùng núi còn nhiều thiếu sót. Ở một vài huyện sản xuất phát triển chậm, có mặt còn trì trệ, sút kém (cây công nghiệp, cây màu, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp). Trong việc thực hiện những mục tiêu chủ yếu về lương thực thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, có huyện đạt chỉ tiêu còn thấp. Các huyện miền núi đang có nhiều khó khăn, sản xuất chưa phát triển mạnh.

Phong trào ở cơ sở chưa đồng đều. Bên cạnh những cơ sở và đơn vị sản xuất tiên tiến phát huy được tác dụng là ngọn cờ đầu của tỉnh, của huyện, trong mỗi huyện còn một số đơn vị sản xuất và cơ sở yếu kém. Nhiều đơn vị kinh doanh dịch vụ chưa được kiện toàn. Những vướng mắc giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện còn nhiều mặt chưa được giải quyết.

Một vấn đề nổi lên là phân cấp quản lý, phân giao cơ sở từ trung ương cho tỉnh, từ tỉnh cho huyện chưa đồng bộ, kịp thời (đối với những đơn vị đã tiến hành phân cấp thì cũng còn nhiều vấn đề chưa hợp lý). Việc tổ chức sản xuất, kinh doanh và những chính sách cụ thể đi kèm (nhất là những chính sách cụ thể thuộc lĩnh vực phân phối lưu thông, như vốn, lợi nhuận, giá cả, quỹ hàng hóa v.v.) chưa được giải quyết cụ thể và toàn diện, làm hạn chế việc sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị và các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện, chưa tạo điều kiện để cấp huyện thật sự chủ động giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình. Các mối quan hệ giữa huyện với tỉnh và ngành kinh tế kỹ thuật chưa ăn khớp, chưa được xác định cụ thể từ vị trí, tính chất của địa bàn huyện và cấp huyện đã khác trước, chưa đồng bộ và chưa được kết hợp từ dưới lên, từ trên xuống...

Khó khăn lớn nhất hiện nay, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất, làm hạn chế kết quả xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là tổ chức bộ máy. Đội ngũ cán bộ cấp huyện và cơ sở còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt. Một số cấp ủy huyện tuy có được kiện toàn qua đại hội đợt 2 nhưng chưa thật mạnh, năng lực lãnh đạo và tổ chức điều hành còn yếu. Bộ máy của chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế ở cấp huyện chưa được củng cố

Digitized by Google

vững mạnh. Tổ chức Đảng ở cơ sở (xã, hợp tác xã, cửa hàng, trạm trại v.v.) còn yếu, diện cơ sở yếu kém còn nhiều, số đảng viên đạt tiêu chuẩn tiên phong gương mẫu còn ít, năng lực hạn chế. Cơ cấu đội ngũ cán bộ chưa được quy hoạch toàn diện, chưa được bố trí, sắp xếp, đào tạo bổ sung theo chức năng nhiệm vụ mới và loại hình cơ cấu kinh tế của huyện. Trình độ quản lý kỹ thuật nghiệp vụ của cán bộ nhiều huyện còn yếu, một đôi nơi còn có những biểu hiện lệch lạc trong việc chấp hành các nguyên tắc chế độ quản lý kinh tế, tài chính. Đặc biệt, bộ máy các huyện miền núi còn quá yếu, không đảm đương nổi nhiệm vụ.

Quan điểm, nhận thức về vai trò, vị trí cấp huyện, nhiệm vụ xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện của một số ngành ở tỉnh chưa chuyển biến mạnh. Sự lãnh đạo chỉ đạo xây dựng huyện chưa chặt chẽ và đồng bộ v.v.

Năm 1984, tỉnh chúng tôi tập trung sức đẩy mạnh việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, coi đây là một chủ trương có tính chất chiến lược của Đảng, là một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhằm thúc đẩy sự lớn mạnh của các ngành, các địa phương và toàn bộ nền kinh tế, góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức, toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh đã đề ra. Chúng tôi lấy yêu cầu xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, gắn với xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh làm cốt lõi, làm hạt nhân và động lực thúc đẩy việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Mục tiêu phấn đấu của tỉnh chúng tôi là đến cuối năm 1984 tất cả các huyện đều có bước phát triển mới, toàn diện, không còn huyện yếu kém đề đến cuối năm 1985 có 50% số huyện (6—7 huyện) làm ăn giỏi trở thành những huyện vững mạnh.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong năm 1984, tỉnh sẽ tập trung cán bộ hướng dẫn giúp đỡ các huyện còn lại hoàn thành việc rà xét bổ sung quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành trên địa bàn huyện. Ngoài việc thực hiện mục tiêu chung của tỉnh về lương thực, thực phẩm, các huyện tập trung khai thác các thế mạnh của mình, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra ngày càng nhiều nông sản hàng hóa. Sau khi hoàn thành việc bổ sung quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành ở huyện, sẽ tiếp tục hướng dẫn các huyện chỉ đạo việc lập quy hoạch của các cơ sở sản xuất.

Tỉnh hướng dẫn các huyện lập kế hoạch 1984, xây dựng mục tiêu của năm 1985 và điều hành chặt chẽ việc triển khai thực hiện kế hoạch trong từng tháng, từng quý. Cố gắng đổi mới việc xây dựng kế hoạch ở huyện theo tinh thần dân chủ hóa kế hoạch, phát huy đầy đủ quyền tự chịu trách nhiệm và tính chủ động của huyện và cơ sở. Kế hoạch của huyện phải được xây dựng và tổng hợp từ cơ sở lên (từ đội sản xuất, hợp tác xã, trạm, trại). Huyện cố gắng tự giải quyết các mặt cân đối cho sản xuất và đời sống từ 4 nguồn vật tư: vật tư của huyện tự có; vật tư do hợp tác, liên kết kinh tế với các địa phương khác mà có; vật tư do xuất khẩu và nhập khẩu được; vật tư do cấp trên cung cấp.

Tỉnh còn tiếp tục hướng dẫn các huyện làm tốt việc củng cố hợp tác xã, tổ chức lại lực lượng sản xuất của huyện và cơ sở theo hướng kinh doanh tổng hợp, gắn nông nghiệp với công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp với nghề rừng, nghề biển, sản xuất với phân phối lưu thông, thực hiện sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữa các huyện trong tỉnh, giữa huyện với các ngành trung ương và

Digitized by Google

các tỉnh bạn v.v. xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của từng ngành trên địa bàn huyện, hình thành và củng cố các cụm kinh tế kỹ thuật ở từng vùng phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống.

Nghiên cứu giải quyết các vấn đề vướng mắc về chính sách, nhất là các chính sách về phân phối lưu thông. Trước mắt, nghiên cứu giải quyết một số vấn đề về vốn, lợi nhuận, các loại quỹ... giúp cho các công ty thương nghiệp, công ty lương thực của huyện đi vào hoạt động có hiệu quả. Tiến hành từng bước vững chắc việc phân cấp quản lý, phân giao cơ sở của tỉnh cho huyện và giúp đỡ huyện quản lý tốt các cơ sở được giao.

Tỉnh chúng tôi sẽ triển khai thực hiện đồng bộ chỉ thị 24 của Ban bí thư Trung ương Đảng về xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, tập trung sức giúp các huyện củng cố tổ chức Đảng ở cơ sở, quy hoạch và đào tạo cán bộ, củng cố tổ chức bộ máy ở cấp huyện, nâng cao chất lượng lãnh đạo và chỉ đạo của huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, bảo đảm yêu cầu xây dựng huyện vững mạnh.

XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG — LÂM — CÔNG NGHIỆP

LƯƠNG - DUY - ÁNH
Bí thư Huyện ủy Diên-khánh

DIÊN-KHÁNH là một huyện thuộc tỉnh Phú-khánh có 167 270 héc ta đất tự nhiên, trong có đất lâm nghiệp chiếm 117 000 héc ta, đất nông nghiệp chỉ có 10 585 héc ta và đất có khả năng về nông — lâm nghiệp còn 25 480 héc ta. Cả huyện có 112 172 dân (trong đó có 12 000 người thuộc các dân tộc thiểu số) với 51 851 lao động.

I — Sự phát triển kinh tế nông — lâm — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Về *sản xuất nông nghiệp*, chỉ 1 năm sau ngày giải phóng, việc hợp tác hóa nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành ở 20 xã với sự ra đời của 24 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Đi đôi với hợp tác hóa, thủy lợi hóa được chú trọng đúng mức. Hai mươi trạm bơm điện, 2 trạm bơm dầu, 5 hồ chứa nước, 2 đập dâng đã được xây dựng thêm, bảo đảm tưới trên 90% diện tích lúa. Mười bảy trong số 26 xã có công trình điện hạ thế phục vụ sản xuất nông — công nghiệp. Huyện đã xây dựng được 2 trạm thủy điện nhỏ 12 kW, có hệ thống thú y từ huyện đến tận cơ sở.

Digitized by Google

Ngoài việc thâm canh tăng vụ, trong các năm qua, huyện đã tổ chức, hướng dẫn khai hoang thành lập 3 xã mới và 2 điểm kinh tế mới, 6 xã đông dân có cơ sở 2 rộng hàng trăm héc ta trồng màu, cây công nghiệp xuất khẩu và chăn nuôi bò đàn. Ở các vùng này sự kết hợp nông — lâm nghiệp ngày càng được chú ý, như ở xã Diên-xuân, ngoài việc trồng sắn, nhân dân còn trồng hàng chục héc ta mía, gần 300 héc ta đào lộn hột trên các vườn đồi kết hợp nông — lâm.

Đối với 6 xã miền núi, căn cứ địa của cách mạng trong hai cuộc kháng chiến, qua định canh định cư, đời sống của bà con các dân tộc thiểu số đã được ổn định và từng bước cải thiện. Từ năm 1980 các xã miền núi đã có thừa lương thực bán cho Nhà nước. Nạn phá rừng làm rẫy được hạn chế dần; việc xây dựng ruộng lúa nước và khai hoang phục hóa các diện tích đất bằng phẳng để sản xuất lương thực được chú trọng. Bên cạnh việc tổ chức bảo vệ và khai thác các loại nguyên liệu (như sắt, lá buôn, lồ ô), sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, đồng bào các dân tộc thiểu số bước đầu đã trồng cây đào lộn hột phủ xanh dần các diện tích đã bị phá từ trước. Vừa qua huyện tổ chức làm thử rút kinh nghiệm ở xã Khánh-phú: chỉ có 250 hộ với 1200 dân, đồng bào Khánh-phú đã trồng được trên 100 héc ta đào lộn hột và phục hóa 50 héc ta đất trồng thầu dầu xuất khẩu, đã hạn chế nạn phá rừng.

Sản xuất lâm nghiệp từ chỗ gần như không có gì, sau giải phóng đã dần dần chiếm một tỷ trọng đáng kể trong nền kinh tế của huyện. Năm 1982 giá trị sản lượng lâm nghiệp chiếm 10,3% tổng giá trị sản lượng toàn huyện.

Diên-khánh là huyện có tài nguyên rừng tương đối lớn, trữ lượng gỗ ước khoảng 8 triệu mét khối. Sản lượng gỗ tròn khai thác năm 1982 đạt 12 000 mét khối (gấp 1,5 lần so với năm 1980), lồ ô đạt 500 000 cây (gấp 3 lần năm 1980), ngoài ra hằng năm còn khai thác trên 1000 tấn lá buôn và 400 tấn sắt để sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu trong huyện, và cung cấp cho thành phố Nha-trang. Việc tổ chức khai thác đặc sản, dược liệu xuất khẩu cũng được chú ý. Chỉ tính riêng phần dành cho xuất khẩu, mỗi năm đạt trên một triệu đồng.

Việc trồng cây gây rừng phủ kín các đất trống, đồi trọc thu được một số kết quả bước đầu và có chiều hướng tăng nhanh do đưa cây đào lộn hột vào trồng đại trà trên các vườn đồi. Năm 1982 trồng 698 héc ta rừng tập trung, trong đó có 340 héc ta đào lộn hột, 10 héc ta muồng đen và trên 100 000 cây phân tán; năm 1983 trồng được khoảng 1500 héc ta đào lộn hột.

Về *công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp*, huyện trực tiếp quản lý 4 xí nghiệp quốc doanh (trong đó có 1 lâm trường khai thác gỗ), 15 tổ hợp và 10 hợp tác xã chuyên doanh.

Lực lượng quốc doanh đảm nhiệm toàn bộ việc chế biến gỗ với 2 xí nghiệp công suất 11000m^3/năm và một phần việc chế biến đường với nhà máy sản xuất đường kết tinh công suất 300 tấn/năm.

Sản xuất của các tổ hợp, hợp tác xã rất phong phú và đa dạng. Ngoài sản xuất gạch, ngói, vôi phục vụ yêu cầu xây dựng cơ bản, các đơn vị này còn làm ra nhiều mặt hàng phục vụ công nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu.

a) Nhóm cơ khí sửa chữa có khả năng đúc gang, đúc đồng (đặc biệt đúc tượng), sản xuất nông cụ cầm tay, xe cải tiến, lưỡi cày gang đủ bộ, che ép mía, chảo nấu đường, máy bơm than, máy cắt sắt, có khả năng trung tu các loại xe ô tô và máy móc nông nghiệp

Digitized by Google

b) Về hàng tiêu dùng, đã sản xuất được bột giấy, giấy in rô nê ô, bìa các tông: 1000 tấn/năm, lõi cọc sợi: 4 triệu sản phẩm/năm; lốp xe đạp và lốp xe máy: 20 000 chiếc/năm; đồ gốm: 500 000 sản phẩm/năm; đường trầm: 2 000 tấn/năm; đường kết tinh: trên 500 tấn/năm.

c) Về hàng xuất khẩu, có mành trúc nhuộm: 20 000 m^2/năm; mặt mây, chiếu lá buôn: 50 000m^2/năm.

Năm 1980 giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đạt 8,818 triệu đồng; năm 1982 đạt 13,826 triệu, và năm 1983 đạt trên 15 triệu đồng.

Ngành hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu tuy mới được tổ chức nhưng phát triển mạnh, năm sau tăng gấp 3 lần năm trước và đến năm 1983 chiếm 25% tổng giá trị hàng xuất khẩu của huyện. Ngoài 2 hợp tác xã chuyên nghiệp, đến nay đã có 8/24 hợp tác xã nông nghiệp tổ chức đội chuyên và sử dụng lao động nông nhàn làm hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu

Bộ máy phụ trách công tác xuất nhập khẩu tuy mới được thành lập và phân cấp quản lý từ tháng 10-1981 nhưng đã hoạt động, góp phần thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống. Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 5,4 triệu đồng năm 1981 lên 12 triệu đồng năm 1983. Hàng năm do xuất khẩu huyện đã nhập khẩu thêm hàng trăm tấn phân đạm, xi măng và trên 20 000 mét vải các loại phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện.

Những kết quả về phát triển kinh tế nêu trên tuy chỉ mới là bước đầu và còn thấp so với tiềm năng đất đai, rừng, lao động và các điều kiện khác, so với yêu cầu nâng cao đời sống nhân dân và đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, nhưng đã mở ra hướng đi lên xây dựng cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp huyện.

II — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo kế hoạch và quy hoạch xây dựng cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp.

Quán triệt nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông — lâm — công nghiệp nhằm khai thác đầy đủ tiềm năng của địa phương, trước hết huyện chúng tôi *ra sức phát triển mạnh nông nghiệp, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa* nhằm thực hiện tốt 3 nhiệm vụ: bảo đảm lương thực, thực phẩm cho xã hội; cung cấp nguyên liệu nông sản cho công nghiệp và tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn.

Biện pháp hàng đầu là đẩy mạnh thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích canh tác hiện có. Xây dựng cánh đồng lúa sản lượng cao với diện tích 2800 héc ta. Tổ chức khai hoang có kế hoạch, có trọng điểm các vùng đất mới để trồng màu, cây công nghiệp xuất khẩu, thực hiện sản xuất nông — lâm kết hợp trên đất đồi.

Trồng thêm 1 vụ đậu đỗ (đậu nành hoặc đậu xanh) giữa 2 vụ lúa để vừa cải tạo đất vừa có hàng xuất khẩu. Đối với ruộng 1 vụ lúa, những nơi có điều kiện làm thủy lợi sẽ đưa lên 2 vụ lúa; nơi khó khăn thì làm 1 lúa, 1 màu. Phấn đấu đến năm 1985 đạt 41 000 tấn lương thực và hình thành vùng tập trung chuyên canh mía 2000 héc ta, thầu dầu 500 héc ta, sả 500 héc ta, đậu 1000 héc ta, thuốc lá 200 héc ta, đào lộn hột 3000 héc ta, cung cấp đủ nguyên liệu cho các xí nghiệp chế biến và xuất khẩu; phấn đấu tổ chức trồng 100 héc ta bông, 100 héc ta dâu để góp phần giải quyết vấn đề mặc, bình quân đầu người 5 mét vải/năm.

Áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, nhất là về sinh học vào trồng trọt và chăn nuôi, coi đây là

Digitized by Google

một trong những nội dung cơ bản có tầm quan trọng hàng đầu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp. Trước hết là cải tạo giống, đưa giống mới vào sản xuất lúa, màu, cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tiếp tục theo dõi và chỉ đạo bố trí cây trồng theo một cơ cấu luân canh, xen canh hợp lý. Tích cực giải quyết tốt việc cung cấp giống, thức ăn, chú ý thức ăn giàu đạm, giàu sinh tố và thuốc thú y cho chăn nuôi lợn, gà. Khuyến khích các nông trường, lâm trường, hợp tác xã, gia đình xã viên, nhất là đồng bào miền núi phát triển chăn nuôi, đưa đàn lợn từ 16 000 con năm 1983 lên 23 600 con năm 1985 và đàn trâu, bò từ 8 000 con lên 12 000 năm 1985.

Song song với phát triển sản xuất, tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của các hợp tác xã, hoàn thiện công tác khoán sản phẩm, củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Phấn đấu đến năm 1985 không còn hợp tác xã yếu kém ở đồng bằng và hoàn thành việc tổ chức các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông lâm nghiệp ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trong *sản xuất lâm nghiệp* tuy bước đầu đã thực hiện giao đất giao rừng, nhưng tổ chức chỉ đạo bảo vệ, kinh doanh rừng chưa cụ thể. Chưa phân bố được lao động cho nghề rừng trong từng hợp tác xã cũng như trên địa bàn huyện, cho nên đã hạn chế việc bảo vệ, khai thác nguồn tài nguyên quý báu này để góp phần phát triển kinh tế địa phương và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Huyện đã xác định phương châm chỉ đạo trong sản xuất lâm nghiệp là phải trên cơ sở giữ vững và tăng cường vốn rừng, tiến hành phân bố lại lao động để tổ chức sản xuất hợp lý theo hướng kinh doanh tổng hợp. Ngoài việc sử dụng tốt lực lượng lao động tại chỗ, huyện sẽ tăng cường thêm lao động cho ngành lâm nghiệp, để có ít nhất 10% số lao động của huyện tham gia làm nghề rừng.

Làm tốt hơn nữa công tác định canh định cư, tổ chức lại sản xuất cho đồng bào miền núi để chấm dứt nạn phá rừng làm rẫy, hướng dẫn bà con các dân tộc chăm sóc, bảo vệ và khai thác các rừng nguyên liệu hiện có để làm hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu (rừng lá buôn 2 500 héc ta, rừng lồ ô 2 000 héc ta, sặt 500 héc ta) và từng bước trồng đào lộn hột phủ kín các nương rẫy cũ.

Chú ý bảo vệ, khai thác và từng bước trồng mới các cây cho sản phẩm xuất khẩu (hạt ươi, sa nhân) và thông qua xuất nhập khẩu giải quyết một phần khó khăn về vật tư, nhiên liệu cho nghề rừng và cải thiện đời sống công nhân lâm nghiệp.

Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng và hướng dẫn các hợp tác xã tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với chủ trương chung của huyện, không để xảy ra tình trạng rừng giao rồi vẫn tiếp tục bị phá. Cùng với tỉnh, huyện góp phần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành lâm nghiệp, nhất là khâu mở đường vươn tới khai thác những vùng rừng giàu ở xa, tránh tình trạng khai thác kiệt ở những vùng rừng dễ khai thác làm hạn chế khả năng tái sinh tự nhiên của rừng. Phấn đấu đến năm 1985 khai thác trên 20 000m^3 gỗ tròn.

Từ sản phẩm của nông, lâm nghiệp và tài nguyên thiên nhiên sẵn có, cộng với thuận lợi cơ bản về nguồn điện, Diên-khánh có *điều kiện phát triển nhanh và vững chắc công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp*, nhất là công nghiệp chế biến và sản xuất hàng xuất khẩu.

Để tạo cơ sở phát triển kinh tế, đưa đời sống đồng bào miền núi tiến kịp miền xuôi, ngoài việc tiếp tục sử

Digitized by Google

dụng mạng lưới điện quốc gia, Diên-khánh đang nỗ lực xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ. Trong đó 2 công trình trọng điểm là thủy điện Giang-bay (xã Khánh-phú) 1 000 kW và thủy điện sông Giang (Khánh-minh) 2 000 kW. Phấn đấu đến năm 1990 toàn huyện có điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Về cơ khí, tổ chức trạm cơ khí sửa chữa huyện và các điểm cơ khí ở các cụm kinh tế kỹ thuật (do các hợp tác xã nông nghiệp liên doanh thành lập), bảo đảm sản xuất đủ nông cụ thường và cải tiến, sửa chữa hầu hết các loại máy móc, xe cộ phục vụ sản xuất nông — lâm — công nghiệp.

Về công nghiệp chế biến, trong những năm 1984 — 1985, mở rộng nhà máy đường, đưa công suất từ 30 tấn lên 100 tấn mía cây/ngày. Xây dựng thêm 2 nhà máy mới ở Diên-xuân và Diên-thọ với công suất 30 — 50 tấn/ngày, sắp xếp hợp lý việc sản xuất của các tổ hợp, hợp tác xã để làm vệ tinh, gia công cho quốc doanh, tránh tình trạng tranh giành nhau mua nguyên liệu, giấu sản phẩm, làm rối loạn thị trường.

Phát triển ngành giấy, tăng khả năng sản xuất bột giấy để cung cấp đủ nguyên liệu cho sản xuất giấy in rô nê ô, giấy bìa các tông và giấy láng 2 mặt. Đưa sản lượng giấy lên 2000 tấn/năm và bảo đảm cung cấp đủ lõi cọc sợi cho Nhà máy sợi Nha-trang (từ 8 đến 10 triệu cọc/năm).

Huyện nắm toàn bộ khâu chế biến gỗ, nhận gia công xẻ ván sàn cho trung ương và mở rộng sản xuất đồ mộc dân dụng từ gỗ, củi, cành ngọn, đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

Phát triển mạnh sản xuất đồ sành, gốm dân dụng, từng bước làm hàng gốm mỹ nghệ trang trí và xuất khẩu.

Giữ vững sản lượng cao su khai thác và chế biến, có kế hoạch mở rộng diện tích cao su, cải tiến kỹ thuật sản xuất để đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng lốp xe đạp, lốp xe máy cho nhân dân địa phương.

Riêng đối với hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu như mành trúc nhuộm, chiếu lá buôn, mây tre đan, ngoài việc tiếp tục thu hút thêm lao động ở thị trấn, các xã đông dân vào làm tập trung, còn cần phát triển rộng khắp, nhất là trong lực lượng công nhân viên chức, học sinh và lao động nông nhàn ở các hợp tác xã nông nghiệp. Dự kiến đến năm 1985 có 2/3 hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất hàng thủ công xuất khẩu, đưa giá trị mặt hàng này lên 10 triệu đồng. Toàn ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phấn đấu thu hút 40% lao động trong huyện, đạt 45% giá trị tổng sản lượng toàn huyện.

Xuất nhập khẩu là một đòn xeo quan trọng thúc đẩy nông — lâm — công nghiệp phát triển. Với cách bố trí cơ cấu cây trồng, ngành nghề như trên, vào năm 1986, về xuất khẩu Diên-khánh sẽ vượt qua mốc 1 triệu rúp — đô la, thực hiện được cân đối xuất nhập khẩu trên địa bàn huyện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân

Digitized by Google

VỀ LIÊN KẾT KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

HỒNG - LONG
Phó viện trưởng Viện Mác — Lê-nin

LIÊN kết kinh tế nói chung, liên kết kinh tế trên địa bàn huyện nói riêng, đang là một trong những vấn đề thời sự trong hoạt động của Đảng và Nhà nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Văn kiện Đại hội V của Đảng đã ghi: « Lấy huyện làm địa bàn phân công lao động, tổ chức lại sản xuất, sử dụng tốt lao động và đất đai, rừng, biển, thực hiện thâm canh, chuyên canh, phát triển trồng trọt, chăn nuôi, mở mang ngành, nghề; tổ chức liên kết các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và các đơn vị sản xuất khác do các hợp tác xã nông nghiệp liên doanh xây dựng nên, với một số cơ sở sản xuất, trạm, trại kỹ thuật, cửa hàng cung ứng vật tư, thu mua nông sản, bán hàng tiêu dùng, do Nhà nước lập ra trên địa bàn huyện » (1).

Liên kết kinh tế nhằm hình thành cơ cấu kinh tế — xã hội vững chắc, trong đó có liên kết kinh tế trên địa bàn huyện, là một tất yếu khách quan trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cơ sở khách quan của mối liên kết kinh tế ấy là cả quá trình biến đổi sâu sắc về mặt kinh tế—xã hội, kết hợp cải tạo và xây dựng trong ba cuộc cách mạng—cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng và văn hóa — từng bước xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển và tăng cường lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà

Liên kết kinh tế không phải là liên kết không có nội dung giai cấp, không phải là kết hợp kinh tế với những tính toán chủ quan theo những mục đích và yêu cầu bất kỳ nào. Đó là *liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, là phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa* phản ánh các mối quan hệ của các tổ chức kinh tế và hoạt động kinh tế với nhiều hình thức khác nhau trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong chặng đường hiện nay của nước ta, các đơn vị kinh tế, các tổ chức kinh tế đều nằm trong quá trình biến đổi cách mạng thực hiện các nhiệm vụ kinh tế và chính trị theo đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng ta. Các tổ chức kinh tế vừa tồn tại, vận động và phát triển trong sự vận động chung của thời kỳ quá độ đi lên sản xuất

(1) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 58—59.

Digitized by Google

lớn xã hội chủ nghĩa, vừa chịu sự chi phối và tác động chung của những cải biến cách mạng của thời kỳ quá độ. Vì vậy, mỗi tổ chức kinh tế, mỗi đơn vị kinh tế vừa là một tổ chức, một đơn vị độc lập đòi hỏi được củng cố và hoàn thiện, vừa có nhiều mối quan hệ về kinh tế, chính trị, xã hội, địa lý... với các đơn vị và tổ chức kinh tế khác. Ngay bản thân mỗi tổ chức, đơn vị kinh tế cũng có nhiều mối quan hệ khác nhau trong quá trình sản xuất và tái sản xuất, trong các khâu liên hoàn của sản xuất, lưu thông, phân phối, tiêu dùng, trong quá trình tạo vốn, cung ứng vật tư, nguyên liệu, kỹ thuật, trong mọi hoạt động kinh doanh... Từ những mối quan hệ ấy, với quá trình phát triển của nền kinh tế — xã hội nói chung và của mỗi đơn vị kinh tế nói riêng, từng bước hình thành những mối quan hệ về liên kết kinh tế

Liên kết kinh tế là quá trình tổ chức, xây dựng sự gắn bó ràng buộc và quy định lẫn nhau giữa những đơn vị kinh tế và tổ chức kinh tế vì mục tiêu kinh tế nhất định trong tính năng động thường trực của các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Liên kết kinh tế có thể được xây dựng và hình thành theo nhiều hình thức khác nhau, hoặc theo ngành kinh tế và kỹ thuật, hoặc theo địa bàn, theo vùng lãnh thổ, theo địa phương với những tính chất và quy mô khác nhau của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoạt động thực tiễn kinh tế và xã hội. Có hình thức *liên kết kinh tế tạm thời*, không ổn định, ứng với quá trình hình thành và phát triển của các đơn vị kinh tế chưa ổn định, đồng thời lại có hình thức *liên kết kinh tế ổn định và vững chắc* thể hiện tính tất yếu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

★

Trên địa bàn huyện có nhiều đơn vị kinh tế khác nhau. Đó là các hợp tác xã nông nghiệp, nông trường, trạm, trại nông nghiệp, lâm trường, hợp tác xã thủ công nghiệp, xí nghiệp công nghiệp, cửa hàng thương nghiệp, các hợp tác xã mua bán... thuộc các thành phần kinh tế quốc doanh hoặc tập thể, thuộc nhiều cấp quản lý khác nhau của trung ương, tỉnh, huyện..

Các hợp tác xã nông nghiệp là những đơn vị kinh tế cơ bản trên địa bàn huyện. Các hợp tác xã bao gồm những tổ chức nội bộ như các đội lao động cơ bản, các đội giống, đội chế biến phân, đội khoa học kỹ thuật, đội thủy lợi, đội chăn nuôi, ngành nghề... và bộ máy quản lý của hợp tác xã. Các tổ chức ấy được hình thành trong quá trình xây dựng, phát triển và củng cố hợp tác xã, thực hiện từng bước sự phân công lao động hợp lý trong hợp tác xã trên cơ sở phát triển kinh tế hợp tác xã.

Các hợp tác xã nông nghiệp không phải là tổ chức phường hội của những nông dân cá thể mà là tổ chức kinh tế — xã hội của nông dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, vừa phát triển kinh tế theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa vừa xây dựng cơ sở kinh tế — xã hội của khối liên minh công nông vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu các hợp tác xã nông nghiệp phát triển một cách tự phát vì lợi ích thuần túy của người nông dân, mà không kết hợp được hài hòa lợi ích của người lao động, lợi ích của tập thể và lợi ích của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nếu tâm lý của người nông dân cá thể vẫn gây tác dụng tiêu cực thì sẽ không thể nhanh chóng tạo ra được những biến đổi cần thiết của hợp tác xã để đưa năng suất lao động lên và tạo ra nhiều sản phẩm hơn vì chủ nghĩa xã hội.

Bộ phận nòng cốt và tiên tiến của hợp tác xã, trước hết là các chi bộ

Digitized by Google

và đảng bộ cơ sở, cũng như sự lãnh đạo của cấp trên, phải luôn luôn có những tính toán tích cực bảo đảm hiệu quả thiết thực để thực hiện tốt điều đã ghi trong văn kiện của Đại hội V là: «Phải sử dụng lao động và đất đai theo hướng thâm canh, chuyên canh và kinh doanh tổng hợp, nhằm phát triển trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, các ngành, nghề ở nông thôn. Bố trí hợp lý và có căn cứ khoa học cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu ngành, nghề để đất nông nghiệp cũng như đất làm nghiệp đều được sử dụng hợp lý, để môi trường sống được bảo vệ tốt, để mỗi héc ta đất đem lại hiệu quả kinh tế cao, để các ngành, nghề đều đem lại thu nhập lớn» (2).

Người lao động là nhân vật trung tâm và là người chủ tập thể của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nông dân lao động là nhân vật trung tâm và là người chủ tập thể của các hợp tác xã nông nghiệp, của nông thôn trong sự nghiệp xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Mỗi người lao động nông nghiệp lại có gia đình của mình, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp, với các cuộc chuyển biến cách mạng trong quá trình xây dựng và củng cố hợp tác xã. Gia đình là tế bào kinh tế và xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa. Kinh tế gia đình hình thành trên cơ sở hoạt động của người lao động trên đất vườn, đất phần trăm do hợp tác xã để lại, hoặc lao động ngành nghề thủ công của cá nhân hoặc của hợp tác xã tổ chức. Kinh tế gia đình là bộ phận hữu cơ của kinh tế hợp tác hóa. Nếu được hướng dẫn, tổ chức tốt và kinh doanh đúng hướng, nó sẽ trở thành yếu tố kinh tế kích thích thường xuyên đối với người lao động và là bộ phận bổ sung quan trọng cho hợp tác xã. Nếu không, nó sẽ là yếu tố kinh tế tự phát, phát sinh nhiều hậu quả kinh tế — xã hội tiêu cực.

Việc xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp thành những đơn vị kinh tế — xã hội hoàn chỉnh là bước phát triển cách mạng, kết hợp và gắn bó hữu cơ các tổ chức và các ngành kinh tế của hợp tác xã, gắn bó hợp tác xã và gia đình xã viên theo phương hướng sản xuất ngày càng được xác định đúng đắn và ổn định, bảo đảm không ngừng tăng khối lượng sản phẩm và năng suất lao động, từng bước đi đến phân công lao động hợp lý hơn.

Trong quá trình xây dựng và phát triển hợp tác xã, từ những mối quan hệ đơn giản ban đầu, ngẫu nhiên trong hoạt động kinh tế, dần dần hình thành những mối quan hệ bền chặt hơn đi đến những mối liên kết kinh tế giữa các hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với các tổ chức kinh tế theo ngành hoặc theo yêu cầu về trang bị vật tư, kỹ thuật, phát triển sức sản xuất, mở rộng nguồn vốn, kinh doanh một khâu hoặc nhiều khâu liên hoàn, theo địa lý, kinh tế trên địa bàn huyện và vùng lãnh thổ hợp lý theo hướng chuyên môn hóa, kết hợp với kinh doanh tổng hợp phát huy thế mạnh của địa bàn huyện.

Liên kết kinh tế trên địa bàn huyện là bước phát triển tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó vừa là yêu cầu phát triển kinh tế — xã hội một cách tự nhiên, vừa là đòi hỏi của cách mạng nhằm tạo ra bước nhảy vọt mới trong kinh tế, từng bước hình thành các hình thức liên kết kinh tế và cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, nông — lâm nghiệp, nông — lâm — ngư nghiệp... với các tổ chức kinh tế ngày càng hoàn chỉnh.

(2) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập I, tr. 56.

Digitized by Google

Yêu cầu về sức kéo đòi hỏi phải xây dựng các mối *liên kết kinh tế trong vấn đề sức kéo*, xem như khâu đầu tiên trong sản xuất nông nghiệp. Trước đây "con trâu là đầu cơ nghiệp". Ngày nay, trên đường đi lên chủ nghĩa xã hội, các trạm máy kéo là điểm tựa, là sức mạnh kinh tế xã hội chủ nghĩa có khả năng cải tạo nông nghiệp và đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn. Song làm thế nào để đưa máy kéo vào nông nghiệp? Giải quyết mối quan hệ giữa máy kéo và trâu bò cày kéo thế nào? Mối quan hệ trong liên kết kinh tế, giữa trạm máy kéo và hợp tác xã nông nghiệp như thế nào là hợp lý? Chung quanh vấn đề này có biết bao nhiêu vấn đề thực tiễn và lý luận cần được giải quyết thỏa đáng mới có thể thật sự tạo ra mối liên kết kinh tế hợp lý về sức kéo ở những địa bàn có thể đưa máy kéo vào và ở những vùng chưa có điều kiện đưa máy kéo đến.

Trong sản xuất nông nghiệp, vấn đề giống bao giờ cũng là một yếu tố có tính quyết định, nhiều khi còn có thể tạo ra những bất ngờ, nhất là trong điều kiện cuộc cách mạng sinh học đang có những bước phát triển nhảy vọt. Trên cơ sở khách quan ấy, hình thành yêu cầu xây dựng mối *liên kết kinh tế về giống cây trồng và con gia súc*. Trên địa bàn nhiều huyện đã hình thành những hình thức ban đầu như: các cơ sở giống lúa liên hoàn tỉnh, huyện, hợp tác xã trung tâm, hợp tác xã nhân giống; các cơ sở giống lợn liên hoàn huyện, hợp tác xã, đội sản xuất, gia đình xã viên; các cơ sở giống cá liên hoàn huyện, hợp tác xã và một số hợp tác xã liên doanh nuôi cá thịt.

Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong nông nghiệp. Trong quá trình phát triển nông nghiệp, mạng lưới thủy lợi hoàn chỉnh giữ vị trí liên kết kinh tế – kỹ thuật quan trọng bảo đảm thâm canh và phát triển sản xuất. Đó là cơ sở khách quan hình thành *các mối liên kết kinh tế trong xây dựng các công trình thủy lợi ở các quy mô khác nhau, giữa các đơn vị quản lý các công trình, các trạm biến thế điện...* Ở đây đang có nhiều vấn đề về mặt tổ chức và chính sách cần được nghiên cứu và hoàn chỉnh.

Trong yêu cầu thâm canh cây trồng, phân bón là tư liệu sản xuất cơ bản. Nguồn phân bón hữu cơ có thể đáp ứng có giới hạn từ nội bộ hợp tác xã, còn phân bón hóa học, trước hết là phân đạm, lại là sản phẩm công nghiệp đầu tư vào nông nghiệp. Do đó, mối *liên kết kinh tế về việc cung ứng phân bón hóa học* đòi hỏi phải được nghiên cứu để giải quyết tốt yêu cầu đưa thẳng và kịp thời phân bón vào sản xuất, khắc phục mọi trở ngại về giao thông vận tải, mua bán đơn giản, chính sách không hợp lý...

Vấn đề bảo đảm phòng trừ sâu bệnh và thuốc trừ sâu có vị trí hết sức quan trọng đối với nông nghiệp, đặc biệt là đối với nông nghiệp nhiệt đới. Do đó, *liên kết kinh tế bảo đảm cung ứng thuốc trừ sâu và các phương tiện phòng trừ sâu bệnh* có hiệu quả là một yêu cầu quan trọng. Ngoài mạng lưới cung cấp thuốc trừ sâu của ngành cung ứng vật tư nông nghiệp, một số huyện đã tổ chức các đội phòng dịch chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu diệt sâu bệnh kịp thời. Song vấn đề này còn phải được nghiên cứu cụ thể để xây dựng nên các mối liên kết kinh tế hoàn chỉnh hơn.

Cùng với các tổ chức kinh tế trên đây, còn có nhiều tổ chức khác nữa thuộc hệ thống giao thông vận tải, thương nghiệp, văn hóa, xã hội... Mỗi tổ chức kinh tế ấy đều có vị trí nhất định trong hệ thống kinh tế – xã hội trên địa bàn huyện. Do quá trình phát triển từng bước đi vào tập trung chuyên môn hóa, khai thác

Digitized by Google

thế mạnh của mỗi huyện, các mối quan hệ và liên kết kinh tế phát triển hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý trên địa bàn huyện cũng như trong phạm vi cả nước. Trong các mối quan hệ ấy, *quan hệ nông nghiệp – công nghiệp là quan hệ trung tâm tạo ra bước phát triển có quy luật của nền kinh tế đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Song, do đặc điểm của nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là trong chặng đường hiện nay, vấn đề hình thức, tính hợp lý và vị trí đúng đắn của các tổ chức kinh tế ấy đều phải được nghiên cứu, bảo đảm quá trình phát triển hợp quy luật của nền kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều cơ bản nhất bảo đảm tính hợp lý và vị trí đúng đắn của các tổ chức kinh tế là sự thể hiện trong thực tế yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng khai thác có hiệu quả nhất tiềm năng đất đai và lao động trên cơ sở cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ngành nghề thích hợp, phù hợp với đường lối kinh tế do Đảng vạch ra với những đặc điểm của từng địa phương và từng thời kỳ nhất định.

Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội tư nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, các mối liên kết kinh tế có nhiều hình nhiều vẻ và không thể có khuôn mẫu nào định sẵn được. Nó được hình thành với hình thức nào, theo quy mô như thế nào là hợp lý, đó là quá trình phấn đấu gian khổ, kết hợp việc nghiên cứu khoa học với sức sáng tạo của quần chúng lao động ở khắp mọi miền của đất nước, phát huy tiềm năng phong phú hiện chưa được khai thác của các địa phương.

Trên địa bàn của một số huyện đã hình thành hình thức *liên doanh giữa các hợp tác xã có nguyên liệu* (nơi trồng nhiều ngô, nơi có nhiều mây tre...) *với các hợp tác xã có ngành nghề làm ra sản phẩm* (dệt thảm bẹ ngô, sản xuất đồ mây tre xuất khẩu). Đây là loại liên kết kinh tế được hình thành trên cơ sở phát triển ngành nghề và phân công lao động hợp lý giữa các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Một trong những yêu cầu bức thiết đối với việc phát triển và khuyến khích phát triển các cây công nghiệp (như mía trong ngành sản xuất đường, mật, rượu; cây chè trong ngành chế biến chè xanh, chè đen...) là xây dựng mối liên kết kinh tế giữa hợp tác xã sản xuất và xí nghiệp chế biến sản phẩm, từ quan hệ trong sản xuất, trao đổi mua bán đi đến *liên kết kinh tế giữa hợp tác xã nông nghiệp và xí nghiệp công nghiệp, giữa sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện*.

Các hợp tác xã nông nghiệp có nghề thủ công như dệt thảm, làm đồ mây tre xuất khẩu, hoặc làm ra sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu như chuối, dứa... xây dựng *quan hệ hợp đồng* với một số cơ sở của công ty ngoại thương thuộc Bộ ngoại thương. Đây là một loại hình quan hệ kinh tế dưới dạng gia công hoặc mua bán đơn giản của hợp tác xã với từng ngành kinh tế riêng biệt, cần được nghiên cứu xây dựng thành mối liên kết kinh tế hợp lý để phát triển sản xuất, phân công lao động hợp lý trên địa bàn huyện.

Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và những cố gắng của các tổ chức khoa học kỹ thuật phục vụ nông nghiệp do Nhà nước xây dựng, hiện nay đã hình thành *những hình thức ban đầu của việc kết hợp khoa học kỹ thuật và kinh tế nông nghiệp*. Đó là những tổ chức hợp đồng nghiên cứu khoa học nông nghiệp của một số tổ chức nghiên cứu khoa học về giống

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *

THỦ TIÊU CHẾ ĐỘ SỞ HỮU TƯ BẢN CHỦ NGHĨA VÀ KIẾN LẬP CHẾ ĐỘ SỞ HỮU CÔNG CỘNG VỀ NHỮNG TƯ LIỆU SẢN XUẤT CƠ BẢN

QUYẾT - TIẾN

TRONG tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa, ngay sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền Nhà nước, việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản được đặt ra như một *việc tất yếu* phải làm.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Mác và Ăng-ghen đã viết:

« Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay Nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất lên » (1)

Ăng-ghen còn nói rõ thêm rằng, « Thủ tiêu chế độ tư hữu (mà chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa là hình thức tư hữu cao nhất trong lịch sử – Q.T.) là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội; việc cải tạo này là kết quả tất yếu của sự phát triển của công nghiệp. Cho nên, những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình » (2).

Trung thành với học thuyết Mác, Lê-nin cũng nhấn mạnh rằng, « nền chuyên chính đó (tức chuyên chính

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số tháng 1-1984.

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1980, tập 1, tr. 567.

(2) Sách đã dẫn, tr. 452.

Digitized by Google

vô sản – Q.T.) đặt cho Đảng cộng sản Nga nhiệm vụ thực hiện triệt để, và hoàn thành việc tước đoạt – hiện đã bắt đầu – bọn địa chủ và giai cấp tư sản, và việc chuyển giao cho Nhà nước Cộng hòa xô viết quyền sở hữu tất cả các công xưởng, nhà máy, đường sắt, ngân hàng, tàu bè và các tư liệu sản xuất và phương tiện lưu thông khác » (3).

Sở dĩ phải thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản là do những nguyên nhân sau đây:

Một là, làm như vậy là để giải quyết mâu thuẫn kinh tế cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tức: mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của lực lượng sản xuất với quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này trong xã hội cũ đã là nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh, sản xuất vô chính phủ và của những cuộc khủng hoảng kinh tế có tính chất chu kỳ dẫn đến sự tàn phá nặng nề các lực lượng sản xuất của xã hội.

Giải quyết được mâu thuẫn ấy của chủ nghĩa tư bản, thì sẽ mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ trong xã hội mới.

Hai là, sau thắng lợi của cách mạng chính trị, có một nhiệm vụ lớn đặt ra trước giai cấp công nhân: đó là phải giành lại quyền lực kinh tế từ tay giai cấp tư sản. Thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng đối với các tư liệu sản xuất cơ bản là phá hủy cơ sở lũng đoạn kinh tế của các công ty tư bản độc quyền, làm cho các công ty ấy mất những vị trí then chốt trong nền kinh tế; còn Nhà nước xã hội chủ nghĩa thì nắm được những vị trí then chốt ấy, dùng chúng làm công cụ để tiếp tục đấu tranh chống giai cấp tư sản, và phát triển sản xuất theo kế hoạch, vì lợi ích của toàn thể nhân dân lao động.

Ba là, cần phải làm như thế để tạo ra cơ sở kinh tế cho nền chuyên chính vô sản được thiết lập sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Không có cơ sở kinh tế của mình thì nền chuyên chính vô sản sẽ yếu ớt và không có khả năng hoàn thành những chức năng và nhiệm vụ lịch sử của mình.

Thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản, trên thực tế có nghĩa là phải *quốc hữu hóa* xã hội chủ nghĩa.

Thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội cho thấy rõ có thể áp dụng những hình thức và phương pháp quốc hữu hóa dưới đây:

1 – Tịch thu, tức là tước đoạt toàn bộ tư liệu sản xuất của các giai cấp bóc lột mà không bồi thường.

2 – Trưng thu tư liệu sản xuất có bồi thường tài sản quốc hữu hóa cho chủ cũ.

3 – Biến dần dần chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất thành chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa qua những hình thức công tư hợp doanh khác nhau.

Đương nhiên việc áp dụng phương pháp này hay phương pháp kia là do điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa, tức mức độ phát triển lực lượng sản xuất trong nước, so sánh lực lượng giai cấp trong nước và trên thế giới quyết định. Song cần thấy rằng, dù phương pháp và tốc độ quốc hữu hóa ở các nước có khác nhau, thì nội dung của quá trình này vẫn là một: thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với những tư liệu sản xuất cơ bản.

(3) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. Mát-xcơ-va, 1977, tập 36, tr. 89.

Digitized by Google

Ví dụ: ở nước Nga xô viết, các xí nghiệp công nghiệp và ngân hàng lớn nhất, các phương tiện vận tải chủ yếu và ngành ngoại thương đã được quốc hữu hóa ngay và không bồi thường. Sở dĩ như vậy vì bọn tư bản, ngay từ những ngày đầu cách mạng đã không tin rằng chính quyền xô viết có thể đứng vững, chúng bước vào con đường phản cách mạng, rào riết chống lại chính quyền của nhân dân lao động, khiến cho nền chuyên chính vô sản ở Nga phải dùng những biện pháp đối phó nhanh chóng và kiên quyết.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, chính phủ cách mạng đã quốc hữu hóa ngay và không bồi thường các xí nghiệp và tài sản của các công ty Đức, Ý, Nhật và những kẻ đã cộng tác với các cường quốc phát xít. Việc quốc hữu hóa những tài sản của các nước đóng minh trong khối liên minh chống phát xít được tiến hành có bồi thường. Sau đó đã tịch thu một số nhà ngân hàng của các nhóm phản động, tiến hành kiểm tra để giới hạn hoạt động của các xí nghiệp tư nhân. Bước tiếp theo là công hữu hóa các xí nghiệp hạng trung và xí nghiệp nhỏ (một số xí nghiệp được bồi thường một phần).

Việc quốc hữu hóa ở các nước xã hội chủ nghĩa châu Á cũng có những đặc điểm riêng. Khi thành lập chính quyền nhân dân Mông-cổ không có nền công nghiệp, do đó nền công nghiệp này đã được thành lập từ đầu. Ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều-tiên, toàn bộ nền công nghiệp trước kia nằm trong tay người Nhật, do đó đã được quốc hữu hóa ngay và không bồi thường — Ở nước ta chẳng hạn, về đại thể chúng ta quốc hữu hóa không bồi thường các xí nghiệp của các nhóm tư bản độc quyền nước ngoài và bọn tư sản mại bản và công hữu hóa phần lớn các xí nghiệp của những người tư sản khác có bồi thường một phần cho các chủ cũ. (Tiến hành công tư hợp doanh chính là một hình thức công hữu hóa dần dần các xí nghiệp của các nhà tư sản có bồi thường một phần cho các chủ cũ, tiền bồi thường ở đây xuất hiện dưới dạng những lợi tức mà nhà tư sản được hưởng căn cứ vào giá trị tư liệu sản xuất góp vào xí nghiệp công tư hợp doanh).

Quốc hữu hóa dưới chủ nghĩa xã hội khác về bản chất so với quốc hữu hóa dưới chủ nghĩa tư bản. Dưới chủ nghĩa xã hội, các tư liệu sản xuất được quốc hữu hóa trở thành tài sản của toàn dân, phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động, còn trong chế độ tư bản chủ nghĩa thì các tư liệu sản xuất được quốc hữu hóa trở thành tài sản của tên tư bản tập thể tức Nhà nước tư sản, được sử dụng vì lợi ích của giai cấp tư sản.

Dưới chính quyền chuyên chính vô sản, quốc hữu hóa là tiền đề đầu tiên về mặt luật pháp của quá trình xã hội hóa nền sản xuất, điều kiện cần thiết để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Nền sản xuất trở thành tài sản của toàn dân trên thực tế khi nào các quan hệ sản xuất mới đã hình thành, bảo đảm cho nhân dân lao động có khả năng kiểm kê, kiểm soát nền sản xuất và sự phân phối phúc lợi vật chất trong phạm vi cả nước. Trước kia, Lê-nin đã chỉ rõ đặc điểm hết sức quan trọng này của xã hội hóa sản xuất. Người nói rằng: xã hội hóa khác với hình thức tịch thu đơn giản ở chỗ: có thể tịch thu một cách kiên quyết mà không biết kiểm kê và phân phối đúng đắn, còn xã hội hóa thì không thể như thế được.

Trong điều kiện lịch sử nhất định, chuyên chính vô sản có thể sử dụng chế độ tư bản Nhà nước để tiến hành xã hội hóa theo chủ nghĩa xã hội. Trong chế độ này, các xí nghiệp công nghiệp, thương nghiệp của nhà tư bản, trong hoạt động của mình, chịu

Digitized by Google

sự giám sát bằng cách này hay cách khác của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Có những hình thức tư bản Nhà nước sau đây:

1— Nhà nước xã hội chủ nghĩa cho những người tư bản thuê những xí nghiệp của mình.

2— Thông qua hợp đồng nhượng quyền, Nhà nước xã hội chủ nghĩa chuyển những tài nguyên thiên nhiên, xí nghiệp v.v. của mình cho tư bản nước ngoài sử dụng tạm thời.

3— Các xí nghiệp tư bản bán một phần sản phẩm của mình cho Nhà nước theo hợp đồng.

4— Các xí nghiệp tư bản thực hiện đều đặn những đơn đặt hàng của Nhà nước và hoạt động bằng nguyên liệu của Nhà nước.

5— Các xí nghiệp công tư hợp doanh, trong đó đại diện của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò lãnh đạo, còn các chủ cũ thì nhận một phần lợi tức ấn định theo vốn đầu tư trong một thời gian nhất định.

Lê-nin cho rằng, trong điều kiện lịch sử nhất định, bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua chế độ tư bản Nhà nước có thể là hình thức thuận tiện để biến tài sản của tư bản hạng trung và hạng nhỏ thành tài sản xã hội chủ nghĩa. Tác dụng tích cực của chủ nghĩa tư bản Nhà nước là ở chỗ: nó cho phép sử dụng kinh nghiệm quản lý và tri thức kỹ thuật của nhà tư sản vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội; nó góp phần phát triển nền sản xuất lớn, giúp cho người lao động nâng cao tri thức và rèn luyện thói quen cần thiết trong công tác quản lý kinh tế, giúp cho cuộc đấu tranh chống khuynh hướng tự phát của sản xuất nhỏ được dễ dàng hơn, giúp cho nhân dân lao động có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tổ chức kiểm kê kiểm soát sự sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội.

Như vậy chúng ta thấy rằng, quốc hữu hóa các tư liệu sản xuất cơ bản là một quy luật rất quan trọng của bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như trên đã trình bày, Ăng-ghen cho rằng: thủ tiêu chế độ tư hữu là cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất của việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội. Từ lời nói đó của Ăng-ghen, chúng ta có thể hiểu rằng: việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản là bước đầu tiên có ý nghĩa rất lớn của quá trình đấu tranh nhằm thủ tiêu hoàn toàn chế độ tư hữu: là một nội dung cực kỳ trọng yếu của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và nói theo cách nói của Đảng ta, thì đó cũng là *một nội dung rất quan trọng của cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất.*

Chúng ta biết rằng thủ tiêu chế độ tư hữu, xóa bỏ nguồn gốc của bóc lột, là một mục đích tổng quát của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chế độ tư hữu bao gồm sở hữu tư nhân của các nhà tư bản và cả sở hữu tư nhân của những người sản xuất nhỏ, cá thể như: nông dân và thợ thủ công v.v. Việc xóa bỏ sở hữu tư nhân của các nhà tư bản được tiến hành bằng biện pháp tịch thu, trưng thu hoặc chuộc lại. Còn việc xóa bỏ sở hữu tư nhân của những người sản xuất nhỏ được tiến hành dần dần bằng con đường hợp tác hóa, theo nguyên tắc tự nguyện và trên cơ sở tôn trọng lợi ích của họ, kết hợp khéo léo lợi ích cá nhân của người sản xuất nhỏ với lợi ích của xã hội. Do hình thức sở hữu tư bản chủ nghĩa là hình thức cao nhất, phát triển nhất, chiếm địa vị thống trị trong xã hội cũ cho nên rất dễ thấy rằng việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cũng biết rằng công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa phải tiến hành trên tất cả các mặt: kinh tế,

Digitized by Google

văn hóa, tư tưởng, song trận địa kinh tế vẫn là trận địa chính của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trong kinh tế, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa diễn ra trên tất cả các lĩnh vực: công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp; nó liên quan đến mọi giai cấp: tư sản, nông dân, tiểu chủ v.v.; nó bao gồm cả cải tạo chế độ sở hữu lẫn cải tạo chế độ quản lý và chế độ phân phối. Trong tất cả nội dung rộng lớn đó của cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, việc thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng. Có thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa, mới kiến lập được chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, nhất là trong những năm đầu sau thắng lợi của cách mạng chính trị. Có thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa, kiến lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, mới có điều kiện để thực hiện công cuộc cải tạo trên lĩnh vực quản lý và phân phối nhằm xóa bỏ chế độ quản lý và phân phối tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ quản lý và phân phối xã hội chủ nghĩa trong thành phần kinh tế quốc doanh — thành phần chiếm địa vị chủ đạo trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Có cải tạo (mà thực chất là xóa bỏ) giai cấp tư sản chúng ta mới có điều kiện thuận lợi để cải tạo nông dân và thợ thủ công theo phương hướng của chủ nghĩa xã hội.

Về lý luận cũng như trên thực tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa có liên quan khăng khít với xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thậm chí, có thể nói rằng trên một mức độ nào đó, hai cái đó quyện vào nhau. Bởi vì, mục đích của cải tạo là để xây dựng. Trong cải tạo có xây dựng, trong xây dựng có cải tạo, và xây dựng là chủ yếu.

Bởi vậy, trong quá trình và nhất là sau khi xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, điều đặc biệt quan trọng là phải quản lý tốt các xí nghiệp đã xã hội hóa bằng pháp luật, làm cho các xí nghiệp ấy hoạt động tốt, đem lại năng suất và hiệu quả ngày càng lớn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên mạnh mẽ. Chỉ có kết hợp cải tạo với xây dựng như vậy, chúng ta mới làm tốt được công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Cũng tức là thực hiện tốt quy luật thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa, kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản — một quy luật phổ biến của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam do Đảng ta lãnh đạo, chúng ta đã coi trọng vận dụng quy luật nói trên vào thực tiễn của nước ta. Chưa nói đến quá trình cách mạng dân tộc dân chủ, trong đó chúng ta đã tịch thu một bộ phận tài sản của đế quốc Pháp và bọn phong kiến phản động tay sai của Pháp, và thiết lập những cơ sở đầu tiên của nền kinh tế dân chủ nhân dân, ngay sau khi miền Bắc được giải phóng, và bắt đầu tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã tịch thu (và có trường hợp chuộc lại) những tài sản trong công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp của đế quốc Pháp và bọn tư sản mại bản tay sai của chúng. Chúng ta đã quốc hữu hóa ngay ngành đường sắt, ngân hàng và các cơ sở ngoại thương của chúng. Tiếp đó, đã tiến hành cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh bằng hình thức công tư hợp doanh và các hình thức khác. Chỉ sau vài năm, công cuộc này đã căn bản hoàn thành cùng với việc hoàn thành về căn bản việc cải tạo nông nghiệp dưới hình thức hợp tác xã bậc thấp. Những thắng lợi của công cuộc cải tạo đó đã góp phần quan trọng vào việc

Digitized by Google

phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc — mà nòng cốt là các xí nghiệp quốc doanh xã hội chủ nghĩa, vào việc làm thay đổi cơ cấu giai cấp của xã hội miền Bắc theo phương hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho miền Bắc được củng cố về mọi mặt. Và điều đó có ảnh hưởng như thế nào đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tất cả chúng ta đều đã rõ.

Sau khi miền Nam được giải phóng, nền chuyên chính vô sản được thiết lập trong cả nước, nước ta độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng đã tịch thu ngay những xí nghiệp của các nhóm đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, biến những xí nghiệp ấy thành tài sản của toàn dân qua con đường quốc hữu hóa. Tiếp đó, chúng ta đã tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh cùng với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp.

Công cuộc cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư doanh đã giành được những thành tựu quan trọng. Do kết quả của cải tạo, Nhà nước đã nắm và quản lý trực tiếp các ngành kinh tế then chốt, các cơ sở kinh tế quan trọng; nắm độc quyền ngoại thương, quốc hữu hóa các ngân hàng tư nhân, độc quyền phát hành tiền tệ; thống nhất quản lý các mặt hàng thiết yếu; xóa bỏ kinh tế của tư sản mại bản, trừng trị gian thương lớn; đưa một bộ phận tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vào các tổ chức làm ăn tập thể từ thấp đến cao; sắp xếp cải tạo và sử dụng một bộ phận những người buôn bán nhỏ. Trên cơ sở của cải tạo và cùng với cải tạo, chúng ta đã xây dựng và củng cố từng bước hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho nó chiếm ưu thế trong kinh tế quốc dân. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, bước đầu mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đó, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm như: chưa gắn cải tạo với xây dựng, chưa lấy xây dựng làm đích; chưa phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của công nhân và lao động trong công tác cải tạo và xây dựng; chưa nắm vững đặc điểm của công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở miền Nam để vận dụng một cách sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, đề ra những bước đi và những hình thức và phương pháp cải tạo thích hợp, có lúc nôn nóng muốn làm nhanh khi chưa chuẩn bị kỹ các điều kiện để cải tạo; chưa gắn cải tạo công nghiệp và thương nghiệp với cải tạo nông nghiệp, trong cải tạo chưa kết hợp chặt chẽ ba cuộc cách mạng, ba biện pháp kinh tế, giáo dục và hành chính; việc chỉ đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh thiếu liên tục, có thời gian buông trôi công tác cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường, để cho giai cấp tư sản phục hồi ở cả miền Nam và miền Bắc (nhất là tư sản người Hoa ở miền Nam), thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa tự do hoạt động và kẻ địch lợi dụng những sơ hở ấy chống phá ta trên nhiều mặt, làm hỗn loạn trật tự kinh tế xã hội.

Từ thực tiễn những năm qua, Đảng ta đã đề ra một số quan điểm cơ bản trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh. Những quan điểm đó là: phải kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh phải đi đôi với cải tạo nền tiểu sản xuất hàng hóa, cải tạo giai cấp tư sản phải gắn liền với cải tạo những người sản xuất nhỏ, buôn bán nhỏ; kết hợp cải tạo và xây dựng công nghiệp với cải tạo và

Digitized by Google

xây dựng nông nghiệp, kết hợp cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực sản xuất với cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực phân phối lưu thông; trong cải tạo phải xây dựng Đảng thành hạt nhân lãnh đạo trong các xí nghiệp, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, xây dựng và tăng cường hoạt động của các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt, cần phải nắm vững quan điểm của Đảng về 5 thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là phải làm cho 5 thành phần ấy luôn luôn vận động và chuyển biến theo hướng sau đây: thành phần kinh tế quốc doanh và thành phần kinh tế tập thể ngày càng được củng cố và phát triển, kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo ngày càng vững chắc trong nền kinh tế quốc dân. Thành phần kinh tế tư bản tư doanh ngày càng bị thu hẹp và cuối cùng bị xóa bỏ. Đại bộ phận kinh tế cá thể từng bước được tổ chức lại để chuyển biến dần thành kinh tế tập thể. Đó là quy luật phát triển của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

Nắm vững những điều nói trên là cách tốt nhất để vận dụng đúng đắn quy luật: «thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản» vào điều kiện cụ thể của nước ta; từ đó góp phần đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN...

(Tiếp theo trang 53)

cây trồng với một số hợp tác xã nông nghiệp.

Liên kết kinh tế trên địa bàn huyện có nhiều vấn đề thuộc về tổ chức sản xuất, về chính sách của Nhà nước và về cán bộ, đang từng bước hình thành và mở rộng. Các cấp, các ngành cần đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề, vừa khuyến khích áp dụng những kinh nghiệm tốt, thử nghiệm những sáng tạo mới, vừa chú ý giải quyết kịp thời những vấn đề có liên quan đến các chế độ, chính sách chung, nhằm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Như thế, liên kết kinh tế trên địa bàn huyện không thể là vấn đề tự phát, tùy tiện, mà là cả quá trình phấn đấu xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng, của các tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở. Đó không phải là những tính toán chủ quan, cục bộ, bản vị, mà là cả quá trình nghiên cứu vận dụng những kiến thức khoa học về tự nhiên và xã hội, về kinh tế và kỹ thuật của các ngành, các cấp với ý thức trách nhiệm và tinh sáng tạo của mỗi ngành, mỗi cấp vào hoàn cảnh cụ thể của từng địa bàn cũng như từng lĩnh vực, từng công việc cụ thể. Đó không phải là công việc đơn giản mà là quá trình xây dựng và đấu tranh để xây dựng, vừa tìm tòi nghiên cứu, vừa thí nghiệm và sửa đổi, vừa đấu tranh chống mọi biểu hiện bảo thủ, trì trệ, sản xuất nhỏ cũng như những tính toán thoát ly thực tế. Chỉ với tinh thần như vậy, chúng ta mới có thể hình thành mối liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, vừa phát huy tính sáng tạo tích cực của quần chúng, vừa khắc phục những biểu hiện tùy tiện, nhất thời không vững chắc, gây rối loạn trong hoạt động kinh tế.

Digitized by Google

Đọc sách

Tư cách người đảng viên cộng sản

TIẾN-HẢI

TRONG suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh luôn luôn quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện tư cách của người đảng viên cộng sản. Ngay từ năm 1925, trong các bài giảng cho cán bộ cách mạng trẻ tuổi của Việt-nam (sau đó được Bộ tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành sách *Đường cách mệnh*), Người đã dành bài đầu tiên cho vấn đề « Tư cách một người cách mệnh » Năm 1947, trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, Người chỉ ra 12 điểm về tư cách của một đảng chân chính cách mạng và đặt ra những yêu cầu về tính đảng của người đảng viên. Năm 1960, trong bài nói chuyện với cán bộ và nhân dân tỉnh Lạng-sơn, Người lại nêu ra 6 tiêu chuẩn của người đảng viên. Và, trước lúc vĩnh biệt chúng ta, Người còn căn dặn lại trong Di chúc: « Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ».

Vậy, tư cách người đảng viên cộng sản bao gồm những nội dung gì? Người đảng viên cộng sản phải rèn luyện tư cách của mình ra sao? Trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng đối với việc giáo dục, rèn luyện tư cách của đảng viên như thế nào?... Để giúp mọi người hiểu được tư tưởng của Hồ Chủ tịch về những vấn đề cơ bản đó, Viện xuất bản sách kinh điển — văn kiện Đảng thuộc Viện Mác — Lê-nin đã tuyển chọn những bài nói và viết của Người, in thành cuốn « Về tư cách người đảng viên cộng sản » (*).

Đọc tập sách này của Người, chúng ta thấy rất rõ yêu cầu đầu tiên mà Hồ Chủ tịch đặt ra đối với người đảng viên cộng sản là *sự giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân; suốt đời hy sinh, phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*. Hồ Chủ tịch còn chỉ ra nội dung cụ thể của yêu cầu này. Trước hết, người đảng viên

(*) Xuất bản năm 1983.

Digitized by Google

phải có nhận thức sâu sắc về tính chất giai cấp công nhân của Đảng, về nhiệm vụ của Đảng nói chung và của mỗi cán bộ, đảng viên nói riêng. Người nói: «Gọi là đảng viên thì phải nhận rõ, phải biết rõ Đảng ta phải làm gì, vào Đảng để làm gì. Đảng ta là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp, phục vụ cách mạng» (tr. 121) (++). «Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng» (tr. 22). «Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó, và đứng vững trên *lập trường giai cấp công nhân*, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động» (tr. 45 — 46). Người còn nói: «Những người đảng viên cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới» (tr. 98).

Sự «hy sinh», «phấn đấu» đòi hỏi người đảng viên phải biết đặt lợi ích của giai cấp, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân; luôn luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách, và hễ thấy «việc gì có lợi cho cách mạng, có lợi cho đoàn thể là làm hết», «bất kỳ làm việc gì cũng gương mẫu». Hồ Chủ tịch nói: «Vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt *lợi ích của Đảng lên trên hết*. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng» (tr. 50). Người chỉ rõ: «Quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là tinh thần giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân» (tr. 55).

Hồ Chủ tịch đánh giá rất cao những đảng viên luôn luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và của dân tộc, suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời Người phê phán nghiêm khắc những người lợi dụng địa vị của mình để mưu cầu lợi ích cá nhân, làm tổn hại đến lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người nói: «Đảng ta là một đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác. Nhưng số người đó coi Đảng như một cái cầu thang để thăng quan phát tài. Họ không quan tâm đến đời sống của nhân dân mà chỉ lo nghĩ đến lợi ích của riêng mình. Họ quên rằng mỗi đồng tiền, hạt gạo đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, do đó mà sinh ra phô trương, lãng phí. Họ tự cho mình có quyền sống xa hoa hưởng lạc, từ đó mà đi đến tham ô, trụy lạc, thậm chí sa vào tội lỗi» (tr. 100).

Trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân: suốt đời hy sinh, phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đó là tiêu chuẩn số một, là phẩm chất cao quý nhất của người đảng viên cộng sản. Song, có phẩm chất tốt chưa đủ, *người đảng viên còn phải là người có năng lực*, vì có năng lực mới hoàn thành tốt được nhiệm vụ của Đảng giao cho. Hồ Chủ tịch chỉ rõ, trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đảng viên càng phải thấu hiểu nhiệm vụ mà mình được giao, thông thạo chuyên môn mà mình phụ trách. Người nói: «Vấn đề có ý nghĩa quyết định là *cán bộ và đảng viên* hiểu rõ

(++) Những câu trong ngoặc kép có ghi số trang đều trích trong cuốn «Về tư cách người đảng viên cộng sản».

Digitized by Google

yêu cầu mới của cách mạng là phát triển sản xuất, hiểu rõ nâng cao năng suất lao động là nguồn của cải to lớn nhất. Do đó, cần phải thiết thực tổ chức bộ máy sản xuất mới, tích cực học tập quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật. Ngày nay, Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những *thạo về chính trị, mà còn phải giỏi về chuyên môn*; không thể lãnh đạo chung chung" (tr. 71).

Muốn vừa thạo về chính trị, vừa giỏi về chuyên môn, người đảng viên phải chịu khó học tập. Hồ Chủ tịch nói « Nhiệm vụ của đảng viên là: ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và năng lực công tác của mình » (tr. 101). Bởi vì « có học tập lý luận Mác — Lê-nin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình » (tr. 54). Và, « có nắm vững đường lối cách mạng mới thấy rõ phương hướng tiến lên của cách mạng, mới hiểu rõ mình phải làm gì và đi theo phương hướng nào để thực hiện mục đích của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay » (tr. 107).

Muốn học tập có kết quả tốt phải có thái độ đúng và phương pháp đúng. Thái độ và phương pháp học tập đúng đắn nhất là « *lý luận liên hệ với thực tế*... Phải biến những điều đã học thành hành động cách mạng thực tế. *Học* phải đi đôi với *hành*, chớ không phải học để nói suông » (tr. 108).

Theo tư tưởng của Hồ Chủ tịch, một yêu cầu quan trọng về tư cách của người đảng viên cộng sản là: *liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ quần chúng.*

Đảng là đội tiên phong của giai cấp, nhưng Đảng chỉ có sức mạnh nếu Đảng giữ vững được mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, được sự ủng hộ của quần chúng. Lê-nin nói « Quần chúng lao động ủng hộ chúng ta. Sức mạnh của chúng ta là ở đó. Nguồn gốc khiến cho chủ nghĩa cộng sản thế giới trở thành vô địch cũng là ở đó » (1). Hồ Chủ tịch chỉ rõ: đã là người đảng viên cộng sản thì « phải thật sự gần gũi nhân dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, học hỏi kinh nghiệm của nhân dân.

Phải biến quyết tâm của Đảng và Chính phủ thành quyết tâm của quần chúng.

Phải thiết thực quan tâm đến đời sống của nhân dân » (tr. 63). « *Phải dựa vào quần chúng mà phát động mọi phong trào sản xuất, chiến đấu.* Phải làm cho quần chúng luôn luôn phấn khởi, tin tưởng" (tr. 114). Muốn làm cho quần chúng phấn khởi, tin tưởng, người đảng viên « *phải* nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, *phải* yêu kính nhân dân. *Phải* thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt « quan cách mạng » ra lệnh ra oai. *Phải* nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. *Phải* thật thà, ngay thẳng; không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. *Phải* khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo... *Phải* luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. *Phải « chí công*

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1965, tập 30, tr. 72.

Digitized by Google

vô tư » và có tinh thần « *lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ* » (tr.68–69).

Hồ Chủ tịch còn khẳng định : « Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được » (tr.114). Người nghiêm khắc phê phán những đảng viên xa rời quần chúng. Người nói : « Hiện nay, *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì » (tr.52).

Hồ Chủ tịch còn chỉ rõ người đảng viên cộng sản phải *có ý thức tổ chức và kỷ luật ; phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng ; bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng*. Người nói : « sức mạnh vô địch của Đảng là ở *tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên.

Chúng ta phải... giữ gìn sự thống nhất của Đảng như con người của mắt. Phải hết lòng tôn trọng tập thể, phát huy dân chủ nội bộ ; tuyệt đối không được độc đoán cá nhân, tự đặt mình cao hơn tổ chức, tự cho phép mình đứng ngoài kỷ luật » (tr. 69). Người còn chỉ rõ : « Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác » (tr. 36). Người đòi hỏi « mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng » (tr. 39).

Trong vấn đề giáo dục ý thức tổ chức và kỷ luật, Hồ Chủ tịch nhấn mạnh yêu cầu đối với mọi đảng viên là phải ra sức góp phần xây dựng và giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Bởi vì, « đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công » (tr. 92) ; « Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác » (tr. 132). Do đó, « tất cả cán bộ và đảng viên dù ở cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ của Đảng giao cho » (tr. 93) và « phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình » (tr. 132).

★

Để người đảng viên cộng sản giữ gìn được tư cách của mình, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra một số biện pháp cơ bản sau đây :

Trước hết, mỗi đảng viên *phải ra sức tu dưỡng, rèn luyện* để « nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân ». Bởi vì, đạo đức cách mạng và chủ nghĩa cá nhân hoàn toàn đối lập nhau. Có đạo đức cách mạng, người đảng viên cộng sản mới giữ vững được tư cách của mình. Nếu để cho chủ nghĩa cá nhân ám ảnh, chi phối, người đảng viên sẽ mất dần tư cách, đi tới chỗ tự tước bỏ danh hiệu cao quý của mình. Vì vậy, muốn giữ vững được tư cách, người đảng viên nhất thiết phải tu dưỡng, rèn luyện. Hồ Chủ tịch chỉ rõ : « Chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu. Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải » (tr. 43). Người còn nói : « Không phải chỉ ở tại nhà

Digitized by Google

trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo » (tr. 43 – 44).

Xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng vững mạnh, đặc biệt là chi bộ, có ý nghĩa quyết định đối với việc giữ gìn tư cách của người đảng viên cộng sản. Hồ Chủ tịch chỉ rõ: « Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt » (tr. 112). Thực tế đã chứng minh rất rõ, ở đâu chi bộ mạnh, cấp ủy mạnh thì đảng viên mạnh; ở đâu chi bộ, cấp ủy rệu rã, thì ở đó cán bộ, đảng viên tê liệt sức chiến đấu, dễ trở thành hư hỏng, thoái hóa.

Giữ nghiêm kỷ luật của Đảng; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; thường xuyên tổ chức cho quần chúng góp ý kiến phê bình đảng viên, đó cũng là biện pháp mà Hồ Chủ tịch rất quan tâm. Người thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng phải thực hiện dân chủ nội bộ, thương yêu cán bộ đảng viên, quan tâm đến đời sống của cán bộ đảng viên, kịp thời giúp họ giải quyết những khó khăn trong cuộc sống và công tác. Song, Người cũng chỉ rõ: « Thương yêu không phải là vỗ về, nuông chiều, thả mặc » (tr. 31). Thương yêu nhưng phải có xử phạt thích đáng đối với những cán bộ, đảng viên, phạm sai lầm khuyết điểm. Bởi vì « nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại » (tr. 32 – 33). Người yêu cầu: « Đảng phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hóa ra ngoài... phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới » (tr 23) Người phê phán nghiêm khắc những hiện tượng buông lỏng kỷ luật của Đảng. Người nói: « Nhiều nơi, các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tăng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tăng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp bộ cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che dấy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm Đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho các đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật » (tr. 18).

Cùng với việc giữ nghiêm kỷ luật, « phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên » (tr. 39 – 40).

Hồ Chủ tịch còn nói: « Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình » (tr. 51 – 52).

Một biện pháp quan trọng nữa mà Hồ Chủ tịch chỉ ra là *tăng cường công tác kiểm tra của Đảng*.

★

Trong tất cả các thời kỳ của cách mạng Việt-nam, tuyệt đại đa số đảng viên ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, xứng đáng « là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân ». Song, trong quá trình đi lên đó không tránh khỏi có những người vấp ngã, tụt lại phía sau, thậm chí thoái hóa, biến chất. Vì vậy, việc rèn luyện đội ngũ đảng viên theo những lời dạy của Hồ Chủ tịch về tư cách người đảng viên cộng sản luôn luôn cần thiết đối với chúng ta.

Digitized by Google

Sử học Trung-quốc phủ nhận sao nổi bốn nghìn năm văn hiến của dân tộc Việt-nam?

Giáo sư PHẠM-HUY-THÔNG

DÂN tộc Việt cổ, với nghề trồng lúa phát triển và kỹ thuật luyện kim, với thẩm mỹ đối xứng hài hòa tế nhị, với văn hóa Phùng-nguyên, đã sẵn sàng bước vào cuộc sống văn minh từ dư bốn nghìn năm trước.

Có một nền văn minh Việt cổ riêng biệt, độc đáo, trình độ cao, đã nảy nở rực rỡ trên đất nước Việt-nam ngay từ trước khi những đoàn quân viễn chinh phương Bắc sang xâm lược, áp đặt văn hóa Hán tộc. Nền văn minh đó được thể hiện trong văn hóa khảo cổ Đông-sơn, thời các vua Hùng dựng nước đầu tiên, của dòng giống người Lạc Việt, với trung tâm là đất Bạch-hạc — Phong-châu (Vĩnh-phú). Đó là kết luận vững chắc rút ra từ những công trình nghiên cứu khoa học của giới khảo cổ học, sử học Việt-nam những năm qua.

Văn minh sông Hồng hẳn đã từng lừng danh thuở đương thời với trống Đông-sơn của Văn-lang — Âu-lạc được truyền bá nhiều nơi ở Đông Nam Á, nay lại được biết đến, được ngưỡng mộ ở phạm vi thế giới. Những luận điểm của chúng ta về văn minh và lịch sử Việt-nam, về quan hệ giữa cộng đồng dân tộc Việt cổ và nhân dân các nước trong vùng, được chấp nhận ở mọi nơi nhận thông báo, một phần là vì nhân dân ta đã đem cả « 40 thế kỷ cùng ra trận » để làm nên lịch sử ngày nay, phần khác là do công tác nghiên cứu cổ sử của ta được tiến hành nghiêm túc. Tác phẩm sử học nổi bật xuất bản ở Mỹ năm 1983, *Sự ra đời của Việt-nam*, sở dĩ được hoan nghênh, nổi tiếng, bởi vì lần đầu tiên ở Mỹ được trình bày thành sách những luận điểm sử học phong phú, mới mẻ, vững chắc, xây dựng trên cơ sở những công trình nghiên cứu khoa học của ta: vị trí và tầm vóc của văn hóa Đông-sơn, ý nghĩa cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng...

Những phát hiện mới của khoa học càng làm cho nhân dân ta thêm tự hào về lịch sử ta, về nguồn gốc dân tộc ta; nhưng trước những thành tựu khoa học của chúng ta, trước cảm tình mà học giả và nhân dân các nước dành cho dân tộc ta, nhiều báo chí và cơ quan khoa học của bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc lại ra sức bài bác những hiểu biết ngày càng hiển nhiên, càng sâu sắc, về văn minh đặc sắc và về lịch sử lâu đời của dân tộc ta. Chẳng hạn *Nhân dân nhật báo* và *Quang minh nhật báo* thời gian gần đây ca ngợi sách sử Trung-quốc đã nêu ra những nghi vấn về nước Văn-lang và các vua Hùng, phủ định sự tồn tại của nước Âu-lạc, v.v

Chúng ta hãy xem họ xuyên tạc trắng trợn như thế nào và sự thật lịch sử ra sao?

1 — Họ ra sức phủ nhận sự tồn tại của nước Văn-lang — Âu-lạc trong lịch sử.

Digitized by Google

Trước đây có những nhà viết sử biên niên Việt-nam nghi ngờ những sự việc thời quốc sơ là không có thật vì thấy kể lại quá hoang đường (thậm quái dân), lại cũng có những người muốn loại thời đại các vua Hùng ra khỏi lịch sử chân xác vì không nắm được sử liệu đáng tin cậy. Ở Trung-quốc những năm gần đây, một số nhà nghiên cứu về tộc Việt có lặp lại những luận điểm như vậy, nhưng suy diễn và ngụy biện thêm, với mục đích xuyên tạc sự thật lịch sử.

Theo các sử gia Trung-quốc đó, không phải là không có tộc Việt: Có « Bách Việt », sinh sống từ sông Dương-tử về phía Nam; một số cộng đồng Việt đã lập nước, nhưng đó là những quốc gia không bền vững, không dài lâu như nước Việt của Câu-Tiễn, nước Nam Việt của Triệu-Đà; một số cộng đồng Việt khác chưa bao giờ lập nước; toàn bộ tộc Việt đã Hán hóa bắt đầu từ trên 2000 năm nay. Các học giả Trung-quốc thừa nhận sự kiện lịch sử quan trọng là tộc Hán đã Hán hóa Bách Việt, tức là phải thừa nhận tộc Hán đã bành trướng, xâm lược, đồng hóa các tộc Việt, nhưng họ lại không muốn nói đến một sự thật lịch sử quan trọng khác là *có một tộc Việt đã kiên cường chống lại sự đồng hóa của tộc Hán, đó là Lạc-Việt, tức dân tộc Việt-nam ngày nay.* Công bố tộc Việt là một bộ phận trọng yếu của Trung-quốc, lại đồng thời lưu ý một cách quá giản đơn rằng Việt-nam là một bộ phận của tộc Việt... sử học Trung-quốc rõ ràng hàm những ý đồ bành trướng đen tối mà sử học và nhân dân Việt-nam không thể không phê phán mạnh mẽ.

Sự thật lịch sử chứng tỏ rằng phần lớn các tộc Việt cổ đã bị tộc Hán xâm lược, đồng hóa. Sự thật lịch sử cũng chứng tỏ rằng dân tộc Việt-nam kiên quyết chống lại sự đồng hóa của người Hán, rằng Việt-nam và Trung-quốc đã từ lâu Nam Bắc phân hai, mỗi phương tự mình làm chủ. « Trời nào sao này », như Nguyễn-Huệ đã công bố. Văn hóa Việt-nam có thu nhập những yếu tố của văn hóa tộc Hán, cũng như văn hóa tộc Hán đã thu nhập các yếu tố văn hóa của các tộc Việt, thu nhập các yếu tố của văn hóa Việt-nam. Việt-nam không phải đã văn minh, trưởng thành nhờ được Trung-quốc tác động như các nhà sử học Trung-quốc khẳng định. Như mọi nền văn hóa phát triển cao, văn hóa Đông-sơn, rồi văn hóa Đại Việt về sau, còn tiếp thu nhiều yếu tố khác, cũng lại tỏa ánh sáng của mình đến những nơi khác. Điều đặc biệt là người Việt cổ sẵn sàng dung nạp những yếu tố văn minh qua lại từ nhiều phương hướng, nhưng trước hết là phát huy sức sáng tạo văn hóa của bản thân, tạo ra truyền thống văn minh dân tộc độc đáo của mình.

Không phải chỉ thời gian gần đây những nhà nghiên cứu Việt-nam mới quan tâm soi sáng ngọn nguồn của dân tộc. Nhưng chỉ mấy thập kỷ gần đây, khảo cổ học mới cho chúng ta những bằng chứng khoa học vững chắc về thực tế của một nền văn minh Việt cổ riêng biệt, một cộng đồng dân tộc Việt cổ lâu đời, tiền thân từ hàng mấy nghìn năm trước của con người và xã hội Việt-nam ngày nay.

Không phải chỉ bây giờ Trung-quốc mới phủ nhận trình độ cao và quyền phát triển tự do của người đất Giao xưa. Nhưng phải nói chỉ đến nay Trung-quốc mới phủ nhận thật là trắng trợn, thật là điên cuồng văn hiến bốn nghìn năm của chúng ta. Bởi vì cái phủ nhận mù quáng ở mấy trăm, mấy chục năm xưa, ngày nay không thể chấp nhận được nữa, do ngày nay chứng cứ về các vua Hùng, về Văn-lang — Âu-lạc không còn chỉ là lời truyền, mà là những di tích khảo cổ, cụ thể, vật chất, khoa học không thể chối cãi, những di tích đó đã được xác định niên đại bằng những phương pháp khoa học hiện đại.

Digitized by Google

2 — Không phản bác được cơ sở khoa học của những minh chứng khẳng định sự tồn tại của một thời kỳ các vua Hùng ở ngọn nguồn lịch sử dân tộc Việt-nam, họ xoay ra phê phán Việt-nam, gán cho sử học Việt-nam ngày nay những hiểu biết chưa đúng của một số sách sử Việt-nam thời xưa.

Họ chê bai Việt-nam ta lẫn lộn Văn-lang với Bách Việt. Sự lầm lẫn hay mơ hồ đó thật ra chỉ có ở thời Ngô-Sĩ-Liên, thời Lê sơ, cách đây 500 năm. Từ lâu những công trình khảo cứu Việt-nam đều đã xác định : nước Văn-lang không rải đến tận hồ Động-đình và sông Dương-tử, không gồm cả Hoa-nam, nhưng cũng không đóng khung trong ranh giới Việt-nam ngày nay. Khảo cổ học đã chỉ rõ : ở Hoa-nam, cả một vùng đất lớn rộng giáp phía bắc nước ta ngày nay là thuộc địa bàn văn hóa Đông-sơn, tức là của đất nước các vua Hùng. Việt-nam không gồm cả Bách Việt, mà là một bộ phận của Bách Việt ở thời Bách Việt chưa bị người Hán đồng hóa. Cho đến nay, đại bộ phận Bách Việt đã bị Hán hóa ; còn Việt-nam thì thoát ra khỏi vòng Hán hóa đó.

Bách Việt không phải chỉ bao gồm, cũng với Văn-lang — Âu-lạc, vài ba cộng đồng Việt khác nữa mà thôi, như có nhà nghiên cứu sử học Trung-quốc chủ trương. Bao nhiêu ? Dĩ nhiên không phải đúng con số « một trăm », nhưng hẳn không phải chỉ vài ba. Dù sao, trước đây, người cổ ở nam Hoa-nam chung đất nước với người Việt cổ trên lãnh thổ Việt-nam ngày nay ; và, ngoài cương vực đó của đất nước các vua Hùng, về phía bắc, lại là những cộng đồng Việt khác nữa, vẫn là Việt, cho đến Trường-giang. Ngày nay, không kể Việt-nam, nhiều dân tộc Việt khác, nhiều nước Việt khác đã mai một, hòa tan vào thế giới Hoa Hạ. Chúng ta không phủ nhận thực tế lịch sử đó, và nếu hoài cổ, thì chỉ là để nhớ rằng một bộ phận nhân dân Trung-quốc ngày nay, nhất là ở Hoa-nam, là bà con thân thuộc xa xưa với mình.

3 — Họ còn ghép cho ta đã tự nhận rằng người Lạc Việt, những người sáng tạo ra văn hóa Đông-sơn, là từ bờ biển Trung-quốc mà tới Việt-nam.

Đúng là cho đến những năm 50, còn có nhà nghiên cứu Việt-nam giả thiết như thế. Tức cho rằng người Lạc Việt đã từ Trung-hoa đến hòa lẫn với người Anh-đô-nê-diêng bản xứ, đem đến đây tên gọi Keo (hay Giao), hoặc sử dụng tên gọi đó có sẵn tại chỗ, và đem đến đây trí tuệ cao hơn, nếu không phải là đem văn minh đến.

Không có một nền văn minh nào đáng kể ở Việt-nam cổ xưa trước khi Việt-nam cổ xưa được người Hán tộc « khai hóa »... — học giả Trung-quốc lập luận như vậy, là không biết, hay không muốn biết đến văn hóa Đông-sơn. Thái độ đó giống hệt thái độ của học giả thực dân phương Tây, khi tiếp xúc với văn hóa Đông-sơn đã cho rằng một nền văn hóa cao đẹp như vậy, người bản địa không thể sáng tạo nổi, tất phải do người giống khác đến tạo nên. Văn hóa Đông-sơn để lại di tích tràn trề trên đất nước này, nhưng học giả phương Bắc, học giả phương Tây đều khước từ nguồn gốc tại chỗ của nó. Lập luận hàm hồ, vô lý đó chỉ có thể xuất phát từ những đầu óc kỳ thị chủng tộc nặng nề.

Khoa học Việt-nam (khảo cổ học, cổ nhân học, sử liệu học, phối hợp với dân tộc học, phong tục học, ngôn ngữ so sánh v.v.) những năm vừa qua, đã bác bỏ hoàn toàn những cái gọi là nguồn gốc người Lạc Việt từ đâu xa đến, do những trí tưởng tượng mông lung bày ra, như cho rằng từ Triết-giang, Phúc-kiến, từ vùng sông Hoài, vượt biển đến, hoặc cho rằng từ Ba-thục hay xa hơn nữa, từ bờ biển Đen rong ruổi thảo nguyên vạn dặm mà đến...

Sự thật lịch sử là người Việt cổ đã trải qua hàng chục thế kỷ, từ văn

Digitized by Google

hóa Hòa-bình—Bắc-sơn bước ra, xây dựng nên những dạng văn hóa nối tiếp thuộc thời đại đồng và sắt sớm ở lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Văn hóa Đông-sơn đã từ cuộc sống của dân tộc Việt cổ lần lượt biểu hiện ở những di tích nổi tiếng: Phùng-nguyên, Đồng-đậu, Gò-mun, Đông-sơn, Thiệu-dương, Làng Cả, Làng Vạc... Dân tộc Việt cổ là từ Vĩnh-phú, Thanh-hóa, Nghệ-tĩnh... mà đến, chứ không phải từ đâu xa! Nói cách khác, văn minh Đông-sơn, cộng đồng dân tộc Văn-lang—Âu-lạc, quốc gia các vua Hùng đã nảy sinh tại chỗ, từ đất nước nghìn xưa.

Tính đặc thù của xã hội, của tâm tư, của thẩm mỹ, của phong cách Việt cổ là do người Việt cổ đã tự tạo nên. Còn sắc thái của văn minh Việt cổ phong phú, đa dạng, phóng khoáng là bởi mảnh đất này vốn là một nơi tụ hội bốn phương, một ngã tư đường, trước sau rộng mở hứng gió lộng bốn phương.

4— Tiêu biểu cho văn minh Việt cổ cao đẹp là loại trống đồng cổ mà học giả các nước ngày nay đều nhất trí với chúng ta gọi là « trống Đông-sơn ». Học giả Trung-quốc đang ra sức vơ về phía Trung-quốc tất cả những con người đã sáng tạo ra trống Đông-sơn.

Theo phương thức xếp loại của học giả người Áo Hê-gơ, thì loại trống đồng tang phình, thân thon, đẽ chơi, trang trí thanh nhã được gọi là trống đồng loại I. Chính trống đó được gọi là trống Đông-sơn, vì tiêu biểu cho văn hóa Đông-sơn, mà trung tâm chủ yếu nằm trên đất nước ta ngày nay.

Các học giả Trung-quốc tỏ ra hậm hực và đã có một thời họ ra sức hạ uy thế của trống Đông-sơn mà những tiêu bản điển hình nhất đã được phát hiện ở Việt-nam: trống Ngọc-lũ, trống Hoàng-hạ, trống sông Đà, gần đây trống Cổ-loa... Muốn vậy, họ đã cách sắp xếp, đặt trống II (trống Mường, nhưng họ cho là trống Trung-quốc) vào vị trí thứ nhất — « giáp thức »; còn trống loại I (trống Đông-sơn của ta) thì họ đặt vào vị trí thứ hai — « ất thức ». Song cách làm đó không có lý lẽ khoa học, hay loại lý lẽ nào khác thỏa đáng, và « sáng kiến » đó không được các nhà khoa học hưởng ứng.

Đến nay, họ nghĩ ra cách khác nhằm làm lu mờ văn hóa Đông-sơn trên lãnh thổ Việt-nam, nơi được xem là có trống Đông-sơn đẹp nhất, nhiều nhất và sớm nhất. Không thể phủ nhận trống Đông-sơn ở Việt-nam đẹp, nhiều, tiêu biểu, họ đang công bố rằng trống Đông-sơn xuất hiện đầu tiên ở Trung-quốc. Mới đây, họ tìm thấy ở Vân-nam loại trống lun bè, thô kệch, trang trí vụng, và họ lớn tiếng nhận kiểu trống đó — Đại-hải-ba, Vạn-gia-bá — là loại xưa nhất biết được, là thủy tổ của tất cả các trống Đông-sơn, kể cả ở Việt-nam. Nhưng không may cho họ, cùng khoảng thời gian đó, trống Đào-xá, Thượng-nông cùng một kiểu giống như vậy được phát hiện ở Vĩnh-phú. Hơn nữa, ở Việt-nam chúng ta từ những năm 20 của thế kỷ này đã biết trống loại này ở Tùng-lâm (Hà-sơn-bình).

Những trống đồng Trung-quốc được coi là sớm thật ra tới nay chưa có được những niên đại khoa học đáng tin cậy. Không thể chỉ dựa vào cái thô, cái vụng, cái xấu, để xác định niên đại sớm. Trống chưa thanh nhã có thể vì ra đời ở một thời điểm mở đầu, nghệ nhân còn tìm tòi, mò mẫm, phác thảo, nhưng cũng có thể vì được chế tạo ở một lúc, một nơi nghề kém, suy thoái.

Và lại, dù thế nào, xét cho cùng Trung-quốc muốn giành về mình cái danh nghĩa là nơi đầu tiên sáng chế

Digitized by Google

ra trống Đông-sơn, thì là làm một việc hoàn toàn vô nghĩa. Bởi vì, dù Việt-nam xưa hay Văn-nam xưa là nơi trống đồng ra đời, thì trống Đông-sơn vẫn là được chế tạo trước tiên trên địa bàn phát triển văn minh sông Hồng; trống Đông-sơn vẫn là do người Việt cổ làm ra đầu tiên. Nam Hoa-nam thuộc đất cũ của các vua Hùng, nam Hoa-nam (với Hợp-phố) đã cùng Hai Bà Trưng dựng lên chống quân Hán. Vậy thì trống Đông-sơn dù thật có ra đời đầu tiên ở nam Hoa-nam, thì cũng vẫn là do tổ tiên chúng ta chế tạo, chứ không phải người Hán làm ra. Các học giả Trung-quốc hiện đại đang không làm gì khác là lại tiếp tục việc làm vô nghĩa của thư tịch cổ Trung-quốc: gán cho Mã-Viện, kẻ đã phá hoại văn hóa Đông-sơn, phá hoại trống Đông-sơn, hoặc gán cho Khổng-Minh thời Tam quốc, đánh Bách Việt chiếm trống đồng, công lao và vinh dự sáng chế ra trống đồng!

5 — *Xuyên tạc có hệ thống cổ sử Việt-nam, các sử gia hiện đại Trung-quốc đang tiếp tục truyền thống bành trướng bá quyền nước lớn.*

Những người Trung-quốc xưa chép sử về đất Nam Giao không phủ nhận ruộng Lạc, dân Lạc, với vua Hùng cùng Lạc hầu, Lạc tướng, Hai Bà Trưng, mà chỉ biểu dương Nhâm-Diên, Tích Quang, Mã-Viện là những « kẻ khai hóa ». Sử gia Trung-quốc các thời xưa không thể không thừa nhận Hai Bà Trưng là hùng dũng, nhưng đánh giá Hai Bà Trưng là những người phản loạn. Sử gia Trung-quốc ngày nay phủ nhận cả thời sơ sử của ta, phủ nhận thời các vua Hùng dựng nước đầu tiên, phủ nhận dân tộc và văn minh Việt cổ, và nhân danh chủ nghĩa Mác, đánh giá Hai Bà Trưng yêu nước, bảo vệ những giá trị dân tộc trước cuộc xâm lăng của Hán tộc, là đi ngược chiều lịch sử, là « phản động ».

Trái lại, dựa trên những căn cứ khoa học vững chắc, khảo cổ học và sử học Việt-nam, chứng minh rằng thời kỳ vẻ vang các vua Hùng dựng nước và giữ nước là có thật; rằng nếu không có nền văn hóa Đông-sơn rực rỡ thì không có dân tộc Việt-nam ngày nay.

Xét nghìn năm Bắc thuộc, một nhận thức đáng chú ý là, suốt thời gian dài đằng đặc đó, biểu sớ của bọn thứ sử, đô hộ, đàng thiên triều, không ngớt buông lời căm ghét và phỉ nhổ dân ngu phương Nam gàn bướng, ngỗ nghịch, yên vui chẳng muốn, luôn luôn khởi loạn để chuốc vạ vào thân. Nhà chép sử Trung-quốc theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn xưa đã thế, nay cũng thế, đồng tình với bọn quan lại phong kiến đó. Nhưng nhân dân Việt-nam các lớp về sau, các nhà nghiên cứu lịch sử Việt-nam ngày nay, lại vô cùng biết ơn những con người gọi là gàn bướng, ngỗ nghịch đó, những thế hệ yêu nước nối tiếp đó, đã bằng khí phách và bằng xương máu của mình, vun trồng đời này qua đời khác tinh thần dân tộc, ý chí chiến đấu giữ gìn làng nước của những anh hùng dũng sĩ Việt-nam đoạt giáo giặc trên bến Chương-dương, cưỡi đầu thú ở núi rừng Cao-lạng...

Đánh giá thế nào đây về nghìn năm Bắc thuộc quyết liệt — áp bức tàn bạo và đấu tranh anh dũng — mà kết quả là đưa đến sự nghiệp dựng lại nước ở thế kỷ X? Sử học Trung-quốc cho rằng chính nhờ được Hán, Đường « giáo hóa » mà nhân dân Giao-chỉ An-nam đã làm chủ được vận mệnh của mình. Các nhà sử học Việt-nam thì ngược lại đã nhiều lần phản bác luận điểm sai trái đó trên diễn đàn trong nước và thế giới. Đến nay, trước những luận điểm xuyên tạc mới của bọn bành trướng bá quyền nước lớn, xin nhắc lại: *không phải là nhờ Hán, Đường, mà chính là nhờ chống lại Hán, Đường, cho nên cuối cùng Việt-nam mới vẫn là Việt-nam.*

Digitized by Google

«ТАПЧИ КОНГШАН» № 5 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Умножать славные боевые традиции Дьенбьенфу. НГУЕН НАМ КХАНЬ – Честь и обязанности бойца - защитника социалистического Отечества. ХОАНГ МИНЬ ТХАО–О тактических приемах и боевых позициях при стратегическом наступлении в весенне-зимний период 1953 – 1954 гг. и операции под Дьенбьенфу. НГУЕН ХЫУ ДАО ★ НГУЕН ХЫУ ХОП – Победа под Дьенбьенфу – итог объе- диненной мощи всей страны. ХОНГ КУАНГ–Дьенбьенфу : урок победы. НЮАН ВУ – Дьенбьенфу · начало военно-стратегического кризиса США. ФАМ ХЮИ ТХОНГ–Не опровергнуть китайским историкам существование тысячелетней культуры Вьетнама?

REVIEW OF COMMUNISM N° 5-1984

Editorial – Bringing into Full Play the Dien Bien Phu Tradition. *NGUYÊN-NAM-KHÂNH* – Honour and Duty of the Defender of the Socialist Homeland. *HOÀNG-MINH-THÀO* – Stratagems and battle array in the 1953 – 1954 Winter-Spring Strategic Offensive and the Dien Bien Phu Campaign. *NGUYÊN-HÛU-DAO, NGUYÊN-HÛU-HOP* – The Dien Bien Phu Victory – Result of the Whole Country's Aggregate Strength. *HÔNG-QUÂNG* – Dien Bien-Phu – A Lesson of Victory. *NHUÂN-VÛ* – Dien Bien Phu – The First Blow Heralding the Beginning of the Crisis of U. S Military Strategy. *PHAM-HUY-THÔNG* – How Can Chinese Books on History Deny the Existence of the Vietnamese People's four-thousand-year Civilization?

REVUE DU COMMUNISME N° 5-1984

Editorial – Promouvoir les traditions de Dien Bien Phu. *NGUYÊN-NAM-KHÂNH* – Gloire et responsabilité du combattant, défenseur de la patrie socialiste. *HOÀNG-MINH-THÀO* – Stratagèmes et situation du front dans l'offensive stratégique d'hiver-printemps 1953 – 1954 et la campagne de Dien Bien Phu. *NGUYÊN-HÛU-DAO, NGUYÊN-HÛU-HOP* – La victoire de Dien Bien Phu, résultante de la force globale du peuple tout entier. *HÔNG-QUÂNG* – Dien Bien Phu – Une leçon d'expérience tirée de la victoire. *NHUÂN-VÛ* – Dien Bien Phu : Prélude à la crise de la stratégie militaire américaine. *PHAM-HUY-THÔNG* – Vaine tentative des historiens chinois en vue de refuter la civilisation quatre fois millénaire du peuple vietnamien?

REVISTA DEL COMUNISMO N° 5-1984

Editorial – Poner en alto la tradición de Dien Bien Phu. *NGUYÊN-NAM-KHÂNH* – El honor y responsabilidad del combatiente defensor de la Patria Socialista. *HOÀNG-MINH-THÀO*–Sobre nuestra estratagema y nuestra posición en el ataque estratégico Invierno-Primavera 1953 – 1954 y en la campaña de Dien Bien Phu. *NGUYÊN-HÛU-DAO, NGUYÊN-HÛU-HOP*–La victoria de Dien Bien Phu, resultado de la fuerza global de todo el pais. *HÔNG-QUANG* – Dien-Bien-Phu – Leccion de victoria. *NHUÂN-VÛ* – Dien-Bien-Phu – Golpe inicial de la crisis de la estrategia militar norteamericana. *PHAM-HUY-THÔNG* – ¿Cómo puede la historiografía china negar la historia de 4 mil años de la nación vietnamita.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

Số 5

1984

NĂM THỨ XXX (341)

1, Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy-Tân, T. P. Hồ-Chí-Minh

Dây nói: 25768, 22040

MỤC LỤC

Xã luận — Phát huy truyền thống Điện-biên-phủ 1

NGUYỄN-NAM-KHÁNH — Vinh dự và trách nhiệm của người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa 6

HOÀNG-MINH-THẢO — Về mưu kế và thế trận trong cuộc tiến công chiến lược Đông — Xuân 1953—1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ 12

NGUYỄN-HỮU-ĐẠO ★ *NGUYỄN-HỮU-HỢP* — Chiến thắng Điện-biên-phủ, thành quả sức mạnh tổng hợp của cả nước 19

HỒNG-QUẢNG — Điện-biên-phủ — bài học thắng lợi 25

NHUẬN-VŨ — Điện-biên-phủ: dồn mở đầu cuộc khủng hoảng chiến lược quân sự Mỹ 31

Lê-nin nói về Việt-nam và Đông-dương 36

Trao đổi ý kiến *về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* ★ *PHẠM-ĐỨC-NAM* — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tỉnh Quảng-nam — Đà-nẵng ★ *LƯƠNG-DUY-ÁNH* — Xây dựng huyện nông — lâm — công nghiệp ★ *HỒNG-LONG* — Về liên kết kinh tế trên địa bàn huyện 38

Nghiên cứu ★ *QUYẾT-TIẾN* — Thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và kiến lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất cơ bản 54

Đọc sách ★ *TIẾN-HẢI* — Tư cách người đảng viên cộng sản 61

PHẠM HUY-THÔNG — Sử học Trung-quốc phủ nhận sao nổi bốn nghìn năm văn hiến của dân tộc Việt-nam? 66

Digitized by Google

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ [illegible] NG

ĐIỆN - BIÊN - PHỦ ([illegible] 7-5 1984)

Các bạn tìm đọc:

– Chiến thắng lịch sử Điện-biên-phủ (những văn kiện cơ bản của Đảng về chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện-biên-phủ)

– Sức mạnh chiến thắng Điện-biên-phủ (các báo cáo khoa học của nhiều nhà nghiên cứu về chiến thắng Điện-biên-phủ)

– Việt-nam – Điện-biên-phủ, bản anh hùng ca của thời đại (Dư luận thế giới đối với chiến thắng Điện-biên-phủ 1954)

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 2đ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B

6

6.1984

LIBRARY
OCT 05 1984
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

Digitized by Google

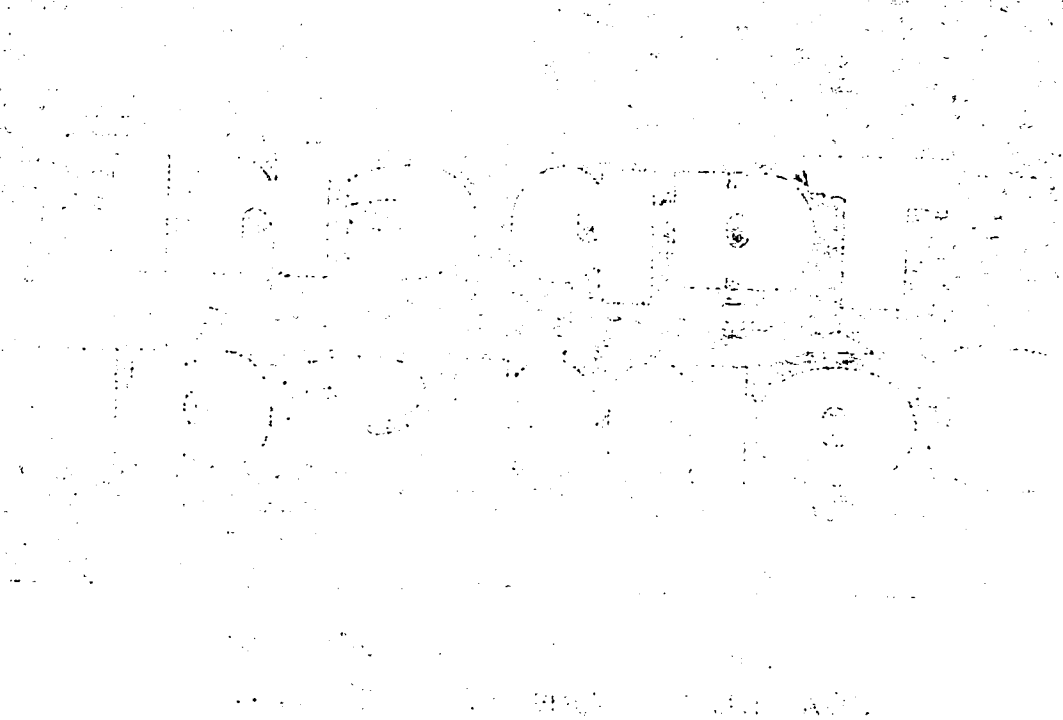

Digitized by Google

Xã luận

TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG

KIỂM tra là một chức năng chủ yếu của tổ chức Đảng. Kinh nghiệm của Đảng ta cũng như của các đảng anh em đã chỉ rõ: đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng, nhưng muốn biến đường lối, chính sách thành hiện thực, bảo đảm cho cách mạng giành được thắng lợi thì vấn đề quyết định tiếp theo là Đảng phải **rất coi trọng việc tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách ấy một cách thường xuyên, chặt chẽ.**

Lê-nin đã dạy, khi đường lối, chính sách đã được xác định, mục tiêu, phương hướng đã được thông qua thì nhiệm vụ tổ chức thực hiện phải đặt lên hàng đầu, và trọng tâm của lãnh đạo phải chuyển «từ việc soạn thảo các sắc lệnh và mệnh lệnh sang việc **lựa chọn người và kiểm tra việc thực hiện»**(1). *Lê-nin còn khẳng định:* **«Kiểm tra nhân viên công tác và kiểm tra việc chấp hành thực tế công tác** — *mấu chốt của toàn bộ công tác, của toàn bộ chính sách hiện nay là ở đấy, vẫn ở đấy và chỉ có ở đấy»* (2).

Có kiểm tra, người lãnh đạo mới nắm được tình hình thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đang diễn ra như thế nào trong thực tế, có những nhân tố, những kinh nghiệm gì tốt cần phát huy; những khuyết điểm, nhược điểm và khuynh hướng gì sai trái cần uốn nắn, những vấn đề gì cần giải quyết, bảo đảm cho các nghị quyết, chỉ thị của Đảng được chấp hành một cách đúng đắn. Có kiểm tra, các cấp ủy Đảng mới đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của phong trào, mới thấy rõ những ưu điểm, khuyết điểm của các cơ quan lãnh đạo và quản lý, mới đánh giá đúng phẩm chất, năng lực của cán bộ, đảng viên, qua đó mà có kế hoạch, biện pháp tích cực nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng các đảng bộ vững mạnh. Cùng với việc nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng, trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền, công tác kiểm tra còn góp phần

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 450.
(2) Sách đã dẫn, 1976, tập 45, tr. 19.

Digitized by Google

quan trọng vào việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý.

Công tác kiểm tra của Đảng có ý nghĩa quan trọng như vậy, cho nên từ trước tới nay, suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã chỉ rõ: « Công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền... **Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo»** (3).

Thời gian qua, công tác kiểm tra của các cấp ủy Đảng đã được tăng cường một bước, góp phần thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị và giữ gìn kỷ luật của Đảng. Công tác kiểm tra đã góp phần tạo ra chuyển biến mới trong phong cách lãnh đạo của cấp ủy Đảng. Nhiều cấp ủy Đảng đã coi trọng kiểm tra việc thực hiện các quyết định, đi sâu vào những nhiệm vụ trọng tâm, vào công tác quản lý kinh tế, sử dụng và phát huy tốt hơn lực lượng của các ban, ngành vào công tác kiểm tra và theo dõi quá trình thực hiện, làm cho sự lãnh đạo, chỉ đạo được sắc bén, đem lại hiệu quả cao hơn.

Công tác kiểm tra cũng đã góp phần tích cực vào việc nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ, kịp thời ngăn ngừa, xử lý những vi phạm của cán bộ, đảng viên, thúc đẩy việc phấn đấu xây dựng các đảng bộ vững mạnh, góp phần đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, bước đầu góp phần thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý.

Song, bên cạnh những chuyển biến tích cực ấy, nhìn chung, công tác kiểm tra của Đảng chưa được đẩy mạnh, nhất là công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng chưa được tổ chức tốt, chưa thành chế độ, nền nếp. Không ít cấp ủy Đảng mới dừng lại ở việc ra quyết định, đi vào xem xét, xử lý những vụ, việc đã xảy ra hoặc những nơi « có vấn đề », chưa đi sâu vào công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện. Vai trò lãnh đạo, kiểm tra của tổ chức Đảng chưa được đề cao đúng mức. Các ban của cấp ủy và các cơ quan thanh tra của Nhà nước chưa phối hợp tốt để giúp cấp ủy chỉ đạo có hiệu quả công tác kiểm tra. Ở một số địa phương và đơn vị cơ sở, có những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh. Nhiều việc làm sai trái của cán bộ, đảng viên, của tổ chức Đảng cấp dưới không được uốn nắn, phê phán. Tình trạng báo cáo thiếu trung thực, thói phô trương thành tích, ưu điểm, che giấu sai lầm, khuyết điểm còn diễn ra không ít. Vai trò làm chủ tập thể của quần chúng không được tôn trọng. Do thiếu kiểm tra, không đi sát cơ sở, sát thực tế, một số người lãnh đạo không nắm được tình hình, không có được những quyết định sắc sảo, kịp thời trong công tác chỉ đạo thực hiện.

★

Để tăng cường công tác kiểm tra, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, vấn đề quan trọng đầu tiên là các cấp ủy Đảng cần có nhận thức đầy đủ, sâu

(3) Văn kiện Đại hội V, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1982, tập III, tr. 122 — 123.

Digitized by Google

sắc về công tác kiểm tra của Đảng. Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc thứ V đã chỉ rõ hai nội dung chủ yếu của công tác kiểm tra của Đảng là: « kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ở các cấp, các ngành » ; và « kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất cách mạng và sự hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhân viên trong bộ máy Nhà nước » (4).

Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng là công việc trọng yếu của lãnh đạo, là một khâu then chốt trong việc tổ chức thực hiện.

Kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất cách mạng *và sự hoạt động của cán bộ, đảng viên, kiểm tra đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm tư cách đảng viên là* **việc rất trọng yếu nhằm giữ gìn kỷ luật của Đảng.**

Hai nội dung nói trên có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, thúc đẩy nhau, tăng cường hiệu quả của công tác kiểm tra. Ý nghĩa chủ yếu của công tác kiểm tra theo hai nội dung trên đây là bảo đảm sự thống nhất giữa việc ra quyết định và việc thực hiện quyết định, bảo đảm hiệu lực của công tác tổ chức thực hiện, bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng trở thành hiện thực và giữ gìn kỷ luật nghiêm minh của Đảng. Sự thống nhất giữa hai nội dung trên đây làm cho công tác kiểm tra vừa là « một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng », vừa là « một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng » như đã nói ở trên. Cần nhận thức đầy đủ quan điểm đó của Đảng, không được coi nhẹ, buông lỏng nội dung nào.

Cùng với việc nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm, còn phải biết tiến hành công tác kiểm tra theo chức trách và chế độ công tác. Báo cáo về xây dựng Đảng tại Đại hội toàn quốc thứ V đã chỉ rõ: « Việc kiểm tra các vấn đề chung về chấp hành đường lối, chính sách và các nghị quyết của Đảng đề đôn đốc, uốn nắn việc chấp hành phải do cấp ủy và các ban theo chức trách và phạm vi công tác của mình bảo đảm.

Công tác kiểm tra các vụ đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng nhằm vào các vụ vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước, tư cách đảng viên; kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng, kiểm tra tài chính của Đảng, v.v. theo quy định của Điều lệ Đảng, phải do Ủy ban kiểm tra trung ương và các cấp thực hiện » (5).

Chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, còn chỉ rõ: « Kiểm tra tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng **là trách nhiệm và thẩm quyền của cấp ủy Đảng, là nhiệm vụ của mỗi đảng viên ».**

Để thực hiện nhiệm vụ ấy, một mặt **các cấp ủy Đảng phải đích thân tiến hành;** *mặt khác phải* **sử dụng và chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các ban của cấp ủy và các ngành có liên quan cùng tham gia kiểm tra** *dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy.*

Công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cần được **xây dựng thành chế độ cụ thể ở từng cấp ủy Đảng, từng đảng**

(4) Sách đã dẫn, tập I. tr. 169.
(5) Sách đã dẫn. tập III. tr. 123.

Digitized by Google

bộ cơ sở và cần được **nâng lên trình độ khoa học**: lãnh đạo có kiểm tra, kiểm tra có chương trình, có kế hoạch, có hiệu quả.

Mỗi khi có nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cấp ủy cần nghiên cứu kỹ, đề ra kế hoạch thi hành, giao nhiệm vụ và hướng dẫn các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên nghiêm chỉnh chấp hành, phân công đảng viên vận động, lãnh đạo quần chúng thực hiện đạt cho được các yêu cầu, mục tiêu đã đề ra, trên cơ sở đó mà kiểm tra việc thực hiện.

Mặt khác, cấp ủy căn cứ vào nghị quyết của cấp trên, nghị quyết của đại hội đảng bộ và cấp ủy mình mà lập **chương trình kiểm tra**, lựa chọn những vấn đề chính yếu nhất của địa phương làm trọng tâm của chương trình, quyết định cần tập trung kiểm tra những vấn đề gì, những đơn vị nào, phân công rõ từng ban, ngành, đoàn thể thường xuyên đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, nhất là ở cơ sở. **Chương trình kiểm tra phải được coi là một nội dung quan trọng, thường xuyên trong chương trình công tác của các ban thường vụ cấp ủy.** Đồng chí bí thư và đồng chí thường trực cấp ủy có trách nhiệm chính trong việc chỉ đạo kiểm tra thực hiện. Các ban của Đảng giúp cấp ủy chỉ đạo các ngành và cấp dưới theo chức năng của mình. Ủy ban kiểm tra các cấp có vai trò rất quan trọng trong việc giúp cấp ủy kiểm tra việc thực hiện.

Ngay khi đã có chương trình, kế hoạch kiểm tra rồi, việc tổ chức, điều hành chương trình, kế hoạch kiểm tra vẫn phải do cấp ủy trực tiếp tiến hành, bởi vì chỉ cấp ủy mới có đủ năng lực và thẩm quyền chỉ đạo sự phối hợp giữa các ban, ngành, phát hiện các vấn đề và giải quyết các vấn đề một cách đúng đắn, kịp thời.

Cần phê phán, khắc phục những biểu hiện sai trái như cho rằng «kiểm tra việc thực hiện chỉ làm cho tình hình thêm rối, thêm nhiều việc», «không kiểm tra, mọi việc vẫn trôi chảy», «vẫn xây dựng được đảng bộ vững mạnh». Chính do nhận thức sai trái ấy, có những cấp ủy đã coi nhẹ việc kiểm tra, dẫn tới buông trôi lãnh đạo, thực chất là không lãnh đạo; và đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho nhiều chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước không được thực hiện đầy đủ, nhiều lệch lạc chậm được sửa chữa, nhiều công việc tiến hành chậm trễ.

Đảng bộ cơ sở là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, cho nên cần hết sức coi trọng kiểm tra việc thực hiện ở cơ sở. Tiến hành tốt việc kiểm tra thực hiện ở cơ sở chính là giúp cho đảng bộ cơ sở thực hiện có hiệu quả cao các nghị quyết, chỉ thị. Mọi đảng viên và đảng bộ cơ sở phải thật sự nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, tự giác thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đó là nguyên tắc tính Đảng đối với mọi đảng viên và mọi tổ chức Đảng.

Cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước ở huyện, quận, liên hiệp xí nghiệp, công ty phải chỉ đạo chặt chẽ công tác kiểm tra các đơn vị cơ sở, tổ chức công tác kiểm tra việc thực hiện ở tất cả các đảng bộ cơ sở thuộc các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, phân phối lưu thông, dịch vụ, hành chính sự nghiệp, các đơn vị lực lượng vũ trang... Cấp ủy cấp trên còn phải hướng dẫn các chi ủy, đảng ủy cơ sở biết cách lập chương trình, kế hoạch kiểm tra.

Các cấp ủy Đảng ở cơ sở phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên quán triệt tinh thần nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chủ trương công tác của đảng bộ,

Digitized by Google

xây dựng thành chương trình hành động cụ thể của mỗi người; đồng thời có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc sự hoạt động của từng chi bộ, từng tổ Đảng và từng đảng viên trong việc thực hiện. Có làm tốt việc đó mới có cơ sở giúp cho cán bộ, đảng viên phấn đấu, rèn luyện, tự kiểm tra mình, tham gia vào việc kiểm tra chung, và đó cũng là cơ sở để tổ chức Đảng kiểm tra công tác, phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Mặt khác, tổ chức Đảng còn phải biết giáo dục, tổ chức đông đảo quần chúng tích cực tham gia kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, ngoài những vấn đề nói trên, còn phải biết vận dụng tốt các hình thức kiểm tra: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra đột xuất **Kiểm tra, đôn đốc thường xuyên là hình thức kiểm tra chủ yếu.** *Ở các đảng bộ cơ sở, cần đặc biệt coi trọng và làm tốt việc kiểm tra, đôn đốc thường xuyên. Ở cấp huyện, quận, chủ yếu là kiểm tra định kỳ và kiểm tra theo chuyên đề; khi có vấn đề không bình thường xảy ra thì tiến hành kiểm tra đột xuất. Tùy nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra và hình thức kiểm tra mà bố trí, sử dụng lực lượng kiểm tra một cách thích hợp. Dù bằng hình thức nào, công tác kiểm tra cũng phải được* **tiến hành nghiêm túc, thận trọng, chu đáo, có kết luận rõ ràng, chính xác và đề ra được biện pháp giải quyết đến nơi đến chốn.**

Hiện nay, bên cạnh hệ thống tổ chức của Đảng, còn có hệ thống tổ chức của Nhà nước, của các đoàn thể quần chúng, của lực lượng vũ trang nhân dân... Các cấp ủy Đảng cần coi trọng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước không những trong hệ thống tổ chức Đảng mà cả trong các hệ thống tổ chức nói trên theo yêu cầu «mọi việc đều phải được kiểm tra chặt chẽ, mọi ngành đều phải tăng cường công tác kiểm tra của mình» (6). Đồng thời kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước và công tác kiểm tra có tính quần chúng của lực lượng thanh tra nhân dân.

Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng là một công việc khó khăn, phức tạp. Đối với một số cấp ủy, nhất là ở cơ sở, đây còn là công việc mới mẻ chưa có nhiều kinh nghiệm. Bởi vậy, một mặt các cấp ủy Đảng cần có sự chỉ đạo chặt chẽ; mặt khác, coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm. Chú trọng đề phòng tình trạng làm vội, làm ướt, kiểm tra một cách hình thức, không đi đến kết luận rõ ràng, không giải quyết được vấn đề gì, ảnh hưởng không tốt đến phong trào chung, đến lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Trong tình hình hiện nay, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đang là một yêu cầu bức thiết. Tiến hành tốt công tác này, các cấp ủy Đảng, các cán bộ, đảng viên chúng ta sẽ thiết thực góp phần tạo ra chuyển biến cách mạng mới, bảo đảm cho các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện nghiêm chỉnh, đem lại những thắng lợi mới cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

(6) Sách đã dẫn, tập III, tr. 123.

Digitized by Google

DIỄN VĂN CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG-CHINH
đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 30
Chiến thắng Điện biên phủ

Thưa đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn kính mến,

Thưa Đoàn chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hôm nay, mồng 7 tháng 5 năm 1984, cùng với loài người tiến bộ, nhân dân Việt nam kỷ niệm trọng thể lần thứ 30 Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ.

Trong không khí hào hùng của ngày hội lớn của nhân dân ta và cũng là ngày hội lớn của các dân tộc yêu chuộng độc lập, tự do, tôi thân ái gửi đến đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ở nước ngoài, đến anh em, bầu bạn trên thế giới lời chào mừng nhiệt liệt nhất.

Kỷ niệm lần thứ 30 Chiến thắng Điện biên phủ đến giữa lúc nhân dân ta đang đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu, ra sức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sau khi đã quét sạch các đội quân xâm lược ra khỏi bờ cõi của mình. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV, Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết của các cuộc hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tiếp theo, một khí thế thi đua sôi nổi đang dấy lên trong các lĩnh vực lao động sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Ngày hội chiến thắng của chúng ta đến trong khi tình hình thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên xô làm trụ cột đang cùng với các lực lượng cách mạng lớn mạnh không ngừng. Song chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vẫn điên cuồng tập hợp các lực lượng phản động, xúc tiến việc chuẩn bị chiến tranh hạt nhân và đánh phá phong trào cách mạng trên nhiều khu vực. Nhân dân các dân tộc tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng, quyết đánh bại các cuộc phản kích của quân thù.

Trong bối cảnh lịch sử trên đây, cuộc kỷ niệm trọng thể hôm nay mang ý nghĩa rất sâu sắc.

I

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cách đây 30 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân nước ta đã làm nên chiến thắng Điện biên phủ, đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược đại thắng trong đông – xuân 1953 – 1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Mọi người còn nhớ, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám của nhân dân Việt nam thành công, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược nước ta một lần nữa, hòng đặt lại ách thống trị thuộc địa của chúng trên khắp Đông

Digitized by Google

dương. Tướng lĩnh Pháp tưởng có thể nhanh chóng kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh xâm lược bằng « một cuộc hành quân dạo mát »! Nhưng chúng đã lầm to. Theo lời kêu gọi của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta, từ Nam đến Bắc, đã nhất tề đứng lên kháng chiến, cứu nước. Thực dân Pháp thất bại trong chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, đã buộc phải chuyển sang đánh kéo dài, ngày càng lún sâu vào thế bị động về chiến lược, gặp nhiều khó khăn về quân sự, chính trị, kinh tế...

Năm 1953, cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân Việt nam bước sang năm thứ tám. Quân và dân ta càng đánh càng mạnh, càng nắm vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.

Trong thế bị sa lầy, nguy khốn, thực dân Pháp phải yêu cầu đế quốc Mỹ viện trợ, hòng tìm một lối thoát cho cuộc chiến tranh hao người, tốn của, « cuộc chiến tranh bẩn thỉu » mà nhân dân Pháp, nhân dân tiến bộ trên thế giới phỉ nhổ và lên án nghiêm khắc.

Sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa đế quốc bị suy yếu nghiêm trọng, nhưng vẫn tìm mọi cách chống lại thế tiến công chiến lược của ba dòng thác cách mạng đã hình thành và đang cuồn cuộn dâng cao. Sau khi dính chiến ở Triều tiên, đế quốc Mỹ gây sức ép buộc Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông dương và bản thân Mỹ cũng trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh đó. Ý đồ đen tối của Mỹ là muốn gạt Pháp ra khỏi bán đảo này, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở Đông dương và kiểm soát cả vùng Đông-Nam châu Á.

Kế hoạch Na-va, một kế hoạch điên cuồng đầy tham vọng của cả Pháp và Mỹ, đã ra đời trong bối cảnh ấy. Mục tiêu của kế hoạch đó là giành thắng lợi quyết định trong vòng 18 tháng để kết thúc chiến tranh có lợi cho Pháp, và dương nhiên cũng tạo điều kiện cho Mỹ nắm lấy Đông dương.

Trung ương Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc thế chiến lược giữa ta và địch trên chiến trường, đánh giá đúng lực lượng đối sánh giữa hai bên và nhận định chính xác là thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến lâu dài đã đến. Đảng đã hạ quyết tâm giữ vững quyền chủ động chiến lược, buộc địch tiếp tục lún sâu vào thế bị động phòng ngự, phát triển mạnh mẽ thế tiến công chiến lược của ta, đập tan kế hoạch Na-va, và phát huy sức cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, chớp lấy thời cơ, giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Một kế hoạch tác chiến chiến lược trong đông-xuân 1953-1954 đã được vạch ra và được triển khai nhanh chóng. Phương châm « tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt » đã được xác định.

Cả nước Việt nam ra trận. Các chiến trường phối hợp chặt chẽ, đồng loạt tiến công. Kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích, đánh cả trước mặt, bên sườn và sau lưng địch, cả ở rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị, quân và dân ta liên tiếp giáng cho địch những đòn rất hiểm, rất đau. Chúng phải phân tán binh lực, bị động đối phó trên khắp các chiến trường, cả ở Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ, cả ở Thượng Lào, Hạ Lào và miền Đông Cam-pu-chia. Vừa được xây dựng để hòng giành lại quyền chủ động chiến lược, khối cơ động chiến lược của địch đã bị phá vỡ.

Sau những trận đầu, kế hoạch Na-va đã đứng trước nguy cơ phá sản. Vẫn hy vọng giành lại chủ động trong thế bị động, Na-va chủ quan và liều

Digitized by Google

lính đổ thêm quân tinh nhuệ của Pháp xuống Điện biên phủ, và quyết định xây dựng vị trí đó thành một tập đoàn cứ điểm rất mạnh, để thực hiện những âm mưu trước mắt và lâu dài của thực dân Pháp và của cả đế quốc Mỹ.

Thực dân Pháp muốn tạo nên một phòng tuyến vững chắc từ Điện biên phủ dọc theo sông Nậm hu đến Luông Pờ-ra-bang, thu hút và tiêu diệt chủ lực ta, phá kế hoạch tiến công của ta. Tiếp đó, sang thu — đông năm 1954, sau khi bình định xong miền Nam, sẽ tập trung lực lượng cơ động chiến lược ra chiến trường Bắc bộ, mở cuộc tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định. Nhân cơ hội đó, đế quốc Mỹ cũng muốn xây dựng Điện biên phủ thành một căn cứ không quân — lục quân chiến lược lợi hại, phục vụ lâu dài cho chính sách xâm lược của chúng ở Đông dương và Đông — Nam châu Á.

Quyết tâm và kế hoạch tác chiến chiến lược đông — xuân 1953 — 1954 của ta ngay từ đầu đã mang lại kết quả rõ rệt. Các cuộc tiến công liên tiếp của chủ lực ta nổ ra ở Lai châu (Tây bắc), ở Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, bắc Tây nguyên. Trên chiến trường hai nước láng giềng ở Đông dương, có sự phối hợp của Quân giải phóng Lào và Quân giải phóng Cam-pu-chia. Ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Chiến tranh du kích phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc bộ, Bình trị thiên, cực nam Trung bộ và Nam bộ.

Trên chiến trường cả nước, đặc biệt là ở chiến trường Bắc bộ, có thêm những thuận lợi mới cho ta. Bộ chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định *chọn Điện biên phủ làm điểm quyết chiến chiến lược của quân và dân cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.*

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, cuộc đại tiến công của quân ta vào tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ bắt đầu. Cả nước đẩy mạnh hoạt động phối hợp chiến trường với Điện biên phủ, «đem toàn lực chi viện chiến dịch Điện biên phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này» (1).

Cuộc chiến đấu ở Điện biên phủ diễn ra quyết liệt suốt 55 ngày đêm liên tục. Sau khi cân nhắc kỹ các phương án tác chiến, thấm nhuần tư tưởng «đánh chắc thắng», quân ta đã quyết định theo phương châm «đánh chắc, tiến chắc»; do đó, đã triển khai công tác chuẩn bị tiếp cho chiến dịch, từ kế hoạch tác chiến đến tổ chức lực lượng, bổ sung quân số, bảo đảm hậu cần v.v. để đánh địch trong một chiến dịch quy mô lớn, dài ngày, xa hậu phương chiến lược.

Với tinh thần *quyết chiến, quyết thắng*, quân ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng, phát huy tác dụng của các loại vũ khí có trong tay, tìm ra nhiều cách đánh sáng tạo, vừa đánh hợp đồng, vừa đánh độc lập, xây dựng trận địa tiến công và vây hãm quân thù, hạn chế đến mức tối đa ưu thế của địch về không quân, pháo binh và xe tăng; hạn chế đi đến triệt hẳn nguồn tiếp tế và tiếp viện của chúng. Cuối cùng, ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện biên phủ vào chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954 (2).

Chúng ta đã toàn thắng trong cuộc tiến công chiến lược đông — xuân 1953 — 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện biên phủ. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn!

---

(1) Nghị quyết của Bộ chính trị, ngày 19 tháng 4 năm 1954.

(2) Trong chiến dịch Điện biên phủ, ta đã tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch thuộc các đơn vị thiện chiến nhất của quân đội viễn chinh Pháp ở Đông dương, cùng với toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh. Tính chung trên toàn chiến trường Đông dương trong đông — xuân 1953 — 1954, Pháp đã mất hơn 110000 quân và rất nhiều trang bị kỹ thuật hiện đại.

Digitized by Google

Quân và dân ta đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của Pháp có Mỹ giúp sức, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông dương.

Cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt nam, chống cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của Pháp, đã giành được thắng lợi vĩ đại.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Ba mươi năm đã qua. Điện biên phủ, cái tên kỳ diệu ấy đã đi vào lịch sử dân tộc ta như Bạch đằng, Chi lăng, Đống đa... Thời gian không làm phai mờ *ý nghĩa thắng lợi vĩ đại của Điện biên phủ*, của cuộc toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp, trái lại càng làm nổi bật tinh thần cách mạng, khí phách anh hùng của dân tộc Việt nam.

Cuộc tiến công chiến lược đông — xuân 1953 — 1954 với chiến dịch Điện biên phủ là kết cục tất yếu của cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa của dân tộc Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác — Lê-nin. Nó phản ánh tính tất yếu thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng Tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ ở ba nước Đông dương, đưa cách mạng Việt nam chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thực dân mới của đế quốc Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đối với phong trào cách mạng thế giới, sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và tiếp đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt nam chống thực dân Pháp xâm lược đã mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, đánh dấu một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Điện biên phủ và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng là hồi kèn chiến thắng của nhân dân ta trong trận đấu chống bọn can thiệp Mỹ, là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ, cứu nước, chuẩn bị cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt nam với đế quốc Mỹ sau này.

Điện biên phủ mãi mãi là niềm tự hào chính đáng của dân tộc Việt nam, là niềm tin sắt đá của các dân tộc bị áp bức vùng lên chiến đấu để tự giải phóng cho mình.

Cuộc sống càng chứng minh nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng:

Chiến thắng Điện biên phủ «*là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta và cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện biên phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong thời đại ngày nay: chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thành công*» (3).

Thưa các đồng chí và các bạn,

Điện biên phủ là thắng lợi của độc lập dân tộc đối với chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc.

---

(3) Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt, họp ngày 27 và 28-3-1964, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr. 293.

Digitized by Google

Điện biên phủ chứng minh một chân lý : *trong thời đại ngày nay, một dân tộc dất không rộng, người không đông, nhưng quyết tâm chiến đấu, đoàn kết chặt chẽ, có đảng Mác — Lê-nin chân chính lãnh đạo, lại được sự ủng hộ quốc tế, thì hoàn toàn có thể lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và đánh bại chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập, tự do.*

Chân lý ấy lại được chứng minh trong cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc Việt nam với đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ trong hàng ngũ đế quốc.

Chân lý ấy cũng được chứng minh trong cuộc chiến tranh chống bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc, một kẻ thù xâm lược mới, có số dân và số quân đông, ở liền đất, liền trời, liền biển với nước ta.

Vì sao dân tộc Việt nam, một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế lạc hậu, lại có thể đánh thắng những kẻ thù xâm lược lớn hơn mình gấp nhiều lần ?

Câu trả lời có thể tóm tắt như sau : *nhân dân Việt nam nồng nàn yêu nước, đoàn kết một lòng, quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, lại có sức mạnh hỗ trợ của thời đại.*

Chúng ta quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, vì nhân dân ta có *truyền thống yêu nước nồng nàn, có ý thức độc lập, tự chủ cao.* « Nước mất, nhà tan », đạo lý ấy thấm sâu vào tình cảm và lý trí của các thế hệ người Việt nam, từ đời này qua đời khác. Mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, mọi người Việt nam đều đứng lên giữ nước, giữ nhà, bằng những cách đánh giặc thông minh và dũng cảm.

Lòng yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước của nhân dân ta đã được khơi dậy và bùng lên, khi cách mạng Việt nam được ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin do Chủ tịch Hồ Chí Minh mang lại. Cách mạng Việt nam bước vào quỹ đạo của cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới. Từ khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân Việt nam càng có ý thức sâu sắc về vai trò lịch sử, về khả năng và sức mạnh của mình. Do đó, đã quyết tâm chiến đấu, đoàn kết một lòng, đi theo con đường mà Đảng đã vạch ra.

Quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng còn bắt nguồn từ *đường lối đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta.*

Đó là đường lối chính trị lãnh đạo toàn dân làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài (1), dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ viện trợ quốc tế. Thực hiện đường lối kháng chiến đó, quân và dân ta đã nghĩ ra nhiều cách đánh rất tài tình. Đó là cách đánh thích hợp với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước, phát huy truyền thống và kinh nghiệm lâu đời của chiến tranh nhân dân Việt nam — vươn lên chính quy và hiện đại — với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt do quân và dân ta sáng tạo ra. Cách đánh ấy thấm nhuần tư tưởng cách mạng tiến công, luôn luôn chủ động và kiên quyết tiêu diệt địch, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, « thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ! ». Nhờ vậy, quân và dân ta cuối cùng đã đánh thắng những đội quân nhà nghề của chủ nghĩa thực

(1) Toàn dân đánh giặc chứ không phải chỉ có bộ đội đánh giặc ; đánh về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... ; luôn luôn tiêu diệt và tiêu hao địch, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, bảo đảm đủ sức đánh lâu, càng đánh càng mạnh, nhằm đạt thắng lợi cuối cùng.

Digitized by Google

dân, chủ nghĩa đế quốc. Chính tên bại tướng Na-va đã phải thừa nhận: «Bao giờ Việt minh cũng từ chối chiến tranh cổ điển và bắt Pháp phải theo hình thức chiến tranh của họ», cuộc chiến tranh mà «chưa có một Học viện quân sự nào nghiên cứu kỹ lưỡng» (5).

Với chính sách vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống phong kiến với nhiệm vụ chống đế quốc, kết hợp huy động sức dân với bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài, Đảng đã chủ trương phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến. Hậu phương của cuộc chiến tranh nhân dân không ngừng được củng cố và tăng cường, chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của, tạo thêm sức mạnh vật chất và tinh thần cho tiền tuyến.

Với cải cách ruộng đất, Mặt trận dân tộc thống nhất trên nền tảng liên minh công nông được mở rộng một cách vững chắc, điều đó cho phép động viên và phát triển sức mạnh tiềm tàng của đất nước, của dân tộc. Sức mạnh ấy là sản phẩm của sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng quân sự, kết hợp sức mạnh của truyền thống dân tộc với sức mạnh hiện tại về mọi mặt của toàn dân.

Để đánh thắng những tên đế quốc to, Đảng ta đã ra sức xây dựng *lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu* với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Đó là mũi mác của cuộc kháng chiến, là lực lượng nòng cốt của toàn dân đánh giặc.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, lực lượng vũ trang nhân dân của ta đã phát huy được bản chất cách mạng tốt đẹp, có tinh thần chiến đấu dũng cảm, có kỷ luật tự giác, nghiêm minh, có tổ chức vững mạnh, có trang bị từ thô sơ tiến đến hiện đại, nắm được khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng. Với lực lượng nòng cốt đó, nhân dân ta đã đánh thắng được các đội quân xâm lược của thực dân Pháp, của đế quốc Mỹ và của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc.

Chúng ta biết đánh và biết thắng còn vì quân và dân ta chiến đấu trong sự *phối hợp chặt chẽ với quân và dân Lào, quân và dân Cam-pu-chia* trên toàn chiến trường Đông dương. Chúng ta lại luôn luôn *tăng cường đoàn kết quốc tế*, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của cả loài người tiến bộ. Nhân dân Việt nam làm nhiệm vụ dân tộc của mình, đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước trên bán đảo Đông dương và tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân toàn thế giới, vì vậy đồng minh của nhân dân Việt nam rất rộng, bầu bạn của nhân dân Việt nam rất đông.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại mới, Đảng ta đã thống nhất được cuộc chiến đấu của nhân dân ta với thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Chính hai nguồn sức mạnh đó đã chắp cánh cho cách mạng Việt nam, cho chiến tranh nhân dân Việt nam đạt tới đích cuối cùng.

Quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, nhân dân Việt nam đã thắng trong chiến tranh giải phóng dân tộc và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trong kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc cũng như trong chiến đấu chống chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền.

Chiến tranh nhân dân Việt nam là một kinh nghiệm sáng tạo thành công của thời đại, một thắng lợi vĩ đại

(5) Na-va: *Đông-dương hấp hối*. Pa-ri. 1956, tr. 38—39.

Digitized by Google

của phong trào giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX này.

Bằng kinh nghiệm của mình, nhân dân Việt nam đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm của các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do.

Thắng lợi rực rỡ của nhân dân Việt nam và của nhiều dân tộc trên các lục địa, từ Cu-ba, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi, Mô-dăm-bích, từ Ni-ca-ra-goa đến En Xan-va-đo v.v. đang cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Những thắng lợi đó đang làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời góp phần mở rộng hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội.

Bộ mặt của thế giới đang thay đổi nhanh chóng!

II

Thưa các đồng chí và các bạn,

Truyền thống Điện biên phủ là sự kế thừa và phát triển truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam, qua hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước; truyền thống của các anh hùng cứu nước: Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.

Phát huy truyền thống Điện biên phủ, trải qua mấy chục năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh, mùa Xuân năm 1975, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giành thắng lợi hoàn toàn. Tổ quốc ta độc lập, tự do và thống nhất.

Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IV và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm đưa nước ta tiếp tục tiến lên.

Với niềm tự hào vô hạn và nguồn sinh lực mới, với truyền thống Điện biên phủ, truyền thống chiến dịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đang ra sức phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: *xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.*

Chín năm qua, *phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động*, tinh thần tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở, chúng ta đã ra sức khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh xâm lược do đế quốc Mỹ, bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc cùng bè lũ tay sai gây nên. Chúng ta khôi phục và phát triển lực lượng sản xuất, thiết lập quan hệ sản xuất mới ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, từng bước ổn định và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tăng cường và củng cố quốc phòng. Ở mỗi địa phương, mỗi ngành đều nổi lên những điển hình tiên tiến, với những kinh nghiệm sáng tạo phong phú.

Chúng ta đã phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt. Đặc biệt là từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, *nền kinh tế nước ta đang chuyển biến theo hướng đi lên, ổn định dần từng mặt, tạo tiền đề cho những bước phát triển mới.*

Nhân dịp này, thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã giành được trong những năm qua.

Đồng thời, chúng ta cũng cần nhận rõ rằng những tiến bộ đã đạt chưa được vững chắc, chưa đều. Đó là do

Digitized by Google

việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một vấn đề mới mẻ, Đảng và Nhà nước ta chưa có nhiều kinh nghiệm, vì vậy chúng ta khó tránh những khuyết điểm.

Chúng ta chưa có kế hoạch tốt nhằm khai thác, tận dụng lao động, đất đai, ngành nghề và cơ sở vật chất — kỹ thuật sẵn có; còn lãng phí nhiều năng lực sản xuất; năng suất lao động xã hội còn thấp. Công tác quản lý kinh tế và kế hoạch hóa chưa bảo đảm cho các cấp cùng nhau thật sự làm chủ để động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân; của trung ương và địa phương. Một số chính sách cụ thể rất cần thiết, nhưng chưa được đề ra, hoặc đã đề ra, nhưng chưa hoàn chỉnh. Bộ máy quản lý kinh tế còn cồng kềnh, nặng về hành chính, quan liêu, bao cấp, xem nhẹ tổ chức kinh doanh, gây trở ngại cho sản xuất. Việc sắp xếp lại sản xuất, nhất là sản xuất công nghiệp, làm chậm. Việc phân công, phân cấp quản lý kinh tế còn những vướng mắc chưa được giải quyết. Một số địa phương, cấp và ngành còn biểu hiện tư tưởng tự do chủ nghĩa, cục bộ, bản vị. Sản xuất phát triển chậm; phân phối lưu thông còn nhiều thiếu sót; đời sống nhân dân nói chung còn nhiều khó khăn.

Là những người cách mạng, trong khi khẳng định những thành tích to lớn đã đạt được, chúng ta dũng cảm nhìn nhận những thiếu sót trong công tác. Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy truyền thống Điện Biên phủ anh hùng, động viên tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nêu cao ý thức tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo của tất cả các cấp, các ngành, nhất định chúng ta sẽ khắc phục được khó khăn, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi trong đồng bào cả nước, phong trào thi đua sản xuất và công tác, quyết tâm thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm 1984, phấn đấu đạt được các mục tiêu kinh tế — xã hội đã đề ra trong nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên mạnh mẽ.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, quân và dân ta phải ra sức *tăng cường củng cố quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh, đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn phản động Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đồng thời sẵn sàng đánh bại chiến tranh xâm lược với mọi quy mô của nó.*

Những cuộc bắn pháo trên khắp các tỉnh biên giới phía bắc nước ta và một số cuộc tiến công lấn chiếm bằng bộ binh của Trung quốc ở tỉnh Lạng sơn và tỉnh Hà tuyên trong tháng 1 vừa rồi là những bằng chứng hùng hồn mới khiến quân và dân ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, không chút mơ hồ, ảo tưởng đối với bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc.

Phải bảo đảm nước ta ngày càng mạnh; không ngừng củng cố và hoàn thiện thế phòng thủ đất nước, thế trận của chiến tranh nhân dân trên từng địa phương và trong cả nước, nhất là ở khu vực tuyến đầu, tại các vùng xung yếu. Trong khi tập trung sức lực vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, các ngành, các địa phương phải thật sự góp phần chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với mọi tình thế.

Toàn Đảng, toàn dân ta phải chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân với ba thứ quân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, « trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng».

Quân và dân ta phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, chủ động đập tan mọi âm mưu phá hoại, bạo loạn, mọi hành động chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Phải tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện cuộc vận động « Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân » và các cuộc vận động khác, lập thành tích chào mừng kỷ niệm ngày chiến thắng lịch sử này, kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt nam và các ngày kỷ niệm lớn trong năm tới.

Đồng thời, quân và dân ta phải ra sức hoàn thành nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Tình hình thế giới hiện nay rất căng thẳng. Đó là do các thế lực phiêu lưu và hiếu chiến Hoa kỳ đang điên cuồng đẩy mạnh cuộc chạy đua vũ trang và bố trí tên lửa hạt nhân ở Tây Âu, hòng làm thay đổi cán cân lực lượng trên thế giới có lợi cho chúng. Chúng đặt loài người trước nguy cơ thật sự của một cuộc chiến tranh hạt nhân mà hậu quả không thể lường hết được!

Trước tình hình đó, Liên xô buộc phải có những biện pháp đối phó cần thiết, không cho phép bọn đế quốc hiếu chiến giành ưu thế quân sự. Phong trào hòa bình chống chiến tranh hạt nhân phát triển mạnh mẽ ngay trong các nước thuộc khối NATO. Thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới được đẩy mạnh. Nhân dân các nước kiên quyết chặn bàn tay của bọn hiếu chiến, từng bước đẩy lùi và ngăn ngừa nguy cơ của chiến tranh hạt nhân dưới bất cứ quy mô và hình thức nào.

Chúng ta nhiệt liệt ủng hộ tuyên bố quan trọng ngày 2 tháng 3 năm 1984 của đồng chí Côn-xtan-tin U-xti-nô-vích Trê-nen-cô, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên xô, thể hiện đường lối đối ngoại nhất quán, chính sách hòa bình đầy thiện chí và tinh thần trách nhiệm cao của Liên xô đối với toàn thể loài người. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và ủng hộ lập trường nguyên tắc và những đề nghị có tính xây dựng của Liên xô nhằm ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân mà đế quốc Mỹ đang mù quáng lao vào. Một lần nữa, chúng ta khẳng định tình đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô, với tất cả các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, coi đó là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta.

Trong khi đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân, đế quốc Mỹ tập hợp các thế lực phản động khác, liên tiếp gây ra những cuộc xung đột vũ trang, những cuộc chiến tranh khu vực, hòng giành lại những vị trí đã mất và giữ những vị trí còn lại của chúng, tạo nên nhiều vùng nóng bỏng trên các lục địa. Chúng ta kiên quyết lên án đế quốc Mỹ xâm lược và chiếm đóng Grê-na-đa, can thiệp vào Ni-ca-ra-goa, En Xan-va-đo và nhiều nơi khác trên thế giới, đe dọa nước Cộng hòa Cu-ba. Chúng ta kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân toàn thế giới.

Đông — Nam châu Á là một trong những vùng nóng bỏng nhất trên thế giới hiện nay. Ở đây, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc kinh đang tiếp tục thực hiện những mưu mô phá hoại, xâm lược và thôn tính

Digitized by Google

Việt nam, thôn tính toàn bán đảo Đông dương, để tràn xuống Đông—Nam châu Á, hướng bành trướng chủ yếu trong chiến lược làm bá chủ toàn cầu của chủ nghĩa Mao. Bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ, đang ra sức sử dụng bọn tay sai ở khu vực này để gây nên sự đối đầu gay gắt giữa các nước ASEAN với ba nước Đông dương, nhằm thực hiện âm mưu đen tối của chúng. Cuộc đi thăm của Rigân tại Trung quốc mới đây là nhằm chống lại hòa bình, chống nhân dân toàn thế giới. Đó là sự tiếp tục những chuyến đi trước đây của Nichxơn sang Trung quốc và của Đặng Tiểu Bình sang Mỹ, những mốc đánh dấu quá trình câu kết giữa Mỹ và Trung quốc đã có từ lâu và ngày càng chặt chẽ thêm.

Những giới có thế lực ở một số nước ASEAN vẫn ngoan cố đi theo Trung quốc đối đầu với Việt nam, với các nước Đông dương. Nhà cầm quyền Thái-lan vẫn tiếp tục cho tàn quân Pôn Pốt dùng vùng biên giới Thái-lan giáp Cam-pu-chia làm « đất thánh »; quân đội Thái-lan còn xâm phạm lãnh thổ Cam-pu-chia, tham gia các trận đánh bên cạnh bọn Pôn Pốt, chống lại quân đội cách mạng Cam-pu-chia đang chiến đấu để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình.

Nhưng trong các nước ASEAN, có một số giới ngày càng nhận rõ âm mưu và bản chất thâm độc của Trung quốc. Dần dần họ hiểu rằng nguy cơ thật sự đối với nước họ là từ Trung quốc. Một số giới còn lo ngại rằng con đường nam tiến của Bắc kinh, về lâu dài mà nói, không chỉ dừng lại ở Xinh-ga-po. Trước chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, khuynh hướng tán thành đối thoại, không tán thành đối đầu giữa các nước ASEAN và các nước Đông dương đã bắt đầu xuất hiện.

Phải khẳng định rằng, *đối với Việt nam, đối với hai nước Lào và Cam-pu-chia, chiến lược và sách lược của Trung quốc chẳng những chưa hề thay đổi mà còn tỏ ra thù địch hơn.*

Bất chấp mọi hành động khiêu khích và phá hoại thâm độc của Bắc kinh, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam vẫn vững vàng tiến về phía trước. Cách mạng Cam-pu-chia tiếp tục giành thắng lợi, từng bước đánh bại kế hoạch phá hoại nhiều mặt của bọn phản động, kể cả những hoạt động « du kích theo kiểu Mao » do tàn quân Pôn Pốt tiến hành. Cách mạng Lào tiếp tục đi lên, làm thất bại các âm mưu phá hoại và lật đổ của bè lũ tay sai bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc. Cục diện chung trên toàn bán đảo Đông dương ngày càng thuận lợi cho cách mạng và hòa bình ở khu vực này.

Một lần nữa, chúng ta tuyên bố: nhân dân Việt nam luôn luôn tôn trọng tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước Việt—Trung, mong muốn cùng tồn tại hòa bình và hữu nghị với Trung quốc và các nước khác ở Đông—Nam Á. Nhưng quân và dân Việt nam kiên quyết chống lại chủ nghĩa bành trướng và chủ nghĩa bá quyền của nhà cầm quyền Bắc kinh và chính sách thù địch của họ đối với nước ta, cũng như đối với Lào và Cam-pu-chia, kiên quyết đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược, vì độc lập, tự do của Tổ quốc mình.

Bài học Điện biên phủ vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi đối với tất cả những bọn xâm lược và bè lũ tay sai của chúng.

★

Thưa các đồng chí và các bạn,

Ba mươi năm sau chiến thắng oanh liệt ở Điện biên phủ, Tổ quốc ta đã trải qua nhiều thử thách, gian nan, nhưng vẫn hiên ngang tiến bước.

Digitized by Google

Bằng xương máu và mồ hôi của mình, dân và quân ta đã ghi tiếp biết bao chiến công rực rỡ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và đang đứng trước những triển vọng tốt đẹp.

Hôm nay, kỷ niệm lần thứ 30 Chiến thắng lịch sử Điện biên phủ và cuộc kháng chiến thắng lợi chống thực dân Pháp, chúng ta tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu và người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam. Với tầm mắt chiến lược thiên tài, Người đã cùng Trung ương Đảng dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhớ đến công lao trời biển của Người, chúng ta thấy như Người luôn luôn bên cạnh chúng ta, đang cùng chúng ta mừng ngày hội chiến thắng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta *quyết làm thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Người.*

Tổ quốc Việt nam đời đời ghi công các chiến sĩ đã hy sinh anh dũng ở Điện biên phủ và trên các chiến trường trong hơn 30 năm chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, làm nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Tấm gương sáng của các anh hùng, liệt sĩ sống mãi với non sông đất nước, sống mãi trong lòng nhân dân Việt nam.

Chúng ta vô cùng tự hào về Đảng cộng sản Việt nam quang vinh, một đảng Mác – Lê-nin chân chính, người lãnh đạo sáng suốt của giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam.

Chúng ta vô cùng tự hào về nhân dân ta, một dân tộc anh hùng, thấm nhuần chân lý sáng ngời « Không có gì quý hơn độc lập, tự do », trải qua đấu tranh kiên cường, bất khuất, đã viết nên những trang sử vẻ vang.

Chúng ta vô cùng tự hào về quân đội ta, một quân đội nhân dân nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và tinh thần quốc tế vô sản, đã cùng toàn dân lập những chiến công vĩ đại, từ Điện biên phủ đến đại thắng mùa Xuân năm 1975 và thắng lợi oanh liệt mùa Xuân năm 1979.

Nhân ngày hội lớn này, chúng ta tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự ủng hộ và giúp đỡ đầy tình nghĩa anh em của nhân dân Liên xô, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa khác và của cả loài người tiến bộ đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt nam.

Phấn khởi, tin tưởng, hướng về tương lai tươi sáng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn, quyết đem hết tinh thần và lực lượng giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

– Sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt nam nhất định thắng!

– Sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội nhất định thắng!

– Tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Điện biên phủ muôn năm!

– Đảng cộng sản Việt nam, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam, muôn năm!

– Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam muôn năm!

– Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

– Tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

Digitized by Google

TỘI ÁC MỚI CỦA BỌN PHẢN ĐỘNG TRUNG QUỐC

BỌN bành trướng bá quyền Trung quốc lại cho quân tiến hành chiến tranh pháo kích và xâm nhập vũ trang lãnh thổ Việt nam, gây vô vàn tội ác đối với đồng bào ta.

Liên tục từ đầu tháng 4-1984 đến nay, không ngày nào là quân Trung quốc không bắn phá gây tội ác suốt dọc tuyến biên giới từ Quảng ninh đến Lai châu. Chúng đã bắn 3 vạn đạn pháo, cối các loại, tên lửa H12 và nhiều loạt súng bộ binh vào hầu hết các huyện biên giới của 6 tỉnh phía bắc Việt nam.

Tại *Quảng ninh*: từ 12 giờ ngày 2-4-1981 đến nay, pháo binh Trung quốc đã bắn phá dữ dội hơn 5000 đạn pháo, cối vào nhiều điểm cao, khu dân cư, thị trấn Móng cái, bệnh viện, trường học, đường giao thông, đập thủy lợi; đồng thời cho lính thâm nhập vào huyện Hải ninh. Quân Trung quốc đã làm chết một số dân thường trong đó có 1 giáo viên, 3 học sinh, phá hỏng nhiều nhà ở, nhiều cánh đồng; nông trường Hải hòa bị đạn pháo Trung quốc cày xới, phá nát.

Tại *Lạng sơn*: địch pháo kích bắt đầu từ 9 giờ ngày 2-4-1984. Quân Trung quốc đã bắn trên một vạn đạn pháo cối và H12 vào tất cả 5 huyện biên giới. Chúng bắn vào cả đồng bào đang tảo mộ dịp tết Thanh minh, làm chết một số người, phá nát nhiều nhà dân, ruộng lúa và thuốc lá. Nghiêm trọng hơn, từ 21 giờ ngày 5-4-1984 đến sáng 6-4-1984, chúng bắn dồn dập hàng nghìn đạn pháo vào các xã Quốc khánh, Tri phương, sau đó cho hai tiểu đoàn bộ binh tiến công các điểm cao 820 và 636 nằm sâu trong nội địa xã Quốc khánh huyện Tràng định. Quân và dân địa phương nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu đã kịp thời trừng phạt đích đáng, làm thất bại âm mưu lấn chiếm lãnh thổ Việt nam của bọn phản động Trung quốc ngay từ đầu.

Tại *Cao bằng*: từ 11 giờ ngày 2-4-1984 đến nay, địch đã bắn vào tất cả 8 huyện biên giới. Chúng bắn vào thị trấn Sóc giang, thị trấn Hà quảng cách đường biên giới gần 10 ki lô mét, làm chết một số dân thường, trong đó có 1 cụ già, 2 em dưới mười bảy tuổi, làm cháy 20 nhà dân, giết hại nhiều trâu bò, phá nát nhiều ruộng lúa, hoa màu, cây công nghiệp.

Tại *Hà tuyên*: từ 9 giờ 30 phút ngày 2-4-1984, quân Trung quốc nã pháo, cối, tên lửa H12 vào 7 huyện biên giới, có nơi sâu trên 10 ki lô mét. Thiệt hại mà quân Trung quốc gây ra ở tỉnh Hà tuyên là rất lớn, trên bốn mươi người chết và bị thương; nhà cửa, kho hàng hóa, lương thực, vật tư nông nghiệp, trạm thủy điện bị phá hủy trị giá trên 2 triệu 30 vạn đồng;

Digitized by Google

hàng trăm héc-ta rừng, lúa, hoa màu, vườn chè bị cày nát không thu hoạch được. Bọn phản động tung nhiều tên thám báo, biệt kích vào các huyện Đồng văn, Mèo vạc, Yên minh hoạt động tình báo, hoạt động chiến tranh tâm lý, phục kích ám sát. Ngày 18-4-1984, sau khi bắn hơn 1000 đạn pháo, hai đại đội bộ binh Trung quốc tiến công điểm cao 1250 : chúng bị quân và dân địa phương đánh trả mạnh mẽ phải tháo chạy về Trung quốc. Đặc biệt nghiêm trọng, trong các ngày 28 và 29-1-1984, bọn phản động Trung quốc đã huy động 3 trung đoàn thuộc sư đoàn 40, quân đoàn 11, đại quân khu Côn minh, tiến công lấn chiếm các điểm cao 1509, 772 và 233 thuộc huyện Vị xuyên. Đây là hành động leo thang chiến tranh nghiêm trọng của nhà cầm quyền Trung quốc, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Việt nam và phá hoại an ninh của nhân dân Việt nam vùng biên giới. Quân và dân ta đã kịp thời giáng trả quân xâm lược, chiến đấu ngoan cường, bảo vệ từng tấc đất, tiêu diệt nhiều địch và bắt được tù binh.

Tại *Hoàng liên sơn* : cùng với hành động bắn phá vào điểm cao 1383 và Bắc thị trấn Mường khương, bọn phản động Trung quốc tăng cường tung thám báo sang, đo thám, phục kích, gài mìn ở các đường mòn, nương rẫy. Các ngày 1, 3, 8, 9, 16 và 17-1-1984, chúng thâm nhập vào các huyện Bát xát, Mường khương, nổ súng bắn vào đồng bào đang sản xuất, làm chết và bị thương 10 người.

Tại *Lai châu* : quân Trung quốc đã pháo kích vào các huyện Phong thổ, Sìn hồ, phá hủy nhiều khu rừng gỗ quý, bắn cháy 10 nhà dân, làm chết và bị thương 1 người.

Hành động chiến tranh bắn phá và lấn chiếm lãnh thổ Việt nam của bọn phản động Trung quốc hết sức dã man, thâm độc, nghiêm trọng và rõ ràng. Mục tiêu bắn phá của chúng là các khu dân cư, trường học, các cánh đồng, các kho hàng hóa vật tư nông nghiệp, trạm thủy điện, trục giao thông, cả những nơi nhân dân sơ tán tránh đạn. Chúng bắn phá nhiều lần ở nhiều khu vực với mật độ dày đặc : thị trấn Móng cái, Bản chắt, điểm cao 820 và 636, thị trấn Sóc giang, ngã ba Thanh thủy, khu vực núi Bạc xã Bạch đích huyện Yên minh tỉnh Hà tuyên (2 quả/1m²)... Chúng bắn phá lúc dồn dập, lúc rải rác, lúc bắn ban ngày lúc bắn ban đêm, gây nên tình hình thường xuyên căng thẳng ở toàn tuyến biên giới hòng làm cho đồng bào ta không yên ổn làm ăn học tập bình thường. Đây là bằng chứng cho thấy chính sách thù địch chống Việt nam của bọn phản động Trung quốc không hề thay đổi mà càng độc ác, ngoan cố hơn. Những hành động này tự nó lột trần bộ mặt xâm lược tàn bạo của bọn bành trướng bá quyền Trung quốc. Hành động đánh vào dân thường, phá hoại kinh tế và đặc biệt tiến công lấn chiếm các điểm cao 820, 636, 1250, 1509, 772, 233, vi phạm độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt nam của bọn phản động Trung quốc đã bị quân và dân Việt nam trừng trị ngay từ đầu. Nhiều trận địa pháo, kho đạn của Trung quốc chuyên gây tội ác đối với nhân dân ta đã bị quân ta giáng trả ; nhiều tên thám báo lén lút thâm nhập vào lãnh thổ Việt nam bị diệt hoặc bị bắt. Quân và dân ta ở biên giới đã đánh hay, đánh giỏi, thắng lợi giòn giã và sẽ còn giáng trả những đòn đau hơn nữa nếu quân Trung quốc còn liều lĩnh xâm phạm chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Bọn phản động Trung quốc dù có lớn tiếng xuyên tạc, những luận điệu chiến tranh tâm lý bịp bợm xảo trá không thể che giấu, lấp liếm những tội ác dã man của chúng. Phương ngôn có câu « Bàn tay bé không che

(Xem tiếp trang 24)

Digitized by Google

ĐẨY NHANH TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

Giáo sư ĐẶNG HỮU

«*Làm tốt việc ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật* vào sản xuất và đời sống» (1) là «một trong những nhân tố hàng đầu trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy quá trình tái sản xuất mở rộng» (2). Đó là một trong những biện pháp quan trọng nhằm thực hiện bốn mục tiêu kinh tế và xã hội mà Đại hội thứ V của Đảng đã đề ra.

Từ trước Đại hội thứ V của Đảng, nghị quyết của Bộ chính trị *Về chính sách khoa học và kỹ thuật* cũng đã khẳng định: «Trong điều kiện kinh tế càng khó khăn, trình độ kỹ thuật của sản xuất càng thấp kém, thì càng phải chú trọng đầu tư cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật». Nghị quyết đã xác định mục tiêu cơ bản của chính sách khoa học và kỹ thuật của nước ta là phải tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, xây dựng một nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến, áp dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật, nhằm tăng nhanh năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội với hiệu quả kinh tế và xã hội cao.

Theo tinh thần nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng *Về công tác khoa học và kỹ thuật* ra ngày 17-5-1983, lại quyết định một loạt biện pháp quan trọng về quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội, khoa học và kỹ thuật.

Hoàn thiện quản lý theo hướng thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, tạo điều kiện phát triển theo chiều sâu, đó chính là xu thế của thời đại, phù hợp với trào lưu chung của các nước xã hội chủ nghĩa trong việc kết hợp những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật với tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, tạo ra những biến đổi cách mạng về lực lượng sản xuất, cơ sở để củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

★

Từ lâu, Đảng và Nhà nước ta đã chăm lo xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật. Đến nay

(1), (2) Văn kiện Đại hội V của Đảng. *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1982, tr. 52, 119.

Digitized by Google

chúng ta đã có trên 160 cơ sở nghiên cứu khoa học, trên 80 trường đại học và cao đẳng. Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật của ta đông về số lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề, có trình độ chuyên môn và phẩm chất chính trị. Đội ngũ ấy bao gồm gần 30 vạn cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng, trên 4 nghìn phó tiến sĩ, tiến sĩ, hơn 60 vạn cán bộ trung học chuyên nghiệp. Đội ngũ đó đang phát huy tác dụng trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, đảm nhận hầu hết các khâu kỹ thuật mà những năm trước đây ta phải nhờ chuyên gia nước ngoài giúp đỡ, nhanh chóng làm chủ các công trình chuyển giao kỹ thuật của nước ngoài; tích lũy được những kinh nghiệm nhất định trong việc lập quy hoạch, thiết kế và thi công nhiều công trình quan trọng; đảm đương việc đào tạo đại học cho hầu hết các chuyên ngành và đang tham gia tích cực vào việc đào tạo trên đại học thuộc nhiều ngành khoa học và kỹ thuật khác nhau. Trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục.... chuyên gia của ta ở nước ngoài đã giành được uy tín về trình độ chuyên môn và tinh thần phục vụ. Nhiều nhà khoa học Việt nam có những công trình khoa học được thế giới đánh giá cao. Số lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật nói chung cũng như số cán bộ làm công tác nghiên cứu nói riêng so với số dân ở nước ta đã vượt xa nhiều nước đang phát triển.

Trong mấy năm vừa qua, theo phương hướng các nghị quyết của Đảng về khoa học và kỹ thuật, lực lượng cán bộ khoa học và kỹ thuật trong cả nước ngày càng hướng các hoạt động của mình vào phục vụ việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, phục vụ sản xuất và đời sống, và đã thu được những kết quả đáng kể. Nhiều đề tài trong hệ thống các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước được thực hiện có kết quả, cùng với nhiều thành tựu nghiên cứu khoa học và kỹ thuật đã có từ trước, cho phép kết luận và áp dụng vào thực tiễn nhiều tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả kinh tế rõ rệt; đóng góp đáng kể vào việc phát triển sản xuất, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm, trong một số ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản...; tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, tăng nguồn hàng xuất khẩu, thay thế được nhiều mặt hàng mà trước đây ta phải nhập khẩu.

Tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã trở thành một trong những nhân tố góp phần làm cho sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm một triệu tấn, sản lượng công nghiệp tăng 11%/năm trong mấy năm qua. Hiệu quả kinh tế do áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có thể ước tính hàng tỷ đồng.

Tuy nhiên, tác động của khoa học và kỹ thuật đối với nền kinh tế quốc dân chưa mạnh, hiệu quả còn thấp, tiềm năng chưa được khai thác đúng mức. Nhiều thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật có giá trị, có hiệu quả kinh tế cao nhưng chưa được áp dụng rộng rãi. Khối lượng đã được áp dụng còn nhỏ bé, tốc độ chậm. Có nhiều vấn đề kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất nằm trong tầm giải quyết của cán bộ khoa học và kỹ thuật của ta, nhưng chưa được tổ chức thực hiện. Năng suất lao động tăng không đáng kể, hiệu quả một đồng vốn đầu tư vào tài sản cố định có chiều hướng giảm, tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm tăng, chất lượng sản phẩm chưa ổn định, nhiều sản phẩm quan trọng, trong đó có cả một số mặt hàng xuất khẩu cũng giảm sút về chất lượng. Hiệu quả hoạt động của khoa học và kỹ thuật trong kinh tế quốc dân chưa có tiến bộ đáng kể. Khoa học và kỹ thuật chưa thật sự xâm nhập vào sản xuất và đời sống.

Digitized by Google

Tình hình ấy có nhiều nguyên nhân về nhận thức, về tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức và quản lý khoa học... mà quan trọng là do *thiếu một cơ chế đồng bộ gắn khoa học với sản xuất*, rút ngắn chu trình khoa học – kỹ thuật – sản xuất – tiêu thụ. Chúng ta chưa có đầy đủ những chế độ chính sách thích đáng đối với đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, cán bộ quản lý sản xuất nhằm khuyến khích, động viên họ tích cực giải quyết các vấn đề khoa học và kỹ thuật, tổ chức áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống. Về tổ chức, chưa có những hình thức thích hợp, những cơ chế cần thiết gắn khoa học với sản xuất. Trong nhiều ngành sản xuất, cơ chế tổ chức còn cản trở việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phương hướng công nghệ tiên tiến.

Cơ chế quản lý kinh tế hiện nay chưa làm cho người sản xuất thật sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và đánh giá hoàn thành kế hoạch chưa thật sự dựa trên những định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến, chưa chú ý đúng mức các chỉ tiêu về chất lượng và hiệu quả, về tiết kiệm tiêu hao vật chất. Do đó, sản xuất ít có nhu cầu khoa học. Chúng ta cũng chưa có cơ chế bảo đảm sự gắn bó giữa người sản xuất với người tiêu dùng, người sản xuất chưa hiểu nhu cầu cụ thể của người tiêu dùng.

Các đòn bẩy kinh tế chưa tạo điều kiện thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật, chưa kích thích nhu cầu đổi mới kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm. Còn nhiều khâu trong chính sách giá cả, chế độ trích lập các quỹ, chế độ tiền lương, tiền thưởng v.v. chưa có tác dụng khuyến khích tăng năng suất lao động, hạ giá thành, nâng cao trình độ kỹ thuật của sản xuất và sản phẩm. Chưa có những biện pháp bảo đảm vật tư, tài chính, giải quyết các khó khăn nhất thời cho các xí nghiệp áp dụng công nghệ mới, sản phẩm mới. Vì nhiều khó khăn không được giải quyết thỏa đáng, một số xí nghiệp từ chối việc áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất mặc dù kỹ thuật ấy đem lại hiệu quả to lớn cho nền kinh tế quốc dân. Chúng ta cũng thiếu những tổ chức chuyên trách hỗ trợ việc áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Ngoài ra, những yếu tố tâm lý xã hội, thói quen làm ăn theo kiểu sản xuất nhỏ, phân tán, bảo thủ, tùy tiện, v.v., cũng ảnh hưởng tới việc áp dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

★

Thực tiễn cho thấy, trong các nguyên nhân cản trở tiến bộ khoa học và kỹ thuật thì nguyên nhân về quản lý có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nghị quyết của Bộ chính trị *Về chính sách khoa học và kỹ thuật* đã chỉ rõ: « Những thiếu sót về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý khoa học và kỹ thuật vừa qua đã làm cản trở việc áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đã hạn chế sự phát triển khoa học và kỹ thuật ». Ở nhiều xí nghiệp, đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ, giàu nhiệt tình nhưng vẫn lúng túng trong việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất vì sự ràng buộc của nhiều quy tắc quản lý hiện hành. Có thể nói tính chất bao cấp trong quản lý kinh tế chậm được khắc phục là nguyên nhân quan trọng làm cho tiềm lực khoa học và kỹ thuật chậm được phát huy.

Xuất phát từ quan điểm cho rằng tiến bộ khoa học và kỹ thuật không phải là mục tiêu tự thân, mà là nhu cầu thiết yếu của sản xuất và đời sống, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định vai trò của các cơ quan quản lý sản xuất – kinh doanh trong nhiệm vụ

Digitized by Google

tổ chức áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật trong sản xuất: phải xem kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật là bộ phận hợp thành của kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội, do vậy trong các biện pháp quản lý nhằm phát triển kinh tế và xã hội phải quan tâm trước hết đến việc sử dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật như một công cụ đắc lực phục vụ việc thực hiện và hoàn thành những mục tiêu của sản xuất và đời sống.

Ở đâu các cấp quản lý quan tâm chỉ đạo công tác tiến bộ khoa học và kỹ thuật, thì ở đó sản xuất phát triển. Kinh nghiệm chỉ đạo của các ngành và các địa phương cũng cho phép kết luận rằng trong phương hướng hoàn thiện quản lý sản xuất – kinh doanh phải quan tâm tới những cơ chế quản lý thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật, bởi vì đó là điều kiện thiết yếu để tăng năng suất lao động, tạo ra những sản phẩm có chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất. Những phương hướng đó phải được quán triệt không chỉ trong quản lý khoa học và kỹ thuật, mà quyết định hơn là còn phải được quán triệt ngay trong các biện pháp quản lý sản xuất – kinh doanh.

Những biện pháp chủ yếu cần thực hiện để thúc đẩy việc áp dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời từng bước xây dựng cơ chế đồng bộ thúc đẩy việc này là:

Về phía các cơ quan khoa học và quản lý khoa học, cần bám sát các nhu cầu và nhiệm vụ kinh tế xã hội, cả trước mắt và lâu dài, để xác định nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể cho từng giai đoạn. Mỗi đề tài phải có mục tiêu phục vụ rõ ràng, có xét đầy đủ tới các điều kiện áp dụng. Tiến hành thử nghiệm ở quy mô bán sản xuất để tiến hành giám định khoa học, kết luận về khả năng áp dụng vào sản xuất. Mỗi giải pháp kỹ thuật tiến bộ trước khi được áp dụng vào sản xuất nhất thiết phải qua giai đoạn sản xuất thử ở quy mô cần thiết, được đánh giá, kết luận về mặt kinh tế – kỹ thuật. Để có thể đưa vào kế hoạch, cần có luận chứng kinh tế – kỹ thuật, trong đó nói rõ những điều kiện vật chất và kỹ thuật cần thiết trong khi áp dụng, hiệu quả kinh tế cụ thể của từng phương án áp dụng. Bỏ qua các khâu này sẽ gây khó khăn cho người áp dụng, cho công tác kế hoạch hóa và có thể gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho cơ quan khoa học, tiến hành tốt công tác thử nghiệm ở quy mô cần thiết, đồng thời cũng tạo điều kiện cho họ có thể thử nghiệm ở các cơ sở sản xuất.

Về phía cơ quan quản lý sản xuất, xây dựng và đánh giá hoàn thành kế hoạch cần căn cứ trên những chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật tiến bộ, coi đó là một nhiệm vụ bắt buộc. Sớm khắc phục hiện tượng hạ thấp các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật trong kế hoạch sản xuất – kinh doanh. Việc đánh giá hoàn thành kế hoạch nhất thiết phải trên cơ sở cả hai loại chỉ tiêu: chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu chất lượng; không hoàn thành chỉ tiêu chất lượng cũng coi như là không hoàn thành kế hoạch.

Kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật được xem là một bộ phận hợp thành của kế hoạch kinh tế quốc dân, được cân đối các điều kiện tài chính, vật tư để thực hiện. Việc xét duyệt hoàn thành kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật cũng phải được tiến hành đồng thời với việc xét duyệt kế hoạch sản xuất: không hoàn thành kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật cũng là không hoàn thành kế hoạch sản xuất. Điều kiện bảo đảm cho kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật thật sự có tác dụng trong sản xuất phải được chuẩn bị ngay từ khâu

Digitized by Google

nghiên cứu, trong đó coi trọng việc tổ chức sản xuất thử. Kết quả của sản xuất thử dẫn tới những kết luận về các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật, bảo đảm cho việc áp dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của sản xuất và đưa lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Phương hướng chủ yếu của việc hoàn thiện *các đòn bẩy kinh tế* là tạo ra những nhân tố kích thích đổi mới sản phẩm, đổi mới kỹ thuật. Sớm khắc phục những nhân tố cản trở đổi mới kỹ thuật trong tất cả các đòn bẩy về tài chính, giá cả, lợi nhuận, tiền lương, tiền thưởng v.v.

Cần chú ý tới tình hình thực tế là nhiều kỹ thuật tiến bộ trong giai đoạn đầu có thể chưa đưa lại hiệu quả kinh tế, có thể làm cho xí nghiệp không hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, có thể đòi hỏi vốn bổ sung... Trong trường hợp đó cần có chính sách hỗ trợ về vốn, chế độ trợ giá cho kỹ thuật mới... Để bước đầu giải quyết vấn đề này, nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng đã cho phép sử dụng quỹ phát triển sản xuất cho mục tiêu tiến bộ kỹ thuật, đồng thời cho lập quỹ khuyến khích phát triển khoa học và kỹ thuật tập trung của từng bộ.

Trong các đòn bẩy kinh tế nói trên thì các đòn bẩy kích thích đổi mới kỹ thuật từ trong sản xuất có vai trò quan trọng. Đó là những đòn bẩy về giá cả, lợi nhuận và chính sách phân phối lợi nhuận trên nguyên tắc phân phối theo lao động đối với những người sáng tạo và áp dụng kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất. Khó khăn lớn nhất ở đây là sự phân chia lợi nhuận giữa khoa học và sản xuất. Bởi vì bộ phận lao động quá khứ kết tinh trong sản phẩm khoa học là yếu tố không được vật chất hóa. Do đó nếu so sánh những chi phí trong nghiên cứu với những chi phí trong sản xuất, thì đôi khi nó không đủ sức thuyết phục để các cơ quan tài chính thừa nhận một sự phân phối công bằng giữa những người nghiên cứu khoa học và những người sản xuất. Về điểm này Các Mác đã dạy rằng « sản phẩm lao động trí óc – khoa học – luôn được đánh giá kém xa giá trị của nó » (3), và Ph. Ăng-ghen cũng đã nói « chỉ một thành tựu như máy hơi nước của Giêm Oát trong 50 năm đầu tồn tại đã đủ đền bù cho thế giới tất cả những chi phí cho khoa học mà nhân loại đã đầu tư cho khoa học từ xưa đến đó » (4).

Những lời chỉ giáo của các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các nguyên tắc quản lý trong chủ nghĩa xã hội, bảo đảm sự phát triển ngày càng tăng của năng suất lao động.

Đồng thời với việc hoàn thiện cơ chế kế hoạch hóa và các đòn bẩy kinh tế, nghiên cứu những *biện pháp về tổ chức* cũng là vấn đề cần được coi trọng. Cần hình thành các trung tâm áp dụng nhanh kỹ thuật tiến bộ trong sản xuất, hình thành các liên hiệp khoa học – sản xuất, coi đó như những cầu nối về tổ chức, tạo điều kiện nhanh chóng chuyển giao các thành tựu khoa học và kỹ thuật từ khu vực nghiên cứu sang khu vực sản xuất. Để góp phần xác định những nguyên tắc cơ bản cho việc hoàn thiện quản lý, thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân, các cơ quan chức năng của Nhà nước nghiên cứu xây dựng một *hệ thống cơ chế quản lý đồng bộ*, bảo đảm cho mọi biện pháp quản lý đều tham gia vào việc thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh. Đây chính là sự khẳng định, tiến bộ khoa học và kỹ thuật không phải là một mục đích tự thân, mà là

(3) C. Mác. Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, tiếng Nga, Nxb Sách chính trị. Mát-xcơ-va. 1955, tập 26, tr. 355.

(4) Sách đã dẫn : tập 1, tr. 555.

Digitized by Google

nhu cầu của bản thân sản xuất, của sự phát triển kinh tế – xã hội.

Hoàn thiện quản lý nhằm mục tiêu tiến bộ khoa học và kỹ thuật là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về thực tiễn, cả về lý luận. Vì hoạt động khoa học và kỹ thuật không thể đạt kết quả nếu chỉ thông qua các phong trào. Chính là kết quả tác động của các biện pháp quản lý làm cho sản xuất tự nảy ra nhu cầu tiến bộ khoa học và kỹ thuật để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất của mình. Điều quan trọng nữa là qua đó sẽ khắc phục được kiểu chỉ đạo hành chính đối với khoa học – trong chừng mực nhất định, kiểu chỉ đạo này đã làm hạn chế tính tích cực của hoạt động sáng tạo.

Một vấn đề đáng lưu ý trong phương hướng hoàn thiện quy chế thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật là không thể chỉ giới hạn trong phạm vi quản lý các hoạt động nghiên cứu và triển khai, mà quan trọng hơn và có ý nghĩa hơn, là nó phải tạo ra sự biến đổi căn bản trong quản lý sản xuất – kinh doanh, trong đó lấy *hiệu quả kinh tế* làm mục tiêu của sản xuất. Mục tiêu hiệu quả kinh tế chính là động lực thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Động lực đó mạnh hơn bất kỳ biện pháp tác động riêng lẻ nào, dù là trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hay trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh.

Với sự vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế và xã hội, các quy luật hình thành động lực sáng tạo của người lao động, các biện pháp quản lý cần đóng vai trò như một *tiền đề tái tạo mối quan hệ bản chất gắn bó giữa khoa học với sản xuất*. Nó phù hợp với tính thống nhất biện chứng trong quan hệ giữa khoa học và sản xuất: khoa học phát triển không phải vì mục đích tự thân, mặc dù trong bản thân, khoa học có những quy luật nội tại của mình, khoa học phát triển chính vì nhu cầu nhận thức và cải tạo tự nhiên và xã hội.

Tội ác mới của...

(Tiếp theo trang 18)

nổi mặt trời», bọn phản động Trung quốc đang tự vạch mặt trước thế giới. Lương tri tiến bộ đang lên án, tố cáo tội ác của bọn phản động Trung quốc đối với Việt nam. Từ Ni-ca-ra-goa, Cu-ba, châu Mỹ la tinh, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; từ Li-bi và các nước dân tộc dân chủ ở châu Phi đến các nước Ấn-độ, Lào, Cam-pu-chia và cả In-đô-nê-xi-a; từ các đảng cộng sản đến các tổ chức hòa bình, nhân đạo quốc tế... vang lên tiếng nói lên án mạnh mẽ bọn phản động Trung quốc, tiếng nói đồng tình ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của Việt nam.

Chúng ta lên án và tố cáo tội ác của bọn phản động Trung quốc trước dư luận trong và ngoài nước. Chúng ta đòi nhà cầm quyền Bắc kinh phải chấm dứt chính sách thù địch chống Việt nam. Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta luôn luôn chủ trương chung sống hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng nhưng chúng ta cũng sẽ kiên quyết không cho phép bất cứ một thế lực nào xâm phạm đến độc lập tự do và chủ quyền lãnh thổ mà chúng ta đã phải hy sinh biết bao xương máu mới giành được.

Digitized by Google

BƯỚC TIẾN MỚI TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC TA

PHAN HIỀN

THỰC hiện kế hoạch xây dựng pháp luật 5 năm 1981 – 1985, Hội đồng bộ trưởng đã trình Quốc hội bản dự thảo bộ Luật hình sự gồm hai phần: phần chung và phần các tội phạm. Quốc hội, trong kỳ họp tháng 6-1983 đã thông qua sơ bộ phần chung, trong một kỳ họp tới, sẽ xem xét phần các tội phạm, sau đó thông qua chính thức toàn bộ bộ luật.

Bộ Luật hình sự – bộ luật đầu tiên của Nhà nước ta – được ban hành sẽ đánh dấu bước tiến mới trong công tác xây dựng pháp luật của Nhà nước, sẽ có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện các nghị quyết Đại hội thứ IV và Đại hội thứ V của Đảng về mặt tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

I – BAN HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ LÀ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẤP THIẾT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, những nguyên nhân gốc rễ của tội phạm – chế độ người bóc lột người, sự bần cùng hóa người lao động – đã bị xóa bỏ. Tuy nhiên, tội phạm còn tồn tại ở mức độ nhất định do nhiều nguyên nhân và điều kiện (những nhân tố không làm phát sinh tội phạm nhưng thúc đẩy nó): sự phản kháng đến cùng của các giai cấp bóc lột đã bị lật đổ, hoạt động phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế khác, ảnh hưởng của tư tưởng tư sản và các tư tưởng phi vô sản khác còn tồn tại dai dẳng trong ý thức con người, thiếu sót mặt nọ mặt kia trong quản lý đất nước, pháp chế có lúc, có nơi chưa theo kịp sự phát triển kinh tế – xã hội, thiếu sót trong công tác phòng ngừa và chống tội phạm... Theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, quan điểm cho rằng ngay trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, đã có thể bài trừ hết tội phạm và các hành vi phạm pháp khác là một quan điểm tầm thường và phản động. Bởi vì nó dẫn đến sự phủ nhận vai trò của Nhà nước và pháp luật trong giai đoạn này. Thực tiễn cho thấy ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển, tội phạm tuy giảm nhiều nhưng vẫn xảy ra.

Digitized by Google

Ở nước ta, những năm gần đây, tình hình tội phạm tăng và diễn biến phức tạp. Có tình hình đó là do nhiều nguyên nhân và điều kiện.

Trước hết là âm mưu và hoạt động của bọn bành trướng, bá quyền Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đánh phá cách mạng Việt nam bằng nhiều hình thức, nhiều thủ đoạn hết sức nguy hiểm và thâm độc.

Chúng ta đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Trong chặng đường này và trong cả thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra gay go, phức tạp và quyết liệt. Giai cấp tư sản đã và đang được cải tạo nhưng vẫn còn lực lượng, lực lượng này được bổ sung bằng những nhân tố tự phát nảy sinh từ nền sản xuất nhỏ đang còn khá phổ biến; những tư tưởng, tâm lý và tập quán của các giai cấp bóc lột và của xã hội cũ chưa bị quét sạch, nhất là các tệ nạn xã hội và những nọc độc của văn hóa phản động do chủ nghĩa thực dân mới gây ra trước đây và hiện nay chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng, bá quyền vẫn tìm mọi cách tung vào.

Đảng ta có đường lối chung và đường lối kinh tế đúng đắn, đã xác định được cơ cấu kinh tế đúng. Chính vì vậy mà Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhận định: « Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, đất nước ta có những chuyển biến tích cực, những tiến bộ mới, theo hướng đi lên ngày càng vững chắc ». Tuy nhiên, tình hình kinh tế — xã hội nói chung còn rất nhiều khó khăn và có mặt còn rất gay gắt. Hội nghị thứ ba và thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ rõ những khuyết điểm như: tiến hành chậm, không đồng bộ và thiếu ăn khớp việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ quản lý; chưa khẩn trương sắp xếp lại sản xuất; làm chậm công tác cải tạo nông nghiệp ở Nam bộ; xem nhẹ việc cải tạo công thương nghiệp và quản lý thị trường; buông lỏng chuyên chính vô sản trên nhiều mặt; pháp chế, kỷ luật chưa nghiêm; thiếu cảnh giác và có nhiều sơ hở, đối phó không kịp thời với sự phá hoại của địch đặc biệt là về kinh tế; công tác tư tưởng và tổ chức chưa theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ; chưa phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động...

Cảnh giác, kịp thời đối phó với những âm mưu và hành động phá hoại của kẻ địch, chiến thắng giai cấp tư sản, ra sức khắc phục những yếu kém trong mọi mặt quản lý của Nhà nước, sẽ bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cũng từ đấy mà hạn chế, loại trừ dần các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và các hành vi phạm pháp khác.

Tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng gay go, phức tạp, quyết liệt và lâu dài trên đây, Đảng và Nhà nước phải sử dụng toàn diện và đồng bộ các biện pháp chính trị, quân sự, kinh tế, hành chính, tư tưởng và tổ chức; tùy vấn đề và tùy nơi, tùy lúc mà nhấn mạnh biện pháp này hoặc biện pháp kia. Trong các biện pháp, biện pháp hình sự là không thể thiếu và có tầm quan trọng của nó.

Từ Cách mạng Tháng Tám thành công đến nay, qua các thời kỳ, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự. Những văn bản này đã phát huy tác dụng, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, củng cố kỷ cương của Nhà nước, góp phần bảo đảm việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Nhưng đó mới chỉ là

Digitized by Google

những văn bản quy định về một hoặc vài vấn đề riêng biệt, do vậy thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất, nhiều tội phạm chưa được quy định. Nhược điểm lớn nhất là chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước — cơ sở chính trị pháp lý để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống tội phạm — chưa được thể hiện đầy đủ, toàn diện.

Với những thiếu sót trên đây, pháp luật hình sự hiện có chưa thật là vũ khí sắc bén của chuyên chính vô sản để bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, thúc đẩy cách mạng không ngừng tiến tới.

Tiếp theo việc ban hành Hiến pháp mới và các đạo luật mới về tổ chức bộ máy Nhà nước, việc ban hành bộ Luật hình sự quán triệt những yêu cầu của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của thời kỳ quá độ, nhất là chặng đường đầu tiên của thời kỳ này, của việc tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, là đáp ứng một đòi hỏi cấp thiết. Bộ Luật hình sự quy định thống nhất, có hệ thống, trong cùng một văn bản mọi vấn đề về tội phạm và hình phạt. Xuất phát từ các quy luật phát triển khách quan của xã hội ta, phản ánh tâm lý, nguyện vọng và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kế thừa những kinh nghiệm phong phú về phòng ngừa và chống tội phạm của mấy chục năm qua, tiếp thụ có chọn lọc kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bộ Luật hình sự phải có tính chiến đấu cách mạng cao, tính sáng tạo và khoa học.

II — BỘ LUẬT HÌNH SỰ THỂ CHẾ HÓA CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

Trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung, trong Nhà nước ta nói riêng, phòng ngừa và chống tội phạm phải và có thể là một cuộc đấu tranh có tổ chức và có kế hoạch. Cuộc đấu tranh này không chỉ là nhiệm vụ của một số cơ quan chuyên trách mà còn là nhiệm vụ của tất cả các cơ quan Nhà nước khác, của tất cả các tổ chức xã hội, của toàn thể nhân dân. Nó chỉ có thể tiến hành có hiệu quả trên những cơ sở, những nguyên tắc nhất định, bằng những phương pháp, những biện pháp thích hợp. Trong từng giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước có chính sách hình sự phù hợp. Bộ Luật hình sự thể chế hóa toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay và đây là việc chưa từng có trong công tác lập pháp hình sự của ta. Chính sách này thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa, kiên quyết và triệt để chống tội phạm; bảo đảm tính nghiêm khắc trong tình hình hiện nay, nhưng cũng khoan hồng đúng mức; trừng trị nhưng không xem nhẹ mặt giáo dục do vững tin vào khả năng cải hóa, cải tạo con người của chế độ ta.

Trước hết bộ Luật hình sự thể hiện *quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm*. Trên quan điểm này, nó xác định "tội phạm là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật này, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý...". Đây là lần đầu tiên mà trong văn bản của Nhà nước, khái niệm tội phạm — một khái niệm chính trị — pháp lý — được vạch ra.

Digitized by Google

Trong nhiều yếu tố trên đây của tội phạm, tính nguy hiểm cho xã hội là tiêu chuẩn cơ bản. Nó mang bản sắc giai cấp rõ rệt; nó chỉ ra cần phải bảo vệ lợi ích của giai cấp nào, vì lợi ích của ai mà coi một hành vi là nguy hiểm. Trong các Nhà nước bóc lột, tội phạm là những hành vi xâm phạm trật tự xã hội mà các giai cấp bóc lột thiết lập; những hành vi tiến bộ, cách mạng bị quy là tội phạm. Trong Nhà nước ta hiện nay, tội phạm là những hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xâm phạm thể chế kinh tế và sở hữu xã hội chủ nghĩa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tính nguy hiểm cho xã hội còn là một phạm trù lịch sử. Trong cùng một Nhà nước, tùy các điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội mà tính nguy hiểm của một số hành vi nào đó xuất hiện hay mất đi, hoặc thay đổi về mức độ. Do vậy, khi quy định về các tội phạm cũng như khi áp dụng điều luật, không thể thoát ly hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội. Theo Mác, "pháp luật không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế cũng như sự phát triển văn hóa tương ứng với chế độ kinh tế đó" (1).

Điểm khác đáng lưu ý là các tội phạm phải được quy định trong bộ Luật hình sự. Như vậy là không còn áp dụng nguyên tắc tương tự. Đây là điều mới trong lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Trước đây trong một vài trường hợp, để trừng trị những tội phạm chưa được quy định, phải vận dụng điều luật về những tội phạm có những dấu hiệu tương tự tội phạm chưa được quy định.

Ngày nay, chúng ta xây dựng cả một bộ luật gồm trên dưới 300 điều, quy định trên 200 tội phạm. Tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh nhiều năm chống tội phạm và dự kiến tình hình diễn biến của tội phạm trong thời gian tới, chúng ta có khả năng hiện thực không để lọt tội phạm, nhất là tội phạm nghiêm trọng. Sau này, nếu do sự biến chuyển của tình hình mà phát sinh tội phạm mới thì sẽ kịp thời bổ sung bộ Luật.

Bộ Luật hình sự thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về hình phạt. Mác đã chỉ rõ «hình phạt chẳng qua là một thủ đoạn tự vệ của xã hội đối với những hành vi xâm phạm điều kiện tồn tại của nó, bất kể những điều kiện đó như thế nào» (2). Hình phạt đã có từ lâu đời ở những nước, những dân tộc, những thời đại khác nhau. Ở những chế độ khác nhau, nó khác nhau về nội dung, về hình thức thể hiện, nhất là về mục đích... Trong Nhà nước phong kiến, rõ ràng hình phạt mang nặng tính chất trả thù, khủng bố, ở đấy ta thấy những hình phạt hết sức dã man, tàn khốc như khoét mắt, chặt chân tay, xẻo từng miếng thịt cho đến chết, giết cả ba họ... Mác cho giai cấp tư sản nói khoác, tính chất trả thù, khủng bố của hình phạt vẫn tồn tại trong chế độ tư sản. Người cách mạng Việt nam biết rõ hơn ai hết chế độ vô cùng hà khắc, vô nhân đạo của nhà tù của thực dân Pháp trước kia, của nhà tù Mỹ—ngụy những năm chưa xa đây bao nhiêu...

Trong chế độ ta, xuất phát từ khoa học mác xít về xã hội, từ quan niệm về sự thống nhất biện chứng giữa cưỡng chế và giáo dục mà xác định mục đích, nội dung của hình phạt.

(1) Mác—Ăng-ghen: *Tuyển tập*, tiếng Nga. Nxb Văn học chính trị, Mát-xcơ-va, 1961, tập 9, tr. 19.

(2) Sách đã dẫn. 1957, tập 8, tr. 531.

Digitized by Google

Hình phạt không hề có tính chất trả thù; người phạm tội thi phải chịu hình phạt, nhưng ta tránh làm họ đau đớn về thể xác, không những không hạ thấp phẩm giá của họ mà lại tạo điều kiện để họ khôi phục phẩm giá nhiều ít đã mất đi do phạm tội.

Mác đã nêu lên tư tưởng cho rằng phương hướng chống tội phạm cơ bản nhất là phòng ngừa: «nhà làm luật thông thái bao giờ cũng làm tất cả để phòng ngừa tội phạm chứ không để sau này phải trừng trị kẻ phạm tội» (3). Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, tháng 5-1951, đã dạy cho học viên lớp bồi dưỡng cán bộ tư pháp rằng: phải xét xử về hình sự cho tốt để tiến tới không phải xét xử. Phòng ngừa tội phạm đòi hỏi Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải chủ động áp dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hóa, pháp lý, tổ chức. Trong những biện pháp pháp lý, việc áp dụng hình phạt kịp thời cũng là một biện pháp, một hướng phòng ngừa tội phạm. Chính vì vậy mà trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, hình phạt còn nhằm mục đích phòng ngừa, — phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bản thân người phạm tội, hình phạt nhằm giáo dục, cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc khác của đời sống xã hội, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Trừ tử hình là hình phạt đặc biệt, áp dụng đối với những kẻ phạm tội đặc biệt nghiêm trọng cần loại trừ hẳn khỏi xã hội, hình phạt nào cũng có chức năng này.

Đối với những người khác, hình phạt có tác dụng răn đe, kiềm chế những người không vững vàng, có ý định phạm tội; hình phạt góp phần nâng cao ý thức pháp luật của đông đảo nhân dân, động viên mọi người tích cực tham gia phòng ngừa và chống tội phạm.

Các tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau. Những người phạm tội có động cơ, mục đích khác nhau, dùng những thủ đoạn khác nhau, gây hậu quả khác nhau; thái độ của mỗi người trong và sau khi phạm tội không giống nhau. Việc xử lý có đích đáng, thích ứng với từng hoàn cảnh mới đạt tác dụng cao. Từ những quan điểm của Đảng và Nhà nước về tội phạm, về hình phạt, chính sách xử lý được vạch ra.

a) Các tội phản cách mạng (trong bộ Luật hình sự gọi là tội xâm phạm an ninh quốc gia đặc biệt nguy hiểm) xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đe dọa bản thân sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa, của Nhà nước ta. Từ trước đến nay cũng như từ nay về sau, những tội phạm này bao giờ cũng phải được coi là nghiêm trọng nhất và nói chung phải bị trừng trị nghiêm khắc nhất.

Ngoài các tội phản cách mạng ra, các tội phạm sau đây thuộc những loại cần trừng trị thật nghiêm khắc:

— Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa như cướp, cưỡng đoạt, trộm cắp, tham ô, lừa đảo, phá hủy tài sản của Nhà nước hoặc của tập thể. Phải trừng trị thật nghiêm khắc các tội này vì nó xâm phạm cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nền tảng, nguồn sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, nguồn ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

— Nghị quyết Hội nghị thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng chỉ rõ «Mặt trận lưu thông phân phối hiện nay có nhiều vấn đề cấp bách nhất, nóng bỏng nhất, đó là nơi có nhiều khó khăn, nhiều hiện tượng tiêu cực và cũng là nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt nhất giữa hai con

(3) Sách đã dẫn. 1955, tập I, tr. 131.

Digitized by Google

đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa địch và ta". Ta cần chú trọng các tội phạm về kinh tế trong đó nghiêm trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả, trộm cắp tem phiếu, làm giả hoặc lưu hành tem phiếu, giấy tờ giả dùng vào việc phân phối.

– Chế độ ta coi con người là vốn quý nhất. Các tội giết người, hiếp dâm, bắt cóc đều thuộc loại cần trừng trị thật nghiêm khắc. Tội cướp tài sản của công dân cũng vậy.

b) Về trừng trị những người phạm tội, bộ Luật hình sự phân biệt rõ những trường hợp cần nghiêm trị và những trường hợp có thể khoan hồng.

Trong từng loại tội phạm, những tội có tổ chức tức là có nhiều người tham gia thực hiện và có sự câu kết chặt chẽ giữa những người này, bao giờ cũng mang tính nguy hiểm cao hơn cả. Vì vậy phải nghiêm trị những người phạm tội có tổ chức và trong bọn này cần nghiêm trị hơn cả những kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy là những kẻ giữ vai trò quan trọng nhất.

Những kẻ ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm, khước từ sự giáo dục, cải tạo, không chịu rời bỏ con đường tội lỗi, dĩ nhiên cũng phải bị nghiêm trị.

Trong tình hình hiện nay, để góp phần củng cố quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, phải xử lý kiên quyết, kịp thời và công minh những cán bộ, nhân viên thoái hóa, biến chất, lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, ăn hối lộ, buôn lậu, bóc lột, thông đồng với tư sản, gian thương để làm giàu phi pháp, ức hiếp quần chúng. Trong bọn này, cần nghiêm trị những kẻ lợi dụng chức vụ, quyền hành để phạm tội.

Đối với những người thật thà hối cải, tự thú, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đã gây ra thì khoan hồng. Khoan hồng là phạt nhẹ hơn mức thông thường. Trong một số trường hợp đặc biệt, có thể khoan hồng tới mức miễn hình phạt hoặc miễn trách nhiệm hình sự. Chính sách khoan hồng biểu thị lòng nhân đạo xã hội chủ nghĩa, lòng tin ở phần tốt của người đã trót phạm tội, sự khuyến khích họ sống tốt lên. Được áp dụng đúng đắn, chính sách khoan hồng lại có tác dụng tích cực ngay trong việc giải quyết các vụ án.

Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để người bị kết án lao động, *cải tạo tốt trở thành công dân lương thiện*. Bộ Luật hình sự quy định những điều kiện để giảm hình phạt kể cả tha tù trước thời hạn đối với người đã chứng tỏ thật thà cải tạo. Người bị tù chung thân cũng có thể được giảm án. Người đã chấp hành xong hình phạt, qua thời gian thử thách dài hay ngắn, tùy theo mức độ nặng hay nhẹ của bản án, nếu làm ăn đúng đắn, chấp hành tốt chính sách, pháp luật, không phạm tội mới, thì được xóa án. Người được xóa án được coi như chưa can án bao giờ.

Chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước quan tâm đến *người chưa thành niên* (dưới 18 tuổi) phạm tội. Người chưa thành niên chưa ổn định về mặt trạng thái tâm lý, sinh lý, còn bị hạn chế về nhận thức, thiếu kinh nghiệm sống, chưa có khả năng đánh giá đúng đắn sự việc. Trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, tuy ta đã đạt những thành tích rất đáng tự hào, nhưng cũng còn nhiều thiếu sót, nhất là việc giáo dục ở cả ba môi trường gia đình, nhà trường, xã hội chưa thật quán triệt đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa. Trong nhiều trường hợp phạm pháp của người chưa thành niên, có phần trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội

Digitized by Google

Đối với người chưa thành niên phạm tội, không thể xử lý như đối với người thành niên phạm tội. Đảng và Nhà nước có chính sách riêng. Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội là một bộ phận của chính sách hình sự chung; mặt khác nó cũng phản ánh chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người chưa đến tuổi trưởng thành.

Lần đầu tiên được thể chế hóa trong bộ Luật hình sự, chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội có những nét chính sau đây:

Người dưới 14 tuổi dù phạm tội nghiêm trọng cũng được miễn trách nhiệm hình sự. Đối với những trẻ em này, sẽ áp dụng các biện pháp xã hội như giao cho gia đình, các đoàn thể bảo lãnh, đưa vào trường giáo dưỡng.

Người chưa thành niên từ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng của tội phạm và cũng tùy theo lớp tuổi.

Trong việc xử lý về hình sự người chưa thành niên phạm tội, mục đích giáo dục, cải tạo nổi bật. Do đó cần áp dụng rộng rãi các biện pháp như buộc phải chịu thử thách, đưa vào trường giáo dưỡng. Gia đình và xã hội có vai trò quan trọng, có trách nhiệm lớn trong việc thực hiện các biện pháp này

Chỉ phạt tù có thời hạn người chưa thành niên phạm tội nghiêm trọng và trong trường hợp thật sự cần thiết phải cách ly người đó khỏi xã hội một thời gian. Mức án nhẹ hơn so với người thành niên.

Không áp dụng các hình phạt tù chung thân, tử hình đối với người chưa thành niên. Không giam chung người này với phạm nhân thành niên.

Những điều kiện để giảm án, xóa án cho người chưa thành niên cũng được giảm...

★

Thi hành bộ Luật hình sự là nhiệm vụ của Nhà nước và của toàn xã hội. Vì vậy, không chỉ các cơ quan chuyên chính mà tất cả các cơ quan Nhà nước, tất cả các tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải hiểu biết, nắm chính sách hình sự, trên cơ sở này tích cực tham gia công tác phòng ngừa và chống tội phạm.

Không chờ đợi bộ Luật hình sự được chính thức thông qua và ban hành, ngay từ bây giờ chúng ta cần phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chính sách hình sự, đồng thời đẩy mạnh việc tuyên truyền pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng, nâng cao ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, nhân dân.

Mọi cơ quan, tổ chức xã hội có trách nhiệm giáo dục, giám sát, kiểm tra những người thuộc quyền quản lý của mình về việc tuân theo và bảo vệ pháp luật; kiên quyết và kịp thời có những biện pháp hạn chế, loại trừ những nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, tổ chức mình.

Mọi công dân đều phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, giám sát các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, các công dân khác trong việc chấp hành chính sách, pháp luật.

Digitized by Google

ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH – một kỳ công chiến lược

VIỆT PHƯƠNG

CÁCH đây 25 năm, con đường mạch máu sống còn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, con đường đã được tô thắm bằng những chiến công huy hoàng ra đời. Vươn theo chiều dài của đất nước, theo yêu cầu ngày càng cao của cuộc chống Mỹ cứu nước, của nghĩa vụ quốc tế, con đường kỳ diệu ấy được gọi bằng nhiều tên khác nhau qua năm, tháng (đường dây 559, đường dây "ông Cụ", đường Trường sơn, tuyến chi viện chiến lược...) nhưng cuối cùng nó được gọi bằng một cái tên rất Việt nam, rất anh hùng: đường Hồ Chí Minh. Các chuyên gia quân sự, các sách báo phương Tây đã bàn luận không ít về con đường này. Có lẽ để tăng thêm vẻ huyền thoại của nó, họ đã gọi là đường "mòn" Hồ Chí Minh! Và theo họ, đường mòn Hồ Chí Minh đã trở thành trận đồ bát quái trong rừng rậm; đường mòn Hồ Chí Minh không chỉ là con đường tiếp tế, mà còn là biểu tượng của cuộc chiến tranh Việt nam. CIA thì coi đó là mục tiêu chiến lược trọng yếu nhất. Nhà báo Pháp Van-gie nhận xét, người Mỹ coi những sự đau khổ của họ bắt nguồn chủ yếu từ con đường "mòn" bất khả xâm phạm này.

Đặt tầm vóc của nó trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, trong truyền thống đấu tranh của dân tộc, trong tương lai của đất nước, đồng chí Lê Duẩn khi đi thăm đường Trường sơn năm 1973 đã nói: "Đó là con đường của ý chí quyết thắng, của lòng dũng cảm, của khí phách anh hùng. Đó là con đường nối liền Nam Bắc thống nhất nước nhà, là con đường của tương lai giàu có của Tổ quốc ta... và đó là con đường đoàn kết các dân tộc của ba nước Đông dương" (1).

★

Hai năm sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những không chịu hiệp thương, tổng tuyển cử mà còn ráo riết đẩy mạnh hoạt động phá hoại cách mạng Đông dương, thiết lập phòng tuyến chống cộng bao gồm miền Nam Việt nam – Lào – Cam-pu-chia nối liền với Thái lan. Chúng

(1) Xem cuốn *Tổng kết vận tải quân sự chiến lược Trường sơn*, Nxb Khoa học hậu cần, 1984, tr. 25.

Digitized by Google

điên cuồng mở hàng loạt chiến dịch khủng bố đẫm máu, ra sức kích động tâm lý chiến tranh, chuẩn bị tiến công xâm lược miền Bắc. Nhân dân ta không còn khả năng đấu tranh hòa bình trong khuôn khổ pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ để thống nhất nước nhà, mà như nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (tháng 1-1959) đã khẳng định, lúc này « con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt nam ở miền Nam là con đường bạo lực ». Nghị quyết đó phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng, tạo thành phong trào vùng lên khởi nghĩa đồng loạt, triệt hạ đồn bốt, đập tan từng mảng hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn xã. Nhân dân giành được quyền làm chủ, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công rộng khắp, liên tục.

Tình hình đó đòi hỏi hậu phương lớn miền Bắc phải đáp ứng cao nhất những yêu cầu của cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam. Đường dây « Thống nhất » vẫn dùng để đưa đón cán bộ, chuyển tài liệu và một số vật tư cần thiết... không còn thích hợp nữa. Lúc này cần phải có đường giao thông vận tải chiến lược, mới đủ sức bảo đảm nhanh chóng những nhu cầu ngày càng lớn của chiến trường miền Nam. Theo nghị quyết của Bộ chính trị, tuyến 559 (tên gọi đầu tiên của con đường) đã gấp rút ra đời. Nó thực hiện nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và chiến trường hai nước bạn Lào — Cam-pu-chia.

Đảng ta khẳng định, đây là con đường cơ bản nhất, chủ yếu nhất chi viện cho miền Nam, cho bạn. Nó có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng trước mắt và lâu dài. Nhiệm vụ của nó đa dạng và được mở rộng trong quá trình phát triển, từ việc đánh địch, mở rộng vùng giải phóng trên Trường sơn tạo thành khu căn cứ chiến lược, làm chỗ dựa cho các chiến trường của ta và của bạn; tổ chức vận tải chi viện chiến lược cho các chiến trường miền Nam Đông dương: bảo đảm hành quân cơ động chiến lược, chiến dịch và vận động chiến đấu của các binh chủng, xây dựng cơ sở quần chúng và phong trào chiến tranh du kích, đến việc tổ chức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho các lực lượng hoạt động trên đường, nhận và điều trị thương binh, bệnh binh của các chiến trường gửi ra để chuyển tiếp về hậu phương... Nói cách hình tượng, đường Trường sơn là chiếc « cầu » nối liền hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa với tiền tuyến lớn miền Nam và các chiến trường hai nước bạn. Bộ đội Trường sơn là một tổ chức quân đội làm nhiệm vụ hậu cần chiến lược, đồng thời làm nhiệm vụ tác chiến mở rộng và củng cố địa bàn chiến lược ở phía Nam Đông dương, bảo đảm hậu cần to lớn, nặng nề cho chiến trường miền Nam và hai nước bạn.

Thời kỳ đầu, điều kiện mở đường còn rất hạn chế, chúng ta sử dụng *phương thức vận tải thô sơ là chủ yếu, kết hợp một phần vận tải cơ giới trên từng khu vực có điều kiện*. Khi hoạt động, chúng ta giữ bí mật tuyệt đối, hết sức tránh va chạm với địch, nhằm bảo đảm phục vụ những yêu cầu cấp thiết của phong trào cách mạng đồng khởi, góp phần đánh thắng « chiến tranh đặc biệt » của Mỹ-ngụy; phục vụ những yêu cầu của cách mạng Lào: xây dựng cơ sở, đánh địch để mở rộng và củng cố vùng giải phóng.

Ngay từ thời kỳ này, Mỹ và bọn ngụy tay sai đã «đánh hơi» thấy con đường « mòn » ấy sẽ là nguyên nhân chủ yếu tạo nên nguy cơ thất bại của chúng. Tổng thống Mỹ vội vã cho thi hành kế hoạch 34a — kế hoạch hoạt động quân sự công khai chống miền Bắc và ép chính phủ Vương quốc Lào để cho không quân Mỹ tự do

Digitized by Google

đánh phá ngăn chặn hoạt động của ta trên Trường sơn tây.

Song, dù kẻ địch đã thật sự tiến hành một cuộc «chiến tranh ngăn chặn» ác liệt, thâm độc, quân và dân ta vẫn vượt Trường sơn làm nhiệm vụ chi viện chiến lược. Kết thúc mùa khô cuối cùng của thời kỳ thứ nhất (1959—1964), khối lượng vận chuyển đã tăng gấp 3 lần, tổng số tấn/ki lô mét tăng gấp 40 lần so với những năm trước. Những thành tích đó đã tạo ra một khả năng mới, thực tế: có thể sử dụng phương thức vận tải cơ giới là chủ yếu trên Trường sơn.

Từ năm 1965 đến năm 1968, chiến trường miền Nam đã có nhiều thay đổi có lợi cho ta. Nghĩa vụ của hậu phương lớn miền Bắc trong thời kỳ này là tích cực chi viện cho miền Nam với mức độ cao nhất. Công tác giao thông vận tải chiến lược trở thành nhiệm vụ trung tâm đột xuất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Hệ thống giao thông vận tải ở miền Bắc được tập trung khôi phục, phát triển và bảo vệ tích cực. Các lực lượng, phương tiện vận tải của Nhà nước, quân đội và nhân dân đều được huy động vào việc đưa hàng đến cho bộ đội Trường sơn chuyển tiếp vào các chiến trường.

Thời kỳ này, *lấy phương thức vận tải cơ giới làm chính, kết hợp với phương thức vận tải thô sơ*, chúng ta không thể hoạt động theo kiểu cũ nữa, mà vận dụng linh hoạt phương châm «đánh — phòng — tránh». Ta phải đánh địch mà đi, mở đường mà tiến, xây dựng hệ thống phòng tránh khi cần thiết, nhằm làm thất bại chiến tranh ngăn chặn của địch, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ chi viện lớn, góp phần đắc lực đánh thắng «chiến tranh cục bộ» của Giôn-xơn.

Để thực hiện được nhiệm vụ nặng nề và phương thức hoạt động đó, bộ đội Trường sơn đã khẩn trương mở thêm các trục đường vận chuyển đến khu vực hậu cứ của từng chiến trường. Với số quân, phương tiện, vũ khí được tăng gấp hơn hai lần so với thời kỳ trước và trên 1000 xe ô tô mới, bộ đội Trường sơn đã hoạt động mạnh mẽ, rộng lớn trên tuyến phía tây.

«Đánh hơi» thấy tình hình đó, kẻ địch đã huy động tới 11 578 phi vụ đánh phá trong mùa khô 1965 và gia tăng nhịp độ đánh phá gấp từ 5 đến 8 lần trong những mùa khô tiếp theo. Năm 1968, đỉnh cao của sự tập trung sức mạnh không quân Mỹ dưới thời Giôn-xơn đã lên tới 160 261 phi vụ, sử dụng ồ ạt vũ khí điện tử. Các loại bom bi, bom từ trường, bom vướng nổ, bom phát quang, bom nổ chậm, xen kẽ với hàng chục triệu bom lá, bom răng rồng, bom túi... đã được «vãi» xuống dọc tuyến đường, tạo thành một mạng lưới dày đặc «chống xâm nhập» với hàng trăm khu vực «bầy hỏa lực» của các loại bom mìn hỗn hợp. Kẻ địch lại rải xuống khắp rừng hàng vạn chiếc «máy phát hiện tiếng động» báo tin cho máy bay trinh sát liên tục quần lượn 24/24 giờ mỗi ngày trên vùng trời!

Để chống lại có hiệu quả sự ngăn chặn điên cuồng của địch, bộ đội Trường sơn đã nêu cao tư tưởng cách mạng tiến công trong mọi mặt công tác và chiến đấu, vận dụng sáng tạo nguyên tắc tổ chức hợp đồng binh chủng, chiến đấu chống ngăn chặn, thực hiện tác phong chỉ huy sâu sát, trực tiếp, phát động toàn tuyến đánh địch, dốc sức mở nhiều đường vòng tránh, triển khai rộng khắp «nghệ thuật nghi trang lừa địch», tăng cường xây dựng công sự bảo vệ an toàn sinh lực, phương tiện, đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ sở, tiến hành chiến tranh nhân dân địa phương, triệt để truy lùng bọn biệt kích để bảo đảm an ninh trên các tuyến giao thông.

Digitized by Google

Với những biện pháp tổ chức có hiệu quả đó, chúng ta đã phát huy được sức mạnh tổng hợp đánh thắng sức mạnh hủy diệt của giặc Mỹ. Đường Hồ Chí Minh đã phục vụ đắc lực cho cuộc tổng tiến công của quân và dân miền Nam trong dịp tết Mậu Thân 1968. Cuộc tổng tiến công đó đã làm thất bại « chiến tranh cục bộ » của đế quốc Mỹ, đồng thời đánh dấu sự bất lực của chiến tranh ngăn chặn, buộc kẻ địch phải thú nhận : « Chúng ta chỉ có thể làm cho họ bị chậm lại, bắt họ phải trả giá cao, nhưng chắc chắn là không ngăn chặn được họ » (2).

Sau khi giặc Mỹ buộc phải « xuống thang » chiến tranh phá hoại miền Bắc, thay đổi chiến lược chiến tranh ở miền Nam, Đảng ta quyết định miền Bắc phải tăng cường chi viện lớn hơn nữa cho miền Nam, thực hiện quyết tâm đánh bại âm mưu « Việt nam hóa chiến tranh » của đế quốc Mỹ. Các Tổng cục, các Quân chủng và Quân khu 4 tập trung sức tạo điều kiện thuận lợi lớn nhất cho bộ đội Trường sơn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược trung tâm đột xuất trong thời gian này. Tổng cục hậu cần nghiên cứu đưa vật tư vào sâu hơn nhằm giảm bớt khó khăn cho bộ đội Trường sơn. Các Tổng cục và Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị sẵn sàng tăng cường lực lượng, phương tiện, vũ khí cho bộ đội Trường sơn đủ sức đánh thắng cả không quân và bộ binh địch, bảo đảm an toàn và thông suốt trên tuyến vận chuyển. Quân chủng Phòng không — Không quân và Quân khu 4 điều động những đơn vị tinh nhuệ, thiện chiến để bảo vệ các cửa khẩu và sẵn sàng chi viện cho đơn vị vượt lên tây Trường sơn.

Đúng như ta dự đoán, bước vào mùa khô 1969, Mỹ đã dồn lực lượng không quân hoạt động ở miền Bắc vào đánh đường « mòn » Hồ Chí Minh. Trong 4 năm (1969 — 1973), chúng đã huy động 483 980 phi vụ máy bay chiến thuật và 25 812 phi vụ B52, đặc biệt tập trung vào 23 trọng điểm ngăn chặn với tính chất hủy diệt môi sinh. Khu vực thung lũng Seng-phan (Nam Lào) chịu 2 708 phi vụ, từ sông Ta-lê (Nam Lào) đến dốc Chà-là (Nam Lào) chịu 5 700 phi vụ. Nậm-công (Hạ Lào) bị đánh liên tục 3 tháng... Những nơi đó không còn màu xanh, không còn bóng chim, cả đến tổ kiến cũng biến mất. Nhưng kết thúc năm 1970, các chuyên gia quân sự Mỹ hết sức ngạc nhiên trước những số liệu thống kê về « lượng vật tư thâm nhập » vào các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia và Lào « đã tăng lên tới mức báo động khẩn cấp ».

Tổng thống Mỹ quyết định mở cuộc hành quân Lam sơn 719 bằng quân binh chủng hợp thành từ hai phía đông và tây Trường sơn, tiến công chiếm đóng biên giới Việt — Lào (từ Khe-sanh đến Pha lan) nhằm chặt đứt tuyến hậu cần chiến lược chi viện các chiến trường Nam Đông dương. Song nhờ chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện chiến đấu, các binh đoàn chủ lực của ta đã phản công mãnh liệt, tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ nhất của ngụy quân Sài gòn được hỏa lực Mỹ yểm trợ, làm thất bại hoàn toàn cuộc hành quân Lam sơn 719 của địch.

Trong thời kỳ này, giặc Mỹ lợi dụng hàng loạt tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tiến các thiết bị khí tài điện tử, cho máy bay AC 130 chuyên săn đuổi đánh xe ban đêm, kết hợp với máy bay « con ma » lùng sục đánh phá giao thông, với bọn thám báo, biệt kích phá hoại. Các chuyên gia và tướng lĩnh Mỹ hy vọng với thủ đoạn xảo quyệt này chúng sẽ gây trở ngại nhiều nhất đối với việc vận chuyển của chúng ta trên đường « mòn ». Song, với tinh thần xả thân vì nước, các đơn vị công binh Trường

(2) *Tờ Tin hàng tuần* của Mỹ, số ra ngày 31-3-1969.

Digitized by Google

sơn dốc sức chuẩn bị suốt 6 tháng mùa mưa, đã hoàn chỉnh được 5 trục đường vượt khẩu chủ yếu, 3 hệ thống trục dọc có đường « kín » để tổ chức vận chuyển tập trung lớn ban ngày kết hợp trục đường « hở » vận chuyển nhỏ ban đêm. Chúng ta đã đẩy mạnh vận tải cơ giới trên sông vào tới Stung-treng (Cam-pu-chia); thiết lập được tuyến đường ống dẫn nhiên liệu lỏng đến khu vực đông nam Xa-ra-van (Hạ Lào)... đó là những thành công có ý nghĩa quyết định đối với hiệu suất chi viện. Về tổ chức lực lượng, bộ đội Trường sơn đã được xây dựng thành 5 sư đoàn khu vực để hợp đồng chiến đấu và kịp thời phối hợp với nước bạn xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (45 000 du kích) nhằm bảo vệ tuyến đường.

Trải qua thời kỳ 1969 – 1973, chúng ta đã thu được những kết quả có ý nghĩa chiến lược : vô hiệu hóa các thủ đoạn kỹ thuật hiện đại nhất của chiến tranh điện tử; vận chuyển đến các đối tượng tiếp nhận được một khối lượng vật tư gấp hơn 4 lần và tổng số tấn/ki lô mét gấp 181 lần so với thời kỳ trước đó; đã làm thất bại hoàn toàn cuộc hành quân ngăn chặn chiến lược của Mỹ ngụy, liên tục đánh địch trên toàn tuyến, bắn rơi 1 689 máy bay các loại, giải phóng được nhiều vùng rộng lớn từ Pha-lan – Xa-ra-van – A-tô-pơ đến ngã ba biên giới ba nước Đông dương, tiêu diệt trên 10 300 tên địch. Bộ đội Trường sơn đã xây dựng thành công thế trận giao thông vận tải quân sự với hình thức bố trí binh hỏa lực đánh địch có hiệu quả, làm thất bại cuộc chiến tranh ngăn chặn của đế quốc Mỹ trên đường Hồ Chí Minh, tạo được thế đứng vững chắc trên lưng kẻ địch, biến con đường đó thành hậu phương trực tiếp của các chiến trường.

Sau hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Đông dương đã có thay đổi lớn, có lợi rõ rệt cho ta. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta lúc này là dù tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực, cần phải nắm vững chiến lược tiến công.

Nhiệm vụ của các lực lượng Trường sơn trong thời kỳ này là hết sức khẩn trương mở hệ thống đường đông Trường sơn nhằm áp sát địch, cải tạo hệ thống đường tây Trường sơn, tổ chức các sư đoàn binh chủng chiến đấu hợp đồng dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ tư lệnh; phát huy sức mạnh tổng hợp của ba phương thức vận tải cơ giới; thực hiện thắng lợi những yêu cầu của giai đoạn « chuẩn bị chiến lược », sẵn sàng thích ứng với thời cơ lịch sử.

Lúc này, một thuận lợi chưa từng có trên địa bàn Trường sơn là hai phần ba không gian thuộc vùng không có chiến sự, còn lại là vùng có chiến sự nhỏ. Vì vậy toàn tuyến Trường sơn có thể tập trung hỏa lực áp đảo địch trong phạm vi không gian hẹp, các binh chủng khác có điều kiện huy động toàn lực phục vụ quyết tâm mới của Trung ương Đảng.

Nhờ có quá trình chuẩn bị « *sớm, đủ, đồng bộ, tiếp cận chiến trường* », cho nên khi thời cơ lịch sử xuất hiện, cuộc tổng tiến công chiến lược và nổi dậy đồng loạt bắt đầu, thì toàn tuyến Trường sơn đã sẵn sàng và kịp thời sử dụng gần một vạn xe các loại, đáp ứng mọi nhiệm vụ : chuyên chở các quân đoàn thần tốc tiến công địch; chuyển gần hai vạn tấn vũ khí – khí tài thiết yếu tới sau lưng bộ đội; chở gấp các trung đoàn công binh Trường sơn đi với các đội hình tiến công của quân ta để phá mìn, mở đường, bắc cầu; điều động các trung đoàn, sư đoàn cao xạ và các trung đoàn, sư đoàn bộ binh Trường sơn từ phía tây lật cánh xuống phía đông tham gia các trận đánh ở Tây nguyên, Khu 5, Nam bộ; điều các trung đoàn

Digitized by Google

bảo đảm kỹ thuật cơ giới, các trung đoàn thông tin tải ba, các trung đoàn bảo đảm xăng dầu... bám sát các mũi tiến công trên nhiều mặt trận để phục vụ đắc lực các chiến dịch, các trận đánh lớn, tiến tới giành thắng lợi nhanh chóng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

★

Trải qua những năm tháng hoạt động và chiến đấu vô cùng gian khổ, ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, bộ đội Trường sơn và các lực lượng phục vụ khác đã đạt được những thành tích rất to lớn và vẻ vang: xây dựng được mạng đường chiến lược gần 20 000 km theo các tiêu chuẩn khác nhau từ Tây Quảng bình đến Lộc ninh; đánh 112 135 trận chống không quân Mỹ, hạ trên 2500 máy bay, đánh thắng 1263 cuộc hành quân nống lấn và hoạt động biệt kích, thám báo của địch; vận chuyển 451750000 tấn/km vật tư các loại; tổ chức được trên 2 triệu lượt người đi trên đường, dù địch có tìm đủ mọi cách xảo quyệt, thâm độc để cắt đứt con đường, nhưng quân và dân ta với tinh thần xả thân vì nước, vẫn làm cho con đường đó ngày càng có sức sống mãnh liệt, không gì hủy diệt nổi. Mạch máu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vẫn không ngừng chảy, nuôi sống sự nghiệp thiêng liêng giải phóng miền Nam đến ngày toàn thắng.

Kỳ công ấy là của hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến đã hy sinh quên mình, chiến đấu ngoan cường, lao động sáng tạo, xây dựng thành công «thế trận hậu cần chiến lược» ở địa bàn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trên bán đảo Đông dương.

Kỳ công ấy là kết quả của sự chỉ đạo sáng suốt, nhạy bén của Đảng ta trong chiến tranh, là biểu hiện tài năng tổ chức hậu cần của quân và dân ta trong cuộc đọ sức quyết liệt với tên đế quốc đầu sỏ có lực lượng và phương tiện mạnh hơn mình nhiều lần. Kỳ công ấy còn thể hiện sự đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc sống trên dải Trường sơn hùng vĩ, thể hiện sức mạnh của tình đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc ba nước Đông dương, và vai trò quyết định của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đối với cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

Nhà báo Jắc-cơ Đét-puếch đã viết một cách hình ảnh về kỳ công đường Hồ Chí Minh: «Thành tích của An-ni-ban với những con đường vượt qua dãy núi An-pơ, Bô-na-pác-tơ với con đường chuyển trọng pháo qua đèo Xanh Béc-na đã bị đẩy lùi quá xa khi nói đến con đường «mòn» Hồ Chí Minh» (3). Và nhà báo Pháp Van Gie đã nhận xét: «Toàn bộ con đường «mòn» Hồ Chí Minh mà người ta nói hôm nay là tổng kết của hàng thế kỷ đấu tranh chống áp bức; cho nên con đường ấy có sức sống mãnh liệt vì nó là tượng trưng cho sức chiến đấu của cả một dân tộc... Cho nên, còn phải thấy rõ rằng: không có nó, chiến tranh đã có thể kết thúc» (4).

Ngày nay, khi đất nước ta đã liền một dải, nhân dân ta đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đường Hồ Chí Minh vẫn là thế đứng chiến lược để tổ chức tiến công quân thù, bảo vệ vững chắc đất nước, đồng thời nó đang ngày càng góp phần to lớn vào việc khai thác những tiềm năng kinh tế, xây dựng dải Trường sơn thành những vùng có kinh tế, giao thông phát triển, quốc phòng vững mạnh.

(*Xem tiếp trang 70*)

(3) Xem cuốn *Trận đồ bát quái*, Tổng cục xây dựng kinh tế, Bộ quốc phòng xuất bản, 1979, tr. 29.

(4) Xem cuốn *Đường mòn Hồ Chí Minh* (tiếng Pháp), Nxb Xpê-xi-an, Pa-ri, 1971, tr. 9—10.

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN ÁI QUỐC THAM DỰ ĐẠI HỘI THỨ NĂM CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1924)

THẾ TẬP

NĂM nay, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 Ngày đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản, chúng tôi xin giới thiệu một số tư liệu về tư cách đại biểu và những lời phát biểu của Người tại Đại hội này.

Về *tư cách đại biểu* của Người, trước đây thường có những câu hỏi như sau: đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đại biểu chính thức trong Đoàn đại biểu của Đảng cộng sản Pháp hay là đại biểu tư vấn, và tại sao Người là đại biểu tư vấn?

Để xác minh vấn đề này, chúng tôi xin giới thiệu ba tài liệu sau đây:

1 — Thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp đề ngày 13 tháng 6 năm 1924:

« Kính gửi đồng chí Pê-tơ-rốp
Chủ tịch Ban phương Đông
Đồng chí thân mến,

Hôm qua, Đoàn đại biểu Pháp có viết thư cho Ủy ban kiểm tra tư cách đại biểu để yêu cầu cấp cho tôi một thẻ.

Tôi đã nhận được một thẻ tham dự Hội nghị Ban chấp hành mở rộng.

Đồng chí Grôn-man sáng nay nói với tôi rằng tôi phải trao cho đồng chí những điều trình bày bằng văn bản, đồng chí sẽ chuyển những điều trình bày ấy cho Ủy ban kiểm tra tư cách đại biểu, và đồng chí Grôn-man cùng với Ủy ban và đồng chí sẽ liệu thương thỏa thuận với nhau để cấp thẻ đại biểu cho tôi.

Điều đặc biệt về trường hợp của tôi là:

1 — Tôi đã ở đây từ lâu trước ngày Đại hội, cho nên Đảng tôi không thể cấp trước từ nhiều tháng một thẻ đại biểu cho tôi được.

2 — Quốc tế cộng sản có yêu cầu Đảng tôi cử các đại biểu thuộc địa đến; biết tôi đã ở Mát-xcơ-va rồi, Đảng tôi tưởng không cần thiết phải ghép tôi vào Đoàn từ Pa-ri đến.

3 — Các đồng chí của tôi trong Đoàn đại biểu Pháp không thể cấp một thẻ đại biểu cho tôi được, **vì các đồng chí đó không có thủ tục làm hợp lệ.** *Nhưng nhất trí với các đồng chí đó và với Ủy ban kiểm tra tư cách đại biểu thì đồng chí có thể cấp được.*

Lời chào cộng sản » (1)

(1) Xem tài liệu lưu trữ tại Viện lịch sử Đảng tại Viện Mác—Lê-nin.

Digitized by Google

2 — Lời đồng chí Pê-tơ-rốp viết bằng tiếng Nga trên bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

« Gửi đồng chí Grôn-man để xét trong cuộc thảo luận sắp tới của Ủy ban kiểm tra tư cách đại biểu Nếu Đoàn đại biểu Pháp xuất trình những giấy tờ chứng tỏ Đoàn muốn nhận đồng chí Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn họ, thì tôi đề nghị có thể cấp cho đồng chí ấy giấy ủy nhiệm đại biểu tư vấn » (2).

3 — Thư yêu cầu của đồng chí bí thư Đoàn đại biểu Pháp:

« Mát-xcơ-va ngày 17 tháng 6 năm 1924

Yêu cầu cấp một thẻ đại biểu tư vấn cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong Ban phương Đông.

Đồng chí này công tác trong phong trào ở Đông-dương, thuộc địa Pháp.

Bí thư Đoàn đại biểu Pháp

Ký tên » (3)

Căn cứ vào những tài liệu trên đây, chúng ta có thể khẳng định rằng đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đại biểu tư vấn tại Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản. Về việc xác định tư cách đại biểu của Người, những lý do nêu lên đã rõ ràng và đồng chí Nguyễn Ái Quốc rất vui lòng được nhận là đại biểu tư vấn tại Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản.

Về những lời phát biểu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản:

Trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I (1920 — 1925) có in những lời phát biểu của Người trong hai lần với đầu đề là *Tham luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tại Đại hội quốc tế lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản*. Để giúp các đồng chí có tài liệu nghiên cứu, chúng tôi xin giới thiệu thêm hai tài liệu sau đây (không thấy in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*):

1 — « Phiên họp thứ 8, ngày 22-6-1924:

«... Nguyễn Ái Quốc (Đông dương): Tôi phát biểu ở đây để hướng sự chú ý của các đại biểu đến các thuộc địa, vận mệnh giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc phần lớn vào các thuộc địa. Đây là nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các nước lớn để quốc chủ nghĩa; nếu chúng ta muốn đánh bại các nước này, chúng ta bắt đầu phải tước hết thuộc địa của chúng đi. Tôi đồng ý với đồng chí Trein là chúng ta phải chờ đợi làn sóng cách mạng dâng lên ở Pháp. Nhưng tôi không tán thành ý kiến về nguy cơ của chủ nghĩa phát xít. Giai cấp tư sản Pháp không cần đến chủ nghĩa phát xít. Nó dựa vào các đội quân ở thuộc địa, theo con số thống kê chính thức, trong quân đội Pháp có 458 000 lính Pháp và 206 000 lính thuộc địa. Nhưng trong thực tế tỷ lệ lính thuộc địa lớn hơn nhiều, vì thời gian quân dịch của họ dài hơn.

Phải quan tâm đến các thuộc địa hơn nữa. Đây là nhiệm vụ trước tiên đối với đảng Pháp và đảng Anh ». (*Tạp chí* **Thư tín quốc tế**, *số 41, ngày 4-7-1924*).

2 — « Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế cộng sản trước sự kiện rằng những thuộc địa đang tồn tại và nêu lên rằng cách mạng có nhiệm vụ phải giải quyết vấn đề tương lai của các thuộc địa, đồng thời nêu lên cả nguy cơ của các thuộc địa. Hình như các đồng chí chưa thấm nhuần tư tưởng rằng vận mệnh giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là giai cấp vô sản các nước đi xâm chiếm thuộc địa, gắn liền với vận mệnh các giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Trong chừng mực tình hình như vậy, tôi sẽ lợi dụng mọi cơ hội, và nếu cần tôi sẽ thúc đẩy mọi cơ hội để thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa...

Các đồng chí, hãy tha lỗi cho sự táo bạo của tôi, nhưng tôi không thể không nói rằng, khi nghe tham luận của các

(2), (3) Xem tài liệu lưu trữ tại Viện lịch sử Đảng thuộc Viện Mác-Lê-nin.

Digitized by Google

đồng chí ở chính quốc, tôi có cảm tưởng rằng các đồng chí muốn đánh chết rắn đằng đuôi. Các đồng chí đều biết rằng hiện nay nọc độc và sức sống của chủ nghĩa đế quốc đang tập trung ở các thuộc địa chứ không phải tập trung ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho nhà máy và cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Thuộc địa là nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Và các đồng chí, khi nói về cách mạng lại coi nhẹ vấn đề thuộc địa.

Tại sao, trong các vấn đề cách mạng, các đồng chí không tổ chức sách lược và lực lượng của mình lại? Tại sao các đồng chí tổ chức lực lượng và tổ chức tuyên truyền mà không để ý tới lực lượng và sự tuyên truyền của đối phương mà các đồng chí muốn đấu tranh và đánh đổ chúng? Tại sao các đồng chí bỏ quên các thuộc địa trong khi bọn tư bản dựa vào thuộc địa để tự vệ và chống lại các đồng chí...

Trong khi thảo luận về khả năng và phương pháp để hoàn thành cách mạng, trong khi chuẩn bị kế hoạch chiến đấu, các đồng chí Anh và Pháp, và cả các đồng chí các đảng khác đã hoàn toàn không nhìn thấy điểm chiến lược quan trọng đó. Đấy, tại sao tôi phải lấy hết sức kêu lên với các đồng chí rằng « hãy chú ý » (Biên bản tốc ký của Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản, tr. 210 – 211, theo bản tiếng Pháp in trong cuốn **Le marxisme et l' Asie (Chủ nghĩa Mác và châu Á)** *1853 – 1964 của H.C. d' Encause và S. Schram, nhà xuất bản Armand Colin, Paris, 1965, tr. 273 – 274).*

Những lời phát biểu trên đây của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tuy ngắn gọn nhưng thể hiện những quan điểm và tư tưởng của Người về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Vấn đề dân tộc và thuộc địa là một trong những vấn đề quan trọng được Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản nêu lên trong chương trình nghị sự. Đại hội đã thảo luận sôi nổi về vấn đề này trong một số phiên họp...

Chúng ta cần sưu tầm đầy đủ những lời phát biểu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội này, cố gắng tìm những bản gốc, bản chính để đối chiếu, so sánh với những bản sao, phát hiện những câu, những đoạn còn thiếu hoặc có sự khác nhau ít nhiều giữa những bản hiện có vì lý do này hay lý do khác... nhằm góp phần vào việc sưu tầm và xác minh những văn kiện và tài liệu của Người đạt kết quả tốt hơn.

Trên cơ sở những tài liệu hiện nay đã sưu tầm được, bước đầu nghiên cứu, chúng ta nhận thấy rằng, những lời phát biểu của Người thể hiện nổi bật tinh thần kiên quyết đấu tranh nhằm bảo vệ và thực hiện những luận điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa; Người đã chân thành và thẳng thắn phê bình một số đảng anh em lúc đó không quan tâm và không hoạt động gì cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa; Người nêu rõ vị trí của cách mạng ở các nước thuộc địa phải được đặt ngang tầm với cách mạng vô sản ở các nước đế quốc chủ nghĩa, cách mạng ở các nước thuộc địa phải phát huy tinh chủ động, không phụ thuộc, không ỷ lại vào cách mạng vô sản ở « chính quốc ». Người còn quan tâm đến vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa, trước hết là nông dân Đông dương, và đề nghị Quốc tế cộng sản cần giúp đỡ nông dân tổ chức lại, cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và hướng dẫn họ đi tới cách mạng và giải phóng.

Những lời phát biểu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội này có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn, góp phần làm phong phú chủ nghĩa Mác – Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Digitized by Google

Nghiên cứu

VỀ CÁC QUY LUẬT CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI *

CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP

QUYẾT TIẾN

SAU khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã giành được chính quyền, việc cải tạo dần dần nông nghiệp theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan. Đồng thời, đó cũng là một nhiệm vụ phức tạp và khó khăn nhất trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta biết rằng, ở bất cứ nước nào đã thiết lập được nền chuyên chính vô sản, giai cấp vô sản chiến thắng đều đứng trước một nền nông nghiệp cũ gồm hai loại hình kinh tế sau đây: một là nền kinh tế kinh doanh tư bản chủ nghĩa và hai là nền kinh tế sản xuất nhỏ, cá thể của nông dân. Cả hai loại hình kinh tế đó đều mâu thuẫn về chất với xu hướng phát triển của chủ nghĩa xã hội, bởi vì chúng đều xây dựng trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Do đó, nền nông nghiệp cũ ấy tất nhiên phải được cải tạo theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta cũng biết rằng, việc quốc hữu hóa ruộng đất hay chia ruộng đất cho nông dân đều chưa dẫn ngay tới việc hình thành những quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp. Bởi vậy, Nhà nước vô sản cần có những biện pháp tiếp theo để chuyển nền nông nghiệp vào con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong khu vực Nhà nước, nhiệm vụ này được giải quyết bằng cách thành lập các xí nghiệp lớn, cơ khí hóa cao trên những ruộng đất đã quốc hữu hóa. Đó là các nông trường

* Xem tạp chí cộng sản từ số tháng 1-1984.

Digitized by Google

quốc doanh ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Những nông trường này là cơ sở vững chắc để tiến hành các cuộc cải tạo sâu sắc ở nông thôn, là mẫu mực của toàn bộ công tác nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của Đảng.

Việc phức tạp hơn là đưa đông đảo những người nông dân sản xuất nhỏ, cá thể vào con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Đây cũng là một việc cực kỳ khó khăn, bởi vì tính chất phân tán của nền kinh tế cá thể của nông dân, xu hướng phát triển tự phát vốn có của nó, tính chất lạc hậu về kỹ thuật của nó cùng với năng suất lao động thấp, sản phẩm hàng hóa ít, và tâm lý tư hữu của nông dân đều không phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội mới. Bởi vậy nền kinh tế đó cần phải được cải tạo theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Về những đặc điểm của nền nông nghiệp nhỏ, cá thể, Mác đã từng nói: «Do bản chất của nó, chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ không cho phép phát triển sức sản xuất xã hội của lao động, xác lập các hình thái xã hội của lao động, tập trung tư bản xã hội, chăn nuôi theo quy mô lớn, ứng dụng khoa học một cách tiến bộ vào nông nghiệp» (1). Mác còn nói sản xuất nhỏ cá thể «Không thể có được tính chất phong phú và sự phát triển của nền tái sản xuất, cũng như các điều kiện vật chất và tinh thần của nó, đồng thời cũng không thể có được các điều kiện của một nền canh tác hợp lý» (2).

Với những đặc điểm như trên, nền nông nghiệp nhỏ ấy tỏ ra bất lực trong việc phát triển lực lượng sản xuất, do đó không thích ứng với yêu cầu xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Xét về mặt khác, nền nông nghiệp nhỏ, cá thể mang sẵn trong mình nó xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa như Lê-nin đã nói. Do tác động của quy luật giá trị, nền nông nghiệp ấy luôn luôn biến động, phân hóa: trong khi một bộ phận nhỏ nông dân do có những ưu thế về tư liệu sản xuất, vốn liếng, sức lao động, và cả «mánh lới» làm ăn ngày càng trở nên giàu có, thì số đông nông dân khác ngày càng phá sản, nghèo khổ. Tình hình ấy tiếp diễn thường xuyên, tất yếu làm nảy sinh quan hệ bóc lột và bị bóc lột. Và điều đó mâu thuẫn một cách hiển nhiên với bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, xét về cả hai mặt kinh tế và chính trị, nền nông nghiệp nhỏ, cá thể ngày càng trở thành một chướng ngại cho việc xây dựng và phát triển nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, cũng như cho việc giải phóng triệt để nông dân lao động và thắt chặt khối liên minh công nông, cơ sở chính trị chủ yếu của chuyên chính vô sản và chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội không thể xây dựng một chân trên nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, còn chân kia lại đặt trên nền kinh tế tiểu nông lạc hậu được. Chuyên chính vô sản cũng không thể vững vàng được nếu nó không giải phóng triệt để nông dân khỏi nền nông nghiệp nhỏ bé với kỹ thuật lạc hậu và năng suất lao động thấp, cũng như nếu nó không qua việc giải phóng đó mà củng cố khối liên minh công nông — lực lượng chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có cải tạo nền nông nghiệp nhỏ, cá thể theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới phát triển được lực lượng sản xuất trong nông nghiệp trên cơ sở áp dụng những tiến bộ kỹ thuật mới và mở rộng phân công lao động, làm cho nông nghiệp

(1) C. Mác: *Tư bản*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, quyển III, tập III, tr. 266 — 267.

(2) *Sách đã dẫn*, tr. 274.

Digitized by Google

phát triển toàn diện, tiến hành thâm canh, chuyên canh, thực hiện tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất cao, có năng suất lao động và năng suất cây trồng cao, có tỷ suất hàng hóa lớn, đáp ứng ngày càng đầy đủ những yêu cầu của đất nước và nhân dân về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, về nông sản hàng hóa xuất khẩu, tạo cơ sở ngày càng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có cải tạo nền nông nghiệp nhỏ cá thể theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới ngăn chặn được tình trạng phân hóa trong nông dân, ngăn chặn được xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, xóa bỏ được một trong những nguyên nhân quan trọng nhất làm nảy sinh và tái sinh sự bóc lột tư bản chủ nghĩa.

Chỉ có cải tạo nền nông nghiệp nhỏ, cá thể theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, chúng ta mới giải phóng được triệt để nông dân lao động khỏi nguy cơ bị phá sản và bần cùng, làm cho nông dân lao động có cuộc sống ngày càng hạnh phúc, văn minh. Trên cơ sở đó củng cố liên minh công nông, củng cố chuyên chính vô sản, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa. Đứng vững trên hai chân: công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa và nông nghiệp hợp tác hóa với kỹ thuật ngày càng hiện đại, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ vô cùng vững chãi. Dựa chắc trên khối liên minh công nông, nền chuyên chính vô sản sẽ được củng cố và tăng cường mạnh mẽ.

Như vậy, cải tạo nền nông nghiệp nhỏ, cá thể theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, rõ ràng là một quy luật rất quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề mà giai cấp vô sản chiến thắng phải thực hiện bằng được nếu nó muốn hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình.

Về tính tất yếu, cũng như những nguyên tắc và phương pháp cải tạo nền nông nghiệp nhỏ, cá thể, Ăng-ghen đã từng nói rằng: «chủ nghĩa xã hội không có lợi ích gì mà duy trì chế độ ấy, (tức chế độ chiếm hữu cá nhân — Q.T) mà trái lại nên để cho nó mất đi: vì ở đâu mà còn có chế độ chiếm hữu cá nhân và trong chừng mực còn có chế độ đó, thì không thể có chế độ công hữu được» (3) Ăng-ghen còn nói: Ý định muốn duy trì chế độ tư hữu của người tiểu nông, chỉ kéo dài tình trạng sống dở chết dở của họ mà thôi! Ăng-ghen chỉ rõ nhiệm vụ của người cộng sản đối với tiểu nông như sau: «Khi chúng ta đã nắm được chính quyền rồi, chúng ta sẽ không thể nghĩ đến việc dùng bạo lực để tước đoạt những người tiểu nông (dù cho có hoặc không bồi thường cũng vậy) như chúng ta buộc phải làm đối với bọn địa chủ. Nhiệm vụ chúng ta đối với tiểu nông, trước hết là phải hướng nền sản xuất cá nhân và chiếm hữu cá nhân của họ vào con đường hợp tác, không phải bằng cách cưỡng ép mà là bằng cách nêu gương cho họ thấy và bằng cách xã hội giúp đỡ họ thực hiện việc ấy» (4). Tin tưởng rằng, giải pháp đúng đắn đó sẽ được nông dân tiếp nhận, Ăng-ghen viết: «khi chúng ta đem lại cho nông dân khả năng dùng lối kinh doanh quy mô lớn, không phải vì lợi ích của bọn tư bản, mà là vì lợi ích chung của chính họ, thì há lại không thể làm cho nông dân hiểu rằng đấy là vì lợi ích của họ, đấy là con đường duy nhất để cứu nguy, hay sao?» (5).

(3) C. Mác và Ph Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội, 1962, tập II, tr. 696.
(4), (5) Sách đã dẫn, tr. 708, 710.

Digitized by Google

Kế tục và phát huy những tư tưởng đó của những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, Lê-nin đã vạch ra một cách cụ thể con đường hợp tác hóa nông nghiệp, cũng tức là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn. *Kế hoạch hợp tác hóa của Lê-nin* xuất phát từ chỗ: hợp tác hóa trong điều kiện của chuyên chính vô sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa nắm trong tay các tư liệu sản xuất chủ yếu, là hình thức phổ cập và dễ hiểu nhất đối với nông dân để lôi cuốn họ vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cái hay chủ yếu của chế độ hợp tác xã như Lê-nin nhận xét, chính là ở chỗ: nó là một phương sách kết hợp lợi ích tư nhân với việc Nhà nước kiểm soát và giám sát lợi ích đó, phương sách làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích toàn thể. Không làm như thế thì không thể dẫn dắt nông dân lao động vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Về ý nghĩa cực kỳ quan trọng của hợp tác hóa, Lê-nin đã từng viết như sau: « Việc chính quyền Nhà nước chi phối hết thảy mọi tư liệu sản xuất chủ yếu, việc giai cấp vô sản nắm giữ chính quyền, việc giai cấp vô sản liên minh với hàng triệu tiểu nông và tiểu tiểu nông, việc giai cấp vô sản nắm vững quyền lãnh đạo nông dân v.v. phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để có thể xây dựng *với việc hợp tác hóa*, (chúng tôi gạch dưới — Q.T) và chỉ riêng với việc hợp tác hóa mà trước đây chúng ta coi là có tính chất con buôn, và bây giờ đây, dưới chính sách kinh tế mới, về một vài mặt nào đó, chúng ta vẫn có quyền coi như thế — phải chăng những việc đó không phải là tất cả những thứ cần thiết để xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa toàn vẹn hay sao? » (6).

Lê-nin đã đề ra *những nguyên tắc chủ yếu* của công cuộc hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa là: tự nguyện, dần dần từng bước, có sự lãnh đạo của Đảng và sự giúp đỡ của Nhà nước chuyên chính vô sản.

Nguyên tắc tự nguyện là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất. Nguyên tắc này xuất phát từ chỗ: Đảng của giai cấp công nhân coi nông dân lao động là đồng minh chiến lược của giai cấp công nhân, đối với họ chẳng những không được tước đoạt bằng bạo lực, mà ngay việc dùng cách cưỡng bức bằng mệnh lệnh cũng bị ngăn cấm. Chỉ có dùng phương pháp thuyết phục bằng công tác giáo dục tư tưởng và nhất là bằng những tấm gương thực tế về tính hơn hẳn của lối làm cụ thể, mới có thể lôi cuốn được đông đảo nông dân lao động vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp — Làm khác đi, thì sẽ gây thiệt hại cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cho việc củng cố khối liên minh công nông — cơ sở của chuyên chính vô sản, lực lượng chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc dần dần từng bước là một nguyên tắc quan trọng của việc tổ chức và chỉ đạo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Nguyên tắc này xuất phát từ chỗ: trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân lao động chỉ có thể nâng cao dần dần, trình độ xã hội hóa thật sự nền sản xuất nông nghiệp chỉ có thể tăng lên từng bước và trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã cũng chỉ có thể nâng cao dần trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tế. Do xuất phát từ nguyên tắc này mà Lê-nin chủ trương công cuộc hợp tác hóa cần phải thực hiện trước hết trong từng lĩnh vực trao đổi (như tổ chức các hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán...) rồi chuyển dần sang lĩnh

(6) V. I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật Hà nội, 1960, quyển II, tập II, tr. 665.

Digitized by Google

vực sản xuất, và ngay trong lĩnh vực sản xuất cũng có nhiều mức độ khác nhau, từ hợp tác hóa lao động đến hợp tác hóa ruộng đất và các tư liệu sản xuất quan trọng khác.

Nguyên tắc căn có sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân và sự giúp đỡ của Nhà nước chuyên chính vô sản là nguyên tắc có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Không có sự lãnh đạo, giáo dục và tổ chức của Đảng thì không thể làm cho nông dân thật sự tự nguyện tham gia phong trào hợp tác hóa, cũng không thể làm cho phong trào ấy tiến dần từng bước vững chắc đến thắng lợi cuối cùng, đến sự xã hội hóa thật sự sản xuất nông nghiệp trên cơ sở kỹ thuật ngày càng tiến bộ. Cần thấy rằng: phương pháp thuyết phục và sự quan tâm đến lợi ích vật chất của người nông dân chính là cơ sở của toàn bộ công tác vận động nông dân tham gia hợp tác xã nhằm xã hội hóa sản xuất nông nghiệp. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng nền kinh tế hợp tác hóa phải dựa vào hạch toán kinh tế chặt chẽ, phải nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc trả công theo số lượng và chất lượng lao động bỏ ra. Nhiệm vụ đó không thể thực hiện được nếu không đấu tranh chống các lực lượng và tập tục của xã hội cũ, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng.

Cùng với sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ của Nhà nước chuyên chính vô sản về mặt tổ chức, kỹ thuật và tài chính đối với hợp tác xã là điều kiện cần thiết để tổ chức nông dân lại, và để củng cố những thành quả của phong trào hợp tác hóa. Lê-nin từng viết: «Bất cứ chế độ xã hội nào cũng chỉ nảy sinh với điều kiện là được một giai cấp nhất định nào đó giúp đỡ về tài chính, trong lúc này, (tức trong điều kiện của chuyên chính vô sản — Q.T) chế độ xã hội mà chúng ta phải giúp đỡ hơn mọi khi, là chế độ hợp tác hóa» (7).

Như vậy, cải tạo xã hội chủ nghĩa dần dần đối với nông nghiệp, mà chủ yếu là hợp tác hóa nền sản xuất của nông dân là quy luật chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song trong các nước khác nhau, quá trình này có những đặc điểm riêng.

Ở nước Nga, ngay sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, người ta đã bắt đầu tổ chức những hình thức mới của nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Sau đó, đã tiến hành công tác nhằm phát triển các hình thức hợp tác thấp nhất ở nông thôn.

Lúc đầu tổ chức hợp tác và đổi công là hình thức chính trong phong trào hợp tác hóa sản xuất. Trong các tổ chức này, lao động được xã hội hóa, còn ruộng tư thường vẫn giữ nguyên như trước, các công cụ sản xuất và gia súc cày ruộng được tập trung một phần. Trước năm 1929, đó là những hình thức tổ chức phổ biến ở nông thôn.

Ở Liên xô đã từng có công xã nông nghiệp, trong đó tập trung tất cả tư liệu sản xuất lại, cả tư liệu sản xuất chính và tư liệu sản xuất thứ yếu. Song hình thức hợp tác sản xuất này không được phát triển rộng rãi. Nó chỉ tồn tại trong những năm đầu của chính quyền Xô viết, sau đó tan rã và cải tổ thành các ác-ten nông nghiệp tức nông trang tập thể.

Trong các nông trang tập thể, tất cả đều được xã hội hóa: sử dụng đất, lao động, gia súc làm việc, máy móc và công cụ nông nghiệp, các ngôi nhà sản xuất và công trình kinh tế chủ yếu. Nông dân tập thể chỉ giữ lại

(7) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà-nội 1960, quyển II, phần II, tr. 666.

Digitized by Google

mảnh vườn quanh nhà, nhà ở, một phần gia súc và gia cầm. Do kết hợp đầy đủ và thành công nhất lợi ích xã hội của toàn thể nhân dân lao động với lợi ích riêng của nông dân tập thể, các nông trang tập thể đã phát triển rộng rãi và trở thành hình thức thuận lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn.

Song song với phong trào tập thể hóa rộng rãi, các trạm máy kéo được thành lập. Đó là những xí nghiệp quốc doanh phục vụ các nông trang tập thể về mặt kỹ thuật nông nghiệp. Song vai trò của các trạm máy kéo không chỉ dừng lại ở đó. Nó còn là hình thức mới của liên minh sản xuất giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp Nhà nước và các nông trang tập thể.

Như vậy, ngay từ trước năm 1940, Liên xô đã hoàn thành công cuộc tập thể hóa nông nghiệp, và đã xây dựng xong nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa trên cơ sở công nghiệp hóa ở thành thị. Và điều đó đã dẫn đến chỗ thủ tiêu hoàn toàn giai cấp phú nông, giai cấp bóc lột cuối cùng ở Liên Xô, thủ tiêu tình trạng đối lập lâu dời giữa thành thị và nông thôn.

Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở các nước xã hội chủ nghĩa khác có những đặc điểm riêng khác với Liên xô. Nguyên nhân chính là vì, trong đại đa số các nước xã hội chủ nghĩa, ruộng đất không được quốc hữu hóa hoàn toàn như ở Liên xô mà giao cho nông dân giữ làm tài sản riêng. Điều đó làm cho phong trào hợp tác hóa phức tạp thêm một phần nào. Nhưng giải quyết như thế là cần thiết, vì việc quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất sẽ không được sự ủng hộ của nông dân là người đã đấu tranh hàng thế kỷ chống địa chủ để giành ruộng đất.

Do đó, một số nước xã hội chủ nghĩa lúc đầu xây dựng các hợp tác xã bậc thấp. Trong các hợp tác xã này, ruộng đất được coi như cổ phần của xã viên góp vào hợp tác xã nhưng vẫn còn là tài sản riêng của nông dân. Nông dân không những nhận phần thu nhập theo khối lượng và chất lượng lao động đóng góp cho kinh tế tập thể, mà còn được hưởng lợi tức từ những ruộng đất mà mình đóng góp cho hợp tác xã. Trong giai đoạn sau, khi chuyển lên hợp tác xã bậc cao, thì hoa lợi ruộng đất không còn nữa, thu nhập của hợp tác xã chỉ phân phối theo lao động mà thôi.

Do kết quả của việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, ngày nay, trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, khu vực xã hội chủ nghĩa đã chiếm hơn 90% tổng diện tích trồng trọt cây nông nghiệp.

Ở nước ta, tuân theo con đường hợp tác hóa và những nguyên tắc chủ yếu của hợp tác hóa do Lê-nin đề ra, và vận dụng những kinh nghiệm của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, Đảng ta, sau khi giành được chính quyền Nhà nước đã sớm lãnh đạo nông dân đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp. Căn cứ vào tình hình cụ thể của nước ta Đảng ta chủ trương tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp trước khi nông nghiệp được cơ giới hóa. Đảng ta chủ trương kết hợp hợp tác hóa với thủy lợi hóa. Ngay trong bước đầu của thời kỳ quá độ, ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa trước đây đã tổ chức rộng khắp các hợp tác xã tiêu dùng và hợp tác xã mua bán, đồng thời tổ chức những hình thức hợp tác sản xuất khác nhau từ thấp đến cao: tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp, hợp tác xã bậc cao. Phong trào hợp tác hóa miền Bắc trước đây, về cơ bản đã tiến theo những nguyên tắc hợp tác hóa của Lê-nin, đồng thời có cụ thể hóa hơn những nguyên tắc ấy vào trong việc tổ chức và quản lý hợp tác xã, bằng cách đề ra những nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản

Digitized by Google

lý dân chủ. Cùng với việc tổ chức hợp tác xã, Đảng ta đã sớm thành lập các nông trường quốc doanh trên cơ sở quốc hữu hóa những đồn điền của đế quốc, tư sản mại bản và địa chủ lớn. Phong trào hợp tác hóa ngày càng phát triển đã góp phần to lớn vào việc củng cố miền Bắc xã hội chủ nghĩa, làm cho miền Bắc phát huy tác dụng quyết định nhất đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Từ khi cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta lại coi trọng động viên, giáo dục và tổ chức nông dân miền Nam đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp bằng các hình thức, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã mua bán, tổ sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Nhờ sự lãnh đạo của Đảng và sự giúp đỡ của Nhà nước chuyên chính vô sản, phong trào hợp tác hóa ở miền Nam đã có sự phát triển bước đầu. Dựa vào kinh nghiệm của miền Bắc trước đây, Đảng ta đã chỉ ra cho nông nghiệp miền Nam con đường tốt nhất để tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là: kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, tiến hành hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa và cơ khí hóa; coi trọng cả xây dựng hợp tác xã với xây dựng nông trường quốc doanh; gắn liền xây dựng hợp tác xã với xây dựng huyện; kết hợp việc cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở thành phố...

Trong việc hợp tác hóa, Đảng ta nhấn mạnh phải tuân theo những nguyên tắc hợp tác hóa của Lê-nin. Đảng ta lại rất coi trọng việc đoàn kết toàn thể nông dân lao động trong công cuộc hợp tác hóa. Đó là những kinh nghiệm hay cần chú ý phát huy để đưa phong trào hợp tác hóa nông nghiệp nước ta tiến từng bước vững chắc đến thắng lợi cuối cùng.

Một điểm nữa cần nói thêm là trong một thời gian dài, phong trào hợp tác hóa ở nước ta đã tiến hành trên cơ sở chia ruộng đất cho nông dân lao động. Điều đó là cần thiết để nông dân lao động phấn khởi sản xuất và tự nguyện tham gia phong trào hợp tác hóa. Tuy nhiên, tình hình hiện nay đã thay đổi khác trước. Nếu như ở miền Bắc trước đây, ruộng đất được xã hội hóa từng bước, thông qua con đường hợp tác hóa nông nghiệp thì ở miền Nam nước ta hiện nay, ta có thể xã hội hóa ruộng đất bằng cách quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Hiến pháp mới của nước ta quy định rõ: toàn bộ đất đai nước ta thuộc sở hữu toàn dân. Sở dĩ có thể và còn làm như vậy là vì: mọi tấc đất của Tổ quốc ta đều thấm máu và mồ hôi của nhiều thế hệ người Việt nam, do đó đều là tài sản chung của nhân dân cả nước; cần chấm dứt tình trạng xáo trộn đất đai do tậu bán, nhường lại, tranh chấp, chiếm đoạt... không có lợi cho việc Nhà nước thống nhất quản lý đất đai; cần sử dụng đất đai theo kế hoạch, để không những khai thác đất đai hợp lý và tiết kiệm mà còn cải tạo, bồi bổ, bảo vệ đất đai. Như vậy quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân là phù hợp với lợi ích của cả xã hội cũng như lợi ích cơ bản và lâu dài của mỗi công dân. Tuy nhiên để bảo đảm cho nông dân yên tâm sản xuất, Hiến pháp ghi rõ: «Những tập thể và cá nhân đang sử dụng đất đai được tiếp tục sử dụng và hưởng kết quả lao động của mình theo quy định của Hiến pháp». Đó là một đặc điểm mới của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở nước ta.

Chúng ta tin rằng, vận dụng đúng đắn quy luật cải tạo nông nghiệp dần dần theo chủ nghĩa xã hội, biết rút kinh nghiệm kịp thời để phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm, Đảng ta nhất định sẽ lãnh đạo phong trào hợp tác hóa nông nghiệp trong cả nước ta tiến tới những thắng lợi mới, to lớn hơn.

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN*

Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở An nhơn

TRƯỜNG AN

Bí thư Huyện ủy An nhơn

I—Phát triển nền kinh tế nông—công nghiệp huyện.

Huyện chúng tôi có hai ngành sản xuất chủ yếu là nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Muốn tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất theo cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp, chúng tôi phải suy nghĩ trước tiên đến *vấn đề quy hoạch*. Lúc đầu chưa hình dung hết vấn đề quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành, chúng tôi chỉ mới xác định phương hướng sản xuất của huyện là nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Trong nông nghiệp sản xuất chính là cây lương thực (chủ yếu là cây lúa) và cây công nghiệp ngắn ngày (như lạc, đậu tương, mía); con vật nuôi chính là lợn và bò. Trong tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp chủ yếu là sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, vật liệu xây dựng, công cụ sản xuất nhỏ, chế biến nông sản cho người và thức ăn cho gia súc. Phương hướng đó tuy chưa toàn diện và hoàn chỉnh nhưng đã có tác dụng lớn trong việc xây dựng phương án kinh tế — kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất nông nghiệp cũng như tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Đến năm 1977, căn cứ vào nhiệm vụ tỉnh giao và xuất phát từ tiềm năng và thế mạnh của huyện, An nhơn tiến hành phác thảo quy hoạch tổng thể trên địa bàn huyện. Đến nay, quy hoạch tổng thể đó còn đang trong quá trình bổ sung và hoàn chỉnh, chưa được tỉnh duyệt chính thức, nhưng cũng đã thể hiện rõ cơ cấu kinh tế của huyện là nông — công nghiệp kết hợp với lâm nghiệp, có tác dụng hướng dẫn xây dựng quy hoạch phát triển của các ngành trong huyện.

Trong nông nghiệp, về trồng trọt, sản xuất chính là lương thực, trọng tâm là cây lúa nước, cây bổ sung là sắn và ngô (riêng cây lúa có 16 000 ha, chiếm 75% diện tích gieo trồng cả

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 2-1984.

Digitized by Google

nam). Cây xuất khẩu có đậu tương, lạc, mía, thầu dầu, đào lộn hột, ớt. Chăn nuôi chủ yếu là lợn (quy mô từ 71000 đến 75000 con) và bò (quy mô từ 16000 đến 22000 con); con vật bổ sung là vịt đàn và cá nước ngọt. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp từ 20,338 triệu đồng năm 1981 sẽ tăng lên 36,85 triệu năm 1985.

Về tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hình thành 4 cụm sản xuất lớn gắn liền với 4 cụm kinh tế — kỹ thuật trên địa bàn huyện. Hướng sản xuất là cơ khí chế tạo và sửa chữa, chế biến nông sản thực phẩm cho người và gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt, gia công hàng mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống... Giá trị tổng sản lượng của các ngành này từ 14,6 triệu đồng năm 1981 sẽ tăng lên 30 triệu năm 1985. Về lâm nghiệp trên 4 500 ha rừng đã được quy hoạch theo hướng kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và công nghiệp, tạo ra nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu. Ngoài ra, tận dụng đất đai phân tán trồng cây làm thuốc và các cây nguyên liệu khác.

Từ quy hoạch tổng thể trên địa bàn huyện, trong những năm qua, các *quy hoạch sản xuất ngành, quy hoạch các tiểu vùng chuyên canh, quy hoạch các hợp tác xã*... cũng được xác định và đã triển khai thực hiện, đem lại một số kết quả bước đầu. Về nông nghiệp, đã hình thành 2 vùng sản xuất chủ yếu gắn với 4 cụm kinh tế kỹ thuật. Cơ cấu của vùng thứ nhất gồm 10 xã với khoảng 5 669 ha (trong đó đất ruộng là 4171 ha), và 101 558 dân trong đó có 32 123 lao động. Đây là vùng trọng điểm lúa luân canh với cây lạc hoặc đậu tương. Hiện nay đã có 500 ha trồng lạc và 450 ha trồng đậu tương. Sắp tới sẽ mở rộng diện tích đậu tương lên 1 500 ha, lạc lên 1 000 ha, và tổ chức trồng dâu nuôi tằm ở vùng này để phục vụ cơ sở dệt của huyện. Chăn nuôi chính là lợn, vịt đàn và trâu bò cày kéo. Sản phẩm hàng hóa chủ yếu là lúa, đậu tương, lạc và thịt lợn. Kết cấu của vùng thứ hai gồm 4 xã với diện tích canh tác 3439 ha, dân số 49 869 người trong đó có 15 198 lao động. Vùng này chủ yếu sản xuất lương thực gồm 2 298 ha lúa, 200 héc ta sắn còn 1000 ha trồng mía. Một số diện tích dành để trồng cây đào lộn hột và trồng dâu. Chăn nuôi chủ yếu là bò, lợn, cá nước ngọt (hồ chứa nước núi Một). Sản phẩm hàng hóa chủ yếu là đường, thịt bò, thịt lợn, cây có dầu.

Về công nghiệp, chúng tôi đã xác định và từng bước hình thành 4 cụm sản xuất lớn gắn với 4 cụm kinh tế kỹ thuật và 2 mạng điện trên địa bàn huyện. Kết cấu cụm thứ nhất tại thị trấn Bình định gồm có các cơ sở cơ khí chế tạo và sửa chữa, rút mật làm trắng đường, sản xuất nước đá, chế biến nông sản, chế biến thức ăn gia súc, sản xuất giấy, phụ tùng xe đạp, các mặt hàng mỹ nghệ xuất khẩu, mặt dân dụng. Cụm thứ hai tại thị trấn Đập đá — Gò găng có các ngành rèn, dệt, cơ khí chế tạo và sửa chữa, làm đồ thủy tinh, phấn viết, đồ dùng bằng nhựa, hàng mỹ nghệ xuất khẩu, xà phòng, nón lá. Cụm thứ ba tại thị trấn Cảnh hàng có các ngành cơ khí sửa chữa, rèn, chế biến thức ăn gia súc và sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng. Cụm thứ tư dọc đường quốc lộ 19 có các ngành chế biến lâm sản của trung ương, của tỉnh và huyện; sản xuất vật liệu xây dựng, xay xát gạo, cơ khí sửa chữa, chế biến thức ăn gia súc và đường công nghiệp. Cùng với các cụm sản xuất lớn, các ngành nghề thủ công ở nông thôn do các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức sản xuất kinh doanh, tạo thành mạng lưới sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp từ huyện đến cơ sở.

Digitized by Google

Chúng tôi còn xây dựng hai mạng lưới điện: mạng thứ nhất do nguồn điện Quy nhơn cung cấp, mạng thứ hai do nguồn thủy điện hồ núi Một cung cấp, chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Từ những phác họa phương hướng sản xuất theo quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành ban đầu như trên, chúng tôi tiến hành *cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội trong huyện*. Trước hết tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xác lập quan hệ sản xuất mới trong các ngành nghề. Trong cải tạo chúng tôi đã kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính; cải tạo đến đâu, củng cố đến đó. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, tuy có nhiều khó khăn trong việc dấu tranh giữa hai con đường, có trường hợp rất gay gắt, nhưng với quyết tâm của toàn đảng bộ và sự chỉ đạo sát sao của huyện ủy, trong 4 năm (1978—1981) 27 hợp tác xã nông nghiệp đã được xây dựng trong huyện, thu hút 89% hộ nông dân vào hợp tác xã, 92% tư liệu sản xuất được tập thể hóa. Điều đáng chú ý là chúng tôi đã chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp nhanh chóng thanh toán tiền hóa giá công cụ sản xuất đối với nông dân. Chính nhờ vậy mà việc điều hành sức kéo không bị trở ngại.

Cùng với việc xác lập quan hệ sản xuất mới trên lĩnh vực nông nghiệp, chúng tôi đã xóa bỏ nhanh phương thức kinh doanh thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, hình thành mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, xây dựng 4 cơ sở quốc doanh và 10 hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và đã tiến hành cải tạo, sắp xếp lại ngành giao thông vận tải, y tế trên địa bàn huyện. Xác lập quan hệ sản xuất mới đến đâu, chúng tôi tiến hành củng cố tổ chức, sắp xếp lại lực lượng sản xuất đến đó. Việc tổ chức và sắp xếp lại lực lượng sản xuất trên địa bàn huyện và cơ sở nhằm gắn nông nghiệp với công nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, sản xuất với phân phối lưu thông, thực hiện sự liên kết giữa các thành phần kinh tế.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành, chúng tôi đã xác định quy mô, cơ cấu sản xuất và định rõ nhiệm vụ sản xuất của từng cơ sở. Các hợp tác xã nông nghiệp đã tiến hành cải tạo đồng ruộng gắn với giao thông, thủy lợi, bố trí cây trồng và con gia súc đúng với sự phân vùng quy hoạch của huyện, từng bước hình thành vùng chuyên canh. Chúng tôi đã đứng trên địa bàn huyện để tiến hành phân công lại lao động trong các ngành và trong từng ngành. Chúng tôi đã chuyển gần 3000 lao động nông nghiệp, buôn bán nhỏ sang sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Trong nông nghiệp đã chuyển một bộ phận lao động sang chăn nuôi tập thể và làm các ngành nghề khác.

Trong mấy năm qua, chúng tôi đã giáo dục, phát động quần chúng, và có những chính sách cụ thể làm cho quần chúng tự nguyện đi xây dựng vùng kinh tế mới. Chúng tôi đã đưa gần 1500 hộ với trên 6000 nhân khẩu đi xây dựng các điểm kinh tế mới ở trong và ngoài tỉnh. Việc tổ chức và sắp xếp lại lực lượng sản xuất tuy chưa thật hoàn chỉnh nhưng đã từng bước hình thành 3 trên 4 cụm kinh tế kỹ thuật (Bình định, Đập đá, dọc đường quốc lộ 19). Các cụm kinh tế kỹ thuật này đã thể hiện bước đầu sự gắn bó giữa nông nghiệp với công nghiệp, giữa sản xuất với phân phối lưu thông. Chúng tôi đã có những biện pháp chỉ đạo việc liên kết kinh tế giữa kinh tế tập thể với kinh tế tập thể, giữa kinh tế tập thể với kinh tế quốc doanh, giữa kinh tế tập thể với kinh tế tư nhân thông qua hình thức gia công đặt hàng hay liên doanh sản xuất. Ngoài kinh tế quốc doanh và tập thể, chúng tôi đã chú ý đến kinh

Digitized by Google

tế gia đình. Tuy chưa thật quan tâm đúng mức, nhưng vừa qua hợp tác xã nào cũng đã tổ chức hướng dẫn phát triển thêm một số ngành nghề phụ để vừa tận dụng lao động nhàn rỗi, vừa tăng thu nhập cho xã viên.

Mấy năm trước, sản xuất nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện chúng tôi tuy có tăng, nhưng nhịp độ tăng bình quân hằng năm không lớn. Đó là vì các cơ sở sản xuất trong huyện bị trói buộc bởi cơ chế quản lý không phù hợp. Trong những năm gần đây huyện chúng tôi *đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*. Trước hết đổi mới việc xây dựng kế hoạch và tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Huyện chúng tôi đã sớm tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất. Chúng tôi rất coi trọng việc đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý cán bộ khoa học kỹ thuật. Hầu hết cán bộ chủ chốt, cán bộ nghiệp vụ ở cấp huyện và cơ sở đều được học qua các trường quản lý kinh tế hoặc trường chuyên môn nghiệp vụ. Đáng chú ý là trong mấy năm qua, bằng phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », « nhân dân làm, Nhà nước giúp đỡ », « nhân dân làm, Nhà nước hướng dẫn », chúng tôi đã từng bước hình thành hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trên địa bàn huyện. Về thủy lợi đã xây dựng hồ chứa nước Núi Một dung tích 90 triệu m^3 nước, làm mới và tu sửa hàng chục đập bê tông và hàng chục đập bối, xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng 4 trạm bơm điện, hợp tác xã nông nghiệp nào cũng đã tiến hành đào mới hoặc nạo vét kênh mương, tạo thành mạng lưới tưới tiêu gắn với giao thông và quốc phòng trên địa bàn huyện tương đối hợp lý.

Trên địa bàn huyện còn có trên 160 máy bơm nước các loại bảo đảm chủ động nước tưới cho 100% diện tích cấy vụ đông – xuân và từ 70 đến 80% diện tích tưới trong năm. Ngoài ra, còn có các trại lợn giống, trại thụ tinh nhân tạo cho lợn, trạm bảo vệ thực vật và thú y, trạm cung ứng vật tư kỹ thuật, trạm vệ sinh phòng dịch, đội máy kéo... Ở cơ sở, cả 27 hợp tác xã nông nghiệp đều xây dựng nhà kho, sân phơi, bể ngâm ủ giống, trại chăn nuôi tập thể tương đối kiên cố; nhiều hợp tác xã đã hình thành cụm liên doanh chế biến thức ăn gia súc; nhiều hợp tác xã đã và đang tiến hành cải tạo đồng ruộng gắn liền với giao thông, thủy lợi. Hợp tác xã nào cũng trang bị đủ công cụ cầm tay cho người lao động, từng bước trang bị công cụ cải tiến (máy tuốt lúa, xe cải tiến) và một số máy cày... thực hiện từng bước cơ giới hóa trong một vài khâu sản xuất quan trọng.

Trên cơ sở quan hệ sản xuất cũ đã được cải tạo, quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, việc tổ chức lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và phân công lại lao động đã tác động tích cực đến việc phát triển sản xuất. Sản lượng lương thực từ 36 164 tấn năm 1977 đã tăng lên 50 050 tấn năm 1982, bình quân lương thực đầu người từ 320 kg năm 1977 tăng lên 360 kg năm 1982. Về cây công nghiệp, năm 1982 đạt 561 tấn đậu tương, 369 tấn lạc, 8 732 tấn mía, 506 lít dầu bạc hà. Đàn lợn năm 1982 có 33 620 con, đàn bò có 17 000 con, đàn trâu có 981 con. Năm nào huyện chúng tôi cũng đạt và vượt chỉ tiêu về huy động lương thực, thịt và các sản phẩm cây công nghiệp.

Về tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi đã khôi phục và xây dựng mới 51 cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện gồm 4 cơ sở quốc doanh, 9 cơ sở hợp tác xã, còn lại là tổ hợp và một số cơ sở kinh doanh trong các hợp tác xã nông nghiệp. Giá trị sản lượng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp từ 2,59 triệu đồng

Digitized by Google

năm 1977 đã tăng lên 19 triệu đồng năm 1982 (tính theo giá cố định). Ngoài các mặt hàng gia công cho Nhà nước, số sản phẩm tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp còn lại chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của địa phương và bán ra ngoài huyện; số này chiếm khoảng 40% tổng sản lượng. Tỷ trọng nông nghiệp là 51%, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp là 46%, bước đầu thể hiện rõ cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp trên địa bàn huyện chúng tôi.

II — Tổ chức phân phối lưu thông trên địa bàn huyện.

Huyện chúng tôi đã gắn công tác cải tạo công thương nghiệp với việc tổ chức lại phân phối lưu thông ngay từ đầu. Từ 1976, chúng tôi đã nhanh chóng xây dựng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa gồm mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán xã. Sau này đã dần dần hình thành công ty tổng hợp cấp III với 14 cửa hàng quốc doanh, ban quản lý hợp tác xã mua bán huyện với 23 cửa hàng và 14 hợp tác xã mua bán xã, thị trấn. Các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh cũng như hợp tác xã mua bán được bố trí trên khắp địa bàn huyện và gắn với 4 cụm kinh tế kỹ thuật, đã cùng với hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng tạo ra thế chân kiềng ở từng cơ sở. Ngay từ khi mới hình thành hợp tác xã nông nghiệp và các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi đã có ý thức gắn mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán với hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tạo ra thế liên hoàn khép kín từ sản xuất đến phân phối lưu thông.

Qua từng vụ sản xuất và từng năm kế hoạch, các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch và những yêu cầu đầu tư sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, tạo điều kiện vật chất phục vụ cho sản xuất và đời sống người lao động. Các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tiến hành ký kết hợp đồng với các hợp tác xã nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để tổ chức thu mua nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước, kể cả thu mua phần tự kinh doanh của hợp tác xã mua bán. Nhờ đó Nhà nước nắm được hàng, ổn định thị trường, sản xuất có điều kiện thuận lợi để phát triển. Doanh số mua vào bình quân hàng năm trong thời gian qua của thương nghiệp là 18,3 triệu đồng, bán ra là 22,5 triệu đồng; bình quân bán ra 150 đồng cho một người dân trong năm.

III — Xây dựng con người mới và nông thôn mới.

Từ sau ngày giải phóng, huyện chúng tôi đã đặc biệt quan tâm xây dựng con người mới. Chúng tôi chú trọng bồi dưỡng cho mọi người lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, có tinh thần làm chủ tập thể. Các hoạt động văn hóa giáo dục đều tập trung vào việc giáo dục con người mới. Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, chúng tôi đã nhanh chóng xây dựng một số cơ sở vật chất như nhà văn hóa, hội trường, bảo tàng, nhà truyền thống, phòng đọc sách... của huyện và của từng cơ sở. Chúng tôi đã xây dựng đủ trường lớp và các phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập, bảo đảm cứ 3 người dân có 1 người đi học, đã chấm dứt tình trạng học 3 ca trong ngày.

Về y tế, ngoài việc xây dựng mạng lưới y tế và một số cơ sở vật chất để bảo vệ sức khỏe của nhân dân, chúng tôi đã chú trọng chỉ đạo 5 phong trào dứt điểm của ngành, trong đó đặc

Digitized by Google

biệt chú ý đến việc xây dựng 3 công trình vệ sinh cơ bản và việc sinh đẻ có kế hoạch. Huyện chúng tôi đất hẹp, người đông, khả năng khai hoang không còn, muốn ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân trong huyện, ngoài việc đẩy mạnh sản xuất phát triển, còn phải đưa dần đi xây dựng vùng kinh tế mới và thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Bằng con đường tuyên truyền giáo dục và những chính sách cụ thể, chúng tôi đã làm cho đông đảo quần chúng giác ngộ, tự nguyện thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Ở huyện chúng tôi đã có 6% số phụ nữ mang vòng tránh thai, và tỷ lệ phát triển dân số từ 3,4% năm 1976 hạ xuống còn 1,8% năm 1982.

IV — Xây dựng huyện thành pháo đài bảo vệ an ninh nhân dân, bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với việc phát triển kinh tế — văn hóa, chúng tôi ra sức phấn đấu xây dựng huyện thành pháo đài trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chúng tôi đặc biệt chú ý xây dựng và củng cố lực lượng dân quân cơ động, dân quân tự vệ và mạng lưới an ninh nhân dân cho từng cơ sở. Hiện nay, ở mỗi xã có 1 đại đội dân quân cơ động, mỗi hợp tác xã nông nghiệp có 1 trung đội dân quân; ở các cơ quan, xí nghiệp có 2 tiểu đoàn, 3 đại đội trực thuộc; toàn huyện có 1 tiểu đoàn dự nhiệm. Thực hiện phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, từ năm 1979 đến nay, trong khi tiến hành cải tạo hệ thống kênh mương, làm đường giao thông, xây dựng trạm trại, hệ thống thông tin liên lạc..., chúng tôi đều có chú ý đến việc phục vụ quốc phòng. Chúng tôi đã quy hoạch và từng bước xây dựng các tuyến phòng thủ, cơ sở hậu cứ, cũng như cơ sở sản xuất tự túc cho lực lượng vũ trang tập trung. Chúng tôi đã kiên quyết trích 1% sản lượng lương thực hằng năm trong các hợp tác xã để làm quỹ dự trữ cho quốc phòng. Chúng tôi liên tục phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và quốc phòng toàn dân để nâng cao trình độ giác ngộ, đề cao cảnh giác cách mạng trong cán bộ và nhân dân. Đồng thời, tiến hành xây dựng chỉ tiêu kế hoạch cho từng năm và cho những năm sau về nghĩa vụ quân sự. Những năm qua, huyện chúng tôi đều hoàn thành chỉ tiêu về tuyển thanh niên nhập ngũ bảo đảm đủ số lượng và chất lượng.

V — Xây dựng Đảng vững mạnh.

Ở huyện chúng tôi, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn bó chặt chẽ với quá trình xây dựng Đảng. Huyện ủy chúng tôi giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao trong cấp ủy cũng như trong đảng bộ. Để bảo đảm đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, chúng tôi rất quan tâm đến công tác cán bộ, công tác đảng viên.

Để củng cố và kiện toàn bộ máy vững mạnh, huyện ủy đã nghiên cứu sắp xếp, bố trí lực lượng cán bộ thích hợp với yêu cầu của từng tổ chức, đặc biệt đã tăng cường cán bộ có năng lực, có phẩm chất tốt cho các cơ quan lãnh đạo và các cơ quan kinh tế. Huyện ủy đã chú ý xây dựng nền nếp công tác kiểm tra, đặc biệt quan tâm xây dựng nền nếp sinh hoạt Đảng, phân công đảng viên lãnh đạo quần chúng. Bên cạnh việc sắp xếp, bố trí cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác hiện nay chúng tôi đã tiến hành công tác quy hoạch cán bộ cho cấp huyện và cấp cơ sở. Căn cứ vào quy hoạch, hằng năm chúng tôi mạnh dạn đưa số đông cán bộ nhất là những đồng chí trẻ, có triển vọng đi học văn hóa,

Digitized by Google

chính trị, quản lý kinh tế, chuyên môn nghiệp vụ ở các trường của trung ương và của tỉnh. Mặt khác, chúng tôi tổ chức cho cán bộ học tập tại chỗ, tại các trường văn hóa, chính trị, chuyên môn ở huyện và giúp cho họ thông qua công việc hằng ngày mà học tập rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Trên cơ sở đó, chúng tôi mạnh dạn đề bạt những cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất giữ các chức vụ quan trọng theo kiểu « trẻ già xen kẽ ».

Hiện nay ban chấp hành đảng bộ huyện, Ủy ban nhân dân huyện, các ngành, các giới chung quanh huyện, đặc biệt là các ngành kinh tế và các cơ quan chủ chốt ở cơ sở đều được tăng cường cán bộ trẻ và cả cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chính trị, trình độ quản lý. Trong 995 đảng viên ở các xã và thị trấn trong huyện chúng tôi, có 882 đảng viên tham gia hoạt động trên mặt trận nông nghiệp, trong đó có 304 đồng chí là cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn thuộc 27 hợp tác xã nông nghiệp; 80 đảng viên tham gia các ban quản trị hợp tác xã, 105 đảng viên ở các tiểu ban và 92 đảng viên trực tiếp làm đội trưởng hoặc đội phó. Đội ngũ đảng viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng; hầu hết đảng viên đều phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao

TỪ MỘT HUYỆN NÔNG NGHIỆP TIẾN LÊN THÀNH MỘT HUYỆN CÓ CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG — LÂM — NGƯ — CÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN

HOÀNG CÔNG CHẠM
Phó bí thư Huyện ủy Tuy hòa

TUY HÒA là huyện đồng bằng và là huyện trọng điểm lúa của tỉnh Phú khánh. Sau giải phóng, hai huyện Tuy hòa 1 và Tuy hòa 2 hợp nhất thành huyện Tuy hòa. Đến giữa năm 1977, huyện Tuy hòa hợp nhất với thị xã Tuy hòa thành một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Cuối năm 1978 lại chia ra thành hai đơn vị hành chính là huyện Tuy hòa và thị xã Tuy hòa (như khi chưa hợp nhất). Năm 1982 lại cắt 6 xã phía bắc huyện sáp nhập vào thị xã Tuy hòa.

Hiện nay, tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 101 168 héc ta, trong đó, diện tích đất nông nghiệp 21 703 héc ta. Toàn huyện có 17 xã và thị trấn Phú lâm là huyện lỵ. Dân số 171 235 người, nhân khẩu nông nghiệp chiếm 90,38%. Bình quân diện tích đất canh

Digitized by Google

tác 610m²/người. Diện tích rừng là 50 942 héc ta, trong đó, rừng giàu 12 360 héc ta, rừng trung bình 14 100 héc ta. Trữ lượng gỗ toàn huyện trên 7 triệu mét khối. Bờ biển dài trên 30km. Hằng năm ở vùng biển Tuy hòa có thể khai thác từ 1500 đến 2000 tấn hải sản. Có nhiều ngành nghề công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; các ngành chính hiện nay là chế biến nông sản, lâm sản, hải sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp và nhất là sản xuất vật liệu xây dựng.

Ngay từ đầu, sau khi vừa mới được giải phóng, đảng bộ huyện Tuy hòa đã sớm xác định rằng, muốn phát triển kinh tế trên địa bàn huyện của mình, phải từ đất đai và lao động mà đi lên, phải coi *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*. Từ đó, huyện ủy đã tập trung chỉ đạo, tập trung lực lượng để phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời, đề ra và tổ chức thực hiện một cách đồng bộ nhiều biện pháp quan trọng để đưa nông nghiệp đi lên. Trước hết là *giải quyết khâu thủy lợi*. Huyện có công trình thủy nông Đồng cam hàng năm tưới khoảng 9 500 — 10 000 héc ta. Sau giải phóng xây dựng thêm trạm bơm điện Nam bình (xã Hòa xuân) tưới 1 400 héc ta và xây dựng một số trạm bơm điện, một số đập dâng khác, đưa diện tích lúa được tưới từ 10 000 héc ta năm 1975 lên đến 13 000 héc ta năm 1983. Thủy lợi được kết hợp với giao thông. Chúng tôi vừa đẩy mạnh xây dựng, củng cố đường giao thông huyện, vừa phát triển mạnh mạng lưới giao thông nông thôn. Từ khi hoàn thành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trên toàn huyện (3-1979) đến nay, chúng tôi xây đắp 580km đường giao thông đồng ruộng phục vụ cho sản xuất. Chúng tôi tiếp tục mở rộng diện tích theo hai hướng chủ yếu: *phục hóa, khai hoang* toàn bộ diện tích ruộng đất hoang hóa, trong đó, khai hoang được 4223 héc ta ở cơ sở 1 và 1 305 héc ta ở cơ sở 2. Chúng tôi đã từng bước *ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật* vào nông nghiệp, tập trung giải quyết các khâu giống, phân bón, bảo vệ thực vật, cải tạo đồng ruộng, gieo trồng đúng thời vụ và chú trọng đúng mức thâm canh cây trồng, nhất là cây lúa. Thực hiện tốt việc phân bố dân cư và lao động trên các vùng có đất đai nhưng ít hoặc không có lao động. Đối với những công việc cần có một lực lượng lớn lao động như làm thủy lợi, giao thông, khai hoang v.v. thì huy động lực lượng lao động trên địa bàn huyện. Chúng tôi chú trọng vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp. Từ chỗ không có, đến nay các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện đã xây dựng được 173 200m² sân phơi (trong đó 164 000m² bằng gạch và 2 900m² bằng bê tông, xi măng), 144 nhà kho có sức chứa 17 505 tấn và một số trạm, trại v.v.

Mấy năm qua, thắng lợi quan trọng trên mặt trận sản xuất nông nghiệp của huyện Tuy hòa là thắng lợi về sản xuất lương thực. Sản lượng lương thực quy thóc bình quân đầu người mỗi năm một tăng: năm 1975 mới có 336,9kg (trong đó, thóc: 334,5kg), năm 1982 lên 461kg (trong đó, thóc: 455kg), năm 1983 lên 513kg. Đến nay chúng tôi đã giải quyết vững chắc nhu cầu về lương thực cho nhân dân, cho cán bộ nhân viên Nhà nước và lực lượng vũ trang trong huyện. Đồng thời, hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước mỗi năm một tăng với tỷ lệ khá cao. Năm 1976 huy động được 17 398 tấn, năm 1982 (đã trừ 6 xã phía bắc sáp nhập vào thị xã Tuy hòa) huy động 20 739 tấn lương thực quy thóc mà chủ yếu là thóc; ngoài ra còn một số lương thực dự trữ, lương thực hàng hóa để trao đổi với nơi khác.

Chăn nuôi cũng phát triển khá, hằng năm đàn lợn tăng 11,5%, đàn bò tăng 7%.

Digitized by Google

Trên cơ sở giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, chúng tôi đã nhanh chóng ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp được tăng cường, *tạo cơ sở vững chắc đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế trên địa bàn huyện, chuyển từ một huyện nông nghiệp thành một huyện có cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư – công nghiệp.*

Về lâm nghiệp, hằng năm khai thác từ 1000 đến 1500 m^3 gỗ tròn, 15 000 đến 20 000 ste củi. Nếu tính cả lâm trường khai thác gỗ của tỉnh và các lực lượng khai thác khác thì khối lượng gỗ khai thác được hằng năm trên đất Tuy hòa là khoảng trên 10 000m^3. Khả năng trồng rừng tập trung trên đồi trọc, nhất là trên đất cát ven biển và khả năng trồng cây của nhân dân rất lớn. Từ sau giải phóng đến nay toàn huyện đã trồng trên 1000 héc ta rừng tập trung và nhân dân đã trồng trên 3,6 triệu cây.

Trong *ngư nghiệp*, mấy năm qua, Tuy hòa có nhiều khó khăn về tổ chức lại sản xuất, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành chậm, vật tư, nhiên liệu mỗi năm một giảm, nhưng sản lượng cả biển và các loại hải sản khác khai thác được hằng năm vẫn đạt từ 1 500 đến 2 500 tấn, huyện đã thu mua được từ 200 đến 300 tấn hải sản tươi.

Về công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, hồi mới giải phóng coi như không có gì. Trong mấy năm qua, chúng tôi đã khôi phục, chủ yếu là xây dựng mới được một số cơ sở sản xuất công nghiệp quốc doanh như trạm cơ khí huyện, xí nghiệp quốc doanh sản xuất nước đá, các cơ sở chế biến dưỡng thủ công, chế biến hải sản, chế biến lương thực và một số cơ sở sản xuất tập thể. Hiện nay, toàn huyện có 1 xí nghiệp khai thác và chế biến lâm sản, 33 hợp tác xã và 3 tổ hợp tác sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã xây dựng được các cơ sở sản xuất và sửa chữa nông cụ, tổ cơ khí sử dụng và sửa chữa nhỏ máy kéo, các loại máy nổ thông thường và cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã sản xuất được các mặt hàng chủ yếu như: công cụ cầm tay đồ mộc gia dụng, vành xe đạp, lốp xe đạp, gạch, ngói, vôi, đá chẻ..., chế biến hải sản, lương thực, gỗ. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng, đặc biệt là sản xuất gạch ngói phát triển rất nhanh, đã tạo thuận lợi cho xây dựng cơ bản phục vụ nông nghiệp và đáp ứng phần lớn nhu cầu xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục và nhà ở của nhân dân. Giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp hằng năm đều vượt kế hoạch, năm sau tăng hơn năm trước; năm 1980 vượt 41% kế hoạch, tăng 1,4 lần so với năm 1979, năm 1981 vượt 30% kế hoạch, tăng 25% so với năm 1980, năm 1982 đạt 8,6 triệu đồng (theo giá cố định) và vượt kế hoạch trên 30%.

Về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, huyện đã phục hồi toàn bộ hệ thống thủy nông Đồng cam, xây dựng mới 3 đập dâng nước trong đó có đập An san (Hòa thịnh) tưới 500 héc ta, 7 trạm bơm điện, trong đó trạm bơm Nam bình (Hòa xuân) tưới 1 400 héc ta. Xây dựng 1 trạm máy kéo với 14 máy lớn, 1 trạm thú y, 1 trạm bảo vệ thực vật, 1 đội vận tải cơ giới quốc doanh gồm 7 đầu xe với trọng tải 126 tấn. Hai hợp tác xã vận tải gồm có: 119 xe ngựa với trọng tải 60 tấn, 774 xe bò, 4 213 xe cải tiến các loại phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hệ thống giao thông được tu sửa và mở mang từ đường giao thông huyện đến giao thông xã và giao thông đồng ruộng với tổng số 891,5 km, trong đó, có 98,6 km đường giao thông huyện và 212,2 km đường giao thông xã. Toàn huyện có

Digitized by Google

1 bệnh viện 100 giường và 12 trạm y tế xã, 12 trung tâm văn hóa có hội trường, nhà hát ngoài trời, 610 phòng học (trong đó có 444 phòng mới xây dựng), 4 trường cấp III (trong đó có 3 trường mới xây dựng), 74 nhà trẻ.

Trong những năm tới, để xây dựng huyện vững mạnh trên cơ sở kết hợp nông – công nghiệp ngay từ đầu và trong từng cơ sở thành cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư – công nghiệp trên địa bàn huyện, chúng tôi tập trung sức vào một số mặt sau đây:

1 – *Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện.* Ra sức mở rộng diện tích, đẩy mạnh tăng năng suất cây trồng, chú trọng tăng năng suất lúa vùng cao sản, đồng thời phấn đấu nâng độ đồng đều về năng suất lúa trên địa bàn huyện. Xây dựng huyện có năng suất lúa 10 tấn, nhiều hợp tác xã nông nghiệp có năng suất lúa 15 tấn/héc ta/năm. Bảo đảm giải quyết vững chắc nhu cầu về lương thực cho nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước, tăng nhanh nông sản hàng hóa, nông sản xuất khẩu, tạo nhiều nguồn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp để phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đồng thời chú trọng đúng mức phát triển chăn nuôi, nhất là đẩy mạnh chăn nuôi bò đàn, chăn nuôi lợn tập thể và gia đình. Phấn đấu đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt.

2 – *Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.* Trọng tâm là xây dựng các cụm kinh tế – kỹ thuật, ra sức phát triển thủy điện nhỏ và vừa. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc doanh, chú ý phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tập thể. Đồng thời tích cực phát triển ngành nghề trong các hợp tác xã nông nghiệp và gia đình xã viên. Liên kết kinh tế với các huyện bạn và đẩy mạnh xuất khẩu để tạo nguồn nguyên liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật cho sản xuất. Trước mắt phát triển mạnh các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc, chế biến lâm sản, hải sản, ngành cơ khí sửa chữa, sản xuất công cụ thường và một số loại công cụ cải tiến. Tận dụng mọi nguồn nguyên liệu sẵn có trong huyện để sản xuất. Đẩy mạnh khai thác hải sản, thủy sản mở rộng sản xuất ngư nghiệp, chủ yếu là đánh bắt cá biển. Phát triển nuôi trồng thủy sản, tận dụng ao đầm, hồ sẵn có để nuôi trồng thủy sản.

3 – *Về lâm nghiệp,* đẩy mạnh khai thác gỗ và các lâm sản khác như dầu rái, mây, chai, lá nón, dược liệu; đồng thời chú trọng trồng mới, phục hồi diện tích đất rừng, bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, chấm dứt nạn phá rừng và khai thác rừng bừa bãi. Trong những năm 1983 – 1985 khai thác 10000m^3 gỗ tròn, 15000 đến 20000ste củi, trồng 500 héc ta rừng tập trung, 4 triệu cây phân tán, phủ kín các đồi trọc và bãi cát ven biển.

4 – *Chuyển biến mạnh mẽ công tác xuất nhập khẩu.* Xác định xuất khẩu là nhiệm vụ chiến lược có vị trí đặc biệt quan trọng đối với yêu cầu phát triển kinh tế và phục vụ đời sống. Phát động các tầng lớp nhân dân, các cơ sở sản xuất ra sức sản xuất nhiều mặt hàng xuất khẩu từ nông sản, lâm sản, hải sản và từ các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp. Hướng chủ yếu dựa vào những cây công nghiệp ngắn ngày như mía, thuốc lá và các loại đậu, vừng, thầu dầu, ớt, tỏi. Đồng thời, hết sức chú ý những cây công nghiệp dài ngày như dừa, hồ tiêu, đặc biệt chú ý cây đào lộn hột. Thực hiện đúng nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý ngoại thương và thống nhất quản lý ngoại tệ; huyện đã có hàng xuất khẩu thì phải có được hàng nhập khẩu theo kế hoạch

Digitized by Google

giữa tỉnh và huyện với cơ sở sản xuất theo đúng chế độ xuất, nhập khẩu mà Nhà nước đã quy định.

5 – *Trên mặt trận phân phối lưu thông*, tập trung mọi cố gắng nhằm đạt các mục tiêu: nắm được hàng, đặc biệt là các mặt hàng chiến lược như lương thực, thịt lợn, hải sản và nông sản xuất khẩu. Mở rộng thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều, làm cho mọi ngành, mọi cơ sở sản xuất nhận rõ vấn đề mấu chốt của khâu phân phối lưu thông là Nhà nước phải *nắm được hàng và tiền*. Mở rộng sản xuất ở các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, đề cao kỷ luật và trách nhiệm giao nộp sản phẩm, quản lý tốt các mặt hàng gia công nguyên liệu thu thành phẩm.

Tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán để bảo đảm đủ sức làm nhiệm vụ cung cấp các mặt hàng định lượng cho các đối tượng đã được quy định. Đồng thời cung ứng những mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, tiến đến làm chủ thị trường. Kiên quyết chống đầu cơ buôn lậu, tăng cường quản lý thị trường, quản lý chặt chẽ tận gốc, quản lý từ cơ sở.

Phấn đấu *nắm được tiền*, quản lý tốt việc đầu tư phát triển kinh tế và xây dựng cơ bản, nhất là quản lý chặt chẽ vốn đầu tư đối với các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, ngư nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động tài chính, tiền tệ, tín dụng. Ra sức xây dựng hợp tác xã tín dụng và đưa vào hoạt động có hiệu quả kinh tế. Tăng cường việc thu các loại thuế, bảo đảm kế hoạch ngân sách địa phương. Đẩy mạnh phong trào gửi tiền tiết kiệm. Kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành các thể lệ và chế độ quản lý thu chi tiền mặt.

Trên cơ sở những mục tiêu kinh tế đã vạch ra như trên, trong thời gian tới, chúng tôi tập trung thực hiện một số biện pháp chủ yếu nhằm khai thác có hiệu quả kinh tế nông, lâm, ngư, công nghiệp trên địa bàn huyện.

Hoàn chỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch phân vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng chia địa bàn huyện thành ba vùng chuyên canh sản xuất lớn như sau:

a) *Vùng lúa*: Ở giữa huyện kể cả phía nam sông Bàn thạch đến giáp núi (dãy dèo Cả). Đẩy mạnh thâm canh, đưa năng suất lúa lên cao và mở rộng diện tích gieo trồng, đưa một phần diện tích tuộng 1 vụ lúa lên 2 vụ, ruộng 2 vụ lúa lên 3 vụ hoặc 2 vụ lúa 1 vụ đậu. Trong vùng này, ưu tiên đầu tư vật tư, kỹ thuật cho vùng lúa phía nam sông Bàn thạch, trước hết chú ý đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.

b) Vùng đất cát ven biển chuyển thành vùng kinh tế *trồng cây công nghiệp* dài ngày như dào lộn hột, dừa, phi lao, hạch đàn v.v. và dành một số diện tích *trồng cây xuất khẩu* như thầu dầu, ớt, tỏi, cây dược liệu.

c) Vùng kinh tế phía tây huyện được tiếp tục mở rộng và chuyển mạnh thành vùng chuyên canh *trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày* như thuốc lá, mía, đậu, sả, vừng, thầu dầu.

Mở rộng diện tích đi đôi với phân bố lao động ở từng cơ sở và trên địa bàn huyện, kết hợp kinh tế với quốc phòng theo hướng tập trung xây dựng cơ sở 2 của các hợp tác xã nông nghiệp và khai hoang mở rộng diện tích ở phía tây huyện để phát triển cây công nghiệp, cây xuất khẩu và chăn nuôi bò đàn; đồng thời mở rộng diện tích trồng trọt ở vùng ven biển. Chuyển mạnh dân cư, lao động đến các vùng đất mới mở ra, kể cả vùng phía tây huyện và vùng ven biển. Phân công lại lao động trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... để cân đối lao

Digitized by Google

động, phát huy các thế mạnh của huyện.

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, trước hết tập trung cho thủy lợi Trước mắt hoàn chỉnh hệ thống thủy nông Đồng cam, hệ thống kênh mương đập An san (Hòa thịnh) và trạm bơm điện Nam bình (Hòa xuân). Triển khai thi công các công trình thủy lợi nhỏ và vừa, nghiên cứu để xây dựng một số công trình thủy lợi ở vùng lúa phía nam sông Bàn thạch (ngoài hệ thống đập - Đồng cam). Nghiên cứu và sớm xây dựng các công trình thủy lợi vùng kinh tế phía tây huyện và vùng kinh tế đất cát ven biển để kịp thời phục vụ phát triển sản xuất. Thực hiện kết hợp chặt chẽ thủy lợi với giao thông, phát triển mạnh giao thông đồng ruộng để phục vụ sản xuất.

Áp dụng rộng rãi những tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong các lĩnh vực giống, phân bón, bảo vệ thực vật, thú y, chăn nuôi...

Xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trồng trọt và chăn nuôi. Trước mắt, tập trung xây dựng hệ thống trạm trại, xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn cho chăn nuôi và xây dựng thêm sân phơi, nhà kho ở những nơi còn thiếu.

Xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và vừa để tăng nguồn điện phục vụ cho sản xuất. Coi việc giải quyết điện cho sản xuất, nhất là cho công nghiệp, tiểu công nghiệp, là biện pháp hàng đầu cần tập trung giải quyết. Tích cực huy động vốn đầu tư để phát triển thủy điện theo phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm»; bảo đảm huy động lực lượng lao động cần thiết phục vụ cho xây dựng các công trình thủy điện.

Tiến hành xây dựng các cụm kinh tế kỹ thuật và văn hóa trên địa bàn huyện, theo từng vùng sản xuất. Toàn huyện dự định xây dựng 6 cụm; trong những năm 1983–1985 phấn đấu hình thành 3 cụm liên mảng theo các vùng có khả năng cung cấp nguồn điện để kịp thời phục vụ phát triển sản xuất và phục vụ đời sống.

Ra sức củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư doanh. Củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, làm cho số hợp tác xã khá, giỏi ngày càng tăng, số hợp tác xã yếu ngày càng giảm và tiến đến không còn hợp tác xã yếu. Nâng độ đồng đều của các hợp tác xã; xây dựng phương hướng sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch, theo hướng đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát triển ngành nghề trong hợp tác xã, tăng nhanh sản lượng hàng hóa. Tiếp tục phát triển mạnh cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở kinh tế văn hóa, làm cho bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Tiếp tục quy hoạch đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật để tăng cường bộ máy quản lý hợp tác xã cho có đủ năng lực quản lý và điều hành sản xuất.

Triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp. Sắp xếp lại tiểu thương, chuyển một phần tiểu thương sang sản xuất và các hoạt động dịch vụ. Củng cố các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đưa hợp tác xã phát triển đúng hướng; kiện toàn bộ máy quản lý của hợp tác xã để đủ sức phục vụ nhiệm vụ phát triển sản xuất; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong khu vực tập thể, đồng thời tiếp tục cải tạo khu vực cá thể. Đối với ngư nghiệp, giáo dục, vận động ngư dân tiến hành tập thể hóa nghề cá dưới hai hình thức: hợp tác xã và tổ hợp tác đánh bắt hải sản. Việc cải tạo nghề cá sẽ tiến hành từng bước vững chắc theo hướng vừa cải tạo, vừa phát triển sản xuất và bảo đảm đời sống ngư dân.

Digitized by Google

Các cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân huyện, xã và các ngành kinh tế có kế hoạch tổ chức thường xuyên theo dõi phát hiện những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong các ngành sản xuất, kịp thời tổng kết và phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm, những sáng kiến hay của từng đơn vị, cá nhân để áp dụng vào sản xuất, để vận dụng trong quản lý và điều hành sản xuất.

Phát huy tinh thần *tự lực tự cường*, ra sức khai thác mọi khả năng về đất đai, lao động, năng lực sản xuất hiện có của huyện để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế toàn diện.

Thái thụy đang cố gắng khai thác tiềm năng kinh tế của huyện miền biển

CAO SĨ KIỆM
Bí thư Huyện ủy Thái thụy

THÁI THỤY là một huyện ven biển của tỉnh Thái bình. Với những đặc điểm tự nhiên về đất đai, lao động, điều kiện sản xuất, cơ sở vật chất, kỹ thuật, Thái thụy thuộc loại huyện có cơ cấu kinh tế nông – công – ngư nghiệp và có tiềm năng kinh tế khá lớn. Thái thụy có diện tích đất tự nhiên 21 000 héc ta (chiếm 1/6 diện tích tự nhiên của tỉnh), trong đó có 13 000 héc ta có thể trồng lúa (chiếm 1/5 diện tích trồng lúa của tỉnh), 1 200 héc ta có thể trồng cói, 400 héc ta có thể trồng dâu và lạc, 6 000 héc ta có thể làm vụ đông, 210 héc ta có thể làm muối. Với 27 ki lô mét bờ biển, Thái thụy có điều kiện thuận lợi để khai thác, đánh bắt tôm, cá biển và các hải sản khác, phát triển ngành vận tải đường biển. Đó là chưa kể 2000 héc ta đất bãi biển, bãi sông và 1 100 héc ta đất vườn có thể đưa vào quy hoạch trồng sú vẹt, trồng mày, trồng dâu..., hàng nghìn héc ta có thể nuôi cá nước ngọt.

Về lao động, Thái thụy là huyện đông dân nhất tỉnh (235 nghìn người), có nguồn lao động dồi dào (gần 93 nghìn người), có nhiều loại ngành nghề phong phú, trong đó có những nghề truyền thống (như đánh cá biển, làm muối, làm chiếu cói...) với nhiều người lao động có kinh nghiệm lâu năm, có trình độ tay nghề cao. Hiện nay toàn huyện có 52 hợp tác xã nông nghiệp với 70 nghìn lao động, 11 hợp tác xã thủ công nghiệp với hơn 10 nghìn lao động, 9 hợp tác xã đánh bắt cá biển với 1800 lao động, 3 hợp tác xã làm muối với 1500 lao động, một số đội tàu thuyền vận tải đường biển với 1000 lao động.

Về cơ sở vật chất – kỹ thuật, sau nhiều năm phấn đấu, Thái thụy đã từng bước xây dựng được hệ thống thủy lợi tương đối khá, có 2800

Digitized by Google

tấn phương tiện đánh bắt cá, 2500 tấn phương tiện vận tải đường biển và đường sông; trong đó có hơn 50% là thuyền gắn máy, có hệ thống điện phục vụ sản xuất khép kín đến từng hợp tác xã, có một hệ thống trạm trại bảo vệ thực vật, thú y, làm giống lúa, giống bèo dâu... Tính ra, bình quân mỗi hợp tác xã có hơn 300 000 đồng giá trị tài sản cố định (tính theo giá cố định).

Huyện chúng tôi có đội ngũ đảng viên hơn 9000 người, sinh hoạt ở 17 đảng bộ xã, 50 đảng bộ và chi bộ cơ quan, xí nghiệp, trạm trại, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật khá đông, trong đó có gần 100 kỹ sư, bác sĩ.

Trong quá trình đi lên xây dựng quê hương giàu mạnh, huyện chúng tôi đã có những cố gắng đáng kể và đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi trong việc khai thác tiềm năng kinh tế của địa phương. Cho đến năm 1980, ở huyện chúng tôi, sản xuất đã có những bước phát triển khá, mức đóng góp cho Nhà nước cũng như mức sống các mặt của nhân dân trong huyện mỗi năm một tăng. Nhưng chúng tôi tự thấy rằng, so với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, so với tiềm năng kinh tế phong phú và to lớn của địa phương, sự cố gắng và nỗ lực của huyện chúng tôi còn chưa thật tương xứng. Tiềm năng đất đai, sông biển (cả về bề rộng lẫn về chiều sâu) còn nhiều. Diện tích đất hoang hóa còn lớn, năng suất cây trồng còn ở dưới mức bình quân chung của tỉnh. Sản lượng cá, muối, dâu tằm... không ổn định. Lao động còn thừa nhiều. Riêng 6 xã ven biển còn hàng nghìn người chưa có việc làm, trong khi các ngành nghề thủ công phát triển chậm, một số ngành sản xuất giảm sút.

Được các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước soi sáng, nhất là chỉ thị 33 của Bộ chính trị « Về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện» và nghị quyết của Ban thường vụ Tỉnh ủy Thái bình « Về công tác của huyện Thái thụy », Đại hội thứ 7 của đảng bộ huyện (tháng 10-1982) đã nghiêm khắc kiểm điểm những thiếu sót trong công tác của đảng bộ, vạch rõ những nguyên nhân và tìm ra hướng tháo gỡ để tiếp tục lãnh đạo nhân dân vươn lên khai thác mạnh mẽ những tiềm năng kinh tế của địa phương. Những năm trước đây những thế mạnh của Thái thụy chưa khai thác được triệt để là do điều kiện đất đai và khí hậu không thuận lợi, đất chua mặn chiếm tới 90% diện tích, trong đó 1/3 bị nhiễm mặn nặng, 60% là đất thịt nặng, trong khi đó hệ thống thủy nông chưa hoàn chỉnh, huyện ở xa nguồn nước, cuối nguồn điện, vật tư, xăng dầu, phụ tùng máy móc, phân bón thiếu nghiêm trọng. Mặt khác, về phía chủ quan, chúng tôi chưa làm chủ được đất đai, tài nguyên và lao động của mình, chưa nhận thức hết những thế mạnh, những tiềm năng kinh tế của một huyện miền biển, sự suy nghĩ sáng tạo và năng lực quản lý, điều hành còn kém. Cụ thể là chúng tôi chưa hiểu đầy đủ điều kiện đất đai, sông biển, lao động, khả năng sản xuất của huyện để từ đó vạch hướng đi một cách phù hợp. Cơ chế tổ chức và quản lý chưa được xây dựng đồng bộ và chưa có hiệu quả cao. Bộ máy tổ chức chưa được kiện toàn, nội bộ thiếu đoàn kết nhất trí, kỷ luật thiếu chặt chẽ, không phát động được phong trào quần chúng.

Sau khi nghiên cứu, khảo sát lại đặc điểm tình hình mọi mặt của địa phương, phân tích tìm ra những thế mạnh của một huyện miền biển, huyện ủy chúng tôi xác định lại phương hướng đi lên của huyện, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch tổng thể và các kế hoạch phát triển kinh tế—xã hội lâu dài và trong những năm trước mắt. Phương hướng phấn đấu của chúng tôi là tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện,

Digitized by Google

tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm và nông sản hàng hóa bằng cách khai thác triệt để tiềm năng lao động, đất đai và những cơ sở vật chất – kỹ thuật sẵn có, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của Nhà nước, của tập thể và của nhân dân; tích cực khai thác kinh tế biển mà trọng tâm là đánh bắt tôm, cá biển, trồng cói, làm muối và vận tải đường biển; đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thủ công nghiệp và nông sản thực phẩm xuất khẩu như thảm cói, thảm đay, mây tre đan, lạc, tỏi, sen, tinh dầu, ớt, tôm, lông vịt v.v.

Để thực hiện phương hướng đó, chúng tôi chủ trương tiến hành đồng bộ các biện pháp giáo dục tư tưởng, kinh tế kỹ thuật, tổ chức quản lý và xây dựng bộ máy. Một mặt, huyện ủy tổ chức nhiều đợt học tập và thảo luận trong đảng bộ và nhân dân, làm cho mọi người thấy rõ những thế mạnh và tiềm năng kinh tế của địa phương; kiểm điểm, phân tích tình hình sản xuất và các mặt công tác của huyện; chỉ ra trách nhiệm của các tổ chức Đảng, cơ quan chính quyền, bộ máy quản lý kinh tế, xã hội, các đoàn thể quần chúng cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc xây dựng quê hương. Mặt khác, chúng tôi đặc biệt chú trọng đưa các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và áp dụng cơ chế quản lý mới, sử dụng tích cực các đòn bẩy kinh tế trong tất cả các ngành sản xuất và kinh doanh.

Về sản xuất nông nghiệp: chúng tôi chủ trương thực hiện triệt để và toàn diện các biện pháp thâm canh: thủy lợi, phân bón, giống, cải tạo đất. Với những điều kiện đất đai, đồng ruộng như của Thái thụy chúng tôi, thủy lợi phải là biện pháp quan trọng hàng đầu. Riêng năm 1983 chúng tôi đã phát động quần chúng đào đắp 682 nghìn mét khối đất đá, 100 nghìn mét khối đê biển, xây dựng 14 công trình thủy lợi, tiêu tốn 8,2 triệu đồng. Việc cải tạo đất được thực hiện bằng cách tưới, tiêu nước trên mặt ruộng và hạ thấp mạch nước ngầm, thau chua rửa mặn nhiều lần trong mỗi vụ sản xuất, đồng thời tích cực bón các loại phân vô cơ khử chua mặn. Năm 1983 toàn bộ diện tích canh tác của huyện đã được thau chua rửa mặn 2 lần trong vụ xuân, 3 lần trong vụ mùa và đã được bón 5000 tấn phân vô cơ, bình quân 240 kg/héc ta, trong đó có 1000 tấn phân lân, trên 60% diện tích được thả bèo dâu. Cùng với các biện pháp làm thủy lợi và cải tạo đất, chúng tôi chú ý chọn lọc và đưa vào trồng những giống cây thích hợp với từng loại đất và có khả năng chống sâu bệnh, cho năng suất cao. Nếu trước đây ở Thái thụy, vụ chiêm xuân cấy tới 25 loại giống lúa, vụ mùa 18 loại, thì vụ xuân năm 1983 toàn huyện chỉ còn 5 loại giống lúa, trong đó chủ yếu là giống nông nghiệp 8 (chiếm 64% diện tích). Loại giống lúa cườm được trồng phổ biến ở các vùng đất chua mặn. Vụ mùa chủ yếu cấy các giống lúa mộc tuyền và bao thai. Vụ đông rút dần diện tích trồng khoai lang, trồng thêm nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như tỏi, đậu tương, thuốc lá, đậu cô ve, khoai tây.

Trong quá trình áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, chúng tôi chú ý bồi dưỡng, nâng cao dần trình độ hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân về khoa học kỹ thuật, nhất là về cách áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong từng khâu sản xuất cụ thể. Chẳng hạn như, chúng tôi đã mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng các bí thư đảng ủy xã, chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã, đội trưởng sản xuất về kỹ thuật xử lý giống, biện pháp phòng, trừ sâu bệnh... Ở từng hợp tác xã đều có tổ chức tập huấn cho xã viên.

Chính do việc áp dụng tích cực các biện pháp kỹ thuật đồng thời với việc

Digitized by Google

tăng cường công tác quản lý, thực hiện triệt để việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, vài năm gần đây sản xuất nông nghiệp ở Thái thụy có những tiến bộ rõ rệt. Năm 1983 trong điều kiện rét kéo dài, hạn, bão, lũ lớn, sâu bệnh liên tiếp, Thái thụy vẫn đạt được năng suất lúa bình quân toàn huyện 56,87 tạ/héc ta. (Riêng 2 hợp tác xã Thụy vân và Thụy thanh lần đầu tiên đạt năng suất hơn 80 tạ/héc ta). Tổng sản lượng lương thực 71915 tấn, cói chẻ: 5452 tấn, kén tằm: 80,3 tấn, thuốc lào: 327 tấn.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp: cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, củng cố các hợp tác xã chuyên làm hàng thủ công (chiếu cói, mây tre, thảm đay...) chúng tôi đã coi trọng phát triển các ngành nghề thủ công trong nông nghiệp nhằm vừa giải quyết công ăn việc làm cho lao động phụ, lao động dư thừa, vừa tạo ra nhiều hàng xuất khẩu, tăng thu nhập của huyện. Đặc biệt, chúng tôi chú ý phân công lại lao động một cách hợp lý hơn, khai thác và sử dụng có hiệu quả lao động và các nguồn nguyên liệu địa phương, phát triển nghề truyền thống cùng với việc đưa các nghề mới vào địa phương để tạo ra nhiều mặt hàng mới và phong phú. Năm 1983, Thái thụy đã đạt được 16,2 triệu đồng giá trị sản lượng thủ công nghiệp, trong đó có 9,1 triệu đồng do các nghề thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp đem lại, tăng 2 triệu đồng so với năm 1982. Một số hợp tác xã hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 1 đến 2 tháng như hợp tác xã Thanh xuân, hợp tác xã Minh tháng. Đến nay toàn huyện đã có 43 xã trong tổng số 47 xã có ngành nghề. Hợp tác xã nào cũng có vài ba ngành nghề chiếm 28% tổng giá trị sản lượng của hợp tác xã.

Về khai thác kinh tế biển: chúng tôi coi việc đánh bắt tôm, cá biển là một hướng quan trọng để làm giàu cho huyện. Rút kinh nghiệm những năm trước đây, chúng tôi đã tổ chức lại các lực lượng đánh bắt thủy sản, sử dụng tốt cả ba lực lượng quốc doanh, tập thể và cá thể, phát triển nhiều ngành, nhiều nghề, tận dụng nhiều phương tiện đánh bắt ngay trong từng con thuyền, ở từng hợp tác xã, cũng như trên phạm vi toàn huyện; khai thác và đánh bắt cả trong lộng lẫn ngoài khơi, cả trên mặt nước cũng như ở đáy biển; khôi phục nghề đánh bắt cổ truyền kết hợp với việc tăng cường trang bị kỹ thuật hiện đại, cải tiến kỹ thuật đánh bắt, củng cố các hợp tác xã với quy mô thích hợp, bố trí lại đội ngũ cốt cán, thực hiện tốt cơ chế quản lý mới, chú trọng công tác khoán, quản và thu sản phẩm; kết hợp việc đánh bắt với nuôi trồng. Nhờ vậy, năm 1983 mặc dù có những khó khăn khách quan do bão lũ lớn gây ra, 12 ki lô mét đê biển bị sạt lở, đê muối Thụy hải bị vỡ, hàng trăm tấn tàu thuyền bị đắm và hư hỏng nặng, Thái thụy vẫn đánh bắt được 3560 tấn cá biển (bằng 180% kế hoạch và 160% năm 1982), lần đầu tiên đã nuôi được tôm nước lợ trên diện tích 124 héc ta. Tám trong số chín hợp tác xã đánh cá biển hoàn thành vượt mức kế hoạch và bắt đầu làm ăn có lãi. Riêng hợp tác xã Quyết thắng hoàn thành kế hoạch đánh bắt cá trước 4 tháng, hợp tác xã Thụy tiến trước 2 tháng. Cùng với nghề đánh cá, nghề làm muối và chế biến nước mắm đang có những chuyển biến tốt. Năm 1983 Thái thụy đã sản xuất được 7245 tấn muối (bằng 125% kế hoạch và bằng 120% so với năm 1982), đạt sản lượng muối cao nhất từ trước tới nay.

Do sản xuất phát triển, nhất là do phát triển nghề đánh bắt tôm, cá biển, mở rộng các ngành nghề, giá trị xuất khẩu ngày càng tăng. Năm 1983 toàn huyện đã đưa giá trị xuất

Digitized by Google

khẩu lên 52 triệu đồng, tăng 12 triệu đồng so với năm 1982. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là chiếu cói, lạc nhân, tinh dầu, tôm biển, lông vịt, mây tre, v.v. Điều đáng chú ý là trong năm qua lần đầu tiên huyện chúng tôi đã xuất khẩu được 19,5 tấn tôm biển, vượt mức 7 tấn so với kế hoạch. Mức đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước cũng có nhiều tiến bộ. Năm 1983, huyện chúng tôi đã giao nộp cho Nhà nước 23 100 tấn lương thực (gấp gần 2 lần năm 1982) 1560 tấn thịt lợn hơi (bằng 128% năm 1982). Đời sống nhân dân trong huyện từng bước được cải thiện. Trong khu vực nông nghiệp, bình quân mức thu nhập lương thực đầu người là 315 kg thóc/năm; trong khu vực thủ công nghiệp: 5000đ — 6000đ/năm; trong khu vực đánh bắt cá 25000đ — 30000đ/năm; Chúng tôi đã phấn đấu nâng số dư tiết kiệm của toàn huyện năm 1983 lên 43 triệu đồng, vượt 6 triệu đồng so với kế hoạch và 10 triệu đồng so với năm 1982, bình quân 183đ/người. Như vậy, Thái thụy là đơn vị có số dư tiết kiệm lớn thứ hai trong cả nước. Các mặt hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao cũng đang chuyển biến và phát triển theo hướng lành mạnh.

Đạt được những kết quả trên đây là do chúng tôi đã bước đầu làm chủ được lao động, đất đai, điều kiện sản xuất trên địa bàn huyện, từ đó xác định đúng phương hướng sản xuất, xây dựng và từng bước hoàn chỉnh quy hoạch và kế hoạch xây dựng huyện, đề ra những biện pháp tích cực, thiết thực; chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; phát động quần chúng vươn lên khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo; thực hiện đúng chính sách khoán sản phẩm; từng bước đổi mới phương thức và lề lối làm việc theo phương hướng sâu sát cơ sở, có chương trình, có kế hoạch, có kỷ luật, có thưởng phạt nghiêm minh.

Tuy nhiên, huyện ủy chúng tôi tự xác định rằng, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu và còn nhỏ bé trên con đường đi lên của một huyện có tiềm năng kinh tế lớn nhưng phải giải quyết nhiều khó khăn. Hiện nay ở huyện chúng tôi chưa có sự tiến bộ đồng đều giữa các vùng, các hợp tác xã; năng suất cây trồng chưa cao. Toàn huyện còn 25% diện tích có năng suất lúa dưới 5 tấn/héc ta. Chăn nuôi lợn tập thể mới đạt 50% kế hoạch; tỷ lệ phát triển dân số còn cao (1,9%), nhiều lao động chưa có công ăn việc làm; còn một số hợp tác xã yếu kém; công tác tổ chức và quản lý chưa thật có nền nếp.

Để tiếp tục tiến lên mạnh mẽ và vững chắc trên con đường phát triển kinh tế toàn diện và có năng suất cao, khai thác ngày càng có hiệu quả tiềm năng kinh tế của địa phương, huyện ủy chúng tôi đã vạch ra những phương hướng và mục tiêu phấn đấu cụ thể từ nay đến năm 1990, trước mắt là đến năm 1985. Riêng trong năm 1984 này chúng tôi quyết tâm phấn đấu đạt được giá trị tổng sản lượng 450 triệu đồng, trong đó 320 triệu đồng sản lượng nông nghiệp, 80 triệu đồng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp, 60 triệu đồng hàng xuất khẩu với 64000 tấn thóc, 1000 tấn cá biển, 8000 tấn muối, 2 vạn con vịt đẻ, 2,6 triệu quả trứng, 4 vạn con vịt thịt, 10 tấn lông vịt, 6000 tấn cói. Muốn thế, chúng tôi phải tiếp tục áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh, thực hiện triệt để cơ chế quản lý mới, tích cực củng cố và kiện toàn tổ chức Đảng và chính quyền, cải tiến chế độ công tác và lề lối làm việc.

Chúng tôi hy vọng rằng, được sự giúp đỡ của tỉnh và trung ương, với những kinh nghiệm đã tích lũy được, Thái thụy có thể hoàn thành được những kế hoạch và chỉ tiêu công tác của mình, đưa huyện nhà tiến lên những bước mới.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG VÀ SỰ NGHIỆP VĂN HỌC CỦA MỘT THỜI ĐẠI, CỦA MỖI NHÀ VĂN*

LÊ XUÂN VŨ

NỀN văn học mới Việt nam ra đời đã hơn nửa thế kỷ nay. Nó không ngừng phát triển: ngay dưới chế độ thực dân phong kiến, dù ở địa vị bất hợp pháp, nó vẫn là dòng chính của văn học Việt nam: trong khói lửa của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ kéo dài 30 năm (từ sau Cách mạng Tháng Tám), nó trở thành nền văn học hoàn chỉnh và chính thống của miền Bắc rồi của cả nước; trong khi thế cả nước độc lập, thống nhất, lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nó ngày càng vươn tới những đỉnh cao mới. Không dễ gì có được một nền văn học có sức sống như vậy. Đánh giá đúng đắn những thành tựu to lớn của nó trong những giai đoạn đã qua, tổng kết những kinh nghiệm phong phú và tìm ra quy luật phát triển của nó, là hết sức cần thiết để chúng ta thêm tự hào, vững bước tiến vào giai đoạn mới. *Nhà văn Việt nam (1945 – 1975)* của Phan Cự Đệ – Hà Minh Đức là một cố gắng theo phương hướng này.

Nhà văn Việt nam (1945 – 1975) dự định in thành 4 tập, gồm phần tiểu luận chung và phần chân dung từng tác giả.

Tập 1 và tập 2 của bộ sách đã ra mắt bạn đọc, gồm 5 tiểu luận (về văn xuôi, thơ ca; kịch bản sân khấu; lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học; về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đặt nền móng và sáng tạo tinh hoa cho nền văn học hiện đại của Việt nam) và 29 chân dung tác gia tiêu biểu (kể từ Chủ tịch Hồ Chí Minh) xuất hiện chủ yếu trong thời gian trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp. Ở đây, giữa phần tiểu luận và phần chân dung có sự không ăn khớp nào đó về độ dài thời gian, vì chân dung tác giả cần được trình bày tương đối trọn vẹn, không chỉ hạn chế trong vòng 30 năm – 1945 – 1975. Việc giới thiệu lần lượt các tác giả chủ yếu căn cứ vào trình tự thời gian xuất hiện trên văn đàn cũng chỉ là theo ý nghĩa tương đối bởi nhiều lý do kể cả lý do xuất bản, rồi đây còn phải được

(*) Đọc *Nhà văn Việt nam (1945 – 1975)* của Phan Cự Đệ – Hà Minh Đức. Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1979, (tập 1) và 1983 (tập 2).

Digitized by Google

điều chỉnh lại và bổ sung khi cả bộ sách đã hoàn thành và tái bản. Cũng có thể nhận thấy ở đây những thiếu sót này khác và sự chưa đều tay giữa những bài viết.

Nhà văn Việt nam (1945 – 1975) tập 1 và tập 2 chưa phải đã hoàn thiện, nhưng nhìn chung đây là công trình nghiên cứu nghiêm túc và khá công phu. Thái độ trân trọng đối với mỗi thành tựu văn học đã đạt được, đối với mỗi nét đặc sắc, mỗi đóng góp của từng nhà văn là hoàn toàn đúng đắn, bởi vì văn học là một lĩnh vực tinh tế và phức tạp, "nhà văn ai có giống ai", mỗi người nếu đem được cái gì là của riêng mình đóng góp vào sự nghiệp chung đều đáng ca ngợi.

Nhà văn Việt nam (1945 – 1975) tự đặt cho mình nhiệm vụ chủ yếu là giới thiệu một số nhà văn tiêu biểu của một giai đoạn văn học. Chúng ta không chờ đợi ở đây một chuyên khảo khái quát đầy đủ cả một giai đoạn lịch sử văn học hay lịch sử của từng thể loại văn học. Phần tiểu luận về các thể loại đó trong tập 1 của bộ sách chỉ như một khúc dạo đầu, hoặc đúng hơn, một nét nhạc nền. Có thể là chúng ta muốn những bài tiểu luận ấy có sức gợi mở hơn nữa, đúng độ hơn nữa về nội dung và nhất quán hơn trong phương pháp trình bày. Song, mỗi bài tiểu luận ấy cũng đã phác họa được những chặng đường phát triển của mỗi thể loại văn học từ năm 1945 đến năm 1975 với những tác phẩm cùng những lớp nhà văn của nó; đã cố gắng phân tích những tác phẩm của các nhà văn khẳng định giới thiệu riêng ở phần chân dung tác giả; đã từ thực tiễn sinh động bước đầu rút ra những quy luật chi phối đời sống văn học. Cùng với bài *Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đặt nền móng và sáng tạo linh hoạt cho nền văn học cách mạng* mà các tác giả trân trọng đặt lên phần tiểu luận chung và phần chân dung các tác giả tiêu biểu, những bài tiểu luận ấy đã đưa lại một ý niệm tổng quát về sự phát triển mạnh mẽ và phong phú của nền văn học mới trong giai đoạn quan trọng này, từ đó khẳng định niềm tự hào chính đáng của chúng ta về nền văn học mới Việt nam.

1945 – 1975 là 30 năm chiến tranh ác liệt ở Việt nam. Vậy mà trong 30 năm đó, nền văn học mới Việt nam tỏ rõ sức thanh xuân của nó, vẫn không ngừng lớn lên cân đối và toàn diện, trở thành nền văn học xã hội chủ nghĩa mang bản sắc dân tộc đậm đà. Trong 30 năm đó, tất cả mọi vấn đề then chốt của một nền văn học mới, từ lý tưởng thẩm mỹ đến đối tượng miêu tả và đối tượng phục vụ, từ nội dung đến phương pháp sáng tác và phong cách thể hiện v.v., về cơ bản đều đã được xác định dứt khoát, không chỉ trong nhận thức tư tưởng mà cả trong sáng tác, lý luận và phê bình văn học. Thể loại văn học nào cũng có những tác phẩm có giá trị. Truyện ngắn không thua kém ai. Tiểu thuyết trưởng thành nhanh chóng cả về nội dung lẫn hình thức, cố gắng để xứng đáng với sự nghiệp anh hùng của dân tộc. Ký lớn mạnh và có vị trí rõ rệt trong đời sống văn học. Thơ ca đủ các loại hình không ngừng phát triển theo từng bước tiến của cách mạng, rực rỡ nhất ở cả hai miền Nam Bắc trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước. Văn học sân khấu cũng ghi được nhiều thành tựu đáng kể. Những tác phẩm lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học liệt kê ra không hết, dù còn thiếu những bài phê bình, tiểu luận trên báo chí chưa có dịp in thành sách. Quan trọng hơn là toàn bộ công tác lý luận, phê bình và nghiên cứu văn học ấy đã bảo đảm thắng lợi cho đường lối văn nghệ cách mạng. Ấy là chưa kể đến văn học điện ảnh, văn học thiếu nhi, văn học các dân

Digitized by Google

tộc thiểu số anh em. Còn đội ngũ văn học thì ngày càng đông đảo, bao gồm nhiều thế hệ, mỗi người một vẻ mà lại gắn bó với nhau theo một khuynh hướng, nhằm một mục tiêu vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, tự nguyện đứng dưới lá cờ của Đảng, đem trí tuệ và tài năng phục vụ nhân dân lao động.

Chúng ta cần khẳng định mạnh mẽ và có sức thuyết phục hơn nữa tất cả những thành tựu lớn lao ấy, những thành tựu đã xác lập cốt cách và địa vị chính thống của nền văn học mới, xã hội chủ nghĩa trên cả nước ta, những thành tựu đã góp phần làm rạng rỡ dân tộc ta.

Người xưa nói: Núi nổi tiếng có khi không phải tại cao mà bởi có tiên, nước linh thiêng có khi không phải tại sâu mà bởi có rồng. Nền văn học mới của ta « xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (1) trước hết chính là bởi nó phản ánh cái cao cả, cái tuyệt vời của hiện thực cách mạng nước ta, thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, niềm tin ở con người, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Tầm cỡ của một nền văn học rốt cuộc là ở chỗ nó đem lại những gì cho cuộc sống, đáp ứng như thế nào nhu cầu của thời đại, xu thế phát triển của lịch sử. Nền văn học mới của ta trong giai đoạn 1945 — 1975 này đã tác động sâu sắc vào tư tưởng và tình cảm của nhân dân ta, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta, kết thúc vẻ vang thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ để cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, tầm cỡ ấy bao nhiêu nền văn học đã có được? Ưu điểm chung của *Nhà văn Việt nam (1945 — 1975)* chính là đã nêu cao những thành tựu văn học 30 năm chiến tranh đó, đã khẳng định nền văn học mới của ta sáng ngời tính lý tưởng và tính hiện thực, có sức cải tạo to lớn, phát triển vững chắc theo đường lối đúng đắn và nhất quán của Đảng là *một nền văn học tiên phong có bề thế*. Ưu điểm này càng nổi bật nếu chú ý rằng tập 1 của bộ sách này ra đời trong năm 1979, lúc đang có một sự dao động nào đó trong việc khẳng định nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt nam.

★

Phần chính của *Nhà văn Việt nam (1945 — 1975)* là phần chân dung các tác giả.

Ở tập 1 và tập 2, chúng ta sẽ gặp nếu chưa phải là tất cả thì cũng là hầu hết các tác giả tiêu biểu thuộc các thế hệ nhà văn từ trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau Chủ tịch Hồ Chí Minh là các nhà văn: Trường Chinh, Tố Hữu, Đặng Thai Mai, Tú Mỡ, Huy Cận, Hoài Thanh, Nguyễn Huy Tưởng, Xuân Diệu, Như Phong, Chế Lan Viên, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Công Hoan, Lê Đức Thọ, Nguyên Hồng, Xuân Thủy, Nam Cao, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Tế Hanh, Bùi Hiền, Anh Thơ, Hồng Chương, Xuân Trường, Hoàng Trung Thông, Nông Quốc Chấn, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Khải. Các tác giả của nền văn học mới Việt nam ở đây thật phong phú, đa dạng: là lãnh tụ cách mạng; là người lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước; từ cách mạng mà đến với văn học; từ văn học mà đến với cách mạng. Có người lấy hoạt động chính trị làm chính. Có người chuyên hoạt động văn học.

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội IV. Nxb Sự thật. Hà nội. 1977, tr. 121

Digitized by Google

tham gia cách mạng cũng chủ yếu là trên mặt trận văn học. Có người nổi tiếng từ trước Cách mạng Tháng Tám, có người tài năng văn học mới định hình trong những năm kháng chiến... Mỗi người một vẻ nhưng đều tiến bước theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới lá cờ của Đảng.

Phản ánh được sự phong phú, đa dạng và thống nhất ấy, phần chân dung các tác giả đem lại những nhận thức cụ thể, sinh động sâu sắc về sự lớn mạnh, về tầm cỡ, về sức sống của nền văn học mới Việt nam trưởng thành lên trong khí thế mới của cách mạng, trong khói lửa của chiến tranh gian khổ và anh hùng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chân dung từng tác giả nói lên những nét đặc sắc và những đóng góp chủ yếu của mỗi người. Nhưng việc đặt những chân dung ấy vào chung một bộ sách như *Nhà văn Việt nam (1945–1975)* lại có những hệ quả thú vị, bất ngờ, nảy sinh từ sự so sánh, khái quát hay tổng hợp theo nhiều chiều của người đọc.

Ví dụ, từ các chân dung ấy, chúng ta càng tự hào về nền lý luận, phê bình và nghiên cứu văn học theo quan điểm mác xít ở Việt nam có bản lĩnh vững vàng và thành tựu to lớn. Chúng ta nhiều khi chưa hài lòng với công tác lý luận, phê bình và nghiên cứu văn học hiện có. Đó là vì nhu cầu phát triển và vì chúng ta muốn trả lời ngay tất cả những vấn đề do đời sống văn học đặt ra. Nhưng khi nhìn lại toàn bộ công tác này qua sự đóng góp của từng tác giả cũng như qua sự tác động của nó đối với từng nhà văn do chính nhà văn ấy nói ra như những điều thể nghiệm, tâm đắc của mình, chúng ta bỗng thấy thấm thía rằng lý luận văn học mác xít quả đã là cốt lõi của nền văn học mới Việt nam. Nó như một nguồn sáng phát đi từ Hồ Chí Minh—người đã đem lại cho văn học dân tộc một phương hướng mới, một nội dung mới, một kiểu mẫu sáng tạo nghệ thuật mới —, từ các văn kiện của Đảng về văn hóa, văn nghệ, qua những lời chỉ dẫn của các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, qua đồng chí Trường Chinh—nhà lý luận văn học mác xít —, qua đồng chí Tố Hữu — người dìu dắt và cổ vũ mỗi bước phát triển cụ thể của sáng tạo nghệ thuật —, v.v.—, nguồn sáng ấy soi rọi toàn bộ nền văn học mới Việt nam. Không chỉ những nhà lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học như Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Như Phong, Hồng Chương, Xuân Trường v.v. viết lý luận, phê bình và nghiên cứu, mà nhiều nhà sáng tác cũng viết phê bình, nghiên cứu, tham gia xây dựng lý luận văn học Việt nam bằng những ghi chép về kinh nghiệm sáng tác của mình, giống như nhiều nhà lý luận, phê bình và nghiên cứu đồng thời cũng làm thơ, viết truyện. Chưa có những công trình lý luận văn học Việt nam lớn, hoàn chỉnh, nhưng đã có những phát triển mới quý báu về nhiều vấn đề quan trọng như tính đảng, tính dân tộc v.v.. đã có sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo những quan điểm văn nghệ của chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt nam. Lý luận văn học mác xít Việt nam đã trưởng thành, đã chiến thắng trong tất cả các cuộc đấu tranh tư tưởng văn học nhiều khi rất gay gắt chống lại những quan điểm tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, thực dân, phong kiến, chống lại ảnh hưởng của các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa «tả» khuynh và hữu khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế, bảo đảm cho nền văn học mới Việt nam tiến bước vững vàng.

Lại cũng qua những tập hợp chân dung các tác giả, thấy được sự phát triển khác nhau của từng thế hệ nhà văn trong giai đoạn 1945 — 1975 này.

Digitized by Google

Những tác gia văn học cách mạng từ trước năm 1945 như Trường Chinh, Tố Hữu, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy v.v. phát triển hầu như theo một đường thẳng.

Lớp nhà văn hình thành từ sau Cách mạng và trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp như Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Nông Quốc Chấn, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Khải, v.v. chuyên sâu, sung sức, khỏe khoắn.

Còn ở những nhà văn thường được gọi là «tiền chiến» thì sự phát triển lại gắn liền với việc từ bỏ thế giới quan và phương pháp sáng tác cũ để chuyển mình theo cách mạng, vậy mà sự phát triển cũng rất rõ rệt và phong phú. Không phải ở bất cứ nhà văn nào giai đoạn sau đều trội hơn và được công chúng ưa thích hơn giai đoạn trước, bởi vì công chúng cũng thay đổi. Ở mỗi nhà văn, nhất là ở mỗi nhà thơ, thường lại có thuở hoa niên, cái buổi ban đầu tinh khôi, tươi mát, đắm say. Mỗi nhà văn một tạng người. Mỗi nhà văn một cuộc đời. Nam Cao muốn «sống đã rồi hãy viết» lại hy sinh quá sớm khi cách mạng mới được 6 năm, khi tài năng đang hứa hẹn nhiều sau *Đời mắt*, *Ở rừng* v.v. Tiếp theo Ngô Tất Tố là Nguyễn Công Hoan, vốn là ngọn cờ của chủ nghĩa hiện thực phê phán trước Cách mạng Tháng Tám (1945); ông đã chịu ảnh hưởng của Đảng, sau thời kỳ Mặt trận dân chủ lại đâm ra bi quan, đi chệch hướng, buông xuôi, may mà gặp Cách mạng Tháng Tám nhưng cũng mãi 10 năm sau mới trở lại nghề văn... Có thể kể ra những trường hợp khác nữa. Nhưng *nói chung*, trong sự nghiệp văn học của các nhà văn «tiền chiến», phần rạng rỡ nhất và có đóng góp nhiều nhất cho cuộc đời vẫn là phần tử sau Cách mạng Tháng Tám, phần tiếp thu được đường lối văn nghệ của Đảng.

Huy Cận «khi xưa hay sầu lắm», sau Cách mạng lại tươi thắm, dạt dào «Hoa giữa cuộc đời, thơ giữa nắng». Xuân Diệu nhà thơ được hàm mộ của thanh niên thời «Thơ mới» bởi «trái tim yêu đương sôi nổi của một tâm hồn thơ lãng mạn» mà luôn cảm thấy mình như «con nai bị chiều đánh lưới», thấm lạnh nỗi chán chường cô đơn của người «kỹ nữ», làm sao quý bằng Xuân Diệu, làm thơ, viết phê bình, lý luận thơ, dịch thơ, nói chuyện thơ sau Cách mạng? Chế Lan Viên từ lòng yêu nước thuở ban đầu lạc nẻo vào những suy tưởng siêu hình, mê sảng đã trở về với dân tộc sau Cách mạng «như đò đón giêng hai, chim én gặp mùa», đem lại một phong cách thơ đa dạng, giàu trí tuệ. Sau Cách mạng, thơ Lưu Trọng Lư đậm tình nghĩa hơn, long lanh chân lý cuộc đời mới. Thơ Anh Thơ như một bông «hoa dứa nở nụ cười trắng xinh», thoát khỏi nỗi buồn ảm đạm và những trăn trở ưu tư thuở trước. Chất thép trong ngòi bút trào phúng, châm biếm của Tú Mỡ sắc lạnh hơn. Tế Hanh mở rộng và phát triển tài năng thơ ca của mình. Bùi Hiền hòa nhập dễ dàng vào cuộc sống mới, nhìn đời càng đằm thắm, sâu sắc, tin yêu. Nguyễn Tuân cố gắng phủ định cái «tôi» cá nhân chủ nghĩa ngang bướng, kênh kiệu, khiêu khích trong xã hội cũ của mình bằng những *Sông Đà* và tùy bút đánh Mỹ, trở thành một phong cách độc đáo của nền văn xuôi hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài đều khẳng định sự nghiệp và tài năng văn học của mình từ sau Cách mạng. Nguyên Hồng phát huy được tất cả những mặt mạnh của mình ngày trước trong bộ tiểu thuyết *Cửa biển* v.v.

Tất cả các nhà văn chân chính *đều đi theo cách mạng, định hướng tư tưởng nghệ thuật, phát huy bản sắc và tài năng văn học của mình trong cách mạng*. Thành công nhiều ít có thể

Digitized by Google

khác nhau, nhưng tất cả đều là những *tác giả* tiêu biểu đã sáng tạo nên những *tác phẩm* đánh dấu một giai đoạn quan trọng của nền văn học mới Việt nam được *công chúng* Việt nam tán thưởng. Vì lý tưởng cao cả cải tạo cuộc đời mà tìm đến văn chương hoặc từ sức sống kỳ diệu của văn chương mà thấy được và nêu lên nghĩa lý của cuộc đời, các tác gia của nền văn học mới Việt nam giai đoạn 1945 – 1975 là như thế.

★

Nền văn học mới Việt nam là một nền văn học lớn. Cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã định hướng, khơi nguồn, phát triển và làm chín muồi mỗi tài năng văn học. Gây được hai ấn tượng rõ rệt và tươi sáng như vậy, dù chưa trọn vẹn, *Nhà văn Việt nam (1945 – 1975)* tập 1 và tập 2 đã là một đóng góp đáng quý.

ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 37)

Theo nghị quyết của Đảng, các đơn vị quân đội ta trong đó có bộ đội Trường sơn đã nhanh chóng tiến lên các vùng đất miền Tây xa xôi, hẻo lánh. Và sau gần tám năm phấn đấu gian khổ, các lực lượng đó đã đứng vững ở những khu vực then chốt trên địa bàn chiến lược. Với sức mạnh của đạo quân xung kích trên mặt trận xây dựng địa bàn chiến lược, cùng với sự đóng góp tích cực của đồng bào các dân tộc, trong tương lai không xa, đất nước ta sẽ có hàng triệu héc ta đất khai hoang, sẽ có hàng trăm nông trường, làng xã trên cao nguyên được nối liền với nhau bằng mạng đường giao thông phát triển và thuận tiện. Như vậy, thế đứng chiến lược của con đường Hồ Chí Minh càng thêm vững chắc, vai trò chiến lược của núi rừng Trường sơn, dải đất nóc nhà của Tổ quốc trong giai đoạn mới càng có tác dụng to lớn.

Digitized by Google

LÊ QUÝ ĐÔN – NHÀ BÁC HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ XVIII

NGUYỄN TÀI THƯ

LÊ QUÝ ĐÔN (1726–1784) là một nhà bác học lớn của nước ta hồi thế kỷ XVIII. Ông sinh ở làng Diên hà, huyện Diên hà, nay là thôn Phú hiếu, xã Độc lập, huyện Hưng hà, tỉnh Thái bình và mất ở quê mẹ: làng Nguyễn xá, huyện Duy tiên, tỉnh Hà nam ninh. Từ nhỏ đã nổi tiếng thần đồng, 18 tuổi thi đỗ giải nguyên, thi hội thi đình cũng đều lần lượt đỗ đầu cả, ông làm quan đến chức bồi tụng * thời Lê–Trịnh. Bình sinh, ông những muốn làm cho dân giàu nước mạnh bằng những cải cách chính trị và đọc sách viết sách cho đời. Là nho sĩ, đại thần trung thành của họ Trịnh, ông làm sao thực hiện được những cải cách chính trị tiến bộ cần thiết? Còn như trước thư lập ngôn thì quả là ông đã nắm được phần lớn tri thức mà con người Việt nam thế kỷ XVIII có thể nắm được, để lại cho đời một kho tàng tổng hợp đồ sộ quý báu mãi mãi làm vẻ vang cho nền học thuật Việt nam.

★

Có thể nói Lê Quý Đôn là nhà bác học viết nhiều sách nhất ở thế kỷ XVIII cũng như trong lịch sử chế độ phong kiến Việt nam. Ông hiểu biết rộng và sâu. Ông là một tấm gương sáng về tinh thần học tập và lao động trí lực không mệt mỏi. Ông nói: « Biết nhiều nghe rộng mới có thể dựng nên sự nghiệp » *(Thư kinh diễn nghĩa)*. Để viết cuốn *Vân đài loại ngữ*, ông đã đọc hơn 600 cuốn sách. Ông phê phán những người lấy nê bận để từ chối việc học tập, nghiên cứu, là « hạng tục sĩ ». Ông yêu cầu phải làm chủ được thời gian của mình, « người cao minh thoát tục thì ngày nào cũng bận mà vẫn có lúc nhàn » (Tựa cho cuốn *Nghệ an thi tập* của Bùi Huy Bích). Trần Danh Lâm, một người bạn đương thời đã nhận xét: « Lê Quế Đường... không sách gì không đọc, không sự vật gì không suy xét đến cùng » (Tựa *Vân đài loại ngữ*).

Tác phẩm của Lê Quý Đôn kể có mấy chục bộ, hàng trăm thiên, gồm nhiều loại.

Về sử học, có *Đại Việt thông sử* cũng tức là *Lê triều thông sử* viết

* Một chức vụ tương tự như phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ngày nay.

Digitized by Google

năm ông 23 tuổi. *Bắc sứ thông lục* gồm các văn từ ngoại giao trong đợt ông đi sứ tới nhà Thanh. *Phủ biên tạp lục* ghi chép kỹ càng tình hình xã hội Đàng trong từ thế kỷ XVIII trở về trước. *Thề lệ thượng* trong *Kiến văn tiểu lục* viết về tổ chức và hoạt động xã hội thời Lý, Trần, Lê,... Các tác phẩm này cho ta những hiểu biết chân xác, cụ thể, nhiều tài liệu đến nay vẫn còn dày đủ giá trị. Thí dụ trong *Phủ biên tạp lục* có ghi chép về Hoàng sa và Trường sa nói lên tư cách pháp lý chủ quyền của nước Việt nam về hai quần đảo đó; trong *Kiến văn tiểu lục* có ghi tỉ mỉ những thủ đoạn xảo trá và trắng trợn truyền đời lấn chiếm biên giới nước ta của bọn phong kiến Trung quốc, như tự ý vẽ bản đồ, chôn cột mốc lấn dần vào đất Việt nam, đặt tên Trung quốc cho những đất dinh chiếm, cậy thế nước lớn bắt ép ta phải «tạ ơn» chúng về những vụ lấn chiếm trái phép của chúng. Đây là một đoạn ngắn: «Viên tổng trấn này (tổng trấn phủ Khai hóa, tỉnh Vân nam, Trung quốc) bảo với phụ đạo Hoàng Văn Chí (người nước ta) là: cứ tra cứu trong địa đồ thì từ phủ Khai hóa trở sang phía Nam đến sông Đỗ chú phải 240 dặm, chứ không phải chỉ ở chỗ này, hắn còn nhận là phải đo đến trên sông Ninh biên nữa» và bảo sông Ninh biên tức là sông Đỗ Chú ghi trong địa đồ (của chúng)! Những thủ đoạn lấn chiếm đất nước người này, ta thấy bọn bành trướng Trung quốc còn lặp lại mãi cho đến ngày nay.

Các công trình sử học của Lê Quý Đôn cho thấy một thái độ nghiêm túc, một phương pháp làm việc thận trọng, chặt chẽ, có cứ liệu đầy đủ, làm mẫu mực cho người sau như Phan Huy Chú đã nhận xét trong *Lịch triều hiến chương loại chí*.

Tư tưởng triết học và chính trị — xã hội của Lê Quý Đôn được thể hiện trong các tác phẩm: *Quần thư khảo biện, Thánh mô hiền phạm, Thư kinh diễn nghĩa*, chương *Lý khí* trong cuốn *Vân đài loại ngữ*, quyển *Chám cảnh* trong *Kiến văn tiểu lục*, v.v. Trong các tác phẩm này, Lê Quý Đôn nêu lên các mối quan hệ giữa lý và khí, giữa đức và tài, giữa học và hành, giữa cá nhân và quần chúng trong lịch sử, nêu lên vấn đề đường lối trị nước, xây dựng pháp chế... Về lĩnh vực này, ông có những hạn chế nhất định, song cũng có những yếu tố duy vật và những quan điểm tích cực. Chẳng hạn, về vai trò của dân, ông nói: «Thiên tử cùng các quan đại phu hằng ngày ăn mặc đều lấy ở dân». «Dân là gốc của nước, gốc có vững chắc thì nước mới bền»... Đứng trên lập trường của giai cấp phong kiến thống trị, Lê Quý Đôn thấy được sức mạnh của nhân dân: «Dân chúng yên thì vui sống, dân chúng không yên thì coi thường cái chết, dân chúng coi thường cái chết thì loạn ngay» (*Thư kinh diễn nghĩa*). Quan niệm về đức và tài ở ông có chiều sâu, có sự hợp lý, thí dụ ông xem «đức» không phải là những biểu hiện nhỏ nhặt, mà là ở ý chí, ở thái độ đối với công việc, «đức» không dừng lại ở lời nói mà phải thể hiện thành việc làm, «đức» phải dẫn đến «tài» và «tài» phải phát triển trên cơ sở của «đức» (*Quần thư khảo biện*). Quan niệm của ông về xây dựng pháp chế cũng có ý nghĩa đối với việc quản lý xã hội.

Về văn học, Lê Quý Đôn có công hiến cả về sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và sáng tác. Ngoài «Nhân tài và thơ văn» trong *Phủ biên tạp lục*, «Thiên chương» trong *Kiến văn tiểu lục*, «Nghệ văn chí» trong *Đại Việt thông sử* và «Văn nghệ» trong *Vân đài loại ngữ*, công trình biên soạn lớn nhất của ông về thơ văn là bộ *Toàn Việt thi lục* gồm 6 quyển, tuyển chọn 897 bài thơ của 73 tác giả nước ta từ thời Lý đến đời Lê Tương Dực (1509 — 1516). Cùng với

Digitized by Google

các cuốn *Việt âm thi tập* của Phan Phù Tiên, *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương, bộ *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn đã góp phần tập hợp và giữ gìn những bài thơ quý giá trong kho tàng văn hóa dân tộc. Về sáng tác, Lê Quý Đôn có *Quế Đường thi tập*, *Tiêu tương bách vịnh*,... Thơ ông dồi dào chất trữ tình, tự nhiên, chân thật. Phan Huy Chú nhận xét: « Ông là người học vấn rộng khắp, hạ bút thành văn. Cốt cách thơ đều trong sáng. Lời văn thì hồn nhiên như thiên thành, không cần suy nghĩ mà trôi chảy, dồi dào như sông dài biển rộng, không chỗ nào không đạt tới, thực là phong cách đại gia » *(Lịch triều hiến chương loại chí)*.

Trong các lĩnh vực dân tộc học, xã hội học, ngôn ngữ học, nông học, v.v. Lê Quý Đôn đều có những đóng góp to lớn, không thể kể hết ra đây được.

Những điều trên đây chỉ mới nói lên một phần những cống hiến của ông, nhưng qua đó cũng có thể thấy được phần nào tầm vóc con người và trí tuệ của ông. Đương thời Bùi Huy Bích đã viết trong *Văn tế Lê Quý Đôn*: « Nước ta trong vài trăm năm nay mới có một người như thầy ».

★

Lê Quý Đôn trở thành nhà bác học lớn và có nhiều cống hiến quý báu cho nền văn hóa đất nước một phần quan trọng là do ông có tinh thần và ý thức trách nhiệm trước dân tộc và quan tâm đến nhân dân.

Mặc dù có những hạn chế về giai cấp và về thời đại, Lê Quý Đôn luôn luôn nghĩ đến dân tộc, hướng về đất nước. Năm 1759, triều đình phái sứ bộ sang nhà Thanh, ông còn ít tuổi đáng lẽ không được đi, nhưng thấy đây là một dịp để hiểu người, hiểu mình, mong học được điều gì có ích cho dân tộc, cho nên ông đã tâu lên « xin vẫn được đi để xem chính sự ở Trung quốc như thế nào, xem người và cảnh vật ở bên ấy ra sao?... » *(Bắc sứ thông lục)*. Viết cuốn *Vân đài loại ngữ* là để hệ thống hóa kiến thức của nhân loại đương thời nhưng hễ có dịp là ông đề cập đến thực tế Việt nam. Ông biết và ghi chép đến 210 giống lúa ở Việt nam, kể cứu tường tận về các phẩm vật Việt nam trên rừng dưới biển, đưa ra những lời khuyên xác đáng về kỹ thuật luân canh, trình bày rõ ràng cương vực đất nước và phong tục tập quán của nhân dân các địa phương. Trong *Phủ biên tạp lục*, chẳng những lịch sử mà cả những núi sông, thành ấp, binh ngạch, thuế lệ, nhân tài, sản vật của hai xứ Thuận—Quảng đều rõ ràng như trỏ vào bàn tay. Phải nói rằng Lê Quý Đôn rất am hiểu thực tiễn Việt nam. Ông là nhà khảo cứu có nhiều kiến giải độc lập chính là nhờ ở điểm này.

Đấu tranh cho một nhận thức đúng đắn về vị trí của dân tộc ta, ông chống lại quan niệm bá quyền của bọn phong kiến Trung quốc, đòi chúng không được gọi sứ thần ta là « di quan di mục », không được dùng chữ « di » để chỉ người Đại Việt. Ông chống lại sự xuyên tạc nền văn hóa ta trong các sách sử do người Trung quốc viết. Ông cho cuốn *An nam chí* của Cao Hùng Trưng nhận định từ khi có người Trung quốc là Giải Tấn sang làm tham nghị Giao chỉ, nước ta mới có xu hướng về việc học là những lời « càn rỡ », « phù bạc », « đáng ghét » *(Kiến văn tiểu lục)*.

Nâng cao lòng tự hào và tự tôn dân tộc để đẩy lùi tâm lý tự ti dân tộc và sùng ngoại, sùng Trung quốc ở một số người Việt nam, ông đã so sánh nền văn hiến, tài năng và sản phẩm của ta và của Trung quốc. Về văn hiến, ông nói: « Nước ta hai triều nhà Lý, nhà Trần ngang vào khoảng

(Xem tiếp trang 81)

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 60 NGÀY XUẤT BẢN TẠP CHÍ *NGƯỜI CỘNG SẢN* (LIÊN XÔ)

NGÀY 23-4-1984, tại Mát-xcơ-va đã cử hành trọng thể kỷ niệm lần thứ 60 Ngày xuất bản tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô). Đến dự có đồng chí M. Go-rơ-ba-sốp, ủy viên Bộ chính trị, bí thư Ban bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô cùng nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước Liên xô. Đến dự còn có các đoàn đại biểu các tạp chí lý luận của các đảng cộng sản và công nhân các nước Bun-ga-ri, Ba lan, Cộng hòa dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Tiệp khắc, Cu-ba, Mông cổ, Triều tiên, Lào, Việt nam. Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* (Việt nam) do đồng chí Tổng biên tập Hồng Chương làm trưởng đoàn.

Nhân dịp này Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* (Việt nam) đã gửi đến Bộ biên tập tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô) bức thư sau đây:

Các đồng chí thân mến,

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 Ngày xuất bản tạp chí *Người cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Liên xô, chúng tôi kính gửi đến các đồng chí lời chào nhiệt liệt nhất.

Trong 60 năm qua tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô) luôn luôn giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác — Lê-nin, đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng tư sản và chủ nghĩa cơ hội các loại, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. Với cống hiến to lớn trong cuộc đấu tranh tư tưởng nhằm bảo vệ và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô) xứng đáng là lá cờ đầu trên mặt trận lý luận của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Từ ngày ra đời đến nay *Tạp chí Cộng sản* (Việt nam) luôn luôn được sự cổ vũ và giúp đỡ quý báu của tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô). Sự hợp tác giữa hai bộ biên tập chúng ta ngày càng phát triển và thu được những kết quả tốt đẹp. Nhân dịp này chúng tôi kính gửi đến các đồng chí lời cảm ơn sâu sắc của chúng tôi.

Chúc các đồng chí sức khỏe tốt và thu được nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong công tác.

Kính gửi đến các đồng chí lời chào cộng sản.

Hà nội, ngày 20 tháng 4 năm 1984
T.M. Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*
Tổng biên tập
HỒNG CHƯƠNG

Digitized by Google

Tạp chí tiền bối trực tiếp của *NGƯỜI BÔN SÊ VÍCH — NGƯỜI CỘNG SẢN* *

TRONG lịch sử phát sinh và phát triển của chủ nghĩa bôn sê vích, có thể nói rằng báo chí của Đảng giữ vai trò đặc biệt. Tờ *Tia lửa* (1900 — 1903), mà theo lời V.I. Lê-nin, đã tạo ra Đảng bôn sê vích, tờ *Tiến lên* (tháng chạp 1904 — tháng năm 1905), tờ *Người vô sản* (tháng năm — tháng mười 1905, tháng tám 1906 — tháng mười một 1909), tờ *Đời sống mới* (tháng mười — tháng chạp 1905), những tờ *Làn sóng, Tiến lên, Tiếng vang* (mùa xuân và mùa hè 1906), tờ *Sự thật* (1912 — 1914), tờ *Người dân chủ — xã hội* (1908 — 1917) — tất cả những tờ ấy, trong những điều kiện hết sức khó khăn, đã bảo đảm thắng lợi cho phương hướng lê nin nít trong phong trào công nhân Nga, và đã mãi mãi đi vào biên niên sử cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong nước, của toàn bộ giai cấp vô sản quốc tế như những dấu hiệu báo trước một thời đại mới — thời đại giải phóng loài người khỏi ách áp bức của tư bản. Chúng tôi nhắc lại tên của những tờ báo ấy như tên của các chiến sĩ dày dạn đấu tranh chống chế độ chuyên chế, chống sự bóc lột, của những người tuyên truyền không mệt mỏi cho chủ nghĩa Mác cách mạng, của những người tổ chức chính trị quần chúng công nhân, như những giai đoạn quan trọng trong đời sống và hoạt động của vị sáng lập Đảng ta và Nhà nước xô viết. Những tạp chí lý luận của Đảng, xuất bản dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Lê-nin — *Rạng đông, Tư tưởng, Giáo dục* và những *Văn tập của người dân chủ — xã hội* — giữ vị trí xứng đáng bên cạnh những báo hằng ngày, cơ quan trung ương của những người bôn sê vích. Chính những tạp chí ấy đã đăng những tác phẩm kinh điển của Lê-nin như « Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ — xã hội Nga », « Về việc thống kê những cuộc bãi công ở Nga », « Ba nguồn gốc và ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác », « Bút ký có tính chất phê phán về vấn đề dân tộc », « Về quyền dân tộc tự quyết », « Về khẩu hiệu « giải trừ quân bị », và nhiều tác phẩm khác.

Trong những ngày kỷ niệm lần thứ 60 Ngày xuất bản số đầu tiên tạp chí *Người bôn sê vích* (tháng tư 1924), tôi muốn lưu ý đến một trang sử tương đối ít được biết đến của báo chí đảng của chúng ta — việc Lê-nin sáng lập năm 1915 tờ tạp chí lý luận của những

* Bài của Bộ biên tập tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô)

Digitized by Google

người bôn sê vích mang tên *Người cộng sản*. Lịch sử ngắn ngủi (chỉ ra có một số kép) và bi thảm của nó là một sự kiện sáng chói về cuộc đấu tranh của Đảng chống chủ nghĩa sô vanh – xã hội và chủ nghĩa cơ hội ở Nga và trên vũ đài quốc tế, để đoàn kết tất cả các lực lượng cách mạng quốc tế chủ nghĩa.

Tháng Tám năm 1914, cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra. Nó đã để lộ bản chất xâm lược, lang sói của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời đã gây ra sự sụp đổ của Quốc tế II xuất phát từ hoạt động phản bội của ban lãnh đạo cơ hội hữu của đa số các đảng dân chủ – xã hội. Các lãnh tụ của Quốc tế II đã đưa ra khẩu hiệu bảo vệ tổ quốc tư bản chủ nghĩa của mình. Và chỉ có những người bôn sê vích, do Lê-nin lãnh đạo, là ngay từ đầu cuộc chiến tranh đã có lập trường quốc tế chủ nghĩa triệt để. Khi ở Thụy sĩ, Lê-nin đã định ra sách lược đấu tranh cách mạng trong những điều kiện mới.

Đầu năm 1915, đã thấy rõ rằng hy vọng giành thắng lợi nhanh chóng của các tập đoàn đế quốc chủ yếu đã không thực hiện được. Cả hai phía tham chiến đều bị những tổn thất chưa từng có, chiến tranh đã làm cho quần chúng lao động phải khốn khổ. Làn sóng chủ nghĩa sô vanh do giai cấp tư sản gây ra và lan đến cả một bộ phận lớn công nhân, bắt đầu suy yếu. Ảnh hưởng của các lãnh tụ cơ hội hữu trong quần chúng suy sụp một cách thảm hại ở tất cả các nước châu Âu. Còn ảnh hưởng của những người bôn sê vích thì được tăng cường cả trong nước lẫn ở nước ngoài. Bây giờ, để duy trì sự thống trị về tư tưởng của mình, ngăn chặn phong trào công nhân đang phát triển, tư bản quốc tế đặt hy vọng chủ yếu vào phái đứng giữa, mà lãnh tụ ở Đức lúc đó là K. Cau-xki, và ở Nga là L. Đ. Tơ-rốt-ki. Ngụy trang bằng những lời lẽ quốc tế chủ nghĩa giả hiệu, lên án chiến tranh trên miệng, phái đứng giữa tìm mọi cách kéo quần chúng ra khỏi hành động cách mạng, bảo chữa cho sự phản bội của bọn sô vanh – xã hội, ngăn cản việc đoàn kết các lực lượng cánh tả trong phạm vi quốc tế.

Trong hoàn cảnh ấy, mùa xuân năm 1915, Lê-nin đề nghị thành lập một cơ quan lý luận mới của những người bôn sê vích. Nhiệm vụ của nó, theo lời Lê-nin, là «đoàn kết tất cả mọi người *chống* chủ nghĩa sô vanh – xã hội và chủ nghĩa Cau-xki» (1).

Tạp chí mới phải được ban biên tập tờ báo *Người dân chủ – xã hội*, cơ quan trung ương của Đảng, xuất bản dưới sự lãnh đạo của Lê-nin.

Cái tên *Người cộng sản* đã được Lê-nin lựa chọn hoàn toàn không phải ngẫu nhiên. Ngay ngày 5 tháng chạp 1914, trong bài «Một tiếng nói Đức về chiến tranh», khi vạch trần sự phản bội của Cau-xki, Plê-kha-nốp và những người khác, Lê-nin đã viết: «Đúng, nếu như «những người dân chủ – xã hội» kiểu ấy muốn trở thành đa số và hợp thành «Quốc tế» chính thức (= một liên minh để bảo chữa trong phạm vi quốc tế cho chủ nghĩa sô vanh dân tộc) thì phải chăng tốt hơn là nên từ bỏ cái tên «Người dân chủ – xã hội» đã bị họ làm hoen ố và sỉ nhục, và trở lại cái tên gọi mác xít cũ của những người cộng sản?» (2).

Thời điểm để thực tế đặt ra vấn đề ấy lúc đó chưa đến: chỉ có đại hội hay hội nghị đại biểu Đảng toàn Nga mới có thể thay đổi tên gọi của Đảng, thế mà, lúc đó chưa thể triệu tập được. Mãi đến đầu năm 1917, trong bản phác thảo bức «Thư từ xa» cuối cùng, bức thư thứ năm, và sau đó trong Luận cương tháng tư,

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 27, tr. 280.
(2) Sách đã dẫn, tập 26, tr. 95.

Digitized by Google

Lê-nin mới đưa ra vấn đề ấy, đặt nó vào môi trường thực tế. Còn trước đó, như các nhà sử học Đảng nhận xét, Lê-nin ngày càng phổ biến từ « người cộng sản » và bằng cách ấy, chuẩn bị cho dư luận của Đảng thấy cần phải thay đổi tên Đảng (3). Đương nhiên, trong việc này, tạp chí mới của Đảng phải giữ vai trò quan trọng (nếu không phải là chủ yếu nhất). Trong thư của ban biên tập *Người dân chủ xã hội* gửi cho M.N. Pô-crốp-xki mời tham gia viết bài cho tạp chí mới, có nói : « Chúng tôi (cùng với nhóm đồng chí mới từ Nga đến) bắt đầu xuất bản tạp chí lý luận (ở nước ngoài) *Người cộng sản* (với cái tên đó, chúng tôi muốn nhấn mạnh sự gắn bó với chủ nghĩa cũ của Mác và Ăng-ghen chống chủ nghĩa Mác giả hiệu, tầm thường của Plê-kha-nốp và Cau-xki) » (4).

Đáng chú ý là lời nói đầu bài xã luận số 1, lấy từ trong « Tuyên ngôn của Đảng cộng sản » của C. Mác và Ph. Ăng ghen, đó là định nghĩa về đảng cộng sản. Ngay trong bài xã luận, những thuật ngữ « chủ nghĩa cộng sản cách mạng của Mác », « học thuyết cộng sản » của Mác và Ăng-ghen đối lập với « chủ nghĩa Mác » yêu nước — xã hội, dân tộc — tự do, đã vang lên như tư tưởng chủ đạo

Việc chuẩn bị xuất bản tạp chí *Người cộng sản* đã được triển khai từ cuối tháng tư 1915 (5). Để lưu ý tới việc xuất bản sắp tới, để đoàn kết chung quanh tạp chí tất cả những người cách mạng quốc tế chủ nghĩa chân chính, trước đó, ngay trước khi số 1 ra mắt, đã có quyết định công bố lập trường chính trị của ban biên tập. Muốn thế, bài xã luận của tạp chí nhan đề « Lời bộ biên tập » đã được in thành tờ riêng, đề ngày 20 tháng năm, và gửi về Nga theo các địa chỉ bí mật, gửi đến các trung tâm lưu vong, cho những người xã hội chủ nghĩa cánh tả của các nước châu Âu, cho các tác giả có thể có, với tính cách là « Thông báo về việc xuất bản tạp chí *Người cộng sản*. Khuôn khổ bài xã luận không lớn. Đôi khi, trong các tài liệu nghiên cứu lịch sử Đảng, nó được gọi là « Lời nói đầu » (6). Nhưng bản thân các ủy viên ban biên tập, trong thư từ trao đổi với nhau, gọi văn kiện ấy là « bài chỉ đạo ». Xem chừng, bài « Lời bộ biên tập » đã được viết ra với sự tham gia rất sát của Lê-nin (7).

Bài xã luận mở đầu bằng việc đánh giá giai đoạn độc quyền trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Ra đời một năm trước khi Lê-nin viết cuốn « Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản », nhưng bài « Lời bộ biên tập » đã đem lại một bức tranh đầy đủ về giai đoạn này của chủ nghĩa tư bản. Về thực chất, trong bài đó, tuy không dưới hình thức trau chuốt, hoàn chỉnh như trong tác phẩm kinh điển của Lê-nin, đã nêu ra ba trong năm đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc : « tích tụ lớn sản xuất, các liên minh độc quyền tập trung tư bản », mối liên hệ chặt chẽ của các ngân hàng với công nghiệp, đưa đến sự hùng mạnh của tư bản tài chính, vài cường quốc « lớn » phân chia thế giới và đấu tranh đẫm máu với nhau để tranh giành những miếng mồi béo bở nhất.

Cũng đáng chú ý là bản thân việc đánh giá chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng trong sự phát triển

---

(3) K. I. Xu-vô-rốp : *Tên gọi Đảng ta* bản tiếng Nga, Mát-xcơ-va. 1973, tr. 23.

(4) Viện lưu trữ trung ương, thuộc Viện Mác — Lê-nin, trực thuộc Trung ương Đảng cộng sản Liên xô, hồ sơ 62, tờ 4.

(5) Xem V. I. Lê-nin : *Biên niên tiểu sử*, bản tiếng Nga. Mát-xcơ-va. 1972, tập 3, tr. 337.

(6) Xem : Báo chí bôn sê vích: Lịch sử vắn tắt. 1894 — 1917, bản tiếng Nga. Mát-xcơ-va. 1962, tr. 406.

(7) Xem V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 49, tr. 501, chú thích 102.

Digitized by Google

của chủ nghĩa tư bản, và kết luận về việc tạo ra những tiền đề khách quan cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, và việc định nghĩa thời đại mới đang đến là thời đại những rung chuyển xã hội, những cuộc bãi công kinh tế và chính trị quần chúng, những cuộc cách mạng, những cuộc xung đột quân sự. Là thời đại đang đặt ra trước giai cấp công nhân quốc tế « với tinh thần yêu không cưỡng lại được vấn đề đấu tranh giành chính quyền, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, làm cách mạng xã hội chủ nghĩa ». Tiếp đó, bài xã luận đánh giá theo tinh thần lê nin nít tình hình trong phong trào dân chủ — xã hội Nga và Tây Âu, vai trò phản bội của phái đứng giữa — một sự đánh giá đã được Lê-nin mở rộng trên các trang của « Người cộng sản », trong bài « Sự phá sản của Quốc tế II ». Khi nêu ra nhiệm vụ của xuất bản phẩm mới của Đảng, bài xã luận nhấn mạnh: « Mong rằng tạp chí của chúng tôi sẽ giúp... giải thích những chân lý của học thuyết cộng sản chủ nghĩa của Mác và hiểu biết tốt hơn những nhiệm vụ của thời đại đấu tranh cách mạng sắp tới đối với giai cấp vô sản... ».

Khi nêu ra nhiệm vụ đoàn kết tất cả các lực lượng quốc tế chủ nghĩa, ban biên tập *Người cộng sản* trong bài xã luận đã kêu gọi tất cả mọi người quốc tế chủ nghĩa triệt để, không phân biệt phe phái và màu sắc hãy « đấu tranh cho những cơ sở của chủ nghĩa cộng sản cách mạng của Mác ». Nhưng quan điểm đó hoàn toàn không có nghĩa là từ bỏ những lập trường có tính nguyên tắc. Lê-nin đã kịch liệt chống lại đề nghị mời Tờ-rốt-ki hợp tác với tạp chí. Song, trái với ý muốn của Người, lời mời ấy dù sao vẫn được gửi đi, và Tờ-rốt-ki đã lợi dụng điều đó để công kích điên cuồng những người bôn sê vích, buộc tội họ và buộc tội tạp chí *Người cộng sản* còn chưa ra đời là bè phái (8). Sau đó Lê-nin lại nhấn mạnh nhiều lần rằng khi lựa chọn tác giả cần phải « *hết sức thận trọng* » (9). Nhìn chung, mặc dù có một số điểm không tốt, việc thu hút rộng rãi những tác giả mới đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa, tỏ ra là đúng. Ví dụ, Côn-lôn-tai được mời đến tạp chí, từ đó đã hoàn toàn chuyển sang lập trường bôn sê vích. Điều càng có ý nghĩa hơn là việc tổ chức tiếp xúc với nhiều người dân chủ — xã hội nước ngoài, trong đó nhiều người về sau đã trở thành bạn chiến đấu của Lê-nin khi Người cầm dấu cánh tả Xim-mec-van.

Những thư từ trao đổi giữa Lê-nin và các ủy viên ban biên tập còn giữ lại được chứng tỏ Lê-nin có thái độ chăm chú như thế nào đối với việc biên tập tài liệu, đi sâu như thế nào vào thực chất của mỗi vấn đề thoạt nhìn thấy là nhỏ. Trong những thư của mình, Lê-nin nêu ra ý kiến về cải tiến nội dung của tạp chí, của những bài nào đó (10). Không chỉ sửa các bài, Lê-nin còn viết thêm chú thích của bộ biên tập vào một số bài đó (11). Lê-nin viết cho các ủy viên ban biên tập: « Cần những sự thật. Cần tính toàn diện. Tốt hơn là hãy làm cho số 1 dày đủ hơn » (12).

Crúp-xcai-a nhớ lại rằng về tờ *Người cộng sản*, đã có... không ít những cuộc nói chuyện, những lo âu, xao xuyến (13). Cuối tháng bảy, Lê-nin ngày càng lo lắng về việc trì hoãn xuất bản *Người cộng sản* do lỗi của một số cán bộ tạp chí. Lê-nin phản ứng gay gắt đối với việc đó

(8) « Tiếng nói của chúng ta », ngày 4 tháng sáu 1915.

(9) Xem *Toàn tập*, bản tiếng Nga, tập 49, tr. 78.

(10) Sách đã dẫn, tr. 76 — 77, 79, 84, 86, 87 — 88, 90, 92 — 93.

(11) Sách đã dẫn, tr. 109 — 110.

(12) Sách đã dẫn, tr. 93.

(13) Hồi ký về V.I. Lê-nin, bản tiếng Nga, Mát-xcơ-va, 1979, tập 2, tr. 429.

Digitized by Google

trong những bức thư của mình, xem thế đủ biết rằng Vla-đi-mia I-lích coi trọng như thế nào việc xuất bản kịp thời tạp chí (14).

Lúc đầu, dự định xuất bản số đầu tiên *Người cộng sản* vào tháng tám 1915, và số 2 — tháng chín. Trong một bức thư, Crúp-xcai-a viết: «Số đầu tiên *Người cộng sản* phình to đến mức phải quyết định phân chia làm 2 và sẽ lần lượt ra mắt». Sau đó lại quyết định tập hợp cả 2 thành một số kép (số 1 — 2). Cuối cùng, công việc khẩn trương chuẩn bị số 1 của Lê-nin đã hoàn thành. Tháng chín, Người vui mừng báo tin cho V.A. Các-pin-xki: *Người cộng sản* số 1—2 đã ra mắt. Đó là *sự thật* (15).

Trong những bài đăng trong tạp chí, đáng chú ý nhất là ba bài của Lê-nin: «Sự phá sản của Quốc tế II», «Tiếng nói chân thật của một người xã hội chủ nghĩa Pháp», «Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội ở Ý». Cũng đã đăng bài «Chủ nghĩa đế quốc và những nhiệm vụ của giai cấp vô sản» của A. Pan-ne-cúc, một người dân chủ — xã hội Hà lan, bài «Sự hỗn loạn ở Anh» của Ph. Rốt-sơ-tên, bài «Tại sao giai cấp vô sản Đức im tiếng trong những ngày tháng bảy» của A. Côn-lôn-tai, bài «Chiến tranh và tài chính của Nga» của M. Brôn-xki và những bài khác. Trong phần phụ lục dưới đề mục «Những lời nói bị lãng quên», đăng những văn kiện chống chiến tranh quan trọng nhất lúc bấy giờ — «Tuyên ngôn của đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế Ba-den» và «Nghị quyết của đảng bộ Hem-nit-xơ Đảng dân chủ — xã hội Đức», được thông qua năm 1912.

Những người bôn sê vích và những người cùng chí hướng với họ ở các nước khác nhau trên thế giới chờ đón việc xuất bản tạp chí. Chẳng bao lâu, những cuốn tạp chí *Người cộng sản* bắt đầu đến Nga theo những con đường bí mật. Những tin tức về việc nhận được tạp chí đến từ khắp nơi. Cùng với những tin tức về việc nhận được tạp chí và những yêu cầu mới đối với tạp chí, bộ biên tập cũng nhận được những ý kiến đầu tiên về tác dụng của *Người cộng sản*. Trong thông báo của Sa-li-áp-ni-cốp, đại diện Cục Nga trong Trung ương gửi cho Lê-nin về chuyến đi Pê-tơ-rô-grát của mình, có nói rằng *Người cộng sản* đã gây ấn tượng mạnh. Nó được «hoan nghênh» giống như «Bạng dòng trước đây».

Những người quốc tế chủ nghĩa cánh tả ở nước ngoài cũng đánh giá cao lập trường của *Người cộng sản*. Những người dân chủ — xã hội cánh tả Đức nhiệt liệt hoan nghênh *Người cộng sản* như «cơ quan» anh em «của những người quốc tế chủ nghĩa cách mạng» (16).

Bạn đọc nóng lòng chờ đợi số mới của *Người cộng sản* nhưng nó đã không được xuất bản. Nguyên nhân là sự xung đột trong nội bộ ban biên tập. G. L. Pi-a-ta-cốp và E. B. Bô-sơ tham gia ban biên tập và đòi thọ việc xuất bản, ngay trong quá trình chuẩn bị số kép đầu tiên, đã chống lại đường lối của bộ biên tập cơ quan trung ương và tìm cách áp đặt điều kiện của mình cho Lê-nin. Sau khi tạp chí ra mắt, những bất đồng tăng thêm. Bu-kha-rin, cũng gia nhập bộ biên tập, đã vào hùa với G. L. Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ. Bộ ba ấy giữ lập trường không đúng về nhiều vấn đề có tính nguyên tắc của cương lĩnh và sách lược của Đảng — về quyền dân tộc tự quyết, về vai trò của những yêu sách dân chủ và cương lĩnh tối thiểu nói chung, và những vấn đề khác; họ ra sức lợi dụng tạp chí vì những mục đích bè phái của mình. Những lá

(14) Xem. *Toàn tập*. bản tiếng Nga. tập 49. tr. 108. 123.

(15) Sách đã dẫn. tr. 143.

(16) «Lichtstrahlen» số 1, 3, Oktober 1915. s. 15.

Digitized by Google

phiếu trong bộ biên tập phân chia làm đôi : một bên là 3 ủy viên ban biên tập *Người dân chủ — xã hội* và một bên là bộ ba : Bu-kha-rin, Pi-a-ta-cốp và Bô-sơ. Ngoài ra, nhân việc Pi-a-ta-cốp cùng với Bô-sơ đài thọ việc xuất bản tạp chí, y đã mưu đồ lợi dụng việc đó để buôn bán.

Do hành vi chống Đảng của nhóm này nên theo đề nghị của Lê-nin, ban biên tập báo *Người dân chủ — xã hội* đã tuyên bố không thể tiếp tục xuất bản tạp chí nữa. Trong thư gửi Ác-man ngày 30 tháng mười một 1916, giải thích nguyên nhân tại sao đình chỉ xuất bản *Người cộng sản*, Lê-nin viết : « Nhiệm vụ chính trị của Đảng ta đã rõ : chúng tôi *không thể trói* tay mình bằng sự cân bằng trong ban biên tập với N.I. (nghĩa là với Bu-kha-rin. — *BBT*) + Iu-ri (Pi-a-ta-cốp. — *BBT*) + E.B. (Bô-sơ. — *BBT*) (...*Người cộng sản* là tốt *chừng nào chưa có* cương lĩnh riêng của bộ ba chiếm 1/2 ban biên tập). Duy trì *sự cân bằng* cho nhóm Bu-kha-rin + Iu-ri + E.B. sẽ là sự ngu ngốc và làm hỏng toàn bộ công việc... Và nếu như họ tự cho phép đi đến sự ngu xuẩn *lập nhóm* với Bu-kha-rin, thì khi ấy cần phải đoạn tuyệt với họ, nói đúng hơn : với *Người cộng sản*. Và điều đó đã được thực hiện » (17). Cục trung ương ở Nga, sau khi nghe thông báo về những sự bất đồng trong nội bộ ban biên tập *Người cộng sản* đã tuyên bố hoàn toàn đoàn kết với ban biên tập của cơ quan trung ương *Người dân chủ — xã hội* và bày tỏ ý muốn rằng « tất cả những xuất bản phẩm của Trung ương đều phải được biên tập theo phương hướng đã được kiên trì nghiêm khắc, hoàn toàn phù hợp với đường lối của Trung ương áp dụng từ đầu cuộc chiến tranh ».

Việc Lê-nin là người khởi xướng đình chỉ xuất bản tạp chí, dương nhiên, không ngăn cản Người đánh giá cao nội dung của số đầu tiên đồng thời là số kép duy nhất *Người cộng sản*, đánh giá cao vai trò của tạp chí đó trong lịch sử Đảng ta. Không phải ngẫu nhiên mà ngay sau Cách mạng Tháng Hai, trong thư gửi Ia. X. Ga-nét-xki ngày 30 tháng ba 1917, Lê-nin viết : « Bất kể thế nào tôi cũng phải yêu cầu tái bản ở Pi-tơ *Người dân chủ — xã hội*, tờ *Người cộng sản* ở đây — dù dưới cái tên « Từ trong lịch sử chế độ Xa hoàng những năm qua »... (18). Xem chừng, đã có những biện pháp nhất định để tái bản *Người cộng sản*. Ở Viện lưu trữ trung ương thuộc Viện Mác — Lê-nin của Trung ương Đảng cộng sản Liên xô, còn giữ được một cuốn tạp chí *Người cộng sản* (biến thành cuốn sách nhỏ) mang dòng chữ « Để tái bản ở Nga ». Nhưng đã không thể tiến hành đến cùng việc đó. Những bài của Lê-nin đăng trong *Người cộng sản* đã được in lại ở Pê-tơ-rô-grát trong tập văn *Ngược dòng*.

Ngày 8 (21) tháng tám năm 1917, Trung ương Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga (b) đã thảo luận vấn đề thành lập tạp chí lý luận của Đảng. Có hai phương án đặt tên được đề nghị — hoặc là « Giáo dục », hoặc là « Người cộng sản » (19). Song lúc đó chưa thể thành lập được. Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận được tiến hành trên các trang của tờ *Sự thật* lê nin nít. Tạp chí *Vệ tinh của người cộng sản*, cơ quan của thành ủy Mát-xcơ-va, đã được xuất bản ở Mát-xcơ-va trong những năm đầu tiên sau Cách mạng.

(17) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. bản tiếng Nga, tập 49, tr. 331 — 332.

(18) Sách đã dẫn, tập 49, tr 421.

(19) Xem « Biên bản Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga — tháng Tám 1917 — tháng Hai 1918 » bản tiếng Nga, Mát-xcơ-va, L. 1929, tr. 24, 26.

Digitized by Google

Tháng mười một 1923, khi Lê-nin còn sống, đã có nghị quyết thành lập tạp chí *Người bôn sê vích*. Một năm sau khi tạp chí ra đời, Hội nghị thứ XIV của Đảng cộng sản Nga (b), trong nghị quyết «Về xây dựng đảng», đã nhận định rằng «tư tưởng thành lập một cơ quan lãnh đạo chiến đấu của Đảng (tạp chí *Người bôn sê vích*) để bổ sung cho tờ *Sự thật* là hoàn toàn chính đáng và Đảng cần phải hết sức giúp đỡ để củng cố hơn nữa tờ *Người bôn sê vích* như là một cơ quan lãnh đạo vững vàng của chủ nghĩa Lê-nin».

LÊ QUÝ ĐÔN...

(Tiếp theo trang 73)

triều nhà Tống, nhà Nguyên ở Trung quốc, lúc ấy tinh anh nhân tài, khí cách văn chương không kém gì Trung quốc» *(Kiến văn tiểu lục)*. Về tài năng, ông nêu lên có nhiều trường hợp Trung quốc phải học tập, như nhà Tống Trung quốc phải học cách tổ chức quân đội của nhà Lý Việt nam, nhà Minh phải học cách chế súng thần cơ của người Việt nam là Hồ Nguyên Trừng, hoặc nêu lên Nguyễn An là một người Việt nam đức cao tài giỏi đã có công sắp đặt, xây dựng thành hào Bắc kinh vào thời nhà Minh. *(Kiến văn tiểu lục)*. Về sản vật, ông nói rằng ở nước ta có nhiều sản vật tốt quý như trầm tốc, quế, dàn hương... mà phương Bắc thường hâm mộ. Những điều mà Lê Quý Đôn dẫn ra trên đây là có thật, xuất phát từ sự thật chứ không phải xuất phát từ lòng vị kỷ dân tộc mà bịa đặt ra. Ông hết lời ca ngợi những anh hùng của dân tộc, những nhân tài của đất nước, ở Đàng ngoài cũng như ở Đàng trong. Ông thích thú dẫn những văn thơ dân tộc «trình bày công việc vừa lịch duyệt, vừa lão luyện, thổ lộ lời văn vừa cứng cáp, vừa vui tươi, có phần làm mạnh được quốc thể» *(Kiến văn tiểu lục)*. Ông xót xa than tiếc khi thấy di sản văn hóa dân tộc bị mất mát đi quá nhiều. Ông ghi chép tỉ mỉ với giọng văn đầy cảm uất về quá trình bọn bành trướng Trung quốc lấn chiếm đất Tụ long của ta v.v.

Thời đại Lê Quý Đôn sống là thời đại mâu thuẫn giữa giai cấp phong kiến thống trị và các tầng lớp nhân dân đã phát triển đến mức độ gay gắt, thời đại sôi động của các cuộc khởi nghĩa nông dân, thời đại hoang mang và bất lực của tập đoàn thống trị Lê – Trịnh. Là một trí thức yêu nước Lê Quý Đôn không oán thời, không lánh đời, trái lại thấy có trách nhiệm phải góp phần làm cho dân giàu nước mạnh.

Lê Quý Đôn đã đi nhiều trên đất nước ta lúc bấy giờ, từ Tây Bắc, Đông Bắc, đến Thanh Nghệ và Thuận Quảng. Đến đâu ông cũng điều tra, nghiên cứu, ghi chép với con mắt của nhà dân tộc học và xã hội học. Thực tế và cách làm đó đã có tác động trở lại làm phong phú tri thức của ông và nâng cao tinh thần trách nhiệm của ông đối với đất nước, với dân tộc, với nhân dân.

Lê Quý Đôn xuất hiện trước chúng ta với hai tư cách: nhà bác học và con người yêu nước. Với tư cách nhà bác học, ông đã làm vẻ vang cho dân tộc; với tư cách con người yêu nước ông đã làm lợi cho dân tộc. Cả hai tư cách đó đã cổ vũ nhiều thế hệ trước đây, cũng có tác dụng tốt đối với chúng ta ngày nay, những người đang thực hiện khẩu hiệu hành động cách mạng của Đảng: «Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân».

Digitized by Google

Thực chất tình hình hiện nay ở Đông Nam châu Á

PHẠM BÌNH

HƠN bốn mươi năm qua, Đông Nam châu Á là khu vực duy nhất trên thế giới không có hòa bình. Chiến tranh và khủng hoảng liên tiếp diễn ra ở khu vực này, trong đó có cuộc chiến tranh mà số lượng bom đạn lớn hơn cả số bom đạn dùng trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Chấm dứt tình hình này, biến Đông Nam châu Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác, đó là mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nhưng làm thế nào đạt được điều đó, lại có những bất đồng. Bất đồng lớn nhất giữa các nước Đông Nam châu Á, đặc biệt là giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông dương là về nguyên nhân của tình hình Cam-pu-chia hiện nay và về mối nguy cơ đối với Đông Nam châu Á. Muốn hiểu nguyên nhân và thực chất của tình hình Cam-pu-chia thì không thể tách nó khỏi toàn bộ các vấn đề của Đông Nam châu Á. Cũng như muốn hiểu thực chất các vấn đề của Đông Nam châu Á thì không thể tách Đông Nam châu Á hiện nay với lịch sử hai nghìn năm của nó, đặc biệt là bốn mươi năm từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Đồng thời cũng cần xem xét cả diễn biến tình hình 5 năm qua ở khu vực này

Chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc là một mối nguy cơ lâu đời nhất và tồn tại dai dẳng nhất trong lịch sử loài người. Đã hai nghìn năm nay, nó là mối đe dọa liên tục đối với các nước Đông Nam châu Á. Từ thế kỷ thứ nhất trước công nguyên, Trung quốc đã đặt tất cả các nước Đông Nam châu Á dưới bá quyền của chúng và đến nay vẫn coi Đông Nam châu Á là khu vực ảnh hưởng của mình. Sự đe dọa của Trung quốc đối với khu vực này chỉ bị gián đoạn khoảng một trăm năm vào thế kỷ 19 khi bản thân Trung quốc bị các nước đế quốc phương Tây biến thành nước nửa thuộc địa. Thực dân Mỹ, Pháp, Anh, Hà lan, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha cũng đã xâm chiếm và thay nhau thống trị các nước Đông Nam châu Á. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật bản thay thế các đế quốc phương Tây thống trị Đông Nam châu Á. Sau khi phát xít Nhật bản bại trận, các nước

Digitized by Google

thực dân phương Tây quay lại xâm lược các nước Đông Nam châu Á, chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở vùng này. Lợi dụng sự thất bại và suy yếu của các đế quốc phương Tây, Mỹ trực tiếp nhảy vào Đông Nam châu Á và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam đẫm máu nhất trong lịch sử. So với sự đe dọa trong mấy nghìn năm của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc, các thế lực thực dân, đế quốc phương Tây thống trị các nước Đông Nam châu Á trong một thời gian ngắn hơn. Sau khi bị thất bại, các nước đế quốc đều buộc phải rút khỏi khu vực này và tìm cách trở lại bằng cách khác. Khác với các thế lực đó, Trung quốc và Nhật bản nằm ngay sát cạnh các nước Đông Nam châu Á. Trước mắt cũng như tương lai, hai thế lực này chưa từ bỏ tham vọng bành trướng và bá quyền ở vùng này.

Thực tiễn lịch sử chứng tỏ, các thế lực bành trướng, bá quyền và thực dân, đế quốc bao giờ cũng tập trung sức đàn áp nhân dân những dân tộc có tinh thần yêu nước mạnh mẽ nhất để dễ bề khống chế toàn bộ Đông Nam châu Á. Từ hai nghìn năm nay, Trung quốc đã tập trung sức xâm lược và can thiệp chống Việt nam, Miến điện và In-đô-nê-xi-a và coi Việt nam là đối tượng chinh phục chủ yếu. Trung quốc đã thống trị Việt nam trong hơn một nghìn năm và một nghìn năm sau đó đã mười lần xâm lược Việt nam. Trong hai nghìn năm qua, không một nước nào ở Đông Nam châu Á bị Trung quốc thống trị và xâm lược nhiều lần như Việt nam. Kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, ba nước Đông dương và In-đô-nê-xi-a là những nước sớm nhất trên thế giới đứng lên dùng bạo lực cách mạng để giành độc lập. Vì thế mà bọn thực dân, đế quốc phương Tây đã quay lại hòng đặt ách đô hộ lên các nước này một lần nữa. Theo gót phương Tây, đi đôi với việc xâm nhập và phá hoại tất cả các nước Đông Nam châu Á, chủ nghĩa sô vanh đại Hán tập trung mũi nhọn chống phá ba nước Đông dương và In-đô-nê-xi-a. Với thắng lợi của ba nước Đông dương và In-đô-nê-xi-a, phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam châu Á phát triển mạnh mẽ đã buộc các nước đế quốc trao trả độc lập cho các nước khác ở Đông Nam châu Á.

Các thế lực thực dân và đế quốc phương Tây hy vọng đánh bại phong trào độc lập của Việt nam và các nước Đông dương, từ đó mà dễ bẹp phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam châu Á. Chống lại một phong trào giải phóng mạnh mẽ và có ảnh hưởng lớn như vậy, các thế lực nói trên sẽ gặp nhiều khó khăn nếu không sử dụng được một số nước trong khu vực tiếp tay cho chúng.

Chúng đặc biệt lợi dụng tham vọng bành trướng của Thái-lan đối với các nước láng giềng, trước hết là với Lào và Cam-pu-chia, để kéo Thái-lan vào chính sách xâm lược của chúng, sử dụng lãnh thổ Thái-lan để chống các nước láng giềng. Trong lịch sử, Thái-lan đã từng xâm lược tất cả các nước láng giềng ở lục địa Đông Nam châu Á, đã từng thống trị Lào, Cam-pu-chia và Ma-lai-xi-a. Đồng thời, Thái-lan luôn luôn câu kết với các nước ngoài để thực hiện bá quyền và bành trướng đối với các nước láng giềng. Bọn phong kiến Trung quốc đã câu kết với phong kiến Thái lan đánh Miến điện, đánh Việt nam vào thế kỷ thứ 18. Thái lan đã câu kết với Anh đánh Miến điện vào đầu thế kỷ 19. Giữa thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20, Thái-lan công nhận sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với Cam-pu-chia, Lào và Việt nam để đổi lấy việc Pháp công nhận việc Thái-lan thôn tính một phần lãnh thổ của Cam-pu-chia và của Lào. Trong chiến tranh thế giới

Digitized by Google

thứ hai. Thái-lan là đồng minh châu Á duy nhất của Nhật bản trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, Anh, Pháp ở Thái bình dương và trong chiến tranh xâm lược của Nhật bản ở Đông Nam châu Á. Nhật bản đã cắt một số lãnh thổ của Lào, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a và Miến điện đem cho Thái-lan để thưởng công.

Năm 1954, sau khi Pháp bị thất bại ở Đông dương, Thái-lan và Phi-líp-pin đã câu kết với Mỹ, Anh, Pháp và Pa-ki-xtan lập ra khối quân sự SEATO chống ba nước Đông dương. Trụ sở của khối SEATO đóng ở Băng-cốc và tổng thư ký khối này là người Thái-lan. Trong chiến tranh xâm lược ba nước Đông dương, Mỹ đã sử dụng các căn cứ quân sự trên đất Thái-lan, đưa quân đội Thái-lan vào Lào chống nhân dân Lào, vào miền Nam Việt nam chống nhân dân Việt Nam và dùng Thái-lan chống lại nền trung lập của Cam-pu-chia.

Từ năm 1979 đến nay, Thái-lan lại câu kết với Trung quốc để chống ba nước Đông dương. Lịch sử hầy thế kỷ tồn tại của Thái-lan là lịch sử Thái-lan câu kết với các nước ngoài khu vực Đông Nam châu Á chống tất cả các nước láng giềng ở lục địa Đông Nam châu Á, là lịch sử bành trướng và bá quyền của Thái-lan. Thái-lan là nước Đông Nam châu Á duy nhất có nhiều vấn đề lịch sử nhất với các nước láng giềng.

Năm 1945, Việt nam và In-đô-nê-xi-a giành được độc lập, mở đầu sự kết thúc của hai nghìn năm các nước Đông Nam châu Á bị lệ thuộc và bị nước ngoài thống trị. Thắng lợi của ba nước Đông dương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nước đế quốc hung mạnh nhất, lại là một cái mốc đánh dấu sự lớn mạnh vượt bậc của lực lượng độc lập và hòa bình, mở ra cục diện cùng tồn tại hòa bình giữa các nước Đông Nam châu Á. Xu thế này đã được tướng Đờ Gôn nhận biết từ sớm khi ông ta đề ra vấn đề trung lập hóa Đông Nam châu Á năm 1966. Và cũng trên cơ sở so sánh lực lượng mới ở Đông Nam châu Á, năm 1971, các nước ASEAN đã đề ra việc lập khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam châu Á. Từ năm 1973, nhiều nước ASEAN đã đặt quan hệ ngoại giao với Lào và Việt nam. Sau khi Mỹ buộc phải rút quân khỏi Việt nam và lục địa Đông Nam châu Á, Trung quốc đã dùng tập đoàn Pôn-Pốt làm công cụ chủ yếu chống ba nước Đông dương và đẩy mạnh chính sách bá quyền và bành trướng ở Đông Nam châu Á.

Thắng lợi của ba nước Đông dương năm 1979 là thất bại nghiêm trọng nhất của chủ nghĩa bành trướng, bá quyền Trung quốc ở Đông dương và Đông Nam châu Á. Thắng lợi này đã củng cố xu thế hòa bình, độc lập, cũng như xu thế cùng tồn tại hòa bình ở Đông Nam châu Á.

Nhìn lại tình hình ở khu vực Đông Nam châu Á trên quan điểm lịch sử và tổng thể, thấy nổi bật lên 5 đặc điểm :

Nguy cơ đe dọa độc lập của các nước Đông Nam châu Á, phá hoại hòa bình, ổn định ở khu vực này đều xuất phát từ các thế lực thực dân, đế quốc, quân phiệt và bá quyền bên ngoài khu vực. Giữa các nước Đông Nam châu Á có những vấn đề lịch sử, như giữa Thái-lan với các nước Đông dương, với Miến điện, với Ma-lai-xi-a, những vấn đề về biển Đông; những bất đồng về vấn đề Cam-pu-chia, về vấn đề Đông Ti-mo... Nhưng những bất đồng đó đều rất nhỏ nếu đem so với những mâu thuẫn giữa các nước Đông Nam châu Á với các thế lực đế quốc, thực dân, quân phiệt và bá quyền bên ngoài khu vực.

Ba nước Đông dương là nạn nhân chủ yếu của các cuộc xâm lược, can thiệp và đô hộ từ bên ngoài. Trên thế giới chưa có nước nào bị nước ngoài

Digitized by Google

thống trị hàng nghìn năm như Việt nam. Cũng chưa có nước nào phải chịu nhiều cuộc chiến tranh xâm lược kéo dài và chịu nhiều bom đạn như Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Sự xâm lược và can thiệp của các thế lực thực dân, đế quốc và bành trướng bên ngoài chống các nước Đông dương và phá hoại hòa bình, ổn định ở Đông Nam châu Á sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự ủng hộ và sự cho phép sử dụng lãnh thổ của một số nước, đặc biệt là Thái-lan.

Các thế lực đế quốc và bành trướng luôn luôn dùng chính sách chia để trị, gây đối đầu giữa các nước ở Đông Nam châu Á, đặc biệt là giữa các nước ASEAN và các nước Đông dương.

Lực lượng độc lập, hòa bình ở Đông Nam châu Á sau chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng phát triển và đã đủ mạnh để đánh bại những cuộc chiến tranh xâm lược dài nhất, đẫm máu nhất, cũng như tất cả mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự của ba đế quốc lớn nhất (Mỹ, Anh, Pháp) và của thế lực bành trướng, bá quyền lớn nhất (Trung quốc).

Năm năm qua ở Đông Nam châu Á nổi lên cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia. Lúc đầu nhiều người còn nhầm lẫn, nhưng thực tiễn 5 năm qua đã làm sáng tỏ thực chất của vấn đề này.

Để che đậy ý đồ bành trướng và bá quyền đối với Đông Nam châu Á, nhà cầm quyền Bắc kinh vu cáo Việt nam xâm lược Cam-pu-chia, là « tiểu bá » tay sai của « đại bá » Liên xô, thực hiện bành trướng ở khu vực, đe dọa an ninh của các nước ASEAN. Họ lặp lại hoàn toàn các thủ đoạn của các nước đế quốc trước đây. Khi Pháp xâm lược Việt nam, Pháp nói là để ngăn chặn sự xâm lược của chủ nghĩa cộng sản ở khu vực này và Việt nam là tay sai của Liên xô và Trung quốc. Mỹ đã dựng lên sự kiện Vịnh Bắc bộ và nói là tiến hành chiến tranh ở Việt nam để ngăn chặn sự xâm lược của chủ nghĩa cộng sản và Việt nam là tay sai của Liên xô và Trung quốc.

Sự thật là hơn 30 năm qua, nhất là sau thất bại của Mỹ năm 1975, Trung quốc đã tìm cách khuất phục Việt nam và Lào làm công cụ cho chiến lược của họ. Nhưng Bắc kinh đã thất bại. Vì vậy họ tìm hết cách nắm Cam-pu-chia để chia rẽ ba nước Đông dương, làm bàn đạp cho Trung quốc thực hiện bành trướng ở Đông Nam châu Á. Với sự xúi giục và khuyến khích của Trung quốc, từ năm 1975 đến năm 1978, bọn Pôn Pốt liên tục khiêu khích và xâm nhập lãnh thổ Việt nam, tàn sát nhân dân Việt nam, từ chối mọi đề nghị đàm phán hòa bình của Việt nam. Cuối năm 1977, chúng cắt quan hệ ngoại giao với Việt nam, tập trung 19 trong tổng số 23 sư đoàn ở biên giới Việt Nam — Cam-pu-chia, tiến hành cuộc chiến tranh toàn tuyến biên giới tháng 12-1978 với ý đồ chiếm một phần lớn đất đai của Việt nam, uy hiếp trực tiếp thành phố Hồ Chí Minh.

Phối hợp với các hoạt động chống Việt nam của bọn Pôn Pốt, từ đầu năm 1978, Trung quốc gây ra vấn đề « nạn kiều » ở Việt nam, cắt viện trợ, rút chuyên gia và tập trung một số quân đông ở biên giới Trung quốc — Việt nam, tiến hành các vụ khiêu khích vũ trang.

Trước tình hình đó, phía Việt nam kiên trì giải quyết bằng thương lượng hòa bình. Tiếp theo một loạt đề nghị đàm phán hòa bình, ngày 5-2-1978, Việt nam đưa ra đề nghị ba điểm giải quyết hòa bình vấn đề xung đột giữa hai nước, đồng thời thông qua ông Tổng thư ký Liên hợp quốc và Hội nghị ngoại trưởng các nước không liên kết họp ở Hê-ô-grát tháng 7-1978 để tìm kiếm sự hòa giải giữa Việt nam và Cam-pu-chia.

Mọi cố gắng hòa bình của phía Việt nam đều không đưa lại kết quả.

Digitized by Google

Tháng 11-1978, chính phủ Mỹ nêu vấn đề tập trung quân đội ở biên giới Cam-pu-chia — Việt nam ra Hội đồng bảo an Liên hợp quốc; bọn Pôn Pốt đã kiên quyết bác bỏ việc Hội đồng bảo an thảo luận vấn đề này. Trong lúc đó, lực lượng quân sự của Pôn Pốt và Trung quốc tạo thành hai gọng kìm đe dọa nghiêm trọng an ninh của Việt nam.

Sử dụng quyền tự vệ chính đáng của mình, cũng giống như trước đây Liên xô, Mỹ, Anh đã sử dụng quyền tự vệ chống phát xít Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai, đồng thời đáp lời kêu gọi của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, để cứu nhân dân Cam-pu-chia khỏi họa diệt chủng, tháng 1-1979, Việt nam phải quân tình nguyện cùng nhân dân Cam-pu-chia dập tan chế độ diệt chủng, chấm dứt sự kiểm soát của Trung quốc đối với Cam-pu-chia, đánh bại kế hoạch của Trung quốc xâm lược Việt nam từ hai phía, loại trừ một nhân tố gây mất ổn định ở khu vực này.

Cùng với việc vu cáo Việt nam xâm lược Cam-pu-chia, Trung quốc ôm ấp hy vọng rằng Việt nam sẽ bị nhân dân Cam-pu-chia chống lại và bị sa lầy như Mỹ đã bị sa lầy và thất bại ở Việt nam. Sự thật diễn ra khác hẳn. Quân đội Việt nam ở Cam-pu-chia được nhân dân Cam-pu-chia hoan nghênh và yêu mến vì đã cứu họ khỏi họa diệt chủng, họ muốn quân đội Việt nam ở Cam-pu-chia trong thời gian cần thiết để ngăn chặn bọn Pôn Pốt trở lại.

Đây là lần thứ ba, Việt nam đưa quân sang Cam-pu-chia cùng nhân dân Cam-pu-chia chống kẻ thù chung, giành và giữ độc lập cho mỗi nước. Hai lần trước, Việt nam đã rút hết quân tình nguyện về nước sau khi Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh cũng như sau khi Mỹ buộc phải chấm dứt xâm lược. Lần này, Việt nam cũng sẽ rút hết quân tình nguyện về nước sau khi Trung quốc chấm dứt đe dọa, chấm dứt dùng lãnh thổ Thái-lan chống ba nước Đông dương, chấm dứt dùng Pôn Pốt chống nhân dân Cam-pu-chia. Trong khi chờ đợi việc rút toàn bộ, Việt nam đã hai lần trong hai năm qua đơn phương rút một bộ phận quân về nước và hàng năm cùng Cộng hòa nhân Cam-pu-chia xem xét việc rút một bộ phận quân. Việc rút quân bộ phận chứng tỏ Việt nam không thể rút ngay hết quân để Trung quốc đưa bọn tay sai Pôn Pốt trở lại Cam-pu-chia, nó cũng chứng tỏ Việt nam không phải bị sa lầy, không rút được quân. Việc này nói lên sức mạnh hồi sinh của nhân dân Cam-pu-chia. Thực tế đó cũng nói lên rằng Việt nam tôn trọng độc lập chủ quyền của Cam-pu-chia.

Với luận điệu vu cáo Việt nam xâm lược Cam-pu-chia, Bắc kinh hy vọng rằng việc lập ra «chính phủ liên hiệp ba phái» ở Cam-pu-chia do Xi-ha-núc đứng đầu, sẽ xoay chuyển được tình thế ở Cam-pu-chia. Nhưng bọn Pôn Pốt trá hình này đã bị nhân dân Cam-pu-chia ghê tởm và phản đối. Thực tế hai năm qua, sau khi cái gọi là chính phủ liên hiệp ra đời, đã chứng minh lời thú nhận của Xi-ha-núc là nếu ông ta liên hiệp với Pôn Pốt thì sẽ là tự sát về chính trị. Cái gọi là chính phủ liên hiệp đó bao gồm tất cả những kẻ đã bị cuộc sống thực tế ở Cam-pu-chia lần lượt đào thải trong hơn mười năm qua, nó làm sao có thể tồn tại được. Ba phái này chém giết lẫn nhau và chỉ gặp nhau như những con rối khi Đại hội đồng Liên hợp quốc họp.

Nhân dân ba nước Đông dương đều nhận thức sâu sắc rằng vì Trung quốc dùng tập đoàn Pôn Pốt để chia rẽ ba nước Đông dương, cho nên nhân dân Cam-pu-chia đã bị thảm họa lớn nhất trong lịch sử là nạn diệt chủng. Đó là thời kỳ khó khăn nhất của ba nước Đông dương. Đồng thời, do có

Digitized by Google

sự đoàn kết giúp đỡ nhau giữa các nước Đông dương, cho nên nhân dân Cam-pu-chia đã được cứu thoát khỏi nạn diệt chủng và nhân dân ba nước Đông dương vượt qua được những khó khăn lớn nhất. Đó là ý nghĩa lịch sử của tình đoàn kết nhân dân ba nước Đông dương. Trung quốc luôn luôn vu cáo là Việt nam dựng lập cái gọi là « Liên bang Đông dương », nhưng ai cũng biết rằng sức mạnh của tình đoàn kết giữa ba nước Đông dương là dựa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước.

Năm năm qua, Bắc kinh luôn nói vấn đề Cam-pu-chia là vấn đề giữa Việt nam và các nước ASEAN và dùng vấn đề Cam-pu-chia để đẩy các nước ASEAN chống các nước Đông dương. Nhưng khi các nước ASEAN và các nước Đông dương muốn đàm phán thì Trung quốc lại chống. Trong khi đó, Trung quốc đòi đàm phán với Liên xô về vấn đề Cam-pu-chia và coi việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia là điều kiện chủ yếu trong ba điều kiện để cải thiện quan hệ với Liên xô. Trong đề nghị 5 điểm công bố ngày 1-3-1983, Trung quốc cũng coi Cam-pu-chia là vấn đề chủ yếu để cải thiện quan hệ với Việt nam mà không có vai trò của ASEAN.

Như vậy trong hành động, Trung quốc coi Cam-pu-chia là vấn đề giữa Trung quốc với Liên xô, là vấn đề giữa Trung quốc với các nước Đông dương. Mặt khác, trong cuộc thương lượng Trung — Xô cũng như trong đề nghị 5 điểm của Trung quốc, Bắc kinh không hề đả động đến vai trò của các nước ASEAN đối với vấn đề Cam-pu-chia. Ai cũng biết trong 5 năm qua, tình hình Cam-pu-chia và Áp-ga-ni-xtan là hai nội dung chủ yếu của sự câu kết giữa Trung quốc với Mỹ nhằm chống Liên xô. Rõ ràng Trung quốc đã lợi dụng vấn đề Cam-pu-chia để kiếm chác trong quan hệ của Trung quốc với Mỹ. Đây là thủ đoạn đẩy người khác « đánh » để họ « đàm » mà Trung quốc thường dùng từ trước đến nay.

Thực tiễn 5 năm qua cho thấy rõ thực chất của « vấn đề Cam-pu-chia » không phải là vấn đề Việt nam xâm lược Cam-pu-chia, không phải là vấn đề giữa các nước ASEAN và các nước Đông dương, không phải là nguyên nhân làm mất ổn định ở Đông Nam châu Á. Cái gọi là vấn đề Cam-pu-chia, sự đối đầu giữa hai nhóm nước ở Đông Nam châu Á, cũng như tình hình không có hòa bình và ổn định ở khu vực này chỉ có một nguyên nhân. Đó là do Bắc kinh muốn gây rối loạn ở Đông Nam châu Á để thực hiện chính sách bành trướng và bá quyền của họ ở khu vực này. Đó cũng là do Trung quốc muốn dùng cuộc khủng hoảng ở Đông Nam châu Á làm công cụ phục vụ chiến lược của họ câu kết với Mỹ chống Liên xô và cách mạng thế giới để thực hiện « bốn hiện đại hóa », nhằm nhanh chóng trở thành siêu cường, mưu đồ bá vương trên toàn thế giới.

Đáng chú ý là các nước ASEAN vẫn thường nói là không để Trung quốc chi phối Cam-pu-chia như trước và không để cho bọn Pôn Pốt trở lại cầm quyền, và có quan tâm đến lợi ích an ninh của Việt nam. Nhưng các nước ASEAN lại đòi Việt nam đơn phương rút quân trong khi Trung quốc được tự do đe dọa, uy hiếp an ninh của Việt nam, được tự do sử dụng lãnh thổ Thái-lan để chống phá ba nước Đông dương, Pôn Pốt được tự do hoành hành chống nhân dân Cam-pu-chia. Các nước ASEAN đề nghị đưa quân đội của 6 nước ASEAN và Việt nam vào chiếm đóng Cam-pu-chia thay cho quân tình nguyện Việt nam. Nhưng ai cũng biết 6 nước ASEAN ủng hộ cái gọi là chính phủ liên hiệp chống lại chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Quân đội của 6 nước

Digitized by Google

ASEAN vào Cam-pu-chia sẽ giúp bọn chúng tìm cách tiêu diệt chính quyền nhân dân Cam-pu-chia. Chắc chắn rằng nhân dân Cam-pu-chia sẽ chống lại một cách kiên quyết. Trong tình hình đó, Việt nam nhất định phải ủng hộ chính quyền nhân dân Cam-pu-chia. Như vậy giải pháp của ASEAN sẽ biến « vấn đề Cam-pu-chia », một vấn đề giữa Trung quốc và các nước Đông dương, thành cuộc xung đột quân sự giữa các nước ASEAN và các nước Đông dương. Lập trường thù địch của phần lớn các nước ASEAN đối với ba nước Đông dương trong bốn mươi năm qua càng làm cho giải pháp nói trên của các nước ASEAN rất đáng nghi ngờ.

Rõ ràng mọi giải pháp cho các vấn đề Đông Nam châu Á đều phải tính đến những đặc điểm của khu vực này và thực tế tình hình 5 năm qua. Những giải pháp xuất phát từ các nhận thức và luận điểm sai lầm đều dẫn đến chỗ bế tắc.

Xuất phát từ đặc điểm và thực tế tình hình Đông Nam châu Á, một giải pháp cơ bản, toàn diện và lâu dài cho các vấn đề ở vùng này phải đưa đến việc chấm dứt sự xâm lược và can thiệp từ bên ngoài vào, rút tất cả quân đội và căn cứ quân sự nước ngoài khỏi Đông Nam châu Á; tôn trọng độc lập, chủ quyền của ba nước Đông dương và các nước khác ở Đông Nam châu Á; chấm dứt việc một số nước trong khu vực, đặc biệt là Thái-lan để lãnh thổ của mình cho nước ngoài sử dụng chống lại nước thứ ba ở Đông Nam châu Á; trước mắt, Thái-lan phải chấm dứt việc câu kết với Bắc kinh, việc để cho bọn Pôn Pốt và các thế lực phản động khác của Cam-pu-chia ẩn náu trên đất Thái-lan gây mất ổn định ở Cam-pu-chia nói riêng và Đông Nam châu Á nói chung; các nước Đông Nam châu Á chống âm mưu chia rẽ của bên ngoài, cùng tồn tại hòa bình và giải quyết các bất đồng bằng thương lượng hòa bình, cùng nhau phấn đấu nhằm biến Đông Nam châu Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác.

Tình hình phát triển 40 năm qua ở Đông Nam châu Á đã tạo đầy đủ khả năng cho các nước trong khu vực phấn đấu cho những mục tiêu cao cả đó. Tuy nhiên trong khi chưa đạt được một giải pháp toàn bộ như trên, các nước Đông Nam châu Á cần tăng cường đối thoại, tìm kiếm những giải pháp bộ phận có thể thực hiện được, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho một giải pháp toàn bộ ở Đông Nam châu Á, ngăn chặn các thế lực đế quốc, bành trướng lợi dụng bất đồng giữa các nước Đông Nam châu Á, làm cho tình hình xấu đi, dẫn đến chỗ bùng nổ không kiểm soát được.

Đứng trước nguy cơ Trung quốc câu kết với đế quốc Mỹ và Nhật bản trong những năm từ nay đến hết thế kỷ 20, các nước Đông Nam châu Á cần phải sớm có hòa bình và hợp tác với nhau để xây dựng đất nước.

Những vấn đề có tầm vóc chiến lược nói trên sẽ thử thách các nước Đông Nam châu Á, đòi hỏi các nước trong khu vực phải giải quyết với tinh thần trách nhiệm cao những vấn đề hiện tại ở Đông Nam châu Á, vì lợi ích của mỗi nước và vì một Đông Nam châu Á hòa bình, ổn định, phồn vinh.

Digitized by Google

« ТАПЧИ КОНГШАН » № 6 – 1984

ПЕРЕДОВАЯ – Усиливать контроль за претворением в жизнь резолюций и директив Партии. Речь товарища Чыонг-Тиня на торжественном собрании, посвященном 30 – летию победы под Дьенбьенфу ★★★ – Новые преступления китайских реакционеров. ДАНГ ХЫУ – Ускорить научно-технический прогресс во всех отраслях народного хозяйства. ФАН ХЬЕН – Новые сдвиги в работе по правовому строительству в нашем государстве. ВЬЕТ ФЫОНГ – Тропа Хо Ши Мина – подвиг стратегического значения. НГУЕН ТАЙ ТХЫ – Ле Кюи Дон – вьетнамский ученый XVIII в. Празднование 60 – летия со дня издания журнала « Коммунист » (СССР). « Коммунист – непосредственный предшественник « Большевика » ». ФАМ БИНЬ – Суть нынешнего положения в Юго-Восточной Азии.

REVIEW OF COMMUNISM N° 6-1984

Editorial – Strengthening the control over the implementation of Party's resolutions and instructions ★ Speech made by Comrade Truong-Chinh at the 30th anniversary of the Dien Bien Phu victory. ★ ★ ★ – The new crimes of the Chinese reactionaries. *ĐẶNG HỮU* – Speeding up the development of science and technology in the national economy. *PHAN HIỀN* – A new step forward in building our State laws. *VIỆT PHƯƠNG* – The Ho Chi Minh trail – an outstanding strategic exploit. *NGUYỄN TÀI THƯ* – Le Quy Don – a Vietnamese scientist of the 18th century ★ The 60th anniversary of the publication day of the Soviet review « The Communist » ★ The direct forerunner of « The Bolshevik » – « The Communist » *PHẠM BÌNH* – The heart of the matter in the present situation in Southeast Asia.

REVUE DU COMMUNISME N° 6-1984

Editorial – Renforcer le contrôle de l'exécution des Résolutions et Directives du Parti ★ Discours prononcé par Truong-Chinh à la célébration du 30e anniversaire de la victoire de Dien Bien Phu ★ ★ ★ – Nouveaux crimes des réactionnaires chinois. *ĐẶNG HỮU* – Impulser les progrès scientifiques et techniques dans l'économie nationale. *PHAN HIỀN* – Un nouveau pas dans l'élaboration des lois de notre Etat. *VIỆT PHƯƠNG* – La piste Ho Chi Minh – un exploit miraculeux d'importance stratégique. *NGUYỄN TÀI THƯ* – Le Quy Don – un érudit vietnamien du XVIIIe siècle ★ 60e anniversaire de la Revue *Le Communiste* (Union Soviétique). « *Le Communiste* », revue précurseur de « *Le Bolchévisle* ». *PHẠM BÌNH* – La réalité de la situation actuelle en Asie du Sud – Est.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 6-1984

Editorial – Intensificar el control del cumplimiento de las resoluciones y directivas del Partido ★ Discurso del camarada Truong-Chinh leido en ocasión del 30 aniversario de la victoria de Dien Bien Phu. ★ ★ ★ – Nuevos crimenes de los reaccionarios chinos. *ĐẶNG HỮU* – Impulsar los progresos cientifico-técnicos en la economia nacional. *PHAN HIỀN* – Nuevos pasos de progreso en la construcción legislativa de nuestro pais. *VIỆT PHƯƠNG* – La pista Ho Chi Minh – una maravillosa hazaña de carácter estratégico. *NGUYỄN TÀI THƯ* – Le Quy Don – el sabio vietnamita del siglo XVIII ★ El 60 aniversario de la revista soviética *El Comunista* ★ *El Comunista* – la revista predecesora de *El Bolchevique*. *PHẠM BÌNH* – El quid de la actual situación en el Sureste de Asia.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 6

1984

NĂM THỨ XXX (342)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP:

1, Nguyễn Thượng Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRỰ TẠI MIỀN NAM:

19, Duy Tân, T. P. Hồ Chí Minh

Dây nói: 25768, 22010

MỤC LỤC

Xã luận — Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng 1

Diễn văn của đồng chí Trường-Chinh đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện biên phủ 6

★ ★ ★ — Tội ác mới của bọn phản động Trung quốc 17

ĐẶNG HỮU — Đẩy nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân 19

PHAN HIỀN — Bước tiến mới trong công tác xây dựng pháp luật của Nhà nước ta 25

VIỆT PHƯƠNG — Đường Hồ Chí Minh — một kỳ công chiến lược 32

Tư liệu ★ *THẾ TẬP* — Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội thứ năm của Quốc tế cộng sản (1924) 38

Nghiên cứu ★ *QUYẾT TIẾN* — Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp 41

Trao đổi ý kiến *về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện* ★ *TRƯỜNG AN* — Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở An nhơn. *HOÀNG CÔNG CHẠM* — Từ một huyện nông nghiệp tiến lên thành một huyện có cơ cấu kinh tế nông — lâm — ngư — công nghiệp toàn diện. *CAO SĨ KIÊM* — Thái thụy đang cố gắng khai thác tiềm năng kinh tế của huyện miền biển 48

LÊ XUÂN VŨ — Cách mạng và sự nghiệp văn học của một thời đại, của mỗi nhà văn 65

NGUYỄN TÀI THƯ — Lê Quý Đôn — nhà bác học Việt nam thế kỷ XVIII 71

Kỷ niệm lần thứ 60 Ngày xuất bản Tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô) 74

Tạp chí tiền lỗi trực tiếp của *Người bôn sê vích* — *Người cộng sản* 75

PHẠM BÌNH — Thực chất tình hình hiện nay ở Đông Nam châu Á 82

Digitized by Google

Digitized by Google

中國書公司
.IU PUB. SERVICE

Các bạn tìm đọc:

V. I. LÊ-NIN

– Về chủ nghĩa quan liêu

VŨ OANH

– Hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp các tỉnh Nam bộ

THẠCH TOÀN

– Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN DUY THÔNG

– Bàn về cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta

★★★

– Chính sách, biện pháp phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và quản lý xuất nhập khẩu

– Về cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế thế giới mới

– Chủ nghĩa xét lại về triết học (Tập I)

X. G. IU-RƠ-CỐP

– Châu Á trong các kế hoạch của Bắc kinh

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 2đ5

16 4305 C
Digitized by Google

Digitized by Google

Berkeley
LIBRARY OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA
Digitized by Google

GENERAL LIBRARY - U.C. BERKELEY
B000280363
Digitized by Google

Digitized by Google